LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 180

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

SỐ 2035
(QUYỂN 21 →54)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2035

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

- Nhà Tống, Năm Canh Định, đất Bốn Minh, Đông hồ.

- Sa-môn Chí Bàn soạn

QUYỂN 21

VII : TẠP TRUYỆN CÁC SƯ

A. Tịnh Giác, Nhân Nhạc Pháp sư.

(Đời thứ hai): Ngô Hưng Tử Phưởng Pháp sư.
Tiền Đường, Khả Cửu Pháp sư.
Tiền Đường, Huệ Cần Pháp sư.
Trát Xuyên, Từ Phạm Pháp sư.
Trát Xuyên, Oánh Kha Pháp sư.
Vĩnh Gia, Nãi Nhân Pháp sư.
Siêu Quả, Linh Chiếu Pháp sư.
Khu Mật Sứ Hô Túc.

***B. Thần Trí Tòng Nghĩa Pháp sư*.**

(Đời thứ hai): Tuệ Nguyệt Liễu Duệ Pháp sư.
Thảo Am, Đạo Nhân Pháp sư.
(Đời thứ 2): Tân Am, Hữu Luân Pháp sư.
Quảng Thọ, Pháp Nhân Pháp sư.
Tứ Minh, Đạo Thời Pháp sư.
Nho Sĩ, Thuật Am Tiết Trừng

****

Viết về Tạp Truyện là chép các việc chưa được thuần chính của Các Sư, cho nên Tịnh Giác thì có Bối Tông Lục, Thần trí thì có Phá Tổ Lục, Thảo Am thì có Thất Tư Lục. Có người bảo rằng: Đời ngài Pháp Trí trước sau đều do dị thuyết mà có, đâu phải tất cả đều là tạp truyện? Song Sư Chiêu và Sư Viên của Tứ Minh thì không có thế hệ thầy trò nối giữ nhau, người đời sau thường ghép chung với phái Sơn Ngoại cũng đủ để răn bảo rồi. Đến như con cháu của Pháp Trí lúc làm thuyết Nghịch Lộ chưa quá tệ như Tịnh Giác Thần Trí, chúng ta cầu mong họ không giống như thế. Ta chỉ nêu ở đây hai người làm đầu.

1. PHÁP SƯ NHÂN NHẠC

Sư họ Khương, người ở Trát Xuyên, tự hiệu là Tiềm Phu. Sư nghe ngài Pháp Trí hoằng hóa ở Nam Hồ, bèn đến nương học. Khi đi ngang cầu Thủy Nguyệt, Sư quăng chiếc mũ xuống nước thề rằng: Nếu học không thành, nhất quyết không bước qua cầu này nữa. Khi đến, Sư được ngài Pháp Trí quý trọng. Ở nhà phía Đông đến sáng trắng vẫn còn đốt đèn chuyên chú nghiền ngẫm nghĩa lý. Thư nhà gởi đến đều ném ở đầu giường không hề mở xem. Nhân khi ra ngoài khất thực, ngồi thuyền trên sông, Sư nằm yên duỗi chân tự được rỗng suốt, như cột buồm gẫy mà bay trên hư không. Mỗi khi thỉnh ích thì Sư dùng lời văn hàm súc để cởi bỏ thắc mắc, đánh tan nghi ngờ, chúng thấy phong cách ấy đều kính sợ. Lúc đó Sư Chiêu lược bỏ Quang Minh Huyền, không dùng Quán tâm, thì Sư theo giúp ngài Tứ Minh soạn ra Vấn Nghi Thư để trình bày. Ngài Tứ Minh đặt ra Diệu Tông và Tiêu Phục Tam Dụng, có Nhuận Sư làm quyển Chỉ Hà để vấn nạn, thì Sư viết quyển Chỉ Nghi Quyết Mô để sửa lại. Ngài Tứ Minh nói về Biệt Lý Tùy Duyên, có Tề Sư làm Chỉ Lạm cho là sai quấy, thì Sư soạn quyển Thập Nạn để phù trợ ngài Tứ Minh. Do khen ngài Tứ Minh có đạo lực nên sau này Sư đã cùng mười đồng chí tu Thỉnh Quán âm Tam-muội. Nhân có bệnh nên Sư về ẩn cư ngồi yên trong tịnh thất mơ màng như tỉnh mộng, tự bảo các điều học được đều không, bèn soạn Tam Thân Thọ Lượng Giải để vấn nạn về Diệu Tông, thấy không còn hợp đạo nữa. Sư bèn trở về Linh sơn ở Triết Dương xin ngài Từ Vân thu nhận vào hàng nối pháp. Ngài Tứ Minh soạn thêm Thập Tam Liệu Giản để bài bác. Sư bèn viết Thượng Thập Gián Tuyết Báng, hai bên đối đáp qua lại không thôi (thấy rõ trong Bản Kỷ ngài Tứ Minh). Gặp năm Chiêu Khánh, Quan Phủ có thỉnh ngài Từ

Vân làm thi đưa tiễn, học trò bỏ theo đến phân nửa, ngài Từ Vân vẫn không ngăn cản. Khi đó Sư dời về Thạch Bích, rồi đến Linh Chi. Bấy giờ ngài Pháp Trí đã viên tịch. Sư ở giữa chúng khoe rằng: Chỉ có vấn nạn mà giết được Sư Tứ Minh, có ai dám hướng về Linh Chi mà khai khẩu chăng? Có người ở Nhân Hành mời Sư về ở Tịnh Xã tại Vĩnh gia. Sư ở đó suốt mười năm hoằng hóa rất hưng thịnh. Khi tuổi già Sư trở về quê. Quan thú Tạp Xuyên thỉnh Sư làm chủ Tường Phù. Quan Sát Sứ là Lưu Tòng Quảng tâu về Triều, vua sai Xu Mật Sứ là Hồ Túc ban hiệu cho Sư là Tịnh Giác. Buổi vãng niên Sư chuyên tu tịnh nghiệp, đốt ba ngón tay cúng Phật, giữ giới hạnh rất nghiêm. Không vì sự việc mà đổi tiết. Sư xây cất Ẩn Luân Đường Hưu Thất để ẩn cư. Mùa xuân năm Trị Bình thứ nhất, Sư gọi môn nhân bảo rằng: "Ngày mai đúng ngọ ta sẽ ra đi." Quả nhiên Sư viết kệ để lại rồi ngồi yên mà hóa, lúc đó là ngày hai mươi lăm tháng ba. Tháp thờ toàn thân Sư ở góc Tây của Hà Sơn. Người nối pháp của Sư là nhóm Phạm Từ Nãi Nhân đều là bậc mô phạm một thời ở đời. Đối với Lăng-nghiêm, Sư dụng ý rất đạt, gom nhặt các thuyết viết bộ Hội Giải mười quyển, Huân Văn Ký năm quyển (giải thích việc tự viết Hội Giải), Lăng-nghiêm Văn Cú ba quyển. Để trình bày về năm lớp Huyền Nghĩa thì có Lăng-nghiêm Thuyết Đề. Nói về ý chỉ Tu chứng thì có Lăng-nghiêm Sám Nghi. Sư lại soạn quyển Phúng Diễn Chi Pháp để nói về cách đọc chú, các loại nhịp điệu chương khúc... Sư lại soạn: Kim Cang Bát-nhã Sớ hai quyển, Phát Chẩn Sao năm quyển (giải thích việc viết Kim Cang Sớ), Di-đà Kinh hai quyển, Chỉ Quy Ký hai quyển (giải thích việc viết Di-đà Kinh Sớ). Văn Tâm Giải hai quyển (giải thích Bất Nhị Môn), Tạp Lục Danh Nghĩa mười hai quyển, Nghĩa Học Tạp Biên sáu quyển. Như Ý Luân Khóa Pháp, Niết-bàn Lễ Tán Văn, La-hán Lễ Tán Văn, Nam Sơn Lễ Tán Văn, Thí Thực Tu Tri, Tỳ-đàm Thất Hiền Thất Thánh Đồ, Khởi Tín Lê Tà Sinh Pháp Đồ, mỗi thứ nhất quyển. Thiền Môn Xu Yếu, Tịnh Danh Tinh Anh, Đại Luận Xu Tiết, Đại Luận Văn, Thiều Khê Giảng Ngoại Tập, Song Án Ký, Chư Tử Tạp Ngôn Sử Tủy.

Lời ghi rằng: Núi nào làm nơi tu thiền mà đất tháp lại đổi làm vườn rau. Sau đó chúng trong chùa nằm mộng thấy Sư về báo rằng: "tháp ở nơi không tiện việc tắm rửa, xin dời tháp nơi khác." Kịp khi mở khám thì thấy nhục thân Sư không hư rã và xá-lợi rất nhiều, bèn sắm đủ lễ mà dời thân chôn nơi khác. Đây so với việc dời tháp của ngài Thần Chiếu ở Đông Sơn rất giống nhau đều là lúc chôn để nguyên nhục thân và có cùng một điềm báo mộng linh ứng như nhau, dù cách hơn hai trăm

năm, lạ thay!

Luận rằng: Tông Thiên thai cho rằng những ai học về Hoa Nghiêm Duy Thức là khác với Tông mình, bởi vì tôn chỉ của họ không nhận phép tắc của Giáo Quán lúc đó mà thôi. Sư Tịnh Giác lúc đầu đã theo học Phái Sơn Gia rất cố gắng và làm bài Chỉ Nghi Quyết Mô Thập Mô Chiết Nạn để cố sức bài bác ngài Tứ Minh rất mạnh. Một hôm thầy trò không hợp nhau nữa bèn gấp rút làm Dị Thuyết Thọ Lượng. Thậm chí còn làm Thập Gián Tuyết Báng kháng biện mãi không thôi. Trước đó giúp nhau sau lại phản nghịch, đó là lỗi lắm vậy, thế thì có khác gì với người học khác Tông? Cha làm thì con thuật. Đã gọi là phản Tông thì còn gì là nối pháp. Nên đặt ông vaò Tạp Truyện cũng đủ trừng phạt rồi. Song ở đây nói là Pháp Duệ cũng là giữ gìn Tông Cương mà thôi. Nếu dùng Phật Nhãn mà xét thì các Thánh hiền hoằng đạo cũng có ức chế hay phô bày xen nhau, đâu thể định là hơn kém. Như Điều-đạt và ma Ba-tuần đều dùng đại quyền mà thị hiện tà kiến, đâu nên lấy lục tình mà suy tính cái tà ấy. Thế nên khi luận về Tịnh Giác thì nên lấy ý này mà soi sáng.

2. PHÁP SƯ TỬ PHƯỞNG

Sư người Ngô Hưng, vua ban hiệu là Phổ Chiếu. Sớm nương ngài Tịnh Giác. Đề cao Giáo tông căn cứ vào Thiền Kinh mà viết Định Tổ Đồ bài bác sách Phó Pháp Tạng cho rằng nên đem đốt bỏ. Sư viết Tổ Thuyết để binh vực. Ba năm sau Tung biết Thiền Kinh có chỗ không thông, vội nói rằng: Việc truyền chép có chỗ nhầm lẫn. Sư lại viết quyển Chỉ Ngoa để bài bác, đại ý rằng: Theo Tung thì lập hai mươi tám Tổ, vọng căn cứ vào Thiền Kinh để mê hoặc thiên hạ, che bai Phó Pháp Tạng là sách nói xằng. Đây là do Trí Cự đời Đường viết Truyện Bảo Lâm. Nhân Thiền Kinh có chín Tổ, vị thứ tám tên là Đạt-ma-đa-la, vị thứ chín tên là Bát-nhã Mật-đa-la, Trí Cự thấy hai chữ Đạt-ma có âm giống nhau bèn đổi làm Đạt-ma mà thêm hai chữ Bồ-đề để sau Bát-nhã Đa-la. Lại lấy hai chữ Bà-xá-tư-đa và Bất Như Mật-đa ở chỗ khác, nối tiếp hai mươi bốn vị, gồm chung lại thành hai mươi tám Tổ. Trước Cự đã ghi sai, sau này Tung lại giúp thêm sự lầm lạc, cùng làm rối loạn Chánh giáo, gây lầm lỗi Thiền Tông, ta đã từng đối mặt bài bác nhưng Tung không biết thẹn. Lại căn cứ vào Tăng Hựu, Tam tạng Ký Truyện về Luật Tổ nối nhau năm mươi ba vị, người sau rốt tên là Đạt-ma-đa-la mà Trí Cự chép là Đạt-ma ở Triều Lương, không biết rằng ghi chép của Tăng Hựu là ghi người hoằng Luật của Tiểu thừa. Cự và Tung đã coi trọng Thiền là Đại thừa thì sao lại lấy Luật Sư Tiểu thừa làm Tổ?

Huống chi Thiền Kinh lại không có tên hai mươi tám Tổ, cùng với Tam tạng Ký nói là Thiền Thanh văn Tiểu thừa mà thôi. Cự và Tung đều không có giáo nhãn, vừa thấy chữ Thiền liền nhận là Tông mình. Ấy là đã lầm nhận lấy Đạt-ma ở Triều Lương là người chỉ truyền Thiền Pháp Tiểu thừa để vu cáo Tiên Thánh, thật tội không phải nhỏ vậy.

3. PHÁP SƯ KHẢ CỬU

Sư họ Tiền, người Tiền Đường. Đầu năm Thiên Thánh, Sư do lễ Đàm Ân mà được độ và học giáo quán với Sư Tịnh Giác, nhưng không có chí xuất thế, chỉ thích làm thơ cô luật. Thuở Tô Thức cai trị Quận, đã từng làm bạn thơ với Sư và Tuệ Cần Thanh Thuận ở tại Tường Phù Tây hồ. Sư ở đấy với một ngôi thất trống trải, an bần lạc đạo, không chút sầu não. Khi Tô Thức trấn thủ Tiền Đường, vào đêm Nguyên Tiêu nhân xem hội Hoa Đăng, bỏ người theo hầu, Thức một mình ghé vào thất Sư thì đèn đuốc tối om chỉ nghe hương thừa lãng đãng. Thức để thơ khen ngợi có câu rằng: Không cần lưu ly chiếu sáng Phật, mới biết vô tận vốn không đèn. Bồ Tông Mạnh tập họp các thi hữu cổ kim ở Tiền Đường, đến xin các nguyên tác của Sư. Sư bảo: Hứng làm thơ rồi bỏ có lưu giữ làm chi! Người nghe được đều quý trọng Sư. Khi vãng niên Sư ở ẩn, tiễn khách không ra khỏi cửa, lánh mình an tọa, quán tưởng huân tu. Như thế hơn mười năm. Ngoài song chỉ có chuối vài gốc, trúc xanh trăm cây, đạm bạc như thế. Một hôm Sư gọi người đến bảo: Ta chết rồi thì chuối và trúc cũng chết theo và Trạch Anh Công cũng không còn. Chưa bao lâu thì mọi việc đều đúng cả. Người đều cho là lạ.

4. PHÁP SƯ LINH CHIẾU

Sư họ Lô, người ở Lan Khê. Song thân mất từ bé, bèn xin phép anh đi xuất gia. Người anh để ba cuộn dây ra bảo rằng: “Hãy cột mấy sợi dây này vào mình và ông cùng dây đều tan nát rồi muốn gì tùy ý!” Sư vui vẻ vào rừng lấy dây mây cột thành bó để trước anh thưa rằng: “Nếu quả tình anh cho xuất gia thì lấy dây này trói em lại, dầu nát thân cũng không tiếc!” Người anh không ngăn nữa. Sư liền đến chùa Bảo tuệ, nguyện không ngủ, chỉ thắp hương lễ tụng. Tụng chưa tròn một năm thì đã thông suốt Pháp Hoa Quang Minh. Đến tuổi trưởng thành thì Sư thi Kinh, quan Hữu Ty mừng thưởng cho một bảng riêng. Khi thọ giới Cụ túc xong Sư liền đến Tiền Đường nương Hương Nghiêm Trạm Sư học giáo quán. Mấy năm sau bèn đến Ngô Hưng nương Sư Tịnh Giác, cửa nẻo một nhà thảy đều thông suốt. Lúc đầu Sư ra làm chủ Giải Không ở Ngô sơn, rồi dời về Cảnh Đức. Khoảng năm Hy Ninh lại dời

về Siêu Quả ở Vân Gian. Từ năm Nguyên Phong về sau, vào mỗi đầu năm Sư thường kết hội Tịnh Độ tu suốt bảy ngày, người tham dự có đến hai vạn. Niệm Phật có nhiều điềm linh ứng không thể chép hết. Sư có lần mộng thấy ba Thánh hiện đến, Sư đảnh lễ và quỳ gối bạch rằng: Linh Chiếu một đời, tụng kinh Đại thừa, cầu sinh an dưỡng, được thỏa nguyện chăng? Đức Quan Âm bảo rằng: “Tịnh Độ không xa, có nguyện liền sinh.” Sư lại tụng kinh đến khuya chợt mộng thấy Đức Phổ Hiền hiện thân. Bèn phát tâm tạo tượng ngài và tụng kinh muôn bộ để trang nghiêm Tịnh báo. Mùa Đông năm Nguyên Phong thứ năm, Sư có bệnh, bèn gọi thị giả đến bảo rằng: Hẹn sinh An Dưỡng của ta đã đến. Sư bèn nằm quay đầu về hướng Bắc, mặt ngó hướng Tây, xếp chân mà hóa. Khi trà-tỳ thì mùi hương lạ xông lên, xá-lợi rất nhiều. Tháp Sư ở góc Đông nam của viện.

5. HỒ TÚC

Ông tự Võ Bình, người ở Tấn Lăng Thường Châu, học vấn văn chương người đương thời rất nể trọng. Năm Trị Bình thứ ba, do Xu Mật Phó Sứ ra trấn thủ Hàng Châu, thường đến yết kiến ngài Nam Nhạc học hỏi diệu đạo, giữ lễ thầy trò. Nhưng Sư vẫn ngồi yên không hề lẫn tránh.

6. PHÁP HOA TÙNG NGHĨA

Sư họ Diệp, người ở Bình Dương Ôn Chi. Năm mười bảy tuổi Sư học thông Pháp Hoa, được độ và học Phù Tông. Sư làm chủ Đại Vân và năm ngọn Bảo Tích. Thường sợ Tông khác chỉ tin ở lòng mình mà viết các Bổ Chú Tập Giải biện rõ các chỗ, như luận về Hiền Thủ vọng nhận về Hoa Nghiêm, bàn về Từ Ân chuyên dùng Duy Thức, nói về Tổ Thừa không có hai mươi tám Tổ, định rằng Đạo gia thuộc về Nho gia... Lời là Lý đều thiết thực giá trị, được đời tin cậy (thấy rõ trong Chư Tông Lập Giáo Chí). Lúc về già Sư ở Thọ Thánh tại Tú Chi mà phát huy Tông Giáo. Mùa Xuân năm Nguyên Hựu thứ sáu, Sư có bệnh liền đến giường nằm thế cát tường nghiêng hông bên phải mà hóa. Chôn xá-lợi tại Bảo Tạng ở Tiền Đường, Thụy phong Sư là Thần Trí. Hiến Sư Lưu Đảo ghi lại hạnh nghiệp của Sư nói: Sư ngay thẳng thanh bạch, không dối theo người, sáng suốt về Tam Quán, ham trước thuật. Quá Ngọ không ăn, không nói lời phi pháp, luôn nằm nghiêng hông phải, nước không lọc không uống, thường đi bộ, ngồi đứng vững vàng ngay thẳng. Không hề quy lụy hàng công khanh, Sư đáng gọi là bậc Hiền vậy.

Trước thuật của Sư gồm: Đại Bộ Bổ Chú mười bốn quyển, Thuận Chánh Ký ba quyển (giải thích Quang Minh Huyền), Tân Ký bảy quyển (giải thích Quang Minh Văn Cú), Vãng Sinh Ký bốn quyển (giải thích Quán Kinh Sớ), Viên Thông Ký ba quyển (giải thích Bất Nhị Môn), Toản Yếu sáu quyển (giải thích Nghĩa Lệ), Tập Giải ba quyển (giải thích Tứ Giáo Nghi), Ngụ Ngôn bốn quyển (giải thích Kim Ty), Tịnh Danh Lược Ký mười quyển, Sưu Huyền ba quyển (nói chung về Giáo Nghi).

Luận rằng: Thần Trí theo Phù Tông xem Tứ Minh là Tổ tiên mình, nhưng đối với chỗ lập nghĩa thì chỉ trích dữ dội. Cách ông này năm mươi năm thì lập thuyết đã định, nhưng đặc biệt về dị thuyết phá hoại Tổ Nghiệp thì thuộc hàng bất tiếu lớn, không thể so sánh với những kẻ đương thời như Cô Sơn, Tịnh Giác một bên dìm xuống, một bên đề cao. Thuộc hàng Phò Tông cũ nên nay truất bỏ đi mà đem vào Tạp Truyện để nêu rõ phép nhà hãy còn đó.

7. PHÁP SƯ LIỄU DUỆ

Sư người Gia Hưng, hiệu Tuệ Nguyệt, học giáo nổi tiếng, từ lâu nương ngài Thần Trí ở Thọ Thánh. Ở đất Tú có nhà học sĩ mời ngài Thần Trí đến cầu bệnh, Sư cùng theo đến. Khi trở về Thần Trí quở rằng: Ông là người thuần hậu nên ta dắt theo, cớ sao ở nhà người thế gian mà ông ở bên trái quất mắt nhìn sang phía phải? Sư bèn tạ lỗi mãi không thôi. Ngài Thần Trí hỏi: Há ông chẳng thấy gì ư? Sư nói nhỏ: Có một con ma cái ở trên giường bệnh khi thấy Sư vào liền bỏ chạy người ta đã đóng cửa nên ma theo kẻ vách chui ra, con bất chợt quay đầu thấy thế. Ngài Thần Trí bảo: Ta cũng thấy thế. Rồi người kia hết bệnh. Khi ngài Thần Trí tịch rồi thì Sư nối tiếp ở Giảng tòa. Người họ Vương ở Tư Khê có người con gái chết, thỉnh Sư thí thực. Nhưng nước sông đóng băng nên thuyền không đi được, bèn sai người đến báo. Sư bảo lập tòa ở trước hộc, rồi đứng trên thuyền mà hướng về đó chú nguyện. Nửa đêm thấy một cô gái lên thuyền thưa rằng: “Xin tạ ân Sư truyền giới pháp nên đã được siêu thoát.” Bèn để lại đôi hài rồi biến mất. Hôm sau Vương Quân đến thuyền, kinh ngạc bảo: “Đây là đôi hài đã liệm chung với con gái tôi lúc chết.”

8. PHÁP SƯ ĐẠO NHÂN

Tự hiệu là Thảo Am, họ Tiết, người ở Tứ minh, xem Xáng Pháp sư dưới tòa ngài Pháp Trí là Thúc Tổ. Khi sắp đẻ Sư, bà mẹ mộng thấy

Xáng Pháp sư vạch màng bước vào. Khi thức dậy thì sinh. Có người khám phá biết Sư là hậu thân của Xáng Pháp sư là vì trong bàn tay Sư có một dấu tròn như chiếc vòng đeo tay, dưới bàn chân có nét ngoằn ngoèo hình đôi cá rất rõ ràng. Năm mười bảy tuổi Sư thọ giới Cụ túc. Sư ngồi Hạ ở Nam Hồ, khi có người hỏi về Giáo nghĩa thì Sư từ từ giải thích khớp đúng với Văn, người hiểu biết cho là Sư có học từ kiếp trước. Khi ngài Minh Trí ở Bảo Vân thì Sư đến học. Rồi Sư đi tham vấn khắp các Giáo trường, các thiền thất. Nhân đọc Chỉ Yếu Sao, Sư có ngộ nhập sâu sắc. Lúc đầu Sư ra làm chủ Thiền Duyệt, nối thẳng ngài Tứ Minh (Thảo Am Lục Tự Pháp Văn nói rằng: Ba lần vào Thiền thất, năm phen lên giảng đường, trước sau gần gũi với tám Thiện tri thức, đầu là hàng sáng suốt cao quý, có Đức có danh ngôn. Nhưng duyên không ở đó, như ném đá vào nước. Một nén hương này kính thỉnh đời thứ nhất là Tôn giả Pháp Trí, để báo đáp pháp ân. Song còn thì noi theo người, mất thì noi theo sách. Còn như không chấp nhận thì cũng không tiếc công gõ nhịp). Sau đó Sư dời về Bảo Vân ở Vĩnh Minh, Trị Bình ở Quảng Thọ. Lúc tuổi già, Sư về làm chủ Diên Khánh, học trò đầy nhà. Ngày mười bảy tháng tư năm Càn Đạo thứ ba, Sư giả biệt đồ chúng bảo rằng: “Hoa Nghiêm thế giới rỗng rang sáng suốt rất hợp với mong ước của ta, nay ta sắp đi đây”. Rồi Sư đọc bài Di-đà Tán rằng:

Vô biên biển cõi, biển hàm không
Biển không toàn là Liên hoa cung
Liên cung đầy khắp cả biển không
Biển không hiện dáng Di-đà ông!
A-di-đà Phật không sinh diệt
Khó tìm khó lấy trăng trong nước
Dứt quấy lìa câu đó là thân
Như thế cảm thông nói như thế.
Ta cùng Di-đà vốn không hai
Vọng biết ngầm sinh bỗng có hai
Từ nay quét sạch không trần cấu
Cha con tự tại gặp nhau hoài!
Nguyện tu ba phước, chuyên sáu niệm
Thân, khẩu, ý nghiệp không tỳ vết.
Ta nay chuyên niệm hiệu Di-đà
Không thấy Di-đà vẫn không nản.

Khi nói lời tán xong, Sư theo chúng niệm danh hiệu Phật mấy trăm tiếng và tụng Quán Kinh đến chỗ: Thượng phẩm thượng sinh thì

im tiếng mà hóa. Để hơn ba ngày mà đảnh đầu và chân vẫn còn ấm. Táng toàn nhục thân Sư ở Tổ Tháp. Sư có đạo mạo rất nghiêm nghị. Có người nói về tài biện thuyết của Sư như "Cá hóa rồng." Sư từng viết: "Quan Chánh Luận" để sửa sai những lỗi lầm của người tu thiền. Sư đã ba lần đến hành cung của vua dâng lên Tể Tướng Tần Cối ba bức thư nhưng không thấy trả lời, Sư bèn qua sông trở về. Sau Tần Tướng xem thư thì cả kinh định đến gặp nhưng Sư đã đi rồi. Ngày Sư còn ở Nam Hồ đã soạn ra Bổ Chánh Giải để bài bác Luật Sư về lỗi đã hiểu lầm Quán Kinh. Sư có chí khí mạnh mẽ vì pháp như thế. Sư từng ở Thảo Am tại Thành Nam, nhân đó đặt tự hiệu là Thảo Am.

Luận rằng: Thảo Am lúc đầu theo học với ngài Minh Trí, nhân đọc chỉ yếu có tỉnh ngộ, nhưng lại tự bảo là hậu thân của Văn Xáng nên kính mộ thờ ngài Tứ Minh. Nhưng Tứ Minh là La-hầu-la, chưa từng nghe nói là người nối pháp của Phật. Nếu Sư Thảo Am kế thừa thì Sư là anh của Quảng Trí và cháu của Minh Trí. Đâu lại kính cẩn thờ cháu làm Thầy ư? Có hai mươi bốn Tổ ở Tây Trúc là từ Kim Khẩu Phật nói ra đều có trước sau. Nếu bảo ngài Bắc Tề nối xa Tổ Long Thọ thì đây là lúc đầu mới lập Quán không phải là Sư Thảo Am bắt chước người trước. Cho nên ngài Kính Am luận rằng: Một nhà Giáo Quán tất có truyền thụ cho nhau, đâu có thể rối loạn khiến mất đầu mối. Huống chi lúc đương thời đã có lời chê trách Tứ Minh có ý vươn cao xa nối chín Tổ. Bảng xếp Tổ hệ cũ đối với Tứ Minh không phải là bản ý của Thảo Am, mà bảng xếp Tổ hệ mới của Tứ Minh cũng không tránh được việc trái với công luận. Nên nay đặt Sư ở Tạp Truyện thì cũng đủ làm mất đầu mối.

9. PHÁP SƯ HỮU LUÂN

Sư họ Vương, người Tứ minh, thọ nghiệp ở Thọ Thánh Tiểu Khê, tự hiệu là Tân Am. Từ lâu theo học với ngài Thảo Am, sau phân tòa giảng đạo ở Hồ nam rất đúng ý chỉ. Tuổi về già, Sư làm chủ Nguyệt Ba, học trò đông đảo tin phục. Nhóm theo Bách Đình cũng đều kính cẩn thọ nghiệp. Ở chung một nhà nhưng không thấy Sư đi tiểu tiện, ai cũng lấy làm lạ. Có người hỏi duyên cớ thì Sư từ chối không đáp.

10. PHÁP SƯ PHÁP NHÂN

Sư tự hiệu là Khô Tâm, họ Cố, người ở Từ Khê Tứ Minh. Sư theo học với ngài Thảo Am mà thấu suốt ý chỉ. Vì có tâm giống thầy nên người thời đó gọi Sư là Tiểu Nhân, Sư làm chủ Quảng Thọ suốt ba mươi năm. Ngày đêm diễn giảng chưa từng nghỉ một ngày. Mỗi khi thí chủ

đến thì Sư kính cẩn thẹn thùng than rằng: Phép của Tỳ-kheo là khất thực mà sống, ta là người gì đây mà ngồi không nhận lấy của người làm lụng khổ cực, bèn trả lại, bất đắc dĩ lắm mới nhận lấy chút ít. Chỗ ở hư nát có người muốn xây mới, Sư bảo: Thân này còn vô thường sao lại chuộng ngoại vật. Một hôm Sư bảo tập chúng nghe giảng, Thị giả thưa: Chúng đi dự trai Tăng chưa về. Sư bảo: "Chư Thiên trên không trung đang muốn nghe pháp vậy đâu cần phải tập chúng", bèn tự đánh trống rồi lên tòa giảng kinh. Tháng tám năm Thiệu Hy thứ tư, Sư có bệnh, khi nhập định Sư thấy hai vị Bồ-tát ở Tịnh Độ, bèn gọi thị giả bảo rằng: "Ta thấy Pháp Hoa đạo tràng rất khác với chỗ thấy bình thời. Ta sắp đi rồi đây." Sư liền tập chúng tụng Quán Kinh, niệm danh hiệu Phật, viết kệ để lại rồi ngồi thẳng kiết ấn mà hóa. Táng nguyên nhục thân Sư ở phía Đông chùa.

11. TIẾT TRỪNG

Ông tự là Thanh Khanh, tự hiệu Thuật Am, coi ngài Thảo Am là chú, từng theo ngài học về Đạo Đại Minh Cảnh Trí. Khi ngài Thảo Am mất Sư làm bài văn tế, tóm tắt rằng: Than ôi Phật ta làm sáng tâm thì Thiền phải nhờ giáo, giáo tất dùng Thiền. Như sông và hồ dòng chảy không giống nhau nhưng chung một nguồn. Như mặt trời, mặt trăng, thời gian có khác nhưng cùng chiếu sáng một cõi. Ví như dùng hai thứ thuốc và trị bệnh thì các bệnh đều lành. Cớ sao cuối đường thì cả hai Tông đều bị ma ám. Kẻ học bôi bẩn thiên vị, lập riêng vị hiệu, công kích lẫn nhau. Môn chuyên về giáo thì không để yên cho Thiền như kim nằm trong áo bông, còn Thiền thấy Giáo thì muốn cắt bỏ như bướu đeo ở cổ, không cần biết mối manh. Người theo Giáo bảo rằng: Ta nào biết Tiệm Viên chỉ muốn nghe. Còn kẻ theo Thiền thì nói: "Ta chỉ nói Biệt truyền", hai Tông đều riêng lẽ. Lại xem Tông mình là sao sáng. Hoặc nói là gốc Tứ Minh, hoặc khoe là Tạp Xuyên, hoặc nói là xuất phát từ Bạch Liên, khoe ý chỉ rực rỡ của Thiên thai bằng những lời lẽ nổi trôi như con thuyền không bến. Hoặc cho là đã tham học ở Quy Ngưỡng, hoặc theo về Vân Môn hoặc nối pháp Tào Động, Tâm ấn Như Lai mà nhảy lên chuyền xuống như con khỉ đảo điên. Giữ Thắng tâm này đối địch với Thắng tâm kia, dùng Yên đánh Yên, Chỉ Tông là nhất. Nếu có thể ở hai Tông mà thấu suốt lý diệu huyền... Lại làm bài Sớ giỗ ngài Thảo Am rằng: Các Pháp vốn không, tức cái không thành thật, bậc chí nhân không chết, dầu chết vẫn như sống, Tôn giả An Trụ (Sư tự gọi là An Trụ Tử) ở trong chỗ khí linh thì nhân trước không mờ mịt, xét về

giới thì tột cùng, múa Kiếm Tuệ nơi Long môn, sớm tham khảo rừng Nho, không sách nào không đọc. Lúc tuổi già ngồi bè ra Giáo Hải, có cơ cảm đều thông... Sư rất quý trọng Đạo nên coi thường việc ăn mặc, khi có điều còn nghi thì tự giam mình để tranh luận cho ra lẽ. Gặp tám bạn tri thức không nói đến nửa lời, chỉ đốt một nhúm hương thơm kính dâng ngài Tứ Minh.

(Quyển này có mười sáu vị, nhưng Bản Kỷ chỉ ghi có mười một vị, thiếu mất năm vị).

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 22

VIII : CHƯA RÕ NGƯỜI TRUYỀN PHÁP

Đông dương, Thiện Tuệ Đại Sĩ (Khoảng đời Tề Lương).
Cảnh Minh, Đạo Phòng Thiền sư (Theo Trù Sư Truyện).
Bắc Tề, Tăng Trù Thiền Sư.
Bắc Tề, Lý Tưởng Thị Lang (Trù Sư Truyện).
Thiên thai, Trí Diễm Pháp sư (đời Đường).
Kim Hoa, Phương Nham Pháp sư.
Tây Kinh, Sở Kim Pháp sư.
Thiên Phước, Phi Tích Pháp sư.
Chung Nam, Pháp Thiện Pháp sư.
Ngọc tuyền, Chân Công Pháp sư.
Nam nhạc, Thừa Viễn Pháp sư.
Nam nhạc, Pháp Chiếu Quốc Sư (ba vị trên thấy ở Tịnh Độ Chí).
Vô Tánh, Pháp Kiếm Pháp sư.
Trường sa, Hoài Viễn Pháp sư (hai vị trên ở Quang Giáo Chí).
Ngũ Đài, Chí Viễn Pháp sư.
Ngũ Đài, Nguyên Kham Pháp sư (Viễn Sư Truyện).
Thiên thai, Đạo Tiêm Pháp sư.
Quốc Thanh, Thanh Quán Pháp sư.
Quốc Thanh, Văn Cử Pháp sư.
Kiến nghiệp, Kỉnh Vân Pháp sư.
Thái Sơn, Diệu Hạnh Pháp sư.
Tứ Minh, Tử Lân Pháp sư (Đường Ngũ Đại).
Thập Tổ, Huyền Chúc Pháp sư.
Gia hòa, Hạo Đoan Pháp sư.
Cối kê, Thập Pháp sư.
Gia hòa, Tử Huyền Pháp sư.
Thiên thai, Nguyên Dĩnh Pháp sư (đời Tống, ba vị trên ở Pháp Trí

Ký).

Quát Thương, Thông Pháp sư (theo Nam Bình Truyện).

Vô Tướng Thiện Cần Pháp sư.

Bảo Tạng, Lợi Vũ Pháp sư (ở Lặc Sư Truyện).

Phổ Từ, Huy Pháp sư.

Không Tướng, Dung Pháp sư (hai vị trên ở Trạm Giả Danh Truyện).

Siêu Quả, Chiêu Pháp sư.

Quảng Hóa, Minh Pháp sư (hai vị trên ở Mân Pháp Vân Truyện).

Tông Nguyên, Lục Dĩnh Pháp sư.

Bảo Vân, Oai Pháp sư (ở Chánh Văn Tuệ Truyện).

Phương Quảng, Đàm Chiếu Pháp sư.

Phổ Chiếu, Nhân Pháp sư.

Phật Trí, Đạo Nhân Pháp sư (Như Thượng Trúc Truyện).

Bảo Tích, Thật Pháp sư (Ngô Khắc Kỷ Truyện).

Tịnh Tuệ, Oai Pháp sư (Thảo Am Lục).

Tả Khê, Chí Chiêu Pháp sư.

Vô Công Cư Sĩ Vương Điền.

****

Đạo Thiên thai mà người đời sau không nghe biết được thì chắc chắn là có nhiều người, không phải vì vết tích tối tăm mà vị kém, hay người mất mà tuyệt dòng đấy ư? Đến như từ xưa tuy có tuyền mà không có người nhận hay thấy người khác truyền mà không khảo xét. Phàm đối với một pháp môn phụ khen mà có ích dù chỉ một người há chẳng thích viết sao? Nên nay xin trình bày phần chưa rõ người truyền pháp sau đây:

1. ĐÔNG DƯƠNG ĐẠI SĨ TRUYỀN HẤP

Tự là Huyền Phong, người ở Nghĩa Ô, sinh ngày tám tháng năm năm Kiến Võ thứ tư nhà Tề. Thuở bé Sư cùng người làng bắt cá đầy đụt, thì Sư nhấn đụt xuống nước rồi khấn nhỏ "Con nào đi thì đi, con nào ở thì ở." Người thấy bảo là ngu. Năm mười sáu tuổi Sư cưới nàng họ Lưu sinh hai con đặt tên là Phổ Kiến và Phổ Thành. Năm hai mươi bốn tuổi, Sư làm ngư dân ở bờ đê Kê Đình. Có Phạm Tăng Trung Đầu-đà gọi bảo rằng: Xưa ta với ông ở chỗ Phật Tỳ-bà-thi cùng phát nguyện độ chúng sinh, nay còn thấy y bát ở cõi Đâu-suất, sao lại trở về đây? Rồi bảo: "Hãy nhìn xuống nước", Sư liền nhìn xuống thấy bóng mình có hào quang, bảo cái và vòng ngọc đeo thân. Sư bèn tỉnh ngộ bảo rằng: Bể lò rèn rất nhiều sắt vụn, cửa lương y có lắm bệnh nhân. Phải gấp độ sinh có rãnh đâu mà nghĩ đến Đâu-suất. Bèn cất am giữa hai hàng cây trong Tòng Sơn, tự xưng là Đương Lai Giải Thoát Thiện Tuệ Đại sĩ, trồng trọt rau trái, mặc người hái lấy, vì người thuê thợ sáng làm tối về. Cùng vợ là Diệu Quang diễn giảng Phật Pháp tu khổ hạnh bảy năm. Trong lúc ngồi im thì thấy Đức Thích-ca, Kim Túc, Định Quang, ba Đức Phật từ phía Đông đến, phóng quang sáng như mặt trời. Trên không trung có tiếng nói: "Ngày thành đạo, Đức Thích-ca đương thời ngồi ở đạo tràng tứ chúng tranh nhau đến đảnh lễ." Quận Thú Vương Kiệt bảo đó là yêu vọng bèn bắt cầm tù, Sư suốt cả mấy tuần không ăn, Quận Thú thẹn thùng thả ra. Khi được trở về núi thì Sư càng tinh tấn hơn bảo rằng: Ta từ cung Đâu-suất đến đây nói đạo Vô thượng Bồ-đề. Xưa giấu kín việc này nay không giấu nữa. Năm Đại Thông thứ sáu, Sư sai đệ tử là Truyền Vãng dâng thơ lên vua. Vua là Quốc Chủ Cứu Thế Bồ-tát, ra chiếu đáp rằng: Thiện Tuệ muốn độ chúng sinh thì muốn đến đâu tùy ý. Vua ra lệnh khóa cửa để thấy điều lạ. Đại sĩ rút trong tay áo ra một quả chùy thế là các cửa đều mở. Gặp vua ở điện Thiện ngôn, Sư yết kiến vua bằng ba bài tán, không lạy. Rồi Sư đến giường ngồi đối đáp với vua rất khác thường. Dùng cơm xong Sư đến Chung Sơn ngồi tọa thiền dưới rừng Tòng. Huyện Quan trợ cấp. Năm Đại Đồng thứ nhất,

thỉnh Sư giảng Tam Tuệ Bát-nhã ở Trùng Vân điện, các công khanh đều tập họp, khi vua đến thì toàn chúng đều nghinh đón. Đại sĩ vẫn ngồi yên. Quan Ngự Sử hỏi duyên cớ. Sư đáp: Pháp địa nếu động tất cả Pháp đều không an. Vua cho là phải. Sáng hôm sau mời riêng Sư ở điện Thọ Quang. Đêm đến vua về Cung. Cuối đời nhà Lương bị đói kém loạn lạc, mỗi ngày Sư cùng đồ chúng lượm hạt dẻ, cây mậu để nấu cháo nuôi sống dân làng, nhưng trộm cướp thì không phạm đến. Sư từng nói: “Ta là một trong ngàn Phật ở Hiền Kiếp.” Đệ tử Sư là Tuệ Vinh muốn lập Hội Long Hoa. Đại sĩ bảo: “Hội Long Hoa là việc của ta, ông nên lập Hội Thỉnh Phật Đình Quang, nếu làm theo lời ta thì nhất định sẽ thấy Hội Long Hoa”. Sư lại bảo: Ta ngộ Đạo đã bốn mươi kiếp, Thích-ca mới bắt đầu phát tâm. Do Thích-ca hay thí xã thân nên thành Phật trước ta. Đời Trần, năm Thiên Gia thứ hai, Sư ở trong núi hành đạo thường thấy bảy Đức Phật hiện ở trước, ngài Duy-ma theo sau. Sư gọi đệ tử bảo rằng: “Trong bảy Phật chỉ có Đức Thích-ca thường nói chuyện với ta”. Mùa Đông năm Quang Đại thứ hai, Đại sĩ bảo: “Tung Công đã trở về cõi Đâu-suất, ta không thể ở đây lâu”, bèn làm Hoàn Nguyên thi mười hai chương. Ngày hai mươi bốn tháng tư năm Đại Kiến thứ nhất, Sư viên tịch, suốt bảy ngày huyện lệnh Trần Chung Kỳ đến lễ kính. Khi truyền hương cho nhau thì Sư vẫn đưa tay nhận hương. Chúng đều kinh hãi thán phục. Táng Sư ở một góc Tòng Sơn. Vua sắc lệnh cho Bộc Xạ Từ Lăng soạn văn bia cho Sư.

Trong Chỉ Quán Nghĩa Lệ, ngài Kinh Khê nói rằng: Đông dương Đại sĩ ngôi vị ở bậc Đẳng Giác mà còn chuộng Tam Quán Tứ Vận làm Tâm Yếu nên riêng tự đặt thơ rằng: Độc Tự Tinh (Thảo đường Nguyên Pháp sư đã giải thích rằng: Gọi Tam Thiên Tuyệt Diệu, pháp giới độc lập, thể nó rất tinh diệu) kỳ thật đã lìa bỏ hết thanh và danh (Diệu Thể của Tam Thiên vốn lìa bỏ hết Thanh Giáo Danh Tự) Tam Quán một Tâm dung chứa vạn phẩm (Tam Quán là Tam Thiên. Tam Thiên tức Không - Giả - Trung, chỉ có một niệm là như biết rõ Tam thiên từ vạn phẩm. một tức tất cả, tất cả tức một, không phải một cũng không phải tất cả, mà là một mà là tất cả, tướng dung chứa như thế khá biết). Gai gốc Tòng Lâm chỗ nào sinh? (chín cõi, hoặc nhiễm sinh tử nhân quả là gai góc; cõi Phật, nhân quả muôn đức trang nghiêm là Tòng Lâm. Thiện ác uế tịnh cùng quy về một tướng, một tướng mà vô tướng nên gọi là chỗ nào sinh? Đây là chứng Chân Như Lý Quán vậy). Độc Tự Tác (khởi từ mười cõi bốn vận, tứ cú kiểm xét, nên nói là Tác) hỏi trong ta còn dính dấp gì (lời hỏi khởi đầu), kiểm xét bốn vận đều vô sinh (chính dùng Quán vậy)

muôn phiền ngàn mối đâu thể trói buộc! (đây là Quán đã thành, mười cõi Thiện Ác, nhân quả đâu thể trói cột được. Đây là chứng Duy Thức Sự Quán vậy). Huống lại Tam Quán vốn Tông Anh lạc, Bổ Xứ Bồ-tát, thân thừa Kim khẩu. Cho nên biết một nhà giáo môn xa bẩm thọ kinh Phật lại cùng Đại sĩ khế hợp rõ ràng (Tiểu Anh Lạc Kinh có hai quyển. Quyển thượng nói về thứ lớp Tam Quán. Nghĩa là từ giả mà vào Không Quán, từ Không mà nhập vào Giả Quán, hai Quán làm phương tiện để được nhập vào Trung đạo Đệ nhất nghĩa Quán - Quyển hạ nói về Tam Quán tròn đầy. Nghĩa là Phật vì Bồ-tát Kỉnh Thủ mà nói Tam Quán Pháp giới, Tự Tánh của chư Phật thanh tịnh... - Tam Quán đã do Phật nói, Đại sĩ lại do Kim khẩu thân thừa. Nay nhà kiến lập xa căn cứ lời Phật nói, lại cùng Tam Quán của Đại sĩ nói ra rất phù hợp vậy).

Thuật rằng: Chư Phật ở quá khứ do Đạo Tam Quán mà an trụ và Bí Tạng. Đức Thích-ca ở hiện tại do đạo Tam Quán mà chứng quả, sau đó đã thị hiện quyền biến. Ấy mới biết các pháp mình làm, dạy người quyền thật, nhân giả, không thứ nào không phải là Đạo Tam Quán. Anh Lạc đã tuyên bày ở trước, Trí Luận giảng giải ở sau. Bắc Tề do Tâm ngộ mà lập làm Pháp, Đông Dương phụ khen mà viết thành thi, đều là nói về Đạo này cả. Ngài Đông Dương hiển hách ở Đời Lương và mất ở đời Trần, còn Bắc Tề, Nam nhạc, Trí Giả lấy Đạo này truyền nhau không sai sót. Xưa nương nhờ Phật khẩu mà tuyên nói, nay gặp các Sư mà truyền giao, do việc làm đó mà nói rằng: Lớn lao thay Đạo Tam Quán! Thực hành ở Chấn Đán là lúc này, bèn soạn ra hai bài thi khen ngợi phụ thêm. Nhưng người đời không xét là đồng thời, bèn nói Đông Dương là người trước, cho rằng ngài đã dự biết trước mà nói về Tam Quán cho nên Triều Cảnh Vu làm văn bia cho ngài Minh Trí cũng cho là ngài có trước Trí Giả, dẫn dắt Giáo môn ấy, nói rằng: "Phó Đại sĩ ở đời Lương", lời nói này chưa đích xác. Nay xin đổi lại rằng: ngài đồng thời với Văn Thiền Sư. Người phụ khen Đạo ấy nói là Phó Đại sĩ. Nhưng vì Đại sĩ không có vết tích trao truyền nên nay chỉ phụ vào ở đầu truyện.

2. THIỀN SƯ TĂNG TRÙ

Sư họ Tôn, người ở Cự Lộc, theo học Chỉ Quán với ngài Đạo Phòng Thiền sư ở chùa Cảnh Minh, Sư nhiếp tâm suốt cả tuần nhật liền được nhập định. Sư lại tu Niết-bàn Thánh hạnh và pháp Tứ niệm xứ. An cư năm Hạ, ngày chỉ ăn một bữa. Có lần suốt chín ngày tu quán tưởng thây chết rồi đem chỗ đạt được thưa với Bạt-đà Tam tạng, ngài nói:

"Từ Thông Lãnh trở về Đông, người tu tập Thiền định ông là hơn hết". Sư lại đến Vương Ốc Sơn tu tập Pháp trước (Chỉ Quán) giữa đường gặp hai con hổ đang cắn nhau, Sư đưa tích trượng ở giữa can ra, hổ liền bỏ chạy. Quan Huỳnh Môn Thị Lang Lý Tưởng đến cầu học Thiền yếu, Sư giảng cho hai quyển Chỉ Quán. Vua Bắc Tề Văn Tuyên mời Sư xuống núi thuyết pháp, Sư nói cho nghe về ba cõi vốn không, muôn pháp như huyễn, bã vinh hoa ở đời không nên coi trọng. Vua nghe nói rợn tóc gáy toát mồ hôi. Sư ở Nghiệp Thành, vua lập chùa Vân môn dâng cho Sư. Sư ngồi yên trong thất không hề tiếp khách. Đệ tử có người can, Sư nói: Ngài Tân Đầu Lô chỉ tiếp vua bảy bước mà khiến vua mất nước, ta tuy đức không bằng ngài song nghi tướng cũng đồng, không dám coi thường, chỉ mong để phước cho nhà vua thôi! Vua bị bọn tả hữu mê hoặc bảo là Sư bất kính bèn có ý đích thân đến để hại Sư. Sư ngầm biết trước, sáng sớm hôm ấy Sư ngồi xe trâu đến Cốc Khẩu cách hai mươi dặm, vòng tay đứng bên vệ đường. Vua làm lạ hỏi, Sư đáp: "Thân có máu không sạch sợ làm ô uế Già-lam." Vua xấu hổ, bèn gọi Thị thần là Dương Tuân Ngạn bảo rằng: "Nếu người này là Chân Nhân đâu nên hủy báng." Vua muốn đưa Sư trở về chùa. Sư cương quyết không chịu. Vua bảo: "Đệ tử cõng thầy đi khắp thiên hạ chưa đủ chuộc hết tội lỗi". Rồi cùng ngồi xe về cung. Vua hỏi: Tiền thân của đệ tử là người gì? Sư đáp: "Từng làm vua La-sát, nay vẫn còn hiếu sát". Bèn khấn vào thau nước bảo vua nhìn vào thì thấy hình La-sát. Vua lại muốn thấy sự linh dị của Phật pháp. Sư bèn ném y ca-sa xuống đất. Vua sai người nâng lên, nhưng thêm đến mấy mươi người vẫn không nhúc nhích. Sư bảo một Sa-di đến lấy thì nhẹ như một lông chim. Vua càng tin kính, xin thọ giới Bồ-tát và giữ Sư ở trong cung cấm cả bốn tuần nhật mới cho về. Tháng tư năm Càn Minh thứ nhất, Sư thị tịch. Vua ra sắc xây tháp để thờ xá-lợi Sư.

Thuật rằng: *Xét việc hành đạo của Sư Tăng Trù là trong khoảng năm Thiên Bảo Bắc Tề, đồng thời với Tư Thiền sư xét nghịch lại thì biết Sư học Chỉ quán với Phòng Thiền sư vào đầu năm Thiên Bảo. Lại xét thêm thì trước năm Thiên Bảo vào đời Đông Ngụy Hiếu Tĩnh lúc đó Văn Thiền sư mới lấy Đạo Nhất Tâm Tam Trí đã ngộ của mình mà truyền cho Tư Thiền Sư thì biết Chỉ Quán của Phòng sư học được cũng là bẩm thọ của Văn Sư. Bởi Văn Sư ngộ là do Trung Luận, lúc đó một mình nổi tiếng ở Sông Hoài không ai sánh bằng. Đạo này các Thiền sư Tiểu thừa không biết được. Song Phòng Sư, trên nhận được của Văn Sư, dưới truyền cho Trù Sư. Trên dưới suy ra thì đáng tin vậy.*

3. PHÁP SƯ TRÍ DIỄM

Bà mẹ mộng thấy lên ngồi ở Tướng Luân trên tháp Thông Huyền rồi sinh ra Sư. Năm mười hai tuổi Sư tụng thông Pháp Hoa, người thời ấy gọi là thần đồng. Sau khi xuống tóc Sư liền đến tham học ở Giảng tòa (Sư vì Chánh quán cả năm, thì biết lúc đó Sư tham học với sư Chương An vậy). Sư từng ở ẩn trên núi Hổ khâu, giảng sám trong các ngày rảnh rỗi, tụng Pháp Hoa đến ba ngàn bộ, lò không chưa đốt thì đã un khói thơm. Bình nước chiều vừa hết thì đã châm đầy, ấy là do Thiên đồng linh ứng hầu hạ. Sư hành Tam Tịnh Nghiệp và tu Thập Lục Quán. Sư dẫn năm trăm người tu Trai giảng kỳ hạn một tháng, suốt mười năm không bỏ. Sư giảng Pháp Hoa, Tịnh Danh đều ba mươi lượt, giảng Quan Âm Huyền ba mươi lần. Mùa Đông năm Trinh Quán thứ tám, Sư có bệnh, mộng thấy Phạm tăng tay bưng bình báu bảo rằng: "Ta là Vô Biên Quang, sau này ở Tịnh Độ gọi là Công Đức Bảo Vương tức là ta vậy." Sư gọi môn nhân bảo rằng: Vô Biên Quang là Đức Đại Thế Chí, Công Đức Bảo Vương là hiệu khi ngài thành Phật. Do nhân nói quả lấy đó mà khuyên gắng ta, ta sắp về Tây phương đây." Sư liền nhập định mà hóa.

4. KIM HOA PHƯƠNG NHAM HÒA THƯỢNG

Khi ngài Kinh Khê chưa làm Tăng đã từng theo học Chỉ Quán với ngài (đó là môn nhân của Tả Khê).

5. PHÁP SƯ SỞ KIM

Sư họ Trình, người ở Quảng Bình. Năm lên bảy tuổi đã xuất gia. Khi lễ tạng thám Kinh thì tay cầm quyển Pháp Hoa. Năm lên chín sư đến chùa Long Hưng Tự ở Tây Lương thọ giới Cụ túc, sau đó tập giáo với ngài Trí Giả. Có lần tụng kinh đến phẩm Bảo Tháp thì thân tâm lặng bặt, chợt bảo tháp hiện ra, Đức Thích-ca phân thân đầy khắp cõi hư không. Sư ngồi thiền sáu năm thề xây tháp ấy, chí thành cầu nguyện chỉ mới nói ra thì thí chủ tự kéo đến. Sư hành đạo ban đêm tại nền xây tháp ấy thì chúng nghe có tiếng nhạc trời và mùi hương lạ. Vua Huyền Tông mộng thấy ở giữa không trung hiện ra hai chữ Sở Kim, họp triều tra hỏi thì ai cũng bảo là tên Sư, vua đích thân viết biển đề "Đa Bảo Tháp" ban cho, lại ban cho nhiều lụa và giấy. Ngày làm tháp xong có mây năm sắc ngưng tụ trên tháp. Sư liền bảo bạn đồng học rằng: Đào giếng thấy bùn cách nước không xa, dùi gỗ đã nóng được lửa khá gần. Bọn chúng ta bảy người thành một chí, ngày đêm tụng kinh hương khói

không dứt. Bèn Xuân Thu hai kỳ tập họp bốn mươi chín Tăng tu Pháp hoa Tam-muội, dâng chỉ lên vua xin làm thường lệ, trước sau chiêu cảm được bảy trăm hạt xá-lợi. Sư lấy máu viết Pháp Hoa, Bồ-tát Giới Kinh để cầu nguyện cho vua. Lại viết Pháp Hoa một ngàn bộ, chữ vàng ba mươi sáu bộ dùng để trấn giữ bảo tháp. Lại viết một ngàn bộ cho các người có tín tâm. Khi hóa duyên đã mãn Sư nằm nghiêng bên hông phải mà tịch. Củi hết, lửa tắt dung nhan sáng rỡ như hồi còn sống. Vua bảo xây tháp ở phía Tây Thành. Năm Trinh Nguyên mười ba, Tả Nhai Công Đức Sứ là Đậu Văn Trường tâu vua rằng: Trước đây Sư Sở Kim vào đầu năm Thiên Bảo đã vì nước xây tháp để trong đạo tràng Pháp Hoa, nay Tăng chúng làm lễ tụng niệm hơn sáu mươi năm tiếng Kinh vẫn không dứt, bèn xin vua ban cho cờ xí. Vua ra chiếu thụy phong cho Sư là Đại Viên Pháp sư.

6. PHÁP SƯ PHI TÍCH

Sư cùng Sư Sở Kim đều tinh nghiêm Tam Quán. Đầu năm Thiên Bảo, Sư đến Kinh sư, nghỉ ở Tử Các Thảo đường tại Chung Nam. Bỗng có chiếu vua mời Sư ở Thiên Phước Pháp Hoa đạo tràng. Ngài Bất Không phiên dịch kinh mới, Sư nhiều lần đảm trách việc bút thọ sửa văn. Năm đầu Vĩnh Thái, có chiếu vua mời Sư ở Cung Đại Minh cùng Lương Bí... tham dịch Nhân Vương Hộ Quốc và Mật Nghiêm Kinh. Sư cùng Tam tạng Bất Không, Học Sĩ Liễu Kháng nhiều lần xét định, sung chức Chứng nghĩa. Sư đã từng soạn Niệm Phật Tam-muội, Bảo Vương Luận ba quyển nói rõ về nghĩa Tịnh độ tam thế thông tu.

7. THIỀN SƯ PHÁP THIỆN

Sư tập học Giáo nghĩa Thiên thai. Khoảng năm Thiên Bảo đời Đường, Sư đến Kinh Sư, thường tụng Pháp Hoa. Nơi ở bình nước tự đầy. Khi Sư lâm chung, thấy có sen vàng từ không trung xuống đón rước. Thiên nhạc trổi vang rồi ẩn về hướng Tây.

8. PHÁP SƯ CHÍ VIỄN

Sư họ Tống, người ở Nhữ Nam. Lúc đầu Sư nương ngài Hà Trạch nghe một Tông Thiên thai và đều thông diệu lý. Sư cố gắng học nhiều năm, ở tại Ngũ Đài Hoa Nghiêm. Ăn không chịu thỉnh riêng, nằm không cởi áo. Bốn thứ Tam-muội được Sư dùng làm khóa tụng hàng ngày. Năm Hội Xương thứ tư, bỗng Sư nhịn ăn suốt mấy sáng và dạy bảo môn nhân rằng: Đạo Thiên thai mầu nhiệm nhất là Pháp Hoa Văn Cú, Bản Tích

Nhị Môn, mở gần hiển xa, Huyền Văn năm nghĩa, Phán Tích Chỉ Quán, Cảnh Quán Song Tu, Hạnh Giải Viên Minh, Già Chiếu Bình Đẳng... Khi sắp lên bậc Thánh mà bị rơi xuống thì ít có. Lễ Sám Phương Đẳng tất phải nhờ tinh thành, được như thế mãi sẽ hợp ý ta. Lúc đó người học với Sư đông như rừng, chỉ có Sư Nguyên Kham là đạt được chỉ. Vua Võ Tông dẹp bỏ Phật pháp, Nguyên Kham nhớ lời di chúc đem các kinh sách giáo văn dấu kín trong vách. Khi Tuyên Tôn lên ngôi thì Phật pháp lại được sáng rỡ, Trạm sửa sang lại chùa chiền, đem các kinh sách đã giấu bày ra ở Ảnh Đường. Tiếng tụng kinh lễ sám trước đây im bặt nay lại tiếp tục vang rền.

9. PHÁP SƯ ĐẠO TIẾN

Sư người ở Thiên thai, khoảng năm Đại Lịch, Sư vào kinh đô truyền giáo, trước thuật khá nhiều. Sư thường du hành tới lui trên không trung. Người thời ấy bảo Sư chứng Thần túc.

10. PHÁP SƯ THANH QUÁN

Sư họ Khuất, người ở Lâm hải, từ lâu ở chùa Quốc Thanh rỗng suốt Tam Quán, thiền định có thần dị, giữ mình trong sạch không chứa y bát. Sư từng bảo: Hận là mình chưa thí xả được đầu mắt. Ở Khê Nam có người thỉnh Sư cúng dường. Đêm mưa to nước dâng đầy, người không đi được. Bỗng chốc Sư đến cả mình mẩy, y áo Sư đều không ướt. Người biết là Sư có thần túc.

11. PHÁP SƯ VĂN CỬ

Sư họ Trương, người ở Đông dương, vào Quốc Thanh học đạo Thiên thai đều thông suốt diệu chỉ. Hình thù Sư như núi, mặt đẹp như ngọc, đi nhẹ như mây bay, ngồi yên như nước đọng, mắt không ngó hai bên, miệng không đùa bỡn, đi đứng nằm ngồi đều đúng phép tắc, hai chúng Đơn Khâu đều ngưỡng mộ noi gương Sư. Trước ở chùa Quốc thanh vì Tùy Dạng Đế lập Quang Minh đạo tràng kỳ hạn một năm. Người đông gạo ít, Sư hết sức khai khẩn được khoảng mười hai mẫu ruộng, nhờ đó đủ nuôi Tăng chúng.

12. PHÁP SƯ KỈNH VÂN

Sư người Kiến Nghiệp, sớm học đạo Thiên thai. Năm Quang Hóa thứ hai, Sư ở chùa Vĩnh gia giảng kinh, căn cứ vào Câu Xá Luận mà soạn bộ Tiểu thừa Nhập Đạo Ngũ Vị, lại viết bộ Chiết Huyền Ký hai quyển.

13. PHÁP SƯ DIỆU HẠNH

Sư lúc đầu học giáo Thiên thai, sau vào ở trong núi Thái Sơn, kết cỏ làm áo, lượm trái mà ăn. Sư tu Pháp Hoa Tam-muội chiêu cảm được Đức Phổ Hiền hiện thân chứng minh. Sau Sư chuyên trì kinh Di-đà, vào một đêm Sư thấy đất lưu ly và Đức Phật cùng hai vị Bồ-tát hiện đứng trên không trung. Vua Hy Tông nghe tiếng Sư, ban cho hiệu là Thường Tinh Tấn Bồ-tát. Sau đó, có một hôm lại thấy đất báu. Sư gọi tả hữu bảo rằng: Ta không quán tưởng mà đất báu lại thấy hiện ra, tất là An Dưỡng đã đến lúc. Ngay trong ngày ấy Sư nằm yên nghiêng về hông phải mà hóa.

14. PHÁP SƯ TỬ LÂN

Sư là người Tứ minh. Năm Thanh Thái thứ hai, đời Đường Ngũ Đại, Sư đến các nước Cao Ly, Bách Tế, Nhật Bản để giúp thêm giáo của ngài Trí Giả. Cao Ly sai sứ là Lý Nhân Nhật đưa Sư về Trung Quốc. Ngô Việt Vương là Lưu lập viện ở Quận Thành để vỗ yên dân chúng (nay là Đông Thọ Xương).

15. PHÁP SƯ HUYỀN CHÚC

Sư thuộc hàng đặc biệt về Giới Đức Thiền Định, Tuệ Nghiệp Pháp Môn, Diễn Giảng Giáo Tông. Năm đầu Đại Thuận, Sư truyền pháp ở Đế Kinh, học trò có đến mấy trăm, mọi người đều vui giúp. Lúc đó đều bảo Sư là người kế thừa ngài Kinh Khê, tôn Sư là Tổ thứ mười.

16. PHÁP SƯ HẠO ĐOAN

Sư họ Trương, người ở Gia hòa. Khi nghe ngài Huyền Chúc được Tôn làm Tổ thứ mười bèn đến tham học, liền ngộ được ý chỉ về Nhất Tâm Tam Quán, Sư tâm nguyện ở trong núi hơn hai mươi năm, thân không có nhiều y, miệng không ăn vị lạ, ngồi chỉ một giường nhỏ, cửa không cần đóng. Năm đầu Kiến Long ở Triều Tống, Sư không bệnh tật mà hóa. Khi trà-tỳ xong thì xá-lợi rất nhiều. Người đắc pháp đến tám mươi người.

17. PHÁP SƯ THIỆN CẦN

Sư người Thiên thai. Ngài Vô Tướng được thỉnh làm chủ Giảng tòa ở Quận, lúc đó thấy Sư là bậc cao hạnh nên cử Sư. Kịp khi dời về Tịnh Danh thì cử ngài Lô Am kế vị ở tòa giảng. Khi Lô Am dời về Xích thành thì chúng cử ngài Lợi Vũ lên nối. Khi ngài Lợi Vũ đến Bảo Tạng

thì Bộ sai sứ giả mời ngài Vô Tướng giúp Sư ,vì nơi ở chật hẹp không đủ chứa chúng nên dời đến một nơi đất tốt mà cất thêm nhà cửa. Người bấy giờ cho rằng Sư giúp chúng thanh tịnh yên ổn và diễn giảng Giáo Quán nhiệm mầu đáng bậc dẫn dắt trời người.

18. PHÁP SƯ NGUYÊN DĨNH

Sư người ở Ngô Hưng. Năm Chánh Hòa thứ hai, bắt đầu lập viện Trí giả ở quận Thành. Ngày Sư còn ở Từ Chú Các đã cầm bút viết sách từ Chánh Tượng Thống Kỷ đến Giáo Tạng Mục Lục gồm cả trăm quyển tên là Thiên thai Tông Nguyên Lục, sắp xếp thứ tự hạnh nghiệp các Sư xưa nay, để làm sách quý của Sơn gia. Sư lại soạn Pháp Hoa Linh Thụy Tập gồm mười Khoa, đầu tiên là Đức Phổ Hiền chứng minh, cuối cùng là hiện tướng hào quang và mùi hương lạ. Quận bổ Sư làm Đô Sư. Có người cậy quyền vu cáo đuổi Sư ra làm dân thường. Người nghe chuyện khóc lóc mà Sư vẫn dửng dưng không thù hận, khăn thô áo vải Sư ngao du chốn nhân gian, tùy lúc thăng trầm. Khi tuổi già Sư ở lều cỏ tại Diêm Kiều tụng kinh niệm Phật. Một tối Sư quỳ quay mặt về hướng Tây vui vẻ mà hóa. Khi đốt Khám sư thì xá-lợi đầy đất.

19. PHÁP SƯ ĐÀM CHIẾU

Sư người Tứ minh, thọ nghiệp ở Phương Quảng. Năm đầu Tuyên Hòa, Sư soạn bộ Thiên Thai Biệt Truyện Chú rất rõ ràng khúc chiết, người học đều quý trọng.

20. PHÁP SƯ CHÍ NHÂN

Vua ban hiệu là Phổ Chiếu. Lúc nhỏ học đạo Thiên thai, tu hạnh Tịnh Độ, suốt năm mươi năm Pháp phục chưa từng lìa thân. Có lần nhân giặc quấy nhiễu Sư vào núi lánh nạn chỉ mang theo bộ áo mỏng. Khi muốn lên nhà xí thì giặc đã đuổi đến gần kề, Sư cởi áo bỏ trên đá ung dung tắm rửa, nhưng giặc không dám xâm phạm. Người biết việc đều thán phục cho là người đi đứng không sợ sệt.

21. Pháp sư Chí Chiêu

Sư người Tả Khê, đã soạn Thích-ca Phổ. Tự khoe là được thúc phụ là Khải Am truyền cho yếu chỉ, Sư lại lập sơ đồ ghi về các Tổ nối nhau, người hậu học nhờ đó tìm hiểu.

22. Vương Điền

Sư là người Từ Khê Tứ Minh, tự hiệu là Vô Công Tẩu, gia thế thuộc hàng danh nho, thi lại Tiến sĩ không thỏa chí, bèn mặc áo vải ăn

cơm rau khắp học hỏi các tòa giảng. Tuổi về già, Sư chỉ chuyên niệm Phật. Đem ý sở đắc mà soạn bộ Tịnh Độ Tự Tín Lục, trong bài tựa tóm tắt rằng: Chúng sinh bản tâm đủ cả bốn cõi Tịnh độ. Như về Đồng Cư Tịnh Độ thì ngay phàm phu đầy triền phược cũng nương nhờ được. Còn ba Độ kia thì đến Thánh nhân đoạn hoặc mới chứng nhập được. Vả lại một môn vãng sinh thì có hai Tịnh nghiệp, đó là Chánh quán, mặc chiếu bản tâm gọi là trợ hành tu đủ muôn thiện. Chánh quán và trợ hành cùng tiến thì liễu đạt được bốn thứ Tịnh độ. Chỉ cần có ước nguyện và làm thiện, thì gần là sinh vào cõi Phàm Thánh đồng cư, còn xa là làm nhân cho ba Độ trên. Theo đây mà luận thì Tịnh độ là cảnh giới chứng được của cứu lý Bồ-tát, mà gồm cả bao nhiêu chúng sinh hồi hướng tiệm tu. Lại nói Viên Cơ Thể Đạo là tịnh nghiệp cao tột nhất, nếu có thêm thệ nguyện để dẫn dắt thì dự vào phẩm cao, còn bọn ngu si chỉ xưng niệm danh hiệu Phật và phát nguyện thì đều được vãng sinh. Một môn Quán Tịnh độ thì biết Thánh nhân không bỏ mọi người. Người nào chỉ ôm giữ cái Si Không cho là không ngại không tu mà khởi tâm tự chướng muốn dẹp bỏ mọi học tập khác. Bèn lớn tiếng bảo rằng: Tịnh Độ là việc nhỏ nhặt đâu đủ để nói. Kẻ nói lời ấy thật đáng buồn thay! Buổi chiều ngày Đinh Mão tháng tư năm Thiệu Hưng thứ mười sáu, bỗng nghe có mùi hương lạ đầy nhà, bèn gọi em là Sa-môn Tư Tề bảo rằng: “Đây là ta tu tịnh nghiệp đã có cảm ứng.” Bèn tắm rửa thay áo ngồi kiết già quay mặt về hướng Tây mà hóa. Khi thiêu nhục thân ông thì được xá-lợi to bằng hạt đậu, một trăm lẻ tám hạt.

(Quyển này có bốn mươi ba vị, Bản Kỷ chỉ ghi có hai mươi hai vị, còn hai mươi mốt vị kia đều thấy ở Biệt Truyện, nên giải thích bằng chữ nhỏ).

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 23

IX. BIỂU VỀ LỊCH SỬ TRUYỀN GIÁO

Ngài Bắc Tề ngộ ý chỉ Nhất Tâm Tam Trí đem truyền cho ngài Nam Nhạc. Ngài Nam Nhạc tu rồi truyền lại cho ngài Trí Giả. Ngài Trí Giả mới lấy Năm thời Tám giáo khai mở một đời giáo hóa của Phật mà quy về cái diệu Bản Tích của hội Pháp hoa. Đã mở ra sự hiểu biết tất phải lập hạnh, do đó nói về cái hành của tâm mình để chỉ bày cái chứng của Nhất Tâm Tam Trí, rồi chép thành văn tự dùng để ấn tâm, để dạy hậu thế. Từ thời Bắc Tề, trên noi theo ngài Long Mãnh, dưới truyền đến ngài Pháp Trí tất cả là mười bảy đời làm thành một biểu về Lịch Sử Truyền Giáo như sau:

**** Nhà Lương:***

1. Võ Đế (Tên Tiêu Diễn, được Tề nhường ngôi đóng đô ở Kiến khang, xưng hiệu Nam Triều).

Niên hiệu Thiên Giám thứ nhất (Nhâm Thìn, mười tám năm).

Niên hiệu Phổ Thông thứ nhất (Canh Tý, bảy năm).

Niên hiệu Đại Thông thứ nhất (Đinh Mùi, tám năm).

Niên hiệu Đại Đồng thứ nhất (Đinh Mão, mười hai năm).

Khoảng niên hiệu Đại Đồng, Tổ thứ hai Văn Thiền sư ở Hà Nam Bắc Triều nói cho Tư Thiền sư về Tam Quán, tương đương khoảng năm Thiên Bình, Hiếu Tĩnh Đế, Nhà Đông Ngụy.

Niên hiệu Thái Thanh thứ nhất (Đinh Mão, dài ba năm).

2. Giản Văn Đế (Tên Võng, con thứ ba của Võ Đế).

Niên hiệu Thiên Bảo thứ nhất (Canh Ngọ, hai năm).

3. Nguyên Đế (Tên Dịch, con thứ bảy của Võ Đế).

Niên hiệu Thừa Thánh thứ nhất (Nhâm Thân, ba năm).

4. Kỉnh Đế (Tên Phương Trí, con thứ chín của Nguyên Đế).

Niên hiệu Thiệu Thái thứ nhất (Ất Hợi).

Niên hiệu Thái Bình thứ nhất (Bính Tý, hai năm).

**** Nhà Trần:***

1. Võ Đế (Trần Bá Tiên, được Nhà Lương nhường ngôi, đóng đô ở Kiến khang).

Niên hiệu Vĩnh Định thứ nhất (Đinh Mão, ba năm).

2. Văn Đế (Tên Thiến, anh của Võ Đế, là con của Thủy Hưng Vương).

Niên hiệu Thiên Gia thứ nhất (Canh Thìn, sáu năm). Tổ thứ ba là Tư Thiền sư ở Bắc Triều Quang Châu, tại núi Đại tô nói cho Khải Thiền sư về Tứ An Lạc Hạnh, bày Phổ Hiền đạo tràng, tương đương với thời Bắc Tề Phế Đế, niên hiệu Càn Minh thứ nhất.

Niên hiệu Thiên Khang thứ nhất (Bính Tý).

3. Trần Phế Đế (tên Bá Tông, con thứ hai của Văn Đế).

Niên hiệu Quang Đại thứ nhất (Đinh Hợi, hai năm). Năm Quang Đại thứ hai, Tư Thiền sư truyền Giới Pháp cho Nam nhạc Đế Quân.

4. Tuyên Đế (tên Húc, con thứ hai của Thủy Hưng Vương).

Niên hiệu Đại Kiến thứ nhất (Kỷ Sửu, mười bốn năm).

Tổ thứ tư là Khải Thiền Sư, ở chùa Ngõa quan tại Kim lăng, vì Nghi Đồng Thẩm Quân Lý, Bộc Xạ Từ Lăng... khai đề kinh Pháp Hoa suốt một mùa hạ giải thích đại nghĩa. Bạch Mã Kỉnh Thiều... đều kính cẩn theo học. Từ đó trở đi Sư thường giảng Đại Trí Độ Luận, nói về thứ Đệ Thiền Môn và nói cho Thượng Thơ Mao Hỷ về Lục Diệu Môn.

Trong Năm Đại Kiến, ngài Nam Nhạc Tư Thiền sư nói cho Huyền Quang Pháp sư ở Hải Đông (Cao Ly) về Pháp Hoa An Lạc Hạnh, Sư về nước truyền giáo, là người đầu tiên truyền giáo Thiên thai ở Cao Ly Đông Quốc.

Năm Đại Kiến thứ chín, ngày hai mươi hai tháng sáu, Nam nhạc Thiền sư thị tịch.

5. Thiếu Đế (tên Thúc Bảo, con lớn của Tuyên Đế).

Niên hiệu Chí Đức thứ nhất (Quý Mão, bốn năm).

Năm Chí Đức thứ ba, chiếu vua mời ngài Khải Thiền sư ở Ngõa quan đến điện Thái cực để khai đề Luận Đại Trí Độ và đề Kinh Nhân Vương Bát-nhã, trở về chùa Linh Diệu lại giảng tiếp. Lúc đó Bách tòa ở bên trái, Ngũ Đẳng ở bên phải. Các ngài Tuệ Khoáng, Tuệ Biện đều vâng lệnh vua vấn nạn. Vua đến tòa nghe giảng, trăm quan đều kính trọng.

Năm Chí Đức thứ tư, chiếu vua mời Khải Thiền sư đến ở chùa

Quang trạch, vua đến chùa nghe ngài Giảng Kinh Nhân Vương và đích thân lạy ba lạy.

Niên hiệu Trinh Nguyên thứ nhất (Đinh Mùi, ba năm) ngài Khải Thiền sư ở Quang trạch giảng kinh Pháp Hoa, ngài Chương An dự nghe.

**** Nhà Tùy***

1. Văn Đế (là Dương Kiên, là quan nhà Chu, được Tĩnh Đế nhường ngôi, đóng đô ở Trường An).

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười (Năm Canh Tuất nhà Trần mất, mới xưng là Chánh Thống, hai mươi mốt năm).

Năm Khai Hoàng thứ mười một, Tấn Vương làm Tổng Quản Dương châu, đón Khải Thiền sư ở Đại Thính Sự, thiết lễ cúng dường một ngàn Tăng, truyền giới Bồ-tát. Sư gọi Tấn Vương là Tổng Trì Vương, vua phong hiệu Sư là Trí Giả.

Năm Khai Hoàng thứ mười hai, ngài Trí Giả Thiền sư ở núi Ngọc tuyền tại Đương dương Kinh châu truyền giới cho cha con Quan Vương.

Năm Khai Hoàng thứ mười ba, ngài Trí Giả Thiền sư ở núi Ngọc tuyền nói Pháp Hoa Huyền Nghĩa, ngài Chương An dự nghe.

Năm Khai Hoàng thứ mười bốn, Trí Giả Thiền sư ở Ngọc tuyền nói Ma-ha Chỉ Quán, ngài Chương An dự nghe. Năm này ngài qua Nhạc Dương truyền Đại thừa Giới Pháp cho Thứ Sử Vương Tuyên Võ và giảng kinh Kim Quang Minh cho Học sĩ Đàm Kiện...

Năm Khai Hoàng thứ mười lăm, tháng bảy, Trí Giả Thiền sư đến chùa Thiền Chúng ở Dương châu đem Tịnh Danh Nghĩa Sớ của mình soạn ra dâng lên Tấn Vương. Tháng chín Sư giả từ Vương về núi Thiên thai.

Năm Khai Hoàng thứ mười bảy, tháng chín, Trí Giả Thiền sư ở Phật lũng tại Thiên thai khẩu truyền Quán Tâm Luận cho các đệ tử. Đến tháng mười một ở chùa Thạch thành nói cho các đệ tử về Thập Như, Tứ Bất Sinh, Thập Pháp giới, Tam Quán, Tứ Vô Lượng Tâm, Tứ Tất Đàn, Tứ đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Lục Ba-la-mật, pháp môn tu của mỗi thứ. Ngày hai mươi bốn tháng chín năm ấy Sư viên tịch ở trước tượng Phật Di-lặc bằng đá tại Thạch Thành.

Niên hiệu Nhân Thọ thứ nhất (Tân Dậu, dài bốn năm).

2. Tùy Dạng Đế (tên Quảng, con thứ hai của Văn Đế).

Niên hiệu Đại Nghiệp thứ nhất (Ất Sửu, mười hai năm).

3. Tùy Cung Đế (Con của Tùy Dạng Đế).

Niên hiệu Nghĩa Minh thứ nhất (Đinh Sửu, một năm).

Tổ thứ năm là Chương An Thiền sư ở chùa Quốc thanh tại Thiên thai nói Chỉ Quán Tâm Yếu cho Pháp Hoa Oai Thiền Sư.

**** Nhà Đường***

1. Đường Cao Tổ (tên Lý Uyên được nhà Tùy nhường ngôi, đóng đô ở Trường An).

Niên hiệu Võ Đức thứ nhất (Mậu Dần, chín năm).

2. Thái Tông (tên Lý Thế Dân, con thứ của Cao Tổ).

Niên hiệu Trinh Quán thứ nhất (Đinh Hợi, hai mươi ba năm).

Năm Trinh Quán thứ sáu, ngày bảy tháng tám ngài Chương An Thiền sư tịch ở chùa Quốc thanh.

Năm Trinh Quán thứ hai mươi, mời Pháp Hoa Oai Thiền sư nhận chức Triêu Tán Đại Phu Dẫn Hạ Tứ Đại sư.

3. Cao Tông (tên Trị, con thứ chín của Thái Tông).

Năm Vĩnh Huy thứ nhất (Canh Dần, sáu năm).

Năm Vĩnh Huy thứ sáu, mời ngài Thiên Cung Oai Thiền sư nhận chức Triều Tán Đại Phu Dẫn Hạ Tứ Đại sư, với ngài Pháp Hoa đồng chức vị.

Niên hiệu Hiển Khánh thứ nhất (Bính Thìn, năm năm).

Niên hiệu Long Sóc thứ nhất (Tân Dậu, ba năm).

Niên hiệu Lân Đức thứ nhất (Giáp Tý, hai năm).

Niên hiệu Càn Phong thứ nhất (Bính Dần, hai năm).

Niên hiệu Tổng Chương thứ nhất (Mậu Thìn, hai năm).

Niên hiệu Hàm Hưởng thứ nhất (Canh Ngọ, bốn năm).

Niên hiệu Thượng Nguyên thứ nhất (Giáp Tuất, hai năm).

Niên hiệu Nghi Phụng thứ nhất (Bính Tý, ba năm).

Niên hiệu Điều Lộ thứ nhất (Kỷ Mão, một năm).

Niên hiệu Vĩnh Long thứ nhất (Canh Thìn, một năm).

Ngày hai mươi tám tháng mười một năm Vĩnh Long thứ nhất, ngài Pháp Hoa Thiền sư thị tịch.

Niên hiệu Khai Diệu thứ nhất (Tân Tỵ, một năm).

Niên hiệu Vĩnh Thuần thứ nhất (Nhân Ngọ, một năm).

Niên hiệu Hoằng Đạo (Quý Mùi, một năm).

4. Tắc Thiên Cao Hậu (Võ Thị, là Hoàng hậu của Cao Tông, phế Thái tử làm Lư Lăng Vương, từ đó lâm triều làm vua).

Niên hiệu Quang trạch thứ nhất (Giáp Thân, một năm).

Niên hiệu Thùy Củng thứ nhất (Ất Dậu, bốn năm).

Niên hiệu Vĩnh Xương thứ nhất (Kỷ Sửu, một năm).

Niên hiệu Tải Sơ thứ nhất (Canh Dần, hai năm).

Niên hiệu Như Ý thứ nhất (Nhâm Thìn, hai năm).

Năm Như Ý thứ hai, Tổ thứ bảy là Thiên Cung Thiền sư ở chùa Thiên Cung tại Đông dương nói Chỉ Quán cho Tả Khê Lãng Thiền Sư.

Niên hiệu Diên Tải thứ nhất (Giáp Ngọ, một năm).

Niên hiệu Chứng Thánh thứ nhất (Ất Mùi, một năm).

Niên hiệu Vạn Tuế Thông Thiên thứ nhất (Bính Thân, một năm).

Niên hiệu Thần Công thứ nhất (Đinh Dậu, một năm).

Niên hiệu Thánh Lịch thứ nhất (Mậu Tuất, hai năm).

Niên hiệu Cửu Thị thứ nhất (Canh Tý, một năm).

Niên hiệu Trường An thứ nhất (Tân Sửu, bốn năm).

(Tắc Thiên làm vua hai mươi mốt năm - Người dịch).

5. Đường Trung Tông (tên Hiển, con thứ bảy của Cao Tông, bị mẹ là Võ Hậu phế làm Lô Lăng Vương).

Niên hiệu Thần Long thứ nhất (Ất Tỵ, hai năm).

Niên hiệu Cảnh Long thứ nhất(Đinh Mùi, ba năm).

6. Duệ Tông (tên Đán, con thứ tám của Cao Tông).

Niên hiệu Cảnh Vân thứ nhất (Canh Tuất, hai năm).

Niên hiệu Tiên Thiên thứ nhất (Nhâm Tý, một năm).

7. Huyền Tông (tên Long Cơ, con thứ ba của Duệ Tông).

Niên hiệu Khai nguyên thứ nhất (Quý Sửu, hai mươi chín năm).

Năm Khai Nguyên thứ mười tám, Tổ thứ tám là Tả Khê Thiền sư ở Tả Khê tại Đông dương nói Chỉ Quán cho ngài Kinh Khê Nhiên Thiền Sư. Năm ấy Tân La Pháp Dung... được truyền giáo trở về nước.

Niên hiệu Thiên Bảo thứ nhất (Nhâm Ngọ, mười bốn năm).

Năm Thiên Bảo thứ mười ba, ngày mười chín tháng chín ngài Tả Khê Thiền sư thị tịch.

8. Túc Tông (tên Hưởng, con thứ ba của Huyền Tông).

Niên hiệu Chí Đức thứ nhất (Bính Thân, hai năm).

Niên hiệu Càn Nguyên thứ nhất (Mậu Tuất, hai năm).

Niên hiệu Thượng Nguyên thứ nhất (Canh Tý, hai năm).

Niên hiệu Bảo Ứng thứ nhất (Nhâm Dần, một năm).

9. Đại Tông (tên Dự, con lớn của Túc Tông).

Niên hiệu Quảng Đức thứ nhất (Quý Mão, hai năm).

Niên hiệu Vĩnh Thái thứ nhất (Ất Tỵ, một năm).

Niên hiệu Đại Lịch thứ nhất (Bính Ngọ, mười bốn năm).

Trong năm Đại Lịch, Tổ thứ chín là Kinh Khê Thiền sư ở Phật lũng tại Thiên thai nói Chỉ Quán cho Thúy Pháp sư.

10. Đức Tông (tên Quát, con cả của Đại Tông).

Niên hiệu Kiến Trung thứ nhất (Canh Thân, bốn năm).

Trong năm Kiến Trung thứ ba, ngày năm tháng hai, Kinh Khê Thiền sư ở Phật lũng thị tịch.

Niên hiệu Hưng Nguyên thứ nhất (Giáp Tý, một năm).

Niên hiệu Trinh Nguyên thứ nhất (Ất Sửu, hai mươi mốt năm).

Trong năm Trinh Nguyên, Tổ thứ mười là Thúy Pháp sư, ở chùa Quốc thanh nói Chỉ Quán cho Tu Pháp sư.

11. Thuận Tông (tên Tụng, con lớn của Đức Tông).

Niên hiệu Vĩnh Trinh thứ nhất. Năm này Thúy Pháp sư ở chùa Quốc thanh nói Chỉ Quán cho Sư Tối Trừng người Nhật Bản, Sư chép hết Nhất Tông Luận Sớ đem về nước, là người đầu tiên truyền giáo Thiên thai ở Nhật Bản.

12. Hiến Tông (tên Thuần, con lớn của Thuận Tông).

Niên hiệu Nguyên Hòa thứ nhất (Bính Tuất, mười lăm năm).

13. Mục Tông (tên Hằng, con thứ ba của Hiến Tông).

Niên hiệu Trường Khánh thứ nhất (Tân Sửu, bốn năm).

14. Kỉnh Tông (tên Trạm, con lớn của Mục Tông).

Niên hiệu Bảo Lịch thứ nhất (Ất Tỵ, hai năm).

15. Văn Tông (tên Ngang, con thứ của Mục Tông).

Niên hiệu Đại Hòa thứ nhất (Đinh Mùi, chín năm).

Trong năm Đại Hòa, Tổ thứ mười một là Tu Pháp sư, ở Thiền Lâm nói Chỉ Quán cho Ngoại Pháp sư.

Niên hiệu Khai Thành thứ nhất (Bính Thình, năm năm).

16. Võ Tông (tên Viêm, con thứ năm của Mục Tông).

Niên hiệu Hội Xương thứ nhất (Tân Dậu, sáu năm).

Năm Hội Xương thứ sáu, vua ra chiếu hủy phá hết các chùa Phật trong thiên hạ, đuổi hết Tăng Ni).

17. Tuyên Tông (tên Thầm, con thứ mười ba của Hiến Tông. Võ Tông muốn giết, bèn giả làm Sa-môn lánh nạn với Sư Tế An. Khi Võ Tông băng hà, quần thần rước về kinh lên ngôi.

Niên hiệu Đại Trung thứ nhất (Đinh Mão, mười ba năm). Vua ra chiếu cho trùng tu phục hồi lại các Tự Viện đã bị dẹp bỏ trong năm Hội Xương.

18. Ý Tông (tên Thôi, con lớn của Tuyên Tông).

Niên hiệu Hàm Thông thứ nhất (Canh Thìn, mười bốn năm).

19. Hy Tông (tên Khê, con thứ năm của Ý Tông).

Niên hiệu Càn Phù thứ nhất (Giáp Ngọ, sáu năm).

Trong năm Càn Phù, Tổ thứ mười hai là Ngoại Pháp sư ở Quốc Thanh nói Chỉ Quán cho Tú Pháp sư.

Niên hiệu Quảng Minh thứ nhất (Canh Tý, một năm).

Niên hiệu Trung Hòa thứ nhất (Tân Sửu, bốn năm).

Niên hiệu Quang Khải thứ nhất (Ất Tỵ, ba năm).

Niên hiệu Văn Đức thứ nhất (Mậu Thân, một năm).

20. Chiêu Tông (tên Hoa, con thứ bảy của Ý Tông).

Niên hiệu Long Kỷ thứ nhất (Kỷ Dậu, một năm).

Tổ thứ mười hai là Tú Pháp sư ở Quốc Thanh nói Chỉ Quán Pháp Môn cho Tủng Pháp sư.

Niên hiệu Đại Thuận thứ nhất (Canh Tuất, hai năm).

Niên hiệu Cảnh Phước thứ nhất (Nhâm Tý, ba năm).

Niên hiệu Càn Ninh thứ nhất (Giáp Dần, bốn năm).

Niên hiệu Quang Hóa thứ nhất (Mậu Ngọ, ba năm).

Niên hiệu Thiên Phục thứ nhất (Tân Dậu, bốn năm).

21. Cảnh Tông (tên Chúc, con thứ chín của Chiêu Tông).

Niên hiệu Thiên Hựu thứ nhất (Giáp Tý, ba năm).

*** Thời Ngũ Đại, nhà Lương:**

1. Lương Thái Tổ (tên Chu Ôn, được nhà Đường nhường ngôi, đóng đô ở Lạc Dương).

Niên hiệu Khai Bình thứ nhất (Đinh Mão, bốn năm).

Niên hiệu Càn Hóa thứ nhất (Tân Mùi, hai năm).

2. Mạt Đế (tên Điền, con thứ tư của Thái Tổ).

Niên hiệu Càn Hóa thứ ba (Quý Dậu, hai năm).

Niên hiệu Trinh Nguyên thứ nhất (Ất Hợi, sáu năm).

Niên hiệu Long Đức thứ nhất (Tân Tỵ, hai năm).

**** Nhà Đường:***

1. Trang Tông (Lý Tồn Úc phá Lương lên ngôi đóng đô ở Lạc Dương).

Niên hiệu Đồng Quang thứ nhất (Quý Mùi, ba năm).

2. Minh Tông (tên Đản, vốn là người thuộc bộ lạc Khuất Đột họ Trường. Ông này họ Lý là em khác mẹ của Trang Tông).

Niên hiệu Thiên Thành thứ nhất (Bính Tuất, bốn năm).

Niên hiệu Trường Hưng thứ nhất (Canh Dần, bốn năm).

3. Mạt Đế (Tên Tùng Tuân vốn họ Vương là con nuôi của Minh Tông).

Niên hiệu Thanh Thái thứ nhất (Giáp Ngọ, hai năm).

**** Nhà Tấn***

1. Cao Tổ (Thạch Kỉnh Đường diệt nhà Đường lên ngôi, đóng đô ở đất Biện).

Niên hiệu Thiên Phước thứ nhất (Bính Thân, sáu năm). Trong năm Thiên Phước, Tổ thứ mười bốn là Tủng Pháp sư ở Quốc Thanh nói Chỉ Quán cho Tịch Pháp sư.

2. Thiếu Đế (tên Ly Quý, cháu họ của Cao Tổ).

Niên hiệu Thiên Phước thứ bảy (Nhâm Dần, hai năm).

Niên hiệu Khai Vận thứ nhất (Giáp Thìn, ba năm).

**** Nhà Hán***

1. Cao Tổ (là Lưu Tri Viễn. Tấn Thiếu Đế bị giặc Khiết Đơn bắt sống. Trung Nguyên không có chúa, bèn lên ngôi ở Tấn Dương, nhưng vẫn dùng niên hiệu của nhà Tấn, đóng đô ở đất Biện).

Niên hiệu Thiên Phước thứ mười hai (Đinh Mùi, một năm).

2. Ẩn Đế (tên Thừa Hựu, cháu con chú bác với Cao Tổ).

Niên hiệu Càn Hựu thứ nhất (Mậu Thân, ba năm).

**** Nhà Chu***

1. Thái Tổ (Quách Linh Thích, được nhà Hán nhường ngôi, đóng đô ở đất Biện).

Niên hiệu Quảng Thuận thứ nhất (Tân Hợi, ba năm).

2. Thế Tông (tên Vinh, là cháu của Sài Thị, hoàng hậu của Thái Tổ, được di chiếu mà lên ngôi).

Niên hiệu Hiển Đức thứ nhất (Giáp Dần, năm năm).

3. Cung Đế (tên Sùng Huấn, con của Thế Tông).

Niên hiệu Hiển Đức thứ sáu (Kỷ Mùi, một năm).

**** Nhà Tống (hết thuộc Ngũ Đại).***

1. Thái Tổ (được nhà Chu nhường ngôi, đóng đô ở Biện Kinh).

Niên hiệu Kiến Long thứ nhất (Canh Thân, ba năm).

2. Ngô Viêt Vương Tiền Thục sai sứ đến Cao Ly, Nhật Bản để tìm Giáo Thừa Luận Sớ bị lưu lạc.

Năm Kiến Long thứ hai, nước Cao Ly sai Sa-môn Đế Quán đem Thiên Thai Luận Sớ đến Loa Khê.

Niên hiệu Càn Đức thứ nhất (Quý Hợi, năm năm), Tổ thứ mười lăm là Loa Khê Tịch Pháp sư nói pháp môn Chỉ Quán cho Thông Pháp sư.

Niên hiệu Khai Bảo thứ nhất (Mậu Thìn, tám năm).

3. Thái Tông

Niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc thứ nhất (Bính Tý, tám năm).

Năm Thái Bình Hưng Quốc thứ tư, Tổ thứ mười sáu là Bảo Vân Thông Pháp sư nói Chỉ Quán và các Pháp Đại thừa cho Tứ Minh Lễ Pháp sư.

Niên hiệu Ung Hy thứ nhất (Giáp Thân, bốn năm). Năm Ung Hy thứ tư, ngày bốn tháng mười một ngài Loa Khê Pháp sư thị tịch.

Niên hiệu Đoan Củng thứ nhất (Mậu Tý, hai năm) ngày hai mươi mốt tháng mười ngài Bảo Vân Pháp sư thị tịch.

Niên hiệu Thuần Hóa thứ nhất (Canh Dần, năm năm).

Niên hiệu Chí Đạo thứ nhất (Ất Mùi, ba năm).

4. Chân Tông

Niên hiệu Hàm Bình thứ nhất (Mậu Tuất, sáu năm). Niên hiệu Hàm Bình thứ sáu, Tổ thứ mười bảy là Pháp Trí Pháp sư ở Bảo Ân tại Nam Hồ đáp lời Nguyên Tín người Nhật Bản. Tín hỏi hai mươi bảy điều.

Niên hiệu Cảnh Đức thứ nhất (Giáp Thìn, bốn năm), Pháp Trí soạn Chỉ Yếu Sao, đặt ra Biệt Lý Tùy Duyên Nhị Thập Vấn, để công kích lỗi của Kế Tề chỉ lạm.

Năm Cảnh Đức thứ tư, Pháp Trí sai Bản Như đem Thập Nghĩa Thư Nhị Bách vấn dâng lên Tiền Đường Chiêu Sư để cứu lỗi của Quang Minh Huyền không lập Quán Tâm.

Niên hiệu Đại Trung Tường Phù thứ nhất (Mậu Thân, chín năm).

Năm Đại Trung Tường Phù thứ ba, vua ban đổi ngạch "Bảo Ân" là "Diên Khánh." Đồng Dị Văn Sư làm bài "Giới Thệ Từ" hai thiên, khiến làm nơi giảng lâu dài của Giáo Tông Thiên thai.

Năm Đại Trung Tường Phù thứ bảy, Sư soạn Quán Kinh Dung Tâm Giải.

Niên hiệu Thiên Hy thứ nhất (Đinh Tỵ, năm năm), Sư cùng mười Tăng tu Pháp Hoa Sám hạn kỳ đủ ba năm rồi thiêu thân cúng dường Pháp, vì Công Tư khuyên dẹp bỏ thiêu thân nên không thỏa nguyện, Sư soạn Tiêu Phục Tam Dụng để phá cái quấy của Xiển Nghĩa Sao của

Cô Sơn.

Năm Thiên Hy thứ tư, Phò Mã Lý Tuân Úc tâu vua ban cho Sư hiệu Pháp Trí Đại sư, lại tuyên chỉ khiến Sư sống ở đời để diễn giảng kinh giáo không cho thiêu thân.

Năm Thiên Hy thứ năm, Chúa thượng sai quan nội thị là Du Nguyên Thanh tuyên chỉ vua đến chùa tu Pháp Hoa Sám ba ngày. Sư Pháp Trí đã soạn Tu Sám Yếu Chỉ để đáp lại thiện ý của vua. Cũng năm này Sư soạn xong các bộ Quan Âm Biệt Hành Huyền Ký, Quán Kinh Diệu Tông Sao.

Niên hiệu Càn Hưng thứ nhất (Nhâm Tuất, một năm).

5. Nhân Tông

Niên hiệu Thiên Thánh thứ nhất (Quý Hợi, chín năm), Sư Pháp Trí soạn xong Quang Minh Tục Di Ký.

Năm Thiên Thánh thứ ba, trước đây khoảng đầu năm Thiên Hy, vua có ra chiếu cho thiên hạ lập ao phóng sinh. Sư Pháp Trí bèn nhân ngày Phật đản thả chim cá để làm việc phóng sinh. Sư tự soạn bài văn Phóng Sinh. Cũng năm này, Quận thú là Tằng Hội tâu lên vua các việc nghe thấy, vua sai Xu Mật Lưu Quân soạn bài văn khắc vào đá để kính nói về sự hóa độ của Phật.

Năm Thiên Thánh thứ năm, Sư Pháp Trí soạn Quang Minh Văn Cú Ký, ở phần sau Sư Quảng Trí có viết tiếp một phẩm Tán Phật.

Năm Thiên Thánh thứ sáu, ngày mồng một tháng giêng, Sư Pháp Trí lập Quang Minh Sám suốt bảy ngày làm kỳ hạn thuận tịch. Đến ngày thứ năm thì Sư ngồi kiết già nói pháp và niệm danh hiệu Phật mà hóa. Khi trà-tỳ có mùi hương lạ ngào ngạt, xá-lợi nhiều vô số, lưỡi của Sư còn nguyên và đỏ tươi như hoa sen.

Niên hiệu Minh Đạo thứ nhất (Nhâm Thân, hai năm).

Năm Minh Đạo thứ hai tháng bảy, rước linh cốt Sư xây tháp thờ ở Sùng Pháp tại Nam thành.

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 24

X. BIỂU ĐỒ VỀ THẾ HỆ PHẬT TỔ

Truyền đạo thì chủ về Tâm mà không cần ở vết tích là chắc chắn rồi. Nhưng luận về sự truyền trao của các Tổ với nhau tất phải theo dấu vết sau đó mới có thể biết về Tâm. Nếu đã biết Tâm rồi hà tất phải bỏ vết tích? Song như thế thì vết tích dùng để làm gì? Há chẳng nghe rằng: Giáo là để giảng nói. Có Quán là để thực hành. Hành phải theo lời nói, nói thì phải trông vào hành. Nói và hành phải đúng như dấu vết thì mới mầu nhiệm. Nên bảo rằng: Nói chỗ làm của Tâm mình thì đó là dấu vết truyền đạo vậy. Biết dấu vết tất biết tâm, biết tâm tất biết Đạo. Do biết Đạo nên sau đó mới có thể luận về việc trao truyền giữa các Tổ. Do đó làm ra biểu về Thế Hệ Phật Tổ sau đây.

PHẬT VÀ TỔ Ở TÂY VỨC

Giáo chủ là Phật Thích-ca Mâu-ni.
Tổ thứ 1: Ma-ha Ca-diếp Tôn giả.
Tổ thứ 2: A-nan-đà Tôn giả.
Tổ thứ 3: Thương-na Hòa-tu Tôn giả.
Tổ thứ 4: Ưu-ba-cúc-đa Tôn giả.
Tổ thứ 5: Đề-ca-đa Tôn giả.
Tổ thứ 6: Di-già-ca Tôn giả
Tổ thứ 7: Phật-đà Nan-đề Tôn giả.
Tổ thứ 8: Phật-đà Mật-đa Tôn giả.
Tổ thứ 9: Hiếp Tỳ-kheo Tôn giả.
Tổ thứ 10: Phú-na-xà Tôn giả.
Tổ thứ 11: Mã Minh Tôn giả.
Tổ thứ 12: Ca-tỳ-ma-la Tôn giả.
Tổ thứ 13: Long Thọ Tôn giả.
Ngài Mạt-điền-địa và Thương-na Hòa-tu đều là đệ tử Tổ A-nan

nhưng không phải chánh truyền nên nay không kể. Ở Đông độ này xem Tôn giả Long Thọ là Cao tổ thì xem các Tổ thứ mười bốn trở đi là dòng thứ. Vậy Tổ thứ mười bốn ở Tây Vức cũng xem ngài Bắc Tề ở Đông độ ta là dòng thứ. Mỗi bên luận việc kế thừa sẽ không lẫn lộn phải quấy. Như ngài Bắc Tề ngộ về Nhất Tâm Tam Quán của Trí Độ Luận rồi đem truyền lại ngài Nam Nhạc là xa kế thừa ngài Long Thọ, được tôn là Tổ thứ hai. Nay Tông ta muốn tôn ngài Tứ Minh làm Chánh Tổ. Vậy kể từ tổ Long Thọ trở xuống cả thảy có mười bảy đời đều được tôn làm Tổ. Có kẻ cho rằng làm cho Đạo hưng thạnh cao tột mà luận về Công đức thì hơi kém là sao? Vả chăng nói về thời có lúc thông lúc tắc, thì Đạo cũng có lúc hưng lúc suy, song đối với Đạo nào có thương tổn gì. Không có cha đâu thể có con, đây chỉ nói về vết tích của việc truyền giáo mà thôi. Muốn xét nguyên do, phải tìm xem lời bình luận của các Tôn Tổ ở Tông Môn (thấy trong Danh Văn Quang Giáo Chí).

MƯỜI BẢY TỔ Ở ĐÔNG ĐỘ

Cao Tổ: Long Thọ Vô Úy Luận Chủ.

Tổ thứ hai : Bắc Tề Đại Thiền Sư.

Tổ thứ ba : Nam nhạc Đại Thiền Sư có hai mươi vị :

1. Thiên Thai Trí Giả Thiền Sư.
2. Nam Nhạc Đại Thiện Thiền Sư, có một vị :
   * Huyện Lệnh Trần Chánh Nghiệp.
3. Nam Nhạc Tăng Chiếu Thiền Sư.
4. Chi Giang Tuệ Thành Thiền Sư.
5. Lam Cốc Tuệ Siêu Thiền Sư.
6. Ba Khâu Tuệ Diệu Thiền Sư.
7. Vân Phong Tuệ Dõng Thiền Sư.
8. Giang Lăng Tuệ Oai Thiền Sư.
9. Chung Sơn Trí Quán Thiền Sư.
10. Tiên Thành Tuệ Mạng Thiền Sư.
11. Chi Giang Tuệ Thôi Thiền Sư.
12. Nam Nhạc Linh Biện Thiền Sư.
13. Tân La Huyền Quang Thiền Sư, có bốn vị :
    * Nam Giản Tuệ Ảnh Thiền Sư.
    * Thăng Đường Thọ Biệt một vị.
    * Hỏa Quang Tam-muội một vị.
    * Thủy Quang Tam-muội một vị.
14. Tịnh Nhân Phương Hợp.

15. Nam nhạc Phủ Quân.
16. Thứ Sử Lưu Hoài Bảo.
17. Quang Châu Ba Tử Lập.
18. Ảnh Đường hai mươi tám người.
19. Nghiệp Cao bốn trăm vị.
20. Tín Trọng ba ngàn người.

Tổ Thứ Tư: Thiên Thai Trí Giả Đại Thiền sư Có sáu mươi sáu vị:

1. Chương An Quán Đảnh Thiền Sư.
2. Thiên Trúc, Chân Quán Thiền Sư.
3. Ngõa quan, Pháp Hỷ Thiền Sư.
4. Quốc Thanh, Trí Việt Thiền Sư.
5. Ngõa quan Pháp Thận Thiền Sư.
6. Quốc Thanh, Phổ Minh Thiền Sư.
7. Quốc Thanh, Trí Tảo Thiền Sư.
8. Phật Lũng, Trí Hy Thiền Sư.
9. Quốc Thanh, Pháp Ngạn Thiền Sư.
10. Lô Sơn, Trí Giai Thiền Sư.
11. Lô Sơn, Đại Chí Thiền Sư.
12. Ngọc tuyền, Đạo Duyệt Thiền Sư.
13. Thiền Chúng, Trí Lệnh Thiền Sư.
14. Phụng Thành, Pháp An Thiền Sư.
15 Ngọc tuyền, Pháp Yển Thiền Sư.
16. Quốc Thanh, Đạo Tu Thiền Sư.
17. Nhạc Dương, Đàm Tiệp Thiền Sư.
18. Ngọc tuyền, Nghĩa Thúy Thiền Sư.
19. Quốc Thanh, Sư Gián Thiền Sư.
20. Quốc Thanh, Như Lang Thiền Sư.
21. Phật Lũng, Tuệ Xước Thiền Sư.
22. Thiên Hương, Pháp Diên Thiền Sư.
23. Ngọc tuyền, Pháp Tài Thiền Sư.
24. Ngọc tuyền, Pháp Xáng Thiền Sư.
25. Thiên thai, Đẳng Quán Thiền Sư.
26. Hoa Đảnh, Bát-nhã Thiền Sư.
27. Cối kê, Lễ Tông Thiền Sư.
28. Thê hà, Pháp Hưởng Thiền Sư.
29. Ngọc tuyền, Hạnh Giản Thiền Sư.

30. Quốc Thanh, Tụê Oai Thiền Sư.
31. Bích Giản, Pháp Tuấn Thiền Sư.
32. Hưng Hoàng, Tuệ Tưởng Thiền Sư.
33. Đương dương, Đức Bảo Thiền Sư.
34. Nam nhạc, Tuệ Trù Thiền Sư.
35. Tưởng Sơn, Đại Nhẫn Thiền Sư.
36. Phật Lũng, Tuệ Biện Thiền Sư.
37. Ngọc tuyền, Đạo Thế Thiền Sư.
38. Thiên thai, Tuệ Thao Thiền Sư.
39. Thiên thai, Tuệ Phổ Thiền Sư.
40. Ngọc tuyền, Pháp Thạnh Thiền Sư.
41. Ngọc tuyền, Pháp Luận Thiền Sư.
42. Cối kê, Trí Quả Thiền Sư.
43. Chung Nam, Pháp Lâm Thiền Sư.
44. Quốc Thanh, Trí Tịch Thiền Sư.
45. Bạch Mã, Kỉnh Thiều Thiền Sư.
46. Định Lâm, Pháp Tuế Thiền Sư
47. Ngọc tuyền, Đạo Tuệ Thiền Sư.
48. Thập Trụ, Đạo Trăn Thiền Sư.
49. Tuệ Nhật, Tăng Trần Thiền Sư.
50. Trần Thiếu Đế.
51. Trần Hoàng Thái tử.
52. Trần Vĩnh Dương Vương.
53. Tùy Dạng Đế.
54. Ngọc tuyền Quan Vương.
55. Tham Quân Trần Châm.
56. Nho Sĩ Lương Phương Mậu.
57. Thái Trung, Tưởng Thiêm Mân.
58. Nghi Đồng, Ngô Minh Triệt.
59. Thứ Sử, Vương Tuyên Võ.
60. Nghi Đồng, Thẩm Quân Lý.
61. Bộc Xạ Từ Lăng.
62. Quang Lộc Vương Cố.
63. Thị Trung Khổng Hoán.
64. Nghi Đồng, Châu Hoằng Chánh.
65. Khai Phủ, Liễu Cố Ngôn.
66. Thượng Thư, Mao Hỷ.

- Các người đắc môn khoảng một ngàn người.

Tổ thứ năm: Chương An Quán Đảnh Đại Thiền Sư
Có sáu vị:
1. Pháp Trí Oai Thiền Sư.
2. Long Hưng Hoằng Cảnh Thiền Sư.
3. Nam nhạc Đại Tuệ Thiền Sư.
4. Thiên thai Minh Khoáng Thiền Sư.
5. Gia Tường Cát Tạng Thiền Sư. Có một vị:
* Kỳ Sơn Trí Bạt Thiền Sư.
6. Ngọc tuyền Đạo Tố Thiền Sư.

Tổ thứ sáu: Pháp Hoa Trí Oai Đại thiền sư , có một vị:
Thiên Cung Tuệ Oai Thiền Sư

Tổ thứ bảy: Thiên Cung Tuệ Oai Thiền Sư, có hai vị:
1. Tả Khê, Huyền Lãng Thiền Sư.
2. Vĩnh gia, Chân Giác Thiền Sư.

Tổ thứ tám: Tả Khê Huyền Lãng Đại Thiền Sư, có hai mươi mốt vị:
1. Kinh Khê, Trạm Nhiên Thiền Sư.
2. Tiêu Sơn, Thần Ấp Thiền Sư, Có bốn vị:
* Tiêu Sơn, Trí Ngang Thiền Sư.
* Tiêu Sơn, Linh Triệt Thiền Sư.
* Tiêu Sơn, Tiến Minh Thiền Sư.
* Tiêu Sơn, Tuệ Chiếu Thiền Sư.
3. Chi Hình, Đạo Tuân Pháp sư. Có bốn vị:
* Chi Hình, Linh Du Thiền Sư.
* Chi Hình, Pháp Tạng Thiền Sư.
* Chi Hình, Đạo Hân Thiền Sư.
* Chi Hình, Linh Nguyên Thiền Sư.
4. Phật Lũng, Đại Nghĩa Thiền Sư.
5. Tử Kim, Nguyên Tông Pháp sư.
6. Tứ Minh, Đạo Nguyên Thiền Sư.
7. Vụ Nữ, Thanh Biện Thiền Sư.
8. Vụ Nữ, Hành Tuyên Thiền Sư.
9. Vụ Nữ, Viên Tịnh Thiền Sư.
10. Vụ Nữ, Pháp Khai Thiền Sư.
11. Tam Cù, Đạo Tân Thiền Sư.

12. Tam Cù, Tuệ Tùng Thiền Sư.
13. Tỳ Lăng, Thủ Chân Thiền Sư.
14. Tiền Đường, Pháp Đăng Thiền Sư.
15. Tiền Đường, Pháp Chân Thiền Sư.
16. Cối kê, Pháp Nguyên Thiền Sư.
17. Tân La, Pháp Dung Thiền Sư.
18. Tân La, Lý Ứng Thiền Sư.
19. Tân La, Thuần Anh Thiền Sư.
20. Cư Sĩ Truyền Lễ
21. Cư Sĩ Vương Nguyên Phước

Tổ thứ chín: Kinh Khê Trạm Nhiên Đại Thiền Sư, có mười hai vị:
1. Hưng Đạo, Đạo Thúy Pháp sư.
2. Nam nhạc, Phổ Môn Pháp sư, có một vị:
Nam nhạc, Đàm Hoàn Pháp sư.
3. Long Hưng, Nguyên Hạo Pháp sư, có năm vị:
* Long Hưng, Trí Tịnh Pháp sư.
* Long Hưng, Trọng Nghi Pháp sử
* Long Hưng, Tử Du Pháp sư.
* Long Hưng, Đạo Như Pháp sư.
* Long Hưng, Trọng Lương Pháp sư.
4. Hoa Đảnh, Hạnh Mãn Pháp sư.
5. Thiên thai, Trí Độ Pháp sư.
6. Vân Phong, Pháp Chứng Pháp sư, có một vị:
Long Hưng, Trọng Tốn Pháp sư, có bốn vị:
+ Trung Thừa Liễu Công Xước.
+ Thứ Sử, Liễu Tông Nguyên.
+ Trung Thư Trịnh Nhân.
+ Thứ Sử Mạnh Giản.
7. Vô Tánh, Pháp Kiếm Pháp sư.
8. Hàn Lâm Học Sĩ Lương Túc.
9. Tán Kỵ Thường Thị Điền Đôn.
10. Lai Bộ Viên Ngoại Lý Hoa.
11. Tán Thị Thường Thị Thôi Cung.
12. Thân Thông có ba mươi chín người.

Tổ thứ mười: Hưng Đạo, Đạo Thúy Thiền Sư, có ba vị:
1. Chí Hành Quảng Tu Pháp sư.

2. Hưng Thiện Thủ Cung Pháp sư.
3. Nhật Bản, Tối Trừng Pháp sư.

Tổ thứ mười một: Chí Hành Quảng Tu Pháp sư, có sáu vị:
1. Chỉ Định Vật Ngoại Pháp sư.
2. Thiên thai Lương Tư Pháp sư.
3. Thiên thai Quang Thiều Pháp sư.
4. Thiên thai Kỉnh Văn Pháp sư.
5. Thiên thai Duy Quyên Pháp sư.
6. Thứ Sử Vi Hành.

Tổ thứ mười hai: Chánh Định Ngoại Vật Pháp sư, có ba vị:
1. Diệu Thuyết Nguyên Tú Pháp sư.
2. Thiên thai Kỉnh Hưu Pháp sư.
3. Thiên thai Tuệ Ngưng Pháp sư, có một vị:
* Thiên thai Xử Nguyên Pháp sư, có một vị:
* Thiên thai Huyền Quảng Pháp sư.

Tổ thứ mười ba: Diệu Thuyết Nguyên Tú Pháp sư, có hai vị:
1. Cao Luận Thanh Tủng Pháp sư.
2. Quốc Ninh Thường Tháo Pháp sư, có một vị:
* Quốc Ninh Nghĩa Tùng Pháp sư, có một vị:
* Quốc Ninh Đức Trù Pháp sư, có hai vị:
* Định Thủy Tuệ Vũ Pháp sư.
* Pháp Tánh Tu Nhã Pháp sư.

Tổ thứ mười bốn: Cao Luận Thanh Tủng Pháp sư, có bảy vị:
1. Tịnh Quang Nghĩa Tịch Pháp sư.
2. Từ Quang Chí Nhân Pháp sư.
3. Diễn Giáo Giác Di Pháp sư.
4. Tiền Đường Nghĩa Thanh Pháp sư.
5. Hải Nam Hoài Chí Pháp sư.
6. Cô Tô Khả Vinh Pháp sư.
7. Từ Quang Ngộ Ân Pháp sư, có bốn vị:
* Từ Quang Văn Bị Pháp sư, có một vị:
    + Quảng Tuệ Uẩn Thường Pháp sư.
* Từ Quang Khả Nghiêm Pháp sư.
* Linh Quang Hồng Mẫn Pháp sư.

* Phụng Tiên Nguyên Thanh Pháp sư, có bốn vị:
    + Khai Nguyên Đức Thông Pháp sư.
    + Sùng Phước Khánh Loan Pháp sư.
    + Cô Sơn Trí Viên Pháp sư.
    + Phạm Thiên Khánh Chiêu Pháp sư, có ba vị:
- Vĩnh Phước Hàm Nhuận Pháp sư, có một vị:
- Vĩnh Phước Thiện Bằng Pháp sư.
. Báo Ân Trí Nhân Pháp sư.
. Vĩnh gia Kế Tề Pháp sư.

Tổ thứ mười lăm: Tịnh Quang Hy Tịch Pháp sư, có chín vị:
1. Bảo Vân Nghĩa Thông Pháp sư.
2. Quốc Thanh Tông Dục Pháp sư,có tám vị:
* Thường Ninh, Khế Năng Pháp sư.
* Thông Chiếu Giác Minh Pháp sư.
* An Quốc Trí Trăn Pháp sư.
* Bảo Sơn, Hoài Khánh Pháp sư.
* Minh Giáo Hiểu Thừa Pháp sư.
* Bảo Tạng Ngộ Chân Pháp sư.
* Đảnh Sơn Hoài Ngọc Pháp sư.
* Linh Thứu Chí Luân Pháp sư.
3. Quảng Giáo Trừng Vức Pháp sư.
4. Quảng Giáo Bảo Tường Pháp sư.
5. Thạch Bích Hành Tĩnh Pháp sư.
6. Thạch Bích Hành Thiệu Pháp sư.
7. Thắng Quan Thụy Tiên Pháp sư.
8. Thông Giám Tri Liêm Pháp sư.
9. Sùng Pháp Nguyện Tề Pháp sư.

Tổ thứ mười sáu: Bảo Vân Nghĩa Thông Pháp sư, có mười vị:
1. Pháp Trí Tri Lễ Pháp sư.
2. Từ Vân Tuân Thức Pháp sư, có mười một vị :
* Diệu Quả Văn Xương Pháp sư, có một vị :
* Diệu Quả Thiên Thọ Pháp sư.
* Minh Trí Tổ Thiều Pháp sư, có năm vị :
+ Hải Nguyệt Tuệ Biện Pháp sư, có một vị :
+ Pháp Bảo Tùng Nhã Pháp sư, có một vị :
    - Chỉ Nguyên Như Cảo Pháp sư.

+ Tuệ Tịnh Tư Nghĩa Pháp sư. có sáu vị :
    - Viên Ứng Đức Hiền Pháp sư.
    - Thần Trí Trọng Nguyên Pháp sư, có một vị :
        ● Từ Minh Tuệ Quang Pháp sư.
    - Từ Giác Vĩnh Kham Pháp sư, có một vị :
        ● Từ Thọ Tử Lâm Pháp sư.
    - Tịch Chiếu Tuệ Nhật Pháp sư.
    - Viên Ngộ Tư Thượng Pháp sư.
    - Từ Hạnh Trí Thâm Pháp sư, có tám vị :
        ● Tam Cù Hoài Tập Pháp sư.
        ● Viên Trí Chí Hào Pháp sư, có hai vị :
            Thừa Thiên Nghĩa Chiêu Pháp sư.
            Thừa Thiên Nghĩa Vinh Pháp sư.

* Thừa Thiên Văn Hũ Pháp sư.
* Nhật Bản Nguyên Tín Pháp sư.
* Nội Thị Du Nguyên Thanh.
* Nối Pháp hai mươi bảy người.
* Vào thất bốn trăm bảy mươi tám người.
* Thăng đường một ngàn người.

+ Biện Tài Nguyên Tịnh Pháp sư, có hai vị :
    - Pháp Giám Ngược Ngu Pháp sư.
    - Linh sơn Tắc Chương Pháp sư.
+ Thần Trí Tải Thăng Pháp sư.
+ Quảng Tuệ Cư Bạch Pháp sư.

* Pháp Hỷ Thanh Giám Pháp sư.
* Chân Tịnh Tư Vĩnh Pháp sư.
* Bảo Khánh Pháp Nhuận Pháp sư.
* Thiên Phúc Bản Dung Pháp sư.
* Thiên Trúc Tư Ngộ Thị Giả.
* Thừa Tướng Vương Khâm Nhược.
* Thị Lang Mã Lượng.
* Gián Nghị Hồ Tắc.
* Chức Phương Thôi Dục Tài.

3. Nam Hồ Dị Văn Pháp sư.
4. Hưng Quốc Hữu Cơ Pháp sư, có hai vị :

* Hưng Quốc Linh Tường Pháp sư.
* Phước Nguyên Ngộ Trì Pháp sư.

5. Quảng Tuệ Thể Nguyên Pháp sư.

6. Tiền Đường Thanh Hiển Pháp sư, có hai vị :
* Pháp Hiển Ngộ Thành Pháp sư.
* Đâu-suất Thủ Nhân Pháp sư.
7. Bảo Vân Diên Đức Pháp sư.
8. Bảo Sơn Thiện Tín Pháp sư.
9. Thái Sư Tiền Duy Trị.
10. Vận Sứ Cố Thừa Huy.

Tổ thứ mười bảy: Tứ Minh Pháp Trí Tri Lễ Pháp sư, có hai mươi mốt vị :
1. Quảng Trí Thượng Hiền Pháp sư.
2. Thần Chiếu Bản Như Pháp sư.
3. Nam Bình Phạm Trăn Pháp sư.
4. Tam Học Tắc Toàn Pháp sư, có một vị
* Tam Học Nhược Thủy Pháp sư.
5. Phù Thạch Sùng Cự Pháp sư, có bốn vị
* Thiên Trụ Thủ Tư Pháp sư.
* Cảnh Vân Ôn Kỳ Pháp sư, có hai vị
+ Giác Từ Thiện Tung Pháp sư.
+ Cảnh Đức Cơ Thức Pháp sư.
* Phù Thạch Hoài Nguyệt Pháp sư.
* Vụ Nữ Nhật Đông Pháp sư.
6. Quảng Từ Tuệ Tài Pháp sư, có bảy vị :
* Diệu Ngộ Hy Tối Pháp sư.
* Sám Chủ Pháp Tông Pháp sư.
* Diệu Quả Tử Lương Pháp sư.
* Dư Khánh Tư Biện Pháp sư.
* Phù Thạch Duy Thanh Pháp sư.
* Long Tuyền Đàm Dị Pháp sư.
* Lôi Phong Giới Châu Pháp sư.
7. Quảng Nghiêm Hàm Oánh Pháp sư.
8. Quảng Nhân Trạch Giao Pháp sư.
9. Viên Trí Giác Tông Pháp sư.
10. Sùng Pháp Tổ Đoan Pháp sư.
11. Tứ Minh Văn Xáng Pháp sư.
12. Đơn Khâu Từ Khiêm Pháp sư.
13. Tứ Minh Nguyện Bân Pháp sư.
14. Quảng Ấn Trí Hoàn Pháp sư.

15. Tường Phù Văn Trí Pháp sư.
16. Tam Cù Văn Bính Pháp sư.
17. Tứ Minh Dụng Khanh Pháp sư.
18. Từ Minh Cư Vĩnh Pháp sư.
19. Sùng Pháp Tự Nhân Pháp sư.
20. Sùng Khánh Bản Viên Pháp sư.
21. Thiên thai Tuệ Chu Pháp sư.

Nam Hồ Quảng Trí Thượng Hiền Pháp sư, có chín vị :

1. Thần Trí Giám Văn Pháp sư, có hai vị :

* Không Tướng Tư Cung Pháp sư.
* Văn Tuệ Tông Chánh Pháp sư.

2. Minh Trí Trung Lập Pháp sư, có bảy vị :

* Trừng Chiếu Giác Tiên Pháp sư.
* Tuệ Chiếu Pháp Lân Pháp sư.
* Viên Trừng Trí Khiêm Pháp sư.
* Định Tuệ Giới Nhiên Pháp sư.
* Tứ Minh Pháp Duy Pháp sư.
* Gián Nghị Trần Quyền.
* Đãi Chế Triều Thuyết Chi.

3. Phù Tông Kế Trung Pháp sư, có hai vị :

* Vĩnh gia Pháp Thuyên Pháp sư.
* Thảo đường Xử Nguyên Pháp sư, có một vị :

+ Tức Am Đạo Uyên Pháp sư, có hai vị :

  - Viên Biện Đạo Tham Pháp sư.
  - Tịnh Xã Xử Liêm Pháp sư, có bảy vị :

* Hưu Am Pháp Chu Pháp sư, có một vị :
* Khoát Am Tịnh Ngộ Pháp sư, có một vị :
* Khiếu Nham Văn Hổ Pháp sư, có bảy vị :

+ Nạp Đường Tuệ Biện Pháp sư.
+ Ngoan Không Trí Giác Pháp sư.
+ Tòng Giản Thiện Trợ Pháp sư.
+ Hàn Cốc Diệu Huy Pháp sư.
+ Đông Sơn Quỳ Công Thủ Tọa.
+ Đông Sơn Kiểu Công Thủ Tọa.
+ Đông Sơn Nghĩa vấn Thư Ký.
+ Pháp Minh Văn Tiết Pháp sư, có một vị :

* Bế lâm Từ Chân Pháp sư, có một vị :

Chiếu Đường Sư Vịnh Pháp sư, có hai vị :

* Pháp Minh Hành Y Pháp sư, có một vị :
* Pháp Minh Khả Khuê Pháp sư.
* Bảo Đàn Trí Thượng Pháp sư.
* Bảo Tích Pháp Vân Pháp sư.
* Diệu Quả Sư Giai Pháp sư.
* Thủy Lục Văn Bỉnh Pháp sư.
* Thường Minh Đạo Thâm Pháp sư.
* Phước Xương Văn Tu Pháp sư.

4. Siêu Quả Duy Trạm Pháp sư.
5. Nhân Quả Như Các Pháp sư.
6. Tịnh Xã Toàn giáo pháp sư.
7. Quát Thương Nghĩa Tuân Pháp sư.
8. Tứ Minh Uẩn Cung Pháp sư.
9. Pháp Xương Bản Thành Pháp sư.

(Quảng Trí truyền cho Phù Tông ấy là lấy Minh truyền Ôn. Ba đời Phù Tông là Viên Biện, Tịnh Xã. Xã truyền Ôn, Biện truyền Minh. Ôn và Minh xen nhau làm thầy trao truyền. Không có Viên Biện thì Đạo của Quảng Trí không bao lâu sẽ mất. Nam Hồ Tứ Trí về sau tuy có truyền cho một vị mà không nghe tiếng. Song Trần và Triều hai người khen ngợi sáng tỏ. Đạo này thật đủ để định rằng như có Lương và Lý ở đời Đường, làm hưng thịnh Giáo Môn mình, đâu chẳng càng thêm ích lợi sao?).

Viên Biện Pháp sư, có mười một vị :

1. Nguyệt Đường Tuệ Tuân Pháp sư, có sáu vị :

* Dật Đường Pháp Đăng Pháp sư, có tám vị :

+ Đồng Am Duẫn Hiến Pháp sư, có mười hai vị :
    - Viên Am Hành Quả Pháp sư.
    - Đông lâm Giác Tiên Pháp sư.
    - Hương Sơn Duy Nhất Pháp sư.
    - Hạo ông Tuệ Xuyên Pháp sư.
    - Thạch ông Pháp giới Pháp sư.
    - Kha Sơn Bản Ngộ Pháp sư.
    - Hổ Nham Hành Khuê Pháp sư.
    - Thạch Lâm Văn Tảo Pháp sư.
    - An Đạo Thanh Ninh Pháp sư.
    - Vô Văn Nhược Nạp Pháp sư, có một vị :
        Tự Mục Tử Khiêm Pháp sư.
    - Thánh Thủy Thiện Tế Pháp sư.

- Nam Hồ Phổ Văn Hành Nhân

+ Thạch Pha Nguyên Khải Pháp sư, có một vị :
    - Vô Trụ Tông Tịnh Pháp sư, có một vị :
    - Đại Thạch Chí Bàn Pháp sư.
+ Trúc Pha Như Ước Pháp sư, có hai vị :
    - Thạch Cổ Tuệ Phán Pháp sư.
    - Trúc Ốc Thiện Giao Pháp sư.
+ Thạch Ốc Chánh Kỷ Pháp sư, có hai vị :
    - Hữu Sơn Trí Cung Pháp sư.
    - Hoài Cổ Khả Thượng Pháp sư.
+ Khả Đường Nhược Tham Pháp sư.
+ Hóa ông Sư Tán Pháp sư.
+ Cự Tông Sư Nhạc Pháp sư.
+ Bất Cô Hữu Lân Pháp sư.

* Bách Đình Nguyệt Thiện Pháp sư, có mười hai vị :

+ Hương Lâm Thanh Tứ Pháp sư.
+ Y Đường Liễu Viên Pháp sư, có một vị :
    - Canh Vân Sùng Kinh Pháp sư.
+ Thạch Điền Diệu Tuệ Pháp sư.
+ Bán Vân Hành Nho Pháp sư.
+ Thử Thất Đại Phương Pháp sư.
+ Hư Trung Nguyên Kỳ Pháp sư.
+ Tuần Sơn Sĩ Nghiêu Pháp sư.
+ Cô Nham Như Khải Pháp sư.
+ Tịch Am Văn Tuệ Pháp sư, có hai vị :
    - Bán Nham Đạo Toàn Pháp sư.
    - Tử Cao Tất Thăng Pháp sư.
+ Tảo Am Văn Tiết Pháp sư.
+ Tốn Trung đạo Khiêm Pháp sư.
+ Vô Mưu Thiện Ứng Pháp sư.

* Duyệt Am Tịnh Tuệ Pháp sư, có bảy vị :

+ Thiền Duyệt Khả Bân Pháp sư.
+ Bảo Hóa Đạo Anh Pháp sư.
+ Bảo Ốc Khả Thượng Pháp sư.
+ Hóa Ông Chánh Kỷ Pháp sư.
+ Đại Bồng Liễu Nhân Pháp sư.
+ Mâu Ốc Liễu Kỷ Pháp sư.
+ Trúc Khê Chí Xương Pháp sư.

* Ẩn Đướng Chánh Vinh Pháp sư.
* Thạch Chi Tông Hiểu Pháp sư.
* Nam Hồ Thiện Vinh Hành Nhân
2. Nhất Am Xử Cung Pháp sư, có ba vị :
* Si Am Thùy Củng Pháp sư.
* Thục Bảo Lương Viêm Pháp sư.
* Chánh Am Đoan Tín Pháp sư.
3. Chuế Am Duy Định Pháp sư.
4. Thùy Am Tông Nhạc Pháp sư.
5. Tuyết Đường Giới Ưng Pháp sư.
6. Chỉ Am Pháp Liên Pháp sư, có một vị :
* Dư Diêu Thanh Trạm Pháp sư.
7. Chỉ Nam Trọng Thiều Pháp sư.
8. Từ Vân Văn Thống Pháp sư.
9. Cảnh Am Cảnh Thiên Pháp sư.
10. Khế Am Như Hối Pháp sư.
11. Hoàn Am Giới Xu Pháp sư.
Đông Sơn Thần Chiếu Pháp sư, có mười vị :
1. Pháp Chân Xử Hàm Pháp sư, có bốn vị :
* An Quốc Nguyên Tuệ Pháp sư, có mười vị :
+ Trí Dõng Liễu Nhiên Pháp sư, có một vị :
    - Giác Vân Trí Liên Pháp sư, có hai vị :
    - Nguyên Am Tắc Ước Pháp sư.
    - Phác Am Thanh Triết Thủ Tọa
+ Chân Giáo Trí Tiên Pháp sư, có một vị
    - Chứng Ngộ Viên Trí Pháp sư, có một vị
        Tuệ Quang Nhược Nạp Pháp sư, chia hai nhánh
* Đẳng Am Sĩ Hành Pháp sư.
* Hư Am Hữu Hoằng Pháp sư.
* Trung Am Sư An Pháp sư.
* Thạch Giản Tùng Giới Pháp sư, có một vị
* Cổ Tuyền Chánh Tông Pháp sư, có một vị
* Nguyệt Đàm Đạo Giám Pháp sư, có một vị
* Tuyết Khê Đắc Pháp Ích
* Phục Am Diệu Khuê Pháp sư.
* Thượng Trúc Sư Giác Pháp sư.
* Hối Am Tuệ Minh Pháp sư.
+ Bạch Liên Phạm Chương Thủ tòa

+ Trạch Sơn Dữ Hàm Pháp sư.
+ Sơn Đường Nguyên Tánh Pháp sư, có một vị
    - Hư Đường Bản Không Pháp sư.
+ Tập Trường Diệu Lân Pháp sư.
+ Xích thành Trung Ích Pháp sư.
+ Bạch Liên Trí Viên Pháp sư.
+ Bạch Liên Thanh Ngộ Pháp sư.
+ Bạch Liên Tử Mầu Pháp sư.
* Bạch Liên Đạo Khanh Pháp sư.
* Tứ Minh Tịnh Cảo Pháp sư.
* Quận Thú Lý Đình Chi
2. Thần Ngộ Xử Khiêm Pháp sư, có tám vị
* Bắc Thiền Tịnh Phạm Pháp sư, có năm vị
+ Bắc Thiền Huệ Thâm Pháp sư.
+ Đảnh Sơn Tử Văn Pháp sư.
+ Phi Anh Trí Thầm Pháp sư.
+ Siêu Quả Tuệ Đạo Pháp sư, có một vị
    - Đức Tạng Tùng Tiến Pháp sư.
+ Thông Chiếu Tuệ Minh Pháp sư.
* Báo Từ Uẩn Nghiêu Pháp sư.
* Bạch Liên Thiện Khuê Pháp sư.
* Đức Tạng Trạch Anh Pháp sư, có một vị
+ Bắc Tư Tịnh Pháp sư.
* Kim Hoa Tử Phương Pháp sư.
* Thọ An Lương Bậc Pháp sư, có một vị
+ Giáo Tạng Hữu Toàn Pháp sư.
* Tịnh Trụ Tư Chiếu Pháp sư.
* Nhất Hạnh Tông Lợi Pháp sư.
3. Lô Am Hữu Nghiêm Pháp sư, có hai vị
* Thiên thai Pháp Lân Pháp sư.
* Thiên Thai Ứng Thông Pháp sư.
4. Thừa Thiên Pháp Bảo Pháp sư.
5. Thừa Thiên Hoài Nhã Pháp sư.
6. Thiên thai Tân Tiêm Pháp sư.
7. Vĩnh gia Nguyên Thám Pháp sư.
8. Tiền Đường Nghĩa Toàn Pháp sư.
9. Thừa Thiên Trạch Nhân Hành Nhân.
10. Thiên thai Tả Thân Cư Sĩ.

Hậu duệ của Đông Sơn đến Nguyệt Đàm Tuyết Khê càng kém. Do vì người kế thừa mà đạo và ngôi vị không hiển hách đó thôi. Rất đáng cảm thương vậy.

Nam Bình Hưng giáo pháp sư, có mười vị

1. Từ Biện Tùng Giáo Pháp sư, có mười hai vị

* Xà Khê Trạch Khanh Pháp sư.
* Tuệ Giác Tề Ngọc Pháp sư.
* Viên Giác Uẩn Từ Pháp sư, có bốn vị

+ Pháp Chiếu Trung Hạo Pháp sư, có bốn vị
    - Tắc Am Minh Triết Pháp sư, có một vị
        Chánh Đường Như Lý Pháp sư.
    - Năng Nhân Đạo Sơn Pháp sư, có hai vị
        Tất Am Pháp Bố Pháp sư, có một vị
        Thản Am Pháp Anh Pháp sư.
        Nam Nham Pháp Hùng Pháp sư, có một vị
        Đông Sơn Tổ Ý Pháp sư.
    - Lễ Tuyền Hành Hoàn Pháp sư.
    - Bố Kim Giác Tuyên Pháp sư.
+ Thần Tuệ Mẫn Tề Pháp sư.
+ Năng Nhân Văn Công Thủ Tọa
+ Năng Nhân Năng Công Hành Nhân

* Phổ Minh Như Tĩnh Pháp sư, có hai vị

+ Phổ Minh Thiện Kỳ Pháp sư.
+ Viên Thông Tư Phạm Pháp sư, có một vị
    - Tư Khê Cảnh Tư Pháp sư.

* Thiên Trúc Ứng Như Pháp sư, có sáu vị

+ Sùng Tiên Hoài Chí Pháp sư.
+ Tinh Anh Tùng Trí Pháp sư.
+ Tuyên Bí Tuệ Tuyên Pháp sư.
+ Phổ Viên Phổ Chứng Pháp sư.
+ Pháp Đăng Đạo Tuân Pháp sư.
+ Dư Diêu Hành Trừng Pháp sư.

* Pháp Vân Tông Mẫn Pháp sư, có một vị

+ Xu Mật Tưởng Chi Kỳ.

* Tuệ Giác Thanh Nguyệt Pháp sư.
* Phật Trí Từ Vân Pháp sư, có một vị

+ Pháp Chiếu Tịnh Thông Pháp sư.

* Phật Chiếu Trí Kiên Pháp sư, có hai vị

+ Thần Biện Giác Ninh Pháp sư.
+ Đẳng Từ Tuệ Tự Pháp sư.
* Viên Minh Trí Hiền Pháp sư.
* Cao Ly Nghĩa Thiên Tăng Thống
* Minh Nghĩa Thủ Tọa
2. Quần Phong Thái Sơ Pháp sư, có một vị
* Phạm Từ Trí Phổ Pháp sư, có một vị
+ Long Hoa Đạo Phương Pháp sư, có một vị
    - Siêu Quả Tông Triệu Pháp sư.
3. Viên Chiếu Phạm Quang Pháp sư.
4. Đông Linh Trí Khâm Pháp sư, có một vị
* Dương Tiêm Lợi Uyên Pháp sư, có hai vị
+ Dương Tiêm Pháp Khâm Pháp sư.
+ Sùng Tiên Liễu Sinh Pháp sư.
5. Nam Bình Dụng Văn Pháp sư, có một vị
* Hiến Chương Trọng Mân Pháp sư.
6. Dư Khánh Đạo Tồn Pháp sư.
7. Siêu Quả Hội Hiền Pháp sư, có ba vị
* Tinh Vi Ngạn Luân Pháp sư.
* Bảo Tích Ngạn Đoan Pháp sư.
* Thanh Biện Uẩn Tề Pháp sư, có hai vị
+ Cảnh Đức Pháp Vân Pháp sư.
+ Thượng Phương Pháp Thanh Pháp sư.
8. Pháp Tuệ Chánh Tông Pháp sư.
9. Nam An Cảnh Sơ Pháp sư.
10. Đông Bình Linh Ngoạn Pháp sư.
11. Đông Ngô Văn Hủ Pháp sư.
12. Tiền Đường Như Tuân Pháp sư.

Xa Khê Khanh Pháp sư, có chín vị

1. Trúc Am Khả Quan Pháp sư (chia hai nhánh).
* Hiển Am Pháp Xương Pháp sư.
* Nguyệt Khê Pháp Huy Pháp sư.
* Ẩn Học Bản Nhiên Pháp sư.
* Phù Thạch Tử Tuệ Pháp sư.
* Vĩnh Phước Chí Hưởng Pháp sư.
* Thiên Vương Đạo Dụng Pháp sư.
* Năng Nhân Hoài Bảo Pháp sư, có một vị

+ Thảo đường Như Bảo Pháp sư.
* Cổ Vân Nguyên Túy Pháp sư.
* Phật Quang Pháp Chiếu Pháp sư, có hai mươi ba vị
+ Tử Đình Sư Huấn Pháp sư, có hai vị
    - Ngu Cốc Tùng Tuệ Pháp sư.
    - Đông Minh Tuệ Nhật Pháp sư, có một vị
        . Thiên Giang Nhất Ấn Pháp sư.
+ Đông Lăng Trí Hướng Pháp sư, có bốn vị
    - Tĩnh Sơn Xử Nhân Pháp sư.
    - Lỗ Sơn Quý Văn Pháp sư.
    - Hư Đường Khả Minh Pháp sư.
    - Tòng Lâm Tông Bạc Pháp sư, có một vị
        . Tứ Thông Tử Tư Pháp sư.
+ Bắc Khê Đức Văn Pháp sư, có một vị
+ Tống Chu Tử Văn Pháp sư.
+ Cúc Đình Tín Khanh Pháp sư.
+ Hải Ông Thời Học Pháp sư, có hai vị
    - Liễu Đường Khả Quyền Pháp sư, có ba vị
        . Tòng Đình Khả Nguyệt Pháp sư.
        . Vân Hải Phổ Độ Pháp sư.
        . Vân Hải Chí Bảo Pháp sư.
    - Ốc Châu Quang Hoa Pháp sư.
+ Mai Giản Thái Độ Pháp sư.
+ Thiếu Ngu Dục Tài Pháp sư.
+ Hành Cổ Vong Tân Pháp sư.
+ Đỉnh Sơn Thời Cử Pháp sư, có mười vị
    - Vị Tân Duy Thanh Pháp sư.
    - Đại Sơn Đạo Viện Pháp sư.
    - Thử Đường Đạo Ngộ Pháp sư.
    - Trú Đường Văn Hoán Pháp sư.
    - Chi Điền Đức Thụy Pháp sư, có hai vị
        . Cao Phong Tịnh Di Pháp sư.
        . Đại Minh Viên Chiếu Pháp sư.
    - Thạch Tuyền Phổ Hiệp Pháp sư.
    - Bất Mô Sư Giai Pháp sư.
    - Tử Nguyên Nghĩa Thâm Pháp sư.
    - Tây Tuyền Nhất Duy Pháp sư.
    - Tánh ông Vân Tập Pháp sư.

+ Hữu Châu Cảnh Thuyên Pháp sư.
+ Cô Nhân Chánh Nham Pháp sư.
+ Độc Cổ Diệu Thanh Pháp sư.
+ Ứng Am Pháp Ngôn Pháp sư.
+ Tân Sơn Tư Cung Pháp sư, có một vị
  - Thái Hư Phổ Dung Hành Nhân.
+ Tây Sơn Văn Củng Pháp sư.
+ Tuyết Sầm Hành Hải Pháp sư.
+ Vô Cực Khả Độ Pháp sư, có một vị
  - Song Khê Đạo Hoằng Pháp sư.
+ Đông Bình Chánh Ngô Pháp sư, có một vị
  - Nam Tẩu Nguyên Khải Pháp sư.
+ Thạch Lâm Văn Phấn Pháp sư.
+ Đông Sơn Tuệ Nhật Pháp sư.
+ Tự Văn Như Nguyện Pháp sư.
+ Thử Sơn Chí Tại Thư Ký.
+ Phương Khê Vân Trân Tri Khách.
* Mai Phong Phạm Khuê Pháp sư, có hai vị
+ Cụ Thành Diệu Tiêm Pháp sư.
+ Cô Nham Như Nguyệt Pháp sư.
* Thạch Khê Từ Thọ Pháp sư.
* Thạch Kính Thanh Cảo Pháp sư.
* Từ Cảm Văn Khuê Pháp sư.
* Mông Tuyền Liễu Nguyên Pháp sư.
* Độc Hải Đạo Nguyên Pháp sư.
* Đồng Châu Hoài Thản Pháp sư.
* Diệm Nguyên Giác Tiên Pháp sư.
* Nam Phong Từ Thành Pháp sư.
* Nhật Bản Tuấn Nhưng Pháp sư.
* Nghiêm Lăng Triệu Ngạn Túc.
* Khải Am Ngô Khắc Kỷ.

2. Mục Am Hữu Bằng Pháp sư.
3. Tường Phù Đạo Hân Pháp sư, có một vị

* Xa Khê Thiện Vinh Pháp sư, có một vị
+ Tử Kim Pháp Thông Pháp sư.

Tuệ Giác Tề Ngọc Pháp sư.

1. Thanh Tu Pháp Cửu Pháp sư, có bốn vị

* Từ Thất Diệu Vân Pháp sư.
* Tuyết Khê Hy Nhan Pháp sư.
* Ngộ Chân Chánh Hạo Pháp sư.
* Nam Hồ Liễu Tuyên Hành Nhân.

2. Trừng Giác Thần Hoán Pháp sư, có một vị
* Giác Am Giản Ngôn Pháp sư, có ba vị
+ Gíam Đường Tư Nghĩa Pháp sư.
+ Tổng Am Diệu Tâm Pháp sư, có một vị
- Cổ Kính Văn Cảo Pháp sư.
+ Thường Tế Pháp Tinh Pháp sư.
3. Giả Danh Như Trạm Pháp sư, có một vị
* Xa Khê Trí Khâm Pháp Sư
4. Mật Ấn Tu Tuệ Pháp sư.
5. Tuệ Giải Đàm Ứng Pháp sư.
6. Tuệ Chiếu Đạo Luân Pháp sư.
7. Bắc Thiền Pháp Vinh Pháp sư.
8. Bắc Thiền Văn Tuấn Pháp sư.
9. Viên Giác Tịnh Khuê Pháp sư.

Diệm Nguyên Giác Tiên Pháp sư, có một vị
* Vân Mộng Duẫn Trạch Pháp sư, có bốn vị
+ Trạm Đường Tánh Trừng Pháp sư, có sáu vị
- Ngã Am Bản Vô Pháp sư, có bốn vị
. Trúc Ẩn Hoằng Đạo Pháp sư.
. Nguyên Phác Như Chương Pháp sư.
. Ky Sơn Đại Ẩn Pháp sư.
. Chiếu Am Duẫn Trung Pháp sư.
- Thiên Ngạn Hoằng Tế Pháp sư, có một vị
- Tín Nguyên Vĩnh Phù Pháp sư.
- Tuyệt Tông Thiện Kế Pháp sư, có bốn vị
. Đại Phác Như Kỷ Pháp sư.
. Đại Xa Thị Thừa Pháp sư.
. Đại Triệt Tịnh Dục Pháp sư.
. Độc Am Tự Bằng Pháp sư.
- Gia Khê Duẫn Nhược Pháp sư.
- Hành Chi Đại An Pháp sư.
- Tức Am Duẫn Tư Pháp sư.
+ Như Am Tịnh Chân Pháp sư.

+ Thu Nhai Tông Cũ Pháp sư.
+ Phương Nham Hoài Tắc Pháp sư, có một vị
- Tử Mông Tỉnh Sơ Pháp sư.

Đồng Châu Hoài Thản Pháp sư, Có hai vị
1. Cổ Nguyên Vĩnh Thanh Pháp sư, có hai vị
* Ngọc Cang Mông Nhuận Pháp sư, có năm vị
+ Tòng Hóc Chánh Thọ Pháp sư, có một vị
- Thiên Nham Phổ Diệu Pháp sư.
+ Xuân Châu Thiệu Trạch Pháp sư.
+ Đại Dung Tất Tài Pháp sư, có bốn vị
- Tĩnh Am Nguyên Trấn Pháp sư, có hai vị
. Mộng Quán Thủ Nhân Pháp sư.
. Nhất Nguyên Thiệu Tông Pháp sư.
- Tháo Cổ Khải Phương Pháp sư.
- Kinh Sơn Lãng Ngọc Pháp sư.
- Xuân Cốc Trí Hy Pháp sư.
+ Tuyết Lâm Đình Thụy Pháp sư.
+ Ấn Hải Tử Thật Pháp sư.
* Tây Nhai Đức Tu Pháp sư.
2. Tiềm Sơn Văn Hướng Pháp sư.
Giám Đường Tư Nghĩa Pháp sư, có sáu vị
1. Bách Xuyên Như Hải Pháp sư.
2. Tánh Am Tịnh Nhạc Pháp sư, có hai vị
* Tĩnh Ông Tổ Minh Pháp sư, có một vị
+ Trúc Ốc Nguyên Tịnh Pháp sư, có hai vị
- Nhật Chương Tổ Xứng Pháp sư.
- Cửu Cao Diệu Thinh Pháp sư.
* Trúc Đường Sư Chánh Pháp sư, có hai vị
+ Bắc Sơn Văn Thắng Pháp sư.
+ Nhất Sơn Hoài Thận Pháp sư.
3. Bách Nham Văn Cảo Pháp sư.
4. Thạch Đình Đạo Sinh Pháp sư.
5. Thạch Đình Tông Hoa Pháp sư.
6. Thánh Thủy Tùng Giác Pháp sư.

Ngoan Không Giác Pháp sư.
1. Ngu Sơn Tòng Cổ Pháp sư.

2. Đồng Nguyên Tỉnh Sơ Pháp sư.
3. Nguyệt Khê Thiện Lương Pháp sư, có một vị
* Tuần Nham Tử Hiền Pháp sư.
4. Trúc Khê Nguyên Lương Pháp sư.
5. Tân Khê Liễu Dung Pháp sư.
6. Không Tẩu Diệu Giải Pháp sư.

Cụ Thành Diệu Pháp sư, có mười vị
1. Viên Thông Văn Như Pháp sư.
2. Bàn Cốc Tổ Huấn Pháp sư.
3. Trúc Dã Văn Khuê Pháp sư.
4. Trị Đường Thủ Mô Pháp sư, có một vị
* Phụng Sơn Tử Nghi Pháp sư.
5. Nhân Tẩu Nghĩa Tịnh Pháp sư.
6. Hương Sơn Ứng Phương Pháp sư.
7. Cổ Nhai Đức Tân Pháp sư.
8. Đạo Phù Tất Hoằng Pháp sư.
9. Nhất Chi Đạo Ninh Pháp sư, có một vị
* Bắc Khê Thuận Khiêm Pháp sư, có một vị
    + Đại Chương Đức Khuê Pháp sư.
10. Bắc Điền Như Khuê Pháp sư.

THẾ HỆ CỦA MƯỜI SÁU VỊ THUỘC TẠP TRUYỆN

Tịnh Giác Nhân Nhạc Pháp sư, có bảy vị
1. Ngô Hưng Tử Phưởng Pháp sư.
2. Tiền Đường Khả Cửu Pháp sư.
3. Tiền Đường Huệ Cần Pháp sư.
4. Tạp Xuyên Phạm Từ Pháp sư.
5. Vĩnh gia Nải Nhân Pháp sư.
6. Siêu Quả Linh Chiếu Pháp sư.
7. Xu Mật Hồ Túc (Con của Hồ Tắc).

Thảo am đạo nhân pháp sư, có bốn vị
1. Tân Am Hữu Luân Pháp Sư
2. Quảng Thọ Pháp Nhân Pháp Sư
3. Tứ Minh Đạo Thời Pháp Sư
4. Thuật Am Cư Sĩ Tiết Trừng

Thần Trí Tùng Nghĩa Pháp sư

1.Tuệ Nguyệt Liễu Duệ Pháp sư.

Việc soạn ra Tạp Truyện là có ý nói Tịnh Giác phản Tông, Thần Trí phá Tổ, Thảo Am mất đầu mối, nên để riêng ba người này để cảnh cáo kẻ hậu lai ưa dị luận.

Bốn mươi mốt vị chưa rõ người truyền pháp là ai

1. Cảnh Minh Đạo Phòng Thiền sư.
2. Bắc Tề Lý Tưởng Thị Lang.
3. Kim Hoa Phương Nham Thiền Sư.
4. Chung Nam Pháp Thiện Pháp sư.
5. Đông dương Thiện Tuệ Đại Sĩ (đời Lương).
6. Bắc Tề Tăng Trù Thiền Sư.
7. Thiên thai Trí Diễm Thiền sư (Đời Đường).
8. Thiên Phước Phi Tích Thiền Sư.
9. Tây Kim Sở Kim Thiền Sư.
10. Ngọc tuyền Chân Công Pháp sư.
11. Nam nhạc Pháp Chiếu Pháp sư.
12. Ngũ Đài Nguyên Kham Pháp sư.
13. Quốc Thanh Thanh Quán Pháp sư.
14. Thái Sơn Diệu Hạnh Pháp sư.
15. Nam Nhạc Thừa Viễn Pháp sư.
16. Ngũ Đài Chí Viễn Pháp sư.
17. Thiên Thai Đạo Tiến Pháp sư.
18. Quốc Thanh Văn Cử Pháp sư.
19. Kiến Nghiệp Kỉnh Vân Pháp sư.
20. Tứ Minh Tử Lân Pháp sư.
21. Gia hòa Hiệu Đoan Pháp sư.
22. Gia hòa Tử Huyền Pháp sư.
23. Vô Tướng Thiện Cần Pháp sư.
24. Phổ Từ Huy Công Pháp sư.
25. Thập Tổ Huyền Chúc Pháp sư.
26. Cối kê Thập Công Pháp sư.
27. Thiên thai Nguyên Dĩnh Pháp sư.
28. Bảo Tạng Lợi Huân Pháp sư.
29. Không Tướng Dung Công Pháp sư.
30. Siêu Quả Chiếu Công Pháp sư.
31. Tông Nguyên Nguyên Dĩnh Pháp sư.

32. Từ Xuyên Hy Công Pháp sư.
33. Phổ Chiếu Nhân Công Pháp sư.
34. Bảo Tích Thật Công Pháp sư.
35. Tả Khê Chí Chiêu Pháp sư.
36. Quảng Hóa Minh Công Pháp sư.
37. Bảo Vân Oai Công Pháp sư.
38. Tứ Minh Đàm Chiếu Pháp sư.
39. Phật Trí Đạo Như Pháp sư.
40. Tịnh Tuệ Oai Công Pháp sư.
41. Vô Công Cư Sĩ Vương Điền.

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 25

XI : SƠN GIA GIÁO ĐIỂN CHÍ

Ngài Trí Giả hùng biện ở Cao tòa, ngài Chương An múa bút viết sách, đó gọi là dùng văn tự để rộng bày Đệ nhất nghĩa đế. Như muốn nói về không ngôn thì không chi bằng ghi rõ hành trạng của các Tổ, như vậy sự thâm thiết càng rõ. Ngài Kinh Khê có nói: Văn tức là Môn, tức nhờ Văn mà thông suốt lý, há không phải Môn sao? Đến như người đời sau phát huy Tổ Đạo thì đã có soạn thuật rõ ràng, tuy nghĩa chương mỗi lúc hình thức có phế có lập, nhưng ở chỗ thực quy Tông thì không đâu không đồng nhau. Cho nên nay cùng trình bày các thiên mục để đáp ứng chỗ cầu mong của những người hiếu cổ. Do đó mà soạn ra phần Sơn Gia Giáo Điển Chí này.

1. Ngài Nam Nhạc, gồm có:

Đại thừa Chỉ Quán, hai quyển. Cuối đời Đường các kinh sách của Tông Thiên thai lưu lạc ở hải ngoại. Triều nhà Tống năm Hàn Bình thứ ba, Sư Tịch Chiếu ở nước Nhật Bản đã đem bản Chỉ Quán này đến ngài Tứ Minh. Ngài Từ Vân được bản ấy bèn làm tựa rằng: Quyển đầu nói về Giải của Chỉ Quán, quyển hai nói về Hạnh của Chỉ Quán.

Tứ Thập Nhị Môn, hai quyển. Bốn mươi hai chữ của Đại Phẩm bắt đầu là chữ “A”, cuối cùng là chữ “Trà.” Ngài Nam Nhạc dùng đối với bốn mươi hai ngôi vị.

An Lạc Hạnh, một quyển. Ngài Tứ Minh Hạnh Kiểu đi du phương đến Phước Nghiêm ở Nam nhạc, tìm thấy trong Tạng được bản Kinh này, bèn trở về chỉ cho Viên Biện, sau đó ngài Bắc Phong Thạch Chi mới khắc bản in ra.

Nam Nhạc Nguyện Văn, một quyển; Vô Tránh Hạnh Môn, hai quyển; Tam Trí Quán Môn, Thứ Đệ Thiền Yếu, Thích Luận Huyền, các bộ trên đều mỗi thứ nhất quyển. Những bộ Chỉ Quán, An Lạc Hạnh

Nghĩa, Nguyện Văn có thấy bản, nhưng các thứ khác không thấy. Tiếc thay!

2. Ngài Thiên Thai (Trí Giả), gồm có:

Pháp Hoa Huyền Nghĩa, mười quyển; Pháp Hoa Văn Cú, mười quyển, Ma-ha Chỉ Quán, mười quyển (gọi là Viên Đốn Chỉ Quán), Thiền Ba-la-mật, mười quyển (gọi là Tiệm Thứ Chỉ Quán), Tu Thiền Lục Diệu Môn, một quyển (gọi là Bất Định Chỉ Quán, ngài Trí Giả soạn cho ngài Trần Thượng Thư Lệnh Mao Hỷ). Quang Minh Huyền Nghĩa, một quyển, giải bản dịch bốn quyển biệt hành của Đàm-vô-sấm. Quang Minh Văn Cú, ba quyển, Bồ-tát Giới Sớ, hai quyển, Quan Âm Biệt Hạnh Huyền Nghĩa, hai quyển (giải thích phẩm Phổ Môn của Pháp Hoa biệt hành ngoài bộ. Xưa ngài Đàm-vô-sấm khuyên Hà Tây Vương tụng kinh này mà lành bệnh. Nên ngài Trí Giả đặc biệt giải thích). Quan Âm Biệt Hạnh Nghĩa Sớ, năm quyển; Thỉnh Quan Âm Kinh Sớ, một quyển; Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ, một quyển; Quán Tâm Luận, một quyển; Kim Cang Bát-nhã Kinh Sớ, một quyển (Năm Kiến Viêm thứ hai, Võ Lâm Tu Ngộ đem quyển Sớ này vào kinh làm Chú... Năm Hàm Thuần thứ nhất, ngài Nam Hồ Hành Tĩnh... đem Thiên thai Pháp Luân Viện Khoa, Kim Cang Kinh cùng Sớ Giải khắc bản để ở chùa). Tứ Niệm Xứ, bốn quyển; Di-đà Kinh Nghĩa Sớ, một quyển (hai bản Sớ của Kim Cang Di-đà tuy đã được đem vào Tạng Kinh, nhưng Cô Sơn Tịnh Giác lại cho là Văn Phụ thêm. Chỉ có Thần Chiếu Pháp sư có lần ở Pháp Luân dùng quyển Sớ này mà giảng, được vua tuyên chỉ ban cho nhập Tạng Đông Sơn). Thiền Môn Khẩu Quyết, một quyển; Giác Ý Tam-muội, một quyển (Ngài Trí Giả tự soạn); Phương Đẳng Tam-muội Nghi, một quyển; Pháp Hoa Tam-muội Nghi, một quyển; Pháp Giới Thứ Đệ, ba quyển (các bộ trên đều chính ngài Trí Giả soạn ra). Duy-ma Huyền Sớ, sáu quyển; Tứ Giáo Nghĩa, bốn quyển (rút từ Văn Duy-ma Huyền Sớ). Cả bảy mươi sáu quyển trên, năm Thiên Thánh thứ hai, ngài Từ Vân tâu lên vua được nhập Tạng.

Duy-ma Văn Sớ hai mươi tám quyển (soạn cho vua Tùy Dạng Đế. Ngài Kinh Khê rút gọn còn mười quyển, chỉ gọi là Lược Sớ, cùng bản Huyền Sớ trước, đều được lưu hành). Tịnh Độ Thập Nghi Luận, Quán Tâm Thực Pháp, Quán Tâm Tụng Kinh Pháp, Quán Tâm Thập Nhị Bộ Kinh Nghĩa, Tiểu Chỉ Quán (Ngài Trí Giả vì anh mình là Trần Châm làm Tham Quân mà soạn ra). Cả ba mươi ba quyển trên chưa nhập tạng. Trí Độ Luận hai mươi quyển, Di-lặc Thành Phật Kinh Sớ, năm quyển, Quán Tâm Nhất Thiết Kinh Nghĩa, một quyển, Di-lặc Thượng

Sinh Kinh Sớ, một quyển, Thích Nhất Thiết Kinh Huyền Nghĩa, một quyển, Tọa Thiền Chỉ Quán, một quyển, Nhân Vương Bát-nhã Kinh Sớ, hai quyển (Thiên Trúc Biệt Tập nói: Thuở xưa ngài Nguyên Phong được tập sách này ở người lái buôn), Thiền Môn Chương, Bát Chu Hành Pháp, Tạp Quán Hành, Nhập Đạo Đại Chỉ, Ngũ Phương Tiện Môn, Thất Phương Tiện Nghĩa, Thất Học Nhân Nghĩa, Nhất Nhị Tam Tứ Thân Nghĩa, Pháp Môn Nghi, Thiền Môn Yếu Lược (các bộ trên đều một quyển). Cả bốn mươi mốt bộ trên đều mất bản.

Trong Tùy Vân Tùy Hàm Lục nói rằng: Pháp Hoa Huyền Nghĩa chỉ giải thích đề Kinh, xếp rõ năm thời, rộng luận về tám giáo, cả đại ý xuất thế của Phật đều ở trong ấy. Về Pháp Hoa Văn Cú là Sớ giải câu văn, phân tích chương cú. Ngài Kinh Khê nói: "Giải thích nguyên do và đại nghĩa đều đầy đủ." Đến như Văn Kinh có phân các chương đoạn, tùy theo mỗi bộ đều có lời ghi của ngài Kinh Khê, nhưng vẫn giữ nguyên chánh nghĩa của năm kinh. Về Chỉ Quán là tên khác của định tuệ, là hạnh môn của Pháp Hoa. Về Huyền Nghĩa và Văn Cú trước đây đều nói rõ việc hóa độ kẻ đương cơ trong đời Đức Phật, dẫu có nhờ sự việc để nêu Pháp nhưng văn của Quán Tâm không phải là chánh ý của Bộ. Nay Chỉ Quán chính do ngài Trí Giả nói về các Đạo Pháp tu hành của tâm mình, tự tu, nhân quả, dạy người, năng sở đều có đầy đủ, được ngài Kinh Khê lấy Phụ Hành để giải thích. Mục Lục nói rằng: Nay trong Tông môn ta có ba thứ Chỉ Quán: Một là Tiệm Thứ, gọi là giải đốn mà hành tiệm tức là Thiền Ba-la-mật. Hai là Bất Định gọi là giải đốn mà hành hoặc đốn hoặc tiệm, tức là Lục Diệu Môn. Ba là Viên Đốn, gọi là giải hạnh đều đốn, tức là Ma-ha Chỉ Quán. Ba thứ Quán này đối các căn cơ không đồng nhau, dù hình tướng tuy khác nhưng đều căn cứ vào Viên lý mà làm Bản tông. Đời Đường có Lương Túc soạn bộ Chỉ Quán sáu quyển, lời văn tuy tóm gọn nhưng việc tu lại phiền phức thiếu sót, người đọc nên biết. Trừ các sách chính ngài Trí Giả viết ra còn các thứ khác đều do ngài Chương An ở dưới Pháp Luân mà soạn thuật làm Sớ luận. Văn Nghệ Chí đời Đường nói rằng: Ngài Quán Đảnh riêng ghi chép lời ý của ngài Trí Giả một quyển và Nghĩa Ký một quyển nhưng nay chưa rõ là văn nào. Thích Tiêm nói: Chỉ Quán Thiền Môn, Tịnh Danh Sớ... đều có một phần nói chưa hết. Xét theo Chỉ Quán nói rằng: ngài Trí Giả ở chùa Ngọc tuyền trong một mùa Hạ an cư đã chỉ bày, hai thời giảng nói. Dù giảng nói không cùng nhưng khi đến cảnh Sở chứng thì Pháp Luân ngừng chuyển thôi không nói nữa. Phụ Hành nói rằng: Đại Chương thứ bảy được mở làm mười cảnh, nhưng đến cảnh thứ bảy thôi,

các thứ khác không nói. Cả ba Đại Chương và ba Cảnh còn lại vì vào thời gian cuối hạ cấp bách nên bỏ không nói (giải thích về Chỉ Quán). Thứ Đệ Thiền Môn tức là Thiền Ba-la-mật, cũng nêu ra mười chương lớn, ở chương Phương Tiện thứ sáu, lời chú nói rằng: Như luận bậc Sơ thiền trở đi phát sinh các thiền định có cảnh giới rất thâm diệu, đều nói trong phẩm Tu Chứng thứ bảy. Nhưng các văn này đều không thấy lưu hành (giải thích về Thiền môn). Kinh Tịnh Danh phẩm thứ mười bốn thì Đại sư có Sớ Giải ngưng lại ở Phẩm Phật đạo, còn các phẩm thứ tám trở đi đều là do ngài Chương An tiếp tục soạn tiếp (giải thích kinh Tịnh Danh này thấy ở Bổ Chú).

3. Ngài Chương An, gồm có:

Niết-bàn Huyền Nghĩa, hai quyển, Niết-bàn Kinh Sớ, mười quyển (Ngài Kinh Khê sửa thành mười lăm quyển, nay là mười tám quyển), Quán Tâm Luận Sớ, hai quyển (Trong Từ Vân Mục Lục nói rằng: Khảo xét lời nói thì biết đó là nhập Phẩm Vị, song các sách lưu hành nổi tiếng ở Triết giang có người nghi là ngụy tạo), Trí Giả Biệt Truyện, một quyển, Quốc Thanh Bách Lục, năm quyển (Biệt Truyện và Bách Lục đều ghi lại cả đời hành hóa trước sau của Đại sư Trí Giả). Bát Giáo Đại Ý, một quyển. Nam Nhạc Ký, một quyển (mất). Chân Quán Pháp Sư Truyện, một quyển (mất, ngoài quyển mất ra có hai mươi quyển nhập Tạng).

4. Ngài Kinh Khê, gồm có:

Huyền Nghĩa Thích Tiêm, mười quyển, Văn Cú, mười quyển - Chỉ Quán Phụ Hành, mười quyển (nay mở rộng thành hai mươi quyển) - Chỉ Quán Nghĩa Lệ, một quyển (Ngài Từ Vân nói: Vì người mới học khó hiểu và để phá dị luận) - Chỉ Quán Đại Ý, một quyển (viết cho Tư Phong Lý Hoa) – Duy-ma Lược Sớ, mười quyển (tóm tắt Duy-ma Văn Sớ của ngài Trí Giả) - Duy-ma Quảng Sớ Ký, sáu quyển (Ngài Từ Vân nói: Đối với văn rộng tuy có khác chút ít nhưng cũng giải nghĩa rõ ràng khế hợp) - Kim Cang Ty Luận, một quyển (nói về nghĩa Niết-bàn Phật tánh, cả bốn mươi chín quyển đều nhập Đại Tạng) - Thủy Chung Tâm Yếu - Thập Bất Nhị Môn (giải thích các sách biệt hành ngoài Tạng Bộ) - Chỉ Quán Sưu Yếu Ký, mười quyển - Niết-bàn Hậu Phần Sớ, một quyển (mất) - Quán Tâm Tụng Kinh Sớ, một quyển (mất) - Tam Quán Nghĩa - Thọ Bồ-tát Giới Văn (mất) - Chỉ Quán Văn Cú, một quyển (mất) - Hoa Nghiêm Cốt Mục (mất, nay ở Đông Sơn có bản in

hai quyển, chính là bản tìm thấy được ở Hải Đông (Cao Ly)) - Pháp Hoa Bổ Trợ Nghi - Phương Đẳng Bổ Khuyết Nghi.

Ngài Long Hưng Hạo Sư có: Niết-bàn Kinh Chú

Ngài Thiên Thai Khoáng Sư có: Tâm Kinh Sớ

Ngài Hoa Đảnh Mãn Sư có: Niết-bàn Ký, mười hai quyển

Ngài Linh Quang Mẫn Sư có: Quang Minh Huyền Nghĩa Ký

Ngài Quảng Giáo Úc Sư có: Quang Minh Huyền Kim Cổ Ký - Thập Nghi Luận Chú.

Ngài Thạch Bích Tĩnh Sư có: Quán Kinh Sớ Ký.

Ngài Phụng Tiên Thanh Sư có: Phát Huy Ký (giải thích bản tóm lược Quang Minh Huyền) - Thị Châu Chỉ (giải thích Thập Bất Nhị Môn).

Ngài Cô Sơn Viên Sư có: Thủ-lăng-nghiêm Kinh Sớ, mười quyển - Văn-thù Bát-nhã Kinh Sớ, hai quyển - Bất Tư Nghì Pháp Môn Kinh Sớ - A-di-đà Kinh Sớ (tiểu bản) - Tứ Thập Nhị Chương Kinh Sớ - Phổ Hiền Hạnh Pháp Kinh Sớ - Vô Lượng Nghĩa Kinh Sớ - Bát-nhã Tâm Kinh Sớ (các bộ trên đều một quyển) - Di Giáo Kinh Sớ, hai quyển - Xiển Nghĩa Sao, hai quyển (giải thích Thỉnh Quan Âm Kinh Sớ) - Sách Ẩn Ký, bốn quyển (giải thích Quang Minh Văn Cú) - San Chánh Ký, hai quyển (giải thích Quán Kinh sớ) - Biểu Vi Ký, một quyển (giải thích Quang Minh Huyền) - Thùy Dụ Ký, mười quyển (giải thích Tịnh Danh Lược Sớ) - Phát Nguyên Cơ Yếu Ký, một quyển (giải thích Niết-bàn Huyền Nghĩa) - Bách Phi Sao, một quyển (giải thích Niết-bàn Sớ Kim Cang) - Tam Đức Chỉ Quy, mười quyển (giải thích Niết-bàn Sớ) - Hiển Tánh Lục, bốn quyển (giải thích Kim Ty) - Chánh Nghĩa, một quyển (giải thích Thập Bất Nhị Môn). Trích Hoa Sao, hai quyển (giải thích Khuê Phong Lan Bồn Sớ) - Tây Tư Sao, hai quyển (giải thích việc tự soạn Di-đà Sớ) - Cốc Hưởng Sao, năm quyển (giải thích việc soạn Lăng-nghiêm Sớ) - Di Mưu Sao, một quyển (giải thích việc tự soạn Quyển Kinh Sớ) - Tích Trọng Sao, một quyển (giải thích việc tự soạn Văn-thù Bát-nhã Kinh sớ, luận kỹ phân tích các phần quan trọng khiến Kinh lấy nghĩa ấy) - Gian Cư Biên, năm mươi mốt quyển.

Ngài Cô Sơn năm hai mươi mốt tuổi mới theo học ngài Phụng Tiên Thanh Sư. Đến hai năm sau ngài Phụng Tiên mất, Sư bèn đến Cô Sơn ẩn cư dưỡng bệnh. Năm bốn mươi bảy tuổi thì ngài viên tịch. Trong hai mươi bốn năm ngài viết được một trăm hai mươi quyển sách. Siêng thật!

Ngài Bảo Vân, gồm có:

Quán Kinh Sớ Ký (Ngài Thạch Chi nói: ngài Tứ Minh thừa tiếp nghĩa ở Diệu Tông Sao nên không có văn truyền lại) - Quang Minh Huyền Tán Thích - Quang Minh Cú Bị Cấp Sao (Chỉ Nam nói rằng: tìm xem Bảo Vân Bị Cấp Sao).

Ngài Tứ Minh, gồm có:

Quan Âm Biệt Hạnh Huyền Ký, hai quyển - Quan Âm Biệt Hạnh Sớ Ký, hai quyển - Quang Minh Huyền Tục Di Ký, ba quyển - Quang Minh Văn Cú Ký, sáu quyển (Quảng Trí viết tiếp Tán Phật Phẩm) - Quán Kinh Sớ Diệu Tông Sao, ba quyển - Thập Bất Nhị Môn Chỉ Yếu Sao, hai quyển - Phù Tông Ký, hai quyển - Thập Nghĩa Thư, ba quyển - Quán Tâm Nhị Bách Vấn, một quyển - Giải Báng Thư, ba quyển - Tu Sám Yếu Chỉ, một quyển - Quang Minh Sám Nghi, một quyển - Đại Bi Sám Nghi, một quyển.

Ngài Thạch Chi, gồm có:

Tứ Minh Giáo Hạnh Lục có phụ thêm Biệt Lý Tùy Duyên - Dung Tâm Giải - Tiêu Phục Tam Dụng - Khởi Tín Luận Dung Hội Chương - Nghĩa Lệ Cảnh Quán và các văn vấn đáp...

Ngài Từ Vân Thức Sư gồm có: Kim Quang Minh Hộ Quốc Nghi (căn cứ vào bản Bách Lục) - Thỉnh Quan Âm Sám Nghi - Vãng Sinh Tịnh Độ Sám Nghi - Xí Thạnh Quang Sám Nghi - Tiểu Di-đà Sám Nghi - Pháp Hoa Tam-muội Sám Nghi - Thiên Trúc Biệt Tập - Kim Viên Tập (Linh Uyển tập nhặt lấy và tập họp phụ vào).

Ngài Biện Tài Tịnh Sư có: Viên Sự Lý Thuyết.

Ngài Thiên Trúc Cảo Sư có: Chỉ Nguyên tập.

Ngài Tịnh Giác Nhạc Sư có:

Kim Cang Bát-nhã Sớ, hai quyển - Phát Chẩn Sao, ba quyển (giải thích việc tự soạn Kim Cang Bát-nhã Sớ) - Di-đà Kinh Tân Sớ, hai quyển - Chỉ Quy Ký, hai quyển (giải thích việc tự soạn Di-đà Sớ) - Lăng-nghiêm Văn Cú, ba quyển - Huân Văn Ký, năm quyển (giải thích việc tự soạn Lăng-nghiêm Văn Cú) - Lăng-nghiêm Tập Giải, mười quyển - Lăng-nghiêm Thuyết Đề - Hoàn Nguyên Ký, hai quyển (giải thích bộ Tứ Thập Nhị Chương Kinh Sớ của Cô sơn) - Trợ Tuyên Ký, hai quyển (giải thích Bộ Di Giáo Kinh Sớ của Cô Sơn) - Văn Tâm Giải, hai quyển (giải thích Thập Bất Nhị Môn) - Trí Luận Xu (Văn ở tiết Đại Luận) - Tịnh Danh Tinh Anh - Thiền Môn Xu Yếu - Tạp Lục Danh Nghĩa hai quyển - Nghĩa Học Tạp Biên sáu quyển - Tỳ-đàm Hiền Thánh Đồ - Khởi Tín Lê Tà Sinh Pháp Đồ - Quyết Mô Thư - Chỉ Nghi Thư - Thập Gián Thư - Tuyết Báng Thư - Thí Thực Tu Tri

- Chư Kinh Nghĩa Đề - Như Ý Luân Khóa Pháp - Niết-bàn Lễ Tán Văn - Lăng-nghiêm Lễ Sám Nghi - La-hán Lễ Tán Văn - Nam Sơn Lễ Tán Văn - Điều Khê Giảng Ngoại Tập, hai quyển.

Ngài Quảng Trí Hiền Sư gồm có: Di Biên, một quyển - Xiển U Chí (giải thích Quang Minh Huyền).

Ngài Thần Chiếu Như Sư có: Phổ Hiền Hạnh Pháp Kinh Sớ, hai quyển - Nhân Vương Sám Nghi.

Ngài Phù Tông Trung Sư có: Phù Tông Tập, năm mươi quyển - Nhị Sư Khẩu Nghĩa, mười lăm quyển.

Ngài Pháp Chân Hàm Sư có: Quang Minh Thập Nguyện Vương - Tam Tuệ Luận.

Ngài Tra Am Nghiễm Sư có: Long vương Pháp Ấn Kinh Sơ, một quyển - An Lạc Hạnh Chú - Không Phẩm Chú - Tâm Kinh Chú - Huyền Tiêm Bị Kiểm, bốn quyển - Văn Cú Tiên Nạn, bốn quyển - Chỉ Quán Trợ Lãm, bốn quyển. Hoặc Đối.

Ngài Từ Biện Gián Sư có: Nghị Phương Tiện Phẩm Đề

Ngài Thần Trí Nghĩa Sư có: Thuận Chánh Ký, ba quyển (giải thích Quang Minh Huyền Nghĩa) - Tân Ký, bảy quyển (giải thích Quang Minh Văn Cú) - Vãng Sinh Ký, bốn quyển (giải thích Quán Kinh Sớ) - Viên Thông Ký, ba quyển (giải thích Thập Bất Nhị Môn) - Ngụ Ngôn Ký, bốn quyển (giải thích Kim Ty) - Tập Giải, ba quyển (giải thích Tứ Giáo Nghi) - Toản Yếu, sáu quyển (giải thích Nghĩa Lệ) - Tam Bộ Bổ Chú, mười bốn quyển - Sưu Huyền, ba quyển (Tạp nói về Giáo Nghĩa).

Ngài Xa Khê Khanh Sư có: Bí Mật Ngũ Chương

Ngài Tuệ Giác Ngọc Sư có: Hành Pháp Kinh Sớ, hai quyển - Tổ Nguyên Ký, ba quyển (giải thích việc tự soạn Hành Pháp Kinh Sớ) - Tạp Châu Ký, hai quyển (giải thích Vô Lượng Nghĩa Kinh Sớ của Cô Sơn) - Tôn Thắng Sám Pháp.

Ngài Trí Dõng Nhiên Sư có: Tông Viên Ký, bốn quyển (giải thích Chỉ Quán của Nam nhạc) - Xu Yếu Ký, hai quyển (giải thích Thập Bất Nhị Môn) - Hổ Khê Tập, tám quyển - Công Đức Thiên Sám Nghi.

Ngài Giả Danh Trạm Sư có: Tịnh Nghiệp Ký, bốn quyển (giải thích Quán Kinh Sớ) - Hộ Quốc Ký, bốn quyển (giải thích Quang Minh Huyền Nghĩa) - Kim Cang Tập Giải, hai quyển - Giả Danh Tập, mười quyển.

Ngài Tư Khê Hoán Sư có: Viên Giác Sớ, hai quyển - An Lạc Ký, một quyển - Bách Chương (Giáo Nghĩa) - Chư Thiên Truyện, một quyển.

Ngài Trúc Am Quán Sư có: Lăng-nghiêm Tập Giải - Lăng-nghiêm Bổ Chú - Lan-bồn Bổ Chú - Viên Giác Thủ Giám - Kim Cang Thông Luận - Kim Cang Sự Uyển - Sơn Gia Nghĩa Uyển - Trúc Am Thảo Lục.

Ngài Thanh Biện Trai Sư có: Đảnh Sơn Ký (giải thích Giới Sớ).

Ngài Trạch Sơn Hàm Sư có: Bồ-tát Giới Sớ Chú, ba quyển (Phá Đảnh Sơn Ký) - Kim Cang Biện Hoặc, một quyển - Pháp Hoa Toát Yếu, một quyển (kinh Phổ Huấn) - Phục Tông Tập, hai quyển.

Ngài Sơn Đường Tánh Sư có: Sơn Đường Tập, năm quyển

Ngài Cao Ly Quán Sư có: Tứ Giáo Nghi, một quyển (nương vào Bát Giáo Đại Ý của ngài Chương An mà sửa lại và bổ chú).

Ngài Tứ Minh Cát Sư có: Kim Ty Chú.

Ngài Thần Ngộ Khiêm Sư có: Hiển Diệu Giải (giải thích Thập Bất Nhị Môn).

Ngài Diệu Ngộ Tối Sư có: Bình Báng (phê bình Tuyết Báng của Tịnh Giác là sai lầm).

Ngài Đồng Giang Anh Sư có: Chú Tâm Kinh - Tam Châu Luận - Tịnh Độ Tu Chứng Nghi (bài kệ người đời thường niệm: A-di-đà Phật Chơn Kim Sắc tức là văn của Nghi này vậy).

Ngài Viên Thông Phạm Sư có: Hội Tông Tập.

Ngài Cảnh Đức Vân Sư có: Phiên Dịch Danh Nghĩa, bảy quyển.

Ngài Chứng Ngộ Trí Sư có: Công Anh Tập (phá thuyết của Đồng Giang) - Thập Chủng Cảnh Giới Nghĩa.

Ngài Xa Khê Vinh Sư có: Đại Bộ Quyết Nghi, bốn quyển.

Ngài Tiên Đàm Luân Sư có: Tinh Vi Tập, bốn quyển - Kim Cang Kinh Sớ, bốn quyển.

Ngài Phù Thạch Mân Sư có: Hiến Chương Tập, năm quyển.

Ngài Phật Chiếu Kiên Sư có: Đại Vân Thỉnh Vũ Kinh Sớ, một quyển.

Ngài Thảo Đường Nguyên Sư có: Nghĩa Lệ Tùy Thích, sáu quyển (Phá Thuyết Toản Yếu của Thần Trí) - Phụ Tán Ký, một quyển (Giáo Nghĩa).

Ngài Ngô Hưng Dĩnh Sư có: Tông Nguyên Lục.

Ngài Nguyệt Đường Tuân Sư có: Viên Tông Giải, một quyển (Phá Hổ Khê tập và một sách cùng Xích Thành Ích Sư luận nghị về việc ấy).

Ngài Tứ Minh Chiếu Sư có: Chú Thiên Thai Biệt Truyện.

Ngài Tân Am Luân Sư có: Giáo Nghĩa.

Ngài Hư Đường Không Sư có: Tông Cực Luận.

Ngài Nam Hồ Nhân Sư có: Thảo Am Duyên.

Ngài Chỉ Am Liên Sư có: Giáo Nghĩa.

Ngài Bảo Nghiêm Thiều Sư có: Chỉ Nam Tập.

Ngài Kính Am Thiên Sư có: Tùy Lục (Giáo Nghĩa) - Tông Nguyên Lục.

Ngài Hoàn Am Xu Sư có: Giáo Nghĩa.

Ngài Từ Thất Vân Sư có: Viên Giác Trực Giải, ba quyển.

Ngài Bắc Phong Ấn Sư có: Kim Cang Tân Giải - Thích Kim Cang - Di-lặc Kệ - Giáo Nghĩa.

Ngài Dật Đường Đăng Sư có: Viên Đốn Tông Nhãn - Kim Ty Thập Nghĩa - Giáo Nghĩa.

Ngài Bách Đình Nguyệt Sư có: Nhân Vương Sớ Ký - Lăng-nghiêm Huyền Lãm - Kim Cang Hội Giải - Viên Giác Lược Thích - Lăng Già Thông Nghĩa - Giản Cảnh Thập Sách - Tứ Bộ Cách Ngôn - Kim Ty Nghĩa Giải - Tông Giáo Huyền Thuật - Thập Loại Nhân Cách Luận - Chữ Dư - Phụ Sao Tiên Yếu (Tiết Chỉ Yếu Tình Nghĩa).

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 26

XII : TỊNH ĐỘ LẬP GIÁO CHÍ

PHẦN 1

(Bảy tổ Liên xã)

1. Thủy Tổ, Lô Sơn Biện Giác Chánh Giác Viên Ngộ Pháp Sư (Tuệ Viễn, đệ tử của Đạo Anh Pháp Sư).
2. Nhị Tổ, Trường An Quang Minh Pháp sư (Sư Thiện Đạo cho là Di-đà hóa thân).
3. Tam Tổ, Nam nhạc Ban-chu Pháp sư (Thừa Viễn).
4. Tứ Tổ, Trường An Ngũ Hội Pháp sư (là hậu thân của Pháp Chiếu Thiện Đạo, đệ tử của Sư Thừa Viễn).
5. Ngũ Tổ, Tân Định Đài Nham Pháp sư (tức Thiếu Khang).
6. Lục Tổ, Vĩnh Minh Trí Giác Pháp sư (tức Vĩnh Thọ).
7. Thất Tổ, Chiêu Khánh Viên Tịnh Pháp sư (tức Tỉnh Thường).

Tứ Minh Thạch Chi Hiểu Pháp sư lấy các vị đồng tu tịnh nghiệp có công đức cao tột ở các đời khác nhau để tôn làm bảy Tổ, nên nay tuân theo đó coi Người gương mẫu của Giáo Môn Tịnh Độ.

Với kẻ phàm phu đầy hoặc chướng mà có thể dùng trí Tam Quán để hiển bày Bản Tánh Phật, như ngài Tứ Minh Trí nói: Bảo rằng tâm cảnh không được nên từ nhiễm có thể quán tịnh, duyên sinh không ngại, nên tưởng thành tướng khởi, duy sắc duy tâm nên hiển hiện tại chỗ, cái chánh quyết quán Phật Tam-muội này chỉ có bậc minh Tông đắc ý mới có thể làm được. Đến như việc xưng niệm danh hiệu, chiêm lễ tôn dung, đọc tụng kinh Đại thừa, phụng trì tịnh giới đều là chánh nhân của Tịnh Nghiệp, trợ hạnh cho Chánh Quán, mà chỉ tu hạnh thập thiện, chỉ người hiền lành nhân từ ở đời cũng có thể dùng làm công đức trang nghiêm hồi hướng. Vậy thời định hay tán, trí hay ngu không có một ai sai sót.

Tuy đăng đài vàng hay bạc, phẩm vào có trên hay dưới nhưng tuyệt nhiên đều thuộc cõi vô sinh bậc bất thoái chuyển cả. Đời mạt pháp mênh mông chỉ căn cứ vào hạnh nguyện mà sinh lên An Dưỡng. Từ Lô Sơn đến nay số người được vãng sinh vừa tròn ba trăm, còn những kẻ ở phương xa, cõi khác thì nhiều như hà sa. Thế mới biết kẻ học Phật đạo ở phương này cơ thấp chướng nặng, không thấy có ai thành. Nhưng riêng pháp niệm Phật thì không luận đạo tục đều đủ để làm chứng tín một đời vậy. Nên nay soạn ra Tịnh Độ Lập Giáo Chí sau đây:

1. PHÁP SƯ TUỆ VIỄN: - Sư họ Giả, người ở Lâu Phiền Nhạn Môn. Thuở nhỏ rất hiếu học, năm mười ba tuổi theo Cậu là lệnh Hồ Thị du học Hứa Lạc, thông suốt Lục Kinh, rất rành Trang Lão. Những hàng Túc Nho đi trước đều khâm phục sự cao đạt của Sư. Đến hai mươi mốt tuổi, Sư định vượt sông theo học với Phạm Ninh, vừa lúc Thạch Hổ chết đột ngột nên đường đi Nam bị tắt nghẽn, có chí mà không thành. Bấy giờ Sa-môn Thích Đạo An xây cất chùa ở Thái Hành Thường Sơn, Sư một bề kính ngưỡng coi là thầy mình. Lúc đầu nghe An Sư giảng kinh Bát-nhã, sư khoát nhiên đại ngộ, than rằng: Dị luận của hàng cửu lưu đều là trấu lép cả. Bèn cùng em là Tuệ Trì xuống tóc thọ học, chuyên lo phúng tụng suốt cả ngày đêm. Nhân đó tìm thẳng đến đạo tràng của Sa-môn Đàm Dực (vị này là người phương Bắc không phải ở Lô Sơn vào Liên Xã) thường cúng tiền dầu đèn. An Sư nghe biết việc nói rằng: “Đạo sĩ này thật biết người.” Sư có trí sáng vượt trội lại ngầm thông cõi âm. Năm Sư hai mươi bốn tuổi diễn giảng thông suốt. Có người khách nghe nói nghĩa thật tướng đến vặn hỏi thì càng thêm nghi hoặc mịt mờ. Sư đem thuyết Trang Tử dẫn giải so sánh thì các nghi liền hết. An Sư nhân đó bảo không nên dẹp bỏ các ngoại điển. Sư thường ở giữa chúng than rằng: “Khiến Đạo lưu hành ở Đông độ ta đâu cần người ở xa.” Về sau Sư theo An Sư sang phía Nam đến Tương dương gặp lúc tướng Tần là Phù Phi làm giặc, bèn phân tán đồ chúng, mạnh ai nấy đi. Hàng Kỳ đức khi đi đều được khuyên bảo, chỉ riêng Sư không nghe dạy lời nào. Sư liền quỳ thưa: “Riêng con không được dạy bảo e rằng không phải loài người?” An Sư đáp: “Được như ông còn lo gì?” Sư bèn cùng các đệ tử mấy mươi người đi về phía nam đến Kinh châu ở chùa Thượng Minh. Nghĩ tình người cũ và bạn đồng môn, Sư và Tuệ Vĩnh cùng cất nhà ở La Phù, đó là năm Thái Nguyên thứ sáu (đời Tấn, Hiếu Võ Đế). Khi đến Tầm Dương, Sư thấy Lô Sơn yên vắng, rộng rãi có thể dùng nơi để an tâm, bèn lập Tinh Xá ở đó, nhưng chưa có nước dùng, Sư lấy gậy gõ đất

khấn rằng: Nếu ở đây được thì khiến đá lủng nước về!" Nói vừa xong thì nước trong phun lên. Lúc đó Tầm Dương có hạn hán, Sư đến bên ao tụng kinh Hải Long vương, chợt có Rắn Thần từ ao hiện lên, phút chốc mưa lớn. Vào mùa Thu cuối năm nhân đó gọi là Tinh Xá Long Tuyền. Sư Tuệ Vĩnh trước đó ở Tây Lâm tại Lô sơn muốn đón Sư đến ở, nhưng vì học trò của Sư quá đông, Sư Tuệ Vĩnh liền thưa với Thứ Sử Hoàn Y rằng: Sư Tuệ Viễn mới đến hoằng hóa, nhưng chỗ của bần đạo chật hẹp không thể ở. Lúc đó Sư mộng thấy Sơn Thần thưa rằng" Núi này đủ để dừng chân, xin ngài đừng đi nơi khác." Đêm ấy mưa to sấm chớp, sáng ra thì rừng bụi đã trống trải, đất toàn cát trắng, các loại gỗ quý có vân cũng đầy đất không biết từ đâu đến. Thứ Sử Hoàn Y rất kính nể bèn ra công xây chùa, gọi điện Phật là Thần Vận, vì chùa ở phía Đông của thất Vĩnh Sư nên gọi là Đông lâm, đó là năm Thái Nguyên mười một. Núi này có hình thái chín lớp núi chồng lên nhau, ngọn cao ngút trời, mà chỗ ở thì cảnh rừng núi rất đẹp, lưng tựa ngọn Lư Sơn, bên cạnh có thác nước cao, suối trong uốn lượn quanh thềm, mây trắng vờn quanh mái ngói (theo Lư Sơn Ký - của Uông Dục Tiên Sinh, đời Ân Chu học đạo Tiên biến động, đá thành quán ở, người gọi là lều Thần tiên, nhân đó gọi là Lô Sơn. Theo Tầm Dương Ký thì núi cao ba ngàn ba trăm sáu mươi trượng, chu vi hai trăm năm mươi dặm, núi cao chín tầng sông cũng có chín mạch. Quận Quốc Chí nói trùng điệp chín tầng mất hút dấu Tiên). Sư cất riêng thiền thất, nơi ở rất yên vắng, những ai đến thăm thì thần khí thanh tiêu. Sư nghe bên Thiên Trúc có hình Phật thuở xưa đang hàng phục độc long mà cảm kích mãi bên lòng. Sau nhân Luật sĩ Gia-xá kể lại tướng hào quang, bèn xây thất tựa lưng vào núi quay mặt ra sông, vẽ trời đậm nhạt trông như khói sương. Sư lại đặt ra năm bài minh khắc vào đá. Thái Thú Giang châu là Mạnh Hoài Ngọc, Biệt Giá Vương Kiều Chi, Thường Thị Trương Dã, Tấn An Thái Thú Ân Ẩn, Huỳnh Môn Mao Tu Chi, Chủ Bạ Ân Úy, Tham Quân Vương Mục Dạ, Hiếu Liêm Phạm Duyệt Chi, Ẩn Sĩ Tông Bỉnh... đều có làm phú, làm minh khen ngợi (thấy ở Lô Sơn tập). Trước đây thời Tầm Dương Đào Khản là Thứ Sử Quảng châu, ngư dân thấy trên biển có ánh sáng lạ, lưới lên thì được tượng Văn-thù bằng vàng có ghi "Vua A-dục tạo." Về sau các thương buôn ở Hải Đông (Cao Ly) nhặt được viên quang khi đem đặt vào tượng thì vừa khít. Khản đem tượng dâng lên Võ Xương Hàn, Khê chủ Tăng là Tăng Trân thường đến Hạ Khẩu, đêm mộng thấy chùa cháy mà Tượng và nhà thờ tượng thì có thần bảo vệ. Sư liền chạy về chùa thì quả nhiên chùa cháy mà tượng và nhà thờ vẫn còn. Kịp khi Đào Khản dời

về làm Đô Đốc ở Giang châu, rước tượng đem về nhưng thuyền sắp đến thì bị chìm. Kinh Sở bèn làm bài dao rằng: “Đào có kiếm mạnh, tượng nhờ thần nổi, mây lượn sương đêm, đón gì xa xa, hãy nên chí thành, dùng sức khó mời.” Kịp khi chùa xây xong thì Sư ở trên sông kính thành cầu nguyện. Bỗng tượng nổi lên, bèn rước về điện Thần Vận và xây gác cao phụng thờ. Nhân đó viết bài táng Văn-thù Thụy Tượng. Sư từng bảo rằng: Các Giáo Tam-muội có rất nhiều tên, nhưng công hiệu cao dễ tiến nhất thì niệm Phật đứng đầu. Do đó, hàng trì luật lắng tâm, khách thanh tín dứt trần không hẹn mà đến. Như Tuệ Vĩnh (đồng thời An Công trước ở Tây Lâm), Tuệ Trì (em cùng mẹ với Viễn Sư), Đạo Sinh, Đàm Thuận (đều là môn đệ của ngài La-thập), Tăng Duệ, Đàm Hoàn, Đạo Bính, Đàm Tiên, Đạo Kỉnh (đều là môn nhân của Viễn Sư), Phật-đà Gia-xá (Hán dịch là Giác Minh, người nước Kế Tân), Phật-đà Bạt-đà-la (Hán dịch là Giác Hiền, người nước Ca-duy-vệ), Danh nho Lưu Trình Chi (hiệu Di Dân), Trương Dã, Chu Tục Chi, Trương Thuyên, Tông Bỉnh, Lôi Thứ Tông... kết xã niệm Phật, đời gọi là Thập Bát Hiền. Sư lại dẫn chúng đến một trăm hai mươi ba người đồng tu nghiệp Tịnh độ, tạo ba Thánh Tượng Tây phương, thiết trai lập nguyện. Khiến Lưu Di Dân viết Phát Nguyện văn, mà Vương Kiều Chi... lại làm thi về Niệm Phật Tam-muội để nêu rõ ý chí. Sư có dáng mạo rất nghiêm túc, ai nhìn cũng kính sợ. Có Sa-môn cầm cây Như ý đến đùa chơi, gặp Sư không dám thưa hỏi điều chi rồi nép bên tòa mà trốn mất. Pháp sư Tuệ Nghĩa cố gắng tu tập có được chút ít, bảo với đệ tử của Sư là Tuệ Bảo rằng: “Các anh là hạng thô thiển, nên mới bị Viễn Sư khuất phục.” Có lần Nghĩa lên núi gặp lúc Sư đang giảng kinh Pháp Hoa, muốn đến vấn nạn nhưng trong lòng run sợ và xuất hạn, bèn nói với Tuệ Bảo rằng: Sư của ông có lời nói, dáng mạo rất tinh thành đáng kính phục. Khi Ân Trọng Kham đến trấn nhậm Kinh châu vào núi kính lễ, cùng Sư đến dưới rừng tùng ở khe phía Bắc, cùng đàm đạo trọn ngày quên mệt. Trọng Kham khen rằng: Sư trí thức rất sáng suốt thâm sâu thật hiếm có người! Sư cũng khen lại: Tài hùng biện của ông như suối phun (người sau gọi chỗ đó là suối Thông Minh). Các Quan Tư Đồ Vương mật, Hộ Quân Vương Mặc đều khâm phục Đạo phong của Sư, từ xa kính lễ (Vương mật có thư qua lại với Sư). Lô Tuần chiếm cứ Giang châu, vào núi đến thăm Sư, Sư cùng thân phụ của Tuần xưa là bạn đồng học. Khi gặp Tuần, Sư vẫn vui tình đạo cũ. Xong Sư khuyên đồ chúng rằng: Tuần là giặc của nước, không nên để người nghi. Sư bảo: Trong Phật pháp ta tình không lấy bỏ, kẻ thức giả tất tự xét thấy không có gì phải lo sợ. Kịp khi Tống Võ đem

quân thảo trừ, Tuần đóng quân ở Tang Vĩ. Kẻ tả hữu thưa rằng: Sư Tuệ Viễn là Tố Vương Lô Sơn có giao tiếp với Tuần rất trọng hậu. Tống Võ nói: Viễn Sư là bậc tiêu biểu trên đời có gì đáng nghi. Bèn sai Sứ mang thư, đem tiền lục đến tặng. Có một hành giả đến hầu Sư có tài đuổi rắn, do đó rắn trốn mất hết nhân gọi người ấy là Tỵ Xà hành giả. Có một con hổ thường lai vãng nhưng thấy người vẫn không làm hại, do đó đặt tên là "Du Sơn Hổ." Sư và người trong Liên Xã lên đỉnh núi nghỉ ngơi, chỉ lo phải đi lấy nước xa. Một hôm có một con hổ cào đá, thì nước từ đó phun lên, nhân đó đặt tên là suối Hổ Bào. Lại ở một ngọn núi khác Sư viết bài sớ Niết-bàn, nhân đó đặt là Trịch Bút Phong (ngọn ném bút). Lúc đầu, khi Đại Giáo mới truyền đến Giang đông, kinh sách chưa đủ, Thiền pháp không được nghe, Luật tạng thiếu nhiều. Sư bèn bảo đệ tử là Pháp Tịnh, Pháp Lãnh... vượt qua Thông Lãnh. Khoảng một năm thì thỉnh được nhiều bản tiếng Phạm đem về. Thuở xưa An Sư ở Quang Trung thỉnh ngài Đàm-ma Nan-đề dịch A-tỳ-đàm tâm, nhưng vị này chưa rành tiếng Hán lại có nhiều nghi trệ. Sau ngài Tăng-già Đề-bà đến thì liền thỉnh dịch lại và dịch Luận Tam Pháp Độ. Do đó hai luận này rất nổi tiếng. Sư liền viết lời tựa để tặng người học. Sư nghe ngài Cưu-ma-la-thập đã vào nước liền viết thư thông hiếu. Ngài La-thập đáp thư rằng: "Từ ngày liên lạc mới biết chút ít về đạo phong và đức hạnh. Kinh nói rằng: Đời mạt pháp ở Đông dương có Bồ-tát Hộ Pháp, đáng khâm phục thay việc nhân giả đã khéo léo hoằng đạo!" Khi ngài Đàm-ma-lưu-chi vào nước Tần, Sư sai đệ tử là Đàm Ấp đến thỉnh ngài ở Quang Trung dịch Thập Tụng Luật để lưu truyền trong nước Tấn. Các Tăng ở Tây Vực đều khen là ở đất Hán có bậc khai truyền pháp Đại thừa, nên thường hướng về Đông độ kính lễ Lô Nhạc. Kịp khi ngài Phật-đà Bạt-đà-la đến, Sư liền thỉnh ngài dịch một số Thiền kinh. Do đó Thiền giới kinh điển được dịch ra từ Lô Sơn gần đến trăm quyển. Trước đây ở cõi này chưa có thuyết Nê-hoàn thường trú, chỉ nói là thọ mạng dài lâu. Sư bảo: Phật là Đấng chí cực, chí cực thì không biến đổi, lý của không biến đổi thì đâu thể cùng tận được. Sư bèn viết ra bộ Pháp Tánh Luận mười bốn thiên. Ngài La-thập đọc xong khen rằng: Ở cõi ngoài chưa thấy kinh mà đã ngầm hợp lý. Vua Tần rất khâm phục đạo phong của Sư bèn đưa Trí Độ Luận mới dịch và viết thư nhờ Sư đề tựa. Sư cho rằng văn bộ luận này quá rườm và rộng, nên Sư toát yếu còn hai mươi quyển rồi đề lời tựa (Ngài La-thập dịch Trí Độ Luận đến một trăm quyển). Hoàn Huyền chinh phạt Ân Trọng Kham yêu cầu Sư ra Hổ Khê, Sư cáo bệnh không đi. Huyền sắp vào núi, kẻ tả hữu thưa rằng: Xưa Ân Trọng Kham

đã từ xa lễ kỉnh Sư, xin ngài chớ quy phục. Huyền bảo: Trọng Kham là kẻ chết nhát! Nhưng khi Huyền gặp Sư thì bất giác quỳ gối, bao điều định vấn nạn đều không dám hé môi. Khi Huyền thưa Sư về việc chinh phạt, Sư không đáp. Sau Huyền lấy oai Trấn chủ khuyên ép Sư ra làm quan. Bấy giờ Sư dùng lời chánh đáng đáp lại, Huyền không thể ép được. Rồi muốn dẹp đuổi chư Tăng, ra lệnh cho các thuộc hạ rằng: Đám Sa-môn nào có thể giải bày đúng các khảo hạch về Kinh và giữ Luật tinh nghiêm thì mới cho hoằng truyền Đại Pháp, còn ai trái với điều trên thì đều đuổi đi. Chỉ có Lô Sơn sống đời đạo đức nên không bị tra xét. Sư nhân đó viết thư lập các thể chế, Huyền đều nghe theo. Xưa Sưu Băng Phụ Chánh đã cho rằng Sa-môn phải kính lễ vua, sao còn tâu thêm là không nên lễ. Kịp khi Huyền ở Cô Thục thì lại đem lời của Sưu Băng nghị lại. Sư viết thư đáp rằng: Áo ca-sa không phải là triều phục, bình bát không phải là đồ dùng trong lang miếu, kẻ đã thoát trần thì không còn phải kính lễ vua. Sư bèn soạn ra quyển Sa-môn Bất Kỉnh Vương Giả Luận năm thiên:

1. Nói về kẻ tại gia phải có lòng yêu Thiên tử và giữ lễ kính thờ Chúa.

2. Nói về người xuất gia vì có chí cầu cải tục đạt đạo vậy đâu thể theo phép kính lễ của thế tục.

3. Nói về cầu Tông không thuận hóa. Tông nghĩa là Nê Hoàn không biến đổi, vì lấy hóa tận làm nhà (Nê-hoàn tức Niết-bàn, dịch là bất sinh bất diệt). Về không thuận hóa, thì có sinh tất có diệt, có thần tất có minh. Khi cảnh thần minh dứt hết thì gọi là Nê-hoàn, mà không tùy thuận vào cảnh sinh sinh hóa hóa lưu động vô cùng. Đây đã không coi quân hầu là bậc cao thượng thì sao còn kính lễ nữa ư?

4. Nói về thể cực không kiêm ứng, nghĩa là các đời vua Chúa thì vua là bậc cao cấp nhất. Nhưng đây ở trong địa phương mình chứ không gồm ở nước ngoài, nên gọi là không kiêm ứng. Đạo trời đất công cuối cùng là ở vận hóa, Đức vua Chúa lý rốt nhất là thuận thông. So sánh giáo cao tuyệt và tông bất biến thì hơn kém đã rất rõ ràng. Phàm Đạo Như Lai thì không đâu không ứng.

5. Nói về thân tuy chết nhưng thần không mất, nghĩa là lửa được truyền bởi củi cũng như thần được truyền bởi thân thể. Nhưng cái truyền của lửa tất khác củi, cũng như cái truyền của thần khác thân thể. Mới sinh đó chết đó qua lại không cùng. Chỉ có kẻ ngộ triệt thì mới trở lại nguồn, còn người mê lý thì luôn đuổi theo vật mà thôi. Không bao lâu Huyền lên ngôi, liền viết thư bảo: Phật pháp rộng lớn chưa thể biết

hết. Trước xét tình thờ chúa mà khiến phải hết sức kính lễ, nay việc đối chính mình nên chỉ cần giữ vẻ kính nhường mà thôi, các Đạo nhân không cần phải đảnh lễ nữa. Khi Hoàn Huyền chạy về phía Tây thì An Đề từ Giang lăng trở về Kinh Sư. Quan Phụ Quốc là Hà Vô Kỵ khuyên Sư nên ra đón tiếp, Sư cáo bệnh không đi. Vua sai sứ đến thăm hỏi, Sư dâng thư cáo bệnh. Vua lại xuống chiếu an ủi. Sư có lần giảng kinh Tang Phục (tức các thiên Tiểu ký, Đại ký, Tứ chế của Lễ ký), Lôi Thứ Tông và Tông Bính đều cầm quyển vâng nghe. Sau đó Thứ Tông viết Nghĩa sớ, lúc đầu tự xưng là Lôi thị. Tông Bính viết thư trách rằng: Xưa đã cùng túc hạ đối diện với Thích Hòa thượng học hỏi, sao nay lại xưng là Lôi Thị? (Lục Đức Minh Mao Thi Âm Nghĩa có nói: Chu Tục Chi và Lôi Thứ Tông đồng học Thi Nghĩa với Viễn Pháp sư, cũng là việc này). Thích Tuệ Yếu sợ không có đồng hồ, bèn đặt mười hai lá phù dung trên mặt nước, sóng đánh làm chuyển vị trí các chiếc lá, do đó mà biết được ngày đêm, để làm giờ giấc tu hành và gọi là đồng hồ hoa sen. Sư Tăng Triệt giỏi sách vở thường đến Nam Sơn vịn cành tùng huýt gió, tiếng hòa theo gió khiến bầy chim tụ tập đua hót thảm thiết, ông ta ra vẻ thích thú tự đắc, lui về hỏi Sư rằng: Luật cấm khảy đàn thổi sáo ca múa, vậy như ngâm vịnh huýt gió được chăng? Sư đáp: “Những gì do loạn ý đều phi pháp”, Triệt bèn không huýt gió ngâm vịnh nữa. Sư ở trong núi suốt ba mươi năm chưa hề xuống núi vào xóm, chỉ chuyên tu tịnh nghiệp, niệm Phật, mười một năm đầu Sư lắng tâm quán tưởng, ba lần thấy Thánh Tượng nhưng lặng lẽ không nói, mười chín năm sau vào một tối cuối tháng bảy, ở Khám Phía Đông Bát-nhã đài vừa mới xuất định thì Sư thấy thân Phật A-di-đà đầy khắp không gian, trong viên quang có các hóa Phật, có Quan Âm và Thế Chí đứng hầu hai bên. Lại thấy nước phun lên có ánh sáng, phân làm bốn nhánh chảy xuống phát ra tiếng nói về khổ, không, vô thường, vô ngã. Phật bảo Sư rằng: Ta vì bản nguyện nên đến an ủi ông, bảy ngày nữa ông sẽ sinh về nước ta. Lại thấy Phật-đà-gia-xá, Tuệ Trì (đã mất năm Nghĩa Hy thứ tám), Tuệ Vĩnh (mất năm Nghĩa Hy thứ mười), Lưu Di Thị (mất năm Nghĩa Hy thứ sáu) cùng đứng bên Phật chào Sư nói rằng: “Sư lập chí trước sao lại về muộn?” Sư bảo Pháp Tịnh, Tuệ Bảo rằng: Hồi mới ở đây trong mười một năm đầu ta ba phen thấy tướng Phật, nay lại thấy, ta ắt sinh Tịnh độ vậy. Lại nói: Bảy ngày nữa là chậm nhất. Rồi Sư có bệnh nằm nói lời di chúc: Xưa ta đã biết số ta dựng nghiệp ở núi này, xét rằng có sinh tất có diệt, bèn muốn dứt hết ngoại duyên, để thỏa chí nguyện. Nhưng do tính yếu đuối với đoạn diệt nên đã cùng kết quyến thuộc với những người

đồng chí tu tịnh nghiệp đương thời, bởi đồng tình cùng cảm. Bất giác mà thân già vận suy, nay đã tám mươi ba tuổi rồi. Ngước lên thì sai lời dạy, cúi xuống thì tự phụ lòng mình. Những khiến đời này luống uổng nhớ tiếc bệnh cũ càng sâu. Nay đến lúc, thì hãy để nắm hình hài này dưới rừng tòng hoặc chôn trên đỉnh núi, để cùng thấm đượm cỏ cây. Ấy là theo lễ của người xưa, các ngươi chớ trái lời, chỉ cốt sao thần thức không mê, mới đạt được lòng thành. Cúi mong Thế Tôn Từ Bi hộ độ!" Môn đồ than khóc như cha mẹ qua đời. Sư thấy tình đời khó dứt bèn dời lại bảy ngày, đúng hẹn mới thị tịch, đúng vào ngày sáu tháng tám năm Nghĩa Hy mười hai. Các đệ tử không đành để thân Sư ngoài đất, bèn cùng Thái Thú Tầm Dương là Nguyễn Khản chôn toàn thân Sư ở đỉnh núi tây rồi chất đá làm tháp. Tạ linh Vận lập bia viết bài minh kể công đức, Trương Dã làm bài tựa xưng là môn nhân. Tông Bích lại lập bia ở cổng chùa để nêu đức nghiệp. Khi Sư sắp viên tịch, các bậc kỳ đức thỉnh Sư dùng rượu đậu để trị bệnh. Sư bảo: Luật cấm. Lại thỉnh Sư uống nước cháo, Sư nói đã quá ngọ, lại thỉnh Sư uống nước mật. Sư bảo hãy dở luật ra xem các điều khoản. Xem chưa được nửa quyển thì Sư đã viên tịch. Các kinh Luận cùng những lời tựa, bài minh, Tán, Thi, Ký... của Sư làm ra có khoảng mười quyển đề là Lô Sơn Tập (khắc gỗ để ở Việt Phủ). Từ ngài Phật Đồ Trừng, Đạo An, Sư Viễn, Pháp sư Đàm Thuận, Tăng Duệ năm đời đều là quốc Sư. Vua Tuyên Tông nhà Đường vào năm Đại Trung thứ hai đã thụy phong Sư là Biện Giác Đại sư. Năm Thăng Nguyên thứ ba lại truy phong cho Sư là Chánh Giác (Nhà Nam Đường, niên hiệu Lý Tiên Chủ, tức năm Thiên Phước thứ tư, đời Cao Tổ nhà Tấn), niên hiệu Đại Tống, vua Thái Tông, năm Thái Bình Hưng Quốc thứ ba truy thụy phong cho Sư là Viên Ngộ Đại sư, tháp là Ngưng Tịch.

2. PHÁP SƯ THIỆN ĐẠO

Không biết Sư là người ở đâu. Trong năm Chánh Quán đời Đường Thái Tông, Sư đến Tây Hà tham kiến Xước Thiền sư đang ở Cửu Phẩm đạo tràng giảng tụng Quán Kinh. Sư mừng rỡ bảo rằng: Đây mới thật là cửa vào chốn Phật, tu các hạnh nghiệp khác hẹp hòi xa xôi khó thành. Chỉ có Quán Môn này mới nhanh chóng thoát khỏi sinh tử. Do đó Sư quyết chí cần khổ ngày đêm lễ tụng. Sau Sư đến Kinh Sư hướng dẫn bốn bộ chúng. Mỗi lần vào Thất cùng quỳ niệm Phật, đến kiệt sức mới thôi. Gặp những ngày lạnh gắt Sư cũng tu đến đổ mồ hôi mới nghỉ. Luôn vì người diễn nói pháp môn Tịnh Độ hơn ba mươi năm không hề tạm ngủ nghỉ. Ban-chu hành đạo, Phương Đẳng Lễ Phật. Sư luôn gìn giữ giới

phẩm mảy may không phạm. Có thức ăn ngon liền đưa xuống nhà bếp còn mình thì ăn đồ xấu dở, nhũ lạc đề hồ không từng nếm qua. Phàm của cúng thí đều dùng để viết mười vạn quyển kinh Di-đà, vẽ Biến Tướng Tịnh Độ ba trăm bức. Chùa hư tháp đổ, Sư đều đến sửa chữa xây cất lại. Đốt đèn đến sáng suốt năm không ngớt, ba y bình bát không nhờ người cầm. Không đi chung với nhiều người vì sợ nói chuyện thế sự. Ở Trường An số đạo tộc được truyền trao pháp môn Tịnh Độ nhiều không kể xiết. Người được ngài hóa độ có người tụng kinh Di-đà đến mười vạn quyển, có người tụng đến năm mươi vạn quyển. Khóa tụng hàng ngày niệm Phật từ một vạn tiếng đến mười vạn tiếng hoặc số người được nhập Niệm Phật Tam-muội và vãng sinh Tịnh độ thì đông không thể kể hết được. Có người hỏi niệm Phật có chắc sinh Tịnh độ chăng? Sư đáp: Tùy việc ông niệm sẽ được theo sở nguyện. Sư bèn tự niệm một tiếng thì trong miệng có một ánh sáng phát ra, cho đến mười tiếng hay trăm tiếng thì cũng thế cả. Sư viết kệ khuyên rằng: “Lần hồi da nhăn tóc bạc, ngắm xem bước đi lọng cọng, giả như vàng bạc đầy nhà, đâu khỏi suy tàn già bệnh, dẫu có trăm ngàn khoái lạc, vô thường cũng đến mà thôi, chỉ có đường tắt tu hành, một câu A-di-đà Phật.” Sau đó Sư bỗng gọi người bảo rằng: “Thân này đáng chán, ta sắp về Tây.” Rồi Sư leo lên cây liễu quay mặt về hướng Tây nguyện rằng: “Xin Phật tiếp dẫn con, Bồ-tát giúp sức con, khiến con không mất chánh niệm, được sinh về An Dưỡng.” Nguyện xong liền gieo mình xuống đất mà tịch. Vua Cao Tông biết Sư niệm Phật có ánh sáng từ miệng phóng ra, lại dốc chí xả thân, bèn ban cho hiệu chùa là Quang Minh. Từ Vân Tịnh Độ lược truyện nói: Phật A-di-đà hóa thân đến Trường An nghe tiếng nước chảy nói rằng: “Ở đây dạy Niệm Phật tròn ba năm, cả thành Trường An đều Niệm Phật. Sau có Pháp Chiếu Pháp sư đó là Hòa thượng Thiện Đạo vậy.”

3. PHÁP SƯ THỪA VIỄN

Sư lúc đầu học với Đường Công ở Thành Đô. Sau đến Kinh châu theo học với Chân Công ở Ngọc tuyền. Chân Công trao cho Sư Hành Sơn, khiến Sư làm Giáo Khôi. Người được Sư giáo hóa có đến hàng vạn. Có đệ tử là Pháp Chiếu. Lúc đầu Sư ở Lô Sơn, do chánh định mà đến được An Lạc Quốc, thấy người áo xấu đứng hầu Phật. Phật bảo: “Đó là Hành Sơn Thừa Viễn.” Khi xuất định đi tìm thì quả đúng vậy. Sư bèn theo học, rồi ra truyền giáo khắp thiên hạ. Pháp Chiếu ở đời Tống làm Quốc Sư bèn nói thầy mình có Đức lạ, nên vua hướng về phía Nam mà kính lễ. Cho rằng Đạo ngài không thể nêu bày, bèn gọi nơi ở của ngài là

Ban Chu đạo tràng để tôn xưng Đạo vị ngài. Lúc đầu Sư đến ở dưới hòn Nham Thạch phía Nam ở Sơn tây. Nếu người cúng thức ăn thì ăn, nếu người không cúng thì ăn rau cỏ hoặc bùn đất, việc y phục cũng thế. Phía Nam cả vùng Hải Duệ, phía Bắc lên đến U Đô, mọi người đều đến cầu đạo với Sư. Có người gặp Sư nơi hang núi mình mẩy tiều tụy, mặt mày dơ bẩn đang khom lưng vác củi, cho là đầy tớ mà xem thường. Phàm khi hóa độ người, Sư thường lấy Trung đạo mà dạy bảo. Huyền Ty Đắc bị bệnh đến Sư hỏi đạo. Sư dạy nên chuyên niệm Phật. Sư viết các châm ngôn ở các hẻm, trong hang núi, nghiêm khắc dạy bảo kẻ dưới. Không tìm cầu mà Đạo đầy đủ, không nói mà vật thành. Người đều đội vải lụa, chặt gỗ, đục đá để cả ngoài cửa hang. Sư không từ chối cũng không xây cất mà chùa chiền, nhà cửa vẫn đầy đủ. Đến Triều vua Đức Tông ra chiếu khen ngợi, gọi là chùa Di-đà. Đến ngày mười chín tháng bảy năm Chánh Nguyên mười tám, Sư viên tịch ở tại chùa đó, thọ chín mươi mốt tuổi. Liễu Tông Nguyên soạn lời bia khắc để ở cổng chùa.

4. QUỐC SƯ PHÁP CHIẾU

Đời Đường, năm Đại Lịch thứ hai, Sư ở chùa Vân Phong tại Hành Châu, Từ bi nhục tu giới định, Sư được nhiều người tôn kính. Có lần Sư ở Tăng Đường ăn cơm thì thấy trong bát có mây năm sắc, trong đó có Phạm sát, phía Đông bắc có cửa đá ở khe núi. Lại có một chùa có bảng đề chữ vàng "Đại Thánh Trúc Lâm Tự." Một hôm khác, Sư lại thấy mây trong bát, trong mây có mấy chùa, ao sen đền đài và lầu quán, có vạn Bồ-tát cùng chúng ở trong ấy. Sư đem việc nhìn thấy hỏi các bạn tri thức. Có hai Tăng là Gia Diên và Đàm Huy bảo rằng: Việc Thần Thánh biến hóa thật khó lường, nếu luận về núi sông có địa thế thì chỉ có Ngũ Đài mà thôi. Năm Đại Lịch thứ tư, Sư ở chùa Hồ đông tại Quận Chi, mở năm Hội Niệm Phật (năm ngày mở một hội), chiêu cảm được mây lành bay đến. Trong mây thấy có lầu đài, lại thấy Đức A-di-đà và hai vị Bồ-tát thân đầy khắp hư không. Có mấy vị Phạm Tăng đang cầm tích trượng hành đạo. Lại thấy có một lão Tăng bảo rằng: "Ông trước đã phát nguyện ở cõi Kim sắc mà đảnh lễ gần gũi Đại Tăng (Phật), nay vì sao vội bỏ?" Sư bèn cùng các bạn đồng chí lặn lội xa xôi đến Ngũ Đài, thì thấy ở phía Nam chùa có ánh sáng, bèn tìm theo đến thì đến chùa Phật Quang, giống y như chùa đã thấy trong bát thuở nào. Ở phía Đông bắc cách năm dặm quả nhiên có núi lớn và có khe núi. Ở cổng đá phía Bắc khe núi có hai vị mặc áo xanh là Thiện Tài và Nan-đà, dẫn Sư vào cổng, đi về phía Bắc có Kim Môn Lâu Quán, trên có bảng vàng đề chữ

"Đại Thánh Trúc Lâm Tự." Chùa vuông vức hai mươi dặm, có một trăm viện, đều có đất vàng tháp báu, đài hoa cây ngọc. Sư vào giảng đường thì thấy Đức Văn-thù ở phía Tây, Đức Phổ Hiền ở phía Đông, đang ngồi trên tòa Sư tử nói pháp cho chúng, có hàng vạn Bồ-tát cùng đi nhiễu quanh. Sư đến trước hai vị Bồ-tát đảnh lễ bạch rằng: Kẻ phàm phu đời mạt Pháp không biết nên tu pháp môn nào? Ngài Văn-thù bảo: Các hạnh môn tu tập không chi bằng niệm Phật, vì nguyện lực của Đức Phật A-di-đà khó nghĩ bàn, ông nên niệm Phật chắc chắn được vãng sinh. "Lúc đó hai vị Bồ-tát đồng đưa tay vàng xoa đảnh đầu Sư và thọ ký rằng: Ông nhờ sức niệm Phật nên cuối cùng sẽ chứng Vô thượng giác." Đức Văn-thù lại bảo: "Ông hãy đến các Viện Bồ-tát lần lượt đảnh lễ nghe lời dạy bảo." Sư liền lần lượt đến thỉnh giáo và được dạy đến vườn Thất bảo, rồi trở về trước Đại Thánh đảnh lễ từ tạ ra về, lại được hai vị thanh y đưa ra tận cổng ngoài. Sư lại đảnh lễ. Khi ngẩng đầu lên thì tất cả đều biến mất. Sau Sư cùng năm mươi vị Tăng đến hang Kim Cang nơi ngài Vô Trước nhìn thấy Phật. Bỗng Sư thấy các cung điện báu, các ngài Văn-thù, Phổ Hiền và vạn Bồ-tát cùng Đức Phật Bà-la-lợi, Sư bèn đảnh lễ, khi ngẩng đầu lên thì không thấy nữa. Một đêm Sư ở viện Hoa nghiêm thấy ở hang núi phía Đông chùa có ngọn đèn năm nhánh. Sư nói: Muốn phân làm trăm ngọn thì liền được như ý. Sư lại nói: Xin phân ra làm ngàn ngọn đèn, liền được đúng số, ánh sáng tỏa khắp hang núi. Lại trước khi đến hang Kim Cang, vào nửa đêm nọ Sư thấy Đức Phật-đà-bà-lợi dẫn Sư vào chùa. Sau đó Sư ở viện Hoa Nghiêm nhớ lại việc hai vị Bồ-tát đã thọ ký cho mình được vãng sinh, bèn nhất tâm niệm Phật. Chợt thấy Đức Phật Ba-lợi bảo rằng: Hoa đài của ông đã sinh, ba năm nữa hoa sẽ nở. Ông sẽ thấy các chùa Trúc lâm... vì sao không khiến quần sinh cùng biết?" Sư nhân đó sai thợ khắc đá làm hình vẽ, ở chỗ nhìn thấy bèn lập chùa Trúc lâm. Khi xong Sư bảo chúng rằng: "Việc ta đã xong." Vài hôm sau Sư giả biệt chúng rồi ngồi yên mà hóa. Suy ra lời của Đức Ba-lợi nói thì đúng ba năm (tức năm Đại Lịch thứ bảy). Sư ở Tinh Châu mở năm Hội dạy người niệm Phật. Vua Đại Tông ở trong cung tại Trường An thường nghe phía Đông bắc có tiếng Niệm Phật. Vua sai sứ tìm đến Thái Nguyên thì quả thấy Sư đang khuyến hóa rất thịnh hành. Bèn rước Sư vào cung cấm dạy cho cung nhân niệm Phật cũng đến năm Hội (Liễu Tử Hậu trong Tập Nham Nhạc Bi nói rằng thời vua Đại Tông thì Pháp Chiếu làm Quốc Sư).

5. PHÁP SƯ THIẾU KHANG

Sư họ Chu, người ở Tấn Vân. Bà mẹ họ La mộng thấy lên ngọn Đỉnh Hồ có Ngọc nữ đem cho cành sen xanh bảo rằng: “Hoa Cát Tường đây phải sinh con quý.” Đến khi sinh Sư thì ánh sáng đầy nhà và thơm nức hương sen. Năm bảy tuổi Sư vẫn chưa biết nói. Thầy tướng cho là kỳ lạ. Bà mẹ dắt đến chùa Linh sơn chỉ điện Phật bảo Sư: Con nên kính Phật, đừng sợ! Sư đáp: “Đây là Phật Thích-ca của con, ai mà không kính.” Cha mẹ thấy thế càng kính phục bèn cho đi xuất gia. Đến năm mười lăm tuổi, Sư tụng thông năm bộ Pháp Hoa, Lăng-nghiêm... Sư liền tìm đến Cối kê học với ngài Gia Tường nghiên cứu Luật Bộ. Sau Sư đến Long Hưng ở Thượng Nguyên, nghe các Luận Hoa Nghiêm, Du Già... Đến năm Trinh Quán thứ nhất, đời Đường, Sư đến học ở chùa Bạch mã, thấy trong điện Kinh sách phát ra ánh sáng, bèn cầm xem thì là văn Tây Phương Hóa Đạo của Hòa thượng Thiện Đạo. Sư khấn rằng: Nếu con có duyên với nghiệp Tịnh Độ thì lại phóng quang cho, vừa nói xong thì lửa rực sáng lòe. Sư nói: “Đá nhiều kiếp còn mòn nguyện ta không hề đổi.” Sư bèn đến chùa Quang minh ở Trường An, ở tại Ảnh đường của Hòa thượng Thiện Đạo, thiết bày đại lễ cúng dâng. Bỗng thấy di tượng của ngài bay lên hư không bảo rằng: “Ông nên y theo giáo pháp ta mà rộng độ hữu tình, hôm nào công đức hoàn thành ắt sinh An dưỡng. Sư nghe tiếng Phật nói như có điều chứng ngộ. Bèn đi về phía Nam đến Giang lăng. Giữa đường gặp vị Tăng bảo rằng: “Ông muốn dạy người hãy đến Tân Định” (nay là Nghiêm Châu), nói xong liền biến mất. Khi Sư vào Quận thì không ai biết. Sư bèn xin tiền rồi dụ trẻ em bảo rằng: “Đức Phật Di-đà là thầy của chúng cháu, cháu nào niệm Phật một tiếng ta sẽ cho một tiền.” Trẻ em ham tiền luôn theo Sư niệm Phật. Hơn một tháng số trẻ con niệm Phật kiếm tiền càng đông. Sau Sư bảo: Cháu nào niệm Phật mười tiếng ta cho một tiền. Như thế suốt một năm bất luận già trẻ lớn bé, sang hèn hễ thấy Sư đều niệm A-di-đà Phật. Tiếng niệm Phật vang khắp đường phố. Được mười năm Sư bèn đến núi Ô Long xây dựng Tịnh độ đạo tràng, cất lầu đài ba tầng, tập chúng hành đạo. Mỗi lần lên giảng tòa Sư đều lớn tiếng niệm Phật thì chúng thấy từ miệng Sư phóng ra một vị Phật, niệm liền mười tiếng thì thấy có mười vị Phật. Sư bảo: Ai thấy Phật ắt được vãng sinh. Lúc đó số người đông đến cả ngàn. Những ai không thấy Phật đều than thở rồi càng cố gắng tinh tấn niệm Phật. Được hai mươi mốt năm, vào ngày ba tháng mười, Sư phó chúc các Đạo Tộc hãy nên khởi tâm ham thích cõi Tịnh độ, chán sợ cõi Diêm-phù, ngay lúc này các ông thấy được ánh sáng mới thật là đệ tử của ta. Và Sư phóng liền mấy luồn ánh sáng lạ rồi thị tịch. Người trong

Quận lập tháp Sư trên đài đá. Năm Càn Hựu thứ ba, Thiên thai Thiều Quốc Sư khuyên người trùng tu tháp Sư. Sau nhiều người cho là Sư nối nghiệp ngài Thiện Đạo.

6. PHÁP SƯ DIÊN THỌ

Sư tự là Xung Huyền, năm lần thi kinh Pháp Hoa đều rớt, đến lần thứ sáu mới đậu. Thời đất Ngô Việt thuộc họ Tiền, ông làm thuế vụ, nhân lấy tiền quan mua cá tôm phóng sinh, việc bại lộ ông bị đem ra chợ chém đầu. Ngô Việt Vương sai người rình xem hễ thấy mặt biến sắc thì chém, không biến sắc thì thả. Cuối cùng mặt không biến sắc nên được tha mạng. Nhân đó ông đến Thúy Nham Thiền sư ở Tứ Minh mà xuất gia. Mặc không dùng lụa bông, ăn không ăn ngon lạ. Sư lại đến tham học với Thiều Quốc Sư mà phát minh tâm yếu. Có lần ngài gọi Sư bảo rằng: Ông có duyên với Nguyên Sư tất làm nên Phật sự lớn, tiếc rằng ta không kịp thấy được. Lúc đầu Sư đến núi Thiên thai Trí Giả chín tuần tập định thì thấy trong y có chim làm tổ. Sau Sư đến chùa Quốc thanh tu Pháp Hoa Sám. Đêm đến thấy thần nhân cầm kích đi vào, Sư trách rằng: Sao dám vào Đàn tràng? Thần đáp: "Đã chứa nhóm nghiệp lành từ lâu nên mới đến đây." Nửa đêm Sư đi nhiễu tượng thì thấy Đức Phổ Hiền trên tay có cành hoa sen, Sư bèn lên ......Trí Giả làm hai thẻ xâm, một thẻ đề: Một đời Thiền định, một thẻ đề tụng Kinh làm muôn việc thiện để trang nghiêm Tịnh Độ, gieo đến bảy lần mà vẫn được một thẻ: Chuyên tu tịnh nghiệp. Sư bèn chống tích trượng đến chùa Kim Hoa ở ngọn Thiên Trụ, tụng kinh suốt ba năm. Trong khi Thiền Quán, Sư thấy Đức Quan Âm lấy nước Cam lồ rót vào miệng, Sư bèn được biện tài. Lúc đầu Sư giảng Pháp ở Tuyết Bảo. Đến năm Kiến Long thứ nhất (là năm vua Thái Tổ Triều Tống được nhường ngôi), Trung Ý Vương thỉnh Sư đến ở chùa Linh Ẩn, hai năm sau dời về Vĩnh Minh (nay là Tịnh Từ), khóa lễ hàng ngày Sư chuyên niệm Phật, có cả một trăm lẻ tám việc Sư vẫn không tạm bỏ. Người học đến tham vấn, Sư chỉ tâm làm tông, lấy ngộ làm quy tắc, sớm tối lên một ngọn núi riêng hạnh đạo niệm Phật. Người bên ngoài nghe có tiếng ốc thổi và nhạc trời. Ý Trung Vương khen rằng: Từ xưa đến nay người cầu vãng sinh chưa có ai chí thiết như vị này. Bèn lập điện Tây phương Hương Nghiêm để Sư tu trì. Sư ở Vĩnh Minh mười lăm năm, đệ tử đến một ngàn bảy người. Sư thường truyền giới Bồ-tát cho chúng, ban đêm thí thực cho quỷ thần ăn, ngày thì phóng sinh cứu mạng, tất cả đều hồi hướng trang nghiêm Tịnh Độ. Người thời ấy gọi Sư là Từ Thị hạ sinh. Năm Khai Bảo thứ tám, ngày hai mươi sáu

tháng hai, vào buổi sáng Sư đốt hương, cáo biệt chúng rồi ngồi kiết già mà hóa. Vua ban hiệu là Trí Giác Thiền Sư. Đạo của Sư vang khắp hải ngoại. quốc vương nước Cao Ly gửi thư tặng vật với cương vị đệ tử. Sư thấy ba Tông Thiên Thai, Hiền Thủ và Từ Ân có những chỗ dị đồng, bèn mời các học trò biết rõ về các Tông ấy, rộng xem các văn nghĩa và cùng vấn nạn nhau, Sư lấy công tâm để chuẩn định cho ngang bằng. Sư lại tập họp các kinh luận Đại thừa khoảng sáu mươi bộ và các danh ngôn của cả ba trăm Hiền thánh ở hai cõi Đông độ và Tây Vức chứng minh cho ý chỉ Duy tâm. Sư viết cả trăm quyển đặt tên là Tông Cảnh, lại soạn bộ Vạn Thiện Đồng Quy Tập nêu rõ chỉ quy Tịnh Độ là cốt yếu nhất. Khi Sư đã tịch xây tháp Sư trong núi, có vị Tăng từ Lâm Xuyên đến nói rằng: Trong cơn bệnh tôi xuống cõi âm, được thả về, thấy trong điện có hình vị Tăng, vua Diêm La đến lễ bái. Tôi hỏi tượng này là ai, vị chủ Sư nói: "Đây là Thọ Thiền sư ở Hàng Châu, nghe nói đã được thọ sinh bậc thượng phẩm ở Tây phương, nên vua kính vị ấy mà đảnh lễ vậy." Khoảng năm Sùng Ninh, Sư được thụy phong là Tông Chiếu Thiền sư (thấy Bản Truyện ở Long Thư Văn của Lâm An Chí).

7. PHÁP SƯ TỈNH THƯỜNG

Sư tự là Tạo Vi, họ Nhan, người Tiền Đường. Mới bảy tuổi Sư đã chán thế tục, mười bảy tuổi thọ giới Cụ túc. Đời Tống khoảng năm Thuần Hóa, Sư ở Nam Chiêu. Sư rất kính mộ đạo phong của ngài Lô Sơn, định kết Liên Xã. Nhân Tây hồ là cảnh đẹp trên đời, Sư lánh bỏ cảnh đẹp chỉ ngưỡng mộ việc vãng sinh về cõi của Vô Lượng Thọ Phật. Sư bèn khắc tượng ngài và xem phẩm Tịnh Hạnh của kinh Hoa Nghiêm làm Tông yếu thành Phật, bèn chích máu viết ra. Do đó đổi tên Liên Xã thành Tịnh Hạnh. Các hàng sĩ phu dự hội đều xưng là đệ tử của Tịnh Hạnh Xã, mà Vương Văn Chánh Công làm Hội trưởng, một thời chăn dắt hàng công khanh. Hơn ba mươi năm số người tham dự Xã này có đến một trăm hai mươi ba vị được hóa độ thành tài, còn số Tỳ-kheo đồng chí có đến hàng ngàn. Có người đem Tây hồ sánh với Lô Sơn thì thấy đức của Sư không thua kém (Ngài Lô Sơn làm bài văn bia Bạch Liên Xã Chủ để ghi chép sự nối tiếp thạnh hành đó. Quan Hàn Lâm vâng chỉ vua soạn bài minh Bạch Liên Xã, Tào Sứ là Tôn Hà làm lời ký). Năm Thiên Hy thứ tư, ngày mười hai tháng giêng, Sư ngồi thẳng niệm Phật, chốc lát bỗng lớn tiếng bảo rằng: "Phật đến", rồi im lặng mà hóa. Chúng thấy đất có sắc vàng giây lâu mới mất. Sư thọ sáu mươi hai tuổi. Đệ tử thờ toàn thân, tháp Sư ở bên mộ ngài Điểu Khóa Thiền Sư.

**** Mười tám bậc Hiền ở Liên xã:***

1. Đông lâm Tuệ Viễn Pháp sư (đệ tử An Sư).
2. Tây Lâm Tuệ Vĩnh Pháp sư (đệ tử An Sư).
3. Tuệ Trì Pháp sư (em của Viễn Sư, đệ tử của An Sư).
4. Đạo Sinh Pháp sư (đệ tử của La-thập).
5. Đàm Thuận Pháp sư (đệ tử của La-thập).
6. Tăng Duệ Pháp sư.
7. Đàm Hằng Pháp sư.
8. Đạo Bính Pháp sư.
9. Đàm Tiên Pháp sư.
10. Đại Kỉnh Pháp sư (năm vị trên là đệ tử của Viễn Sư).
11. Giác Minh Pháp sư (là Phạm Tăng Phật-đà Gia-xá).
12. Giác Hiền Pháp sư (là Phạm Tăng Phật-đà Bạt- đà).
13. Lưu Trình Chi.
14. Trương Dã.
15. Chu Tục Chi.
16. Trương Thuyên.
17. Tông Bính.
18. Lôi Thứ Tông (sáu vị trên đều là đệ tử của Viễn Sư).

**** Một trăm hai mươi ba người của Liên xã:***

(Thấy truyện ghi có ba mươi bảy người).

1. Đàm Dực Pháp sư.
2. Đàm Ấp Pháp sư.
3. Tăng Tế Pháp sư.
4. Huệ Cung Pháp sư.
5. Pháp An Pháp sư (5 vị trên có Truyện).
6. Pháp Tịnh Pháp sư.
7. Pháp Lãnh Pháp sư.
8. Tuệ Bảo Pháp sư.
9. Tuệ Yếu Pháp sư.
10. Tăng Triệt Pháp sư (năm vị trên thấy ở Đông lâm Truyện).
11. Tuệ Nhiên Pháp sư.
12. Đàm Oai Pháp sư (hai vị trên thấy ở Lô sơn tập).
13. Đạo Hoằng Pháp sư.
14. Đàm Lan Pháp sư (Hai vị trên ở Trì Sư Truyện).
15. Pháp Nghiệp Pháp sư.
16. Tuệ Nghĩa Pháp sư.

17. Huệ Nghiêm Pháp sư.
18. Tuệ Quán Pháp sư (bốn vị trên thấy ở Bạt-đà-la Truyện).
19. Đàm Quả Pháp sư (ở Ấp Sư Truyện).
20. Nguyên Bậc Pháp sư (ở Tế Sư Truyện).
21. Tăng Quang Pháp sư.
22. Tuệ Kham Pháp sư.
23. Tuệ Lan Pháp sư (ba vị trên ở Cung Sư Truyện).
24. Mẫn Công Tắc (có Truyện).
25. Tất Dĩnh Chi (thấy ở Lưu Truyện).
26. Mạnh Hoài Ngọc (Thứ Sử Giang châu).
27. Vương Kiều Chi (Thái Thú Lâm Hạ).
28. Ân Ẩn (Thái Thú Tấn An).
29. Mao Tu Chi (Huỳnh Môn Thị Lang).
30. Ân Úy (Chủ Bạ).
31. Vương Mục Dạ (Tham Quân).
32. Hà Hiếu Chi (Tham Quân).
33. Phạm Duyệt Chi (Hiếu Liêm).
34. Trương Văn Dật (Xử Sĩ).
35. Mạnh Thường Thị.
36. Mạnh Tư Mã (mười một người trên thấy ở Lô Sơn Tập).
37. Lục Tu Tịnh (tức Giản Tịch Tiên Sinh, có truyện).

* Các bậc Hiền không vào Liên xã:

1. Đào Tiềm (Bành Trạch Lệnh).
2. Tạ Linh Vận (Khang Lạc Công).
3. Phạm Ninh (Thái Thú Dự Chương).

TRUYỆN VỀ MƯỜI TÁM BẬC HIỀN:

1. Đông lâm Pháp sư (thấy ở Truyện bảy Tổ trong Liên Xã trước).

2. Tây Lâm Pháp sư Tuệ Vĩnh

Sư họ Phan, người ở Hà nội. Năm mười hai tuổi thờ Sa-môn Trúc Đàm Hiện. Lúc đầu tập Thiền ở Hằng Sơn cùng Viễn Sư nương An Pháp sư, kết hẹn làm nhà ở La Phù. Kịp khi Viễn Sư ở lại với An Sư, Sư muốn qua Ngũ Lãnh trước. Năm đầu Thái Nguyên Sư đến Tầm Dương. Thứ Sử Đào Phạm vốn trọng đạo phong của Sư nên giữ Sư ở lại Lô Sơn, làm nhà ở Tây lâm để hầu Sư. Sư tương dưa đạm bạc, nâu sòng chuyên tâm giữ mình, mặt luôn vui cười, không nói lời hại vật. Sư cất một am

cỏ trên ngọn núi cao, đến giờ thiền tọa thường nghe có mùi hương lạ, nhân đó đặt tên là Hương Cốc. Có một con hổ cùng ở với Sư, khi người đến Sư liền đuổi đi. Khi Viễn Sư đến ở Long Tuyền thì Hoàn Y lập ra Đông lâm, suốt ba mươi năm Sư không xuống núi. Sư ở Tây lâm cũng thế. Có lần nhân Pháp sự, Sư đến ấp gần. Khi trở về núi trời chạng vạng tối. Ô Kiều Doanh Chủ say rượu, cỡi ngựa đến giữa đường gặp Sư chặn lại không cho đi. Sư lấy gậy chỉ vào ngựa, ngựa sợ bỏ chạy. Vinh Chủ té xuống đất. Sư đến đỡ lên an ủi rồi trở về. Doanh Chủ bị bệnh bèn đến chùa tạ lỗi. Sư bảo: "Đó là việc ngoài ý muốn của bần đạo." Bèn cầu nguyện thì bệnh liền hết. Trấn Nam Tướng Quân Hà Vô Kỵ trấn thủ Tầm Dương, đến Hổ Khê thỉnh Viễn Công và Sư. Viễn Công thích danh vọng bèn cùng học trò hơn cả trăm người lớn tiếng nghị luận cử chỉ dễ xem. Sư mặc áo phủ gối, tay vác tích trượng, ôm bát. Dưới rặng tòng Sư nhẹ nhàng tiến đến. Hà Vô Kỵ bảo chúng rằng: Vĩnh Công có dáng phóng khoáng hơn Viễn Sư nhiều. Sư luôn tinh thuần nguyện sinh An Dưỡng. Năm Nghĩa Hy thứ mười, Sư đang nằm bệnh bỗng sửa y đòi giày muốn đi, chúng kinh hãi hỏi. Sư bảo: "Phật đến." Nói xong liền tịch, mùi hương lạ suốt bảy ngày mới tan. Táng Sư ở phía Tây nam chùa, Sư thọ tám mươi ba tuổi. Đời Đường vua Huyền Tông xuống chiếu xây lại tháp, truy thụy phong cho Sư là Giác Tịnh Đại sư và tháp là Thật Trí.

3. Pháp sư Tuệ Trì

Sư là em cùng mẹ với Sư Tuệ Viễn. Thuở nhỏ đọc sách một ngày nhớ bằng cả mười ngày. Năm mười tám tuổi Sư cùng anh kính thờ An Sư, khắp học các kinh, xem đủ ba tạng. Khi An Sư ở Tương dương sai hai anh em Sư cùng đến phía Đông ở tại Lô sơn. Sư hình thù cao tám thước, mặc áo phủ gối. Người học khoảng ba trăm thì Sư đứng đầu. Thái Thú Dự Chương là Phạm Ninh thỉnh Sư giảng kinh Pháp Hoa và luận A-tỳ-đàm, người bốn phương đến như mây đùn. Lang Tà Vương Tuân viết thư hỏi Ninh về hai anh em Viễn, Trì ai hơn? Ninh đáp anh hiền mà em cũng hiền. Tuân lại hỏi: Chỉ thành thực như người em cũng hiếm có, huống lại hiền nữa ư? Ngài La-thập khi vào Quan Trung vẫn ở xa quý kính Sư, luôn viết thư giao hiếu. Năm Long An thứ ba, Sư từ giã anh vào nước Thục. Viễn Sư giữ lại bảo rằng: Người đời thích gần gũi sao em lại muốn chia lìa? Sư đáp: "Tình thương trói cột khó thể xuất gia. Nay đã cắt lìa chỉ cốt cầu đạo, chỉ mong hẹn gặp nhau ở Tây phương." Liền buồn bã từ biệt anh đến Bì Huyện ở Thành Đô, ở tại chùa Long Uyên mà hoằng

hóa Phật pháp rộng khắp. Mỗi khi lên giảng đường đều gọi là đăng Long môn. Năm Nghĩa Hy thứ tám, Sư thị tịch, thọ bảy mươi sáu tuổi. Khi lâm chung Sư căn dặn mọi người nên giữ nghiêm giới hạnh và chuyên tâm tu tịnh nghiệp. Giao gian Kinh sách phía Đông cho Đạo Hoằng, gian phía Tây cho Đàm Lan. Vì Đạo Hoằng hạnh nghiệp thanh mẫn, còn Lan thì tính trời sáng suốt, đều là những người có thể nối thạnh nghiệp Sử.

4. Pháp sư Đạo Sinh

Sư họ Ngụy, người ở Cự Lộc. Thuở nhỏ theo ngài Trúc Pháp Thải xuất gia. Ngài mở Kinh ra hỏi, Sư xem qua một lần liền thuộc. Mấy năm cố chí học tập đến lúc lên tòa giảng thì biện luận lưu loát, kẻ túc học chỉ nhìn mà không dám tranh luận. Lúc đầu sư nương ngài Lô Sơn thường cho việc cần yếu của việc nhập đạo thì Tuệ giải là gốc. Bèn cùng các Sư Tăng Duệ, Tuệ Nghiêm, Tuệ Quan... cùng đi du học ở Trường An, theo học với ngài La-thập. Các Tăng đồ trong nước đều kính Sư là bậc thần ngộ. Sư từng bùi ngùi than rằng: Từ khi Kinh điển lưu hành ở Đông độ, người dịch thường bị trệ ngại về quyền văn ít thông suốt viên nghĩa. Nếu được cá quên nôm thì mới có thể nói đạo được. Do đó xem kỹ lại Chân hay Tục Đế, luyện xét Hữu Không, luận rõ nhân quả mà lập ra nghĩa về người thiện không mắc quả báo và Đốn ngộ thành Phật. Sư lại soạn ra các bộ: Nhị Đế Luận, Phật Tánh Thường Hữu Luận, Phật Vô Tịnh Độ Luận, Ứng Hữu Duyên Luận bao trùm các thuyết xưa và ý chỉ rất sâu xa. Đám người câu nệ văn từ ganh ghét đua nhau nổi lên. Sư lại dùng pháp để hiển bày ba tạng Bản kinh Nê-hoàn đến trước nhất (gồm sáu quyển) được phiên dịch, nói rằng: “Trừ loại Xiển-đề ra tất cả đều có Phật tánh.” Sư bảo: Tùy bẩm chất thì có hai thứ, nhưng đều cùng một chánh nhân Niết-bàn thì tại sao riêng loại Xiển-đề lại không có Phật tánh, ấy là vì kinh đến chưa đủ đó thôi.” Bèn xướng thuyết “Người Xiển-đề đều được thành Phật.” Khi đó Đại bản chưa truyền sang, chỉ một mình Sư nói trước. Nên đám cựu học cho là Sư phản bác Kinh, bèn trình bày giữa chúng mà đuổi Sư đi. Sư nghiêm sắc mặt thề rằng: “Nếu tôi nói trái kinh thì cho hiện thân bị bệnh cùi hủi, nếu tôi nói đúng thật tướng không trái thì cho ngày lâm chung, tôi ngồi trên tòa Sư tử giũ áo mà hóa.” Sau đó kinh đến, trong phẩm Thánh Hạnh có nói: “Một hạng Xiển-đề tuy là đoạn thiện nhưng cũng có Phật tánh.” Do đó các Sư đều hổ thẹn khâm phục Sư. Khi Sư bị đuổi, bèn đi về phía Nam vào núi Hổ Khâu, chất đá giả làm học trò rồi giảng kinh Niết-bàn, đến chỗ Xiển-đề thì nói có Phật tánh. Sư lại hỏi: Điều ta nói đó có hợp ý Phật chăng?

Thì các cục đá đều gật đầu. Khoảng một tuần nhật sau học chúng vân tập, giữa lúc trời đang trong sáng bỗng có sấm sét vây quanh điện Phật và có Rồng bay lên trời, nhân đó đổi tên chùa là Long Quang. Sư ở chùa đó thỉnh Luật Sư nước Kế Tân về dịch Luật Sa-di tất truyền ở đời. Rồi Sư từ biệt chúng trở về Lô Sơn dự vào Liên Xã. Lâu sau mới trở về Kinh đô ở tại chùa Thanh hà. Vua Văn Đế nhà Tống mở đại hội Sa-môn, đích thân ngồi ở chiếu tiệc. Cơm dâng lên khá trễ, chúng nghi là quá Ngọ. Vua bảo: Mới đúng ngọ thôi. Sư Đạo Sinh bèn thưa: "Mặt trời sáng rõ giữa trời, trời bảo đúng ngọ đâu thời có sai!" Rồi cầm đũa mà ăn. Cả chúng đều ăn theo và khen là biện luận giỏi! Lúc đó Vương Hoằng, Phạm Thái Nhan đón rước Sư về tôn kính đạo phong Sư và cùng hỏi đạo. Năm Nguyên Gia mười một, ngày Canh Tý tháng mười một, Sư ở Lô Sơn lên tòa nói pháp, khi sắp xong thì chúng thấy đuôi cây phất trần rơi xuống đất. Sư tựa ghế mà viên tịch trông như đang nhập định. Các Sư nghe biết càng tin về lời thề xưa đã chứng nghiệm. Sáng hôm sau táng Sư ở đồi Tây Lô Sơn. Thuở trước Sư Tăng Triệu ở Quan Trung mới chú giải kinh Duy-ma-cật, đời cho là vị lạ, Sư càng nói rõ thâm chỉ, người càng khâm phục khen là tuyệt diệu. Sư trước thuật các kinh: Duy-ma-cật, Pháp Hoa, Nê-hoàn Tiểu Phẩm đều có Nghĩa Sớ. Lúc đó vì Sư nêu nghĩa Xiển-đề được thành Phật, do đó làm sáng tỏ luận về Đốn Ngộ, không thọ báo...

5. Pháp sư Đàm Thuận

Sư người Huỳnh Long. Thuở nhỏ xuất gia theo học với ngài La-thập, giảng giải các kinh, hiểu rõ về ý chỉ sắc không vô trước. Ngài La-thập khen rằng: "Người này là Pháp khí lạ." Sau Sư đến Lô sơn cùng tu tịnh nghiệp. Ninh Man Hiệu Úy là Lưu Tôn Hiếu ở Giang lăng lập chùa yêu cầu Sư đến trước nhất để hoằng truyền sâu rộng đạo Niệm Phật Tam-muội. Đời Tống, năm Nguyên Gia thứ hai, Sư cáo biệt chúng ngồi yên mà tịch, mùi hương lạ đầy nhà, Sư thọ bảy mươi chín tuổi.

6. Pháp sư Tăng Duệ

Sư người Ký Châu, đi du học các nơi. Có lần đi qua biên giới phía Tây nước Thục bị bắt sai chăn dê. Có người thương buôn thấy lạ nghi là Sa-môn. Khi hỏi thì Sư đều làu thông Kinh nghĩa, bèn bỏ vàng chuộc Sư về. Sau Sư sang du lịch các nước Thiên Trúc. Khi trở về đến Quan Trung theo học hỏi Kinh nghĩa với ngài La-thập. Ngài La-thập dịch kinh Pháp Hoa. Vì bản của ngài Trúc Pháp Hộ nói: Trời thấy người, người

thấy trời.” Ngài La-thập bảo: Lời nói này quá mức. Sư Tăng Duệ nói: Đó là Phi nhân và trời giao tiếp nên được thấy nhau. Ngài La-thập vui mừng dùng lời văn đó. Lâu sau Sư trở về Lô Sơn nương Viễn Sư tu tịnh nghiệp. Rồi Sư đến Kinh sư ở chùa Ô Y, giảng nói các kinh, người nghe đều khâm phục. Đời Tống, Bành Thành Vương là Nghĩa Khang vào xin thọ giới Sư bảo: Dùng lễ mà nghe thì hãy đến học. Vương bèn vào chùa nguyện tuân giữ giới pháp. Vương đem áo lông cừu điêu dâng cho, Sư thường dùng để trải ngồi. Vương ngầm cho người đến nài mua với giá ba vạn quan tiền. Sư bảo: Áo này tuy không nên mặc nhưng vì là của Vương cho nên không thể bỏ. Vương nghe nói càng kính trọng Sư. Ông Tạ Linh Vận ham thích nghĩa lý Phật pháp, Sư lại hiểu rõ các tiếng địa phương, nên ông ta thường đem các âm tự trong Kinh đến cầu chứng ở Sư. Nhân đó, Sư soạn ra quyển Thập Tứ Âm Huấn, tiếng Phạm và Hán đối nhau rõ ràng. Năm Nguyên Gia mười sáu, Sư không tật bệnh, gọi chúng bảo rằng: “Ta sắp đi đây”, rồi xây mặt về hướng Tây chấp tay mà hóa. Chúng thấy chỗ Sư nằm có một hoa sen bằng vàng, hồi lâu mới ẩn mất. Sư thọ tám mươi lăm tuổi.

7. Pháp sư Đàm Hằng

Sư người Hà đông. Thuở còn bé nương Viễn Công xuất gia. Năm mới mười ba tuổi đã có thể giảng nói. Các kinh sách trong ngoài Sư đều thông suốt. Đức hạnh Sư rất thanh cao mọi người đều kính phục. Thường có bầy nai lui tới quanh nơi Sư ở. Từ khi Sư vào Lô Sơn thì dốc chí tu tịnh nghiệp. Năm Nghĩa Hy thứ mười bốn, Sư ngồi yên chấp tay lớn tiếng niệm Phật mà hóa. Sư thọ bảy mươi hai tuổi.

8. Pháp sư Đạo Bính

Sư người Dĩnh Châu, họ Trần. Thuở nhỏ xuất gia làm đệ tử của Viễn Sư. Sư thông suốt kinh luật rành rẽ Lão Trang, chí tiết thanh cao, lời nói và việc làm hợp nhau. Sư chuyên tâm Niệm Phật Tam-muội không hề gián đoạn. Năm Nghĩa Hy thứ mười bốn, Thái Thú Dự Chương là Vương Kiền vào núi yết kiến kính thỉnh Sư làm chủ núi để nối giảng tòa của Viễn Sư. Chúng cho Sư là người nối Đạo Pháp nên thảy đều tôn kính. Năm Nguyên Gia thứ mười hai, Sư tập chúng niệm Phật rồi đến tòa ngồi mà hóa. Sư thọ bảy mươi mốt tuổi.

9. Pháp sư Đàm Săn

Sư người Quảng Lăng. Thuở nhỏ theo Viễn Công xuất gia, chuyên

cần tu Tịnh nghiệp lại giỏi thuyết giảng, Sư chú thích Kinh Duy-ma-cật lưu hành ở đời. Sư thường soạn Cùng Thông Luận để nói rõ việc tu kiếp trước. Sư soạn Liên Xã Lục để ghi việc vãng sinh. Sư lại biết được các loại chim thú có màu sắc gì thì khôn hay ngu, cũng hiểu rõ các loại cây cỏ cành lá có vị đắng hay ngọt, thông suốt hết các lý lẽ. Người cho là Sư đã ngầm chứng. Năm Nguyên Gia thứ mười bảy, Sư tập chúng bảo rằng: Từ khi lập chùa đến nay đã năm mươi năm, ta là người ở đây sau cùng vãng sinh Tây phương. Rồi ngồi kiết già niệm Phật được trăm tiếng và ngưng thở mà hóa. Sư thọ tám mươi tuổi.

10. Pháp sư Đạo Kỉnh

Sư họ Vương, người Lang Tà. Tổ là Ngưng Chi làm Thứ Sử Giang châu. Sư theo Viễn Công xuất gia. Năm mười bảy tuổi làu thông kinh luận, mỗi ngày đọc nhớ trên muôn lời. Sư thường than rằng trọn đời chưa chắc giới luật được vẹn toàn nên chỉ nguyện giữ yên sáu căn, chuyên trì một giới để được đắc độ là điều cốt yếu. Ngài Viễn Công biết sự kiên trì chân chánh của Sư nên chấp thuận. Sư bèn dốc chí niệm Phật, sớm tối không ngưng bỏ. Khi Viên Công viên tịch, Sư bèn vào núi Nhược Tà. Đời Tống năm Vĩnh Nguyên thứ nhất, Sư gọi chúng bảo rằng: "Tiên Sư gặp bảo ta nên đi." Liền ngồi nghiêm niệm Phật mà tịch. Chúng thấy ánh sáng đầy nhà, rất lâu sau mới hết. Sư thọ năm mươi hai tuổi.

11. Pháp sư Phật-đà Gia-xá (Hán dịch là Giác Minh).

Sư thuộc dòng Bà-la-môn, nước Kế Tân. Có vị Tỳ-kheo đến nhà khất thực, người cha vốn là ngoại đạo nên giận dữ đuổi đi liền đó chân tay ông co quắp không đi được. Cầu đồng lên bảo rằng: Đã mạo phạm bậc Thánh hiền. Cha Sư bèn thỉnh vị Tỳ-kheo ấy đến xin sám hối, được mười hôm sau thì bệnh lành. Nhân đó cha cho Giá-xá xuất gia. Lúc đó Sư mới mười ba tuổi, theo thầy đi vào quảng đồng vắng thì gặp hổ. Gia-xá thưa: "Con hổ này đã ăn no ắt không hại người." Khi tiến về phía trước giữa đường gặp đống xương thừa. Đến mười lăm tuổi Sư tụng kinh ngày đến cả vạn lời, nhưng phải lo việc khất thực nên đành phải bỏ, Sư rất buồn lo. Có một La-hán khất thực thay nuôi Sư. Năm mười chín tuổi, Sư đọc kinh đủ số trăm vạn lời, nhưng tính hơi kiêu ngạo nên ít người kính trọng, đến năm ba mươi tuổi Sư vẫn còn làm Sa-di. Lại theo cậu học về Ngũ Minh Luận và pháp thuật thế gian (Trong Đạo Phật và ngoại đạo đều có năm minh:

1. Thanh minh.
2. Y phương minh.
3. Chú thuật minh.
4. Công xảo minh.
5. Nhân minh.

Ngoại đạo cũng có năm minh, bốn thứ trước giống, chỉ cái thứ năm là Phù Ấn Minh). Sư đến nước Sa-lặc thì được đãi ngộ trọng hậu. Rồi ngài La-thập đến, Sư bèn theo học về A-tỳ-đàm Luận và Thập Tụng Luật. Sau ngài La-thập theo mẹ về nước Quy Tư, Sư ở lại lo việc hoằng hóa. Chúa Phù Kiên sai Lữ Quang đánh nước Quy Tư bắt ngài La-thập. Sư nghe chuyện than rằng: Ta cùng ngài La-thập chưa trọn hoài bảo, nay ngài bị bắt đi biết bao giờ gặp nhau. Mười năm sau Sư đến phía Đông nước Quy Tư truyền đạo rất thạnh hành. Ngài La-thập ở nước Cô Tang đưa thư mời. Sư sợ người trong nước không cho đi, Sư bèn lấy nước trong bỏ thuốc vào rồi đọc khoảng mười câu thần chú, Sư cùng đệ tử lấy nước rửa chân rồi ra đi ngay trong đêm ấy. Đến sáng đã đi hơn mấy trăm dặm, có ai đuổi theo cũng không kịp. Sư hỏi đệ tử sao biết. Đệ tử thưa: chỉ nghe tiếng gió ù ù, hai mắt bét lệ. Sư bèn lấy nước đọc chú rửa chân thì hết. Khi đến Cô Tang thì ngài La-thập đã vào Trường An. Nghe nói Diêu Chúa bắt ép La-thập nạp thiếp, bèn than rằng: La-thập như gấm lụa quý sao nỡ quăng vào bụi gai. Ngài La-thập khuyên Diêu Chúa sai sứ thỉnh Sư về. Khi Sư đến thì riêng lập cho Sư Tỉnh Tự ở vườn Tiêu dao, tứ sự cúng dường nhưng Sư không thọ nhận chi cả. Đến giờ Sư đi khất thực về ăn. Lúc đó ngài La-thập dịch xong Thập Trụ Kinh. Sư lại xét kỹ về lời và lý rồi mới chấp nhận. Sư có bộ ria màu đỏ, rất giỏi về Tỳ-bà-sa Luận nên người thời ấy gọi Sư là Luận Chủ ria đỏ. Trong năm đầu Hoằng Thủy, Sư dâng chiếu dịch Tứ Phần Luật (bốn mươi bốn quyển), Trường A-hàm (hai mươi hai quyển). Năm Nghĩa Hy thứ tám, Sư đến Lô sơn và nhập vào Liên Xã. Sau từ biệt trở về nước. Từ nước Kế Tân Sư gởi một quyển kinh Hư Không Tạng nhờ thương buôn đem đến Kinh châu.

12. Pháp sư Phật-đà Bạt-đà (Hán dịch là Giác Hiền).

Sư họ Thích-ca, là dòng họ sau cùng của Cam Lộ Phạm Vương ở nước Ca-duy-la. Lúc còn nhỏ cha mẹ mất sớm, Sư xuất gia làm Sa-di. Năm mười sáu tuổi Sư học khắp các kinh, hiểu rành Thiền Luật, thường cùng Tăng-già Đạt-đa dạo chơi nước Kế Tân. Trong khi Đạt-đa đóng cửa ngồi thiền bỗng thấy Sư đến bảo: “Tôi tạm về cõi Đâu-suất kính

lễ Đức Di-lặc”, nói xong liền biến mất. Sau càng thấy sự thần biến của Sư, bèn chí kính hỏi thăm mới biết Sư đã chứng quả Bất Hoàn. Lúc đó ngài Diêu Tấn Sa-môn là Trí Nghiêm đến nước Kế Tân, nhìn thấy pháp chúng thanh tịnh bèn bùi ngùi hướng về Đông độ bảo rằng: “Các bạn Đạo nước tôi chưa gặp được bậc chân tu làm sao phát ngộ.” Liền hỏi chúng rằng: Ai có thể đáp ứng lời thỉnh cầu của tôi đến giáo hóa Đông độ? Mọi người đều bảo: Người đó là Bạt-đà-la. Trí Nghiêm liền yêu cầu Sư cụ bị lương thực cùng đi. Sư trải khắp các nước, khi đến Quận Giao Chỉ thì nương thuyền buồm ra biển. Đạt-đa đang ở Đông Lai Thanh Châu nghe ngài Cưu-ma-la-thập ở Trường An bèn đến theo về. Tần Thái tử là Hoằng thỉnh Sư đến ở Đông Cung, tập chúng nói pháp. Sư cùng La-thập luận về nghĩa Sắc Không, Sư bảo: Thầy chỉ nói được quả trong Sắc Không mà không nói được nhân trong Sắc Không. La-thập hỏi: Vì sao? Sư đáp: Một Vi không nên có nhiều Vi không, nhiều Vi không nên có một Vi không. Trong một Vi không chẳng có nhiều Vi không, trong nhiều Vi không chẳng có một Vi không, qua lại nhiều phen. Ngài La-thập không hiểu. Tần chúa thiết trai cúng dường ba ngàn Tăng chuyên tu Nhân Sự, mà Sư thì chuyên phần Thiền Tịnh. Bỗng Sư gọi đệ tử bảo rằng: Ta thấy năm thuyền buồm từ nước mình ra đi. Chúng cho là Sư nói xàm. Nhân đó cùng đuổi Sư đi. Sư bèn cùng đệ tử là Tuệ Nghiêm, Tuệ Quán... hơn bốn mươi người cùng đến Hương Cốc ở Lô Sơn cất chòi tranh mà ở. Lúc đó Hội Liên Xã Viễn Công cho Sư bị đuổi đi là lỗi của môn nhân. Việc nói trước năm tàu buồm đối với Luật không phạm. Liền sai đệ tử là Đàm Ấp dâng thơ lên Tần Chúa xin giải tội Tẩn cho Sư. Rồi thỉnh Sư ở Đông lâm dịch ra một số Kinh Thiền. Từ đó Giang đông mới biết đến Thiền duyệt. Nhưng Sư có chí muốn du hóa. Bèn đi về phía Tây đến Giang lăng ôm bát khất thực. Quả nhiên thấy có năm tàu buồm từ Thiên Trúc đến nơi. Sau Sư trở về Kinh Đô lập chùa đạo tràng. Trước đó Chi Pháp Lãnh ở nước Vu Điền được Bộ Hoa Nghiêm bản tiếng Phạm có ba mươi sáu ngàn bài kệ chưa ai dịch. Năm Nghĩa Hy thứ mười bốn, ở Ngô Quận, Nội Sử Mạnh Khải, Tả vệ Tướng Quân Trử Thục Độ thỉnh Sư làm chủ dịch thuật cùng các Sa-môn Pháp Nghiệp, Tuệ Nghĩa, Tuệ Nghiêm, Tuệ Quán... làm bút thọ, dịch ra sáu mươi quyển. Sáng sớm có hai thanh y từ ao chui lên quyét dọn mài mực. Sư trước sau dịch được: Kinh Quán Phật Tam-muội, kinh Bát-nê-hoàn, luận Tu Hành Phương Tiện và Đại tăng-kỳ Luật của ngài Pháp Hiển thỉnh về gồm mười lăm bộ. Đời Tống, năm Nguyên Gia thứ sáu, Sư niệm Phật mà tịch. Tháp Sư ở ngọn phía Bắc của Lô Sơn.

13. Lưu Trình Chi

Ông tự là Trọng Tư, người Bành Thành, là hậu duệ của Hán Sở Nguyên Vương, rất giỏi về Lão Trang, rành rõ Bách Thị. Lúc nhỏ ông sớm mồ côi cha, thờ mẹ hiếu kỉnh nổi tiếng, ông tự ỷ tài không dự chơi với kẻ tầm thường. Lúc đầu ông làm Tham Quân cho Phủ. Tạ An, Lưu Dụ khen là người hiền liền tiến cử, ông cố sức từ chối. Tánh thích Phật pháp bèn đến Lô sơn quyết chí gởi mình. Viễn Công nói: Việc quan lộc vòi vọi sao không làm? Ông đáp: Vua quan nghi nhau tôi làm sao được? Lưu Dụ thấy ông bất khuất bèn ban hiệu là Di Dân. Kịp lúc Lôi Thứ Tông, Chu Tục Chi, Tông Bích, Trương Thuyên, Tất Dĩnh Chi... cùng đến Lô sơn. Viễn Công gọi bảo: Các ông đến đây há còn tránh việc ngao du cõi Tịnh Độ ư? Trình Chi bèn đục đá làm lời thề để tỏ chí khí (văn thấy ở Lô Sơn tập). Bèn cùng đến khe núi phía Bắc ở Tây Lâm riêng lập Thiền Phường, an bần nuôi chí cả, nghiên tìm huyền lý, giữ gìn cấm giới. Tông Bính và Trương Thuyên đều kính phục. Có lần Sư viết thư đến Quan Trung cùng La-thập và Tăng Tiệu luận bàn Kinh Nghĩa. Ông có làm Niệm Phật Tam-muội Thi để bày tỏ ý chuyên niệm Phật, tọa thiền. Mới được nửa năm, ở trong Định ông thấy hào quang Phật chiếu sáng khiến đất hóa vàng. Tu được mười lăm năm, ngay trong lúc niệm Phật, ông thấy Đức Phật A-di-đà bằng ngọc phóng hào quang đưa tay tiếp dẫn. Trình Chi bạch Phật rằng: Con đâu được Như Lai xoa đầu và đắp y cho. Phút chốc thấy Phật xoa đầu và choàng cho áo ca-sa. Một hôm ông thấy vào ao thất bảo, có hoa sen xanh và trắng, nước sâu trong suốt. Có một người ở sau cổ có viên quang, trên ngực có chữ vạn chỉ tay vào ao nước bảo rằng: "Đây là nước Bát Công Đức ngươi nên uống vào." Trình Chi uống vào thấy nước rất ngon ngọt. Khi tỉnh dậy thì biết mùi hương lạ còm thấm đầy lổ chân lông. Bèn tự an ủi rằng: "Duyên Tịnh Độ của ta đã đến." Lại thỉnh chư Tăng tụng kinh Pháp Hoa gần mấy trăm biến. Sau đó chư Tăng đều tập họp hết trên đồi Lô. Trình Chi đến trước tượng Phật thắp hương kính lạy khấn nguyện rằng: Con theo lời dạy bảo của Đức Thích-ca mà biết có Phật A-di-đà, nén hương này con nguyện cúng dường Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai, kế đến cúng dường Đức Phật A-di-đà, sau là cúng dường kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Sở dĩ được vãng sinh Tịnh độ là do công đức kinh này, con nguyện tất cả chúng hữu tình đều vãng sinh Tịnh độ. Rồi ông giã biệt chúng đến giường nằm quay mặt về hướng Tây chắp tay ngưng thở mà hóa. Vua sắc lệnh cho con là Ung chứa đất làm mồ không dùng quan quách, lúc đó là năm Nghĩa Hy thứ sáu. Ông thọ năm mươi chín tuổi (Lô

sơn tập ghi chép sự tích cảm ứng rất rõ).

14. Trương Dã

Ông tự là Lai Dân, người ở Sài Tang Tầm Dương, có ước chuyện hôn nhân với Uyên Minh. Trương Dã học rành tiếng Hoa và Phạm, rất thuộc thi văn, thích bè bạn, tất cả ruộng nhà đều giao cho em coi ngó, một thức ăn ngon cùng chia đều cho chín họ. Châu đề cử ông chức Tú Tài, Nam Trung Lang Phủ Công Tào Châu Thị Trung cử ông làm Tán Kỵ Thường Thị, ông đều không nhận, rồi vào Lô Sơn nương ngài Viễn Công, cùng Lưu Dụ, Lôi Thứ Tông chuộng Tịnh Nghiệp. Khi Viễn Công tịch rồi Tạ Linh Vận làm bài minh, Trương Dã làm lời tựa ở đầu xưng là môn nhân. Người đời khâm phục nghĩa khí của ông. Năm Nghĩa Hy thứ mười bốn, ông từ biệt người nhà, vào thất ngồi nghiêm mà tịch. Ông thọ sáu mươi chín tuổi.

15. Chu Tục Chi

Tự là Đạo Tổ, người ở Nhạn Môn. Sau cha sang Giang Nhân ở tại Dự Chương. Năm tám tuổi ông có tang mẹ khóc lóc thảm thiết hơn người lớn. Năm mười hai tuổi ông đến học với Phạm Nịnh thông suốt Ngũ Kinh Ngũ Vĩ, lúc đó người gọi ông là Thập Kinh Đồng Tử. Ông có chí nhàn cư nghiên cứu tận cùng về Lão Dịch, ông luôn tránh giao tiếp với hàng công khanh. Ông vào Lô Sơn thờ Viễn Công tham dự Liên Xã. Ông cho rằng thân không thể để sót mất, các thứ phiền lụy khác cần phải dứt bỏ, bèn trọn đời không cưới vợ, mặc áo vải ăn tương rau. Lưu Nghị ra trấn giữ Cô Thục khiến ông làm Võ Quân, sau dời làm Thái Học Bác Sĩ nhưng ông đều không nhận. Vì Kê Khang Cao Sĩ Truyện nói đúng nghĩa xuất xử nên ông đem chú thích. Đời Tống, vua Võ Đế đem quân Bắc phạt, Thái tử ở lại thủ thành đón ông đến chùa An Lạc làm lễ giảng kinh, được hơn tháng thì ông trở về núi. Thái Thú Giang châu là Lưu Liễu Tiến ở thời Võ Đế mời ông làm Phó Thái Úy nhưng ông không nhận. Võ Đế noi theo, vời ông đến Đô Gian Quán ở phía Đông ngoại thành, vua ngồi xe đến hỏi ông về ba nghĩa trong Lễ Kinh thì ông biện luận rất tinh vi khác thường. Có người hỏi thân làm ẩn sĩ mà thường vào cung vua là sao? Đáp: Tâm để ý đến Triều khuyết thành ra gông cùm kẻ giang hồ, còn tình trí đều quên thì chợ búa hay triều đình khác nào vào rừng núi. Lúc đó người ta gọi ông là Thông Ẩn Tiên Sinh. Tục Chi vốn có bệnh phong tê nên không thể diễn giảng bèn vào Chung Sơn dưỡng bệnh. Năm Cảnh Bình một thì qua đời, thọ sáu

mươi bảy tuổi.

16. Trương Thuyên

Tự là Tú Thạc, con của Trương Dã. Tính thích cao dật, rất chuộng sách vở cổ. Cả khi đi cày bừa vẫn mang theo kinh sách không rời. Triều đình mời ông làm Tán Kỵ Thường Thị nhưng ông không nhận. Dữu Duyệt thấy ông nhà nghèo cử ông làm quan Tầm Dương Lệnh. Ông cười bảo: "Người xưa lấy việc nuôi cha mẹ làm yên, nếu cúi luồn vì lợi lộc sao đủ làm vinh." Bèn vào Lô Sơn nương ngài Viễn Công, nghiên cứu sách Phật có chỗ ngộ nhập sâu xa. Đời Tống năm Cảnh Bình thứ nhất, không bệnh tật ông xây mặt về hướng Tây niệm Phật rồi ngồi yên mà qua đời, ông thọ sáu mươi lăm tuổi.

17. Tông Bích

Tự là Thiếu Văn, người ở Nam Dương. Bà mẹ rất thông minh, học thức nhiều, dạy các con đều thành đạt. Tông Bích rất giỏi về đàn sách, rành rẽ huyền lý. Ân Trọng Kham và Hoàn Huyền mời ông làm chủ bạ nhưng ông không nhận. Khi Lưu Dự thống lãnh Kinh châu lại mời ông làm Chủ bạ. Ông đáp: Đã quen ở núi rừng, uống nước khe từ ba mươi năm rồi! Bèn vào Lô Sơn dựng thất, nương Viễn Công dự vào Liên Xã, lâu sau người anh là Tang làm Quận thú Nam Bình ép ông cùng về ở Giang lăng, nhưng ông chỉ thích ẩn cư lánh tục. Lưu Dụ mời ông ra làm Thái Úy Duyện, ông cũng không nhận. Người anh thứ hai có binh lính rất đông lại mở mang việc ruộng nương. Võ Đế phong làm trưởng Nam Quận, thường đưa lương đến cho ông. Hành Dương Vương là Nghĩa Quý ở Kinh châu đích thân đến thất ông, ông đội khăn mặc áo vải ra yết kiến không lạy. Vương hỏi: Xử Tiên sinh chẳng trọng lợi lộc ư? Ông đáp: Lợi lộc như cỏ mùa Thu, hết thu liền héo. Vua Tống được nhường ngôi bèn dùng ông làm Thái tử Xá Nhân. Năm đầu Nguyên Gia lại mời ông làm Thông Trực Lang. Thái tử lập ông làm Trung Thứ Tử, ông đều không nhận. Vợ ông là La Thị cũng là người có chí khí cao. La Thị chết, ông khóc thương thảm thiết. Bỗng dứt nhanh buồn thương, ông bảo Sa-môn Tuệ Kiên rằng: Việc sống chết chưa dễ đạt được, ba lần răn bảo mới nguôi ngoai. Ông thích xem sơn thủy đến nơi thì quên về. Từ Tây đến Kinh Vu, Nam lên Hành Nhạc, nhân đó dựng nhà trong núi chí thích bình dị. Vì bệnh ông phải trở về Giang lăng, than rằng: Già bệnh cùng đến danh sơn khó có dịp thăm lại, chỉ ôm nổi quan hoài nằm mơ việc dạo chơi. Các nơi đã dạo chơi ông đều vẽ lại để trong thất. Gọi người

bảo rằng: “Vỗ đờn nhảy múa cho vang tiếng khắp núi đồi.” Đời Tống, năm Nguyên Gia hai mươi bốn ông qua đời, thọ sáu mươi chín tuổi.

18. Lôi Thứ Tông

Tự Trọng Luân, người ở Nam Xương Dự Chương, học rộng, rành thi lễ. Ông vào Lô Sơn dự vào Liên Xã, lập Quán ở phía Đông của Đông lâm. Năm Nguyên Gia mười lăm, vua triệu ông về Kinh Sư lập Học Quán ở núi Kê Lung dạy cả trăm học trò, phong ông làm Cấp Sự Trung nhưng ông không nhận. Lâu sau ông trở về Nam Xương, Công Khanh Tổ Đạo tiễn đưa. Ông viết thư cho cháu bảo rằng: Từ thuở bé thơ ta đã nuôi chí lập công ở phương xa, đến tuổi trưởng thành ta gởi thân nơi Lô Sơn thờ Thích Hòa thượng, giao tiếp đạo cao đẹp hơn hai mươi năm. Khi Viễn Công viên tịch thì ta lại trở về cùng các cháu cày cấy nơi gò cũ, ở núi rừng uống nước khe, thoát mà đã mười năm. Kịp nay chưa già nên gắng sức chọn lấy nghiệp vãng sinh lạc quốc. Từ nay trở đi mọi việc lớn nhỏ trong nhà không biết đến nữa. Năm Nguyên Gia hai mươi lăm, vua mời về làm chức Tán Kỵ Thường Thị nhưng ông không nhận. Lại đòi ông về Kinh Sư dựng thất ở Chung Sơn gọi là Chiêu Ẩn Quán. Ông thường từ vườn Hoa lâm vào Diên Hiền Đường để giảng Lễ Kinh cho Thái tử và các Vương gia. Năm ấy ông không bệnh mà qua đời, thọ sáu mươi ba tuổi. Con là Túc Chi nối nghiệp cũ làm quan đến chức Dự Chương Quận Thừa.

Về truyện mười tám bậc hiền lúc đầu không biết tên tác giả, chỉ nghi là từ Lô Sơn nêu ra mà thôi. Trong khoảng năm Hy Minh, Gia hòa Hiền Lương Trần Lệnh Cử mới sửa qua. Đầu năm Đại Quan, Sa-môn Hoài Ngộ thấy sự tích quá sơ lược bèn thêm vào cho rõ. Nay khảo cứu các bộ Lô Sơn Tập, Cao Tăng Truyện và các sử đời Tấn, đời Tống, lại căn cứ vào bản của Hoài Ngộ mà sửa thêm vào, một việc nhỏ cũng không sai. Từ nay được xem là bản đúng nhất.

TRUYỆN VỀ MỘT TRĂM HAI MƯƠI BA VỊ:

1. Đàm Dực

Người ở Dư Hàng. Lúc đầu vào Lô sơn nương học Viễn Công, sau đến Quan Trung tham kiến ngài La-thập. Rồi trở về Đông đến Cối kê vào núi Thái Vọng, tụng kinh Pháp Hoa suốt mười hai năm, chiêu cảm được Bồ-tát Phổ Hiền hóa ra cô gái khoác áo màu, xách một lồng tre có con heo trắng với hai củ tỏi lớn đến trước Sư bảo rằng: Thiếp vào núi hái rau, trời đã tối, sài lang hung dữ trở về thì chết, vậy xin Sư cho

thiếp ngủ nhờ một đêm. Sư cực lực từ chối, cô gái than khóc mãi không thôi, cuối cùng Sư bảo ngủ đỡ trên giường cỏ. Nửa đêm cô gái kêu đau bụng bảo Sư lấy tay xoa bụng. Sư từ chối bảo rằng vì trì giới không thể chạm tay được. Cô gái càng kêu khóc rên rỉ, sư phải lấy vải bọc cây tích trượng lại rồi đứng xa mà ấn xoa tới lui. Sáng hôm sau, áo màu cô gái biến thành mây lành, heo biến ra voi trắng. Tỏi biến thành đôi hoa sen, bay lên hư không gọi Sư bảo rằng: “Ta là Phổ Hiền Bồ-tát đến đây thử nhà ngươi.” Quận Thái Thú là Mạnh Khải đem việc nghe thấy tâu lên triều đình. Vua ra lệnh xây chùa Pháp hoa (nay là chùa Thiên Y). Lúc đầu Sa-môn Pháp Chí ở Dư Hàng tụng kinh Pháp Hoa, có chim trĩ làm ổ ở bên am lượn bay tập họp ở góc tòa có dáng như nghe kinh. Như thế suốt bảy năm. Một hôm thấy trĩ ốm o, Sư Pháp Chí bảo: “Ngươi hay nghe kinh ắt sinh làm người.” Sáng hôm sau thấy trĩ chết bèn đem chôn. Đêm đến mộng thấy một cậu bé đến lạy thưa rằng: Nhân nghe kinh mà được thoát thân chim, nay sinh vào nhà Vương thị ở trước núi. Về sau nhà ấy thiết trai cúng dường. Sư Pháp Chí vừa đến thì đứa bé reo lên “Sư phụ con đến rồi!” Sư vỗ nhẹ bảo: Con là bé Trĩ của ta đây mà! Bèn cởi áo thì thấy dưới nách bé có ba sợi lông trĩ. Đến bảy tuổi cho bé vào núi xuất gia, mười sáu tuổi xuống tóc. Vì ở nách có lông trĩ nên đặt tên Đàm Dực.

2. Đàm Ấp

Sư họ Dương, người ở Quan Trung. Thân hình cao tám thước hùng dũng hơn người. Từ phía Nam vào Lô Sơn nương ngài Viễn Công. Tất cả kinh điển nội ngoại Sư đều thông suốt. Sư cất chòi tranh trên núi phía Tây để ở. Có đệ tử là Đàm Quả đang tu thiền. Một tối mộng thấy Thần Núi đến xin thọ giới Pháp. Quả bảo: Thầy tôi ở đây ông có thể đến xin. Sư Đàm Ấp bỗng thấy có người mặc áo kép, dáng vẻ đoan nhã có khoảng ba mươi người cầu xin thọ giới. Vì Quả đã nằm mộng trước nên Sư biết đó là Thần núi, bèn nói pháp và truyền cho năm giới. Thần bèn cho hai cái cuốc ở nước ngoài, lễ tạ lui ra. Sau Sư đến hành hóa và tịch ở chùa Trúc lâm.

3. Tăng Tế

Sư vào Lô Sơn hỏi đạo và ngộ được ngộ chỗ thâm yếu. Viễn Công khen rằng: Nối thạnh Đạo lớn chính là ông vậy. Khi Sư bệnh, Viễn Sư cầm đuốc đưa cho bảo rằng: Hãy nương chứng cứ này mà lập tâm cầu An Dưỡng. Sư cầm đuốc ngừng tưởng, đón Tăng tụng kinh Tịnh Độ.

Đến canh năm Sư đưa đuốc cho đệ tử là Nguyên Bậc, rồi theo Tăng hành lễ. Phút chốc có cảm giác mình đang cầm đuốc bay lên hư không, thấy Đức A-di-đà dắt tay đưa đi kính lễ khắp chư Phật. Giây lát tỉnh lại, mừng rỡ bảo rằng: Ta chỉ một chiều Quán Niệm mà được Phật tiếp dẫn. Sáng hôm sau lại thấy Phật và Bồ-tát trên không trung gọi Bậc bảo rằng: "Phật đến rồi." Rồi ngước đầu nhìn về hướng Tây thở một hơi mà hóa. Lúc đó trời nóng bức, để nhục thân Sư suốt ba ngày vẫn không biến đổi, mùi hương lạ ngào ngạt.

4. Tuệ Cung

Sư người Phong Thành Dự Chương, là bạn đồng chí hướng với Tăng Quang, Tuệ Kham, Tuệ Lan, nhưng về học lực thì các bạn này không bằng Cung mà việc chuyên Quán Tịnh Độ lại hơn Cung. Lan gọi Cung bảo rằng: Anh tuy học vấn cao rộng đâu chẳng biết như kinh nói: "Kẻ điếc tấu nhạc vui tai người mà không nghe được. Cung bảo: "Nếu học không xong thì khác nào người chưa chết, mịt mù như ngu dại." Sau đó bảy năm các vị Lan... đều qua đời cả, lúc chết có nhiều ứng nghiệm kỳ lạ. Năm năm sau, Cung bị bệnh nặng, than rằng: "Sông lớn nước chảy có bao giờ ngừng, sinh tử tới lui ta sẽ về đâu." Rồi dập đầu khóc như mưa, quyết chí niệm Phật cầu sinh An Dưỡng không chút gián đoạn. Bỗng thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ đem Kim đài đến đón rước, Cung bèn lên ngồi, thì thấy bọn Tuệ Lan... cùng ngồi trên đài trong ánh sáng bảo Cung rằng: "Trưởng lão đã thọ sinh ở Thượng Phẩm, bọn tôi không hơn được, xin chúc mừng, chỉ hiềm ngũ trược còn kéo dài nên lên muộn mà thôi!" Ngay hôm đó, Cung cáo biệt chúng rồi vui vẻ viên tịch. Lúc đó là năm Nghĩa Hy thứ mười một (trong Lô Sơn Tập có chuyện Cảm ứng của Cung Đạo Nhân khi lâm chung).

5. Pháp An

Lúc đầu nương Viễn Công làm đệ tử, giỏi về giảng nói lại tập thiền và giữ giới rất tinh chuyên. Trong năm Nghĩa Hy, Ấp Xã Tân Dương có cọp dữ ẩn nấp trong miếu thần dưới cội cây, trước sau giết chết cả trăm người. Khi An đến thôn, dân cư ở đấy đều đóng cửa sớm nên ra ngồi thiền dưới gốc cây. Bỗng chốc cọp tha người về thấy Sư An bèn vừa sợ vừa mừng rồi nằm phục xuống. Sư bèn nói pháp và truyền giới cho, giây lát cọp liền bỏ đi. Sáng ra cư dân thấy Pháp An cho là thần nhân bèn dẫn nhau đến kính lễ. Nhân đó sửa miếu thành chùa rồi thỉnh an về ở, tất cả ruộng vườn chung quanh đều cúng cho chùa. Có

lần Sư muốn vẽ tượng nhưng thiếu màu xanh đồng lo nghĩ là khó kiếm được. Bỗng mộng thấy một người quỳ ở trước giường thưa rằng: "Ở dưới đây có chuông đồng." Khi tỉnh dậy Sư bèn đào đất lên thì nhặt được hai quả chuông. Bèn lấy màu xanh vẽ tượng, còn một chuông đem giúp Viễn Công để đúc tượng Phật. Sau không biết Sư qua đời ở đâu.

6. Khuyết Công Tắc

Ông vào Bạch Liên Xã ở Lô Sơn. Khi đã chết, có người đồng xã Bạch Liên với ông đến chùa Bạch mã ở Lạc Dương, trong đêm cúng giỗ ông, bỗng thấy có một lúc các rừng cây chùa chiền, nhà cửa đều có màu vàng ròng. Trên không trung lại có tiếng nói rằng: Ta là Khuyết Công Tắc, nguyện sinh An Lạc Quốc nay đã được sinh. Nói xong liền biến mất.

7. Lục Tu Tĩnh

Ông là người Ngô Hưng, sớm làm Đạo sĩ đặt quán tại Lô sơn. Lúc Viễn Pháp sư ở Đông lâm, ở chỗ dòng suối chạy quanh chùa đổ xuống khe, mỗi lần tiễn khách đi ngang qua đây liền nghe tiếng hổ gầm, nhân đó đặt tên là Hổ Khê. Về sau tiễn khách không đi qua đây nữa. Riêng có Đào Uyên Minh và Tu Tĩnh đến, vì mãi nói chuyện Đạo có chỗ khế hợp nên không biết là đã đi qua chốn ấy, bèn cùng cười to. Nhân đó đời truyền lại Tam Tiếu Đồ. Đời Tống năm Thái Thủy thứ ba, Tu Tĩnh qua đời ở Kinh châu. Vua Thụy Phong là Lan Tịch, do lấy chỗ ở cũ mà làm Quán (Vân Cấp Thất Tiêm Bản Truyện nói ông mất năm Nguyên Hy thứ năm).

TRUYỆN VỀ CÁC HIỀN KHÔNG VÀO LIÊN XÃ:

1. Đào Tiềm

Ông tự là Uyên Minh (cũng có tự là Nguyên Lượng), là cháu cố của Đại Tư Mã Khản nhà Tấn. Lúc còn nhỏ đã có chí cao thượng. Ông làm truyện Ngũ Liễu Tiên Sinh để tự ví mình. Người thời ấy cho ông là Thực Lục. Lúc đầu ông làm Kiến Oai Tham Quân, gọi thân bằng bảo rằng: Có kẻ muốn đờn ca mà khảy đờn ba dây. Người chấp sự nghe thấy cho là Bành Trạch Lệnh. Quận sai người mang thư Đô Đốc đến, Quan Huyện bảo ông nên thắt đai lưng mà tiếp kiến. Ông than rằng: Ta không thể vì năm đấu gạo mà phải thắt lưng luồn cúi bẩm dạ kẻ tiểu nhân trong thôn ấp. Bèn treo ấn từ quan ra khỏi huyện rồi làm bài Phú Quy Khứ Lai. Kịp khi vua Tống được nhường ngôi, ông tự cho mình là

hậu duệ của Quan Tể Phụ nhà Tấn, thẹn phải luồn cúi ở đời vua khác, nên Sài Tang Tầm Dương cùng với hai người nữa là Chu Tục Chi, Lưu Di Dân không nhận lệnh vua mời ra làm quan. Đời gọi là ba Ẩn Sĩ Tầm Dương. Ông từng nói ngày Hạ nằm khểnh hóng gió. Dưới cửa sổ phía Bắc gió mát rượi, Tự gọi là Hy Hoàng Thượng Nhân mà không hiểu âm luật. Ông chỉ có một cây đàn không đủ dây. Mỗi khi gặp bạn rượu thì vỗ đàn hòa giọng rồi bảo: Chỉ biết thú trong đàn, đâu cần đàn lên tiếng. Có lần ông đến Lô sơn, bắt hai đứa môn sinh công kênh ông lên núi. Lúc đó Viễn Pháp sư và các Hiền lập Liên Xã viết thư mời Uyên Minh. Minh bảo: Nếu cho uống rượu thì đến. Bèn cho ông liền đến. Bỗng ông nhíu mày rồi bỏ đi. Đời Tống năm Nguyên Gia thứ tư, ông tạ thế. Đời gọi ông là Tĩnh Triết Tiên Sinh.

2. Tạ Linh Vận

Tổ tiên có công với nhà Tấn, Linh Vận là cháu của Công chúa Khang Lạc, được tập phong làm Khang Lạc Công. Ông nổi tiếng văn chương đệ nhất vùng Giang Tả (phía Giang Hữu là Kim lăng). Có lần ông mang guốc gỗ lên núi, khi lên thì ông tháo bớt hai đế trước, khi xuống thì ông bỏ bớt hai đế sau. Trèo non vượt núi mãi lên đến đỉnh cao rậm mát. Đến Lô Sơn chỉ mới gặp Viễn Công lần đầu thì ông đã rất tâm phục. Bèn xây đài để dịch kinh Niết-bàn, đào ao trồng sen trắng. Lúc đó Viễn Công và các Hiền cùng tu nghiệp Tịnh độ, nhân đó đặt là Bạch Liên Xã (có người nói ông đào hai ao, ao phía Đông và ao phía Tây). Linh Vận có lần xin vào Liên Xã, nhưng Viễn Công thấy tâm ông chưa thuần nên ngăn không cho.

3. Phạm Nịnh

Ông tự là Võ Tử, học nhiều hiểu rộng. Nhưng lúc bấy giờ thì hàng nho nhã ngày thêm vắng bóng, đám phù hư càng lúc bon chen. Nịnh cho rằng hai ông Vương Bào và Hà Yến khởi đầu tệ phù hư này nên tội nặng hơn cả Kiệt Trụ, bèn làm luận bác bỏ. Nhiều phen vua mời làm Trung Thư Thị Lang. Triều đình nghi ngờ bèn kêu ông lên nghị bàn tra hỏi rồi bổ ông ra làm Thái Thú Dự Chương. Ông mở mang trường sở, xây cất học đài, dụng công rất to lớn. Thứ Sử Vương Ngưng Chi tâu lên vua ông có tội phạm thượng, bèn bị bãi quan trở về nhà. Viễn Công bèn mời ông vào Liên Xã, nhưng cuối cùng ông không đến được.

BÀI VĂN BIA VỀ LÔ VĂN PHÁP SƯ:

Pháp sư huý là Tuệ Viễn, họ Cổ, người ở Lâu Phiền Nhạn Môn. Sư vốn thể chất yếu ớt nhưng hiếu học. Năm mười hai tuổi Sư theo cậu là Lệnh Hồ Thị du học ở Hứa Lạc, nên từ nhỏ đã sớm làm thư sinh. Năm hai mươi mốt tuổi Sư muốn vượt sông để theo Phạm Tuyên Tử. Nhưng lúc đó Vương Lộ chưa thông nên có chí mà không thành. Bèn ở Quan Hữu gặp ngài Thích Đạo An một mực tôn kính cho thật là thầy mình. Rồi ném trâm xuống tóc xin đến thẳng đạo tràng. Sa-môn Đàm Dực cung cấp phí đèn nhang. An Công bảo: Đạo Sĩ này thật biết rõ người. Pháp sư nhờ nhiều kiếp sáng suốt nay biểu hiện một đời linh trí. Đạo tình thấm thiết, hiểu biết sâu xa, thấm đượm Bát-nhã Vô Sinh, quán chiếu Đạo hạnh tâm tức. Diệu lý được kẻ cao ngộ thấu triệt, Tông ngầm cùng sánh với thâm tâm. An Công khen rằng: Khiến đạo lưu hành ở Đông độ đâu cần người phương xa! Đầu năm Thái Nguyên, Tương dương đã mất, Sư chống tích trượng Nam du, tìm thất ở đồi Lô, cất nhà trong hẻm núi, vì đồng khế hợp nên không khiến mà mọi người đều đến. Sư nghe đạo rồi phát thệ hẹn một lòng tinh tấn. Từ đó đến tuổi năm mươi chưa hề xuống núi. Họ Hoàn lấy oai Trấn Chủ ép bức khuất uy, Sư vẫn kiên trì lấy lẽ giả bệnh từ chối. Bỗng chốc ra lệnh Sa-môn phải kính lạy vua Chúa. Pháp sư vì lo Đại Pháp chìm sâu nên cải lệnh Cửu Trùng. Huyền biết không thể ép, đành gật đầu ưng thuận. Đạo lần hồi truyền ra Trung thổ, danh vang khắp cõi xa. Chư Tăng nước ngoài đều hướng về Đông kính lễ. Nếu không phải do Đạo sâu Đức rộng thì đâu thể khiến hiển mặc đồng quy, người cõi ngoài kính nể. Vả lại Tân Kinh chưa biểu hiện, Luật Tạng nước Tấn lâu nay chưa sửa chánh, Thiền Pháp Cam lộ cả nước chưa được nghe, Thật tướng tông vốn có nhiều dị thuyết. Pháp sư nghĩ đến vận mạng dài lâu giúp đỡ quần sinh, bèn sai đệ tử đến thỉnh Thiền Sư, khảo tìm Kinh bản, vượt qua Thông Lãnh, dầm dải sa mạc trải bao tháng rộng năm dài cuối cùng đều trở về mà có giáo pháp được truyền dịch đầy đủ. Thế nên các kinh Tâm Thiền xuất phát từ Lô Sơn không bao lâu có hơn trăm quyển. Lại vì tâm vốn không hai mà tức sắc, chỗ nói của ba nhà không cùng tột chỗ thật diệu. Bèn làm Pháp Tánh Luận, lời đẹp lý sâu riêng phơi bày hoài bảo. Ngài La-thập đọc Luận khen rằng: Người Hán chưa thấy Kinh mới mà lý đã ngầm hợp. Vả chăng có sẵn trong lòng mà khéo dạy dỗ tất sẽ vang xa. Lời nói có chứng cứ dạo chơi rừng núi thì cảm hứng mới hoàn toàn. Dầu là chức vị gọi mời nhưng không tình lưu luyến, mặc tình hóa độ quần sinh khiến họ lưu tâm cửa giải thoát. Ấy gọi là ngôn hạnh đã phát ý lạc

hoàn toàn vậy. Từ khi gối đá uống khe trước sau một mực đạm bạc tu hành trọn ba mươi năm. Xuân Thu tám mươi ba gởi thân nơi tuyệt lãnh. Di chúc để lộ hài nơi rừng Tòng cho đồng với cỏ cây sinh hóa. Liễu đạt sinh tử đến thế là cùng! Lời xưa nói Người mất Đạo vẫn còn, đúng là Pháp sư đây vậy. Bọn phàm phu chúng ta cảm động về di phong tốt đẹp của ngài. Buồn thương dư âm sớm mất, dám đâu đem thiển kiến của mình ca tụng công đức đá vàng cao cả? Có lời từ rằng: Chín dòng trái Chân, Tam Thừa quy Phật. Đạo sắp tuyệt tích do lòng từ cứu vớt chúng sinh, ai là người soi sáng làm mặt trời tuệ cho ta. Dùng định nhiếp loạn đem lực cải tà. Diệu pháp thường còn rỡ ràng không mất, hoặc nhân thừa hưởng nhiều quả phúc. Xét ta xét vật biết hẹp biết rộng. Tâm thể rỗng không dẫn dạy đồ chúng. Tần Hoàng nghi hoặc suốt lý thông tình. Vương Tôn ngộ giải thấu tử đạt sinh. Liễu ngộ của ngài nhiều kiếp khó tìm. Trên khế Phật Tông, dưới cứu muôn loài. Thượng cầu hạ hóa khó ai sánh bằng. Xưa ở Hưng Tích, nay Đức càng cao. Nối Pháp có người hoằng truyền hưng thịnh. Kiền độ luyện tập Cam lộ thấm nhuần. Luật Tạng phát huy Pháp tánh sáng tỏ. Kẻ phàm mong Đạo ngày càng hiếu nhân. Cảnh buồn mạng chung Tông nghiêng lý ngã. Lạnh nóng đổi thay buồn vui đắp đổi. Cỏ thu lã ngọn chim Xuân hót vang. Tòng cao riêng đứng, Tiếng Đức bay xa. Thời tiết dù có đổi dời, nhưng cảm tình vẫn nguyên vẹn.

Ngày rằm tháng hai, mùa Xuân năm Nguyên Hy thứ hai.
Khang Lạc Công Tạ Linh Vận.

Sau bài văn bia này, còn một bài Văn bia nữa, tựa là: "Lô Sơn Pháp sư Ảnh Đường Bi" của Lý Diễn ở Lũng Tây soạn. Ngoài ra còn một bài khác tựa là "Đông lâm Ảnh Đường Lục Sự" của Sa-môn Khế Cao ở Đàm Tân.

Nhưng không dịch, vì thấy nó chỉ có tính cách văn chương cũng như cùng mục đích là ca tụng ngài Lô Sơn. Nhận thấy bớt đi cũng không làm hại chi cho tác phẩm.

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 27

TỊNH ĐỘ LẬP GIÁO CHÍ

PHẦN 2

Truyện các bậc cao Tăng vãng sinh

Đời Tấn, Gia Tường Tuệ Kiền Pháp sư.

Đời Tống, Giang Lăng Đàm Giám Pháp sư.

Đời Tống, Giang Lăng Đạo Hải Pháp sư.

Đời Tống, Hoài Nam Đàm Hoằng Pháp sư.

Đời Tống, Đông Viên Đạo Quảng Pháp sư.

Đời Tống, Hoằng Nông Đạo Quang Pháp sư.

Đời Tống, Giao Chỉ Đàm Hoa Pháp sư.

Đời Tề, Cao Hòa Tuệ Tiến Pháp sư.

Đời Lương, Lô Sơn Đạo Trân Pháp sư.

Bắc Ngụy, Bích Cốc Đàm Loan Pháp sư.

Bắc Tề, Lạc Dương Tuệ Quang Pháp sư.

Bắc Tề, Tấn Nguyên Pháp Lâm Pháp sư.

Bắc Tề, Nghiệp Đô Tăng Nhu Pháp sư.

Bắc Chu, Trường Sa Tuệ Mạng Pháp sư (Phụ thêm Pháp Âm Pháp sư).

Bắc Chu, Đa Bảo Tăng Nhai Pháp sư.

Đời Tùy, Lô Sơn Trí Thuấn Pháp sư.

Đời Tùy, Hà Đông Trí Thông Pháp sư.

Đời Tùy, Ma Cốc Chân Tuệ Pháp sư.

Đời Tùy, Nam Nhạc Tuệ Tư Thiền Sư.

Đời Tùy, Thiên Thai Trí Khải Thiền Sư.

Đời Tùy, Chi Giang Tuệ Thành Thiền Sư.

Đời Tùy, Thiên Thành Tuệ Mạng Thiền Sư.

Đời Tùy, Chương An Quán Đảnh Thiền Sư.

Đời Tùy, Ngõa Quan Pháp Hỷ Thiền Sư.
Đời Tùy, Thiên Thai Đẳng Quán Thiền Sư.
Đời Tùy, Bích Giản Pháp Tuấn Thiền Sư.
Đời Tùy, Khai Giác Đạo Dụ Pháp sư.
Đời Tùy, Phần Dương Thọ Hồng Pháp sư.
Đời Tùy, Quốc Thanh Pháp Trí Pháp sư.
Đời Đường, Bác Dã Thiện Trụ Pháp sư.
Đời Đường, Dương Đô Pháp Tường Pháp sư.
Đời Đường, Hưng Thiện Minh Chiêm Pháp sư.
Đời Đường, Bích Cốc Đạo Xước Pháp sư (có phụ thêm Đạo Võ Pháp sư).
Đời Đường, Ngụy Châu Đạo Ngang Pháp sư.
Đời Đường, Hổ Khâu Pháp Viêm Pháp sư.
Đời Đường, Bồ Châu Thần Tố Pháp sư.
Đời Đường, Tuấn Nghi Công Quýnh Pháp sư.
Đời Đường, Tinh Châu Duy Ngạn Pháp sư (có phụ thêm Tăng Đồng).
Đời Đường, Giang Lăng Pháp Trì Thiền sư.
Đời Đường, Từ Mẫn Tuệ Nhật Tam tạng
Đời Đường, Thành Đô Hùng Tuấn Pháp sư.
Đời Đường, Tinh Châu Tăng Huyễn Pháp sư.
Đời Đường, Ngộ Chân Khải Phương Pháp sư.
Đời Đường, Ngộ Chân Viên Quả Pháp sư.
Đời Đường, Tương dương Biện Tài Pháp sư.
Đời Đường, Trọng Lâm Tự Giác Pháp sư.
Đời Đường, Đơn Khâu Hoài Ngọc Pháp sư.
Đời Đường, Hổ Khâu Tề Hàn Pháp sư.
Đời Đường, Ngô Đô Thần Hạo Pháp sư.
Đời Đường, Tây Hà Tăng Tạng Pháp sư.
Đời Đường, Thái Sơn Đại Hành Pháp sư.
Đời Đường, Kinh châu Duy Cung Pháp sư.
Đời Đường, Lâm Truy Thiện Đạo Pháp sư.
Đời Đường, Trường An Bảo Tướng Pháp sư.
Đời Đường, Trịnh Châu Trí Khâm Pháp sư.
Đời Đường, Chung Nam Pháp Thuận Pháp sư.
Đời Đường, Thiên Phước Hoài Cảm Pháp sư.
Đời Đường, Hội Xương Đức Mỹ Pháp sư.
Thạch Tấn, Phù Phong Chí Thông Pháp sư.

Đời Tống, Tiền Đường Thiệu Nham Pháp sư.
Đời Tống, Vĩnh Hưng Thủ Chân Pháp sư.
Đời Tống, Từ Quang Ngộ Ân Pháp sư.
Đời Tống, Bảo Vân Nghĩa Thông Pháp sư.
Đời Tống, Pháp Trí Tri Lễ Pháp sư.
Đời Tống, Từ Vân Tuân Thức Pháp sư.
Đời Tống, Hưng Quốc Hữu Cơ Pháp sư.
Đời Tống, Thần Chiếu Bản Như Pháp sư.
Đời Tống, Quảng Từ Tuệ Tài Pháp sư.
Đời Tống, Tịnh Tuệ Tư Nghĩa Pháp sư.
Đời Tống, Biện Tài Nguyên Tịnh Pháp sư.
Đời Tống, Tịnh Trụ Tùng Nhã Pháp sư.
Đời Tống, Tiên Đàm Nhược Ngu Pháp sư (có phụ Tắc Chương Pháp sư).
Đời Tống, Từ Hạnh Trí Thâm Pháp sư.
Đời Tống, Thần Ngộ Xử Khiêm Pháp sư.
Đời Tống, Tra Am Hữu Nghiêm Pháp sư.
Đời Tống, Minh Trí Trung Lập Pháp sư.
Đời Tống, Đồng Giang Trạch Anh Pháp sư.
Đời Tống, Tịnh Trụ Tư Chiếu Pháp sư.
Đời Tống, Nhất Hạnh Tông Lợi Pháp sư.
Đời Tống, Tuệ Giác Tề Ngọc Pháp sư.
Đời Tống, Hiến Chương Trọng Mân Pháp sư.
Đời Tống, Tạp Xuyên Oánh Hà Pháp sư.
Đời Tống, Siêu Quả Linh Chiếu Pháp sư.
Đời Tống, Tứ Minh Khả Cửu Pháp sư (Khai Nguyên Cữu Pháp Hoa).
Đời Tống, Tịnh Từ Tông Bản Thiền Sư.
Đời Tống, Đại Thông Thiện Bản Thiền Sư.
Đời Tống, Linh Chi Nguyên Chiếu Luật Sư.
Đời Tống, Cối kê Đạo Ngôn Luật Sư.
Đời Tống, Trường Lô Tông Trách Thiền sư.
Đời Tống, Hóa Thành Duy Nguyệt Luật Sư.
Đời Tống, Linh Chi Tư Mẫn Luật Sư.
Đời Tống, Minh Khánh Hành Sằn Luật Sư.
Đời Tống, Hóa Độ Pháp Trì Luật Sư.
Đời Tống, Diên Thọ Tuệ Hưởng Luật Sư.
Đời Tống, Thất Bảo Dụng Khâm Luật Sư.

Đời Tống, Cối kê Diệu Sinh Luật Sư.
Đời Tống, Tiền Đường Duy Ác Pháp Sư.
Đời Tống, Báo Ân Trọng Minh Pháp sư.
Đơì Tống, Tịnh Quang Xung Ích Pháp sư.
Đời Tống, Lôi Phong Pháp Tông Pháp sư.
Đời Tống, Nguyễn Xã Hy Trạm Pháp sư.
Đời Tống, Tịnh Trụ Đàm Ý Pháp sư.
Đời Tống, Pháp An Thái Vi Pháp sư.
Đời Tống, Pháp An Tư Thông Pháp sư.
Đời Tống, Mộc Nạp Liễu Nghĩa Thủ Tòa.
Đời Tống, Tư Thánh Tuệ Thành Pháp sư.
Đời Tống, Nam nhạc Tổ Nam Pháp sư.
Đời Tống, Quảng Thọ Pháp Nhân Pháp sư.
Đời Tống, Trí Dõng Liễu Nhiên Pháp sư.
Đời Tống, Chân Giáo Trí Tiên Pháp sư.
Đời Tống, Bắc Quan Tư Tịnh Pháp sư.
Đời Tống, Giả Thạch Như Trạm Pháp sư.
Đời Tống, Tây Sơn Tư Phạm Pháp sư (Dụ Di-đà).
Đời Tống, Tịch Quang Tịnh Quán Pháp sư.
Đời Tống, Pháp Tuệ Lợi Tiên Pháp sư.
Đời Tống, Phổ Tịnh Sư An Pháp sư (Hoằng Hoa Nghiêm).
Đời Tống, Giác Hoa Như Bảo Pháp sư.
Đời Tống, Vĩnh Thọ Hiển Siêu Pháp sư.
Đời Tống, Thiên Bộ Hữu Khai Pháp sư.
Đời Tống, Hưng Phước Đạo Sinh Pháp sư.
Đời Tống, Gia Hội Nhược Quan Pháp sư.
Đời Tống, Long Tuyền Đàm Dị Pháp sư.
Đời Tống, Kỳ Viên Trí Ấn Pháp sư.
Đời Tống, Hồ Tâm Nguyên Triệu Luật Sư.
Đời Tống, Cực Lạc Giới Độ Luật Sư.
Đời Tống, Viên Biện Đạo Sâm Pháp sư.
Đời Tống, Mục Am Hữu Minh Pháp sư.
Đời Tống, Từ Thất Diệu Vân Pháp sư.
Đời Tống, Tuyết Khê Hy Nhan Hữu Tòa.
Đời Tống, Nam Hồ Liễu Tuyên Hành Nhân.
Đời Tống, Nam Hồ Thiện Vinh Hành Nhân.
Đời Tống, Minh Tâm Tổ Huy Pháp sư.
Đời Tống, Tháp Sơn Như Giám Pháp sư.

Đời Tống, Phước Nguyên Tổ Tân Pháp sư.

Truyện các Bậc Cao Ni vãng sinh

Đời Tống, Đạo Tràng Pháp Thạnh Pháp sư.
Đời Tống, Đơn Dương Đạo Viên Pháp sư.
Đời Tống, Kim Lăng Pháp Tạng Pháp sư.
Đời Đường, Tích Thiện Tịnh Chân Pháp sư (Trường An).
Đời Đường, Lô Sơn Ngộ Tánh Pháp sư.
Đời Tống, Tiền Đường Năng Phụng Pháp sư.
Đời Tống, Tứ Minh Tuệ An Pháp sư.

Truyện về các chúng vãng sinh

Đời Tùy, hai Sa-di ở Vấn Thủy.
Đời Tống, Đồng Hành Sư Tán ở Ung Châu.
Đời Tống, Đồng Hành Đàm Viễn ở Tiền Đường.
Đời Tống, Đạo Thiện Đồng Hành ở Cối kê.
Đời Tống, Nghê Đạo Giả ở Nhân Hòa.
Truyện các Công Khanh vãng sinh
Đời Đường, Thái Phó Bạch Cư Dị.
Đời Đường, Quán Sát Sứ Vi Văn Tấn.
Thạch Tấn, Hàn Lâm Học Sĩ Trương Kháng (Phụ thêm ông Nhi).
Đời Tống, Thiếu Sư Chung Ly Cẩn (phụ thêm mẹ là Nhâm phu nhân).
Đời Tống, Triều Thỉnh Chung Ly Cảnh Dung (con của Quỳnh Chi).
Đời Tống, Sùng Đạo Chung Ly Tòng (phụ thêm Cảnh Truyện).
Đời Tống, Chủ Khách Dương Kiệt.
Đời Tống, Thị Lang Mã Lượng.
Đời Tống, Triêu Phụng Mã Vu (phụ thêm vợ của con Lượng là Vương Thị).
Đời Tống, Tuyên Nghĩa, Mã Vĩnh Dật (con của Vu).
Đời Tống, Tuyên Nghĩa Hồ Nhân.
Đời Tống, Triêu Tán Cát Phồn.
Đời Tống, Thị Lang Vương Cổ.
Đời Tống, Ti Giản Giang Công Vọng.
Đời Tống, Triêu Tán Vương Trung.
Đời Tống, Trợ Giáo Trương Địch.
Đời Tống, Thông Phán Cổ Thuần Nhân.

Đời Tống, Huyện Lệnh Mai Nhữ Năng.
Đời Tống, Cấp Sự Trung Phùng Tiếp.
Đời Tống, Thị Lang Ngô Bỉnh Tín.
Đời Tống, Thừa Tướng Tiền Thượng Tổ.
Đời Tống, Ti Sĩ Vương Trọng Hồi.
Đời Tống, Xử Sĩ Dữu Sản.
Đời Tống, Long Thơ Vương Nhật Hưu.
Đời Tống, Nho Sĩ Tôn Biện.
Đời Tống, Cư Sĩ Phòng Chứ.
Đời Tống, Cư Sĩ Vương Điền.
Đời Tống, Cư Sĩ Tôn Trung.
Đời Tống, Học Luận Quỹ Định Quốc.
Đời Tống, Trú Cẩm Lâu Phân.

Truyện về các Sĩ thứ vãng sinh
Đời Tùy, Tống Mãn ở Hằng Châu.
Đời Lương, Cao Hạo Tượng ở Đông Bình.
Đời Đường, Sơn Lão Nhân ở Pháp Nhẫn.
Đời Đường, Vinh Dương ở Trịnh Mục Khanh.
Đời Đường, Trương Nguyên Tường ở Trường An.
Đời Đường, Lý Tri Dao ở Trường An.
Đời Đường, Nguyên Tử Bình ở Kinh Khẩu.
Đời Tống, Tả Thân ở Thiên thai.
Đời Tống, Phạm Nghiễm ở Võ Lâm.
Đời Tống, Trầm Thuyên (phụ thêm vợ là Thi thị) ở Tiền Đường.
Đời Tống, Tôn Lương ở Tiền Đường.
Đời Tống, Diêu Ước (phụ thêm Cảnh Ý Pháp sự) ở Tiên Đàm.
Đời Tống, Mai Phước ở Tòng Giang.
Đời Tống, Hồ Cảo ở Tạp Xuyên.
Đời Tống, Đường Thế Lương ở Cối kê.
Đời Tống, Lục Vĩ ở Tiền Đường.
Đời Tống, Lý Ngạn Thông ở Cối kê.
Đời Tống, Lục Lăng ở Tiền Đường.
Đời Tống, Phùng Dân ở Thượng Ngu.
Đời Tống, Huỳnh Đả Thiết ở Đàm Châu.
Đời Tống, Kế Đả Thiết ở Tứ Minh.
Đời Tống, Từ Lục Công ở Gia Hưng.
Đời Tống, Thẩm Tam Lang ở Lâm An.

Truyện về giới Nữ lưu vãng sinh

Tùy Văn Đế Hoàng hậu.

Đời Tống, Vương thị phu nhân của Kinh Vương (Phụ thêm thị thiếp).

Đời Tống, Vương thị vợ Mã Triều Phụng (thấy trong Mã Vu Truyện).

Đời Tống, Ngô thị vợ Lữ Đô Quan.

Đời Tống, Thái thị Võ Lâm Huyện Quân.

Đời Tống, Phùng thị phu nhân của Trần Thừa Tuyên.

Đời Tống, Lục thị vợ Vương Triều Thỉnh.

Đời Tống, Chu thị cháu gái của Khâm Thành Hậu.

Đời Tống, Lâu thị vợ Chu Tự Bộ.

Chu thị, vợ Trú Cẩm Lâu Quân.

Đời Tống, Tần thị ở Tòng Giang.

Đời Tống, Trịnh thi ở Tiền Đường.

Đời Tống, Vu Phật Tử ở Tiền Đường.

Đời Tống, Huỳnh thị ở Tứ Minh.

Đời Tống, Viên thị ở Tiền Đường.

Đời Tống, Trần Ẩu (bà lão) ở Tiền Đường.

Đời Tống, Vương thị ở Võ Lâm.

Đời Tống, Tôn thị ở Tứ Minh.

Đời Tống, Hồ Trương Bà ở Thượng Ngu.

Đời Tống, Vương thị ở Ẩn Cát.

Đời Tống, Thạnh thị ở Tiền Đường.

Đời Tống, Thẩm thị ở Tiền Đường.

Đời Tống, Diêu Bà ở Trường An.

Đời Tống, Ước Sơn Bà ở Phần Dương.

Đời Tống, Bùi thị ở Phần Dương.

Đời Tống, vợ của Ôn thị ở Phần Dương.

Đời Tống, Mạnh thị ở Lễ Tuyền.

Đời Tống, Lương thị ở Phần Dương.

Đời Tống, Trần thị hành giả niệm Phật (mẹ của Trách Thiền Sư).

Đời Tống, Trần thị ở Ngô Hưng.

Đời Tống, Hồ thị ở Cối kê.

Đời Tống, Tôn thị ở Tiền Đường.

Đời Tống, Quách thị ở Nhân Hòa.

Đời Tống, Chu Hành Bà ở Thái Bình.

Đời Tống, Cung thị ở Tiền Đường (phụ thêm thị thiếp là Vu thị).
Đời Tống, Chung Bà ở Gia hòa.
Đời Tống, Huỳnh Bà ở Triều Sơn.
Đời Tống, Chu thị ở Tạp Xuyên.
Đời Tống, Cô Tịnh Tâm ở Tứ Minh.
Đời Tống, Chu thị ở Gia hòa.
Đời Tống, Đào thị ở Thường Thục.
Đời Tống, Hạnh thị ở Tứ Minh.
Đời Tống, Thẩm thị ở Từ Khê.

Truyện về người ác vãng sinh
Đời Đường, họ Kinh (đồ tể) ở Trường An.
Đời Đường, Trương Chung Húc (giết gà) ở Trường An.
Đời Đường, Trương Thiện Hòa (giết trâu) ở Trường An.
Đời Tống, Kim Sảng (lưới cá) ở Cối kê.
Đời Tống, Ngô Quỳnh (đồ tể) ở Nhân Hòa.

Truyện về chim thú cá vãng sinh
Đời Đường, chim két của Bùi thị.
Đời Tống, con sáo ở Trường sa.
Đời Tống, con sáo của Quan Sư.
Đời Tống, con cá của Lưu Thành.

Triều Tống ta, ngài Phi Sơn Giới Châu bắt đầu tập họp các truyện vãng sinh. Sau có Thị Lang, Vương Cổ tiếp tục thêm vào. Từ khi truyền xuống Nam trở đi, có Lục Sư Thọ ở Tiền Đường thêm tiếp. Ngài Mặc Dung Hải Ấn ở Tứ Minh lại thêm tiếp, gồm có hai Nho hai Thích làm nên sách này. Nay cắt bớt các đoạn rườm rà, chỉ nêu những người bình thời niệm Phật mà lúc lâm chung có ứng nghiệm vãng sinh, cốt để người tu tịnh nghiệp càng tin tưởng.

Thêm người còn thiếu: Đời Tùy, Tuệ Hải Pháp sư ở Giang Đô.

TRUYỆN VỀ CÁC CAO TĂNG VÃNG SINH

1. Tuệ Kiền

Cuối đời Tấn Sư ở Lô Sơn, thấy Đức nghiệp của Viễn Công cao thạnh, than rằng: Ta là người mà ông ấy cũng là người. Bèn đến chùa Gia Tường ở Sơn Âm, tập họp đồ chúng giảng kinh. Sư bảo chúng rằng: Ta nguyện giảng kinh dẫn dắt mọi người để dâng lên Phật Di-đà. Sau đó năm năm Sư biết đã đến lúc, bèn bảo rằng: “Hoa nở thấy Phật đã đến lúc rồi đây.” Đêm ấy có Ni Sư Tịnh Nghiêm trong khoảng mơ màng thấy hai Đức Quan Âm và Thế Chí và trăm ngàn chúng từ không trung xuống. Tịnh Nghiêm thưa: Đại sĩ đi đâu? Ngài đáp: Ta đến đón Kiền Công ở Gia Tường đây. Sư Tuệ Kiền cũng cảm được thắng tướng, bèn cáo biệt đệ tử ngồi yên mà hóa. Mùi hương lạ suốt tuần không tan.

2. Đàm Giám

Thời Nhà Tống, Sư ở Giang Lăng. Trong khi nhập định Sư cảm được Đức Phật tưới nước trên mặt bảo rằng: Ta rửa sạch trần cấu cho ngươi, khiến tâm niệm ngươi trong sạch. Một tối Sư dạo bước trên hành lang niệm Phật, sáng hôm sau thì Sư ngồi kiết già mà hóa. Cùng lúc đó có Đạo Hải ở Giang Lăng, Đàm Hoằng ở Hoài Nam, Đạo Quảng ở Đông Viên, Đạo Quang ở Hoằng Nông khi lâm chung đều thấy tướng Kim đài đến đón.

3. Đàm Hoằng

Sư đi về Nam đến Giao Chỉ tụng Quán kinh không biết bao nhiêu. Sư ở núi Yêm nhóm củi tự thiêu, được xá-lợi đến mấy trăm hạt. Chúng thấy thân Sư màu vàng ròng cưỡi hươu vàng bay về hướng Tây.

4. Tuệ Tấn

Đời Nhà Tề, đầu năm Vĩnh Minh, Sư ở chùa Cao tòa tại Dương châu phát nguyện Tụng kinh Pháp Hoa để trang nghiệp Tịnh Độ. Nhưng khi cầm quyển kinh thì phát bệnh. Sư bèn nguyện viết trăm bộ kinh để sám hối nghiệp chướng nhiều đời. Khi viết vừa đủ số thì bệnh cũng vừa hết. Sư nghe trên không trung có tiếng nói: “Việc làm của ngươi đã xong, nguyện của ngươi đã thành, muốn sinh Tịnh độ không phải ngươi còn ai? Một hôm không bệnh hoạn chi, Sư niệm Phật mà hóa.

5. Đạo Trân

Đời nhà Lương, trong năm Thiên Giám, Sư ngụ tại Lô sơn, rất

mến mộ Viễn Pháp sư, nêu lớn tâm Tịnh độ. Một hôm Sư mộng thấy có mười người ngồi trên thuyền lớn lênh đênh trên biển. Sư hỏi: Đi đâu? Đáp: Đến nước An Dưỡng. Trân thưa: Xin cho đi với. Đáp: Tu một ngày có công vượt nhiều kiếp. Ông chưa tụng kinh Di-đà, chưa từng tắm gội trong hàng Tăng sao xin đi được! Trân bèn thiết lễ Mộc dục chuyên tụng kinh Di-đà. Được hai năm thì có người bưng Ngân đài đến rước, bảo rằng: Công pháp Sư đáng được Kim đài nhưng vì tâm đầu tiên còn do dự nên chỉ được Ngân đài mà thôi. Trân nói: Chỉ cốt gặp được Phật dầu chậm hà tất phải Kim đài! Sau vào đêm Sư mất cả vùng núi nơi Sư ở sáng lên như có ngàn ngọn đuốc. Dân làng kinh sợ. Sáng hôm sau thì biết Sư Trân đã viên tịch.

6. Đàm Loan

Lúc đầu Sư học đạo thuật đến Đào Ẩn Cư mà được sách Tiên. Sau trở về Lạc Hạ gặp Ngài Bồ-đề Lưu Chi, Sư hỏi: Đạo Phật có trường sinh chăng? Ngài cười đáp: “Trường sinh bất tử là Đạo Phật ta vậy”, liền trao cho Sư Quán Kinh và nói: “Hiểu được thứ này thì không sinh lại ở ba cõi, không chuyển lại ở sáu nẻo.” Sư nghe lời và đốt sách Tiên, ngày đêm chuyên tụng Quán Kinh, tu ba phước nghiệp và Quán tưởng chín phẩm. Chúa Bắc Ngụy ban hiệu Sư là Thần Loan, ra chỉ mời Sư ở chùa Huyền Trung tại Phần Châu. Một tối trong khi đang tụng kinh Sư thấy một vị Phạm Tăng vào thất bảo rằng: Ta là Long Thọ đây. Vì ngươi niệm Phật tu Tịnh độ nên đến thăm. Loan thưa: Ngài có điều chi dạy con? Vị Tăng bảo: “Quá khứ đã qua, vị lai chưa đến, hiện tại có gì đứng yên, thời gian qua nhanh không trở lại.” Nói xong biến mất. Loan liền bảo đệ tử cùng lớn tiếng niệm Phật, Sư quay mặt về hướng Tây nhắm mắt mà hóa.

7. Tuệ Quang

Đời Bắc Tề, Sư ở tại Lạc Dương viết lời sớ các kinh Hoa Nghiêm, Niết-bàn Thập địa. Sư rất thấu suốt ý chỉ Quyền Thực. Một hôm có bệnh, Sư thấy chư Thiên đến đón rước, liền bảo: “Tôi chỉ nguyện được về An Dưỡng mà thôi.” Bỗng thấy Hóa Phật đầy khắp hư không. Quang thưa: “Cúi mong Đức Phật tiếp dẫn con được thỏa nguyện.” Liền khảy móng tay và cười nói, rồi im tiếng ngưng thở mà hóa.

8. Pháp Lâm

Sư người Tấn Nguyên, thường tụng Quán Kinh. Bỗng thấy một vị

Tăng thân hình to lớn đứng trước Sư. Đời Bắc Tề, năm Kiến Võ thứ hai, Sư có bệnh, liền thấy ở dưới hàng cây báu có Đức Phật và hai vị Bồ-tát ngồi trên hoa sen. Lâm rất mừng rỡ. Nửa đêm nghe tiếng chuông, chúng đến thì thấy Sư ngồi nghiêm mà hóa.

9. Tăng Nhu

Sư học các kinh Phương Đẳng. Vua Tề Văn Tuyên mời Sư đến ở Nghiệp Hạ. Sư Nhu chỉ chuyên tâm tu Tịnh độ. Ngày Sư mất thấy Hóa Phật đến mấy ngàn, trong ngoài thất đều sực nức mùi hương lạ. Sư quay về hướng Tây kính lễ rồi hóa.

10. Tuệ Mạng

Sư người Trường sa thời Bắc Chu. Mới mười lăm tuổi tụng Pháp Hoa, bảy ngày thì xong một bộ. Cùng Pháp Âm làm bạn Tịnh độ. Một tối dắt tay nhau đi dưới trăng, nhìn nhau cười bảo rằng: “Đến lúc mà không đi là ham sống, Tây phương đã đến kỳ hẹn tôi phải đi đây.” Âm nói: Huynh không đợi tôi được mười ngày nữa sao? Tuệ Mạng đưa hai ngón tay bảo: “Quá hạn này không được!” Quả nhiên hai ngày sau thì mất. Chúng thấy có Chư Thiên giáng xuống, có nhạc trời và mùi hương lạ. Có người bảo “lành thay!” Mười ngày sau thì Pháp Âm cũng mất, có điềm lành giống như Tuệ Mạng.

11. Tăng Nhai

Đời Bắc Chu, Sư ở chùa Đa Bảo tại Ích Châu, phát tâm đốt năm ngón tay muôn người đều kính mộ đến xem. Sư bảo đệ tử rằng: Sau khi ta chết rồi hãy nên cúng dường, săn sóc các người bệnh hoạn nghèo khổ, vì đó đều là Phật và Bồ-tát hóa hiện ra cả. Khi Sư ngồi tịch thì chúng thấy hoa báu rơi đầy. Sư khoác nạp y, cầm tích trượng, niệm danh hiệu Phật cùng khoảng mấy mươi Tăng bay trên không trung đi mất.

12. Trí Thuấn

Sư vào Lô Sơn nối gót Viễn Công tu tịnh nghiệp. Khi giảng Quán Kinh vừa xong thì Sư có bệnh, thấy các loài anh võ khổng tước niệm Phật niệm pháp tiếng rất vi diệu, liền bảo đệ tử rằng: “Hôm nay ta vãng sinh.” Quả nhiên Sư tịch, lúc đó là đời Tùy, đầu năm Đại Nghiệp.

13. Trí Thông

Đời Tùy, Sư người Hà đông, thường tụng kệ Tiên Hiền Tán Phật

ba mươi chương. Mỗi ngày sáu thời đối trước tượng Phật lớn tiếng niệm Phật giọng rất tha thiết khiến ai nghe cũng bùi ngùi. Năm Đại Nghiệp thứ bảy, Sư cùng môn nhân là Đảnh Cái đồng thanh niệm Phật, chợt thấy có ánh sáng và phan phướn bảo cái tràng hoa báu lạ, bèn gọi Đảnh Cái bảo rằng: Ta sinh Tịnh độ đúng vào đêm nay. Rồi Sư ngồi tại Sám Đường mà tịch. Chúng thấy ngàn lớp lầu các hiện trên không trung ẩn ẩn như sương khói mà đi.

14. Chân Tuệ

Đời Tùy, đầu năm Đại Nghiệp, Sư ở Ma Cốc tại Bồ Phản chỉ ăn củ huỳnh tinh mà sống. Xây cất Tịnh Địa, trồng bốn trụ Bảo Tràng để thờ ba Thánh. Mỗi khi ngồi trước tượng quán tưởng thì thân tâm đều rất nghiêm túc. Một tối gọi đệ tử bảo rằng: Hôm nay ta thấy hoa sen nở ra khép lại sắp đưa đến chân ta. Chốc lát nghe có tiếng chuông, hương trời thơm ngát từ phương Tây xông đến, ánh sáng bỗng rực rỡ, thì Sư thị tịch.

15. Tuệ Tư

Đời Trần, Sư đến ở Nam Nhạc, chuyên tụng Pháp Hoa. Có lần mộng nghe thấy Đức Phật A-di-đà và Đức Di-lặc cùng nói pháp cho nghe. Giải hạ xong bỗng Sư khoát nhiên Đại ngộ Pháp Hoa Tam-muội. Các kinh chưa nghe đều tự hiểu rõ không chút nghi ngờ. Sau vì thuận theo ý đời, sư tập họp học trò ngày đêm liên tục giảng nói. Sư ngồi nghiêm lớn tiếng bảo "Phật đến" rồi chắp tay mà hóa.

16. Trí Khải

Sư ở Thiên thai. Lúc đầu Sư đến núi Đại Tô kính lễ Tư Thiền Sư. Ngài bảo: "Ngày xưa cùng ở Hội Linh sơn nghe kinh Pháp Hoa, bởi do túc duyên nay lại đến đây", bèn trao truyền cho Sư Pháp Hoa Tam-muội và Tam Thất Nhật Pháp (pháp hai mươi mốt ngày). Khi Sư tụng kinh đến chỗ: "Ấy là chân tinh tấn, đó gọi là chân pháp cúng dường Như Lai" thì Sư khoát nhiên thấy Hội Linh sơn rõ ràng chưa tan. Về sau Sư ở trước tượng đá Di-lặc tại Thạch Thành khi sắp tịch, Sư lớn tiếng niệm Vô Lượng Thọ Phật và đầu đề Quán Kinh, rồi chắp tay khen rằng: "Bốn mươi tám nguyện trang nghiêm Tịnh Độ, ao sen cây báu dễ đến mà không người. Khi tướng địa ngục hiện ra, một niệm hối cải còn được vãng sinh thay, huống là giới định huân tu? Công đức hành đạo thật không uổng phí." Sư lại nói: Các thầy và bạn ta đang hầu Đức Quan Âm

đều đến đón ta. Nói xong Sư ngồi kiết già niệm danh hiệu Tam bảo rồi như người đang nhập định.

17. Tuệ Thành

Sư ở Chi Giang, tụng kinh A-di-đà, tu Tây phương Quán, suốt ba mươi năm thường ngồi không nằm. Mỗi khi Nhập Định đều thấy đài sen và cây báu ở Tịnh Độ. Tối hôm Sư lâm chung có người mộng thấy Sư ngồi trên hoa sen ẩn hiện bay về hướng Tây.

18. Tuệ Mạng

Sư là người Tiên Thành ở Thiên thai. Khi lâm chung dặn đệ tử nên tinh tấn giữ tịnh hạnh. Chúng bỗng thấy Đức Phật A-di-đà dẫn chúng đến đón, Sư theo sau Phật đi về hướng Tây.

19. Quán Đảnh

Sư người ở Chương An. Khi lâm chung có bệnh. Trong thất đầy mùi hương lạ, nhân dạy bảo dặn dò đệ tử vừa xong, Sư bỗng trỗi dậy chấp tay niệm danh hiệu Đức Phật A-di-đà và hai Đại sĩ, rồi im lặng mà hóa.

20. Pháp Hỷ

Sư thường tu Sám Lễ Phương Đẳng. Có một con Trĩ đến đòi mạng. Chư Thiên trách rằng: “Pháp sư sắp vãng sinh Tịnh độ đâu lại đền mạng cho ngươi!” Sau Sư đang bệnh liền phát nguyện: “Con xin đem cả đời tu hành đề hồi hướng Tịnh Độ.” Rồi chí tâm niệm Phật. Liền thấy Đức Phật và chúng Bồ-tát đến đón. Sư ngồi yên mà hóa.

21. Đẳng Quán

Sư ở Thiên thai thường tụng Pháp Hoa. Một tối Sư tắm gội, ngồi kiết già quay về hướng Tây, niệm danh hiệu Phật, Bồ-tát và Trí Giả Đại sư. Lại nói pháp môn Tam Quán. Nói xong thì tịch.

22. Pháp Tuấn

Sư ở chùa Bích Giản tu Pháp Hoa Tam-muội liền được ngộ nhập. Ngày Sư tịch thì có nhạc trời đầy không trung, hương trời khắp thôn dã. Chúng thấy Sư bay lên không trung đi về hướng Tây.

23. Đạo Du

Sư ở chùa Khai Giác niệm danh hiệu Phật A-di-đà ngày đêm không bỏ. Sư tạo ba tượng chỉ cao ba tấc. Sau trong khi nhập định Sư thấy Phật gọi bảo: Ngươi tạo thân ta sao nhỏ thế? Sư thưa: Tâm lớn liền lớn, tâm nhỏ liền nhỏ. Nói xong thì thấy Tượng đầy khắp hư không. Phật bảo: Ngươi hãy về bản quốc, tắm rửa nước thơm, khi sao mai mọc ta đến đón ngươi!" Đúng giờ, Sư cảm biết Phật đến đón, ánh sáng đầy nhà.

24. Thọ Hồng

Người ở Phần Dương. Thường niệm Phật cầu vãng sinh Tây phương. Khi sắp lâm chung thấy các đồng tử cõi Đâu-suất đến đón. Sư nói: Tôi quyết tâm cầu sinh Tây phương không thích sinh lên cõi trời. Liền khiến chúng niệm Phật. Bỗng bảo: "Phật từ Tây phương đến." Nói xong thì hóa.

25. Pháp Trí

Sư ở chùa Quốc thanh nhất tâm niệm Phật thường cảm được hai Đức Quan Âm, Thế Chí đến chiếu sáng thân thể. Sư gọi người thân bảo rằng: Có ngày ta sinh Tịnh độ, ai có thể đãi ta ăn uống đầy đủ? Chúng bèn đãi ăn. Ăn xong chẳng thấy có gì lạ. Chúng nghi Sư lừa dối, đêm rình ở phòng Sư. Chưa đúng nửa đêm Sư ngồi yên trên giường niệm Phật mà hóa. Có ánh sáng vàng từ phía Tây chiếu đến. Ngư dân trên sông tưởng là trời sáng (từ trên đều thuộc về đời Tùy).

26. Thiện Trụ

Sư người ở Bác Dã, chuyên tu tịnh nghiệp thường thấy tượng Phật và Đại sĩ phóng quang chiếu sáng thân mình. Một đêm trong lúc bệnh, Sư ngồi dậy chấp tay khấn rằng: Cúi mong Phật dùng sức bốn mươi tám nguyện để tiếp độ con, con nguyện đời này nương về theo Phật." Rồi bảo chúng rằng: "Hào quang Phật đã chiếu sáng ta, nguyện ta không sai." Nói xong thì hóa.

27. Pháp Tường

Sư ở chùa Đại Hưng Quốc tại Dương Đô, suốt ba mươi năm tu nghiệp An Dưỡng. Phàm làm những lợi ích gì đều hồi hướng về đấy cả. Nhân khi Sư bệnh, đệ tử nghe Sư niệm Phật rất lớn tiếng. Đến xem thì thấy vách buồng phía Tây có ánh sáng như gương hiện rõ cảnh Tịnh Độ trong ấy có chim Tần già vỗ cánh. Sư Tường im lặng mà hóa.

28. Minh Chiêm

Tuổi về già mới quyết chí tu An Dưỡng. Có kẻ chê là quá muộn. Sư nói: Chỉ mười niệm mà thành công cũng còn được thấy Phật, ta nào lo chi? Sau nhân bệnh, Sư ở chùa Hưng Thiện giữ trai giới không tiếp mọi người. Lúc đó chỉ có Bộc Xạ Phòng Nguyên Linh, Đỗ Như Hối đều có mặt. Sau giờ Ngọ, Sư sửa oai nghi nghiêm túc, vội bảo: "Phật đến, hai vị Bồ-tát cũng đến." Rồi nghiêm chỉnh chấp tay mà hóa.

29. Đạo Xước

Sư đến chùa Huyền Trung tại Bích Cốc là nơi ở cũ của Sư Đàm Loan. Sư chuyên tâm niệm Phật, mỗi ngày lấy bảy vạn biến làm chừng. Sư khuyên người đất Phần cùng niệm Phật, lấy đậu ghi số, có đến vạn hộc. Ngày tám tháng tư, Sư nhóm họp đạo tục thiết lễ mừng Phật đản. Bỗng thấy Sư Đàm Loan ở trên không trung ngồi thuyền thất bảo gọi Xước bảo rằng: "Nhà Tịnh Độ của ông đã thành." Chúng lại thấy hóa Phật và Bồ-tát đang phơi phới trên không đều vui mừng kính ngưỡng khen lạ. Bạn đồng chí của Sư là Đạo Võ mỗi khi gặp nhau đều hẹn về cõi Tịnh Độ. Sư Đạo Xước tịch ba ngày, Đạo Võ nghe nói bảo rằng: Ta hẹn đi trước mà nay lại thành sau. Ta cố gắng thêm một hơi nữa tất thấy Phật còn kịp. Bèn đứng trước tượng Phật cúi đầu khấn nguyện. Sư lui ra đến tòa mà hóa.

30. Đạo Ngang

Sư bình thời tu nghiệp Tịnh độ. Một hôm lên cao tòa khuyên gắng đồ chúng. Vội chấp tay thưa: Chư Thiên quý vị sao lại đến đây? Đường đến cõi trời không phải ước nguyện của tôi. Nếu tướng Tịnh Độ đến đón tôi xin nghe lời. Rồi Sư nhắm mắt giây lâu bảo rằng: Đức Phật A-di-đà đã phóng quang chiếu đến ta. Các hóa Bồ-tát cũng đến đây." Rồi Sư bưng lư hương cúi đầu khấn nguyện. Bỗng lư hương rớt xuống thì Sư đã hóa.

31. Trí Diễm

Sư ở Võ Châu, tập họp Tăng Tục tu tịnh nghiệp và Quán Tưởng. Mỗi tháng một lần tập họp hơn năm trăm người. Sau Sư nằm bệnh thấy một vị Phạm Tăng tay bưng bình báu đến trước gọi Sư bảo rằng: "Ta là Vô Biên Quang, sau này ở Tịnh Độ gọi Công Đức Bảo Vương chính là ta đó." Diễm cùng chúng trong chùa luận rằng: Vô Biên Quang là Bồ-tát Thế Chí, Công Đức Bảo Vương là hiệu của ngài khi thành Phật. Ta

sẽ về Tây phương chăng? Quả nhiên cuối đêm ấy Sư viên tịch.

32. Thần Tố

Sư ở Bồ Châu giảng A-tỳ-đàm và Thành Thật Luận, nguyện sớm được sinh An Dưỡng. Sau Sư bệnh bảo đệ tử đọc Quán Kinh, Sư ngồi yên mà nghe. Khi nghe xong Sư liền niệm danh hiệu Phật và Bồ-tát, trước sau mấy phen. Đến giữa đêm Sư ngồi yên mà hóa.

33. Công Huýnh

Sư người ở Lăng Nghi, tu Phổ Hiền Sám suốt ba mươi năm thân không tựa ghế vách. Một hôm có Đức Phổ Hiền cưỡi voi sáu ngà đến, mặt đất đều có sắc bạc. Lúc tuổi già Sư chuyên giảng Pháp Hoa, mỗi lần giảng đến phẩm Dược Thảo thì trời mưa. Sư lại soạn Phật Địa Luận Sớ nguyện đem lợi ích của Luận Sớ mà hồi hướng được sinh Tịnh độ. Viết Sớ xong có ánh sáng lạ năm màu chiếu sáng thất Sư. Sư bảo rằng: Nếu như lúc này nương ánh sáng mà thấy được Phật là mãn nguyện rồi. Bèn chí thành niệm Phật và quán tưởng Tây phương. Sư không ăn uống mà hóa.

34. Duy Ngạn

Sư người Tinh Châu, thường tu mười sáu Quán Môn. Có lần nhân xuất quán thì thấy Đức Quan Âm và Thế Chí hiện trên không trung, Sư đảnh lễ và khóc như mưa, thưa rằng may mắn chỉ nhờ nhục nhãn mà thấy được Thánh dung, chỉ hiềm không truyền được cho đời. Chợt có hai người tự xưng là vẽ khéo, thánh tướng vẽ xong thì người không thấy nữa. Bèn gọi đệ tử bảo rằng: Đây là lúc ta về Tây phương có ai theo ta chăng? Có một chú tiểu thưa: Con xin theo thầy. Rồi về nhà thưa cha mẹ xong trở về chùa tắm gội, đến trước tượng Phật ngồi kiết già mà hóa. Sư vỗ vào lưng chú tiểu nói: Sao ngươi lại đi trước ta? Bèn bảo đệ tử lớn tiếng niệm Phật. Sư ngước mắt nhìn về hướng Tây yên lặng mà hóa.

35. Pháp Trì

Sư là người Giang Ninh, yết kiến ngài Hoằng Nhẫn ở Huỳnh Mai mà ngộ được Tâm yếu, kế vị Tổ Ngưu Đầu. Sư thường chuyên tâm niệm Phật đi đứng không rời. Khi sắp lâm chung Sư dặn đệ tử nên để nhục thân dưới gốc Tòng cho cầm thú ăn máu thịt ta mà làm nhân Tịnh Độ. Đệ tử làm theo ý Sư thì thấy mấy mươi phướn Thần từ phía Tây kéo

đến và đi nhiễu quanh núi. Phướn phóng ra ánh sáng lạ như đuốc chiếu sáng thất Sư.

36. Tuệ Nhật

Sư đi thuyền buồm từ Nam Hải đến các nước Thiên Trúc tham phỏng các Thiện tri thức. Sư hỏi nước nào ở đâu có vui mà không khổ, có pháp nào hạnh nào vừa giúp mau gặp được Phật. Các ngài Tam tạng ở Thiên Trúc đều khen là Tịnh Độ. Sư nghe xong rất vui mừng, bèn đến nước Kiền đà-la, trên núi có tượng Quan Âm, người cầu nguyện sẽ được ngài hiện thân. Một hôm Sư nhịn ăn bảy ngày thề chết để thỉnh nguyện. Đến đêm thứ bảy thì Đức Quan âm ở trên không trung hiện thân sắc vàng ròng cao hơn một trượng, đưa tay xoa đỉnh đầu Sư bảo rằng: “Ngươi muốn truyền pháp làm lợi ích cho người lại nguyện được sinh nước Cực Lạc, tất sẽ được Như Ý.” Năm Khai Nguyên thứ bảy, Sư trở về Đông độ đến thẳng Trường An dâng lên vua chân tượng Phật và kinh Phạm. Vua biểu dương Đức hạnh và ban hiệu là Từ Mẫn Tam Tạng. Sư có làm bài văn Tịnh độ lưu hành trên đời. Năm Thiên Bảo thứ bảy, khi sắp tịch, Sư thấy có một hoa sen hiện ra trước Sư sáng như mặt trời.

37. Hùng Tuấn

Sư người Thành Đô, giỏi diễn giảng nhưng có tiền nên khiến Sư làm việc phi pháp, bèn bị bãi chức Tăng đuổi sung vào lính. Nhân đó Sư tìm cách trốn thoát rồi trở lại làm Tăng. Chúng thấy sợ, phần đông đều lánh mặt. Tuấn nghe kinh nói niệm mười tiếng Phật sẽ diệt được tám mươi kiếp trọng tội, mừng rỡ bảo: “Phải nhờ việc này mà thôi.” Từ đó trở đi khi tạo tội thì miệng liền niệm Phật. Nhưng sống mà như chết chỉ khảy đàn cho vui. Một hôm chết ngang, Diêm Vương bảo: “Bắt lầm ngươi rồi, nhưng từ xưa ngươi đã làm nhiều điều ác, đáng bị thiêu đốt!” Bèn sai ngưu đầu xô vào địa ngục. Tuấn lớn tiếng bảo rằng: Niệm mười tiếng A-di-đà Phật diệt được tám mươi ức kiếp trọng tội, huống là tôi chưa phạm tội ngũ nghịch, thập ác, lại niệm Phật nhiều, tại sao phải đến đây? Ngục tốt không dám bức hiếp Tuấn bèn tâu lên Diêm chúa lời Tuấn vừa nói. Vua cho dẫn đến bảo rằng: Ngươi niệm Phật mà không có tin tưởng chí thành, nay có thể thả trở về dương thế để ngươi cố gắng trau dồi lại tâm ban đầu.” Tuấn thường đem việc này nói với mọi người. Lúc đó người ta gọi Tuấn là kẻ lọt lưới địa ngục. Tuấn bèn vào Tây Sơn chuyên tâm niệm Phật. Được bốn năm, bạn đồng học hỏi thăm, Tuấn

vui mừng bảo rằng: "Anh đã đích thân thấy biết, phải nói là Hùng Tuấn nhờ sức niệm Phật mà được sinh Tịnh độ, không phải là người lọt lưới địa ngục đâu!" Nói xong liền ngồi mà hóa.

38. Tăng Huyễn

Sư người Tinh Châu. Lúc đầu niệm danh hiệu Di-lặc cầu sinh về Đâu-suất Nội Viện. Đến mười chín tuổi gặp được Xước Thiền sư nghe nói pháp môn Tịnh Độ mới hồi tâm trở lại, sớm tối lễ Phật ngàn lạy, niệm Phật muôn tiếng. Ba năm sau không bệnh, Sư gọi đệ tử bảo rằng: "Đức Phật A-di-đà đã trao cho ta áo thơm, hai vị Quan Âm Thế Chí đã đưa tay báu dắt ta, ta tất phải đi." Sau khi Sư qua đời bảy ngày hương lạ vẫn không tan. Lúc đó có hai Sư Khải Phương và Viên Quả thấy tận mắt mọi việc. Bèn đến chùa Ngộ Chân, ở trước tượng Đức Quan Âm bẻ nhành dương liễu cắm vào tay tượng, khấn nguyện rằng: "Nếu bọn chúng con là Phương, Quả... có duyên với Tịnh độ, xin cho cành liễu này bảy ngày không héo." Đến hạn kỳ cành liễu lại càng tươi. Phương, Quả vỗ tay mừng rỡ. Ngày đêm quán niệm không nghỉ. Được vài tháng, hai người bỗng thấy đến ao thất bảo và vào màn báu lớn yết kiến Phật và hai vị Bồ-tát đang ngồi yên trên đài hoa báu, ánh sáng chói lòa. Phương và Quả đến trước đảnh lễ, Phật bảo rằng: "Các ngươi niệm danh hiệu ta đều được sinh vào nước ta." Lại thấy phướn báu, lưới châu, có vị Phạm Tăng ngồi trong xe báu, gọi bảo rằng: "Ta là Pháp Tạng, nên đến đón các ông." Phương và Quả bỗng cảm thấy mình đang ngồi xe tiến về phía trước rất nhanh. Lại nghe Đức Thích-ca và Văn-thù Bồ-tát dùng Phạm âm khen ngợi về Tịnh độ. Thấy trong Bảo điện có ba dãy thềm báu. Dãy thứ nhất chỉ toàn người áo trắng (cư sĩ), dãy thứ hai có cả Đạo và Tục, dãy thứ ba chỉ toàn là các Sư Tăng. Đức Phật bảo Phương rằng: "Đây đều là người ở Diêm-phù-đề niệm Phật mà được vãng sinh lên cõi này." Sau đó năm ngày, hai người không bệnh tật chi, bỗng nghe tiếng chuông. Phương và Quả bảo rằng: Tiếng chuông báo cho bọn ta đó. Ngay đó cả hai người cùng tịch.

39. Biện Tài

Người Tương dương. Sư ngầm tu Tịnh độ, hai mươi năm chưa hề nói cho ai biết, chỉ riêng nói với Hộ Nhung Nhậm Công Thiện rằng: "Biện Tài ắt sinh Tịnh độ." Được mười năm sau bảo đệ tử báo cho Công Nhậm rằng: "Hẹn trước đã đến rồi." Khi Công Nhậm vừa đến cửa, Biện Tài bảo: "Tôi đi đây." Rồi ngồi kiết già mà hóa. Chúng nghe có tiếng

nhạc tiên từ phương Tây đến và mùi hương lạ xông khắp.

40. Tự Giác

Sư ở Trùng Lâm Viện tại Bình Sơn, thường giảng kinh cho quỷ thần suốt ba năm, có nhiều điềm lành. Có lần Sư phát bốn mươi tám nguyện, nhân đó thấy Đức Đại Bi Quan Âm dẫn Sư đến tiếp kiến Đức Phật A-di-đà. Sư bèn dẫn chúng lập chùa, đúc tượng Đức Đại Bi Quan Âm cao bốn mươi chín thước. Rồi phủ phục trước tượng mà khấn rằng: "Nay Thánh Tượng đã xong, chùa chiền đã thành, con nguyện nhờ Thánh lực hộ trì con sớm sinh An Dưỡng." Đến nửa đêm Sư bỗng thấy có hai đạo hào quang lành màu vàng rực rỡ có Phật và hai vị Bồ-tát hai bên. Đức Phật đưa tay xoa đầu Giác bảo rằng: "Giữ nguyện chớ đổi, độ sinh trước nhất, sinh vào ao báu, trọn được thỏa nguyện." Được mười một năm sau Sư thấy ở trong mây có đại thần hiện ra nửa thân gọi Sư bảo rằng: "Ngày về An Dưỡng đã đến." Sư liền ở trước tượng ngồi kiết già mà hóa.

41. Hoài Ngọc

Sư người Đơn Khâu, quán tưởng Tịnh Độ gần bốn mươi năm, mỗi ngày đọc danh hiệu Phật năm vạn tiếng. Đã tụng các kinh Tịnh độ gồm cả ba trăm vạn biến. Một hôm thấy Thánh chúng ở Tây phương đem Ngân đài đến, Sư thưa rằng: "Nguyện ước của con chỉ mong Kim đài." Nói xong thì đài biến mất. Sư càng khổ công tinh tấn. Được hai mươi mốt ngày sau, thì người hôm trước đến bảo rằng: "Pháp sư đã được sinh Thượng phẩm", chợt có ánh sáng lạ chiếu sáng thất Sư, ba ngày sau Sư viết kệ rằng: "Thanh Tịnh trong sáng không trần cấu. Hóa sinh hoa sen là cha mẹ, Ta trải mười kiếp tu đạo rồi, hiện sống Diêm-phù chán các khổ, một đời khổ hạnh vượt mười kiếp, Rời cõi Ta-bà về Tịnh độ." Đệ tử thấy Phật và Bồ-tát cùng ngồi Kim đài đến đón Sư Hoài ngọc mà đi về Phương Tây.

42. Tế Hàn

Sư ở Võ Khâu vào niệm Phật đạo tràng ở Lưu Thủy. Trong khoảng một niệm liền thấy cảnh Tịnh độ. Bỗng Sư làm bài ca rằng: Nước chảy động hề sóng lăn tăn, sen nở rực hề chiếu hào quang, nương ánh sáng bạc hề cùng ai sang! Thuở xưa, Sư bị bệnh mười năm, đệ tử hỏi Sư rằng: Hòa thượng bỏ thân này cần gì đèo theo bệnh? Sư đáp: Dù bậc Thánh nhân cũng phải nhờ cậy thân này. Liền trở về chiêm ngưỡng Thánh

tượng mà hóa.

43. Thần Hạo

Sư ở Ngô Quận kết hẹn với đạo tục lập Tây phương Xã, những kẻ không dứt được trần lụy rủ nhau rút lui. Người thời ấy cho rằng trong rừng Chiên đàn, loại gỗ thường tự khô. Sau Sư bệnh bảo đệ tử rằng: “Thánh Tướng Tịnh Độ đã hiện, đêm nay ta tất vãng sinh.” Rồi Sư tắm gội thay áo ngồi yên mà tịch. Mùi hương lạ xông đầy nhà.

44. Tăng Tạng

Sư người Tây Hà. Tháng mùa hạ Sư nằm trên cỏ cho muỗi hút máu. Sư niệm Phật A-di-đà khoảng hai mươi năm, đi đứng ăn uống đều để tâm đến cõi An Dưỡng. Bỗng trong lúc bệnh Sư thấy hóa Phật phóng ánh sáng chiếu sáng thân mình. Hôm sau Sư bảo thị giả rằng: Ta vừa nhắm mắt thì thấy mình đang ở Tịnh Độ, các bậc Thượng Thiện Nhân đều rải hoa mời ta. Rồi Sư sửa áo ngay thẳng quay mặt về hướng Tây mà hóa.

45. Đại Hạnh

Sư vào nuí Thái Sơn tu Phổ Hiền Sám ba năm, cảm được Đức Bồ-tát hiện thân. Khi tuổi già, Sư vào Tàng thất cầu nguyện rồi đưa tay lấy quyển kinh thì được Kinh Di-đà, bèn ngày đêm phúng tụng. Đến hai mươi mốt ngày sau, Sư thấy trên đất lưu ly Phật và hai vị Bồ-tát hiện thân đứng trước Sư. Vua Hy Tông nghe việc ấy mời Sư vào nội cung ban hiệu là Thường Tinh Tấn Bồ-tát và phong làm Khai Quốc Công. Sau một năm thì đất lưu ly lại hiện. Ngay ngày hôm ấy, Sư nằm nghiêng bên phải mà tịch. Mùi hương lạ suốt tuần không tan, nhục thân cũng không hề hấn gì.

46. Duy Cung

Sư người Kinh châu thường hay rượu chè bài bạc. Lúc tạm rảnh thì tụng kinh nguyện được sinh An Dưỡng, người cùng chùa là Linh Quy cũng giống y thế. Người đất Kinh cùng bỡn cợt bảo rằng: “Linh Quy tạo nghiệp chết, Duy Cang nối gót theo, Địa Ngục ngàn vạn lớp, không sợ lại nhào vô.” Cung nghe nói liền bảo: Phật thương ta tạo ác, cứu ta ra khỏi địa ngục, sao ta vào địa ngục được? Một hôm Duy Cung bệnh, Linh Quy ra khỏi chùa định đi đâu đó, giữa đường gặp bảy cậu bé tay cầm nhạc khí giống như nhạc khí trong chùa, bảo rằng: Ta từ Tây phương

đến đây, Chùa của Thượng Nhân Duy Cung ở đâu? Linh Quy chỉ chùa thì thấy cậu ta lấy trong bụng ra bình vàng có cắm cành hoa sen bằng nắm tay đang nở dần ra, cánh lá sen chiếu ánh sáng lạ, nhắm hướng chùa chạy đến. Linh Quy sợ quá không dám quay đầu ngó lại. Hôm sau về chùa thì Duy Cung đã tịch rồi. Linh Quy nhân đó cảm ngộ, cuối cùng cố giữ danh tiết thành bậc Cao đức.

47. Thiện Đạo

Sư người Lâm Truy, vào Đại Tạng đưa tay mò lấy Kinh, liền được quyển kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. Sư bèn chuyên tu mười sáu Diệu Quán. Kịp khi Sư đến Lô sơn viếng thăm di tích của Viễn Công thì khoát nhiên tăng thêm lòng tin. Sau Sư ẩn tích ở Chung Nam, tu Ban-chu Tam-muội được mấy năm, thì thấy Bảo Các Diêu Trì rõ ràng trước mắt. Sư lại đến Tấn Dương, được Xước Thiền sư trao cho Vô Lượng Thọ Kinh. Sư nhập định bảy ngày, Xước Thiền sư xin Sư xem dùm chỗ thọ sinh của mình. Thiện Đạo đáp: Sư phải Sám hối ba tội thì mới có thể vãng sinh. Sư có lần để tượng Phật ở dưới mái cửa sổ mà Sư lại ở trong phòng kín, đây là một tội phải sám hối trước Phật. Lại có lần Sư sai người xuất gia phục dịch cho mình. Đây là tội thứ hai phải sám hối trước tứ phương Tăng. Lại nhân Sư cất nhà đã giết hại nhiều trùng kiến. Đây là tội thứ ba phải sám hối trước tất cả chúng sinh. Xước Thiền sư liền tịnh tâm suy nghĩ các lỗi trước rồi hết lòng sám hối rất lâu. Khi Thiện Đạo xuất định liền bảo ngài Đạo Xước rằng: Tội của Sư đã hết. Sau này khi có ánh sáng trắng chiếu đến, thì đó là tướng vãng sinh. Sư Thiện Đạo hành hóa ở Kinh Sư, người đến đông như chợ. Sư bỗng có bệnh nhẹ. Sư ngồi yên trong thất an nhiên mà hóa. Mùi hương lạ và nhạc trời cùng đi về hướng Tây mất hút.

48. Bảo Tướng

Sư ở Trường An, sáu thời sám lễ suốt ba mươi năm. Mỗi đêm tụng kinh Di-đà bảy biến, niệm Phật sáu vạn tiếng. Sau Sư thấy Phật và chúng Bồ-tát từ phương Tây đến đón. Sư dặn dò đồ chúng rằng: Tu nghiệp Tịnh Độ thì tướng Tây phương sẽ đón chờ.

49. Trí Khâm

Sư chuyên tập Thiền nghiệp. Lại lễ danh hiệu một vạn năm ngàn Phật đến một trăm lần. Về sau Sư ở tháp A-dục vương tại Trịnh Châu tự đốt một cánh tay để nguyện sinh Tịnh độ. Đệ tử là Tăng Hộ nửa đêm

thấy trước sân có ánh sáng dị thường bèn hỏi: Ai cầm đuốc đó? Hỏi ba lần. Trên không trung có tiếng đáp rằng: “Đến đón Khâm Thiền sư đây!” Hộ vội xô cửa ra xem liền thấy Đức Phật thân sáng ngời tràng phan bảo cái từ trên không bay xuống. Chính lúc đó Sư Trí Khâm viên tịch.

50. Pháp Thuận

Sư họ Đỗ. Mỗi khi du lịch sang Quận Quốc đều khuyên mọi người niệm Phật A-di-đà. Sư có làm bài văn Ngũ Hối để khen ngợi Tịnh Độ. Đệ tử đến núi Ngũ Đài thấy một Cụ già gọi bảo rằng: “Văn-thù hiện ở tại núi Chung nam là Đỗ Thuận Hòa thượng đấy.” Khi trở về thì Sư đã mất.

51. Hoài Cảm

Sư ở chùa Thiên Phước tại Trường An, niệm Phật ba năm. Thấy Phật có thân sắc vàng và ngọc hào mà được nhập Tam-muội. Sư bèn soạn ra Quyết Nghi Luận bảy quyển. Khi Sư lâm chung thấy Phật đến đón bèn chắp tay mà hóa.

52. Đức Mỹ

Sư ở Viện phía tây chùa Hội Xương, tạo ra Sám Hối đường. Có năm riêng tu Ban-chu Tam-muội, một hạ không ngồi, có khi Sư cấm khẩu suốt ba năm không nói, hoặc tu hạnh Thường Bất Khinh lạy cả bảy chúng. Hoặc bớt cơm áo, bốn phần chỉ dùng hai phần, hoặc bỏ nghĩ chuyện đời mà chuyên tâm nghĩ về Tây phương, miệng tụng kinh Di-đà cho đến lúc chết. Sau có một lúc nhập thất niệm danh hiệu Phật chợt nhiên mà hóa (từ trên đều thuộc đời Đường).

53. Chí Thông

Sư dạo đến Thiên thai gặp được Tịnh Độ Nghi của ngài Trí Giả nên lòng rất mừng rỡ. Có lần Sư đến Chiêu Thủ Nham phát Đại nguyện: Đọc bốn mươi tám lời nguyện của Phật A-di-đà, xong rồi liền gieo mình xuống núi. Bỗng như có thần nhân nâng đỡ đem đặt trên cây. Sư lại chỉnh tâm leo lên núi ấy nguyện rằng: Cuộc sống thừa này đáng chán, Đại Nguyện đã phát, cúi mong Hải chúng Bồ-tát đồng tiếp dẫn.” Rồi Sư lại gieo mình xuống núi. Nhưng lại rơi đúng vào đám cỏ dày mượt như nhung, rất lâu sau Sư tỉnh lại. Chúng trong chùa bèn khiêng Sư về, thân tâm đều không hề hấn gì. Sau Sư đến núi Pháp Hoa ở Việt Chi. Một

đêm nọ Sư thấy bạch hạc khổng tước sắp hàng từ hướng Tây bay đến, hoa sen khép nở phóng ánh sáng hiện ra trước, Sư bèn đứng dậy đảnh lễ rồi ngồi kiết già mà tịch (ở đời Thạch Tấn).

54. Thiệu Nham

Sư ở chùa Hồ Tâm tại Tiền Đường, chuyên tụng Pháp Hoa hẹn đủ một vạn bộ thì được sinh Tịnh độ. Một sáng có hoa sen mọc lên trong ao, Sư Thiệu Nham bèn nguyện tự thiêu thân để cúng dường ba Thánh Tây phương. Ngô Việt Vương là Thục ra sức ngăn cản. Sư lại gieo mình xuống sông Tào Nga thì như có một vật nâng chân Sư lên. Ngư dân đến cứu nên thoát chết. Ngô Việt Vương lập Viện Tịnh Độ ở chùa Bảo Tháp mời sư đến ở. Một buổi sáng Sư thấy hoa sen phóng quang chiếu sáng thân mình, ba ngày sau Sư ngồi vui vẻ mà hóa.

55. Thủ Chân

Người ở Vĩnh Hưng, Sư giảng Khởi Tín Luận và Pháp giới Quán. Thường khi giữa đêm, Sư kiết ấn Vô Lượng Thọ Phật vãng sinh bí mật cho đến trời sáng cảm thấy thân mình đã lên cõi Tịnh Độ, mở mắt thì thấy Phật. Sư liền phủ phục trước tượng Phật niệm rằng: "Bốn mươi tám nguyện hay cứu độ con." Rồi Sư cầm hương hoa vào điện cúng dường. Và Sư đến tòa mà hóa.

56. Ngộ Ân

Sư là người Cô Tô, ở Từ Quang giảng các kinh Pháp Hoa... Sau Sư thấy trong giếng có ánh sáng trắng phóng lên, bèn nhịn ăn niệm Phật, ba ngày sau Sư thấy có vị Phạm Tăng bưng lư hương đi nhiễu quanh ba vòng, bảo Sư rằng: "Ta là Quán Đảnh, vì người tu đúng ý ta nên từ Tịnh Độ ta đến đón ngươi." Ngày hôm sau, Ngộ Ân lên tòa nói chỉ quy của Chỉ Quán, rồi ở tại tòa Sư quay mặt về hướng Tây mà hóa. Chúng nghe trên không trung có tiếng đờn sáo từ từ đi về hướng Tây.

57. Nghĩa Thông

Người Cao Ly. Sư ở Bảo Vân tại Tứ Minh giảng bày Giáo Quán gần hai mươi năm. Thường gọi mọi người là "Người cùng quê." Hỏi thì Sư đáp: Chúng ta lấy Tịnh Độ làm cố hương, mọi người đều vãng sinh, nên đều là người cùng quê nhau cả. Sau Sư nằm nghiêng hông bên phải niệm Phật mà hóa.

58. Tri Lễ

Sư hiệu là Pháp trí ở Nam Hồ. Sư có soạn các sách như Diệu Tông Sao để giải thích Quán Kinh Sớ của Thiên thai, trình bày rõ ý chỉ về Quán Tâm Quán Phật. Mỗi năm vào ngày trăng tròn tháng hai Sư lập Hội Niệm Phật Truyền Giới, tụ họp cả vạn người. Sư lại soạn Dung Tâm Giải để nói về Nhất Tâm Tam Quán, chỉ rõ nghĩa bốn thứ Tịnh Độ. Về sau, mỗi buổi sáng đầu năm mới, Sư lập Quang Minh Sám, đến ngày mồng năm thì họp Đại chúng nói pháp. Bỗng Sư niệm danh hiệu Phật hơn mấy trăm tiếng rồi an nhiên ngồi mà tịch.

59. Tuân Thức

Trước Sư ở Đông Sơn tại Thiên thai, khắp tu bốn thứ Tam-muội. Sau đến ở Bảo Vân tại Tứ Minh, kết Đạo Tộc chuyên tu tịnh nghiệp. Sư soạn bài "Ký Nguyện Sinh Tây phương." Kịp khi ở Thiên Trúc Linh sơn, ở phía Đông chùa, Sư dựng am Nhật Quán (am quán mặt trời) làm phép tưởng về Tây phương. Căn cứ vào kinh Vô Lượng Thọ mà soạn ra Vãng Sinh Tịnh Độ Pháp Nghi. Lại soạn cho Hàng Thủ Mã Lượng về Tịnh độ Hạnh Nguyện Pháp Môn, Vãng Sinh Lược Truyện. Sau Sư ở Thảo đường có bệnh. Đệ tử hỏi chỗ Sự thọ sinh. Sư đáp: Ở Tịch Quang Tịnh Độ. Đến nửa đêm Sư an nhiên ngồi mà hóa.

60. Hữu Cơ

Sư học với ngài Bảo Vân, ở chùa Thái Bình Hưng Quốc. Một hôm Sư có bệnh, vì đệ tử rộng nói về Viên Chỉ (ý chỉ Viên Đốn). Chúng bỗng thấy ở phương Tây hiện ra ánh sáng, nhạc trổi vang rền trên không trung. Sư bảo: "Đức Phật A-di-đà cùng hai vị Bồ-tát đã đến đây", bèn nằm nghiêng bên hông phải quay mặt về hướng Tây mà hóa. Môn nhân mộng thấy Đức Phật A-di-đà thọ ký cho Sư thành Phật hiệu là Siêu Tráng Như Lai. Có người mộng thấy Sư ngồi trên hoa sen xanh tay cầm cây như ý đối trước Phật nói pháp. Ngài Pháp Trí khen rằng: Bệnh nằm nói lý u huyền, lâm chung được thấy Phật, thất đáng kính vậy.

61. Bản Như

Sư hiệu Thần Chiếu, ở tại Đông Sơn Thừa Thiên suốt ba mươi năm. Ngoài việc giảng kinh, Sư tập họp cả trăm người tu Pháp Hóa Sám một năm. Sư cùng Quận Thú Chương Tuân Công kết Bạch Liên Xã. Một hôm lên tòa thuyết pháp Sư cáo biệt chúng. Ngư dân trên sông thấy có vị Tăng đứng trong mây bay về phương Tây. Năm sau mở khám

ra thì thấy dung nhan Sư như lúc còn sống và có hoa sen mọc ở trước Tháp.

62. Tuệ Tài

Sư hiệu Quảng Từ. Lúc tuổi già Sư ở Tháp Lôi Phong tụng kinh niệm Phật không ngớt. Bỗng Sư mộng thấy vào một chỗ như cung thất, có người bảo rằng: "Tịnh Độ Trung Phẩm là nơi ông thọ sinh." Lại thấy có một cung điện đồ sộ đẹp đẽ, có người bảo: Đây là nơi thọ sinh của Thượng Phẩm để đợi ngài Quảng Từ Bản Thiền Sư. Tuệ Tài khi lâm chung quả nhiên viết kệ, xây mặt về hướng Tây ngồi kiết già mà hóa.

63. Tư Nghĩa

Sư hiệu Tịnh Tuệ ở Linh sơn suốt hai mươi ba năm. Sau Sư lui về ở Thảo đường. Một hôm Sư cáo biệt chúng mà hóa. Chúng tụng niệm một lúc lâu, sau Sư tỉnh lại bảo rằng: Ta vừa theo Đức Quan Âm Bồ-tát thấy một Sa-môn thân sắc vàng cao lớn đưa tay bảo ta rằng: "Báo duyên của ngươi chưa hết, bảy ngày nữa sẽ đến đón." Đến ngày, Sư ngồi kiết già mà hóa. Ngày chôn Sư có mây đỏ giăng khắp bay về hướng Tây mất dạng.

64. Nguyên Tịnh

Sư hiệu Biện Tài, Sư ở Thượng Trúc rồi từ giã đến Nam Sơn ở Long tỉnh, Sư đốt ngón tay cúng Phật, ba lóng tay trái, hai lóng tay phải. Sư chuyên tu quán Tịnh Độ. Khi lâm chung bảo bạn là Đạo Tiềm rằng: "Nghiệp Tây phương của ta đã thành, bảy ngày nữa ta đi." Đến ngày Sư nằm dáng kiết tường nghiêng bên hông phải mà tịch.

65. Tùng Nhã

Sư học với ngài Hải Nguyệt ở Thiên Trúc, tụng kinh Pháp Hoa năm Tạng, kinh Di-đà mười tạng, Kinh Kim Cang bốn tạng, tụng mỗi chữ lạy ba lạy, Pháp Hoa thì ba lần. Ngoài ra Sư tụng kinh lễ bái không sót ngày nào, để nguyện sinh An Dưỡng. Chủ Khách Dương Kiệt có soạn bài An Lạc Quốc Tán ba mươi bài để tặng Sư (bài văn này có dùng nghĩa trong Thiên thai Thập Nghi Luận). Sau vào ngày tám tháng tư, Sư ngồi kiết già quay mặt về hướng Tây mà hóa. Trên không trung rền vang nhạc trời, trong nhà sực nức mùi hương lạ.

66. Nhược Ngu

Sư học với ngài Biện Tài ở Tiên Đàm tại Tạp Xuyên. Sau Sư về Giác Hải lập gác Vô Lượng Thọ, khuyên bảo đạo tục bốn mùa khai hội niệm Phật suốt ba mươi năm. Khi sắp lâm chung, Sư mộng thấy Thần nhân bảo rằng: Bạn đồng học với ngươi là Tắc Chương đã được Phổ Hiền Hạnh Nguyện Tam-muội, nên đã vãng sinh Tịnh độ, ông ấy đang đợi ngươi.” Sư bèn tắm gội thay áo, mời chúng phúng tụng Thập Lục Quán Kinh, rồi ngồi lặng yên nghe đến hết. Bỗng Sư bảo: “Tịnh Độ đã hiện tiền ta sẽ đi đây.” Rồi Sư viết kệ mà hóa. Kệ đại ý rằng: Ta vốn không nhà có thể về, đường ở bên mây mấy ai ngờ, Non Tây trăng sáng soi khe núi, Chính lúc Tiên Đàm dứt mộng rồi. Lại ở dưới vầng trăng khuyết Sư viết một bài tụng đại ý rằng: Khoảng không ngàn hoa giăng lưới, mơ nằm thất bảo ao sen, bước tới Tây phương chắc chắn, không còn một điểm hồ nghi.

67. Trí Thâm

Sư hiệu là Từ Hạnh, theo học với ngài Hải Nguyệt. Sau Sư trở về Gia Hóa mở Trường Đường Cung. Suốt hai mươi năm chuyên tâm niệm Phật. Sư thường lấy Tịnh Nghiệp dạy người. Số người có ứng nghiệm vãng sinh rất đông. Một hôm sư có bệnh, khách đến thăm hỏi Sư giảng luận như thường. Khi khách mới bước chân ra khỏi cửa thì Sư liền tịch. Người ta thấy có đám mây tía đi về hướng Tây mất hút.

68. Xử Khiêm

Sư nối ngài Thần Chiếu ở Bạch Liên. Một đêm Sư tập họp để tử thiết lễ hương hoa phúng tụng Phổ Hiền Quán Kinh và Kinh A-di-đà, rồi ngồi nghiêm khen ngợi công đức Tịnh Độ. Lại bảo chúng rằng: Ta được vô sinh cả năm rồi, nay ta dùng vô sinh mà sinh về Tịnh độ. Rồi Sư như nhập Thiền Định an nhiên mà hóa.

69. Hữu Nghiêm

Sư thọ nghiệp ở Linh Thứu tại Thiên thai, nương ngài Thần Chiếu mà truyền giáo. Khi tuổi già Sư ở Tra Am chuyên tu Tịnh độ, Sư làm thi Hoài An Dưỡng Cố Hương bốn thiên được đời truyền tụng. Sư ở trong núi mười năm, một hôm mộng thấy ở trong ao có hoa sen to lớn, nhạc trời tấu bốn bề, bèn làm bài thi Tiển Quy Tịnh Độ. Sau bảy ngày Sư ngồi kiết già mà hóa. Trên tháp Sư có ánh sáng như mặt trăng, suốt ba đêm mới mất.

70. Trung Lập

Sư hiệu Minh Trí ở Nam Hồ, thường lấy Tịnh nghiệp dạy người. Học trò Sư là Giới Nhiên lập ra Thập Lục Quán đường, đứng đầu ở Đông Châu, được Sư khuyến khích. Một hôm Sư bảo thị giả rằng: “Hôm nay nghe mùi hương lạ ý ta rất thích.” Liền mời hành gỉa ở Quán đường cùng tụ họp. Sư mỉm cười bảo rằng: “Hạn kỳ vãng sinh của ta đã đến.” Rồi Sư ngồi quay mặt về hướng Tây mà hóa.

71. Trạch Anh

Sư người Đông Giang, căn cứ kinh luận biện giải về Chuyên, Tạp hai pháp tu. Để nói việc vãng sinh dễ được, Sư soạn bộ Tịnh Độ Tu Chứng Nghĩa hai quyển lưu hành ở đời. Nay bài kệ người ta thường đọc: “A-di-đà Phật chân kim sắc...” là do Sư soạn ra. Một đêm không bệnh Sư quay mặt về hướng Tây dựa ghế niệm Phật mà hóa.

72. Tư Chiếu

Sư thọ nghiệp với ngài Tịnh Trụ ở Tiền Đường, chích máu viết kinh Pháp Hoa và đọc một tiếng lạy một lạy như thế mười bộ. Sư tụng Thập Lục Quán Kinh năm tạng, Kinh Di-đà mười tạng, Pháp Hoa một ngàn bộ. Lễ Hoa Nghiêm, Phạm Võng, Tịnh Độ... bảy Kinh gồm hai trăm bảy mươi quyển. Mỗi đêm vào canh bốn Sư liền ngồi dậy niệm Phật, những kẻ lười biếng nghe tiếng Sư đều xấu hổ. Lại ngày hai mươi ba mỗi tháng, Sư dẫn đạo tục niệm danh hiệu ba Thánh, thường có cả ngàn người tham dự, trọn đời Sư suốt cả ba mươi năm. Một hôm Sư bảo đồ đệ rằng: Ta mộng thấy thân Phật sắc vàng trượng sáu, đâu chẳng phải là điềm vãng sinh ư? Rồi mỗi ngày Sư mời bảy vị Tăng đến niệm Phật trợ sức, đến chiều ngày thứ bảy, Sư ngồi dậy chấp tay lớn tiếng niệm Phật, rồi ngồi kiết già bắt ấn mà hóa.

73. Tông Lợi

Sư thọ nghiệp với ngài Thiên Hoa ở Cối kê, tu Pháp Hoa Sám ba năm. Sư mộng thấy bà mẹ chết đến tạ ân rằng: Nhờ công con sám hối giúp mà ta được sinh cõi lành. Khi sám lễ mãn hạn kỳ thì Sư thấy Đức Phổ Hiền từ không trung hiện xuống. Sư đến yết kiến ngài Đại Trí Luật Sư xin thọ thêm giới Pháp. Chợt Sư mộng thấy Luật Sư nhã hạt châu trắng bảo sư nuốt vào. Có lần thần thức Sư dạo chơi Tịnh Độ, Sư thấy tướng ao báu, hoa sen và hàng cây báu. Sư tìm đến Bích Chiểu ở Tân Thành tu Niệm Phật Tam-muội suốt mười năm. Sau Sư vào Đạo Vị Sơn

cất am gọi là Nhất Tướng. Đến mười lăm năm sau, Sư gọi đệ tử bảo rằng: Ta thấy hoa sen trắng đầy khắp hư không, ba ngày sau lại bảo: "Phật đến." Rồi Sư viết kệ (đại ý): Ta chín mươi tuổi đầu đã bạc, người đời trăm tuổi ít ai đạt, Nhất Tướng Đạo Nhân về Tây phương, Bỏ Càn Khôn hẹp về Tịnh Sát. Rồi Sư an nhiên thị tịch.

74. Tề Ngọc

Sư hiệu Tuệ Giác. Lúc đầu Sư ở Bảo Tạng tại Tạp Xuyên lập hội Tịnh Độ, người niệm Phật đông như kiến. Sau Sư đến ở Thượng Trúc, nửa đêm Sư đảnh lễ tượng Di-đà hành đạo niệm Phật. Một hôm Sư gọi Thủ tòa bảo rằng: "Tháp Đa Bảo hiện trước giường ta nhưng không phải ý nguyện của ta, ta chỉ muốn được gặp Đức Phật A-di-đà, vậy thầy có thể vì ta tập họp Tăng chúng niệm Phật." Thủ Tọa bèn đánh chuông tập chúng niệm Phật có gần cả trăm người. Một lúc lâu sau Sư nói: Nay đã thấy Phật." Rồi Sư nhắm mắt ngồi yên mà tịch.

75. Trọng Mân

Sư đã từng viết Giáo Nghĩa Hiến Chương Tập. Sư là người Tam Cù thọ nghiệp ở Tường Phù. Sư lên ngồi ở tòa Sư tử thấy Ngân đài từ Tây phương đến. Sư thưa: Con một đời hiểu rõ Đệ nhất nghĩa, nguyện nhận được Kim đài, nay lại được như thế này, bèn ngồi yên mà hóa.

76. Oanh Kha

Sư ở Diêu Sơn Tạp Xuyên Thọ Nghiệp tham vấn khắp các giảng tòa về Thiền Môn. Vì bệnh Sư về Thọ Nghiệp và phải uống thuốc sao rượu ngoài ý muốn, Sư thầm nghĩ mình có thiếu sót về giới luật sẽ phải bị luân hồi sinh tử. Bèn nhờ người cùng ở là Sư Giới Châu soạn truyện Tịnh Độ Vãng Sinh. Sư đến tận giường ngài đọc truyện. Cứ đọc xong một truyện thì ngài gật đầu chấp thuận. Rồi Sư chọn một thất đặt một ghế ngồi thiền, Sư nhịn ăn ngồi niệm Phật suốt ba ngày, mộng thấy Đức Phật và Bồ-tát gọi Sư bảo rằng: "Ngươi còn sống mười năm nữa hãy nên cố gắng." Kha bạch Phật rằng: "Dầu có sống một trăm năm, nhưng ở cõi Diêm-phù đầy ác trược dễ mất chánh niệm. Nguyện xin sớm về An Dưỡng hầu hạ Thánh chúng." Phật bảo: "Chí nguyện ngươi đã như thế, sau ba ngày sẽ đến đón." Đến kỳ hạn, Sư mời chúng tụng kinh Di-đà. Sư bảo: "Phật và Đại chúng đều đến." Rồi Sư yên lặng mà hóa.

77. Linh Chiếu

Sư ở Siêu Quả tại Hoa Đình, mỗi năm sư mở hội Tịnh Độ bảy ngày, đạo tục thường đến hai vạn người., Sư mộng thấy ba Thánh bèn quỳ thưa rằng: Linh Chiếu một đời nguyện sinh An Dưỡng, con được thỏa nguyện chăng? Đức Quan Âm chỉ tay đáp: "Tịnh Độ không xa, có nguyện liền được sinh." Một hôm Sư bệnh nằm bảo thị giả rằng: "Ta đã đến lúc vãng sinh." Rồi Sư xây mặt về hướng Tây ngồi kiết già mà hóa.

78. Khả Cữu

Sư ở Khai Hóa tại Tứ Minh, thường tụng kinh Pháp Hoa nhân ngồi mà hóa, ba ngày sau Sư sống lại, Sư bảo: Nghiệp Tịnh Độ cùng mười sáu Quán Cảnh không khác nhau. Thấy đài Hoa Sen đều nêu rõ tên họ người cùng được sinh. Có một đài Tử kim ghi rằng: "Triều Đại Tống, ở Thành Đô, Quảng Giáo Viện người huân tu Pháp Hoa sinh ở đây." Một Kim đài kế bên ghi rằng: "Minh Châu, Cửu Pháp Hoa sinh ở đây." Lại có một Kim đài khác ghi là Minh Châu, Tôn Thập Nhị Cư Sĩ sinh ở đây. Lại có Ngân đài ghi: "Minh Châu, Từ Đạo Cô Sinh ở đây." Nói xong thì Sư lại qua đời. Được năm năm sau Từ Đạo Cô mất có mùi hương lạ xông khắp nhà. Và hai mươi năm sau thì Tôn Cư Sĩ mất, nhạc trời rền khắp không trung cảm được người cả quận cùng đến đưa tang.

79. Tông Bản

Lúc đầu Sư đến tham yết ngài Thiên Y Hoài Thiền sư được chỗ khế ngộ. Sau Sư ở Tịnh Từ, vâng chiếu vua đến ở Tuệ Lâm tại Đông Kinh. Vua mời Sư đến Diên Hòa điện ngầm tu nghiệp Tịnh độ. Khi lâm chung Sư ngồi yên mà tịch. Tài Pháp sư ở Lôi Phong thần thức dạo cõi Tịnh Độ thấy một điện rất đẹp, có người bảo: Để đợi ngài Tịnh Từ Bản Thiền Sư. Lại có Tư Phước Nghĩa Sư đến Tuệ Lâm lạy dưới chân Sư dâng cúng vàng rồi bỏ đi. Có người hỏi bèn đáp rằng: Ta nhập định thấy có hoa sen vàng, có người nói: "Để đợi Tuệ Lâm Bản Thiền Sư." Lại có vô số hoa sen nhỏ, bảo là để đợi người được độ. Cũng có hoa héo, thì bảo là vì người ấy lui sụt...

80. Thiện Bản

Sư do thi Kinh Hoa Nghiêm mà được độ. Sư ở Tịnh Từ, vua ra chiếu mời Sư sang ở Pháp Vân và ban hiệu là Đại Thông. Sau Sư về Tượng Ổ ở Hàng Châu chuyên tu tịnh nghiệp. Có vị Tăng nhập định thấy Phương Trượng Phật A-di-đà hiện thân sắc vàng. Một hôm Sư bảo

môn nhân rằng: "Chỉ còn ba ngày là đến thời hạn." Rồi Sư ngồi kiết già quay mặt về hướng Tây mà tịch.

81. Nguyên Chiếu

Sư ở Linh Chi hoằng hóa Luật học, rất rành ý Tịnh nghiệp. Một hôm sư tập họp đệ tử phúng tụng Quán Kinh và Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện. Rồi ngồi kiết già mà hóa. Ngư dân ở Tây hồ đều nghe trên không trung có tiếng âm nhạc.

82. Đạo Ngôn

Sư người Cối kê, là cao đệ của ngài Linh Chi, chuyên tu tịnh nghiệp. Trước lâm chung mấy hôm, Sư thấy có hai Thần nhân thân cao hơn trượng báo rằng: "Sao ngài không chuyên tâm niệm Phật?" Nhân đó Sư tập họp cả đạo tục niệm Phật suốt ba ngày đêm. Khi gần xong, Sư lên tòa nói pháp và vì chúng sám hối. Đến sáng hôm sau Sư ngồi ở tòa mà hóa.

83. Tông Trách

Sư ở Trường Lô, viết Liên Hoa Thắng Hội Lục khuyên người tham dự niệm danh hiệu Phật. Bỗng Sư mộng thấy có người mặc áo trắng bảo rằng: "Muốn nhập hội Di-đà của Sư." Sư cầm bút hỏi tên người ấy. Bèn đáp: "Phổ Tuệ." Ghi xong người ấy nói: "Anh tôi cũng bảo muốn ghi tên." Sư hỏi tên gì? Đáp: "Phổ Hiền." Nói xong biến mất. Sư cho là Thánh hiền ngầm giúp đỡ. Sư bèn để tên hai vị Bồ-tát đứng đầu. Sư soạn ra Khuyên Tu Tịnh Độ Tụng. Có đoạn tụng rằng: Ba cõi cháy bừng như đống lửa, Nơi ấy đạo nhân chưa an thân, Ao sen bạn tốt đợi từ lâu, mau bỏ thân tâm khéo trở về, mắt tưởng tâm luôn nhớ hình Phật, chuyên tâm niệm Phật chớ sinh nghi. Năm nào Tịnh độ hoa sen nở, ghi dấu người tu cõi Ta-bà. Bài tụng này được người đời nhắc đến luôn (Các bài văn về Liên Hoa Thắng Hội Lục Tịnh Độ Tụng, Thập Lục Quán Tụng đều thấy trong Chương Giang Tập). Khi Sư ở tại Phổ Hội rước mẹ về ở tại thất phía Đông của Phương Trượng và khuyên mẹ niệm Phật. Một ngày trước khi lâm chung Sư mộng thấy mẹ gọi bảo rằng: "Ta thấy Ni Sư và mười người khác đến mời ta." Sư bảo đây là điềm được vãng sinh vậy.

84. Duy Nguyệt

Sư ở thành ký Hóa tại Chư Kỵ làm sáng tỏ Luật Học tu Tịnh nghiệp. Một hôm có vị Tăng lạ đến đón, hai ngày sau Sư có bệnh nhẹ liền gọi gấp

người cùng ở chung là Đạo Ninh bảo rằng "Nay ta đã thấy Phật A-di-đà cao tám thước đang đứng trên không trung." Nói xong thì hóa.

85. Tư Mẫn

Sư nương ngài Linh Chi thọ thêm giới Pháp, chuyên tâm tu tịnh nghiệp suốt hai mươi năm. Một hôm Sư có bệnh, thỉnh chúng tụng Quán Kinh được nửa tháng ba ngày thì thấy Hóa Phật đầy nhà. Khi lâm chung Sư niệm Phật tiếng lớn hơn chúng. Trời nắng gắt nhưng lưu khám Sư suốt bảy ngày vẫn không thấy biến đổi gì, có mùi hương lạ xông ngào ngạt.

86. Hành Sằn

Sư tụng Tứ Phần Giới Bản ba ngày thì hiểu thông suốt. Sư học Luật với ngài Đạo Trí, ở chùa Minh Khánh suốt hai mươi năm. Bỗng Sư có bệnh liền bảo học đồ bày tượng Phật niệm Phật được mấy ngày, bỗng Sư ngồi dậy đòi đắp ba y, tự đọc kinh Di-đà và lớn tiếng niệm Phật, rồi ngồi kiết già mà hóa.

87. Pháp Trì

Sư ở chùa Hóa Độ tu Di-đà Sám ba năm, đốt hai ngón tay và thọ thêm giới pháp, tụng Quán Kinh, kinh Di-đà và Như Ý Luân Chú, nguyện rút ngắn tuổi thọ cõi Diêm-phù để sớm được sinh về nước An Lạc. Một hôm Sư có bệnh nhẹ, khóc lóc khẩn thiết cần xin Phật thùy từ tiếp dẫn, tiếng niệm Phật nghe vang xa cả trăm bước. Bỗng thấy Đức Phật thân một trượng sáu đứng ở trên ao hiện ra, liền bảo: "Ta đã được sinh Trung Phẩm." Rồi Sư ngồi xây mặt về hướng Tây mà hóa.

88. Tuệ Hưởng

Sư ở chùa Diên Thọ tại Võ Lâm, hiệu Thanh Chiếu, nương ngài Linh Chi tập Luật và chuyên tu Tịnh độ suốt sáu mươi năm. Mỗi khi tiếp khách hay bạn bè đều khuyên niệm Phật. Sư dựng Bảo Các và tạo tượng ba Thánh rất đặc biệt, các quan viên khắp vùng đều kính quý sư. Bỗng Sư mộng thấy bảo tòa từ trên không bay xuống bảo rằng: " Đây là ghế ngồi của Thanh Chiêu Luật Sư." Xã Hữu là Tôn Cư Sĩ bào Sư rằng sẽ đi xa. Ông liền ở nhà bắt ấn mà hóa. Sư đến đốt hương rồi trở về bảo đồ chúng rằng: "Ông Tôn đã ra đi rồi, ta cũng sắp đi đây." Liền thỉnh chúng niệm Phật. Sư lại bảo: Luôn niệm Phật Di-đà, Bạch hào luôn tưởng nhớ, mãi thế không thoái tâm, quyết định sinh An Dưỡng. Rồi Sư

ngồi yên mà thoát thần.

89. Dụng Khâm

Sư ở viện Thất Bảo tại Tiền Đường, nương ngài Đại Trí mà học Luật. Nghe ngài dạy chúng rằng: "Sống hành Tỳ-ni, chết về An Dưỡng, xuất gia hành đạo, do đây mà thành." Sư bèn nêu tâm Tịnh độ quyết chí không lui bước. Mỗi ngày niệm Phật tụng kinh đến ba vạn. Có lần thần thức dạo cõi Tịnh độ thấy Phật và các Bồ-tát đủ mọi tướng lạ. Sư gọi thị giả bảo rằng: "Ngày mai ta về Tây phương." Liền tập chúng niệm Phật. Tờ mờ sáng hôm sau Sư chấp tay hướng về Tây ngồi kiết già mà hóa.

90. Diệu Sinh

Sư người Cối kê, tập học Luật, hằng ngày tu nghiệp Tịnh độ. Cùng ngài Đại Thông Bản Thiền sư ở tại Tượng Ổ Triều Sơn, mở mang Đạo Tịnh độ này. Một hôm Sư tập hợp môn nhân tụng kinh Di-đà. Rồi Sư đến giường ngồi ngay thẳng, đốt hương lâm chung, chắp tay quay mặt về hướng Tây an nhiên mà hóa.

91. Duy Ác

Sư người Tiền Đường, đóng cửa tạ khách. Sư xem Đại Tạng ba lần, đọc các kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa... tổng cộng hai vạn quyển. Lúc tuổi già, Sư tụng kinh Di-đà hai mươi tạng. Một đêm Sư có bệnh, ngồi xây mặt về hướng Tây bất ấn mà hóa.

92. Trọng Minh

Sư ở chùa Báo Ân tại Sơn Âm, vốn không câu thúc về giới. Nhân bị cảm bệnh bèn gọi bạn đồng đạo là Đạo Ninh bảo rằng: Ta nay tâm thức tán loạn, thuốc nào trị được? Ninh bảo: "Chỉ nên theo hơi thở mà niệm Phật là thuốc tốt nhất." Trọng Minh liền theo phép niệm Phật. Đến bảy ngày thì sức đã đuối. Ninh bảo nên tưởng hình Phật hiện trước mắt. Khá lâu bỗng thấy hai vị Bồ-tát, sau đó thấy Phật đến tiếp dẫn. Rồi Sư nhắm mắt mà hóa.

93. Xung Ích

Sư ở Tịnh Quang tại Tiền Đường, chích máu viết Kinh Tịnh độ được bảy kinh, lại viết chữ vàng kinh Pháp Hoa, khắc tượng ba Thánh Tây phương, nương pháp Chỉ Quán tọa thiền và niệm Phật A-di-đà. Một hôm Sư có bệnh nhưng không uống thuốc, chỉ đốt hương đến trước Phật

sám hối. Thỉnh đại chúng đến niệm Phật trợ lực, tụng kinh Di-đà, đến chỗ "Tây phương thế giới" thì Sư an nhiên thị tịch.

94. Pháp Tông

Sư nương ngài Quảng Từ ở Lôi Phong mà học giáo, dùng Chỉ Quán Hành Pháp mà Tu Đại Bi Sám đến chín năm. Sư đốt năm ngón tay cúng Phật. Mỗi tháng Sư hướng dẫn bốn mươi tám Tăng đồng tu Tịnh độ Sám. Được ít lâu Sư mộng thấy Phật và Bồ-tát đến đón. Sau đó ba ngày Sư chắp tay quay mặt về hướng Tây mà tịch.

95. Hy Trạm

Sư người Sơn Âm, thuở nhỏ là Nho sinh rồi chán đời mà xuất gia. Sư cùng Oánh Hành Nhân ở Nguyễn Xã đồng lập điện Vô Lượng Thọ Phật chuyên tu Tịnh nghiệp. Sư ngồi không quay lưng về hướng Tây. Lâu sau Sư thường thấy tướng ba Thánh. Một hôm Sư quay mặt về hướng Tây, tụng kinh ngồi thẳng bắt ấn mà hóa.

96. Đàm Ý

Sư ở chùa Tịnh Trụ tại Tiền Đường, làm thầy thuốc. Lúc tuổi già Sư lễ kinh Pháp Hoa, tu Niệm Phật Tam-muội. Lúc bình thời Sư luôn cúng Phật, trai Tăng, tạo tượng, bày lễ mộc dục, như thế suốt hai mươi năm. Sau Sư có bệnh nhẹ không uống thuốc, thỉnh Lợi Hành Nhân và bảy Tăng Niệm Phật trợ lực để cầu vãng sinh. Hôm sau thì thấy Hoa Sen to bằng cái nhà. Một hôm khác thấy có vị Phạm Tăng đến giường Sư thăm hỏi. Nửa đêm chúng nghe tiếng Sư niệm Phật thấp dần rồi yên lặng mà thị tịch.

97. Thái Vi

Thuở bé Sư đến học với ngài Pháp An Pháp sư ở Tiền Đường. Lúc đầu ngài trao cho Kinh Di-đà thì Sư liền thuộc lòng. Đến khi thọ Cụ giới thì phát nguyện đóng cửa niệm Phật làm Tăng bất thoái chuyển. Sư thường thả bộ ở sau núi. Chợt nghe tiếng địch ở trên thuyền mà khoát nhiên khai ngộ, nhân đó Sư luôn giữ một ống địch để làm vui. Có Lăng Giám Bạ cũng tu tịnh nghiệp gọi Vi là Hương Trưởng Tịnh Độ. Một hôm gõ cửa gọi: "Hương Trưởng Tịnh Độ cho em gặp mặt chút." Vi bảo: "Ngày mai ta gặp nhau ở Tịnh Độ, hôm nay chỉ chuyên niệm Phật mà thôi." Sáng hôm sau, mọi người làm lạ sao Sư không đến dùng cháo sáng. Đến xem thì thấy ống địch, bát và thiền kỷ đã đốt hết rồi, còn sư

thì ngồi kiết già trên đất mà tịch.

98. Tư Thông

Sư ở Pháp An tại Tiền Đường. Mỗi ngày tụng hai bộ kinh Liên Hoa, thì giờ dư ra thì niệm Phật, chưa từng nói chuyện thế gian. Bỗng Sư gọi đệ tử bảo rằng: "Đêm hãy đến đây xem Phật Bồ-tát cùng đến tiếp dẫn ta." Đệ tử thưa: "Sợ là ma cảnh vậy Sư không nên theo." Sư bảo: "Lúc nào ở lòng ta cũng có hoa sen ứng nghiệm." Qua hai đêm, Sư bảo đánh khánh niệm Phật. Bỗng Sư vui mừng bảo rằng: "Phật đến." Rồi Sư an nhiên mà hóa. Thấy bàn tay Sư đặt trước bụng có lằn chỉ, thắm tươi như hoa sen nở.

99. Liễu Nghĩa

Sư hiệu Mộc Nạp, là cháu cố của Chung Ly Thiếu Sư, mười lăm tuổi đã đậu tiến sĩ. Sư qua Kim lăng yết kiến Bảo Ninh Ki Công nghe pháp mà được khai ngộ, liền xuống tóc theo hầu ngài đi mọi nơi. Đến một nơi thấy có biển đề: "Hôm qua nhớ nghĩ Tây phương chưa hề gián đoạn, Từ Công đến Hoàng bá cùng kéo nhau đi." Một tối Tường nằm mộng thấy Sư đến từ biệt rằng: "Về Tây phương rồi, lại thấy Phật và Bồ-tát trao cho Kim đài." Đến ba ngày sau, Sư thắp hương ngồi yên mỉm cười mà hóa. Xưa có lần Sư đến Ngũ Đài, bỗng cảm thấy mình theo sau chúng Bồ-tát hành đạo, theo sau mình có hai người đeo dây lụa tía bông vàng, Sư hỏi tên, thì một Tăng dẫn Sư đến bên điện xem thấy ngọc bài viết chữ vàng hai tên: Vương Cổ, Cát Phồn.

100. Tuệ Thành

Sư ở Tư Thánh tại Tiền Đường, tụng kinh Kim Cang, Lễ Phật Tây phương. Có lần thần thức dạo cõi Tịnh Độ, thấy được dung nhan Phật. Sư bèn lánh vào núi, chất củi làm khám rồi ngồi bên trong mà niệm Phật. Sau nổi lửa lên tự thiêu. Tổ Nam ở Nam nhạc, chích máu viết Kinh Di-đà năm trăm quyển, Kinh Kim Cang một trăm quyển, kinh Pháp Hoa mười bộ. Trong suốt hai mươi bảy năm Sư đều dùng máu mà viết. Bình thời Sư niệm Phật cầu sinh An Dưỡng. Đến năm cuối thì máu khô xương lộ ra. Sư niệm Phật không dứt tiếng. Một hôm Sư đến gặp phương trượng nhìn mãi không nói, rồi Sư ngồi mà hóa. Ở giữa chặn mày Sư lộ ra xá-lợi, lấy rồi lại có.

101. Pháp Nhân

Sư ở Quảng Thọ tại Tứ Minh, ba mươi năm âm thầm tu tịnh nghiệp. Bỗng Sư có bệnh, tập chúng tụng Quán Kinh, niệm danh hiệu Phật suốt ba đêm. Sư gọi môn nhân bảo rằng: "Ta sắp đi đây." Có người thỉnh Sư để lại kệ. Sư nói: Ta cùng Di-đà vốn không hai, hai với không hai vốn không sai. Ta nay thấy Di-đà như thế, Cảm ứng Đạo giao khó tỏ bày. Rồi Sư ngồi ngay thẳng kiết ấn mà hóa.

102. Liễu Nhiên

Sư hiệu Trí Dõng, ở chùa Bạch liên suốt hai mươi bốn năm. Sư mộng thấy có hai con rồng đùa giỡn trên không trung. Một con hóa làm thần nhân rút trong tay áo một phong thư nói rằng: "Sư bảy ngày nữa sẽ đi." Sư tỉnh dậy tập chúng nói pháp, viết chữ lớn rằng: Nhân sức niệm Phật được sinh Lạc Quốc, các ông đâu không tự cố gắng sao? Rồi Sư tắm gội, thay áo tập chúng tụng kinh A-di-đà, đến chỗ Tây phương thế giới thì sư an nhiên thị tịch. Những hành giả tỉnh lặng đều nghe có tiếng nhạc trời và ánh sáng lành chiếu sáng một góc trời.

113. Trí Tiên

Sư hiệu Chân Giáo, ở chùa Bạch liên giảng đạo mười ba năm, tu nghiệp Tịnh độ suốt mười hai thời mỗi ngày chưa hề bỏ sót. Một hôm Sư có bệnh nhẹ, thỉnh hành giả ở Quán Đường tụng kinh Di-đà, chưa xong quyển thì Sư đã hóa. Những hành giả đều nghe có tiếng nhạc trổi réo rắt. Tờ mờ sáng hôm sau mới biết Sư viên tịch.

104. Tư Tịnh

Sư họ Dụ ở Bắc Quan tại Tiền Đường, thường tụng Quán Kinh, niệm Phật không ngớt. Sư vẽ tượng Phật rất khéo. Trước khi vẽ Sư vào thất quán tưởng. Một hôm vẽ tượng Phật Di-đà trượng sáu thì trước đó thấy hào quang Phật, bèn ngộ được sự thần diệu của bút pháp, người nhân đó đặt hiệu là Dụ Di-đà. Sư lập Lam Viện gọi là Diệu Hạnh. Sư đích thân dâng cơm nước cho cả ba trăm vạn người. Bỗng Sư yên lặng ngồi nghiêm, tâm quán tưởng Tây phương. Đến bảy ngày trước khi lâm chung Sư đòi hương cúng Phật. Rồi ngồi kiết già mà hóa, mùi hương lạ suốt cả tuần mới tan.

105. Như Trạm

Sư thi kinh Pháp Hoa mà được độ. Khắp học các tòa giảng. Sư ở Tháp Viện Ô Trấn, ngày tụng kinh Pháp Hoa hai bộ, niệm danh hiệu

Phật hai vạn tiếng. Một đêm niệm Phật rồi Sư ngồi nghiêm mà hóa. Sư có soạn văn nói về giáo nghĩa gọi là Giả Danh Tập.

106. Tư Phạm

Sư ở Tây Sơn. Thầy xem sao bảo Sư rằng: "Ta thấy sáu tháng nữa Sư mất." Sư bảo: "Tạo vật há chế ngự được người tu đạo. Thầy nói sáu tháng ta bảo tám tháng nữa mới chết." Quả nhiên đúng hạn, Sư tắm gội đến ngồi trong khám, tập chúng niệm Phật, Sư ngồi nghiêm mà hóa.

107. Tịnh Quán

Sư ở am Tịch Quang tại Gia hòa, tu Tịnh độ Sám Pháp hơn mười năm. Sư gọi đệ tử bảo rằng: "Vào ngày hai mươi bảy tháng sau ta đi." Đến trước hẹn hai ngày thì thấy có hoa hồng, ngày sau thì thấy hoa vàng đầy nhà, trong hoa đều có trẻ con hóa sinh, đeo thắt lưng bằng tiên đái. Đúng ngày hẹn Sư vào ngồi trong khám, khiến chúng tụng kinh niệm Phật, phút chốc Sư thoát thần.

108. Lợi Tiên

Sư ở chùa Pháp Tuệ tại Tân Thành, ngày tụng Pháp Hoa, đọc chú niệm Phật, đến giữa đêm lên tiếng rất ai thiết cầu mong được dứt hết khổ dữ ta bà, nguyện Phật sớm thùy từ tiếp dẫn vãng sinh Tịnh độ, như thế suốt mười năm. Lúc tuổi già có nhiều điềm lành ứng mộng. Bỗng Sư có bệnh, mời chúng niệm Phật. Rồi Sư quay về hướng Tây nhìn sửng, ngồi ngay thẳng mà hóa.

109. Sư An

Sư thọ nghiệp với ngài Phổ Tịnh ở Ô Trấn, Sư thông suốt Tông chỉ Hoa Nghiêm, tu Di-đà Sám, quán tưởng Tịnh Độ suốt hai mươi năm, sớm tối không hề bỏ. Suốt đời Sư có nhiều bệnh. Bỗng lúc lâm chung Sư tỉnh táo khỏe khoắn, gọi đệ tử bảo rằng: "Phật và Bồ-tát đã xuống, ta sắp đi đây." Rồi Sư ngồi ngay thẳng mà hóa.

110. Như Bảo

Sư thọ nghiệp với ngài Giác Hoa ở Tạp Xuyên. Nhân nghe ngày xưa Trân Thiền sư nằm mộng thấy việc thiết dục vãng sinh, Sư bèn phát tâm ở Trường Đường Dục suốt hai mươi năm và xây dựng tượng Phật để cầu được vãng sinh. Năm tám mươi mốt tuổi, Sư thỉnh chúng đến uống trà nói lời từ biệt. Khi nghe tiếng chuông thì chúng đều kinh dị. Sư quay

về hướng Tây ngồi kiết già chấp tay nhìn sửng mà hóa.

111. Hiển Siêu

Sư người ở Bác Châu, được ngài Kim Tổng Trì Tam tạng Uế Tích trao cho pháp trì chú để cứu bệnh giải oan. Sư tính ra đã cứu giúp được năm vạn người. Sư nhập vào Vĩnh Thọ thường trú. Sau, Sư có bệnh thấy Phật Bồ-tát hiện trước mặt, hoa sen hiện khắp nơi, nhạc tấu vang rền. Đệ tử đều đến thỉnh Sư ở lại đời để cứu khổ. Bỗng tướng Tịnh Độ biến đổi dần dần ẩn mất. Sư bèn sống thêm mười lăm năm nữa để đọc chú cứu người. Một hôm có nhạc trời, mùi hương lạ, Phật và Thánh chúng... như trước đến đón. Sư liền ngồi kiết già quay mặt về hướng Tây mà hóa.

112. Hữu Khai

Sư ở chùa Thiên Bộ tại Tạp Xuyên, chuyên tu tịnh nghiệp, sớm chiều không quên. Vào ngày đầu năm, Sư thỉnh chúng niệm Phật tụng kinh đến Tây phương thế giới, Sư nhắm mắt mà hóa.

113. Đạo Sinh

Sư ở Hưng Phước Thường Thục, tạo tượng Di-đà một trượng sáu, được Huyện Lệnh Mai Nhữ Năng cúng tiền để sơn vẽ. Sư liền tập chúng tụng kinh niệm Phật, Sư khóc lóc tác bạch rồi từ giả tượng Phật trở về phòng, rồi viết kệ và ngồi mà hóa.

114. Nhược Quan

Sư ở Gia Hội tại Ô Trấn, kết hợp mười vạn người niệm Phật. Mỗi người đều niệm Phật mười vạn tiếng làm kỳ hạn. Số người vãng sinh trước hấp dẫn người sau. Sư tụng kinh Pháp Hoa, Quang Minh mỗi ngày đủ một trăm bộ, trong hai mươi năm tụng được sáu mươi vạn bộ, thề cùng quần sinh trang nghiêm Tịnh Nghiệp. Một hôm ngài Không Tướng đến thăm hỏi, Sư liền thiết trai đãi đằng và ăn gấp hai lần. Bỗng đòi giấy bút viết kệ rồi Sư ngồi kiết già mà hóa.

115. Đàm Dị

Sư ở Long Tuyền tại Dư Diêu, tụng kinh Pháp Hoa năm ngàn bộ và Phổ Hiền Hành Pháp, kinh Di-đà, mỗi thứ nhất vạn quyển. Sư vào tịnh thất lễ Phật bất kể ngày đêm. Bỗng Sư có bệnh nhẹ, bèn tập chúng cáo biệt rằng: “Đã đến lúc ta về An Dưỡng”, liền quay mặt về hướng

Tây xếp chân mà tịch.

116. Trí Ấn

Sư ở Kỳ Viên tại Tạp Xuyên, thường tưởng niệm Tịnh Độ, sớm tối không dứt. Sư có bệnh bèn tập chúng tụng kinh Di-đà. Khi vừa xong thì Sư ngồi kiết già chắp tay mà hóa.

117. Nguyên Triệu

Sư họ Lục ở Tứ minh, văn chương thuộc họ Lục Điền. Tuổi nhỏ đã học Luật và xem qua Đại Tạng, tụng kinh Liên Hoa một vạn bộ. Lại chích máu viết Kinh Liên Hoa một bộ, viết các Sớ Luật Tông ba bộ. Năm Kiến Viêm thứ tư, giặc Kim đánh phá Tứ Minh. Lúc đó Sư ở Hồ Tâm. Giặc Kim ép Sư về Bắc. Khi đến Nam Từ, Sư gọi người chung quanh bảo rằng: “Ta sắp về Tây phương.” Liền nghe tiếng sênh ca. Cả lúc ấy quân dân đều thấy sư quay mặt về hướng Tây niệm Phật mà hóa.

118. Giới Độ

Sư học Luật, thọ nghiệp với ngài Thê Tâm. Lúc tuổi già Sư ở chùa Cực Lạc tại Dư Diêu. Khi bệnh, Sư viết di thư giã biệt các Sĩ phu và bạn Đạo cũ, rồi thỉnh chúng tụng Quán Kinh đến chỗ Pháp thân Quán, Sư lớn tiếng niệm Phật, ngồi kiết già mà hóa.

119. Đạo Sâm

Sư hiệu Viên Biện, là Tổ đời thứ tám ở Nam Hồ, Sư tu sám Di-đà trong lúc ngồi định, Sư thấy Tôn giả Pháp Trí. Khi tu Pháp Hoa Sám, Sư thấy Đức Phổ Hiền phóng quang. Ngày hai mươi ba mỗi tháng Sư lập hội Tịnh Nghiệp làm thường khóa, đạo tục đều đến. Một hôm Sư có bệnh, nguyện làm được mảy may điều thiện hàng ngày nào đều hồi hướng về Tịnh độ. Sư tập chúng tụng Quán Kinh suốt bảy ngày không nghỉ. Rồi gọi Thủ Tọa bảo rằng: “Ta đã thấy thân Phật và nghe mùi hương lạ.” Rồi Sư tấm gội thây áo và viết kệ rằng: Duy tâm Tịnh Độ vốn không mê ngộ, một niệm không sinh liền vào Sơ trụ.” Sư lại khiến chúng tụng An Lạc Hạnh đến chỗ “thâm nhập Thiền Định thấy mười phương Phật”, thì Sư an nhiên thị tịch.

120. Hữu Bằng

Sư hiệu Mục Am ở Nam Hồ. Một lần Sư ngồi ở Hiên Thanh Ngọc,

thỉnh Hành Nhân đến tụng Quán Kinh, đến chỗ Quán Chân Pháp thân thì Sư bảo đại chúng niệm Phật. Rồi Sư lưu kệ mà hóa.

121. Diệu Vân

Sư họ Dương, người ở Tứ minh, hiệu Từ Thất. Từ Nam Hồ Sư lui về ẩn ở Khê Khẩu tại Am Ngô Thị. Một sáng Sư tắm gội, ngồi kiết già, gọi người hầu bảo rằng: Ta có nén hương cất đã ba mươi năm, đợi lúc lâm chung đốt lên để báo ân Phật, nay đã đúng lúc. Kịp khi đèn hương cháy sáng Sư đứng dậy tác bạch Phật bày tỏ ý nguyện. Rồi Sư đến tòa mà hóa.

122. Hy Nhan

Sư tự Thánh Đồ, người Tứ minh. Một đời không chịu ở núi. Lúc tuổi già Sư ở Am Lê Thị tại Đào Nguyên, chuyên tâm niệm Phật hơn mười năm. Có lần để biển nhỏ ở hiên là "Nhớ Phật." Sư làm bài kệ có câu:

Theo sóng đuổi sóng trôi bon bon
Thoáng chốc mà đã bảy mươi tròn
Sao chẳng hướng về tìm nhớ Phật
Già còn giong ruổi đáng đánh đòn
Từ khi nhớ Phật dạ hằng mong
Trừ Phật không ai hiểu được lòng
Ai bảo muôn vàng lòng khách mến
Đâu bằng cơm hạt chốn rừng Tòng.

Khi lâm chung Sư tắm gội thay áo rồi ngồi ngay thẳng mà hóa.

123. Liễu Tuyên

Sư tập học ở Bảo Lâm tại Tứ Minh. Sư vào Quang Nghiêm Đường ở Nam Hồ xem Đại Tạng, rồi dự Pháp Hoa Sám Kỳ suốt hai mươi bảy năm. Rất thân với Vinh Hành Nhân. Một hôm đến thất của Vinh ngồi im lặng. Vinh hỏi, Sư đáp: "Về Tây phương đã đến hạn nhưng nghĩa Đạo khó quên, mong ở Tịnh Độ lại gặp nhau." Vinh cười bảo: "Đúng chỗ ước nguyện rồi!" Bỗng Sư có bệnh, bèn thỉnh chúng tụng kinh Di-đà, trong lúc niệm Phật thì Sư ngồi ngay thẳng viết kệ rằng:

Tánh tướng quên tình
Một ba không gởi
Hơi thở không còn
Ma-ha dứt lợi.

Rồi chắp tay mà hóa. Trời nóng gắt, lưu khám Sư đến bảy ngày mà dung nhan vẫn tươi thắm, khóe miệng có chút nước dãi. Người thấy lấy khăn lau chùi thì mùi hương lạ bốc ra đầy người, hàng sĩ thứ nghe nói hơn nửa thành cùng đến quẹt lấy. Mùi hương lạ càng ngào ngạt, ở chỗ trà-tỳ, xá-lợi nhiều vô kể.

124. Thiên Vinh

Sư họ Chu, người ở Tiểu Khê Tứ Minh. Sư vào Quán Thất ở Nam Hồ mười sáu năm, xem kinh Tạng, tu Sám Kỳ. Sư viết chữ vàng các kinh: Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Tịnh Danh, Viên Giác, Quang Minh... Sư tạo tượng Di-đà gặp pháp hội bèn đem cúng thí. Tự vẽ tượng Quan Âm bằng nước mực, người xin liền cho. Sau khi Tuyên Công mất, được ba năm bỗng lấy kinh tượng chia cho người thân, rồi thỉnh chúng tụng Phổ Hiền Hành Pháp và Kinh Di-đà. Trong khi niệm Phật thì Sư ngồi kiết già mà hóa. Người thời ấy cho là Sư đến Tịnh Độ theo ước hẹn với Tuyên Công. Đệ tử Sư là Hải Ấn cũng cao hạnh giống Sư.

125. Tổ Huy

Sư ở tại Phật Các thuộc Quận Thành ở Tứ minh. Gặp ai Sư cũng chỉ bảo: “A-di-đà Phật, nói cũng nói không được.” Người ta mới gọi Sư là Thuyết Bất Đắc Hòa thượng. Vợ chồng Ngân Úy là Vương Dụng Hạnh kính thờ Sư rất chu đáo. Một hôm Sư đến nhà từ biệt rằng: “Sáng mai này tôi đi.” Kịp khi các thí chủ tụ họp đầy đủ, Sư liền vào khám ngồi nghiêm rồi xin một quả dưa ngọt, Sư ăn hết dưa rồi niệm Phật mà hóa.

126. Như Giám

Sư ở Tháp Sơn tại Tứ Minh, hai lần xem qua Đại Tạng, thường tụng kinh Pháp Hoa, chuyên tâm niệm Phật ngày đêm không lười. Khi tuổi già Sư về ở Am. Bỗng Sư có bệnh, thỉnh chư Tăng ở Am gần niệm Phật, quay mặt về hướng Tây ngồi kiết già mỉm cười mà hóa.

127. Tổ Tân

Sư thọ nghiệp với ngài Phước Nguyên ở Tứ minh. Mặc áo vải, ăn tương rau, làm hạnh thanh khổ. Cách chùa không xa có một thị tộc lớn họ Phương đón Sư về ở Am. Sư bèn ở Phước Nguyên lập viện Tịnh Độ, tạo tượng, hái sen. Cứ ba ngày tám trong tháng thì Sư tập họp đạo tục chuyên việc hệ niệm. Một hôm Sư đến cáo biệt Phương Trượng rằng: Ngày Rằm tháng hai này tôi sẽ về Tây phương, riêng đến bái từ ngài.

Nhưng bụng đói nay xin được ăn một chén mì. Chủ nhân đáp ứng đúng ý Sư. Ăn xong sư trở về viện Tịnh Độ ở trước tượng, Sư đảnh lễ bạch rằng: "Tổ Tân con sắp đi xin cáo biệt Tôn Tượng." Sư liền trở về Am tập chúng niệm Phật. Sư ra trước chúng nói lời vấn an rằng: Tổ Tân tôi đã bái từ Như Lai tôn tượng, đã bái biệt Phương Trượng Phước Nguyên, nay xin cáo biệt chư Đạo Hữu, sau ngày Rằm thì tôi nhất định về Tây phương, xin quý Nhân giả nên chuyên tâm niệm Phật sẽ sớm được gặp lại nhau." Rồi Sư ngồi kiết già niệm Phật. Sư vội nói Phật đến. Rồi Sư chắp tay mà hóa.

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 28

PHẦN 3

TRUYỆN VỀ CÁC CAO NI VÃNG SANH

1. Pháp Thạnh

Ni Sư ở chùa Đạo tràng tại Kim lăng, tập mười sáu phép Quán tưởng. Một hôm lễ Tượng chợt bị bệnh phải nằm trên giường, thấy Đức Bồ-tát cỡi mây phóng ánh sáng nhiều sắc hiện đến đón rước. Lúc đó các Ni đang gõ cửa hỏi bệnh, đều thấy có ánh rực rỡ chiếu khắp. Ni Sư Pháp Thạnh nói: "Phật và Bồ-tát phóng quang độ ta." Nói xong thì hóa.

2. Đạo Viên

Người ở Đơn Dương, trước Ni Sư ở các chùa tạo đến bảy tượng lớn hình dáng sơn phết rất đẹp. Lại dùng vàng đồng đúc tượng Phật Vô Lượng Thọ. Bỗng ở giữa chặn mày của tượng phóng ra luồng sáng lớn, đất đều biến thành màu vàng. Tượng thọ ký cho Viên rằng: "Con bỏ thân này rồi, tất sinh vào nước ta." Ni Sư liền ở trước tượng ngồi ngay thẳng mà hóa.

3. Pháp Tạng

Ni Sư ở Kim lăng quyết chí niệm Phật. Giữa đêm thấy Phật và Bồ-tát liền cầu xin an ủi, có ánh sáng chiếu vào chùa. Rồi Sư an nhiên mà hóa.

4. Tịnh Chân

Ni Sư ở chùa Tích Thiện tại Trường An, mang nạp y đi khất thực, tụng kinh Kim Cang mười vạn biến, chuyên chí niệm Phật. Ni Sư gọi đệ tử bảo rằng: "Nội trong tháng năm đã mười lần thấy Phật, hai phen thấy cảnh Tịnh Độ, trên hoa sen báu có đồng tử đùa giỡn, ta đã được

sinh Thượng Phẩm.” Nói xong Ni sư ngồi kiết già mà hóa. Ánh sáng lạ đầy chùa.

5. Ngộ Tánh

Ni Sư ở Lô sơn, niệm Phật cầu vãng sinh. Bỗng nghe trên không trung có tiếng âm nhạc bèn gọi người hầu bảo rằng: “Ta đã được sinh Trung Phẩm, lại thấy bạn đồng chí mà niệm Phật tinh tấn thì đều có hoa sen mọc trong ao báu để chờ thọ sinh.” Nói xong Ni Sư liền thị tịch.

6. Năng Phụng

Ni Sư người Tiền Đường, chuyên tu Tịnh nghiệp, thường mộng thấy Phật phóng quang chiếu sáng thân mình, hoặc nghe các Ni khéo nói các điều lành. Một hôm không bệnh tật, Ni Sư bảo các môn đồ rằng: “Ta đã đến lúc vãng sinh.” Phút chốc nghe Ni Sư niệm Phật lớn tiếng. Chạy đến xem thì thấy Ni Sư chắp tay xây mặt về hướng Tây ngồi yên mà hóa. Mùi hương lạ đầy nhà, có tiếng trổi nhạc đi về hướng Tây.

7. Tuệ An

Ni Sư ở Tứ minh, là hậu thuộc của Đại Khôi Diêu Dĩnh ở Hạ Thủy. Ni Sư ở Am Dương Thị tại Tiểu Khê chuyên nghiệp Tây phương, tụng kinh Kim Cang Bát-nhã dù trời lạnh hay nóng đều không đổi. Thường ở trong thất được Phật phóng quang sáng như đuốc. Một hôm Ni Sư có bệnh, Ni Sư ngồi ngay thẳng lấy tay ra dấu bảo mọi người chớ nói, giây lát mới nói “Phật đến.” Rồi bảo chúng niệm Phật. Bỗng Ni Sư yên lặng mà thoát thần, thọ chín mươi sáu tuổi.

TRUYỆN VỀ CÁC CHÚNG VÃNG SANH:

1. Đời Tùy, hai Sa-di gánh nước

Hai Sa-di đồng tâm niệm Phật, được năm năm thì vị lớn mất trước được sinh Tịnh độ, thấy Phật rất mừng rỡ, liền bạch Phật rằng: “Có một Sa-di nhỏ đã cùng con niệm Phật không biết chú ấy có được sinh chăng?” Đức Phật nói: “Ngươi vốn không có tâm niệm Phật, chính chú ta khuyên ngươi. Vậy ngươi hãy trở về càng chuyên cần Tịnh nghiệp, ba năm nữa cả hai cùng về đây.” Đến kỳ hạn Phật cùng Thánh chúng từ Tây phương đến đón. Đất đai rúng động mạnh, hoa trời rơi đầy. Bấy giờ hai vị Sa-di đồng thời viên tịch.

2. Đời Ngụy, Sư Tán

Sư là người Ung Châu, xuất gia làm Tăng từ năm mười bốn tuổi, niệm Phật không dứt. Bỗng bị bệnh mà qua đời, chợt sống lại thưa cùng cha mẹ rằng: "Đức Phật A-di-đà đến đây, con phải theo ngài." Người hàng xóm thấy trên không trung có đài báu năm sắc, có ánh sáng lạ hướng về hướng Tây mà đi, rồi mất hút.

3. Hà Đàm Viễn

Ông người Tiền Đường, giữ giới Bồ-tát và tu nghiệp Tịnh độ. Giữa đêm niệm Phật, bỗng gọi thầy thưa rằng: Con thấy thân Phật sắc vàng, phan và hoa đầy hư không, mùi hương lạ đầy nhà. Bỗng ông yên lặng qua đời.

4. Nước Việt, Đồng Hành ở chùa Đại Thiện

Chú thường theo thầy Thiện Huy niệm Phật lễ bái. Một tối mộng thấy có người phụ nữ đem bán chuỗi. Chú nói: "Muốn có một xâu nhưng tiếc là không có tiền". Bà ấy nói: Chú hãy há miệng ra, ta cho chuỗi, rồi ném vào miệng mấy viên chuỗi. Chú Điệu đem chuyện thưa thầy. Thầy bảo: "Đó là Đức Đại Thế Chí trao cho con Niệm Phật Tam-muội vậy!" Mấy ngày sau chú thấy hai vị Bồ-tát đem tòa hoa đến cho, bảo rằng: "Bảy ngày nữa con lên ngồi đây mà sinh Tịnh độ." Chú gặp ai cũng bảo: "Cháu bảy ngày nữa sẽ vãng sinh." Đến ngày hẹn bỗng chú tự bảo: "Bồ-tát đến." Rồi chú ngồi trên tòa mà hóa.

5. Nghê Đạo Giả

Người ở Nhân Hòa, bỏ nhà đi tu. Ông lập một am nhỏ rồi chuyên tâm niệm Phật. Ông muốn tự thiêu thân, thay thế chịu khổ cho tất cả chúng sinh mà cúng dường chư Phật. Lâu sau có ba dây leo màu đỏ từ lổ mọc lên trước giường nằm. Ông gọi chúng bảo rằng: "Nếu các dây này chết thì tôi sinh Tây phương." Trước ngày lâm chung nửa tháng, Ông tập chúng niệm Phật đến số muôn người. Trước một đêm đốt thân, đất bỗng có ánh sáng màu vàng ròng, cao khoảng nửa thước, lấy tay mà vốc thì có chất nổi trên bàn tay. Lại gọi chúng bảo rằng: "Khi tôi thiêu thân thì có mây tím và mây xanh từ hướng Đông bắc bay về Tây nam, đó là điềm tôi vãng sinh." Rồi từ bốn phía đốt đuốc ông vào ngồi ngay thẳng ở giữa. Quả nhiên có hai thứ mây lành như đã nói.

TRUYỆN VỀ HÀNG CÔNG KHANH VÃNG SANH: (phụ thêm cư sĩ)

1. Bạch Cư Dị

Ông hiệu Hương Sơn Cư Sĩ, làm quan chức Thái tử Thái Truyền. Lúc đầu ông khuyên được một trăm bốn mươi tám người kết hội Thượng Sinh, niệm danh hiệu Từ Thị. Ngồi quán tưởng hình dung Đức Từ Thị, nguyện ở đời vị lai sẽ sinh về cõi Đâu-suất. Lúc tuổi già ông bị bệnh phong tê, bèn chuyên tâm về Tây phương cầu sinh An Dưỡng, ông vẽ một bức Biến Tướng Tây phương và nguyện rằng:

Cực lạc thế giới cõi thanh tịnh
Không có ác đạo và các khổ
Nguyện ai đang bệnh khổ như con
Đồng sinh về cõi Vô lượng thọ.

Một tối ông niệm Phật rồi ngồi trên giường mà hóa (ở đời Đường).

2. Vi Văn Tấn

Làm quan chức Quán Sát Sứ, lập ra Tây Phương đạo tràng, phát nguyện niệm Phật. Một hôm trong lúc niệm Phật, ông ngồi kiết già quay mặt về hướng Tây mà hóa. Mùi hương lạ đầy nhà (ở đời Đường).

3. Trương Kháng

Ông làm quan đời Thạch Tấn đến chức Hàn lâm học sĩ. Ông tụng hàng ngày chú Đại bi đến mười vạn biến để nguyện sinh Tây phương. Một hôm ông nằm bệnh chỉ niệm danh hiệu Phật. Chợt bảo người nhà rằng: “Tây phương tịnh độ ở phía Tây nhà. Đức Phật A-di-đà ngồi trên hoa sen. Ta thấy Ông Nhi đang ở trên đất cát vàng trong ao sen đang vui mừng lễ bái”. Được ít lâu ông niệm Phật mà hóa. Ông Nhi là cháu của Kháng.

4. Chung Ly Cẩn

Ông người Cối kê, làm quan đến chức Thiếu Sư. Thuở nhỏ ông thờ mẹ là Nhậm Phu Nhân. Phu nhân rất chuyên tu Tịnh độ, chín mươi tám tuổi vẫn đi đứng như thường. Bỗng bà dạy Cẩn rằng: “Mỗi người ai cũng có một Đức Phật Di-đà, sao lại bỏ đi. Mỗi niệm đều là Cực Lạc mà không biết quay về ư? Sáng ngày mai ta sẽ đi vậy.” Vào buổi sáng, bà dậy sớm đốt hương tụng niệm nhiều hơn thường ngày. Rồi bà chấp tay mà hóa. Chung Ly Cẩn mỗi ngày nguyện làm hai mươi việc ích lợi.

Sau có Tể Cát Thủy định gã cho một thiếp. Qua tìm hiểu thì biết đó là con gái của Cựu Lịnh. Bèn báo cho người thân xin hoãn việc nạp thái, ý muốn giải thoát trước cho cô gái. Người thân viết thư bảo rằng: “Ông đâu được làm nghĩa cữ cao đẹp một mình? Ta còn có con gái.” Bèn phân công sắm lễ đầy đủ cùng đến rước dâu, nên ông đành phải nghe theo. Bỗng mộng thấy Cựu Lịnh đến tạ ơn rằng: Con gái hèn của tôi mong được thu nhận. Tôi đã tâu Thượng đế sẽ nối dõi nhiều đời. Song ông chỉ muốn một kỷ là được sinh Tịnh độ. Khi ông làm Triết Tây Hiến, cùng Từ Vân Sám Chủ luận bàn về yếu chỉ vãng sinh thì lòng ông càng tha thiết. Từ khi phu nhân có tượng Phật chiên-đàn thường khi đảnh lễ hành đạo. Ông nối chí ấy. Bỗng giữa chặn mày tượng Phật lộ ra mấy hạt xá-lợi. Chưa bao lâu cả Khai Phong Phủ đều nghe biết. Bỗng nửa đêm ông thức dậy gọi người nhà bảo rằng: Phu Nhân báo cho ta “Kỳ hạn vãng sinh đã đến”, liền ngồi kiết già mà hóa. Trước đó một ngày, cả nhà đều mộng thấy ông ngồi tòa hoa sen xanh, nhạc trời vang rền, mùi hương lạ ngào ngạt, hải chúng đón ông về Tây phương. Tính ra năm đó đúng một kỷ (Đời Tống).

5. Chung Ly Cảnh Dung

Là con thứ bảy của Thiếu Sư, làm quan chức Triều Thỉnh Đại Phu, thường tụng Quán Kinh và niệm Phật không ngớt. Ông treo mũ từ quan, kết nhà tranh ở bên vườn phía Đông Nghi Chân. Ông từng bảo rằng: Biết được Di-đà thì Di-đà là Di-đà, không biết Di-đà thì làm sao là làm sao? Không biết Di-đà, thì Di-đà càng ở ngoài Tây phương. Biết được Di-đà thì Di-đà chỉ ở tại nhà ta. Một tối mời Tăng Diệu ứng tụng phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, ông đốt hương cung kính ngồi nghe đến hết, hai tay bắt ấn mà hóa. Từ Nhâm Thị đến Thiếu Sư cả ba đời đều được sinh Tịnh độ. Cháu cố là Tòng ở đất Vụ, trong năm Càn Đạo cúng tế Ngô Quận, cùng Bảo Tích Thật Sư, Đông Bình, Lữ Kịp... kết xã niệm Phật. Không bệnh tật, bỗng ông ngồi nghiêm quay mặt về hướng Tây chấp tay mà hóa.

6. Dương Kiệt

Ông tự Thứ Công, người ở Vô Vi, làm quan đến chức Thượng Thư Chủ Khách. Ông khắp trải các thiền lâm tham tìm các tri thức. Buổi vãng niên, ông vẽ tượng Phật Tây phương rồi theo đó mà quán niệm. Ngày lâm chung, ông tự cảm biết có Phật đến đón. Rồi ngồi yên mà hóa.

7. Mã Lượng

Ông làm quan Thị Lang trấn thủ đất Hàng, ông đến Linh sơn học nghiệp Tịnh Độ. Ngài Từ Vân đã soạn cho ông: Tịnh Độ Hạnh Nguyện Pháp Môn, Tịnh Độ Vãng Sinh Lược Truyện. Khi lâm chung ông niệm Phật mà hóa.

8. Tử Vu Triều Phụng

Ông nương vào Thập Nghi Luận mà dụng tâm. Khi làm quan ông đã xem Giáo Tạng, tụng kinh niệm Phật đều có khóa lễ hằng ngày. Bỗng một hôm ông thay áo niệm Phật ngồi nghiêm mà hóa. Có đám hơi như hình cái lọng xanh thoát ra khỏi cửa bay thẳng lên không trung mà đi về hướng Tây. Bàn ghế lúc đó có ánh sáng lành.

9. Vĩnh Dật, con của Vu

Làm quan chức Tuyên Nghĩa, thường tập Mười sáu quán trải suốt ba mươi năm. Chợt thấy ba Thánh đến đón. Kiết ấn mà hóa. Trên đảnh đầu ông ấm nóng và có mùi hương lạ.

10. Vợ của Vu là Vương thị

Bà tu Pháp mười niệm, trì chú phá Địa Ngục. Có lần bà mộng thấy vua Địa Ngục cảm tạ bà ban cho việc trì kệ chú. Sau nhân bệnh bà niệm Phật rồi hóa. Thân thích và người hầu đều nằm mộng thấy Vương Thị nói là đã được vãng sinh Tịnh độ.

11. Hồ Nhân

Ông làm quan đến chức Tuyên Nghĩa Thị Lang. Ông là con của Hồ Tắc. Tuổi về già, ông từ quan tiếu ngạo ở Tây hồ, rất thân với Thanh Chiếu Luật Sư. Một hôm có bệnh, ông hỏi Luật Sư rằng: “Một câu niệm danh hiệu Phật diệt hết tám mươi ức kiếp trọng tội sinh tử là sao? Sư đáp: Do đại oai đức của Phật mà chúng sinh một lần xưng niệm danh hiệu thì tội cấu đều tiêu, khác nào mặt trời rực rỡ giữa trưa thì sương mù nào có được.” Nhân liền cảm ngộ lớn, bèn nhất tâm niệm Phật, thỉnh Tăng niệm trợ lực. Một hôm Luật Sư đến, Nhân thưa rằng: “Hai vị Bồ-tát giáng lâm đã lâu.” Sư bèn phát nguyện sám hối cho ông. Bỗng ông lớn tiếng niệm Phật ngồi yên mà hóa.

12. Cát Phồn

Ông người Trừng Giang. Thuở nhỏ thi đậu làm quan đến chức

Triêu Tán. Khi còn làm quan, tại nhà riêng ông luôn trang hoàng tịnh thất để thờ tượng Phật. Mỗi khi nhập thất lễ tụng thì có xá-lợi từ không trung rơi xuống. Ông khắp khuyên đạo tục cùng tu tịnh nghiệp, ai cũng nghe lời ông khuyên dạy. Có vị Tăng nhập định thần thức dạo chơi cõi Tịnh Độ thấy ông cùng Vương Cổ Thị Lang dạo chơi nơi ao sen hoặc trong hàng cây. Bỗng nghe Phồn không bệnh mà chết.

13. Vương Cổ

Người ở Nghi Chân làm quan đến chức Lễ Bộ Thị Lang. Cùng Hối Đường Dương Kỵ là bạn Thiền. Có lần ông viết tập Trực Chỉ Tịnh Độ Quyết Nghi, Dương Kiệt đề tựa, lại bổ thêm Vãng Sinh Tịnh Độ Truyện, đều được lưu hành ở đời. Bình thời, ông quyết chí cầu sinh Tây phương, khi lâm chung không khổ sở. Bỗng ánh sáng đầy thất, ông ngồi yên mà hóa. Có người mộng thấy Vương Cổ ngồi trên hoa sen bay về hướng Tây.

14. Giang Công Vọng

Người ở Câu Đài, làm quan Ty Giám, thuở nhỏ thi đậu chỉ ăn chay tu tịnh. Ông có soạn Bồ-đề Văn và Niệm Phật Phương Tiện Văn để khuyên đạo tục. Ông có người con chết sớm về báo mộng cho người cậu là muốn thưa cha đến chùa Thiên Ninh xem Kinh Bảo Tích sẽ được sinh vào cõi lành. công nghiệp của đại nhân tu hành đã thành. Ở Âm Phủ có bảng đề chữ vàng rằng: “Giang Công Vọng ở Nghiêm Châu, thân ở nơi cao quý, chí mộ khổ, không, chính mình huân tu, tâm không ái nhiễm, đi đứng không hề quên Phật pháp, nói năng không mất Đạo phong, danh ở vào hàng thoát trói buộc, thân quyết sinh Tịnh độ”. Cuối năm Tuyên Hòa ông làm Tri Quân Quảng Đức. Một hôm không bệnh, ông ngồi nghiêm, quay mặt về hướng Tây mà hóa.

15. Vương Trung

Ông ở Cô sơn tại Tiền Đường, tức nhà cũ của Lâm Hòa Tĩnh, ông ẩn cư tự thỏa chí. Khoảng năm Chánh Hòa có đề cử người ẩn dật, ông được triều đình ban cờ khen Ẩn Sĩ. Sau ông làm quan đến chức Triêu Tán Đại Phu. Ông âm thầm tu Tịnh độ có đại cảm ngộ. Mỗi ngày tụng bảy biến Di-đà, niệm danh hiệu Phật vạn tiếng, suốt mười chín năm chưa từng gián đoạn. Một hôm không bệnh, ông tắm gội ngồi kiết già xây mặt về hướng Tây mà hóa.

16. Trương Địch

Ông người ở Tiền Đường, làm quan đến chức Trợ Giáo, thọ Bồ-tát Giới với ngài Viên Tịnh Luật Sư, học hỏi Tịnh Nghiệp Pháp Môn, đốt hương ở cánh tay để thệ nguyện. Mỗi khi niệm Phật thì cất giọng rất mạnh mẽ đến khản tiếng cũng không ngưng. Một hôm ông thưa với Sư Viên Tịnh rằng: Đệ tử thấy ở gần Tịnh thất có chim tần già trắng bay múa ở trước. Lại khi tịnh tọa quán tưởng thì thấy có cậu bé tóc màu xanh chấp tay chào hỏi. Sau đó ba năm ông niệm Phật ngó về hướng Tây mà hóa.

17. Cổ Thuần Nhân

Ông người Tạp Xuyên, làm quan đến chức Dĩnh Tốt, âm thầm tu tịnh nghiệp, trường trai niệm Phật, nhân bệnh nhẹ, ngồi yên hướng về Tây mà hóa. Trên đảnh ông có vòng hào quang trắng, mùi hương lạ đầy nhà.

18. Mai Nhữ Năng

Ông làm quan đến chức Huyện Lệnh. Từng có chí tu tịnh nghiệp. Bỗng mộng thấy có vị Tăng trao cho một trăm tờ giấy đục làm mười sáu chữ. Ông đem hỏi Đông Linh Chiêu Sư. Sư đáp: Hai lần tám là mười sáu, phải chăng là mười sáu Quán Kinh. Lại vừa thấy một vị Tăng trao cho quyển kinh, bỗng biến mất. Từ đó ông tụng kinh niệm Phật, tự đặt tên là Vãng Sinh để tỏ ý chí. Nhân trong ấp phá núi, có Sư Đạo Sinh tạo tượng Di-đà trượng sáu bảo rằng: Ông nên cúng thí trăm vạn tiền của để trang sức. Và thiết trai, lập lễ sám ở trong ao trước điện mọc có hoa sen trắng một cành hai hoa, hoa có trăm cánh. Vào mùa Đông năm ấy, ông không bệnh mà hóa. Chưa bao lâu Đạo Sinh cũng mất.

19. Phùng Tập

Ông người Toại Ninh, hiệu Bất Động Cư Sĩ, thi đậu Thái Học Sinh. Lúc đầu ông đến hỏi đạo ở Thiền Lâm. Lúc tuổi già ông chuyên kính sùng Tịnh Nghiệp. Ông soạn Tây phương Lễ Văn và Di-đà Sám Nghi. Ông trở về quê ở Quận, lập hội Tịnh Độ, chiêu cảm được trong lò hương có ánh sáng trắng phóng lên trời và xá-lợi ứng hiện. Năm Tĩnh Khang có tai ách binh đao, các danh sơn nơi chứa Kinh đều bị đốt phá. Tập bèn góp chứa của tiền dâng cúng tạo được bốn mươi tám Tạng Đại Tạng Kinh, bốn Tạng Tiểu Tạng và bốn mươi tám Tạng Đại Bộ. Ông tạo tượng Đức Di-đà cửu phẩm hóa sinh bằng gỗ chiên-đàn, thường

đem theo mình mà thờ cúng. Sau vì Cấp Sự Trung, ông ra làm soái ở Lô Nam, dẫn đạo tục lập hội Niệm Phật. Khi ông ra trấn thủ Trường sa, thì ở Sảnh Đường ông lập ra một cao tòa, rồi đắp y ca-sa lên tòa, từ giã Quan Lại, đặt cây gậy nằm ngang trên đầu gối rồi qua đời.

20. Ngô Bĩnh Tín

Người ở Tứ minh, lập am ở Thành Nam để tọa thiền. Ông làm một quan tài đêm ngủ trong ấy. Đến canh năm ông bảo trẻ hầu gõ quan tài hát rằng: "Ới ông Ngô Tín hãy về đi, ba cõi không nhà không thể ở, Tây phương tịnh độ có liên đài, hãy về đi!" Khi nghe hát thì ông ngồi dậy tụng Thiền. Khi Cối Tướng mất, vua triệu ông là Lễ Bộ Thị Lang. Sau bị Triệu làm Dịch Lệnh ở Tiêu Sơn. Người nhà lắng nghe trên không trung có tiếng nhạc trời. Ông liền bảo: "Trong cõi thanh tịnh vì mất chánh niệm mà đến đây, nay Kim đài đã đến, ta phải đi đây." Nói xong thì hóa.

21. Tiền Tượng Tổ

Ông người Thiên thai, hiệu Chỉ Am. Lúc còn làm Thú ở Kim lăng có đến hỏi đạo với Bảo Minh nhưng toàn vô dụng. Sau ông lại rất mộ về Tịnh độ Chân Tu. Có lần ở Hương Châu ông lập ra mười nơi tiếp đãi đều đặt tên là Cực Lạc, Tịnh Độ... Ông dựng Chỉ Am và Liêu Cao Tăng làm nơi đón Tăng về đàm đạo. Từ khi từ chức Tả Thừa Tướng, ông càng tinh tấn tu tịnh nghiệp. Tháng hai năm Gia Định thứ tư, ông có bệnh nhẹ, viết kệ rằng: "Hương Sen từ nước Phật đến đây, Đất báu lưu ly sạch trần ai, Tâm ta thanh tịnh hơn cõi ấy, Hôm nay tự biết hoa nở bày". Ba ngày sau có vị Tăng đến thăm bệnh, ông nói: "Tôi không ham sống không sợ chết, chẳng muốn lên trời chẳng làm người, mà chỉ cầu sinh Tịnh độ thôi!" Nói xong ông ngồi kiết già mà hóa. Lúc đó trống trời vang động, mùi hương lạ ngào ngạt. Trước ngày ông lâm chung, con cháu ông và người trong quận cùng nằm mộng thấy trên không trung, có tiếng nói rằng: "Tiền Thừa Tướng sẽ sinh Tây phương, ở Liên cung làm Từ Tế Bồ-tát."

22. Vương Trọng Hồi

Ông người ở Vô Vi, làm quan chức Ty Sĩ Tham Quân, nhân Dương Kiệt nói cho ông về thuyết Tịnh Độ, ông càng tinh tấn niệm Phật. Trước khi mất bảy ngày, ông biết trước từ biệt các bạn cũ, rồi ngồi yên mà hóa. Khi đó Kiệt đang trấn thủ ở Đơn Dương mộng thấy Trọng Hồi đến

tạ ân rằng: "Nhờ ngài chỉ dẫn mà tôi được vãng sinh", rồi bái biệt mà đi. Và Kiệt nhận được cáo phó là Hồi mất.

23. Dữu Tiên

Người ở Tân Dã, ăn tương rau mặc áo vải, không cần sản nghiệp, thuở nhỏ rất thân thiết với Lương Võ Đế. Vua mời làm Huỳnh Môn Thị Lang nhưng ông không nhận. Trong nhà ông lập đạo tràng, sáu thời lễ sám, tụng kinh Pháp Hoa. Bỗng cuối đêm thấy một đạo nhân tự xưng là Nguyện Công, có dung mạo cử chỉ rất lạ, gọi Tiên là Thượng Hành Tiên Sinh, rồi trao hương cho mà đi. Sau ông bệnh nằm, bất giác bảo rằng: "Nay Nguyện Công đã lại, ta không thể ở lâu". Cả nhà đều nghe trên không trung có tiếng gọi: "Thượng Hành Tiên Sinh đã sinh Tịnh độ của Di-đà." Vua ra chiếu thụy phong là Trinh Tiết Xử Sĩ.

24. Vương Nhật Hưu

Người ở Long Thơ. Đã soạn cho Quốc Học Tiến Sĩ quyển Lục Kinh Huấn Truyện hơn mấy mươi vạn lời. Một sáng bỏ hết, bảo rằng đó chỉ là nghề mọn, chẳng phải là pháp rốt ráo, ta chỉ quyết về Tây phương mà thôi. Rồi ông mặc áo vải ăn rau, chỉ nghĩ tưởng Phật. Mỗi ngày lạy một ngàn lạy, gần sáng mới ngủ. Có lần làm Tịnh Độ Văn mười quyển, rất giản dị rõ ràng người xem đều tin phục. Một hôm ông lớn tiếng niệm Phật, lâu sau bỗng bảo rằng: "Phật đến đón ta" rồi an nhiên mà hóa. Người trong vùng mộng thấy có hai đứa trẻ mặc áo xanh đón ông đi về hướng Tây.

25. Phòng Chứ

Ông chết đột ngột vào âm phủ. Vua Diêm La nói: "Căn cứ vào sổ ghi việc lành thì ông đã từng khuyên một cụ già niệm Phật và ông ấy đã được sinh Tịnh độ, ông nhờ phước đó nên cũng được sinh". Chứ thưa: "Tôi còn muốn tụng một vạn quyển kinh Kim Cang." Nên bèn được cho về. Sau khi đã tụng đủ số thì lâm chung, có tướng lạ không sai với lời báo trước.

26. Tôn Biện

Ông người Võ Lâm, hiệu Vô Tránh Cư Sĩ (mẹ là Hồng Thị, có truyện riêng). Thuở nhỏ học kinh Dịch, ông bảo rằng: Dịch là Lý cùng Tánh rốt hà tất phải bo bo làm kế tiến thủ. Rồi ông đóng cửa tuyệt dấu không giao tiếp với thế tục. Ông chơi thân với Sa-môn Thủ Ninh, Sư

bảo rằng: Trời Bạch Lạc là để Nho sinh tu thân, Thích tử sửa tánh, ông có nghe chăng? Biện rất hiểu lời Tăng nói: Mỗi ngày xem các Kinh Hoa Nghiêm, Kim Cang, Di-đà. Có lần mộng thấy đến ao sen cùng Thanh Chiếu Hưởng Sư đứng một bên. Lại mộng thấy có một người cầm bức thư viết chữ Phạm bằng vàng, ông đọc không hiểu. Người ấy bảo: "Xin mười ba ngày trai mà thôi." Đến ngày mười ba tháng mười hai bỗng ông có bệnh, thỉnh Diệu Quang Luật Sư, Sư muốn cầu đảo cho ông, ông bảo: "Việc sinh tử đã định hà tất phải cầu". Bèn cùng Sư giảng giải về ý chỉ vãng sinh Tịnh độ. Rồi ông ngồi kiết già bắt ấn, ngồi quay mặt về hướng Tây mà hóa. Sáng hôm sau Thanh Chiêu đến nhập khám rồi trở về am, ba ngày sau Sư cũng tịch. Bấy giờ mới biết điềm ứng nghiệm việc hai người cùng đứng bên ao sen thuở nọ.

27. Vương Điền

Ông người ở Từ Khê Tứ Minh, hiệu là Vô Công Tẩu. Phàm Tông chỉ Thiền Lâm hay Giáo Quán Thiên thai ông đều thấu suốt. Ông soạn quyển Tịnh Độ Tự Tín Lục để nói ý chỉ của ba thân bốn độ. Lúc về già ông chuyên tâm niệm Phật, ngồi kiết già quay về hướng Tây mà hóa. Có mùi hương lạ đầy nhà, khi đốt khám thì nhặt được nhiều xá-lợi, loại to bằng hạt đậu có một trăm lẻ tám hạt.

28. Tôn Trung

Ông người Tứ minh, ăn rau trì giới sớm mộ pháp môn Tây phương. Ông cất một am ở phía Đông Quận Thành, đào hai cái ao trồng hoa sen trắng, giữa ao ông xây gác. Mỗi tháng ông tập họp đạo tục niệm Phật hạn kỳ ba ngày. Sau ông có bệnh, thỉnh đạo tục cả ngàn người đến niệm Phật. Bỗng ông ngước nhìn lên hư không chắp tay chào hỏi, tay bắt hai ấn, vui vẻ mà hóa. Cả thành đều nghe có tiếng nhạc trời và mùi hương lạ dần dần đi về hướng Tây. Hai người con ông cũng nối tiếp cha niệm Phật và ngồi mà hóa. Có lần ông nhân niệm Phật đã thấy thân Phật hiện giữa không trung. Ông liền bạch Phật: "Xin Phật thương con dừng đợi một chút để khiến hai con con cùng đến chiêm lễ." Ông liền chạy ra ngoài tìm hai con về. Phật dừng khá lâu. Về sau người ta nhân đó gọi đất ấy là "Chỗ Phật dừng" (cũng có sự tích khá xưa ở truyện Pháp Hoa).

29. Cửu Định Quốc

Ông hiệu Tỉnh Trai, làm Châu Học Dụ. Ông thường niệm Phật,

đọc các Kinh Tịnh Độ, kết xã Tây Quy để khuyên người. Năm đầu Gia Thái, ông lập viện Tịnh Độ ở Tuệ Quang tại Tiểu Giang. Ông xây tháp đá ở giữa ao làm chỗ để hài cốt đã thiêu của dân trong làng. Ông in Niệm Phật Đồ để phát không, ba ngày tám trong tháng ông tập họp Tăng Tục đến viện Tịnh Độ để tụng Quán Kinh và niệm Phật là việc bình thường. Năm Gia Định thứ tư, ông mộng thấy các trẻ mặc áo xanh đến báo rằng: "Phật ra lệnh mời ông ba ngày phải đến nước ấy." Đến ngày, ông tắm gội thay áo, rồi ngồi yên niệm Phật mà hóa.

30. Lâu Phần

Ông là Danh Môn Trú Cẩm ở Tứ minh. Nhân người anh ở Bảo Châu hiểu rõ Phật lý, mỗi khi đàm đạo với các Sa-môn thì ông đứng bên rất thích nghe. Năm ông hai mươi hai tuổi bỗng có bệnh, bèn một lòng cầu về Tây phương, thưa cha mẹ rằng: Chỉ được sinh Tịnh độ thấy Phật là Đạo tối cao. Nhưng ông vẫn thỉnh Tăng nói pháp khai đạo, tụng Quán Kinh và bày tượng Phật ở trước giường nằm. Ông vui mừng nói: Đây thật là Thầy ta." Ông lại thỉnh Tăng niệm Phật ngàn tiếng. Bèn bảo: "Thân ta đang ở Tây phương." Rồi nhắm mắt quay mặt về hướng Tây niệm Phật mà hóa.

TRUYỆN VỀ CÁC SĨ THỨ VÃNG SINH :

1. Tống Mãn

Ở đời Tùy, ông người ở Hằng Châu. Khi niệm Phật thì ông lấy đậu nhỏ để ghi số, số đậu đến ba mươi chục hộc. Ông lại thiết trai ăn mừng. Phật và hai vị Đại sĩ hóa làm ba vị Tăng đến Hội khất thực. Tống Mãn thưa rằng: "Đệ tử nguyện sinh Tây phương, thầy đến dự ăn, rất hợp với bản tâm." Khi việc xong liền thấy hoa trời và mùi hương lạ nương hư không mà đi. Chưa bao lâu ông xoay mặt về hướng Tây ngồi mà hóa.

2. Cao Hạo Tượng

Ông người ở Đông Bình, ở ẩn tịnh tọa chuyên tụng kinh Vô Lượng Thọ. Trong khi quán tưởng thì thấy mình ngồi trên hoa sen đỏ trong ao ngọc. Lúc đầu ông chưa thấy Phật bèn ở trên hoa hết lòng chí kính, hé mắt nhìn thì thấy Phật có dung nhan màu vàng chiếu sáng rực rỡ từ xa. Một đêm ông thấy chúng Bồ-tát đến đón. Bỗng ông an nhiên mà hóa.

3. Ông Lão ở Phần Dương tại Bình Châu

Ông ở núi Pháp Nhẫn mượn phòng nghỉ đêm niệm Phật. Bỗng có

ánh sáng lớn chiếu khắp. Mọi người thấy ông lên liên đài mà đi.

4. Trịnh Mục Khanh

Người ở Vinh Dương, cả nhà đều niệm Phật. Đời Đường trong năm Nguyên Khai ông bệnh nặng. Có người khuyên dâng cá thịt ông dùng nhưng ông hết mức từ chối, tay luôn bưng lò hương cầu nguyện vãng sinh. Bỗng có mùi hương lạ xông ngào ngạt, ông an nhiên mà hóa. Người cậu là Thượng Thư Tô Đình mộng thấy hoa sen nở trong ao báu có Mục Khanh ngồi trên đó.

5. Trương Nguyên Tường

Người ở Trường An, ông luôn niệm Phật không ngớt. Một hôm bảo người nhà rằng: "Thánh nhân ở Tây phương đang đợi ta, ăn cơm xong thì cùng đến Tịnh Độ." Khi ăn xong quả nhiên ông đòi hương đèn rồi ngồi kiết già xây mặt về hướng Tây mà hóa.

6. Lý Tri Diệu

Người ở Trường An. Ông dẫn chúng làm năm hội niệm Phật (đời Đường trong năm Đại Lịch, Sư Pháp Chiêu ở Hành Châu mở năm hội niệm Phật. Nay Lý Tri Diêu làm năm hội cũng ứng với năm hội của Sư Pháp Chiêu, đúng năm ngày làm một hội). Bỗng ông ra khỏi nhà hướng lên không mà đảnh lễ. Trên không trung có tiếng nói rằng: "Ta báo Lý Tri Diêu, công thành quả liền nêu, mời anh về Tịnh độ, cùng bước lên Kim kiều." Ông liền đến giường ngồi yên mà hóa. Hương trời thơm nức.

7. Nguyên Tử Bình

Ông nương chùa Quan Âm ở Kinh Khẩu mà niệm Phật tụng kinh. Bỗng nghe trên không trung có âm nhạc, liền ngồi xây mặt về hướng Tây mà hóa. Mùi hương lạ mấy ngày chưa tan.

8. Tả Thân

Người ở Thiên thai. Ông thọ giới Bồ-tát với ngài Thần Chiếu. Ông khắc tượng ba Thánh, tụng kinh Pháp Hoa được ba ngàn bốn trăm bộ, Kinh Kim Cang hai vạn biến. Sau ông có bệnh, bảo con trai là Sa-môn Viên Tịch đọc Đề kinh Pháp Hoa, lại thọ thêm giới Bồ-tát. Ông mộng thấy ba người to lớn đứng bên bờ sông mời ông lên thuyền. Ông lại thỉnh Tăng tụng kinh Di-đà. Bỗng ông bảo: "Ta đã thấy hào quang của

Phật.” Rồi ông ngồi yên bắt ấn mà hóa.

9. Phạm Nghiễm

Nhà ông ở Võ Lâm. Ông đọc kinh Pháp Hoa, niệm Phật A-di-đà hằng ngày không bỏ. Bỗng ông thấy Đức Phổ Hiền Bồ-tát đến báo ông sẽ sinh về Tịnh độ. Qua đêm sau thì Phật và Bồ-tát đến đón. Người nhà nghe ông khiêm tốn tạ ân rằng: “Nghiễm là hạng người gì thật khó xứng đáng....” Rồi ông đến giường chấp tay mà hóa.

10. Tôn Lương

Nhà ở Tiền Đường. Ông ở ẩn xem Đại Tạng. Rất hiểu rõ ý chỉ Hoa Nghiêm. Ông từng thọ giới Bồ-tát với Đại Trí Luật Sư. Khóa tụng hằng ngày là hai vạn tiếng niệm Phật, suốt hai mươi năm không ngớt. Bỗng ông bảo người nhà thỉnh Tăng niệm Phật để giúp vãng sinh. Mới được nửa ngày ông hướng lên không trung chấp tay bạch rằng: Đức Thế Tôn Bồ-tát đã giáng lâm.” Rồi ông lui về ngồi yên mà hóa.

11. Diêu Ước

Nhà ở Tiên Đàm Tạp Xuyên. Ông chuyên tâm về nội điển. Có vị Tăng đến yết kiến. Ông bèn lánh mặt ở ngõ phía Đông, bảo là không để tục đứng trước Tăng. Giác Hải Hữu Sư khuyên người trong làng kết xã Tịnh Độ, thật ra là do Ước đứng làm việc ấy. Bỗng ông bảo Hữu rằng: “Tôi chán kiếp phù sinh đã lâu, không biết ngày nào về Tây phương, thầy nên niệm Phật trợ lực giúp tôi.” Sư Hữu bèn mỗi ngày đến trì tụng. Một hôm ông đến tòa mà hóa. Rồi ông báo mộng cho Sư Hữu rằng: “Ước đã vãng sinh là nhờ sức của thầy đó.” Hữu đáp: Muốn theo ông dạo chơi được chăng? Ước nói: “Thọ mạng của thầy chưa hết, ông Cảnh Ý ở trong chùa phải đi trước.” Vừa tròn một tháng thì quả đúng, bởi Ý là bạn đồng xã với Sư Hữu.

12. Mai Phước

Người ở Tòng Giang, ông tụng kinh trì giới và niệm Phật Tịnh Độ. Khi lâm chung ông dự biết trước, liền nhịn ăn chỉ uống nước và niệm thế chí Bồ-tát. Đến bảy ngày thì ông tắm gội thay áo, ngồi yên cáo biệt đại chúng rằng: “Đức Thế Chí Bồ-tát đã đến đón ta.” Rồi ông đến tòa ngồi mà hóa.

13. Hồ Cảo

Nhà ở Tạp Xuyên., Bình thời làm nhiều Phật sự. Bỗng mộng thấy Phật bảo rằng: “Ngươi nên cất nhà đón ta.” Cảo bèn đến Minh Nhân lập gác Di-đà cho hợp với giấc mộng. Vào đêm lâm chung ông bỗng bảo: “Phật phóng quang chiếu thân ta.” Rồi ngồi yên mà hóa.

14. Đường Thế Lương

Người ở Cối kê. Ông trì giới ăn chay niệm Phật lễ bái. Đến tuổi già, dầu bệnh ông cũng không đến gối nằm. Ông tụng kinh Di-đà mười vạn lượt. Ông gọi người nhà bảo rằng: “Đức Phật đến đón ta.” Nói xong ông lễ Phật rồi đến ngồi mà hóa. Ông muốn từ biệt Lợi Hành Nhân, lúc đó đang ở trong núi Đạo vị. Đêm Sư mộng thấy ở phương Tây có ánh sáng lạ, có tràng phan hoa hương và nhạc trời. Trên không trung lại có tiếng nói rằng “Đường Thế Lương đã về Tịnh độ.”

15. Lục Vĩ

Ông người Tiền Đường làm Châu Đô Duyện. Tuổi trung niên ông chán đời niệm Phật, dẫn chúng kết Pháp Hoa và Hoa Nghiêm hai xã, mỗi xã có trăm người. Theo phép mỗi ngày mỗi người ở nhà tụng một quyển, cuối tháng thì cùng đến chùa mà tụng, cuối ngày thì về. Như thế suốt 20 năm. Bèn thành hội lớn, ông đích thân viết tay các kinh Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Lăng-nghiêm, Viên Giác, Kim Cang, Quang Minh... Tuổi về già con cháu đều lưu lạc nên không còn phiền lụy gì. Bỗng một hôm ông thay áo ngồi yên niệm Phật mà hóa.

16. Lý Ngạn Thông

Nhà ở Cối kê, làm thợ rèn. Nhân năm Khai Nguyên có hội niệm Phật bèn đến dự. Bỗng ông ngộ đời là vô thường, bèn quy tâm về Tịnh độ. Một hôm bị bệnh, ông vội nói: Ta dạo cõi Tịnh độ thấy hai cửa đóng chặt. Ta dừng lại thì thấy Lợi Hành Nhân mở cửa dẫn vào. Ta thấy ao sen, lầu các, Phật và chúng Bồ-tát.” Bèn thỉnh hai hành nhân là Hy Kinh và Đạo Quả đến ngồi trước giường nói pháp để sách tấn. Cả nhà cùng niệm Phật, ông ngồi quay mặt về hướng Tây mà hóa.

17. Lục Lăng

Nhà ở Tiền Đường, thuở nhỏ làm việc ở Công Môn. Lâu sau bèn bỏ việc, lấy Tịnh Độ làm nghiệp chính. Ông tham dự hội Niệm Phật ở Tây hồ. Mỗi khi ở trước Phật Sám Hối thì chí thành ứa lệ. Bạn Đạo gặp nhau nói nhân duyên Tịnh Độ vừa hơn mười câu thì buồn rầu than thở

chỉ sợ đời này không thoát, Tam-muội không thành, vãng sinh không được chưa thấy được Phật., Khi lâm chung ông có bệnh, thỉnh Viên Tịnh Luật Sư đến nói pháp môn Tịnh Độ, tụng Quán Kinh đến thượng phẩm thì Sư Viên Tịnh bảo ông rằng: "Đi lúc này rất tốt." Lăng đáp: "Thánh chúng chưa đủ xin đợi chốc lát." Rồi ông ngồi dậy đến giường tre ngồi yên quay mặt về hướng Tây chốc lát liền hóa.

18. Phùng Dân

Người ở Thượng Ngu. Thuở nhỏ đi săn. Có con rắn to làm hại dân làng. Dân ôm kích đến tìm, thấy rắn ở dưới hang đá đang ghìm nhau với Hoàng Đặc. Dân bèn xô cục đá lớn đè rắn. Cuối cùng rắn chết. Sau mỗi khi suy nghĩ Dân lo rắn báo thù. Bèn cầu Phật cứu thoát, quyết chí tu sám niệm Phật cầu về Tây phương, như thế suốt mười năm. Một hôm ông thỉnh bạn đồng tu trong xã giúp nhau tụng kinh Di-đà và niệm danh hiệu Phật. Kế tụng Phổ Hiền Sám Tội và Kệ Nguyện Vãng Sinh. Rồi ông ngồi nghiêm chắp tay mà hóa.

19. Huỳnh Đả Thiết

Ông ở Đàm Châu. Mỗi khi ra công đập sắt ông thường niệm Phật không dứt. Một hôm không bệnh ông nhờ người hàng xóm viết dùm lời kệ rằng: "Ngày đêm đinh đinh đang đang, luyện lâu thành gang, thái bình gần đến, Ta về Tây Phang." Rồi ông ngồi mà hóa.

20. Kế Công

Ông là thợ sắt tại Đào Nguyên ở Tứ minh. Năm ông vừa bảy mươi tuổi thì cả hai mắt đều không thấy. Trong làng có Khải Học Dụ lấy Bích Khóa Đồ để ấn thí, khuyên người niệm Phật. Kế Công lúc đầu nhận một bản đồ, niệm đủ ba mươi sáu vạn tiếng, niệm đến bốn bản đồ thì cả hai mắt đều sáng ra. Như thế được ba năm, ông niệm đến hết mười bảy bản đồ. Một hôm niệm Phật bỗng ông đứt hơi, nửa ngày sau tỉnh lại, ông bảo: "Ta thấy Phật Bồ-tát bảo chia sáu bản đồ cho Khải Học Dụ, ấy là công đầu hướng dẫn niệm Phật, một bản đồ cho Lý Nhị Công, là người vẽ bản đồ dặn con đến tạ ơn Học Dụ. Nói xong ông tắm gội quay mặt về hướng Tây ngồi mà hóa.

21. Từ Lục Công

Ông là nông dân ở Gia Hưng. Ông Bà đều ăn chay và thờ tượng niệm Phật, như thế đã bốn mươi năm. Nhiều lần ông mộng thấy mình

dạo cõi Tịnh Độ. Dự biết trước làm một cái khám. Đến ngày lâm chung, ông thay áo mang giày cỏ, vào khám ngồi nghiêm. Chốc lát bảo rằng: “Phật đến đón ta.” Rồi an nhiên mà hóa.

22. Thẩm Tam Lang

Nhà ở Lâm An, chuyên buôn bán. Tuổi già hồi tâm niệm Phật. Một hôm có bệnh, ông thỉnh Tăng đến giảng kinh Di-đà rồi đặt bày tôn tượng. Một hôm vào đêm lâm chung, ông thay áo mà hóa. Chốc lát lại ráng sức co chân muốn ngồi dậy. Hai người con cho việc đổi khám là việc khó, bèn kéo chân thẳng ra. Khoảng nửa ngày sau định liệm lại thì ông cử động tay lột áo khăn liệm ra mà ngồi dậy, cả nhà sợ điếng bỏ trốn hết, hai người con đến trước phò giúp. Sợ con kéo chân nữa ông lấy cùi chỏ hất ra. Người con bảo: Chỉ muốn giúp cha ngồi mà thoát thần. Khi trà-tỳ thì có hai mươi chín con bạch hạc bay lượn trên mây, hồi lâu mới bay về hướng Tây.

TRUYỆN CÁC NGƯỜI NỮ VÃNG SANH:

1. Hoàng hậu Tùy Văn Đế

Bà tâm rất kính Đại thừa, thường niệm danh hiệu Phật. Buổi chiều bà lâm chung có mùi hương lạ đầy cung. Lúc đó Ni Sư Đại Minh với hoàng hậu rất mến nhau. Mỗi khi niệm Phật bà đều thay áo sạch và súc miệng bằng nước trầm hương. Bỗng chúng nghe mùi trầm hương nồng nặc dị thường. Chốc lát có ánh sáng như vầng mây đến đón rước, rồi đi về Tây.

2. Kinh Vương Phu Nhân: Vương Thị

Trong khoảng năm Nguyên Hựu, bà tu nghiệp Tịnh độ rất chuyên cần, riêng có một người thiếp lười nhác. Phu nhân muốn đuổi đi. Người thiếp khóc lóc ăn năn rồi hết sức tinh tấn. Một hôm mùi hương lạ đầy nhà, người thiếp không tật bệnh mà qua đời. Bỗng phu nhân nằm mộng thấy người thiếp đến tạ ân rằng: “Nhờ phu nhân dạy bảo nay đã được vãng sinh.” Phu nhân hỏi: “Ta có thể đến Tây phương chăng?” Người thiếp đáp: Chỉ đi theo thiếp. Phu nhân bèn đi theo, thì thấy có hai ao đều có sen trắng, nhưng có hoa tươi hoa héo. Người thiếp nói: “Đây đều là người ở thế gian phát tâm tu Tây phương cả. Ở thế gian vừa phát một niệm tu Tây phương thì trong ao liền mọc một hoa, tùy theo sự chuyên cần hay biếng nhác mà tươi héo khác nhau”. Có một người mặc triều phục ngồi trên hoa, áo phất phới bay theo gió, liền thấy có mão báu

chuỗi anh lạc trang sức ở thân. Người thiếp nói: "Đây là Dương Kiệt". Lại có một người mặc triều phục ngồi trên hoa, cái hoa ấy hơi héo, người thiếp bảo: "Đây là hoa của Mã Vu". Người thiếp dẫn bà đến phía trước mấy dặm thì thấy xa xa có đàn bằng vàng, ánh sáng giao chiếu rực rỡ. Người thiếp nói: "Đấy là chỗ phu nhân hóa sinh thượng phẩm thượng sinh". Lần lượt hỏi thăm thì Dương Kiệt đã chết còn Mã Vu không bệnh chi. Sau phu nhân vào ngày sinh, bưng lò đốt hương ở Quan Âm Các. Rồi bà đứng mà hóa (Kinh Vương là Tập, con của Huy Tông).

2. Ngô Thị Huyện Quân

Là vợ của Đô Cung Lã Hoằng. Hoằng nhân có vị Tăng lạ đến khuyến hóa mà diệu ngộ Phật lý. Ngô thị xem Kim Cang Kinh Tụng cũng được khế hợp lẽ không tịch. Vợ chồng đều trai giới suốt bốn mươi năm. Ngô thị bỗng thấy ba đôi chân lớn đều đứng trên hoa sen vàng. Được mấy ngày thì thấy đến gối, được mấy ngày sau lại thấy thân hình, mấy ngày nữa lại thấy mặt, mắt đầy đủ, đó là ba Thánh nhân Phật và Bồ-tát. Lại thấy điện gác, cảnh giới rất thanh tịnh. Có người nam hỏi người kia: "Đức Phật nói pháp như thế nào?" Người ấy đáp: "Tôi chỉ được Thiên nhãn thông mà chưa được thiên nhĩ thông." Như thế suốt ba năm. Một hôm bà có bệnh nhẹ, tự bảo: "Ta sắp về Tây phương." Nói xong thì qua đời. Bà từng thờ Đức Quan Âm, bày cúng hơn mấy mươi bình đựng đầy nước. Bà tay cầm nhành dương liễu tụng chú thì thấy Đức Quan Âm phóng quang rót nước vào các bình ấy. Ai có bệnh uống vào đều lành. Người đời nhân đó gọi bà là Quan Âm Huyện Quân.

3. Thái Thị Huyện Quân

Bà ở Võ Lâm, tuổi trẻ sớm góa chồng, bà trì kinh niệm Phật, mỗi sáng đều lễ tượng Phật suốt hai mươi năm. Bỗng bà thấy hoa sen vàng hiện lên không trung. Bà vội đòi cuốn sổ ghi các khóa tụng hằng ngày lúc bình thời của bà, nhưng cuốn ấy đã hư. Bà bèn ngồi yên mà hóa.

4. Phùng Thị

Là con gái của Thiếu Sư Tuân, là vợ của Thừa Tuyên Sứ Trần Tư Cung. Thuở nhỏ bà rất nhiều bệnh, bà theo ngài Từ Thọ Thâm Thiền sư học giáo pháp trì trai giới tụng kinh niệm Phật hơn mười năm, lại càng tinh tấn. Bà gọi thân tộc bảo rằng: "Ta ở cõi thanh tịnh vì mất chánh niệm mà đến đây. Duyên cõi Chi- na hết thì liền sinh Tây phương." Một hôm bảo người hầu rằng: "Thần thức ta dạo cõi Tịnh Độ được lạy

ba Thánh, hễ nghe ta nói lời này thì phải niệm Phật gấp bội.” Bà nằm nghiêng bên hông phải mà hóa. Suốt ba ngày hương thơm sực nức.

5. Lục Thị Nghi Nhân

Nhà ở Tiền Đường, là vợ của Triều Thỉnh Vương Dư, thường tụng Pháp Hoa. Tuổi về già càng dốc chí. Lễ sám Tịnh Độ, niệm Phật một hội cả vạn tiếng, suốt ba mươi năm như thế. Nhân có bệnh nhẹ, bỗng bà nghe có tiếng trống trời tự kêu vang, người đều kinh dị. Bà liền ngồi quay mặt về hướng Tây mà hóa, hai tay còn bắt ấn. Nối tiếp truyền Tịnh Độ có Lục Sư Thọ là cháu của bà.

6. Chu Thị Như Nhất

Bà là cháu của Chu Hoàng hậu Khâm Thành. Bà về ở với Tiết Quân tại Tứ Minh thêu một bộ kinh Pháp Hoa mười năm mới thành. Đến Dụ Hóa Thành thì trên mũi kim thêu xá-lợi bằng hạt thóc liền nhau được mấy mươi hạt. Bà thêu một chữ lạy một lạy, lạy Pháp Hoa thì một chữ lạy ba lạy. Riêng Đề Kinh có đến bốn vạn tám ngàn lạy. Bà tụng kinh Pháp Hoa ba tháng thì thông suốt. Bà khắc Phách Hòa Đồ để khuyên người niệm Phật, số người niệm được dạy niệm đủ mười vạn tiếng, trong số hai mươi vạn người chỉ có mình Chu Thị, sớm tối tụng niệm không thể đếm được. Năm Thiệu Hy thứ tư bà làm tràng phan báu che bộ kinh thêu rước về Nam Hồ, đãi cơm ngàn Tăng để làm lễ mừng. Năm ấy bà có bệnh nhẹ, thỉnh Tăng niệm Phật, bỗng bà đứng dậy ngồi kiết già. Tiết Quân bảo rằng: “Nhà ta không có lệ đó”, do đó bà nằm thế kiết tường nghiêng bên hông phải mà hóa. Người nhà nằm mộng thấy bà nương đám mây nhiều màu hướng về phía Tây mà đi.

7. Lâu Thị Tuệ Tĩnh

Bà là cháu của Dương Soái Lâu Thọ ở Tứ Minh xuất giá theo Châu Nguyên Khanh ở Tư Bộ từng nếm mùi truyền đăng, phát minh tâm địa, rất trọng Tịnh nghiệp, coi đó là chân tu. Tuổi về già có bệnh. Bỗng thấy liên đài màu tía có vô số hóa Phật, mùi hương lạ đầy nhà, liền bảo người nhà niệm Phật nhiều lên, chốc lát liền hóa.

8. Chu Thị Diệu Thông

Bà là con gái của Chu Nguyên Khanh. Bà luôn cảm về điềm đài hoa vãng sinh cuả mẹ, nên bà thường tụng kinh niệm Phật nguyện sinh An Dưỡng. Trong khi bệnh, bà thỉnh Tăng hành sám lễ, tự thấy thân

mình mặc áo sạch mới, ở trên lầu đài, đảnh lễ niệm Phật. Bà gọi người nhà bảo rằng: "Các ngươi nên chuyên cần tu tịnh nghiệp, ta sẽ ở cõi Tịnh Độ đợi các ngươi." Rồi bà nằm thế kiết tường nghiêng bên hông phải mà hóa.

9. Tần Thị Tịnh Kiên

Nhà ở Tòng Giang. Bà chán ghét thân nữ, bà và chồng ở riêng đều chuyên trì trai giới. Bà xem Kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Quang Minh, Bát-nhã không có ngày rảnh. Sớm tối bà tu Di-đà Sám, ngày lạy ngàn lạy. Lâu sau bèn có ánh sáng chiếu vào nhà. Bà xây mặt về hướng Tây niệm Phật ngồi yên mà hóa.

10. Trinh Thị Tịnh An

Nhà ở Tiền Đường. Bà niệm Phật tụng kinh không để ngày luống qua. Sau có bệnh, bà cầu nguyện với Phật thì nghe trên không trung có tiếng nói rằng: "Ngươi tu hành có kỳ hạn không được lười trễ." Bà lại được thấy thân Phật màu vàng ròng. Bà liền hăng hái trỗi dậy ngồi nghiêm xây mặt về hướng Tây, mời con trai là Tăng Nghĩa Tu tụng kinh A-di-đà, rồi ngồi yên mà hóa. Người con gái bà mộng thấy mẹ báo rằng: "Ta đã được sinh Tịnh độ, nên nói cho Sư Nghĩa Tu biết."

11. Vu Phật Tử Tần Thị Tịnh Lạc

Nhà ở Tiền Đường, chồng họ Vu, làm nghề bán cá. Có người con trai chuyên buôn bán thường bị việc quan. Tần thị rất sầu khổ, không bao lâu định trầm mình xuống sông tự tử. May gặp Chiêu Sư ở chùa Tịnh Trụ. Sư khuyên có điều buồn rầu này là do oan gia đời trước, trầm mình tự vẫn không bằng niệm Phật. Tần Thị chợt tỉnh bèn hồi tâm, liền đốt một ngón tay nguyện trường trai ba tháng, niệm Phật suốt mười năm không lười trễ, được mọi người đều gọi là Phật tử. Một hôm bà thỉnh hành nhân trì giới đến tụng Quán Kinh. Mỗi một Quán bà đọc một ngàn danh hiệu Phật. Đến Tượng Quán thì bà bỗng nhiên thác hóa.

12. Huỳnh Thị ở Tứ minh

Bà sớm mất chồng bèn về ở nhà cha mà tu Tịnh nghiệp. Khi lâm chung bà niệm Phật bắt ấn mang giày đi kinh hành rồi đứng sửng mà hóa. Người nhà rải tro trên đất để tìm hiểu nơi thọ sinh, thì thấy có một cành hoa sen từ tro mọc lên.

13. Viên Thị ở Tiền Đường

Nhân đến ngài Linh Chi thọ giới Bồ-tát, Bà liền bỏ rượu thịt tiến tu Tịnh nghiệp, cả nhà đều nghe lời bà dạy bảo, suốt hai mươi năm không thay đổi chí ban đầu. Một hôm có bệnh bà thỉnh Luật Sư Viên Tịnh nói pháp. Bỗng thấy Phật và chúng Bồ-tát hiện ra trước. Bà ngồi ngay thẳng mà hóa.

14. Bà Lão Trần Thị ở Tiền Đường

Bà thọ giới Bồ-tát với ngài Linh Chi, chuyên tâm niệm Phật mỗi ngày lễ ngàn lạy. Thường có xá-lợi hiện trên án kinh. Khi lâm chung bà thấy có Hóa Phật đến đón. Quay nhìn người chung quanh nói chưa xong câu thì im lặng mà hóa.

15. Vương Thị ở Võ Lâm

Thường tụng kinh Pháp Hoa niệm Phật cầu cứu độ. Một hôm thấy Bồ-tát thân rất to hiện đứng trên không trung, bèn lên tiếng niệm liên hồi "Bồ-tát cao lớn! Bồ-tát cao lớn!" Lại nói "e thân nữ chân dơ khó lên hoa đài." Nói xong liền hóa.

16. Tôn Thị ở Tứ minh

Bà ở góa giữ trai giới, lễ tụng niệm Phật suốt ba mươi năm không lười trễ. Bà may áo chăn giầy, vớ cúng thí cho Tăng nhiều vô kể. Một hôm bà có bệnh nhẹ, thấy một người lạ đứng trước giường bảo rằng: "Phải nên siêng năng tinh tấn." Lại thấy có tám vị Tăng đi nhiễu quanh Sám thất, bà cũng đắp mạng y theo Tăng hành đạo. Bà bèn tắm gội thay áo sạch, thỉnh Tăng hành sám. Ở trước đại chúng bà ngồi ngay thẳng tụng kinh, đến câu "Nhất tâm bất loạn" thì tay trái bà bắt ấn rồi im lặng mà hóa. Người xa gần đều nghe có tiếng nhạc trổi lên trên không trung.

17. Hồ Trường Bà Lý Thị ở Thượng Ngu

Sau khi chồng mất, bà ngày đêm lớn tiếng tụng kinh Di-đà suốt hơn mười năm. Một hôm có vị Tăng che dù bằng lụa đào bảo rằng: "Giờ Tý đêm rằm tháng này thì ngươi sẽ đi." Bà hỏi thầy là ai? Đáp rằng: "Ta là người ngươi thường niệm đó." Bà bèn đến cáo biệt các thân tộc. Đúng ngày hẹn quả có mùi hương lạ và ánh sáng. Bà bèn ngồi nghiêm mà hóa. Bảy ngày sau làm lễ trà-tỳ, răng như ngọc trắng lưỡi như sen hồng, con ngươi trong như trái nho đều bền chắc không hư nát,

xá-lợi nhiều vô kể. Ngày hôm sau ở chỗ thiêu thân mọc lên một hoa sen như cái bình to.

18. Cô gái họ Vương ở An Kiết

Hằng ngày cô tụng các Kinh Di-đà, Quan Âm, Kim Cang, niệm Phật cầu được độ. Bà mẹ bệnh mất, máu xấu ứa giọt chảy ra. Cô gái phát nguyện nếu lòng hiếu kỉnh của con chân thật thì xin hơi thúi không sinh, nói xong thì máu không chảy nữa, lấy lưỡi liếm chỗ chảy máu thì tuyệt không hôi hám. Người cha cưới bà vợ sau cũng cùng tu tịnh nghiệp. Cô gái có bệnh, thỉnh Tăng nói pháp Tịnh Độ Quán. Bỗng cô đòi thay áo, rồi nằm thế kiết tường, tay cầm phan trong tay Quan Âm rồi yên lặng không động đậy. Bà kế mẫu rải tro than trong nhà để biết nơi cô thọ sinh, thì thấy trong tro mọc ra mấy đóa hoa sen.

19. Thạnh Thị ở Tiền Đường

Hằng ngày tụng Quán Kinh và niệm Phật không ngớt. Một hôm có bệnh, bà tắm gội xong xây mặt về hướng Tây hỏi người nhà rằng: "Có nghe tiếng khánh chăng, Thánh chúng Tịnh độ đã đến." Rồi bà chắp tay vui mừng bảo: Đức Phật và Bồ-tát đã đến, Đức Quan Âm tay cầm Kim đài và Đức Như Lai đến đón ta lên tòa." Rồi bà yên lặng mà hóa.

20. Thẩm Thị ở Tiền Đường

Bà niệm Phật hơn mười năm, ngày càng tinh tấn, bảo thợ vẽ tượng Phật Di-đà cao tám thước. Khi bệnh bà đặt tượng trước giường nằm, vui vẻ bảo rằng: "Tôi thật may mắn!" Rồi thỉnh Tăng niệm Phật trợ lực. Bỗng bà nói: "Ta thấy một vị Tăng cao lớn trao cho ta Kim đài", bèn ngồi trước tòa tay cầm góc nệm gấm thì tòa liền di chuyển. Sợ có chướng duyên, bà mong chúng niệm Phật nhiều hơn, chúng đều mạnh mẽ lớn tiếng niệm Phật. Một lúc lâu bà bảo rằng: "Do công đức niệm Phật ta đã lên ngồi Kim đài, chuyến đi này sẽ không trở lại nữa." Rồi bà nhắm mắt mà hóa.

21. Diêu Bà ở Trường An

Nhân có bà Phạm Hành khuyên bà niệm Phật. Khi lâm chung thấy Phật và Bồ-tát đến đón. Bà thưa: "Con chưa từ biệt Phạm Bà, xin Phật tạm chờ chốc lát." Phút chốc Phạm Bà đến. Khi đó Đức Phật còn hiện trên không trung. Bà bèn kể lại các sự thấy nghe đặc biệt ấy rồi

chắp tay mà hóa.

22. Ông Bà Ước Sơn ở Phần Dương

Hằng ngày ông bà luôn than thở cõi đời vô thường không có một niềm vui. Những ngày tối trời bà thỉnh hai vị Tăng niệm Phật suốt đêm. Sáng hôm sau thiết trai lễ, chính tay cung phụng. Vào đêm bà lâm chung, mọi người đều thấy hào quang rọi vào nhà, bảo cái đầy sân, bỗng bà hóa.

23. Cô gái họ Bùi ở Phần Dương

Cô chuyên tâm niệm Phật, dùng hạt đậu nhỏ để tính số, chứa đầy mười ba thạch. Ngày lâm chung, cô xin lửa để đốt hương, và bảo rằng: “Đức Phật cho ta Kim đài ta sẽ vãng sinh.”

24. Vợ của Ôn Tĩnh Văn ở Phần Dương

Bà bệnh nằm trên giường, chồng khuyên niệm Phật, suốt hai năm không dứt tiếng. Bà bảo chồng: “Tôi đã thấy Đức Phật và Bồ-tát ở Tịnh độ, tháng sau thì đi.” Đến ngày hẹn thì thấy có hoa sen vàng sáng như mặt trời.

25. Cô gái họ Mạnh ở Lễ Tuyền

Cô bệnh nặng đã lâu, Sa-môn khuyên cô niệm Phật suốt ba năm. Cô gọi chồng bảo hãy gấp báo cho thân tộc đến tiễn đưa nhau. Khi tập họp đầy đủ cô đốt hương cùng chúng niệm Phật. Thấy trên không trung có vị Sa-môn tay cầm tích trượng bảo: “Ngươi sẽ vãng sinh.” Rồi Phật và Bồ-tát hiện đến tràng phan và hoa đầy trên không trung rồi cô chợt hóa.

26. Cô gái họ Lương ở Phần Dương

Hai mắt đều mù, gặp vị Sa-môn khuyên cô niệm Phật, trải ba năm thì hai mắt sáng lại. Sau bỗng cô thấy Phật và Bồ-tát có tràng phan bảo cái đến đón, ngay ngày ấy cô qua đời.

27. Đạo Giả Trần Thị niệm Phật

Bà là mẹ của Trách Thiền Sư. Sư ở chùa Phổ Hội tại Quảng Bình đến rước Phương Trượng Đông Thất cạo tóc cho bà xuất gia, sớm chiều niệm Phật, cả bốn chúng đều gọi bà là Đạo Giả. Sau bà có bệnh tập họp Tăng Ni đánh khánh niệm Phật hai ngày, bỗng bà chắp tay chiêm

ngưỡng tượng Phật, yên lặng mà hóa. Sáng hôm sau trên đảnh đầu vẫn còn ấm, sắc mặt tươi tắn. Trước đó một ngày Sư mộng thấy mẹ bảo rằng: "Ta thấy có mười mấy Ni Sư đến mời ta. Sư bảo đây là điềm vãng sinh. Nói xong thì bà ngồi mà hóa, sắc mặt biến trắng. Sự việc quả đúng như thế.

28. Trần Thị ở Ngô Hưng

Bà thọ trai giới, tụng kinh Pháp Hoa năm ngàn bộ, Kim Cang, Di-đà các kinh mỗi thứ một Tạng, niệm Phật trọn ba mươi năm. Một hôm bà nhịn ăn, người nhà hỏi bà cần điều chi? Bà đáp: "Muốn được gặp Phật." Nói xong thì bà nằm nghiêng bên phải mà hóa.

29. Hồ Thị Tịnh An ở Cối kê

Bà lễ bốn hội về tám vạn bốn ngàn tướng hảo Phật A-di-đà. Bỗng bà có bệnh, thấy Phật đến đón. Rồi ngồi yên mà hóa. Người đi đường nghe trên không trung có tiếng nhạc tấu rồi ẩn hiện đi về hướng Tây.

30. Cô gái họ Tôn ở Tiền Đường

Cô thường niệm Phật trì chú. Nhân có bệnh thỉnh Luật Sư Thanh Chiêu đến thưa rằng: "Con bệnh lâu ngày chán đời muốn xin cầu vãng sinh". Sư nói cho nghe nhân duyên Tịnh độ, cô rất mừng rỡ. Đêm đến mộng thấy Sư đưa cho một chén thuốc, uống vào vả mồ hôi, thâm tâm rất nhẹ nhàng khoan khoái. Ba ngày sau bảo người hầu rằng: "Tôn giả Ca-diếp đến đây, tòa hoa sen vàng rất đẹp." Rồi cô nhắm mắt bắt ấn mà hóa.

31. Quách Thị Diêu Viên ở Nhân Hòa

Bà trường trai niệm Phật, tụng kinh Pháp Hoa, Di-đà và hai Sám. Bà thường quán mặt trời lặn để tưởng Tây phương. Bỗng trong không trung có tiếng bảo rằng: "Quách Diệu Viên quyết định sinh Tịnh độ." Thanh Chiêu Hưởng Luật Sư là anh bà, có lần đến chùa lập hội Niệm Phật, bà làm lễ thiết trai một trăm Tăng để trang nghiêm Tịnh độ. Lúc lâm chung bà thỉnh Hưởng Sư đến nói pháp cầu Phật tiếp dẫn. Ngay khi ấy bà ngồi ngay thẳng yên lặng mà hóa.

32. Bà Chu Hành

Nhà ở Châu Thái Bình, tuổi trẻ đã chuyên chú niệm Phật. Một hôm quỳ niệm Phật bỗng yên lặng mà hóa. Người hàng xóm thấy có

mấy vị Tăng dẫn bà từ nhà bước ra rồi bay lên không trung mà đi.

33. Cung Thị ở Tiền Đường

Bà ngày đêm niệm Phật, tụng kinh Di-đà. Bỗng bà có bệnh thỉnh Luật Sư Hưởng chỉ bày việc Tây quy, Sư giảng nói chưa xong thì bà ngồi yên mà hóa. Người thiếp già là Can Thị cũng niệm Phật không ngớt. Một đêm mộng thấy Cung Thị về bảo rằng: "Ta đã được sinh, còn ngươi bảy ngày sau cũng sẽ vãng sinh." Đến ngày hẹn quả nhiên người thiếp qua đời.

34. Chung Bà ở Gia hòa

Bà hằng ngày tụng kinh Di-đà mười quyển, ngoài ra thì niệm Phật, hai mươi năm giữ y như thế. Một hôm bà bảo người con rằng: "Ta thấy hoa sen trắng vô số. Có một người phụ nữ đoan trang mặc áo đẹp đứng trước ta. Lại có chúng Tăng ở đây lấy gì cúng dường?" Người con nói không thấy chi cả. Rồi bà không nói năng ngồi yên thẳng mình mà hóa.

35. Huỳnh Bà ở Triều Sơn

Bà trì tụng Kim Cang, Pháp Hoa, chuyên tâm niệm Phật. Trong mùa nắng bà bỗng bị bệnh lỵ, chỉ uống nước không ăn. Sa-môn Thiện Tu ở Am Lân thường lập hội Niệm Phật. Bà đang bệnh muốn thỉnh Sư Thiện Tu. Sư mộng thấy bà đến thưa rằng: "Tôi sắp về Tây phương." Sư Tu chưa lấy gì làm lạ. Qua hai ngày thì bà ngó về hướng Tây niệm Phật mười tiếng, rồi ngồi yên mà hóa. Xa gần đều thấy có ráng hồng bao phủ nhà bà.

36. Chu Thị ở Hạp Xuyên

Bà niệm Phật ba mươi năm. Mỗi khi bà tụng kinh Kim Cang thì cho là có Thánh hiền đang có mặt nên không dám ngồi xoạc ra. Sau bỗng bà nhịn ăn bốn mươi ngày, chỉ uống nước và niệm Phật. Trước đó bà mộng thấy có ba vị Tăng vào nhà đều cầm hoa sen bảo bà: "Ta trước đây vì ngươi trồng các hoa sen này, vậy ngươi nên trở về." Khi tỉnh dậy bà rất vui mừng. Bèn thỉnh Tăng chúng niệm Phật trợ lực. Rồi bà đến tòa ngồi mà hóa.

37. Cô Tịnh Tâm ở Tứ minh

Không biết cô họ gì. Cô chích máu tự vẽ hình tượng ba Thánh

Phật và Bồ-tát trên lụa, gỗ đến cả ngàn bức đem cho khắp mọi người. Trên hình đề rằng: Chánh tín nữ Tịnh Tâm nguyện "Nguyện tu tịnh nghiệp, mau được thành tựu, không vào thai mẹ, hóa sinh ao sen." Sau không biết cô chết ở đâu.

38. Chu Thị ở Gia hòa

Cùng bà họ Tôn người thường dân, đồng ông bà, thường luôn niệm Phật, cảm được tượng Phật trong nhà có ánh sáng như đom đóm, hoặc có khi hiện ra hoa tươi hoặc hiện ra tượng Phật và Bồ-tát. Cả ba lần đều nghe tiếng nhạc trời hoặc trên không trung có tiếng tụng kinh.

39. Đào Thị ở Thường Thục

Bà ở góa thường trì tụng phẩm Phổ Môn. Bà mộng thấy có người áo trắng trao cho hoa sen bảo bà ăn. Lại mộng thấy có vị Phạm Tăng trao cho bà quyển kinh Di-đà. Khi thức dậy bà liền tụng được không cần nhờ thầy truyền trao. Một đêm màn trướng đều sáng rực, có tượng Di-đà đứng trên hòm Kinh. Mỗi khi tụng kinh thì trên kinh đều hiện ra xá-lợi lượm để dành cả hộp (cả ba người trên lúc còn sống đã có điềm đặc biệt như thế thì khi lâm chung tất là vãng sinh, nhưng trước đây không nói mà thôi."

40. Hạng Thị Diệu Trí

Người ở Ngân Sơn Tứ Minh. Bà ở góa nuôi hai con gái đều cho xuất gia làm Ni, cùng ở tại Am Dương Thị, gặp ai bà cũng khuyên niệm Phật. Khi tuổi già bỗng bà bị bệnh, bà gọi con gái là Ni bảo rằng: "Có nhiều Tăng Ni đang đợi ta về Tây phương." Bà bèn thỉnh người niệm Phật. Chợt bà bảo: "Ta muốn ngồi mà hóa, mà lại mua cho ta áo quan." Con gái bảo: Đức Phật còn dùng Kim Quan, có hiềm gì đâu? Bà mẹ mừng rỡ liền tụng Thượng Phẩm Quán. Rồi bà quay mình xây mặt về hướng Tây, hai tay bắt ấn mỉm cười mà hóa (đó là năm Thiệu Định thứ sáu).

41. Thẩm Thị Diệu Trí

Bà ở Từ Khê Tứ Minh. Từ nhỏ bà đã ăn chay niệm Phật, lớn lên bà về nhà họ Chương chưa có lần bỏ dỡ nửa chừng, bà bố thí cơm gạo quần áo để cứu người đói lạnh. Bà thường tụng kinh Di-đà coi là khóa tụng hằng ngày. Một tối bị bệnh nhẹ, bà cố sức niệm Phật. Bỗng bà thấy Phật, Bồ-tát, Cư Sĩ Trưởng giả đông đảo đứng trước mặt, có hàng ngàn

điểm sáng rực rỡ như cầu vồng. Ngay trong ngày ấy bà nằm nghiêng hông phải theo thế cát tường im lặng không cử động (năm Đoan Bình thứ hai).

42. Thẩm Thuyên

Nhà ở Tiền Đường, cùng vợ là Thi Thị chuyên tâm tu Tịnh độ, thỉnh Luật Sư Chiêu y theo Quán Kinh mà vẽ hình Cửu Phẩm Vãng Sinh, ấn thí Kinh Bát-nhã, cúng Phật trai Tăng, ở cả năm chùa lớn tại Thiên Ninh Kinh Sơn ông đều làm Tượng ở Đại điện. Lúc bình thời ông làm những điều thiện gì đều đem hồi hướng Tịnh độ. Thuyên và Thi Thị qua đời trước sau đều cảm được Hóa Phật cầm tích trượng tiếp dẫn về Tây phương.

TRUYỆN VỀ BỌN ÁC VÃNG SANH:

1. Họ Kinh ở Trường An

Làm nghề đồ tể. Nhân Hòa thượng Thiện Đạo khuyên người niệm Phật, cả thành đều không ăn thịt. Kinh nổi giận dắt dao vào chùa quyết ý giết hại. Nhưng ngài Thiện Đạo chỉ bày Tây phương, hiện tướng Tịnh độ, khiến Kinh hồi tâm phát nguyện. Anh ta leo lên cây cao niệm Phật rồi gieo mình xuống mà chết. Chúng thấy Hóa Phật dẫn các thiên đồng tử từ đảnh đầu của Kinh bay ra (Thiên đồng tức là Hộ thần).

2. Trương Chung Húc

Ở Trường An, làm nghề giết gà. Khi sắp mạng chung thấy có người mặc áo lụa đào đuổi bầy gà đến rồi lên tiếng gọi "túc túc!" Thế là bầy gà từ bốn phía mổ vào mắt máu chảy dầm dề đau đớn không chịu nổi. Có vị Sa-môn Hoằng Đạo thấy vậy bèn lập bàn thờ tượng Phật khuyên nên niệm Phật. Bỗng anh ta tỉnh dậy thì mùi hương đầy nhà, bầy gà biến mất. Rồi anh ngồi yên mà hóa.

3. Trương Thiện Hòa ở Trường An

Làm nghề mổ bò. Khi lâm chung ông thấy mấy mươi con bò đến bảo rằng: "Mầy giết chúng tao." Thiện Hòa bảo vợ gấp thỉnh Tăng. Tăng nói Quán Kinh: Như có chúng sinh làm nghiệp bất thiện, đáng bị đọa vào ác đạo. Các bạn lành bảo nên chí tâm niệm đủ mười tiếng Nam-mô A-di-đà Phật thì trừ được tám mươi ức kiếp tội sinh tử, liền được vãng sinh thế giới Cực Lạc. Thiện Hòa hô lớn: "Chắc vào địa ngục rồi!" Rồi lấy tay trái đánh lửa, tay mặt đốt hương, quay mình ngó

về hướng Tây lớn tiếng niệm Phật. Chưa đủ mười tiếng liền bảo: “Phật đến rồi, đã cho tôi bảo tòa.” Nói xong thì qua đời.

4. Kim Thích

Nhà ở Cối kê, làm nghề lưới cá. Nhân ở chùa Thiên Hoa, Lợi Hành Nhân kết sinh Liên Xã, anh ta được khuyên niệm Phật, liền nhanh chóng bỏ nghề cũ, hằng ngày niệm cả vạn tiếng Phật. Lâu sau anh bảo người nhà rằng: “Ta đã thấy Phật và Bồ-tát đến cửa, đem Hoa sen vàng đến đón ta.” Rồi anh ta đến ngồi ở giường tre, bắt ấn mà hóa. Người xa gần đều nghe có mùi hương lạ.

5. Ngô Quỳnh

Nhà ông ở Nhân Hòa. Trước làm Tăng, vì việc nhà nên hoàn tục. Ông cưới vợ hai lần sinh hai người con. Giết mổ, bán rượu, nấu bếp, nem chả không thứ nào ông không làm. Gặp việc mua sắm ăn uống giết gà vịt thì ông bắt tay làm ngay. Ông bảo: “Ta là con Phật A-di-đà, chỉ muốn thoát khỏi thân này thôi.” Mỗi khi cắt thịt ông luôn niệm Phật và dạy người làng niệm Kinh tu Sám. Bỗng trên mắt ông nổi một cục bướu lớn bằng hột gà, nên thường lo lắng sợ hãi. Bèn cất nhà cỏ ở riêng, sớm tối niệm Phật, nương vào Phổ Hiền Hành Pháp mà phát lồ sám hối. Một hôm không bệnh, ông đến các nhà nói lời giả biệt rằng: “Ngày kia tôi sẽ đi.” Ngày hôm sau ông mời các bạn đạo đến niệm Phật trợ lực. Ông đem áo lót vải ra đổi rượu. Ăn uống xong rồi ông kêu lớn “Phật đến!” rồi qua đời.

TRUYỆN VỀ CHIM CÁ VÃNG SANH:

1. Con két của Bùi Thị

Đời Đường, Thành Đô Duẫn Vĩ Cao có ghi rằng: Có một người biếu một con két, bà Bùi Thị ở Hà đông nói con chim này tên nó được ghi trong kinh Phạm, thông minh hơn thường loại, thường hay bắt chước tiếng người. Lúc đầu dạy nó giữ điều cấm Lục trai và sau giờ ngọ là phi thời, trọn chiều tối không ăn, hoặc dạy nó niệm danh hiệu Phật. Nó ngóng cổ, vỗ cánh như có ý nghe lời. Thường khi từ sáng sớm đến suốt đêm nó phát ra âm thanh êm ái niệm A-di-đà Phật từng tiếng liên tục. Một hôm két ta có dáng ủ rũ. Người nuôi dạy đánh khánh và bảo với nó rằng: “Mày sắp bỏ đây mà về Tây phương đấy à? Cứ mỗi tiếng khánh thì nó niệm một tiếng Phật, đánh mười tiếng nó đọc đủ mười niệm, rồi nó rũ cánh thẳng chân giãy mình mà chết. Xét theo sách Phật thì niệm

đủ mười niệm là được vãng sinh Tây phương. Lại có kinh nói: Người được Phật tuệ mà chết thì có xá-lợi, bèn đem đốt xác nó thì có được mười mấy hạt xá-lợi. Ghi tháng chín năm Trinh Nguyên thứ chín.

2. Con chim sáo ở Trường sa

Khoảng năm Nguyên Hựu, ở Quận Trường sa có người nuôi một con sáo, tục gọi: "Cậu bát bát." Bỗng có vị Tăng niệm A-di-đà Phật liền bắt chước niệm theo sớm tối không ngớt, nhân đó cho vị Tăng. Khá lâu sau chim mất. Vị Tăng cũng lo liệu đủ quan quách mà chôn. Bỗng từ miệng chim mọc ra một cành hoa sen. Người nhân đó có bài tụng rằng:

Con chim sáo tên bát bát nhi
Bắt chước tiếng thầy niệm A-di
Chết rồi chôn cất miệng sen mọc
Bọn ta người gì chẳng liễu tri!

3. Con chim sáo ở Thiên thai

Ở chùa Chánh Đẳng tại Hoàng Nham, Sư Quan có nuôi một con chim sáo. Sáo thường bắt chước tiếng người niệm Phật. Sau nó luôn niệm A-di-đà Phật mà không đợi người dạy nữa. Một hôm sáo đứng trong lồng mà chết, Sư bèn đào lỗ chôn cất, thì ở đầu lưỡi chim sáo mọc ra một hoa sen màu tía. Luật Sư Đại Trí làm bài tụng có câu: Có kẻ đứng chết trong lồng, dứt hỗn độn, chuộng nhàn sự, hoa sen tím, thật lạ thay!

4. Cá của Lưu Thành

Đời Đường, khoảng năm Thiên Bảo, có hai người bắt cá trong bùn là Lưu Thành và Lý Huy chở cá ra Đơn Dương cho thuyền đậu ở bến sông. Lý có việc phải đi đến nhà khác. Lưu bỗng thấy trên thuyền có con cá lớn vương vây ngóc đầu niệm A-di-đà Phật. Lưu kinh hãi bỏ chạy lên bờ. Chốc lát nghe cả muôn con cá đều quẫy đuôi niệm Phật tiếng vang động cả trời đất. Lưu sợ quá liền thả hết cá xuống sông. Khi trở về Lý Huy không tin, Lưu bèn đêm hết tiền của mình bồi thường. Sáng hôm sau Sư nhặt được trong bụi lau một số tiền khoảng năm ngàn vạn tiền (mười lăm xâu) có đề chữ rằng: "Đền ông tiền cá."

TRUYỆN VÃNG SANH (Tiếp Theo):

1. Tuệ Hải

Đời Tùy, khoảng năm Đại Nghiệp, Sư ở chùa An Lạc tại Giang Đô, chuyên tâm niệm Phật. Sư được đạo Thuyên ở Tề Châu tặng cho tượng Phật Vô Lượng Thọ nên ân cần lễ sám và tượng bỗng phóng quang. Từ đó Sư càng khẩn thiết cầu được vãng sinh. Một hôm Sư xây mặt về hướng Tây ngồi kiết già niệm Phật mà hóa.

2. Mã Tử Vân

Ở đời Đường được cử làm chức Hiếu Liêm. Áp tải tô thuế cho quan Huyện Úy đất Kinh về Kinh đô gặp gió bão thuyền chìm mà bị tù tội. Ông bèn chuyên tâm niệm Phật năm năm, sau được thả. Ông vào ở chùa Núi Nam Lăng ngày chỉ ăn một bữa trai. Bỗng ông gọi người bảo rằng: "Ta một đời trắc trở bèn tinh chuyên trì tụng nội giáo, nay nghiệp Tây phương đã thành, sẽ được vãng sinh An Dưỡng." Sáng hôm sau ông tắm gội thay áo mới chắp tay ngồi yên, mùi hương lạ đầy nhà. Ông vui mừng nói: "Đức Phật đến đón ta." Nói xong thì hóa.

3. Vu Xưởng

Đời Đường, triều Thiên Hậu, ông làm Lục Sự ở Tinh Châu, ngày quyết đoán việc quan, đêm coi xét âm phủ. Mỗi khi biết được họa phúc cõi âm thì dự bị đầy đủ mà không bày tỏ, như thế suốt sáu năm. Bà mẹ bị tai nạn ông bèn trì kinh Kim Cang, không làm việc ở âm phủ nữa và sống đến tám mươi bốn tuổi. Khi sắp lâm chung chợt nghe có mùi hương lạ liền bảo kẻ tả hữu rằng: "Có Thánh nhân đến đón ta về Tây phương." Rồi niệm Phật mà hóa (Báo Ứng Ký).

4. Ngụy Thế Tử

Đời Tống, người ở Lương Quận thờ cúng Phật rất tinh tấn, chỉ có vợ là không tin. Con gái bệnh chết, sau bảy ngày thì sống lại liền lên tòa cao tụng kinh Vô Lượng Thọ. Tụng xong xuống thưa cha rằng: Con đã sinh về cõi nước Vô lượng thọ. Trong ao của con, cha và anh thì đã có hoa phù dung lớn và sẽ sinh trong đó, chỉ mẹ là không có, không buồn nào hơn, nên con về báo lại, Nói xong thì chết lại. Bà mẹ từ đó cũng tin tưởng Phật pháp (Minh Tường Ký).

5. Cát Tế Chi

Người ở Cú Dung, cháu của Trỉ Xuyên, nên đời đời thờ thần tiên.

Người vợ là Kỷ Thị lại sùng kính Phật pháp, sớm tối không hề bỏ. Bà mới ngồi dệt thì thấy mặt trời trong mây hiện ra tỏa sáng, bèn bỏ thoi nhìn lên thì thấy hình thật của Đức Tây phương Như Lai cùng tràng phan bảo cái sáng cả một góc trời, lòng vui mừng tự bảo: "Kinh nói Vô Lượng Thọ Phật nay mới được chiêm ngưỡng", bèn cúi đầu đảnh lễ. Rồi bà gọi Tế cùng ra chiêm ngưỡng thì ông chỉ còn thấy được nửa thân, chốc lát thì ẩn mất. Về sau vợ chồng cùng quyết chí niệm Phật và nối nhau mà hóa (Minh Tường Ký).

6. Thích Văn Tuệ

Ông ở Thanh Long Gia hòa, có tài thi luật cao xa làm bạn thi với Bắc Phong Ấn Công. Bắc Phong cũng thích ngâm vịnh. Tuệ giật Bút Sư trách rằng: Ngô huynh là trụ đá của Đại Pháp hà tất phải làm thế! Bắc Phong cảm kích bèn dẹp bút chỉ lo học, cuối cùng thành người nổi tiếng. Tuệ chuyên tâm tu tịnh nghiệp đến già vẫn còn gắng sức. Khi lâm chung ông nghe trên không trung có tiếng nói rằng: "Được sinh vào bậc trung phẩm trung sinh."

7. Thích Tuệ Minh

Hiệu là Hối Am, học với ngài Tuệ Quang Tăng Lục. Lúc tuổi già ông nương chùa Thường Chiếu ở Thanh Sơn cùng Chí Hiệp tu tịnh nghiệp. Khóa lễ hằng ngày Sư thường tụng Pháp Hoa, Lăng-nghiêm, Viên Giác, trì niệm danh hiệu Di-đà đến số vạn. Đến năm Khánh Nguyên Kỷ Mùi, Sư có bệnh, gọi đệ tử bảo rằng: "Ta học Đại thừa cầu sinh Tịnh độ, nay được toại nguyện." Rồi Sư xếp chân mà hóa. Chúng nghe tiếng nhạc trời lãng đãng trên đầu. Sau khi trà-tỳ có vô số xá-lợi óng ánh năm sắc.

8. Thích Trí Khiêm

Sư ở chùa Hóa Độ tại Thượng Ngu. Lúc đầu Sư tham học khắp các Tông Môn. Buổi vãng niên Sư chuyên một lòng về Tây phương. Vào mùa Thu tháng tám đổi làm Khánh Nguyên thứ nhất, Sư viết kệ biệt chúng rằng: "Trong mộng ta thấy Đức Phật A-di-đà có đại chúng vây quanh, ngài nói pháp rằng: "Các Thượng Thiện nhân cần nên chuyên tu tịnh nghiệp sinh về nước ta." Nói xong ngài liền ẩn mất. Ắt là ta đã thấy tướng vãng sinh vậy." Rồi Sư quay mình ngó về hướng Tây ngồi bắt ấn mà hóa.

9. Lý Bỉnh

Trong năm Thiệu Hưng, ông làm quan coi Viện Ngự Dược. Lúc đầu Sư học Thiền với ngài Tịnh Từ Huy Tự có được nhiều tỉnh ngộ. Buổi vãng niên, ông xem Long Thơ Tịnh Độ, hằng ngày niệm Phật. Cùng con ông là Các trưởng Nguyên Mỹ, Điện trưởng Lâm Sư Văn... mấy mươi người kết Hội Tịnh Nghiệp tại chùa Truyền Pháp. Ít lâu sau ông có bệnh. Bỗng ông thấy Đức Phật đem Viên Quang vàng để trên đầu mình, bảy ngày sau lại thấy hoa vàng đầy phòng. Ông dặn dò thân thuộc, viết kệ, rồi ông ngồi yên bắt ấn mà hóa.

10. Viêm Bang Vinh

Ông người ở Trì Châu. Nhân được vị Tăng khuyên tu Tây phương, ông trì chú Quyết Định Vãng Sinh, mỗi buổi sáng ông nhìn về hướng Tây tụng một ngàn biến, hoặc dẫn chúng đồng trì tụng, như thế suốt hai mươi năm. Mùa xuân năm Thiệu Hy thứ nhất, bỗng ông nghe có mùi hương lạ suốt mấy ngày không tan. Người nhà đêm nằm mộng thấy có hai thanh y đứng hầu bên Bang Vinh. Con ông lại mộng thấy Đức Di-đà phóng quang chiếu sáng khắp nhà cửa, tất cả đều có sắc vàng ròng. Mấy hôm sau, ông xây mặt về hướng Tây ngồi niệm Phật. Bỗng ông đứng dậy bảo rằng: “Ta đi đây!” Rồi ông đi mấy bước, đưa tay bắt ấn, mỉm cười mà hóa.

Ngài Phi Sơn Giới Châu ở Triều Tống ta đầu tiên tập họp viết ra Vãng Sinh Truyện. Về sau còn thiếu Thị Lang Vương Cổ nên có viết thêm Tục Truyện. Từ khi truyền về Nam đến nay thì có Lục Sư Thọ ở Tiền Đường có viết thêm. Rồi ngài Mặc Dung Hải Ấn ở Tứ minh lại thêm vào phần sau gồm hai Nho sĩ và hai Thích tử mà thành sách này. Nay sửa lại các đoạn văn rườm rà, chỉ chép vào những người lúc bình thời niệm Phật mà có ứng nghiệm vãng sinh khi lâm chung để người tu tịnh nghiệp thêm phần tin tưởng, ngưỡng mộ.

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 29

XIII : GHI VỀ CÁC TÔNG LẬP GIÁO

ĐẠT - MA THIỀN TÔNG

- Sư Tổ: Đạt-ma Viên Giác Thiền Sư.
- Nhị Tổ: Tuệ Khả Đại Tổ Thiền Sư.
- Tam Tổ: Tăng Xán Cảnh Trí Thiền Sư.
- Tứ Tổ, Đạo Tín Đại Y Thiền Sư.
- Ngũ Tổ: Hoằng Nhẫn Đại Mãn Thiền Sư.
- Lục Tổ: Tuệ Năng Đại Giám Thiền Sư.

Chỉ thẳng tâm người thấy Tánh thành Phật thật rốt ráo thay, đó là diệu chỉ quán tâm của Tông Thiên thai ta vậy. Bảo đó là "giáo ngoại biệt truyền" thì quả thực đâu phải ngoài thứ này mà là giáo ư? Thật ra là do đạo này lấy Tâm là Tông, vì lìa bỏ tướng ngôn thuyết, gượng dùng phương tiện này mà nói. Không thế thì sao lại chỉ ra Kinh Lăng Già bảo đọc để chiếu sáng Tâm mình và sao lại nói nhập Đạo Đại thừa phải nhờ giáo mà ngộ Tông? Vì đồng với Tông Thiên thai này nên nay soạn phần Đạt-ma Thiền Tông Chí sau đây (xem Giáo chiếu sáng Tâm thì thấy ở Bản Chí, còn "nhờ Giáo ngộ Tâm" thì thấy ở bốn hạnh Đạt-ma nhập Đạo).

1. SƠ TỔ BỒ-ĐỀ-ĐẠT MA

Ngài là con vua Hương Chí ở Nam Thiên Trúc. Sau khi xuất gia ngài được Tổ thứ hai mươi bảy Bát-nhã Đa-la truyền phó cho đại pháp, bảo ngài rằng: "Sau khi ta diệt sáu mươi năm thì ông sang nước Chấn Đán mà hành hóa". Khi Tổ Đa-la đã tịch rồi thì ngài diễn giảng trong nước. Ít lâu sau ngài nghĩ rằng nước Chấn Đán duyên đã thuần thục, bèn đến bở biển quá giang thuyền buôn mà đến Nam Hải vào đời Nhà Lương năm Đại Thông thứ nhất (xưa nói vào năm Phổ Thông thứ tám

là sai. Nam Hải là Quảng châu). Thứ Sử Tiêu Ngang dâng biểu tâu lên vua, vua cho mời ngài vào cung.

Vua hỏi: Trẫm tạo chùa, viết kinh, độ Tăng có công đức gì?

Ngài đáp: Chỉ là quả nhỏ ở cõi nhân thiên.

Vua hỏi: Thế nào là công đức Đại thừa?

Ngài đáp: Tịnh trí sáng mầu thể nó vắng lặng. Công đức như thế thì không thể cầu ở đời.

Vua hỏi: Thế nào là Thánh đế Đệ nhất nghĩa?

Ngài đáp: Rỗng rang không Thánh.

Vua hỏi: Người đang đối diện với Trẫm là ai?

Ngài đáp: Không biết.

Vua không hiểu. Ngài bèn sang sông. Sau vua hỏi Chí Công.

Công đáp: Bệ hạ không biết người này ư?

Vua đáp: Không biết.

Công thưa: Người này là Bồ-tát Quán Âm truyền Phật tâm ấn.

Vua muốn sai sứ mời ngài đến. Nhưng Công tâu: Người nước Hạp đi nơi khác rồi và cũng không trở lại.

Viên Ngộ nói: Chí Công chết rồi, hơn mười năm ngài Đạt-ma mới đến. Sao lại nói là đồng thời? Nay chỉ cần biết đại cương mà thôi). Khi ngài đã vào đất Ngụy thì đến ở chùa Thiếu Lâm tại Tung Sơn, suốt ngày chỉ ngồi xây mặt vào vách (đời Ngụy, vua Hiếu Minh, năm Võ Thái thứ nhất). Vua nghe ngài có dị tích, ba lần ra chiếu mời nhưng ngài không đến. Vua ban tặng ngài Ma-nạp ca-sa, bát vàng và bình nước bạc. Suốt chín năm ngài ngồi xây mặt vào vách.

Khi sắp tịch diệt ngài bảo đệ tử rằng: Ta đã đến lúc rồi! Mỗi người hãy tự nói sở đắc của mình xem?

Đạo Phó thưa rằng: Không chấp văn tự cũng không lìa văn tư, chỉ vì cái dụng của đạo.

Ngài bảo: Ngươi mới được phần da của ta.

Bà-ni Tổng Trì thưa: Việc hiểu của con hiện nay như ngài A-nan thấy nước Phật A-súc, thấy rồi thì không thấy nữa.

Ngài bảo: Ngươi chỉ được phần thịt của ta.

Sư Đạo Dục thưa: Bốn đại vốn không, ấm không có, không một pháp nào có thể có được.

Ngài bảo: Ngươi đã được phần xương của ta.

Sư Tuệ Khả chỉ lạy ba lạy rồi đứng yên.

Ngài bảo: Ngươi đã được phần tủy của ta.

Rồi nhìn Tuệ Khả bảo rằng: Đức Thế Tôn đã đem chánh pháp

Nhãn tạng phó chúc cho ngài Đại Ca-diếp, lần lượt truyền trao đến ta. Nay ta phó chúc lại cho ông, ông nên gìn giữ.

Rồi ngài trao cho y ca-sa để làm tín pháp. Lại nói: Sau hơn hai trăm năm không truyền y nữa vì pháp ở khắp mọi nơi. Hãy nghe kệ của ta:

Ta vốn đến cõi này
Truyền pháp cứu mê tình
Một hoa nở năm cánh
Kết quả tự nhiên thành.

Ngài lại nói: Ta có kinh Lăng-già là yếu môn tâm địa của Như Lai có thể dùng chiếu sáng tâm.

Rồi ngài đến chùa Thiên thánh ở Võ môn ngồi yên mà thị tịch, đúng vào ngày năm tháng mười năm Đại Thống thứ nhất. Môn nhân để nguyên nhục thân ngài mà táng tại chùa Định lâm ở núi Hùng nhĩ. Năm sau sứ giả là Tống Vân từ Tây Vức trở về gặp ngài tay xách chiếc dép một mình đi nhanh như bay. Vân trở về thuật chuyện. Môn nhân liền mở mộ phần và quả thấy Kim quan trống không chỉ còn một chiếc dép. Ngài thường dùng hai môn lý hạnh vào đạo Đại thừa mà khuyên dạy người học (Nhị môn thấy ở Truyền Đăng Lục). Đời Đường, vua Đại Tông thụy phong cho ngài là Viên Giác Thiền Sư. Tháp đề Không Quán (Phương Sư trong Biện Tổ Thư nói rằng: Sư Trí Cự soạn Bảo Lâm Truyện nói việc một chiếc dép về Tây Vức, việc chặt tay đứng ngoài tuyết và Ke sấm dự đoán đều khác với Tăng Truyện. Có người cho đó là lời người sau thêm vào.

2. NHỊ TỔ TUỆ KHẢ (tên cũ là Tuệ Quang)

Ngài họ Cơ, người ở Võ Lao, thờ Tổ Đạt-ma sáu năm.

Một hôm ngài hỏi Tổ: Con có thể nghe được Pháp Ấn của chư Phật chăng?

Tổ đáp: Pháp Ấn của chư Phật không phải từ người khác mà được.

Ngài thưa: Tâm con chưa an, xin Tổ an tâm cho con.

Tổ bảo: Hãy đem tâm lại đây ta an cho.

Ngài thưa: Con tìm tâm mãi chẳng thấy.

Tổ bảo: Ta đã an tâm cho ông rồi đấy!

Lúc đầu Tổ Đạt-ma đưa cho ngài bốn quyển kinh Lăng-già bảo rằng:

Nhân giả hãy hành theo đây tất sẽ được độ.

Ngài bảo các đệ tử mình rằng: Sau bốn đời Kinh này sẽ đổi thành danh tướng, không một điều gì phải buồn lo.

Khi đó ngài đã truyền pháp cho Sư Tăng Xán, bèn bảo rằng: Ta có nghiệp nhiều đời cần phải trả.

Ngài bèn đến Nghiệp Quận hành hóa. Đời Tùy năm Khai Hoàng mười hai, ngài ở chùa Chánh cứu tại Quảng thành nói đạo Vô thượng. Có Hòa Pháp sư trước đó giảng kinh Niết-bàn, học trò dần dần bỏ đi không nghe pháp nữa, nên Sư Hòa nổi giận gièm pha ngài với Ấp Lệnh đã làm điều phi pháp, nên ngài vui vẻ nhận lấy cái chết, vào tuổi một trăm lẻ bảy. Tháp ngài ở Huyện Phần Dương tại Từ Châu. Vua Đường Đức Tông truy thụy phong cho ngài là Đại Tổ Thiền Sư.

3. TAM TỔ TĂNG XÁN

Lúc đầu ngài còn là cư sĩ đến gặp Nhị Tổ thưa rằng: Đệ tử thân mắc bệnh phong, xin thầy vì con sám hối tội lỗi.

Tổ bảo: Hãy đem tội đến đây ta sám cho.

Ngài thưa: Con tìm tội mãi không thấy.

Tổ nói: Ta đã sám hối cho ông rồi, hãy nên cố gắng nương tựa Phật, Pháp, Tăng.

Ngài thưa: Nay con nhìn thấy thầy chỉ biết là Tăng, chưa biết gì gọi là Phật Pháp.

Tổ đáp: Tâm ấy là Phật, tâm ấy là Pháp. Phật Pháp không hai, Tăng bảo cũng thế.

Ngài thưa: Hôm nay con mới biết tội tánh không ở trong ngoài hay khoảng giữa, tâm kia cũng thế, Phật pháp không hai.

Tổ cho là Đại pháp khí liền xuống tóc và truyền giới Cụ túc cho. Sau đó lại bảo: Đại sư Đạt-ma đã đem Chánh pháp Nhãn tạng ngầm truyền cho ta, nay ta phó chúc cho ông và trao cho y ca-sa để làm tin, ông nên giữ gìn.

Thời vua Chu Võ Đế dẹp đạo, ngài phải qua lại ở núi Ty Không hơn mười năm. Đến năm Khai Hoàng đời Tùy, lúc đầu ngài ở núi Hoàn Công truyền pháp cho Sư Đại Tín, thong thả dạo chơi khắp nơi. Năm Đại Nghiệp thứ hai, ngài trở về núi cũ nói pháp cho đại chúng, rồi ngài chắp tay đứng sững mà hóa. Đồ chúng táng ngài ở chùa Sơn Cốc. Vua Đường Huyền Tông truy thụy phong cho ngài là Cảnh Trí Thiền Sư.

4. TỨ TỔ ĐẠO TÍN

Ngài họ Tư Mã ở Kỳ Châu. Lúc đầu ngài là Sa-di đến gặp Tam

Tổ Tăng Xán thưa rằng: Xin Hòa thượng cho con pháp môn Giải thoát.

Tổ hỏi: Ai trói buộc ông?

Ngài đáp: Không ai trói buộc.

Tổ nói: Thế cần gì phải giải thoát.

Ngài liền đại ngộ. Tổ bèn truyền cụ giới và trao cho y bát. Trong năm Võ Đức, ngài ở núi Phá Đầu. Năm Chánh Quán vua Thái Tông ba lần chiếu triệu vào kinh nhưng ngài đều lấy cớ bệnh mà từ chối. Vua sai sứ đến nói rằng: "Nếu không chịu đi thì liền lấy đầu." Sứ trình chỉ dụ của vua, ngài bèn đưa cổ xin chịu chém. Sứ giả trở về tâu, vua càng kính trọng bèn ban cho lụa quý để toại chí mình. Sau khi đã truyền pháp cho Sư Hoằng Nhẫn thì ngài ngồi yên mà hóa, vào tháng chín năm Vĩnh Huy thứ hai. Tháp ngài ở núi phía Đông chùa Huỳnh mai. Vua Đường Đại Tông truy thụy phong cho ngài là Đại Y Thiền Sư.

5. NGŨ TỔ HOẰNG NHẪN

Ngài ở Huỳnh Mai Kỳ Châu, mẹ họ Chu (việc tài Tòng Đạo Giả, thác thai vào cô gái họ Chu đã được chép đủ trong Thông Tắc Chí). Sư là cậu bé giữa đường gặp Tứ Tổ.

Tổ hỏi: Ngươi họ gì?

Đáp: Họ thì có mà không phải họ thường.

Tổ hỏi: Là họ gì?

Đáp: Là họ Phật.

Tổ hỏi: Ngươi không họ à?

Đáp: Tánh nó không nên không có.

Tổ im lặng ngầm biết. Tổ bèn đến gặp bà mẹ bảo cho đi xuất gia. Khi đã truyền phó pháp thì ngài nối ở Đông Sơn. Trong năm Hàm Đình, ngài truyền Y Pháp lại cho Sư Tuệ Năng, bốn năm sau ngài thị tịch, tháp ở Đông Sơn. Vua Đường Đại Tông truy thụy phong cho ngài là Đại Mãn Thiền Sư.

6. LỤC TỔ HUỆ NĂNG

Ngài họ Lô ở Tân Châu, hái củi nuôi mẹ. Ngài thường vào chợ nghe khách tụng kinh Kim Cang, liền hỏi: Học kinh này với ai?

Khách đáp: Với Huỳnh Mai Nhẫn Đại sư, Sư nói đọc kinh này có thể thấy tánh thành Phật.

Ngài bèn từ giã mẹ đến Thiều Châu, cùng làm bạn với Lưu Chí Lược. Cô của Chí Lược là Ni, thường tụng kinh Niết-bàn. Ngài nghe qua liền giảng nói. Nhân đó ni cô hỏi chữ. Ngài nói: Không biết chữ nhưng

nghĩa thì mặc tình hỏi.

Cô Ni nói: Chữ còn không biết làm sao hiểu nghĩa?

Ngài bảo: Việc giải thoát của chư Phật đâu có liên quan gì đến văn tự.

Ni cô lấy làm lạ gọi ngài là Hành Giả. Dân trong xóm đến chiêm lễ thỉnh ngài đến ở chùa Bảo lâm. Trong năm Hàm Đình, ngài đến Huỳnh Mai.

Tổ hỏi: Từ đâu đến?

Ngài đáp: Từ Lĩnh Nam đến.

Tổ hỏi: Đến cầu việc chi?

Ngài đáp: Chỉ cầu làm Phật.

Tổ nói: Người Lĩnh Nam không có Phật tánh.

Ngài thưa: Người thì có Bắc Nam, Phật tánh đâu thể thế.

Tổ lấy làm lạ, bảo xuống giã gạo đi. Ngài bèn xuống phường cối mang đá giã gạo. Được tám tháng, Ngũ Tổ bảo chúng mỗi người làm một bài kệ, nếu nói phù hợp với mật ý thì sẽ truyền pháp giao y bát. Lúc đó chúng có đến bảy trăm. Thượng Tọa Thần Tú viết kệ lên vách rằng:

Thân là gốc Bồ-đề
Tâm như Đài gương sáng
Nên luôn luôn lau chùi
Chớ để dính trần ai.

Ngài nói: Hay thì thật hay nhưng chưa rốt ráo.

Đêm đến ngài mượn chú tiểu viết kệ lên vách dùm. Kệ rằng:

Bồ-đề vốn không gốc
Gương sáng cũng không đài
Xưa nay không một vật
Đâu cần quét trần ai?

Ngũ Tổ biết chính là ngài. Đêm đến cho người mời ngài đến bảo rằng: “Đức Phật đem chánh pháp Nhãn tạng truyền trao, nay ta truyền lại cho ông và giao y để làm tin. Xưa ngài Đạt-ma mới đến nên phải truyền y để làm sáng tỏ việc được pháp. Nay tín tâm đã chín muồi, y chỉ là đầu mối tranh giành. Đến ông thì nên ngưng lại không truyền nữa”. Ngài đảnh lễ dưới chân Tổ lãnh y mà lui. Suốt đêm đi nhanh về Nam. Lúc đó Thượng Tọa Đạo Minh nghe biết liền dẫn người đuổi theo. Tại Dữu Lãnh thì Đạo Minh đến trước.

Ngài để y trên đá bảo rằng: Y này chỉ để làm tin đâu nên dùng sức giành lấy.

Minh nâng y lên nhưng không nhúc nhích, bèn bảo rằng: Con đến đây vì cầu pháp chớ đâu phải vì y.

Ngài nói: Không nghĩ thiện không nghĩ ác, vậy ngay lúc đó cái gì là bản lai diện mục của Thượng Tọa Minh?

Ngay lúc đó Đạo Minh đại ngộ, liền đảnh lễ thưa rằng: Từ trước nay ngoài mật ngữ mật ý lại còn có ý chỉ nào chăng?

Ngài đáp: Ta nay nói ra thì không còn là mật nữa, nếu phản chiếu lại mình thì mật ở về phía ông.

Minh đảnh lễ từ tạ ra về. Năm Nghi Phụng thứ nhất, ngài đến Nam Hải, gặp Ấn Tông Pháp sư ở chùa Pháp tánh. Chiều đến gió thổi phướn bay, có hai vị Tăng luận đạo. Một vị bảo phướn động, vị kia bảo gió động. Ngài nói: Không phải gió hay phướn động mà do tâm mình động.

Ấn Tông lấy làm lạ, xin học thiền yếu với ngài. Nhân đó ngài đưa y ca-sa làm tin ra để chúng chiêm ngưỡng. Ấn Tông bèn cạo tóc cho ngài, thỉnh Luật Sư Trí Quang ở bản tự lên Đàn truyền giới Cụ túc cho ngài. Giới đàn này do ngài Cầu-na-bạt-ma đời Tống tạo ra, từng thọ ký trước rằng: Sau sẽ có nhục thân Bồ-tát đến đây thọ giới.

Ngài Chân Đế đời Lương đích thân trồng bên Giới Đàn hai cây Bồ-đề và ghi rằng: "Một trăm hai mươi năm sau sẽ có Bồ-tát ngồi dưới cội cây này nói đạo Vô thượng." Ngài đến ngồi dưới cội cây rộng giảng đạo Pháp tại Đông Sơn, đúng y như lời ký trước. Năm sau ngài trở về chùa Bảo lâm ở Thiều Châu (tức Tào Khê). Năm Thần Long thứ nhất, vua ra chiếu mời ngài vào triều kiến, ngài dâng biểu từ chối vì bệnh. Năm Tiên Thiên thứ hai, ngài lại trở về chùa Quốc Ân ở Tân Châu, rồi ngài thị tịch. Đệ tử rước linh thể ngài đem về táng ở Tào Khê. Ngài hoằng hóa ở Thiều Dương, Thần Tú thì ở Lạc Hạ. Phía Nam có Tuệ Năng, phía Bắc có Thần Tú, từ đấy chia đôi. Năm Thượng Nguyên thứ nhất, vua Túc Tông sai sứ thỉnh y bát của ngài vào triều nội cúng dường. Năm Vĩnh Thái thứ nhất, vua Đại Tông nằm mộng thấy ngài xin đem y bát về núi, bèn sai Lưu Sùng Cảnh đầu đội y bát đem về. Vua Hiến Tông thụy phong cho ngài là Đại Giám Thiền Sư.

Lời bàn: Sau Lục Tổ chia làm hai phái: Một phái là Thanh Nguyên Hành tư. Tư truyền cho Thạch Đầu Hy Thiên. Các môn hạ chia thành các Tông Tào Động, Vân Môn, Pháp Nhãn. Một phái là Nam nhạc Hoài Phương. Nhượng truyền cho Mã Tổ. Các môn hạ chia thành các Tông Lâm Tế, Quy Ngưỡng. Đó là ngũ gia Tông phái, nhưng Đạo chỉ là một mà thôi. Mà nói có năm Tông là chỉ do người đời nhiều bệnh, nên cách

trị phải biến thành nhiều thứ. Một đánh, một hét, một xướng, một hòa, Cơ dụng tự tại. Lúc mới bắt đầu không có một luật nhất định, cũng như nghĩa theo bệnh mà cho thuốc. Ở Phần Dương có bài ca Quảng Trí để nói rõ về Tông Phong của năm nhà. Bởi muốn bày cho người đời sau cái ý là phải tham học khắp các Tông phái, đâu thể không biết ư?

HIỀN THỦ TÔNG GIÁO (phụ thêm Lý Trưởng giả)

- Sơ Tổ: Chung Nam Pháp Thuận Pháp sư.
- Nhị Tổ: Vân Hoa Trí Nghiễm Pháp sư.
- Tam Tổ: Hiền Thủ Pháp Tạng Pháp sư.
- Tứ Tổ: Thanh Lương Trừng Quán Pháp sư.
- Ngũ Tổ: Khuê Phong Mật Tông Pháp sư.
- Trường Thủy Tử Tuấn Pháp sư.
- Tuệ Nhân Tịnh Nguyên Pháp sư.
- Năng Nhân Nghĩa Hòa Pháp sư.

Ngài Khải Am bình luận rằng: Pháp Giới quán riêng làm một duyên nghĩa là năm giáo không có sự sai khác về đoạn phục. Song hoặc giáo hay Quán chỉ là phô trương hư văn ứng hợp với Đạo không tu chứng. Đến như ngài Thanh Lương lập ra Đốn đốn, rêu rao là hơn cả Pháp Hoa. Sư Thường Quán phân biệt Hoa Nghiêm là Đốn Đốn. Theo Thiên thai mà phán định Kiêm Biệt thì mất ý Như Lai. Lại bảo Hoa Nghiêm là Bồ-tát thỉnh, vượt hơn Pháp Hoa.

Ngài Khuê Phong giải thích tu môn chưa tránh khỏi luận sai về Chỉ Quán (Sư Tông Mật chú giải về chữ Pháp Giới Quán nói rằng: Chỉ Quán do huân tập mà đạt đến. Khải Am chất vấn rằng: Không biết là Chỉ Quán nào? Nếu là thứ lớp thì đến vị nào sẽ đoạn hoặc nào mà hiển lý nào? Nếu là Nhất Tâm thì ở vị nào Viên dung mà tu, ở vị nào Viên dung mà chứng?). Còn các trước thuật khác thì mâu thuẫn rất nhiều (Ngài Hiền Thủ đã tự lập năm Giáo cho đến Khởi Tín luận nói rõ về Quán pháp, thì nói rằng: Tu theo thứ lớp như Ma-ha Chỉ Quán của Thiên Thai Thanh Lương đã có Tông Hiền Thủ mà khi Sớ Hoa Nghiêm thì dẫn dụng văn Thiên thai về các thứ tánh Thiện, tánh Ác, Tam quán, Tam đức, Nhất niệm, Tam thiên... Song như thế thì Giáo hay Quán tới lui đều lỗi cả hai). Muốn phân biệt nguồn gốc nên soạn ra phần Hiền Thủ Tông Giáo Chí sau đây (Hiền Thủ Hoa Nghiêm Sớ, Khởi Tín Luận Sao, Khuê Phong Viên Giác Sớ, Trường Thủy Lăng Già Sớ... chỗ lạp các nghĩa luôn cũng biết mỗi thứ đều không giống nhau).

1. SƠ TỔ PHÁP THUẬN PHÁP SƯ

Ngài họ Đỗ, người ở Vạn Niên, mười tám tuổi xuất gia. Ngài theo học với Thánh Tăng Đạo Trân về thiền định. Ở đời hễ có những người câm kẻ điếc nào gặp ngài thì đều nói được nghe được, cho đến việc đuổi xô các con vật độc hại, thuần hóa ngựa dữ thì đức của ngài truyền đến với các loài khác không thể lường hết được. Vua Đường Thái Tông chiếu triệu ngài vào cung hỏi rằng: “Trẫm rất nóng nảy mệt nhọc, ngài có thần lực nào để dẹp trừ?” Ngài đáp: “Thánh Thượng đang ở trong nhà có chút bệnh lo gì, chỉ ban lệnh đại xá thì mình rồng sẽ yên lành.” Vua làm theo và từ đó lành bệnh, bèn ban cho hiệu là Đế Tâm. Mỗi khi đi du lịch các quận trong nước ngài luôn khuyên niệm Phật A-di-đà. Ngài soạn Ngũ Hối Văn để khen ngợi Tịnh độ. Giữa đường khi gặp thần cây hay miếu quỷ thì ngài đốt bỏ. Ngày Rằm tháng mười một năm Chánh Quán mười bốn, ngài ngồi tịch ở chùa Nghĩa Thiện tại Nam Giao, có đôi quạ bay vào phòng và mùi hương lạ lưu trong thất. Tháp thờ nhục thân ngài ở Bắc Nguyên Phàn Xuyên. Có đệ tử đến yết kiến ngài Ngũ Đài. Khi vừa đến chân núi thì gặp một cụ già bảo rằng: “Đức Văn-thù nay đang đến núi Chung nam, Hòa thượng Đỗ Thuận chính là ngài đấy.” Người đệ tử vội chạy về thì ngài đã tịch rồi. Đến nay ở Quang Trung lấy ngày này làm ngày giỗ Đức Văn-thù. Ngài có soạn Pháp Giới Quán Môn, một quyển, Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, một quyển. Ngài chuyên hoằng hóa Kinh Hoa Nghiêm rồi truyền cho Vân Hoa Trí Nghiễm. Trí Nghiễm trao cho Hiền Thủ Pháp Tạng. Giáo điển này được lưu hành (trong đây đáng lẽ phải có truyện của Trí Nghiễm Pháp sư nhưng nguyên văn Bản Kỷ đã mất).

2. PHÁP SƯ PHÁP TẠNG

Tổ tiên là người nước Khang Cư (ở phía Bắc Thiết Môn của Thông Lãnh) đến ở Trường An. Pháp Tạng mới mười sáu tuổi đã đến ở Tháp xá-lợi A-dục tại Tứ Minh đốt một ngón tay thề học Hoa Nghiêm. Vào thời Tắc Thiên trị vì, Sư còn là một Sa-di đã được mời đến Cung cấm. Đến năm Thông Thiên một thì Sư được chiếu mời về ở chùa Thái Nguyên khai giảng Tông Chỉ Hoa Nghiêm, cảm được luồng ánh sáng trắng từ miệng phóng ra phút chốc thành cái lộng to muôn người đều khen ngợi. Đô Giảng tâu việc này lên triều đình, Tắc Thiên ra chỉ lập mười vị Đại Đức ở Kinh Thành để truyền Cụ túc giới và ban hiệu là Hiền Thủ Giới Sư, lại ra chiếu mời Sư đến ở chùa Đại Biến Không, giúp ngài Thật-xoa-nan-đà dịch kinh Hoa Nghiêm. Năm Thánh Lịch

thứ hai, tháng mười, Tắc Thiên mời Sư giảng kinh ở giảng đường chùa Phật Thọ Ký, đất Kinh Sư đều chấn động mạnh. Ngay ngày ấy vua mời Sư đến điện Trường Sinh. Sư bèn chỉ Sư Tử vàng ở góc điện bảo rằng: Đại Kinh này lý nghĩa sâu kín, sự văn rộng rãi, nếu không phải người đã nhập Thánh lý thì không thể đạt đến chỗ áo diệu của nó. Cho nên lập dụ Kiến biên, hiểu Pháp không bờ bến, để sánh với Pháp giới thể. Trong đó lập ra năm Giáo:

1. Ngu Pháp Thanh văn Giáo.
2. Đại thừa Thủy Giáo.
3. Đại thừa Chung Giáo.
4. Đại thừa Đốn giáo.
5. Nhất thừa Viên giáo.

Võ Tắc Thiên hoát nhiên tỏ ngộ, bèn chép lời Sư giảng thành Kim Sư Tử Chương. Vua Duệ Tông xin học Nội Thiền, thỉnh Sư truyền cho Bồ-tát Đại Giới. Sư đắp y phấn tảo ăn gạo lứt, giảng kinh Hoa Nghiêm hơn ba mươi lượt, các Kinh Lăng Già Mật Nghiêm, Phạm Võng, luận Khởi Tín ... mười bộ đều làm nghĩa sớ. Đến tháng mười một năm Tiên Thiên thứ nhất, Sư thị tịch tại chùa Đại Tiến Phước, được phong tặng chức Hồng Lô Khanh và được an táng tại Hòa Nguyên. Khi Sư tịch rồi thì đệ tử là Tuệ Uyển phản lại các điều Sư nói. Cả trăm năm sau khi Sư mất mới có Trừng Quán tiếp nối pháp của Sư.

Ngài Khải Am nói: Ngu Pháp Tiểu thừa không chuyển đổi Tiểu thành Đại, lại không Biệt viên bị tiếp và Pháp Hoa khai hiển thì ngu suốt đời. Bốn Giáo Thủy Chung Viên Đốn đều không có ranh giới đoạn phục tu chứng. Đến khi nói về Quán pháp của Khởi Tín luận thì nói tu theo thứ lớp như Chỉ quán Ma-ha Diễn của Thiên Thai há không phải là có Giáo mà không có Quán ư?

3. PHÁP SƯ TRỪNG QUÁN

Sư là người ở Cối kê, họ Hạ Hầu. Xuất gia ở chùa Ứng Thiên, tụng kinh Pháp Hoa, mười bốn tuổi được độ. Trong năm Càn Nguyên, Sư học Luật với Thê Hà Lễ Sư, học Nam Sơn Hành Sự, với ngài Đàm Nhất, thọ giới Bồ-tát với ngài Thường Chiếu, truyền Quan Hà Tam Luận cho Huyền Bích, Tam Luận ở miền Giang Biểu được thạnh hành từ đó. Đầu năm Đại Lịch, Sư ở Ngõa quan giảng Niết-bàn, Khởi Tín Luận và Pháp Giới Quán của Chung Nam, Hoàn Nguyên Ký của Pháp Tạng. Sư lại đến Đông Kinh học Tạp Hoa với ngài Đại Tiên. Suốt mười năm theo ngài Kinh Khê học các Sớ Chỉ Quán, Pháp Hoa, Duy-ma... , yết kiến ngài

Trung ở Ngưu Đầu, ngài Khâm ở Kính Sơn, ngài Vô Danh ở Lạc Dương học hiểu về Thiền Pháp của Nam Tông. Yết kiến ngài Tuệ Vân để tìm hiểu huyền lý Bắc Tông, Nho Mặc ở Trung Quốc, Phạm Thư ở Ấn Độ, các bộ Dị Chấp, bốn bộ Vệ-đà, Ngũ Minh, Nghi Quỹ Hiển Mật... không thứ nào là không thông suốt. Suốt mười một năm Sư luôn khấn lễ Ngũ Đài, Nga My ở đâu cũng đều thấy rõ các điềm lành. Rồi Sư lại trở về ở chùa Đại Hoa Nghiêm tại Kinh Sư chuyên hành sám Phương Đẳng, nhưng vẫn giảng Đại Kinh Hoa Nghiêm, viết ra Tân Sớ được hai mươi quyển. Vào lễ mừng sinh nhật, vua Đức Tông mời Sư vào giảng kinh ở Nội điện, Sư dùng Diệu Pháp làm mát mẻ tâm vua nên vua ban hiệu cho Sư là Thanh Lương Pháp sư, y ca-sa tía và lễ Sư là Giáo Thọ Hòa thượng. Việc sai Lễ Bộ Thượng Thư là Lý Tiên sắm sửa đủ lễ đón mời sư để cùng Tam tạng Bát-nhã nước Kế tân dịch kinh Hoa Nghiêm do nước Ô Trà dâng tặng. Vua đích thân tham dự trường dịch, một hôm bận không đến liền sai Tăng đúng Pháp Tỳ-kheo mà thuyết dục rằng: Hoàng đế nhân có quốc sự đúng Pháp Tăng xin được thanh tịnh. Năm Nguyên Hòa thứ năm, vua Hiến Tông hỏi về Tông Chỉ Pháp Giới của Hoa Nghiêm, vua hoát nhiên có sở đắc, nên vua sai Hữu Ty đúc Ấn vàng ban thêm hiệu cho Sư là Đại Thống Thanh Lương Quốc Sư. Đến ngày sáu tháng ba năm Khai Thành thứ ba thì Sư thị tịch, thọ một trăm lẻ hai tuổi, hạ lạp tám mươi ba, táng tại Thạch Thất ở Chung Nam, Tháp đề Diệu Giác. Sư thân cao chín thước bốn tấc, tay dài quá gối. Đêm mắt phát ánh sáng, ngày vẫn không nháy, có tài viết hai tay cùng lúc, ngày viết muôn lời. Cho đến cuối đời Sư vẫn dùng một bữa, đêm không bỏ y trải suốt chín triều đại, làm thầy bảy vua. Từ Kinh Khê đến Giang Hoài cả bốn mươi Tăng, lễ bái thân cận Ngũ Đài, lãnh đạo cả muôn đồ chúng, khi Sư ra ngoài thành thì được đón hầu từ xa để tỏ rõ sự kính lễ Tôn Sư. Sư cách ngài Hiền Thủ hơn trăm năm, xa nối ý chỉ mà viết ra Sớ Ký hơn bốn trăm quyển. Sư giảng kinh Hoa Nghiêm đến năm mươi lượt, thiết lập Đại Trai Vô Già được mười lăm hội, hóa độ đệ tử đến ba mươi người. Tể Tướng Bùi Hưu vâng Thánh chỉ soạn lời bia.

4. PHÁP SƯ TÔNG MẬT

Sư họ Hà, người ở Quả Châu. Lúc đầu đắc pháp với ngài Đạo Viên, là cháu năm đời của Hà Trạch, truyền Viên Giác nơi Phù Thượng, được Hoa Nghiêm Cú Nghĩa ở Bệnh Tăng, liền đem diễn giảng cho người. Ngài Thanh Lương bảo rằng: Người mà theo ta dạo chơi, Tỳ lô Hoa tạng phải chăng là nhà ngươi? Ngài Thanh Lương lại có lần đáp thư

cho Sư rằng: Chỗ hiểu của ông cũng là tâm ta, thực gọi là Chuyển Luân Chân Tử. Sư viết lời sớ sao các Kinh Viên Giác, Hoa Nghiêm, Niết-bàn, Kim Cang, Khởi Tín Luận, Duy Thức, Lan Bồn, Pháp Giới Quán, Hạnh Nguyện Phẩm... và Tu Chứng Khoa Nghi gồm cả thảy hơn chín mươi quyển. Năm Thái Hòa thứ chín, vua Văn Tông ra chiếu hỏi Sư về đại ý Phật pháp rồi ban hiệu cho Sư là Đại Đức Tử Y. Ngày sáu tháng Giêng năm Hội Xương thứ nhất, Sư ngồi mà tịch tại Tháp Viện Hưng Phước. Vua thụy phong là Định Tuệ, Tháp đề là Thanh Liên.

Ngài Nghĩa Thần Trí nói rằng: Các Sư Tông Hoa Nghiêm không biết Nhân lý của chúng sinh vốn đầy đủ các pháp nên chỉ nói các pháp tương tức trên Quả mà thôi. Nếu không nói tính đầy đủ thì làm sao tương tức nhau được. Cho nên biết trên quả thì Y Chánh dung thông đều do nơi Lý Bản chúng sinh vậy. Song Pháp Môn của một nhà nói ra thì có: Một là Tánh thể nó tương đương với Chánh nhân ở đây, hai là Tánh lượng nó tương đương với Liễu nhân ở đây, ba là Tánh cụ nó tương đương với Duyên nhân ở đây. Mà Cụ tức là Giả, Giả tức Không - Trung. Chỉ một Pháp tánh thì có đủ ba nghĩa này, gom lại thì càng phân chia ra thì thường họp, tuy biến khắp mọi nơi nhưng cũng không trụ ở đâu cả. Nên biết các Tông khác nói về Pháp tánh thì cũng đồng với Tánh thể, Tánh lượng của các nhà ngày nay, vì họ đều nói là Tánh Pháp, Chân Như cùng Hư Không... chỉ thiếu nghĩa thứ ba là Tánh cụ.

5.PHÁP SƯ TỬ TUẤN

Sư người Gia hòa, lúc đầu nương Sư Hồng Mẫn học Hoa Nghiêm đến chỗ hai tướng Động Tịnh rốt ráo không sinh thì Sư có tỉnh ngộ. Nghe ngài Lang Tà Tuệ Giác đạo cao đương thời liền đi đến cửa, gặp ngài đang thương đường cung kính hỏi rằng: "Thanh Tịnh vốn vậy vì sao bỗng sinh sông núi đất bằng?" Ngài Tuệ Giác bỗng hét rằng: "Thanh Tịnh vốn vậy vì sao bỗng sinh sông núi đất bằng?" Thì Sư phủ phục toát mồ hôi khoát nhiên đại ngộ. Ngài Tuệ Giác bảo: "Tông của ngươi không hưng thạnh lâu phải quyết chí giữ gìn để báo đền ân Phật." Sư vâng lời từ tạ ra đi. Sau Sư đến ở Trường Thủy, học chúng khoảng ngàn người. Sư dùng Tông Chỉ ngài Hiền Thủ mà soạn bộ Lăng-nghiêm Kinh Sớ mười quyển lưu hành ở đời.

6. PHÁP SƯ TỊNH NGUYÊN

Sư họ Dương, ở Tấn Giang học Hoa Nghiêm với ngài Thừa Thiên ở Ngũ Đài (Ngài Thừa Thiên chú giải Kim Sư Tử Chương), học Hiệp

Luận với ngài Minh Đàm ở Huỳnh Mai. Sư lại trở về Nam nghe kinh Lăng-nghiêm, Viên Giác, Khởi Tín Luận với Trường Thủy. Có kẻ học giỏi bốn phương lúc bấy giờ Tôn Sư là Nghĩa Long, nhân Sư đến thăm suối nên thỉnh Sư làm chủ Thanh Lương. Sư lại đến đất Ngô ở chùa Báo ân Quan Âm. Quan Thú đất Hàng là Thẩm Văn Thông đặt Viện Hiền Thủ ở Tường Phù để đón Sư. Sư lại làm chủ Mật Ấn ở Thanh Trấn, Hoa Đình ở Bảo Các, Thiện Trụ ở Phổ Chiếu. Tăng Thống Nghĩa Thiên nước Cao Ly ngồi thuyền buồm đến hỏi đạo, xưng là đệ tử. Từ xưa sớ sao của một Tông Hoa Nghiêm lâu ngày nên thất lạc mất mát. Nhân Nghĩa Thiên đem đến học hỏi mà Kinh giáo bị bỏ quên nay lại được phục hồi. Quan Tả Thừa Bồ Tông Mạnh cai trị đất Hàng thương Sư khổ chí đã tâu lên triều đình lấy chùa Tuệ Nhân đổi Thiền làm Giáo. Ngài Nghĩa Thiên trở về nước đem bộ kinh Hoa Nghiêm viết chữ vàng với ba bản dịch gồm một trăm tám mươi quyển. Đời Tấn hai Pháp sư Nghiêm và Quán đồng dịch sáu mươi quyển. Đời Đường, ngài Thật-xoa-nan-đề dịch tám mươi quyển. Đời Đường, theo bản do nước Ô Trà hiến dâng thì ngài Trừng Quán dịch bốn mươi quyển = một trăm tám mươi quyển) đến tặng Sư. Để cầu thọ cho Chúa Thượng, Sư lập ra gác lớn để thờ ba bộ kinh ấy. Thời bấy giờ người ta kính Sư là Trung Hưng Giáo Chủ (vì lấy chùa này thờ Kinh Hoa Nghiêm chữ vàng, tục gọi là chùa Cao Ly). Tháng mười một năm Nguyên Hựu thứ ba Sư thị tịch, Tháp xá-lợi của Sư ở phía Tây bắc của chùa.

7. PHÁP SƯ NGHĨA HÒA

Vua ban hiệu là Viên Trừng, trong năm Càn Đạo Sư ở chùa Tuệ Nhân, sau dời về Năng Nhân ở Bình Giang, xem bản Tịnh Độ Truyện Lục. Vì trong bộ Hoa Nghiêm không có phần hiển bày Pháp Môn Niệm Phật, Sư bèn soạn bộ Vô Tận Đăng lấy Tông chỉ của kinh Hoa Nghiêm này để riêng khen ngợi Tây phương làm pháp môn niệm Phật vãng sinh (Văn thấy trong Lạc Ban Văn Loại).

8. TRƯỞNG GIẢ LÝ THÔNG HUYỀN

Đời Đường năm Khai Nguyên thứ bảy, ông dùng bản dịch mới Kinh Hoa Nghiêm để viết Thích Luận bốn mươi quyển. Trong lập luận ông lấy mười xứ mười hội nói rộng về Pháp giới so với phần sớ chỉ của ngài Pháp Tạng không giống nhau. Lại dùng Giáo chủ, Thỉnh chủ... mười đối khác hơn kinh Pháp Hoa mà không biết Pháp Hoa là nói về khai Quyền hiển Thật, không biết Hoa Nghiêm là sách Kiêm Biệt mà

nói Viên. Nên phần lớn ông bài xích Tông Thiên thai ta (tóm tắt sự tích Trưởng giả trong Thông Tắc Chí sáu quyển).

TÔNG GIÁO TỪ ÂN

- Sơ Tổ Pháp sư Giới Hiền ở Tây Thiên.
- Nhị Tổ: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang.
- Tam Tổ: Pháp sư Khuy Cơ ở chùaTừ Ân.

Ngài Giới Hiền với giáo điển ba thời đã lập Nghĩa Sớ rất rộng há đủ để tóm thâu Kinh điển một đời của Phật, ngài Từ Ân làm ra Huyền Tán, quán Tâm thiếu sót đâu đủ để thông cả Kinh điển Nhất thật. Kẻ rộng lượng bảo rằng đây chỉ riêng cho một Cơ. Đang lúc Thiên thai hưng thạnh thì ba nhóm Nam, bảy nhóm Bắc đều mất dấu. Đâu thể cho rằng sau nhóm Từ Ân quật khởi ở nơi bốn bể lặng trong mà không thể không luận bàn, nên phải soạn phần Tông Giáo Từ Ân này vậy.

PHÁP SƯ HUYỀN TRANG

Ngài họ Trần, người ở Lạc Dương. Năm mười một tuổi thuộc lòng Duy-ma và Pháp Hoa. Lúc đó ngài Đạo Cơ Pháp sư đang hành hóa tại Trường An, Sư mang trấp Tây du theo học A-tỳ-đàm Bà- sa Tạp Tâm Luận... Ngài Đạo Cơ khen rằng: Ta đi diễn giảng ở nhiều nơi nhưng chưa thấy có một thiếu niên nào thông minh thần ngộ như thế. Năm Võ Đức, Sư ở Kinh Sư giảng Tạp Tâm Luận, vì không nệ câu văn nên được đời rất khâm phục. Quan Bộc Xạ Tiêu Võ tâu lên vua xin mời Sư ở chùa Đại Trang Nghiêm. Năm Chánh Quán thứ hai, ngài dâng biểu xin vua được du học Thiên Trúc. Được vua chuẩn nhận, ngài roi gậy lên đường Tây chinh vượt qua Thông Lãnh xa xôi, gió độc cắt da, cát bay lấp dấu, khe sâu hun hút phải bắc cầu dây, leo tuốt thang mây, bò lên núi tuyết, vách đá sừng sững mấy ngàn nhận, mỗi người cầm bốn cái thang dây tay chân thay nhau bám vào lỗ vách đá trèo lên, bắt chước loài khỉ mà đu chuyền mới qua được Trương Khiên Cam Diên Thọ chưa khi nào đến được. Qua sa mạc gặp quỷ dữ biến hóa nhiều loài lạ lùng thoạt hiện thoạt mất khắp nơi, Sư nhất tâm niệm Quan Âm và Bát-nhã Tâm Kinh thì chúng bỗng nhiên biến mất. Băng tuyết ở chỏm núi từ Xuân sang Hè vẫn chưa tan, học trò bè bạn Sư cùng đi mười người chết rét hết bốn. Vào ngọn Thiết Môn vách đá đều sừng sững đóng kín, đó là quan ải nước Đột Khuyết. Sư thăm khắp một trăm ba mươi nước đều là đất Như Lai đã giáo hóa. Nào rừng kiên cố Nê hoàn, cây Bồ-đề hàng ma, tháp

vọi cao Ca Lộ, núi Lưu ảnh Na- yết... Sư đều đến kính lễ. Sư thâu nhặt được tượng báu, xá-lợi và kinh lá bối bảy mươi lăm bộ, giáo Phương Đẳng núi Kỳ, văn nửa chữ ở Lộc Uyển. Các trước thuật của Mã Minh Long Thọ, mười tám Tông dị chấp, chỗ đến từ các nẻo khác nhau của Năm bộ, nghiên cứu thu nhặt đủ các văn bản, tuy âm từ lắm biến cách, câu văn phải nhiều chú thích nhưng không thứ nào không đạt đến chỗ vi diệu. Rồi Quốc vương Kỳ La tặng Sư voi và ngựa trắng để giúp chở kinh luận về. Tháng giêng năm Trinh Quán mười chín, Sư về đến Trường An. Quan Lưu Thư là Phòng Nguyên Linh sắm sửa đủ tràng phan bảo cái trống kèn, oai nghi nghiêm trang mấy ngàn đạo tục đem lọng báu đến rón rước Sư. Tháng hai, Sư về đến Lạc Dương vào yết kiến vua tại Nghi Loan điện (lúc đó vua vi hành ở Lạc Kinh), vua an ủi ủy lạo Sư lại hỏi thăm về các việc ở Tây Vức, ra chiếu mời Sư viết Tây Vức Ký, kể các thứ núi sông, phong tục mà sử sách trước nay chưa ghi chép. Vua mời Sư đến ở chùa Hoằng phước cùng các Sa-môn Đạo Tuyên, Linh Võng... đồng phiên dịch. Năm Trinh Quán hai mươi, Sư dâng lên vua bản tân dịch về Bồ-tát Tạng Kinh, Hiển Dương Thánh Giáo Luận, Sư thỉnh vua viết tựa Thánh Giáo. Năm thứ hai mươi hai, dâng lên vua Du Già Sư Địa Luận. Vua đọc khen rằng Phật giáo thật rộng lớn cũng như nhìn trời ngắm biển không gì cao sâu bằng, còn sách vở của Cửu lưu khác nào bãi đầm nhỏ hẹp. Đời nói Tam Giáo chỗ chí cốt ngang nhau thì đây là lời lừa dối. Vua ra chiếu phải viết mới các kinh luận đã dịch, ban tặng Sư làm Tổng Quản chín Đạo (lúc đó nước tàu phân ra làm chín Đạo) lưu hành khắp nơi. Vua ra chiếu lập điện Tử Vi ở Kinh Sư, riêng lập Viện Hoằng Pháp mời Sư đến ở. Sư chọn bảy vị Danh đức theo mình, ngoài việc luận đạo với vua Sư còn tùy lúc cùng chúng phiên dịch. Vua bảo dịch Lão Tử ra Phạm văn để đem tặng Thiên Trúc. Sư thưa Giáo lý của Phật và Lão rất khác biệt nhau đâu thể dùng lời Phật để hiểu nghĩa Lão. Vả lại Lão Tử lập nghĩa cạn cợt ngoài da Ngũ Thiên Trúc mới nghe đủ thấy là mỏng, bèn thôi. Năm Vĩnh Huy thứ ba, Sư dâng biểu xin lập Tháp ở chùa Từ ân để thờ Tạng Bộ tiếng Phạm và các tựa Thánh Giáo của hai triều vua viết ra. Vua chấp thuận và trích bớt tiền cơm áo của những kẻ đã chết trong bảy cung để giúp thêm chi phí. Năm Hiển Khánh thứ nhất, khi sinh Hoàng Tử (Trung Tôn) thì ánh sáng lạ đầy nhà, vua ban hiệu cho hoàng tử là Phật Quang Vương, được hơn tháng thì dâng biểu thỉnh Phật Quang Vương xuất gia, vua ra chiếu xuống tóc và truyền quy giới cho Vương, lại dâng cho Vương Tâm Kinh Chữ Vàng và y bát đầy đủ. Năm Hiển Khánh hai, vua đi Lạc Dương ra

chiếu mời Sư cùng đi, tiện đường Trần Lưu, Sư cải táng song thân, vua ra lệnh cung cấp cho Sư đủ đồ tống táng. Năm Hiển Khánh thứ tư dùng Cung Ngọc Hoa làm chùa để thờ kính các Tiên Đế, vua mời Sư đến ở. Sư dịch kinh Đại Bát-nhã đến năm Hiển Khánh thứ tư thì được sáu trăm quyển. Năm Lân Đức thứ nhất ngày bốn tháng hai Sư cáo biệt chúng rằng: "Thân này là chất bọt nước huyễn hoặc, đâu thể dừng lâu", bèn khuyến chúng niệm danh hiệu Di-lặc, nguyện cùng hàm thức mau hầu Từ Nhan. Rồi Sư nằm nghiêng hông phải xếp chân, dùng tay gối đầu im lặng bất động. Vua gào khóc thảm thiết, bãi triều năm ngày, đến ngày thứ năm ra chiếu khóc thương khen công đức Sư. Và theo phép Phật xưa đã dùng quan vàng quách bạc táng Sư ở Sản Đông. Lúc xưa Sư có bệnh, Minh Tàng Thiền sư đến thăm bệnh, thấy hai người to lớn bưng hoa sen trắng đến trước bảo rằng: "Sư từ vô thủy đã làm tổn hại hữu tình nên nay bị bệnh nhẹ và được dứt hết." Sư nhìn đại chúng chắp tay mà nghe, đấy không phải là do sức dịch Bát-nhã mà chuyển thọ báo nặng thành nhẹ đó sao? Ngày xưa khi du học Thiên trúc, Sư đưa tay xoa hàng tòng thẳng tắp bảo: "Ta sang Tây cầu pháp thì ngươi nên chỉa nhánh về Tây, nếu ta trở về thì ngươi trở nhánh về Đông." Khi Sư đi rồi quả nhiên cây chỉa nhánh về Tây. Một hôm bỗng cây chỉa nhánh sang Đông. Đệ tử Sư bảo: "Giáo chủ sắp về", nhân đó gọi là Ma Đảnh Tòng. Sư đến Thiên Trúc gặp Tông Long Thọ muốn theo học, đám học trò bảo Sư uống thuốc để được trường sinh thì mới nghiên cứu đến cùng Tông chỉ được. Sư tự nghĩ: Mình vốn muốn tìm Kinh chỉ e tiên thuật không đạt được thì sẽ phụ ước nguyện trước, Sư bèn đến học Pháp Tướng với ngài Giới Hiền, ngài truyền cho Tông Duy Thức. Khi đó ngài Giới Hiền đã một trăm lẻ ba tuổi, do Đức Văn-thù dặn dò gởi gấm nên ngài nán chết để chờ Sư Huyền Trang. Ngài Giới Hiền dùng Tam Thời Giáo: Một là có, hai là không, ba là chẳng không chẳng có. Khởi Tín Luận tuy do ngài Mã Minh soạn ra đã lâu nhưng không được lưu truyền, Sư bèn dịch Luận ấy từ tiếng Hán thành tiếng Phạm, khiến được truyền khắp năm cõi Thiên Trúc, lại được truyền yếu đạo ấy là do công của Sư.

PHÁP SƯ KHUY CƠ

Sư người Đại Quận, là con của Kim Ngô Vệ Tướng Quân Uất Trì Kỉnh Tông. Mẹ họ Bùi nằm mộng thấy nuốt mặt trăng mà sinh ra Sư. Sư mới sáu tuổi mà thông minh hơn người lớn, ở cổ có ngọc chẩm, chỉ tay như ấn. Khi còn rất bé đã biết viết sách. Ngày xưa Huyền Trang Tam tạng nhặt được đứa bé ở Tây Vức thông minh tuyệt luân. Có lần dắt đến

Kỉnh Tông. Tông bảo Cơ ra lạy Huyền Trang, khiến đọc sách binh thư chính Cơ làm ra cả mấy ngàn lời. Mấy lần Trang nhìn cậu bé. Khi Cơ đọc xong thì ngài bảo đó là cổ thư, khiến cậu bé đọc lại thì không sai một chữ. Kỉnh Tông giận dữ cho là Cơ gạt mình, định đem giết. Trang đến dắt đi xuất gia. Nhân nhớ lúc xưa còn ở Thiên Trúc, khi trở về nước bèn đem đứa bé đi theo. Thầy bói nói: "Thầy về tới Đông độ thì đệ tử sinh ra. Sấm Ký đã ngầm phù hợp. Bèn đem việc đó nói cho Kỉnh Tông nghe, Tông bảo: Đứa bé này ương ngạnh đâu chịu nghe lời". Trang nói: "Cậu bé này là quý vật, không phải Tướng Quân thì không sinh vào, không phải bần Đạo thì không biết". Cuối cùng Tông đành bằng lòng. Cơ nổi giận nói: "Nếu cho con ba điều: Không đoạn dục, được ăn cá thịt, ăn quá ngọ thì con vâng lời". Trang nghĩ trước đây cậu ta đã bị dục trói cột, bèn giả bộ nhận lời. Năm Chánh Quán hai mươi mốt vâng chiếu vua, Cơ xuống tóc, khi đó mười bảy tuổi ở tại chùa Quảng Phước. Khuy Cơ học được của ngài Huyền Trang các thứ Du Già Sư Địa, Duy Thức Tông Chỉ và đã soạn thuật Sớ sao có cả trăm bộ. Người thời đó gọi là Bách Bộ Luận Sư.

Có người thỉnh Sư giảng Pháp Hoa, Sư có soạn bộ Huyền Tán Đại Sớ mười quyển. Tháng mười một năm Vĩnh Thuần thứ nhất, Sư thị tịch ở Viện Phiên Kinh Từ Ân. Vua viết bài Tượng tán và sắc lệnh cho các chùa vẽ hình Sư để thờ và được chôn gần phần mộ của ngài Huyền Trang.

Ngài Nghĩa Thần Trí nói: Huyền Tán của Từ Ân là giải Pháp Hoa đều không có các nghĩa lập hạnh nhiếp pháp nhập tâm thành quán... chuyên dùng Định Tánh Diệt Chủng của Duy Thức Luận để hiểu Kinh này, đây chỉ viện dẫn khống Quyền Văn để chứng Thật Giáo. Song việc luận về chuyên cảnh của tám Thức có rộng hẹp và chuyển Thức thành Trí, cột Trí thành Thân cùng các thuyết tạo nghiệp thọ báo... công lao rất nhiều.

DU GIÀ MẬT GIÁO :

- Sơ Tổ: Kim Cang Trí Quán Đảnh Quốc Sư.
- Nhị Tổ Bất Không Quán Đảnh Quốc Sư.
- Tam Tổ Tuệ Lãng Quán Đảnh Pháp Sư.
- Long Môn Vô Úy Pháp sư.
- Đại Tuệ Nhất Hạnh Pháp sư.

Chuyên trì Mật ngữ để mong được hiển bày linh nghiệm, thì

không giống như người hiểu Đệ nhất nghĩa, một khi ngộ được Diệu tâm thì ngay ở trên tòa mà được giải quyết. Cho nên phải làm trong sạch ba Nghiệp, rành rõ Nghi Quỹ, chuyên tụng thần chú khóa đủ vạn ức, trải nhiều năm tháng mà có công dụng trở thành không gián đoạn. Chú tâm tinh luyện gấp vạn lần mới có được một cảm ứng. Chỉ do giáo của năm bộ Du Già mà tất cả hạnh quả rộng lớn đều gồm đủ, nhưng chỉ cốt dùng giữ nước cứu đời là cốt yếu. Đây chính là Tạng Dụng Hiển Nhân của Phật giáo. Nay để phòng những việc bên ngoài gây sự bất tín nên soạn phần Du Già Mật Giáo Chí (tiếng Phạm là Du Già, Hán dịch là Tương Ưng, nghĩa là các pháp Cảnh, Hạnh, Quả của tất cả các Thừa đều tương ưng).

1. SƠ TỔ QUỐC SƯ KIM CANG TRÍ

Sư người Tây Vức, chính Sư truyền pháp cho Long Trí A-xà-lê. Đời Đường, năm Khai Nguyên thứ bảy, Sư đến Nam Hải Quảng châu. Nghe lời đồn, vua bèn mời vào yết kiến, Sư đến nghỉ ở chùa Đại Từ ân. Mùa hạ bị hạn hán vua bảo Sư cầu mưa. Sư lập đàn, vẽ tượng Thất Cu Chi ước định rằng: Khi tượng mở mắt thì trời mưa. Tròn ba ngày thì quả nhiên tượng mở mắt. Có thần từ đàn tràng trải mây đầy không trung, phút chốc mưa ào xuống, vua khen ngợi. Năm sau, Sư xin sang Nhạn Môn, vua không thuận. Sư dời về ở Tiến Phước, Sư đến chỗ lập đàn cầu mưa trước đây để xây dựng ra đạo tràng Quán Đảnh. Tháng tám năm Khai Nguyên thứ hai mươi Sư bảo các môn đồ rằng: "Lúc trăng tròn sáng ta sẽ tịch." Đến ngày hẹn Sư đi nhiễu quanh tượng Phật Tỳ-lô-giá-na, đảnh lễ Kinh Tạng lá bối rồi ngồi kiết già mà hóa. Vua thụy phong là Quán Đảnh Pháp sư, tháp Sư ở Y Xuyên.

2. NHỊ TỔ QUỐC SƯ BẤT KHÔNG

Sư người Tây Vức. Lúc nhỏ Sư theo chú tham quan nước Quang Thượng, gặp ngài Kim Cang Trí theo học nghĩa Du Già, ngài trao cho bộ Thanh Minh Luận bằng tiếng Phạm, chỉ trong một tuần nhật thì Sư thuộc lòng. Ngài Kim Cang Trí lấy làm lạ dẫn Sư vào Kim Cang đạo tràng rồi thí nghiệm bằng cách ném hoa thì biết Bất Không hơn mình. Lúc mới cầu pháp, Sư mộng thấy các tượng Phật ở Kinh Sư đều đi về phương Đông. Khi tỉnh dậy Sư đem việc hỏi ngài Kim Cang Trí. Ngài nói: "Ông có tư chất thọ đạo, ta nào dám giữ riêng", liền trao cho Sư năm bộ và các Nghi pháp Tô- tất- địa. Khi ngài Kim Cang Trí tịch rồi, Sư theo lời di giáo của ngài mà sang Tây Thiên Trúc, đến nước Sư Tử

gặp ngài Long Trí học mười tám Hội Kim Cang Quán Đảnh, Đại Bi Thai Tàng và pháp lập Đàn Tràng. Sư truyền kinh luận đến hơn năm trăm bộ. Năm Khai Nguyên thứ hai mươi chín, từ nước Sư Tử, Sư trở về đến Quảng châu. Thái Phỏng Sứ là Lưu Cự Tế thỉnh Sư lập Quán Đảnh Đàn Pháp, cảm được Đức Văn-thù hiện thân cho thấy, cứu độ ngàn vạn người. Năm Thiên Bảo thứ nhất, năm nước Tây Thành, Đại Thạch, Khang Cư... vào xâm lấn An Tây. Vua mời Sư vào triều, vua đích thân bưng lư hương, Sư tụng Nhân Vương Hộ Quốc bằng mật ngữ, mới tụng được mười bốn biến thì vua thấy có binh Thần khoảng năm trăm người mặc giáp cầm mác đứng ở Sân điện, Sư bảo: Đây là Độc Kiện, con thứ hai của Tỳ-sa-môn Thiên Vương, thể theo ý của Bệ hạ đến cứu Tây An, xin bệ hạ thiết tiệc để sai khiến. Đến tháng tư có biểu ở Tây An tâu rằng: Ngày mười một tháng hai, ở phía Đông bắc thành, trong mây đen có thấy Thần Kim giáp mình cao hơn một trượng ở trên không trung đánh trống thổi tù và tiếng vang to chấn động trời đất, trong quân trướng có chuột vàng cắn đứt dây cung, nên giặc năm nước rút chạy. Phút chốc thấy trên thành lầu hiện hình Thiên Vương, bèn vẽ hình tượng cẩn thận dâng lên Thánh Thượng. Lúc đó đúng vào ngày Sư tụng chú vậy. Vua bèn ra lệnh các Đạo đặt tượng thờ Thiên Vương tại phía Tây bắc của Thành (nên nay trên Quân Doanh của lầu thành đều lập Thiên Vương Đường là do chuyện này). Mỗi khi Sư cầu nguyện thì đều giăng màn thêu năm màu, ngồi trên tòa tay cầm Mộc thần. Khi tụng chú ném tượng ra, Thần tự đứng ở tòa. Có bốn chúng đều vây quanh nhìn kỹ thấy hai mắt tượng máy động, đều rùng mình sợ hãi. Cả hai triều vua Túc Tông và Đại Tông đều tôn Sư làm Quốc Sư. Sư thường đem lý rốt ráo để khai phát cho vua. Vua lại tặng Sư chức Hồng Lô Khanh. Tuổi về già Sư có bệnh, vua lại ban thêm chức Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty Túc Quốc Công, có thực ấp đến ba ngàn hộ nhưng Sư từ chối không nhận. Vua ban hiệu là Đại Quảng Trí Tam tạng. Đến tháng sáu năm Đại Lịch thứ chín Sư thị tịch ở chùa Đại Hưng Thiện. Vua bãi triều ba ngày, vua ban lễ tế tự và tặng chức Tư Không, lại thụy phong là Đại Biện Chánh Quảng Trí. Tháp thờ xá-lợi Sư ở nơi ở cũ. Sư dịch được bảy mươi bảy bộ kinh, các đệ tử được pháp tụng chú, có Tuệ Lãng là bậc nhất. Cho nên ở Đông Hạ coi Kim Cang Trí là Sơ Tổ, Bất Không là Tổ thứ hai, Tuệ Lãng là Tổ thứ ba. Và đệ tử của ngài Bất Không là Tuệ Quả. Khoảng năm Nguyên Hòa, có Sư Không Hải người Nhật Bản vào Trung Quốc theo học với Tuệ Quả, khi về nước truyền bá Đạo này rất thịnh hành (truyện về Tuệ Lãng Pháp sư thì Bản Kỷ bị mất).

Ngài Khải Am nói: Hoa Nghiêm đốn bày Biệt viên thì không phải đợi đến dùng mật. Ở Lộc Uyển chỉ nói Tiểu thừa thì chưa cầu dùng Mật, chỉ có hai thời Phương Đẳng và Bát-nhã do muốn chuyển Tiểu thành Đại và khắp dẫn mọi Cơ và Biệt viên, nên ở thời này Như Lai mới bắt đầu dùng hai thứ Hiển Mật. Như về Pháp Hoa Khai Hiển thì không Tiểu thừa không Đại thừa mà đều nhập vào Nhất thừa (Phật Thừa). Bèn như Mặt trời lúc đúng ngọ, không lệch bóng. Đã nói là Mật sao còn bày lập? Từ các ngài Kim Cang Trí... vì là cơ duyên đời Mạt pháp, có thích hợp với Mật Giáo, nên truyền sang Đông độ, được gọi là Một Tông. Còn những người nối pháp sau đó thì sự linh nghiệm càng yếu kém. Cuối đời Đường loạn ly, các Kinh Sớ đều mất mát. Nay Pháp này chỉ thạnh hành ở Nhật Bản, còn nước Trung Quốc ta gọi là Du Già thì chỉ còn pháp sự mà thôi.

3. PHÁP SƯ VÔ ÚY

Sư là hậu duệ của Cam Lộ Phạn Vương, nhường ngôi từ bỏ vinh hoa xuất gia học đạo. Chỗ nào Sư đến nói pháp tất có điềm lạ. Sư đến nước Ô- trà diễn giảng kinh Giá- na. Chúng thấy bốn chữ vàng Tỳ-lô-giá-na hiện trên không trung đường kính đến mấy trượng (câu này đáng lẽ phải viết theo lối chữ Phạn). Kịp khi qua Long Hà, lạc đà chở Kinh phải lội xuống nước, Sư Vô Úy cũng đi theo. Long vương thỉnh Sư vào cung. Sư giảng Pháp ba ngày. Năm Khai Nguyên thứ tư, Sư đến Trường An. Trước đó vua nằm mộng thấy có Phạm Tăng vào yết kiến, khi tỉnh dậy vua cho thợ vẽ hình trên vách. Đến khi Sư vào gặp vua thì quả đúng y người thấy trong mộng. Bèn tiếp đãi Sư ở chùa Tây minh gọi là Giáo Chủ. Mùa thu gặp hạn hán, vua mời Sư cầu mưa. Sư lấy định số biết là khó bèn bảo rằng: Muốn khiến mưa chỉ sợ rồng quá dữ, Sứ khuyến dụ: Hạn hán lâu ngày dân chúng khổ sở lắm rồi. Gặp mưa to gió lớn nổi lên cũng đủ khoái ý rồi. Sư liền bưng bình bát và cầm dao nhọn quấy vào rồi tụng Mật Ngôn một trăm biến. Bỗng có con vật giống như con nòng nọc cất đầu bay khỏi bát, khí trắng đầy không trung. Sư bảo Sứ giả mau trở về. Sứ về nhìn thấy mây đen dày đặc từ giảng đường cuộn lên không trung. Rồi thì mưa giông gió giật thổi tốc các mái tranh suốt cả ngày mới dứt và nước dâng tràn không ngớt. Sư bèn lấy đất nhão nặn hình năm bà rồi đọc tiếng Phạm và quát lớn, mưa liền tạnh. Sư đã dịch các Kinh Tỳ-lô-giá-na, Tô tất địa, Yết- la... hơn mười bộ. Đệ tử Sư là Bảo Nguyệt Nhất hạnh đều học đạo đầy đủ. Sư mấy lần xin trở về Tây Vức, nhưng vua an ủi không cho. Năm Khai Nguyên thứ hai mươi

ba, Sư thị tịch nhưng nhục thân không hư. Tháp Sư ở núi phía Tây Long Môn (Vua Tống Thái Tổ, năm Càn Đức thứ chín, đến chùa Quảng Hóa ở núi Long Môn tại Lạc Dương, hỏi thăm tháp Vô Úy Tam tạng và đến chiêm ngưỡng nhục thân).

4. PHÁP SƯ NHẤT HẠNH

Sư là cháu của Trương Công Cẩn. Lúc đầu theo ngài Phổ Tịch xuống tóc. Lô Hồng mới gặp Sư lần đầu đã cho là lạ bèn bảo Tịch rằng: "Cậu bé này anh làm thầy không được đâu, phải cho theo Nam Tuân ở phía Đông." Sư đến đâu thì mọi người quỳ mọp đón tiếp. Phàm các thứ âm dương sấm vĩ bằng lá bối ở Tây Trúc không thứ nào Sư không nghiên cứu cặn kẻ và Sư truyền Mật Giáo của các ngài Kim Cang, Vô Úy. Sư đã kết tập các Kinh sớ Tỳ-lô-giá-na để đăng Đàn Quán Đảnh, học được năm bộ pháp Du-già. Sư đến chùa Quốc thanh để tham học với các Lão Tăng. Lúc đầu Sư đến, Tăng Bố Toán gọi thị giả bảo rằng: "Sẽ có đệ tử cầu toán pháp của ta, trừ một bài toán là trước cửa nước khe chảy từ Tây mới đến". Sư đột ngột bước vào cúi đầu học lấy bí quyết xong thì nước lại rót về phương Đông. Từ đó Sư rất giỏi toán pháp. Năm Khai Nguyên thứ ba, vua mời Sư vào bệ kiến, vua hỏi Sư về Pháp xuất thế và Đạo an quốc trị dân. Người thời ấy gọi Sư là Thiên Sư. Vua hỏi về vận nước. Sư đáp: "Xe loan đi Vạn lý xã tắc ắt chung cát." Rồi đưa hộp vàng bảo khi đến Vạn lý thì mở ra xem. Bèn mới trở về được một quãng đường thì có loạn An Lộc Sơn. Vua phải lánh sang Thành Đô đến cầu Vạn Lý thì mới biết lời sấm "phải trở về" mà dứt hết ưu phiền. Còn "chung cát", tức đến đời Chiêu Tông thì dứt mất, vì Chiêu Tông từng được phong làm Cát Vương. Lý Ẩu con của Vương Thị bị ngồi tù phải tội chết, cầu cứu với Sư. Sư bảo bắt bảy con heo con mỗi ngày nhốt một con trong hũ trét kín nắp bằng bùn Lục nhất, đọc chú bảy ngày thì sao Bắc Đẩu lặn mất. Thái tử tâu lên vua là có đại biến. Sư khuyên vua nên đại xá. Ẩu Tử nhân đó được thả. Bèn mỗi ngày thả một con heo con, đến bảy ngày sau thì sao Bắc Đẩu lại hiện ra đầy đủ. Sư chưa hết lo thì ở tòa Yên công, Quán Vương chứa củi toan mưu phản, Sư bảo Yên Công rằng: Đây chỉ là Pháp Tranh Tiên mà thôi. Nếu đọc bốn câu thừa trừ của bần đạo thì người người đều là quốc thủ.

Bình Hòa Phác bảo Doãn Am rằng: Lạc Hạ Hoành khi làm lịch thì tám trăm năm chỉ sai có một ngày sẽ có Thánh nhân xác định lại. Đến khi Đại Diễn Lịch ra đời lời Hoành nói đều ứng nghiệm. Năm Khai Nguyên mười lăm, Sư theo vua đi Tân Phong, giữa đường bị bệnh.

Vua mời mười Đại Đức ở Kinh Sư lập đàn cầu phước cho Sư. Ngày tám tháng mười Sư thị tịch ở chùa Hoa Nghiêm, lưu khám Sư hai mươi mốt ngày nhưng dung mạo Sư vẫn như hồi còn sống. Tháp Sư ở Đồng Nhân Nguyên. Vua thụy phong cho Sư là Đại Tuệ Thiền Sư. Sư có soạn Dịch Luận, Đại Diễn Lịch có trong Mục Lục của Đường Thư Nghệ Văn Chí.

NAM SƠN LUẬT HỌC:

Thủy Tổ, Đàm Vô Đức Tôn giả (dịch là Pháp Chánh, đệ tử của Tôn giả Cúc-đa là chủ Tứ Phần Luật, Tông Nam Sơn).

Nhị Tổ, Đàm-ma-ca-la Tôn giả (dịch là Pháp Thời, Sa-môn ở Tây Trúc. Lúc đầu nương vào Tứ Phần và Thập Sư mà thọ giới. Xa nối ngài Pháp Chánh).

Tam Tổ, Bắc Đài Pháp Thông Luật Sư (thời Hiếu Văn Đế đời Nguyên Ngụy vốn xưa học luật Tăng-kỳ, nhân khảo học với ngài Thể Thủ được truyền cho Luật Tứ Phần, xa nối ngài Pháp Thời).

Tứ Tổ, Vân Trung Đạo Phúc Luật Sư (là đệ tử của ngài Pháp Thông. Đầu tiên soạn Sớ Sớ Khoa sáu quyển để giải thích Luật Tứ Phần).

Ngũ Tổ, Đại Giác Tuệ Quang Luật Sư (lúc đầu theo ngài Phật-đà Thiền sư xuất gia. Ngài Phật-đà bảo: "Cậu bé này trước cần phải thông suốt Luật. Luật là nền tảng của Tuệ, nếu không phải Trí thì không vâng thờ. Nếu mới đầu theo Kinh Luận ắt coi thường giới". Do đó nương ngài Đạo Phúc mà thông suốt Tứ Phần Luật. Ngài soạn Sớ mười quyển).

Lục Tổ, Cao Tề Đạo Vân Luật Sư (theo học với ngài Tuệ Quang. Sư có soạn Sớ Sao chín quyển, sửa định giải thích văn rất rộng).

Thất Tổ, Hà Bắc Đạo Hồng Luật Sư (theo học với Đạo Vân, cũng soạn Sớ Văn).

Bát Tổ, Hoằng Phước Trí Thủ Luật Sư (trước khi học giới, ở trước tháp cổ Phật đã cầu nguyện mong hiển ứng linh nghiệm, được Phật xoa đầu, thân tâm Sư thanh thản mới biết cảm kích giới hạnh và tìm xem Luật Bộ gặp được nhiều văn nói về Luật, liền theo học với ngài Đạo Hồng. Sư có soạn Sớ được hai mươi quyển).

Cửu Tổ, Nam Sơn Đạo Tuyên Luật Sư (Khinh Trọng Nghi nói rằng: Nối tông chỉ ngài Trí Thủ Luật Sư).

Thuở xưa ở vườn Lộc Uyển vì gặp những người chưa được thuần thục nên Phật chế ra các giới luật để làm trong sạch ba nghiệp. Đã có

nhiều lần quở tránh, lại giúp mọi người nghe thấy mà được hiển sáng. Ở đời có người theo học tất có kẻ sẽ bị lỗi về Thừa thì gấp, mà Giới thì hoãn. Cho nên trong đêm nhập Niết-bàn, Phật nói "Phù Luật Đàm Thường" để giúp kẻ hậu lai đừng coi thường việc học giới. Đó là dùng tâm trí thường để vâng giữ luật nghi. Khác với việc suốt mười hai năm chỉ riêng hoằng hóa cái học ba tạng. Chỉ có Sư Nam Sơn là xa nối lời Phật dặn dò, chuyên về Tỳ-ni, thuật đủ điều chương, rành rẽ trì phạm, thì do đó thích hợp cơ nghi đời sau. Những kẻ nhập Đạo ai cũng noi theo đây. Tam Học nương nhau, đây là bước đầu. Do đó mà soạn phần Nam Sơn Luật Học Chí sau đây.

1. PHÁP SƯ ĐẠO TUYÊN

Sư họ Tiền, người ở Kinh Triệu. Bà mẹ nằm mộng thấy có vị Phạm Tăng bảo rằng: "Nhân giả có mang ngài Tăng Hựu Luật Sư ở đời Lương đó." Rồi có thai trọn mười hai tháng mà sinh ra Sư. Đến chín tuổi thì Sư xem khắp các sách, mười hai tuổi đã giỏi về bút mực, mười lăm tuổi thờ Nhật Nghiêm Quân Công làm thầy, mười sáu tuổi tụng Pháp Hoa hai tuần nhật và thấu suốt. Năm mười bảy tuổi xuống tóc. Năm hai mươi tuổi nương ngài Trí Thủ Luật Sư thọ giới Cụ túc. Sư luôn đắp ba y bằng vải xấu, thường ngồi, ngày chỉ ăn một bữa. Năm Võ Đức thứ tư, Sư lại nương ngài Trí Thủ học Luật, tánh thích Thiền na nguyện tu Chánh Định. Nghiêm Quân bảo rằng: Giới tịnh thì Định sáng, nhân đó Tuệ mới có chỗ nương nhờ. Sư mới nghe chưa rãnh để nghiền ngẫm tìm hiểu nên đâu biết "Phạm Trì" là gì. Năm Võ Đức thứ bảy, Sư dời đến ở Trữ Ma-lan-nhã tại Chung Nam. Sư mới viết ra Hành Sự Sao. Năm Chánh Quán thứ tư, Sư tu Bát-nhã Tam-muội tại Thanh Cung Tinh xá. Trải qua chín mươi ngày thì Rồng biến thành hình người đến lễ bái nghe pháp. Nhân có Sa-di nhiễm tâm nhìn ngó mấy cô gái, Rồng nổi giận muốn giết, nhưng nghĩ Sư đã dạy giới nên liền bỏ ác ý, chỉ ngậm độc nhã trong giếng rồi thưa Sư chớ uống nước ấy. Khi Sư đến xem thì nước giếng sôi sục. Sư ở lại chùa Vân Tế tu Tam-muội này, trước sau hai mươi hội, thường cảm đến Thiên Đồng tới hầu hạ. Năm Chánh Quán mười chín, Sư giúp ngài Huyền Trang dịch kinh ở Hoằng Phước, làm bút thọ sửa văn được tôn là hàng Thượng Thủ. Năm Vĩnh Huy thứ nhất, Sư lại về ở Trữ Ma, do lao tâm mà sinh bệnh. Bỗng Tỳ-sa-môn Thiên Vương trao cho phương thuốc bổ tim (nay trong phương thuốc có thang Thiên Vương Bổ Tâm Đan), lại bảo Sư rằng: Thời này cuối đời Tượng Pháp, không tu thiền Tụng mà chỉ lo xây cất Già-lam sợ e không phải là chánh nghiệp

của Tỳ-kheo. Sau Sư ở chùa Tây minh nhân giữa khuya đi kinh hành, chân vấn vào bậc thềm thì như có Thần nâng chân, Sư hỏi “Ai đó?”, bèn đáp: “Con là Na Tra con của Bắc Thiên Vương, vâng lệnh đến hộ vệ.” Sư nói: “Thái tử có oai lực rất tự tại nên cố gắng đến làm Phật sự ở Thiên Trúc.” Thái tử liền trao cho Sư chiếc răng Phật cực quý. Sư chỉ dùng hành đạo ban đêm, ngày thì dấu kín, chỉ có đệ tử là Văn Võng biết mà thôi. Sư giao tiếp với Thiên thần nói dấu linh cõi này với Thánh tích ở Tây Thiên, kể ra có đến ba ngàn tám việc, Sư vừa hỏi vừa ghi chép mà soạn thành bộ “Cảm Thông Truyện.” Sư ngồi Hạ có công đức mà cỏ thơm mọc ở sân, nơi Sư ẩn cư đất phun suối ngọt. Chỉ viết sơ lược Tục truyện mà hồng Nho đều khâm phục. Vua ban đất để xây đàn thì Phạm Tăng khen ngợi bèn tặng cho hoa thơm trái lạ, hàng phi nhân dâng cho Cam lồ và danh hương. Các việc như thế không thể ghi hết. Mùa Xuân năm Càn Phong thứ hai, Thiên Nhân lại báo cho Sư rằng: “Báo duyên Sư sắp hết sẽ sinh vào nội cung Di-lặc.” Ngày ba tháng mười chúng thấy trên không trung bày nhiều hoa lạ phan báu và mùi hương lạ và nhạc trời vang rền, Thiên Nhân đồng thỉnh Sư về cung Di-lặc. Vua nghe việc liền ra chiếu các tự viện trong thiên hạ nên vẽ hình Sư để thờ cúng. Vua Mục Công viết bài Tán có câu rằng: Đời có bậc giác ngộ là Sứ giả của Như Lai, Rồng Quỷ đều quy y, trời Thần cùng kính thờ. Tiếng bay khắp năm cõi trời, lời vang muôn dặm. Kim Ô lặn phương Tây, Phật nhật mọc phương Đông. Cúi đầu làm Tông chủ mở đầu Luật nghi. Vua Ý Tông đời Tống thụy phong cho Sư là Trừng Chiếu. Sư có soạn: Sạn Định Tăng Giới Bản (một quyển nay còn lưu hành), San Định Tỳ-kheo Ni Giới Bản (một quyển), Chú Tăng Giới Bản (ba quyển), Giới Sớ (bốn quyển), Chú Yết-ma Kinh (hai quyển), Yết-ma Sớ (bốn quyển), Hành Sự Sao (ba quyển), Ni Giới Bản (một quyển), Tỳ-kheo Ni Sao (ba quyển), Thập Tỳ-ni Nghĩa Sao (ba quyển), Vong Vật Khinh Trọng Nghi, Chương Phục Nghi, Quy Kỉnh Nghi, Chánh Hạnh Sám Hối Nghi, Tân Học Giáo Giới Nghi (mỗi thứ nhất quyển), Pháp Hoa Nghĩa Uyển (ba mươi quyển mất bản), Thích-ca Phương Chí (hai quyển), Phật đạo Luận Hành (bốn quyển), Tục Cao tăng Truyện (ba mươi quyển), Hậu Tục Tăng Truyện (mười quyển), Quảng Hoằng Minh Tập (ba mươi quyển), Tam bảo Cảm Thông Ký (hai quyển), Thiên Nhân Cảm Thông Truyện (một quyển), Đại Đường Nội Điển Lục (mười quyển).

Ngài Khải Am nói rằng: Sư Trừng Chiếu nhiều lần cảm mộ Thiên thần, dẫn chứng cơ các tướng luật, tham khảo các dị bộ, lấy luật Tứ Phần làm gốc mà soạn thuật các Sớ sao, chê phá các nhà, chỉ căn cứ

vào thuyết của Thành Thật Luận Sư, lấy năm nghĩa chung của Đại thừa lập làm Viễn Tông Giới Thể (Sư Nhật Bản làm vấn nạn). Lại lập ba thứ Sám Pháp không nương vào Phương Đẳng Phổ Hiền. Bèn lấy Duy Thức Biệt giáo làm Pháp Sám Trùng Quán cho kẻ sơ tâm đời Mạt Pháp. Phán định ngôi vị của Sư quá cao không đâu không nghị bàn.

2. LUẬT SƯ DUẪN KHAM

Tích hiệu là Trí Viên. Khoảng năm Khánh Lịch, Sư làm chủ chùa Bồ-đề ở Tây hồ tại Tiền Đường, có soạn bộ Hội Chánh KÝ để giải thích lời Sao của Nam Sơn. Sau đó ngài Chiêu Luật Sư in ra. Nhân tranh luận về việc đi nhiễu Phật bên trái hay bên phải, dùng y dài hay ngắn mà riêng soạn bộ Tư Trì Ký. Vì thế Hội Chánh Tư Trì phân làm hai nhà.

3. LUẬT SƯ NGUYÊN CHIẾU

Sư họ Đường ở Dư Hàng. Lúc đầu nương ngài Tường Phù Giám Luật Sư. Năm mười tám tuổi tụng thông Diệu Kinh, nhân thi kinh mà được độ, rồi chuyên học Tỳ-ni. Sau cùng với Sư Trạch Anh theo học ngài Thần Ngộ Khiêm Sư. Ngài Thần Ngộ bảo: “Đời gần đây Luật học sẽ yếu dần, ngươi nên nói Pháp Hoa để hoằng hóa bốn phương.” Rồi Sư theo ngài Quảng Từ Tài Pháp sư thọ giới Bồ-tát. Ánh sáng giới giúp Sư phát sáng (thấy rõ trong truyện Tài Pháp sư). Sư bèn rộng nghiên cứu một Tông Nam Sơn về Đốn Tiệm Luật Nghi. Sư thường đắp y vải, trì bát, khất thực ở chợ. Sư làm chủ chùa Linh Chi ba năm, học chúng có đến ba trăm người. Ngài Nghĩa Thiên từ xa đến cầu pháp, Sư trình bày Đại yếu và truyền cho giới Bồ-tát. Chưa bao lâu có đến vạn Hội, truyền thêm giới để độ Tăng có đến sáu mươi hội. Sư lại thí thực, cầu phước, việc ứng nghiệm rất linh hiển. Khi đến Già-lam nào Sư đều kiết giới và bảo rằng: “Sống dạy Luật nghi, chết sinh An Dưỡng, bình sinh chỉ cốt được hai việc đó.” Mùa Thu ngày một tháng chín năm Chánh Hòa thứ sáu, Sư tập chúng, phúng tụng phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện rồi ngồi kiết già mà hóa. Ngư dân trên hồ đều nghe tiếng nhạc trời. Táng Sư ở phía Tây bắc của chùa. Vua thụy phong là Đại Trí, Tháp đề Giới Quang. Sư thường bảo học trò rằng: “Hóa độ đời không gì bằng giảng thuyết, giúp đời sau không gì bằng viết sách.” Sư bèn soạn Tư Trì Ký (Giải thích Sự Sao), Tế Duyên Ký (giải thích Yết-ma Sớ), Hành Tông Ký (giải thích Giời Sớ), Trụ Pháp Ký (giải thích Di Giáo Sớ), Báo Ân Ký (giải thích Lan Bồn Sớ), Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, Tiểu Bồn Di-đà đều có Nghĩa Sớ. San định Ni Giới Bản có hơn trăm quyển, Tạp

Trước Chi Viên Tập hai mươi quyển.

Ngài Khải Am nói: Luật Sư là bậc anh tài pháp khí lớn. Ngài Thần ngộ truyền ký Tứ Phần, Sư đều thấu suốt. Nhưng Sư lại riêng làm Quán Kinh, Thuật Tân Sớ, chống việc phân chia Lý Sự, chuyên hoằng hóa kẻ độn căn, phế bỏ cách ngôn, chỉ thích ức thuyết (nói phỏng). Ngài Thảo Am bèn bổ chánh, bất đắc dĩ mà phải công kích. Đến như các Luật gia phò tân xuất hiện phải chăng là phò việc bất nghĩa, chống nghĩa giới luật ư?

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 30

XIV : GHI VỀ BA ĐỜI PHẬT XUẤT HIỆN

Chư Phật ra đời từ nhiều kiếp lâu xa, trước đây chỉ trình bày sơ lược về lịch sử Đức Thích-ca. Nay căn cứ vào ba ngàn Như Lai để nói về bảy Phật nối tiếp nhau ra đời và tướng diệt của Tượng Pháp và Mạt Pháp của Phật đời nay. Nối tiếp là Đức Di-lặc hạ sinh đến cuối cùng là đức Lâu Chí thành Phật, cho đến kiếp Tinh Tú ở vị lai đều được ghi chép tóm tắt. Ở đây chỉ luận về việc hoằng hóa ở một cõi phía Nam núi Tu-di, mà có thể biết được khắp các cõi nước mười phương. Sư Kinh Khê nói: Tất có một bậc giác ngộ đầu tiên rồi đem Đạo này giác ngộ cho người sau, tiếp nối mãi không thôi, số người giác ngộ càng thêm nhiều cho đến mười phương ba đời chư Phật. Để nói rõ nghĩa này nên soạn ra phần ghi về ba đời chư Phật xuất hiện sau đây:

Tiếng Phạm gọi Kiếp-ba, Hán dịch là Phân biệt thời tiết (theo Trí Luận). Về tuổi thọ của loài người từ tám vạn bốn ngàn tuổi, cứ mỗi trăm năm thì giảm đi một tuổi, giảm đến còn mười tuổi. Rồi một trăm năm lại tăng lên một tuổi (hoặc gọi là con hơn tuổi cha) và tăng mãi đến tám vạn bốn ngàn tuổi. Trong thời gian một lần giảm và một lần tăng gọi là một tiểu kiếp. Cứ hai mươi lần tăng giảm là một trung kiếp. Cứ tổng số thành trụ hoại không trong bốn trung kiếp là một đại kiếp (theo luận Tân-bà-sa). Nay luận về ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai thì mỗi đời có một đại kiếp.

Kiếp Quá khứ trang nghiêm (kiếp này có Thành trụ hoại không mỗi thứ là hai mươi tiểu kiếp).

Kiếp Thành có hai mươi tiểu kiếp (mỗi tiểu kiếp có một lần tăng một lần giảm sau phỏng theo đây).

Kiếp Trụ có hai mươi tiểu kiếp. Có ngàn Phật nối tiếp ra đời. Đứng đầu là Phật Hoa Quang và cuối cùng là Phật Tỳ-xá-phù (bảy Phật ở quá khứ thì có ba Phật ở kiếp Trang nghiêm và bốn Phật ở Hiền kiếp

hiện tại).

Hàng thứ chín trăm chín mươi tám là Phật Tỳ-bà-thi. Ngài họ Câu-lợi-nhã, cha là Bàn-đầu, mẹ là Bà-đề, con là Phương Ưng, Thị giả là Vô Ưu. Lúc người sống tám vạn tuổi thì ngài ra đời. Ngài ở thành Bát-đầu-bà-đề, ngồi dưới cây Ba-ba-la mà nói pháp ba hội độ cho ba mươi bốn vạn tám ngàn người.

Hàng thứ chín trăm chín mươi chín là Phật Thi-khí. Ngài họ Câu-lợi-nhã, cha là Minh Tướng, mẹ là Quang Diệu, con là Vô Lượng, thị giả là Nhẫn Hạnh. Lúc người sống bảy vạn tuổi thì ngài ra đời. Ngài ở thành Quang Tướng, ngồi dưới cây Phân-đà-lợi mà thuyết pháp ba hội độ cho hai mươi lăm vạn người.

Hàng thứ một ngàn là Phật Tỳ-xá-phù. Ngài họ Câu-lợi-nhã, cha là Thiện Đăng, mẹ là Xưng Giới, con là Diệu Giác, thị giả là Tịch Diệt. Lúc người sống sáu vạn tuổi thì ngài ra đời. Ngài ở thành Vô Dụ, ngồi dưới cây Ta-la mà nói pháp độ được mười ba vạn người (theo kinh Trường A-hàm). Xét theo kinh Bồ-tát Bản Hạnh thì từ Tỳ-bà-thi... ba Phật cách nhau kiếp số rất xa không giống như ở kiếp Trang nghiêm. Nay nói bảy Phật phần lớn đều theo nghĩa ba ngàn Phật ở ba đời của kinh Dược Vương và Kinh A-hàm.

Kiếp Hoại hai mươi tiểu kiếp.

Kiếp Không hai mươi tiểu kiếp (bốn Tướng Thành - Trụ - Hoại - Không đều thấy ở trong Hiền kiếp nói sau).

Kiếp hiện tại Hiền kiếp vì có nhiều hiền nhân nên gọi là Hiền kiếp (theo Trí Luận).

Kiếp Thành hai mươi tiểu kiếp, từ sau kiếp hoại Không của kiếp Quá khứ trang nghiêm cho đến nay.

Khi Hiền kiếp mới thành lập thì ở cõi trời Quang âm trên không trung đầy mây sắc vàng khắp che cõi Phạm thiên. Mưa lớn trút xuống hạt to như trục xe chứa trên tầng Phong luân kết thành tầng Thủy luân. Nước dâng lên đến cõi Thiên trụ. Mưa tạnh rồi thì nước rút, bấy giờ gió lớn nổi lên, thổi nước thành bọt văng lên không trung tạo thành cung điện Phạm thiên bằng bảy báu. Nước lại rút xuống và gió thổi như trước, khiến bọt nước tạo thành cung điện Ma-la-ba-tuần. Kế đến tạo cõi trời Tha hóa tự Tại lần lượt đến cung điện Dạ-ma thiên. Nước lại rút xuống, gió lớn lại nổi lên, thổi bọt nước tạo ra núi Tu-di, bằng bốn báu hợp thành. Lại thổi bọt nước tạo ra cung điện bảy báu của cõi trời Tam thập tam. Lại ở lưng chừng núi tạo ra cung điện Tứ Thiên vương và mặt trời, mặt trăng, các sao, cung điện bằng bảy báu. Rồi tạo ra cung điện

của các loại Dạ-xoa Phả Lê ở giữa không trung. Lại ở bốn mặt núi Tu-di thì tạo ra thành của Tu-la cũng trang nghiêm bằng bảy báu. Lại thổi bọt nước tạo ra núi Thất Kim, bốn Đại Châu, tám vạn Tiểu Châu vây quanh một Tiểu Luân Thiết Vi do Kim Cang tạo ra. Như thế gió lớn nổi lên thổi xoáy vào đất bằng khiến càng sâu thêm rồi đặt vùng nước lớn vào đó tạo nên bảy biển nước thơm và biển nước mặn. Rồi ở dưới đất bằng thì tạo ra cung điện Viêm Ma La là nơi ở của Địa Ngục. Như thế cả tam thiên thế giới cùng thành trong một lúc. Ngoài ra còn tạo núi Đại luân vi bao quanh các cõi đại thiên này. Trong đó cả cõi trời Lục dục. Núi Tu-di, mặt trời, mặt trăng, bốn châu cho đến núi Tiểu thiết vi mỗi thứ đều có cả vạn ức. Đây là căn cứ vào hai mươi lần tăng giảm thứ lớp mà thành (theo kinh Khởi Thế).

Tiểu kiếp thứ nhất (gồm giảm và tăng), sau kiếp hoại quá khứ, tất cả loài hữu tình từ lâu tụ họp trong cõi trời Quang âm, nên số thiên chúng càng đông đảo chật hẹp, những kẻ giảm phước thì bị sinh vào các cõi dưới.

Cõi thế gian đầu tiên có một Thiên tử từ cõi Quang âm chết rồi sinh vào cung điện cõi Đại phạm, đó là Phạm vương, trải một lần giảm một lần tăng liền nghĩ rằng không có dân phạm nào đến sinh ở chỗ ta (Phạm Vương tứ lúc mới sinh ra đến khi chết đi trải qua Thành - Trụ - Hoại. Không sáu mươi tiểu kiếp làm một đời sống).

Tiểu kiếp thứ hai (gồm giảm và tăng), lúc đó các trời Quang âm đến sinh vào Phạm thế làm Phạm phụ thiên (có tuổi thọ bốn mươi tiểu kiếp, tức là kiếp tăng giảm thứ hai của kiếp Thành đến kiếp tăng giảm thứ nhất thì chết).

Tiểu kiếp thứ ba (gồm giảm và tăng). Các trời Quang âm đến sinh vào Phạm thế làm trời Phạm chúng (tuổi thọ hai mươi Tiểu kiếp tức là từ kiếp tăng giảm thứ ba của kiếp Thành đến kiếp tăng giam thứ nhất của kiếp trụ thì mất. Hoặc nói theo đây mà sinh thì trước sau bất định và khi chết thì cũng trước sau bất định). Dần dần sinh xuống các cõi trời Lục dục và cõi người. Lại do sức ác nghiệp mà dần dần sinh vào ngạ quỹ, bàng sinh và địa ngục. Sau thành thì trước hoại, pháp đó cứ như thế. Lúc đó các trời Quang âm hết phước lại hóa sinh làm người. Hoặc do ham nhìn thấy đất mới, ánh sáng chiếu xa bay đi tự tại không có tướng nam nữ, cả chúng đông cùng sinh nên gọi là chúng sinh. Đất phun suối ngọt có vị như cháo mật, lấy tay chấm vào nếm thử liền đam mê mùi vị, mất cả thần túc và ánh sáng ở thân. Lúc đó thế gian tối đen nhờ gió thổi biển mà xuất hiện mặt trời, mặt trăng ở khoảng lưng chừng

núi Tu-di soi khắp thiên hạ. Bấy giờ loài người thấy mặt trời hiện ra thì mừng vui, lặng mất thì sợ sệt. Từ đó bèn có ngày đêm sáng tối, xuân thu các mùa năm tháng... hết vòng thì lại bắt đầu. Do mê đắm vị đất mà nhan sắc xấu xí. Vị đất mất đi thì sinh ra cây rừng dây leo (kinh Lâu Thán nói là hai cây Bồ Đào) rồi cùng mê đắm ăn uống. Khi rừng dây leo biến đi thì liền sinh các lúa thóc tự nhiên không có chất đường nhưng đủ các mùi vị thơm ngon. Ăn thứ này vào dần dần tích tụ các chất bả dơ trong thân, muốn thải bỏ đi tất phải do hai đường đại tiểu. Do đó mà thành căn nam nữ. Người có tính dục nhiều thì sinh làm nữ. Do nghiệp lực đời trước bèn có dâm dục rồi thành vợ chồng cùng sống chung. Các trời Quang âm sau sinh làm người đều vào thai mẹ, bèn có thai sinh. Lúc đó trước hết loài người tạo ra đại thành Chiêm-bà rồi đến tất cả thành quách. Các thứ gạo thóc tự nhiên sáng gặt thì chiều chín, cắt xong lại mọc ra, hạt gạo dài bốn tấc. Lúc đó chúng sinh chỉ lấy hai ngày lương cho đến năm ngày. Dần dần sinh ra lúa thóc cắt rồi không sinh ra nữa. Các thứ lúa thóc ấy hư mất thì sinh buồn rầu. Mỗi người tự phong cho mình ruộng đất nhà cửa và tự gieo trồng. Sau đó có nhiều trộm cướp chiếm lấy ruộng lúa người khác, bèn sinh ra tranh cãi đánh đấm nhau, nhưng không giải quyết được. Bèn thương nghị lập ra một Bình đẳng vương để thưởng thiện phạt ác. Bèn có dao gậy giết chóc trị tội. Mọi người phải cung cấp cho vị ấy gọi là Sát-đế-lợi (Hán gọi là Điền chủ). Từ đó các vua lấy đây làm đầu. Lúc đó cõi Diêm-phù-đề rất giàu có yên vui, cả nhân dân trong tám vạn quận quốc xóm làng đều nghe tiếng gà gáy liền nhau, không có bệnh hoạn, không nóng quá lạnh quá, ai cũng đều tu thập thiện, dùng chánh pháp để trị nước, nhân dân yêu kính nhau mạng sống rất dài lâu (các kinh phần nhiều đều nói sống hết tám vạn bốn ngàn tuổi kể cả số tăng giảm mà không nói là rất lâu). Sau vì vua không thực hành chánh pháp nên số tuổi giảm dần. Khi đến tám vạn bốn ngàn tuổi thì thân người cao tám trượng. Cứ một trăm năm giảm một tuổi thì thân giảm đi một tấc. Như thế giảm còn mười tuổi thì thân còn một thước, gọi là Tột kiếp giảm. Sau đó cứ một trăm năm lại tăng một tuổi (có kinh nói con hơn tuổi cha, dẫu có việc này tăng giảm không bằng nhau), tăng mãi đến tám vạn bốn ngàn tuổi, gọi là tột Kiếp Tăng. Một lần giảm một lần tăng hết một lượt thì bắt đầu trở lại. Khi tăng đến tám vạn bốn ngàn tuổi thì có Kim Luân vương ra đời, có ngàn con bảy báu, cai trị bốn cõi thiên hạ, đất nước phì nhiêu hưng thịnh, con gái năm trăm tuổi mới lấy chồng. Sau đó khi gặp mỗi đầu kiếp tăng đều có Kim Luân vương ra đời (theo kinh Trường A-hàm).

Tiểu kiếp thứ tư (gồm giảm và tăng) cho đến tiểu kiếp thứ hai mươi (gồm giảm tăng) đó là:

Kiếp Trụ hai mươi tiểu kiếp:

Tiểu kiếp thứ nhất (gồm giảm tăng). Các trời Quang âm đến sinh vào cõi Phạm thế. Đầu tiên là trời Phạm chúng đến đây, tuổi thọ đủ hai mươi tiểu kiếp.

Tiểu kiếp thứ hai (giảm tăng). Tiểu kiếp thứ ba (giảm tăng). Tiểu kiếp thứ tư (giảm tăng). Tiểu kiếp thứ năm (giảm tăng). Tiểu kiếp thứ sáu (giảm tăng). Tiểu kiếp thứ bảy (giảm tăng). Tiểu kiếp thứ tám (giảm tăng). Tiểu kiếp thứ chín (giảm tăng).

Khi loài người giảm đến năm vạn tuổi thì Đức Phật thứ nhất là Câu-lưu-tôn ra đời, họ là Ca-diếp, cha là Lễ Đức, mẹ là Thiện Chi, thị giả là Thiện Giác, con là Thượng Thắng. Ngài ở thành An hòa, ngồi dưới cây Thi-lợi-sa mà nói pháp, một hội độ được bốn vạn người.

Khi giảm đến bốn vạn tuổi thì Đức Phật thứ hai là Câu-na-hàm Mâu-ni ra đời. Ngài họ Ca-diếp, cha là Đại Đức, mẹ là Thiện Thắng, thị giả là An Hòa, con là Đạo Sư. Ngài ở thành Thanh Tịnh, ngồi dưới cây Ô Tạm Bà-la-môn mà thuyết pháp, một hội độ được ba vạn người.

Khi giảm còn hai vạn tuổi thì Đức Phật thứ ba là Ca-diếp ra đời. Ngài họ Ca-diếp, cha là Phạm Đức, mẹ là Tài Chủ, thị giả là Thiện Hữu, con là Tập Quân. Ngài ở thành Ba-la-nại ngồi dưới cây Câu-ni-luật mà thuyết pháp, một hội độ được hai vạn người.

Khi giảm còn một trăm tuổi thì Đức Phật thứ tư là Thích-ca Mâu-ni ra đời. Khi xưa lúc giảm còn một vạn tuổi, Phật quán sát thấy chúng sinh không có cơ độ được, đến lúc còn một trăm tuổi, kiếp cuối bức bách khổ sở, nên ngài ra đời (theo kinh Trường A-hàm và Luận Đại Trí Độ).

Khi giảm còn tám mươi sáu tuổi thì chánh pháp dứt mất một ngàn bốn trăm năm.

Xét theo Pháp Trụ Ký, Phật bảo ngài A-nan rằng: Sau khi ta diệt độ thì Chánh pháp là một ngàn năm, nhưng do có người nữ xuất gia nên giảm còn năm trăm năm và Tượng Pháp một ngàn năm, Mạt pháp một vạn năm. Trong Thiện Kiến Luận bảo rằng: Lúc đầu Phật không độ người nữ, sau Phật nói cho Pháp Bát Kỉnh nên chánh pháp lại được một ngàn năm. Pháp Uyển thì nói: Thiên Nhân đáp lời ngài Nam Sơn rằng: Cây Tích trượng của Phật để lại hang Rồng suốt bốn mươi năm, vì sau khi Như Lai diệt độ thì có Phi Hành La Sát có thể nói giảng được mười hai Bộ Kinh, giả làm Thiện Tỳ-kheo mà ăn thịt các Tỳ-kheo trì giới mỗi

ngày đến bốn trăm người. Sau đoạn bỏ tội ác này bèn vào ở trong hang Rồng nên khiến Chánh pháp tăng thêm bốn trăm năm, Tượng pháp tăng một ngàn năm trăm năm, Mạt pháp tăng hai vạn năm.

Khi giảm còn bảy mươi tám tuổi vào khoảng tám trăm năm của tượng pháp, chính là tuổi thọ ngày nay vậy (vì sau khi Phật diệt độ hai ngàn hai năm thì tuổi thọ giảm đi hai mươi hai năm, đó là năm Thuần Hựu thứ mười một, đời Tống Lý Tông).

Khi giảm còn sáu mươi mốt tuổi thì không còn tượng pháp, tức hai ngàn năm trăm năm (xem giải thích trước).

Khi giảm còn ba mươi tuổi thì vào thời mạt pháp ba ngàn một trăm năm, người cao ba thước, lúc đó nạn đói khát nổi lên, do nhân dân đều làm thập ác, các thứ cỏ rau gạo thóc năm thứ vị ngon đều biến mất, bấy giờ chỉ nấu xương khô coi như đại yến tiệc. Nếu gặp một hạt gạo thì giấu đi như một báu vật, sáu, bảy năm trời không hề mưa, nước còn không có huống gì ăn uống. Phần nhiều người đều chết đói, phố chợ vắng tanh. Đến bảy năm bảy tháng bảy ngày thì tai ương này mới dứt. Bấy giờ có một người tập họp các nam nữ có phước đức lại được khoảng vạn người để lưu truyền nòi giống loài người. Kẻ nào làm thiện khi muốn ăn uống trời sẽ mưa xuống (trích các văn của A-tỳ-đàm Luận, Du-già Đối Pháp Luận, Kinh Trung A-hàm, Trang Thung Lục...).

Khi giảm còn hai mươi tuổi thì vào thời mạt pháp còn bốn ngàn mốt năm. Người cao hai thước. Khi đó tai ương dịch nạn nổi lên, do người làm ác quá nhiều, phần lớn đều bệnh chết không ai chôn cất, quận ấp hoang vắng, chỉ còn ít nhà. Trải suốt bảy tháng bảy ngày nạn ấy mới dứt, chỉ còn sót lại một vạn người lưu truyền nòi giống. Người nào làm thiện khi cần cơm ăn áo mặc trời sẽ mưa xuống.

Khi giảm còn mười tuổi thì vào lúc mạt pháp còn năm ngàn một trăm năm, người cao một thước. Con gái mới năm tháng đã gã chồng. Khi đó tai ương binh đao nổi lên, do người làm ác càng dữ, ai nấy đều khởi lòng giết hại. Những kẻ làm ác sẽ được mọi người kính trọng, dù cầm cỏ cây ngói đá đều biến thành dao kiếm, rồi giết hại lẫn nhau, kẻ chết ngang vô số. Có người ghét ác chạy vào núi ẩn trốn. Suốt bảy ngày bảy đêm nạn này mới dứt, chỉ còn khoảng một vạn người lưu truyền giống. Những kẻ lẫn trốn bấy giờ xuất hiện, nhìn thấy nhau khởi lòng thương xót, cùng làm các pháp lành, nếu cần cơm áo thì trời liền mưa xuống. Do hay làm lành nên tuổi thọ lại tăng và cứ trăm năm thì tuổi thọ lại tăng một tuổi (từ trên gọi là Tiểu Tam Tai, chỉ hư hại chánh báo, nếu gặp Đại Tam Tai thì y chánh đều hoại).

Khi tuổi thọ người Nam Thiệm-bộ châu còn mười tuổi thì kiếp đao binh giết hại lẫn nhau, Phật pháp lúc đó tạm tiêu mất (theo Pháp Trụ Ký).

Khi tăng đến bốn mươi chín tuổi thì vào lúc mạt pháp là một vạn năm, Bồ-tát Nguyệt Quang ra đời ở nước Chân Đan (tức Đông độ Chấn Đán) nói pháp trọn 52 năm rộng độ chúng sinh, sau khi nhập Niết-bàn thì các Kinh Thủ-lăng-nghiêm, Kinh Ban Chu Tam-muội mất trước, còn các kinh khác cũng lần lượt tiêu mất. Chỉ Kinh Vô Lượng Thọ còn lại khoảng một trăm năm, rộng độ chúng sinh, sau đó mới mất (theo kinh Bản Khởi, Kinh Vô Lượng Thọ nói: Ở đời đương lai các kinh mất hết, ta vì từ bi thương xót, khi đó lưu lại kinh này chỉ trong một trăm năm. Nếu có chúng sinh nào gặp được Kinh này, theo ý mong ước đều được độ thoát. Nam Nhạc Nguyện Văn nói rằng: “Con nay thệ nguyện khiến Kinh này không mất cho đến khi Đức Phật Di-lặc ra đời.”)

Khi tăng đến một trăm tuổi thì vào thời mạt pháp là một vạn năm ngàn một trăm năm, người Nam Thiệm-bộ châu lại tu thiện. Lúc đó mười sáu vị A-la-hán cùng các đệ tử sinh vào cõi người, hiển bày chánh pháp vô thượng, độ vô lượng chúng sinh khiến họ đều xuất gia (theo kinh Pháp Diệt Tận, Pháp Trụ Ký).

Khi tăng đến hai trăm bốn mươi bốn tuổi thì vào lúc mạt pháp là hai vạn chín ngàn năm trăm năm. Khi Pháp sắp mất còn năm trăm năm thì người thời ấy nhất tâm tu Pháp Hoa Tam-muội, liền được sáu căn thanh tịnh. Cho nên biết mạt pháp cũng có người nhập vào cơ Đại thừa (theo Tịnh Danh Sớ dẫn Phổ Hiền Quán Kinh).

Khi tăng đến hai trăm bốn mươi chín tuổi, thì mười sáu vị La-hán hoằng pháp đã xong(từ người đời đến nay trở đi ứng với năm ngàn năm thuyết hóa) lấy tất cả kinh điển xá-lợi góp lại xây dựng tháp, ngồi kiết già và đi nhiễu tháp ấy. Sau đó thì cả mười sáu vị La-hán và tháp đều biến mất. Đó là tướng diệt tận. Từ đó có ngàn ức vị Bích-chi-phật ra đời nói pháp làm lợi ích chúng sinh (Theo Kinh Pháp Diệt Tận - Pháp Trụ Ký nói: Khi người sống bảy vạn tuổi thì mười sáu vị La-hán dùng bảy báu tạo tháp. Các di thân đà đô của Đức Thích-ca ở khắp nơi đều đem để vào tháp, cúng dường hương hoa và thưa rằng: “Trước đây chúng con nhận lệnh hộ trì chánh pháp đã làm lợi ích cho hàng trời người. Pháp Tạng đã mất, các kẻ có duyên đã tròn đủ, nay xin từ biệt để diệt độ”. Nhân sức định nguyện từ trước, nên lửa tự nổi lên đốt thân cả mười sáu vị La-hán. Bấy giờ Tháp bèn chui vào đất trụ vào tầng Kim Cang. Lúc đó chánh pháp của Đức Thích-ca đã diệt mất. Từ cõi thế gian đó

có bảy trăm câu-chi Độc giác cùng một lúc xuất hiện ra đời. Khi người sống tám vạn tuổi, các Thánh Chúng Độc Giác đều diệt độ thì tiếp sau đó Đức Di-lặc Như Lai sẽ ra đời ở thế gian (Ký nói Phật pháp dứt mất trong bảy vạn năm cách mạt pháp rất xa. Nay theo kinh nói bảy trăm tuổi là đúng).

Khi người tăng đến hai vạn tuổi thì có Thiết Luân vương ra đời, một mình cai trị cả Nam Thiệm-bộ châu (theo Câu Xá Luận - Kim Ngân Đồng Thiết Luân trị một, hai, ba, bốn châu. Thiết Luân vương coi một châu, Kim Luân vương coi bốn châu).

Khi người tăng đến bốn vạn tuổi, thì Đồng Luân vương ra đời trị vì hai châu Đông và Nam. Khi tăng đến sáu vạn tuổi thì Ngân Luân vương ra đời trị vì ba châu Đông, Tây, Nam).

Khi người tăng đến tám vạn bốn ngàn tuổi thì Kim Luân vương ra đời, trị vì cả bốn Thiên hạ. Luân vương thành tựu bảy báu:

1. Kim luân báu. Nếu Thánh vương ra đi thì Kim luân báu chợt hiện ra trước ngài, bánh xe có ngàn căm do thợ trời làm ra đường kính bánh xe một trượng. Thánh vương thấy xe liền lấy tay vỗ nhẹ vào bánh xe bảo: "Nên đi về phương Đông", thì bánh xe đúng theo phép liền chuyển về phương Đông, Vương Tướng bốn binh đi theo sau. Các Tiểu Vương ở phương Đông đến lạy thưa rằng: "Lành thay Đại Vương! Xin ngài trị vì nơi đây." Bấy giờ Thánh vương phán rằng: "Các ông nên dùng chánh pháp mà trị vì dạy dỗ chớ nên thiên lệch oan uổng." Các vua tuân lời. Liền theo Thánh vương đi tuần tra khắp các nước cho đến ngoài biển Đông. Thánh vương theo bánh xe đến các phương Nam, Tây, Bắc cũng thế.

2. Voi Trắng Báu. Vua ngồi trên điện bỗng voi trắng hiện ra trước, vua thử tập luyện rồi lên ngồi. Buổi sáng sớm, voi ra khỏi thành chở vua đi khắp bốn biển, giờ ăn đã trở về.

3. Ngựa Xanh Báu: Chợt hiện ra trước vua, buổi sáng sớm ra đi đến giờ ăn thì trở về.

4. Thần Châu Báu: Bỗng hiện ra trước vua, gắn trên cây cờ cao chiếu sáng một do-tuần. Người trong thành đều bắt đầu làm việc gọi đó là ngày.

5. Ngọc Nữ Báu, bỗng hiện ra trước vua, nhan sắc đoan trang, mùa Đông thì ấm, mùa hè thì mát.

6. Cư Sĩ Báu (Các kinh khác gọi là Điển Tài Báu) bỗng nhiên hiện ra. Các kho báu trong đất đều thấy biết cả.

7. Chủ Binh Báu: Bỗng nhiên hiện ra, mưu trí mạnh mẽ chuyên

việc đánh dẹp.

Đó là thành tựu bảy Báu Luân vương (theo kinh Trường A-hàm).

Tiểu kiếp thứ mười (giảm và tăng). Khi giảm đến tám vạn tuổi thì Đức Phật thứ năm là Di-lặc ra đời. Khi đó đất cõi Diêm-phù-đề bằng phẳng và như lưu ly, bụi cây rừng rậm sum xuê, cao ba mươi dặm. Có tám vạn bốn ngàn bảo thành nhỏ ở khắp thiên hạ, ở giữa có thành lớn tên là Xí-đầu-mạt, lâu đài bảy báu, bảy lớp hàng cây, vườn rừng ao tắm, nước Bát công đức, ngõ hẻm đường lớn rộng mười hai dặm. Cõi nước an ổn không có oán thù trộm cướp cùng các tai ương về nước lửa, đao binh, đói khát. Có cột minh châu cao mươi hai dặm, sáng hơn mặt trời chiếu sáng suốt ngày đêm. Khi gió thơm thổi đến thì châu trên cột mưa xuống các chuỗi anh lạc, mọi người lượm lấy mà dùng. Các lưới báu giăng che trên thành, khi gió thổi thì chuông giảng nói về quy y Phật, Pháp, Tăng. Thân người cao một trượng sáu, sống trọn tám vạn tuổi, không hề chết giữa chừng. Các cô gái đến năm trăm tuổi mới lấy chồng. Mỗi ngày nhận được các diệu lạc đi sâu vào Thiền Định như ở trời Tam Thiền. Mọi người đều có tứ tâm cung kính hòa thuận nhau, ấy là điều do Đức Di-lặc từ tầm dạy dỗ. Vì họ giữ giới không giết hại nên chỉ có ba bệnh: Một là ăn uống, hai là tiêu tiểu, ba là già yếu. Có loại gạo thơm ngon, một lần trồng bảy lần gặt hái, đủ trăm mùi, ăn vào liền tiêu hóa, khi tiêu ra thì đất nứt và mọc lên hoa sen đỏ để che mùi xú uế. Khi người nào già thì tự đến gốc cây ngồi niệm Phật chờ chết và được sinh vào cõi trời Đại phạm và ở trước chư Phật. Có vị Chuyển luân vương tên là Nhương Khư có ngàn con bảy báu, có bốn kho tàng lớn đầy cả châu báu. Mọi người nhìn thấy nhưng không có tâm tham đắm, ai nấy bảo nhau rằng: Các chúng sinh thời xa xưa của Phật Thích-ca vì tranh giành cướp giật của báu này mà gây bao nhiêu tội sinh tử. Khi ấy Bồ-tát Di-lặc ở cung trời Đâu-suất sắp xuống làm Phật nên gá sinh vào nhà một Bà-la-môn, cha tên là Tu-phạm-ma, mẹ tên là Phạm-ma-bạt-đề. Khi gá thai hạ sinh thì thân có sắc vàng ròng đủ ba mươi hai tướng, ngồi hoa sen báu ánh sáng chói lòa, thân cao ba mươi hai trượng, như núi vàng ròng. Ngài chánh niệm quan sát khổ, không, vô thường, không thích ở nhà. Khi đó vua Nhương Khư cầm đài bảy báu dâng lên, ngài Di-lặc nhận xong đem cho các Bà-la-môn, họ liền đập ra và chia nhau. Ngài Di-lặc thấy đài báu vô thường trong phút chốc liền biết các pháp hữu vi đều bị mài mòn tiêu mất, nên tu tưởng vô thường khen ngợi kệ vô thường của chư Phật quá khứ:

Các hạnh vô thường

Là pháp sinh diệt
Sinh diệt hết rồi
Vắng lặng là vui.

Nói lời kệ xong ngài liền xuất gia học đạo. Ngài đến ngồi dưới gốc cây Bồ-đề Long Hoa, tại đạo tràng Kim Cang Trang Nghiêm ở ngoài thành Xí-đầu-mạt (cành lá như Rồng báu nhã ra trăm hoa báu, nên gọi Long Hoa). Ngay đầu hôm ngày ấy, ngài hàng ma và thành đạo, các trời Tứ Thiên Thích Phạm thỉnh ngài chuyển pháp luân. Khi đó vua Nhương Khư cùng tám vạn đại thần cùng xin xuất gia, râu tóc tự rụng liền thành Sa-môn. Bấy giờ Đức Phật Di-lặc cùng vua Nhương Khư và các Tỳ-kheo Tăng, Thiên Long Bát Bộ vào giữa thành Xí-đầu-mạt. Chỗ ấy, Kim cang bảo tòa mà chư Phật Quá Khứ đã ngồi, tự nhiên vọt lên. Đức Phật liền ngồi tòa ấy mà chuyển pháp luân. Các Bà-la-môn và Trưởng giả Tu-đạt-na lúc đó chính là Trưởng giả Tu-đạt bây giờ. Bảo Nữ của Chuyển luân vương (tức Ngọc Nữ báu) Xá-di-bà-đế lúc đó, nay là Bà-tỳ-xá-khư, thân tộc Tu-ma-đề của Di-lặc lúc đó nay là Tỳ-kheo Thiện Hiền, mỗi người cùng tám vạn bốn ngàn người xuất gia học đạo lúc đó, nay là vua Nhương Khư và ngàn con xuất gia, chỉ để một con nối dõi ngôi vua. Đức Thế Tôn Di-lặc ở Hội đầu từ tòa Kim cang nói pháp, có chín mươi sáu ức người được quả A-la-hán, ở Hội thứ hai,̉ tại vườn Hoa lâm ngoài thành nói pháp, có chín mươi bốn ức người được quả A-la-hán. Hội thứ ba cũng ở vườn Hoa lâm nói pháp, có chín mươi hai ức người được quả A-la-hán (theo Tây vức Ký - Ở nước Ba-la-nại nơi Đức Di-lặc được thọ ký thành Phật, Phật bảo ngài Di-lặc rằng: Số người được độ trong cả ba Hội nói pháp đều là số chúng sinh đã gieo trồng phước đức trong pháp của ta để lại, các hàng xuất gia, tại gia, trì giới, phạm giới đều nhờ ngài hóa độ mà chứng quả giải thoát. Độ xong ba Hội, ngài bèn độ các bạn lành đồng duyên). Lúc bấy giờ Đức Di-lặc cùng vô số người lên đỉnh núi Kỳ-xà-quật, đưa tay rờ ngọn núi thì ngài Ma-ha Ca-diếp liền xuất định cầm y Tăng-già-lê trao cho ngài Di-lặc, rồi vọt mình lên hư không làm mười tám phép thần biến rồi nhập Niết-bàn. Chúng liền thu nhặt xá-lợi của thân xây tháp thờ trên đỉnh núi. Đức Di-lặc trụ thế sáu vạn năm. Sau khi nhập diệt thì hàng trời người thu nhặt xá-lợi, ở khắp bốn thiên hạ xây tám vạn bốn ngàn bảo tháp. Chánh pháp trụ thế được sáu vạn năm, tượng pháp cũng sáu vạn năm (trích chung trong các kinh Di-lặc Hạ Sinh, kinh Di-lặc Lai Thời, kinh Di-lặc Thành Phật, kinh Hiền Ngu, kinh Bồ-tát Xử Thai thì cách đời Di-lặc năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm. Kinh nào cũng nói năm mươi

ức bảy ngàn sáu mươi vạn năm. Còn kinh Di-lặc hạ sinh, kinh Thượng Sinh đều nói là năm mươi sáu ức vạn năm. Trang Thung Lục thì nói từ khi Phật diệt độ đến khi Đức Di-lặc hạ sinh thì có tám trăm tám mươi vạn chín ngàn hai trăm năm. Các thuyết nói không giống nhau cũng chưa từng thấy sửa sai).

Tiểu kiếp thứ mười một (giảm và tăng) - Tiểu kiếp thứ mười hai (giảm và tăng) - Tiểu kiếp thứ mười ba (giảm và tăng) - Tiểu kiếp thứ mười bốn (giảm và tăng) - Tiểu kiếp thứ mười lăm (giảm và tăng). Trong Kiếp giảm này từ Phật Sư Tử thứ sáu đến Phật Dục Lạc gồm có chín trăm chín mươi bốn Phật nối nhau ra đời nói pháp độ người (theo kinh Dược Vương và luận Câu-xá).

Đức Phật bảo vua Tần-bà-ta-la rằng: "Ở thời quá khứ khi Phật Nhiên Đăng diệt độ rồi, có một con khỉ đột thấy vị A-la-hán nhập định bèn đến lấy tọa cụ đắp vào làm ca-sa rồi đi nhiễu quanh vị Tỳ-kheo, vị Tỳ-kheo xuất định bèn giảng nói cho khỉ Tam quy, Ngũ giới và phép cầu Bồ-đề. Con khỉ thọ giáo xong vui mừng hớn hở leo lên cây rơi xuống mà chết. Liền được sinh lên cõi trời Đâu-suất, gặp vị Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ nói cho đạo Vô thượng. Từ đó trở về sau gặp vô số Phật và thân cuối cùng thì kế sau Đức Di-lặc mà thành đạo Bồ-đề, hiệu là Phật Sư Tử Nguyệt, hiện nay chính là Bà-tu-mật-đa (theo kinh Sư Tử Nguyệt Phật).

Tiểu kiếp thứ mười sáu (giảm tăng) - Tiểu kiếp thứ mười bảy (giảm tăng) - Tiểu kiếp thứ mười tám (giảm tăng) - Tiểu kiếp thứ mười chín (giảm tăng).

Tiểu kiếp thứ hai mươi (giảm tăng), trong Kiếp Tăng sau cùng, có vị Phật Lâu-chí thứ một ngàn vì sức bản nguyện nên ra đời vào Kiếp Tăng. Sáng sinh chiều diệt. Người thời ấy rất chán đời thường, tu các Thiền Định, ở Kiếp số thọ mạng cao nhất nên rất dễ hóa độ, giả sử có người tánh Sa-môn làm nhiễm ô hạnh Sa-môn, có hình dạng giống Sa-môn đắp y ca-sa thì ở chỗ Phật Di-lặc đều được nhập Niết-bàn không còn sót (Luận Câu-xá và kinh Đại Bi).

Lời bàn: Các học trò mà Đức Thích-ca giáo hóa chưa rốt ráo được đem gởi cho Phật Di-lặc, các học trò còn sót của Phật Di-lặc được đem gởi cho chín trăm chín mươi bốn Phật. Các chúng sinh còn sót được thứ lớp gởi nhau cuối cùng đem gởi cho Phật Lâu-chí. Đời Phật Lâu-chí rất dễ hóa độ. Nếu có kẻ không hiểu có thể cho là cơ cực độn. Và cơ cực độn phải đợi đến kiếp Tinh tú, thật buồn thay! Chư Phật đời đời vẫn luôn gặp hàng chúng sinh còn sót. Dẫu không gặp Phật ra đời mà được

thế là may mắn lắm rồi. Bởi nếu trong thời gian không gặp Phật lại tạo các tội ác cực nặng thì trường kiếp vô gián tất cùng Phật trái nhau, điều này rất đáng buồn đau. Như ngài Mục-liên vào địa ngục hỏi thăm Điều-đạt, thì ngục tốt hỏi: "Ở đây có Điều-đạt thời Phật Ca-diếp và Điều-đạt thời Phật Thích-ca, ngài muốn hỏi thăm người nào?" Đây tuy đại quyền biến nhưng cũng khó lượng định, vì quyền tất dẫn đến thật. Thà không có bọn bị thật báo. Nếu căn cứ vào đời mạt pháp ở cõi này mà tu hành, có giáo không chứng mà mong được dễ dàng thì không gì bằng chuyên tu hạnh Tịnh độ cầu vãng sinh. Khi lên được bực Vô sinh tất ở mãi không thoái chuyển. Các Phật sau này giáo hóa mãi tất được nhờ cậy, nguyện đến làm chúng tham dự ảnh hưởng tốt. Xin gởi lời mong những kẻ có chí nên lo nghĩ việc tiến tu Đạo nghiệp.

Đức Phật Câu-lưu-tôn ra đời khi người có tuổi thọ bốn vạn tuổi. Đức Phật Câu-na-hàm Mâu-ni ra đời khi người sống ba vạn tuổi. Đức Phật Ca-diếp ra đời khi người sống hai vạn tuổi. Đức Phật Thích-ca ra đời khi người sống trăm tuổi. Đức Phật Di-lặc ra đời khi người sống tám vạn bốn ngàn tuổi. Đức Phật Sư Tử ra đời khi người sống bảy vạn tuổi. Đức Phật Quang Viêm ra đời khi người sống chín vạn tuổi. Đức Phật Nhu Nhân ra đời khi người sống sáu vạn tuổi. Đức Phật Hoa Thị ra đời khi người sống năm mươi vạn tuổi. Kế đó lại có Đức Hoa Thị, người sống đến chín ức tuổi. Phật Thiện Minh ra đời khi người sống bảy vạn tuổi. Phật Hiện Nghĩa ra đời khi người sống một trăm tuổi... Đức Phật Tuệ Nghiệp thứ một ngàn (tức Phật Lâu-chí) ra đời khi người sống tám vạn tuổi.

Khi ngàn Phật Hiền Kiếp qua rồi thì sáu mươi lăm kiếp không có Phật (đây đều luận về một tiểu kiếp có một lần giảm một lần tăng). Sau đó có một kiếp tên Đại xưng, thời xa xưa là một ngàn con của Trạch Minh Luân vương, ở kiếp này đều thành bậc Chánh giác. Qua hết kiếp ấy thì tám mươi kiếp không có Phật ra đời. Sau đó có một kiếp tên là Dụ Tinh Tú, thời xa xưa là tám vạn đại thần của Trạch Minh Luân vương, ở kiếp này đều thành bậc Chánh giác. Qua hết kiếp này thì ba trăm kiếp cũng không có Phật ra đời. Sau đó có một kiếp tên là Trọng Thanh Tịnh, các Thánh hậu thể nữ của Trạch Minh Luân vương đều thành Chánh giác (theo kinh Hiền Kiếp).

Lời Bàn: Luận Câu-xá ước định ba đời tăng giảm, luận về ba ngàn Phật lần lượt ra đời, kinh Hiền Kiếp nói chư Phật ra đời có xa gần số kiếp không nhất định. Đây có ba ý:

1. Phật phó cơ nói không đồng nhau.

2. Kết tập các bộ khác nhau không giống.

3. Việc truyền dịch trước sau không giống nhau.

Nên khó thể hòa hợp (lệ này rất nhiều). Song luận bỏ qua việc thứ lớp chứng đắc tăng giảm thì tất lấy luận Câu-xá làm gốc. Chương Kiếp của Từ Ân chính là lấy ở luận này.

Hai mươi Tiểu kiếp hoại (giảm - tăng). Hỏa tai hủy diệt đến cõi Sơ thiền (Kiếp hoại có Đại tam tai là lửa, nước, gió. Nay trong Hiền Kiếp chỉ luận có một lần hỏa tai. Nếu hai tai nước và gió không ở trong Hiền Kiếp thì sau sẽ giải thích riêng ba tướng đó). Khởi đầu từ địa ngục rốt đến trời Phạm thiên, các loài hữu tình thế gian đều trải qua mười chín lần tăng giảm, lần lượt bị diệt hết chỉ có khí thế gian là khoảng không còn lại cho đến tam thiên đại thiên thế giới tất cả các loài hữu tình đều tiêu mất hết. Đến một kiếp tăng giảm cuối cùng thì khí thế gian này mới hoại. Có bảy mặt trời từ đáy bể mọc ra, các đại hải khô cạn, núi Tu-di đổ sụp. Gió thổi lửa dữ đốt cháy đến cõi Phạm thiên tất cả đều thành tro bụi. Cho đến cả tam thiên thế giới cùng lúc đều cháy tan. Đây là y báo chánh báo cùng hoại nên gọi là Kiếp hoại (theo Luận Thuận Chánh Lý).

Hai mươi Tiểu kiếp không (giảm tăng). Từ cõi Sơ thiền Phạm Thế trở xuống thế giới đều trống không, như trong hang tối, không có mặt trời, mặt trăng và đêm ngày, chỉ toàn đen tối mịt mù, như thế suốt hai mươi lần tăng giảm, nên gọi là Kiếp không (theo Câu-xá Luận).

Kiếp Tinh Tú ở vị lai (ngàn Phật ra đời như sao trên trời).

Hai mươi Tiểu kiếp thành (giảm tăng).

Hai mươi Tiểu kiếp trụ (giảm tăng). Trong kiếp này có ngàn Phật thứ lớp ra đời. Bắt đầu từ Đức Phật Nhật Quang và cuối cùng là Đức Phật Tu-di Tướng (theo kinh Dược Vương). Phật nói: Sau khi ta diệt độ rồi, nếu có ai siêng tu các công đức, làm các hạnh Tam-muội, xưng tụng danh hiệu Đức Di-lặc, tu hành sáu pháp Ba-la-mật thì nhất định sẽ sinh về cõi trời Đâu-suất. Và cũng theo Phật Di-lặc hạ sinh xuống cõi Diêm-phù là người thứ nhất được nghe pháp. Lại ở đời vị lai sẽ gặp được tất cả chư Phật Hiền Kiếp, ở Kiếp Tinh Tú cũng gặp được tất cả chư Phật và được thọ ký quả Bồ-đề (theo kinh Di-lặc Thượng Sinh).

Hai mươi Tiểu kiếp hoại (giảm tăng) - hai mươi Tiểu kiếp không (giảm tăng). (Các tướng thành trụ hoại, không đều giải thích như trước).

Nếu có ai trong một ngày đêm giữ được giới bất sát thì nhất định không gặp tai Binh đao khởi lên. Người nào đem một quả Ha-lê-lặc

khởi tâm ân cần thanh tịnh dâng cúng chúng Tăng thì nhất định không gặp tai Tật dịch nổi lên. Kẻ nào hay đem một nắm cơm cúng thí cho các hữu tình nhất định không gặp tai Đói khát nổi lên. Hai châu Đông Tây không có ba tai căn bản mà chỉ có ba tai tương tợ. Nghĩa là sân giận mạnh mẽ giống như binh đao, thân gầy ốm giống như bệnh tật; nhiều lần đói khát giống như đói khát. Ở Bắc Châu thì những tai căn bản và tương tợ đều không có (theo luận Tân-bà-sa). Khi ba tai ương nổi lên thì lại có ba thứ giảm sút cùng cực:

1. Tuổi thọ, tức là giảm hết mức, còn mười tuổi.
2. Chỗ nương tức thân người thấp bé nhất chỉ còn một chỏ tay.
3. Đồ dùng, tức gạo tẻ là thức ăn cao cấp nhất, lấy tóc làm áo là quý nhất, lấy sắt là thứ trang sức quý nhất (theo Luận Du-già. Kiệt là thước nhà Chu bằng một chỏ tay).

Về Đại Tam tai. Cuối một Đại kiếp thì có một Hỏa tai nổi lên (như trước đây Hiền kiếp có tám mươi Tiểu kiếp thành trụ hoại không là một Đại kiếp). Như thế trải qua bảy Đại kiếp thì có bảy lần Hỏa tai. Gồm có bảy lần hủy diệt hết cõi Sơ thiền. Lại trải qua một Đại kiếp thì có một lần thủy tai nổi lên, hủy diệt đến cõi Nhị thiền. Như thế là bốn mươi chín lần hỏa tai trong đó có xen kẻ bảy lần thủy tai. Lại trải qua bảy lần hỏa tai nữa tất cả gồm năm mươi sáu lần hỏa tai đốt cháy cõi Sơ thiền, bảy lần thủy tai hủy diệt cõi Nhị thiền. Lại trải qua một Đại kiếp thì có một lần phong tai nổi lên. Tính chung sáu mươi bốn Đại kiếp thì đủ tướng trước sau của Đại tam tai (Dựa vào Câu Xá Luận mà nêu nghĩa trên).

Lần hỏa tai đầu tiên hủy diệt cõi Sơ thiền, khi hỏa tai sắp nổi lên thì ở địa ngục các tội nhân đã chịu xong tội, được sinh làm người, nếu kẻ nào còn định nghiệp thì chuyển sinh vào địa ngục ở phương khác cho đến không còn một hữu tình nào nữa thì gọi là địa ngục đã hoại diệt. Súc sinh, ngạ quỷ, A-tu-la cũng thứ lớp hoại diệt như thế. Khi đó cõi thế gian đều tu Thập thiện, thân người không có các loài trùng giống như thân Phật. Bởi vì lúc đó bàng sinh hoại diệt. Lúc đó ở cõi Nam Châu có một người không cần thầy dạy mà tự nhiên được Sơ tịnh lự (Sơ thiền), từ Tịnh lự xuất ra lên tiếng bảo rằng: "Ly sinh hỷ Lạc rất lạc rất tịnh." Các người khác nghe nói xong liền nhập Tịnh lự. Khi mạng chung đều được sinh lên cõi Phạm Thế. Cả hai Châu Đông Tây đều giống như thế. Người Bắc Châu căn độn không có niệm ly dục, nên khi mạng chung thì sinh vào cõi trời Dục giới. Khi Tịnh lự hiện tiền mới có thể ly dục. Cho đến khi cõi người không còn một hữu tình nào thì gọi là cõi người đã

hoại diệt. Lúc đó cõi trời Dục giới có một vị trời tự nhiên được Sơ tịnh lự cho đến đều được sinh lên cõi trời Phạm Thế, nên gọi là cõi Dục giới hoại diệt. Lúc đó trong cõi Phạm Thế có một vị trời tự nhiên được Nhị tịnh lự (Nhị thiền) lên tiếng nói: “Định sinh hỷ lạc rất lạc rất tịnh.” Các trời khác nghe nói xong đều nhập Tịnh lự, khi mạng chung đều được sinh vào cõi trời Quang âm. Cho đến cõi trời Phạm Thế (tức Đại Phạm) bị hoại diệt. Bắt đầu từ địa ngục cho đến trời Phạm Thiên qua mười chín lần tăng giảm. Các loài hữu tình thế gian lần lượt đều diệt mất hết. Chỉ còn khí thế gian trống không. Cho đến ba cõi tam thiên tất cả loài hữu tình nghiệp đồng đều bị hoại diệt cả. Trong một kiếp tăng giảm cuối cùng thì Khí thế gian mới bị hủy diệt. Do đó lần lượt có bảy mặt trời xuất hiện. Có luồng gió đen lớn thổi nước biển rẽ làm hai. Đầu tiên mặt trời thứ nhất ở lưng chừng núi Tu-di. Trên đường mặt trời đi qua cỏ cây tiêu điều khô cháy. Khi có mặt trời thứ hai, các sông lạch đều cạn, nước biển cạn dần đến bảy trăm do-tuần. Khi mặt trời thứ ba xuất hiện thì sông Hằng đều cạn. Mặt trời thứ tư xuất hiện thì ao A-nậu cạn khô. Khi mặt trời thứ năm xuất hiện thì nước trong bốn biển lớn cùng lúc cạn đến bảy ngàn do-tuần. Mặt trời thứ sáu xuất hiện thì lửa đại địa nổi lên tất cả đều bị thiêu rụi. Mặt trời thứ bảy xuất hiện thì núi Tu-di bị thiêu tan, các núi khác vắng bóng. Gió thổi mạnh đốt cháy lên cung trời, cho đến cõi Phạm thiên bị cháy rụi không còn vết tích. Từ đất, lửa nổi lên đốt cháy cung điện mình, không phải lửa từ nơi khác đốt được. Do tướng dẫn khởi trên nên nói là “đốt cháy lên.” Bắt đầu từ địa ngục cho đến cõi Phạm thiên trong một kiếp tăng giảm lần lượt bị hoại diệt. Cho đến tam thiên thế giới trong một lúc đều bị hoại diệt. Đó là hỏa tai hủy hoại. Sau khi Sơ thiền bị hỏa tai qua rồi thì thế giới trống không cũng như trong hang tối, trải một thời gian lâu đến hai mươi lần tăng giảm. Bấy giờ mây lớn, mưa xuống nước dâng lên đến trời. Gió thổi bọt nước tạo nên cung trời Phạm. Như thế cho đến cõi địa ngục là sau cùng đều được tạo dựng như trước (trong việc nói về Kiếp thành trước đây - Trích chung từ các Kinh Trường A-hàm, Kinh Nhân Bản, Luận Tạp Tâm, Luận Hiển Tông, Luận Thuận Chánh Lý, Luận Du-già Đối Pháp).

Kế đến thủy tai hoại diệt cõi Nhị thiền - Đương lúc các tai nổi lên thì địa ngục, ngạ quỷ, bàng sinh loài người ở bốn châu và các trời Lục dục đều lần lượt sinh lên cõi Nhị thiền. Khi đó ở Nhị thiền có một vị trời tự nhiên được định Tam thiền. Các trời khác nghe xong liền nhập vào định này mà được sinh về cõi Tam thiền. Khi đó trong cõi Nhị thiền, thủy giới cùng nổi lên hủy diệt cõi thế gian cũng như nước hòa tan muối

cùng một lúc đều tiêu mất (có thuyết nói trên không trung cõi Tam thiền bỗng mưa nước tro nóng xuống. Có thuyết nói từ dưới thủy luân ở dưới nước phun lên cao). Đó là thủy tai hoại diệt cõi Nhị thiền. Qua thủy tai này rồi thì tất cả đều trống không suốt hai mươi Tiểu kiếp như trước. Và cũng như trước mây lớn mưa xuống, gió thổi bọt nước tạo thành cung trời Quang Âm, cho đến tầng địa ngục ở dưới được tạo ra sau cùng.

Phong tai hoại diệt cõi Tam thiền - Đang khi tai ương nổi lên thì dưới địa ngục các thú hữu tình và cõi Lục dục, Nhị thiền lần lượt được sinh lên Tam thiền. Lúc đó có một vị trời tự nhiên được Định tứ thiền. Các trời khác nghe nói đều nhập vào Định này mà được sinh lên cõi Tứ thiền. Lúc đó trong cõi Tam thiền đều có gió to nổi lên hủy diệt Khí thế gian, thổi các cung trời va chạm nhau thành bụi, các núi chúa cũng chạm nhau thành bụi. Gió thổi làm khô các chi tiết nên tất cả đều hoại diệt. Đó là phong tai hủy diệt cõi Tam thiền (có thuyết nói từ bên cõi Tứ thiền, bỗng gió nổi lên thổi giạt tung tất cả mọi thứ. Có thuyết nói gió từ lớp phong luân ở dưới thổi lên. Rút từ Luận Thuận Chánh Lý, Luận Du-già Đối Pháp).

Vô lượng cõi thế giới ở phương Đông, hoặc có thứ sắp hoại, có thứ sắp thành, có thứ đang hoại, có thứ hoại rồi đang là không, hoặc có thứ đang thành, có thứ đã trụ. Cho đến khắp mười phương cũng thế. Như có hữu tình thế gian hoặc khí thế gian, do sức nghiệp phiền não mà sinh ra và khi sức nghiệp phiền não tăng thượng mà khởi lên (theo Luận Du-già Đối Pháp).

Vì trong Sơ thiền có Lửa Giác quán nhiễu loạn, nên bên ngoài bị hỏa tai thiêu đốt. Vì trong Nhị thiền có nước Hỷ nhiễu loạn, nên bên ngoài bị thủy tai hủy diệt. Vì trong Tam thiền có gió của hơi thở ra vào nhiễu loạn, nên bên ngoài bị phong tai hủy diệt. Còn Tứ thiền bất định nối nhau tùy các trời sinh cõi ấy thì cung điện mới hiện ra, nếu các trời đều mệnh chung thì các cung điện liền biến mất (theo Tạp Tâm Luận). Tứ thiền trong ngoài tất cả hoạn nạn đều không có (theo kinh Niết-bàn).

Mỗi kiếp Sơ thiền đều bị hủy hoại, đó là vì thuận theo tuổi thọ một kiếp của Sơ thiền. Kế đó trải qua tám kiếp mới hoại Nhị thiền là vì thuận theo tuổi thọ tám kiếp của Nhị thiền. Sau đó trải sáu mươi bốn kiếp mới hoại Tam thiền là vì thuận theo tuổi thọ sáu mươi bốn kiếp của Tam thiền (Phụ Hành).

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 31

XV : THẾ GIỚI DANH THỂ

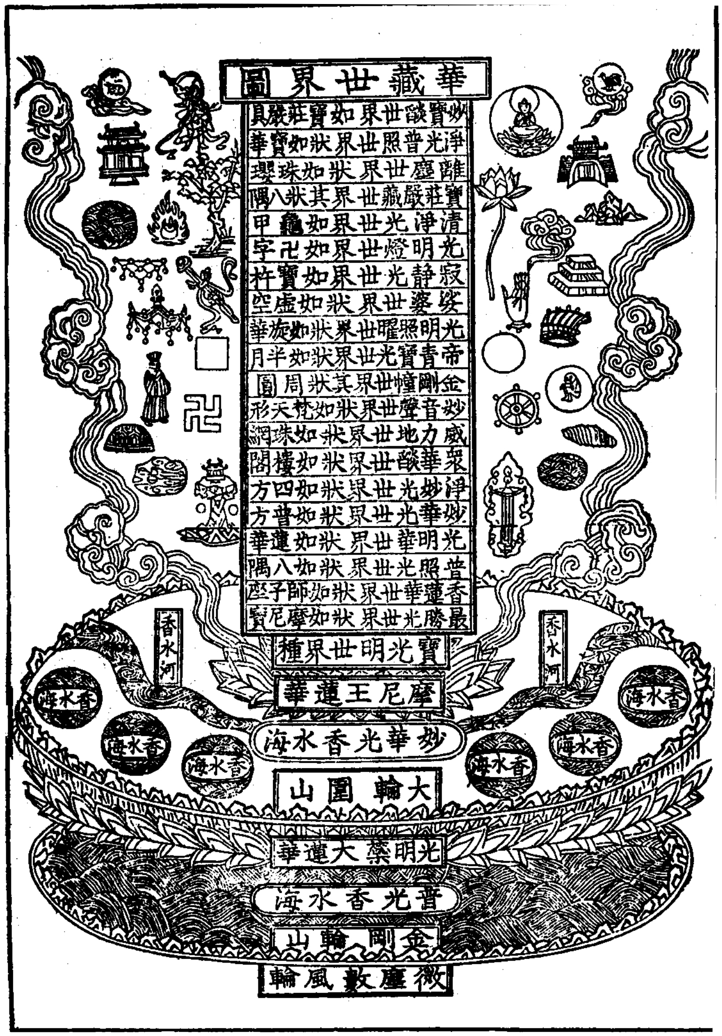
PHẦN 1

Trên thông tới tầng Bảo Diễm dưới thấu lớp Phong Luân, Hoa Nghiêm gọi đây là một nhóm thế giới mà tính về chiều thẳng đứng có khoảng hai mươi tầng, châu vi tóm tắt một số. Số này mỗi phương lại có mười, tính chung là một trăm mười một và như lưới châu của Thiên đế phân bố mà ở. Trong đây chỉ nêu một phần mà thôi. Nếu suy rộng ra thì có mười lần bất khả thuyết vi trần thế giới, xúm quanh liên tiếp kiến lập khắp nơi. Mỗi mỗi tầng có Phật xuất hiện đều có đầy đủ các chúng sinh. Đó là Hoa tạng trang nghiêm thế giới hải. Hoặc như đại thiên của Ta-bà có núi Tu-di, Tứ thiên hạ, Nam Thiệm châu, năm Thiên Trúc, Đông Hoa Chấn Đán... Hoặc là tên hoặc là thể, có diễn giải, có hình ảnh. Tuy từ rộng đến hẹp thật sự nêu riêng mà hiểu chung. Đã trình bày về ba đời, cần nói rõ về phương cõi. Học giả cần biết điều này, nên soạn phần Thế Giới Danh Thể Chí - Đồ hình về Hoa Tạng thế giới - Đồ hình về Đại thiên vạn ức Tu-di - Đồ hình về bốn châu, chín núi, tám biển - Đồ hình về Tam thiên đại thiên thế giới - Đồ hình về Tu-di Đao-lợi Thiên cung - Luận chung về Chư thiên, về thân lượng, về tuổi thọ, về y phục, về ánh sáng của thân, về nghiệp nhân, về báo quả, về rộng hẹp, về Phàm thánh, luận về chỗ không có sắc thân, luận về Thiên Chủ, luận về Tứ thiền Tứ địa - Đồ hình về địa lý cõi Đông hoa Chấn đán - Đồ hình về các nước Hán Tùy và Tây Vức - Đồ hình về các nước Ngũ Ấn ở Tây độ - Đồ hình về tám địa ngục nóng - Đồ hình về mười sáu Du tăng địa ngục - Đồ hình về tám địa ngục lạnh.

Đồ hình về Hoa tạng thế giới

Phẩm Hoa Tạng Thế Giới nói rằng: Thế giới Hoa Tạng trang nghiêm

này có núi Tu-di và có phong luân nhiều như số vi trần gìn giữ. Trên cao nhất tên là Thù Thắng Oai Quang Tạng có thể giữ gìn các biển nước thơm Phổ Quang Ma-ni. Biển này có hoa sen lớn tên là Chủng Chủng Quang Minh Nhụy Hương Tràng. Thế giới Hoa Tạng trang nghiêm ở giữa đó, núi Kim Cang Luân vây quanh. Trong đây lại có biển nước thơm nhiều như số vi trần không thể tính đếm. Tất cả thế giới có những thứ trang nghiêm nào đều hiện trong đó như hoa Phân-đà-lợi, thềm lan can mười báu, tràng phan Thi-la mười báu, bảo y, chuông lưới, tràng phan, hoa báu, lầu các báu, thành hoa sen, các rừng báu đều cùng vây quanh.



Đồ hình về Hoa tạng thế giới

Mỗi mỗi biển nước thơm đều có sông nước thơm nhiều như vi trần cùng chảy quanh về bên phải, luôn hiện ra mây có ánh sáng sắc báu mười phương hóa Phật và các Bồ-tát từ trong mây đó hiện ra. Ở chính giữa biển nước thơm tên là Vô Biên Diệu Hoa Quang mọc lên một hoa sen lớn tên là Nhất Thiết Hương Ma-ni Vương Trang Nghiêm. Có một nhóm thế giới ở trên, đó tên là Phổ Chiếu Thập Phương Xí Nhiên Bảo Quang Minh. Có các cõi Phật bày bố trong đó không thể tính đếm.

Ở tầng thấp nhất tên là Tối Thắng Quang Biến Chiếu, hình dạng giống như ngọc báu Ma-ni, có các thế giới nhiều như vi trần một cõi Phật vây quanh. Phật hiệu là Tịnh Nhãn Ly Cấu Đăng.

Tầng thứ hai có thế giới tên là Chủng Chủng Hương Liên Hoa Diệu Trang Nghiêm, hình dạng giống tòa Sư tử, có các thế giới nhiều như vi trần hai cõi Phật vây quanh. Phật hiệu là Sư Tử Quang Thắng Chiếu.

Tầng thứ ba có thế giới tên là Bảo Trang Nghiêm Phổ Chiếu Quang, hình dạng như tám cạnh, có các thế giới nhiều như vi trần ba cõi Phật vây quanh. Phật hiệu là Tịnh Quang Trí Thắng Tràng.

Tầng thứ tư có thế giới tên là Chủng Chủng Quang Minh Hoa Trang Nghiêm, hình dạng giống như hoa sen Ma-ni, có các thế giới nhiều như vi trần bốn cõi Phật vây quanh. Phật hiệu là Kim Cang Quang Minh Vô Lượng Tinh Tấn Lực Thiện Xuất Hiện.

Tầng thứ năm có thế giới tên là Phổ Phóng Diệu Hoa Quang, hình dạng khắp các phương mà có nhiều góc, có các thế giới nhiều như vi trần năm cõi Phật vây quanh. Phật hiệu là Hương Quang Hỷ Lực Hải.

Tầng thứ sáu có thế giới tên là Tịnh Diệu Quang Minh, hình dạng nó là bốn góc, có các thế giới nhiều như vi trần sáu cõi Phật vây quanh. Phật hiệu là Phổ Quang Tự Tại Tràng.

Tầng thứ bảy có thế giới tên là Chúng Hoa Diệm Trang Nghiêm, hình dạng nó giống lầu các, có các thế giới nhiều như vi trần bảy cõi Phật vây quanh. Phật hiệu là Hoan Hỷ Hải Công Đức Danh Xưng Tự Tại Quang.

Tầng thứ tám có thế giới tên là Xuất Sinh Oai Lực Địa, hình nó giống như lưới Nhân-đà-la, có các thế giới nhiều như vi trần tám cõi Phật vây quanh, Phật hiệu là Quảng Đại Danh Xưng Trí Hải Hàng.

Tầng thứ chín có thế giới tên là Xuất Diệu Âm Thanh, hình nó giống thân Phạm thiên, có các thế giới nhiều như vi trần chín cõi Phật vây quanh. Phật hiệu là Thanh Tịnh Quang Minh Tướng Vô Năng Tồi Phục.

Tầng thứ mười có thế giới tên là Kim Cang Tràng, hình nó giống Chu viên, có các thế giới nhiều như vi trần mười cõi Phật vây quanh. Phật hiệu là Nhất Thiết Pháp Hải Tối Thắng Vương.

Tầng thứ mười một có thế giới tên là Hằng Xuất Hiện Đế Thanh Bảo Quang Minh, hình bán nguyệt, có các thế giới nhiều như vi trần mười một cõi Phật vây quanh, Phật hiệu là Vô Lượng Công Đức Pháp.

Tầng thứ mười hai có thế giới tên là Quang Minh Chiếu Diệu, hình giống như Hoa tuyền, có các thế giới nhiều như vi trần mười hai cõi Phật vây quanh. Phật hiệu là Siêu Thích Phạm.

Tầng thứ mười ba có thế giới tên là Ta-bà giống như hư không vì Thiên cung Phổ Viên Mãn che bên trên, có các thế giới nhiều như vi trần mười ba cõi Phật vây quanh, Phật hiệu Tỳ-lô-giá-na (Đây tức là tướng ngàn cánh Lô-xá-na nhiều như số vi trần của trong một hoa có trăm ức nước giống như thế giới thứ mười ba này).

Tầng thứ mười bốn có thế giới tên là Tịch Tịnh Ly Trần Quang hình giống Chấp kim cang, có các thế giới nhiều như vi trần mười bốn cõi Phật vây quanh, Phật hiệu là Biến Pháp Giới Thắng Âm.

Tầng thứ mười lăm có thế giới tên là Chúng Diệu Quang Minh Đăng, hình giống chữ Vạn, có các thế giới nhiều như vi trần mười lăm cõi Phật vây quanh, Phật hiệu là Thanh Tịnh Nhật Công Đức Nhãn.

Tầng thứ mười sáu có thế giới tên là Thanh Tịnh Quang Biến Chiếu, giống như mai rùa, có các thế giới nhiều như vi trần mười sáu cõi Phật vây quanh, Phật hiệu là Bất Khả Tồi Phục Lực Phổ Chiếu Tràng.

Tầng thứ mười bảy có thế giới tên là Bảo Trang Nghiêm Tạng, hình giống tám góc, có các thế giới nhiều như vi trần mười bảy cõi Phật vây quanh, Phật hiệu là Vô Ngại Trí Quang Minh Biến Chiếu Thập Phương.

Tầng thứ mười tám có thế giới tên là Ly Trần giống như chuỗi ngọc châu, có các thế giới nhiều như vi trần mười tám cõi Phật vây quanh, Phật hiệu là Vô Lượng Phương Tiện Tối Thắng Tràng.

Tầng thứ mười chín có thế giới tên là Thanh Tịnh Quang Phổ Chiếu, có các thế giới nhiều như vi trần mười chín cõi Phật vây quanh, Phật hiệu là Phổ Chiếu Pháp Giới Hư Không Quang.

Tầng thứ hai mươi có thế giới tên là Diệu Bảo Diễm giống như vật báu trang nghiêm, có các thế giới nhiều như vi trần hai mươi cõi Phật vây quanh, Phật hiệu là Phước Đức Tướng Quang Minh.

Hai mươi tầng này trên rộng dưới hẹp như hình An phù lật ngược.

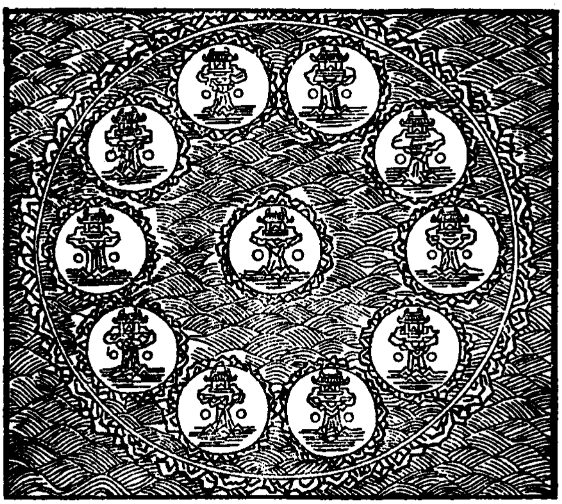
Nếu rộng nói về hình dạng của các thế giới thì số nhiều như bụi trần, hoặc có thứ gọi là hình hồi chuyển (Ngài Thanh Lương Sớ là hình luôn tới gần gũi) cho đến hình sông suối, hình dòng chảy, hình vành lưới, hình quét dọn đàn, hình cây cối, hình lầu quán, hình thi la, hình tràng phan, hình các phương, hình thai tàng, hình hoa sen, hình khư lặc ca (mành trúc), hình chúng sinh, hình tướng Phật, hình viên quang, hình lưới, hình cửa nẻo, hình núi Tu-di... các thế giới trên đầy đủ trang nghiêm như thế đều ở trong biển nước thơm Vô Biên Diệu Quang, xúm xít liền nhau thành lưới thế giới kiến lập khắp nơi.

Tất cả đều có mười nhóm hai mươi tầng thế giới vây quanh, nhóm thế giới này ở giữa. Vậy gồm chung có mười một nhóm thế giới hai mươi tầng (kinh quyển 9). Cả mười một nhóm thế giới này có chu vi đến núi Luân vi. Lại có một trăm nhóm thế giới. Tùy theo mỗi phương lại có mười nhóm được bày bố bên trong. Gần núi có mười nhóm thế giới vây quanh, mỗi mỗi trên dưới bốn tầng, còn chín mươi nhóm thế giới kia không nói lại, cộng chung có một trăm mười một nhóm thế giới, như lưới của Thiên đế bày bố mà trụ (kinh quyển 10).

Như thế trong mười nhóm thế giới nhiều như số vi trần của các cõi Phật không thể tính đếm, ở trong có mười loại thế giới nhiều như số vi trần của các cõi Phật không thể tính đếm đều nương vào hoa sen trong biển Hương Thủy trang nghiêm, cờ Ma-ni Vương hiện thành tất cả hình Bồ-tát đó mà trụ. Mỗi mỗi tầng Trang nghiêm đều không gián đoạn, mỗi mỗi đều phóng ra ánh sáng sắc báu, mỗi mỗi đều có mây ánh sáng che bên trên, mỗi mỗi đều trang nghiêm đầy đủ, mỗi mỗi kiếp đều sai khác, mỗi mỗi đều có Phật ra đời, mỗi mỗi đều diễn nói pháp hải, mỗi mỗi đều đầy đủ chúng sinh, mỗi mỗi mười phương khắp các thú nhập, mỗi mỗi đều được thần lực của Phật gia trì. Mỗi mỗi tất cả thế giới trong nhóm thế giới này đều nương vào các thứ trang nghiêm mà trụ, xúm xít liền nhau thành lưới thế giới, ở trong biển Hoa tạng trang nghiêm thế giới, các thứ khác nhau kiến lập khắp nơi.

Ngô Khải Am nói rằng: Đồ hình này tức là biển thế giới liên hoa tạng Hoa nghiêm, chính là cõi thật báo Vô chướng ngại vậy. Xưa ngài Hải Thiền sư tuy đã nêu ra tướng của nó nhưng nghĩa chưa đủ, còn ngài Chỉ Thền Sư nói đủ nghĩa nhưng chưa trình bày đủ tướng của nó. Nay gồm cả hai nhà, lại khảo cứu các kinh mục, nên nói Pháp Hoa luôn ở tại Linh sơn. Đây là căn cứ theo ý chỉ của ngài Trí Giả.

Đồ hình về đại thiên thế giới vạn ức Tu-di



大千世界萬億須彌之圖

Kinh Trường A-hàm nói: Một mặt trời, mặt trăng đi quanh bốn thiên hạ là một thế giới. Như thế ngàn mặt trời, mặt trăng, ngàn núi Tu-di, ngàn vua Viêm-la, ngàn cõi Đao-lợi, ngàn Phạm thiên, ngàn núi Thiết vi thì gọi là một tiểu thiên. Nếu một ngàn tiểu thiên thì gọi là một trung thiên (từ một trăm vạn cũng gọi là mười ức). Và một ngàn trung thiên thì gọi là một đại thiên (tức một ngàn vạn vạn hay một vạn ức). Trong đó núi chúa Tu-di, bốn châu, mặt trời, mặt trăng... cho đến Phạm thiên đều có một vạn ức (Quang Minh nói rằng một trăm ức núi Tu-di thì ức có bốn bậc:

1. Mười vạn là một ức thì đại thiên bằng một vạn ức.
2. Một trăm vạn là ức thì đại thiên là ngàn ức.
3. Một ngàn vạn là một ức thì đại thiên có một trăm ức.
4. Vạn vạn là một ức thì đại thiên có mười ức.

Nay nói một trăm ức là ở số thứ ba. Song phương này dùng mười vạn là một ức là số đúng). Thành thì đồng thành, hoại thì đồng hoại, đều là một cảnh Phật giáo hóa, hiệu là thế giới Ta-bà (tiếng Phạm là Ta-bà, Hán gọi là Kham nhẫn).

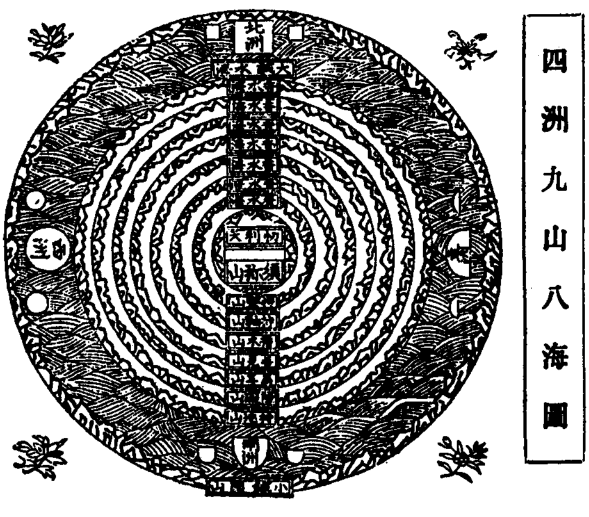
Kinh Trường A-hàm nói: Tam thiên đại thiên thế giới lại có núi Đại kim cang vây quanh Đại hải thủy. Ngoài núi Kim cang lại có núi Đại kim cang thứ hai, giữa khoảng hai núi thì thâm u mờ mịt, có tám địa ngục lớn, mặt trời, mặt trăng, đều không chiếu soi đến được.

Thụy Ứng Kinh nói: Nước Ca-duy-la-vệ có ba ngàn mặt trời, mặt trăng (Ngài Cô Sơn nói về đại thiên) trong đó có một vạn hai ngàn trời đất (Sớ rằng đại thiên có một vạn ức trời đất, hai ngàn tức là trung thiên, tiểu thiên vậy).

Hiển Dương Luận nói: Một mặt trời, mặt trăng chiếu đến thì gọi là một thế giới. Như thế ngàn mặt trời, mặt trăng, ngàn cõi Lục dục, ngàn cõi Sơ thiền thì gọi là một Tiểu thiên giới. Lại cứ một ngàn Tiểu thiên thì gọi là Trung thiên, trong đó có một cõi Tam thiền, một ngàn cõi Nhị thiền, một trăm vạn cõi Sơ thiền. Lại cứ một ngàn Trung thiên thì gọi là một Đại thiên. Trong đó có một cõi Tứ thiền, một ngàn cõi Tam thiền, một trăm vạn cõi Nhị thiền, một ức vạn cõi Sơ thiền (chuẩn theo đây thì phải có ức vạn núi Tu-di).

Luận A-tỳ-đàm nói: Từ mé đỉnh núi Tu-di này đến mé đỉnh núi Tu-di kia có mười hai ức ba ngàn bốn trăm năm mươi do-tuần, từ trung tâm núi Tu-di này đến trung tâm núi Tu-di kia có mười hai ức tám vạn ba ngàn bốn trăm năm mươi do-tuần. Từ chân núi này đến chân núi kia là mười hai ức ba ngàn mười lăm do-tuần. Đây là lời Phật nói.

Đồ hình về bốn châu, chín núi, tám biển



Câu-xá Luận nói: Núi Tu-di thứ nhất cao rộng mỗi chiều đều tám vạn do-tuần (Trường A-hàm, kinh Khởi Thế nói cao tám vạn bốn ngàn do-tuần bảy núi kia và núi Thiết vi thứ lớp giảm dần phân nửa). Biển nước thơm thứ nhất ngang rộng tám vạn do-tuần (kinh Khởi Thế nói rộng tám vạn bốn ngàn do-tuần). Thứ hai núi Trì Song cao rộng mỗi chiều bốn vạn do-tuần (các núi lần lượt giảm đi phân nửa). Biển nước thơm thứ hai rộng bốn vạn do-tuần (bảy biển có diện tích tùy theo chiều cao của bảy núi, lần lượt giảm đi phân nửa). Thứ ba, núi Trì trục cao rộng mỗi chiều hai vạn do-tuần. Thứ tư, núi Đam mộc cao rộng mỗi chiều một vạn do-tuần. Thứ năm, núi Thiện kiến cao rộng mỗi chiều năm ngàn năm trăm do-tuần. Thứ sáu núi Mã nhĩ cao rộng mỗi chiều hai ngàn năm trăm do-tuần. Thứ bảy, núi Chướng sở cao rộng mỗi chiều một ngàn hai trăm năm mươi do-tuần. Biển nước thơm thứ bảy rộng một ngàn hai trăm năm mươi do-tuần. Thứ tám, núi Trì địa cao rộng mỗi chiều sáu trăm hai mươi lăm do-tuần. Biển nước mặn lớn thứ tám ngang rộng ba mươi hai vạn hai ngàn do-tuần, trong đó có bốn châu (Luận A-tỳ-đàm nói lớp nước có châu vi ba mươi sáu ức tám ngàn bốn trăm bảy mươi lăm do-tuần). Thứ chín, núi Tiểu thiết vi cao rộng mỗi chiều ba trăm mười hai do-tuần (Luận A-tỳ-đàm nói châu vi ba mươi sáu ức một vạn ba trăm năm mươi do-tuần). Các núi có phần chìm trong nước đều tám vạn do-tuần ở trên Kim Luân. Các biển đều sâu tám vạn do-tuần (nay mới rõ là từ tâm núi Tu-di hướng về Nam đến lớp Bản Sơn là tám vạn do-tuần qua bảy biển nước thơm và mười sáu vạn do-tuần, qua bảy Kim sơn tám vạn do-tuần, đến bờ Nam núi thứ bảy tính ra có hai mươi tám vạn do-tuần. Đường tắt xuyên Nam Bắc tính ra năm mươi sáu ức vạn do-tuần).

Kinh Trường A-hàm nói: Phía Nam núi Tu-di có Thiên hạ tên là Diêm-phù-đề (Hán gọi là Thắng Kim Châu; luận Tân-bà-sa gọi là Thiệm-bộ), cõi đất đó phía Nam hẹp phía Bắc rộng, ngang dọc rộng bảy ngàn do-tuần, mặt người giống hình đất này, có cây lớn tên là Diêm-phù, chu vi bảy do-tuần, cao một trăm do-tuần, nhánh lá bốn phía năm mươi do-tuần, người sống một trăm tuổi, chết yểu giữa chừng rất nhiều.

Luận A-tỳ-đàm nói: Châu Nam Thiệm có y phục trang sức nhiều loại không giống nhau. Trong một đời người hành dâm vô số lần. Nhưng có người tu hành đến chết vẫn không dâm dục.

Kinh Khởi Thế nói: Ở phía Bắc biển lớn có cây Diêm-phù, dưới cây này có đống vàng Diêm-phù-na-đàn cao hai mươi do-tuần (vì có loại vàng đặc biệt này ở dưới gốc cây nên lấy tên cây đặt tên châu).

Luận Thuận Chánh Lý nói: Trong hai mươi châu có một Giá-mạt-la (Luận Tân-bà-sa nói là nơi ở của La-sát, hai Phiệt-la-già đều có người ở).

Kinh Trường A-hàm nói: Ở phía Đông núi Tu-di có thiên hạ tên là Phất-vu-đãi (Hán gọi là Thắng Thân, Lập Thế gọi là Phất-đề-bà), đất đó ở phía Đông hẹp phía Tây rộng, hình bán nguyệt, ngang dọc rộng chín ngàn do-tuần, mặt người cũng giống hình bán nguyệt, có cây chúa tên là Già-lam-phù, chu vi bảy do-tuần, cao một trăm do-tuần, cành lá bốn phía rộng năm mươi do-tuần, người sống hai trăm tuổi (kinh Lâu Thán nói là ba trăm tuổi) ăn cơm cá thịt, lấy lúa lụa và châu đem đổi nhau ở chợ, có lễ cưới hỏi.

Luận Lập Thế A-tỳ-đàm nói: Người ở Đông Phất-đề-bà có nhiều dục tính, một đời người hành dâm sáu, bảy lần. Cũng có người tu hành đến chết vẫn không dâm dục, ăn cá thịt đã chết, không giết hại, đầu cao phía trước để tóc phía sau, mặc quần xong mặc áo phủ bên ngoài.

Thuận Chánh Lý Luận nói: Có hai trung châu, một là Đề-ha, hai là Tỳ-đề-ha đều có người ở. Kinh Trường A-hàm nói: Phía Tây núi Tu-di có thiên hạ gọi là Cù-gia-ni (Hán gọi là Ngưu Hóa. Tân-bà-sa gọi là Cù-đà-ni), đất đó hình như mặt trăng tròn, mặt người cũng giống như thế, dọc ngang tám ngàn do-tuần, có cây chúa tên là Cân-đề, chu vi bảy do-tuần, cao một trăm do-tuần, nhánh lá bốn phía rộng năm ngàn do-tuần, người sống ba trăm tuổi lấy ngựa bò, châu ngọc trao đổi nhau ở chợ.

Luận A-tỳ-đàm nói: Người cõi đất đó sát sinh ăn thịt, người khi chết thì thiêu tử thi, bỏ xuống nước hoặc chôn trong đất, cưới hỏi giống người ở Nam Châu. Người dâm dục nhiều lên đến mười - mười hai lần, cũng có người đến chết vẫn không dâm dục. Vật trang sức đều giắt ở tóc, mặc quần áo cả trên dưới.

Luận Thuận Chánh Lý nói: Có hai Trung Châu, một là Xá Hổ, hai là Đát Lý Noa đều có người ở.

Khởi Thế Luận nói: Dưới cây Cân Đề có một con trâu đá cao một do-tuần nhân đó gọi là Cù-đà-ni (nhân lấy đó đặt tên châu).

Kinh Trường A-hàm nói: Phía Bắc núi Tu-di có thiên hạ tên là Uất-đơn-việt (Hán dịch là Tối Thắng - Luận Tân-bà-sa gọi là Câu-lô châu), đất đó vuông vức, mặt trời cũng giống thế, rộng một vạn do-tuần. Có cây chúa tên Am-ta-la, chu vi bảy do-tuần, cao một trăm do-tuần, nhánh lá bốn phía rộng năm mươi do-tuần, các núi non, ao tắm hoa trái rất sum xuê, chim chóc đua hót. Bốn mặt có ao A-nậu-đạt chảy ra bốn

sông lớn, không có các thú hầm hố gai góc, ruồi muỗi rắn rít trùng độc, lúa nếp tự nhiên đầy đủ các mùi vị. Có ngọc châu Ma-ni tên là Diễm quang đặt dưới chõ vàng tự nhiên (lúa nếp tự nhiên là tự mọc, chõ vàng tự nhiên là tự đốt cháy), khi cơm chín thì ánh sáng tắt. Có cây tên là Khúc cung, các lá xếp chồng nhau trời mưa không dột, nam nữ ở cõi ấy nghỉ đêm dưới cây. Có những cây thơm khi trái chín thì tự bày ra các thứ y phục hoặc đồ vật hay thức ăn. Trong sông có nhiều thuyền báu bơi chèo vui thú. Khi vào tắm thì cởi y phục để trên bờ, ngồi thuyền sang sông, gặp y phục cứ mặc vào không cần y phục cũ. Rồi đến cây thơm lấy các nhạc khí có âm thanh rất hay cùng hòa nhạc mà đi. Người ở cõi ấy không có các tật bệnh, dáng vẻ giống nhau, tóc màu xanh đậm ngang mày mà thôi. Khi người khởi dục tùy nhìn vào người nữ nào thì người ấy theo đến vườn rừng. Nếu là cha mẹ không hành dục được thì cây không rủ xuống che kín, hai người sẽ tự bỏ đi. Nếu không phải người thân thì cây rủ xuống che kín cả hai tùy ý giao hoan tự một đến bảy ngày sau đó mới tan cuộc. Người nọ mang thai bảy, tám ngày thì sinh. Tùy sinh trai gái rồi đem đặt ở ngã tư đường, những người đi đường sẽ đưa ngón tay cho ngậm mút, ngón tay tiết ra chất sữa ngọt chạy khắp thân đứa bé. Sau bảy ngày đứa bé trưởng thành cùng bằng với cha mẹ, nam theo nam chúng, nữ theo nữ chúng. Người cõi này chết không có khóc lóc thương tiếc (vì người sống đúng ngàn tuổi nên không thương tiếc người chết), sau khi làm đẹp thây chết bèn đem đặt ở ngã tư đường, có loài chim tên là Ưu úy thiền già gắp đem bỏ ở nơi khác (A-tỳ-đàm nói chim này tha thây chết đến ngoài núi mà nuốt). Đất ở cõi ấy mềm theo bước chân mà hiện ra rồi biến mất. Khi tiểu tiện thì đất nứt ra, đi tiêu xong đất liền lại. Người nào đời trước tu mười nghiệp lành thì sinh vào châu này. Sống lâu ngàn tuổi không hơn không kém. Khi chết rồi sinh vào cõi trời hay chỗ lành khác.

Luận A-tỳ-đàm nói: Người Bắc Châu có nhiều dục, trong một đời sống hành dâm đến bốn, năm lần, cũng có người tu hành đến chết vẫn không dâm dục.

Luận Thuận Chánh Lý nói có hai Trung Châu, một là Cự-la-bà, hai là Kiêu-la-bà đều có người ở.

Luận A-tỳ-đàm nói: Người Nam Thiệm châu cao ba, năm hoặc bốn cánh chỏ. Người Đông thắng Châu cao tám cánh chỏ, người Tây Châu cao mười sáu cánh chỏ. Người Bắc châu cao ba mươi hai cánh chỏ (kinh Khởi Thế nói người Nam châu cao ba, năm cánh chỏ. Người Đông Tây châu chiều cao giống thế, người Bắc châu cao bảy cánh chỏ. Mỗi

cánh chỏ là một thước tám nhà châu).

Kinh Trường A-hàm nói: Nam Thiệm châu có ba điều tốt:

1. Mạnh mẽ nhớ dai hay tạo hạnh nghiệp.
2. Riêng tu phạm hạnh.
3. Có Phật ra đời ở cõi ấy.

Luận Tân-bà-sa nói: Tứ Đại Châu ở trong tám châu, người có hình dạng thấp bé. Có thuyết nói châu Giá-mạt-la chỉ có quỷ La-sát ở. Lại có năm trăm tiểu châu khác hoặc có người ở hoặc phi nhân ở hoặc trống không.

Kinh Bồ-tát Tạng nói: Phật nói rằng: Ta quán biết chúng sinh thường bị mười khổ bức bách: Một là sinh, hai là già, ba là bệnh, bốn là chết, năm là buồn rầu, sáu là oán thù, bảy là khổ thọ, tám là lo, chín là đau buồn, mười là sinh tử lưu chuyển. Khi chúng sinh chứng được Bồ-đề sẽ xa lìa các bức bách đó.

Tứ Giáo Nghi nói: Lúc tạo nhân làm ngũ thường giữ ngũ giới, làm mười phẩm Thiện thì cảm được thân người.

Lời bàn: Người Bắc châu sống nhất định một ngàn tuổi nên khi chết không khóc lóc thương tiếc. Không có Phật ra đời nên không nghe được Phật pháp, đây là một trong tám nạn. Thuở xưa người ta bảo Liệt Tử đưa Hoàng đế mộng du đến nước Hoa Tư Thị, tức là bắc Châu vậy, chưa biết có đúng không? Còn Nam châu thì có Phật pháp có thể học. Phần đông những người có căn khí Đại thừa đều sinh vào châu này. Vì tuổi thọ ngắn gấp, các khổ bức bách nên sợ hãi mà phát tâm siêng tu đạo hạnh. Đây là điều tốt nhất trong bốn châu.

Kinh Hoa Nghiêm nói: Tam thiên đại thiên thế giới do vô lượng nhân duyên mà thành đại địa, nương vào thủy luân, phong luân, không luân, không thì không có chỗ nương, do cảm nghiệp của chúng sinh mà thế giới an trụ.

Kinh Tân Bồ-tát Tạng nói: Vì chư Phật thành tựu được trí bất tư nghì nên có thể biết các tướng gió mưa. Biết trên đời có gió mạnh tên là Ô-lô-bác-ca. Chúng sinh có những cảm biết đều do gió này quấy động. Lớp phong luân này cao đến ba Câu-lô-xá (Câu-lô-xá, Hán dịch là khoảng một tiếng trống. Căn cứ theo kinh Tạp Bảo Tạng thì năm dặm là một Câu-lô-xá. Luận Tỳ-đàm nói tám Câu-lô-xá là một do-tuần, tức do-tuần trong phẩm Trí Luận phải bằng bốn mươi dặm). Trong hư không, bên lớp gió này, lại có một lớp gió nổi lên gọi là Thiệm-bạc-ca. Lớp phong luân này cao mười do-tuần... Như thế lần lượt các Luân sáu vạn tám ngàn câu-chi tướng phong luân. Lớp Phong luân trên cùng tên

là Châu Biến Thượng Giới là lớp mà Thủy luân nương tựa. Lớp nước này dày sáu mươi tám trăm ngàn do-tuần. Lớp nước này là nơi đại địa nương tựa vào, nó dày đến sáu vạn tám ngàn do-tuần. Trên mặt lớp đất này có một tam thiên đại thiên thế giới. Thổ, thủy, phong luân hiểu ra như sau:

Trên là thổ luân, kim luân kế là thủy luân, lớp dưới cùng là phong luân.

Về thổ và kim luân:

(Câu-xá luận nói cộng có ba mươi hai vạn do-tuần. Kinh Khởi Thế nói cộng có bốn mươi tám vạn do-tuần. Tân Bồ-tát Tạng nói có sáu vạn tám ngàn do-tuần. Kinh Lâu Thán nói đất có hai mươi ức vạn dặm, Kim lật, Kim cang mỗi thứ có hai mươi ức vạn dặm. Kinh Lập Thế cộng có ba mươi hai vạn do-tuần. Kinh Quang Minh nói đất sâu mười tám vạn do-tuần, dưới có lớp cát vàng. Nay căn cứ vào kinh Khởi Thế thì có bốn mươi tám vạn, đây e mất hết bốn chữ. Theo kinh Khởi Thế Nhân Bản thì: Trên nước có gió thổi biến lớp trên thành vàng, như lớp váng đặc trên mặt sữa chín, đó gọi là Kim Luân. Theo Tăng Nhất A-hàm thì lớp đất dày sáu vạn tám ngàn do-tuần. Theo Kinh Quang Minh của Đàm-vô-sấm thì lớp đất dày sáu mươi vạn tám ngàn do-tuần.)

Về thủy luân:

(Câu-xá nói: Tám mươi vạn do-tuần, kinh Khởi Thế nói là sáu mươi vạn do-tuần, kinh Bồ-tát Tạng nói sáu mươi tám trăm ngàn do-tuần, kinh Lâu Thán nói là tám mươi ức vạn dặm, kinh Lập Thế Nhân Bản nói: Vì nghiệp lực chúng sinh nên nước không tan chảy, như thức ăn chưa tiêu thì không rơi vào Thục Tạng.)

Về phong luân:

(Câu-xá nói một trăm sáu mươi vạn do-tuần, kinh Khởi Thế nói ba mươi sáu vạn do-tuần, kinh Bồ-tát Tạng nói sáu vạn tám ngàn câu-chi Phong Luân, kinh Lâu Thán nói có năm trăm hai mươi ức vạn dặm - Trí Luận nói đại thiên thế giới đều nương vào Phong Luân làm nền tảng.

Bàn rằng: Những điều kinh luận nói ra không thể chỉ có một, chỉ có Câu-xá và Lập Thế hơi giống. Nghĩa của Phật nói ra không lẽ có khác. Đó là do các bộ Chủ nghe nhận tùy cơ mà có sai khác và các dịch Sư chọn tiếng không giống nhau.

Chân núi Tu-di cao lên một vạn do-tuần, núi vây quanh rộng một vạn do-tuần, đó là chỗ ở của trời Kiên thủ. Lại cao thêm gấp bội ở trên (Nhân Bản nói hai vạn) có núi vây quanh rộng tám ngàn do-tuần, đó là

chỗ ở của trời Hoa Phát. Lại cao thêm gấp bội (Bản Nhân nói ba vạn), có núi vây quanh bốn ngàn do-tuần, đó là chỗ ở của trời Thường Phóng Dật. Lại cao thêm gấp bội (cả ba trời đều nói là gấp bội tức đều lấy một vạn làm gấp bội. Cho đến trời Tứ Thiên vương là bốn vạn do-tuần. Kinh Nhân Bản nói: Phân nửa núi là bốn vạn hai ngàn do-tuần, là chỗ ở của trời Tứ Thiên vương) có núi vây quanh rộng bốn ngàn do-tuần. Đó là chỗ ở của các trời nhật, nguyệt, tinh tú và Tứ Thiên vương (theo luận Bà-sa).

Dưới núi Tu-di có ba cấp bậc, là chỗ ở của các Thần, đều có bảy lớp tường viện đều là chỗ ở của Dạ-xoa (theo kinh Khởi Thế Nhân Bản), cả ba cõi trời này đều là chỗ ở của Dược-xoa và là sở bộ của Tứ Thiên Vương.

Cung điện của Nhật thiên do vàng trời và pha lê tạo thành, rộng năm mươi mốt do-tuần, chính giữa nhà nhìn từ xa thì giống hình tròn (Trí Luận nói Nhật Nguyệt vuông tròn năm trăm dặm). Có năm thứ gió thổi mà chuyển đi. Dùng vàng Diêm-phù làm xe báu cao mười sáu do-tuần, vuông tám do-tuần. Nhật Thiên tử và quyến thuộc ở trong đó mà hưởng ngũ dục lạc trời. Nhật Thiên tử sống năm trăm tuổi, con cháu nối nhau để trị vì cõi trời ấy, cung điện được tồn tại trọn một kiếp (trải đủ thành, trụ, hoại, không, tám mươi tiểu kiếp là một đại kiếp). Nhật Thiên tử có ánh sáng thân, xe báu, cung điện có ánh sáng chiếu vào nhau. Có một ngàn ánh sáng, năm trăm chiếu hai bên, năm trăm chiếu ở dưới. Cung điện Nhật thiên luôn đi không dừng, sáu tháng đi về phía Bắc, sáu tháng đi về phía Nam.

Cung điện của Nguyệt thiên do bạc trời và lưu ly xanh tạo thành, cao mười sáu do-tuần, rộng tám do-tuần. Nguyệt Thiên tử cùng các Thiên nữ ở trong xe báu này hưởng ngũ dục lạc trời. Nguyệt thiên sống năm trăm tuổi, con cháu nối nhau. Cung điện tồn tại một kiếp. Nguyệt thiên có ánh sáng thân cùng cung điện tạo ra một ngàn ánh sáng, năm trăm chiếu hai bên, năm trăm chiếu phía dưới. Do đâu cung điện Nguyệt thiên dần dần hiện ra? Do Nhật thiên có sáu mươi ánh sáng sáng át vầng trăng kia, khi cách xa mặt trời dần dần thì trăng dần dần sẽ hiện sáng. Lại vì sao mặt trăng tròn sạch trọn mười lăm ngày? Khi mặt trăng cách mặt trời xa nhất thì ánh sáng mặt trời không che át được nữa. Lại vì sao suốt mười lăm ngày mặt trăng tối đen không hiện ra? Lúc này mặt trăng ở gần mặt trời nhất, nên ánh sáng ẩn mất tất cả không hiện. Lại vì sao bóng Nguyệt cung hiện ra? Đại châu này có cây Diêm-phù cao nên mặt trăng hiện bóng (Khởi Thế Bản Nhân). Thuở xưa có con

thỏ tu hạnh Bồ-tát. Thiên đế bèn thử nghiệm bằng cách đòi ăn thịt, thỏ liền gieo mình vào lửa. Thiên đế thương xót bèn đem thỏ bị phỏng đặt ở cung trăng, để chúng sinh chiêm ngưỡng, biết đó là thân Bồ-tát tu hạnh từ (Tây Vức Ký).

Nam châu có mặt trời đúng Ngọ thì ở Đông châu mặt trời mới lặn và ở Tây Châu mặt trời mới mọc, còn ở Bắc Châu là nửa đêm (theo kinh Khởi Thế và Nhân Bản, ba phương kia suy ra mà biết). Tường đất của Nhật Thiên cung mỏng như cánh hoa được năm thứ gió nâng giữ (kinh Trường A-hàm). Mặt trời mặt trăng vuông tròn đều năm trăm do-tuần nhưng nay nhìn thấy không to hơn cái quạt (Trí Luận).

Cung điện của Sao lớn đều bảy trăm hai mươi dặm, Sao trung bình là bốn trăm tám mươi dặm, Sao nhỏ là một trăm hai mươi dặm (Lâu Thán Kinh). Thời quá khứ có Tiên Bà-già-bà phân bố các Sao, giữ nước nuôi người, mỗi sao đều có chủ. Ở Đông phương có bảy sao là: Giác, Cang, Đê, Phòng, Tâm, Vĩ, Kỳ. Bắc phương có bảy sao là: Đẩu, Ngưu, Nữ, Hư, Nguy, Thất, Bích. Tây phương có bảy sao là: Khuê, Lâu, Vị, Mão, Tất, Chủy, Sâm. Và Nam phương có bảy sao là: Canh, Quỹ, Liễu, Tinh, Trương, Dực, Chẩn (kinh Đại Tập nói: các Sao có hình tướng, tộc họ, pháp độ, tế vật, nhân vật, quốc chủ làm chủ đều có đủ tại kinh này).

Đức Phật ở tại Thiên cung Tịnh cư bảo các sao rằng: Chúng trời du hành trên không gồm có: Cửu chấp đại thiên, hai mươi tám sao, mười hai cung thần. Nói rằng ở quá khứ Ta-la Vương Như Lai đã nói Xí Thạnh Quang Đại Oai Đức Đà-la-ni để trừ tai nạn. Nếu có quốc vương và các đại thần, tại nơi ở và các cõi nước hoặc bị năm sao bức bách như sao La Hầu, Tuệ, Bột, Yêu Tinh chiếu đến cung Bản mạng và các tinh tú xâm nhập Đế tòa mà ở tại nước, tại nhà hoặc nơi đồng trống khi bức bách hoặc thối lui hoặc tiến vào tạo các chướng nạn, thì chỉ ở nơi thanh tịnh thành lập đạo tràng và niệm Đà-la-ni này một trăm tám biến hoặc một ngàn biến (theo kinh Tiêu Tai) thì có chín thứ Chấp diệu có thể khiến cho ngày đêm thêm bớt sự giàu có hay thiếu hụt của thế gian, tên nó là Nhật nguyệt Huỳnh Hoặc (Hỏa), Thần (Thủy), Tuế (Mộc), Thái Bạch (Kim), Trấn (Thổ), La Hầu (khí dư của Hỏa), Tuệ Bột (khí dư của Thổ, theo kinh Khổng Tước). Thế giới Ta-bà có tám vạn bốn ngàn ác tinh gây tai biến. Tỳ-sa-môn là Sao Chúa Tể (theo Pháp Hoa Văn Cú - Luận Ngữ gọi là Sao Bắc Đẩu - Thiên Văn Chí gọi là Bắc Cực).

Nửa núi Tu-di cao bốn vạn hai ngàn do-tuần, là nơi ở của Tứ Thiên vương (Trí Luận và kinh Nhân Bản nói giống nhau - Còn A-

tỳ-đàm Luận và Câu-xá-luận thì nói là bốn vạn do-tuần). Thành ở Phương Đông tên là Thượng Hiền, thành ở Phương Nam tên là Thiện Kiến, thành ở phương Tây tên là Châu La, thành phương Bắc tên là Thiên Kỉnh (giống như Trí Luận). Ở phương Đông Trị Quốc Thiên Vương (các Kinh phần nhiều đều gọi là Trì Quốc) thống lãnh Càn-thát-bà (Hán dịch là Tầm Hương Hành Đế Thích cho là Nhạc Thần), Tỳ-xá-xà (Hán gọi là Quỷ ăn tinh khí người, cũng là Quỷ điên cuồng. Trí Luận gọi là Phú-đơn-na) ủng hộ người Đông Châu. Còn Nam Phương có Tăng Trưởng Thiên Vương thống lãnh Cưu-bàn-trà (Hán gọi là loài quỷ ăn đờm dãi), Tiết-lệ-đa (Hán gọi là ngạ quỷ đầu tiên) ủng hộ người Nam Châu. Phương Tây có Tạp Ngữ Thiên Vương (kinh Khổng Tước dịch là Quảng Mục) thống lãnh Rồng và Phú-đơn-na (Hán gọi là Ngạ Quỷ Thúi, Trí Luận gọi là Tỳ-xá-xà) ủng hộ người Tây Châu. Ở Bắc Phương có Đa Văn Thiên Vương, thống lãnh Dạ-xoa (Hán gọi là Tiệp Tật - Nay sứ giả truyền đưa thư phù trong pháp hội là loại này), La-sát (Hán gọi là Quỷ dữ ăn thịt người) ủng hộ người Bắc Châu (Trích Kinh A-hàm). Bấy giờ Tỳ-sa-môn Thiên Vương (tàu gọi là Đa Văn - Quang Minh Cú Ký nói có danh tiếng phước đức đồn khắp bốn phương). Đề-đầu-lại-tra Thiên vương (Hán gọi là Trì Quốc giữ gìn đất nước), Tỳ-lưu-lặc-xoa Thiên vương (Hán gọi là Tăng Trưởng, vì khiến Thiện căn người và mình tăng trưởng), Tỳ-lưu-bác-xoa Thiên vương (Hán dịch là Tạp Ngữ - vì hay nói năng lung tung. Lại có mắt dữ chuyên việc phạt ác khiến gặp khổ để phát tâm). Tất cả đều từ chỗ ngồi đứng dậy bạch Phật rằng: Kim Quang Minh là vua các kinh, bốn vua chúng con, hai mươi tám bộ và trăm ngàn quỷ thần dùng tịnh Thiên nhãn luôn xem xét ủng hộ cõi Diêm-phù-đề, thế nên chúng con tên là Hộ Thế Vương (kinh Kim Quang Minh - Các nhà chú thích Kinh Quang Minh Cú Ký nêu phương Bắc trước hết, vì ở Tây Vức coi trọng phương Bắc. Kinh Niết-bàn nói: Ví như phương Bắc đối với phương Đông là bậc cao hơn hết. Bậc Sơ Địa Bồ-tát thường làm Tứ Thiên Vương (kinh Niết-bàn). Cõi trời Tứ Thiên đều có cưới gả và hành dục như loài người, đứa trẻ hóa sinh ở trên đầu gối như đứa bé hai tuổi. Không bao lâu sau tự nhiên có báu vật đầy đủ, thức ăn trời trăm vị và nước cam lồ trời. Người phước nhiều da trắng, phước trung bình da xanh, phước kém da đỏ. Ăn xong liền lớn bằng các trời khác. Lúc mới sinh thì nhớ rõ nghiệp xưa, giỡn chơi rồi lại quên mất (kinh Trường A-hàm). Nam nữ ở Tứ Thiên khi sinh ra bằng cách hoặc ngủ trên đầu gối mẹ. Thiên nữ tác ý nói đây là con ta, Thiên nam cũng nói đó là con ta. Còn nếu sinh ra bằng cách ngủ trên đầu gối cha thì bé

chỉ có một cha, các vợ khác đều là mẹ. Người Tứ Thiên hành dục vô số lần, cũng có người tu hành đến chết vẫn không dâm dục. Tất cả chư Thiên cõi dục cũng thế (theo Luận Lập Thế). Hộ Thế Tứ Vương mỗi vua có chín mươi mốt con, có oai lực lớn đều gọi là Đế, có thể hộ trì cả mười phương. Tất cả núi sông cây cối đất đai thành quách, tất cả thần quỷ đều quy thuộc Tứ Thiên Vương (theo Trí Luận).

Dưới một vua có tám Tướng quân, bốn vua có ba mươi hai Tướng ở khắp bốn thiên hạ hộ trợ người xuất gia. Vĩ Tướng Quân lớn nhất trong ba mươi hai tướng chuyên hộ trợ. Tỳ-kheo nào đạo lực yếu kém bị ma mê hoặc thì kinh hoàng sợ hãi chạy đến ứng cơ dẹp trừ (theo Thiên Nhân Cảm Thông Truyện).

Xưa có vị Bà-la-môn họ Kiều-thi-ca quen biết ba mươi hai người cùng tu phước đức. Khi mạng chung đều sinh lên đỉnh núi Tu-di. Kiều-thi-ca làm chúa trời, ba mươi hai người kia làm Phụ Thần (theo Trí Luận).

Xưa, sau khi Phật Ca-diếp diệt độ, có một người nữ phát tâm sửa tháp được quả báo làm chúa trời, có ba mươi hai người cùng giúp sửa nên được báo, làm đại thần phụ chánh, vua quan họp lại thành ba mươi ba người (theo Tịnh Danh Sớ. Tiếng Phạm gọi là Đao-lợi, Hán dịch là trời Tam thập tam).

Có Đế Thích ở trong định Thủ-lăng-nghiêm, đời vị lai thành Phật hiệu là Vô Trước (theo Pháp Hoa Văn Cú).

Núi Tu-di có bốn góc, mỗi góc có một ngọn núi (Bà-sa Luận nói cao rộng năm trăm do-tuần), Kim cang thủ Dược-xoa ở chính giữa giữ gìn các trời. Đỉnh núi Thiện Kiến có thành lớn chu vi rộng một vạn do-tuần (Luận Bà-sa. Đỉnh núi rộng tám vạn bốn ngàn do-tuần, trong đó bằng phẳng có thể ở được chỉ có bốn vạn do-tuần). Các Trùng Môn cao một do-tuần, thành có một ngàn cửa, mỗi cửa có năm trăm thanh y dọa xoa đều cầm gậy gộc phòng vệ nghiêm nhặt. Trong thành có điện Thù Thắng chu vi một ngàn do-tuần, đất đó được trang sức bằng vàng ròng và tạp bảo, mềm mại như bông Đố-la, cao thấp theo bước chân đi (Thuận Chánh Lý Luận) Đế Thích ở chính giữa có thành vàng châu vi một ngàn do-tuần (tức điện Thù Thắng), thành có năm trăm cửa, trong có lầu các tên là Bì Thiền Diên, bốn phía có một trăm lẻ một lầu báu, một vạn bảy ngàn phòng, mỗi phòng có bảy Thiên nữ, mỗi Thiên nữ có bảy thể nữ, các Thiên nữ này đều là chánh phi của Đế Thích. Đế Thích cùng ở chung với A-tu-la nữ là Xá-chỉ, hóa thân ở chung với các phi (Luận A-tỳ-đàm).

Tôn giả Mục-kiền-liên đi du lịch một tiểu thiên giới, không có nơi nào đoan nghiêm như Tỳ-xà-diên đường (theo Tạp A-hàm, tức Tỳ Thiền Diên này vậy). Đường phố trong thành, người trời tùy theo phước đức mà có phòng nhà nhiều hay ít. Đường phố trong thành có năm trăm, trong đó có bảy chợ chuyên về gạo thóc, y phục, các loại hương, ăn uống, tràng hoa, đồ mỹ thuật và dâm nữ... đều có quan coi chợ. Thiên nam, Thiên nữ đến buôn bán trả giá mắc rẻ theo luật chợ búa. Tuy làm việc đó nhưng không trộm cắp, quá chỗ cần dùng thì bỏ đi. Thành Thiện Kiến đó lại có các thôn, huyện, châu trời vây quanh khắp nơi (theo Khởi Thế và Nhân Bản Kinh). Ngoài bốn mặt thành có bốn khu vườn.

1. Vườn để các loại xe (Khởi Thế, Nhân Bản nói vườn xe nhiều màu. Kinh Tạp A-hàm nói ở ngoài cửa Đông). Tùy phước đức trời mà các loại xe hiện ra.

2. Vườn Thô xấu (Khởi Thế nói là vườn Thô sáp, tạp A-hàm nói là ngoài cửa Nam). Khi trời muốn đánh nhau thì trượng giáp tự nhiên hiện ra.

3. Vườn Tạp lâm (Khởi Thế nói là vườn Tạp loạn. Ngày mười bốn, mười lăm tháng tám, trời Tam thập tam thả các thể nữ trong cung vào khu vườn này cùng các trời họp nhau đùa giỡn hưởng ngũ dục trời. Tạp A-hàm nói là ở ngoài cửa Tây). Các trời vào đó những thú vui dục trần cực diệu đều có đủ.

4. Vườn Hỷ lâm (Khởi Thế nói vào đó thì vui vẻ. Tạp A-hàm nói ở ngoài cửa Bắc). Các trời chơi giỡn đều sinh vui vẻ.

Bốn vườn trên mỗi khu đều một ngàn do-tuần, mỗi vườn đều có ao như ý, chu vi năm mươi do-tuần, có nước tám công đức. Ở phía Tây nam ngoài thành có Thiện pháp đường. Lúc đó trời Tam thập tam luôn tập họp luận bàn chế phục A-tố-lạc về việc đúng pháp và không đúng pháp. Ở phía Đông bắc có cây Viên Sinh, ngày hoa nở gặp thuận gió thì mùi thơm nghe xa đến một trăm do-tuần, nếu ngược gió thì cũng nghe xa đến năm mươi do-tuần (Luận Thuận Chánh Lý). Bên trong Thiện pháp đường có tám vạn bốn ngàn cột. Vào pháp đường này rồi thì không có lỗi ác xúc như buồn ngủ, ợ ngáp... Khi Đế Thích lên tòa thì hai bên có mười sáu Thiên Vương theo ngồi, có hai Thái tử, hai đại tướng quân ngồi hai bên các trời. Trì Quốc Thiên Vương cùng đại thần Quân Tộc cung kính các trời nên nương ngồi ở cửa Đông, còn Tăng Trưởng Thiên Vương thì ngồi ở cửa Nam, Quảng Mục Thiên Vương thì ngồi ở cửa Tây, Đa Văn Thiên Vương thì ngồi ở của Bắc. Các Tứ Vương này tâu lên Đế Thích và các Thiên Vương về chuyện thiện ác của thế gian

tám ngày mỗi tháng, các đại thần của Tứ Vương đi tuần tra khắp thế gian. Ngày mười bốn thì Thái tử của Tứ Vương đi tuần tra, ngày mười lăm thì chính Tứ Vương đích thân đi quan sát các việc thiện ác. Nếu không có nhiều người thọ giới bố thí, Đế Thích nghe tâu buồn rầu nói rằng: Thiên chúng sẽ giảm bớt, Tu-la tăng nhiều (Luận A-tỳ-đàm).

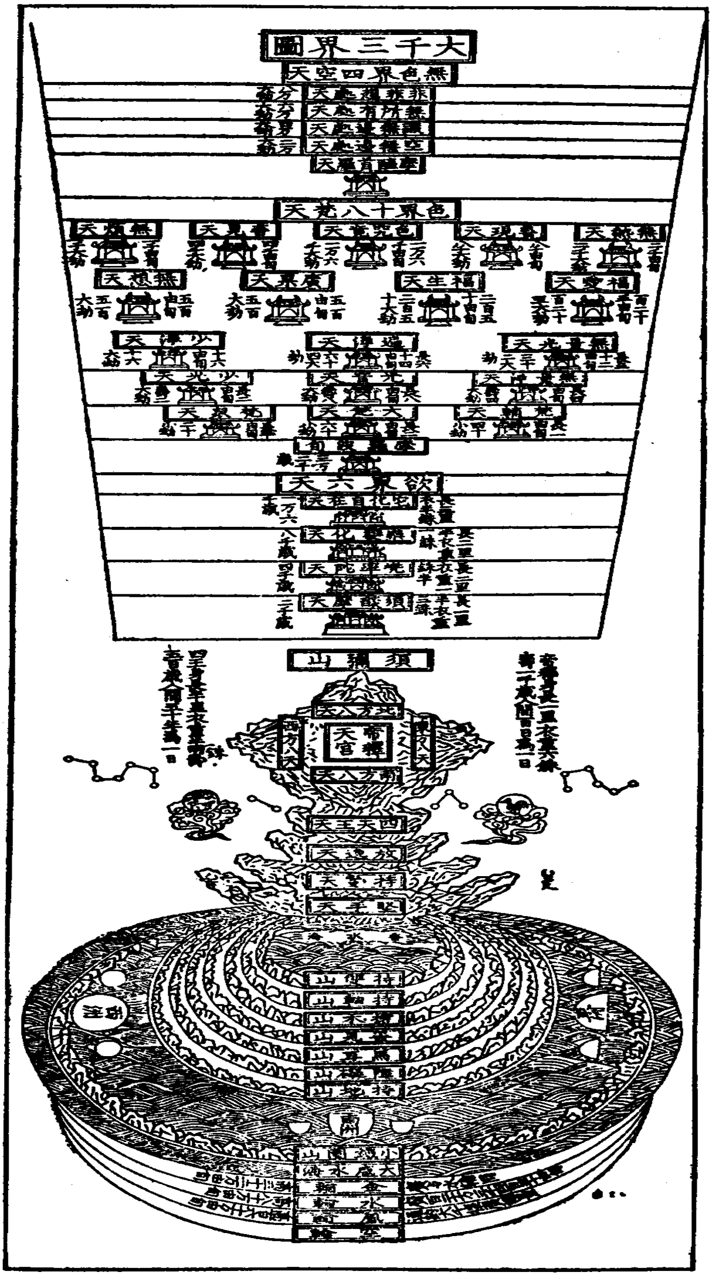
1. Trời Thiện pháp đường (tức Đế Thích).
2. Trời Trụ phong.
3. Trời Sơn đảnh.
4. Trời Thiện kiến thành.
5. Trời Bát tư địa.
6. Trời Trụ câu tra.
7. Trời Tạp điện.
8. Trời Hoan hỷ viên.
9. Trời Quang minh.
10. Trời Ba lợi thọ viên (tức Viên Sinh Thọ).
11. Trời Hiểm ngạn.
12. Trời Tạp hiểm ngạn.
13. Trời Ma-ni tạng.
14. Trời Tuyền hành địa.
15. Trời Mật điện.
16. Trời Phát ảnh.
17. Trời Nhu nhuyến địa.
18. Trời Tạp trang nghiêm.
19. Trời Như ý địa.
20. Trời Vi tế hành.
21. Trời Ca âm nhạc.
22. Trời Oai đức luân.
23. Trời Nguyệt hành.
24. Trời Ta lợi.
25. Trời Tốc hành.
26. Trời Ảnh chiếu.
27. Trời Trí tuệ.
28. Trời Chúng phận.
29. Trời Trụ luân.
30. Trời Thượng hành.
31. Trời Oai đức nhan.
32. Trời Oai đức luân.
33. Trời Thanh tịnh.

(Theo Kinh Chánh Pháp Niệm)

Vốn khi làm người cho ăn uống, đèn đốt sáng và tiền của nên gọi là Thích Đề-hoàn Nhân (Hán gọi là Năng Thiên Chủ), vốn khi làm người có họ như vậy nên gọi là Kiều-thi-ca. Xá-chỉ là hoàng hậu thứ nhất nên gọi là Xá-chỉ-bát-đê. Ở một tòa nghĩ ra ngàn thứ nghĩa nên gọi là Thiên Nhãn. Làm chủ trời Tam thập tam nên gọi là Nhân Đề Lợi (theo kinh Trung A-hàm - Vốn có ngàn tên, nhưng dịch không đủ). Đế Thích có sức Kim Cang Sử (theo kinh Khổng Tước).

Khi trời Tam thập tam sinh thì tay của Thiên nữ có hoa sinh ra, tự biết là có con, liền đem hoa trao cho chồng, bảy ngày thì trời sinh, biết rõ phép trời, đi trong cung điện thấy có Thiên nữ chưa chồng, nàng liền đến nói rằng: Này Thánh tử hãy về cung điện của ngài, tôi là kẻ chưa chồng nay xin cúng dường nhau (kinh Tỳ Tà Tiên Nhân). Khi trời mới sinh ra như đứa bé mười hai tuổi, chỗ sinh của cha mẹ hoặc ở trên hai đầu gối hay ở trên hai bắp vế. Sinh ra liền có bát báu đựng đầy, vị tu đà trời cho đến rượu trời. Tùy phước thượng trung hạ mà có màu trắng, đỏ, đen. Khi ăn uống xong thì thân hình to ra bằng người lớn (kinh Khởi Thế và Nhân Bản). Một mình tu Thập Thiện Thượng Phẩm thì sinh lên cõi trời Đao-lợi (Tứ Giáo Nghi).

Luận chung về chư Thiên



Đồ hình về đại thiên tam giới

Về thân lượng (Câu-xá Luận) - Y lượng (kinh Trường A-hàm) - Thọ lượng (Luận Tỳ-đàm và Câu-xá nói giống nhau) - Ánh sáng thân (Trí luận) - Ăn uống, Nghiệp nhân (kinh Tam Giới Sai Biệt) - Quả báo, Cảnh lượng (Luận Bà-sa), Phàm Thánh, Luận chỗ thân Vô sắc, Luận về Thiên chủ, Luận về Tứ thiền, Tứ địa.

Tứ Thiên vương thân cao nửa dặm, y phục nặng nửa lượng, một ngày đêm của Tứ Thiên vương bằng năm mươi năm ở cõi người và tuổi thọ của Tứ Thiên vương là năm trăm tuổi. Chín trăm vạn năm ở cõi người thì bằng một ngày đêm ở Đẳng hoạt địa ngục. Và ở Đẳng hoạt sống năm trăm tuổi. Ba trăm hai mươi bốn ức năm ở nhân gian bằng một năm ở Đẳng hoạt.

Trời Đao-lợi, thân cao một dặm, y phục nặng sáu thù, một trăm năm ở cõi người thì bằng một ngày đêm ở cõi Đao-lợi. Và cõi này sống một ngàn tuổi. Ba ức sáu mươi vạn năm ở cõi người thì bằng một ngày đêm ở Hắc thằng địa ngục và số địa ngục này sống một ngàn tuổi.

Trời Dạ-ma thân cao một dặm rưỡi, y phục nặng ba thù, hai trăm năm ở nhân gian bằng một ngày đêm ở cõi trời này và trời này có tuổi thọ một ngàn năm, mười bốn ức bốn trăm vạn năm ở nhân gian thì bằng một ngày đêm của địa ngục Chúng hợp. Và số tuổi của địa ngục này là hai ngàn năm.

Trời Đâu-suất có thân cao hai dặm, y phục nặng một thù rưỡi, bốn trăm năm ở cõi người là một ngày đêm ở cõi trời này và cõi này sống bốn ngàn năm, năm mươi bảy ức sáu trăm vạn năm ở cõi người là một ngày đêm ở khiếu địa ngục. Và tuổi thọ của địa ngục này là bốn ngàn năm.

Trời Hóa lạc có thân cao hai dặm rưỡi, y phục nặng một thù, tám trăm năm ở cõi người bằng một ngày đêm ở cõi này và tuổi thọ ở cõi này là tám ngàn năm, hai trăm ba mươi ức vạn năm ở cõi người thì bằng một ngày đêm của Đại khiếu địa ngục. Và số tuổi của địa ngục này là tám ngàn năm.

Trời Tha hóa tự tại có thân cao ba dặm, y phục nặng nửa thù, một ngàn sáu trăm năm ở nhân gian thì bằng một ngày đêm ở cõi này và số tuổi thọ cõi này là một vạn sáu ngàn năm, chín trăm hai mươi mốt ức sáu trăm vạn năm ở cõi người thì bằng một ngày đêm ở Nhiệt địa ngục. Và số tuổi ở địa ngục này là một vạn sáu ngàn năm.

Trời Ma-la-ba-tuần sống đến ba vạn hai ngàn tuổi (theo Câu-xá Luận, kinh Trường A-hàm và A-tỳ-đàm Luận).

* Tuổi thọ ở Sắc giới chỉ dùng kiếp làm số đo.

Trời Phạm chúng sống nửa kiếp (hai mươi tiểu kiếp) thân cao nửa do-tuần.

Trời Phạm phụ sống một kiếp (lấy bốn mươi tiểu kiếp làm một kiếp) thân cao một do-tuần (bốn mươi dặm).

Trời Đại phạm sống một kiếp rưỡi (sáu mươi tiểu kiếp) thân cao một do-tuần rưỡi.

Trời Thiểu quang sống hai đại kiếp (từ đây trở đi đều nói đại kiếp, tức gồm cả Thành Trụ Hoại Không tám trăm bảy mươi tiểu kiếp) thân cao hai do-tuần (từ đây trở đi thân lượng đều theo tuổi thọ).

Trời Vô lượng quang sống bốn đại kiếp, thân cao bốn do-tuần.

Trời Quang âm sống tám đại kiếp, thân cao tám do-tuần.

Trời Thiểu tịnh sống mười sáu đại kiếp, thân cao mười sáu do-tuần.

Trời Vô lượng tịnh sống ba mươi hai đại kiếp, thân cao ba mươi hai do-tuần.

Trời Biến tịnh sống sáu mươi bốn đại kiếp, thân cao sáu mươi bốn do-tuần.

Trời Vô vân sống một trăm hai mươi lăm đại kiếp, thân cao một trăm hai mươi lăm do-tuần (cõi trời này có tuổi thọ và thân giảm bớt ba kiếp ba do-tuần).

Trời Phước sinh sống hai trăm năm mươi đại kiếp, thân cao hai trăm năm mươi do-tuần.

Trời Vô tưởng, trời Quảng quả đều sống năm trăm đại kiếp, thân cao năm trăm do-tuần.

Trời Vô phiền sống một ngàn đại kiếp, thân cao một ngàn do-tuần.

Trời Vô nhiệt sống hai ngàn đại kiếp, thân cao hai ngàn do-tuần.

Trời Thiện kiến sống bốn ngàn đại kiếp, thân cao bốn ngàn do-tuần.

Trời Thiện hiện sống tám ngàn đại kiếp, thân cao tám ngàn do-tuần.

Trời Sắc cứu cánh sống một vạn sáu ngàn đại kiếp, thân cao một vạn sáu ngàn do-tuần (Trường A-hàm, Luận A-tỳ-đàm).

Cả hai trời Hóa lạc và Tha hóa, việc mặc y phục tùy tâm mà lớn nhỏ nặng nhẹ.

Cõi trời Sắc giới không cần mặc y phục, nếu có mặc thì đều giống nhau. Trên đầu không có búi tóc nhưng giống như đội mão trời, không có hình tướng nam, nữ, chỉ có một loại (kinh Khởi Thế, Nhân Bản).

* Về tuổi thọ của trời Vô sắc

Trời Không xứ sống hai vạn kiếp, trời Thức xứ sống bốn vạn kiếp, trời Vô sở hữu xứ sống sáu vạn kiếp, trời Phi phi tưởng xứ sống tám vạn đại kiếp.

Cả ba cõi đều có chết yểu. Chỉ có Bắc châu, trời Đâu-suất, thân sau cùng của Bồ-tát, trời Vô tưởng đều có thọ mạng nhất định, không có chết yểu (theo A-tỳ-đàm). Không xứ có hành định, hành tuệ, mỗi cõi đều một vạn kiếp. Thức xứ có hành định, tuệ mỗi cõi đều hai vạn kiếp. Còn hai địa trên chỉ có hành định có tướng gấp đôi cho nên chỉ sáu vạn, tám vạn (Bà-sa Luận).

Các trời do nghiệp báo sinh ra ánh sáng thân. Các trời cõi Dục lấy đèn đuốc minh châu... bố thí và do trì giới, thiền định thanh tịnh nên thân thường có ánh sáng. Các trời cõi Sắc hành thiền ly dục, tu Tam-muội hóa quang nên thân thường có ánh sáng hơn trời Dục giới. Như ánh sáng thường của Đức Thích-ca mỗi bên một trượng. Ánh sáng các trời rất lớn, tuy vô lượng do-tuần nhưng bên ánh sáng một trượng của Phật thì bị át mất không hiện.

Trời Tứ Thiên vương có bốn màu, xanh, đỏ, vàng, trắng. Các trời Dục giới màu cũng thế. Khi mới sinh nếu thấy hoa xanh thì thân có màu xanh (Trí Luận).

Pháp Uyển nói: Các trời Sắc giới lấy hỷ làm thức ăn. Trời Vô sắc giới lấy ý nghiệp làm thức ăn. Lại nói: Trời Sắc và Vô sắc giới đều lấy Thiền duyệt pháp hỷ làm thức ăn. Các trời Dục giới nào phước dày thì cam lộ đầy ly, trăm vị đều đủ. Kẻ phước mỏng tuy có ăn uống nhưng thường không vừa ý. Nên kinh nói: Thí như các trời cùng ăn uống, tùy phước đức mà màu cơm có khác. Bậc cao thấy màu trắng, bậc trung thấy màu vàng, bậc thấp thấy màu đỏ.

Kinh Y Chánh Pháp Niệm nói: Trời Dạ-ma trở lên đến hết cõi trời Sắc giới thì giàu nghèo đều bằng nhau. Trời Đao-lợi trở xuống thì báo có dày mỏng. Nên Kinh nói: Có trời phước mỏng bị đói chết xuống làm người cõi Diêm-phù thì thích ăn táo chua. Lại nói: Trời Tứ Thiên vương ăn vị Tu-đà trời. Vườn rừng ao vườn đều tự nhiên sinh ra tất cả mùi vị, các trời Dục giới ăn cũng như thế. Chúng sinh nào tu đủ thập thiện thì được quả báo trời Dục giới.

Người nào tu Thập thiện hữu lậu và định tương ứng thì được quả báo trời Sắc giới. Lại người nào có tu định Tứ không thì được báo trời Vô sắc giới (kinh Tam Giới Sai Biệt).

Tứ Vương Đao-lợi, nếu ai riêng tu Thượng phẩm Thập thiện thì

được sinh. Nếu cõi trời Dạ-ma trở lên thì gồm tu định vị đáo vì chưa nhập vào định căn bản (Vị đáo định cũng gọi là định Dục giới. Pháp tu thấy đầy đủ trong Chỉ Quán).

Dạ-ma, Hán gọi là Thiện thời, vì lúc nào cũng ca hát vui sướng.

Đâu-suất, Hán gọi là Tri túc, vì đối cảnh ngũ dục mà sinh hỷ túc.

Hóa lạc là đối với cảnh biến hóa mà tự vui.

Tha hóa là đối với cảnh mình người đều có thể hóa dụng tự tại. Cả bốn trời trên đều ở giữa hư không (Tứ Giáo Nghi Tập Giải).

Dưới trời Phạm thân thì có các cung điện của Ma-la-ba-tuần (kinh Khởi Thế Nhân Bản). Trong hai cõi Dục và Sắc giới riêng có Ma cung. Ma đó lòng ganh ghét cũng như đá mài, mài mòn các công đức. Cung điện ấy rộng sáu ngàn do-tuần, tường cung bảy lớp (kinh Lâu Thán - Đại Luận nói: Ma-la dịch là Đoạt mệnh. Ba-tuần là tên của vua ma. Ngài La-thập nói: Hán dịch là Sát giả vì luôn muốn đoạt dứt tuệ mạng của người. Niết-bàn Sớ rằng: Nương vào Phật pháp mà được thiện lợi, không nghĩ việc báo ân lại muốn giết hại. Phụ Hành nói: Chữ Ma là từ đá. Từ đời Lương Võ Đế đến nay gọi ma là kẻ hay quấy rối người nên đổi lại là quỷ. Kinh Tịnh Danh nói: Phần lớn là Bồ-tát Bất Tư Nghì giải thoát ứng hiện làm Ma vương. Thùy Dục Ký nói: Trên cõi trời thứ sáu riêng có chỗ ở của Ma-la thuộc trời Tha hóa tức là "Ma Thiên tử").

Đại phạm, Hán gọi là Ly Dục, trừ loại bị tội ở dưới đất, ở trên thì bay lên cõi Sắc (Pháp Hoa Sớ). Phạm vương không có chỗ ở riêng, chỉ ở giữa. Trời mà có lầu các cao là đó (Câu-xá Luận).

Đại phạm là vua, Phạm phụ là Quan, Phạm chúng là dân (Pháp Uyển Châu Lâm). Trời Thiểu quang có ánh sáng ít nhất, trời Vô lượng quang thì có ánh sáng hơn cõi trước. Trời Quang âm không có giác quán nói năng, lấy ánh sáng làm lời nói. Lại trời này nói chuyện thì miệng phóng ra ánh sáng. Trời Thiểu tịnh thì bỏ hỷ nhận lạc làm tịnh, chưa bằng ngôi vị trên nên là thiểu. Trời Vô lượng tịnh thì thanh tịnh hơn cõi trước. Trời Biến tịnh thì thanh tịnh cùng khắp, không có lỗi lầm. Trời Vô vân trở xuống cõi Tam thiền đều nương vào đây mà trụ, đến cõi Tứ thiền này thì mới ở giữa hư không (Lăng-nghiêm nói là: Trời Phước sinh). Trời Phước sinh, ai có sức phước thù thắng thì sinh lên đó (Lăng-nghiêm nói trời Phước ái). Trời Vô tưởng, ngoại đạo ở cõi này chỉ nhận một thời gian tâm tưởng không hiện hành, nhận báo năm trăm kiếp vô tâm. Báo hết thì tâm liền nổi tà kiến, kiếp sau đọa địa ngục. Trời Quảng quả có quả báo hơn hết. Vô vân, Phước sinh, Quảng quả ba cõi này là chỗ ở của phàm phu.

Người tu Thượng phẩm Thập thiện, tu thiền thì được sinh lên ba cõi trời Vô phiền, vì không có kiến tư phiền não xen lẫn.

Trời Vô nhiệt vì lìa hết nhiệt não. Trời Thiện kiến vì định chướng dần dần suy yếu, thấy rất sáng suốt. Trời Thiện hiện, vì hình sắc biến đổi thù thắng có thể khéo biến hóa. Trời Sắc cứu cánh, vì sắc pháp cao tột nhất tức là chỗ rốt ráo. Năm cõi trời này gọi là năm Na-hàm (Hán gọi là Bất Lai, là chỗ ở của Thánh nhân quả thứ ba, cũng gọi là Ngũ tịnh cư, Ngũ bất hườn thiên).



忉利天宮之圖

Đồ hình về Đao-lợi Thiên Cung

* Về cõi Vô sắc

Trời Không xứ, vì người tu chán tai họa của lồng sắc, tâm muốn xuất ly, nên tu quán phá ba thứ sắc:

1. Sắc khả kiến khả đối tức mắt thấy sắc trần.

2. Sắc bất khả kiến khả đối, tức thinh trần vị xúc.

3. Sắc bất khả kiến bất khả đối, ý duyên Pháp trần tức sắc vô biểu.

Trời Thức xứ, vì chán sợ hư không vô biên nên tu Quán bỏ cái không ở bên ngoài ở trước mà duyên với thức bên trong. Trời Vô sở hữu xứ thì ngoại cảnh gọi là Không, nội cảnh gọi là Tâm, bỏ hai cảnh này mà vào vô sở hữu.

Trời Phi phi tưởng xứ, tức không phải có tưởng thức xứ, cũng không phải không có tưởng vô sở hữu, bỏ hai thứ có và không mà vào định trên.

Tất cả chúng trời đều nói tiếng của Phật, đó là tiếng vùng Trung Ấn Độ, song không cần học hỏi mà tự nói hiểu (Luận Thuận Chánh Lý).

Có nghiệp sát, đạo, dâm, vọng, nếu sinh làm người thì nhan sắc tiều tụy, không có oai đức. Nếu có các nghiệp khác mà được sinh làm trời (như ở Đao-lợi) thì hình dung giảm kém, các đồ trang nghiêm báu có ánh sáng yết ớt. Thiên nữ đều ghét bỏ, các trời khác chê cười, nếu đánh nhau với A-tu-la tất bị họ giết (kinh Chánh Pháp Niệm).

Các trời khi sắp lâm chung thì năm tướng suy hiện ra:

1. Y phục dơ bẩn.
2. Hoa trên mão bị héo.
3. Hai nách tiết mồ hôi.
4. Thân thể có mùi hôi.
5. Không thích ngồi tòa của mình (luận Tân-bà-sa).

Trong ba mươi hai cõi trời này chỉ có hai cõi là phàm phu ở. Đó là Đại phạm Thiên vương không thấu suốt nghiệp nhân. Nói rằng ta có thể tạo hóa ra tất cả trời đất muôn loài, vì có cao mạn này nên Thánh nhân không cùng ở chung. Còn trời Vô tưởng chỉ có ngoại đạo, do tu định Vô tưởng nên thọ báo vô tâm năm trăm kiếp, hưởng xong thì nổi tà kiến lại bị đọa vào địa ngục, do đó Thánh không sinh trong cõi đó. Có năm cõi chỉ riêng Thánh ở, gọi là Ngũ tịnh cư thiên. Phàm khi sinh vào đó đều tiến lên Hướng Na hàm. Thân được Tứ thiền, liền từ vô lậu mà khởi huân tu thiền nghiệp. Hoặc khởi một phẩm cho đến chín phẩm thì mới được sinh. Kẻ phàm phu không huân tu thiền nghiệp nên không được sinh vào các cõi này. Còn hai mươi lăm cõi trời kia thì Thánh Phàm cùng ở chung (Luận Bà-sa).

Bàn rằng: Luận thân ở cõi Vô sắc. Lúc đầu nói là không có chỗ thì luận Bà-sa nói rằng: Tứ không lìa báo có hình sắc, nhưng không có chỗ riêng, chỉ ở trong hai cõi Dục và Sắc giới mà thành tựu nghiệp Tứ không vô sắc.

Nói là không có thân, thì luận Câu-xá nói rằng: Không sắc không thân. Toản thì nói: Không có sắc nghiệp quả, không phải thân dị thục. Kinh Lăng-nghiêm nói: Trời Tứ không đó thì thân tâm dứt mất, định tánh hiện tiền, không có sắc nghiệp quả. Ngài Cô Sơn giải thích rằng: Không sắc nghiệp quả hiển bày nhưng có sắc định quả. Kế đến nói "có

chỗ” thì Khởi Thế nói rằng: Bội Sắc cứu cánh có không xứ cho đến phi phi tưởng xứ đều gọi là chỗ ở của các trời. Kinh Hoa Nghiêm nói: Tỷ căn của Bồ-tát nghe được mùi hương cung điện ở Vô sắc giới. Nói có thân, thì A-hàm nói rằng: “Khi ngài Xá-lợi-phất mất thì trời Vô sắc khóc lệ rơi như mưa nhẹ mùa Xuân.” Kinh Nhân Vương nêu: Chúng trời Vô sắc. Còn kinh Trung Ấm nói: Như Lai đến cõi Vô sắc chư Thiên lễ bái. Đại Chúng Bộ thí nói: Chỉ không có sắc thô, không phải không có sắc tế. Tịnh Danh Sớ nói: Nếu không hiểu nghĩa giáo thì nói Vô sắc giới là Vô sắc, nếu hiểu nghĩa giáo thì nói Vô sắc giới là có sắc. kinh Niết-bàn nói: Sắc của cõi Vô sắc không phải hàng Thanh văn, Duyên giác biết được. Nay đều nói ở đây là theo nghĩa sau.

Bàn rằng: Luận về chúa trời thì có hai nghĩa chung riêng. Nếu luận chung thì Ma, Phạm ở Dục giới mỗi vị đều có nghĩa chúa. Thích Thiêm nói: Tứ Thiên vương là chúa bốn thiên hạ (đây nói tuần du thưởng phạt là chúa). Đại Luận nói: “Đế Thích làm chúa hai cõi trời (là Tứ Vương và Đao-lợi). Ma vương làm chúa Dục giới (ở trên đảnh Dục giới). Đại Phạm vương làm chúa trời ba cõi.” Tịnh Danh sớ nói: Đế Thích là chúa trời Địa cư còn Phạm vương là chủ thế giới Ta-bà, thống ngự cả đại thiên (thống ngự cả trên dưới). Thiên Nhân Cảm Thông Truyện đáp lời ngài Nam Sơn rằng: Ma vương tuy là chúa Dục giới, nếu Đế Thích, Tứ Vương hành trì Phật pháp thì Ma không thể chế phục được. Diệu Lạc nói: “Phạm tức là chúa cõi Sắc, cũng là Chúa ba cõi, Ma làm chúa cõi Dục.” Phụ Hành nói: Phạm Vương làm Chúa ba cõi, những vị khác là thuộc thần.

Về luận riêng, thì ở đây có ba:

1. Luận riêng về Phạm vương. Văn Cú nói: Phạm vương ở trong Thiền trung gian, trong có Giác Quán, ngoài có nói năng, được chúa thống lãnh làm vương, riêng tu thiền làm Phạm dân, có thêm Tứ vô lượng tâm thì làm chúa. Lại nói: Phạm vương ra hiệu lệnh thống trên quán dưới. Biệt Hành Sớ nói: Phạm tức chúa cõi Sắc tên là Thi-khí. Luận Tỳ-đàm nói: “Cõi Nhị thiền trở lên không có phép nói năng nên không lập vương.” Thiền môn nói: Sơ thiền có Tâm giác quán thì có phép nói năng, làm chúa thống lãnh chúng sinh dưới đất cho tiện.

2. Riêng luận về Ma-hê, thì Đại Luận nói: “Ma-hê-thủ-la có tám cánh tay, ba mắt, cưỡi trâu trắng.” Lại nói: Qua khỏi cõi trời Tịnh cư, có Thập trụ Bồ-tát hiệu Đại Tự Tại là chúa đại thiên giới. Kinh Quán Đảnh nói: “Chữ Đế Oai Linh.” Kinh Hoa Nghiêm nói: Chúa Đại thiên giới là Ma-hê-thủ-la. Niết-bàn Sớ nói: Nếu nói chúa cõi thế gian thì

chín là Ma-hê-thủ-la. Phụ Hành nói: Ma-hê-thủ-la có thể che cả đại thiên được cử làm Thế Tôn coi là gốc tạo hóa.

3. Đối luận về Ma Phạm, Niết-bàn Sớ nói: Ma-hê-thủ-la ở trên đỉnh cõi Sắc làm chúa đại thiên giới. Như trong Pháp Hoa có nêu ra Phạm Thiên Vương là chúa thế giới. Kỳ thật vị này chỉ thống lãnh Tiểu Thiên. Kinh muốn nói tốt nên gọi là chúa mà thôi (Ngài Chương An xét định thế). Còn đây là ở giữa đại thiên nên được làm chúa đại thiên. Dưới bậc này mà không được làm chúa đại thiên Giới thì có đến vạn ức Phạm Vương. Đây là chỗ ở của Phạm Vương Thi-khí, ở chính giữa đại thiên nên gọi là chúa. Còn nơi khác chỗ ở các Phạm bị lệch (không còn chính giữa) nên không được làm chủ. Nên nay dứt khoát rằng: Ma-hê ở trên đỉnh cõi Vô sắc, vì báo thù thắng nên làm chúa, còn Phạm vương ở giữa đại thiên thống ngự nên là chúa.

Bàn rằng: Từ xưa nói về trời mà chưa biết nghĩa Tứ Thiền Bốn địa, do vì các văn quá rườm khó tách riêng. Nay căn cứ vào kinh Nhân Bản, A-tỳ-đàm, Bà-sa Luận... đều dùng tên trời, thứ lớp cao hơn, cách nhau xa xôi nhưng đều có chỗ ở. Các cách lập nghĩa chưa đủ làm bằng. Nay căn cứ vào Câu-xá Luận đã nói: Phạm Thiên không có chỗ ở riêng chỉ ở trong Phạm phụ nơi nào có lầu đài cao là đó. Pháp Uyển cũng nói: Đại phạm là vua, Phạm phụ là Quan, Phạm chúng là dân. Căn cứ vào đây thì ba trời đồng ở Sơ thiền chỉ là một địa mà thôi. Như bộ Tát-bà-đa vì thân và tuổi thọ của hai trời Vô tưởng và Quảng quả giống nhau, vì đồng ở một chỗ. Kinh Lăng-nghiêm nói: Từ trời Phước ái có hai nhánh rẽ: Phước đức tròn sáng thì gọi là trời Quảng quả, còn thân tâm đều diệt mất thì gọi là trời Vô tưởng (hai nhánh rẽ là phân hai loại. Đây đồng với nghĩa Tát-bà, vì đồng một chỗ vậy). Kinh lại nói: Trong đây lại có năm trời Bất hoàn (trong đây chỉ cho Tứ Thiền). Tứ Thiền bốn vị Thiên Vương chỉ có nghe theo mà không thể thấy biết. Như bậc A-la-hán ở đạo tràng thâm sơn của thế gian thì người thô thiển thế gian không thể thấy được. Căn cứ vào đây thì biết chỉ trời Quảng quả mới gọi là vua. Mà ở trong đây có đầy đủ là năm trời Na-hàm, một trời ngoại đạo cùng ở Tứ Thiền, chỉ một địa mà thôi. Tứ Đệ Thiền Môn nói: Trong Nhân Vương Kinh, Phật nói mười tám Phạm cũng nên có dân, có vua khác nhau. Trong Tứ Thiền có Đại tịnh vương. Kinh Anh Lạc nói: Các thiền đều có Phạm vương. Kinh Lăng-nghiêm cũng nói: "Tứ Thiền bốn vị Thiên vương." Kinh Hoa Nghiêm nêu "Chúng có ba mươi chín vị." Trong khoảng Dục giới thì các trời đều xưng vương, Sắc giới thì các Thiền đều xưng vương." Còn các trời khác thì không nêu. Nay biết rõ là

Sơ thiền coi Đại phạm là vương. Mà ba kinh đều nói bốn Thiền đều có vua (ba Kinh: Nhân Vương, Anh Lạc, Lăng-nghiêm), thì biết ba cõi trời Quang âm, Biến Tịnh, Quảng Quả đều có vua, còn các cõi khác thì có nghĩa một quan một dân. Nên nay căn cứ vào ý chỉ các Kinh Đại thừa là Từ Sơ thiền đến Tứ Thiền, lập làm bốn Địa gọi Quảng Quả là vua, Phước Ái là quan, Vô Vân là dân. Còn năm cõi Na-hàm, một cõi ngoại đạo thì ở nhờ trong trời Quảng quả. Cả chín cõi trời trên đều ở trong một địa Tứ Thiền (Nhị Thiền, Tam Thiền cũng theo lệ này). Hoặc vì thân và tuổi thọ ở các trời không đồng, cần phân chỗ ở khác nhau như các kinh luận Tiểu thừa. Song Phạm Vương, Phạm Phụ, Phạm Chúng thì thân và tuổi thọ dài ngắn không bằng nhau. Lại Quảng Quả và Vô Tưởng tuy là năm trăm kiếp, nhưng Quảng-quả thì có chết yểu, mà Vô Tưởng thì nhất định sống trọn quả báo. Do đây mà luận thì tuy thân và tuổi thọ không đồng vẫn không ngại gì đồng chỗ ở. Cũng như người Diêm-phù có người sống lâu cũng có người chết yểu. Vả lại Kinh Hoa Nghiêm nói các Thiên vương đều là Thập địa Bồ-tát, thì đây đều là lấy quyền mà dẫn thật. Ở trong trời mà hóa ra thật báo của trời để khiến họ thoát nghiệp trời mà được xưng vua. Nếu bảo vua mà phải tìm riêng một chỗ ở cùng cách ngăn với các trời khác, thì khi dùng họ làm vua, các cõi trời khác đâu thần phục kính ngưỡng họ. Nếu không luận điều này đâu không trái nghĩa dẫn thật ư? Có kẻ bảo Nhị Thiền trở lên không có phép nói năng (A-tỳ-đàm) thì làm sao giáo hóa được? Song trời Quang âm đã dùng ánh sáng làm tiếng nói, thời biết các trời ở Địa trên, các oai nghi tới lui đâu không phải ngôn giáo. Từ nghĩa này mà suy ra thì không điều gì không được.

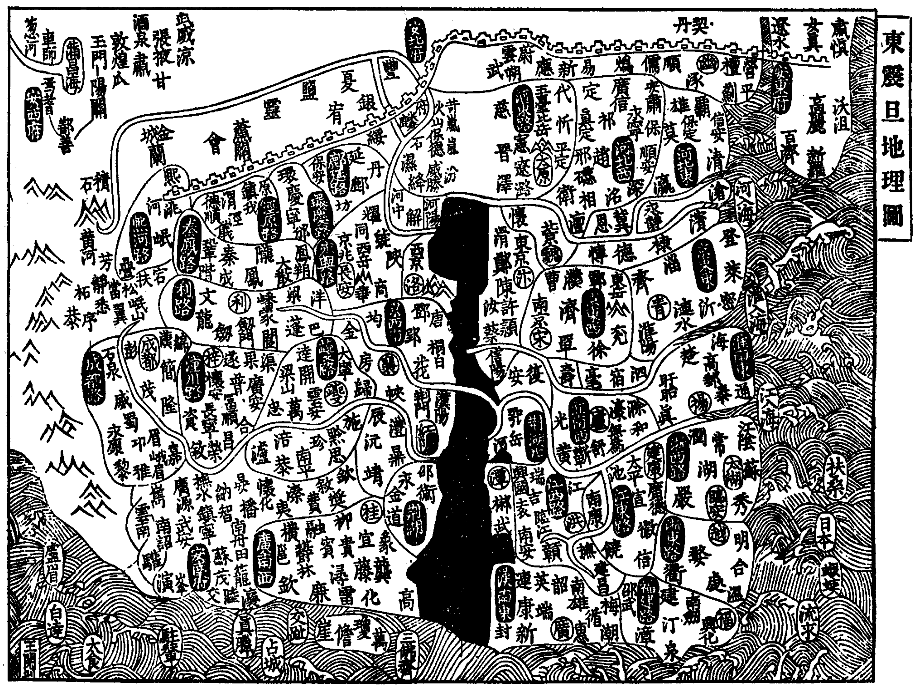
■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 32

PHẦN 2

Đồ hình về địa lý các nước Chấn Đán ở Đông độ



Đồ hình về địa lý các nước Chấn Đán ở Đông độ

Việc chia cắt khu vực thì Đế Khốc có chín châu (là: Ký, Duyện, Thanh, Từ, Dương, Kinh, Dự, Lương, Ung), đến vua Thuấn thì có mười hai châu (lấy đất Ký Châu mở thêm ba châu là Tinh, U, Doanh). Đời Hạ Vũ khi đã trị thủy xong thì phân lại làm chín châu, đến nhà Chu Đại Phong Kiến gồm cả một ngàn tám nước. Đến thời Xuân Thu thì thấy trong Kinh Truyện ghi là có một trăm hai mươi bốn nước. Sau đến thời Chiến Quốc có Thất Hùng gom lại làm Tần trừng trị cái tệ nạn Đại Phong Kiến của nhà Chu, nên bãi bỏ chư hầu đặt lại các Quan thú, phân thiên hạ làm ba mươi sáu Quận và Nam Bình, Bách Việt. Lại đặt bốn Quận là Mân, Trung, Nam Hải, Quế Lâm, Tượng. Hai Nhà Hán chia làm ba mươi Châu mà thống trị (Hán Võ Đế đặt mười ba bộ Thứ Sử), Nhà Tấn chia làm mười chín châu, nhà Đường chia ra mười Đạo, sau thêm mười lăm Đạo. Đặt ra Sứ gồm có ba trăm hai mươi tám Quận Phủ và một ngàn năm trăm bảy mươi ba Huyện. Triều Tống Nguyên Phong ban hành, Lý Đức theo đó soạn ra Cửu Vức Chí, phân làm hai mươi ba Lộ (thấy trong đồ hình) gồm có hai trăm chín mươi lăm Quận và một ngàn một trăm ba mươi mốt Huyện, không kể các Châu Huyện ngoài biên giới.

Thời Hán thịnh trị đất đai ở bốn phía gồm: Đông có Lạc Lãng, Tây có Đôn Hoàng, Nam có Nhật Nam, Bắc có Nhạn Môn, từ Đông sang Tây đến chín ngàn dặm, từ Nam xuống Bắc rộng ba ngàn dặm.

Về Cổ Trường Thành, từ thời Chiến Quốc, nhà Triệu đã xây cất từ Đại Tịnh Âm Sơn đến Cao Khuyết (tên hai châu) để phòng bị Rợ Hồ. Nhà Yên cũng xây thành từ phía Bắc Quy Châu đến Liêu Đông. Tần Thủy Hoàng sai Mông Điềm xây Trường Thành bất đầu từ Lâm Thao vào Cao Ly.

Có bốn nguồn nước, Sông Hoàng Hà xuất phát từ Tích Thạch, Dương Tử Giang xuất phát từ Mân Sơn (ở Huyện Gia Thành thuộc Châu Tòng), sông Hoài xuất phát từ Đồng Bách (Quảng châu), sông Tế xuất phát từ Vương Ốc Sơn (thuộc Châu Mạnh, nay là phủ Hà Dương).

Tam Giang (ba sông) - Từ Dự Chương đi xuống vào Bành Lễ rồi ra Đông mà đến biển thì gọi là Nam Giang. Từ Mân Sơn ở Thục đến Cửu Giang tại Bành Lễ rồi vào Biển thì gọi là Trung Giang. Lại từ Phiên Trũng Đạo Dạng chảy về Đông là ba sông qua đất Hán mở rộng chia ra để vào Giang Hối ở Bành Lễ rồi ra biển thì gọi là Bắc Giang. Từ Bành Lễ trở lên là hai sông, từ Hạ Khẩu trở lên là ba sông, trở xuống đến Mạt Lăng Kinh Khẩu để vào biển thì không phải chỉ là ba sông.

Cửu Hà (chín sông lớn) - Cách Tân Đồ Hãi nay là Câu Bàn Doanh

Châu Thái Sử Hồ Tô nay là Thương Châu, Mã Giáp nay là Tế Châu, Phúc Phủ Giản Khiết mạn không thể khảo cứu, biết được là ở đâu, có thể là ở khoảng Đông Quang Thành Bình và Huyện Cách, do lời nói của Hứa Thương đời Hán mà tìm ra. Đồ Hãi ở Cực Bắc, Cách Tân ở cực Nam. Bởi Đồ Hãi là đường xưa của sông, xuất phát từ phía Đông phân làm tám nhánh, Đời Tề, Tiểu Bạch lấp lại làm một, nay khoảng sông cong lại chảy cao lên về phía Đông. Nay ở Bình Nguyên Cách Tây nhiều nơi còn ghi dấu tích. Bởi ngăn lấp nên tám nhánh đều chảy về Đồ Hãi (Cửu Vức Chí).

Ngũ Nhạc (năm núi) - Trung Nhạc có Tung Sơn ở Lạc Châu (Tây Kinh), Đông Nhạc có Thái Sơn ở Duyện Châu, Nam nhạc có Hành Sơn ở Đàm Châu, Tây Nhạc có Hoa Sơn ở Hoa Châu, Bắc Nhạc có Thường Sơn ở Phủ Chân Định.

Đông Di (Rợ phía Đông) - Xưa Chu Võ Vương phong Cơ Tử ở Triều Tiên. Nhà Hán dẹp bỏ bèn đặt Quận Huyền Thố - Phàm các nước khác thì ở phía Bắc Huyền Thố khoảng ngàn dặm, xưa là uế địa.

Cao Cú Lệ, vua đầu tiên là Chu Mông xuất phát từ giống Phù Dự ở Thăng Cốt Thành. Hiệu Cao Cú Lệ nhân vì họ Cao cách xa Liêu Đông ngàn dặm, phía Nam tiếp giáp với Triều Tiên Uế Mạch, phía Đông tiếp giáp với Ốc Thư, phía Bắc tiếp giáp với Phù Dư, người ở theo núi.

Tam Hoàn:

1. Mã Hàn ở phía Tây có năm mươi bốn nước, phía Bắc giáp Lạc Lãng, phía Nam giáp nước Oa (Nhật Bản).

2. Thần Hàn, ở phía Đông có mười hai nước, phía Bắc giáp Uế Mạch cũng gọi là Tần Hàn, nói là người Tần trốn xâu dịch mà đến nước Hàn.

3. Biện Hàn, ở phía Nam Thần Hàn, có mười hai nước, phía Nam giáp nước Oa. Trong đó Mã Hàn lớn nhất, làm vua cả ba đất Hàn.

Tân La thuộc giống Thần Hàn, ở phía Đông nam Cao Ly, ở tại Lạc Lãng đất Hán, đất đai có nhiều núi non hiểm trở, chữ nghĩa và binh đội giống như Trung Quốc.

Bách Tuế, thuộc nước Mã Hàn ở đất cũ Đái Phương. Xưa lấy tên cũ Bách Gia Tế, phía Đông giáp Tân La Cú Vệ, phía Tây nam đều là biển cả, có Tăng Ni chùa tháp.

Ấp Lâu, xưa là nước Túc Thận, ở phía Đông bắc nước Phù Dư hơn ngàn dặm, phía Bắc không biết đâu là cùng, người phần nhiều có sức mạnh, dùng cây hộ làm tên, dùng đá xanh làm nỏ, khí hậu rất lạnh thường ở trong hang.

Quận Liêu Đông: Nước Đại Liêu ra khỏi quan tái phía Nam thì vào biển đi xa một ngàn hai trăm dặm. Liêu Tây, huyện Linh Chi có thành Cô Trúc là nước cũ của Bá Di.

Oa Quốc (Nhật Bản), ở phía Nam của Bách Tế Tân La, ven biển đến ba ngàn dặm, nương nơi Sơn Đảo mà ở. Đời Hán Ngụy người nói thông tiếng Trung Quốc hơn ba mươi nước, đều xưng vương. Vua Đại Oa ở Tà Ma Đồi. Đất đó ở phía Đông Cối kê, có tục đều xâm mình, tự cho là hậu duệ của Thái Bá. Từ phía Đông Oa Quốc ngàn dặm gọi là nước Câu Nô, phía Nam bốn trăm dặm gọi là nước Chu Nho, người cao ba, bốn thước. Từ nước Chu Nho đi thuyền trong một năm thì đến nước Khỏa Thân, nước Răng Đen.

Oa Quốc (Nhật Bản) lúc đầu thỉnh được kinh Phật ở nước Bá Tế, đời Tùy năm Đại Nghiệp mười ba thì sai sứ triều cống và có đến mấy mươi Sa-môn đến học Phật pháp.

Nước Lưu Cầu ở Hải Đảo, ở ngang phía Đông với Quận Kiến An, đi thuyền năm ngày mới đến. Vua Tùy Dạng Đế sai Trần Lăng đến nước ấy cướp nam nữ rồi trở về.

Hà Di. Lúc Đường Thái Tông sai sứ đến Oa Quốc đều là người Hà Di. Vua Cao Tông bình định nước Cao Ly thì Oa Quốc sai Sứ đến chúc mừng, mới đổi tên là Nhật Bản, cho rằng nước ấy ở phía Đông gần mặt trời được mặt trời sinh ra.

Nước Phù Tang, ở tại Biển Đông. Năm đầu Vĩnh Nguyên đời Tề, tăng Tuệ Thâm đến Kiến khang, nói nước ấy ở phía Đông của Đại Hán ba vạn dặm. Đời Tống năm Đại Minh thứ năm, Sa-môn nước Kế Tân đến nước ấy truyền Phật pháp.

Bắc Địch, thời nhà Chu có Sơn Nhung Hiểm Duẫn, Đời Tần Hán có Hung Nô. Thời Hoàn Linh có Tiên Tri, thời Hậu Ngụy có Nhuyễn Nhuyễn, Tây Ngụy có Đột Khuyết, Đời Đường có Hồi Hột đều là đất cũ của Hung Nô. Đời Đường có giặc Khiết Đơn ở Tòng Mạc Gian. Đến thời Tống thì càng mạnh nên xưng là Đại Liêu. Sau đó Nữ Chân xưng là Đại Kim. Thát Đát xưng là Mông Cổ.

Tây Khương - Là mối lo của thời Tam Đại. Đến thời Tần Hán thì bị đuổi ra ngoài Hà Tái, thời Hán Tuyên Đế là nước Triệu Sung, phá Tiên Lân mà lập Kim Thành. Thuộc quốc lấy đất đem hàng nhà Khương. Thời Đông Hán mấy lần gây rối, Đoàn Quýnh đem quân đánh phá. Đời Ngụy Tấn có nhiều loạn ở Quan Lũng. Sau năm Vĩnh gia lại có Cốc Hồn. Đầu đời Đường giặc Thổ Phồn thôn tính Cốc Hồn, kết bè với rợ Khương nên trở thành cường quốc.

Các nước ở Nam Hải, là Phù Nam, Đơn Đơn, Giao Chỉ, Chân Lạp, Cố Lâm, Đại Thực, Bạch Đạt, Đại Tần, Lô Mi, Vật Tư Lý (theo Đảo Di Tạp Ký). Thời Triều Tống có đến triều cống là các nước: Chiêm Thành, Tam Phật Tế, Bột Ni, Xà Bà, Chú Liễn, Đơn Lưu Mi Bồ Đoan.

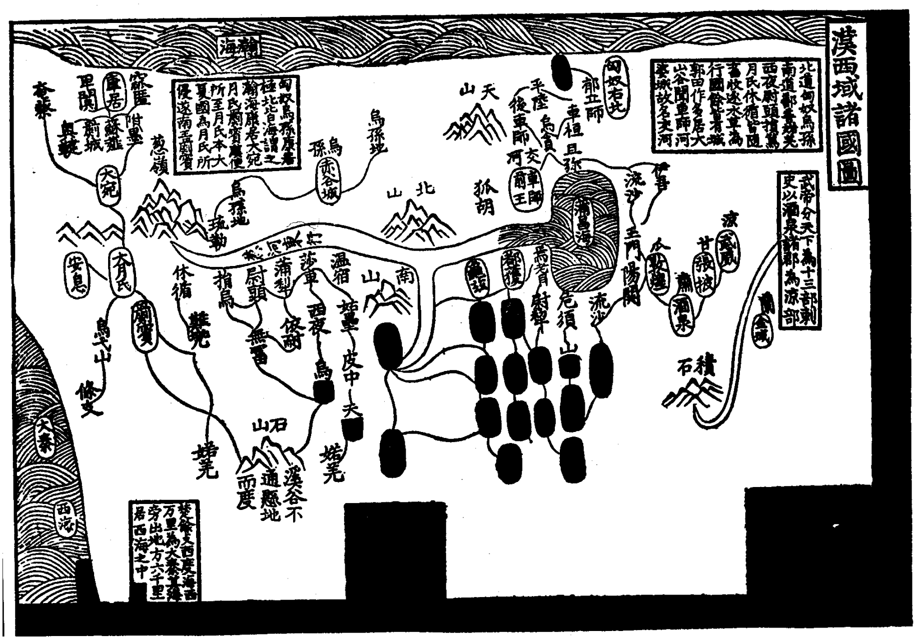
Thời Tùy Dạng Đế, các phiên bang Tây Vức phần nhiều đến Trương Dịch cùng giao thương buôn bán với Trung Quốc. Vua sai Bùi Cự nắm giữ việc này, soạn ra Tây Vức Đồ Ký có nói rằng: Xuất phát từ Đôn Hoàng ra đến Biển Tây có ba (Đạo). Đạo Bắc theo Y Ngô, qua biển Bồ Loại, Thiết Lặc Bộ, Đột Khuyết, Khả Hản (là hiệu Chúa giặc phía Bắc) Đình, sang phía Bắc Lưu Hà Thủy, đến nước Phất Lâm rồi ra biển Tây. Về Đạo giữa thì từ Cao Xương, Yên Kỳ, Quy Tư, Sơ Lặc rồi vượt Thông Lãnh, Bát Hãn, Tô Lặc Sa Na, nước Khang, nước Tào, nước Hà, nước Đại Tiểu An, nước Mục, đến Ba Tư rồi ra biển Tây. Về Đạo Nam thì từ Thiện Thiện, Vu-điền, Chu-câu-ba, Yết-bàn-đà, vượt Thông Lãnh, đến Hộ Mật, Thổ Hỏa La, Ấp Hãn, Phàm Diên, nước Tào đến Bắc Bà-la-môn rồi ra biển Tây. Các nước trong ba Đạo này cũng có các đường riêng giao thông Nam Bắc. Cho nên biết các nước Y Ngô, Cao Xương, Thiện Thiện... đều là cửa ngõ của Tây Vức cùng dẫn đến Đôn Hoàng... Do đó vua đành lòng giao thông với Tây Vức, sai Bùi Cự qua Trương Dịch, dẫn đến có hơn bốn mươi nước Tây Phiên (theo Bùi Cự Truyện đời Tùy).

Cao Xương tức là Xa Sư Tiền Vương Đình (nơi giao nhau của các sông) có núi Tham Ô, mùa Hạ còn chứa tuyết. Phía Bắc núi là cõi Thiết Lặc. Từ Đôn Hoàng đến nước ấy có nhiều sa thích, hoang vắng không có đường đi tắt ngang, muốn qua phải theo dấu hài cốt của người và súc vật mà đi. Hoặc nghe tiếng ca khóc do loài ma quỷ làm ra. Các thương buôn qua lại thường đi đường Y Ngô (Bắc Sử Tây Vức Truyện).

Lời bàn: Nói về cội nguồn cùng tột của trời đất thì không gì bằng kinh Phật. Kinh nói về núi Tu-di và bốn châu đều rộng lớn mênh mông. Đến như cõi Diêm-phù-đề là một châu phía Nam của bốn châu, rộng bảy ngàn do-tuần chu vi khoảng hai mươi tám vạn dặm, lấy một do-tuần bằng bốn mươi dặm mà tính ra. Từ Liêu Đông đi về Tây ra khỏi Dương Quan, vượt qua Thông Lãnh, trải khắp năm Thiên Trúc và tận cùng là biển Tây. Từ Nam Hải đi về hướng Bắc ra khỏi Nhạn Môn, vượt qua sa mạc, đến Hàm Hải ở phía Bắc, ngang dọc đều chín vạn dặm mà người đời ít kẻ biết. Thời nhà Hán bờ cõi rộng lớn vẫn không ra khỏi vạn dặm. Thế nên vừa nghe chuyện này tất không ai tin được. Cần biết phương này ở hướng Đông, Thiên Trúc ở giữa. Từ phương này đi về hướng

Tây thì đến Thiên Trúc là bốn vạn năm ngàn dặm, từ Thiên Trúc đi về hướng Tây thì tận cùng là biển Tây cũng bốn vạn năm ngàn dặm. Như thế thì đất này là phương Đông của cõi Diêm-phù có thể tin vậy. Thế Nho gọi đó là Trung Quốc. Vả lại căn cứ vào đất này tự luận về trung điểm của bốn phương. Nho gia nói đất này chỉ đến vạn dặm thì không biết được rộng lớn của Ngũ Thiên Trúc chạy dài đến biển Tây. Đạo gia nói trời chỉ kịp đến ba cảnh thì không biết đến cái cao xa của Lục dục, Tứ thiền, Tứ không và cái vô cùng của cõi Vô sắc huống lại muốn biết vạn ức núi Tu-di và trời đất của tam thiên ư? Huống lại muốn biết Hoa tạng thế giới kiến lập cùng khắp như Đế võng ư? Thế thì khi luận bàn về cái cùng cực của trời đất nếu không căn cứ vào kinh Phật thì không thể biết được đến chỗ rốt ráo.

Đồ hình về các nước Hán và Tây Vức



Đồ hình về các nước Hán và Tây Vức

Trung tâm Thiệm-bộ châu là ao A-nậu-đạt ở phía Nam Hương sơn và ở phía Bắc Đại Tuyết sơn, châu vi tám trăm dặm. Thập Địa Bồ-tát hóa làm Long vương nằm ẩn trong đất phun nước trong mát cung cấp cho Thiệm-bộ châu. Phía Đông của ao có miệng trâu bạc phun ra sông Khắc-già (Hằng hà), chảy quanh ao một vòng rồi vào biển Đông nam. Mặt Nam của ao có miệng voi vàng phun ra sông Tín Độ, chảy qua ao một vòng rồi vào biển Tây nam. Mặt Tây của ao có miệng ngựa lưu ly phun ra sông Phược Sô, chảy quanh ao một vòng rồi vào biển Đông, Tây, Bắc. Mặt Bắc của ao có miệng sư tử Phả chi phun ra sông Tỷ-đa chảy quanh ao một vòng rồi vào biển Đông bắc. Hoặc nói: Sông ngầm dưới đất phun ra Tích Thạch sơn là nguồn của Sông Đông Hoa (Thiệm-bộ được giải thích thấy ở đồ hình bốn châu chín núi trước. A-nậu-đạt, Hán dịch là Vô nhiệt não, ao này được trang sức bởi bốn báu từ miệng bốn con thú phun ra dòng nước này. Khắc-già, Hán dịch Thiên đường lai. Nói lại là từ trên cao xuống. Tín Độ, Hán dịch là Nghiệm Hà, Phược Sô, Hán dịch là Thanh Hà, Tỷ-đa, Hán dịch là Ngâm Hà, Thiệm-bộ là một tên của Diêm-phù-đề).

Ở gần Cao xương, gọi là nước A-kỳ-ni (có mấy mươi cảnh Già-lam, Hán thư nói thế). Về phía Tây nam chín trăm dặm gọi là Quật Chi (có trăm cảnh Già-lam, xưa gọi là nước Quy Tư, tức Khâu Từ). Cách Tây nam sáu trăm dặm gọi là Bạt-lục-ca (xưa gọi là Cô Mặc), cách Tây bắc sáu trăm dặm thì đến Lăng Sơn. Phía Bắc cao nguyên Thông Lãnh đi bốn trăm dặm thì đến Thanh Trì, đi về phía Bắc năm trăm dặm là thành Tố diệp thủy, bốn trăm dặm về phía Tây là Thiên Tuyền, mặt Nam ngó về Tuyết Sơn, ba phía kia là đất bằng, dân Đột Khuyết thường đến đây trốn nắng. Phía Tây thì đến Đát-la-tư, Tây nam là Bạch Thủy, cũng Tây nam là thành Cung ngự, phía Nam là Nô Xích Kiện, phía Tây có Thạch quốc, Tây Tốt-đổ-lợi. Tây bắc có Khang quốc. Phía Nam đến Mễ quốc, phía Bắc đến Tào quốc, phía Tây đến Hà quốc rồi Tây Đông An, Tây Trung An, phía Tây thì đến Tây An, Tây nam là Hóa Lợi.

Từ Khang quốc đi về phía Tây nam thì đến Sử quốc, phía Đông nam thì vào Thiết Môn, phía Nam ra đến Đổ hóa la (tức trước đây dẫn theo Tùy Thư là Thổ hỏa la). Phía Đông có Thông Lãnh chận ngang, Tây giáp Ba thích tư, phía Nam nhìn vào Tuyết sơn, phía Bắc dựa vào Thiết Môn.

Theo dòng Phược sô lên phía Bắc thì đến Đát mật, sang Đông thì đến Xích-ngạc-diễn, lại đi về phía Đông thì gặp Hốt-lộ-ma, cũng phía Đông thì đến Du man. Đi về phía Tây nam tới sông rối đến Cúc hòa

diễn, cũng phía Đông thì đến Hoạch sa. Lại về phía Đông thì đến Kha-đốt-la, phía Đông giáp với Thông Lãnh rồi đến Câu-me- đà, phía Nam thì đến Thi-khí-đà, sang sông thì đến Đạt-ma-đế.

Từ Hoạt quốc đi về phía Đông nam thì đến Khoát-tất-đa, về phía Tây thì đến Phược-già-lãng, về phía Nam thì đến Hốt-lợi-kiện, phía Tây nam là Hốt bẩm, phía Đông thì đến Phược hát, phía Bắc đến sông. Có trăm cảnh Già-lam, người gọi là thành Tiểu Vương xá. Từ đây đi về phía Tây nam thì vào Tuyết sơn rồi đến Nhuệ-mạt-đà, cũng phía Tây nam thì đến Hồ thật kiện, phía Tây bắc thì đến Đát thích kiện, từ Phược hát về Nam thì đến Yết chức. Đi về phía Đông nam thì vào Đại Tuyết sơn rồi đến Phạm diễn na (nơi đây có tượng Phật nằm dài một ngàn thước, có y thai sinh chín điều của Tổ Thương na-hòa-tu vẫn còn). Phía Đông vượt Hắc Lãnh thì đến Ca-tất-thí (phía Bắc ngó vào Tuyết sơn có cả mấy trăm cảnh Già-lam). Phía Đông thì vào Bắc Ấn Độ rồi đến Lam ba, về Đông thì đến Kiện-đa-la (có tháp lớn cao năm trăm thước. Thời Nguyên Ngụy Hồ Thái hậu sai sứ đem đại phan năm trăm thước đến cắm vào chân vừa chấm đất), về Nam thì đến Na-yết-hát (Bắc Ấn Độ), về Bắc thì đến Ô-trượng-na (Thích Chủng bị vua chém, Hán gọi là vườn Luân vương xưa, Tăng có đến vạn người). Về Đông thì đến Bát-lộ-la (trong Đại Tuyết Sơn), về Nam thì sang sông Tín Độ đến Thát-xoa-la, về Đông nam thì đến Tăng-ha-bổ, cũng Đông nam thì đến Ô-thứ-thi, về Đông nam là đến Ca-thấp-di -la (xưa gọi là Kế Tân có trăm cảnh Già-lam), ở Đông nam thì đến Hạt-xà-la, phía Nam thì đến Kiệt-la, phía Đông thì đến Na-bộc-để, về Đông bắc thì đến Xà-lan-đạt, phía Đông bắc lại đến Quật-lộ-đa, phía Bắc thì đến Lạc-hộ-la. Lại phía Bắc thì đến Mạt-la-bà.

Từ Quật lộ đa về phía Nam đến Thiết-đa-lô (các miền trên đều là Bắc Ấn Độ), về phía Tây nam thì đến Ba-lí-đát (từ đây là Trung Ấn Độ), về phía Đông thì đến Mạt-thổ-la (thạch thất là Phường đúc chỗ ngài Cúc-đa độ người), phía Đông bắc thì đến Thấp-phạt-la, phía Đông bắc thì đến Tốt-lộc-na (phía Đông đến sông Khắc già), phía Đông sang sông thì đến Mạt-để-la, phía Bắc đến Bà-la-bổ (đây thuộc Bắc Ấn), về phía Bắc trong núi Tuyết sơn có nước Kim Thị (Nữ làm vua, chồng cũng làm vua nhưng không biết chính sự, phía Đông nước này giáp Thổ Phồn, Bắc giáp Vu-điền, Tây giáp Mạt-la-bà).

Từ Mạt-để-la, phía Đông đến Cù-tì-sương, phía Đông nam thì đến Hê đát (là chỗ Phật nói pháp cho Văn Lân Long vương bảy ngày). Phía Nam sang sông Khắc già thì đến Tì-la-cang, phía Đông nam đến Kiếp-

bi-tha (Phật nói pháp cho mẹ ở cung trời Đao-lợi, là nơi Đế Thích dâng cúng thềm báu ba đường), phía Tây bắc thì đến Thành Khúc Nữ, phía Đông nam sang sông Khắc già thì đến A-Du đà, phía Đông đến A-na-mục, phía Đông nam đến Bát-la-na, phía Tây nam đến Câu-thiểm-di, phía Bắc đến Tỳ-sách-ca, phía Đông bắc đến nước Xá-vệ (phía Nam thành năm dặm là Vườn Cấp cô độc, phía Đông nam thì đến Ca-tỳ-la Vệ (nơi Phật sinh, điện vua Tịnh Phạn, điện Ma-gia phu nhân, nơi Bồ-tát giáng thai và lập Tinh xá, Phật trở về nước nơi mình sinh ra, lúc đó ở Già-lam Ni-cu-lô), Phật nhận Kim lũ Ca-sa của Di mẫu, độ cho tám vị Vương tử và năm trăm người họ Thích). Phía Đông bắc thì đến Câu-thi-na (rừng Ta-la nơi Phật diệt độ), phía Tây nam đến Ba-la-nại (nơi Lộc Uyển chuyển pháp luân, gần đó có chùa Chi-na, quốc vương vì Tăng chúng Đại Đường mà tạo ra Chi-na, Hán gọi là Đại Đường).

Thuận theo sông Khắc già về Đông bắc thì đến Tỳ-gia-ly (xưa gọi là Tỳ-xá-ly, có phương trượng Duy-ma), về Đông bắc đến Phất lật-thị (thuộc Bắc Ấn), về phía Tây bắc thì đến Ni-ba-la (phía Bắc nước này là phía Đông của nước Nữ, giáp với Thổ Phồn. Người đến đều bắt phải trở về từ nước này. Đường và Phạm cách nhau vạn dặm. Từ xưa coi đường này xa xôi nên thành hiểm trở).

Từ Tỳ-gia-ly về phía Nam sang sông Khắc già thì đến Ma-kiệt-đề (lại gọi là Ma-già Đà, thuộc Trung Ấn Độ, thành Vương xá ở trong nước này. Thành Hoa Thị ở bờ Nam của Sông, về phía Tây nam qua sông Ni Liên thuyền tức thành Già da, phía Tây thành sáu dặm là núi Già da, tục gọi là Linh sơn, phía Tây nam có cây Bồ-đề nơi Phật thành đạo. Cây cao năm trượng, chu vi năm trăm bước, trong có tòa Kim Cang, có ngàn Phật ngồi nhập định Kim Cang. Có Già-lam Kê Viên do vua Vô Ưu lập ra thường cúng dường cả ngàn Tăng. Có chùa Na-lan-đà do năm vua cùng lập, Tăng đồ đến mấy ngàn đều là bậc học cao tài giỏi). Phía Đông đến Chiêm-ba, lại phía Đông đến Yết-chu-kỳ, cũng phía Đông qua sông Khắc già thì đến Bôn-na-phạt (từ trên đều là Trung Ấn Độ). Về phía Đông thì đến Ca-ma-lũ (nước này đã trải ngàn đời đến nay không tin Phật pháp, phía Đông nước này thì núi đồi liên tiếp, đi suốt hai tháng có thể đến phía Tây nam nước Thục). Về phía Nam thì đến Tam-ma-đát (Đông Ấn). Về phía Đông bắc bờ biển lớn thì đến Thất-lợi-la, phía Đông nam góc biển lớn lại đến Ca-ma-lãng. Phía Đông thì đến Đọa-la-bát. Lại về Đông thì đến Y-thường-bổ, cũng phía Đông thì đến Ma-ha Chiêm ba (tức Lâm Ấp phương này). Lại về phía Tây nam thì đến Diêm Ma Na (đường sáu nước này hiểm trở không đến được).

Từ Tam-ma-đát về phía Tây thì đến Chẩm-ma-lập-để (đất phía Đông là bờ Biển), phía Tây bắc thì đến Yết-la-thích, phía Tây nam thì đến Ô trà (phía Đông nam đến biển lớn có thành, kẻ buôn bán trên biển thường vào đó nghỉ ngơi. Phía Nam cách nước Sư tử hai vạn dặm, trời yên đêm nhìn thấy trên Tháp Răng Phật nước này có viên minh châu sáng như đuốc lớn). Về phía Tây nam thì đến cung Ngự Đà (các miền trên đều là Trung Ấn, ở sát bờ biển đều không tin Phật pháp). Ở phía Tây nam thì đến Yết-lăng-già (Nam Ấn), phía Tây bắc là Kiều-tát-la (Quốc Vương Trung Ấn tên là Dẫn Chính vì Long Mãnh mà lập Già-lam chiêu tập cả ngàn Tăng, chỉ muối ăn của công nhân mà phải trả đến chín ức đồng tiền vàng). Phía Nam là đến Án-đạt-la (từ đây trở đi là Nam Ấn). Phía Nam thì đến Đa-la-yết, phía Tây nam thì đến Chu-lợi-đa, phía Nam là Đạt la-tỳ, cũng phía Nam là đến Mạt-la-cự (phía Nam bờ biển có núi Mạt-thích-gia, phía Đông núi này có núi Bố-đát-lạc-ca. Trên đỉnh núi có ao, bên ao có Thạch Thiên Cung. Đức Quán Tự Tại Bồ-tát đến du ngự ở đây, có kẻ muốn thấy được thì lội nước lên núi), phía Đông nam là đến nước Chấp Sư Tử (đây không phải là đất Ấn Độ - Có Tịnh Xá Răng Phật, trên có xây trụ cao và đặt một Bảo châu lớn như ngôi sao sáng. Bên cung vua có lập nhà bếp lớn, mỗi ngày nấu ăn cho cả một vạn tám ngàn Tăng, tới giờ ăn mang bát đến thọ nhận rồi trở về chỗ mình. Từ khi có Phật giáo thì có lệ cúng dường này).

Từ đạt-la-tỳ về phía Đông thì đến Cung Kiện Bổ (là đất Nam Ấn có rừng cây Đa-la. Lá nó dài rộng các nước viết sách đều hái lá mà dùng), phía Tây bắc thì đến Ma-la-thích, phía Tây thì là Bạt-lộc-bà (làm nghề biển và nấu muối). Về phía Tây bắc thì đến Ma-lạp-bà (thuộc đất năm nước Ấn Độ, có hai nước rất trọng việc học là phía Tây nam có Ma-lạp-bà, phía Đông Bắc có Ma-kiệt-đà, danh Tăng rất thạnh hành, phía Nam nước này là biển). Về phía Tây bắc là A-tra-lý.

Từ Ma-lạp-bà đi về phía Tây bắc là đến Khiết Tra, cũng phía Bắc là Phạt-lạp-tỳ (từ trên là Nam Ấn). Về phía Tây bắc là Bổ La (từ đây là Tây Ấn).

Từ Phạt-lạp-tỳ, về phía Bắc là đến Cù-chiết-la (Tây Ấn), về Đông nam là Ô-xà-diễn (Nam Ấn), về Đông bắc là Trịnh-chỉ-đà (Nam Ấn), về phía Bắc là Ma-hê-bổ (Trung Ấn).

Từ Cù-chiết-la, về phía Bắc qua sông Tín Độ thì đến nước Tín Độ (Tây Ấn), về phía Đông sang bờ sông thì đến Miệt-la-bộ (Tấy Ấn), về Đông bắc thì đến Bát-Phạt-đa (Bắc Ấn).

Từ nước Tín Độ, về phía Tây nam thì đến A-mặc-xí (Tây Ấn gần

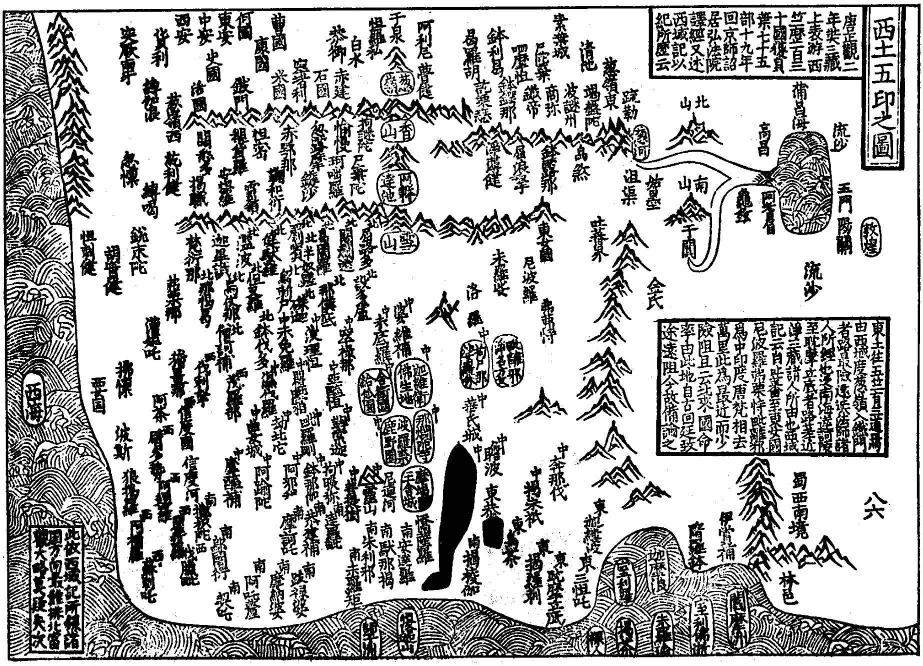
biển lớn), về phía Tây thì đến Lang-yết-la (Tây Ấn, Bờ biển lớn), về Tây bắc thì đến Ba Tư (đất Bắc Ấn Độ), về Tây bắc thì đến Phất Bẩm (Thanh Sử là Phất Lâm), về Tây nam thì đến nước Hải Đảo Tây Nữ (đều là người Nữ, Phất Bẩm thiếu đàn ông, cưới người Nam thì không đẻ).

Từ A-mặc-xí, về phía Bắc là đến Tý-đa-thế (Tây Ấn), về Đông bắc thì đến A-trà (Tây Ấn), về phía Đông bắc thì đến Phạt-thích-noa (Tây Ấn, thuộc Ca Tất Thí), về Tây thì đến Khể-cương-na, phía Tây bắc ra khỏi đất Ấn Độ thì đến Tào-cự-tra, về phía Bắc là Phất-lật-na, về phía Đông bắc là Đại Tuyết Sơn Trì na Đại Lãnh. Trong Thiêm Bộ thì ngọn núi này đặc biệt cao nhất, dưới núi là An-đát-la (thuộc Đột Khuyết), phía Tây bắc là Khoát-tất-đa (thuộc Đột Khuyết), về phía Tây bắc là Hoạt quốc (thuộc Đột Khuyết, chủ quản các nước nhỏ từ Thiết môn trở về Nam. Từ đây đi về Đông là vào Thông Lãnh. Ngọn núi này ở trong Thiệm Bộ, Nam giáp Đại Tuyết Sơn, phía Bắc đến biển nóng Thiên Tuyền, Tây đến Hoạt quốc, Đông đến nước Ô sát, bốn phương mỗi nơi có đến mấy ngàn dặm, núi non đến mấy trăm lớp, tuyết luôn bao phủ, gió rất lạnh núi đồi xanh ngắt, nên lấy đó làm tên. Phía Đông đến Tào Kiện (thuộc Đột Khuyết), Bắc đến A-lợi-ni, Đông đến Hạt-la-hồ.

Từ Tào Kiện, thì Đông đến Hất-lật-bí, Đông bắc đến Bát-lợi-hạt.

Từ Hất-lật-bí, thì Đông đến Tứ-ma-đát, Tây đến Bát-ngạc-na, Đông nam đến Dâm-bác-kiện, Đông nam đến Quật-lãng-noa, Đông bắc đến Thiết Đế, Bắc đến Thi-khí Đà Việt Thiết Đế Đại Sơn, Nam đến Thương Di, Đông bắc đến sông Ba Mê (từ Đông sang Tây một ngàn dặm). Nam đến Bát-lộ-la. Từ sông lên núi thì đến Yết-bàn-đà. Dưới Thông Lãnh ở phía Đông thì đến Ô sát, Tây bắc đến Khư sa (xưa gọi là Sơ Lặc), Đông nam đến Thư Cừ (kinh điển ở đây rất thịnh). Đông đến Vu-điền, Đông vào Sa Thích rồi đến thành Ni Hoại là quan ải của Đất phía Đông. Lại phía Đông vào Sa mạc lớn. Cát này theo gió khi tụ khi tan, người thường bị lạc, nên người qua lại phải gom hài cốt để ghi nhớ. Phía Đông đến Thả Mạt, Đông bắc đến đất cũ Lâu Lan (tức nước Thiện Thiện).

Đồ hình về năm nước Ấn Độ ở Tây Vức



Đồ hình về năm nước Ấn Độ ở Tây Vức

Ấn Độ là tên chính thức của Thiên Trúc (Hán gọi là Nguyệt), phía Bắc dựa lưng vào Tuyết Sơn, ba phía kia là biển cả. Có Địa hình phía Nam hẹp như trăng thượng huyền, sông bằng, đất rộng, chu vi chín vạn dặm hơn bảy ngàn thành đều ở trong đó, hết cả ba bờ biển đều do một vua cai trị (theo Tây Vức Ký của Đường Huyền Trang Tam tạng).

Kinh Quang Minh nói Ấn Độ có tám vạn bốn ngàn thành ấp xóm làng.

Kinh Nhân Vương nói có mười sáu nước lớn, năm trăm nước vừa, mười vạn nước nhỏ.

Kinh Lăng-nghiêm nói có cõi Diêm-phù-đề có hai ngàn ba trăm nước lớn.

Kinh Lâu Thán nói từ Thông Hà trở về Đông là Chấn Đán, Đường Ngạn Tông Pháp sư nói rằng: Từ Thông Lãnh trở về Tây đều thuộc về giống người Phạm. Từ Thiết Môn sang phía Tả đều là quê hương của

người Hồ (có chỉ vua cho năm Thiên Trúc đều là nước Hồ, sách Phạm gọi là Hồ Kinh, Phạm Tăng gọi là Hồ Tăng, đó là lầm lớn). Ngài Đường Nghĩa Tịnh Tam tạng, năm Hàm Đình thứ hai, từ Phiên Ngung đã ngồi thuyền buồm (Phổ Phồn Ngu nay là Quảng châu) đi về phía Tây đến Ha Lăng, kế đến Thất-lợi-phật- thệ, sang Mạt-la-du, rồi tới Yết trà, lại đi suốt mười ngày về phương Bắc thì đến Khỏa Nhân (ở phía Tây nam nước Thục cả nam nữ đều khỏa thân), đi năm ngày đường thủy thì đến Chẩm-ma-lập- để (Cửa khẩu Đông Ấn, nơi lên thuyền trở về Đường). Chính hướng Tây là nước Mô ha Bồ-đề (tức Ma-kiệt-đề), chùa Na-lan-đà có đến bảy mươi dịch trạm (cũng gọi là Chẩm Ma, cách Mô Ha mười ngày đường thủy). Đến Na-lan-đà lễ Tháp Căn Bản, đến núi Kỳ-đà -Quật xem chỗ Điệp Y ở chùa Đại Giác lễ Chân tượng (tức tòa Kim Cang tại Bồ-đề đạo tràng). Lại đến Câu-thi Phương Trượng, vườn Lộc Uyển, núi Kê Lãnh khắp lễ Thánh tích. Ở Na-lan-đà mười năm thỉnh kinh trở về Chẩm-ma-lập-để rồi lên thuyền sang Yết-trà, đem kinh Phật gởi tại Phật Thệ và viết "Nam Hải Ký Quy Truyện, Cầu Pháp Cao Tăng Truyện." Năm đầu Vĩnh Xương thì trở về Quảng Phủ. Mùa Đông năm ấy lại ngồi thuyền đến Phật Thệ ở ba năm. Đến năm Chứng Thánh một thì trở về Lạc Kinh để dịch kinh.

Lời bàn: Về phía Tây của châu Thiệm-bộ chính là năm nước Ấn Độ, Phi Hành Luân vương trị vì chính là giống Phạm Thiên. Phía Đông là nước Chấn Đán do Hoàng đế nhà Chu cai trị theo Khổng Giáo, đây là một nước quân tử. Phía Bắc là giống Địch, quê hương của Hiểm Duẫn, Hung Nô và người Hồ, vì đất đai bờ cõi phân khác, không phải chỉ vua gọi Phạm là Hồ rồi tự lẫn lộn. Như xưa gọi Hồ Quý, Hồ Kinh, Hồ Hán, Lão Hồ... đều là lời nói không căn cứ không nên dùng.

Các kinh nói về số thành và nước không nhất định, là do xưa nay họp lại tách ra không đồng. Như ở phương này thời Nhà Chu có một ngàn tám trăm nước, thời Xuân Thu còn hơn bảy mươi nước, thời Tần có bảy nước, thời Ngụy có ba nước, thời Tấn lại đến mười sáu nước, ấy là chia ra họp vào không đồng, nên nước không phải một, nhưng đất đai chỉ là một cảnh.

Lại các Kinh Hoa - Phạm không đồng nhau. Như ngài La-thập gọi là Hằng hà, ngài Huyền Trang gọi là Khắc già, ngài La-thập gọi là Tu-di, ngài Huyền Trang gọi là Tô-mê-lô. Rồi bảo ngài La-thập là sai, lời nói này chưa đủ đúng. Vả lại các Sa-môn cầu pháp hỏi là tiếng thổ âm ở Kinh đô hoặc ngoài biên giới không đồng nhau, xưa nay có khác mà chỉ diễn dịch nghĩa thật thì chỉ có một. Như cõi này, tiếng nói miền

Nam miền Bắc, tên xứ tên vật mỗi nơi mỗi khác. Lại như cõi này là một nước Chấn Đán duy nhất mà lại gọi đủ các hiệu Chu, Tần, Hán, Tấn khác nhau, đâu thể định được xưa nay phải trái? Nếu biết ý này thì dù Hoa Phạm không đồng vẫn tụ hiểu được.

NÓI VỀ ĐỊA NGỤC

Luận Tân-bà-sa nói: Từ Nam Thiệm châu xuống đến các địa ngục Vô gián cộng chung là bốn vạn do-tuần, trên hẹp dưới rộng như đồng lúa.

Luận Tát-bà-đa nói: Ở dưới Nam Thiệm châu có lớp đất bùn dày năm trăm do-tuần, lớp đất sét trắng dày năm trăm do-tuần. Tứ Đẳng Hoạt đến Cực Nhiệt bảy ngục tổng cộng cao một vạn chín ngàn do-tuần, mỗi tầng rộng một vạn do-tuần, ngục Vô gián cao rộng hai vạn do-tuần.

Luận A-tỳ-đàm nói: Ngục Đẳng hoạt sống năm trăm tuổi, Ngục Hắc thằng sống một ngàn tuổi, ngục Chúng hợp sống hai ngàn tuổi, ngục Hào khiếu sống bốn ngàn tuổi, ngục Đại khiếu sống tám ngàn tuổi, ngục Viêm nhiệt sống một vạn sáu ngàn tuổi, ngục Cực nhiệt sống nửa kiếp, ngục Vô gián sống một kiếp.

Câu-xá Luận nói: Một ngày đêm ở ngục Đẳng hoạt bằng năm trăm năm của tứ Thiên Vương. Tuần tự đến ngục Viêm Nhiệt, một ngày đêm ngục này bằng một vạn sáu ngàn năm của trời Tha hóa (các ngục khác tuần tự suy theo đây).

Luận Thành Thật nói: Năm địa ngục Vô gián:

1. Thú quả vô gián, bỏ thân này liền sinh vào ngục đó.
2. Khổ vô gián, ở trong đó không có chút vui.
3. Thời vô gián, nhất định là một kiếp.
4. Mạng vô gián, ở trong đó sống hoài không chết.
5. Hình vô gián, địa ngục này ngang rộng tám vạn do-tuần, một người cũng đầy mà nhiều người cũng đầy (nhiều luận nói rộng hai vạn do-tuần).

Luận Tân-bà-sa nói: Có tám địa ngục Nóng. Mỗi địa ngục có bốn cửa, ở ngoài mỗi cửa có bốn ngục Du Tăng. Vì các loài hữu tình vào đây khổ tăng rất nhiều lần. Loài hữu tình địa ngục có hình dáng giống người.

Kinh Chánh Pháp Niệm nói: A-tỳ địa ngục khổ gấp ngàn lần hơn bảy địa ngục trên.

Đồ hình bốn cửa và mười sáu ngục Du Tăng

Ngục tốt hô: Gió lạnh nổi lên thì tất cả đều sống dậy và chịu khổ lâu dài. Chịu khổ xong bất giác chuyển sang địa ngục Hắc sa (cát đen) rồi đến ngục Phất thỉ (cứt đái sôi sụt).

1. Hắc sa (cát đen): Gió thổi cát nóng đốt da thấu xương.

2. Phất thỉ (phân sôi): Phân sôi hoàn sắt đỏ đem nhét vào miệng.

3. Thiết đinh (Đinh sắt): Nằm trên đinh nóng, đinh sắt đóng khắp mình.

4. Tiêu khát: Ngã nhào trên đống sắt nóng, chế nước đồng sôi vào miệng.

5. Cơ ngạ (đói khát): Nằm trên sắt nóng, hoàn sắt nóng nhét miệng.

6. Đồng phúc: Ngục tốt bắt người ném vào vạc đồng sôi.

7. Đa phúc: Móc sắt treo lên để nhiều lần vào vạc đồng sôi.

8. Thạch ma (đá mài): Té nằm trên đá, đá mài mài thân.

9. Nùng huyết (máu mủ): Máu mủ sôi sục, chạy nhảy trong đó.

10. Lượng hỏa (đong lửa): Cầm đấu sắt nóng, tay lường đống lửa.

11. Khôi hà (sông tro nóng): Tro nóng nước sôi, chìm ngập trong đó.

12. Thiết hoàn (hoàn sắt nóng): Nắm hoàn sắt nóng, cả mình cháy đỏ.

13. Cân phủ (búa rìu): Té nằm trên sắt nóng, búa rìu chặt nát thân.

14. Sài lang: Có bầy sài lang cắn xé ăn nuốt.

15. Kiếm thọ (rừng gươm): Gió thổi rừng gươm lá nhọn đâm thân.

16. Hàn băng: Gió lạnh thổi thân đau khổ kêu thét. Sau đó mới chết.

VỀ TÁM NGỤC LẠNH

1. Ngục Át-phù-đà.
2. Ngục Ni-lại-đà.
3. Ngục A-tra-tra.
4. Ngục A-ba-ba.
5. Ngục Âu-hầu.
6. Ngục Uất-ba-la.

7. Ngục Ba-đầu-ma.

8. Ngục Phân-đà-lợi.

Tám địa ngục này ở dưới đáy núi Thiết vi, ở đó ngóng lên trên chịu khổ lạnh lẽo (kinh Tam Pháp Độ). Tuổi thọ ở ngục Át-phù-đà: Như có cái hộc đong lúa thóc của nước Kiều-tát-la, đong đầy hai mươi hộc hạt mè, có một người đàn ông cứ hết một trăm năm đến lấy một hạt, khi lấy hết số hạt mè của hai mươi hộc ấy là một kiếp sống ở ngục đó. Lại hai mươi kiếp sống của ngục Át-phù-đà thì bằng tuổi thọ một kiếp sống ở ngục Ni-lại-đà. Các ngục khác cứ tuần tự chuẩn theo trên mà tính (kinh Khởi Thế Nhân Bản).

Về Nê-lê-da, Hán gọi là Phi đạo, là hạng thấp kém nhất ở Dục giới (Luận A-tỳ-đàm). Về Nại-lạc-ca, Hán gọi là Ác nhân (Luận Tân-bà-sa). Người tạo ra các hạnh lành dữ, nó theo người như bóng theo thân. Người chết chỉ mất thân mà hạnh kia không mất. Cũng như ban đêm đốt lửa viết chữ, lửa tắt nhưng chữ vẫn còn, khi có lửa thì chữ lại hiện ra. Hạnh làm đời này đời sau sẽ thành (kinh Na Tiên Tỳ-kheo Sở Vấn).

Về địa ngục, có ba thứ:

1. Địa ngục Nóng.

2. Địa ngục Lạnh.

3. Địa ngục Bên.

I. Về địa ngục nóng: có tám địa ngục:

1. Gọi là Đẳng hoạt: Tay tội nhân mọc ra móng sắt rồi cào cấu nhau đến rớt thịt. Hoặc ngục tốt hô "sinh", hoặc gió lạnh thổi lên khiến sống lại. hai cách này tuy khác nhau nhưng làm cho sống lại giống nhau. Người chịu hết khổ này rồi lại sinh đến ngục Hắc sa, rồi đến Ngục Phất Thỉ... và lần lượt đến ngục Hàn băng. Sau đó mới chết. Do thân khẩu ý tạo nghiệp bất thiện nên đọa vào ngục này. Mỗi mỗi ngục lớn, lại có mười sáu ngục nhỏ vây quanh (tức luận Bà-sa gọi là mười sáu Ngục Du Tăng).

2. Ngục Hắc thằng: Lấy dây sắt nóng đo cột thân thể rồi sau đó mới cưa cắt, chịu khổ này rất lâu, hết rồi bèn đến Ngục Hắc Sa, rồi đến Ngục Hàn Băng. Sau đó mới chết. Căn cứ theo trước mà chịu khổ dữ dằn hơn. Đây là do ác ý đối với cha mẹ và hàng Thanh văn mà bị đọa vào ngục này.

3. Ngục Chúng hợp: Có rất nhiều khổ cụ, đốt cháy nóng dữ dội cùng đến hành hạ (các thứ khác giống y theo trước). Do tạo ba ác nghiệp

mà đọa vào ngục này.

4. Ngục Khiếu hoán: Ngục tốt bắt người ném vào vạt sắt sôi sục, nên kêu thét. Do ôm lòng giận dữ độc hại mà đọa vào ngục này.

5. Ngục Đại khiếu hoán: Bị để trong vạc sắt sôi nên kêu thét lớn. Do quen tà kiến và ác hạnh mà đọa vào địa ngục này.

6. Ngục Viêm nhiệt: Bị nhốt trong thành sắt rồi nổi lửa nung đốt. Do vì đốt nướng chúng sinh mà đọa vào ngục này.

7. Ngục Cực nhiệt: Bị nhốt trong thành sắt, rồi nổi lửa dữ mà nung đốt. Do làm các hạnh ác mà bị đọa vào ngục này.

8. Ngục Vô gián (tiếng Phạm là A-tỳ): Ngục tốt lột da, trói thân bỏ trên xe lửa, muôn khổ đều có đủ. Vì tạo nhiều trọng tội mà đọa vào ngục này (ngũ nghịch, thập ác - Từ trên đều tham khảo Văn của Trường A-hàm).

Tám địa ngục này ở dưới châu Diêm-phù, chồng chất lên nhau mà ở chịu khổ nóng đốt. Hai ngục trước có chúa ngục chủ trị, ba ngục kế có chủ trị ít, ba ngục sau không có chủ trị.

II. Về địa ngục lạnh: có tám địa ngục:

1. Ngục Át-phù-đà: Lạnh giá cắt thịt thành những bọt nước bé.

2. Ngục Ni-lại-phù-đà: Gió lạnh thổi vào thân thành những bọt nước.

Hai ngục này do hình tướng của thân mà được tên.

3. Ngục A-tra-tra: Do môi đứng yên, lưỡi rung động mà thành tiếng.

4. Ngục A-ba-ba: Do lưỡi đứng yên, môi rung động mà thành tiếng.

5. Ngục Ân hầu: Do yết hầu rung động mà thành tiếng.

Ba ngục trên do tướng của tiếng mà đặt tên.

6. Ngục Uất-ba-la: Đây là hoa sen xanh, máu thịt bị nứt nhỏ ra giống như hoa này nở.

7. Ngục Ba-đầu-ma: Hoa sen đỏ, máu thịt nứt lớn giống hoa này nở.

8. Ngục Phân-đà-lợi: Hoa sen trắng, do xương nứt ra giống như hoa này nở.

Ba ngục này do tướng của vết thương mà được tên.

Tám địa ngục này ở dưới đáy núi Thiết vi, ngóng lên mà ở, chịu cái khổ lạnh rét.

III. Về địa ngục bên ngoài, có ba loại địa ngục: Ở trong núi, ở trong nước, ở ngoài đồng hoang, chịu nghiệp báo riêng. Các ngục này chịu lạnh nóng xen nhau (theo kinh Pháp Độ).

Ngoài hai núi Thiết vi của Diêm-phù và Nam Thiệm châu, có cung điện Diêm-ma-la vương, ngang rộng sáu ngàn do-tuần, có bảy lớp rào lang cang, bảy lớp hàng cây, vườn hoa ao tắm, các thứ trái ngon đẹp, gió lộng hương thơm, chim chóc đua tiếng. Vua vì ác nghiệp nên ngày đêm sáu thời có nước đồng sôi màu đỏ hiện ra trước. Cung điện liền biến thành sắt., Ngục tốt bắt vua đánh té nằm trên đất sắt nóng rồi lấy nước đồng sôi chế vào miệng. Lúc đó vua sợ hãi liền nguyện rằng: "Ta bỏ thân này ở chốn nhân gian sẽ thọ sinh trong giáo pháp của Như Lai, chánh tín xuất gia." Khi phát niệm lành đó thì cung điện lại thành bảy báu đầy đủ ngũ dục (theo kinh Khởi Thế).

Diêm-la vương, xưa là Tỳ-sa quốc vương đánh nhau với vua Diêm-đà Thủy Sinh, binh lực không địch nổi, nhân đó lập thệ nguyện làm chủ địa ngục, có mười tám quan hầu cận thống lãnh cả trăm vạn chúng thề rằng: Sau này cùng giúp nhau trừng trị tội nhân đó. Tỳ-sa vương đó là Diêm-la vương bây giờ, mười tám quan hầu kia là các tiểu vương bây giờ. Trăm vạn chúng là các A Bàng bây giờ (kinh Vấn Địa Ngục - A Bàng, Hán dịch là Vô gián).

Viêm-ma-la, Hán gọi là Song Vương (hai vua): Anh làm chúa ngục nam, em gái làm chúa ngục nữ. Anh em cùng làm chúa ngục nên gọi là Song vương. Lại cùng chịu khổ vui (kinh Âm Nghĩa).

A-tỳ địa ngục rộng tám ngàn do-tuần, có bảy lớp thành sắt, bảy lớp lưới sắt, có mười tám cái đỉnh vây quanh bảy lớp toàn là rừng đao. Có bốn con chó đồng lớn, mười tám ngục tốt tám đầu sáu mươi bốn sừng, sáu mươi bốn mắt. Có bảy cây tràng phan sắt lửa phun ra như sôi. Nếu có kẻ phạm tội nghịch, khi mạng chung thì các chó đồng biến thành mười tám xe, có hình như lộng báu, tất cả các thứ cháy đỏ đều biến thành ngọc nữ, tội nhân xa trông lòng rất vui thích muốn đến. Gió lạnh thổi như dao cắt thịt, run lập cập ước được gặp lửa mà tốt hơn. Bèn đến ngồi lên xe, lửa liền phừng cháy thiêu đốt. Tội nhân chết rồi bèn sinh vào xe lửa, thoáng chốc rơi thẳng vào ngục A-tỳ. Trên dưới đều có đỉnh cháy đỏ quay tròn lên xuống như bánh xe. Hóa thân Diêm-la vương lớn tiếng nạt nộ: bọn ngu si, loài địa ngục chúng bây ở đời không hiếu kính cha mẹ, tà kiến vô đạo, nay sinh xuống địa ngục A-tỳ này, phải chịu khổ lớn như thế suốt một ngày đêm bằng sáu mươi tiểu kiếp ở nhân gian. Như thế mà phải sống hết một đại kiếp. Kẻ nào phạm đủ

tội ngũ nghịch thì phải chịu tội đến năm đại kiếp. Lại có chúng sinh phạm bốn trọng cấm, ở không ăn của tín thí, tà kiến chê bai, không biết nhân quả, bỏ học Bát-nhã, hủy báng mười phương Phật, trộm của chúng Tăng, dâm dật vô đạo. Người này chịu quả báo phải qua tám vạn bốn ngàn đại kiếp, xong lại vào mười tám Cách Tử ở phương Đông chịu khổ như trước, rồi lại qua các phương Nam, Tây, Bắc cũng như thế. A-tỳ tức là không cứu được (theo kinh Quán Phật Tam-muội, kinh Trí Cự nói: A-tỳ địa ngục đúng lúc tự hư mất - nên biết Tỳ gọi là Vô Ngại. Kinh Lăng-nghiêm đã nói A-tỳ lại nêu thêm Vô gián. Nay nói A-tỳ là không cứu được thì biết ngục A-tỳ khác với Vô gián).

Thời Hiếu Võ Đế mới bắt đầu thông thương Tây Vức. Có ba mươi sáu nước đều ở phía Tây của Hung Nô và ở phía Nam của Ô Tôn. Ở phía Tây bắc có núi lớn, giữa có sông. Đông Tây hơn sáu ngàn dặm, Nam Bắc hơn một ngàn dặm. Phía Đông giáp Hán Ách do hai huyện Ngọc Môn và Dương Quan (hai huyện này đều ở ranh giới phía Tây Đôn Hoàng), phía Tây bị chặn bởi Thông Lãnh (núi này xanh tươi nên gọi là Đa Thông Thông). Ở phía Đông Sơn Đông xuất hiện Kim Thành, liền với Nam Sơn của Nhà Hán. Sông này có hai nguồn:

1. Xuất phát từ Thông Lãnh.
2. Từ Vu-điền ở phía dưới Nam Sơn.

Sông này chảy về phía Bắc thì hợp với sông ở Thông Lãnh cùng chảy về Đông ra biển Xương Bồ (một tên Lam Dịch) cách Ngọc Môn Dương Quan ba trăm dặm, rộng ba trăm dặm. Nước sông này từ Đông sang Hè đều không tăng giảm và cùng chảy ngầm dưới đất. Ở phía Nam thì xuất hiện ở Tích Thạnh làm nguồn sông ở Trung Quốc. Từ Ngọc Môn Dương Quan ra Tây Vức có hai đường: Một từ nước Thiện Thiện bên phía Bắc của Nam Sơn theo dòng sông đi về phía Tây rồi đến Sa Xa là đường Nam. Đường Nam đi về phía Tây, vượt qua Thông Lãnh thì ra Đại Nguyệt Thị An Tức. Từ Xa Sư Tiền Vương Đình theo Bắc Sơn noi dòng sông đi về phía Tây đến Sơ Lặc là đường Bắc. Đường Bắc ở phía Tây vượt Thông Lãnh thì ra Đại Uyển, Khang Cư, Am Thái. Các nước ở Tây Vức có thành quách ruộng vườn trại chăn nuôi, có phong tục khác với Hung Nô, Ô Tôn, đều phụ thuộc Hung Nô. Ở phía Tây đất Hung Nô, vua Nhật Trục đặt Quan Vô Úy thống lãnh đất Tây Vức. Về sau có Phiêu Kỵ Tướng Quân đánh phá đất cũ của Hung Nô hàng phục được vua Hồn và Tà Hưu Chư (là hai vua của Hung Nô). Thủy Trúc Linh Cư về phía Tây, lúc đầu đặt Quận Tửu Tuyền (nước có vị ngọt) sau dần dần chia ra đặt là Vỏ Oai, Trương Dịch, Đôn Hoàng. Xếp bốn Quận này trấn

Lưỡng Quan. Từ khi Nhị Sư Tướng Quân (Lý Quảng Lợi) đánh đất Đại Uyển được ngựa trời thì cả Tây Vức đều run sợ, nhiều lần sai Sứ đến triều cống. Thời vua Tuyên Đế thì vua Nhật Trục quy hàng. Vua bèn sai Sứ giả là Trịnh Cát cùng đô hộ đường Bắc gọi là Đô Hộ coi giữ thành Ô Diệp cách Dương Quan hai ngàn bảy trăm dặm, là trung tâm của Tây Vức (theo Tây Hán Thư, Tây Vức Thư).

Trong năm Vĩnh Bình thời Minh Đế. Ban Siêu đi sứ ở Tây Vức đến Thiện Thiện chém sứ giả Hung Nô, vua Thiện Thiện sợ hãi dâng con làm tin. Về sau phát động binh các nước đánh phá Sa Xa chém vua Sơ Lặc, đánh phá Phó Vương Nguyệt Thị, hàng phục các nước Quy Tư, Cô Mặc, Ôn Túc, chém hai vua Yên Kỳ, Úy Lê. Oai phong chấn động cả Tây Vức, hơn năm mươi nước đều xin quy hàng nộp con tin nội thuộc (Đông Hán Ban Siêu Truyện).

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 33

XVI : PHÁP MÔN THỂ HIỆN

Phật pháp thật khó nghĩ bàn, vả lại đem “hai minh” đến bờ chân tục không khác. Đến như bày ra môn giáo hóa tất phải dựa nhờ Phật sự để giúp cho tướng Tam bảo thường trụ. Vì tức sự mà chân nên soạn ra phần Pháp Môn Quang Hiển Chí này.

Tượng khắc gỗ - Đế Thích thỉnh Phật lên trời Đao-lợi nói pháp cho mẹ nghe. Vua Ưu-điền (Vua nước Câu-diễm-di) nhớ thương Như Lai liền dùng gỗ Chiên-đàn tạc tượng Như Lai cao năm thước (theo Tăng Nhất A-hàm - Theo Tây Vức Ký thì vua Ưu-điền thỉnh ngài Mục-liên dùng thần lực đưa thợ lên trời đích thân nhìn diệu tướng của Như Lai, rồi dùng gỗ chiên-đàn tạc tượng cao năm thước).

Tượng đúc-Vua Ba-tư-nặc nghe vua Ưu-điền tạc tượng gỗ, liền dùng vàng tốt đúc tượng Phật cũng cao năm thước. Lúc đó ở Diêm-phù-đề mới có hai tượng đầu tiên (Tăng Nhất A-hàm, kinh Quán Phật Tam-muội nói: Vua Ưu-điền đúc tượng vàng).

Tượng vẽ-Vua Hán Minh Đế sai Tần Cảnh đến nước Nguyệt Thị, được bức hình vẽ thứ tư của thợ tạc tượng của vua Ưu-điền (đây là tượng vẽ đầu tiên ở Tây Trúc). Vua sai vẽ hình ở cửa thành Tây dương tại Lạc dương và cúng dường trên đồi Hiển Tiết (là tượng vẽ đầu tiên ở Đông độ).

Tháp Xá-lợi-Phật nhập diệt rồi, Đế Thích xây bốn tháp ở đại thành Thiện kiến. Tháp thờ tóc tại vườn Chiếu Minh ở phía Đông thành. Tháp thờ Y tại vườn Sơ Sáp ở phía Nam thành. Tháp thờ Bát tại vườn Hoan Hỷ ở phía Tây thành. Tháp thờ răng tại vườn Giá Ngự ở phía Bắc thành, gọi là bốn tháp Đao-lợi. Lại tháp nơi Phật sinh tại nước Ca-duy-vệ, tháp Thành đào tại Ma-kiệt-đề, tháp Chuyển pháp luân ở Lộc Uyển tại Ba-la-nại, tháp nhập Niết-bàn ở rừng Song Thọ thành Câu-thi-na, gọi đó là bốn tháp ở cõi người (kinh Tăng Nhất A-hàm) - Sau khi Phật diệt độ

một trăm năm, vua A-dục lấy xá-lợi Phật, đêm sai quỷ thần nghiền nát bảy báu thành bột rồi xây tám vạn bốn ngàn tháp. Tôn giả Gia-xá chỉ ngón tay phóng ra tám vạn bốn ngàn luồng sáng, rồi sai quỷ có cánh bay theo ánh sáng đến nơi nào ánh sáng tắt thì xây một tháp. Trong một ngày khắp cõi Thiệm-bộ, ở nước Chấn Đán có mười chín tháp (theo Truyện A-dục Vương-mười chín tháp đó nên biết là có năm nơi: Tại Đông Thánh Trũng của chùa Bạch mã ở Lạc dương, tháp chùa Trường can tại Kiến khang, tháp A-dục vương tại Tứ Minh, ở Lâm Trũng và Thành Đô đều có tháp A-dục-vương Lưu-tát-ha nằm mộng nghe Đức Quan Âm nói thế).

Tắm Phật - Ngày tám tháng tư âm lịch là ngày Phật sinh, nhân dân nhớ Phật tắm rửa hình tượng Phật. Khi tắm tượng đọc kệ rằng:

Con nay tắm gội các Như Lai
Tịnh Trí Trang Nghiêm công đức lớn
Năm trược chúng sinh, khiến lìa bỏ
Nguyện chứng Như Lai tịnh Pháp thân.

(Theo kinh Dục Phật)

Tắm Tăng-Trời Thủ Đà Hội thỉnh Phật và Tăng đến cúng dường tắm gội, Phật bảo A-nan rằng: Trời này do phước hạnh, ở vị lai sẽ được thành Phật hiệu là Tịnh Thân (kinh Hiền Ngu - Thủ đà hội là tên Thiên tử. Phàm gọi trời mà không phải tên mười tám Phạm ở Lục Dục, đều gọi là Thiên tử cả. Như Kỳ-bà Tỳ Thủ Yết-ma... đều là Thiên tử cõi Đao-lợi cả) cho rằng thường thường tắm gội thì sinh vào cõi lành (Luật Tứ Phần).

Luân Tàng-Phó Đại sĩ đời Lương thương chúng sinh nhiều việc không rảnh để tụng kinh và vì những người không biết chữ, bèn lập ra Chuyển Luân Tàng tại Song lâm đạo tràng để thờ các quyển kinh và có thề rằng: Ai ba lần lên Tàng môn ta thì: Đời đời không mất thân người. Ai có tín tâm quay một vòng thì công đức người này bằng với người tụng kinh. Người nào quay nhiều vòng không kể số thì công đức bằng với người tụng một Đại Tạng Kinh. Trước Luân Tàng có đặt một tượng Đại sĩ có hình dạng mặc áo đội mão của ba nhà Nho, Phật, Lão (vì Đại sĩ thường ăn mặc thế này) và có bày Tám đại thần tướng, tức tám bộ Thiên thần. Bảo Cảnh Tướng quân là quan ở Nhật Ô Thương phát nguyện giữ gìn Luân Tàng (Huyện Nghĩa Ô xưa gọi là Ô Thương, có ghi đầy đủ trong Đại sĩ Truyện).

Xăm Bồ-tát- Ở Tây Vức có một trăm xăm, Việt Viên Thông thì có một trăm ba mươi xăm để đoán tốt xấu ứng nghiệm như tiếng

vang. Tương truyền là do Bồ-tát hóa thân thuật lại (Thích Môn Chánh Thống).

Cúng đèn - Phật bảo ngài Xá-lợi-phất rằng: Có người đối với tháp miếu, hình tượng... cúng thí đèn sáng, cho đến chỉ dùng một ít đèn đuốc, thì phước của người này chỉ có Phật biết được thôi (kinh Thí Đăng).

Dùng thân làm đèn - Phật nói: Thuở xưa ta làm vua ở cõi Diêm-phù-đề, tự khoét thân sâu như đồng tiền lớn, rồi đổ dầu tô vào đốt thành ngàn ngọn đèn, xin Bà-la-môn giảng nói kinh Pháp để cầu đạo Vô thượng (kinh Bồ-tát Bản Hạnh). Nhân duyên Bồ-tát vì pháp mà khoét thân mình làm đèn (kinh Niết-bàn).

Vô Tận Đăng - Sư Hiền Thủ Pháp Tạng vì bà Võ Tắc Thiên dùng mười tấm gương để tám góc, giữa để tượng Phật. Khi đốt đèn chiếu sáng thì các gương chiếu nhau hiện nhiều hình tượng để tiêu biểu cho ý Sát Hải trùng trùng vô tận (Chư Tông Lập Giáo Chí).

Phóng Đăng - Khi Phật giáo mới truyền đến thì thách đấu với Đạo sĩ, bèn đốt Kinh có ánh sáng mà quyển kinh vẫn còn nguyên vẹn. Lúc đó nhằm ngày Rằm tháng giêng. Vua Minh Đế ra lệnh cứ vào ngày này thì đốt đèn để tiêu biểu cho Phật pháp sáng rỡ. Từ đó trải các triều đại đến Thượng Ngươn tất có phóng đăng. Triều Tống ta năm Thái Bình Hưng Quốc 6, vua sắc lệnh Hạ Ngươn cũng phóng đăng ba đêm để cầu phước cho Quân Dân (Tăng Sử Lược).

Vô Tận Tài - Cúng dường nhiều hoa cho Phật thì được cho phép đem bán ra để mua hương dầu, nếu có nhiều nữa thì cũng bán đi sung vào Vô Tận Tài (Luật tăng-kỳ).

Giảng về Sám Nghi - Tăng truyện nói: Từ Thời Hán Ngụy đến nay thỉnh Tăng thiết cúng đồng với việc cúng tế, các oai nghi đứng ngồi đại lược đều không có quy củ. Đến Triều Tấn, ngài An Pháp sư mới bắt đầu căn cứ vào kinh luật mà soạn ra các nghi phó thỉnh, lễ tán... lập làm ba lệ: Một là đốt hương định tòa lên giảng, hai là sáu thời Lễ sám, ba là các pháp Bồ-tát... Sau đó ngài Viễn Pháp sư lại lập Pháp Xả Tiết Độ (có Văn trong Lô Sơn Tập). Đời Đường, ngài Tuyên Luật Sư lập ra Ngũ Chúng Vật Nghi, Chương Phục Nghi, Quy Kỉnh Nghi, Minh Chung Kiền Độ. Ngài Chiếu Luật Sư làm Lạc Phát Nghi đều phụ thời Bàng Giáo để làm phép tắc (theo Thích Môn Chánh Thống).

Phép tu theo các kinh - Ngài Trí Giả chế ra Pháp Hoa Tam-muội Nghi (chú trong Quốc Thanh Bách Lục). Ngài Kinh Khê thuật Bổ Trợ Nghi để giúp cho Quán Tưởng. Ngài Pháp Trí soạn ra Đại Bi Tâm Chú Hành Pháp, Kim Quang Minh Sám Pháp. Ngài Từ Vân soạn ra Kim

Quang Minh Hộ Quốc Nghi. Căn cứ vào Bách Lục mà thuật Bổ Trợ và soạn ra Tịnh Độ Sám Nghi, Di-đà Sám Nghi, Thỉnh Quan Âm Sám Nghi, Xí Thạnh Quang Sám Nghi. Ngài Thần Chiếu soạn ra Nhân Vương Sám Nghi. Ngài Tịnh Giác soạn ra Lăng-nghiêm Sám Nghi, Như Ý Luân Khóa. Ngài Pháp Trí Dũng soạn ra Công Đức Thiên Sám Nghi... đều là các Tổ nương vào bốn thứ Tam-muội và pháp tự làm và dạy người làm.

Cúng Phật - Các Như Lai đều là Pháp thân, hoặc đang trụ thế hoặc đã diệt độ mà có người cúng dường thì phước không khác nhau (kinh Bảo Tích). Người cúng dường Phật thì được phước đức lớn mau chứng quả Bồ-đề (kinh Bất Tư Nghì Cảnh Giới). Nếu thí cho loài súc sinh thì được báo gấp trăm lần, nếu thí cho kẻ phá giới thì được báo gấp ngàn lần. Nếu thí cho người trì giới thì được báo gấp vạn lần. Cho đến cúng thí cho Phật thì được báo vô lượng. Ta nay phân biệt các phước điền nên nói như thế (kinh Ưu-bà-tắc Giới, đây nói Kính Điền là hơn hết). Nếu người cúng dường cho mười phương Phật các Bồ-tát Thanh văn thì không bằng người thí cho súc sinh một miếng ăn. Cho đến thí cho loài chó, kiến đói khát, vì Bi điền là hơn hết (kinh Tượng Pháp Quyết Nghi. Đây nói Bi điền là hơn). một phần thí cho Đức Như Lai nan thắng và một phần thí cho người ăn xin thấp hèn nhất thì phước điền cà hai đều không khác (kinh Duy-ma, đây nói Bi - Kính không hai).

Đời nói cúng ba ngàn Phật, thì đời quá khứ kiếp Trang nghiêm, có một ngàn Phật, bắt đầu từ Phật Hoa Quang, cuối cùng là Phật Tỳ-xá-phù. Đời hiện tại Hiền kiếp, có một ngàn Phật, bắt đầu là Phật Câu-lưu-tôn, cuối cùng là Phật Lâu-chí. Đời vị lai kiếp Tinh tú có một ngàn Phật, bắt đầu là Phật Nhật Quang, cuối cùng là Phật Tu-di Tướng (ba kiếp mỗi kiếp có một quyển kinh). Nói cúng một ngàn Phật, tức một ngàn Phật ở Hiền Kiếp hiện tại.

Cúng Tri Thức - Ngài Văn-thù đi về phía Nam đến phía Đông Thành Phước, nói pháp cho ngài Thiện Tài Đồng tử khiến cầu đạo Bồ-đề gần gũi các Thiện tri thức. Từ đây trải qua một trăm mười thành, ngài Thiện Tài tham học với năm mươi ba Thiện tri thức, rồi vào Phổ Hiền đạo tràng chứng được môn Tam-muội nhiều như số vi trần (Phẩm Nhập Pháp Giới Kinh Hoa Nghiêm).

Cúng La-hán - Khi Phật diệt độ có phó chúc cho mười sáu vị A-la-hán làm chân phước điền cho các thí chủ. Lúc đó các vị A-la-hán theo lời Phật dạy dùng sức thần thông kéo dài tuổi thọ của mình. Như thỉnh bốn phương Tăng thiết lễ Vô Già Thí tại nơi mình ở hoặc đem đến

chùa. Các Tôn giả này và các quyến thuộc phân tán đi khắp nơi, tự che dấu Thánh nghi, kín đáo thọ nhận của cúng thí, khiến các thí chủ được quả báo thù thắng (Pháp Trụ Ký - Đầu tiên là Tân-độ-la cuối cùng là Bán-thác-ca, cả thảy mười sáu vị), trừ bốn Đại La-hán và mười sáu vị La-hán, còn các vị khác đều nhập diệt. Về bốn Đại La-hán, thì kinh Di-lặc Hạ Sinh nói là: Ca-diếp, Tân-đầu-lô, La-vân và Quân Đồ Bát Thán. Mười sáu vị La-hán rút từ kinh Bảo Vân. Song hai ngài Tân-đầu-lô và La-vân đã ở trong số mười sáu vị. Nay có thuyết nói mười tám vị, tức là thêm Ca-diếp và Quân Đồ (Diệu Lạc - Tân-đầu-lô, Hán dịch là Bất Động tức Tân-độ-la. Thêm ngài Khánh Hữu, là từ khi Phật diệt độ một trăm năm đó là người viết Pháp Trụ Ký - Nói mười sáu vị La-hán nghe lời Phật phó chúc mà trụ thế, thì biết ngài Khánh Hữu không được nêu ở trong số người trụ thế đó. Nay muốn luận mười tám vị trụ thế thì lấy Diệu Lạc làm bằng. Ngài Tịnh Giác soạn ra Lễ Tán Văn cũng dựa vào Diệu Lạc).

Các ngày giỗ Phật và Tổ - Ngày giỗ Đức Như Lai nhập diệt là Rằm tháng hai năm Châu Mục Vương thứ năm mươi ba (Nhâm Thân). Ngày này tại các Già-lam đều thiết lễ cúng gọi là ngày giỗ Phật (Ngài Bắc Giản Giản Thiền sư có soạn Sớ Trai Kỵ - Ngài Tịnh Giác Pháp sư có soạn Văn Lễ Tán).

Giỗ ngài Nam Nhạc Thiền sư là ngày mười hai tháng hai năm Đại Kiến thứ chín đời Trần (Chí Bàn vì ngài Nam Hồ soạn Sớ Trai Kỵ).

Giỗ ngài Trí Giả Thiền sư là ngày hai mươi bốn tháng mười một năm Khai Hoàng thứ mười bảy đời Tùy (Ngài Cô Sơn soạn Sớ Trai Kỵ, ngài Bắc Giản Từ Vân soạn Lễ Tán Văn).

Giỗ ngài Chương An Thiền sư là ngày bảy tháng tám năm Chánh Quán thứ hai đời Đường. Giỗ ngài Pháp Hoa Thiền sư là ngày hai mươi tám tháng mười một năm Vĩnh Long thứ nhất đời Đường. Giỗ ngài Thiên Cung Thiền sư là đời Đường Cao Tông (Sư Chí Bàn có soạn Sớ Trai Kỵ mà không biết tháng năm viên tịch). Giỗ ngài Tả Khê Thiền sư là ngày mười chín tháng chín năm Thiên Bảo mười ba đời Đường (Sư Chí Bàn soạn sớ Trai Kỵ).

Giỗ ngài Kinh Khê Thiền sư là ngày năm tháng hai năm Kiến Trung ba đời Đường (Sư Chí Bàn có soạn sớ Trai Kỵ) - Giỗ ngài Loa Khê Pháp sư là ngày bốn tháng mười một năm Ung Hy thứ tư đời Tống (Sư Chí Bàn có soạn sớ Trai Kỵ) - Giỗ ngài Bảo Vân Pháp sư là ngày mười một tháng mười hai năm Đoan Củng thứ nhất đời Tống (Sư Chí Bàn có soạn sớ Trai Kỵ) - Giỗ ngài Pháp Trí Pháp sư là ngày năm tháng

một năm Thiên Thánh thứ nhất đời Tống.

Giỗ ngài Từ Vân Pháp sư là ngày mười tháng mười năm Minh Đạo thứ nhất đời Tống.

Giỗ ngài Thần Chiếu Pháp sư là ngày mười tám tháng năm năm Hoàng Hựu thứ ba đời Tống.

Giỗ ngài Lô Sơn Pháp sư là ngày sáu tháng tám năm Nghĩa Hy thứ mười hai đời Tấn.

(Sư Chí Bàn đều soạn Sớ Trai Kỵ, Cát Thiên Dân soạn Lễ Tán Văn).

Giỗ ngài Đạt-ma Thiền sư là ngày năm tháng mười năm Đại Tống thứ nhất, đời Bắc Ngụy - Giỗ ngài Nam Sơn Luật Sư là ngày ba tháng mười năm Càn Phong thứ hai, đời Đường (Ngài Tịnh Giác soạn Lễ Tán Văn, Chiếu Luật Sư soạn Sớ Trai Kỵ) - Giỗ ngài Đại Trí Luật Sư là ngày một tháng chín năm Chánh Hòa thứ sáu, đời Tống (Ngài Tắc Luật Sư soạn Lễ Tán Văn, Nhan Thánh Đồ soạn Sớ Trai Kỵ).

Cúng Trai Tăng - Phật nói: Đem thức ăn thí cho Tăng có năm thứ phước đức là sắc, lực, mạng, an, biện. Thượng tọa thí thực nên đọc kệ rằng:

Kẻ cho người nhận đều được năm thường
Sắc, lực, mạng, an được vô ngại biện.

(Kinh Ngũ Phước Đức).

Phật nói thí thực có năm phước là thí mạng sống, thí sắc vóc, thí sức lực, thí an ổn, thí biện tài. Vì sao gọi là thí mạng sống? Vì người không ăn uống bảy ngày tất phải chết. Người trí cho ăn tức là cho mạng sống. Người cho mạng sống thì đời đời sống lâu, của tiền giàu có vô lượng. Vì sao gọi là thí sắc vóc? Vì người không ăn uống thì nhan sắc tiều tụy. Người trí cho ăn tức là cho sắc vóc. Người cho sắc vóc thì đời đời đẹp đẽ nhan sắc sáng rỡ. Vì sao gọi là thí sức lực? Vì người không ăn uống thì không làm việc được. Người trí cho ăn tức cho Sức lực. Người cho sức lực thì sinh vào cõi trời người, sức không ai bằng. Vì sao gọi là thí an ổn. Vì người không ăn uống thì tâm sầu thân yếu không được an ổn. Người trí cho ăn tức cho an ổn. Người cho an ổn thì đời đời an ổn không gặp các tai ương. Vì sao gọi là thí biện tài? Vì người không ăn uống thì thân gầy ý kém không thể nói năng. Người trí cho ăn tức cho biện tài. Người cho biện tài thì tuệ biện thấu suốt, người nghe vui mừng. Đó là năm phước đức (kinh Thí Thực Ngũ Phước).

Cho có ba cách: Một là đem thức ăn đến chùa là bậc cao, mời đến nhà cúng dường là bậc trung người đến nhà xin cúng thí phát tâm cúng

dường là bậc thấp (kinh Tăng Nhất A-hàm).

Nếu người đàn việt bày tiệc mời thỉnh chúng Tăng, lại sai người giữ cửa ngăn các Tỳ-kheo già bệnh và người nghèo đến xin ăn không cho vào hội,như vậy đã hao thức ăn rốt lại không được phần thiện (kinh Tượng Pháp Quyết Nghi).

Nếu bốn chúng đệ tử giữ gìn trai giới, tâm luôn nhớ thỉnh mười phương Tăng, không luận kẻ thiện ác, trì giới hay phá giới, hạnh cao hay thấp. Đến các chùa tháp, khi thỉnh Tăng, các Tăng theo thứ lớp vẫn cúng dường đầy đủ thì phước đó nhiều hơn hết (kinh Phổ Quảng).

Đàn-việt đến thỉnh chúng Tăng thì khách Tăng có phần lợi dường chủ Tăng phường nên theo thứ lớp mà cử đi. Lại người đời thỉnh riêng năm trăm La-hán, Bồ-tát Tăng thì không bằng một vị phàm Tăng theo thứ lớp (kinh Phạm Võng). Đức Phật vào thành Xá-bà-đề khất thực. Có một Bà-la-môn thấy Đức Phật luôn đến nhà mình, nên ông nghĩ rằng: Vì sao ông Sa-môn này lại đến nhà hoài như mình thiếu nợ ông ta vậy? Khi đó Đức Phật nói kệ rằng:

Khi thường thường mưa xuống
Ngũ cốc thường thường tốt
Thường thường tu phước nghiệp
Báo lành thường thọ hưởng.

Vị Bà-la-môn nghe xong thì xấu hổ, lấy bát đựng đầy thức ăn đem lên dâng cho Phật. Rồi sám hối, xin xuất gia và được quả A-la-hán (Luận Đại Trí Độ). Nếu người nào hằng ngày lập nguyện cúng thí Tăng ăn trước rồi sau mới ăn, như thế là bậc cao nhất trong việc bố thí (kinh Ưu-bà-tắc Giới - Nay trong các phố chợ cúng thí cơm vào bát là do việc này).

Cúng cháo - Tại nước Xá-vệ có ba mẹ Nan-đà chuyên nấu cơm, bà chắc lấy nước cơm bên trên mà uống thì biết dứt bệnh trúng phong và ăn uống tiêu hóa. Bà nghĩ rằng: Xà-lê là người một bữa, vậy nên ăn cháo. Bà bèn lấy ít gạo nhiều nước nấu khoảng hai giờ rồi cho hồ tiêu và lá lốt vào đem đến chỗ Phật thưa rằng: Xin phép Thế Tôn cho phép các thầy Tỳ-kheo ăn cháo. Phật chấp thuận và nói kệ rằng:

Người trì giới thanh tịnh
Được hầu hạ cung kính
Tùy thời đem cho cháo
Thì được mười lợi ích.
Sắc, lực, mạng, lạc, từ
Thanh Biện và Túc Thực

Trừ phong, tiêu đói khát
Chính đó gọi là thuốc.
Phật nói ai muốn được
Sống lâu vui trời, người
Đều nên thí cháo Tăng.

(Theo Tăng-kỳ Luật)

Khi cháo múc ra khỏi chỏ mà viết chữ không thấy thì không phải chánh thực (Tăng-kỳ Luật). Minh tướng xuất mới được ăn cháo, ăn vào lúc khác đều thuộc phi thời (Tứ Phần Luật). Mặt trời chiếu rọi cây Diêm-bộ, trời đã sáng tỏ, xòe bàn tay thấy rõ chỉ tay là minh tướng (Bà Sa Luận). Ăn cháo gọi là tiểu thực (Tăng Huy Ký).

Khất thực - Tiếng Phạm là Phân-vệ, Hán dịch là Khất thực (Luận Thiện Kiến). Phàm khất thực chia làm bốn phần: Một phần cho bạn đồng phạm hạnh, một phần cho người ăn xin, một phần cho quỷ thần, một phần mình ăn (kinh Bảo Viên). Đi khất thực là để phá tất cả kiêu mạn (kinh Pháp Tập).

Có ba cách ăn: Một là nhận lời mời mà ăn, hai là ăn với chúng Tăng, ba là thường đi khất thực mà ăn. Hai cách ăn trước là nguyên nhân của sự xấu xa. Như nếu được mời ăn thì liền bảo "Ta có đức", nếu không được mời ăn thì liền ganh ghét người khác, nếu tự khinh chê là tham pháp thì chướng đạo. Nếu ăn với chúng Tăng thì phải theo pháp chúng, đoán sự, đuổi người, lo lắng việc Tăng tất tâm luôn tán loạn, bỏ bê việc hành đạo. Nếu có não loạn như thế thì nên theo pháp khất thực (kinh Thập Nhị Đầu-đà).

Trì trai - Phật nói: Ba đời chư Phật ăn vào giữa ngày (kinh Tỳ-la Tam-muội - Nay nói trung thực là đó). Khi ăn như vào giờ ngọ, nếu bóng mặt trời đi qua một sợi tóc, một nháy mắt thì liền phi thời (Tăng-kỳ Luật). Nếy Tỳ-kheo ăn phi thời thì phạm Ba-dật-đề (Tứ Phần Giới Bản - Thập Tụng Luật - Ba-dật-đề dịch nghĩa là đọa, đọa vào địa ngục nấu đốt). Trai là quá giờ ngọ không ăn làm thể (Luận Tỳ-bà-sa). Phật nói: Một ngày trì trai có sáu mươi vạn năm lương thực. Lại có năm phước là: Ít bệnh, thân an, ít ngủ, ít dâm, được sinh lên trời và biết được kiếp trước (kinh Tạp Thí Dụ). Trai tức là tề, thân khẩu nghiệp tề chỉnh. Tề là chỉ cho Trung đạo (đường chính), sau đó thì không được ăn, biểu thị cho Trung đạo, ngoài pháp giới không có pháp khác (Thỉnh Quan Âm Sớ).

Cơm xuất sinh - Có hai lẽ:

1. Theo kinh Niết-bàn thì khiến thí cho quỷ khoáng dã, còn luật

Tỳ-nại-da thì thí cho Quỷ tử mẫu. Bọn này trước kia ăn thịt người, Phật hóa độ và truyền cho giới bất sát, nên dặn dò đệ tử tùy chỗ mà thí cho ăn. Nay ở các trai đường đều có cơm xuất sinh là đó, việc này chỉ người xuất gia làm.

2. Theo kinh Diệm Khẩu mượn ngài A-nan làm duyên khiến thí thực loài ngạ quỷ. Nay ở trai đường để riêng một cái hộc nhỏ. Khi ăn cơm xong thì chúng làm phép thí thực. Hoặc mỗi trai đường đều có Tiểu sinh hộc, đêm đến đọc chú thí thực. Đây là chung cho người trong Đạo đều làm.

Ba thứ trường trai - Đức Phật bảo Trưởng giả Đề-vị rằng: Bốn mùa thay nhau là trọn năm, ba lần tra gạn, một tháng có sáu lần tâu. Các trời Đế thích, Thái tử, Sứ giả, Diêm-la, Quỷ thần đều dùng ngày mồng một các tháng giêng, tháng năm, tháng chín... để tra xét việc làm thiện ác của các vua, dân, rồng, quỷ, chim, thú... rồi tâu lên Tứ vương một tháng sáu lần để khỏi lầm lẫn oan uổng. Lại tra gạn tội phước chúng sinh nhiều ít. Người nào phước nhiều thì bảo Quan Tư Mạng chỉ thị xuống năm quan Diêm-la để trừ tội tăng lộc. Cho nên dạy ba tháng này phải giữ trường trai (kinh Đề-vị). Nếu Phật tử trong sáu ngày trai hoặc một năm trong ba tháng trường trai mà giết hại, trộm cắp, phá trai, phạm giới thì phạm khinh cấu tội (Phạm Võng Giới Kinh - Người đời lấy ba tháng này để giỗ Thượng Nhậm để tránh việc hành hình).

Lục trai - Vua Đế Thích ra lệnh Tứ Vương, mỗi vị cai trị một phương. Ngày mồng tám tháng có trăng sai sứ giả tra xét việc thiện ác của chúng sinh. Ngày mười bốn thì sai Thái tử, ngày rằm thì đích thân vua đi tra xét. Ba ngày của tháng tối trời cũng như thế. Nếu vua đích thân giáng trần thì các tinh tú quỷ thần cùng theo. Như gặp kẻ tu hành trai giới thì các trời vui mừng rót phước tăng tuổi thọ (kinh Tứ Thiên Vương). Như gặp quốc vương, đại thần nhân ngày Lục trai thì ra lệnh trong khắp đất nước đều không giết hại (Phổ Hiền Quán Kinh).

Thập trai - Mỗi tháng mười ngày trai, niệm danh hiệu Phật và Bồ-tát cầu phước diệt tội (kinh Nhất Trai - Với Lục Trai thêm bốn ngày trong tháng là mồng một, mười tám, hai mươi bốn, hai mươi tám. Nay theo quốc luật ở mười ngày trực nhật trong các châu không được hành hình, là căn cứ vào nghĩa này).

Thất Thất Trai - Người chết rồi có Trung hữu thân nếu chưa có duyên thọ sinh, sống hết bảy ngày thì chết rồi sống lại. Như thế sống chết lần lượt đến bốn mươi chín ngày thì nhất định phải thọ sinh. Nếu có duyên sinh thì không nhất định. Nay tìm xem ý kinh thì người cực thiện

và cực ác không có trung hữu thân (Luận Du-già - Trung hữu cũng gọi là Trung ấm - Cực thiện tức là sinh Tịnh độ, Thiện vừa thì sinh hàng trời người. Còn cực ác thì đọa địa ngục hoặc sinh ba đường dữ, ngay trong ngày chết không cần qua Trung ấm). Nay người chết thì mỗi bảy ngày thì cúng trai cầu phước, gọi đó là Trai thất, khiến cho chủng tử của thân Trung hữu không chuyển sinh vào ác thú (Thích Thị Yếu Lãm).

Bàn rằng: Khổng Tử nói: Đứa bé sinh ra ba năm khỏi phải cha mẹ bồng ẳm, cho nên phải để tang ba năm. Phật dạy rằng người chết sau bốn chín ngày mới khỏi thân Trung ấm, cho nên dự bị pháp thất trai. Cho đến người thời nay có lễ một trăm ngày, Lễ Tiểu Tường, Đại Tường đều cử hành Phật Sự, tuy nhân lời văn tang chế của nhà Nho mà tu Pháp Phật để cầu phước, há chẳng tin ư?

Dự Tu Trai - Ngài Phổ Quảng Bồ-tát bạch Phật rằng: Nếu có nam nữ lành khi chưa chết mà ngược tu Sinh thất như đốt đèn, treo tràng phan, thỉnh Tăng cúng dường (tức thỉnh Tăng theo thứ tự đến cúng dường), chuyển Kinh (tụng kinh - chỉ lược nêu bốn thứ) được phước nhiều chăng? Phật bảo: Phước đó vô lượng. Phổ Quảng lại thưa: Nếu cha mẹ thân tộc chết rồi chịu khổ mà tu phước thì phước đó nhiều chăng? Phật bảo: Bảy phần chỉ được một, vì hồi sinh tiền các người đó không tin đạo đức. Nếu vì người chết mà đem đồ trang sức, phòng nhà vườn rừng để cúng thí Tam bảo thì có thể cứu được Khổ địa ngục (kinh Tùy Nguyện Vãng Sinh).

Bàn rằng: Xét theo ghi chép của Di Kiên Chí thì bà lão Ngạc Chữ Vương thường mua giấy tiền đốt làm Ký Khố, sai đầy tớ là Lý Đại thay mình ký tên. Bà Ngạc chết, Lý bỗng bị bệnh ngất đi, ba ngày sống lại bảo rằng: Bị Âm Phủ bắt, đến kho bảo ký tên nhận tiền. Lý nói: Đây là tôi thay bà chủ mà viết tên. Khi dẫn đến gặp Kim Tử Quan thì hỏi đáp vẫn như trước. Quan bảo: Nếu theo chứng cớ thì người này nên cho trở về. Khi sắp ra về thì bà Ngạc hiện đến vui vẻ bảo rằng: nhờ ngươi mà nay ta được lãnh tiền gởi kho, mới được trở về. Nay người ta ưa làm việc gởi tiền kho trước thì lấy kinh Vãng Sinh và Di Kiên Chí làm bằng. Thời Phật Tỳ-bà-thi, trong Di Pháp có các Tỳ-kheo ở ngã tư đường bày một tòa để bát trên đó rồi bảo rằng: Có người nào bỏ tiền vào kho chắc chắn này chăng? Để vào kho này thì vua quan giặc cướp và nước lửa không thể cướp đoạt được (kinh Tạp Bảo Tạng).

Cúng trời - Hoán Pháp sư đem việc ngôi vị trời mất thứ tự, thường kể chuyện các trời đã bảo rằng: Phạm Thích Tứ Vương đều có quyền quân chủ hiệu lệnh cả. Công Đức thì nhà ở Bắc Thiên, Đại Biên thì nhờ

ở Sơn Trạch, đây là có nghĩa về Chủ Khách. Công Đức và Đại Biện đều là nữ, còn trời Phạm Thích là Nam, đây là nghĩa Nam Nữ - Còn Mật Tích quyến thuộc đều là Đại Bồ-tát, đó là Bản, hiện vào tượng thần thì là Tích, đây là nghĩa về Bản Tích - Công Đức Đại Biện ở cung trời thị hiện thân nữ nhưng lại phô bày sự hoằng hóa của Phật, nên gọi là Sáng. Còn các thứ khác tuy có ảnh hưởng nhưng ngôn hạnh không bày ra nên gọi là Tối. Đây là nghĩa Sáng Tối. Biết được bốn đầu mối này thì có thể cùng nói chuyện trời vậy.

Bàn rằng: Sư Chí Bàn thường xét theo nghĩa của Hoán Sư đã soạn ra lễ văn cúng Thiên (Bản văn để ở tháp chùa Tôn Giáo tại Đông hồ) quy định là có mười sáu ngôi vị. Trước hết là Phạm Thích kế đó là Bắc Thiên. Ngài Pháp Trí bảo: Kinh ta trước nêu Bắc Phương, là vì ở Tây Độ coi Bắc Phương là trên hết, kế đến là các trời Đông, Nam, Tây. Sau đó đến Công đức, Đại biện như hai trời Ma-lợi-chi và Vi-đà. Đây là ngài Minh Trí lúc ở Nam Hồ đã thêm vào (việc thấy trong Bản Truyện. Kế đó là Mật tích, Tám chi, Thần cây, Thần đất, Quỷ mẫu, hai mươi tám bộ... cộng là mười sáu ngôi vị, lấy đây làm chuẩn định. Ha-lợi-đế, Hán dịch là Ác tặc, bởi mẹ con quỷ ấy lúc chưa thọ giới thì ăn thịt trai gái trong vương thành, bị người oán nên để vào mục này. Nay đã ủng hộ Phật pháp thì nên bỏ đi. Hoán Sư trong Thiên Truyện, Hiểu Thạch Chi, Quang Minh Trợ Giải đều nói rằng: Trong Kinh nêu hai tên nhưng chỉ là một người (Tịnh Vô Trụ lúc còn ở Nguyệt Ba mỗi đầu năm tu sám, tất ở vị trời mà sửa bỏ bớt một câu “Ha Lợi Đế Nam” không đọc, bảo rằng Tổ Sư chỉ theo Văn Kinh mà không bớt đi. Đúng thay!). Xưa lập ra mười hai ngôi là căn cứ vào Sám Nghi. Có mười bốn ngôi là người sau thêm và Thần cây và Thần đất. Có mười sáu ngôi là thêm Ma-lợi-chi và Vi-đà. Hoặc thêm Nhật Nguyệt Bà và Kiệt Hạ Long... Hoặc mười tám ngôi hay hai mươi ngôi... tuy căn cứ vào văn kinh nhưng thực ra là phiếm lạm. Đời có Đinh Sư Thiên Truyện, chính là rơi vào tệ này (thấy rõ trong các Văn Lễ trời).

Cúng Vu-lan-bồn, kinh nói: Là đệ tử Phật cần phải hiếu thuận là trong mỗi niệm luôn nhớ đến cha mẹ, cho đến cha mẹ bảy đời. Mỗi năm đến ngày rằm tháng bảy thì dùng thức ăn trăm vị để trong Vu-lan-bồn cúng thí Phật và Tăng để báo đáp công ơn cha mẹ thương yêu nuôi lớn (kinh Vu-lan-bồn - Hán dịch là mở treo ngược. Nói dâng bồn cúng Tam bảo phước điền, dùng để cứu gấp nạn đói và treo ngược).

Lời bàn: Do ngài Mục-liên khẩn cầu cứu mẹ làm duyên mở đầu mà Đức Như Lai bày việc dựng bồn để làm lễ. Do đó mà dạy đạo làm

người phải báo đáp trọng ân. Từ khi Phật pháp truyền sang Đông độ, xưa nay vua chúa dâng bồn cúng lễ rất nhiều (việc thấy trong hội Yếu Chí). Song nay ở chùa, nhà đến ngày này rất nhiều người thí thực, cúng xong xem như một tục lệ bình thường, tuy không có nghi lễ dâng bồn nhưng không mất đi ý nghĩa Vu-lan.

Thủy Lục Trai - Vua Lương Võ Đế mộng thấy Thần Tăng bảo rằng: Bốn loài ở sáu nẻo chịu khổ vô cùng sao nhà vua không làm Thủy lục Đại tế để cứu họ? Vua đem chuyện hỏi các Sa-môn thì không ai biết cả. Chỉ có Chí Công khuyên vua rộng tìm trong các kinh luận tất có nguyên do. Vua liền sai người rước Đại Tạng về cung, vua nhiều ngày mở xem rồi viết ra Nghi Văn mãi ba năm sau mới xong. Vua bèn lập đạo tràng, đêm đến vua đích thân bưng Nghi Văn, ra lệnh tất cả đều tắt hết đèn đuốc, rồi bạch Phật rằng: Nếu Nghi Văn này lý hợp Thánh phàm thì nguyện khi lạy xong thì đèn đuốc lại cháy sáng, còn nếu thể thức chưa rõ thì xin tối đen như cũ. Bạch xong lạy xuống một lạy thì đèn đuốc đều rực sáng, đến lạy thứ hai thì cả cung điện đều chấn động và lạy thứ ba thì hoa trời mưa xuống.

Vào ngày rằm tháng hai năm Thiên Giám thứ tư, vua đến chùa Kim sơn thiết lễ đúng theo Nghi Văn. Vua đến ngồi chiếu đất, mời Hựu Luật Sư đọc Nghi Văn. Lúc bấy giờ các điều linh nghiệm không chép hết được. Sang đời Chu - Tùy không làm Nghi này. Đến đời Đường trong năm Hàm Đình có Anh Thiền sư ở chùa Pháp Hải tại Tây Kinh nằm mộng thấy Phủ Quân ở Thái Sơn mời đến nói pháp. Sau, Sư ngồi một mình ở Phương Trượng bỗng thấy có một Dị Nhân đến trước bảo rằng: “Khi ngài đến Phủ Quân ở Thái Sơn được trộm thấy tôn dung. Nghe đời có Lục Thủy Đại Tế có thể làm lợi ích cho người ở chốn u minh. Văn đó do Lương Vũ Đế biên tập. Nay Ngô Tăng Nghĩa Tế ở chùa Đại Giác được bản văn ấy. Mong ngài hãy đến tìm, theo pháp thiết lễ mà tu.” Sư bèn tìm đến Đại Giác quả nhiên được bản văn ấy. Bèn ở Vọng Nguyệt mà tu trai. Khi xong xuôi lại gặp Dị Nhân hôm trước cùng mười người tùy tùng đến trước Sư tạ rằng: Đệ tử là Tần Trang Tương Vương (Trang Tương Vương là cha của Tần Thủy Hoàng - Đến năm Hàm Hưởng đời Đường là chín trăm bốn mươi năm) lại chỉ các học trò bảo rằng: Đây là Phạm Tuy, Nhương Hầu, Bạch Khởi, Vương Tiển, Trương Nghi, Trần Chẩn... đều là Đại thần nhà Tần đều do tội cũ bị cầm tù tại Âm Phủ. Xưa vua Lương Võ Đế ở Kim sơn đã thiết Lễ hội, các quan trước đời Trụ Vương đều được thoát tội. Lúc đó đệ tử cũng tạm dứt tội khổ. Nhưng vì ngục tình chưa xử đoán nên chưa thoát được. Nay nhờ

Trai Sám mà đệ tử và đám thuộc hạ này, cùng các vua quan Liệt Quốc đều nhờ pháp lực mà được sinh lên cõi nhân gian. Nói xong liền biến mất. Từ đó Anh Công thường bày Trai Sám này lưu hành khắp thiên hạ (Đông Xuyên Dương Ngạc Thủy Lục Nghi. Trong nước Thục có Nghi Văn của Dương Suy Quan rất được lưu hành ở đời).

Bàn rằng: Xưa Chân Ẩn Sử Việt Vương, có lần đến Kim sơn ngưỡng mộ sự hưng thịnh của Thủy Lục Trai Pháp, bèn đem cúng thí một trăm mẫu ruộng ở núi Nguyệt ba chuyên kiến lập đàn Thủy Lục suốt bốn mùa để báo ân trời đất Quân Thân. Vương đích thân viết lời Sớ, khắc đá đặt trên vách điện, lại soạn ra tập Nghi Văn khắc bản in để ở chùa. Do đó Hiếu Miếu nghe biết được rất mừng rỡ ban cho Thủy Lục Vô Ngại đạo tràng, đặt Thần Hàn Phiến ở điện. Đến nay đã trăm năm luôn kính cẩn Tu Cúng. Cách làng Nguyệt Ba có một Phạm Uyển gọi là Tôn Giáo, thầy trò Tế Tế hướng dẫn Sa-môn, nghìn đời cả ba ngàn người, thí của, hiến ruộng đất, một mực tuân theo Nguyệt Ba tu pháp, bốn mùa phổ độ. Trước vì người trong Tôn Giáo đều bảo là lời ý của Sớ Việt Vương chuyên báo ân đám quan quân từ xưa hết lòng giữ an bờ cõi, để tỏ nghĩa cử vua tôi. Đẹp thì có đẹp nhưng ý tu cúng thì sang hèn giàu nghèo chưa thấy bình đẳng. Nên Sư Chí Bàn cố gắng viết tiếp ra Tân Nghi sáu quyển để đẩy mạnh việc cúng tu của Trai Pháp. Rồi đem khắc bản. Lại căn cứ vào tên và ngôi vị vẽ thêm hai mươi sáu bức tranh tượng. Kịp đến nay lập ra trai hội. Như thế Nghi Văn và Thanh Tượng đều được dùng. Bấy giờ người chủ trương sự việc thì có các Sa-môn ở chùa như Xử Khiêm Thanh Tiết, văn Học Sư Hồng. Người thí pháp là Nguyệt Ba Trụ Sơn Tông Tịnh. Người thí văn tự chính là Chí Bàn. Xin nguyện mười phương Già-lam xem đây vì Pháp làm rạng rỡ hưng thịnh đạo Phổ Độ.

Lục Đạo Hộc, kinh Tịnh Danh nói: "Dùng một bữa ăn thí cho tất cả (nói tất cả tức gồm cả Lục Đạo), cúng dường chư Phật và chúng Hiền Thánh, sau đó mới ăn." Ngài Nam Nhạc theo Tự Ý Tam-muội nói rằng:

Nay sắc hương vị này
Trên cúng mười phương Phật
Kế cúng các Hiền thánh
Sau thí hàng lục đạo
Khắp thí không sai khác...

Về phép ăn của Thiên Thai Quán Tâm là sau khi đánh chuông thì chắp tay cúng dường Nhất thể Tam bảo, kế đến dùng cơm xuất sinh gọi

là thí Lục đạo. Đây đều là khắp cúng mười cõi. Tức chứng cớ người thời nay thí Lục đạo tu cúng Thủy lục.

Lời bàn: Diệu Lạc nói: Người đời lập ra Lục đạo là do Lương Võ Đế thấy ở Giang Đông có nhiều Dâm từ (giết sinh mạng cúng tà quỷ) liền lấy thứ giống Phật pháp mà quyền biến thay vào. Đây bởi ngài Kinh Khê một mực lấy việc cúng tế sai trái đối với Phật pháp mà luận bàn, lấy đó để ngăn thiên hạ giết hại. Cho nên chưa luận về nghĩa "Khắp cúng mười cõi." Kinh Diệm Khẩu nói: "Bảo cúng dường Tam bảo tức là cúng bốn Thánh, cúng dường Tiên Bà-la-môn tức là cúng Nhân Đạo, cúng Chúng Diệm Khẩu tức là cúng Quỷ đạo." Còn bốn Đạo kia tuy không nêu ra, là do lúc đó phó cơ chưa khắp. Cho nên Văn Kinh kín đáo lược bỏ. Nếu người tu hạnh Đại thừa, Viên Quán Pháp Giới thì phải theo nghĩa Kinh Tịnh Danh. Còn việc ngài Từ Vân bảo: "Chỉ Quỷ đạo được ăn, năm đạo kia không được." Đây cũng là theo ý luận Bà-sa đã nói: "Nếu nhân cúng tế chỉ có quỷ thần được hưởng còn các Đạo khác đều không được", đây là việc căn cứ vào người đời cúng tế mà nói vậy thôi. Nếu căn cứ theo pháp xuất thế, dùng tâm bình đẳng mà tu cúng vô ngại, thì phải xem kỹ nguyên văn ở ba nơi Tịnh Danh, Nam nhạc, Thiên thai thì lý đều đủ cả. Nay có nơi để một Hộc nhỏ gọi là Tán sái. Hoặc dùng một hộc lớn hoặc đến bốn mươi chín hộc đều là để khắp cúng thí hàng Lục đạo cả, chẳng tin sao?

Cúng mười vua - Đời truyền rằng: Đời Đường có Minh Đạo Hòa thượng thần hồn dạo chơi Địa Phủ thấy có mười vua chia nhau trị vì người chết. Nhân đó truyền tên ở thế gian, bà con người chết phần nhiều đều thiết lễ cúng. Tên tuổi mười vua đều có ghi chép trong các truyện, ký. Có thể khảo được sáu tên: Viêm La, Ngũ Quan (là hai tên thấy trong Tam Trường Trai đã dẫn ở Kinh Đề-vị). Bình Đẳng (theo Hoa Nghiêm Cảm Ứng Truyện - Quách Thần Lượng bị sứ giả dắt đến chỗ Bình Đẳng Vương, Nhân đọc bốn câu kệ: Nhược nhân dục liễu tri... mà được thả về). Thái Sơn (Dịch Kinh Đồ Kỷ - Sa-môn Pháp Cự dịch Kim Cống Thái sơn Thục Tội Kinh, Hiếu Kinh viện dẫn Thần Khế là cháu của Thái Sơn Thiên đế, chủ về việc triệu hồn người chết). Sơ Giang (theo Di Kiên Chí thì Quách Sinh ở Trì Châu mộng thấy mình vào Minh Phủ, vua mời ngồi bảo rằng: Ta là Vương Lan ở Tấy Môn, Minh Ty xét ta trung hiếu chánh trực không hại vật, cho làm vua Sơ Giang mười hai năm). Tần Quảng (theo Di Kiên Chí thì Trần Sinh ở Nam Kiếm đã chết, con gái của em thấy hai quỷ dắt đến cung điện gọi là Tần Quảng Vương. Vua bảo cô gái muốn cứu khổ cho bác thì phải

nhờ tám Sư chuyển Kinh. Khi tỉnh dậy cô gái nhờ người nhà tìm được Kinh, thỉnh Sư tụng một ngàn biến. Người em mộng thấy người anh đến tạ ơn rằng: Đã được sinh lên trời). Âu Dương Tu cũng nằm mộng thấy mười vua (thấy trong Thông Tắc Chí, năm Gia Hựu 6).

Chuông Vô Thường - Ngài Trí Giả khi lâm chung bảo Duy na rằng: Khi người mạng chung được nghe tiếng chuông khánh thì tăng thêm chánh niệm, nên đánh càng dài càng lâu đến khi dứt thở mới thôi (thấy trong Bản Kỷ lời nói này có công dụng khi lâm chung). Nam Sơn Sự Sao nói rằng: Người bệnh khi sắp chết thì đánh khánh vô thường. Tăng Nhất Hàm nói: Như khi đánh chuông thì ở tất cả ác đạo các khổ đều dừng lại (Bản Kinh có nói pháp đánh chuông). Kinh Phó Pháp Tạng nói: Vua nước Kế Tân vì hiếu sát nên khi chết đã thành con cá ngàn đầu, xe kiếm quay khắp thân chặt rồi lại mọc ra. Có vị La-hán được bổ làm Duy na, theo giờ đánh chuông. Khi nghe tiếng chuông thì xe kiếm dừng lại trên không, Di Tín thưa rằng: xin đánh chuông kéo dài mãi. Qua bảy ngày chịu khổ liền dừng (đây là nói ứng nghiệm sau khi chết).

Tiên chủ nhà Nam Đường nhân giết lính quy hàng nên bị cầm tù dưới ngục Âm Phủ, chỉ khi nghe tiếng chuông thì các khổ tạm dừng. Khi vua vào âm phủ thấy thế liền báo mộng cho Hậu Chủ. Hậu Chủ bèn đúc một chuông để ở chùa Thanh Lương, có khắc trên chuông: Kính dâng Hiếu Cao Hoàng Đế thoát ách U Minh (Thông Tất Chí, thời Tấn Thiếu Đế) đây là bằng chứng gần nhất.

Quải Phan (treo phướn) - Nếu bốn chúng đệ tử, trai gái khi mạng chung, vì họ tạo ra phướn vàng treo trên chùa thì lìa được tám khổ nạn, được sinh mười phương Tịnh Độ. Theo gió chuyển một lần thì chuyển thành ngôi vị Chuyển luân vương, cho đến gió thổi nhẹ thì chuyển thành Tiểu Vương, quả báo vô lượng cho đến thành quả Bồ-đề (Đại Quán Đảnh quyển mười một. Đời có ghi Dược Sư Như Lai có mười hai thệ nguyện. Đây là việc riêng, không phải Kinh Bản Sự).

Gửi tiền - Sư Tổ nói rằng: Đường Minh Hoàng sai Vương Dư làm từ tế Sứ. Từ đời Hán khi chôn người thì có tiền chôn. Người đời sau bỏ đi, dùng giấy giả làm tiền mà cúng quỷ thần. Đến Vương Dư bèn dùng giấy tiền để cầu qua tai nạn. Minh Báo Ký nói: Tiền mà quỷ dùng chỉ là tiền giấy. Nếu dùng tơ lụa thì cũng chỉ là giấy. Bạc thì dùng thiếc, phết vàng thì dùng đất vàng.

Bàn rằng: Từ đời Đường trở về trước không có giấy tiền để dùng, Từ Vương Dư, cách dùng này rất thạnh hành. Do đó kho âm phủ chứa nhiều hình vẽ đồng tiền vàng và bạc, dùng không khác mấy với thế

gian, do tâm pháp biến tạo ra. Thiên Đường và Địa Phủ cũng do tâm người mà chuyển thành. Đời có dùng giấy tiền, tiền đồng làm kho gởi là do có quỷ thần dùng giấy tiền đó biến hình vào cõi nhân gian để mà mua đồ vật. Có người thấy Thái Sơn chất đống tiền sáp mà không dùng bảo rằng: Người nhân gian đã dùng dầu rót vào lửa để hóa tài nên làm ô uế. Đây là những linh nghiệm bất nhất, vì tâm sinh thì các pháp đều sinh, không phải chỉ riêng giấy tiền thôi đâu!

Phóng sinh: Kinh Quang Minh thuật chuyện dòng sông dài cứu được mười ngàn con cá được trời báo đức. Đó là chuyện khởi đầu. Ngài Trí Giả mua dứt Ấp Lương, dẹp bỏ việc lưới cá trên sông. Đó là lập pháp. Gặp các nạn trong ngục Kế hủ, báo ân trên nhà tu thiền, đó là chứng nghiệm rõ ràng (ba việc này đều có ghi trong bản kỷ của ngài Trí Giả). Vua Đường Túc Tông năm Càn Nguyên thứ hai, ra chiếu khiến thiên hạ lập ao phóng sinh, tất cả có tám mươi mốt sở (Nhan Chân Khanh có làm bia). Vua Tống Chân Tông năm Thiên Hy thứ nhất, ra chiếu khiến thiên hạ lập ao phóng sinh. Khắp các Châu, Huyện dọc sông Hoài trên dưới cách bờ nước năm dặm đều cấm săn bắt (hai việc này thấy rõ trong Thông Tất Chí). Ngài Từ Vân tâu vua xin Tây hồ làm ao phóng sinh, vào ngày tám tháng tư hội người trong Quận thả chim cá. Ngài Pháp Trí ở Nam Hồ nhân ngày Phật đản thả cá chim cầu thọ cho vua. Xu Mật Lưu Quân vâng chiếu vua soạn bia. Đây đều là đại khái về việc phóng sinh.

Đổi cách cúng - Đức Phật vì các loài quỷ Khoáng Dã, Quỷ Thần, Quỷ tử mẫu... đổi bỏ các thức ăn huyết nhục mà nhận thức ăn do chúng Tăng xuất sinh. Đó là duyên khởi (hai việc này thấy rõ trong Hiểu Thạch Chi Thí Thực Thông Lãm dẫn đủ các Kinh Tạng). Lương Võ Đế và vua Ngụy viết lời Văn. Ra lệnh tế giao miếu không được dùng con vật tế sống, chỉ dâng rau và bún miến. Đây là người chủ việc lập pháp (hai việc đều thấy ở Thông Tất Chí). Ngài Trí Giả truyền giới cho Quan Vân Trường, ngài Từ Vân truyền giới cho Bạch Hạc đều khiến cấm ăn máu thịt, chỉ chuyên việc ăn rau quả. Đây là Sa-môn lập Pháp (Ngài Từ Vân có văn đổi cách cúng cùng Quyết Nghi Thập Tụng để nói đủ các chứng nghiệm).

Cấm năm thứ cay nồng - Phật cấm năm thứ cay nồng, vì mùi hôi hám của nó sẽ ngăn Thánh đạo. Người ăn nó tất sẽ chiêu cảm nghiệp địa ngục mà thôi. Người thời nay không thể kiêng là không muốn thấy Thánh đạo mà cam phận làm bạn người tội ở vô gián, chẳng buồn lắm sao? Đây dùng các điều ghi chép đủ trong kinh luật để khuyến cáo người đời, năm chương rõ ràng, mong mọi người tuân giữ.

1. Danh Thể khác nhau: Phàm nói cay nồng có hai nghĩa; hăng nồng mà không cay như rau mùi, a ngùy. Còn cay mà không hăng nồng như củ cải trắng... Vừa cay vừa nồng là năm thứ cay nồng (hành tỏi...). Kinh Phạm Võng nói là đại toán (Tỏi - Thiên thai Sớ nói là Hồ Tuy), Cách thông (Kiệu), Từ thông (Hành), Lan thông (Tiểu toán), Hưng cừ (tức Thông tật, sống chín đều hôi, lá như loài man thanh, mùi hôi như tỏi tức a ngùy). Tạp A-hàm nói là: Cách thông, Từ thông (Hành), Mộc thông (hẹ), Tỏi, Hưng cừ (năm thứ này trích từ Phạm Võng). Kinh Niết-bàn nói là Hành, Hẹ, Kiệu (chỉ nói ba tên). Kinh Lăng Già nói là Hành, Hẹ, Kiệu, Tỏi (chỉ nói bốn tên, không nêu Hưng cừ, chỉ thêm Hẹ và chia Đại toán, Tiểu toán, thì vẫn đủ năm tên). Nước Trung Quốc nói Ngũ Tân (năm thứ cay nồng) tức hành, hẹ, kiệu, đại toán, tiểu toán như Lăng-già đã nêu.

2. Đại thừa cấm hẳn, kinh Lăng-già nói: Mùi xú uế bất tịnh hay ngăn che Thánh đạo, cũng ngăn che chỗ sạch sẽ của trời người ở nhân gian, huống là Tịnh độ của chư Phật. Kinh Phạm Võng nói: là Phật Tử không được ăn Ngũ tân (năm thứ hăng nồng), nếu cố ý ăn thì phạm khinh cấu tội (Thạch Bích chú thích: thể nó không nặng lắm nên gọi là khinh. Cấu là làm dơ bẩn Phạm hạnh). Kinh Lăng-nghiêm nói: Người ăn chín thì sinh dâm, ăn sống thì thêm sân, mười phương Thiên Tiên đều sợ mùi hôi hám mà lánh xa, còn các loài ngạ quỷ thì đến liếm môi mép, thường ở chung với quỷ, phước đức ngày càng tiêu mòn, mãi mãi không có lợi ích. Đại Lực Ma vương giả hiện thân Phật đến nói pháp cho nghe nếu không biểu hủy bỏ giới cấm thì khen dâm nộ si. Khi lâm chung sẽ làm quyến thuộc ma, đọa mãi trong địa ngục. kinh Niết-bàn nói: Người ăn ngũ tân sẽ sinh vào chỗ khổ sở nhơ uế. Kinh Kim Quan Kính Phước nói: Kẻ uống rượu ăn thịt và ngũ tân dù có tạo kinh tượng cực nhọc nhưng công đức vẫn ít ỏi, chủ thợ đều không lợi ích, các trời không phù trợ.

3. Tiểu thừa cho khai, kinh Báo Ứng nói: “Bảy chúng không được ăn thịt và các thứ cay nồng, nếu có bệnh thì được khai. Phải ở nhà Bạch Y ngoài Già-lam, được ăn trong bốn mươi chín ngày, sau đó phải dùng nước thơm tắm gội rồi mới đọc tụng kinh thì không phạm tội.” Kinh Tạp A-hàm nói: “Người ăn ngũ tân làm xú uế Tam bảo, khi chết đọa vào Thỉ Phẩn địa ngục, khi ra khỏi lại làm các loài chồn, heo, chó ở đồng hoang. Nếu được thân người thì thân thể hôi tanh.” Tăng-kỳ Luật Khai cho thầy Tỳ-kheo bệnh được ăn tỏi trong bảy ngày, ở riêng một phòng nhỏ bên ngoài, không được nằm giường nệm chúng Tăng, giảng đường

và nơi tiểu tiện không được đến. Không được ăn với chúng, không được đến lễ Phật, được ở dưới gió đứng xa mà lạy, bảy ngày xong thì phải tắm xông y phục, sau đó mới được nhập chúng.

4. Phương tiện cứu lỗi, kinh Lăng-nghiêm nói: Khi trì chú này thì các tội phá giới, tội địa ngục nặng nhẹ đều một lúc tiêu mất, dù cho uống rượu, ăn thịt cá và ngũ tân, Phật Bồ-tát và Thiên Tiên đều không chấp lỗi. Quán Thế Âm Đà-la-ni Kinh, Quán Đảnh Ấn Chú: Hai ngón cái co lại trong bàn tay giữ ngón vô danh, để lưng hai ngón vô danh sát nhau, hai đầu ngón út châu vào, hai ngón giữa để thẳng đầu chống vào nhau, hai đầu ngón co lại chống vào lưng hai ngón giữa và đọc chú rằng: "Án, Bộ tam mạt la tô ma lãm tá ha", tụng hai mươi mốt biến rồi tự rưới lên đảnh đầu. Mỗi sáng nên bắt ấn và tụng chú trên chậu nước. Người trì chú này phạm dục và ngũ tân, sẽ giải... phép của chú này dùng cho việc phạm lầm. Nếu cậy chú này mà cứ phạm rồi giải nhiều lần thì mắc thêm tội Nhờn Pháp. Thần Vương Bộ Chú sẽ giận trách, dễ phạm tội địa ngục, chẳng cẩn thận ư?

5. Chứng cứ trong Tam Giáo - Sư Trúc Đàm đến hiến lễ ngài Thiên Thai, vừa đến Thạch Lương gặp vị Thánh Tăng gọi bảo rằng: Mẹ ông khi mang thai ông đi ngang qua vườn hành, thai khí bị phạm xú uế nên ông không thể ở chùa được (Tăng Cảnh Lục). Sa-môn Thiên Trúc là Giác Xứng nói rằng: Ở nước Thiên Trúc tôi, ăn thịt và ngũ tân bị đuổi ra ngoài thành, cho nên trong nước không bán thứ này." Ngài Đạo Tạng nói: Tụng Kinh Huỳnh Đình kỵ ăn ngũ tân. Lại nói: Đạo sĩ thọ pháp kỵ ám uế ngũ tân (ngũ tân hôi hám). Tiên Truyện nói: Lạc Tử Trành cả nhà uống rượu tiên bay lên trời, riêng Tùng Tử rớt xuống đất. Thiên thần nói: "Người này ăn tỏi nên không được lên." Tư Mã Công trong Nghi Cúng Tế có nói: "Phàm cúng tế tuy được uống rượu nhưng không được quá hạn ăn thịt và ăn cay nồng (ngũ tân - tức hành hẹ tỏi có mùi hôi).

Bàn rằng: "Vì vật tầm thường mà tự chiêu lấy báo địa ngục." Người đời ăn ngũ tân là đó. Nay các Sư ta phần đông coi thường điều này, há chẳng đau buồn ư? Xưa, ngài Tra Am ăn cơm Tam bạch chính là tránh lỗi này mà thôi, không phải có ý làm kiêu với đời. Nhân soạn thuật văn này mà giận cho người biết pháp thời nay, bèn phát nguyện rằng: Nguyện mười phương chư Phật Bồ-tát Thiên Tiên, nghe con phát nguyện cùng đến gia hộ. Nguyện khiến cho các Trường Giáo Luật Thiền Lâm, các nơi diễn pháp của Tam Tông dù chủ hay bạn đều biết giữ gìn tịnh giới. Không ở nơi Già-lam thanh tịnh mà trồng các cỏ hôi

hành hẹ, không ở nơi trai đường thanh tịnh mà cho vào mùi hành hẹ hôi tanh, không dùng thân thể thanh tịnh mà ăn nuốt chất dơ hành hẹ. Nên biết người này và cảnh ấy nếu không thanh tịnh thì dù có trai giới thiền tụng các việc, đâu cảm được Phật trời giáng thần kính hộ, đâu được tiêu hết tai ương mà được tốt lành, đâu được chấn động u minh mà thoát khỏi trầm luân. Xin nguyện khắp cả thiên hạ, phàm trong các trai trù ở Tăng lam, Đạo quán không dùng hành hẹ để điều vị các thức ăn và riêng mình nấu ăn. Phàm tới các Quan phủ, Đệ Trạch lập đàn chay cầu cúng trước đó mười ngày nghiêm cấm dứt khoát các việc phi pháp. Tăng Đạo được thỉnh thọ trai nơi nhà tục, phải luôn tự kiểm soát, không được ăn cố ý hay ăn nhầm các thứ uế nhiễm. Ngõ hầu vì tình người khuyên nhau chấn hưng Thánh đạo, khiến việc kính thờ Phật trời được thanh tịnh nghiêm cẩn, tự làm và khuyên dạy người làm, cả hai cùng lợi ích. Chớ quên bản lập nguyện này. Cúi mong Phật nhãn chiếu soi lòng trời chứng giám, quyết ý cấm ngăn để tránh khổ báo.

Việc để tang - Luận về việc tang chế của đạo Phật thì các Luật Niết-bàn đều không dạy. Ngài Trí Giả khi lâm chung khuyên răn: "Việc khóc lóc để tang ở thế gian đều không nên làm." Nay theo Tang Nghi của Viễn Sư có nói: "Hòa thượng theo học xem đồng cha mẹ đều phải để tang ba năm, với y chỉ Sư thì cũng để tang như với Thầy." Ứng Sư trong Ngũ Sam Tập có nói: Để tang thầy chỉ dùng vải hơi thô, nhuộm màu vàng sậm (căn cứ theo đây thì chưa hề cho dùng vải trắng).

Bàn rằng: Người thời nay không biết, phần nhiều dùng vải trắng làm áo dài và tọa cụ, trái với Tăng Nghi rất là phi pháp. Nay xin dùng vải đen may quần, còn vải trắng làm áo lót, quần ngắn để biểu hiện cho tang chế. Cả hai thầy và cha mẹ đều dùng cách để tang này, nếu cha mẹ nuôi cũng có thể y theo lệ này. Tùy phong tục có thể tạm dùng vải gai. Trên không trái với các Luật Niết-bàn vô văn, dưới không bỏ hai nghĩa khai của hai Sư Viễn, Ứng. Tùy nơi mà hộ pháp nên phải dùng Trung Đạo.

Thiêu Tăng chết không cho đắp y ca-sa - Luật nói ba y chỉ để truyền trao, chưa hề nghe Phật và Tổ đắp y vào thân chết mà đem thiêu. Đời mạt pháp nhiều người không biết phần đông đều làm việc phi pháp. Có kẻ biết còn cần phải biện minh: nếu tịch ngồi mà ngay ngắn thì nên xây tháp mà táng và có thể đắp y cho nhục thể. Nhưng nếu theo pháp trà-tỳ thiêu thân thì không nên đắp y, vì đốt y là có lỗi trái luật. Có người bảo Tăng chết mà không y thì nên theo pháp thí-y của Tăng Diệu trong Minh Tường Ký, nói rằng: Đời Nam Tống, chùa Long Hoa

ở Giang lăng, Sư Tăng Diệu chết rồi. Một buổi tối hiện về phòng lên tiếng. Đệ tử là Khả Tông hỏi: Hòa thượng nay sinh về đâu? Diệu đáp: "Còn sơ sài, chỉ bị khiển trách nhẹ, hai năm mới khỏi, muốn kiện Quan Sở Ty mà không có y ca-sa. Nên gấp cắt áo thỉnh Tăng bày lễ cúng để thí y thì ta nhận được." Khả Tông theo lời dạy cúng cơm chư Tăng và thí y. Việc xong, Tỳ-kheo Đạo Mãnh liền thấy Tăng Diệu mình đắp y vào giảng đường, theo Tăng ngồi nghe kinh. Khi xong thì không thấy Diệu đâu nữa.

Bàn rằng: Chí Bàn tôi tự nghe chính con cháu của người này, chính mắt trông thấy và có gặn hỏi, không may ông này chết sớm. Đến ngày đốt khám thì không đắp y ca-sa, chỉ dùng vải làm áo lót và quần ngắn mà thôi. Trước khi thiết lễ Trai Tăng thì lấy y bảy điều thường dùng hằng ngày làm phép khấn vái rồi cúng thí chư Tăng. Lại dặn dò người sau rằng: phải gắng sức làm khi tự thân mình hoại diệt. Dám xin trình bày cùng các tri thức nên trọng pháp này.

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 34

XVII : VẬN PHÁP CÙNG THÔNG

PHẦN 1

Lời tựa: Đạo Phật vốn thường còn chưa hề lìa xa cuộc đời đầy thay đổi này. Từ lúc Đức Thích-ca ở rừng Hạc đến các Tổ nối nhau ra đời truyền giữ Đạo này đến Chấn Đán Đông độ cho đến nay vẫn chưa dứt. Chánh yếu là do Chúa sáng tôi hiền tuân lời Phật phó chúc luôn kính trọng hộ trì Phật pháp. Hàng Nho Lão không tin có lúc đã chê bai hủy hoại, nhưng cuối cùng vẫn không tiêu diệt được, ấy là vì đạo vốn thường còn vậy. Phàm đời cho rằng Tam Giáo tất cả đều dạy đời và đều có lúc cùng lúc thông, cũng đều do thời thế cả. Nêu ra Tam Giáo để xét chỗ một lý cùng về, liên hệ với biên niên để thấy rõ sự cùng thông của nó.

Muốn biết đại ý việc Như Lai ra đời thì trước phải nêu rõ Bản Tích, sau cùng là việc kết tập ba tạng để làm khuôn phép cho muôn đời sau. Khoảng giữa tuần tự luận về tám tướng là: Đâu-suất xuống gá thai, ở thai mẹ, thị hiện giáng sinh, vượt thành xuất gia, thành đạo, chuyển pháp luân và nhập Niết-bàn. Đó là đầy đủ trọn một đời giáo hóa của Đức Phật. Bắt đầu từ năm Giáp Dần đời Chiêu Vương và kết thúc năm Nhâm Thân đời Mục Vương. Đó là đại cương.

1. Nói rõ về Bản Tích

Đức Phật bảo đại chúng rằng: Tất cả hàng trời người ở thế gian đều cho ta sinh từ cung vua họ Thích, bỏ Già-da, không bao lâu ngồi nơi đạo tràng mà chứng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Song thật ra ta thành Phật đến nay đã rất lâu xa (kinh Pháp Hoa - Văn nói hàng Đại thừa thấy Bản Tích). Như thế ta đã ở chỗ Đức Phật Vô Lượng Thọ gieo trồng các thiện căn, làm Chuyển luân thánh vương. Trước hết ta

gặp ba mươi ức Đức Phật đồng tên là Thích-ca... Sau hết ta gặp Đức Phật Ca-diếp. Ngài thọ ký cho ta: "Ở đời tương lai ông sẽ làm Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni". Như thế ta đã phụng thờ chư Phật, tu học theo ý Phật. Khi đó bèn sinh lên cung trời Đâu-suất, trụ vị Nhất sinh bổ xứ (kinh Bồ-tát Bản Hạnh - Văn nói hàng tiểu thừa nhìn thấy Bản Tích - Tiếng Phạm gọi Phật-đà, Hán dịch là Giác giả. Phật giáng thần vào dòng họ Thích, sinh tại cung vua Tịnh Phạn, nên gọi là Cung họ Thích - Già-gia, Hán dịch là Sơn thành tức đô thành của vua Tịnh Phạn - A-nậu Bồ-đề, Hán dịch là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là Đức Hiệu của Phật - Ca-diếp, Hán dịch là Ẩm Quang, là nói ánh sáng thân của Phật này lấn át các ánh sáng khác. Thích-ca, Hán dịch là Năng Nhân. Mâu-ni, Hán dịch là Tịch Mặc, là biệt danh của Phật. Đâu-suất, Hán dịch là Tri Túc. Hậu thân của trời là Bồ-tát. Khi sắp thành Phật trước hết sinh lên cung Đâu-suất, sau đó hạ sinh xuống nước Trung Thiên Trúc ở Châu Nam Thiệm. Từ Đâu-suất bổ đến chỗ Phật nên gọi là Nhất sinh).

2. Từ Đâu-suất hạ sanh

Bồ-tát từ cung trời Đâu-suất khi sắp giáng thần thì có số Bồ-tát nhiều như vi trần của cõi Phật trong mười phương đều nguyện cùng đi với Bồ-tát, cho đến Đức Phổ Hiền đầy thần thông hạnh nguyện cũng đều đồng hàng (kinh Hoa Nghiêm).

Bồ-tát khi sinh ở trời Đâu-suất tên là Thánh Thiện, làm vua các trời, nói hạnh Bổ xứ, hẹn kỳ hạn sắp tới sẽ xuống làm Phật. Quán xét trong đại thiên này thì nước Ca-tỳ-la ở chính giữa cõi Diêm-phù. Quán xét vợ chồng vua Tịnh Phạn là chân chánh đáng làm cha mẹ, nên bảo các Thiên tử rằng: Ta sẽ hạ sinh vào cung vua Tịnh Phạn, bỏ ngôi vua Luân vương, xuất gia học đạo, thành Nhất thiết chủng trí, chuyển đại pháp luân, rộng làm lợi ích cho hàng trời người, lúc đó các ông nên cùng đến hội họp (kinh Nhân Quả - Đại thiên tức là cõi tam thiên, nghĩa thấy trong tam giới chí - Diêm-phù-đề cũng gọi là Thiệm-bộ hay Nam Châu - Ca-tỳ-la, Hán dịch là Huỳnh sắc, Đất có chất màu vàng ở giữa. Vua Tịnh Phạn là vua nước Ca-tỳ-la - Nhất thiết chủng trí là Phật có ba Trí: Nhất thiết trí là Chân đế, Đạo chủng trí là Tục đế, Nhất thiết chủng trí là Trung đế).

3. Gá thai mẹ

(Khởi Tín Luận nói có trụ thai, kinh Hoa Nghiêm nói trụ thai mẹ xong thì thị hiện xuất gia. Kinh Nhân Quả nói: Ở trong thai nhưng vẫn

đi đứng ngồi nằm và nói pháp cho chư Thiên. Nên biết cả Đại Tiểu thừa đều nói là có "Trụ thai") Bồ-tát ở cung trời Đâu-suất ẩn mất liền sinh vào cung vua Tịnh Phạn ở nhân gian và gá thai vào Ma-gia phu nhân tại lầu các Chiên-đàn (kinh Hoa Nghiêm - Cây Chiên-đàn hương, Hán gọi là Dữ lạc (cho niềm vui) - Ma-gia, Hán dịch Đại Uyển, là mẹ sinh ra Phật). Bồ-tát cỡi voi trắng sáu ngà ra khỏi cung Đâu-suất phóng luồng sáng lớn chiếu khắp mười phương vào lúc sao mai mới mọc ngày tám tháng tư giáng thần vào thai mẹ từ hông phải chui vào (kinh Nhân Quả).

4. Giáng Sinh: Vào thời nhà Chu (đóng đô ở Đất Cảo).

Đời Chu Chiêu Vương (tên Hà, từ Chu Vũ Vương đến Chiêu Vương là bốn đời).

Năm Chu Chiêu Vương thứ hai mươi sáu (Giáp Dần - Lưu Đạo Nguyên Ngoại Kỷ thì ghi là năm thứ hai mươi sáu, các sách khác phần đông nói năm thứ hai mươi bốn là nhầm).Khi phu nhân ra vịn cành cây ở Kim viên thì sinh Bồ-tát. Các chúng Thiên Vương mỗi người đều dâng nước thơm tắm gội Bồ-tát (kinh Hoa Nghiêm) - Khi Bồ-tát mới sinh ra liền đi bảy bước khắp mười hướng (kinh Niết-bàn).

Phu nhân đến vườn Lâm-tỳ-ni khi mặt trời mới mọc vào ngày tám tháng tư, đưa tay hữu lên hái hoa cây Vô ưu, thì Bồ-tát từ hông phải chui ra rơi trên hoa bảy báu, tự đi bảy bước đưa ta phải lên trời nói rằng: "Trên trời dưới trời chỉ có ta là cao quý." Vua triệu tập các Bà-la-môn hỏi là nên đặt tên gì? Đáp rằng: Khi Thái tử sinh ra có rất nhiều điềm lành, vậy nên đặt tên là Tát-bà-tất-đạt (Hán dịch là thành tựu tất cả nghĩa - Rút từ hai Kinh Nhân Quả và Thụy Ứng).

Ngày tám tháng tư năm Giáp Dần đời Chu Chiêu Vương, tất cả sông hồ ao nước tràn đầy, đại địa và các cung điện đều chấn động hơi sáng ngũ sắc xuyên vượt Thái Vi ùa về phương Tây. Vua hỏi Quan thái sử Tô Do rằng: Có điềm lành gì thế? Thái sử tâu: "Có đại Thánh nhân sinh ở phương Tây, một ngàn năm sau giáo pháp ngài sẽ truyền đến đây." Vua liền sai khắc đá để trước đền lớn tại Nam giao (Chu Thư Dị Ký - Theo Ngoại Kỷ của Lưu Nhự nói: Thời vua Chiêu Vương, có ánh sáng ngũ sắc xuyên sao Tử Vi, ao giếng đều đầy nước).

Ngày tám tháng hai năm Chiêu Vương bốn mươi, vua Tịnh Phạn đại hội quần thần, các Tiểu vương và Bà-la-môn dùng bình bảy báu đựng nước bốn biển lớn rót trên đỉnh đầu Tất-đạt lập ngài làm Thái tử (kinh Nhân Quả - Bà-la-môn, Hán dịch là Tịnh Hạnh, tên chung các

ngoại đạo).

Năm thứ bốn mươi hai, vua cưới con gái của Bà-la-môn là Gia-du-đà-la về làm vợ Thái tử. Thái tử luôn tu thiền Quán chưa từng sống đời vợ chồng (kinh Nhân Quả - Da-du-đà-la, Hán dịch là Hoa Sắc Nữ).

5. Ra khỏi cung vua

Bồ-tát muốn khiến chúng sinh đắm mê nhà cửa bằng pháp lìa bỏ nhà cửa, nên khen ngợi công đức xuất gia bằng cách thị hiện xuất gia (kinh Hoa Nghiêm).

Năm Chu Chiêu Vương năm mươi, Thái tử thưa cha: "Xin cha cho con xuất gia học đạo." Vua nói: "Nước chưa có người nối ngôi." Thái tử liền dùng tay phải chỉ vào bụng vợ nói: "Sáu năm nữa nàng sẽ sinh con trai." Ngày bảy tháng hai, thân Thái tử phóng ánh sáng chiếu khắp các cung trời, chư Thiên đều biết đã đến lúc Thái tử xuất gia, cùng đến lễ dưới chân ngài. Giữa đêm Thái tử cỡi ngựa ra khỏi cửa thành đến rừng Khổ hạnh, tự cắt râu tóc. Trời Tịnh cư hóa làm thợ săn mình mặc áo Ca-sa. Thái tử lấy áo bảy báu đổi. Sáng hôm sau ngài đến bờ sông Ni liên thiền ngồi yên tư duy. Suốt sáu năm khổ hạnh, tịnh tâm giữ giới, mỗi ngày chỉ ăn một hạt mè một hạt lúa (kinh Nhân Quả - Trời Tịnh cư là Ngũ tịnh cư, nơi sinh ra năm Thánh Na-hàm - Ca-sa là loại áo hoại sắc, tên gọi chung ba y - tên sông Ni liên thiền, Hán gọi là Bất lạc trước (không mê vui).

Đời Chu Mục Vương (tên Mãn, con của Chiêu Vương) năm thứ tư.

6. Phật thành đạo

Bồ-tát ở Bồ-đề đạo tràng mới thành Chánh giác (kinh Hoa Nghiêm). Ba mươi tuổi ngài thành đạo hiệu là Thích-ca Mâu-ni (Phạm Võng). Khi thành đạo rồi thì Phạm thiên khuyến thỉnh: "Xin Đức Như Lai nên vì chúng sinh mà rộng mở Cam lồ nói pháp Vô thượng" (kinh Niết-bàn). Thái tử nghĩ rằng ta tu khổ hạnh đã tròn sáu năm, ta nên ăn uống rồi sau mới thành đạo. Lúc đó có cô gái chăn bò Nan-đà đem cháo sữa dâng lên Bồ-tát. Bồ-tát ăn xong liền đến dưới cội cây Bồ-đề. Thích Đề-hoàn Nhân hóa làm người phàm đến dâng cỏ Cát tường. Ngài trải cỏ làm tòa rồi ngồi kiết già và tự thệ rằng: Nếu không thành Chánh giác ta không rời khỏi tòa này (kinh Nhân Quả, kinh Phật Bản Hạnh - Nan-đà, Hán dịch là Hoan Hỷ tên cô gái. Thích Đề-hoàn Nhân, Hán dịch là "Có thể làm vua trời", tức là trời Đế Thích ở Đao-lợi. Cây Bồ-đề, Hán gọi là Cây Đạo, vì Phật ngồi

dưới cây này mà thành đạo).

7. Hàng phục Thiên ma (Phẩm Ly Thế Gian của kinh Hoa Nghiêm - Hoặc thấy Bồ-tát ở cung trời Đâu-suất, vào thai, sinh ra, xuất gia, thành đạo, hàng ma, chuyển pháp luân và nhập Niết-bàn. Đây là văn hàng ma của Đại thừa). Lúc bấy giờ cung điện của Ma vương tự nhiên rúng động. Ma vương Ba-tuần sợ hãi, triệu tập hết các quân ma, cầm kích tuốt gươm, trợn mắt nhe nanh, bay nhảy loạn xạ. Bồ-tát thấy chúng như trẻ con đùa giỡn. Ma Ba-tuần bảo Bồ-tát rằng: "Nếu ông không trốn mau ta sẽ quăng ông xuống biển." Bồ-tát bảo: "Trước hết ngươi lắc nổi bình tắm này thì mới có thể quăng ta xuống biển được." Ma Ba-tuần không nhúc nhích được, cả quân ma đều tan rã. Con lớn của ma Ba-tuần là lái buôn bèn đến đảnh lễ sám hối Phật: "Cha con ngu si dám xúc phạm đến Đại Thánh xin được dung tha" (ba Kinh Nhân Quả, Tạp Bảo Tạng, Phật Bản Hạnh. Ma-la, Hán dịch là Năng Đoạt Mạng. Tên Ma vương Ba-tuần, Hán gọi là Cực Ác). Khi hàng phục ma rồi thì ngài phóng ánh sáng lớn và liền nhập định, tư duy về Chân đế, biết hết về quá khứ việc đã tạo nghiệp lành dữ, tuổi thọ ngắn dài và tất cả chúng sinh luân hồi trong năm đường đều không chân thật (kinh Nhân Quả).

Khi sao mai mới mọc ngày tám tháng hai (trời sắp sáng) thì ngài hoát nhiên đại ngộ chứng đạo Vô thượng thành Tối chánh giác (kinh Nhân Quả, kinh nói: Hàng Ma trước, thành đạo sau - Tứ Giáo Nghi cũng nói giống thế, kinh Hoa Nghiêm lại nói: Thành đạo trước, hàng ma sau. Nay căn cứ theo kinh Hoa Nghiêm).

Năm ấy Gia-du phu nhân sinh con trai đặt tên là La-hầu-la (Hán dịch là Phúc Chướng (ngăn che) vì ở trong thai sáu năm nên bị ngăn che).

8. Chuyển pháp luân

Khi Đức Như Lai thành đạo rồi thì chuyển chánh pháp luân. Trước Đốn sau Tiệm, có năm thời. Hoa Nghiêm gọi là Đốn giáo, Lộc Uyển, Phương Đẳng, Bát-nhã ba thời gọi là Tiệm. Còn Pháp Hoa và Niết-bàn thì không phải Đốn không phải Tiệm.

Thời thứ nhất Hoa Nghiêm

Ở Bồ-đề đạo tràng trước hết Phật nói Hoa Nghiêm trong hai mươi mốt ngày suy nghĩ các việc như thế. Đây gọi là Như Lai đầu tiên nói Đốn. Ước về Bộ là Đốn, ước về Giáo là Kiêm Biệt nói Viên. Như mặt trời mới mọc, trước chiếu trên núi cao lại là sữa lấy ra từ bò (hai mươi

mốt ngày nói gọi là Tịch Trường Hoa Nghiêm).

Năm Chu Mục Vương thứ năm, thời thứ hai Lộc Uyển

Vì Đức Như Lai nói Đốn riêng độ cho hàng Đại thừa (Đại Cơ), nên Thanh văn ở tại tòa hình như câm điếc. Do đó ẩn Đại mà bày Tiểu, từ Bất Động Tịch Trường, Phật đến Lộc Uyển, vì năm ông Kiều-trần-như... chỉ nói ba tạng giáo và bốn Kinh A-hàm (Kiều-trần-như, Hán dịch là Đồ đựng lửa (Hỏa khí) - A-hàm, Hán gọi là "Pháp không gì sánh", có Trường, Trung, Tạp, Tăng Nhất bốn thứ A-hàm). Ước về thời tiếp theo chiếu vào hang tối, ước về vị là chất lạc lấy từ sữa (nói Lộc Uyển mười hai năm).

Năm Chu Mục Vương thứ mười sáu, thời thứ ba Phương Đẳng

Là chê bai Thiên Tiểu khen ngợi Đại Viên, cùng nói bốn giáo, Tạng là bán tự, Thông Biệt Viên là mãn tự. Vì đối bán mà nói mãn nên gọi là Đối giáo, nói các kinh Tịnh Danh, Kim Quang Minh... Ước về thời là giờ ăn, ước về vị là chất Sinh tô lấy từ Lạc (nói Phương Đẳng tám năm).

Năm Chu Mục Vương hai mươi bốn, thời thứ tư Bát-nhã

Đây là chuyển giáo giao phó tài sản dung thông loại bỏ. Đây không nói Tạng giáo, gồm cả Thông Biệt hai thứ mà chánh thức nói Viên giáo, nói Ma-ha Bát-nhã và các kinh Bát-nhã. Ước về thời là gần giữa, ước về vị là chất thục tô lấy từ sinh tô (nói Bát-nhã hai mươi hai năm).

Năm Chu Mục Vương bốn mươi sáu, thời thứ năm Pháp Hoa - Niết-bàn

Đây là Khai một Đốn và ba Tiệm trước mà hội nhập vào không phải đốn không phải Tiệm - Vì không đồng câm điếc nên không phải đốn, không ước với ba Thời nên không phải Tiệm. Các Bộ Viên giáo đều không cần phải khai, chỉ là trong Bộ là gồm cả Đối Đới. Cho nên không bằng Pháp Hoa thuần nhất không tạp. Ước về thời là mặt trời chính ngọ không lệch bóng, ước về vị là chất đề hồ lấy từ thục tô (nói Pháp Hoa tám năm).

9. Nhập Niết-bàn

Nói Niết-bàn có hai nghĩa: Một là vì người chưa thuần thục Pháp Hoa nên nói thêm Tứ giáo luận đủ về Phật tánh, khiến biết lẽ Chân Thường mà nhập vào Đại Niết-bàn gọi là Giáo nhặt lượm cơ còn sót lại. Hai là vì đời mạt pháp, Thừa và Giới đều lỗi mất, bèn phò Tam tạng mà rộng mở về Thường Tông, lập ra ba thứ Quyền phò giúp một Viên

Thật gọi là Giáo Phò Luật Đàm Thường. Nếu luận về Thời Vị thì đồng với Pháp Hoa (Niết-bàn là khi sắp diệt độ mà nói. Theo văn trước, Như Lai thành đạo rồi chuyển chánh pháp luân, phần trở về sau sẽ rõ trong Phật Bản Kỷ).

Năm Chu Mục Vương năm mươi ba (Nhâm Thân), ngày rằm tháng hai, Đức Phật ở thành Câu-thi-na (Hán gọi là Tam Giác) trong khoảng rừng cây Ta-la trên đất Lực sĩ sinh (Ta-la, Hán gọi là Kiên Cố) khi Phật sắp nhập Niết-bàn (Hán gọi là Diệt Độ) thì có tiếng rất lớn phát ra khắp bảo đại chúng rằng: "Hôm nay Đức Thế Tôn sắp nhập Niết-bàn." Lại từ mặt Phật phóng ra các thứ ánh sáng chiếu khắp mười phương. Đại chúng tập họp Phật bèn nói pháp cho nghe rồi bảo: Ta nay có chánh pháp vô thượng đã đem phó chúc cho Ma-ha Ca-diếp, ngài sẽ làm chỗ nương tựa lớn cho các ông, giống như Như Lai vậy. Lại bảo đại chúng: Nay ta giao phó chánh pháp cho các quốc vương, đại thần và bốn bộ chúng, phải nên khuyên gắng những người học khiến họ tăng trưởng giới, định, tuệ." Bấy giờ Đức Thế Tôn nằm nghiêng hông phải trên giường bảy báu, giữa đêm vắng lặng không một tiếng động. Lúc đó Ta-la song thọ rũ nhánh lá che giường báu, sầu thảm biến thành màu trắng như loài bạch hạc. Đại chúng thương khóc tiếng vang động thế giới. Lúc đó đại chúng cùng phò Như Lai đặt vào Kim quan. Đức Thế Tôn đại từ bi liền tự cất Kim quan bay quanh thành bảy vòng rồi đến nơi trà-tỳ. Đại chúng dùng gỗ thơm cất thành lầu thơm lớn rồi đặt Kim quan trên lầu, Đức Phật vì ngài Ca-diếp ló đôi bàn chân có tướng xe ngàn căm ra ngoài Kim quan. Ngài Ca-diếp lạy và khen ngợi xong thì đôi chân Kim cang tự rút vào. Rồi từ quả tim trong lồng ngực Đức Phật lửa bùng lên bao trùm Kim quan trà-tỳ dần dần, trải suốt bảy ngày lầu thơm mới tắt (Từ trên là theo kinh Niết-bàn - Trà-tỳ còn gọi là Xà-duy, Gia-tuần - Hán gọi là thiêu đốt).

Phân chia Xá-lợi

Trời Đế Thích mở Kim quan lấy răng phải của Phật đem lên trời xây tháp kính thờ. Đại chúng thâu nhặt xá-lợi (Hán gọi là xương thân) đựng đầy tám bình đem vào thành Câu-thi cúng dường bảy ngày (kinh Niết-bàn) - tám nước cùng chia xá-lợi, vua A-xà-thế được tám vạn bốn ngàn hạt dùng hộp vàng ròng đựng đầy đem đặt trong Hằng hà xây tháp kính thờ (kinh A-dục Vương).

10. Kết tập ba tạng

Ngày Rằm tháng tư ngài Ca-diếp lên núi Tu-di (Hán gọi là Diệu

Cao) đánh kiền chùy đồng (Kiền chùy. Thinh Luận nói là chuông, hoặc tùy nơi có kim loại hay gỗ đánh có tiếng kêu, đều gọi là kiền chùy) tập họp một ngàn vị A-la-hán (Hán gọi là Vô Sinh) kết tập Pháp tạng (kết các pháp nghĩa tập lại thành văn, kinh luật Luận ba thứ gọi chung là Pháp Tạng). Ngài A-nan lễ chư Tăng rồi lên tòa lên tiếng rằng: "Tôi nghe như vậy, một thuở nọ Phật ở tại..." (tất cả Kinh đều bắt đầu bằng câu này). Ngài Ca-diếp và đại chúng đều rơi lệ, mới hôm nào còn thấy Phật, hôm nay đã nói tôi nghe... (Trí Luận).

Bàn rằng: Đạo Phật sâu xa không thể nói tóm tắt như thế này. Ở đây chỉ vì dẫn dắt kẻ mới học Tông ta cùng đám con cháu các quan (nho sinh) muốn tìm hiểu đạo này mà thôi. Tuổi trẻ sức khỏe đọc nhanh sách này tuy lưu loát nhưng không hiểu nghĩa. Có người có thể dùng đoạn văn tóm tắt này để suy tìm văn Phật kỷ bốn quyển. Những người biết rõ giáo lý vì những Sa-môn chưa hiểu nghĩa lý mà giảng giải tường tận thì tự nhiên sẽ hiểu rõ thì dù không muốn hiểu cũng không được.

Ngày Rằm tháng hai năm Nhâm Thân đời Chu Mục Vương, bỗng có gió dữ thổi bay nhà gãy cây, núi sông chấn động. Ở phương Tây có ráng trắng chia làm mười hai vệt chạy từ Bắc đến Nam. Vua hỏi quan thái sử Hỗ Đa, quan tâu: Đây là điềm đại Thánh nhân ở phương Tây qua đời (Chu Thư Dị Ký).

Vào thời Mục Vương, ở nước cực Tây có hóa nhân đến, đi vào nước lửa lại ra sông núi, thiên biến vạn hóa khôn cùng. Mục Vương kính như thần, thờ như vua, lên núi Chung nam xây đài Trung thiên cao cả ngàn nhận (Liệt Tử).

Thời Mục Vương, Văn-thù và Mục-liên (Văn-thù Bồ-tát, Hán gọi là Diệu Đức; Mục-liên Tôn giả, Hán gọi là Thái Thúc từ phương Tây đến dạy vua bày ra bốn Cao đài là nơi Phật Ca-diếp thuyết pháp (bốn anh em họ Cao xây nên). Nhân đó lập ba hội đạo tràng, ở núi Chung nam xây đài Trung thiên cao ngàn thước (Liệt Tử hóa nhân tức Văn-thù...). Con thứ hai của vua ở hang đá Bắc Sơn tại Thấm thủy tạo tượng Phật Ca-diếp. Vua lại ở chùa Phật Ca-diếp cũ tại Cổ Sơn cất lại chùa Trúc lâm. Thần núi theo Phật thỉnh năm trăm vị A-la-hán đến ở (Thiên Nhân Hoặc Thông Truyện).

Bàn rằng: Phật pháp truyền đến Đông độ bắt đầu từ Chu Mục Vương, vua đã tạo tượng cất chùa tuân theo phép xưa của Phật trước, tin rằng các Phật quá khứ đã hoằng hóa ở đất này. Đến khi Thất Lợi Phòng mang kinh sang Tần, Tần Thủy Hoàng từ chối bảo đem ra khỏi nước, ấy bởi vì thời chưa đến, Cơ chưa thuần mà thôi. Đến thời Hán, Minh Đế

ứng mộng thì Tam bảo cùng hưng thịnh cả vua, tôi, thứ dân cùng kéo nhau đến quy mạng. Đây là việc Tô Do bảo là: “Điềm ứng hiện một ngàn năm nữa giáo pháp sẽ truyền đến đây.”

Đời Chu Ý Vương (tên con của vua Cung Vương)

Năm Ý Vương thứ tám, Sơ Tổ Ma-ha Ca-diếp (Hán gọi là Đại Ẩm Quang) trước đây ở trên hội Pháp hoa đã nghe Phật nói về Dụ Nhà Lửa, ngài Ca-diếp cùng bốn Đại Thanh văn do đó đã lãnh hội, nên được Phật thọ ký làm Phật hiệu Quang Minh (đây chung với việc phó chúc Pháp). Đến khi nhập Niết-bàn, Phật bảo đại chúng rằng: Nay ta có chánh pháp vô thượng đã đem phó chúc cho Ma-ha Ca-diếp, sẽ làm nơi Đại Y Chỉ cho các ông (thấy ở phó pháp riêng, trụ trì ở đời mạt pháp nên dụng nghĩa khác). Di Mẫu đã hiến cho ngài Y Ca-sa sợi vàng để đợi ngài Từ Thị thành Phật mà giao lại. Ngài Ca-diếp hoằng truyền đến hai mươi năm thì đem pháp tạng giao lại cho A-nan-đà. Rồi ngài đem y Phật đến núi Kê túc, nhập Diệt Tận Định đợi ngài Di-lặc hạ sinh (Di-lặc, Hán gọi là Từ Thị - Di Mẫu Ma-ha Ba-xà-ba-đề, Hán gọi là Đại Ái Đạo. Núi Kê túc, Linh thứu có ba ngọn như ba ngón chân gà ngữa ra).

Đời Chu Hiếu Vương, tên Tịch Phương, em Ý Vương.

Năm Hiếu Vương thứ ba, Nhị tổ A-nan-đà (tức Khánh Hỷ, em họ của Phật) hoằng pháp hai mươi năm ở nước Ma-đột-la, đem pháp tạng phó chúc cho Thương-na Hòa-tu (Hán gọi là Thảo Y), lại ở giữa dòng sông Hằng hóa thành đất vàng, nói pháp và thọ ký cho Mạt-điền-địa (Hán gọi là Hà Trung) và năm trăm Tiên nhân.

Năm Ý Vương thứ ba mươi hai, Tổ thứ ba là Thương-na Hòa-tu ở nước Ma-đột-la đem pháp tạng giao phó cho Ưu-ba-cúc-đa (Hán gọi là Đại Hộ).

Đời Lệ Vương (Con vua Hồ Di) - Năm thứ ba mươi ba.

Sau khi Đức Phật diệt độ một trăm năm, tại thành Hoa thị nước Trung Thiên Trúc (Vương cung Đa Hoa) vua A-dục (Hán gọi là Vô Ưu) sai sứ đến bạch ngài Cúc-đa muốn đến thăm hỏi. Ngài Cúc-đa liền đến chỗ vua xoa đỉnh đầu nói kệ chỉ rõ nơi xưa kia Đức Như Lai đi qua hoặc đến ở đều phải xây tháp. Lại lấy xá-lợi Phật mà vua A-xà-thế đã dấu dưới Long cung sông Hằng đem lên xây tám vạn bốn ngàn bảo tháp. Lại khuyên các quỷ thần ở cõi Diêm-phù-đề, mỗi thành ấp nào có đủ một ức nhà thì lập một tháp... Thuở xưa, khi Phật ở thành Vương xá đi khất thực, có một cậu bé ở xa nhìn thấy Đức Thế Tôn, nghĩ rằng mình dâng cúng lên ngài bột gạo, rồi cậu bỏ vào bát ngài một nắm cát mịn. Nguyên nhờ công đức này mà được làm vua bao trùm một cõi thiên

hạ tức nơi đời này được cúng dường Phật. Đức Thế Tôn mỉm cười bảo A-nan rằng: Sau khi ta diệt độ một trăm năm thì cậu bé này làm vua Chuyển luân thống lãnh một cõi, họ là Khổng Tước tên A-dục, cai trị bằng chánh pháp, xây dựng tám vạn bốn ngàn tháp Pháp vương mà phân bố xá-lợi ta khắp nơi.

Bàn rằng: Ngài Ma-đằng tâu vua Hán Minh Đế rằng: Tháp vua A-dục ở nước Chấn Đán có mười chín ngôi. Bồ-tát bảo Lưu-tát-ha là ở Lạc dương (Thánh Trũng), Kiến Nghiệp (Trường Can), Mậu Âm (Ngọc Kỷ), Lâm Trung, Thành Đô, năm chỗ có tháp vua A-dục. Nay mười chín chỗ không thể biết hết. Nhưng khảo sát năm chỗ thì chỉ riêng tháp ở Mậu Âm là bày rõ trên thế gian có thể đến chiêm bái. Tin tưởng rằng có thể làm bến bờ nơi biển cả để quần sinh có cơ may gặp Phật.

Năm Lệ Vương thứ ba mươi tư. Sau khi Phật diệt độ một trăm năm thì ở thành Tỳ-xá-ly có Tỳ-kheo Bạt-xà-tử tự ý xướng lên mười việc, như nói Phật cho giờ ngọ quá hai đốt tay thì được ăn, cho đến được giữ vàng bạc. Khi kiểm tra lại thì tất cả đều là phi pháp, trái Tỳ-ni (Hán gọi là Luật). Có bảy trăm vị A-la-hán kết tập và luận pháp Tỳ-ni (kiết tập lần thứ hai có bảy trăm vị A-la-hán).

Năm Lệ Vương thứ năm mươi mốt - Tổ thứ tư là Cúc-đa ở nước Ma-đột-la đem pháp tạng phó chúc lại cho ngài Đề-ca-đa.

Đời Chu Bình Vương (tên Nghi Cữu, con U Vương, ở phía Đông dời đô về Lạc dương), năm thứ ba mươi hai. Tổ thứ năm là Đề-ca-đa ở nước Trung Thiên Trúc đem pháp tạng phó chúc cho ngài Di-giá-ca.

Đời Chu Trang Vương (tên Tha, con của Hằng Vương), năm thứ bảy.

Sau khi Phật diệt độ hai trăm năm, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đến Tuyết Sơn hóa độ cho năm trăm Tiên nhân và trở về nơi ở cũ, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp thế giới rồi nhập Niết-bàn.

* Ngày Tân Mão tháng tư mùa Hạ năm Lỗ Trang Công thứ bảy thì không có Hằng Tinh, Tăng gọi là Đêm Sáng (Truyện Chú - Ngày năm tháng tư Tân Mão).

Bàn rằng: Ngài Thiên Thai sớ Kinh Tịnh Danh nói rằng: Khi Phật sinh sao sa như mưa. Đây là do Thụy Ứng Kinh nói có Phất Tinh xuống hầu cho nên mượn Văn Tả Truyện để hình dung. Ngài Cô Sơn Tịnh Giác không thể phân biệt, bèn nói ngài Thiên Thai lấy năm Trang Vương thứ hai làm năm Phật sinh. Song truyện nói là năm Tân Mão, ấy là ngày năm tháng tư thì thấy không hợp. Nếu muốn việc đêm sáng của Đại Truyện là thực thì nên lấy việc Đức Văn-thù phóng quang nhập

Niết-bàn để chứng nghiệm.

Đời Chu Tương Vương (tên Trịnh, con Tuệ Vương), năm thứ ba. Tổ thứ sáu là Di-giá-ca ở Bắc Thiên Trúc đem pháp tạng phó chúc cho ngài Phật-đà Nan-đề.

Thời Tần Mục Công, Phù Phong có nhặt được một tượng đá, Mục Công không biết bèn bỏ trong tàu ngựa. Thần giữ tượng nổi giận khiến Công bệnh. Công lại nằm mộng thấy Thiên đế quở trách, bèn đem việc hỏi quan hầu cận, Do Dư đến xem tượng, bảo: Đó là Thần Phật. Công liền tắm gội tượng và đặt vào tịnh thất. Tượng bỗng phóng quang. Công rất ngạc nhiên, liền cho mời thợ đến tạo một tượng bằng đồng. Năm Chu Linh Vương thứ tư, Tổ thứ bảy là Nan-đề ở nước Đề-già phó chúc pháp tạng cho ngài Mật-đa.

Năm đầu đời Chu Nguyên Vương (tên Nhân, con của Kỉnh Vương). Tổ thứ tám Mật-đa ở Trung Thiên Trúc phó chúc pháp tạng cho ngài Hiếp Tỳ-kheo.

Năm đầu đời Trịnh Định Vương (tên Giới, con của Nguyên Vương). Trịnh Liệt Ngự Khấu ở ẩn tại Trịnh Phố viết sách khen Đức Khổng Tử đáp lời Thương Thái Tể rằng: Người ở phương Tây vì có Thánh nhân nên không cần trị mà không loạn, không cần nói mà tự tin, không cần dạy mà tự làm, khắp cả dân chúng bình dị, không biết gọi là gì? Sách đó có tám thiên, đề tên Liệt Tử.

Trương Vô Tận luận rằng: Liệt Tử học theo Khổng Tử, Khổng Tử là Thánh nhân mà còn biết Pháp ở Tây phương, còn người học lại chưa đọc sách đó nên chê bai Phật là việc thế nào?

Năm thứ tư đời Chu Khảo Vương (tên con của Trinh Định). Sau khi Phật diệt độ năm trăm năm, ở nước Thiên Trúc ngài Vô Trước ra đời rộng truyền giáo Pháp. Người em là Thiên Thân lúc đầu viết năm trăm bộ luận tiểu thừa. Sau nhờ Vô Trước Khai ngồi lại viết năm trăm bộ luận Đại thừa, đời gọi là Luận Sư Ngàn Bộ.

Năm thứ chín đời Chu Oai Liệt Vương (tên Ngọ, con Khảo Vương) - Tổ thứ chín là Hiếp Tỳ-kheo ở thành Hoa thị phó chúc pháp tạng cho ngài Phú-na-dạ-xoa.

Năm thứ ba mươi lăm đời Chu Hiển Thánh vương (tên Thiên, em của Oai Liệt). Tổ thứ mười là Dạ-xoa ở thành Hoa thị phó chúc pháp tạng cho ngài Mã Minh. Lúc đầu Mã Minh lấy dao khắc lên gậy bài minh rằng: “Kẻ trí nào trong thiên hạ thắng được ta, ta xin cắt đầu tạ tội.” Lúc đó tổ Dạ-xoa ngồi trong rừng vắng nói các pháp Không, Vô ngã, Vô nhân, hỏi Mã Minh rằng: Nếu ở thế đế thì giả gọi là Ngã, còn Đệ nhất nghĩa đế thì

làm sao có Ngã? Mã Minh biết nghĩa lý mình không thắng, định cắt đầu tạ lỗi. Tổ Dạ-xoa bảo: Pháp của ta nhân từ không chém đầu ngươi. Như Lai đã thọ ký cho ngươi là sau sáu trăm năm sẽ truyền pháp Tạng. Do đó Tổ độ cho xuất gia.

Năm thứ ba mươi mốt đời Chu Noãn Vương (tên Diên, con của Tịnh Vương) - Tổ thứ mười một là Mã Minh, ở Nam Thiên Trúc phó pháp tạng cho Ca-tỳ-ma-la. Ngài Ma-la viết Vô Ngã Luận đủ một trăm bài kệ, Luận này truyền đến đâu thì Ma, ngoại đạo đều bị tan rã (thu phục).

Đời nhà Tần:

Năm thứ tư đời Tần Thủy Hoàng (tên Doanh Chính, con của Trang Tương Vương). Ở Tây Vức có Sa-môn Thất Lợi Phòng... mười tám người mang kinh Phật đến truyền bá. Tần Thủy Hoàng cho là dị tục bèn bắt cầm tù. Đêm đến có Kim Thần cao một trượng sáu phá cửa thả ra. Vua kinh hãi cúi đầu tạ lỗi. Rồi dùng lễ trọng hậu sai Người đưa ra khỏi nước (Chu Thượng Hành Kinh Lục).

Năm thứ mười ba, đời Tần Thủy Hoàng, Tổ thứ hai là Ma La ở Nam Thiên Trúc phó chúc pháp tạng cho ngài Long Thọ. Ngài ra đời sau Phật diệt độ bảy trăm năm. Chỉ trong chín mươi ngày ngài tụng thông ba tạng. Ngài viết Đại Vô Úy Luận có mười vạn bài kệ nói về Đệ nhất nghĩa (một tên là Đại Trí Độ Luận. Sư tích ngài Long Thọ xin xem trong Bản Kỷ Tổ mười bốn).

Năm ba mươi bốn đời Tần Thủy Hoàng. Thừa Tướng Lý Tư tâu vua xin Sử Quan ghi rằng: "Không phải sách Tần đều đốt bỏ, không phải Bác Sĩ thì không cho giữ chức. Trong thiên hạ ai dám giấu cất Thi Thư của Bách Gia đều bị bắt đến Quan thiêu sống. Ai dám làm ngụ ngôn về thi thư đều đem chém ở giữa chợ." Vua bèn chấp thuận.

Lời tựa của Vệ Hoằng Cổ Văn (Hậu Hán) nói: Nhà Tần đổi Cổ Văn lấy chữ Triện làm chữ Lệ, người trong nước chê bai. Lúc đó các học trò là Lang Giả... bảy trăm người. Tần Thủy Hoàng mật lệnh cho người vào tháng Đông trồng dưa nơi chỗ ấm trong hang Hình tại Li Sơn. Dưa có hạt, bèn sai người dâng thơ rằng: Dưa mùa Đông có hạt. Vua ra chiếu gọi Bác sĩ Chư Sinh giải thích. Ai nấy lấy làm lạ đều bảo nhau đến xem. Vua cho làm hầm ngầm. Các học trò đang thảo luận nhân đó nhấn nút cho hầm sụp rồi lấp đất lại.

Bàn rằng: Lý Tư khuyên vua Tần đốt sách chôn học trò, việc đó quá ư trái đạo trời tuyệt lý người. Thôi Hạo khuyên vua Thái Võ dẹp đạo Phật, đốt Kinh chôn đồ chúng. Đây là theo phép bạo Tần xưa. Hàn

Dũ nói về việc đó bảo rằng: Người hại người đốt bỏ sách vở, đó là dùng cách cũ của Thôi Hạo. Chỉ thiếu loại vua chúa ấy mà thôi! Tuy lời nói khống không gây họa, khiến kẻ đời sau có bậc nhân Sư lại dùng lời nói ấy đâu chẳng làm phiền lụy đến Thạnh đức ư? Hãy nên răn dè vậy.

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 35

PHẦN 2

I. NHÀ TÂY HÁN: (đóng đô ở Trường An)

Đời vua Hán Võ Đế (tự là Cao Tổ, làm vua đến nay là bốn đời).

Năm Quang Nguyên thứ hai, Tổ thứ mười ba là Long Thọ ở Nam Thiên Trúc, phó chúc pháp tạng cho ngài Ca-na-đề-bà, rồi nhập vào Nguyệt Luân Tam-muội thoát xác mà đi. Ngài thọ ba trăm tuổi.

Năm Nguyên Thú thứ nhất, Sơ Bác Vọng Hầu là Trương Khiên từ nước Nguyệt Thị trở về nói rằng: Thần ở đời Đại Hạ thấy có Vãi Thục in hình gậy trúc. Hỏi làm sao được thứ này? Người trong nước bảo: Tôi mua bán với người Thân Độc ở chợ (Thân Độc, đọc là Kiền đốc tức Thiên Trúc). Thân Độc phía Đông nam nước Đại Hạ khoảng mấy ngàn dặm. Nước này cách đất Thục không bao xa. Bèn sai Khiên từ Thục Kiện làm Phát Giản Sứ Vương dò la tin tức ở Thân Độc).

Hơn bốn năm đều đóng chặt Côn Minh không thông thương được.

Năm Nguyên Thú thứ tư, Phiêu Kỵ Tướng Quân là Hoắc Khứ Bệnh thảo phạt Hung Nô qua núi Yên Kỳ hơn ngàn dặm, được vua Hưu Chư cúng tượng người vàng. Hoắc Khứ Bệnh được tượng người vàng cao hơn trượng. Vua cho là đại thần, bày ở cung Cam Tuyền đốt hương kính lễ (Ngụy Thư Phật Lão Chí).

Đời vua Thành Đế (tên Kinh, con Nguyên Đế).

Năm Kiến Thủy thứ nhất, Tổ thứ mười bốn là Đề-bà đến nước Ca-tỳ-la phó chúc pháp tạng cho ngài La-hầu-đa-la.

Năm Hà Bình thứ ba, vua sai Yết Giả Trần Nông tìm kiếm các sách thất lạc khắp thiên hạ.

Năm Hồng Gia thứ hai, Quang Lộc Đại Phu là Lưu Hướng hiệu

đính lại sách vở ở gác Thiên Lộc thường thường thấy có kinh Phật. Lưu Hướng viết Liệt Tiên truyện bảo rằng: "Ta sưu tầm khảo sát các tàng thư, xa tìm Thái sử soạn ra Liệt Tiên Đồ. Từ Huỳnh Đế trở đi cho đến ngày nay thì người được đạo Tiên hơn bảy trăm người. Kiểm định hư thực thì có một trăm bốn mươi sáu người, trong đó bảy mươi bốn người đã thấy kinh Phật."

Bàn rằng: Hồng Hưng Tổ có nói: Lương Hiếu trong Tiêu Chú Tân Ngữ có dẫn lời tựa Liệt Tiên Truyện bảo rằng: "Bảy mươi bốn người đã thấy kinh Phật thì các sách hiện đang lưu hành trong các hàng sách đều bảo là "Bảy mươi bốn người đã thấy Kinh Tiên", đây bởi các Đại sĩ tự ý sửa đổi mà thôi. Song ở gác Thiên Lộc thì có kinh Phật." Lời nói này đáng tin.

Đời Ai Đế (tên Hân, cháu của Tuyên Đế).

Năm Thọ Nguyên thứ nhất, vua sai Cảnh Hiến đi Sứ nước Đại Nguyệt Thị, được vua nước ấy truyền khẩu cho Kinh Phù Đồ rồi trở về. Lúc đó ít có người đi mà mang theo Giới Luật (Ngụy Thư Phật Lão Chí. Phù Đồ là Phật-đà, Hán dịch là Giác Giả).

Bàn rằng: Tô Do đối với Chiêu Vương, Hổ Đa đối với Mục Vương, Khổng Tử đáp lời Thương Thái Tể đều nói là Thánh nhân ở phương Tây mà không nói rõ là Phật. Hoắc Khứ Bệnh được tượng người vàng, cũng không biết đó là Phật. Hóa Nhân khuyên Mục Vương tạo tượng Phật Ca-diếp. Do Dư đối với Tần Mục Công thì bảo là Thần Phật. Thất Lợi Phòng mang kinh Phật đến hóa độ Tần Thủy Hoàng, Lưu Hướng sửa sách ở Thiên Lộc thấy có kinh Phật, Cảnh Hiến đi sứ nước Nguyệt Thị được Kinh Phù Đồ. Lúc đó thì đã nói đến Phật nhưng chưa truyền giáo Pháp của ngài. Đều có trước lúc Hán Minh Đế cảm mộng mà cầu Phật. Thiên hạ đáp lời Nam Chung, Tô Do Hổ Đa và Phó Nghị đều là do Phật khiến. Đến như nói Lưu Hướng thấy có kinh Phật là ý Trương Khiên làm sứ nước Đại Hạ. Khứ Bệnh nhận được Tượng Vàng tất có kinh Phật cùng đến. Chỉ riêng là người lúc ấy không làm và quốc sử không ghi chép mà thôi. Không thế làm sao ở Thiên Lộc đã có sách Phật?

II. NHÀ ĐÔNG HÁN:

Đời Hán Minh Đế (tên Trang, con của Quang Vũ)

Năm Vĩnh Bình thứ nhất, Tổ thứ mười lăm là Đa la đến thành Thất-la-phạt phó chúc pháp tạng cho ngài Tăng Khư Nan-đề, vào lúc Phật diệt độ đã một ngàn năm.

Năm Vĩnh Bình thứ bảy, vua mộng thấy người vàng cao một trượng sáu, cổ có vòng nhật quang bay xuống cung điện vua. Sáng hôm sau vua đem việc hỏi quần thần nhưng không ai đáp được. Thái Sử Nghị thưa rằng: Thần nghe ở thời Chu Chiêu Vương thì phương Tây đã có Thánh nhân xuất hiện, tên gọi là Phật. Vua bèn sai Trung Lang Tướng Thái Âm, Tần Cảnh Bác Sĩ Vương Tuân.... mười tám người đi sứ đến Tây Vức hỏi tìm Phật đạo.

Năm Vĩnh Bình thứ mười, thì Thái Âm... ở nước Đại Nguyệt Thị tại Trung Thiên Trúc gặp hai ngài Ca-diếp Ma-đằng và Trúc-pháp-lan, được tượng Phật đứng và Bản Kinh Phạm sáu mươi vạn lời, dùng ngựa trắng chở về đến tận Lạc dương. Ngài Ma-đằng mặc pháp Phục Sa-môn yết kiến vua, rồi nghỉ ở chùa Hồng lô (Hồ Quảng giải thích: Hồng là Thinh, Lô là Truyền do vì Truyền Thinh Tán Đạo Cửu Tân, nhà Đường đổi là Ty Tân Tự).

Năm Vĩnh Bình thứ mười một, vua sắc lệnh xây chùa Bạch mã ở ngoài cửa Tây Ung tại Thành Lạc dương. Ngài Ma-đằng đầu tiên dịch kinh Tứ Thập Nhị Chương (theo Dịch Kinh Đồ Kỷ, kinh này nguyên rút từ Đại Bộ - Lấy Đại Pháp mới truyền tóm tắt các yếu nghĩa để dẫn dắt người thế tục thời ấy). Để Bản Chữ Phạm ở Lan Đài Thạch Thất, vẽ tượng Phật ở cửa Thành Tây Dương và ở trên đồi Hiển Tiết. Vua Minh Đế hỏi ngài Ma-đằng: Sau khi Phật ra đời vì sao không truyền đến nơi này? Ngài Ma-đằng thưa: Nước Ca-tỳ-la Vệ ở Thiên Trúc là trong số năm ức mặt trăng mặt trời của tam thiên Đại thế giới, cả ba đời chư Phật đều ở đó mà ra. Trời người rồng quỷ có nguyện lực thì đều đến sinh nơi ấy mà được giáo hóa ngộ Đạo. Các nơi khác Đức Phật tuy không đến nhưng ánh sáng vẫn soi chiếu đến nơi, một ngàn năm trăm năm sau vẫn có các Thánh nhân truyền Giáo pháp Phật mà đến giáo hóa. Vua rất vui mừng.

Vào ngày mười một tháng giêng năm Vĩnh Bình thứ mười bốn, Các Đạo sĩ và Thiện tín ở tám núi Ngũ Nhạc gồm sáu trăm chín mươi người dâng biểu lên vua xin thách đấu cùng đạo Phật ở Tây Vức xem ai cao thấp. Vua sắc lệnh cho Thượng Thư Lệnh là Tống Tường chọn ngày Rằm tập họp tất cả tại chùa Bạch mã. Vua đặt hành cung ở Cửa Nam của chùa và lập ba đàn tràng: Đàn phía Đông để các Đạo sĩ để Kinh và phù chú. Đàn phía Tây thì ngài Ma-đằng để Kinh tượng và xá-lợi Phật. Đàn giữa bày tiệc lễ cúng bách thần. Đạo sĩ đi quanh đàn rồi khóc rằng: Chúa Thượng tin theo tà phong làm mất giềng mối. Nay dám xin bày Kinh nghĩa trên đàn đốt làm chứng nghiệm. Liền nổi lửa đốt Kinh, tất

cả đều cháy thành tro bụi. Đạo sĩ thấy thế quá thẹn, bèn dùng các chú thuật để đi vào lửa, đi trên nước... nhưng đều không thành. Đến khi đốt kinh Phật thì ánh sáng năm sắc xông thẳng lên trời cao, lửa dữ tắt ngúm, Kinh tượng nguyên vẹn. Ngài Ma-đằng bay vọt lên hư không hiện các thần biến, ngài Pháp lan dùng Phạm âm tuyên nói Phật pháp. Trời mưa hoa báu đại chúng vui mừng khen ngợi. Thái Phó Trương Diễn gọi Đạo sĩ bảo rằng: Các việc của Khanh đều không linh nghiệm, vậy nên theo Phật. Đạo sĩ Phí Thục Tài xấu hổ mà chết. Ty Không Lưu Tuấn... gồm hai trăm sáu mươi người, các sĩ thứ ở Kinh sư như Trương Tử Thượng... cả thảy ba trăm chín mươi người. Ấm phu nhân ở hậu cung như Vương Tiệp Dư và các cung nhân tất cả một trăm chín mươi người, các Đạo sĩ ở Ngũ Nhạc như Lữ Tuệ Thông... gồm sáu trăm hai mươi người đều cùng xin xuất gia. Vua chấp thuận. Rồi sắc lệnh xây dựng mười chùa ở Lạc dương, bảy chùa ở Ngoại thành để Tăng ở, ba chùa trong thành dành cho Ni và cung cấp đầy đủ mọi thứ cần dùng. Có lần vua đến chùa Bạch mã, ngài Ma-đằng thưa: Vì sao chùa Đông lại làm Quán. Vua bảo: Ngày xưa ở đó là đồi cao, các Rợ dựng nhà thì có ánh sáng lạ phóng ra, dân cho đó là gò mả Phật. Ngài Ma-đằng tâu: Xưa vua A-dục thờ xá-lợi Phật trong tám vạn bốn ngàn tháp, ở Chấn Đán có mười chín chỗ, đây là một tháp đó vậy (Chấn Đán còn gọi là Chân Đơn, Chi Na, Hán gọi là Đất Hán, là một nước văn vật ở Đông Phương). Vua cả kinh liền cùng đến lễ bái, thì viên quang từ đất vọt lên, trong ánh sáng thấy có ba Đức Phật - Đám thị vệ mừng rỡ hô to muôn năm! Vua nói lớn: Nếu không có hai Bồ-tát này thì đâu biết được ân huệ của Đại Thánh. Bèn ra chiếu lệnh xây tháp trên đó, tháp cao chín tầng hai trăm thước. Năm sau thấy có ánh sáng lạ, trên đỉnh tháp lại xuất hiện tay sắc vàng ròng, hương trời ngào ngạt. Vua hạ giá đến chiêm lễ, ánh sáng chiếu theo bước chân vua (Pháp Bản Nội Truyện - Tháp Bà, Hán gọi là Cao Hiển Xứ, lại gọi là mã vuông).

Phiên Dịch Danh Nghĩa nói: Đời Đường, có Đạo sĩ Duẫn Văn Thao bảo Pháp Bản Nội Truyện là của Đệ Tử ngài La-thập làm ra, ý muốn nói chuyện kể vua Hán Minh Đế nằm mộng thấy người vàng và việc Đạo gia đốt Kinh đều là giả dối. Nhưng không nghĩ rằng việc vua Minh Đế nằm mộng là xuất phát từ Hán thư. Hám Trạch đối với Ngô Chủ cũng nói Phật và Lão thách đấu đốt Kinh, Phí Thục Tài tự uất ức mà chết, thấy trong Ngô Chí. Lấy đây mà suy ra thì biết Nội Truyện chính thật là thời Nhà Hán không phải do người thời Tấn làm ra. Vậy lời man trá của Văn Thao là hỏng. Việc này cùng với Liệt Tiên Truyện

thêm chữ hóa Hồ thì cũng cùng một loại dối trá.

Ngài Ma-đằng tịch rồi thì ngài Trúc-pháp-lan dịch kinh Phật Bản Hạnh... năm bộ (từ trước đều theo Cựu Truyện).

Bàn rằng: Có người nói Nội Truyện không có tác giả hoặc là còn nghi, nay xem truyện này thấy ghi đầy đủ việc Ma-đằng và Pháp Lan đấu Pháp, thì làm sao người đời sau biết được, tất là khi ngài Pháp Lan dịch kinh thì các đệ tử ghi vào.

Sở Vương Anh mang lụa nõn màu vàng và trắng đến Tướng Quốc nói rằng: "Nhân vì ở Phiền Phụ tội ác chất chồng xin dâng lụa này để chuộc tội." Tướng Quốc nghe rồi nói rằng: "Sở Vương đã tụng vi ngôn của Huỳnh Lão lại thờ kính Phật-đà nhân từ thì còn gì hiềm nghi?" Nên hối tiếc của chuộc để dùng đãi đằng Y Bồ Tắc và Tang Môn (Tiếng Phạm Y Bồ Tắc tức là Ưu-bà-tắc, Hán dịch là Thanh Tín nam, nay thọ năm giới thì gọi là Tăng đồng. Còn Tang Môn tức Sa-môn, Hán dịch là Tức Tâm, nay thọ giới Cụ túc thì gọi là Tăng. Người đời chưa học truyền nhau chỉ cúng cơm cho Y Bồ là vì không hiểu nghĩa).

Thuở xưa vua nghe bên Tây Vức có thần gọi là Phật. Nhân đó sai sứ đến Thiên Trúc để cầu đạo và được Kinh sách cùng Sa-môn đem về. Sách đó đại để lấy hư vô làm tông, chuộng từ bi không giết hại, cho rằng tinh thần người chết không mất tùy việc mà thọ hình. Khi sống làm những điều thiện ác đều có báo ứng, cho nên họ rất quý trọng việc tu luyện tinh thần cho đến làm Phật. Thiện là lời nói to lớn rộng rãi nhất để khuyên dạy kẻ ngu người tục. Người chuyên tinh về Đạo ấy thì gọi là Sa-môn. Do đó ở Trung Quốc khi mới truyền đạo này thì vẽ hình tượng và kính trọng như bậc vua chúa tôn quý, riêng Sở Vương Anh là người đầu tiên rất mến mộ (Thông Giám dẫn Tây Vức truyện và Sở Vương Anh Truyện Chú).

Phạm Hoa trong Tây Vức Truyện luận rằng: Đạo Phật thần hóa khởi lên từ nước Thân độc, mà sách vở Tây Hán không nói đến. Trương Khiên chỉ nói việc nằm đất, nhiều nắng nóng ẩm thấp và cỡi voi đánh trận, còn Ban Siêu thì cho biết họ thờ Phù đồ và không đánh giết mà kinh văn cốt yếu về thiện pháp và cách tu hành không được truyền thuật. Phần sau của Tử Văn nói rằng: Nước ấy ở vùng Trung thổ là nơi giáng thần của linh thánh đuốc ngọc hòa khí, là chỗ Đản sinh của bậc Hiền Thiện, Thánh tích lạ lùng. Đó là lý thuyết tuyệt diệu nhất của người cảm nghiệm rõ ràng. Đó là việc ở nước ngoài mà Khiên và Siêu chưa hề nghe biết. Đâu chẳng phải đường xá không thông mấy lần được liên lạc ư?

Viên Hoằng trong Hán Kỷ nói rằng: Thiên Trúc ở Tây Vức có đạo Phật. Phật, Hán dịch là Giác, tức giác ngộ cho quần sinh vậy. Giáo lý lấy việc tu thiện và lòng Từ bi làm cốt yếu, chuyên về thanh tịnh. Người tu theo Đạo ấy gọi là Sa-môn. Hán dịch là Tức Tâm, tức dứt bỏ ý dục mà trở về với vô vi. Lại cho rằng người chết tinh thần không mất tùy việc thọ hình, khi sống làm những việc thiện ác đều có báo ứng. Cho nên họ quý trọng việc làm thiện, tu đạo để luyện tinh thần để làm Phật. Phật thân cao một trượng sáu, mình sắc vàng ròng, cổ có vòng ánh sáng, biến hóa khắp mọi nơi. Nên có thể hóa thông vạn vật, khắp độ quần sinh. Vua Minh Đế nằm mộng thấy bèn sai Sứ đến Thiên Trúc hỏi đạo rồi vẽ hình tượng đem về. Có mấy ngàn quyển kinh lấy hư vô làm tông chỉ, trùm khắp cả muôn vật lớn nhỏ. Thiện là thuyết lớn rộng cao xa. Chỉ tìm một thể bên trong mà thông đạt sự vật bên ngoài rất rõ ràng. Người thế tục có kẻ cho đó là hư dối, nhưng lại rất huyền vi sâu xa khó lường khó hiểu được. Cho nên cả vua quan người cao quý nhìn thấy việc sinh tử báo ứng không ai chẳng quy phục.

Bàn rằng: Trong Hán Kỷ, họ Viên nói rằng Thiên Trúc có đạo Phật. Phật mình cao trượng sáu, sắc vàng ròng có ánh sáng, thần thông, hóa thông muôn vật rộng khắp độ quần sinh. Vua Minh Đế cảm điềm mộng sai sứ đến hỏi đạo thỉnh được Kinh tượng. Đây là lúc Phật pháp truyền sang Đông độ, rất ăn khớp trong ngoài với Pháp Bản Nội Truyện. Tô Tử Chiêm làm lời bạt nói rằng: “Đó là lúc đầu tiên Trung Quốc mới biết Phật.” Lời nói này tuy sơ sài nhưng tóm tất rất đầy đủ.

Đời An Đế (tên Hựu, cháu của Chương Đế).

Năm Vĩnh Sơ thứ nhất, Tổ thứ mười sáu là Nan-đề đến nước Ma-đề phú chúc pháp tạng cho ngài Tăng khư Gia-xá.

Đời Thuận Đế (tên Bảo, con của An Đế).

Năm Vĩnh Hòa thứ nhất, Tổ thứ mười bảy là Gia-xá đến nước Nguyệt Chi phú chúc pháp tạng cho ngài Cưu-ma-la-đà, Phật thọ ký là xuất hiện lúc Phật diệt độ được một ngàn năm.

Đời Hoàn Đế (tên Chí, cháu cố của Chương Đế).

Năm Kiến Hòa thứ nhất, Sa-môn nước Nguyệt Chi là Chi Sấm đến Lạc dương dịch Bát Chu Tam-muội, Kinh A Súc Phật... hai mươi mốt bộ. Năm Kiến Hòa thứ hai, Sa-môn nước An Tức là An Thế Cao đến Lạc dương dịch Ngũ Thập Giảo Kế... một trăm bảy mươi sáu bộ.

Năm Kiến Hòa thứ ba, Tổ thứ mười tám là La-đà đến Bắc Thiên Trúc phó chúc pháp tạng cho ngài Xà-dạ-đa. Năm Kiến Hòa thứ chín, Từ năm Vĩnh Bình trở đi thần dân tuy có quen với Phật pháp (Phù Đồ) nhưng Thiên tử chưa thích. Đến khi vua mới bắt đầu kính ưa thì ở cấm cung đúc tượng Phật vàng và tưởng Lão Tử. Vua đích thân ở cung Trạc Long, bày tòa có lộng hoa và dùng nhạc để tế trời.

Đời Linh Đế (tên Hoành, cháu cố của Chương Đế)

Năm Kiến Hòa thứ ba, Sa-môn nước An Tức là An Thế Cao có bạn đồng học chết làm thần Hồ Cung Đình (tức Hồ Bành Lễ ở Nam Khang) thần hay khiến thuyền đi qua theo gió thổi hai chiều. Thế Cao đến miếu, thần bảo rằng: "Nhà tôi ở cách đây ngàn dặm, vì thuở xưa bố thí nên nay có rất nhiều ngọc quý, vì nhiều giận dữ nên nay chịu làm thân rắn, mong hãy đem lụa và báu vật của tôi tạo cho một tháp để cầu sinh ở chỗ lành." Thế Cao bèn dựng chùa xây tháp ở Dự Chương. Sau rắn mãng xà chết trong núi đầu đuôi dài mấy dặm (nay là chùa Đại Am).

Năm Gia Bình thứ nhất, Tổ thứ mười chín Xà-da- đa đến nước La Duyệt phó chúc pháp tạng cho ngài Bà-tu-bàn-đà.

Năm Quang Hòa thứ ba, Sa-môn Tây Thiên là Trúc Phật Sóc đến Lạc dương dịch kinh Đạo Hành Bát-nhã. Năm Trung Bình thứ năm, Thanh tín Sĩ Nghiêm Phật Điều dịch kinh Cổ Duy-ma... Năm Trung Bình thứ sáu, hoạn quan Trương Nhượng giả lệnh Thái hậu chiếu triệu Đại tướng quân Hà Tấn đem chém. Trung Quân Hiệu Úy Viên Thiệu dẫn binh rượt bắt các hoạn quan giết đi hai ngàn người. Trương Nhượng nhảy xuống sông mà chết.

Bàn rằng: Tai ách của Nho học thời thường lúc nào cũng có. Thoạt đầu thì Lý Tư đời Tần Thủy Hoàng đã chôn sống các học trò bảy trăm người. Đời Hán các hoạn quan đã cấm cố Trần Thật, Phạm Bàng... hai trăm người và giết hại các Nho Hiền trong thiên hạ. Trong triều đình thì có quan Tể Phụ Trần Phiền, Đậu Võ, Lý Ưng... đã giết hơn trăm người, đầy ải, cầm tù bảy trăm người và giả chiếu chém đại thần Hà Tấn mà sau này Viên Thiệu vịn cớ trả oán đã giết hại cả hai ngàn hoạn quan. Tuy khoái chí hả hê một lúc nhưng cả quân tử tiểu nhân đều chết, đá nát vàng tan, đâu có thể làm vinh hạnh cho Nho môn. Đại để trời có định mạng, vận số có cùng thông, khi gặp phải tai ương thật khó tránh. Đời Đường Chu Ôn giết hại hiền triều ba mươi người rồi ném thây xuống sông cũng là một ách nạn, nạn tai họ Thích ba đời vua Võ cũng cùng một loại cả.

Đời Hiến Đế (tên Hiệp, con Linh Đế).

Năm Sơ Bình thứ nhất, Tổ thứ hai mươi là Bàn-đà đến nước Na-đề phó chúc pháp tạng cho ngài Ma-noa-la.

Năm Sơ Bình thứ hai, Nho sinh ở Thương Ngô là Mâu Tử nhân đời loạn không làm quan chỉ dốc chí học Phật. Mà đời có lắm kẻ quấy, bèn viết ra Lý Hoặc Luận để khuyên răn, trong đó có lời rằng: Phật là người Giác cũng như Tam Hoàng là bậc Thần, Ngũ Đế là bậc Thánh vậy (Văn thấy ở Hoằng Minh Tập trong Đại Tạng).

Bàn rằng: Mâu Tử không được tiếng, đương thời lúc đạo Phật chưa thạnh hành mà còn viết Luận viện dẫn Sự Nghĩa ba nhà để so sánh hơn kém, để dẹp bỏ mê lầm cho đời, để chống bọn ngoại đạo xâm lược, thật đáng sánh với Bồ-tát thị hiện, sứ giả của Như Lai.

Năm Hưng Bình thứ hai, Tướng Hạ Phì là Trách Dung xây đền thờ Phật, dạy người tụng kinh, tắm Phật, thiết trai, lúc đó hội họp trên năm ngàn người.

Bàn rằng: Người thời Hán lập chùa thờ Phật bắt đầu là người họ Trách. Có lần cùng một Lão Nho xem văn này, ông ta cười bảo: Là Sĩ Phu mà để đời sau viết sách nói là học Phật đâu chẳng thẹn ư? Bàn tôi liền lên tiếng: Học Phật đâu chẳng là người lành ư? Là sĩ phu mà ra viết sử rồi gian nịnh tham lam tàn ác, thậm chí là bất trung bất hiếu thì mới đáng thẹn, chứ học Phật làm lành thì có gì là đáng thẹn? Lão Nho mỉm cười gật đầu.

Năm Kiến An thứ nhất, Tổ thứ hai mươi mốt là Ma-noa-la đến nước Nguyệt Thị phó chúc pháp tạng cho ngài Hạc-lặc-na.

Năm Kiến An thứ mười bốn, Tổ thứ hai mươi hai là Hạc-lặc-na ở nước Nguyệt Chi phó chúc pháp tạng cho Tôn giả Sư Tử. Trước đó đệ tử của Hạc-lặc-na là Trúc Đại Lực... đã đến Lạc dương, cùng Khang Mãnh đồng dịch Hưng Khởi Bản Hạnh Kinh, chợt thấy nơi quán sở có ánh sáng trắng, Đại Lực nghiêm sắc mặt một lúc rồi bảo: Đây là tướng Thầy ta nhập Diệt Tận Định. Các ngài Đại Lực, Khang Mãnh, Chi Diệu, Khang Cự... đều giỏi tiếng địa phương, cả thời Hán đã dịch kinh hơn ba trăm bộ.

III. NHÀ NGỤY (đóng đô ở Lạc dương - Thời ấy thiên hạ phân ra ba nước Ngụy - Ngô - Thục).

Đời Ngụy Văn Đế (tên Phi, con Thái Tổ được nhà Hán nhường ngôi).

Năm Huỳnh Sơ thứ nhất, Ngô chúa Tôn Quyền ở Võ Vương dựng

chùa Xương Lạc.

Năm Huỳnh Sơ thứ năm, Ưu-bà-tắc nước Nguyệt Chi là Chi Khiêm đến Lạc dương. Chi Khiêm thọ nghiệp với Chi Lượng, Chi Lượng thọ nghiệp với Chi Sấm. Đời gọi kẻ rộng học không ai ngoài ba Chi. Chi Khiêm có thân hình nhỏ nhắn gầy guộc, mắt trắng, con ngươi vàng. Người thời ấy có câu: "Chàng Chi có mắt ngươi vàng, dáng hình gầy guộc rỡ ràng trí năng." Về sau vì lánh nạn nên Chi Khiêm về với Nhà Ngô, được phong là Bác Sĩ - Có Sa-môn Tây Thiên là Duy Kỳ Nam cùng Trúc Luật Viêm đến Ngô dịch kinh được năm bộ.

Năm Huỳnh Sơ thứ sáu, Trần Tư Vương là Tào Thực (em Văn Đế, tự Tử Kiến) mỗi khi đọc kinh Phật thì liền luôn ngâm nga nghiền ngẫm, cho như thế mới đạt đến chỗ cùng tột của Đạo mầu. Có lần Vương dạo chơi đến Ngư Sơn nghe trên không trung có âm vang tiếng Phạm Thiên, bèn mô phỏng theo tiết tấu mà viết ra Phạm Bái (Văn khen ngợi), soạn văn chế tiếng gồm có sáu tiết, làm mô thức cho đời sau.

Đời Minh Đế (tên Duệ, con Văn Đế), năm Thái Hòa thứ ba, Ngô Phiên phu nhân ở Võ Xương xây chùa Tuệ Bảo.

Đời Tề Vương (tên Phương, con nuôi của Minh Đế)

Năm Chánh Thủy thứ hai, tức nhà Ngô năm Xích Ô thứ tư, Sa-môn nước Khang Cư là Khang Tăng Hội đến nước Ngô. Người nói thấy ngài lần đầu đều kinh sợ. Ngô chúa bảo: "Đây có phải là di phong thần Phật mà Hán Minh Đế đã mộng thấy chăng?" Bèn triệu vào hỏi. Hội thưa rằng: "Như Lai diệt độ đã hơn ngàn năm, nhưng lịnh cốt xá-lợi của ngài thần ứng vô cùng". Chúa ngô nói: "Nếu có xá-lợi thì có thể lập tháp để thờ, nếu không linh nghiệm thì theo phép nước nghiêm trị." Ngài Tăng Hội bảo học trò rằng: "Đại Pháp nên hư do một dịp này". Bèn trai giới tinh nghiêm để khẩn cầu, bảy ngày không ứng nghiệm, bèn kéo dài đến hai mươi mốt ngày, mọi người đều lo sợ. Bỗng có tiếng leng keng, nhìn vào bình thấy có xá-lợi năm sắc. Chúa Ngô tự cầm bình rót xá-lợi vào mâm đồng, mâm liền bể. Đem lửa đốt, lấy chùy đập, xá-lợi vẫn nguyên vẹn. Nhân đó Chúa Ngô bèn xây tháp đặt là Kiến Sơ Tự, đặt nơi ấy là Phật Đà Lý (xóm Phật).

Năm Chánh Thủy thứ ba, Thượng Thư Lệnh nhà Ngô là Hám Trạch sửa nhà làm chùa Nhuận Đức (tại Huyện Từ Khê ở Tứ minh, nay gọi là Phổ Tế. Chữ Trạch là Đức Nhuận nên lấy đó đặt tên). Chúa Ngô

hỏi: "Khổng Tử giáo hóa thế tục, Lão Trang thì phóng đãng chốn sơn lâm, còn Phật thì làm gì?" Trạch tâu: "Pháp của Khổng Lão là do trời đặt ra, khi dùng không dám trái trời. Còn các trời thì tuân hành Pháp Phật nên không dám trái Phật, thật ra không so sánh nhau được." Chúa Ngô hỏi: "Phật giáo vào Trung Quốc vì sao không đến được Đông Ngô". Trạch thưa: "Năm Vĩnh Minh thứ mười bốn, các Đạo sĩ và thanh tín Phí Thục Tài ở Ngũ Nhạc cùng các Tăng Tây Trúc đấu Pháp, Phí Thục Tài tự uất ức mà chết, đến nay đã một trăm bảy mươi năm, do ly loạn nhiều năm nên nay mới đến".

Bàn rằng: Thời Tam Quốc ai nấy đều lo đánh nhau mà Đạo chưa được truyền bá đến đây. Vậy mà vua quan ở Ngô đã hiểu biết ít nhiều, nên đã lập chùa, dịch Kinh, thờ xá-lợi, bàn luận Phật giáo rành rẽ như vừa thấy. Ở nước Ngụy thì chỉ có Trần Tư Vương là người biết về đạo Phật, còn nước Thục thì nghe rồi thôi. Bởi lòng ham đánh nhau khiến xa xôi cách trở không thể đến được mà thôi.

Năm Gia Bình thứ hai, Tam tạng Đàm-ma-ca-la ở Trung Thiên Trúc đến Lạc dương dịch Tăng-kỳ Giới, lập ra Đại Tăng Yết-ma Thọ Giới. Trước đó thì Tỳ-kheo xuất gia chỉ cạo tóc mà thôi, chưa có luật nghi. Phàm khi trai giới sám lễ thì chỉ giống như cúng tế ở đền miếu. Đến lúc ngài Ca la tới thì mới có Giới Bản và được dùng hằng ngày.

Năm Gia Bình thứ tư, Sa-môn Khang Tăng Khởi ở Trung Thiên Trúc đến Lạc dương dịch kinh Vô Lượng Thọ.

Đời Cao Quý Hương Công (tên Mao, cháu của Văn Đế) năm Chánh Nguyên thứ nhất.

Từ Hán Ngụy đến nay thì hai chúng chỉ thọ Tam Quy, Đại Tăng cùng Sa-di chưa hề phân biệt. Ngài Đàm-ma-ca-la liền dâng thư xin vua ban hành pháp thọ giới. Ngài cùng với Sa-môn Chu Sĩ Hành là người thọ giới trước nhất (Ca-la, Hán gọi là Pháp Thời. Đàm Vô Đức, Hán gọi là Chánh Pháp. Nay Tông Tư Trì Luật thì coi ngài Chánh Pháp là Tứ Phần Bộ Chủ, tôn làm Sơ Tổ. Còn ngài Pháp Thời đến cõi này truyền Tứ Phần và Pháp Thập Sư truyền giới, nên xem là Nhị Tổ. Đến ngài Nam Sơn rộng làm Sớ Sao, lưu hành ở đời nên xem là Cửu Tổ).

Năm Cam Lộ thứ nhất, Sa-môn Bạch Diên ở Thiên Trúc đến Lạc dương dịch Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh... sáu bộ. Ngài Tam tạng Vô Úy đến Giao Châu dịch kinh Pháp Hoa Tam-muội.

Chúa Ngô là Tôn Hạo không kính Phật pháp, phá hủy chùa chiền, cật vấn Khương Tăng Hội rằng: "Phật nói Thiện Ác báo ứng có thể

được nghe chăng?” Tăng Hội thưa: Minh Chủ lấy hiếu đạo mà trị thiên hạ thì Xích Ô lượn bay, người già được thấy (Hán Thư - Sao Nam Cực Lão Nhân thấy được thì đất nước bình yên), lấy nhân nghĩa mà nuôi vật thì suối ngọt trào tuôn, lúa thóc tươi tốt. Thiện đã có báo ứng thì Ác cũng thế!” Một hôm quân túc vệ sửa vườn, đào được Tượng Vàng. Hạo sai đem để chỗ dơ rồi lấy nước bẩn dội lên. Bỗng ông bị bệnh thủng. Bói xem nói là xúc phạm đại thần. Hạo tỉnh ngộ bèn rước tượng về thờ cúng, thỉnh ngài Tăng Hội đến nói pháp rồi lễ bái sám hối tội lỗi và thọ năm giới thì liền hết bệnh, rồi thờ Hội làm thầy, lại xây cất chùa tháp...

Năm Cam Lộ thứ tư, Tổ thứ hai mươi ba là Sư Tử Tôn giả du hóa đến nước Kế Tân. Có ngoại đạo giả làm Tăng, dùng huyễn thuật vào cung cấm gian dâm với vợ vua. Vua nổi giận bảo: “Ta tin thờ Tam bảo, cớ sao Sa-môn lại làm nhục ta lắm thế!”, bèn phá chùa giết Tăng, tự mang kiếm đến chém Tôn giả Sư Tử. Một luồng sữa trắng phun vọt lên cao mấy thước. Bỗng cánh tay vua đứt lìa rơi xuống đất. Bảy ngày sau vua chết đột ngột (Từ Thủy Tổ Ca-diếp đến Tổ Sư Tử sự tích chép đầy đủ trong Bản Kỷ hai mươi bốn Tổ của Tây Trúc).

Năm Cam Lộ thứ năm, Sa-môn Dĩnh Xuyên Chu Sĩ Hành (lúc đó còn giữ họ tục) giảng kinh Đạo Hành Bát-nhã (giảng kinh đầu tiên) mỗi lần đều than là nghĩa lý dịch chưa sát. Bèn xuất phát từ Trường An đi đến nước Vu-điền (Sa-môn sang Tây Trúc đầu tiên) được Kinh Bát-nhã chữ Phạm nhưng trong nước cấm không cho truyền sang Đông độ. Sĩ Hành bèn xin vua cho mình chứng nghiệm. Bèn lấy lửa đốt thì Kinh vẫn nguyên vẹn. Vua tin kỳ lạ bèn cho truyền Kinh. Sĩ Hành liền gởi Kinh đem về Đông độ. Nhân đó gọi là Phóng Quang Bát-nhã.

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 36

PHẦN 3

IV. NHÀ TẤN (Đóng đô ở Lạc dương)

Đời Võ Đế (tên Tư Mã Viêm, được Ngụy nhường ngôi)

Năm Thái Thủy thứ hai, Quan Thị Trung Tuân Ngang ở Lạc dương đã tạo mười hai tượng Phật, Bồ-tát. Thân tượng phóng ánh sáng lớn, người ở kinh đô tranh nhau đến xem chiêm lễ.

Năm Thái Thủy thứ tư, Sa-môn Trúc Pháp Sùng đến Lộc Sơn ở Tương châu, Thần Miếu thỉnh ngài truyền Tịnh giới, bỏ miếu làm chùa.

Đô Đốc Dương Hựu ở Kinh châu, hằng ngày cung cấp cho chùa Võ đương sơn. Có người hỏi nguyên cớ, Hựu bảo: "Thân đời trước tạo nhiều tội, nhờ tạo chùa này mà được cứu thoát nửa chừng, do đó mà sự cúng dường có nghiêng nặng về chùa này".

Bàn rằng: Tấn thư nói: Dương Hựu biết trước tiền thân mình là bé họ Lý thường hay chơi vòng vàng. Nay nói tiền thân tạo dựng chùa này, là bởi biết về tiền thân của tiền thân. Vì quả báo tội phước ở thế gian không hề sai chạy, đâu chẳng biết mà noi gương. Việc Hựu biết được tiền thân mình Phật giáo gọi là Túc Mạng Thông. Bởi Hựu Học Phật nên có được thân hiện tại này.

Năm Thái Khang thứ hai, Lưu Tát Ha ở Tinh Châu chuyên nghiệp săn bắn, bỗng chết bất đắc kỳ tử, thấy hai người dẫn đi về hướng Tây bắc. Khi đến địa ngục thấy có Thánh nhân mình vàng, kẻ tả hữu bảo đó là Quan Âm Bồ-tát, ngài gọi Ha bảo rằng: "Ngươi tội đáng đọa địa ngục, ngươi hãy mau đến Lạc Dương, Lâm Truy, Kiến Nghiệp, Mậu Âm, Thành Đô là năm chỗ có tháp vua A-dục mà đảnh lễ sám hối. Lại đến hai tượng đá ở nước Ngô mà vua A-dục bảo Quỷ Thần tạo ra, thường đến đó lễ bái thì sẽ không đọa địa ngục". Lại bảo: Phàm vì người chết thiết cúng cầu phước, thì đến Rằm tháng bảy hằng năm vào

ngày Chư Tăng giải hạ nhận lạp. Lúc đó nên bày lễ trang trọng thiết cúng. Như có sắm sinh lễ vật cúng dường thì nên đề rõ vì người nào... dâng cúng Tam bảo, thì thí phước sẽ rất lớn. Còn như Sa-môn hay Cư Sĩ biết tội đời trước của mình mà tự phát lồ đầy đủ mọi sự, cần cầu chí thành sám hối, tội sẽ tiêu tan. Như mắc cỡ vì trình bày tội lỗi ở giữa chúng, thì có thể ở đối trước tượng Phật thầm kể tội lỗi mà sám hối thì tội cũng tiêu trừ. Nếu có những lỗi sót mà không cố ý che dấu thì bị báo cũng nhẹ. Nếu có người lành tụng kinh thì nơi đất ấy đều là Kim Cang, vì mắt thịt nên người không thể thấy được thôi (Tăng Truyện viết rất nhiều, đây không ghi hết). Khi sống lại Lưu Tát Ha liền xuất gia tên là Tuệ Đạt, rồi đến các núi đầm ở Cối kê, tìm kiếm mọi nơi. Khi đến núi Ô Thạch ở Huyện Mậu, đêm nghe dưới đất có tiếng chuông, ba ngày sau có bảy vị Phạm Tăng hành đạo trên không trung và từ đất bay vọt lên một đàn vuông. (đàn mạn đồ la) Nhân đó đào đất tìm kiếm thì tìm được một bảo tháp xá-lợi. Sáu Vị Tăng bay lên không trung biến mất, còn một vị ở lại hóa làm Ô Thạch, nhân đó mà đặt tên cho núi. Tháp có màu đá xanh cao một thước bốn tấc, rộng bảy tấc, bốn góc bằng thẳng, năm tầng vững chắc, bên trong có treo một khánh báu có để xá-lợi Phật. Rồi tháp ấy bay đến một ngọn núi. Ở ba nơi tháp dừng thì Đạt xây tinh xá để cúng thờ tháp (nay tháp trên, tháp dưới của chùa A-dục tại Tứ Minh và điện Xá-lợi là ba chỗ ấy).

Năm Thái Khang thứ ba, Sa-môn Lâu-chí ở Tây Trúc đến Quảng châu dịch Thập Nhị Du Kinh. Năm thứ bảy, Sa-môn Trúc Pháp Hộ ở nước Nguyệt Chi đến Thanh Môn ở Trường An dịch kinh Chánh Pháp Hoa và kinh Niết-bàn Bảo Tạng... hai trăm mười bộ - Năm Thái Khang thứ chín, Lạc dương có nạn dịch bệnh lớn, Sa-môn Ha-la-kiệt người Tây Trúc, trì chú cho vào nước uống để trị bệnh, nạn ấy liền dứt.

Đời Tuệ Đế (tên Lý, con kế của Võ Đế)

Năm Nguyên Khang thứ nhất, ở chùa Hiển An tại Ba Lăng mọc lên một cây lạ. Vị Tăng người Thiên Trúc thấy bảo đấy là cây Phật Ta-la. Sa-môn Vô-la-xoa người nước Vu-điền dịch kinh Phóng Quang Bát-nhã, tức bản kinh do Chu Sĩ Hành gởi về.

Năm Vĩnh Khang thứ nhất, nhà họ Gia Cát ở Cối kê có giếng hiện ra nhiều tiền, bèn sửa nhà làm chùa Linh bảo (nay là chùa Đại độ).

Trong năm Vĩnh Khang, Sa-môn Nghĩa Hưng ở trên núi Lô vu, có một đồng tử đến hầu hạ cung cấp củi nước, rất lâu mới đến từ giã ra đi bảo rằng: “Tôi là Sao Thái Bạch, Thượng đế bảo đến hầu hạ”, nói xong

rồi biến mất (nay là núi Thiên Đồng ở Tứ minh).

Năm Vĩnh Ninh thứ nhất, vua nước Phù Nam sai sứ, cùng lúc Sa-môn Tây Trúc là Na-già-tiên tiến cống lụa, tòa Rồng vàng, tượng Phật, Tháp ngà.

Các Sa-môn ở Tây Thiên là Trúc Thục Lan, Bạch Pháp Tổ, Chi Pháp Độ, Pháp Lập, Pháp Cự... cùng dịch kinh một trăm sáu mươi lăm bộ - Pháp Cự dịch kinh tên Kim Cống Thái Sơn Thục Tội.

Năm Vĩnh Hưng thứ nhất, Sa-môn Kỳ Vực ở Tây Trúc đến Lạc dương, chỉ Sa-môn Trúc Pháp Uyên nói rằng: "Bồ-tát này ở Loài dê đến đây, thấy Trúc Pháp Hưng thì bảo: "Bồ-tát này từ trời xuống đây." Ngài lại nói: Tỳ-kheo mà y phục se sua đẹp đẽ là trái giới luật. Rồi nhìn cung khuyết của nhà vua bảo rằng: "Đại khái giống cung trời Đao-lợi, nhưng sức dân lười biếng cũng không dời đổi được." Chưa bao lâu thì Lạc dương có loạn.

Đời Hoài Đế (tên Xí, con thứ hai mươi lăm của Võ Đế)

Năm Vĩnh gia thứ tư, Sa-môn Phật Đồ Trừng ở Tây Trúc đến Lạc dương. Bấy giờ Thạch Lặc đồn binh ở Cát Pha. Nhiều Sa-môn bị giết lầm. Lặc mời Trừng thi thố chú thuật. Đồ Trừng đọc chú vào bát nước thì mọc lên hoa sen xanh, do đó Lặc kính trọng ngài như Thần. Lại đem việc đánh nhau với Diệu ra hỏi Trừng. Trừng nói: Chuông trong tháp lên tiếng rằng: Tú Chi Thế Lệ Cang Bộc Cốc Ngốc Cù Đương. Tú Chi là Quân. Thế Lệ Cang là ra, Bộc Cốc là Lưu Diệu ở ngôi Hồ, Ngốc Cù Đương là bắt. Đây đều là tiếng của Rợ Yết nói là: "Ra quân thì bắt được Lưu Diệu" (Lưu Diệu tên Tiền Triệu, tiếm ngôi xưng Đế ở Trường An - Rợ Bắc Địch đều là giống chó dê nên gọi là Yết, vì Yết là dê - Phật Đồ Trừng là tiếng Phạm chỉ người chứng quả bốn Thánh). Trừng lại lấy dầu mè mở yến thoa vào bàn tay rồi đưa cho đứa bé nhìn vào đó, thì thấy một người cỡi ngựa, tơ đỏ cột ngang sườn. Trừng bảo đó là Lưu Diệu. Bèn ra đánh, quả nhiên bắt sống được Diệu. Lặc liền lên ngôi đặt Quốc hiệu là Triệu. Con yêu quý của Lặc là Bân bỗng chết đột ngột. Lặc than: Ta nghe Biển Thước làm Thái tử sống lại, bèn bảo người cáo lệnh. Trừng lấy cành dương đọc chú rải nước thì Thái tử liền sống lại. Khi Lặc chết, em là Lý Long lên thay, hết lòng kính thờ Trừng. Mỗi lần ngồi xe lên điện đều hô lớn "Đại Hòa thượng." Đến khi binh Tấn vào sông Hoài, Lý Long nổi giận bảo: "Ta thờ Phật, sao có giặc phản ta, Phật không sáng suốt!" Trừng tâu: Tiền thân của Bệ hạ trước là lái buôn, khi đi ngang qua nước Kế Tân gặp chùa Tăng thiết hội, có sáu

vị ứng chân, bần đạo là một trong số đó. Lúc đó Thánh có thọ ký rằng: "Đàn-việt này chết rồi sẽ làm vua đất Tấn." Nay hiện ngài là Thiên tử, vậy đâu phải kính thờ Phật mà đến nông nổi này. Việc một nước có xâm lấn quấy nhiễu ở biên cương là chuyện thường, sao lại nổi oán hận chê bai Phật?" Lý Long bèn tạ lỗi sám hối. Khi sắp ra đi Trừng vào từ tạ vua rằng: "Nước non còn để tâm đến Phật lý mà cai trị hà khắc đến nổi làm cho vận nước không lâu dài." Rồi ngồi yên mà tịch. Sau có Sa-môn từ Ung Châu trở về nói: Thấy Đồ Trừng vào quan ải. Lý Long bèn đào mộ ngài lên thì chỉ thấy có một khối đá. Lý Long nổi giận quát: Thạch là họ ta, nay chôn ta rồi chết vậy ta còn lâu chăng? Quả nhiên không bao lâu thì Long chết (Biển Thước là một danh y - Ứng Chân là A-la-hán).

Năm Vĩnh gia thứ sáu, Thái Thú Võ Ấp là Lư Hâm, thỉnh Pháp sư Đạo An ở Quận đến giảng kinh, nhân sĩ cả thành cùng đến nghe pháp trầm trồ khen ngợi - Có Ưu-bà-tắc ở Tây Trúc là Nhiếp Đạo Chân dịch Thập Trụ Kinh... năm mươi bốn bộ.

Đời Mẫn Đế (tên Nghiệp, cháu của Võ Đế)

Năm Kiến Hưng thứ nhất, Cư Sĩ Chu Ưng ở Ngô huyện, tại cửa khẩu Tòng Giang thấy hai tượng đá nổi trên sông trôi đến, ở lưng tượng có đề Duy-vệ Phật, Ca-diếp Phật, bèn rước về chùa Thông Huyền. Tám năm sau, ngư dân nhặt được hai bát bằng đá xanh ở trên sông, đem về đựng đồ mặn, bỗng thấy hình Phật hiện trong bát. Người biết việc bảo đó là hai bát của hai tượng Phật trước, bèn đem đến để cùng chùa với hai tượng trên.

Đời Nguyên Đế (tên Duệ, cháu cố của Tuyên Đế, dời đô về Kiến khang).

Năm Thái Hưng thứ nhất, vua chiếu mời Sa-môn Trúc Tiềm vào nội điện giảng kinh vì trọng đức người nước ngoài nên cho ngài mang giày cỏ lên điện.

Năm Vĩnh Xương thứ nhất, Sa-môn Tây Trúc là Cát Hữu đến Kiến khang, Thừa Tướng Vương Đạo thấy ngài bảo rằng: " Chúng ta cùng chí hướng vậy" rồi ngài cùng các quan danh tiếng đến cửa kết bạn. Mỗi khi gặp thì Vương Đạo mở dải mũ cho giống nhau. Quan Thượng Thư Biện Khổn đến thì ngài sửa mình nghiêm túc. Hỏi duyên cớ thì đáp: "Đạo phong của Vương Công thì mọi người đều kỳ vọng, Biện lệnh thì là khuôn phép cho mọi người. Tôi làm việc ấy là vì thế." Đình Úy Hoàn

Di muốn làm bạn tốt với ngài. Hữu nói: Cát Hữu có thể cho là sáng nhất còn Di thì hết chỗ khen, đó là lấy chỗ hết mức để khen cái tột cùng. Cát Hữu giỏi trì chú, có rất nhiều linh nghiệm. Người thời đó gọi là Cao tòa Pháp sư, ngài dịch Quán Đảnh Kinh... ba bộ.

Đời Minh Đế (tên Thiệu, con Nguyên Đế)

Năm Thái Ninh thứ nhất, vua chính tay đến điện vẽ tượng Phật Thích-ca ở tại Lạc Hiền đường trong Đại nội. Vua lại đến chùa Hưng hoàng tập họp cả trăm Sa-môn đang học đạo để giảng luận đạo Phật. Năm Thái Ninh thứ ba, ngư dân thấy trên biển có ánh sáng, liền đến lưới lên thì được Tượng Văn-thù bằng vàng có ghi "Vua A-dục tạo." Về sau thương buôn trên biển Đông nhặt được một viên quang, đem đặt vào tượng trên thì vừa khít. Đào Khảng Thứ Sử Quảng châu lấy tượng ấy đem để vào chùa Hàn khê. Chủ chùa là Tăng Trân có lần đến Hạ Khẩu mộng thấy chùa cháy, mà nhà thờ tượng này được thần phù hộ. Trân bèn chạy về, quả nhiên chùa cháy mà nhà thờ tượng thì còn nguyên. Đào Khảng dời về làm Đô Đốc ở Giang châu đưa thuyền đến rước tượng đem về, nhưng vừa đến Giang Thượng thì thuyền chìm, nên không lấy được.

Đời Thành Đế (tên Diễn, con Minh Đế).

Năm Hàm Hòa thứ nhất, Sa-môn Tây Thiên là Trúc Tuệ Lý đến núi Võ Lâm ở Tiền Đường, kinh hãi bảo rằng: "Đây quả là núi Tiểu Linh Thứu ở Trung Thiên Trúc, bay đến đất này năm nào vậy?" Nhận đó đặt tên là ngọn Phi Lai núi Thiên Trúc, lập chùa đặt tên là Linh Ẩn Tự. Tiên ông Cát Hồng viết chữ đề ở Ngạch (Hoàng Vũ Ký - Núi này tên là Kê Túc, vì Hứa Do ở ẩn tại đây nên đổi là Linh Ẩn).

Năm Hàm Hòa thứ ba, Tô Tuấn làm loạn đốt cháy cung thất, riêng Lạc Hiền đường nơi Minh Đế vẽ tượng Phật Thích-ca thì không sao. Vua ra sắc viết bài Tụng để phô bày Thánh đức.

Năm Hàm Hòa thứ tư, Duẫn Cao Khôi ở Đơn Dương, một sáng đi qua cầu Trương Hầu nhìn thấy trong bến có ánh sáng ngũ sắc, liền sai người mò lên thì được tượng vàng nhưng không có vành sáng, bèn rước tượng đem để ở chùa Trường can (ở ngoài thành Kiến khang, Trường Can tức Trường Lũng. Một năm sau có người ở Quận Lâm Hải lưới lên được cái bệ hoa bằng đồng, trên có chữ Phạn đề: "Con gái thứ tư của vua A-dục tạo." Vua ra lệnh đặt vào tượng ở Trường Can. Lại bốn mươi năm sau, người ở Hiệp Phố mò châu trong biển thì được Kim Quang,

vua ra sắc đem đặt vào tượng trên thì rõ ràng cùng một bộ.

Năm Hàm Hòa thứ năm, Hứa Tuân đem chỗ ở mới tại Vĩnh Hưng ở Cối kê làm chùa Sùng Hóa, xây tháp bốn tầng, mọi vật đã có đủ trong khánh, chỉ còn thiếu tướng luân (vành tròn). Một sáng mưa gió bỗng có Luân bàn đầy đủ. Hỏi ra mới biết từ huyện Diệm bay đến.

Vua ra chiếu mời Pháp sư Pháp Nghĩa ở Bảo Sơn Cối kê vào cung cấm để truyền trao năm giới.

Năm Hàm Khang thứ nhất, Sa-môn Chi Đạo Lâm dịch kinh Phương Đẳng Pháp Hoa.

Năm Hàm Khang thứ hai, Thượng Thư Lệnh là Lý Mạc sửa nhà Cú Dung làm chùa Linh Diệu.

Năm Hàm Khang thứ sáu, Hữu Tướng Quân Vương Hy Chi vì ngài Đạt-ma Đa-la người Tây Thiên xây chùa Quy Tông tại Tra Sơn. Quan Dữu Băng Phụ Chánh luận việc Sa-môn phải kính lạy vua. Thượng Thư Lệnh Hà Sung... luận rằng: "Vua Võ đã đem thịnh vượng sửa đổi, Minh Đế thì dùng thông thánh để trị vì, há Sa-môn thời này không dễ dàng quỳ gối, miễn là không thay đổi Pháp tu thiện. Do đó nên chung ý muốn của thiên hạ mà thôi." Dâng Sớ ba phen lời bàn của Dữu Băng đành dẹp. Sa-môn Bạch Pháp Tổ cùng Đạo sĩ Vương Phù tranh luận, Phù nhiều lần bị thua bèn ngụy tạo "Kinh Lão Tử Hóa Hồ." Sau khi Pháp Tổ viên tịch rồi, có Lý Thông chết đột ngột, thấy Tổ Pháp sư ở Âm Phủ giảng kinh Lăng-nghiêm Tam-muội cho vua Diêm La. Giảng xong liền lên trời Đao-lợi giảng kinh. Lại thấy Đạo sĩ Vương Phù thân bị gông cùm xin sám hối với Tổ Pháp sư. Diêm Vương quở rằng: Ngươi đặt lời chê bai Phật, đợi trên thế gian các kinh ngụy tạo của ngươi tiêu hết thì tội ngươi mới thoát" (Phụ chú rằng: Bản văn này một quyển. Sau đổi thêm mười một quyển. Quyển một nói độ vua Hồ ở Kế Tân, quyển hai nói hàng phục ngoại đạo ở nước Câu-tát-la, quyển ba nói độ vua Hồ Duy-vệ, quyển bốn nói độ bảy anh em vua Kế Tân, quyển năm nói độ vua Hồ trải mười hai năm đều trộm lời Phật nói hoặc tự đặt điều).

Đời Khang Đế (tên Nhạc, con Thành Đế)

Năm Kiến Nguyên thứ nhất, Trung Thư Lệnh Hà Sung, bỏ nhà làm chùa Kiến phước, để Tỳ-kheo Ni ở. Có Ni Sư Tịnh Kiểm ở Bản Pháp được giới. Một sáng có Thiên nữ theo ánh sáng xuống sân chùa, vui vẻ chấp tay chào hỏi từ biệt. Đệ tử là Niếp Quang bay lên trời. Hà Sung tánh ham thích sách Phật, kính sửa chùa Phật, cung cấp cúng dường Sa-môn đến mấy trăm vị, tốn phí cháo sữa cả ức mà không tiếc.

Khanh Dụ nói đùa rằng: “Chí ông lớn bao la vũ trụ, mạnh hơn xưa sau.” Sung hỏi duyên cớ. Dụ nói: Ta mong cầu mấy ngàn nhà trong quận, còn chưa được ông mong cầu làm Phật, không to lớn lắm sao?. Lúc đó Khích Âm và em là Đàm thờ Đạo Thiên Sư, còn Sung và em là Chuẩn thì kính tín đạo Phật. Tạ Vạn chê rằng: Hai anh họ Khích thì nịnh Đạo Lão, hai chú Hà lại bợ ông Phật!

Đời Mục Đế (tên Nhiễm, con Khang Đế)

Năm Thăng Bình thứ nhất, Sa-môn ở Đôn Hoàng là Đơn Đạo Khai đến Kiến khang không sợ lạnh nóng, ngày đêm chẳng nằm, một ngày đi bảy trăm dặm. Về sau ngài vào ở trong thạch thất tại núi La Phù ngồi mà tịch.

Năm Thăng Bình thứ năm, vua có bệnh mời Cao Tăng Pháp Khai đến xem mạch, biết vua không khỏi bệnh nên không chịu hốt thuốc. Hoàng hậu nổi giận bắt ngài cầm tù. Bỗng vua băng hà, Ngài được tha. Có người hỏi rằng: Bậc Cao minh cứng rắn giản dị vì sao phải dùng đến y thuật làm chi? Sư đáp: Nói Lục độ để trừ bệnh bốn ma, điều chín khí để trì bệnh phong hàn, lợi mình lợi người cũng không tốt sao? Tôn Xước nói: “Biện tài ngang dọc dùng số thuật mà truyền thông Phật pháp, chính là bắt đầu từ ngài vậy”.

Đời Ai Đế (tên Phi, con của Thành Đế)

Năm Hưng Ninh thứ nhất, vua ra chiếu đem đất Diêu ở Ngõa quan ban cho Sa-môn Tuệ Lục để xây chùa Ngõa quan. Lúc đó kẻ Hiền trong triều chú tâm giúp đỡ không quá mười vạn tiền. Cố Trường Khang là kẻ nghèo nhất xin giúp một trăm vạn tiền. Mọi người đều cười. Một hôm vẽ tượng Duy-ma trên vách điện, khi sắp điểm con ngươi liền bảo: “Ngày thứ nhất mở mắt nhìn thấy thì xin thí cho mười vạn, ngày thứ hai mở mắt nhìn thấy thì cho năm vạn, ngày thứ ba nhìn thấy thì theo lệ cúng thí.” Đến khi mở cửa, ánh sáng chiếu vào chùa, thì người thí đến đông ngịt, quả nhiên được một trăm vạn tiền.

Năm Ai Đế thứ hai, vua ra chiếu mời Pháp sư Trúc Tiềm vào Cung cấm giảng kinh Bát-nhã. Sau Pháp sư từ biệt trở về Diệm Sơn. Vua lại mời Chi Độn nối nhau giảng Pháp. Có một lúc các danh sĩ cùng kết bạn với người nước ngoài. Lưu Hệ nói về Trang Tử là hễ thích ý thì tiêu dao. Độn nói: Vua Kiệt và đạo chích thích tàn ác bạo ngược, há lại tiêu dao sao? Vương Mông suy nghĩ nhiều viết được mấy trăm lời. Độn bảo: “Xa anh đã lâu nhưng sở kiến của anh không cao xa lắm là sao?”

Khích Siêu hỏi tạ An rằng: "Độn nói thế nào về Khê Trung Tán?" An đáp: "Khê cố hết sức thì Đạo mới được phân nửa mà thôi". Độn có lần viết thư cho Tiềm xin mua ngọn núi nhỏ ở Ốc Châu. Tiềm đáp: "Muốn đến thì liền cấp cho, chưa từng nghe Sào Phủ Hứa Do mua núi để ở ẩn bao giờ!".

Đời Phế Đế (tên Dịch, em cuả vua Ai Đế)

Năm Thái Hòa thứ hai, Chi Độn dâng biểu xin trở về núi. Vua ra lệnh lập chùa Ốc châu mời về ở. Mỗi khi giảng Pháp, Độn phần nhiều dùng di văn của Hội Tông, vì người giữ văn hẹp hòi. Tạ An nghe than rằng: Cửu Phương Chân xem tướng ngựa bỏ sắc huyền hoàng mà lấy vẽ thân Tuấn. Có lần giảng Duy-ma ở Sơn Âm, Xử Sĩ Hứa Tuân làm Đô Giảng. Tuân ra một câu hỏi, chúng bảo Độn không thông. Độn luận một mạch thông suốt, chúng bảo Tuân không lấy gì để vấn nạn được.

Năm Thái Hòa thứ ba, Ni Sư Đạo Khánh ở chùa Đông tại Lạc dương, nói cho chúng về Pháp Hoa, Duy-ma. Người nghe đông như chợ.

Đời Giản Văn Đế (tên Dục, con nhỏ của Thành Đế).

Năm Hàm An thứ nhất, có quạ đến làm ổ ở điện Thái cực, vua mời Khúc An Viễn bói, ông bảo: Ở Tây nam có một Ni Sư có thể trừ được điềm quái này. Lúc đó Ni Sư Đạo Dung đang ở chùa Ô Giang tại Lịch Dương. Vua mời về Kinh đô. Cô cho đặt hoa dưới giường nằm để xin Thánh Phàm ứng nghiệm. Quanh chỗ cô ngồi hoa đều không héo. Cô tâu vua rằng: Bệ hạ nên hành trì Bát quan trai giới thì các tai quái sẽ tự nhiên tiêu tan. Vua nghe lời làm theo. Bầy quạ liền dời ổ đi mất. Vua ra lệnh cất chùa Tân lâm mời Ni Sư đến ở. Có Sa-môn Trúc Pháp Khoáng vào kinh Sư tu trai sám để trừ các sao dữ, sau đó các sao này lặn mất.

Năm Hàm An thứ hai, vua ra lệnh ở chùa Trường can xây tháp ba tầng, ngày hoàn công có ánh sáng chiếu khắp nhà cửa. Vua có lần đến chùa Ngõa quan nghe ngài Trúc Pháp Thải giảng Phóng Quang Bát-nhã. Mỗi khi đọc kinh, vua cho rằng khi nung đúc tinh thần sáng suốt thì Thánh nhân sẽ đến.

Đời Hiếu Võ Đế (tên Diệu, con thứ ba của Giản Văn Đế)

Năm Ninh Khương thứ nhất, Đại Tư Mã Hoàn Ôn chết. Lúc xưa Ôn ở tại Cô thục có một vị Ni lạ đến gặp rồi xin chỗ tắm rửa. Ôn lén

nhìn thì thấy Ni Cô khỏa thân lấy dao mổ bụng và chặt đôi chân. Sau ra gọi Ôn bảo ràng: Nếu ông làm vua cũng bị như thế. Ôn mỗi khi có ý phản loạn thì Ni cô răn cấm. Đến khi Giản Văn Đế băng hà thì có lời phao rằng triều đình phong cho Cửu Tích. Tạ An Vương Thản Chi nghe Ôn bệnh nặng lén hoãn lại việc này. Khi văn chưa soạn xong thì ông chết. Con của Ôn là Huyền dẹp An Đế rồi lên làm vua, bị nghĩa quân giết chết.

Bàn rằng: Hoàn Di giữ Tuyên Thành bị chết bởi nạn Tô Tuấn là người trung. Con là Ôn cầm quân dòm ngó triều đình là kẻ loạn. Con của Ôn là Huyền cậy thế cha cuối cùng đoạt ngôi, thân chết nhà tan đó là giặc. Đời sau sửa Sử đặt ra Di Liệt Truyện, Ôn Huyền Tứ Di Truyện, làm nhục người đời trước lắm thay! Huyền làm vua được tám mươi ngày, hành tích giống Vương Mãng mà không được coi là hàng quyền thần lâu đời. Chết rồi bị tiếng là loạn tặc, thật đáng răn cho hậu thế!

Vương Thản Chi làm Trung Thư Lệnh, chơi thân với Sa-môn Trúc Pháp Thải. Mỗi khi cùng luận việc u minh báo ứng thì yêu cầu người chết trước phải đến báo. Sau Sư Thải đến Bảo rằng: "Bần đạo đã chết rồi tội phước không sai. Chỉ mong ngài nên siêng tu Đạo đức để sinh lên cõi trên mà cứu thần minh (linh hồn). Nói xong biến mất.

Đạo An Pháp sư ở Chùa Đàn Khê tại Tương dương tạo tượng Phù đồ bằng đồng (Phù đồ là tiếng Phạm, cũng gọi là Tốt-đổ-ba; Tháp bà, Hán gọi là Cao hiển xứ). Ông tự mang tượng đến Phương Sơn, đuốc trời sáng rực, cả thành đô đều đến chiêm bái. Có Cao Sĩ tên Tập Tạc Xĩ đến gặp Đạo An tự xưng là "Tứ Hải Tập Tạc Xĩ". Đạo An đáp: "Di Thiên Thích Đạo An". Người thời đó cho là câu đối hay. Vua nghe tiếng Đạo An bèn nói: "Pháp sư lấy Đạo đức soi sáng nhân thiên, cần được hưởng lộc hàng Vương Công." Quan Sở Ty bèn kịp thời cung cấp.

Năm Ninh Khương thứ hai, Pháp sư Trúc Tiềm tịch. Vua ra chiếu rằng: Tiềm Pháp sư quên sự vinh hiển của chức Tể Tướng, tu hạnh xuất gia, bèn nhờ dạy Đạo cứu giúp quần sinh. Nay ngài đã viên tịch thật đau đớn lòng. Vậy đáng ban cho năm vạn tiền để giúp xây tháp ngọc.

Năm Thái Nguyên thứ nhất, Sa-môn Tây Thiên là Thiệp Công đến Trường An. Tần chúa Phù Kiên rất tôn kính. Ngài thường đọc chú để rồng làm mưa cứu hạn, người trong nước được nhờ. Pháp sư Tuệ Vĩnh đến Lư Sơn, ra ở Hương Cốc tại phía Tây rừng. Thứ Sử Tầm Dương là Đào Phạm sửa nhà làm chùa.

Năm Thái Nguyên thứ tư, nước Tần đánh Tương dương bắt Đạo An và Tập Tạc Xĩ đem về Trường An. Tần chúa Phù Kiên rất mừng bảo

rằng: "Nhà Tấn hội với Ngô mà hai nước đều lợi. Nay phá được Tương dương bắt được Sĩ Tải một người rưỡi." Phù Kiên ra Đông Uyển bảo Đạo An cùng ở. Quan Bộc Xạ Quyền Dực can rằng: Đạo An là người tu không được cùng ngồi xe. Phù Kiên giận bảo: "An Công đạo đức đáng kính." Bèn bảo Dực dìu An lên xe. An vào quan ải, các Sa-môn đều lấy theo họ ngài. An bảo: "Sư không bằng Phật, làm Sa-môn nên lấy họ Thích." Đến khi kinh Tăng Nhất A-hàm truyền tới có câu rằng: "Bốn sông chảy vào biển không còn tên riêng, bốn họ xuất gia đồng lấy họ Thích." Xứ Lam Điền tìm được cái đảnh xưa, bụng đảnh có ghi chữ Triện, cả triều đình đều không hiểu, bèn hỏi đạo An. An nói: "Do Lỗ Tương Công đúc." Tần Chúa bèn ra lệnh người học ở hai Quán có điều gì nghi đều đem hỏi Đạo An. Bấy giờ người trong nước có câu rằng: "Học không có Sư An dạy thì nghĩa sẽ khó." Đạo An đen đúa nhưng nhanh nhẹn, thích bàn luận, nên có lời rao rằng "Tất Đạo Nhân kinh động bốn bể." Cánh tay trái của ngài có khối thịt một tấc vuông như cái ấn, đời gọi là Ấn Thủ Bồ-tát.

Năm Thái Nguyên thứ sáu, vua lập tinh xá trong nội điện, thờ Phật mời các Sa-môn danh đức đến ở hành đạo. Ngài Tuệ Viễn Pháp sư (học trò của Đạo An) từ Tương dương đến Lô sơn lập tinh xá Long Tuyền. Lúc Sư mới đến núi, Thần báo mộng bảo rằng: "Núi này đủ để ngài dừng chân, xin đừng đi nơi khác." Chiều đó mưa to sấm sét, thì thấy rừng rậm đã được phá rộng, cát trắng đầy đất, cây gỗ quý ngổn ngang. Thứ Sử Cửu Giang là Hoàn Y bèn lập chùa tên là Đông lâm, điện thờ gọi là Thần Vận (Thần giúp). Sư Tuệ Viễn ở trên sông cầu nguyện. Bỗng tượng Văn-thù của Đào Khản nổi lên mặt nước. Bèn rước tượng về điện và tạo gác lớn để thờ. Sa-môn Pháp Chánh dịch Thiên Phật Danh Kinh... (kinh Ngàn Đức Phật) được một trăm mười một bộ.

Năm Thái Nguyên mười sáu, Sa-môn nước Kế Tân là Chúng Thiên đến Giang Tả (Phàm nước chảy từ Tây sang Đông thì Đông là mặt, Tây là lưng, Bắc là tả, Nam là hữu. Vậy Giang nam phải gọi là Giang Hữu. Từ xưa đã gọi nhầm là Giang Tả, không biết rõ về mặt lưng tả hữu. Nay gọi Triết Tây là Triết Hữu cùng rơi vào lỗi này. Lời nói này đã được các Tiên Nho nghe biết). Dịch Kinh Tam Pháp Độ... ba bộ.

Năm Thái Nguyên thứ mười chín, ở phía Bắc thành Giang lăng có ánh sáng năm sắc, Sa-môn Đàm Dực được tượng vàng trong đất, ở Quang tướng (vành sáng) có đề chữ Phạm : "Vua A-dục tạo", bèn rước về thờ ở chùa Trường sa (Ngài Trí Giả phát nguyện trước tượng Phật ở Trường sa, chính là tượng này. Chùa này xét theo Thiên Nhân Cảm

Thông Truyện thì chùa Trường sa ở bờ Bắc Kinh châu. Biệt Truyện Chú nói ở Đàm Châu là sai).

Năm Thái Nguyên thứ hai mươi, Kinh châu Mục là Hoàn Xung bảo Sa-môn Đàm Dực sang sông tạo hai chùa Đông và Tây. Từ các thời Tấn, Tống, Tề, Lương, Trần... có đến cả vạn Tăng. Đầu đời Tùy số danh Tăng có đến ba ngàn năm trăm vị. Ra giảng kinh có năm mươi ba vị. Biệt Viện lớn nhỏ có mười ngôi. Hai Viện Ban-chu, Phương Đẳng, riêng mùa Hạ có cả ngàn người, chùa nhà có đến cả vạn gian.

Xử sĩ Đái Quỳ muốn tạo tượng Phật Vô Lượng Thọ một trượng sáu, vì tượng cũ quá vụng về. Bèn kín đáo lượm lặt các thuyết, suy nghĩ ba năm khắc tượng mới xong, liền rước về ở chùa Linh Bảo tại Sơn Âm. Khích Siêu vừa thấy liền lạy, tay vừa nhóm hương thì bỗng trên làn khói có đám mây thật cao hiện ra, mọi người đều khen là thần cảm. Có Sa-môn nước Kế Tân là Tăng-già-bạt-trừng đến Trường An dịch Tạp Tỳ-đàm Bà-sa Luận. Có Sa-môn nước Quy Tư (đọc là Khâu Từ) là Cưu-ma-la-thập đến Trường An. Tần chúa Diêu Hưng tiếp đãi ở vườn Tiêu dao, ngài dịch kinh Đại Phẩm Bát-nhã.

Đời An Đế (tên Đức Tông, con của Võ Đế).

Năm Long An thứ hai, Sa-môn ở Trường An là Pháp Hiển sang Thiên Trúc cầu kinh. Quan Phụ Chánh Hoàn Huyền khuyên vua nên sa thải Tăng Ni. Chiếu viết rằng: Những ai soạn thuật kinh điển, diễn nói nghĩa lý, giữ giới chánh tu... đều được cho tu như cũ, ngoài ra đều không được tu. Chỉ có Lô Sơn là những bậc đạo đức ở thì ngoài quy định này. Ngài Viễn Pháp sư viết thư cố gắng biện bạch, việc bèn bỏ qua.

Năm Long An thứ năm, nhà Tần, ngài Pháp sư La-thập ở tại vườn Tiêu dao dịch kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Tần chúa Diêu Hưng ở chùa Thảo đường cùng ba ngàn Tăng tay bưng kinh cũ cùng nghiêm túc nhập định. Vua ra chiếu Tăng Lược... nên học hỏi ý chỉ ngài La-thập, vì số Tăng Ni quá nhiều, nên mời ngài Tăng Lược làm Tăng Chánh, cấp bậc ngang hàng Thị Trung, cấp cho xe và phu kéo. Mời ngài Pháp Khâm làm Tăng Lục, Tăng Thiên làm Duyệt chúng, ban cấp bực có sai khác. Mỗi vị đều cấp cho ba mươi người thân tín hầu hạ.

Đái Ngung con của Quỳ, tài khéo như cha. Giang Di có lần nhờ Ngung tạo tượng Quan Âm đã nhiều năm. Đêm nằm mộng thấy có người bảo: Giang Di không có duyên với Đức Quan Âm, sao không chịu đổi làm tượng Đức Di-lặc? Ngung liền chạy đi báo, cùng lúc có thư của Di gởi đến bảo cùng nằm mộng vào đêm ấy. Đến khi đổi làm tượng Di-

lặc thì bắt tay liền thành (tượng này ở tại chùa Long Hoa ở Cối kê).

Năm Nguyên Hưng thứ nhất, Đời Tần, ngài Pháp sư La-thập từ năm Hoằng Thủy thứ tư đến nay đã dịch kinh Di Giáo, Kinh Duy-ma-cật, Luận Đại Trí Độ, Luận Thành Thật... chín mươi tám bộ. Các Sa-môn dịch kinh nhà Tần là Phật-đà Da-xá, Công Đức Hoa, Vô Cấu Nhãn, Pháp Xứng, Pháp Hải, Đồng Giác, Trúc Phật Niệm, Chúng Hiện, Pháp Hỷ, Chúng Thiên là mười Sư, dịch kinh được hai mươi ba bộ.

Năm Nguyên Hưng thứ hai, Hoàn Huyền muốn nhắc lại lập luận của Dữu Băng là khiến Sa-môn phải lạy vua. Viễn Pháp sư dâng thư thưa rằng: Ca-sa không phải y phục của Triều Tông, bình bát không phải là vật đựng ở Lang miếu, hình dung thoát trần không nên lạy vua. Huyền được thư bèn hạ lệnh không thi hành. Sư lại viết bài Sa-môn không kính lạy vua, để cảnh cáo đương đời (Bài Luận này thấy trong Lô Sơn Tập).

Ngài Đàm-ma-lưu-chi ở Tây Trúc đến Tần, cùng ngài Thập Pháp sư (La-thập) đồng dịch Thập Tụng Luật. Từ xưa Đông độ chưa nghe nói Niết-bàn thường trú, chỉ nói thọ mạng dài lâu. Ngài Viễn Pháp sư nói: Phật là tột cùng, tột cùng thì không biến đổi. Lý của không biến đổi đâu thể có ngằn mé. Bèn viết ra Pháp Tánh Luận. Chỗ cốt yếu nói rằng: “Tột cùng lấy bất biến làm tánh, được tánh rồi thì lấy thể cực làm Tông.” Sau ngài La-thập đọc Luận đó khen rằng: Người Tần chưa thấy Kinh mà đã thầm hợp với Lý rồi. Viễn Sư nghe ngài La-thập đã vào Quan Trung liền gởi thư thông hiếu. Ngài La-thập trả lời thư và có kệ. Đời Tần, An Thành Hầu là Diêu Trung đã gởi ngài La-thập bản dịch mới Trí Luận xin ngài viết tựa. Ngài cho là văn quá rộng, chép lại làm hai mươi quyển và có lời tựa riêng.

Đệ tử ngài La-thập có Sinh, Triệu, Dung, Duệ. Người thời đó gọi là bốn Thánh ở Quan Trung. Ngài Đạo Sinh, lúc đầu vào Lô Sơn Liên Xã. Sau ngài đến Trường An theo ngài La-thập. Thấy ngài Pháp Hiển dịch kinh Nê Hoàn (sáu quyển) có nói: “Trừ một loại Xiển-đề ra, tất cả đều có Phật tánh.” Ngài nói: “Người A Xiển-đề (Hán gọi là người không đủ tin) cùng loại với loài hàm sinh, sao chỉ riêng loại người này là không có Phật tánh? Chỉ vì Kinh này đến chưa trọn bộ mà thôi”. Ngài bèn xướng thuyết “Người Xiển-đề đều sẽ thành Phật.” Chúng cho đó là tà thuyết trái Kinh. Đối với Luật phải tội Tẩn. Đạo Sinh ở trước chúng thề rằng: Nếu điều tôi nói khế hợp với tâm Phật thì nguyện ngày bỏ báo thân này tôi sẽ ngồi ở tòa Sư tử. Do đó ngài Đạo Sinh liền nhanh chóng ẩn thân ở núi Hổ Khâu. Ngài sắp đá giả làm học trò rồi ngồi

giảng kinh Niết-bàn. Đến chỗ Xiển-đề thì nói là có Phật tánh, rồi hỏi: "Điều ta nói có khế hợp với tâm Phật chăng?". Thì các hòn đá đều gật đầu. Sau ngài trở về Lô Sơn nghe ngài Đàm-vô-sấm dịch lại kinh Niết-bàn đến phẩm Thánh Hạnh quả nhiên có nói: Người Nhất-xiển-đề tuy đã dứt căn lành cũng có Phật tánh, thì vui mừng khôn xiết. Đã từng bảo Thánh giáo truyền đến Đông Độ người Dịch lắm trở ngại, nhiều người bị vướng ở quyền văn nên ít thông suốt nghĩa đầy đủ. Do đó mà kiểm duyệt chân tục, tinh luyện Không và Hữu. Bèn viết Thiện Bất Thọ Báo Luận, Thành Phật Đốn Ngộ Luận, Phật Tánh Thường Hữu Luận, Pháp Thân Vô Sắc Luận, Phật Vô Tịnh Độ Luận... đều là củng cố thuyết cũ, ý sâu Diệu Hữu. Bọn chấp chặt văn tự ganh ghét tranh nhau. Một hôm Đạo Sinh lên tòa thuyết pháp bỗng thấy đuôi cây phất trần chúi xuống đất, thì ngài đã ngồi yên trên ghế mà hóa.

Tăng Triệu lúc mới gặp ngài La-thập, ngài bảo: "Đây là bậc Long tượng trong Phật pháp vậy." Ngài Tăng Triệu có soạn Bát-nhã Vô Trí Luận, Vật Bất Thiên Luận, Bất Chân Không Luận, Niết-bàn Vô Danh Luận (gọi chung là Triệu Luận). Ngài La-thập bảo: Ta hiểu không sót văn ông, xin chào nhau vậy (Thiên Thai Tông bảo ngài La-thập và Tăng Triệu phần nhiều thường phụ thêm nghĩa).

Ngài Đạo Dung theo ngài La-thập. Từ lâu có Bà-la-môn ở nước Sư Tử chở nhiều sách đến Quan Trung xin tranh luận. Ngài La-thập bảo Đạo Dung ra tiếp. Trước khi tranh luận, Đạo Dung đã xem xét các sách của ngoại đạo đó, bảo người chép hết mục lục. Tần chúa tập họp đông đảo để rộng biết xem ai khoe khoang. Đạo dung kể rõ số sách của ông ta cùng các kinh sử ở nước Tần gấp mười lần. Thừa thắng, ngài trêu rằng: "Ông chưa nghe ở Đại Tần có người học rộng ư?" Vị Bà-la-môn xấu hổ lạy tạ mà rút lui.

Ngài Tăng Duệ lúc đầu dạo chơi khắp các nước ngoài. Sau vào Xã của Viễn Sư ở Lô Sơn, rồi ra Kinh Sư nghỉ ở chùa Ô Y để giảng thuyết. Về sau mới vào Quan Trung theo ngài La-thập. Ngài Tăng Duệ có dáng vẻ thông minh ai thấy cũng đều kính sợ. Tần chúa nhân khi lâm triều đã chỉ ngài và bảo Diêu Tung rằng: Vị này Tăng bốn biển đều ngưỡng vọng.

Năm Nghĩa Hy thứ hai, vua nước Sư Tử hiến tượng Phật bằng bạch ngọc cao bốn thước hai tấc. Nơi ở Đông lâm của Pháp sư Tuệ Viễn có dòng suối chảy quanh chùa rồi đổ xuống khe. Mỗi khi đưa khách qua đây thì có tiếng cọp gầm, nhân đó đặt tên là Hổ Khê. Sau đó có đưa khách thì chưa từng vượt qua khe, chỉ riêng có Đào Tiềm và Đạo sĩ Lục Tu Tịnh

đến thăm, vì họ mê bàn chuyện Đạo mà qua Hổ Khê hồi nào không hay, chừng biết ra thì họ cùng cười lớn. Do đó truyền nhau tranh Tam tiếu. Sa-môn nước Kế Tân là Phật-đà Da-xá (Hán gọi là Giác Minh) đến Kinh châu đọc ra Tứ Phần Luật, rồi cùng dịch với ngài Trúc Phật Niệm.

Năm Nghĩa Hy thứ tư, Viễn Pháp sư ở Giang đông, kinh sách không đủ, Thiền pháp chưa nghe, Luật tạng thiếu thốn, bèn sai đệ tử là Chi Pháp Lãnh... đến Thiên Trúc, tìm hỏi được nhiều Kinh Phạm ở nước Vu-điền, lại gặp ngài Phật-đà Bạt-đà-la bèn yêu cầu cùng về Đông độ.

Năm Nghĩa Hy thứ sáu, lúc đầu Lưu Trình Chi vào Lô Sơn nương ngài Viễn Pháp sư niệm Phật. Ngài bảo: "Quan lộc vòi vọi vì sao không làm?" Trình Chi thưa: "Vua quan nghi nhau tôi sao làm được?". Ông ở trong núi mười lăm năm chuyên chí niệm Phật. Tháng tám năm ấy thấy Đức Phật A-di-đà phóng quang xoa đảnh, ông liền đối trước tượng đốt hương khấn rằng: "Con nhờ lời dạy để lại của Đức Thích-ca mà biết có Tây phương tịnh độ, con nguyện dâng hương này trước cúng dường Đức Thích-ca Thế Tôn, kế cúng dường Đức Phật A-di-đà, mong chư Phật từ bi chứng giám. Sau con nguyện cúng dường kinh Diệu Pháp Liên Hoa, sở dĩ được sinh là do từ Kinh này." Nói xong ông nằm lên giường xây mặt về hướng Tây mà hóa. Trình Chi là người có ẩn đức. Tạ An, Lưu Dụ luôn tiến cử ông nhưng ông cố sức từ chối không chịu. Vua bèn ban cho cờ xí gọi là Di Dân.

Chu Tục Chi, thuở nhỏ làu thông năm Kinh năm Vĩ. Người thời ấy gọi là "Cậu bé mười kinh." Hàng Công Khanh mời gọi nhưng ông không đến, bèn vào Lô Sơn tham dự Liên xã của Viễn Công. Ông mặc áo vải, ăn tương rau, trọn đời không cưới vợ. Đời gọi ông là Thông Ẩn.

Lôi Thứ Tông vào Liên xã ở Lô Sơn, cất nhà trọ bên Đông lâm. Khi Viễn Sư tịch rồi, ông viết thư cho con cháu rằng: Ta gá nghiệp Lô Sơn thờ Thích Hòa thượng đã hai mươi năm, tài trí đã lụt, bạn bè đều chết. Kịp nay chưa già lắm, còn có thể gắng chí để về đến Tây phương. Từ nay trở đi chớ kể việc nhà với ta!

Năm Nghĩa Hy thứ bảy, thuở xưa Sa-môn Pháp Hiển đã sang Tây Trúc trải hơn ba mươi nước. Khi đến Trung Thiên Trúc lên núi Kỳ-xà-quật, thấy một lão Tăng Sư vái chào nhưng không nhìn. Sư đến hỏi một cậu thiếu niên, cậu đó đáp: Đó là Tôn giả Đại Ca-diếp. Sư theo tìm thì không thấy nữa. Sư Pháp Hiển nhờ thương nhân đem kinh Tượng về nước Sư Tử và ngồi thuyền đi Nam Hải đến Thanh Châu rồi trở về Dương Đô. Sư dịch kinh Đại Bát-nê-hoàn năm bộ (Đại Tạng có truyện

Sư Pháp Hiển).

Bàn rằng: Sa-môn ở Đông độ đi Tây du đầu tiên là Chu Sĩ Hành nhưng ông chỉ đến nước Vu-điền ở Tây Vức, thật ra đó là đất phía Đông của Thông Hà mà thôi. Đến ngài Hiển Pháp thì vượt qua Thông Lãnh đi khắp Ngũ Thiên Trúc. Lại đem Đạo ở Nam Hải đi về phía Đông đến đất Tấn. Người chuyên cần cầu pháp thì đây là vị Sư trước nhất.

Năm Nghĩa Hy thứ tám, ngài Phật-đà Da-xá ở nước Kế Tân, đến Lô sơn dự vào Liên xã. Trước đó ngài ở nước Tần dịch Tứ Phần Luật, Trường A-hàm. Lại cùng với ngài La-thập đối chiếu mà dịch Thập Trụ Bà-sa Luận. Ngài có ria mép đỏ nên gọi là Luận Chủ Ria Đỏ.

Ngài Đàm-vô-sấm ở nước Quy Tư đến Cô Tang, vua nước Lương là Thư Cừ Mông Tốn giữ ngài ở lại dịch kinh Đại Bát-niết-bàn bốn mươi quyển. Sau ngài cố từ chối xin trở về Tây Trúc, Tốn giận cho đi rồi sai người lén theo giết trên đường về. Trước đó khi Sấm mới ra khỏi quan ải bảo kẻ tiễn đưa rằng: "Nghiệp số đã đến lúc. Ta về Tây Vức, Tốn hối tiếc! Giữa ban ngày Tốn thấy thần nhân lấy kiếm đâm chết. Khi Sấm ở đất Lương đã cùng với Đạo Cung các Sư... dịch kinh Bi Hoa...

Bàn rằng: Vua nước Kế Tân giết Tổ Sư Tử mà rụng cánh tay tiêu mạng. Thư Cừ giết Vô-sấm thì thần nhân dùng kiếm đâm. Có người bảo Thánh Sư hiểu rõ nghiệp đời trước mới vẽ ra việc đền nợ, há lại khiến chịu quả báo như thế. Ý là nói các Thần Hộ Pháp giận kẻ dữ phạm đến bậc Tôn quý. Tâm xấu ác của người trước quá mạnh nên phải tự chiêu lấy quả báo. Không nên sánh với kẻ tầm thường trả oán lẫn nhau.

Năm Nghĩa Hy thứ chín, Sa-môn nước Ca-duy-vệ là Phật-đà Bạt-đà-la (Tàu tọi là Giác Hiền) đến Lô sơn vào Liên xã. Viễn Pháp sư thỉnh ngài dịch các kinh thiền. Từ đó Giang đông mới mê Thiền duyệt.

Năm Nghĩa Hy thứ mười, Tây Lâm Vĩnh Sư ở Lô Sơn có bệnh, bỗng chấp tay nhìn về hướng Tây bảo là "Phật đến" rồi ngồi yên mà hóa. Mùi hương lạ bảy ngày mới tan. Viễn Pháp sư ở Đông lâm ba mươi năm thì Vĩnh Pháp sư cũng ở Tây Lâm chừng ấy năm. Trấn Nam Tướng Quân là Hà Vô Kỵ đến Hổ Khê mời ngài. Viễn Pháp sư có hàng trăm người danh vọng theo làm học trò. Ngài ăn nói thanh cao, luận bàn hoa mỹ, cử chỉ dễ nhìn. Còn Vinh Công thì nạp y nửa gối, vác tích trượng ôm bát, phơi phơi đi dưới rặng tòng, thần khí tự tại. Vô Kỵ khen rằng: Vĩnh Công thanh khí phiêu dật hơn Viễn Công.

Năm Nghĩa Hy thứ mười hai, Viễn Pháp sư đã tu lâu tịnh nghiệp chiêm lễ ba Phật. Do đó ngày sáu tháng tám năm ấy, ngài biết Phật đến đón nên an nhiên thần hóa. Ngài dặn lại nên để thây ngài trần trụi

dưới rừng tòng. Nhưng đệ tử không đành nên thỉnh toàn thân ngài táng ở ngọn núi phía Tây. Tạ Linh Vận đặt văn bia, Trương Dã làm lời tựa. Tông Bính lại lập bia ở cổng chùa. Xưa Sư ở núi hành đạo, các danh Nho như Lưu Di Dân, Lôi Thứ Chi, Chu Thục Chi, Tông Bính, Trương Dã, Trương Thuyên, Sa-môn Vĩnh Pháp sư, Tuệ Trì (em của Viễn Sư), Đạo Sinh, Đàm Thuận (theo học ngài La-thập), Tuệ Duệ, Đàm Hằng, Đạo Bính, Đàm Tiên, Đạo Kỉnh (đều là đệ tử của Viễn Sư), Phật-đà Gia-xá (người nước Kế Tân), Phật-đà Bạt-đà-la (người Ca-duy-vệ) thường cùng tới lui. Người thời ấy gọi là Lô Sơn Thập Bát Hiền. Lại cùng một trăm hai mươi ba đạo tục kết xã niệm Phật. Bảo Lưu Di Dân làm "Lời Thệ Nguyện" cùng hẹn về Tây phương. Tạ Linh Vận một kẻ ỷ tài kiêu ngạo mới gặp Sư lần đầu đã nghiêm túc tâm phục, bèn đào hai ao Đông Tây để trồng sen trắng, nhân đó gọi là Bạch liên xã. Tạ Linh Vận còn lần xin vào xã, nhưng Viễn Sư xét tâm còn tạp loạn nên ngăn lại. Có lần Sư viết thư mời Đào Tiềm. Tiềm bảo: "Nếu cho uống rượu thì đến." Sư chấp thuận. Tiềm liền đến, bỗng nhíu mày rồi bỏ đi. Sư có viết Pháp Tánh Luận, Bất Bái Vương Giả Luận... và về Thi, Tự, Minh, Tán... tất cả gồm mười quyển gọi là Lô Sơn Tập (Bạch Vân Đoạn Thiền sư có chép bộ Bản Lại Việt Thượng, gặp Luật Sư Chiêu dặn nên khắc bản in ra, Chiêu Sư làm lời tựa có câu: Vương Kinh Công nói rằng: "Người Tấn làm văn không ai bằng Viễn Sư").

Bàn rằng: Phật pháp bắt đầu từ đời nhà Hán, đến đời Tấn thì rất thịnh hành. Song việc tranh giảng Kinh Luận đều để ý đến phần chuyên môn. Riêng Pháp sư Đông lâm mới bắt đầu dùng đạo niệm Phật Tam-muội khai sáng một thời làm báu vật tặng lại muôn đời. Bởi biết đó là Yếu Đạo thích hợp căn duyên với người cõi này, nên Sư liền kết Xã chiêu dụ người hiền đến nổi các danh Nho trở thành cao Thích. Khi lâm chung thì thần hóa, cảm được Phật đón mà được vãng sinh. Đây là một đời hiện tiền chứng đắc, ở mãi trong đạo mầu bất thoái chuyển. Sư nói: "Công hiệu cao, dễ tiến bộ thì Pháp môn niệm Phật là đứng đầu." Những người tu hành cần nên coi trọng lời nói trên.

Thái Thú Cối kê là Mạnh Khải thờ Phật rất thuần khẩn, nhưng bị Tạ Linh Vận xem thường, có lần bảo Khải rằng: "Muốn đắc đạo cần phải tu tuệ nghiệp, ngài sinh lên trời tất là trước Linh Vận, nhưng phải thành Phật sau Vận này!" Khải thầm trách.

Năm Nghĩa Hy thứ mười ba, xưa Sa-môn Pháp Chí ở Hàng Sơn thường tụng Pháp Hoa. Có một chim Trĩ bay đến ở góc tòa có dáng như lắng nghe. Sau bảy năm Trĩ chết. Pháp Chí chôn cất tử tế. Đêm mộng

thấy một cậu bé đến lạy tạ ơn rằng: "Nhân nghe kinh mà con được thoát kiếp chim. Nay được sinh vào nhà Vương Thị ở trước núi này." Sáng ra Chí cho người dò hỏi thì đúng như lời nói. Một hôm Vương Thị thiết trai cúng dường. Khi Sư Pháp Chí vừa bước đến cổng thì cậu bé reo lên: "Hòa thượng con đã đến!" Chí vỗ vào đứa bé bảo: "Đây là bé Trĩ của ta." Khi cởi áo cậu bé thì thấy ở dưới nách có ba cọng lông trĩ. Đến bảy tuổi xin cho vào núi xuất gia, mười sáu tuổi xuống tóc. Vì dưới nách có lông trĩ nên đặt tên là Đàm Dực. Lúc đầu Sư đến Lô sơn y chỉ Viễn Pháp sư. Kế đó đến Quang Trung tham kiến ngài La-thập. Sau đi về phía Đông đến Cối kê vào Vọng Sơn ở nước Tần. Sư tụng kinh Pháp Hoa hơn mười hai năm. Có một cô gái mình mặc áo màu, tay xách lồng nhốt một con heo trắng và hai củ tỏi to, đến trước Sư bảo rằng: "Thiếp vào núi hái rau, trời đã tối, trên đường đầy sài lang thú dữ, trở về chắc chết, dám xin ngài cho nghỉ nhờ một đêm." Sư cương quyết từ chối. Cô gái khóc lóc van xin mãi. Sư bèn lấy giường cỏ cho ở. Nửa đêm cô kêu đau bụng bảo nhờ Sư chà sát. Sư bèn lấy vải bọc đầu cây tích trượng rồi chà sát ở bụng. Sáng ra cô gái lấy áo màu hóa thành vầng mây lành, con heo biến thành voi trắng, tỏi thành hoa sen, rồi cô bay lên hư không bảo Sư rằng: "Ta là Bồ-tát Phổ Hiền vì không bao lâu nữa ngươi sẽ theo nhập chúng của ta, nên đến thử nghiệm. Xét thấy tâm ngươi như trăng trong nước không thể dính bẩn." Rồi trời mưa hoa, đất đai rúng động. Người làng nghe thấy đều khen ngợi. Ngày hôm ấy Thái Thú Mạnh Khải mới sáng sớm thức dậy làm việc. Bỗng thấy ở phương Nam có đám mây lành chiếu sáng xuống sân, văng vẳng tiếng âm nhạc dìu dặt. Hỏi ra mới biết Đức Phổ Hiền hóa hiện. Bèn đem đạo hạnh của Sư tâu lên triều đình. Vua ra lệnh xây cất chùa Pháp hoa (nay là chùa Thiên y). Khi Sư tịch thì để nguyên nhục thân trong núi (đời Đường Võ Tông dẹp bỏ pháp, thờ tượng Sư trong chùa Nam thọ. Đời Ngô Việt Võ Túc Vương thụy phong là Phi Vân Đại Sư).

Sa-môn Pháp Trang là đệ tử của Pháp sư Tuệ Viễn tụng Pháp Hoa làm chánh nghiệp. Người hàng xóm ban đêm thấy trước phòng Sư có nhiều binh lính mang vũ khí đứng hầu. đạo tục truyền nhau nghe đều rất tôn kính Sư.

Sa-môn Đàm Thúy ở chùa Bạch mã tại Hà Âm. Ngày tụng Chánh Pháp Hoa và giảng nói thông suốt. Đêm mộng thấy một người đến gõ cửa thỉnh Sư giảng kinh chín tuần. Sư không chịu. Cố thỉnh mãi Sư phải đi. Bỗng thấy mình ở trong miếu Thần chùa Bạch mã, có một người đệ tử cũng tham dự. Từ đó mỗi ngày Sư âm thầm đến giảng kinh. Một sớm

Tăng trong chùa đi ngang qua miếu nghe tiếng giảng nói, đến xem thì thấy bày hai Cao tòa đối mặt nhau, hương lạ ngạt ngào. Hết mùa Hạ, Thần đến dâng cho một con ngựa trắng, năm con dê trắng và năm mươi xấp lụa để sung vào việc giảng dạy. Sư liền chú nguyện nhận lãnh.

Năm Nghĩa Hy thứ mười bốn, Nội sử nước Ngô là Mạnh Khải thỉnh ngài Phật-đà Bạt-đà-la về ở chùa Tư Không tại Kiến nghiệp dịch kinh Hoa Nghiêm sáu mươi quyển. Có hai thanh y sáng sớm từ ao lên quét rửa mài mực. Lúc đó Tuệ Nghiêm, Tuệ Quán làm bút thọ.

Đời Cung Đế (tên Đức văn, con của An Đế).

Năm Nguyên Hy thứ nhất, vua rất thâm kính Phật pháp. Ra chiếu lệnh ở chùa Ngõa quan đúc tượng vàng Đức Thích-ca trượng sáu. Ngày hoàn công có ánh sáng chiếu đầy chùa. Các nhân sĩ khắp kinh đô đều đến cúng dường.

V. NHÀ TỐNG (Đô ở Kiến khang)

Đời Tống Cao Tổ (tên Lưu Dụ, được Tấn nhường ngôi)

Năm Vĩnh Sơ thứ nhất, vua thiết lễ trai tăng ở nội điện, mời Sa-môn Đạo Chiêu đọc lời từ có câu: “Tuổi trăm năm nhanh chóng khổ vui trong thoáng chốc”. Vua khen hay bèn riêng ban cho ba vạn tiền vàng.

Vua mới sinh ra có ánh sáng lạ. Khi lớn lên dạo chơi Hạ Phì gặp một vị Sa-môn lạ ở quán trọ đối diện bảo: “Cả thiên hạ đều loạn, kẻ cứu người chính là ông!” Lúc đó vua có mục ghẻ ở tay. Sa-môn liền cho thuốc bột màu vàng rồi biến mất. Vua xức thuốc ấy chỉ một lần thì lành. Có lần vua dạo đến chùa Trúc Lâm ở Kinh Khẩu, nằm một mình trước giảng đường thì có nét rồng năm sắc hiện ra. Chư Tăng sợ hãi tâu vua. Vua bảo: “Bậc Thượng nhân không nói dối.” Sa-môn ở Ký châu là Pháp Xứng bảo đệ tử rằng: Thần Trung Nhạc nói: Giang đông có Lưu tướng quân là dòng dõi của nhà Hán sẽ làm vua trị vì. Nay ta lấy ba mươi hai hạt ngọc bích ấn vào một đế vàng làm tin.” Vua nghe chuyện liền sai Thích Tuệ Nghĩa đến Tung sơn tìm kiếm. Bỗng mộng thấy một ông già râu dài cầm gậy chỉ vào đá. Sáng hôm sau đến chỗ hòn đá ở miếu Thần quả nhiên tìm được, nhân đó dâng lên vua. Vua nằm mộng thấy một vị Tăng lạ bảo rằng: “Đời trước ông từng cúng thí cho Phật Duy-vệ một bát cơm, nên nay được báo ở ngôi vị này.”

Quan tư đồ Vương Mật thấy đất ở cửa Đông dịch có ánh sáng, đào lên thì được một tượng Phật bằng vàng cao một thước hai tấc, bèn ra lệnh để trong đài mà cúng dường. Quan xa kỵ Phạm Thái cất chùa Kỳ

Hoàn ở phía Tây nhà. Tạ Linh Vận cất chùa Chiêu Đề ở núi Thạch bích. Sa-môn nước Huỳnh Long là Đàm-vô-kiệt cùng Tăng Mãnh... hai mươi lăm người sang Tây Thiên cầu kinh hơn hai mươi năm chỉ có Vô-kiệt trở về Dương đô dịch kinh.

Đời Thiếu Đế (tên Nghĩa Phù, con trưởng của Cao Tổ).

Năm Cảnh Bình thứ nhất, Sa-môn ở nước Kế Tân là Phật-đà Thập ở chùa Long Quang tại Dương đô dịch Ngũ Phần Luật (Ngài Nam Sơn bảo: Văn của Tứ bộ không hơn luật này, chỉ là nói rộng hay hẹp mà thôi. Lương rất khen).

Đời Văn Đế (tên Long, con thứ ba của Cao Tổ)

Năm Nguyên Gia thứ nhất, Sa-môn nước Kế Tân là Đàm-ma-mật-đa đến Kiến khang, dịch kinh thiền và kinh Quán Phổ Hiền Hạnh Pháp... mười bộ. Từ Viên Hoàng hậu, Hoàng tử trở xuống cả kinh đô đều kính lễ. Sa-môn Tây Thiên là Cương-lương-da-xá dịch kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật.

Bàn rằng: Khi Văn Đế mới nối ngôi thì cả hai kinh Quán Phổ Hiền và Quán Vô Lượng Thọ cùng đến một lúc. Đến nay người trì tụng kinh này rất thạnh hành. Thế mới biết trong khoảng năm Nguyên Gia rất tôn kính Đại thừa. Cả năm nước cùng đến hiến cống và khen ngợi thờ phụng đạo pháp. Từ khi vượt sông đến nay chưa có thời nào rục rỡ như thế.

Năm Nguyên Gia thứ hai, vua ra chiếu ở Kinh sư vì Đức Cao Tổ mà lập chùa Báo Ân. Lại sắc lệnh Sa-môn Đạo Hựu đến huyện Mậu sửa chùa A-dục vương. Đào đất được hộp vàng chứa đầy ba thứ xá-lợi, tóc và răng Phật. Vua ra chiếu xây tháp ba tầng để thờ.

Năm Nguyên Gia thứ ba, Thần tăng Bôi Độ. Thuở xưa lúc ông xuất hiện ở Ký châu, tay cầm một chén gỗ rồi đứng trên chén mà qua sông. Do đó mà gọi là Bôi Độ (Bôi: chén, Độ: qua sông). Ông tự làm một cái phên rào bằng tranh rộng. Lý Thị ở Quảng Lăng đãi cơm chư Tăng. Độ đem phên tranh ấy đặt giữa sân. Rồi ngồi yên trên chiếu, ăn xong liền nâng phên tranh lên hô lớn: “Tứ Thiên vương!” Lúc đó có cậu bé thấy trong phên có bốn đứa trẻ cao mấy tấc, mắt mi như vẽ. Khi đến tìm thì ẩn mất. Sa-môn Tây Thiên là Y-diệp-ba-la đến Bành thành dịch kinh. Thứ sử Từ châu là Vương Trọng Đức ở chùa Tống vương đã tạo tượng Phật vàng một trượng sáu. Mỗi khi có giặc nạn thì tượng đổ mồ hôi.

Năm Nguyên Gia thứ tư, Sa-môn ở Kinh châu là Trí Nghiêm dịch kinh Anh Lạc Bản Nghiệp... mười bốn bộ. Sa-môn Tuệ Lam vì tài học được vua yêu, ra chiếu bảo cùng Nhan Diên Chi nghị bàn việc triều chính. Lam mang guốc gỗ cao, khoát áo điêu cừu. Khổng Khải đùa rằng: “Cần gì chiếc áo đen Tể tướng này?” Tuệ Lam có viết Hắc Bạch Luận rất trái nghĩa lý Phật. Chúng luận nghị mà bác đi (thấy trong Hoằng Minh Tập). Sau Tuệ Lam bị bệnh da thịt lở lói nhầy nhụa, trải một năm thì chết. Người thời ấy cho là quả báo phản giáo.

Năm Nguyên Gia thứ năm, vua Nguyệt Ái nước Ca-tỳ-la, vua Sát-lợi Ma-ha nước Sư Tử đều sai sứ vào triều cống. Vua đáp lời vua Ma-ha rằng: “Ở đây kinh Tiểu thừa rất ít. Trong nước ngài có kinh gì xin chép hết gởi cho.”

Năm Nguyên Gia thứ sáu, vua đến chùa Kỳ Hoàn xem việc hóa độ cậu bé Tuệ Cơ.

Năm Nguyên Gia thứ bảy, nước Ha-la-đà đến triều cống dâng biểu nói rằng: “Kính xin Thánh thượng tin kính Tam bảo, tạo nhiều chùa tháp cùng khắp thế giới, nên nay sai sứ dưng biểu này bày tỏ tấm lòng”.

Xưa vua nghe tên ngài Tam tạng Cầu-na-bạt-ma ở nước Kế Tân (Hán dịch là Công Đức Khải), bèn ra chiếu sai Sa-môn Đạo Mẫn ở Giao châu đi tàu biển đến mời. Bạt-ma vui mừng ngồi thuyền buồm đến Quảng châu. Vua sai sứ đón về Kim lăng mời ở chùa Kỳ Hoàn. Bộc xạ Hà Thượng Chi... đều kính thờ ngài, thỉnh ngài giảng Hoa Nghiêm (Ngài Giác Hiền đã dịch ra sáu mươi quyển). Vì chưa thông thạo tiếng Hoa nên ngài cầu nguyện với Đức Quan Âm. Đêm đến nằm mộng thấy có Lực sĩ đổi cho đầu khác. Sáng ra còn cảm giác hơi đau, rồi ngài thông suốt tiếng Đông độ. Có lần vua hỏi: “Trẫm muốn trai giới không giết hại, nhưng bị kẹt ở chỗ ở địa vị bắt người phải chết nên không được toại chí.” Ngài Bạt-ma thưa: Đế Vương cùng thất phu việc tu hành mỗi người mỗi khác. Thất phu thì thân danh hèn kém, lời nói không oai, nếu không khắc kỷ thì lấy gì mà cứu. Còn Đế vương thì bốn biển là nhà, xem dân như con, nói ra một điều lành thì sĩ dân đều vui, ban bố một luật thiện thì người và thần cùng hòa hợp, nên mưa gió đúng thời, mùa màng tươi tốt. Trì trai giới như thế thì công đức rất lớn. Thà ăn đơn giản nửa ngày để bảo toàn mạng sống cho một loài chim thì sau đó mới rộng độ được. Vua khen: “Tục thì mê lý xa, tăng lại kẹt giáo gần. Như lời Pháp sư nói đây thì có thể bảo là tột cõi trời người.” Ngài ở chùa Kỳ Hoàn giảng phẩm Thập Địa, kinh Hoa Nghiêm. Mỗi ngày vua dẫn hàng

công khanh đến tập họp dưới tòa, pháp môn càng thêm rạng rỡ.

Năm Nguyên Gia thứ mười, nước Ha-la-đơn vào triều cống, dâng biểu tôn là Thường Thắng Thiên Tử Bệ Hạ. Ngài Tăng-già Bạt-ma ở Tây Thiên đến Kiến khang, vua mời ở chùa Bình Lục. Vì Sa-môn ở Kinh Sư là Tuệ Chiếu và ba trăm bảy mươi người mà ngài sang bờ Thái châu. Ở trong thuyền Sư thọ lại Cụ giới. Có người hỏi có ý gì? Sư Chiếu đáp: Vì nghi rằng trước đây thọ giới vào bậc trung hoặc bậc hạ nên nay thọ lại cầu tăng cao hơn, căn cứ vào thứ lớp của hạ lạp cũ.

Bàn rằng: Đây là do sư Chiếu trước đây thọ giới không đúng pháp. Ở trên thuyền mà kiết giới nhiếp Tăng là để tiện làm việc mà thôi. Nay những hàng tuổi trẻ coi thường việc thọ giới không biết phương tiện, không thể có được sự cảm phát còn chưa được giới ở cả bậc thấp, thì phải nên chí thành thọ lại tất sẽ được. Luận Tát-bà-đa nói: Thọ giới lại để tăng lên bậc cao không mất hạ cũ. Như đây thì bậc trung và hạ cần phải thọ lại, huống là kẻ chưa được cảm phát ư? Có người hỏi trước đã nghe Yết-ma nay như thọ lại thì việc nghe trước đây là nghe trộm chăng? Song không biết rằng như đương thời khi thọ giới mà có tâm khinh thường còn không được lãnh thánh giới thay, thì làm sao có lỗi nghe trộm. Xin các bậc Cao Đức sáng Luật nên cho một lời bình.

Năm Nguyên Gia thứ mười một, ngài Cầu-na-bạt-ma ở chùa Nam lâm lập giới đàn để truyền giới cho Tăng Ni, đây là giới đàn đầu tiên ở Chấn Đán. Lúc đó có tám vị Tỳ-kheo ở nước Sư Tử đến. Không bao lâu có ba Ni Sư Thiết-tố-la đến, đủ để làm Thập chúng. Bèn thỉnh ngài Tăng-già Bạt-ma làm thầy, vì Ni Sư Tuệ Quả... ở chùa Cảnh phước, ở giới đàn Nam tài, hai chúng nương vào đó để thọ lại giới Cụ túc, độ hơn ba trăm người.

Bàn rằng: Tăng sử tóm tắt rằng: Nhà Hán độ cho A Phồn thọ Tam quy, nhà Tấn độ cho Tịnh Kiểm theo một chúng. Còn hai chúng được giới kể từ năm này thì Tuệ Quả là người đầu tiên.

Năm Nguyên Gia thứ mười hai, nước Xà-bà vào triều cống, dâng biểu rằng: Nước Đại Tống, Đại chủ Đại Cát Tường Thiên tử, giáo hóa tất cả, hàng phục bốn ma, chuyển pháp luân cao quí độ thoát chúng sinh. Bọn chúng tôi ở xa cũng được thấm nhuần Linh Tuệ.

Ngài Tuệ Tuân Luật Sư giỏi về Tăng-kỳ và Thập Tụng Luật, viết văn diễn giảng. Đây là phần giải thích Thập Tụng đầu tiên. Vua mời Ni Sư Bảo Hiền làm Ni Tăng Chánh ở Kinh ấp. Vua bảo Thị Trung Hà Thượng Chi rằng: Phạm Thái, Tạ Linh Vận thường nói: "Sáu Kinh vốn để độ thế tục, nhưng nếu cần cầu tánh linh chân yếu thì phải dùng Phật

lý làm chỉ nam. Gần thì thấy Nhan Diên Chi bẻ gãy Đạt Tánh Luận, Tông Bính vấn nạn Bạch Hắc Luận (đều thấy trong Hoằng Minh Tập) đều thấu suốt lý rốt ráo, mở sáng lòng người. Nếu đất nước này đều được thấm nhuần giáo hóa này, thì trẫm ngồi yên mà thái bình tự đến. Thượng Chi thưa: Kể từ vượt sông đến nay thì Vương Đạo, Chu Khải, Dữu Lượng, Tạ An, Đái Quỳ, Hứa Tuân và Thần là anh em với Cao Tổ (tức anh em với Hà Sung) đều có chí quy y. Hễ người làm một điều lành thì bỏ đi một điều ác, bỏ một điều ác thì dứt muôn hình phạt. Đây là nói rõ ý nghĩa ngồi yên mà thái bình tự đến. Cho nên Đồ Trừng đi Triệu thì hai Thạch giảm bạo ngược, Linh tháp chiếu sáng mà Phù Kiên hết tàn ác. Đây là do Đạo thần cảm hóa thấy được rõ ràng. Đến như công của tượng gỗ đất tưởng như không có gì nhưng gieo trồng phước báo thì không gì nhanh bằng. Thượng Chi lại nói: Hễ kính lễ kẻ ẩn dật thì bớt đi chiến sĩ, quý nhân đức thì dẹp binh khí. Nhưng nếu theo chí Tôn Ngô quyết lòng thôn tính thì Đạo Nghiêu Thuấn còn không theo được, đâu chỉ riêng Thích giáo ta ư? Vua nói: Thích môn có Khanh cũng như Khổng môn có Lý Lộ, đó gọi là lời ác thì không lọt tai thôi.

Các Sa-môn Công Đức Khải, Công Đức Hiền dịch chín mươi bộ kinh.

Ngài Trúc Đạo Sinh viên tịch ở Lô Sơn, ngài lập nghĩa Phật tánh được vua kính trọng. Vương Hoằng, Phạm Thái đều là bạn của ngài. Vua bày tiệc chay đích thân ngồi dưới đất, đến lúc ăn, chúng nghi là phi thời (Luật nói quá giờ ngọ là ăn phi thời). Vua nói: Mới giữa ngọ. Đạo Sinh nói: “Mặt trời sáng rực trời, trời nói mới giữa ngọ, sao được gọi phi thời.” Rồi và cơm mà ăn. Cả chúng khen là khéo luận. Ngài Đàm-ma-mật-đa ở huyện Mậu xây dựng chùa Tháp A-dục vương.

Năm Nguyên Gia thứ mười ba, vua ra chiếu tìm Sa-môn có thể thuật lại nghĩa đốn ngộ của Đạo Sinh Pháp sư. Dữu Đăng Chi tiến cử Sư Pháp Viện. Vua mời gặp thì Viện biện luận nghĩa lý rất sáng tỏ. Hà Thượng Chi khen rằng: “Tưởng rằng Sinh Công đã mất thì vi ngôn dứt luôn, mà nay lại được nghe lời nói hơn xưa.” Khi chùa Tương Cung cất xong, vua mời Sư về ở và thường đến chùa nghe pháp.

Ni Sư Trí Đạo ở chùa Giản Tịnh không tu nữa về ở với Lương Quần Phủ, sinh con bảy tuổi nhà nghèo không có áo mặc. Nhớ lại lúc còn làm Ni có lụa trắng, viết kinh Pháp Hoa, liền lấy đem giặc sạch may áo cho con mặc. Bỗng khắp thân mọc ghẻ, dòi trắng bò lúc nhúc, kêu khóc hơn mười mấy ngày thì chết. Trên không trung có tiếng bảo: “Pháp Kinh làm áo nên mắc báo dữ.”

Năm Nguyên Gia thứ mười bốn, thuở xưa, người ở kinh đô là Tôn Ngạn Tăng dòng dõi nhà thờ Phật. Có người thiếp tên Vương Tuệ Xưng thường tụng kinh Pháp Hoa. Bỗng thấy trên bến sông có ánh sáng, đào lên thì được một tượng Phật bằng vàng, trong viên quang có đề chữ: "Năm Canh Tý niên hiệu Kiến Võ thứ sáu, Quan Tự Đạo Nhân là Pháp Tân tạo ra" (trước đây chỉ có Tấn Kiến Võ năm thứ thứ nhất và chỉ năm thứ nhất mà thôi!). Ni Sư Đạo Thọ tụng kinh Pháp Hoa đến ba ngàn biến, thường thấy có điềm ánh sáng và trên không trung có bảo cái rủ xuống che trên đỉnh đầu.

Năm Nguyên Gia hai mươi, Sa-môn Tuệ Nghiêm qua đời. Vua ra chiếu an ủi rằng: Nghiêm Pháp sư là bậc hiểu sâu học giỏi, nay đã an nhiên thần hóa thương tiếc khôn cùng. Nên ban cho năm vạn tiền và năm mươi xấp vải.

Năm Nguyên Gia hai mươi hai, xưa Phạm Hoa cậy tài bất đắc chí, cùng với Khổng Hy trước đây mưu việc phế lập. Việc bại lộ, Hoa bị tội chết giam trong ngục. Sa-môn Đàm Thiên ở chùa Kỳ Hoàn vốn là bạn của Hoa, bán y bát để lo việc chôn cất. Ngụy Thế Tổ nghe việc khen ngợi, bảo Từ Viên rằng: Khi làm Tống Thư, Khanh chớ bỏ sót việc này.

Năm Nguyên Gia hai mươi ba, Ngụy Thế Tổ cùng Quan Tư Đồ Thôi Hạo thờ Đại sĩ Khấu Khiêm Chi, liền ban chiếu thiên hạ phải đốt phá kinh tượng tháp miếu, giết hết Sa-môn (thấy trong Thông Tắc Chí quyển 4).

Năm Nguyên Gia hai mươi bảy, Vương Huyền Mô đánh phương Bắc bị bại trận, Tiêu Bân muốn giết. Thẩm Khánh Chi can rằng: Phật Ly (con út của Ngụy Thế Tổ) oai động thiên hạ, Huyền Mô há làm gì được, nay giết đi thì các chiến tướng sẽ tự yếu. Bèn thôi. Lúc đầu, khi Huyền Mô sắp bị giết, mộng thấy có người bảo: Hãy tụng kinh Quán Thế Âm một ngàn biến có thể khỏi chết. Nhân đó truyền khẩu Kinh ấy, nói rằng: "Quan Thế Âm, Nam-mô Phật, cùng Phật có nhân, cùng Phật có duyên, Phật pháp duyên nhau Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, sáng niệm Quán Thế Âm, chiều niệm Quán Thế Âm, Niệm niệm từ tâm khởi, niệm niệm tâm không lìa." Khi thức dậy thì Huyền Mô tụng mãi không thôi. Bỗng nghe hô: Đình Án! Sau ông làm quan đến Khai phủ, sống đến tám mươi hai tuổi.

Năm Nguyên Gia hai mươi chín, Ngụy Văn Thành lên ngôi, phục hưng Phật pháp.

Đời Hiếu Võ Đế (tên Tuấn, con của Văn Đế)

Vua ra sắc mời Sa-môn Tuệ Cự làm Đô Duy Na ở Kinh ấp. Vào ngày giỗ của Văn Đế tại chùa Trung Hưng, vua thiết lễ Bát quan trai. Khi dùng ngọ xong, tùy tùng là Viên Mẫn Tôn dâng lên vua cá thịt, vua nổi giận bèn bãi miễn quan chức.

Vua mời Sa-môn Đạo Du vào nội điện nói pháp. Vua khen hay bèn mời làm Pháp chủ ở chùa Tân an.

Sa-môn Tăng Du ở Ngô Hưng, lúc xưa ở Lô Sơn cất chùa Chiêu đề thường trì kinh Pháp Hoa, tháng sáu năm ấy bảo bạn rằng: "Tình và hình kết lũy nghiệp Tam đồ, khi Tình sắp dứt thì Hình cũng phải mất. Vết xe Dược Vương nào có đâu xa?" Bèn từ biệt chúng vào ngồi ngay ngắn trong khám củi, tụng phẩm Dược Vương rồi châm đuốc tự thiêu. Chúng thấy có khí máu tía bay lên không trung. Khoảng mười ngày sau chỗ Sư mọc lên hai cây ngô đồng. Kẻ biết chuyện gọi đó là điềm Ta-la song thọ.

Năm Đại Minh thứ tư, Lộ Thái hậu ở chùa Trung hưng tạo tượng Phổ Hiền và thiết lễ trai tăng. Bỗng có vị Tăng lạ ngồi trên tòa. Chúng kinh hãi đến hỏi thì đáp rằng: "Ta là Tuệ Minh từ Thiên an đến." Nói xong biến mất. Nhân đó vua ra chiếu đổi làm Thiên an tự. Vua mời Sa-môn Đạo Ôn làm Tăng Chánh ở Đô Ấp. Sa-môn Tây Thiên là Công Đức Trực đến Kinh châu cùng Huyền Sướng dịch kinh. Ngài Công Đức Trực mỗi khi duỗi tay thì toát ra mùi thơm, lòng bàn tay ứa nước.

Năm Đại Minh thứ năm, Thái thú Lô Lăng là Chu Trạm dâng lên vua tượng vàng chín thước ba tấc, nói là Tăng Pháp Quân nằm mộng thấy được. Nhân đó tìm đến sông Tam Khúc thì thấy có ánh sáng nổi trên mặt nước, tìm thì liền được tượng. Sau đó Quận Trường sa dâng lên vành Kim Quang bảo là ngư dân nhặt được trên sông. Đem đặt vào tượng thì khớp thành một khối. Ngụy Sứ Lý Đạo Cố đến triều cống, vì trong chùa Trung Hưng có Tăng Chung giỏi biện luận, vua bèn mời làm bạn với Cố ở Khách quán, hai bên chuyện vãng mãi không thôi đến quá ngọ không ăn cơm. Đạo Cố nói: Không làm Thanh văn ư? Chung đáp: "Đáng hiện thân Thanh văn để độ thì liền hiện thân Thanh văn mà nói pháp...." Thời đó cho là câu đối đáp nổi tiếng.

Năm Đại Minh thứ sáu, ngày tám tháng tư, ở nội điện vua thiết lễ tắm Phật và trai Tăng. Sa-môn Tuệ Giản... dịch kinh hai mươi sáu bộ.

Năm Đại Minh thứ bảy, Sa-môn ở chùa Trúc lâm là Tuệ Ích tụng Pháp Hoa nguyện thiêu thân. Vua sai sứ khuyên can không cho. Nhân ngày Phật đản, Sư đến cung khuyết từ giã vua và dặn dò Phật pháp. Rồi

Sư vào Chung sơn vào nằm trong vạc dầu, bó vải sạch vào thân mà đốt. Vua ngồi xe đến khuyên nhưng không nghe. Chúng nghe Sư tụng phẩm Dược Vương. Bỗng nghe tiếng kèn sáo và mùi hương lạ ngào ngạt. Đêm đến vua mộng thấy Sư dặn dò việc hộ pháp. Sáng hôm sau vua thiết đại hội, ban chiếu cất chùa Dược Vương tại nơi Sư thiêu thân.

Năm Đại Minh thứ tám, tháng mười, vua ra luật Sa-môn phải lạy vua. Sa-môn Tăng Viễn nghe mà than rằng: "Từ ngày ta xuất gia nào có liên hệ chi đến việc vua chúa." Ngay ngày ấy liền giũ áo trở về Chung sơn.

Đời Tiền Phế Đế (tên Tử Nghiệp, Thái tử của Võ Đế)

Tháng giêng năm Cảnh Hòa thứ nhất, vua đình chỉ việc Sa-môn lạy vua. Sa-môn Pháp Ích... xin vượt biển đến Thiên Trúc thỉnh kinh pháp. Khi đến Quảng châu thì gặp giặc biển cản trở nên không đi được. Sa-môn Giác Thọ dịch luật Di-sa-tắc, một bộ.

Đời Minh Đế (tên Thành, con Văn Đế).

Năm Thái Thủy thứ nhất, vua ban chiếu lập chùa Hưng Hoàng ở cửa Kiến dương. Vua mời Sa-môn Đạo Mãnh làm Cang Lãnh. Vua nói: Người hay hoằng đạo, nay được Pháp sư, không những làm ngay đạo mà còn lợi ích quần sinh, cũng có danh vọng sáng chói trên đời. Bèn hạ chiếu rằng: "Mãnh Pháp sư có đạo phong lại cứu độ được nhiều người, là bạn khách của Trẫm, mỗi tháng nên cung cấp cho ba vạn tiền." Lại khiến cấp cho bốn Sử quan, hai mươi Bạch bộ lại, xe và kiệu mỗi thứ nhất cổ. Lại ban chiếu cho Tăng Cẩn làm Tăng Chủ của thiên hạ, ban cho một bộ Pháp Kỷ (Pháp Kỷ là tên chỉ các nghề làm tràng phan, trống, não bạt... hoặc gọi là Thích Bộ Oai Nghi), hai mươi người thân tín, mỗi tháng cấp cho ba vạn tiền, xe và phụ kéo khiêng xe).

Năm Thái Thủy thứ hai, Bảo Chí Đại sĩ qua lại núi Hoãn, ông đi chân không, mặc áo gấm, lấy kéo, thước, gương, phất trần treo ở đầu gậy rồi vác gậy mà đi. Đám con nít thấy kêu la ầm ỉ đuổi theo sau. Hoặc có khi ông nhỏ nhẹ đòi rượu, hoặc nhiều ngày không ăn. Có lần gặp người ăn nem, theo xin ăn. Ăn xong, nôn cả xuống nước, thì nem biến thành cá sống bơi đi. Ông thường thường ca ngâm như nói sấm ký. Thuở xưa Chu Thị ở Kim lăng nghe tiếng con nít khóc trong ổ chim ưng, bèn đem về nuôi làm con. Đến bảy tuổi thì nương ngài Tăng Kiểm ở Chung sơn mà xuất gia, chuyên tu thiền quán. Đời gọi là Chí Công (Lý Bạch khen rằng: Dao Tề thước Lương quét bụi trần mê, chỉ là lời đố).

Năm Thái Thủy thứ ba, vua đến chùa Trang nghiêm xem bàn luận Tam Giáo.

Chu Ngung dời về làm Trị điện tỉnh. Lúc đó vua mê thích lý diệu huyền, lại gặp người thâm độc không dám vạch rõ mà can gián. Ông liền nêu lên các việc tội phước trong kinh Phật, vua do đó đổi làm lành. Chu Ngung có làm Tam Tông Luận nói về nghĩa Không Giả. Ở phía Tây Kinh châu, có Đạo Nhân Trí Lâm viết thư khen ngợi.

Vua ra sắc cất viện Thiền lâm ở chỗ Ni Tịnh Tú. Ni Tịnh Tú có pháp thần dị, cô mời được anh em Ta-già-la Long vương đến ủng hộ. Thường có ba mươi hai đồng tử, Công đức thiên, Thiện nữ thiên lãnh việc phục dịch (ba mươi hai đồng tử là ba mươi hai vị trời). Cô mặc áo Ca-sa màu trái dâu chín, thấy các Ni khác không đúng pháp liền dùng pháp Sám Hối Ma-noa-đỏa (Tần gọi là Ý Hỷ, do sám hối nên ý mình vui vẻ, cũng khiến chúng Tăng vui vẻ). Từ đó ở Kinh sư cả hai bộ Tăng Ni đều tinh trì giới luật. Có lần cô dạo chơi cõi trời Đâu-suất, cầm bánh Thiên Ba-lợi, nói với thầy cô rằng: Bánh này có thể đủ đem trai tăng cho các Sa-môn đang tọa thiền trong thiền đường.

Dật Sĩ Cố Hoan làm bộ Di Hạ Luận bảo rằng Phật và Lão bằng nhau, do hóa độ mà có hai thứ Di Hạ riêng biệt. Cố Hoan tuy cho hai Pháp đồng nhau, nhưng có ý nghiêng về Lão giáo. Quan Tư Đồ Viên Xán mượn lời Sa-môn Thông Công làm Luận bác bỏ, ông cho rằng Khổng và Lão lấy thế tục làm gốc, còn Phật thì xuất thế làm Tông, xuất phát đã khác thì chỗ về cũng không giống. Quan Thường Thị Hà Trấn Chi cũng viết các lời khen chê cho rằng: Kinh sách của Đạo gia cạn cợt hẹp hòi như các loại Linh Bảo Diệu Chân, thâu nhặt ở kinh Pháp Hoa rồi đặt lời rất vụng về. Các kinh Thượng Thanh Huỳnh Đình, hớp hơi nuốt đá... nếu không phải cùng phe thì phép không linh nghiệm. Về Đạo Giáo cũng khó đồng. Tuy văn có năm ngàn lời mà đã hơi dài, trọn không bằng Tam thừa cùng dẫn dắt cả Cửu lưu và đều được độ (rút trong Hoằng Minh Tập và Nam Sử, Cố Hoan Truyện).

Sa-môn Trúc Pháp Quyến... dịch kinh Vô Tận Ý... mười hai bộ. Vua nghe ở đồi Lô Sơn có Đạo Tu Tịnh, bèn cho xây dựng Sùng Hư quán để kính lễ. Khi thuận dịp thì tìm hỏi đạo, hết Triều chính thì để tâm hướng về thôn dã.

Đời Hậu Phế Đế (tên Dực, Thái tử của Minh Đế).

Năm Nguyên Huy thứ ba, Sư Pháp Hiến ở chùa Định Lâm sang Thiên Trúc cầu kinh. Khi đến nước Vu-điền thì được răng Phật, xá-lợi

và Phẩm Đề-bà kinh Pháp Hoa lấy đem về.

Đời Thuận Đế (tên Chuẩn, con thứ ba của Minh Đế)

Năm Thăng Minh thứ nhất, vua mời Sa-môn Pháp Trì làm Tăng Chánh của Thiên hạ.

VI. NHÀ TỀ (đóng đô ở Kiến khang)

Đời Cao Đế (tên Tiêu Đạo Thành)

Năm Kiến Nguyên thứ nhất, vua đến chùa Trang nghiêm nghe Pháp sư Tăng Đạt giảng kinh Duy-ma. Chỗ ngồi của vua hơi xa, Trung Thư Lệnh là Trương Chữ xin dời tòa giảng đến gần chỗ vua ngồi.

Năm Kiến Nguyên thứ hai, Thứ sử Ích Châu là Phó Diễm Ngôn. Có Sa-môn Huyền Sướng lập chùa Tề long, cảm được thanh y do thần nhân hiện ra đi nhiễu bảo vệ quanh núi. Vua sắc lệnh cho phép quyên góp một trăm nhà để cung cấp. Vua đến Chung sơn nơi Sư Tuệ Viễn ở. Nhưng Sư ngồi trên giường cố từ chối vì bệnh già không thể ra đón tiếp và cửa phòng chật hẹp không nơi để xe vua. Nên vua đặc biệt sai sứ đến vấn an.

Năm Kiến Nguyên thứ ba, Sa-môn Trung Thiên Trúc là Đàm-ma-da-xá dịch kinh Vô Lượng Nghĩa - Năm Kiến Nguyên thứ tư, vua ban chiếu mời Sa-môn Pháp Dĩnh làm Tăng Chủ ở Kính Ấp. Vua ban chiếu đón Chí Công ở Hoãn Sơn vào kinh đô. Ông rạch mặt mình làm mười hai mặt Quan Âm, vua cho là để đánh lừa người ác.

Đời Võ Đế (tên Cơ, con của Cao Đế)

Năm Vĩnh Minh thứ nhất, vua ở vườn Hoa lâm thiết giới Bát quan trai. Thời còn hàn vi vua lánh nạn trong núi Yết Dương, chất đá làm tháp, bỗng có một cây mọc ở cạnh bên như cái lọng hoa. Sa-môn Tây Thiên là Đạt-ma-đề đến dịch phẩm Đề-bà-đạt-đa.

Tăng Tuệ Viễn ở trong núi Chung Sơn năm mươi năm, Thiên hạ ngưỡng vọng là bậc cao đức. Khi ngài tịch thì vua gởi thư an ủi đệ tử là Pháp Hiến rằng: Hòa thượng Viễn viên tịch, đệ tử giữa đêm đã tự ngầm biết. Việc Hòa thượng viên tịch đây rất tốt, muốn gặp Pháp sư, chỉ có thể thấy nhau trong mộng.

Vua mời sư Huyền Sướng ở chùa Trường Can và sư Pháp Hiến cùng làm Tăng chủ, chia nhau phụ trách công việc ở Bắc Giang nam. Người thời đó gọi là hai kiện tướng áo đen.

Năm Vĩnh Minh thứ hai, vua mời Sa-môn Tăng Chung vào triều

kiến ở điện Càn hòa. Sư chỉ xưng là bần đạo. Vua hỏi Bộc xạ Vương Kiểm rằng: Xưa Sa-môn tự xưng thế nào? Kiểm tâu: "Thời Hán Ngụy thì Đạo này chưa thạnh hành nên không nghe nói gì. Đến thời Tấn Tống đến nay phần đông đều xưng là bần đạo và cho ngồi ở tòa. Giữa thời Tấn thì Dữu Băng, Hoàn Huyền muốn khiến Sa-môn phải lạy vua nhưng cuối cùng việc không thành." Vua nói: Hai Sư Hiến, Sướng đạo hạnh như thế mà còn phải xưng tên, huống là người khác. Vái chào thì không bắt buộc, xưng tên nào có hiềm gì!

Năm Vĩnh Minh thứ tư, Sa-môn Tăng Hộ ở núi Thạch thành tại huyện Viêm thấy khoảng ven núi có ánh sáng như hào quang Phật. Bèn tạc đá làm tượng Phật Di-lặc, mới xong mặt tượng. Trước đó ở đời Tấn có Sa-môn Đàm Quang đến động đá ở Viêm Sơn ngồi yên, thì có cọp và rắn đến nằm dưới chân, Sư truyền cho Tam quy thì dẫn nhau đi mất. Rồi thần núi mặc áo đẹp đến yết kiến, Sư nói pháp cho nghe. Thần dâng núi để cất Già-lam gọi là Ẩn Nhạc. Bạn đồng học là Ư Lan lại cất chùa ở một bên gọi là Huyền Hóa. Tăng Hộ tạo tượng xong liền ở chỗ tượng lại cất lên một ngôi chùa gọi là Thạch Thành, cùng hai chùa trước thành thế vạc ba chân mà ở.

Cuối đời Tề có Sa-môn Tăng Thục đến đó tiếp tục tạo dựng. Đến khi Lương Võ Đế cử binh xuống miền Đông, do không đủ tiền dùng nên Kiến An Vương Vĩ (con thứ tám của Văn Đế) phá tượng Phật đồng ở Tương dương đúc làm tiền. Phú Tăng chứa cả mười vạn quan tiền lại thêm ác độc. Sau Vương ra trấn giữ Giang châu bị bệnh ngặt nghèo. Có Huyện Lệnh Lục Hàm ở Thủy Phong (nay là Huyện Thiên thai) mộng thấy ba vị Sa-môn bảo rằng: "Kiến An Vương bị bệnh là do nghiệp chướng trước, Sư Tăng Hộ ở Diễm Huyện tạo tượng đá Phật Di-lặc, nếu Vương giúp cho hoàn thành tất được hết bệnh". Lục Hàm trở về Kinh đô. Năm sau, khi ra cửa gặp vị Tăng hỏi: Việc Kiến An Vương còn nhớ chăng? Bỗng biến mất. Hàm trực nhớ lại, bèn tâu lên Vương. Vương liền mời Tăng Hựu Luật Sư ở chùa Định lâm. Nhân tượng cũ đã nạo bớt năm trượng, đến năm Thiên Giám mười lăm thì làm xong. Thân tượng và viên quang cao mười trượng. Bệnh của Vương đã lành. Bèn chuyên tâm học kinh càng ngộ Phật lý. Đời Đường, Luật sư Đạo Tuyên mộng thấy thiên thần bảo rằng: Sư tức là hậu thân của Tăng Hộ, Tăng Thục và Tăng Hựu, nên đời gọi là "Phật Đá ba đời" (trích ở Nam Sử và Bia của Tượng Đá Lưu Hiệp, Thiên Nhân Cảm Thông Truyện. Muốn thấy rõ sự tích ba đời nên chép đủ ở đây).

Năm Vĩnh Minh thứ năm, Hữu Châu dâng lên một tượng Phật

bằng trân châu.

Quan Tư Đồ Cánh Lăng Vương là Vương Tử Lương ở Tây Để mời hết các danh Tăng giảng luận Phật pháp tạo kinh Bái Tân Thanh (các bài tán ca mới) nhiều lần trai giới, cúi lạy chư Tăng cấp cho cơm nước.

Có lần mộng thấy Đức Thiên Vương Như Lai ở thế giới Phổ quang Đông phương nói pháp môn Tịnh trụ tịnh hạnh. Nhân đó Lương viết bộ Tịnh Trụ Tử hai mươi quyển và Tam bảo Ký.

Lưu Tễ có mẹ là Minh Thị bị bệnh. Tễ tụng Quan Âm mấy vạn biến. Đêm nằm mộng thấy có vị Tăng bảo rằng: "Phu nhân đã hết số, ông dốc chí tinh thành sẽ được sống lâu hơn". Sáu mươi ngày sau thì mẹ chết. Tễ cất lều ở mộ mẹ khóc thương, thường có đôi bạch hạc bay lượn trước lều (Nam Sử). Lưu Hiêu ở ẩn nuôi chí, thờ mẹ và anh rất hiếu để. Mẹ mỗi khi có bệnh thường mộng thấy Hiêu dâng thuốc, hôm sau thì hết bệnh. Em là Lưu Hứa chuyên ý về Kinh sách Phật, cùng Hiêu nghe giảng ở các chùa tại Chung Sơn. Nhân cùng bói việc xây cất Đông Giản, Hứa thường đội mão vỏ thóc, khoát áo nạp. Mỗi khi dạo chơi núi đầm thường lưu luyến quên về (Nam Sử).

Năm Vĩnh Minh thứ sáu, ngài Tăng-già Bạt-ma ở chùa Trúc lâm tại Quảng châu dịch luật Thiện Kiến Tỳ-bà-sa.

Năm Vĩnh Minh thứ bảy, Cư sĩ Minh Tăng Thiệu ở Bình Nguyên, đổi nhà ở Nhiếp Sơn làm chùa Thê Hà. Vì Chí Công làm huyễn hoặc dân chúng nên vua bắt ông bỏ ngục Kiến Khang, nhưng ngay ngày hôm ấy người trong nước đều thấy Đại sĩ dạo khắp giếng chợ. Chiều tối đó ông bảo các quan lại: "Ngoài cửa có hai xe chở thức ăn, xin ra lấy dùm tôi." Rồi thì Văn Tuệ Thái tử Cánh Lăng Vương chở đến cúng. Quan lịnh Kiến Khang đem việc tâu lên, vua hối lỗi tạ tội và đón ông về cung cấm, tiếp đãi ở vườn Hoa lâm.

Cánh Lăng Vương ở chùa Hoằng Tế giảng Thành Thật Tam Luận, trong mộng thấy làm một bài Duy-ma, bảo Tăng Biện truyền nhau mà vịnh, có bầy hạc bay múa ở thềm, vịnh xong thì hạc bay đi mất. Sa-môn Tây Thiên là Ma-ha Thừa Đức Tiến... đã dịch các kinh luật.

Năm Vĩnh Minh thứ tám, vua không lành bệnh, bèn ban chiếu mời các Sa-môn cúng Phật và Thánh tăng. Đến ngày thứ bảy thì cảm được mùi hương trời ngào ngạt, đầy bóng Thánh tăng, tiếng tích trượng khua vang khắp điện rồi vua lành bệnh.

Tấn An Vương là Tiêu Tử Mậu năm lên bảy tuổi, mẹ là Nguyễn Thục Viện bệnh, Vương thỉnh Tăng hành đạo. Có người dâng hoa sen cúng Phật, cắm trong bình đồng. Vương rơi lệ đảnh lễ Phật bạch rằng:

Nếu dì con nhân đây được bình yên, nguyện suốt trai kỳ hoa sẽ không héo. Xong bảy ngày trai hoa lại càng tươi hồng. Thấy trong bình đã có một ít rễ. Bệnh mẹ liền hết. Đương thời cho là lòng hiếu của Vương cảm nên.

Năm Vĩnh Minh thứ mười một, Chí Công đang ở tại vườn Hoa lâm, bỗng đội vào cả ba cái mũ vải. Chưa bao lâu thì vua băng hà. Thái tử Văn Tuệ Dự Chương Vương cũng nối nhau mà chết.

Đời Minh Đế (tên Loan, anh của Cao Đế, con của Thủy An Vương).

Năm Kiến Võ thứ hai, vua mời Lưu Đẩu làm Quốc Tử Bác sĩ nhưng ông không chịu. Ông ra ở ẩn tại Sa Châu ở Giang lăng, mặc áo gai, nhịn ăn, sáu thời lễ Phật. Chú giải Kinh Hoa Nghiêm nói lên phán giáo hai môn Đốn Tiệm. Lại chú giải kinh Pháp Hoa, đích thân giảng nói. Mùa Đông năm ấy có mây trắng lãng đãng trên mái nhà, mùi hương lạ len vào cửa, có tiếng khánh khua thì ông đã hóa.

Năm Kiến Võ thứ tư, vào buổi sáng Chí Công ra cửa cung, bỗng bảo: "Trên cửa có máu tanh và vua bị hại." Quả nhiên có xe trâu chở thây chết ra cửa, máu ở cổ chảy ra ướt cả ngạch cửa. Từ Lăng hồi còn bé cha dắt đến Hầu Công, Công xoa đầu bảo: Thạch Kỳ Lân trên trời đấy.

Năm Vĩnh Thái thứ nhất, Đằng Đàm Cung lên năm tuổi, mẹ là Dương Thị bệnh nóng muốn ăn dưa lạnh. Nhưng ở đất Dự Chương vốn không sản xuất dưa. Đàm Cung đi hỏi khắp nơi. Bỗng gặp một vị Tăng bảo: "Ta có hai quả dưa, vậy chia cho một quả". Bỗng không thấy đâu nữa. Khi cha mẹ mất, Đàm Cung ăn chay trọn đời, ngày đêm buồn khóc. Ngoài cửa có hai cây tùng, có ánh sáng lạ từ cây phóng ra. Bỗng thấy có tượng Phật đứng nghiêm. Người nhà đều cùng lễ bái, giây lâu mới biến mất. Người thời đó gọi là Đằng Tăng Tử.

Đời Động Hôn Hầu (tên Bảo Quyển, con kế của Minh Đế).

Năm Vĩnh Nguyên thứ nhất, Tăng Tuệ Thâm ở nước Phù Tang đến Kinh sư nói: Nước đó ở cách ba vạn dặm về phía Đông nhà Đại Hán (ngoài biển có nhiều nước gọi Trung Quốc là Hán, theo cách gọi cũ). Đời Tống năm Đại Minh thứ năm (Tống Hiếu Võ) có năm Sa-môn nước Kế Tân đến nước đó (Phù Tang) để truyền bá Phật pháp. Theo Đông Phương Sóc trong Thập Châu Ký nói: "Nước Phù Tang ở tại Đông hải cách bờ biển Đông một vạn dặm, nước biển màu ngọc bích thơm ngọt. Phù Tang ở trong Bích Hải, đất vuông vức một vạn dặm, do Đại Đế Thái Chân trị vì, có rừng cây như cây dâu tằm, hai cây cùng gốc

nương tựa nhau nên gọi là Phù Tang. Tiên nhân ăn trái dâu thân thể biến ra màu vàng ròng". Nay Tuệ Thâm nói là ở cách phía Đông ba vạn dặm, là do người ở xa không lường được địa lý đó nên nói như thế. Chùa Ngõa Quan có tượng đá nước Sư Tử, Đái An Đạo tự tay tạo ra năm tượng Phật, Cố Trường Khang Duy-ma vẽ đồ hình. Đời cho ba thứ đó là tuyệt tác. Nhưng Đông Hôn Hầu phá tượng ngọc để làm thoa xuyến cho Phan Quý Phi, người kinh đô đều giận tiếc.

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 37

PHẦN 4

VI. NHÀ LƯƠNG (Đóng Đô ở Kiến khang)

Đời Lương Võ Đế (Tiêu Diễn) - Năm Thiên Giám thứ nhất, vua mộng thấy tượng đức Thích-ca bằng chiên-đàn vào nước (do vua Ưu-điền nước Thiên Trúc tạo ra), bèn sai Hác Khiên... đến Tây Trúc tìm về.

Nước Vu Đà Lợi vào triều cống, vua nước ấy mộng thấy có vị Tăng lạ bảo rằng ở Đông độ có Thánh vương ra đời, mười năm sau Phật pháp ở đấy rất thịnh vượng. Vua ra luật: Nếu Tăng Ni phạm lỗi thì căn cứ vào Phật luật mà xử phạt. Dữu Tiên Thiếu rất thân với vua. Kịp khi khởi binh vua mời làm Ký thất nhưng ông không đến mà ở trong núi ăn rau dưa, sáu thời lễ sám tụng kinh Pháp Hoa. Đêm sau ông thấy một đạo nhân tự xưng là Nguyện Công gọi Tiên là Thượng Hành Tiên Sinh. Sau đó bỏ ăn bảo rằng: “Nguyện Công lại đến, ta đi đây!” Cả nhà nghe nói: “Thượng Hành Tiên Sinh đã sinh Tịnh độ.” Vua ra chiếu thụy phong là Trinh Tiết Xử Sĩ.

Năm Thiên Giám thứ hai, vua hỏi Chí Công: Nước có nạn chăng? Chí Công chỉ vào yết hầu và cổ mình (tức nói Cảnh Hầu làm loạn). Hỏi: Hưởng nước bao lâu? Ông đáp: Nguyên Gia Nguyên Gia (năm Nguyên Gia của Tống Văn Đế đến ba mươi năm, nay nói hai tiếng Nguyên Gia tức lâu hơn năm Nguyên Gia). Vua trị vì rất nghiêm khắc. Vua nhờ thần lực của Chí mà thấy được Tiên quân chịu khổ dưới địa ngục.

Có lần vua bảo Trương Văn Diêu vẽ hình thật của Chí. Chí lấy tay cào phá mặt mày hiện ra mười hai tướng mặt Quan Âm hoặc hiền từ hoặc dữ dằn, cuối cùng Tăng Diêu không vẽ được. Lúc đó có hai Sư Pháp Vân và Vân Quang, mỗi khi giảng kinh Pháp Hoa thì trời mưa hoa, vua cho là hai vị đã chứng Thánh. Một đêm ở trong điện vua đốt thơ

khấn mời Chí Công và hai Sư Quang Vân đến thọ trai. Nhưng sáng hôm chỉ có một mình Chí Công đến.

Sa-môn Mạn-đà-la ở nước Phù Nam đến dâng lên vua tượng Phật bằng san hô, vua ban chiếu mời ngài dịch kinh ở Dương đô.

Ngày tám tháng tư, vua ở điện Trùng vân viết bài văn hướng dẫn quần thần sĩ thứ hai vạn người phát tâm Bồ-đề bỏ hẳn Đạo Lão. Lời văn rằng: "Nguyện ở đời vị lai được xuất gia lúc thơ ấu, rộng hoằng Kinh Giáo, hóa độ hàm thức đồng thành Phật đạo. Nguyện thà ở trong Chánh Pháp Phật dù ở mãi trong ác đạo, chứ không thích theo Lão Giáo mà tạm được sinh lên trời." Đến tháng mười một, vua ra lệnh cho Công Khanh bá quan vương hầu tông tộc cùng bỏ đạo Lão, bỏ tà quy chánh.

Năm Thiên Giám thứ ba, vua ngự đến điện Trùng vân giảng kinh, cử Pháp Bưu ở chùa Chỉ Viên làm Đô Giảng. Bưu hỏi một câu, vua đáp lại. Càng gạn hỏi vua càng thông suốt huyền diệu.

Vua có lần mộng thấy Thần Tăng bảo rằng: "Bốn loài ở trong sáu nẽo chịu khổ vô cùng, sao không làm Thủy Lục Đại Trai khắp độ quần linh." Vua bèn mở xem kinh tạng viết ra nghi văn, ba năm mới xong. Bèn đến chùa Kim sơn tu cúng. Vua mời Sa-môn Tăng Hựu đọc văn, rộng bày các điều linh nghiệm (việc thấy đủ trong Quang Hiển Chí).

Vua ra lệnh sửa nhà cũ làm chùa Quang Trạnh, nhân vì nhà phóng ra ánh sáng bảy ngày, nhân đó mà đặt tên là Quang Trạch và mời Pháp sư Pháp Vân làm chủ chùa Quang Trạch, lập ra Tăng Chế làm phép tắc cho đời sau.

Sa-môn Trí Lăng rất giỏi kinh Niết-bàn, Tịnh Danh, lại thông suốt Lão Trang. Sau gặp giặc phải hoàn tục. Đạo sĩ Mạnh Tất Đạt khuyên Sư làm Hoàng Quan. Sư thấy các kinh của Đạo Gia tóm lược không có tông chỉ bèn dẫn Phật giáo ra nhuận sắc, giải nghĩa các Kinh Tây Thăng, Diệu Chân, đều do Tăng khởi đầu. Khi Lương Võ Đế chưa bỏ Lão Giáo có dẫn Lăng đến điện Ngũ minh lập nghĩa. Đến tuổi già Sư vì các Đạo sĩ giảng kinh Tây Thăng, bỗng mất tiếng líu lưỡi, rồi ở trên tòa cao mà ngất đi rồi chết. Chúng cho là quả báo của việc phản giáo (trong Tăng Cảnh Lục).

Năm Thiên Giám thứ năm, Sa-môn Tăng-già Ba-la ở nước Phù Nam đến.

Năm Thiên Giám thứ sáu, vua chú giải kinh Đại Phẩm Bát-nhã, lại mời Pháp sư Vân ở chùa Quang Trạch giảng thuyết cho bá quan. Năm Thiên Giám thứ mười, tượng Đức Thích-ca bằng chiên-đàn từ Trung Thiên Trúc về đến. Vua dẫn bá quan ra đón vào điện Thái cực.

Rồi lập Trai đàn độ người, ra lệnh đại xá, bỏ sát sinh. Các hình cung đao đều đổi làm hình tháp hoa sen. Lúc trước Hác Khiên, Tạ Văn Hoa... tám mươi người vâng chiếu vua đi Tây Thiên tìm tượng. Đến nước Xá-vệ (Hán gọi đó là một nước Văn vật ở Trung Thiên Trúc) tâu vua xin tượng. Vua nói đây là tượng chính của Trung Thiên không được đem ra nước ngoài. Rồi cho ba mươi hai thợ khéo tạc khắc tượng bằng gỗ tử đàn bằng người thật. Bắt tay từ giờ Mẹo, giờ Ngọ đã xong. Đảnh của tượng phóng ánh sáng, trời mưa sương thơm. Khiên vác tượng trở về Đông độ. Bèn vượt biển cả, có lần nghe tiếng binh khí khua ở sau. Bỗng có vị Tăng lạ đến lễ tượng nói rằng: "Thần vương Tỳ-xá-la hãy hộ tượng đến đó, để rộng làm Phật sự." Nói xong biến mất. Về sau vua Nguyên Đế tạo chùa Đại minh ở phía Bắc thành Kinh châu để thờ tượng ấy.

Vua ra chiếu mời Pháp sư Tăng Mân vào điện giảng kinh Thắng Man, tất cả công khanh đều tham dự. Lưu Nghiệp hỏi: "Pháp sư học Phật có thừa, tại sao lại nói nhiều về ý chỉ của Nho?" Mân nói: "Xưa Sinh Công vì đốn ngộ thông suốt kinh, sau đó Công lấy Tỳ-đàm mà luận bày. Như bần đạo trước đây không giới hạn Nho hay Thích, chỉ căn cứ vào văn nghĩa mà giảng thôi". Có Sa-môn Đạo Siêu rất mến mộ tài giảng kinh của Tăng Mân, nên thề quyết cho bằng. Nằm mộng thấy Thiên thần bảo rằng: Mân Công đã dự phần thuyết pháp từ thời Phật Tỳ-bà-thi. Ông mới phát tâm đây làm sao bì được bậc ấy.

Hà Dận vào chùa Định Lâm ở Chung sơn nghe nội điển mà thông suốt ý chỉ. Sau ông ở ẩn tại chùa Vân Môn núi Nhược Tà. Có hai anh là Cầu và Điểm cũng theo ở ẩn. Hiệu của Điểm là Đại Sơn, của Dận là Tiểu Sơn, cũng gọi là Hà Thị Tam Cao (ba cao sĩ họ Hà).

Ta Cử chuyên về huyền lý và nghĩa Phật pháp là quận thủ ở Tấn Lăng cùng các Sa-môn nghĩa học thay nhau giảng kinh Luận. Trưng Sĩ, Hà Dận từ Võ Binh cũng đến dự (Đường Cao Tổ lánh nạn ở Hổ Khâu. Vì Tổ tiên tên Hổ nên đổi đi).

Pháp sư Vân ở chùa Quang Trạch giảng kinh Pháp Hoa cảm được hoa trời rơi đầy không gian như tuyết bay. Vua đem việc quá mức hỏi Chí Công. Công nói: Vân có thể làm mưa. Vua nhân đó thỉnh giảng kinh Pháp Hoa, đến chỗ "ân trạch khắp thấm" thì liền có mưa to. Nghi Đồng Viên Ngang, nhà thường cúng dường Tăng, phát nguyện muốn được tuệ giải bằng Sư, thì nằm mộng thấy một vị Tăng bảo rằng: Pháp sư Vân ở thời Phật Đăng Minh đã giảng kinh này, ông làm sao bằng được?

Vua tập họp các Sa-môn viết bài văn lập thệ đoạn hẳn việc ăn thịt uống rượu, tóm tắt rằng: "Đệ tử là Tiêu Diễn từ nay trở đi nếu phóng

túng uống rượu ăn thịt chúng sinh, cho đến sữa mật tô lạc, xin tất ả quỷ thần hãy trừng phạt đệ tử trước rồi nhốt vào địa ngục. Dù chúng sinh thành Phật hết, đệ tử cũng vẫn còn ở ngục A-tỳ. Tăng Ni uống rượu ăn thịt thì cũng đúng như thế mà trừng trị.” Lúc đó lại tập họp một ngàn bốn trăm bốn mươi tám vị Tăng Ni ở tại điện Hoa lâm, thỉnh Pháp sư Vân giảng đoạn văn ăn thịt dứt mất chủng tử đại Từ bi trong Kinh Đại Niết-bàn. Vua đích thân ngồi trên đất cùng chúng đồng nghe.

Năm Thiên Giám mười một, vua mời Pháp sư Bảo Lượng soạn Niết-bàn Kinh Sớ, vua đích thân viết lời tựa.

Năm Thiên Giám mười hai, vua riêng cử Thẩm Ước viết Luận Ăn Ngọ, cho rằng: Quyền lợi danh vọng, yêu kiều đẹp đẽ, ngọt ngào nồng béo... đều khiến tâm thần mê mờ không thể được đạo. Nên Thánh nhân cấm ba việc này.

Năm Thiên Giám mười ba, xưa Chí Công có lần cùng vua lên núi Chung Sơn chỉ Độc Long Cương bảo rằng: Đây là Âm Trạch, đi trước thì được. Năm ấy Sư viên tịch ở tại Phật đường Lâm hoa viên, vua nhớ mãi lời nói ấy. Bèn ban chiếu cho hữu ty sắm đủ vật dụng chôn cất ở đất này, rồi lập tháp Phật năm tầng ở trên. Vua xa giá đến nơi chôn cất kính lễ. Bỗng thấy Đại sĩ bay vút lên khoảng mây. Bèn lập chùa Khai thiện.

Năm Thiên Giám mười lăm, có Sa-môn người Tây Trúc tự vẽ hình mình như người nước Ngô ở chùa Linh nham. Đêm đến tượng đi hành đạo cầu việc thần ứng. Sau đó vị Phạm Tăng bảo rằng: Đó là Bồ-tát Trí Tích. Hoa Dương Chân Nhân là Đào Hoằng Cảnh lập tháp Trắng Bồ-đề ở núi Tam mâu, có lần mộng thấy Phật thọ ký cho tên là Thắng Lực Bồ-tát, bèn đến tháp A-dục Vương ở Mậu huyện, tự nguyện thọ năm Đại giới, khi lâm chung không cần tắm gội chỉ dùng một y đại ca-sa che liệm toàn thân, đệ tử ông làm theo (Lương thư).

Năm Thiên Giám mười sáu, vua ra lệnh cho Thái y không được dùng con vật còn sống làm thuốc. Tế trời (Nam Giao) thì các con vật còn sống đều thay bằng bột mì. Cúng giỗ Tông Miếu dâng hiến món ngon đều bắt đầu dùng rau quả.

Bàn rằng: Tế trời đất cúng Tông xã tất phải giết hại mạng sống để đủ các vật, vua chúa từ xưa nay đã theo phép đó. Chỉ vì người trị vì quốc gia không dám luận bàn sửa đổi đó thôi. Phàm chủ về việc biến hóa của trời đất thì xưng là Thượng đế hay Hoàng thiên hậu Thổ chính là bậc chí Thánh chí Thần vậy. Chẳng lẽ Thần Thánh mà ưa thích giết hại sinh mạng, hưởng thụ thức ăn hôi tanh ư? Ấy là do từ thời Thượng

Cổ có tục ăn lông uống máu để nuôi sống mình, nên cũng lấy đó mà bảo là phụng thờ Thần Linh. Đây là cái thấy chất phác hẹp hòi, không biết rằng dùng các loài thú sống hôi tanh khinh nhờn vậy. Dân chúng có tục dùng gạo thóc không thể biến đổi. giáo pháp của Thánh hiền, phép xưa của các bậc thầy trên đời được soạn thành Kinh Lễ, do đó các vua đời sau cứ tuân hành theo, không có ai dám luận bàn rằng việc làm đó không đúng vì để nuôi mình. Noi theo xưa mà không nghĩ rằng việc thờ thần không nên khinh nhờn. Quả nhiên là hễ giết hại mạng sống là bất nhân, dâng cúng đồ hôi tanh là bất nghĩa. Lấy bất nhân bất nghĩa để nuôi mình theo thói tục xưa còn phải giảm bớt để cầu cái tâm hoàn hảo thay. Há lại thờ cúng trời đất Thần Linh Tổ Tông mà đem vật sống hôi tanh để khinh nhờn ư? Từ khi Phật pháp mới truyền sang Đông độ dần dần khuyên tu trai giới mà Thiên đế còn biết thờ Phật, há người thờ trời mà không biết thờ Phật ư? Biết nguyên do thờ Phật, thì không thể dùng vật sống khinh nhờn trời là đáng tin vậy. Chỉ có Võ Đế đời Lương, Hiến Văn đời Ngụy ra lệnh tế cúng trời đất và Thần Linh Tổ Tiên là không dùng vật sống, mà thay bằng rau dưa bột mì rượu quả. Có thể bảo đó là đạo trái xưa mà hợp đạo thờ lúa thóc, dâng nước trong. Đó cũng là phép cúng tế của ba đời. Sao lại phải có vật sống hôi tanh mới là có vật?

Ngài Pháp sư Từ Vân ở Thiên thai khuyên dân có tục cúng tế Thần nên đổi cúng chay. Bài văn có đoạn rằng: Bảy Triều Thiên tử cho đến thứ dân đều cùng cúng tế Thần Kỳ trên dưới khắp đồi tròn đầm vuông. Phép thường của nước luôn khuyên bỏ cúng, nếu không tất làm thương tổn quốc phong. Giải thích rằng: Cúng tế là lấy theo lệ tục, đổi cúng trai là dựa vào kinh Phật. Lệ tục thì không tránh khỏi việc giết hại, còn kinh Phật thì chỉ trọng Từ bi. Kẻ giết hại tất bị quả báo ở Tam đồ, còn Từ bi thì tất thành muôn đức. Lấy thiện đổi ác không đẹp sao?

Vua ra lệnh cho phế bỏ Đạo quan trong nước các Đạo sĩ đều phải hoàn tục. Vua mời Sa-môn Tuệ Siêu làm Thọ Quang Điện Học sĩ. Mời chúng Tăng giảng luận pháp tập, chú giải Kinh Văn và cùng ở trong một nơi cấm (Đây là nội đạo tràng đầu tiên).

Năm Thiên Giám thứ mười tám, Sa-môn ở Cối kê là Tuệ Cảo cho rằng Danh Tăng Truyện của Bảo Xướng phần nhiều nói quá mức. Nhân soạn ra Cao Tăng Truyện. Bắt đầu từ năm Vĩnh Bình đời Hán đã mở Đức Nghiệp làm mười khoa, lời tựa trong đó nói rằng: Thời tiền cổ các soạn tập đều gọi là Danh Tăng. Song Danh thật ra là Khách. Nếu thật có hạnh mà sáng ngầm thì Cao mà không phải Danh. Còn nếu hợp thời mà ít Đức thì gọi là Danh mà không phải Cao. Danh mà không Cao thì

chép vào phần Kỷ, còn Cao mà không Danh thì nay chép đầy đủ ở phần Lục này. Đời cho là luận xác thực.

Năm Phổ Thông thứ nhất, Sa-môn Chúng Dưỡng ở Dương Đô dịch kinh Văn-thù, Bát-nhã... mười một bộ, vua đích thân làm bút thọ, mời Bảo Xướng tiếp tục. Vua ở trong cung cấm tại Đàm Trúc Viên thọ Quy Giới, tuyển chọn hiền minh. Vua lâm triều luận nghị, Tuệ Ước Pháp sư tuân chiếu vua ở chùa Thảo đường. Ngày tám tháng tư vua mặc Ca-sa quay mặt về hướng Bắc kính lễ thọ giới Cụ Túc. Khi mới làm phép Yết-ma thì Cam lộ mưa xuống sân. Có ba con quạ và hai con khổng tước nằm phục trên thềm. Vua ban hiệu cho Sư là Trí Giả. Từ đó Sư vào triều thì bày một giường hẹp còn vua ngồi bên cạnh. Từ Thái tử đến các hàng Công Khanh Tăng Tục đều thọ giới với ngài Tuệ Ước và được ghi vào sổ bốn vạn tám ngàn người. Sa-môn Kỳ Ngãi cũng thọ giới lại với ngài. Chỉ Sư Pháp Vân riêng bảo: Tôi đã thọ giới rồi. Đó có thể lấy pháp mà làm việc người ư? Lời bàn này khá cao.

Năm Phổ Thông thứ hai, vua mời Pháp sư Vân Quang vào nội điện giảng kinh Pháp Hoa thì trời mưa hoa báu.

Năm Phổ Thông thứ ba, vua ban chiếu sửa lại chùa A-dục Vương ở Mậu Huyện.

Năm Phổ Thông thứ sáu, vua mời Sư Pháp Vân ở chùa Quang Trạch làm Đại Tăng Chánh. Quan cấp cho người giúp việc (chức Tăng Chánh đầu tiên có từ thời Dao Tần, nay thêm chữ Đại).

Năm Đại Thông thứ nhất (tức năm Võ Thái thứ nhất, đời vua Hiếu Minh, nhà Bắc Ngụy. Xưa gọi năm Phổ Thông là lầm). Ngài Bồ-đề Đạt-ma ở Nam Thiên Trúc ngồi thuyền buồm đến Quảng châu. Vua mời vào triều kiến và hỏi rằng: Như thế nào là Thánh đế đệ nhất nghĩa? (Viên Ngộ Bích Nham Tập nói rằng: Võ Đế cùng Lũ Ước Pháp sư và Chiêu Minh Thái tử trì luận Nhị Đế. Lập Chân Đế để nói không phải có và Tục Đế để nói không phải không. Chân tục không hai là Thánh đế đệ nhất nghĩa). Sư nói: "Rỗng Không Không Thánh" (Viên Ngộ nói: Đạt-ma cùng vua một dao cắt đứt). Vua hỏi: Người đối với trẫm là ai? (Viên Ngộ nói: Vua không tỉnh, liền hiểu theo nhân ngã). Sư nói: Không biết (Viên Ngộ nói: Đạt-ma giết chết Từ bi). Vua không hiểu (Viên Ngộ nói rằng vua không biết chỗ rơi). Sư bèn vượt sông vào đất Ngụy (Viên Ngộ nói người sau truyền là bẻ cành trúc sang sông. Chưa rõ trích từ đâu).

Vua ngồi xe đến chùa Đồng Thái để xả thân. Quần thần góp một ức vạn đồng tiền để xin chuộc. Vua bèn trở về cung.

Năm Đại Thông thứ hai, nước Bàn Bàn dâng răng Phật.

Năm Trung Đại Thông thứ nhất, kinh thành có nạn dịch lớn. Vua ở điện Trùng Vân vì bá tánh thiết trai lễ cứu khổ, lấy thân mình để cầu nguyện. Vua lại đến chùa Đồng Thái, lập đại hội Tứ bộ vô già. Đắp pháp y hành thanh tịnh đại thí, ngũ giường trơn ăn bát sành, đi xe nhỏ. Vua đích thân lên tòa, khai giảng đề kinh Niết-bàn cho chúng. Quần thần dâng một ức vạn tiền để được chuộc. Vua thiết đại trai đãi đạo tục năm vạn người.

Năm Trung Đại Thông thứ hai, vua đến chùa Đồng Thái thiết đại trai bình đẳng. Nước Đơn Đơn dâng tặng tượng Phật ngà voi.

Năm Trung Đại Thông thứ ba, tháng mười, vua đến chùa Đồng Thái giảng kinh Niết-bàn, tháng mười một giảng kinh Bát-nhã chữ vàng.

Năm thứ năm, vua đến chùa Đồng Thái khai phát đề kinh Bát-nhã chữ vàng. Từ Thái tử trở xuống người đến nghe kinh có đến ba mươi vạn chín ngàn sáu trăm người. Lại Bộ Thượng Thư về nhà tắm giặt ăn rau dưa, sáng chiều theo Tăng lễ tụng. Vua đãi chay ba tháng, các bổng lộc có được đều sung vào hai chùa ở Tưởng sơn (tức Chung sơn). Khi ông chết thì nhan sắc như còn sống, tay co hai ngón.

Năm thứ sáu, Cư sĩ Phó Hấp ở Ô thương, đến núi Tòng cất am cỏ ở khoảng rừng Song đào, tự đặt hiệu là Song lâm, bảo đời sau sẽ hạ sinh làm Thiện Tuệ Đạo sĩ. Sai đệ tử mang thơ đến Cung khuyết gọi vua là Quốc Chủ Cứu Thế Bồ-tát. Vua ban chiếu đáp rằng: “Đại sĩ vì cứu độ chúng sinh muốn đến đây tùy ý!” Vua ra lệnh khóa cửa thành để xem sự linh dị. Đại sĩ rút trong tay áo cái chày gỗ, giộng một cái các cửa đều mở toang, rồi vào yết kiến vua ở điện Thiện Ngôn, trình lên ba lời khen, không lạy, đến ngồi thẳng lên giường hẹp mà đáp lời vua. Vua đãi cơm chay, ăn xong thì trở ra Chung Sơn ngồi nhập định dưới rừng tòng. Một hôm Đại sĩ khoát nạp y, đầu đội mão, đi giày cỏ vào yết kiến vua. Vua hỏi: Là Tăng chăng? Ông lấy tay chỉ mão. Là Đạo sĩ chăng? Ông chỉ giày. Là kẻ tục chăng? Ông chỉ nạp y (Phần Dương Chiêu Đại nói rằng Đại sĩ có nhiều tài.

Ở Diễm Châu có Ni Pháp Tuyên thuộc làu kinh Pháp Hoa, khi cô ngồi nằm đều thấy có màn lộng che bên trên. Cha mẹ bảo đến chùa Tề Minh xuất gia, ngày ấy không thấy màn lộng nữa. Từ đó Ni Cô rộng xem kinh luận, nghiêm tầm áo nghĩa. Quận Thú Hành Vương Nguyên Giản thỉnh ni cô làm Sư mẫu ở Việt Thành.

Nước Bàn Bàn lại dâng hiến xá-lợi Phật.

Năm Đại Đồng thứ nhất, vua đến chùa Đồng Thái thiết đại hội Vô Già. Ngài Trí Giả Ước Pháp sư viên tịch. Vua bãi triều ba ngày, mặc áo trắng khóc lóc. Người thọ giới với Sư có đến bốn vạn tám ngàn người, đều mặc áo sô khóc lóc tiễn đưa. Tháp Sư ở bên trái tháp ngài Chí Công.

Vua ra lệnh ở Trùng Vân điện nên bày riêng một cái giường hẹp cho ngài Thiện Tuệ Đại sĩ để ngài giảng kinh Tam Tuệ Bát-nhã. Các Công Khanh đều tập họp. Thiên tử đến, chúng đều đứng dậy đón tiếp, chỉ có Đại sĩ ngồi yên. Quan Ngự Sử hỏi nguyên do. Ngài đáp: "Pháp địa nếu động thì tất cả pháp không yên." Vua cho là phải.

Ẩn Sĩ Triệu Bá Hưu ở Lô Sơn gặp Luật Sư Hoằng Độ được Chúng Thánh Điểm Ký, nói rằng: Sau khi Phật diệt độ ngài Ưu-ba-ly kết tập Luật Tạng, ngày Rằm tháng bảy năm ấy khi Tự Tứ xong liền trước Luật Tạng chấm một điểm, mỗi năm đều như thế cả. Từ sau ngài Ba-ly trở đi các Tổ đều nối nhau. Đến ngài Tăng-già Bạt-đà-la đem Luật Tạng đến Quảng châu. Lúc đó, vào đời Tề, ngày Rằm tháng bảy năm Canh Ngọ Vĩnh Minh thứ bảy, sau lễ Tự Tứ xong liền chấm một điểm. Đến năm đó có được tất cả là chín trăm bảy mươi lăm điểm. Bá Hưu hỏi ngài Hoằng Độ rằng: Vì sao sau năm Vĩnh Minh bảy thì không chấm nữa? Ngài bảo: "Từ trước đều do các Vị đắc đạo chính tay chấm xuống. Còn bọn chúng ta là phàm phu chỉ có thể phụng trì mà thôi!" Bá Hưu suy số điểm đến năm Đại Đồng một thì có một ngàn hai mươi, khớp nhau với Truyện Ký. Còn năm sinh năm diệt của Đức Thế Tôn thì không đồng, ấy là vì Tông truyền thừa có khác.

Năm Đại Đồng thứ hai, vua đến chùa Đồng thái thiết đại hội Vô Ngại. Năm ấy vua tổ chức đến ba đại hội.

Hoa Dương Chân Nhân Đào Hoằng Cảnh Cáo chết, khí thơm cả ngày không tan, được thụy phong là Trinh Bạch Tiên Sinh. Ông có soạn bộ sách "Chân cáo", có nói: Thanh Hư Bùi Chân Nhân có ba mươi bốn đệ tử, trong đó có mười tám người học Phật, ngoài ra học đạo Tiên. Tử Dương Chu Chân Nhân có mười lăm đệ tử thì có bốn người hiểu Phật pháp. Đồng Bá Chân Nhân Vương Tử Kiều có hai mươi lăm đệ tử thì tám người học Phật pháp.

Cách bờ Đông Cối Kê bảy vạn dặm, các núi ở phía Tây phần nhiều đều thờ Tiên và Phật, có tháp cao một trăm trượng có giát vàng ngọc (tuy là thờ Phật nhưng không có hình dạng Tỳ-kheo).

Bá Khải vì Đào Ẩn Cư mà ở phục dịch hơn mười năm. Một buổi sáng có Thanh đồng cỡi bạch hạc từ trời xuống bảo rằng: "Thái Thượng

mời Bá Tiên Sinh.” Ẩn Cư hỏi Bá: Do đạo nào mà được như thế? Ông đáp: “Tu Đạo Mặc Triều đã nhiều năm.” Rồi bay lên trời mà đi, ba ngày sau ông ngầm giáng xuống nhà của Ẩn Cư bảo rằng: “Âm đức của ông đã làm là sửa bản thảo, vì đã dùng ruồi muỗi đĩa vắt làm thuốc hại mạng loài vật, nên sau một kỷ (mười hai năm) ông chết rồi thì chỉ được làm Đô Thủy Giám ở Bồng Lai mà thôi.” Ẩn Cư bèn dùng cây cỏ để thay cho con vật mà làm thuốc. Ông soạn bộ Bản Thảo ba quyển để chuộc lỗi.

Năm Đại Đồng thứ ba, vua ban chiếu sửa tháp Trường Can, đào nền đất lên thì được hòm đá, bên trong có bình lưu ly đựng đầy xá-lợi, móng tay và tóc của Phật. Vua bảo chia để vào hai tháp, cả hai cùng phóng ánh sáng.

Vua đến chùa Đồng Thái đúc tượng mười phương Phật bằng vàng và đồng. Lại đến chùa A-dục vương (ở nội thành Kiến khang) tổ chức lễ Pháp Thực Vô Ngại và đại xá thiên hạ.

Chiêu Minh Thái tử chết. Thái tử bản tánh thích đạo Phật. Ở Đông Cung riêng lập điện Tuệ Nghĩa là nơi tập Pháp, mời đón danh Tăng lập nghĩa Tam Đế. Đương thời khen ngợi.

Nhạc Dương Vương Tiêu Sát (là con của Chiêu Minh) trấn giữ Việt Châu, đem gỗ gạch trùng tu hai tháp. Trước đó tháp này do Sa-môn Đàm Ngạn và Hứu Tuân tạo ra, chưa xong thì Tuân chết. Đến năm ấy thì Ngạn được một trăm hai mươi tuổi. Hậu thân của Tuân là Tiêu Sát. Ông dự bảo môn nhân rằng: Hứa Huyền Độ sẽ đến (Tuân tự là Huyền Độ). Trước đó Sát nghe theo sự chỉ dẫn riêng của Chí Công nên vừa đến trấn nhậm ở Châu liền tới chùa hỏi tháp. Ngạn ra cửa mời vào bảo: Hứa Huyền Độ đã đến chớ ai? Tháp ngày xưa nay vẫn như cũ. Liền dùng sức Tam-muội gia bị, Sát liền biết tiền thân và việc tạo tháp (nay là Tháp Ứng Thiên ở Việt Thành).

Năm Đại Đồng thứ tư, vua đến chùa Đồng Thái thiết lễ trai Vu Lan Bồn (tiếng Phạm là Vu-lan-bồn, Hán dịch là Giải Đảo Huyền (mở treo ngược), Mục-liên Tôn giả bày bồn cúng này mà cứu mẹ thoát khỏi khổ ngạ quỷ).

Thông Sự Xá Nhân là Lưu Hiệp, văn nhã nên được Thái tử trọng. Phàm các bia ký ở chùa tháp đều do ông làm cả (Bia Thạch Tượng ở Thạch Thành nay còn thấy). Năm ấy ông dâng biểu xin xuất gia. Vua ban tên là Tuệ Địa.

Năm Đại Đồng thứ năm, vua ra sắc mời Sa-môn Bảo Vân đến nước Phù Nam rước tóc Phật.

Năm Đại Đồng thứ sáu, vua ban chiếu Quan Thú Việt Châu là Tiêu Sát trùng tu chùa A-dục vương.

Vua nước Phù Nam sai sứ đến Triều Cống thỉnh tượng Phật Thích-ca và kinh luận. Vua sắc ban cho Chế Chỉ, Niết-bàn, Bát-nhã, Kim Quang Minh Giảng Sớ... một trăm lẻ ba quyển.

Bắc Tề Tuệ Văn Thiền sư ở Hà Nam nói Tam Quán Khẩu Quyết cho Tư Thiền Sư.

Năm Đại Đồng thứ bảy, nước Bách Tế sai sứ đến triều cống và thỉnh kinh luận. Vua sắc ban cho Niết-bàn Sớ.

Năm Đại Đồng thứ mười, nước Vu-điền sai sứ hiến tặng tượng Phật bằng ngọc.

Năm Trung Đạo Đồng thứ nhất, vua đến chùa Đồng Thái giảng kinh Tam Tuệ Bát-nhã chữ vàng, hành Thanh Tịnh Đại Xá, Hoàng Thái tử và quần thần dâng một ức vạn tiền để chuộc vua về cung. Đêm ấy Chùa và Tháp bị nạn. Vua nói: Đây là do ma gây ra. Bèn ban chiếu rằng: Đạo cao thì ma thạnh, làm thiện thì chướng sinh. Bèn xây tháp mười hai tầng.

Năm Thái Thanh thứ nhất, vua đến chùa Đồng Thái thiết đại hội Vô Già hành Thanh Tịnh Đại Xá, lên điện Diệu Nghiêm giảng kinh Tam Tuệ Bát-nhã chữ vàng. Quần thần dâng một ức vạn tiền để chuộc vua về cung.

Ngài Tam tạng nước Tây Thiên Trúc là Chân Đế đến, vua mời ở điện Bảo Vân dịch kinh Kim Quang Minh... mười bộ.

Lúc đó phần đông các Thích tử đều phóng túng, Tăng Chủ không thể chế phục được. Vua muốn dùng Luật để chấn chỉnh chư Tăng. Vua ban chiếu. Pháp sư Tạng không chấp nhận. Vua không ép được. Tạng bảo chúng rằng: “Y mão con em mười nhóm há có thể đều vừa ý cha. Nay tập hợp chúng năm phương mà muốn lấy một mình để làm kỷ cương được chăng?” Vua tự thọ giới Cụ túc, chỗ nghỉ ngơi đồng như chỗ của Sa-môn. Tuy trong cung cấm Tăng vẫn mặc tình du lãm. Một hôm Tạng Pháp sư một mình lên ngồi Ngự tòa. Người chung quanh trách cứ. Tạng nói: “Bần đạo là hậu duệ của Định Quang Kim Luân. Đâu có hổ thẹn ở tòa này, nếu như bị giết thì lo gì không chỗ thọ sinh”. Vua ra lệnh không hỏi tội Sư.

Năm Thái Thanh thứ hai, Hầu Cảnh làm phản ở Thọ Dương. Xưa Cảnh ở tại Đông Ngụy vì phản Hà Nam mà trở về Tây Ngụy, rồi sai sứ đến Lương xin làm Nội phụ. Vua thu nạp và phong làm Hà Nam Vương.

Năm Thái Thanh thứ ba, Hầu Cảnh đến Kiến khang vây hãm đài thành vào gặp vua ở điện Thái cực, có năm trăm giáp sĩ để tự vệ, mang kiếm lên điện vua, lễ xong. Vua vẫn thần sắc tự nhiên, hỏi rằng: Khanh lâu ngày lo việc quân mà không nhọc mệt ư? Rồi sai người dẫn đến ghế ngồi của hàng Tam Công. Cảnh hoảng sợ không đối đáp được. Ra ngoài Cảnh bảo tả hữu rằng: "Ta ngồi ngựa lâm trận giao chiến dưới tên đạn chưa từng sợ hãi. Nay thấy Tiêu Công đối xử người mà lo sợ không thôi!" Cảnh đã tự xưng Thừa Tướng. Vua lo giận lâm bệnh nhưng trai giới vẫn không giảm. Miệng đắng đòi mật chưa kịp bưng đến, vua quơ tay la lớn: Ác, ác lắm! Rồi tắt thở. Vua mặt rồng oai vệ, lưỡi có chữ Bát, cổ có phù quang, giữa trưa không bóng, tay phải có nét nhăn thành chữ Võ. Buổi vãng niên thờ đạo Phật, ngày chỉ ăn một buổi, toàn cơm lứt canh đậu, áo vải màu đen, một mão đội ba năm, năm mươi tuổi đã dứt việc phòng thất, không uống rượu nghe nhạc. Vua có soạn nghĩa ký các kinh Niết-bàn, Đại Phẩm Bát-nhã, Tịnh Danh, Tam Tuệ... khoảng mấy trăm quyển.

Cư Sĩ Lục Pháp Hòa ở Giang lăng ở ẩn thờ Phật. Kịp khi Hầu Cảnh điều binh khiển tướng đánh Tương Đông Vương ở Giang lăng, thì Pháp Hòa cùng tám trăm đệ tử cầu thần linh điều âm binh đánh bại Cảnh. Lại ở Giang Hạ tụ họp binh mã định trừng phạt Hầu Cảnh, Vương lo Hòa làm loạn bèn ngăn lại. Hòa thưa: "Bần Đạo cầu Phật còn không mong chỗ ngồi của Phạm Thích, huống là ngôi vị Vương Giả loài người, chỉ vì thấy Không Vương cùng Phật có duyên hương lửa. Nay biết rõ báo đời trước của Vương mà muốn cứu đó thôi!" Bị nghi ngờ nên biết định nghiệp không thể dời đổi được. Khi Nguyên Đế đã lên ngôi (tức Tương Đông Vương) cho ông làm Thứ Sử Trịnh Châu. Khi vua bị Ngụy bắt thì Hòa cùng đám đệ tử vào đất Tề (Lương Thư).

Đời Giản Văn Đế (tên Cương, con thứ ba của Võ Đế)

Năm Đại Bảo thứ nhất, ngày tám tháng tư, vua ban chiếu độ người xuất gia đích thân viết Nguyện Văn rằng: "Đệ tử là Tiêu Cương dùng Công đức lập Đàn trai độ người này để khắp độ bốn loài ở sáu nẽo lìa bỏ ái dục dứt hẳn vô minh, tu tập Bát-nhã làm chân Phật tử."

Năm Đại Bảo thứ hai, Hầu Cảnh phế bỏ U Vương ở Vĩnh Phước,tỉnh dâng đất Nang. Khi xưa Võ Đế cách mạng, Trương Tề giết Đông Hôn Hầu dâng thủ cấp lên vua để diệt hết dòng dõi. Mấy năm sau thì Giản Văn sinh ra. Chí Công bảo vua rằng: Đức bé này sinh cùng lúc với kẻ thù, bởi Hầu Cảnh sinh cùng năm ấy ở Nhạn Môn. Khi Cảnh chiếm

Kiến khang thì vua băng. Giản Văn lên nối ngôi thì gặp họa. Con em nhà Lương bị giết rất nhiều. Cho nên đời gọi Hầu Cảnh là hậu thân của Đông Hôn Hầu.

Bắc Tề Tuệ Văn Thiền sư nhân xem Đại Luận đến phẩm Tứ Đế có kệ rằng:

Pháp do Nhân duyên sinh
Ta nói tức là không
Cũng gọi là giả danh
Cũng gọi nghĩa Trung đạo.

Thì chợt sáng suốt đại ngộ. Bèn xa nối ngài Long Thọ, căn cứ vào Luận mà lập Quán và truyền trao cho Tuệ Tư Thiền Sư.

Đời Nguyên Đế (tên Dịch, con thứ bảy của Võ Đế)

Năm Thừa Thánh thứ nhất, ngài Tam tạng Chân Đế vì loạn Hầu Cảnh mà ngồi thuyền buồm về Tây Trúc. Bị gió bão phải trở lại Quảng châu, ở chùa Chế Chỉ dịch Khởi Tín Luận và Câu Xá Luận. Đến đời Trần có tất cả được năm mươi bộ.

Vua có soạn bộ sách Kim Lâu Tử, nói rằng: Ta ở trong Tăng kính trọng Chiêu Đề Diễm Pháp sư, Ẩn Sĩ Trùng Hoa, Dương Đào Chân Bạch (Hoằng Cảnh thụy phong là Trinh Bạch Tiên Sinh), Sĩ Đại Phu Trùng Nhữ, Nam Chu Hoằng Chánh (danh hiền đời Bắc Chu).

Diễm Pháp sư ở chùa Chiêu đề, lúc thiếu thời thầy Tướng nói rằng: Cậu bé này thông minh nhưng không thọ lắm. Sư liền phát nguyện vào núi tụng kinh Bát-nhã. Lâu lắm, thấy Tăng Trưởng Trượng Dư bảo rằng: "Kinh này công đức khó nghĩ bàn." Sau hai mươi năm bỗng gặp lại thầy tướng số trước kia, ông kinh ngạc hỏi: Uống diệu dược nào mà sống lâu thế? Diễm đáp: Chỉ là trì kinh mà thôi!

Lưu Kỉnh Cung làm loạn, đốt Huyện Vọng Thái. Huyện lệnh ở nhờ chùa gần. Dân đem rượu và trâu đến lễ. Huyện lệnh cho cột trâu vào cọc. Che kín hết tượng Phật, tiếp tân khách ngay trên chùa. Bỗng trâu sổng dây đến lạy tạ dưới thềm. Quan lệnh cười to bảo kẻ tả hữu đem làm thịt. Ăn uống no say nằm ngủ trên chùa bỗng khắp thân thể ngứa rần đau đớn, cào gãi thành những vảy trắng, cuối năm thì chết (Nhan Thị Gia Huấn).

Đời Kỉnh Đế (tên Phương Trí, con thứ chín của Nguyên Đế)

Năm Thiệu Thái thứ nhất, vua Bắc Tề Văn Tuyên phá bỏ Đạo Giáo (nói đầy đủ trong Tề Chí). Bổ Khuyết Tông Đải nhờ học hạnh mà

đời biết tiếng. Nhà Lương mất, ông bỏ quan đi xuất gia hiệu là vô danh. Nhà Bắc Chu cho ông ra làm quan to. Vô Danh tự trình bày việc hoàn tục có năm điều không thể được. Buổi vãng niên, ông làm bài minh Tức Tâm, hối tiếc thuở nhỏ cố ý theo nghiệp văn chương (Huỳnh Lỗ Trực viết bài minh này cho Sa-môn Trí Hải. Rồi khắc đá để ở Tòng Lâm để răn kẻ tạp học).

Ở Giang lăng, chùa Thiên Hoàng có nhà bằng gỗ Bá do Minh Đế tạo ra. Trương Tăng Diêu họa hình Đức Lô-xá-na và Khổng Tử cùng mười triết gia. Vua hỏi: Chùa Phật sao lại vẽ tượng Thánh Khổng! Tăng Diêu thưa: "Sau sẽ nhờ thứ này." Đến khi nhà Hậu Chu diệt Phật pháp đốt chùa Tháp trong thiên hạ. Riêng điện này có tượng Tuyên Ni (Khổng Tử), bèn không phá hủy (Danh Họa Ký).

VI. NHÀ TRẦN (đóng đô ở Kiến khang)

Đời Trần Võ Đế (tên Trần Bá Tiên được nhà Lương nhường ngôi)

Năm Vĩnh Định thứ nhất, vua ban chiếu rước răng Phật ở nhà Bà họ Đỗ, thiết lễ đại hội bốn Bộ Vô Già (Tỳ-kheo... bốn chúng là bốn bộ).

Năm Vĩnh Định thứ hai, tháng năm đến chùa Đại Trang Nghiêm xả thân. Sáng hôm sau quần thần dâng biểu thỉnh vua về cung. Tháng mười một, vua lại đến chùa Trang Nghiêm khai phát Đề Kinh Kim Quang Minh. Tháng mười hai, vua lại đến chùa Trang nghiêm thiết đại hội Vô Ngại và hành thanh tịnh đại xả. Sáng hôm sau quần thần dâng biểu thỉnh vua về cung.

Ở Kim lăng, bảy trăm chùa bị Hầu Cảnh đốt sạch gần hết, từ khi vua lên ngôi đều cho trùng tu lại, dịch kinh giảng đạo không kém triều trước.

Năm Vĩnh Định thứ ba, vua sắc chỉ ở đại hội thiết lập Nhân Vương Đại Trai Đàn, ban chiếu mời Sa-môn Bảo Quỳnh ở điện Trùng vân giảng kinh Đại Phẩm Bát-nhã. Lúc đó quần thần xin lấy màn báu, chuỗi ngọc trên tượng Phật ở điện Trùng vân để trang trí xe. Bỗng thấy khí mây che phủ điện, sấm chớp tóe lửa phút chốc cháy tan. Hơn tháng sau, có người từ Đông Châu đến bảo: Chính ngày ấy thấy điện nổi phình bay trên biển mà đi.

Ở Cao Bưu có Ni Cô tụng kinh Diệu Pháp Hoa không kể ngày đêm, thì mười móng ở hai bàn tay đều mọc hoa. Vua mời vào nội điện, thấy hoa vua mừng rỡ kính trọng. Đời gọi là Ni Sư tay hoa.

Đời Văn Đế (con của Thủy Hưng Vương là anh của Cao Tổ).

Năm Thiên Gia thứ nhất, vua ban sắc mời Bảo Quỳnh làm Kinh Ấp Đại Tăng Thống. Từ thời Lương Ngụy đến nay thì Tăng Thống có trang bị thêm một cây gậy như ở Quan phủ. Đến ngài Bảo Quỳnh thì tâu xin bỏ đi. Mỗi khi ra ngoài chỉ dùng vài gậy nón Đầu-đà mà thôi. Mười hai nước ở Đông hải nghe Quỳnh có đạo đức, bèn sai sứ dâng vàng lụa và xin vẽ hình ngài đem về.

Tư Thiền sư ở núi Đại tô tại Quảng châu vì Khải Thiền sư mà nói An Lạc Hạnh và chỉ bày Phổ Hiền đạo tràng.

Năm Thiên Gia thứ hai, Thiện Tuệ Đại sĩ ở trong núi hành đạo, thường thấy bảy Phật ở trước, ngài Duy-ma đứng sau, chỉ có Đức Thích-ca thường cùng chuyện trò với Đại sĩ.

Năm Thiên Gia thứ tư, vua ở Thái Cực điện lập Vô Ngại đại hội và tu phép xả thân. Lại tập hội Tăng tu Phương Đẳng Đà-la-ni Pháp, Pháp Hoa Sám, Kim Quang Minh Sám, đều do vua viết riêng lời nguyện tự xưng là Bồ-tát Giới Đệ Tử Hoàng Đế.

Năm Thiên Gia thứ sáu, con vua nước Tây Trúc là Nguyệt Bà Thủ Na, đến du ngoạn ở Lô Sơn, dịch kinh Thắng Thiên Vương Bát-nhã.

Đời Phế Đế (tên Bá Tông, con lớn của Văn Đế)

Năm Quang Đại thứ nhất, Tư Thiền sư vào ở núi Nam nhạc. Năm đó Sư truyền giới cho Nhạc Quân (thấy rõ trong Nam nhạc Bản Kỷ).

Đời Tuyên Đế (tên Húc, con thứ hai của Thủy An Vương).

Năm Đại Kiến thứ nhất, tháng tư, Đại sĩ Thiện Tuệ thị tịch. bảy ngày Huyện Lệnh Trần Chung Kỳ đến kính lễ, truyền hương lần lượt theo thứ tự nhưng sau cũng trở lại tay ông nhận hương. Cả chúng đều kinh dị. Vua ban sắc sai Từ Lăng soạn bia trong núi.

Lương Chữ bảo: Truyền Đăng nói rằng: Võ Đế thỉnh Đại sĩ giảng Kim Cang Bát-nhã, cầm bảng gõ nhịp mà xướng tụng bốn mươi chín Tụng Quán. Ngài Trúc Am nói: Phần nhiều đều dùng nghĩa ba Tánh mà nói (Không, giả, trung) e là người theo Pháp Tướng Tông ở phương Bắc thác lời Đại sĩ. Có người nói chỉ lấy bảng gõ nhịp xô ghế mà đi. Chí Công nói: Đại sĩ giảng kinh xong rồi Đại sĩ vào triều. Chí Công đã tịch hai mươi năm rồi do đâu lại có câu hỏi đáp đó. Lâu Dĩnh biên tập Ngôn Hạnh của Đại sĩ rất rõ cũng không ghi việc này.

Khải Thiền sư ở chùa Ngõa Quan vì Nghi Đồng Trầm Quân Lý... giảng kinh Pháp Hoa. Sau Sư thường cùng chúng giảng Trí Độ Luận,

nói Thứ Đệ Thiền Môn. Tư Thiền sư ở Nam nhạc, Cửu Tiên Quán Đạo sĩ Âu Dương Chánh ngụy tấu với vua là Sư đã mê hoặc hại vua (Hán Giang tâu thêm Lệ Thái tử bị lừa dối mê hoặc). Vua sai sứ mời Sư đến thì thấy Sư từ trên không trung xuống, vua kinh ngạc về sự thần biến nên không hỏi lời nào. Vì Đạo sĩ vu cáo nên bị tội phải giết tại chợ. Sư xin thay hình phạt đó bằng việc cho phục dịch chúng Tăng. Vua sắc lệnh cho Hữu Ty đúc mười bốn thẻ sắt khắc mười bốn họ tên trên đó. Khiến theo Sư về núi phụ trách việc giả gạo. Lâu sau bèn xin đem ruộng đất sung vào hương tích mà chuộc thân già, nhân đó gọi là Lưu Điền Trang. Bấy giờ giấu các thẻ mà khắc đá ghi nhớ. Ghi rằng: Trần Triều, Hoàng Đế, cho Nam nhạc Tư Đại Thiền Sư, hàng phục Đạo sĩ và khắc ghi trên thẻ sắt (thấy rõ trong Nam Nhạc Bản Kỷ).

Năm Đại Kiến thứ tư, vua ban sắc mời Sa-môn Tuệ Hoàn ở vườn Lạc Du vì bảy miếu mà giảng Đại Phẩm Bát-nhã. Sứ nước Tề là Thôi Võ Tử đến Triều. Vua mời Sa-môn Hồng Yển tài đức kiêm ưu cùng làm bạn ở quán khách. Võ Tử mỗi khi nói chuyện đều rất thán phục. Triều đình bàn cử Yển làm quan, Sư tuyệt thực tự thề không chịu. Vua bèn thôi.

Năm Đại Kiến thứ năm, Huyền Quang Sa-môn ở Đông hải (Nhật Bản) đã thọ nhận nghĩa Pháp Hoa phẩm, An Lạc Hạnh với Nam Nhạc Thiền Sư, rồi trở về nước diễn giảng kinh giáo. Đây là lần truyền giáo đầu tiên cho các nước ở Đông hải.

Năm Đại Kiến thứ sáu, vua Võ Đế nhà Chu dẹp bỏ hai đạo Phật và Lão. Sa-môn Tĩnh Tung Linh Khản ba trăm người đều dẫn nhau về với Nam Triều. Vua bảo Phò mã Thái Ngưng tuyên đọc sắc rằng: Các Pháp sư khéo nói trị loạn, về ở nhờ phải có thứ tự, an cư tại chùa lớn trong Thành Đô, Ty Sở sẽ cung cấp.

Sa-môn Trí Chu, mười một người đến Tây Thiên cầu kinh.

Năm Đại Kiến thứ bảy, Khải Thiền sư vào Phật Lũng ở Thiên thai.

Năm Đại Kiến thứ chín, tháng hai, vua ban chiếu rằng: Khải Thiền sư Phật pháp rất siêu tuyệt, là bậc tài giỏi của Tông ta hiện thời, dạy cả đạo tục, là kỳ vọng của cả nước. Vậy nên cắt huyện Thủy phong mà cấp cho để nuôi chúng Tăng.

Việc vận chuyển cho chiến trận ở sông Hoài, sông Phì không thông suốt. Vua ra lệnh các Tăng lữ sở tại phải đảm nhiệm việc vận chuyển. Luật Sư Trí Văn dâng thư lên vua rằng: Người quân tử vì nước tất dùng lễ nghĩa. Thật ra chúa thượng biết rõ lỗi dẹp Đạo của Vũ Văn

(nhà Chu), đâu lại lấy hàng phước điền cao quý để làm các việc thấp hèn. Nếu không đình chỉ kẻ địch sẽ khinh nhờn mà e quốc gia phải chịu tai ương.”.. Vua rất hối tiếc, bèn lập tức cho dừng. Cùng lúc phạt nặng những kẻ chủ mưu làm việc trên.

Ngày hai mươi hai tháng sáu, Sư Nam nhạc Đại Thiền sư niệm Phật ngồi mà hóa.

Năm Đại Kiến thứ mười, Quan Tả Bộc Xạ Từ Lăng vì Khải Thiền sư mà lập chùa, xin vua ban hiệu là Tu Thiền (nay là chùa Đại Từ). Sư vì anh mình là Trần Châm soạn ra Tiểu Chỉ Quán. Châm nhận học và tu tập. Khi xưa Tiên nhân Trương Quả xem tướng ông bảo rằng: “Ông sẽ chết vào tháng cuối năm.” Sư bảo ông tu ngay Sám Phương Đẳng. Châm thấy ở cửa Thiên Đường có bảng đề: Nhà của Trần Châm. Sau Trương Quả gặp Châm kinh ngạc hỏi: Ông uống thần dược nào vậy? Châm đáp: Tôi chỉ tu sám mà thôi! Quả nói: Nếu không nhờ đạo lực đâu có thể thoát chết được? Sau ông sống thêm mười lăm năm nữa mới qua đời.

Năm thứ mười hai, Chu Tuyên Đế cho phục hưng lại hai đạo Phật và Lão.

Năm thứ mười ba, vua ban chiếu rằng: Trong nước, người mới tho giới phải học Luật năm Hạ. Lại mời Luật Sư Đàm Viện làm Tổng Giám Kiểm, Hữu Ty cung cấp cho y thực, không cho kinh doanh để khỏi sút kém công phu. Chẳng đầy mấy năm đạo pháp hưng thịnh. Vua bèn cử Viện làm Tăng Chánh cho cả nước.

Năm thứ mười bốn, Hoàng Thái tử lên ngôi, vua thiết đại hội Vô Già ở Thái cực điện, hành xã thân và đại xá.

Đời Trần Hậu Chủ (tên Thúc Bảo, con cả Tuyên Đế).

Năm Chí Đức thứ nhất, vua sắc chỉ mời Tuệ Hoàn làm Đại Tăng Chánh ở Kinh Ấp. Vĩnh Dương Vương Bá Trí ra trấn nhậm Đông dương (là con thứ tám của Văn Đế) thỉnh Khải Thiền sư đến Trấn khai giảng kinh. Vương cùng con là Trạm và gia nhân đồng thọ giới Bồ-tát.

Năm Chí Đức thứ hai, vua ban chiếu mời Pháp sư Trí Tụ ở Hổ Khâu đến điện Thái Cực giảng kinh Quang Minh.

Năm Chí Đức thứ ba, vua ban chiếu mời Khải Thiền sư vào kinh ở chùa Linh Diệu. Tháng tư, Sư đến điện Thái cực giảng Đề Luận Đại Trí Độ và Đề Kinh Bát-nhã. Lâu sau Sư dời về ở chùa Quang Trạch. Vua đến chùa nghe Sư giảng kinh Nhân Vương, đích thân lễ ba lạy.

Triều đình luận rằng, phần đông hay Tăng Ni đều không chuyên

tu, nên khảo hạch kinh sách, ai không thông bắt hoàn tục. Khải Thiền sư can vua rằng: "Điều-đạt ngày tụng vạn lời mà chưa thoát được địa ngục, Bàn Đặc chỉ nhớ có một câu kệ mà chứng được Bốn quả (hai việc đều thấy trong Thiên thai Bản Kỷ Chú) "Dốc một lòng luận vì Đạo đâu quan hệ chi tới việc tụng nhiều." Vua rất hài lòng, rồi cho ngưng thi hành việc trên.

Năm Chí Đức thứ tư, tháng giêng, vua mời Khải Thiền sư đến điện Sùng Chính truyền giới Bồ-tát cho Hoàng Thái tử và đãi tiệc trai một ngàn Tăng.

Năm Trinh Minh thứ nhất, Khải Thiền sư ở chùa Quang Trạch giảng kinh Pháp Hoa. Lúc đó có ngài Chương An dự nghe.

Đô Quan Thượng Thư Từ Hiếu Khắc có tánh ưa bố thí nên phải nghèo đói. Trần Hậu Chủ ban sắc lấy thuế ở bến Thạch Đầu mà cấp cho. Nhưng Hiếu Khắc đều lấy đem thiết trai và viết Kinh. Xưa lúc ở Tiền Đường, ông thường cùng Chư Tăng thảo luận sách Phật, bèn thông tam luận. Sáng giảng kinh Pháp Hoa, chiều giảng Lễ Truyện, người theo học thường đến mấy trăm. Ông ăn trường trai, thọ giới Bồ-tát. Khi nhà Trần mất, ông vào Trường An. Lúc đó có bệnh dịch. Tùy Văn Đế nghe tiếng về đức hạnh ông bèn mời giảng kinh Kim Cang, Bát-nhã. Trên dưới đều kính khen. Khi lâm chung thì ông ngồi thẳng niệm Phật.

Diêu Sát đọc hết Kinh Tạng, một hôm ngồi quay mặt về hướng Tây Chánh niệm rằng "Tất cả đều trống vắng." Khi nhà Trần mất thì ông vào Tùy và qua đời ở Đông đô. Khi đó thân xác ông mềm mại, nhan sắc tươi tấn như còn sống. Ông dặn dò đóng quan tài bằng váng tòng mỏng mà chôn.

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 38

PHẦN 5

Từ đời Chu Tần cho đến thời Lục Triều thì đời cho là chánh thống như Bắc Ngụy Tề Chu. Tuy không thừa tiếp nhau nhưng vì ở giữa Trung Nguyên thạnh hành các điển lễ. Gọi là Bắc Triều tức là không còn quê mùa dốt nát như thời Tấn Ngũ Hồ nữa. Nhà Tùy tuy nối ngôi nhà Chu nhưng thật ra đã cai trị một vùng nối tiếp chính thống nhà Trần. Nhìn sử như thế là một ý hay. Vả lại Bắc sử đối với hai Giáo (Nho - Phật) thì thời thế nên hư được mất liên hệ vào đấy rất nhiều. Cho nên ở đây đều nêu đầy đủ để làm sáng tỏ.

I. Thời Bắc Ngụy (đóng đô ở Vân Trung)

Đời Thái Tổ (tên Thác Bạt Khuê)

Năm Hoàng Thủy thứ hai, vua ban chiếu mời ngài Pháp Quả ở Triệu Quận làm Sa-môn Thống. Vua từ lúc mới sinh ra đã biết tin Phật. Khi xưa ở trong núi Bình Trung, vua đến đâu hễ thấy Sa-môn thì đều kính trọng và ban lịnh cấm quân lính không được xâm phạm chư Tăng Ni.

Năm Thiên Hưng thứ nhất, vua ban chiếu ở Kinh Thành xây tháp năm tầng, điện Tu-di, núi Kỳ Xà, Thiền Phòng, giảng đường đều làm rất đẹp đẽ.

Đời Minh Đế (tên Tự, con của Thái Tổ)

Năm Vĩnh Hưng thứ nhất, vua ban chiếu phong ngài Pháp Quả làm Phụ Quốc Nghi Thành Tử (Tăng nhận chức Quan thế tục đầu tiên).

Năm Thần thụy thứ nhất, vua lại phong thêm ngài Pháp Quả chức Trung Tín Hầu.

Năm thứ hai, Lão Quân giáng xuống Tung Sơn truyền trao Kinh giới cho Đạo sĩ Khấu Khiêm Chi, bảo rằng: Từ khi Trương Đạo Lăng

lánh trần thì trên cõi đời thiếu chức, nay trao cho ngươi chức Thiên Sư, ngươi hãy lo thanh chỉnh Đạo Giáo, khai hóa quần sinh, phá bỏ tệ hại thuế tiền thuế lúa của ba Trương và dẹp bỏ cái thuật nam nữ hiệp khí (ba Trương: Trương Lăng bắt người bệnh phải nộp gạo để hối lỗi. Sau Trương Tu và Trương Giác bắt chước. Đời gọi là Đạo năm đấu gạo). Hai năm sau Lão Quân lại sai cháu cố là Thượng Sư Chân Nhân Lý Phổ Văn trao Thái Bình Tố Kinh Đồ Lục một trăm sáu mươi quyển. Phụ tá cho Bắc Phương Thái Bình Chân Quân (tức vua Thái Võ)

Năm Thái Thường thứ nhất, vua phong thêm cho ngài Pháp Quả làm An Thành Công, thọ hơn tám mươi tuổi mới tịch. Vua ba lần đến Lễ Tang, thụy phong là Linh Công (Ban Thụy đầu tiên).

Đời Thái Võ (tên Ý, con của Minh Nguyên)

Năm Thủy Quang thứ nhất, vua sắc lệnh cho thiên hạ: Chùa thì đổi tên là Chiêu Đề (Hán dịch là Thập Phương Thường Trụ). Ngày tám tháng tư, xe chở tượng của các chùa đi diễu hành ngoài đường rộng, vua lên lầu đứng xem tung hoa và kính lễ (Tăng Sử Lược nói rằng: Ở Tây Thiên các vua quan hận không được nhìn thấy Phật, nên ngày Phật đản xe chở tượng Phật vào thành hành đạo, cúng dường suốt đêm, gọi là Hành Tượng, các nước đều thế).

Tung Nhạc Đạo sĩ Khấu Khiêm Chi thờ Lão Quân, được truyền sách bèn đem dâng lên vua. Triều đình chưa biết gì, chỉ riêng Tư Đồ Thôi Hạo tin, dâng thư khen việc này. Vua mừng rỡ thu nạp. Rồi sai sứ lập Huyền Đô Đàn, xây Tịnh Luân Thiên Cung. Vua sắc lệnh cho Khiêm Chi và đệ tử được chức vị trên hàng Vương Công và không phải xưng "Thần." Chọn lựa con em của các nhà quyền quý được hai mươi người cho làm Đạo sĩ.

Năm Thủy Quang thứ hai, nhân mùa Phật đản, vua ban chiếu ở các chùa Phật đều lập Chúc Thọ đạo tràng (đây là Thánh Tiết đạo tràng đầu tiên).

Năm Thần Gia thứ nhất, nhân tiết Phật đản, vua ban chiếu trong thiên hạ các chùa đều lập đạo tràng.

Năm Diên Hòa thứ nhất, xưa ở đất Lương, Sa-môn Huyền Cao rất giỏi Thiền Quán. Vua sai sứ đón vào ở Bình Thành hết mực kính trọng, bảo Thái tử Quảng theo hầu. Năm Thái Diên thứ năm, Thái tử bị sàm tấu, đến ai cầu Sa-môn Huyền Cao, Sư làm cho Kim Quang Minh Sám. Vua mộng thấy Tiên Tổ trách cứ "Không nên nghe lời sàm tấu mà nghi oan Thái tử." Vua đem chuyện nói với Thôi Hạo. Hạo thưa: "Thái tử

kết giao với Huyền Cao dùng thuật đến nỗi Tiên Đế còn e sợ Bệ Hạ." Vua nổi giận bắt Huyền Cao và Tuệ Sùng đem thắt cổ. Đệ tử của Cao là Huyền Sướng ở tại Vân Trung nghe tin thầy bị nạn chạy đến khóc rằng: "Xin Hòa thượng dùng thần lực vì con mà hiện ra!" Cao mở mắt bảo: "Đạo pháp thạnh suy chỉ là dấu hiệu bên ngoài. Chỉ tiếc các ngươi học với ta thì có Huyền Sướng được sang phía Nam. Sau khi các ngươi chết rồi thì pháp càng hưng thịnh!" Sư Pháp Tiến gọi lớn: Thánh nhân tịch rồi con còn sống làm chi? Liền thấy Sư Cao ở trên không trung. Tiến hỏi: Hòa Thượng và Sùng Công thọ sinh nơi nào? Sư Cao nói: "Ta đến chỗ ác để độ sinh cho hợp với bản nguyện, còn Sùng Công thì đã về An Dưỡng."

Năm Thái Bình Chân Quân thứ nhất, Khấu Khiêm Chi ở Tung Nhạc lập Đàn cầu phước cho vua. Lão Quân lại giáng hạ trao cho vua hiệu Thái Bình Chân Quân. Khiêm Chi đem việc tâu vua, vua bèn đổi niên hiệu và đại xá.

Bàn rằng: Khổng Tử không nói Thần Quái, chỉ nói "Thành" có thể dùng nó làm pháp dạy đời. Còn Lão Tử là bậc Thánh nhân, hoặc làm vua trên trời hoặc phân thân giáng hạ, tùy 1úc mà giáo hóa việc đó tất có. Nhưng Khấu Khiêm Chi lại nói Lão Quân giáng hạ chỗ nào, chỗ nào... trao cho vua hiệu Thái Bình Chân Quân, dặn lời phụ tá cho Thái Bình, nhờ Thôi Hạo dâng hiến sách để dối gạt vua đương thời thì còn gì "Quái" hơn? Sau đó Thôi Hạo cho Phật giáo là thuyết dối lừa để khơi mạnh ở vua cái họa diệt Tăng. Đó là một ách nạn của Pháp vận. Rồi cả họ hàng thôi Hạo bị tru di, Thái Võ bị giết, không khiến mà tiêu, cả vua tôi đều bị hình phạt ở Diêm Cung, đâu không oán hận Khiêm Chi ư?

Năm Thái Bình Chân Quân thứ bảy, vua cùng Thôi Hạo đều tin Trọng Khấu, Khiêm Chi. Hạo thường tâu vua rằng: Phật pháp lừa dối cần phải diệt hết. Đến khi vua thảo phạt Cái Ngô. Khi đến Trường An, Hạo vào chùa Phật thấy Sa-môn uống rượu quan và thấy trong nhà có binh khí, liền đem việc tâu vua, vua sai Hữu Ty kết án giết Sa-môn. Khi xem xét tài sản thấy có nhiều đồ nấu rượu và giữ cất tiền vật của người giàu đem gửi. Hạo nhân đó tâu vua nên giết hết Sa-môn trong thiên hạ. Vua liền ban chiếu cho các quân trấn nhậm hay chinh chiến thấy có phù đồ (tháp), hình tượng, kinh Hồ... thảy đều đốt phá hết, Sa-môn không luận già trẻ đều bắt chôn sống. Thái tử nhiều lần can gián nhưng vua không nghe, bèn lén sai hoãn chiếu thư để khiến kẻ xa gần dự đoán hoặc nghe được mà tự tìm kế thoát thân. Sa-môn phần nhiều bị giết hoặc trốn mất, giấu cất Kinh Tượng, chỉ có Tháp miếu thì không

còn sót cái nào.

Năm Thái Bình Chân Quân thứ tám, trời đất sấm sét lớn, cung điện sụp đổ, chỗ vua ở bị đè, có mấy người chết.

Năm Thái Bình Chân Quân thứ mười một, Bạch Túc Sa-môn Đàm Thủy (Túc có mặt màu trắng, người lúc đó gọi là Bạch Túc). Vào ngày hội đầu năm (tết nguyên tiêu), Sư chống tích trượng đến cửa cung. Vua sai người bắt chém, nhưng không sao cả. Vua giận dữ tự cầm gươm chém vào vẫn không chết. Lại sai bắt bỏ hầm cọp, cọp đều mọp sợ. Vua cả kinh bèn mời lên điện lạy tạ tội. Bỗng vua cảm biết mình bị bệnh cùi, đau nhức chịu không thấu. Quần Thần đều bảo do Thôi Hạo phá hủy Phật mà đến nông nỗi này. Vua sợ quá. Lúc đó Thôi Hạo soạn ra Quốc sử đem khắc đá chứng tỏ viết đúng sự thật. Vua ghét tên bạo ác bêu xấu việc nước, bèn sai bắt Hạo chở trên xe đem ra đường, cho mười người lên xe đánh đập và tiểu tiện vào miệng. Rồi chém ngang lưng, tru di cả năm họ và các thuộc hạ tới một trăm hai mươi người. Vua liền hạ chiếu phục hưng lại Phật pháp. Lúc xưa, Hạo dẹp bỏ đạo Phật, khi đi đường thấy tượng bị quăng bỏ liền dừng xe đến tiểu tiện lên tượng. Đến khi tộc họ bị giết thì không ai nhặt thây, dân chúng tranh nhau đến tiểu tiện vào thây chết của Hạo, đến khi sình chương nứt nẻ mới thôi.

Năm Chánh Bình thứ hai, Quan Thường Thị Tông Ái giết vua Thái Võ ở cung Vĩnh An.

Đời Văn Thành (tên Duệ, cháu của Thái Võ)

Năm Hưng An thứ nhất, vua ban chiếu rằng: Phàm bậc Đế Vương tất phải thờ kính Minh linh hiển bày Nhân đức, mà hay thương mến che chở nhân dân, giúp ích muôn loài. Tuy đã xa xưa nhưng vẫn sờ sờ ra đó. Huống chi Đức Thích-ca Như Lai công đức cứu độ đại thiên, ơn khắp trần thế. Tìm sinh tử thì khen chỗ đạt quán, xem văn nghĩa thì quý chỗ diệu Môn. Luật cấm giúp phép vua, thiện tánh ích nhân trí, dẹp bỏ đám tà, mở mang Chánh giác. Cho nên từ đời trước đến nay không ai không sùng kính, quốc gia ta cũng luôn tôn thờ. Đức Thế Tổ Thái Võ ta ơn đức thấm xa, Sa-môn Đạo sĩ tới lui đông đảo như rừng, mà trong nhà chùa lại lẫn bọn hung tà. Triều trước xét trị chỉ giết người có tội mà thôi, nhưng các Sở Ty hiểu sai Thánh chỉ, cấm đoán tất cả. Trẫm thừa nối giềng mối lớn, chí quyết chấn hưng Thánh Đạo, nay khiến các quận huyện trong thiên hạ mỗi nơi cần lập một khu Phù đồ, ai muốn làm Sa-môn đều được. Khi xưa, Sa-môn nước Kế Tân là Sư Hiền và năm người đến Kinh, gặp nạn dẹp bỏ Phật pháp đành mượn nghề y mà giữ Đạo.

Nay dạy rằng vua đích thân xuống tóc cho năm vị ấy và cử Sư Hiền làm Sa-môn Thống.

Năm Hòa Bình thứ nhất, vua ban chiếu mời Sa-môn Thống Đàm Diệu làm Chiêu Huyền Sa-môn Đô Thống và kính trọng làm thầy (Tùy Bách Quan Chí - Chùa Chiêu Huyền Chưởng Quản Phật giáo đặt là Đại Thống, một vị là Thống, một vị là Đô, ba vị Duy Na. Đặt Công Tào Chủ Bạ Quan để quản lý Sa-môn các Quận).

Năm Hòa Bình thứ sáu, nước Sơ Lặc sai sứ dâng tặng Ca-sa Phật dài hai trượng. Vua bảo đem đốt thử để thấy rõ sự linh dị thì đốt trọn ngày không cháy.

Đời Hiến Văn (tên Hoằng, con cả của Văn Thành)

Năm Hưng Hoàng thứ nhất, ở năm cấp chùa Lớn, vì năm vua từ Thái Tổ trở xuống mà đúc năm tượng Phật Thích-ca đều cao một trượng sáu, dùng tới hai mươi lăm vạn cân vàng đỏ.

Năm Hưng Hoàng thứ ba, Chiêu Huyền Đô Thống Đàm Diệu nói: Bình Tề Hộ và Dân gian, mỗi năm nên chở lúa vào tăng tào gọi là lúa Tăng-kỳ. Gặp năm mất mùa thì mở kho phát chẩn cho dân đói kém. Lại xin các dân phạm trọng tội thì làm Phật đồ hộ, cung cấp làm việc quét dọn các chùa... Vua chấp nhận. Do đó lúa Tăng-kỳ đầy khắp thiên hạ (Bình Tề Hộ, người chú thích chưa từng nói. Hoặc nói bình dân hay tề dân. Tăng-kỳ, Hán gọi là Đại Chúng. Phật đồ cũng là Phật-đà, Hán gọi là Giác Giả. Nói Hộ tức là Hô dân của chùa Phật).

Năm Hưng Hoàng năm, vua bắt đầu thích Phật học, thường dẫn các quan triều và Sa-môn cùng luận bàn lý huyền diệu, có ý muốn lánh đời. Năm ấy vua ra chiếu truyền ngôi cho Thái tử. Rồi dời về ở Cung Sùng Quang, xưng là Thượng Hoàng, lập chùa Lộc Dã cùng mấy trăm vị Thiền Tăng học tập Thiền Định).

Đời Hiếu Văn (tên Hoàng, con của Hiến văn, đổi ra họ Nguyên và đời đô về Lạc dương).

Năm Diên Hưng thứ hai, vua ra chiếu mời ngài Tam Tạng ở Tây Thiên là Cát-ca-dạ dịch kinh Tạp Bảo Tạng... năm bộ, Lưu Hiếu Tiêu bút thọ.

Thượng Hoàng ra lệnh từ nay tế trời đất Tông Xả chớ dùng con vật còn sống, chỉ dâng rượu và nem, thịt khô. Do đó một năm cứu sống được bảy vạn năm ngàn con vật.

Chùa ở Bắc Ngũ Đài có Luật Sư Pháp Thông chuyên giảng Luật

Tứ Phần cho chúng, các đệ tử chép lại làm nghĩa sớ (đây là giải Luật Tứ Phần đầu tiên).

Vua mời chủ chùa Tư Viễn là Tăng Hiển làm Sa-môn Đô Thống.

Năm Diên Hưng thứ mười bảy, vua ban chiếu mời Ý Đức Pháp sư, một tháng ba lần vào điện giúp Vua thưởng thức Đạo vị và làm tăng thêm ánh sáng cho triều đình. Vua mấy lần đến chùa Vương Viên cùng Sa-môn đàm luận đạo Phật.

Năm Diên Hưng thứ mười chín, vua đến chùa Bạch Tháp tại Từ Châu, mời Pháp sư Đạo Đăng giảng Luận Thành Thật, vua bảo tả hữu rằng: “Mỗi khi xem Luận này thì càng có thâm tình với Phật (Tăng Sử Lược nói: Luận này quá nhiều Pháp tướng. Ngài La-thập sửa gọn lại rồi truyền cho Tung Sư, Tung Sư truyền cho Uyên Sư, Uyên Sư truyền cho Đạo Đăng. Đây là giải thích Luận đầu tiên).

Kinh Triệu Vương Thái tử bị bệnh đã lâu, cầu Phật được hết bệnh, nguyện bỏ Vương Tước xin xuất gia. Dâng biểu mười lần vua mới chấp nhận và ban tên là Tăng Ý. Vua ra lệnh cho Hoàng Thái tử vào ngày tám tháng tư xuống tóc ở chùa Tung Nhạc.

Năm Diên Hưng thứ hai mươi, Thái hậu Phùng thị xuất gia làm Ni ở chùa Diêu Quang.

Năm thứ hai mươi mốt, vua ra chiếu vì Thái hậu lập chùa Báo Đức, xây tháp Pháp sư La-thập ba tầng tại nơi chùa cũ ngài ở.

Vua ra chiếu ngày tám tháng tư rước tượng Phật ở các chùa tại Lạc Kinh vào cửa chính cung để vua tung hoa kính lễ, đây là việc thường niên.

Vua ban chiếu: Các chùa Tăng trong Quận luôn kiết hạ an cư. Khiến thanh chúng giảng kinh ở nhiều nơi, lấy lúa Tăng-kỳ mà cung cấp đầy đủ.

Đời Tuyên Võ (tên Khác, con thứ của Văn Đế)

Năm Cảnh Minh thứ hai, vua ban chiếu: Tăng phạm tội giết người thì xét đoán theo phép tục, còn phạm các tội khác đều giao cho Chiêu Huyền Đô Thống, lấy luật trong Tăng mà xử phạt. Lúc đó Thôi Xiêm rất thích Phật pháp. Vì Tăng Ni phóng túng quá mức, nên ông tâu vua lập ra một thiên Điều lệ, việc nghiêm mật mà pháp công bằng, vua bảo giao cho Huyền Đô Thống theo pháp mà kiểm định.

Năm Cảnh Minh thứ tư, nước Nam Thiên Trúc sai sứ hiến tặng răng Bích-chi-phật.

Năm Vĩnh Bình thứ nhất, vua ra chiếu mời ngài Lặc-ma-na-đề ở

Trung Thiên Trúc đến ở điện Thái cực dịch kinh và ngài Bồ-đề Lưu Chi ở Bắc Thiên Trúc đến ở điện Tử Cực dịch kinh. Vua đích thân làm bút thọ.

Năm Vĩnh Bình thứ hai, vua ngự đến điện Thức càn giảng kinh Duy-ma. Lúc đó Sa-môn ở Tây Vức có đến ba ngàn vị. Nước Ca Vinh ở Phương Nam từ xưa không giao thông với Đông độ, có Tăng Bồ-đề Bạt Đà đến. Vua ban chiếu lập chùa Vĩnh Minh để các Sa-môn ngoại quốc ở.

Năm Diên Xương thứ tư, Thái hậu Cao Thị xuất gia làm Ni ở chùa Diêu Quang.

Tại Lạc dương, nơi ở của Đoàn Huy nghe có tiếng chuông dưới đất. Đào lên thì được một tượng Phật và hai tượng Bồ-tát bằng vàng, trên bàn chân có khắc lời minh rằng: "Đời Tấn, năm Thái Thủy thứ hai, Trung Thư Giám Cẩu Úc tạo." Huy bèn bỏ nhà làm chùa. Sau có trộm định lấy tượng. Tượng kêu lớn Cướp! Cướp! Người nhà liền đến bắt được.

Mẹ của Bùi Thực là Hạ Hầu Thị tuổi hơn bảy mươi, tự hiến thân làm đầy tớ cho Tam bảo, cúng chùa quét rửa... Cả ba con là Du, Sáng, Diễn cũng mặc áo nô tỳ khóc lóc theo sau. Mỗi đứa dùng vải lụa để chuộc miễn làm việc. Sau bà xuất gia làm Ni vào ở Tung Cao Sơn nhiều năm mới trở về. Thực làm quan đến chức Độ Chi Thượng Thơ, Du... cũng làm đến Thứ Sử. Khi mẹ lâm chung, con theo lời dặn, theo Lễ Sa-môn mà chôn. Sáng rất thích Phật học, mỗi khi lên tòa giảng nói thì người nghe rất phục sự biện giải của ông.

Đời Hiếu Minh (tên Hủ, con thứ hai của Tuyên Võ)

Năm Hy Bình thứ nhất, Thái hậu Hồ Thị ở Lạc dương xây chùa Vĩnh Ninh và Phật điện như điện Thái cực, cửa Nam như cửa Đoan môn, tạo tượng Phật bằng vàng cao một trượng sáu, xây tháp chín tầng cao chín mươi trượng, trên chùa cao mười trượng. Mỗi khi đêm vắng tiếng chuông mõ nghe xa mười dặm.

Năm Thần Quy thứ nhất, vua ban chiếu các Quận đều xây tháp năm tầng.

Năm Chánh Quang thứ hai, vua ban sắc mời Sa-môn Tống Vân, Pháp Lực... đến Tây Thiên cầu kinh.

Năm Chánh Quang thứ tư, Tống Vân... đi sứ các nước tây Trúc trở về thỉnh được một trăm bảy mươi bộ kinh Phật. Vua ban cho ông được trở về đời sống cũ.

Vua mời Sa-môn và Đạo sĩ vào giảng đạo trong cung cấm. Vua bảo: Phật và Lão Tử có sinh đồng thời chăng? Đạo sĩ Khương Bân tâu: Kinh Khai Thiên nói: Đức Lão Tử sinh năm thứ ba đời Định Vương, năm tám mươi lăm tuổi vào Tây Thiên mà hóa độ người Hồ, dùng Phật làm thị giả. Sa-môn Đàm Mô Tối thưa rằng: Đức Phật của chúng tôi sinh năm hai mươi sáu đời Chiêu Vương mất năm thứ năm mươi hai đời Mục Vương. Từ sau khi mất đến năm thứ ba đời Định Vương là ba trăm bốn mươi lăm năm thì Lão Tử mới sinh, mà nói là hóa độ người Hồ, thật không gì lầm hơn! vua bảo quần thần định rõ thật giả. Quan Thái Úy Tiêu Tống... hạch tội tâu rằng: “Khai thiên là Kinh ngụy tạo phạm tội mê hoặc người.” Vua bèn ra chiếu lưu đày Khương Bân về Mã ấp.

Năm Võ Thái thứ nhất (là năm Đại Thông một nhà Lương), tháng mười, ngài Đạt-ma từ Lương vào Ngụy, ở tại chùa Thiếu Lâm núi Tung Cao, ngồi day mặt vào vách. Vua nghe Sư có kỳ tích, ba lần ban chiếu mời nhưng ngài không đến. Vua bèn ban cho Ma-nạp Ca-sa, bát vàng, bình nước bằng bạc, tơ lụa...

Đời Hiếu Trang (Tên Tử Du, con của Bành Thành Vương Hiệp)

Năm Vĩnh An thứ nhất, Thái hậu Hồ Thị xuất gia làm Ni ở chùa Diêu Quang.

Ở Ký Châu, Sa-môn Pháp Khánh làm hạnh vô lại bị đồ chúng đuổi đi. Bèn đi theo thuyết của thuật. Lý Quý Bá ở Bột Hải dẫn đầu người làng làm loạn. Chúng tôn Khánh làm chúa, tự đặt hiệu là Đại Thừa Phật, phong cho Quy Bá làm Thập Trụ Bồ-tát Bình Ma Hán Vương. Phá hủy chùa tháp giết hại Tăng Ni, thiêu đốt kinh sách, gọi là Phật Mới ra đời trừ dẹp chúng ma. Vua ban chiếu cho Nguyên Dao Sứ là Trì Tiết đánh dẹp, bắt cầm tù Pháp Khánh và Quy Bá đưa thủ cấp về Kinh Sư, dư đãng đều bị dẹp yên.

Năm Vĩnh An thứ ba, Tông Huyền Tiên Sinh, Mạnh Trọng Huy tạo tượng Phật bằng vải gai. Mỗi đêm tượng ấy đi nhiễu quanh tòa hành đạo, dấu chân có vân (lằn). Cả sĩ thứ đến chiêm lễ đều ngưỡng mộ thần dị, năm năm sau tượng mới ẩn mất.

Đời Tiết Mẫn (tên Cung, con của Quảng Lăng Vương Vũ)

Năm Phổ Thái thứ nhất, Quốc Tử Bác Sĩ Lưu Cảnh Hựu rất thông hiểu Phật pháp, người đời gọi là Cư Sĩ, vua đối đãi lễ không phải bày tôi. Do anh là Trọng Lễ làm loạn mà vạ lây đến Hựu nên bị cầm tù ở Ngục Tấn Dương. Cảnh Hựu chí tâm tụng kinh thì gông cùm tự tháo.

Vua bèn cho chuộc ra.

Đời Hiếu Võ (tên Tu, con của Quảng Bình Vương)

Năm Vĩnh Huy thứ nhất, ở Lạc Kinh chùa Bình Đẳng xây tháp xong, vua thiết trai đãi một vạn Tăng. Tượng đá cúi đầu suốt ngày. Đại chúng đều cho là thần ứng.

Năm thứ hai, Tháp Phật ở chùa Vĩnh Ninh cháy to, suốt ba tháng không tắt. Về sau người ở Đông Lai đều thấy tháp ở ngoài biển, bỗng bị đám mây mù che mất.

Đời Văn Đế (tên Bảo Cự, cháu của Hiếu Văn, dời đô về Trường An gọi là Tây Ngụy)

Năm Đại Thống thứ nhất, vua mời Sa-môn Đạo Trăn làm Sa-môn Đại Thống.

Sơ Tổ Đạt-ma ngồi ở chùa Thiếu Lâm được chín năm. Trước truyền pháp và y ca-sa cho ngài Tuệ Khả, rồi đến ở chùa Thiên Thánh ở Võ môn, đến ngày năm tháng mười ngài ngồi yên mà thị tịch. Môn nhân để toàn thân ngài táng ở chùa Định lâm tại núi Hùng nhĩ. Năm sau Sứ giả Tống Vân đi Tây Vức trở về gặp ngài tay quải một chiếc giày, đi vùn vụt như bay. Vân trở về nói lại. Môn nhân bèn đào mộ ngài lên xem thì thấy quan tài trống rỗng chỉ có một chiếc giày (Tống Vân đi Sứ ở Tây Vức đến năm thứ tư Chánh Quang đời Hiếu Minh mới về nước đến lúc này là mười ba năm. Nay nói Vân trở về gặp Đạt-ma thì e là đi sứ lần thứ hai, nếu không thế thì là một người Sứ khác, sách lầm là Tống Vân).

Đời Hiếu Tĩnh (tên Thiện Kiến, con của Thanh Hà Vương Đản - Dời đô về Nghiệp Quận. Hiệu là Đông Ngụy).

Năm Thiên Bình thứ nhất, Thứ Sử Lạc Châu là Hàn Hiền không tin Phật. Ở chùa Bạch mã có hộp đựng kinh từ thời Hán Minh Đế, lúc đó phóng ánh sáng, đời giấu làm báu vật. Hiền đến chùa phá đi. Chưa bao lâu người trong Châu là Hàn Mộc Lan làm loạn. Có một tên giặc từ đống thây chết đứng dậy lấy dao chặt đứt chân Hiền đến chết. Mọi người bảo quả báo phá hộp Kinh thật quá nhanh!

Bàn rằng: Hộp Kinh phóng ánh sáng là hiện bày Pháp hóa của đạo Phật. Đời ngu tối nên chê bai là quái đản mà ghét rồi phá bỏ đi, đó là do bản tâm không tin Phật vậy. Một tên giặc bỗng đứng dậy chém ngang chân như đập chiếc hộp kia đều là sự nhanh chóng của quả báo,

do tâm mình gây nên. Người đời thấy kinh Phật nói quả báo địa ngục thì bảo rằng: Phật nói việc đó là để dọa người. Phật Thánh trí sáng thấy suốt ba đời, thấy người tạo nghiệp lành dữ, biết trước mà bảo họa phước, khiến người biết để khuyên răn trừng phạt. Không phải là nói điều đó để dọa người. Làm việc ác có cả trăm tai ương giáng xuống, há cũng là lời quàng xiêng dọa người sao?

Năm Hưng Hòa thứ tư, lúc đó ở đất Ngụy có ba vạn ngôi chùa, có hai trăm vạn Tăng Ni. Ngụy Thư Phật Lão Chí nói rằng: Các loại chúng sinh ba đời thần thức thường không mất. Phàm làm thiện ác tất có báo ứng, dần dần tích chứa thành thắng nghiệp, đào thải thô xấu, trải vô số hình, thao luyện thành minh cho đến vô sinh mà được Phật đạo. Thoạt kỳ thủy tâm phải nương Phật, Pháp, Tăng, gọi là Tam Quy. Như người Quân tử có ba sợ (ba sợ là sợ mạng trời, sợ người lớn và sợ Thánh nhân). Lại có năm giới là bỏ sát, đạo, dâm, nói dối và uống rượu, đại ý giống như nhân, nghĩa, lễ, trí, tín vậy. Lại nói các nghĩa về thọ sinh ở sáu nẻo, tiến tu Lục độ và thân Phật chân ứng, không sinh không diệt, xá-lợi tháp miếu, giáo Pháp lưu truyền rộng rãi thật là sâu kín (Ngụy Thâu ở đời Bắc Tề soạn ra Bắc Ngụy Thư).

Bàn rằng: Một đời vua quan thì tất có sử một đời để ghi chép những lời nói và hành động đúng sai. Đạo đức như Nghiêu Thuấn cũng chép, mà trộm cắp như Đạo Chích cũng ghi, thời trời, việc người lành dữ tốt xấu đều ghi chép hết để có những cái làm phép tắc, có những điều khuyên răn. Nếu như thế thì gọi là Tín sử. Từ khi Phật pháp truyền sang Đông độ đến nay, mọi người đều tôn kính, kinh văn bí yếu đầy khắp thiên hạ. Đạo minh tâm kiến tánh tự nhiên đến với mọi người, lợi vật cứu đời chính ở nhân nghĩa. Trong cõi hỗn loạn dằng dặc một khi mặt trời mọc lên thì tất cả kẻ thường, người trí đều vào khuôn phép. Các nhà viết sử muôn đời luôn nêu bày việc đó. Cho nên Phạm Hoa luận về Tây Vức nói rằng: Đạo Phật thần hóa nổi lên từ nước Thân Độc (đọc là Càn Đốc tức Thiên Trúc) sách vở ở Tây Hán chưa hề nói đến. Đâu phải đường sá nghẽn tắt mà mấy lần được liên lạc. Viên Hoằng viết Hán Kỷ cũng nói: Thiên Trúc có đạo Phật, nó hay hóa thông muôn vật, khắp cứu quần sinh. Đời Đường năm Chánh Quán viết ra Tấn Thư mà La-thập, Đồ Trừng đều được viết thành truyện và khen rằng: Mở truyền văn giáo thông suốt cả u minh. Ngụy Thâu soạn ra Ngụy Thư ghi về Phật Lão nói rằng: Phật nói ba đời thần thức không mất, phàm làm việc lành dữ tất có báo ứng, dần dà chứa nhiều thắng nghiệp cho đến vô sinh. Đây đều là các sử gia trình bày nghĩa lý đạo Phật. Biết rõ

đạo Phật quả là ích vật cứu đời mà nói thế. Lạ thay! Âu Dương Tu đã sửa Đường Thư bằng cách: Phàm việc gì của đạo Phật mà có giúp ích chính sự, khai hóa lòng người thì đều cắt bỏ đi, chỉ để lại phần rườm rà của Cựu sử. Với ý niệm hẹp hòi kém hiểu biết như thế mà bảo là Tín sư, thật khó tin!

II. NHÀ BẮC TỀ: (đóng đô ở đất Nghiệp)

Đời Tề Văn Tuyên: (tên Cao Dương, được Đông Ngụy nhường ngôi)

Năm Thiên Bảo thứ nhất, vua ban chiếu mời Cao Tăng Pháp Thường vào nội điện giảng kinh Niết-bàn, phong ngài làm Quốc Sư (Quốc Sư đầu tiên).

Pháp sư Đàm Diên cao chín trượng sáu tấc, vua thường mời ngài vào để hỏi đạo. Hội Chu Sứ Chu Hoằng Chánh đến thăm. Đại thần cử Sư Đàm Diên tiếp đón. Hoằng Chánh vốn ỷ tài nên khoác lác. Đến khi gặp Diên thì lo lắng ý chí tiêu tan, xin Sư tượng, hình vẽ và Kinh sớ của Sư đem về. Vua càng kính trọng thăng chức cho Sư là Chiêu Huyền Thượng Thống.

Bảo Công ở Tung Sơn đi về Bạch Lộc Sơn, bỗng nghe có tiếng chuông rồi thấy một cửa có bảng đề Chùa Linh Ẩn. Có một vị Phạm Tăng từ bên ngoài đi vào. Bảo theo Sư vào chùa ngồi trên giường trong Pháp đường. Ngước nhìn khoảng nhà thì thấy mở ra một lổ như miệng giếng. Có vị Tăng từ lổ đó bay xuống. Có đến hơn sáu mươi người, khi ngồi xong ai nấy đều hỏi: Hôm nay thọ trai ở đâu? Có người nói: Ở thành Đô Dự chương, Lãnh Nam, Tô Bắc, Ngũ Thiên Trúc... đi cả ngàn dặm, cuối cùng có một vị tăng đến. Chúng cùng hỏi sao đến chậm thế! Vị tăng đáp: Ở Tương châu, một chùa bên kia sông có Giám thiền Sư khai hội giảng kinh, mỗi mỗi đều lập nghĩa. Lại có một Tiểu tăng đến vấn nạn tranh luận sắc bén, rất là hay quên cả trời tối. Bảo đứng dậy nói:" Giám thiền Sư là thầy tôi!" Chư tăng đều nhìn Bảo. Bỗng nhiên cả khu chùa biến mất, thấy một mình đang ngồi vắt vẻo trên cây lịch. Bảo ra khỏi núi hỏi ngài Đại Thống Pháp Thượng. Ngài nói: Chùa đó là do ngài Phật Đồ Trừng tạo ra, Hiền thánh đến ở đó lúc ẩn lúc hiện. Đến nay đi ngang qua núi vẫn còn nghe tiếng chuông.

Năm Thiên Bảo thứ hai, vua ban chiếu mời Trù Thiên Sư đến Quận Đô lập chùa Vân Môn và ở đó. Sư ngồi yên trong thất không tiếp khách. Vua đến đệ tử khuyên sư ra tiếp đón - Sư bảo: "Ngài Tân-đầu-lô đón rước vua bảy bước mà khiến vua mất nước. Ta nay đức tuy không

bằng nhưng hình dung giống nhau, do đó không dám tự khinh, chỉ mong vua có phước mà thôi. "Vua cho là Sư khinh mình, định một mình đến để hại Sư. Sáng hôm ấy Sư ra khỏi chùa hai mươi dặm vòng tay đứng chờ bên đường. Vua gặp lấy làm lạ hỏi, Sư đáp: Sợ máu của bần đạo làm ô uế Già-lam mà thối! Vua liền ăn năn tạ lỗi. Bảo Bộc Xạ Dương Tuân Ngạn rằng: Đây đúng là bậc Chân nhân làm sao dám khinh. Bèn cùng ngồi xe trở về cung. Vua hỏi: Tiền thân của đệ tử là gì? Sư đáp: Bệ Hạ vốn là vua La Sát nay vẫn còn hiếu sát. Sư bèn đọc chú vào thau nước rồi bảo vua nhìn vào thì thấy đám qủi La Sát đứng ở sau. Vua càng kính tin xin thọ giới Bồ-tát nguyện suốt đời không ăn thịt, dẹp hết các đồ giết hại chim thú ở năm phường và việc giết mổ trong nước.

Vua ban chiếu đặt chức Chiêu Huyền thượng thống, cử Sa-môn Pháp thượng lên làm Đại Thống. Khiến đặt hơn năm mươi sử viên. Sở bộ có số Tăng Ni hơn bốn trăm vạn, hơn bốn vạn ngồi chùa đều cảm phục Đạo phong của ngài. Vua lập lễ Đàn thọ giới Cụ túc tôn ngài làm quốc Sư. Vua trải tóc trên đất để thượng thống dẫm chân mà lên cao tòa. Hoàng hậu thứ phi cùng triệu thần đều thọ Bồ-tát giới.

Vua ở Tấn Dương, sai người cỡi một lạc đà bảo rằng: Đến chùa lấy hộp kinh. Sứ hỏi ở đâu? vua nói:" Cứ ngồi lên lạc đà ra khỏi thành để mặc tình nó đi đâu thì đi. "Rồi ông cảm thấy như ở trong mộng. Khi vào đến giữa núi thấy có ngôi chùa. Nhóm Sa-di thấy ông reo lên:" Cao Dương cỡi Lạc Đà đến! Rồi dẫn vào gặp lão Tăng. Vị tăng hỏi: Cao Dương làm vua như thế nào? Sứ đáp: Rất sáng suốt - Vị tăng nói: Ngươi đến đây làm gì? Sứ đáp: Vua bảo lấy hôp kinh. Vị tăng nói: Cao Dương ở chùa làm biếng tụng kinh, vậy phải đi phương Bấc mà lấy. Sứ giả về tâu lại.

Năm Thiên Bảo thứ sáu, khi xưa Đạo sĩ Lục Tu Tịnh, vì Lương Vô Đế dẹp Đạo Lão bèn trốn sang ngụy. Đến khi văn Tuyên thờ phật thì bọn Tu Tịnh v.v rất ghét. Bèn đến cung khuyết trình bày xin cùng Thích Tử đấu pháp. Tịnh dùng chú thuật khiến y bát của tăng đều bay, cột kèo cung điện đều rung động, vua ngó sang hỏi Đại Thống Pháp Thượng rằng: "Phật môn ta há không có người sao?"-Thượng Thống cử Sư Đàm Hiển, lúc đó Hiển đang say bước ra nói rằng: "Bọn bây hỏi có ai dám dùng chước mọn để tự tung hoành à?" Rồi lấy y của Trù Thiền Sư để dưới đất, các đạo sĩ cố hết sức nâng lên mà không nhúc nhích. Hiển tự lấy lên để trên kèo rồi đọc chú, cột kèo liền im phắc. Tịnh nói: "Thích tử tự khoe mình là nội giáo, nội tức là nhỏ vậy". Hiển nói: Vua ở trong nội Cửu trùng cũng là nhỏ với trăm quan chăng? Tịnh ú ớ không

đối đáp được. Quần thần đều mừng rỡ. Vua bèn hạ chiếu: Những đạo sĩ được gọi là Thần Tiên phải lên đài Tam Tước rồi bay đi thật xa, nếu ai không làm được thì phải đến quy y ngài Chiêu Huyền Thượng Thống. Có bốn người không theo liền bị giết - Vua hạ chiếu rằng: Đạo sĩ Tế tửu thì ở đời chỉ dối mượn rượu làm mùi vị, thanh hư đâu còn hao háo nem chả, cách hẳn lòng Từ bi. Trên khác với thờ Nhân, dưới trái với phép Tế, cần phải cấm tuyệt không cho tuân theo. Do đó nước Tề đều không có Đạo sĩ.

Bàn rằng: Tu Tịnh sinh vào cuối thời Tấn, cùng giao du với Viễn Công, chết năm Thái Thủy đời Tống được thụy phong hiệu là Giản Tịch - Từ năm Thái Thủy đến năm Thiên Giám đời Lương đã bốn mươi năm. Vậy Tu Tịnh không thể có mặt vào lúc đó. Nếu nói vì nhà Lương dẹp đạo Lão mà từ Lương chạy trốn sang Ngụy thì phải nói là học trò của Lục Tu Tịnh như thế mới tin được.

Đời nhà Lương: ở Kinh châu, có cư sĩ Lục Pháp Hòa, vì Nguyên Đế bị Ngụy diệt nên phải chạy sang Tề. Vua phong ông làm Thái Úy và ban cho ông làm chức Tiến sĩ. Hòa xin cất chùa Phật có đệ tử bảy trăm người đều tu thiền. Một sớm ông lễ Phật rồi ngồi trên giường mà hóa. Khi sắp liệm thì thân ông co lại chỉ còn ba thước. Khi liệm xong vua lại bảo mở quan tài ra thì chỉ thấy trống không. Có lần ông đề trên vách rằng: Mười năm vua vẫn còn (tức Văn Tuyên ở ngôi mười năm), trăm ngày vua gấp như lửa (tức Phế Đế chỉ ở ngôi có một trăm ngày). Trọn năm vua thay ngôi (tức Hiến Chiêu Đế ở ngôi không đầy một năm) Người sợ lấy bùn xóa đi, nhưng vẫn không mất.

Năm Thiên Bảo thứ bảy, vua lấy cả ngàn quyển Nội tạng Phạn Kinh, mời ngài Tam tạng Na-liên Gia-xá ở chùa Thiên Bình phiên dịch. Lại mời Đại Thống Pháp Thượng, Sa-môn Đô Pháp Thuận coi sóc việc dịch. Vua đích thân lạy kinh Phạm và bảo quần thần rằng "Đây là nền tảng lớn của Tam bảo, cần nên chú tâm kính lễ."

Sa-môn Tôn Xưng, Cư Sĩ Vạn Thiên Ý, Ưu-bà-tắc Trí Hy đều ở Nghiệp thành dịch kinh.

Năm Thiên Bảo thứ mười, vua đến chùa Cam Lộ ở Liêu Dương tọa thiền quán tưởng. Ra lệnh rằng nếu không phải việc quân quốc đại sự chớ tâu.

Bàn rằng: Đời bảo Văn Tuyên tàn nhẫn do ham hình phạt và giết chóc muốn sánh ông với các vua Kiệt Trụ. Song xem việc ông dịch kinh tu thiền thọ giới cấm sát sinh tôn lễ Quốc Sư, dẹp bỏ đạo giáo thì ông

là người kỉnh Phật hết mức. Bởi tiền thân của ông là Sa-di ở Thánh tự, vì sức trí nguyện xuất hiện ra đời, làm vua, làm việc Phật pháp. Nhưng thuở nhỏ hiếu sát chỉ là tập khí còn sót lại mà thôi. Không nên so sánh ông với Kiệt Trụ không gặp Phật pháp, giết hại mà không hối cãi.

Đời Võ Thành: (tên Trạm, con thứ chín của Cao Tổ)

Năm Hà Thanh thứ hai, vua mời ngài Tuệ Tạng Pháp sư ở điện Thái cực giảng kinh Hoa Nghiêm (đời Tấn dịch ra sáu mươi quyển). Tôn Kỉnh Đức trước tạo tượng đức Quan Âm sau bị tội chết, mộng thấy Sa-môn dạy nên tụng kinh có thể khỏi. Khi tỉnh dậy liền tụng cả ngàn biến. Khi thọ hình bị chém ba lần mà không chết. Quan Chủ Sự tâu lên vua, vua ra chiếu đại xá. Khi trở về nhà thì thấy ở cổ tượng có dấu ba nhát dao. Kinh này được lưu hành đặt tên là Cao Vương Quan Thế Âm.

Bàn rằng: Kinh này chỉ có mười câu. Tức thời nhà Tống, Vương Huyền Mô nằm mộng được người dạy cho. Nay lưu hành khắp các thị tứ, Tôn Kỉnh Đức tụng là Kinh này. Sau người ta dối nhau thêm vào lời văn lộn xộn, khiến kẻ thức giả nghi không phải thật. Lại trong năm Gia Hựu ở triều Tống, có Long Học Mai Chí vợ bị đau mắt, bảo cầu nguyện ở Thượng Trúc. Một đêm nọ mộng thấy người áo trắng dạy Kinh Thập Cú Quan Âm, bèn tụng không ngớt thì hai mắt sáng lại. Thanh Hiếu Triệu Công khắc truyện này để lưu hành. Ở đây Đại sĩ rút ngắn Kinh Pháp để cứu người trong cơn nguy khốn. Xưa và nay đã có ba việc linh nghiệm, há không tin sao?

Đời Hậu Chủ: (tên Vĩ, con lớn của Võ Thành)

Năm Võ Bình thứ sáu, Sa-môn Bảo Xiêm... mười người sang Tây Thiên cầu kinh trở về được hai trăm sáu mươi bộ kinh Phạm.

Năm Long Hóa thứ nhất, vua ban chiếu sửa lại chùa Bạch Mã ở Nghiệp Đô do ngài Phật Đồ Trừng tạo tháp, được ba viên xá-lợi đựng trong bình báu. Quảng Võ Vương Ung đặt bát thủy tinh rồi hành đạo cầu xin. Xá-lợi bỗng nổi trên mặt nước xoay bên trái bảy vòng.

III. NHÀ BẮC CHU: (đóng đô ở Trường An)

Đời Mẫn Đế (Vũ Văn Giác, con thứ ba của Thái Tổ, được Tây Ngụy nhường ngôi).

Năm thứ nhất (tức năm Đại Thống hai mươi bốn của Tây Ngụy. Được nhường ngôi, nay đổi niên hiệu). Vua ra chiếu mời Tăng Thật

Thiền sư làm Chu Quốc Tam tạng. Vua ra chiếu cho rằng bình đựng xá-lợi để ở chùa Thường Niệm tại Bồ Châu, phóng ra ánh sáng lớn, bèn xây tháp để tiêu biểu cho điềm lành kỳ lạ.

Vua đi săn ở Đàn Sơn đưa tay chỉ phía xa xa trên núi hỏi quần thần có thấy gì không? Chưởng Thư Ký Lô Quang riêng thưa: Thần thấy một Sa-môn. Vua bảo: Đúng vậy. Rồi giải vây bầy thú mà trở về. Vua bảo Quang xây tháp ở chỗ thấy có Sa-môn. Khi đào nền một trượng thì được cây tích trượng và bát sành.

Đời Võ Đế: (tên Cung, con thứ tư của Thái Tổ)

Năm Bảo Định thứ ba, vua ban chiếu rằng: Năm Chiêu Dương (Tam Dương Mạnh Xuân) long tập thiên tỉnh (Long tập: Ở phương Đông, Rồng xanh là đầu năm tức ở giáp) phải khiến các Sở Ty khắc tạo tất cả Kinh Tạng, bắt đầu từ lời dạy về Sinh Diệt và cuối cùng là lời răn lúc Niết-bàn...

Năm Thiên Hòa thứ tư, Sa-môn Tàng Xứng ở Trường An dịch kinh. Sa-môn Chí Đức dịch kinh Pháp Hoa, kệ trùng tụng Phổ Môn.

Vua ban chiếu mời các bậc Nho, Tăng, Đạo nổi tiếng trình bày về Tam Giáo. Sa-môn Đạo An làm bộ Nhị Giáo Luận, cho rằng Cửu lưu Nho Lão là Ngoại giáo, còn Phật tử là Nội giáo. Vua tin tưởng Đạo sĩ Trương Tân làm bài tán Vệ Nguyên Trung, lấy câu Sấm Vĩ “Áo đen sẽ làm vua.” Vua mới ghét đạo Phật. Trương Tân tâu vua rằng: “Thuở Đường Ngu không có Phật đồ mà nước yên, Đời Tề Lương có chùa chiền mà ngôi ngắn. Chỉ cần lợi dân ích nước thì hợp với tâm Phật. Như Phật lấy Đại Từ làm gốc, trọn không đày đọa lê dân, bắt kính lạy bùn gỗ. Xin tạo ra Bình Diên Đạo Tự để chứa chúng sinh bốn biển. Không lập Già-lam nhỏ hẹp, khắp để năm giáo Đại thừa. Vì Bình Diên thì không kể đạo tục, không lựa thân oán. Lấy Thành Hoàng mà làm chùa tháp thì Hoàng Đế là Như Lai. Dùng thành ấp làm Tăng phòng, hòa vợ chồng làm Thánh chúng. Suy tôn đức độ làm Tam Cang, tôn trọng tuổi cao làm Thượng Tọa, chọn Nhân Trí làm Tri Sự, tìm người mạnh mẽ làm Pháp sư. Đó là Lục hợp mà không có tâm oán vua Trụ, tám phương có ngâm vịnh khúc ca chu... .”

Năm Thiên Hoàng thứ tư, tháng hai, vua tập họp bá quan cùng Tăng và Đạo sĩ ở điện Văn Đức để thảo luận sự Dị Đồng của Thích và Lão.

Năm Kiến Đức thứ nhất, tháng giêng, vua đến Huyền Đô Quan tự lên tòa giảng nói. Các quan và Tăng Đạo cùng vấn nạn nhau. Lúc

đó ở Trường An có Lý Luyện Giả thần dị khó lường. Mỗi đêm ở ngã tư đường mà khóc lớn “Thích-ca Mâu-ni”, như thế suốt mấy tháng. Quả nhiên hai năm sau có nạn dẹp bỏ đạo Phật.

Năm Kiến Đức thứ hai, tháng hai, vua tập họp bá quan Tăng và Đạo sĩ để luận về ba Giáo trước sau, cho rằng Nho có trước, Đạo kế đó, Phật sau cùng.

Vua ra chiếu mời quần thần Sa-môn Đạo sĩ ở trong nội điện bàn luận về Tam Giáo. Pháp sư Pháp Mãnh đã lập luận thắng lý. Tư Lệ Đại Phu Chân Loan dâng lên Tiếu Đạo Luận, gồm ba mươi sáu Thiên, dùng để cười ba mươi sáu bộ của Đạo Gia. Vì đạo Phật có mười hai bộ, nay hơn gấp ba lần (theo Hoằng Minh Tập).

Vua tập họp Tăng và Đạo sĩ tuyên chỉ rằng: “Sáu kinh của Nho giáo ở đời là đúng. Chân Phật không hình tượng, không cần tháp miếu, người ngu tin theo tốn tiền của vô ích. Phàm là kinh tượng đều phải phá bỏ. Cha mẹ ân nặng mà Sa-môn không kính, đây là rất sai trái, luật nước đâu thể dung tha. Nay đều khiến phải hoàn tục để lo việc hiếu dưỡng....” Lúc đó Pháp sư Tuệ Viễn ra khỏi chúng phản đối rằng: Nếu cho hình tượng vô tình thờ cúng không phước đức, Thất Miếu của quốc gia há là hữu tình ư? Vua nói: “Kinh Phật là pháp ở nước ngoài nên phải dẹp bỏ. Thất Miếu do đời trước lập ra, Trẫm cũng không cho là đúng thì cũng dẹp bỏ luôn”. Sư thưa: “Nếu vì pháp của nước ngoài mà đây không dùng thì lời của Trọng Ni nói ra từ nước lỗ, vậy nước Tần Tấn cũng không nên làm theo. Thất Miếu nếu bỏ thì năm kinh cũng không dùng, cả ba Giáo đều dẹp đi thì lấy gì để trị nước?” Vua nói: “Lỗ cùng Tần, Tấn bờ cõi tuy khác nhưng đều thuộc một vua cai trị”. Sư thưa: “Nếu Tần Lỗ đồng là một vua cai trị thì Chấn Đán, Thiên Trúc cũng cùng do Diêm-phù Luân vương cai trị sao lại không cùng tôn kính?” Vua cùng Sư thư từ qua lại mười hai lần mà vua không bẻ được.

Năm Kiến Đức thứ ba, tháng năm, vua muốn riêng dẹp bỏ đạo Phật, liền bảo Đại sĩ Trương Tân trau chuốt lời quỷ quyệt để khuất phục Thích tử. Pháp sư Tri Huyền đối kháng rất mạnh mẽ. Theo ý vua thì Tân không chế phục được. Bèn nổi trận lôi đình đem lời vấn nạn, tả hữu quát nạt bắt Huyền phải nghe chế phục. Tri Huyền cứ an nhiên ứng đối trình bày nghĩa lý rất cao thâm, các quan đại thần không ai chẳng khâm phục. Chỉ riêng có vua làm thinh. Sáng hôm sau chiếu ban xuống thì cả hai đạo Phật Lão đều bị dẹp bỏ. Tất cả Kinh Tượng đều phá hủy. Sa-môn và Đạo sĩ đều phải hoàn tục trong cả nước có đến hơn hai trăm vạn.

Tháng sáu (năm Kiến Đức thứ ba) vua ban chiếu những Tăng và Đạo sĩ danh đức riêng lập Thông Đạo Quan, đặt ra một trăm hai mươi học sĩ mặc áo đội mão, cầm hốt mang giày. Lấy Ngạn Tông... làm học sĩ. Còn Sa-môn Đạo An, vua đã có ý định từ trước nên nay bắt ra làm quan. An quyết lấy cái chết để chống cự, than khóc, không ăn mãi rồi chết (trước ngài có làm bộ Nhị Giáo Luận).

Pháp sư Tịnh Ái nghe chiếu vua bèn đến Cung Khuyết dâng biểu xin yết kiến. Vua cho người dẫn vào gặp. Sư cực lực trình bày các báo ứng của việc hủy diệt kinh tượng đạo giáo. Vua liền đổi sắc mặt khiển trách đuổi đi. Sư bèn vào núi Chung nam khóc lóc suốt bảy ngày. Rồi ngồi trên tảng đá tự lấy dao rạch bụng mình lấy ruột gan treo trên cành tòng, hai tay bưng trái tim mà chết. Sữa trắng phụt ra chung quanh đọng trên mặt tảng đá. Ai nghe cũng chảy nước mắt tiếc thương.

Bàn rằng: Đạo Phật vốn thường còn, mà có lúc bị tai ách, là do nghiệp của người đời chiêu cảm đó thôi. Vì vậy nghiệp cảm Đại Tiểu Tam Tai là việc lớn, còn nghiệp cảm ba vua Võ diệt Tăng là việc nhỏ. Nhưng mỗi khi đang lúc dẹp bỏ thì có các Thánh hiền xuất hiện. Như vua Võ đời Ngụy thì có Đàm Thủy, vua Võ đời Chu thì có Tri Huyền, Đạo An, Tịnh Ái... đều là vì Pháp quên mình xin phục hưng đại Giáo. Mà việc Tịnh Ái rạch bụng, móc tim, đời có người bảo là tự đày đọa mình vô ích. Nhưng không biết rằng dù vô ích với đương triều mà đủ cảm động lòng người, để biết rằng có những kẻ vì Pháp tha thiết đến thế. Võ Đế dẹp Đạo thì Tuyên Đế phục hưng, không mấy năm mà Đạo càng chấn phát. Xét ra đâu chẳng phải là do lòng thành của Ái Sư mà có ứng nghiệm!.

Năm Kiến Đức thứ sáu, vua đánh diệt được nước Tề, phá hủy tất cả Kinh tượng Phật giáo nước Tề. Lúc đó số Tăng Ni phải hoàn tục hơn ba trăm vạn.

Năm Tuyên Chánh thứ nhất, vua bị bệnh dữ mình đầy ghẻ lở mà chết (Bổ Chú dẫn ở Tăng Truyện).

Đời Tuyên Đế: (tên Bân, con của Võ Đế)

Năm Đại Thành thứ nhất, (trước đó Sa-môn Đạo Lâm vì học nghiệp tiến cử lên gặp vua, cùng Võ Đế nghị luận suốt hai mươi ngày, thù tạc bảy mươi phen mà vua không khuất phục được, bèn chấp nhận cho phục giáo... thì vua băng). Lúc bấy giờ Đạo Lâm cố gắng trình bày tận lực cầu xin, vua cho phục hưng, bèn ra chiếu rằng: “Tiên Đế bị Dị luận mê hoặc nên cho Phật Lão là vô ích mà dẹp bỏ đi. Song Đại Giáo hệ trọng há nên

dẹp bỏ. Nay chọn lựa các bậc Đạo Đức kỳ cựu có hai trăm hai mươi vị không cắt tóc để ở Thiệp Hổ Tự tại hai Kinh Đông, Tây mà vì nước hành đạo. Lại sắc lệnh cho các Sư Trí Tạng... để tóc dài làm Bồ-tát Tăng, sung làm chủ chùa, đội mão hoa đỏ, đeo chuỗi anh lạc có hình dạng Bồ-tát Đại sĩ. Vua ra chiếu rằng: Tam bảo tôn kính cần phải đặc biệt quý trọng, nay mời các Sa-môn cũ có đức hạnh nên ở điện Chánh Thành tại Tây An mà hành đạo.

Vua truy phong cho ngài Khổng Tử làm Trâu Quốc Công.

Đời Tĩnh Đế: (tên Diễn, con của Tuyên Đế)

Năm Đại Định thứ nhất, vua ban chiếu khắp thiên hạ đều phục hưng lại hai đạo Phật và Lão. Lập lại tượng Phật và tượng Thiên Tôn. Thừa Tướng Dương Kiên cùng các ngài Trí Tạng, Linh Hàn... ở chùa Thiệp Hổ lại xuống tóc và độ Tăng được hai trăm hai mươi người.

PHẦN PHỤ CHÚ ***(ở số mười trang 354 (Hán Tạng)***

Hà Đồ Lạc Thư nói rằng: Đạo trời ban giáo ở đời há không dùng thần bí ư? Đó là Lão Tử Thánh nhân làm vua trên trời hoặc phân hình ban Giáo đều theo thời mà mở mang giáo hóa. Trong khi Lão tử ban giáo cho Khấu Quân, trao cho Kinh Pháp và cử ông làm Thiên Sư giúp trừ bỏ tệ nạn ba Trương... Việc đó đáng tin. Đến như dặn dò làm phụ tá cho Thái Bình Chân Quân thì mới có thể đến cửa Khuyết mà dâng sách. Thôi Hạo dẫn lên tiến cử, vua Thái Võ tin mà nhận sách thì chưa có gì là lỗi. Một hôm Thôi Hạo vì ghét Phật mà khuyên vua gấp xét án giết hết cái họa Sa-môn. Tàn khốc thay cho Pháp vận lâm vào một tai ách lớn lao! Rồi Thôi Hạo cả dòng họ đều bị giết, Thái Võ bị thí, không khiến mà cuối cùng tội ác cũng hiển bày, cho đến khi Văn Thành Đế ban chiếu cho phục hưng lại Phật pháp, xây cất chùa tháp. Một người dẹp bỏ, một người mở mang không đủ làm lụy cái Đạo vốn thường còn. Ở đời có người lấy việc dẹp bỏ Phật pháp mà kết tội Khiêm Chi. Song Khiêm Chi chỉ nhận lời dạy của Lão Quân đem tâu lại với vua mà thôi. Từ trước chưa hề luận việc dẹp Phật. Dẹp bỏ Phật chỉ có từ Thái Võ và Thôi Hạo.

Phàm Pháp vận cùng thông là do số, cũng do thế của lòng người ưa ghét. Thế và số họp nhau thì Phật lực cũng khó đổi dời. Cho nên biết việc dẹp bỏ Phật pháp do Thái Võ và Thôi Hạo là bởi thế và số họp nhau chứ không phải lỗi của Khiêm Chi. Dạng Đế thờ Trí Giả làm thầy, khi Trí Giả qua đời rồi thì vua giết cha chiếm ngôi, hạ lệnh bãi Tăng

phá chùa, nhưng cuối cùng thì việc lỡ dở . Há là Trí Giả đã dạy bảo làm thế ư? Còn Vệ Nguyên Tung dạy vua Võ nhà Chu, Triệu Quy Chân dạy Võ Tắc Thiên đời Đường là những lời dạy thực sự. Vua và quan đều bị trừng phạt ở Diêm Cung chẳng phải là bất hạnh sao?

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 39

PHẦN 6

I. NHÀ TÙY (đóng đô ở Trường An)

Đời Văn Đế: (tên Dương Kiên, được nhà Chu nhường ngôi).

Năm Khai Hoàng thứ nhất, khi vua mới được nhường ngôi, Sa-môn Đàm Diên vào yết kiến, Sư khuyên vua phục hưng Phật pháp. Vua bèn hạ chiếu các Tự Viện do triều Chu phá bỏ đều cho sửa chữa xây cất lại, cho người trong nước được tự ý xuất gia. Vẫn khiến các hộ khẩu ra tiền tạo Kinh tượng. Do đó các kinh Phật trong dân gian phần nhiều là ở sách vở Lục Nghệ.

Khi xưa ở chùa Bát-nhã tại Đồng Châu có Ni cô Trí Tiên thông suốt Thiền quán, nói việc kiết hung cho người rất ứng nghiệm. Văn Đế hồi mới sinh ra ở chùa. Ni cô thưa với Thái tổ là đứa bé này được Phật trời phù hộ, nhân đó gọi là Na-la-diên (Hán dịch là Câu Tỏa Lực Sĩ), Thái Tổ giao bé cho Ni Sư Trí Tiên nuôi dạy. Một hôm Hoàng tỷ đến ẵm thấy đứa bé hóa rồng, kinh hãi té xuống đất. Ni Cô la thất thanh: "Làm con ta sợ, khiến nó chậm làm vua đấy! Khi lớn lên Ni cô bảo nhỏ với cậu bé rằng: Tượng pháp sắp mất, tất cả quỷ thần đều hướng về Tây, con phải rất kính quý, Phật pháp có lúc tạm bị dẹp bỏ, nhờ con mà được hưng thịnh. Kịp khi Chu Võ bãi giáo, Ni cô ẩn mất trong nhà vua.

Vua ban chiếu ở chiến địa Tương châu, hãy vì các chiến sĩ tử trận mà xây dựng chùa Tiến Phước.

Vua lại mời Pháp sư Tăng Mãnh ở chùa Đại Hưng Thiện làm Đại Thống nước Tùy.

Sa-môn nước Trần ở Nam Triều là Trí Châu... từ Tây Trúc trở về mang theo hai mươi bộ kinh Phạm, đến cung Khuyết dâng lên vua, vua tiếp kiến hỏi han ủy lạo và ban cho lụa tiền...

Năm Khai Hoàng thứ ba, vua ban chiếu khắp thiên hạ vào ba tháng giêng, tháng năm và tháng chín vào ngày Lục Trai cấm giết hại

sinh mạng.

Đường Công Lý Uyên (xưa Cao Tổ phong cho ở Đường) lấy nhà ở Trường An cúng cho Sa-môn Đàm Sùng, vua ban tên chùa là Thanh Thiền Tự.

Sa-môn Tuệ Doanh ở Hải Lăng, sáu thời lễ bái ba ngàn Phật cứu nạn dân đói khổ. Một hôm giảng kinh Pháp Hoa có thần theo ủng hộ tự xưng là Ngũ Đạo đại thần, xin thọ giới pháp, nói là phải đi tuần hành ở Đông hải. Sư đãi cơm, truyền giới cho rồi đi.

Năm Khai Hoàng thứ tư, Luật Sư Linh Tạng trước là bạn áo vải với vua. Khi vua lên ngôi liền mời về ở chùa Đại Hưng Thiện. Ra lệnh cho Tả Hữu Bộc Xạ cứ hai sáng phải đến thăm hỏi sức khoẻ. Có lần vua mời Sư cùng ngồi xe đến Lạc dương, người theo về rất đông. Vua nói: Đệ Tử là Tục Nhân Thiên tử, còn Luật Sư là Đạo Nhân Thiên tử, có ai muốn bỏ tục thì mặc tình Sư độ. Do đó Sư độ người đến mấy vạn. Có người nghi, vua bảo: Luật Sư dạy người làm Thiện, còn Trẫm cấm người làm ác, đều một ý cả.

Năm Khai Hoàng thứ năm, vua mời Pháp sư Pháp Kinh ở điện Đại Hưng truyền giới Bồ-tát.

Năm Khai Hoàng thứ sáu, Đất Hàng bị hạn hán, vua ban chiếu mời Đàm Diên Pháp sư ở trên Chánh điện lên Ngự tòa, quay mặt về hướng Nam truyền pháp. Vua và quần thần đều ngồi chiếu đất mà thọ giới Bát quan trai. Bỗng chốc mây đen nổi lên và mưa to ướt đẫm.

Năm Khai Hoàng thứ bảy, vua ban chiếu mời Pháp sư Đàm Diên làm Chiêu Huyền Đại Sa-môn Thống.

Năm thứ tám, Pháp sư Đàm Diên tịch, vua bãi triều, ra lệnh từ hàng Vương Công trở xuống đến khóc. Quan Nội Sử Tiết Đạo Hành bạch điếu văn rằng: Thánh Hoàng mở vận nước Tượng pháp được trùng hưng. Cao cả thay Áo thâm Y Uất đứng đầu. Khép nép đấng Quân Vương uy trọng. Ân cần nghĩa thầy trò truyền trao. Tam bảo nhờ đó lưu thông, Nhị Đế do đây tuyên khắp. Lấy đức dạy người làm thiện làm cách giúp nước tạo nhân. Đâu hay Trụ pháp chợt nghiêng, Từ thuyền bỗng lật. Không gieo buồn thương cho Tứ Chúng ít nhất cảm thương có một người.

Ở Kinh Triệu có Đỗ Kỳ chết đột ngột, đến âm phủ. Vua tra xét hỏi tên bảo: “Lầm rồi!” Vua hỏi Kỳ có biết Chu Võ Đế chăng? Kỳ thưa: “Từng làm Tả Võ Hầu Tư Pháp thường đứng bệ rồng”. Vua bảo quan dẫn Kỳ đến một nhà sắt lớn. Nhìn vào song cửa thì thấy một người gầy rạc da xám xịt mang gông sắt. Kỳ thấy bèn khóc rằng: “Vì sao Đại Gia

chịu khổ thế này?" Đáp rằng: "Ta tin Vệ Nguyên Tung hủy diệt Phật pháp nên phải chịu tội này". Kỳ thưa: "Thần bị bắt lầm nên sẽ trở về, Đại Gia có lời gì chăng?" Người ấy bảo: "Nếu ngươi trở về thì tâu với Thiên tử nước Đại Tùy, thuở xưa đã cùng ta hưởng lộc. Ta đã diệt Pháp nên bị tội rất khổ. Mong vì ta mà làm phước cứu nhau!" Khi trở về bèn đem việc tâu vua. Vua bèn ra lệnh khắp thiên hạ mỗi người cho một tiền để đi cầu phước cho Võ Đế (thấy trong Đường Cao Tăng Truyện - Pháp Uyển Châu Lâm. Viết truyện Triệu Văn Xương xuống âm phủ. Làm kinh sợ lúc đó có hai chuyện này, đều để làm chứng).

Năm Khai Hoàng thứ chín, Lý Sĩ Khiêm rất thích Phật học. Khiêm giỏi về huyền đàm. Có khách đến hỏi sự hơn kém của Tam Giáo. Sĩ Khiêm nói: Phật là mặt trời, Lão là mặt trăng, Nho là năm ngôi sao. Người lúc đó cho là Luận rốt ráo (kinh Vô Lượng Thọ Phật cúi mong Phật Nhật dạy con quán nghiệp Thanh Tịnh).

Năm Khai Hoàng thứ mười (là năm Tùy diệt Trần mới bắt đầu chánh thống), tháng giêng vua ra chiếu rằng: Khải Thiền sư ở Quang Trạch, xưa Chu Võ dẹp Phật pháp trẫm từng phát tâm nguyện phải hộ trì, kịp khi lên ngôi liền lập tức phục hưng, Sư đã bỏ lưới trần, tu mình hóa độ người, nên cần cử lên ngôi cao để làm sáng Đại Đạo. Vua lại ra sắc chỉ các quan liêu sĩ thứ ai muốn xuất gia đều được phép. Năm ấy độ Tăng đến năm mươi vạn vị.

Năm thứ mười một, vua ban chiếu mời Linh Dụ Pháp sư ở Tương châu về Kinh làm Quốc Thống. Linh Dụ dâng biểu lên vua ba lần từ chối, vua cố lưu giữ nhưng không được, bèn bảo Bộc Xạ Tô Oai rằng: Trẫm biết Dục Sư cứng rắn khó khuất phục. Bèn ban tặng rất hậu rồi cho Sư về núi. Vua đích thân viết chữ Linh Tuyền để tặng tên chùa.

Tháng mười một, Tấn Vương Quảng (con thứ của Văn Đế), Tổng Quảng Dương châu đón rước Khải Thiền sư về Trấn, thiết lễ đãi ngàn Tăng và thọ giới Bồ-tát, dâng lên Sư hiệu Trí Giả.

Bàn rằng: Đời bảo Dạng Đế thọ Giới học Tuệ mà lại giết cha đoạt ngôi. Sao ngài Trí Giả không biết trước việc này ư? Song có thể mượn chuyện vua A-xà-thế để so sánh mà quyết đoán thì cái nghi vấn không còn. Cho nên Quán Kinh Sớ giải thích việc này có hai nghĩa:

1. Việc thuộc nhân trước. Do có oán thù đời trước mà trở lại làm cha con. Cho nên A-xà-thế, Hán dịch là Vị Sinh Oán (oán khi chưa sinh).

2. Việc do quyền hiện ra ác nghịch, không đồng với ác nghịch ở thế gian. Cho nên Phật nói: "Xà Vương thuở xưa ở chỗ Phật Tỳ-bà-

thi phát tâm Bồ-đề chưa từng đọa địa ngục (kinh Niết-bàn). Lại Phật thọ ký cho ông sau này sẽ làm Phật hiệu là Tịnh Thân (Xà Vương thọ Quyết Kinh). Lại Thùy Dụ Ký nói rằng: Xà Vương chưa chịu quả mà đã xin sám hối, khiến vô lượng người phát tâm Bồ-đề. Nếu ai suy nghĩ kỹ những văn này tất biết ngài Trí Giả đã biết Dạng Đế rất sâu vậy. Cho nên Trí Giả tự bảo: "Ta cùng Tấn Vương duyên hợp rất sâu. Nay xem ra thuở đầu tiên là vua đã hộ trì Lô Sơn và chủ Ngọc tuyền, sau cùng là cất chùa Quốc thanh bảo hộ nơi thờ tự bảo tháp, mà ngài Chương An đã kết tập suốt mười năm để dâng cúng. Lấy đó mà so ra thì biết việc của Dạng Đế cũng phải có hai nghĩa là có nhân trước và việc quyền hiện ác nghịch. Ngài Cô Sơn nói rằng: Bồ-tát trụ định Thủ-lăng-nghiêm, hoặc hiện ra kẻ vô đạo do đó làm gương cho trăm vua (sự việc thấy trong Trí Giả Bản Kỷ).

Thứ Sử Lô Châu là Tân Ngạn lập tháp mười lăm tầng. Người trong Châu là Trương Nguyện chết đột ngột rồi sống lại nói rằng: Thần thức tôi dạo chơi trên trời thấy một ngôi nhà cực kỳ đẹp đẽ. Người trời bảo: Tân Thứ Sử có công đức nên làm nhà này để đợi.

Năm Khai Hoàng thứ mười hai, Tổ thứ hai là Tuệ Khả Thiền sư trước đó đã truyền pháp cho ngài Tăng Sáng ở Thư Châu. Vì năm đó ngài Tuệ Khả đến chùa Chánh Cứu ở Quảng Thành thuyết pháp. Có Pháp sư Hòa trước ở chùa giảng Niết-bàn, học chúng dần dần không nghe pháp nữa. Pháp sư Hòa nổi giận, bèn nói gièm với Ấp Tể, nên ngài Tuệ Khả bị gia hình làm điều phi pháp. Ngài vẫn an nhiên chấp nhận, thọ một trăm bảy tuổi. Trước đó ngài bảo Sáng rằng: Ta có nghiệp đời trước nay phải đền trả.

Tháng mười hai, Trí Giả Thiền sư đến núi Ngọc tuyền ở Kinh châu ngồi nhập định bảy ngày, cảm được cha con Quan Vân Trường hiện thần lực mở nền, tạo chùa và xin thọ năm giới. Ngài vào ở núi Ngọc tuyền, đạo tục thọ giới nghe giảng có đến năm ngàn người (theo Thục Tiên Chủ Tướng, Quan Vũ, thấy rõ trong Trí Giả Bản Kỷ).

Năm Khai Hoàng thứ mười ba, vua đến Kỳ Châu đi săn mùa Xuân ở Nam Sơn, đuổi thú vào một hang sâu bỗng mất hút, chỉ thấy đầy hang toàn những tượng Phật hư mục gãy nát. Sa-môn Đàm Thiên nói: Đây là do Chu Võ hủy Pháp nên có nhiều tượng Phật Thánh đều đem bỏ vào hang hốc khe rãnh. Vua bèn hạ chiếu: Các nơi nào có tượng Phật hư nát hay di ảnh thì quan sở tại nên kiểm tra rước vào Chùa thờ kính trang nghiêm.

Tháng tư, ngài Trí Giả ở Ngọc tuyền nói Pháp Hoa Huyền nghĩa,

ngài Chương An Đảnh Pháp sư đến nghe. Tháng bảy, vua ban cho ngài Trí Giả tấm ngạch (hoành phi) ở chùa Ngọc tuyền.

Năm Khai Hoàng thứ mười bốn, vua ban chiếu lập chùa Thiền Định, mời ngài Đàm Thiên Pháp sư tập họp các bậc danh đức trong hải nội được một trăm hai mươi vị đến ở.

Ngài Trí Giả ở Ngọc tuyền nói Ma-ha Chỉ Quán, người nghe có đến cả ngàn, ngài Chương An có dự nghe.

Mùa Đông tháng mười, ngài Trí Giả đến Nhạc Châu truyền giới Pháp cho Thứ Sử Vương Tuyên Võ. Sa-môn Đàm Tiệp... thỉnh ngài giảng kinh Kim Quang Minh. Tục lệ nghe pháp này cảm hóa được một Quận, năm Huyện, hơn một ngàn nơi đều bỏ nghề đánh bắt cá.

Năm Khai Hoàng thứ mười lăm, Pháp sư Chân Quán (học trò của Trí Giả) ở núi Hổ Lâm tại Hàng Châu dựng chùa Thiên trúc (đời Đường đổi Hổ ra Võ).

Tháng hai, Tấn Vương sai sứ đón ngài Trí Giả đến chùa Thiền Chúng ở Dương châu, dâng lên vua bộ Tịnh Danh Nghĩa Sớ của ngài soạn. Tháng chín ngài từ giã trở về Thiên thai.

Ngài Xà-na-quật-đa người ở Bắc Thiên Trúc ở chùa Đại Hưng Thiện dịch kinh Phật Bản Hạnh... ba mươi ba bộ, Phiên Kinh học sĩ Phí Trường Phòng... làm bút thọ.

Năm Khai Hoàng thứ mười sáu, ở Tề Châu tại chùa Linh nham có Thích Đạo Tướng chết đột ngột đến Minh Phủ gặp Đức Thế Chí Bồ-tát dắt đến xem Ngục Tăng. Thấy có bảng đề rằng: Chúng Tăng sai Pháp Quýnh về Kinh Sư xin Ngạch cho chùa Linh nham, Quýnh đem theo một trăm xấp lụa và hai con lừa về Kinh gặp Thông Sự Xá Nhân, là thí chủ của chùa Linh nham, tâu vua được tấm ngạch (Hoành phi) không tốn một tiền. Quýnh tự nghĩ tấm ngạch này do ta mà được, bèn đem ba mươi xấp lụa ra chợ đổi lấy tơ vải, thuốc, hương liệu... để mình xài riêng. Phải vào địa ngục Lương Áp. Quýnh nghe chuyện bèn cúi đầu bồi hoàn. Lại có một bảng đề: Người trộm gỗ hạnh ở rừng của Tăng cất ra làm lược chải đầu. Tăng trong chùa là Đạo Quách nhặt được một khúc gỗ thừa, vẫn còn làm lược được, trị giá tám mươi tiền, phải đọa vào địa ngục Hỏa Thiêu. Quách nghe kể chuyện liền lập tức bồi hoàn. Lại có bảng đề rằng: Sa-di Đạo Hoằng nấu cho chúng món cháo thập cẩm, trộm ăn trước một bát, phải đọa địa ngục Thiết Hoàn. Hoằng nhiều năm bị lở miệng, bèn thiết trai đãi chúng một bữa... Như thế hơn ba mươi người. Trong bảy ngày Đạo Tương đã chết mười ba lần thấy Bồ-tát chỉ bày tội tướng, đem kể lại cho mọi người, ai nấy đều bồi

thường, các bảng ở địa ngục liền biến mất (theo Tăng Cảnh Lục).

Năm Khai Hoàng thứ mười bảy, Phiên Kinh học sĩ Phí Trường Phòng dâng lên vua bộ Khai Hoàng Tam bảo Lục mười lăm quyển. Trường Phòng trước là Sa-môn Châu Võ sa thải phải hoàn tục. Đời Tùy Phật pháp hưng thịnh nên vào dịch kinh.

Tháng mười, Tấn Vương sai Sứ đón ngài Trí Giả. Ngài đến Thạch Thành thì nói có bệnh, ngài bảo môn nhân là Trí Việt rằng: Đại Vương muốn khiến ta đến, ta không phụ lời người, nhưng ta biết mạng số của ta ở đây, nên không cần đi nữa. Rồi ngài nằm nghiêng hông phải xoay mặt về hướng Tây chuyên niệm Di-đà. Đến ngày hai mươi bốn tháng mười một, ngài nói pháp cho chúng rồi liền nhập Tam-muội. Môn nhân thỉnh Linh Khám của ngài về Phật Lũng và an táng ở ngọn tây Nam.

Năm Khai Hoàng thứ mười tám, Tăng Sứ Quán Đảnh Phổ Minh là đệ tử của Cố Trí Giả mang di thư và Tịnh Danh Nghĩa Sớ đến Dương châu, Tấn Vương đáp thư rằng: Về việc dặn dò cất chùa ở Thiên thai, nay sai Tư Mã Vương Hoằng vẽ họa đồ.

Năm Khai Hoàng thứ hai mươi, lập Tấn Vương làm Hoàng Thái tử. Vua ra lệnh: Khắp thiên hạ cả các danh phiên (biên trấn lớn) nếu ai phá hủy tượng Phật và tượng Thiên Tôn sẽ luận là tội đại nghịch bất đạo.

Năm Thọ Nguyên thứ nhất, vua ban chiếu: Khắp thiên hạ và các danh phiên đều lập Linh tháp. Sai Sa-môn Tịnh Nghiệp, Chân Ngọc... phân chia xá-lợi đem thờ tại một trăm mười một tháp ở các Quận. Điềm lành ứng hiện thấy khắp trong các Tăng Tuyện (Ngài Nam Sơn viết Đường Cao Tăng Truyện).

Các ngài Tam tạng Nam Thiên Trúc là Đạt-ma Cấp-đa (Hán dịch là Pháp Mật), Bắc Thiên Trúc là Xà-na-quật-đa (Hán dịch là Chí Đức) ở chùa Đại Hưng Thiện dịch lại kinh Pháp Hoa tám quyển, tên là Thiêm Phẩm.

Tháng mười, Tăng Sứ Quán Đảnh Trí Tảo ở Thiên thai về Kinh Sư dâng lời khải tạ Hoàng Thái tử tạo chùa.

Năm Thọ Nguyên thứ hai, Sa-môn Tây Thiên Trúc là Xa-đề- tư-na đến thưa vua rằng: Ở Thiên Trúc được một bia đá ghi rằng: Ở Đông Phương Chấn Đán có nước tên Đại Tùy, thành tên Đại Hưng, vua tên Kiên Ý kiến lập Tam Bảo. Năm thứ ba, Long Vương Môn ở Lạc Dương đến triều dâng lên vua Thái Bình Thập Nhị Sách. Vua không dùng được, ông bèn trở về để tác phẩm đó dưới sông Phần, tiếp tục làm Lục Kinh để nêu chí. Ông nói ta tiếp tục viết để ghi lại những sự thật của đời Hán,

đời Tấn. Vì Hán thống nhất thiên hạ diệt trừ các tàng tích nhơ nhớp cũ, đổi mới cho dân bắt đầu từ Hán Cao Tổ, chấm dứt vào đời Tấn Võ Đế (gồm một trăm năm mươi thiên). Ta sửa Nguyên Kinh để chấm dứt cái nghi Nam Bắc, vì thiên hạ không có thưởng phạt suốt ba trăm năm. Cho nên bắt đầu từ đời Tấn Tuệ Đế, chấm dứt vào năm Khai Hoàng đời Tùy, dùng cách ngụ khen chê thay cho trừng phạt (nghĩa Xuân Thu bao gồm năm cái bắt đầu. Nay riêng gọi là Nguyên Kinh gồm năm mươi thiên. Nguyên Kinh ghi năm chép việc vua từ tháng giêng mùa Xuân bắt đầu đời Tấn Tuệ Đế đến đời Đông Tấn, nhà Tống nối Ngụy Hiếu Văn. Năm Nguyên Hòa thứ nhất, vì có thể dời đô về Lạc dương để được ở giữa nước cho đến đời Chu Tùy đều xưng là chính thống bởi xem Tề, Lương, Trần, Chu là bốn rợ. Cả hai Sử Nam Bắc các nước đều gọi nhau là rợ. Nay nói chính thống để dứt hẳn mối nghi đó).

Tục Thi để biện biệt các tục lệ sáu đời Tấn, Tống, Hậu Ngụy, Tề, Chu, Tùy (gồm ba trăm sáu mươi thiên). Sửa lễ nhạc, nêu lỗi Hậu Vương (Lễ Luận có hai mươi lăm thiên, Nhạc Luận có hai mươi thiên, Hậu Vương không hợp với chế tác của Chu Công thì Luận mà sửa cho đúng). Tán Dịch Đạo để bày ý chỉ Tiên Vương (Tán Dịch có bảy mươi thiên, trình bày ý chỉ Thập Dực của Khổng Tử. Đời gọi là sáu Kinh của Vương Thị. Nguyễn Dật Tự ở Trung Thuyết nói: Các ông Phòng Đỗ không bằng cái đẹp của Trăn Sư nên tục Kinh không chấn phát). Triều đình ba lần gọi ông không đến, chết ở nhà, môn nhân tặng là Văn Trung Tử. Phòng Huyền Linh, Đỗ Như Hối - Ngụy Trưng, Lý Tĩnh, Ôn Ngạn Bác, Đậu Oai, Đổ Yêm, Ôn Đại Nhã, Trần Thúc Đạt, Vương Khuê... đều quay mặt về hướng Bắc mà học đạo. Ra làm khanh tướng ở đời đệ tử Tiết Thâu... họp nhau hỏi rằng: Tên gọi là Trung Thuyết, đó là nói về Đạo Tam Tài, Ngũ Thường, việc tánh mạng của trời người đều gồm đủ (Nguyễn Dật Tự nói: Lớn lao thay nghĩa chữ "Trung", ở Dịch là Nhị Ngũ, ở Xuân Thu là Quyền Hành, ở Thư là Hoàng Cực, ở Lễ là Trung Dung). Văn Trung Tử nói: "Thi Thư hưng thạnh mà nhà Tần diệt không phải là tội của Trọng Ni. Hư Huyền trưởng mà Tấn Thất loạn không phải là tội lỗi của Lão Tử, Trai Giới tu hành mà nước Lương mất không phải là tội lỗi của Thích-ca." Có người hỏi Phật, Trung Tử bảo: Đó là Thánh nhân. Lại hỏi: Giáo pháp đó như thế nào? Đáp: Giáo pháp ở phương Tây, giữ nước không thông thương. Tử Tục Đãng Nghị nói: Tam Giáo chỉ là một (Tổ của Tử là Hiến Công soạn bộ Hoàng Cực Đảng Nghị bảo rằng: Năm nghĩa Hoàng Cực của Hồng Phạm quý trọng Trung Đạo. Người ở giữa trời đất thì biết Giáo tuy có ba mà người tức là

một). Có người hỏi đạo Trường Sinh của Thần Tiên. Tử nói: Nhân nghĩa không tu, hiếu để không lập thì trường sinh mà chi?

Đời Dạng Đế: (tên Quảng, con thứ của Văn Đế, Thụy là Pháp nghịch trời bạo ngược nên dân gọi là Dạng. Tả Truyện gọi là Dạng Công. Đời Tùy thụy là Trần Hậu Chủ gọi là Dạng. Nay cũng thụy là Dạng như có quả báo vậy. Dạng là bạo ngược).

Năm Đại Nghiệp thứ nhất, tháng chín, vua đến Dương châu, Tăng Sứ Trí Tảo ở Thiên Thai đến hành cung của vua, vua mời nói chuyện ở điện Đại Nha, vua ban sắc nên đặt tên là Thiên thai Tự. Trí Tảo trình bày rằng: Khi xưa đời Trần có Định Quang Thiền sư viên tịch, sau mộng thấy ngài bảo "Các ông muốn tạo chùa là chưa đúng lúc, khi nào ba nước thành một thì, có người quyền thế lớn tạo chùa, chùa thanh thì nước liền yên. Vậy phải đặt tên là Quốc Thanh Tự." Vua bảo: "Tiên Sư đã ứng điềm linh", bèn dùng tên đó. Rồi sai Thông Sự Xá Nhân là Lô Chánh Phương đặt tấm ngạch (hoành phi) cho chùa. Lại sai Bí Thư Giám là Liễu Nguyên Ngôn tạo bia cho ngài Trí Giả đặt ở cửa chùa. Cúng giỗ Sư Trí Giả vào ngày hai mươi bốn tháng mười một, thiết trai cúng một ngàn Tăng. Quan Hữu Ty xét tên đủ một ngàn, nhưng khi thọ trai thì dư một vị. Mọi người đều bảo là ngài Trí Giả hóa thân đến dự lễ Quốc cúng. Sau giờ ngọ hôm ấy sứ giả cùng đại chúng mở linh khám ra xem thì chỉ thấy giường không màn trống mà thôi. (Tương truyền: Tại tùng điện chôn ngài ở Ngọc Tuyền một hôm có người đẩy xe Quan Vương lên đồng nói rằng: "Nhục thân của thầy ta ở tại đây, không được đẩy xe trên đó." Từ đó biết là Quan Vương dùng thần lực dời nhục thân ngài về chôn tại đây).

Năm Đại Nghiệp thứ hai, vua ban chiếu tất cả Sa-môn, Đạo sĩ phải lạy vua. Sa-môn Minh Chiêm... kháng chiếu không theo. Vua gặn hỏi, Sư thưa: "Bệ Hạ nếu chuẩn theo chế bắt bãi Đạo thì không dám không tuân, còn như biết Đại Pháp đáng kính thì khi mặc pháp phục vào tất có phép không lạy thế tục." Vua làm thinh bèn thôi.

Tam Tổ Tăng Xán Thiền sư tịch. Thuở xưa Sư mặc áo cư sĩ đến yết kiến Khả Thiền sư rồi được truyền pháp và trao y. Vào đời Chu Võ dẹp đạo, Sư qua lại núi Tư Không mười mấy năm. Đầu năm Khai Hoàng đời Tùy, Sư đến ở núi Hoãn Công (ở Thư Châu). Rồi truyền pháp cho Sa-di Đạo Tín, dạo chơi khắp sông núi trong nước. Vào năm ấy (Đại Nghiệp thứ hai), Sư về lại nơi ở cũ, nói pháp cho chúng rồi đứng sững mà hóa. Tháp ngài ở chùa Sơn Cốc.

Sa-môn ở Tương châu là Đạo Minh qua đời, Tăng cùng phòng là Huyền Chữ, chiều tối đi ngang khoảng đồng vắng chợt thấy có Già-lam bèn vào, thì gặp Đạo Minh không khác gì lúc còn sống, dẫn Chữ về phòng. Chữ riêng lấy làm lạ. Đến khuya Minh dậy bảo Chữ rằng: "Đây là chỗ phi thường, cẩn thận chớ nên lên nhà trên." Minh đi rồi, Chữ lén theo xem. Thấy Duy Na bảo múc cháo, thì thấy toàn là máu. Chư Tăng ăn cháo thì cả mình bùng cháy lâu khoảng một bữa ăn. Duy Na đánh kiểng chỉ tịnh thì không thấy tướng khổ đó nữa. Chữ sợ quá trở về chỗ nghỉ. Minh về, Chữ hỏi chuyện. Minh đáp: Đây là địa ngục. Vì tôi lấy của chúng Tăng một bó củi để nấu nhuộm áo quên không trả lại, nên phải chịu tội đủ một năm. Vén áo lên thì thấy dưới gối trở xuống đều cháy đen. Nhân đó bảo: Ông nên vì tôi mà mua một trăm bó củi đền lài cho thường trụ và viết một bộ kinh Pháp Hoa mới được khỏi khổ. Chữ hứa. Khi trở về chùa y lời mà làm. Khi trở lại tìm chùa thì vắng vẻ chẳng thấy gì cả (Tăng Cảnh Lục).

Năm Đại Nghiệp thứ ba, tháng giêng, vua ban chiếu thiên hạ ở khắp các Châu Quận bảy ngày hành đạo, tổng kết độ được cả ngàn Tăng. Vua đích thân viết Nguyện Văn rằng: Bồ-tát giới đệ tử Hoàng Đế là Dương Tổng Trì, cúi đầu kính lễ mười phương chư Phật nguyện đem công đức độ người xuất gia này khắp vì các hữu tình từ Hữu Đảnh đến Vô Gián, tội cấu thanh tịnh, đồng đến Bồ-đề...

Năm Đại Nghiệp thứ tư, vua phong cho Khổng Tử về sau làm Thiệu Thánh Hầu.

Năm thứ năm, vua ban chiếu các Tăng đồ ai không có Đức nghiệp thì đều phải hoàn tục, các tự viện căn cứ vào số Tăng ở mà để lại, ngoài ra đều phá bỏ. Ở Lô Sơn tại chùa Phước Lâm có Đại Chí Thiền sư (đệ tử của ngài Trí Giả) mặc áo trắng khóc lóc trước Phật ba ngày thề bỏ thân để làm sáng đạo. Rồi đến Đông Đô dâng biểu lên vua tâu rằng: "Xin Bệ Hạ làm hưng thạnh Tam bảo, bần đạo sẽ đốt cánh tay để báo ân nước." Vua kính trọng chấp thuận. Sư lấy vải có sáp cột cánh tay rồi lên giàng ngồi ngay thẳng châm lửa đốt. Khi cháy xong Sư nhập định, bảy ngày sau ngồi kiết già mà hóa. Từ đó vua ban chiếu ngưng thi hành lệnh trên.

Năm thứ chín, vua ban chiếu trong thiên hạ đổi tên chùa thành đạo tràng. Vua đến Duy Dương mời Thần Tăng Pháp Hỷ vào gặp. Một hôm Sư đi quanh cung đòi đầu dê. Vua ghét, bèn giao Sư cho Đình Úy canh giữ rất nghiêm. Quan Hữu Ty hôm ấy lại thấy Sư ăn xin ở ngoài chợ. Vua bảo xem lại. Thì thấy áo ca-sa đắp trên một bộ xương bị xiềng

vàng xích lại. Vua bảo lấy bùn thơm đắp thành hình của Sư. Chiều đó tượng bùn ngồi dậy đi đứng nói cười như cũ. Vua rất kinh dị, bèn ban chiếu thả ra. Không bao lâu thì Sư qua đời, chôn ở Hương Sơn. Sau mấy năm có người từ Hải Nam trở về nói thấy Sư vẫn không việc gì. Bèn đào huyệt Sư lên xem thì chỉ là cái quan tài trống rỗng. Đến khi Dạng Đế gặp nạn ở Giang Đô thì mới biết lời sấm đòi đầu dê trước đó.

Đời Cung Đế: (tên Hựu, con của Dạng Đế)

Năm Nghĩa Ninh thứ nhất, Tổ thứ năm Chương An Quán Đảnh Thiền sư ở chùa Quốc Thanh tại Thiên Thai nói Chỉ Quán Tâm Yếu cho Trí Oai Thiền Sư.

II. NHÀ ĐƯỜNG: (Đóng Đô ở Trường An)

Đời Cao Tổ: (tên Lý Uyên được Nhà Tùy nhường ngôi)

Năm Võ Đức thứ nhất, vua ban chiếu vì Thái Tổ trở đi tạo ba tượng Phật bằng gỗ chiên-đàn; lập chùa Thắng Nghiệp cho Sa-môn Cảnh Huy đã từng thọ ký cho vua sẽ nối nghiệp trời, lại lập chùa Từ Bi cho Sa-môn Đàm Hiến ở cuối đời Tùy đã nấu cháo cứu dân đói; lập chùa Thái Nguyên cho Nghĩa Sư đã khởi nghĩa ở Thái Nguyên. Lại ra chiếu lập chùa Nghĩa Hưng ở Tinh Châu, ban cờ nêu công khởi nghĩa.

Năm Võ Đức thứ hai, vua ban chiếu y theo lời Phật dạy, vào các tháng giêng, tháng năm, tháng chín và mười ngày trai của mỗi tháng thì không được hành hình, mổ giết câu móc, coi là phép nước vĩnh viễn.

Năm thứ tư, Thích Trí Nham, khi xưa làm quan với nhà Tùy tới chức Hổ Bôn Trung Lang Tướng, trên đầu cây cung thường treo túi lọc nước để không uống nước có trùng. Sau bỏ quan vào Hoãn Sơn học đạo, thấy có vị Tăng lạ cao hơn trượng bảo rằng: Khanh đã tám mươi mốt đời xuất gia. Bạn cũ là Đồng Quân Lư Khâu Dận đến núi tìm, thấy núi cao thẳng đứng chim thú kêu tiếng buồn thương, bảo Sư rằng: Lang Tướng có điên không mà ở đây? Sư đáp: Ta điên muốn tỉnh, còn anh điên đang phát triển. Đồng Quân than thở lui về.

Năm thứ sáu, Lý Lục Sự ở huyện Quán Trạch đã chết, ông thường đến chỗ Dư Pháp sư nghe giảng Duy-ma cùng người nghị luận. Sư hỏi: Nay giảng kinh này có biết người nào nghe chăng? Ông đáp: Từ đầu người trở lên là quỷ thần, trên nữa thì Chư Thiên đông đảo có nhiều cấp bậc. Song thấy Chư Thiên nghe pháp của Sư có mùi rượu bèn quay mặt chỗ khác mà nghe. Pháp sư Dư liền hối lỗi không uống rượu nữa. Hồn Lục Sự lại nói: Không phải chỗ có hội này mới riêng cảm biết có Chư

Thiên. Nếu có Pháp sự thì Chư Thiên không nơi nào không đến. Vua sắc lệnh mời Sa-môn Tam tạng Huyền Trang đến ở chùa Đại Trang Nghiêm.

Năm Võ Đức thứ bảy, vua đến Quốc học Thích điện mời Bác sĩ Dư Khoáng giảng Hiếu Kinh, Sa-môn Tuệ Thừa giảng Tâm Kinh, Đạo sĩ Lưu Tiến Thiện giảng Lão Tử, Bác sĩ Lục Đức Minh (bản danh là Nguyên Lãng) tùy cách lập nghĩa phân tích kỹ phần cốt yếu. Vua nói rằng: Ba vị làm việc rất thành thực. Song Đức Minh nói ra liền bị che lấp.

Năm thứ tám, Thái Sử Lệnh Phó Dịch dâng sớ lên vua nói rằng: “Phật ở Tây Vức, lời yêu ngụy lạ lẫm, Hán dịch sách Hồ mặc tình dối trá đặt để khiến bất trung bất hiếu, cạo tóc chỉ xá vua và cha mẹ, chơi bời xin ăn, mặc áo lạ để trốn thuế. Phàm sinh tử thọ yểu đều ở tự nhiên, hình đức oai phước quan hệ bởi vua. Mà kẻ ngu Tăng dối lừa đều bảo là Phật dạy, trộm quyền vua chúa chiếm sức tạo hóa, Đạo đó chỉ làm hại chính sự, thất đáng buồn chê!” Thơ tấu không được vua trả lời.

Ngài Khải Am nói rằng: Phó Dịch chỉ lấy bản chất của kẻ tiểu nhân, một hôm dâng thơ lên vua để hủy báng Phật pháp, các quần thần đương thời đều không chấp nhận, chỉ có Cao Tổ là còn nhẹ tin hoang mang lời nói ấy. Nay thấy Sớ tâu của Phó Dịch bị chiếu vua sa thải. Bất quá gọi chơi bời xin ăn chỉ tạm lánh thuế miễn dịch mà thôi. Ôi, học đạo Thánh để cầu xuất thế gian, rải lòng Từ để tán trợ lý thiên hạ, nói báo ứng cuả thiện ác để cảnh cáo người đời ngu dốt, xét lý tánh mạng là để biết chân tu. Đó là gương sáng cho người học Phật, để cùng với Nho Gia thật hành mà không trái lẽ. Nào phải chỉ trông mong vào cái lợi thấp hèn là trốn thuế miễn dịch đâu! Có người nói: Người học Phật phần nhiều xuất thân từ nông dân, nên không thể trái được. Do đó mà chuộng về nông tục, không thế từ con cái nông dân cho đến kẻ quan chức lớn há không chấp nhận sao? Huống chi Phật đạo rất bao dung không kể ngu trí, nếu chỉ trích cái tầm thường của họ mà che lấp bậc hiền tài thì đối với ông trách cứ họ để họ thoái chí là giận bên ngoài trái bên trong, ấy là mới biết đá mà không biết ngọc ẩn bên trong. Nay gọi là nhà Nho mà bản chất là tiểu nhân thì chắc chắn là nhiều lắm, nhưng chưa từng nghe ai vin vào kẻ xấu đó mà vội muốn dẹp bỏ Giáo của Chu Khổng. Vậy thời kẻ xuất gia có tầm thường thô lậu là vì chưa gặp bậc hiền tài. Đây không phải là lỗi của đạo Phật.

Tháng chín, Phó Dịch bảy lần dâng sớ xin vua dẹp bỏ Phật pháp. Vua đem sớ ấy giao cho quần thần nghị luận. Các đại thần đều bảo

rằng: Phật pháp hưng thịnh từ nhiều triều đại mở thiện dẹp ác ngầm giúp quốc gia theo lý không dẹp bỏ được. Quan Tể Tướng Tiêu Vũ (con của Minh Đế nhà Hậu Lương) nói rằng: Phật là Thánh nhân mà Dịch bảo là không phải. Nói không phải là Thánh nhân thì không có luật pháp nào trị tội ấy cả. Dịch nói: "Lớn nhất loài người thì không gì bằng vua và cha, Phật vì nối đời mà lại bỏ cha, dùng hàng thất phu chống lại Thiên tử, Tiêu Vũ không sinh ở Không Tang mà tôn thờ giáo không cha, không phải kẻ hiếu nên không thân đó là Vũ vậy." Vũ chắp tay bảo: "Địa Ngục lập ra chính vì người này."

Một hôm vua hỏi quần thần: Phó Dịch thường nói Phật giáo vô dụng, còn các khanh thấy thế nào? Quan Tả Bộc Xạ Bùi Tịch tâu rằng: Bệ Hạ xưa sáng lập Nghĩa Sư, chí dựa vào Tam bảo nói khi nào lên ngôi Cửu Ngũ thì nguyện rộng mở Huyền Môn. Nay Lục Hợp đã quy nhân, giàu có bốn biển mà muốn thu nhận lời của Dịch, đâu chẳng làm tổn đức xưa mà bày lỗi nay ư?

Vua đưa sớ bài xích Chư Tăng hỏi xuất gia có ích gì cho nước chăng? Sa-môn Pháp Lâm soạn bài Phá Tà Luận nói rằng: Phật giáo thấu suốt nguồn gốc vạn vật, còn Khổng Lão lập ngôn chỉ để sửa trị một cõi một thời. Phàm người xuất gia quyết chí làm sáng Đạo, dạy Thiện hưng Phước để dẫn dắt kẻ ngu mê lợi nước nào phải ít? Lúc đó Tần Vương Phủ Ký Thất Ngu Thế Nam làm tựa để khen ngợi.

Minh Khái Pháp sư làm Quyết Đối Luận, trách Phó Dịch tám việc chê bai Phật Tăng. Có Tần Vương Phủ Điển Nghi Lý Sư Chánh làm Nội Đức Luận nói rằng: Khuyên thiện tấn đức rộng rãi, Lục Kinh không theo kịp, răn ác phòng tai sâu sắc Cửu Lưu khó sánh bằng. Cùng tột Thần linh thấu suốt tạo hóa. Lời nói rộng rãi đáng kinh người. Bỏ hoặc dứt trần thanh cao tuyệt vời khó tới. Vả thờ Đạo chưa hưng ở thượng cổ, Thánh nhân chỉ lo cứu độ đời sau. Cho nên nhà cửa chỉ ở hang ổ, văn tự phải dùng nút dây, uống máu ăn lông chỉ cầu no mà chưa cần ngon béo. Dùng lửa nấu cơm tuy biết sau mà không tệ. Há được dùng thi thơ sớm gieo mà thịnh vượng. Bối Kinh tuy chậm đến mà hợp thời. Lại duyên sinh tử vô cùng, thuyết báo ứng bất hủ, Phật đã nói rõ mà Hoàng Lão chưa bàn.

Lại có Sư Tuệ Thừa làm Biện Chánh Luận nên mười Dụ chín Châm để phá Đạo sĩ về cái lầm lạc của mười Dị, chín Mê. Vua xem những nghị luận của các Sa-môn, tỉnh ngộ việc phó Dịch khen Lão chê Phật, bèn có ý dẹp bỏ cả Phật và Lão.

Tháng năm, vua hạ chiếu: Vì Sa-môn, Đạo sĩ tạm lánh sưu dịch,

không giữ giới luật, mà chùa quán lại ở gần chợ búa, quán xá, rượu thịt tạp nhạp nên không thể hoằng hóa ai được. Vậy những Tăng Đạo nào giới hạnh thiếu kém đều khiến bãi Đạo, còn những vị tinh cần chuyên tu thì phải đến chùa quán lớn mà ở, sẽ cung cấp đầy đủ y thực. Kinh Sư chỉ giữ lại ba chùa và một quán, ở các châu chỉ giữ lại một chùa, một quán, ngoài ra đều dẹp bỏ.

Tháng sáu năm Canh Thân, Hoàng Thái tử Kiến Thành Tề Vương Nguyên Cát, mưu hại Tần Vương, bị Tần Vương Thế Dân giết chết, vua lập Tần Vương làm Hoàng Thái tử.

Năm Quý Hợi, đại xá thiên hạ. Ngưng thi hành chiếu sa thải Tăng và Đạo trước đó.

Tháng tám, ban chiếu truyền ngôi cho Hoàng Thái tử. Khi Thái Tông đã lên ngôi có lần hỏi Phó Dịch rằng: "Phật đạo vi diệu, thánh tích đáng thờ. Vả lại việc báo ứng rất rõ ràng, riêng Khanh lại chẳng hiểu lý đó là sao?" Phó Dịch tâu: "Phật là bậc sáng suốt nhất ở phương Tây nhưng không bổ ích gì cho quốc gia. Thần không phải không biết nhưng khinh mà không học thôi." Vua rất ghét câu nói này... Sau Phó Dịch bị ác bệnh, khắp mình lở lói nhầy nhụa kêu gào mà chết. Thiếu Phủ Giám là Phùng Trường Mạng mộng thấy đến Minh Phủ, gặp rất nhiều người chết trước. Nhân đó hỏi Phó Dịch hủy báng Phật bị ác bệnh mà chết nay chịu báo như thế nào? Đáp rằng: Đã nghe giao cho Nê Lê ở Việt Châu. Người thức giả đương thời bảo Nê Lê là địa ngục (Khổ Báo Ký).

Đời Thái Tông: (tên Thế Dân, con thứ của Cao Tổ)

Năm Chánh Quán thứ nhất, tháng giêng, vua ban chiếu mời các Sa-môn đức hạnh ở kinh thành đều vào nội điện hành đạo bảy ngày, độ Tăng Ni khắp thiên hạ được ba ngàn người. Vua ra chiếu: lấy nhà cũ của Hoàng Gia là Thông Nghĩa Cung làm chùa Hưng Thánh. Vua ban chiếu mời Sa-môn Quan Trí ở chùa Đại Hưng Thiện dịch kinh Bảo Tinh... năm bộ, Tả Bộc Xạ Phòng Nguyên Linh... giám hộ.

Năm Chánh Quán thứ hai, tháng ba, vua ban chiếu rằng: Trẫm từ khi khởi nghĩa đến nay chính tay giết tướng cả ngàn người, nay xin thiết trai hành đạo chí thành sám hối, mong nạn Tam đồ nhân đây thoát khỏi.

Bàn rằng: Có người bảo Thái Tông nói chính mình giết hại thật là người Chân Nhẫn. Đâu không biết rằng nhà Tùy thật bất đạo. Khi trời sắp làm hưng nhà Đường thì Thái Tông đương ở trong quân ngũ tại biên ải, lúc đó chánh trị khắc nghiệt gặp phải trước mắt nếu không diệt trừ

ngay thì hại việc lớn. Ông vâng mạng trời giết trừ giặc dữ không thể so sánh với Kiệt Trụ vô cớ giết người mà tội ác dẫy đầy. Một khi thiên hạ đã yên lòng thì lòng nhân phục hồi, chỉ biết Phật pháp có thể cứu giúp mà thiết trai hành sám, ban ân khắp cả u minh. Bởi đó mà dứt khổ kẻ trầm luân, ban vui cho người sống. Vua quả thật là bậc chân nhân có lòng tha thứ.

Tháng năm, vua ban sắc các ngày kỵ giỗ của Tiên Triều đều ở chùa Hương Kỉnh mà thiết tra hành hương cứ theo định thức đó mãi.

Tháng bảy, vua ban chiếu mời tất cả Tăng Đạo ở kinh thành và các quận bảy ngày bảy đêm chuyển kinh hành đạo cầu phước cho dân, trúng mùa thịnh vượng. Mỗi năm vào tháng giêng, tháng bảy, cứ làm theo nghi thức này.

Năm Chánh Quán thứ ba, tháng giêng, vua ban chiếu các Sa-môn ở kinh thành ngày hai mươi bảy mỗi tháng hành đạo, chuyển kinh Nhân Vương cầu phước cho nước nhà, quan cung cấp cúng trai. Tháng ba, vua ban chiếu mời Tịnh Thiền sư ở Mật Châu về Kinh cầu mưa. Sư kết trai đàn ngồi tọa thiền cảm được ở hướng Tây bắc có ráng trắng giữa ban ngày, thì có mưa to rơi khắp. Tháng tám, Sa-môn Huyền Trang dâng biểu xin đến Thiên Trúc cầu kinh

Tháng mười hai vua ban chiếu rằng: Nước Tùy vô đạo, chín châu sôi sục Trẫm đích thân làm Tổng Nguyên Nhung đến đây minh phạt. Từ khi khởi nghĩa đến nay ở nơi giao tranh, phàm các nghĩa sĩ hay hung đồ bỏ mình vì chiến trận thì mỗi nơi đều lập chùa Phật đón mời các bạn tốt, gieo tạo phước điền cứu độ hồn phách, để xứng với lòng thương mến của trẫm (từ trên đều thấy trong Đường Cựu Sử, Âu Dương Tân thư đều cắt bỏ hết).

Tháng năm, các chùa ở chiến trường đã cất xong, vua bảo quân thần soạn bia. Như phá Lưu Vũ Chu ở Phần Dương, lập chùa Hoằng tế, Lý Bá Dược soạn bia. Phá Tống Lão Sinh ở Lữ Châu lập chùa Phổ Tế, Hứa Kỉnh Tông soạn bia. Phá Tiết Cử ở U châu, lập chùa Chiêu Nhân, Chu Tử Xoa soạn bia. Phá Tống Kim Cang ở Tấn Châu, lập chùa Từ Vân, Trử Toại Lương soạn bia. Phá Vương Thế Sung ở Mang Sơn, lập chùa Chiêu Giác, Lỗ Thế Nam soạn bia. Phá Đậu Kiến Đức ở Phiếm Thủy, lập chùa Đẳng Từ, Nhan Sư Cổ soạn bia. Phá Lưu Hắc Thác ở Lạc Châu, lập chùa Chiêu Phước, Sầm Văn Bản soạn bia. Năm ấy thiên hạ trúng mùa lớn, một đấu gạo có ba tiền, cửa ngoài không cần đóng, đi xa không cần mang theo lương thực. Mới xử tử hình hai mươi chín người thì thiên hạ đại trị. Vua bảo quần thần rằng: Đây là do Ngụy Trưng

khuyên Trẫm hành nhân nghĩa nay đã có hiệu nghiệm. Nhân đó nhớ lại lúc xưa khi bình thiên hạ chính tay giết chết cả ngàn người. Không ngờ đã thái bình, liền lấy ngự phục dâng cúng các chùa mời Tăng hành sám (việc thấy ở Cựu Sử, Âu Dương Tân Thư đều cắt bỏ).

Ngài Khải Am nói: Vua làm gì đều ghi chép, nên gọi là Sử. Sử là ghi lại những vết tích đất thất ở đương thời. Vì cớ ác như thí vua tất phải ghi, xấu như nấu mẹ tất phải ghi, đâu phải vì xấu ác mà không ghi ư? Thế thì biết việc sửa Sử không làm mất đi được việc tốt xấu lúc đó. Đó mới đáng là Tín Sử. Xưa Phạm Hoa làm Hán Thư, lúc đó ở Tây Vức mới truyền luận Phật pháp. Trần Thọ ghi về Tam Quốc sợ mà không chép nữa. Đường Thái Tông sửa Tấn Thư, đối với Sa-môn cao hạnh lúc đó có tuyển làm quan. Ngụy Thâu ở Bắc Sử làm ra Phật Lão Chí. Lý Diên Thọ ở Nam Sử viết Cổ Hoan Truyện. Phàm vua chúa công khanh khen chê Phật Lão tất cả đều ghi chép việc họ đối với hai Đạo Giáo trên hơn kém thiên lệch hay ngay thẳng, vào ngày tháng năm đó có chứng cớ rất rõ ràng. Còn Âu Dương Tu sửa Đường Thư là sử đời Ngũ Đại, các việc có dính líu đến Phật Lão ông đều cắt bỏ. Tất cả đều là Đường Thư, là Chánh Sử của các nhà viết Sử đời Đường, không phải là sách riêng của Âu Dương. Khiến người ta dựa vào những sự kiện thiếu sót mà luận ra. Đâu nên vì những cái mình không thích mà cắt bỏ hết ư? Thế mới biết kẻ thiếu hiểu biết không nên làm công việc sửa Sử. Việc lấy bỏ Phật pháp rất liên hệ đến sự tốt xấu của một người. Như Hàn Âu Tư Mã lúc đầu không ưa Phật gặp việc liền nói, tất có trách mắng. Đến khi từ quan lui về, đến hỏi đạo với ngài Đại Điên, Vĩnh Thúc nghe pháp với ngài Viên Thông, Quân Thật hiểu rộng lời Văn Trung Tử mà làm thiền tụng, Ngôn là Bách Thế Sư, Hạnh là pháp chung của Thiên hạ, là bậc Hiền, là Đại Thánh. Đó là Phật Bồ-tát (Thiền Tụng có sáu chương thấy trong Tư Mã Công Văn Tập). Đó là ba bậc Hiền, lúc đầu thì ghét mà sau thì ưa. Tiếc rằng họ nghe pháp quá muộn, những lời nói ra trước kia không thể rút lại. Ôi, việc lấy bỏ Phật pháp quả là do ưa ghét của một người đâu lại không xét đến ư?

Năm Chánh Quán thứ năm, tháng giêng, vua ban chiếu Tăng Ni và Đạo sĩ phải lạy cha mẹ (Chánh Quán chính yếu). Vua ban chiếu vì Mục Thái hậu lấy cung Khánh Thiện làm chùa Từ Đức, vì Hoàng Thái tử Thừa Càn lập chùa Phổ Quang, mời Sa-môn Pháp Thường đến ở và truyền giới Bồ-tát cho Thái tử.

Tháng mười một, Tăng Ung Thiền sư ở chùa Hóa Độ viên tịch, vua thương kính ban cho lụa, ra lệnh cho hữu Thứ Tử là Lý Bá Dược

soạn bia. Lại khiến Âu Dương Tuận viết (nay có người lấy được thạch bản, nét chữ hư mờ cất làm của báu).

Thuở xưa nước Ba Tư, Tô Lỗ Chi lập ra đạo Thờ lửa Mạt Ni. Vua ra lệnh các Sư ở kinh đô lập ra chùa Đại Tần (nước Ba Tư ở Tây Hải, Hán dịch là Đại Tần).

Năm Chánh Quán thứ sáu, vua ban chiếu lấy nhà Cũ Long Tiềm ở Đông Đô (Lạc dương) làm chùa Thiên Cung. Vua mời Hòa thượng Đỗ Thuận vào triều kiến rồi ban hiệu là Đế Tâm. Ngày bảy tháng tám ngài Chương An Thiền sư thị tịch ở chùa Quốc Thanh, mùi hương lạ đầy nhà.

Năm thứ bảy, Tam tạng Minh Hữu ở Trung Thiên Trúc đến dịch Đại thừa Trang Nghiêm Luận, Lý Bá Dược viết tựa, nói rằng: Người học Đại Tiểu thừa tất phải lấy luận này làm gốc, nếu chưa thông Luận này thì không thể hoằng pháp được.

Vua ra sắc lệnh đình chỉ việc Tăng và Đạo sĩ lạy cha mẹ.

Hàn Sơn Tử ở ẩn tại Hàn Nham ở Thiên thai, lúc đó vào chùa Quốc Thanh. Lại có cậu Thập Đắc, do Phong Can Thiền sư ở Xích thành nhặt được ở lề đường, khoảng mười tuổi hỏi ngọn ngành thì côi cút không nhà cửa, bèn giao cho Khố Viện nuôi dưỡng. Ba năm sau đã biết dùng cơm ở Trai Đường, thường nhặt thức ăn thừa để trong ống tre. Nếu có Hàn Sơn đến thì công kênh nhau mà đi, hoặc chạy dọc theo hành lang dài mà la lối vui thích. Tăng trong chùa la rầy thì vỗ tay cười lớn. Lư Khâu Dận lúc xưa làm Thứ Sử Thai Châu, khi đi đường bị đau đầu, gặp ngài Phong Can bảo là từ chùa Quốc Thanh ở Thiên Thai tới, ngài bèn phun nước trị bệnh, phút chốc liền hết. Dận hỏi: Ở Thiên thai có những hiền sĩ nào? Ngài đáp: Thấy thì không biết, biết thì không thấy, nếu muốn thấy thì không nên chấp tướng. Vì Hàn Sơn là ngài Văn-thù ẩn dấu ở Quốc Thanh, còn Thập Đắc là ngài Phổ Hiền giả dạng cậu bé nghèo. Khi Dận tới Quận liền dẫn đến Quốc Thanh, hỏi Viện Phong Can, có Tăng là Đạo Kiều dẫn đến một phòng trống, thấy có nhiều dấu chân cọp, bảo rằng: Thiền sư ở đây, ngày chỉ lo giả gạo cho chúng Tăng, đêm thì ca hát làm vui. Lại hỏi Hàn Sơn và Thập Đắc thì dẫn đến bếp. Trước lò thấy có hai người ngắm lửa cười to. Dận đến đảnh lễ, hai người mắng Dận rằng: “Phong Can nhiều chuyện, Di-đà không biết lạy ta làm gì?” Hai người liền cầm tay nhau mà cười, cùng chạy về Hàn Nham rồi không thấy trở lại chùa. Dận bèn nhờ Đạo Kiều tìm khắp trên vách bằng tre hoặc bằng đất đá khắp thôn dã chép hết các bài thi ca, có đến hơn ba trăm bài lưu truyền ở đời.

Nam Chánh Quán thứ tám, vua ban chiếu vì Mục Thái hậu lập chùa Hoằng Phước. Vua xa giá đến nơi và đích thân khai Phật Nhãn.

Thượng Thư Ngu Thế Nam viết Sớ rằng: Đệ tử tuổi nhỏ bỗng gặp bệnh nặng, lúc đó chú tâm nguyện ngày nào hết bệnh sẽ thiết lễ Trai đãi ngàn Tăng. Nay kính cẩn ở đạo tràng này xin cúng cơm chay cho ngàn Tăng, nhờ nguyện lực này mong đời đời kiếp kiếp luôn luôn không bệnh khổ, bảy đời lâu xa, sáu nẻo oán thân nay xin nguyện khắp (Pháp Thiếp).

Vua ban chiếu mời Pháp sư Thường ở chùa Phổ Quang vào nội điện truyền giới cho Hoàng hậu.

Tăng ở Lai Châu, Tần và ba nước Cao Ly (cùng Tân La, Bách Tế là ba nước) nguyện vào Trung Quốc học Phật pháp, muốn biết hư thực. Ngụy Trưng nói: Bệ hạ làm thiện đủ làm Pháp cho rợ Di Địch noi theo. “Nếu làm điều bất thiện tuy chống cự Di Địch, có ích gì cho nước non.” Vua ban chiếu chấp nhận.

Năm Chánh Quán thứ chín, tháng mười, Huyền Uyển Pháp sư viên tịch ở chùa Diên Hưng, trong di biểu có nói: “Thánh Đế mới tôn thờ Tam bảo không nên khiến Sa-môn cùng bá tánh đồng khoa, xin giao Tăng có lỗi cho Sở thuộc dùng Nội Luật mà xử trị.” Vua vui vẻ nhận lời, bèn sai Hoàng Thái tử đến điếu và sắc lệnh cho Hữu Ty cung cấp đồ tống táng (sắc lệnh táng Sa-môn bắt đầu từ Uyển Sư).

Tháng mười một, vua ban chiếu: Do chết và loạn lạc mà Tăng đồ giảm, Hoa đài Bảo tháp cửa trống vắng người. Nay khiến khắp thiên hạ độ Tăng Ni ba ngàn vị, Hữu Ty nên định rõ, chỉ chuộng lấy những bậc có đạo đức sáng suốt. Vì nghe Tăng đồ có kẻ giả trá làm thuốc lên đồng, tả đạo lừa người, dắt đến cửa quan đưa của hối lộ. Trẫm dù có tình che chở cũng không thể tha thứ kẻ phạm lỗi. Nên nay khiến Sở Ty căn cứ vào Nội Luật mà soạn ra các điều luật.

Vua ban chiếu rằng: “Lão Tử họ Lý, vậy là Tổ Tiên của Trẫm, danh vị và xưng hiệu phải đứng trước Phật.” Sa-môn Trí Thật, Pháp Lâm... đều đến Cung Khuyết trình bày lý lẽ. Vua không chấp nhận. Khi vua xa giá đến Lạc dương, Trí Thật... lại kháng biện cố tranh luận, cho rằng Đạo sĩ mạo dòng họ Lão Tử, thật ra chỉ tôn thờ Tam Trương, theo việc Phù Thủy Tiếu Lục (thời Hậu Hán có cha con Trương Lăng, dạy dân hối lỗi phải đóng năm đấu gạo. Về sau có Trương Tu, Trương Giác bắt chước cách đó, dùng bùa nước trị bệnh. Nên đời gọi là Đạo năm đấu gạo) không nên để đứng trên Phật. Vua sắc lệnh Tể Tướng Sầm Văn Bản ra chỉ dụ nhưng Trí Thật... cố tình không tuân chiếu, vua nổi giận

đánh đòn Trí Thật ở triều đình, bắt mặc y phục dân thường rồi đày lên núi cho đến trọn đời. Có người chê Sư vụng tính việc tấn thoái. Sư bảo: "Ta biết chắc khi ban chiếu rồi thì không lấy lại. Sở dĩ cố sức tranh cãi là muốn người đời sau biết có Tăng mà thôi!" Người nghe rồi xấu hổ kính phục.

Năm Chánh Quán mười hai, Thượng Thư Ngu Thế Nam qua đời. Vua mộng thấy ông. Nhân đó ban chiếu rằng: Thế Nam đức hạnh thuần bị, chí rất kiên trung, nay êm ả ra đi thật đáng thương tiếc. Hôm qua nằm mộng thấy chính người này vốn tính nói thẳng như lúc còn sống. Nay nên vì ông mà thiết trai lễ năm trăm Tăng và tạo một tượng Phật để gây phước báo chốn u minh và thỏa lòng Trẫm mến thương bề tôi cũ (Cựu Đường Sử).

Năm thứ mười ba, vua ban chiếu mời Quốc Tử Tế Tửu Khổng Dĩnh Đạt, Sa-môn Tuệ Tịnh, Đạo sĩ Thái Quang... vào điện Hoằng Văn đàm luận về Tam Giáo. Tuệ Tịnh giảng kinh Pháp Hoa, Thái Quang hỏi: "Kinh gọi Phẩm Tựa thứ nhất. Vậy chưa xét Tựa sao phân thứ hạng?" Tịnh nói: "Như Lai nhập định phóng quang và mưa hoa là phá bỏ cái nền lớn của "hai" mà dẫn nêu rõ cái lý của "một", cho nên nói là Tựa, Đệ là ở, một là đầu, Tựa ở trước nhất, nên gọi là thứ nhất". Quang nói: "Sư nói không hở môi làm sao hiểu nổi". Sư bảo: "Bồ-tát nói pháp tiếng chấn động mười phương, Đạo sĩ ngồi tại tòa như mê say". Quang nói: "Giả can nói pháp làm sao nghe được?" Tịnh bảo: "Thiên Cung nghiêm mật, lý dứt dấu chân hồ, Đạo sĩ thần mê bảo người là thú. Tình trời nói lớn cả tòa mừng vui."

Có Phương Sĩ Tần Thế Anh vu cho Pháp Lâm soạn Phá Tà Luận là chê hủy Hoàng Tông. Vua bèn ra lệnh lưu đày Lâm ra Ích Châu mà chết ở đó.

Có Tăng ở Tây Vức đến rất giỏi chú thuật, có thể khiến người chết sống lại. Vua khiến đọc chú làm bay chạy đều linh nghiệm. Phó Dịch nói: Đây là tà thuật. Xin sử dụng chú, Vị Tăng đọc thần chú thì chẳng có gì! Bỗng vị Tăng ngã lăn ra đất như bị một vật đánh vào, rồi chết luôn. Lại có một Bà-la-môn Tăng được cái răng Phật trước đó đem gõ vào một vật mềm. Phó Dịch bảo vị ấy rằng: Tôi nghe có đá Kim Cang chỉ có sừng linh dương mới gõ nát nó được, ông hãy đến thử xem. Khi đến thấy răng liền lấy sừng ra gõ vào thì răng nát ngay trên tay.

Bàn rằng: Phàm Chú thì lấy Trung Đạo làm thể, giữ thiện ngăn ác làm dụng. Đây là phép của Đại Thánh bí mật độ vật, mà người trì pháp đó tất chỉ có người ấy. Cho nên Tô-ba-hô Đồng Tử Kinh nói rằng: Các

Chú đều có Bộ chủ, Minh Vương, các quỷ thần oai đức theo hộ trì (Bộ Chủ như Phật Thích-ca và Bồ-tát Quan Âm. Minh Vương tức Trì Minh Tiên Vương. Các thần oai đức tức Thần Kim Cang, Tướng Dạ-xoa, các thần hộ chú). Song Minh Vương Bộ Chủ từ bi che chở cho người trì chú không bị tai họa cho đến các quỷ ác độc. Khi thấy có lợi dưỡng thì lừa người trì tụng để giải, thấy kẻ ngu khờ liền giả cầm chày Kim Cang, rồi sinh giận dữ rồi hại mạng người kia... Nay xem thấy Tăng phương Tây không biết nghĩa giữ thiện ngăn ác, mà muốn đem chú thuật cỏn con từ xa đến Đông độ, đọc chú giết người để lấy tiếng với vua. Có tâm lợi dục không hạnh Sa-môn, thì quỷ thần hộ chú sẽ nổi giận mà vật chết giữa đường. Đọc chú kỵ binh chết mà Phó Dịch không biết. Dịch là kẻ tiểu nhân hủy báng pháp đáng tội ở địa ngục, không phải Dịch chống lại được vơi chú. Đây là việc bí mật, chỉ có kẻ thám sát Bộ Chú thì mới biết được.

Xá lợi, xương, răng Phật tất cả vật đều không phá hủy được nó. Vị Bà-la-môn kia đem theo mình chiếc răng, e không phải thật răng Phật, lấy sừng dê mà đập nát ra được, hoặc đá kim cương giả làm vật, tuy đủ để Phó Dịch nổi danh Bác vật mà trọn không biết được cái thể Kim Cang Bất Hoại của Phật ta. Đời thích theo phe của Phó Dịch mà không rõ nghĩa, nên cần phải luận giải rõ ràng. Ngõ hầu tránh được tội hủy báng Pháp mà cứu được cái khổ đọa lạc.

Vua ban chiếu rằng: "Kinh Di Giáo là khi Phật sắp vào Niết-bàn mà nói ra răn dạy đệ tử rất rõ ràng thiết yếu. Kẻ đạo tục đời mạt pháp không biết kính vâng, Trẫm giữ gìn Thánh Giáo luôn nghĩ tìm cách mở mang... Nay khiến Hữu Ty viết ra nhiều bản kinh này giao cho các quan ở Kinh đô và Thứ Sử mỗi nơi một bản. Nếu thấy Tăng Ni nghiệp hạnh trái Kinh thì nên công tư khuyên gắng khiến họ tuân hành (Văn Quán Từ Lâm).

Bàn rằng: Vua Thái Tông biết sự việc của Tăng gốc ở Di giáo nên bảo Hữu Ty viết bản kinh để công tư khuyên nhau, giúp nhau tránh lỗi. Ông có được cái tâm Nhân Vương Hộ Pháp vậy.

Tháng mười, Đỗ Thuận Hòa thượng ngồi mà tịch tại chùa Nghĩa Thiện, có đệ tử đến Ngũ Đài đảnh lễ ngài Văn-thù, mới đến chân núi, thấy một cụ già bảo rằng: Văn-thù hiện ở núi Chung nam, Hòa thượng Đỗ Thuận là đó. Đệ Tử lật đật trở về thì ngài đã đi rồi!

Năm Chánh Quán thứ mười lăm, Thiện đạo pháp sư đến Tây Hà yết kiến Xước Thiền sư ở Cửu Phẩm Đạo Tràng, giảng tụng Quán Kinh, vui vẻ bảo rằng: "Đây là bến bờ cần yếu để vào cửa Phật, tu các hạnh

nghiệp khác thì viễn vông khó thành, chỉ có Quán Môn này mau thoát sinh tử.” Sư đến Kinh Sư kích phát bốn bộ chúng hơn ba mươi năm hành đạo Ban Chu, viết Kinh Di-đà hơn mười vạn quyển, vẽ Tịnh Độ biến tướng hơn ba trăm bức. Khắp Trường An đều được ngài hóa độ. Có người trọn đời tụng kinh Di-đà mười vạn đến ba mươi, năm mươi vạn quyển. Ngày niệm danh hiệu Phật từ một đến mười vạn tiếng. Khi Sư niệm Phật, có ánh sáng từ miệng phóng ra. Về sau triều Cao Tông ban tên chùa là Quang Minh.

Năm thứ mười sáu, vua đến chùa Hoằng phước cầu phước cho Mục Thái hậu, vua tự viết sớ tự xưng là đệ tử Hoàng Đế Bồ-tát- giới, bảo chủ chùa là Đạo Ý rằng: Có lúc Trẫm cho Lão Tử là Tổ Tiên của Trẫm mà để đứng trước Phật, các Khanh không oán giận ư? Sư thưa: Bệ hạ tôn trọng tổ tiên mà ra quy định, nào dám có oán hờn chống lại. Vua nói: Phât Lão cao thấp mọi người tự xét há vì một lúc ở trên mà là hơn ư? Gốc của Trẫm từ dưới cội cây, cho nên từ trước Lão Tử phàm có công đức gì đều xin hồi hướng về Phật môn. Ngày xưa nơi chiến trường đều lập chùa Phật, lớp người cũ ở Thái Nguyên cũng đều thờ Phật. Thuở xưa chưa từng lập Đạo Quán nào giữ tâm như thế, các Khanh nên biết.

Năm Chánh Quán thứ mười bảy, Tổ thứ tư là Đạo Tín Thiền sư ở Huỳnh Mai tại Kỳ Châu, vua triệu vời bốn phen mà không đến, vua bèn ban cho lụa báu để khen ngợi đạo hạnh. Vua ra sắc lệnh cho Vệ úy Thừa Lý Nghĩa Biểu, Huỳnh Thủy Lệnh, Vương Nguyên Sách... đi sứ ở Tây Vức du lịch hơn một trăm nước, đến nhà của ngài Duy-ma thành Tỳ Gia Ly, phía Đông bắc. Nguyên Sách dùng cái hốt mà đo thì ngang dọc được mười hốt, nhân đó gọi là Phương trượng. Lại lên núi Kỳ-xà-quật khắc bia kỷ niệm oai đức của nhà Đường.

Tháng tám, ở hang Hồng Trì, huyện Xương Tòng ở Tần Nguyên Châu có năm hòn đá xanh vân trắng có chữ rằng: Cao Hoàng Hải sinh nhiều con, Thái Bình Thiên tử Lý Thế Dân, thiên niên Thái tử Lý Trị, bảy Phật tám Bồ-tát dâng quả Phật Điền, Thiên tử Văn Võ, Trinh Quán thịnh vượng, mở rộng bốn phương...

Tháng mười một, vua sai Sứ đem ngọc và lụa đến hang Hồng Trì cúng tạ lời Linh Ứng (ở Bản Kỷ của Cựu Sử, Tân Thư Di Nhân Ngũ Hành Chí. Theo Lục Dị Ký thì: Thứ Sử Lương Châu là Lý Tập Dự tâu rằng: Ở Xương Tòng có hòn đá đẹp tự nhiên có một trăm mười chữ tóm tắt rằng: Cao Hoàng Hải hai con, Lý chín vua tám ngàn, Thái Bình Thiên tử Lý Thế Vương, ngàn năm Thái tử Trị , Yên Sơn nhân sĩ cùng

chủ quốc vương. Ngạc Tưởng Văn Thông Thiên Cổ Đại Vương, năm vua bảy vua mười vua, tay phụng tài tử Võ Văn Trinh Quán, hiển Đại Thánh, bốn phương trên dưới, trị vì trung hiếu rõ ràng. Sắc lệnh Bộ lang Trung Liễu Trình nhanh chóng kiểm tra cùng tâu lên).

Bàn rằng: Vua Cao Tổ thuận nối mệnh trời, do lời đoán trước của Sa-môn Cảnh Huy, bèn tạo tượng lập chùa thiết trai cấm sát, gấp gáp không dám chậm trễ. Một sáng bị mê hoặc bởi yêu ngôn của Phó Dịch bèn cho Phật pháp là vô dụng mà dẹp bỏ đi. Rồi nạn đó phát ra từ bên trong chiếu ban ra không được thi hành. Vua Thái Tông lâm triều mở mang dạy dỗ. Đá báo điềm lành ở Hồng Trì, lời sấm rõ ràng. Xem lại nhiều triều đại đã dịch kinh, các Thánh vương đã viết tựa, lập Cao tòa Nhân Vương, chú thích chân thừa Bát-nhã, thọ giới giảng kinh, hỏi đạo nghe pháp, đúc tượng, lập chùa, thi Kinh độ người. Đây đều là tính trời phát xuất từ nhiều đời, biết Đạo này thật có công giúp nước cứu đời, chính là phép tu thân trị tâm. Cho nên cùng cái học của Khổng Mạnh song hành mà không trái. Đến như lễ tôn Tăng nhiều đời thì khác xưa rất nhiều. Nên vì kính ngôi vị mà không khiến xưng "thần", trọng Đức Hạnh mà ban thêm tước trật. Phân vong vật đều theo Tăng Luật, phạt kẻ lỗi lầm chỉ cứ Nội Khoa. Nếu không phải là sấm ký đá linh biểu hiện bảy Phật tám Bồ-tát ra đời thì đâu thể nối nhau sùng kính bất tuyệt.

Năm Chánh Quán thứ mười tám, Sầm Văn Bản làm Trung Thư Lệnh. Thuở nhỏ Bản thường tụng làu Phẩm Phổ Môn kinh Pháp Hoa, từng ngồi thuyền đến Ngô Giang. Thuyền lật người chết hết. Có người bảo Văn Bản chìm trong nước. Nhưng chỉ niệm Phật mà nương sóng giạt vào bờ nên thoát chết. Sau ông ở nhà thiết lễ trai Tăng. Có một vị Tăng đi sau bảo ông rằng: "Thiên hạ mới loạn ông may mắn không gặp tai ương, sau gặp Thái Bình rất sang giàu." Nói xong thì biến mất. Khi Văn Bản vào ngồi ăn thì gặp hai hạt xá-lợi trong chén cơm.

Năm Chánh Quán thứ mười chín, tháng giêng. Ngài Tam tạng Huyền Trang từ Tây Thiên trở về, vua lưu ngài ở với Phòng Huyền Linh tại Trường An, rồi dùng đầy đủ nghi lễ Phật giáo rước ngài về Chùa Hoằng Phước. Hôm ấy có mây ngũ sắc che trên Kinh Tượng. Tháng hai ngài đến Lạc dương, vào yết kiến vua ở điện Nghi Loan, vua hỏi sự việc ở Tây Vức và ban chiếu mời ngài soạn Tây Vức Ký, kể rõ phong tục, sông núi của cả trăm nước mà Sử trước nay chưa ghi. Vua ban chiếu mời ngài đến chùa Hoằng Phước cùng Sa-môn Đạo Tuyên... phiên dịch.

Năm thứ hai mươi, tháng bảy, ngài Trang Pháp sư dâng biểu trình vua: Kinh Tân Dịch Bồ-tát Tạng, Hiển Dương Thánh Giáo Luận... gồm

năm bộ mời vua viết tựa.

Vua ban chiếu mời ngài Pháp Hoa Trí Oai Thiền Sư, bổ nhiệm thêm bốn Đại sư Chức Triều Tán Đại Phu. Tiền thân của ngài Trí Oai là Trần Bộc Xạ Từ Lăng nghe ngài Trí Giả giảng kinh, nhân đó lập năm nguyện:

1. Khi lâm chung được Chánh niệm.
2. Không đọa vào tam đồ.
3. Được thác sinh trong loài người.
4. Được xuất gia từ bé.
5. Không ở trong hàng Tăng tầm thường.

Sau được sinh vào nhà Tấn Vân Chu Thị. Năm ông mười tám tuổi, khi sắp cưới vợ, giữa đường gặp vị Phạm Tăng bảo ông rằng: "Cậu kia sao có ý muốn trái lại với lời thề xưa?", nhân đó nhắc lại năm nguyện. Ông nghe xong không trở về nhà nữa, liền đến chùa Quốc thanh, kính ngài Chương An làm thầy, thọ nhận tâm yếu, liền chứng Pháp Hoa Tam-muội.

Năm Chánh Quán thứ hai mươi hai, vua đến cung Ngọc Hoa ở Phường Châu mời ngài Huyền Trang vào gặp, vua nói: Trẫm ở Kinh chịu khổ nóng nực nên đến đây tìm cái mát của suối đá núi non, nhớ muốn gặp Sư nên khiến Sư phải khổ cực. Hôm nay đã dịch được Kinh gì? Huyền Trang thưa: Mới dịch xong Di-lặc, Du-già Sư Địa Luận. Vua tự đọc và luận bàn, bảo quan hầu cận rằng: "Phật giáo to rộng như nhìn ngắm trời biển không thấu suốt hết chỗ cao sâu, còn sách vở Cửu Lưu chỉ như lửa đóm vũng lầy mà thôi! Đời nói Tam Giáo ngang nhau là lời lầm lạc." Nhân đó ra lệnh cho Hữu Ty chép kinh luận mới dịch thành nhiều bản ban tặng cho các Tổng Quản Cửu Đạo (thời đó chia thiên hạ làm chín Đạo), vua đích thân viết bài Đường Tam tạng Thánh Giáo Tự (Lúc đó có Thạch Bản lưu hành, lời văn đầu nói rằng: "Mãng nghe Nhị Nghi có tượng ẩn hiện che chở quần sinh", tức là bài tựa này), Chiêu Hoàng Thái tử cũng soạn bài Bồ-tát tạng Kinh Hậu Tự (hai bài Tựa này đều để ở trước Tạng Kinh). Từ đó vua luôn bình luận Pháp nghĩa không ngớt, kính đãi Pháp sư như người thân trong nhà. Có lần hỏi Sư rằng: Muốn giúp ích Pháp Môn phải làm gì trước? Sư thưa: Hoằng Pháp cần người, độ Tăng là trước nhất. Vua rất vui.

Tháng chín, vua ban chiếu ở Kinh Thành và các Quận các nơi đều độ Tăng, mỗi chùa năm vị, tất cả độ được một vạn bảy ngàn người.

Tháng mười, vua xa giá về Kinh Sư, sắc lệnh cất Viện Hoằng Pháp ở phía Tây điện Tử Vi trong Đại Nội tại Bắc Khuyết mời Trang Sư

đến ở và tuyển chọn bảy vị danh đức cùng theo Sư, ngày thì luận Pháp cùng vua, tối lại về viện dịch kinh. Vua bảo dịch Đạo Đức Kinh ra Phạm văn để gởi sang Tây Trúc. Sư thưa: Phật Lão hai giáo rất khác nhau, đâu thể dùng lời Phật để thông nghĩa Lão. Vả lại Lão Tử lập nghĩa cạn cợt ngoài da, Ngũ Trúc xem qua tất thấy sơ sài mà bỏ.

Tổ thứ tư là Đạo Tín Thiền sư ở tại Phá Đầu Sơn. Có vị Lão Tăng hiệu là Tài Tòng Đạo Giả thưa rằng: Con có thể nghe đạo pháp được chăng? Tổ nói: Ông già rồi, dù có nghe được, làm sao hoằng hóa, nếu tái sinh ta có thể đợi.” Ông lão bèn đi dọc theo bờ nước thấy có nàng Chu Thị đang giặt áo, vái chào xin ngủ nhờ qua đêm. Cô gái bèn thụ thai. Cha mẹ đuổi đi. Ngày nàng kéo sợi mướn trong làng, tối ngủ ở quán khách. Khi sinh được một đứa con trai bèn đem bỏ xuống nước. Sáng hôm sau đứa bé trôi ngược dòng, rất kháu khỉnh, bèn ẵm về nuôi. Cậu bé thường theo mẹ xin ăn. Gặp Tứ Tổ ở giữa đường tại Huỳnh Mai. Tổ bèn nói với bà mẹ xin cho cậu xuất gia, đó là Hoằng Nhẫn Thiền Sư. Nối nghiệp Tổ ở Đông Sơn truyền đạo rộng khắp. Quán khách sau này là chùa Phật Mẫu. Ở Đông Thiền có gò Phật Mẫu (Lâm Gian Lục). Tứ Tổ lên chót núi Lô Sơn nhìn về Phá Đầu Sơn thì thấy khí tía ùn lại như hình cái lọng, bên dưới có luồng khí trắng nằm ngang chia làm sáu đường. Đem việc hỏi Đại chúng thì Hoằng Nhẫn nói: Phải chăng sau Hòa thượng Phật pháp sẽ sinh ra một nhánh mới? Tổ bảo: Đúng vậy (Truyền Đăng Lục).

Tháng mười hai, Hoàng Thái tử vì Văn Đức Hoàng hậu lập chùa Từ Ân chọn năm mươi vị Đại Đức tại kinh thành đến ở, mỗi vị độ được sáu thị giả. Vua ban sắc cho Thái Thường Cửu Bộ dùng lễ nhạc đón rước các bản kinh chữ Phạm, hình tượng, xá-lợi và năm mươi Đại Đức vào chùa. Vua đứng trên lầu An Phước Môn bưng lò hương chí kính.

Năm Chánh Quán thứ hai mươi ba, tháng tư, vua đến cung Thúy Vi, mời ngài Huyền Trang cùng theo. Vua than: “Tiếc rằng cùng Pháp sư gặp nhau quá muộn, ý hoằng pháp chưa trọn.” Đến tháng năm thì vua băng.

Đời Cao Tông: (tên Trị, con thứ chín của Thái Tông)

Năm Vĩnh Huy thứ nhất, vua ban chiếu bổ ngài Thiên Cung Tuệ Oai Thiền Sư làm Tứ Đại sư Triêu Tán Đại Phu.

Năm thứ hai, Tứ Tổ là Đạo Tín Thiền sư ngồi yên mà tịch, tháp ngài ở chùa Huỳnh mai tại Đông Sơn. Ngày tám tháng tư năm sau, cửa tháp tự mở, dung mạo của Tổ như còn sống. Môn nhân không dám đóng

cửa tháp lại.

Ngài Pháp Hoa Oai Thiền sư truyền Chỉ Quán Pháp Môn cho ngài Tuệ Oai Thiên Cung Thiền Sư.

Sa-môn Thiện Phục ở chùa An quốc tại Thường Châu thường nói pháp cho chúng, từng nói rằng: "Làm hạnh từ không sát hại là cửa chánh của Phật giáo. Nếu tôn thờ mà không vâng làm, cũng như giảng về Lễ mà ngông nghênh xấc láo." Sư lại khuyên người tu Lục Đạo Cúng vì những người đã chết Không thoát khỏi tam đồ (Cao Tăng Truyện).

Năm Vĩnh Huy thứ ba, Pháp sư Huyền Trang xin xây tháp ở chùa Từ Ân để thờ xá-lợi và kinh tượng Tây Thiên.

Sa-môn Trung Thiên Trúc là Vô Cực Cao đến Trường an dịch Đà-la-ni Tập Kinh. Lúc đó ngài Na-đề ở chùa Từ Ân dịch kinh. Ngài Địa-bà-sa-la ở chùa Hoằng Phước dịch kinh. Cùng một lúc truyền dịch tuyển chọn kỹ lưỡng làm rạng rỡ pháp môn.

Năm thứ tư, nước Nhật Bản sai Sa-môn Đạo Chiêu vào Trung Quốc theo học với Trang Pháp sư và được truyền pháp.

Năm thứ sáu, khi xưa ngài Trang Pháp sư dịch Nhân Minh Luận thì Thượng Dược Lữ Tài chú giải hơi sai lệch. Pháp sư Tuệ Lập viết thư cho Tả Bộc Xạ Vu Chí Ninh để bài xích Lữ Tài. Thái Thường Bác Sĩ Liễu Tuyên hặc tội Tài là đặt điều nói bậy. Vua ra chỉ Công Khanh học sĩ dắt Tài đến chùa Từ Ân để đảnh lễ sám hối Pháp sư.

Ngài Phật-đà Đa-la nước Kế Tân ở chùa Bạch mã dịch kinh Viên Giác. Ở Cối kê có vị Tăng lạ đến chùa Vĩnh hân, mắt biếc, dáng gầy thanh tú tự xưng ta là Khang Tăng Hội, nói xong đứng mà hóa. Chúng trong chùa rất kinh dị, bèn sơn thân Sư mà thờ, cầu đảo liền ứng nghiệm.

Năm Hiển Khánh thứ nhất, tháng giêng, lập Đại Vương Hoằng làm Hoàng Thái tử, nhân đó thiết lễ trai Tăng năm ngàn vị ở chùa Từ ân.

Vua sai Bộc Xạ Vu Chí Ninh Lại Bộ Thượng Thư đến giúp, gồm dịch kinh và nhuận văn.

Tháng ba, vua viết xong lời bia chùa Đại Từ Ân, Trang Pháp sư dâng biểu khen tạ ơn.

Tháng năm, Trang Pháp sư bệnh, vua sai Ngự Y Tưởng Hiếu Chương trị bệnh. Nhân đó Sư tấu xin hai việc:

1. Năm Chánh Quán để tên, ngôi vị của Lão Tử trước Phật, đã từng đối mặt trình bày cùng Tiên Đế và được hứa sẽ sửa đổi.

2. Đầu năm Vĩnh Huy, vua ban sắc các Tăng và Đạo có lỗi khó biết thì có thể cùng dùng luật tục để tra xét. Các quan ở biên giới xa xôi

thường gông cùm đánh đập làm nhục pháp môn. Vua nói: Việc Danh Vị của Phật và Đạo do Thượng thư Bình Chương ở Tiên Triều, còn việc xử Tăng theo luật tục thì sẽ bãi bỏ.

Tháng mười một, Võ Hậu sinh Hoàng Tử, ánh sáng lạ đầy nhà, vua ban tên là Phật Quang Vương (tức Trung Tông). Hơn một tháng, vua ban chiếu cho Hoàng Tử ở chùa của Trang Pháp sư mà cạo tóc xuất gia thọ quy giới (quy y Tam bảo và thọ năm giới).

Năm Hiển Khánh thứ hai, vua ban chiếu lập chùa Tây Minh, có mười ba Đại điện, lầu đài Lang Vũ gồm bốn ngàn khu. Vua ban chiếu mời Luật Sư Đạo Tuyên làm Thượng Tọa, Thần Thái Pháp sư làm chủ chùa, Hoài Tố làm Duy Na. Ngài Tuyên Luật Sư ở chùa Tây Minh làm Bộ Tục Cao Tăng Truyện ba mươi quyển, bắt đầu từ năm Thiên Giám nhà Lương kết thúc vào năm Chánh Quán nhà Đường.

Vua sắc lệnh các Tăng và Đạo sĩ không được nhận cha mẹ và các bậc tôn trưởng lễ lạy. Ở Kim lăng tại Ngưu Đầu Sơn Pháp Dung Thiền sư thị tịch. Sư đắc pháp với Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn, là đời thứ nhất của phái Ngưu Đầu đúng với lời ký Phật pháp sinh ra một chi mới.

Tây Thiên Bảo Chưởng Thiền sư ngồi mà viên tịch tại chùa Phố Giang ở Vụ Châu, tính ra ngài thọ một ngàn bảy mươi hai tuổi (sinh năm thứ mười chín đời Chu Oai Liệt Vương, ở thời bảy nước).

Năm Hiển Khánh thứ ba, vua ban chiếu mời Sa-môn Nghĩa Bao, Đạo sĩ Huỳnh Di... vào cung đàm luận. Đạo sĩ Lý Vinh lập nghĩa Bản Tế nói qua bàn lại bốn phen lý cùng lời tắt, vua bảo quan Huỳnh Môn dẫn Vinh ra khỏi chiếu ngồi và thưởng lụa cho Nghĩa Bao.

Nước Nhật Bản sai Sa-môn Trí Thông vào Trung Quốc cầu pháp Đại thừa.

Năm Hiển Khánh thứ tư, vua ban chiếu mời Tăng và Đạo sĩ vào cung Hợp Bích để luận nghị. Pháp sư Hội Ẩn lập nghĩa Ngũ Uẩn, Thần Thái lập nghĩa Cửu Đoạn Tri. Đại sĩ Lý Vinh mịt mờ không biết, bèn đổi lại lập nghĩa Đạo sinh vạn vật. Pháp sư Tuệ Lập phản bác cật vấn, Vinh đáp không được liền rút lui.

Vua ban chiếu lấy cung Ngọc hoa ở Phương châu làm chùa, mời Pháp sư Huyền Trang đến ở. Sư dịch kinh Bát-nhã trải bốn năm thì xong, có sáu trăm quyển. Lại dịch Bát-nhã Tâm Kinh và các kinh luận cộng bảy mươi lăm bộ.

Năm Hiển Khánh thứ năm, vua ban chiếu đón rước xương ngón tay của Hộ Quốc Chân Thân Thích-ca Phật ở chùa Pháp Môn tại Kỳ Châu đến đại hội ở Lạc dương để cúng dường. Hoàng hậu cúng hộp

vàng chín lớp nhờ Tuyên Luật Sư đưa về chùa Pháp Môn.

Ở Tây Kinh lại chùa Thắng Quang, Sa-môn Hiếu Chí có thân nhân thường tới lui, ông nhiều lần lấy trái cây của chùa cho ăn. Không bao lâu thì bị bệnh ói ra máu. Tự nói rằng mỗi khi lên cơn bệnh thì thấy Sứ giả áo đỏ dắt vào khu rừng tối đen, gió lớn nổi lên thổi tan gân cốt. Phút chốc lại dẫn lên đài quan sát thấy có một người dáng vẻ rất dễ sợ, lớn tiếng trách rằng: “Sao dám lấy trái cây của chùa cho thân nhân ăn?” Nói xong biến mất. Chí sợ quá liền tính tiền bồi thường cho chúng Tăng, hơn một tháng sau thì hết bệnh.

Bàn rằng: Phật lập cấm giới phàm Tăng coi sóc các thứ tiền bạc, thóc lúa, rau quả, khí cụ, nhà cửa, ruộng vườn của tăng trong chùa... đều là vật thường trụ của mười phương Tăng chúng không thể dùng riêng cho mình, nếu lấp liếm làm của riêng thì vật từ bốn tiền trở lên đều bị tội trộm cắp, trọn không khỏi quả báo bị đọa lạc. Nay Hiếu Chí lấy trái cây cho bà con ăn, nếu suy theo điều luật thì thuộc tội trộm tiền của thóc lúa và chặt phá cây rừng của chùa mà bị quở trách, há chẳng sợ sao?

Năm Long Sóc thứ nhất, Vương Nguyên Sách dâng lên vua xá-lợi sọ đầu Đức Phật tìm được ở Tây Thiên. Năm Long Sóc thứ hai, vua ra sắc mời Sa-môn Hội Xương cùng Hội Di đến Ngũ Đài Sơn lễ chân tượng Đức Văn-thù, chúng thấy ánh sáng khắp điện, trên không trung có tiếng khen: “Lành thay!”

Sa-môn ở Tây Thục là Hội Ninh từ Nam Hải ngồi thuyền đến nước Ha Lăng, gặp Sa-môn Trí Hiền mang phần sau của kinh Niết-bàn từ nước Sư Tử lại, liền cùng đối chiếu dịch thành hai quyển.

Năm Long Sóc thứ ba, Sa-môn Trung Ấn Độ là Phước Sinh ở chùa Từ ân dịch Trang Nghiêm Vương Kinh... ba bộ.

Năm Lân Đức thứ nhất, tháng hai, Pháp sư Huyền Trang mời chúng niệm Phật Di-lặc rồi nằm nghiêng bên hông phải mà tịch. Đêm ấy có bốn luồng sáng trắng từ giếng chiếu thẳng vào tháp chùa Từ Ân. Vua tiếc thương khóc lóc bãi triều năm ngày, nhìn tả hữu bảo rằng: “Quốc bảo đã mất thật rồi, quả thật đau lòng!” Rồi bảo dùng quan vàng quách bạc theo lệ cũ của Phật. Vua ban chiếu dùng năm thứ khen ngợi, cấp tuất... an táng ngài ở phía Đông Sản Thủy, người bốn phương tụ hội đưa tang có đến trăm vạn.

Năm Càn Phong thứ nhất, phong cho Đại Nhạc, vua xa giá đến hào yết Lão Quân, dâng lên hiệu Huyền Nguyên Hoàng Đế và gọi Thánh Mẫu (mẹ vua) là Tiên Thiên Thái hậu. Vua đến đền thờ Khổng

Tử nước Lỗ truy phong ngài là Thái Sư.

Năm Càn Phong thứ hai, ngày ba tháng mười, ngài Tuyên Luật Sư ở núi Chung nam viên tịch. Chúng nghe Chư Thiên đồng thanh thỉnh ngài về Di-lặc Nội Viện. Ngài có lần ở chùa Tịnh Nghiệp chất đá làm Giới Đàn giúp Sa-môn Nhạc Độc thọ lại Cụ giới, có vị Tăng lông mày dài (tức ngài Tân-đầu-lô hiện đời) bảo rằng: “Thuở xưa Phật Ca-diếp từng lập đàn ở đây.” Ngài bèn soạn Đàn Kinh lưu hành ở đời. Lúc xưa khi ngài ở chùa Tây minh, giữa đêm hành đạo ngồi xoạc trước bệ. Có một vị Thánh cũng ngồi xoạc ở đó. Ngài hỏi là ai? Vị ấy đáp là Bắc Thiên Vương Thái tử Na Tra vâng lệnh đến hộ vệ. Ngài nói: “Thái tử oai lực tự tại. Ở Thiên Trúc tất có Phật sự đáng làm, xin hãy đến đó.” Thái tử bèn trao cho ngài chiếc răng Phật quý. Đêm đến ngài đem ra hành đạo, ban ngày thì dấu răng dưới hang, chỉ có đệ tử Văn Khang biết mà thôi. Ngài lại giảng thuyết rộng rãi về Luật Tướng và Thánh tích ở Thiên Trúc cho hàng trời người tất cả có ba ngàn tám trăm việc đặt tên là Thiên Nhân Cảm Thông Truyện. Người trời họ Phí nói: Mỗi Tứ Vương có tám vị tướng hộ trì người xuất gia. Bắc Châu có ít Phật pháp, còn ba châu kia Phật pháp rất hưng thịnh. Hai châu Đông Tây nhiều phiền não khó dạy dỗ. Châu Nam tuy nhiều tội phạm nhưng dễ điều phục khiến họ theo thiện tâm. Đức Phật phó chúc cho Tứ Thiên Vương nếu không hộ trì người phá giới thì còn ai tu Pháp của ngài. Cho nên Tứ Vương thấy người phá giới vẫn thương xót hộ trì. Thấy một người làm thiện thì muôn lỗi đều bỏ qua.

Năm Tổng Chương thứ nhất, vua ban chiếu bá quan, Tăng, Đạo sĩ cùng tập họp tại điện Bách Phước nghị luận về Kinh Lão Tử Hóa Hồ. Sa-môn Pháp Minh bài bác rằng: Kinh này không có triều đại phiên dịch đâu không phải là ngụy tạo. Cả chúng đều ngạc nhiên không thấy có ai cải được. Vua bèn ra lệnh tìm gom tất cả ngụy bản đem đốt.

Năm Hàm Hưởng thứ hai, Sa-môn Nghĩa Tịnh từ Nam Hải ngồi thuyền đến Thiên Trúc cầu kinh. Thiền sư Thần Anh ở chùa Pháp Hải tại Tây Lương được vị Tăng tên Nghĩa Tế nước Ngô trao cho bản Thủy Lục Trai Nghi của Lương Võ Đế, bèn y theo pháp mà thiết lễ tu cúng, cảm được Tần Trang Tương Vương, Trương Nghi, Trần Chẩn và các vua tôi thời Liệt Quốc hiện hình đến tạ ân (thấy rõ trong Quang Hiển Chí).

Năm Hàm Hưởng thứ ba, vua ra sắc lệnh ở núi Long Môn tại Lạc dương khắc khám đá tượng Phật Lô-xá-na cao tám mươi lăm thước.

Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn truyền pháp cho Hành Giả Tuệ Năng. Lúc xưa khi Tuệ Năng mới đến, Tổ hỏi từ đâu tới? Đáp: Từ Lĩnh Nam.

Tổ hỏi: Cần việc gì? Đáp: Chỉ cầu làm Phật. Tổ nói: Người Lĩnh nam không có Phật tánh. Sư thưa: Người thì có Nam Bắc, Phật tánh đâu phải thế! Tổ lấy làm lạ bảo đi xuống nhà giả gạo. Sư bèn vào phường cối mang đá mà giả gạo. Trải tám tháng, Ngũ Tổ bảo chúng mỗi người làm một bài kệ, nếu nói ý phù hợp thì sẽ trao cho y bát. Lúc đó trong hội có bảy trăm chúng mà ngài Thần Tú đứng đầu. Trên vách hành lang ngài viết kệ rằng:

Thân là cội Bồ-đề
Tâm như đài gương sáng
Luôn siêng năng lau quét
Đừng để dính trần ai!

Tuệ Năng nghe đọc liền bảo: Hay thì thật hay nhưng ý nghĩa chưa trọn. Đến đêm ngài nhờ chú tiểu đến vách viết dùm kệ rằng:

Bồ-đề vốn không cội
Gương sáng cũng không đài
Xưa nay không một vật
Cần gì quét trần ai?

Ngũ Tổ hay biết, đêm đến sai người mời Tuệ Năng bảo rằng: Đức Phật đem chánh pháp Nhãn Tạng lần lượt trao truyền, ta nay truyền cho ông và giao cho ông Y Ca-sa để làm tin. Tuệ Năng lễ tạ rồi mang y lui ra. Suốt đêm đi nhanh về Phương Nam. Lúc đó Thượng Tọa Đạo Minh nghe biết liền đuổi theo đến Đại Dữu Lĩnh. Tuệ Năng liền để y bát trên đá bảo rằng: "Y này để làm tin, dùng sức mà lấy được thì xin ngài cứ lấy." Tuệ Minh dở y lên không được bèn nói: Tôi tới đây cầu pháp chứ không phải vì y! Ngài Tuệ Năng nói không nghĩ thiện, không nghĩ ác, chính ngay lúc ấy cái gì là bản lai diện mục của Thượng Tọa? Minh ngay lúc ấy liền đại ngộ, đảnh lễ hỏi rằng: Từ xưa nay ngoài mật ngữ mật ý ra có còn ý gì chăng? Tuệ Năng đáp: Ta nay nói ra liền không phải mật nữa, phản chiếu lại mình thì mật ở về phía ông." Tuệ Minh đảnh lễ từ tạ trở về.

Năm Hàm Hưởng thứ tư, vua ban chiếu mời Vạn Hồi Thiền sư vào cung để cúng dường. Vạn Hồi người ở Văn Hương (tại Hoằng Nông huyện Hồ) họ Trương. Năm mới mười tuổi, người Anh là Vạn Niên Tuất ở Liêu Đông. Bà mẹ là Trình thị nhớ thương anh ngài. Trong buổi đãi Tăng cầu phước, còn dư đem ra cửa mà cầu cúng thì buổi chiều tối có người cầm thư của anh đem về. Bà mẹ mới biết sự linh nghiệm thần kỳ, từ chỗ người anh đi về nhà xa cả vạn dặm. Người nhân đó gọi là Anh Vạn Hồi. Sau ông cạo tóc mặc ca-sa làm Sa-môn.

Năm Thượng Ngươn thứ nhất, vua mời Ẩn Sĩ Tôn Tư Mạo vào triều kiến rồi phong làm Giám Nghị Đại Phu. Vua hỏi: kinh Phật thứ nào lớn nhất? Tư Mạo tâu: Không gì bằng Kinh Hoa Nghiêm. Vua hỏi: Gần đây Trang Pháp sư dịch Bát-nhã sáu trăm quyển, vì sao không lớn? Tư Mạo tâu: Hoa Nghiêm Pháp Giới là tất cả các cửa. Trong một cửa đó có thể diễn ra đại thiên quyển kinh, Bát-nhã chỉ là một cửa của Hoa Nghiêm mà thôi. Do đó vua bắt đầu trì kinh Hoa Nghiêm. Năm ấy Tư Mạo xin vua được trở về núi, vào Chung Nam ẩn cư, dốc chí về kinh Phật, trước sau viết bảy trăm năm mươi bộ kinh Hoa Nghiêm (kinh này do đời Tấn dịch ra sáu mươi quyển. Tiên Sinh rất Trường Thọ. Nếu một năm viết mười bộ thì phải tám mươi năm mới đủ được bảy trăm năm mươi bộ). Ông lại bỏ chỗ ở cũ và sửa nhà ở Ngọc Sơn làm chùa, tuổi đã một trăm năm mươi. Lều cỏ chiếu sang hàng xóm khen ngợi. Mạo lớn tiếng nói Chánh nhất thì xưa có Trang Tử, còn thâm nhập Bất nhị thì nay là Duy-ma-cật (thấy ở Hoa Nghiêm Cảm Ứng Truyện và Đường Bản Truyện). Tư Mạo ở Chung Nam cùng Tuyên Luật Sư rất thân thiện. Lúc đó có hạn hán lớn. Có vị Tăng ở Tây Vức ở ao Côn Minh lập đàn cầu mưa. Đã bảy ngày nước rút đi mấy thước. Có một cụ già ban đêm đến Sư Tuyên cầu cứu, tự xưng là rồng trong ao. Sư bảo hãy đến cầu cứu với Tôn Tiên Sinh. Ông lão đến nhà, Tư Mạo nói rằng: Ta nghe ở Long cung Côn Minh có ba mươi bài thuốc tiên, ngươi hãy truyền nó cho ta, ta sẽ cứu cho. Cụ già nói cõi này Thượng đế không cho truyền ẩu nay việc đã qua gấp bỗng mang toa thuốc đến trước. Tư Mạo bảo: Ông cứ về đừng lo, nước trong ao đã đầy tràn. Tư Mạo đem ba mươi quyển có phương thuốc ngàn vàng, mỗi quyển để một toa. Đời chưa được thuốc thì ông đã qua đời.

Theo Tương Sơn Dã Lục nói rằng: Xưa tại Thành Đô, có vị Tăng tụng kinh Pháp Hoa có linh nghiệm. Một sáng có đứa tiểu đồng mời Sư vào khe núi. Thấy ở bên kia khe có một gác gỗ, tiểu đồng vào báo rồi ra bảo vị Tăng rằng: Tiên sinh thỉnh Sư tụng kinh đến phẩm Bảo Tháp. Tiên sinh áo quần nhà quê chống gậy Lê, hai lông mày dài rũ xuống vai, đốt hương vòng tay nghe kinh. Lại vào trong dọn cơm rau nhưng ngon ngọt như Cam lồ và cúng cho một hoàn (Ngu Thư nói phạt một trăm hoàn, một hoàn là sáu lượng vàng. Nay nói một hoàn là khoảng một trăm tiền). Tiểu đồng đưa Sư đến nửa đường. Sư hỏi tiên sinh họ gì. Tiểu đồng thưa họ Tôn. Lại sách ở trong tay Sư có đề chữ Tư Mạo. Vị Tăng sợ hãi than thở thì tiểu đồng biến mất. Khi trở lại tìm kiếm đến ba ngày thì cỏ cây chằng chịt. Trở về nhà xem lại số tiền cúng thì một

trăm tiền vàng. Do một bữa ăn đó mà thân không tật bệnh. Đường Sử nói ông một trăm năm mươi tuổi, khi Dã Lục thỉnh tụng kinh là lúc nước mới lập, thì đã ba trăm năm vậy.

Năm Nghi Phụng thứ nhất, Sa-môn Nhật Chiếu ở Trung Ấn Độ đến Kinh Sư dịch Phương Quảng Đại Trang Nghiêm Kinh v.v... mười tám bộ. Thuở xưa Sa-môn Phật Đà-ba-lợi ở nước Kế Tân đến Ngũ Đài lạy Đức Văn-thù thì gặp một cụ già bảo rằng: Cõi này nhiều người làm ác, Chú Phật Đảnh Tôn Thắng là bí phương để trừ tội lỗi, nên về Tây Vức lấy Kinh đó đem truyền bá", bỗng biến mất. Ba Lợi trở về lấy Kinh dâng lên vua. Vua sai Đỗ Hành Khải và Nhật Chiếu cùng dịch, giữ Kinh lại trong Nội điện. Ba Lợi khóc lóc tâu rằng: Chí của thần là muốn truyền bá Kinh này đâu thể giữ kín được. Vua trả lại bản kinh tiếng Phạm. Ba Lợi bèn ở chùa Tây minh cùng Sa-môn Thuận Trinh dịch lại. Xong liền mang bản tiếng Phạm vào Ngũ Đài và không trở lại nữa.

Hành giả Lư Tuệ Năng đến Quảng châu ở chùa Pháp Tánh gặp Ấn Tông Thiền sư cạo tóc cho, rồi thỉnh ngài Luật Sư Trí Quang cùng ở chùa ấy lập Đàn truyền cho Năng giới Cụ Túc. Đàn này là ngài Cầu-na-bạt-đà tạo ra ở đời Tống. Từng Ký rằng: Sau sẽ có nhục thân Bồ-tát thọ giới ở đây. Lại ngài Chân Đế đời Lương có trồng bên Đàn này hai cây Bồ-đề cũng ký rằng: Một trăm hai mươi năm sau có vị Đại sĩ ở dưới cây này nói đạo Vô thượng. Đến khi Sư Tuệ Năng ở dưới cây này triển khai Pháp môn Đông Sơn, rõ ràng rất phù hợp với ký trước. Năm sau ngài trở về Thiều Châu, ở chùa Bảo Lâm tại Tào Khê.

Năm Nghi Phụng thứ hai, Khi xưa Đỗ Hành Khải đã dịch kinh Tôn Thắng gặp tên Húy trong nước đều tránh đi như chữ Thế Tôn thì sửa là Thánh Tôn, cứu trị sửa là cứu trừ (vì vua Thái Tông tên là Thế Dân, vua Cao Tông tên là Trị). Vua nói: Lời của kinh Phật đâu nên kiêng húy, bèn ra lệnh cải chánh.

Tăng Trí Hoài ở chùa Quốc thanh làm Trực Tuế đem mười tấm vải của Thường trụ cho Huyện Thừa Thủy Phong là Lý Ý Cập (Huyện Thiên thai bây giờ vào thời Tùy Đường là Huyện Thủy Phong) đã lâu mà không trả lại. Hoài chết rồi làm gia nô cho chùa, lưng có chữ Trí Hoài. Sau đó Thừa cũng chết ở lưng cũng có chữ Lý Ý Cập (thấy trong Minh Tường Ký).

Lời bàn: Thời nay phần nhiều các nhà quyền thế lấy việc ân lệ mà mạo chiếm các tự viện, con cái của quan viên thấp thường gian dối lấy đất chùa núi tạo mồ mã là nhốt cha mẹ vào đất bất nghĩa và tiền của lúa thóc tre gỗ bốn mùa đều chặt lấy coi đó là việc bình thường. Không

nghĩ rằng ngày kia phải đền trả cái khổ địa ngục. Là Nho là Quan mà không may lại có quan niệm như thế, rồi lấy đó mà dạy con cái, trách kẻ giúp việc thì kẻ nhỏ được mà người lớn sai không tự cảnh giác ư? Lý Ý Cập làm gia nô cho chùa chỉ là một quả báo quá nhẹ. Cho nên nay nêu ra để tiêu biểu, hầu răn cấm những kẻ ưa gây các trọng tội.

Năm Nghi Phụng thứ ba, Lão Quân giáng xuống Thanh Triều ở Núi Bắc Mang, vua sắc lệnh cho Đạo sĩ Lệ Tông Chánh, ngôi thứ trong chùa thì đứng sau các Vương và khiến tiến cử người gồm thông Đạo Đức Kinh của Lão Tử.

Bàn rằng: Từ khi có Phật đến nay, Đời gọi Phật Lão, lập văn ở bậc dưới. Ngô Hám Trạch gọi Đạo thờ trời, mà trời lại thờ Phật. Lý Sĩ Khiêm đời Tùy luận sự hơn kém của Tam Giáo bảo rằng Phật là mặt trời, Lão là mặt trăng còn Nho là năm sao. Ngụy Thâu soạn ra Bắc Ngụy Phật Lão Chí, đều sắp Tăng trước Đạo sĩ sau, nghĩa này đã nhất định. Vua Đường Thái Tông bảo Lão Tử họ Lý đó là Quốc Tổ, bèn khiến đứng trước Phật, trái lý thất lễ há là ý của Lão Tử sao? Thái Tôn là minh quân nhưng cũng có lúc ngu tối. Đến thời Cao Tông lại dùng Đạo sĩ Lệ Tông Chánh trái lý thất lễ lại càng ngu hơn. Sau đó Võ Tông lại chuộng Đạo Lão bỏ Phật thì rõ là hai vua và Giáo cùng ngu.

Năm Điều Lộ thứ nhất, chủ chùa Khải Phước ở Phần Châu là Tuệ Trừng bị bệnh uống sữa bò mà chết. Tăng trong chùa là Trường Ninh thấy Trừng về hình sắc tiều tụy bảo rằng: "Vì dùng lẫn lộn của Tam bảo chịu khổ khó tả. Các tội khác nhẹ hơn chỉ có tội lấy vật của Già-lam là nặng nhất, xin ban ơn cứu giúp." Ninh bèn tụng kinh sám tội cho. Khoảng hơn tháng sau thì Trừng đến cảm tạ rằng: Nhờ cứu giúp nên đã được dứt khổ, đang ở riêng một chỗ nhưng chưa biết ngày nào được giải thoát.

Bàn rằng: Làm Sa-môn mà không biết rõ nhân quả, lén lấy vật của thường trụ dùng riêng cho mình. Người dùng người nhận đều chia chung cái khổ ấy. Nhẹ thì làm nô dịch trâu bò, nặng thì chịu vạc nước sôi lò than nóng. Luận về báo ấy đâu không đau xót ư? Đến như quyền quý mà không biết quả báo nghĩa là gì. Vì vậy cam nhận bánh của Tăng ngu mà không biết là quấy, chiếm đất làm mồ mả, bán thiếp ở viện, hoặc chủ hoặc khách đều bị tội. Như hạng người này phải nên biết mắc cở.

Năm Vĩnh Long thứ nhất, Sa-môn Trí Vận ở núi Long Môn tại Lạc dương, tạc đá được một vạn rưỡi tượng Phật.

Năm Vĩnh Thuần thứ nhất, tháng mười một, Pháp sư Khuy Cơ ở

Từ Ân thị tịch. Vua sắc lệnh các chùa đều vẽ hình ngài để thờ. Ngài học với ngài Huyền Trang về Du-già Sư Địa, Duy Thức Tông Chỉ, hiệu là Bách Bộ Luận Chủ. Đời tôn là Từ Ân Giáo (Trang Pháp sư được ngài Giới Hiền truyền cho Tam Thời Giáo: một là Có, hai là Không, ba là Không Có Không Không).

Năm Vĩnh Thuần thứ hai, Sa-môn Đạo Thế ở chùa Tây Minh là em của ngài Tuyên Luật Sư. Đã từng thấy Giáo tạng sâu rộng người học khó xem, nên soạn ra Pháp Uyển Châu Lâm một trăm quyển, phân rõ các môn loại, người xem rất tiện.

Đời Tắc Thiên Võ Hậu (tên Anh, lúc xưa tuyển vào cung là Tài nhân. Khi Thái Tông băng thì ra làm Ni ở chùa Cảm Nghiệp. Cao Tông đến chùa hành hương, liền nạp vào hậu cung phong làm Chiêu Nghi. Năm sau lại lập làm Hậu.

Năm Hoằng Đạo thứ nhất, vua Cao Tông băng hà, Hoàng Thái tử lên ngôi tức là Trung Tông. Năm Quang trạch thứ nhất thì phế Trung Tông làm Lô Lăng Vương, Võ Hậu tự nhiếp chánh (chữ Anh do Võ Hậu tự chế).

Năm Thùy Cũng thứ ba, ngài Tam tạng Bồ-đề-lưu-chí ở Nam Thiên Trúc đến.

Năm Vĩnh Xương thứ nhất, ngài Tam tạng Nghĩa Tịnh đem bản chữ Phạm Ký Thất Lợi ở nước Phật Thệ soạn ra Nam Hải Ký Quy Truyện, Cầu Pháp Cao Tăng Truyện. Vì năm ấy ngài trở về Quảng châu, mùa Đông lại đến nước Phật Thệ.

Sa-môn Đạo Sưởng ở chùa Bạch Tháp ở Dương châu, quản lý các vật của Tăng nên tự do lấy dùng. Bỗng có mấy quan viên ở Âm Phủ giữa ban ngày vào phòng kéo Sưởng xuống đất định cắt cổ. Sưởng hoảng kinh xin tha mạng. Quan lớn tiếng bảo: “Gom hết của tiền trong phòng đem trả lại Tăng, sẽ cho ngươi sống lại.” Sưởng cúi đầu thưa: “Không dám trái lệnh”. Liền đánh chuông tập chúng, bỏ hết áo xống của cải, tạo tượng thiết trai, ba ngày sau Quan ở Âm Phủ đến thấy Sưởng một bát một y, không nói gì bỏ đi. Từ đó Sưởng càng tiến tu, sau trở thành một bậc có đức hạnh.

Năm Tải Sơ thứ nhất, vua ra sắc cho Sa-môn Pháp Lãng chín người... cùng dịch lại Kinh Đại Vân, phong chức Huyện Công, ban cho Tử y và đãi Ngân quy (ban cho Tử Y bắt đầu từ đây).

Năm Tải Sơ thứ hai, vua ban sắc theo phép cũ Tăng ni ở trên Đạo sĩ Nữ Quan. Lại ban sắc lệnh mời Thần Tú Thiền sư ở Kinh châu vào kinh sư hành đạo. Trải qua ba triều đại đều kính lễ ngài làm Quốc Sư

(Ngài là dòng phụ của Ngũ Tổ). Sa-môn Thiên Trí ở nước Vu-điền dịch kinh, tạo tượng công đức... sáu bộ.

Năm Như Ý thứ nhất, Vua ban sắc dẹp bỏ việc giết mổ câu cá trong thiên hạ.

Năm thứ hai, ngài Thiên Cung Oai Thiền sư truyền Chỉ Quán Pháp Môn cho ngài Tả Khê Lãng Thiền Sư. Sa-môn Bảo Tư Duy ở Bắc Ấn Độ dịch Văn-thù Nhất Tự Chú Kinh... bảy bộ. Sa-môn Pháp Hy ở Nam Ấn Độ dịch kinh Bảo Vũ... mười bộ. Ở Giáng Châu có hai đồng nữ theo Ni Sư xuất gia. Ni Sư tụng kinh Hoa Nghiêm, một hôm Ni Sư ngồi mà tịch, hai cô bé thất vọng sáng sáng đều đến phần mộ kêu khóc.

Năm thứ ba, từ đất bỗng mọc lên năm nhánh Hoa Sen. Quân tâu lên vua. Tắc Thiên ra lệnh kiểm xét gốc hoa thì thấy từ lưỡi của Ni Sư mọc ra. Bèn triệu hai cô gái vào cung nội, tự tay xuống tóc và cho ở chùa Thiên Nữ. Bắt đầu khiến trên kinh Phật viết chữ 卍 (vạn) là nơi tập họp muôn Đức tốt đẹp của Như Lai, đọc là Vạn (theo Hoa Nghiêm Âm Nghĩa. Viết là Đại Chu Trường Thọ. Vì Võ Hậu có lần đổi tên Đường gọi là Chu, niên hiệu là Trường Thọ, sau đổi là Như Ý).

Phiên Dịch Danh Nghĩa có dẫn Toản Yếu rằng: Lồng ngực Như lai có tướng Đại nhân, hình như chữ tên là Cát Tường. Hải Vân, lại viết là Lễ, tức là tướng Cát Tường Thắng Đức, do tóc xoay về phía hữu mà có hình chữ 卍 (vạn) là chữ của Ấn Độ, chữ 卍,萬,万 là chữ cõi này, đều đọc là vạn.

Năm Diên Tải thứ nhất, vua ban sắc cho Tăng Ni khắp thiên hạ theo cựu lệ là Ty Tân (tức là chùa Hồng Lô) nay đổi lại thuộc Tự Bộ (vì Phật giáo có giúp nước, cứu người và cầu phước giải tai ách).

Phất Đa Đản người nước Ba Tư (người nước Tây Hải Đại Tần) đem các Kinh ngụy giáo của Nhị Tông đến Triều.

Bàn rằng: Thời Thái Tông thì Mục Hộ ở Ba Tư dâng lên vua Đạo thờ lửa, vua cứu mà lập chùa Đại Tần. Đến thời Võ Hậu thì Phất Đa Đản lại dâng kinh Nhị Tông. Sau đó khoảng năm Đại Lịch thì các Châu Kinh, Dương, Hồng, Việt... mỗi nơi đều lập chùa Mâu-ni. Đây là Ma giáo tà đạo. Người dân ngu dễ tin theo. Do vua quan nhiều triều đại và các bậc danh đức đương thời không phân biệt chỗ dị đồng, để phân biệt tà chánh, nên để cho các Đạo ấy lưu hành ở đời mà không ngăn cấm. Bởi đó là chín mươi lăm nhóm ngoại đạo ở Tây Thiên. Lương Chữ nói: Căn cứ theo Pháp lệnh của nước ta thì đối với những người lấy kinh Nhị Tông và các thứ không phải kinh tạng mà chép thành văn kinh không nguồn gốc và những truyện, tập để mê hoặc người thì luận tội là tả

đạo. Về Nhị Tông tức là nam nữ không có cưới hỏi, lấy nhau không nói năng, bệnh không uống thuốc, chết chôn trần truồng... Về Kinh không nguồn gốc, đó là Phật Phật Thổ Luyến Sư, Phật Thuyết Đề Lệ, Kinh Đại Tiểu Minh Vương Xuất Thế, Khai Nguyên Quát Địa Biến Văn, Tề Thiên Luận, các loại Ngũ Lai Tử... Đạo này không ăn thịt, uống rượu, ngày ngủ đêm thức, dùng hương làm tin, thầm lén giao hoan gọi là bạn lành. Một hôm Quận Ấp có hiềm khích nhỏ thì dựa vào đám sài lang nổi loạn như bọn Phương Lạp Lữ Ngang... Họ bảo rằng Thiền sư trong thiên hạ chỉ truyền cho Lư Hành Giả mười hai bộ Giả Thiền, còn chúng ta là Chân Thiền. Có người nói: Ngài Bồ-đề Đạt-ma trồng giống Tâm Địa Thấu Linh Đài. Có kẻ hỏi: Cuối cùng rồi về đâu? Thì bảo: Không lên trời, không xuống đất, không cầu thành Phật cũng không đến các đường khác, cứ thế mà đi thẳng. Như thế là ma giáo, kẻ ngu thường thích làm môn đồ của họ vì cho là họ không sát sinh, không uống rượu ăn thịt và đồ cay nồng rất nghiêm khắc. Có Sa-môn bê bối thì bị họ chê bai. Người xuất gia giữ giới Pháp há không tự gắng sao?

Ở Kinh sư có cô gái tự xưng là Thánh Bồ-tát. Thái hậu mời vào gặp, điều cô nói đều linh nghiệm. Lúc đó có ngài Đại An Thiền sư đến. Thái hậu đón mời vào cung bảo cô gái ra gặp. Ngài Đại An nói: “Ta nghe nhà ngươi khéo quan sát tâm, vậy tâm ta hiện ở đâu?” Cô gái đáp: “Tâm ngài đang ở trong cái linh của Luân tướng trên đầu tháp”. Lại hỏi, thì đáp: “Hiện đang nghe pháp trong cung Di-lặc trên cõi trời Đâu-suất”. Hỏi lần thứ ba thì đáp là ở cõi trời Phi Phi Tưởng... đều đúng cả. Thái hậu mừng rỡ. Ngài Đại An lại hỏi thì cô gái không biết trả lời. Ngài Đại An trách rằng: “Tâm ta đang ở địa A-la-hán, ngươi đã không biết, nếu đến địa Bồ-tát và chư Phật thì làm sao biết được?” Cô gái nghẹn lời xấu hổ sợ sệt bèn biến thành con chồn cái phóng xuống thềm chạy mất (Quảng Dị Ký).

Năm Chứng Thánh thứ nhất, Thái hậu vì bộ Hoa Nghiêm dịch ở đời Tấn các Xứ Hội chưa đầy đủ, bèn sai sứ sang nước Vu-điền đón ngài Thật-xoa Nan-đà ở chùa Đại Biến Không tại Đông Đô cùng ngài Bồ-đề Lưu-chí dịch lại (Đời Tấn dịch sáu mươi quyển bảy Xứ tám Hội. Bản dịch mới tám mươi quyển có bảy Xứ chín hội) Sa-môn Phục Lễ chuyết văn, Pháp Tạng bút thọ, Hoằng Cảnh chứng nghĩa thành tám mươi quyển, Thái hậu viết tựa. Khi mới mở Trường Dịch thì trời mưa cam lồ, ao trong nội cung mọc lên một hoa sen trăm cánh (Hoa Nghiêm Cảm Ứng Truyện nói rằng: Hoa sen ở cõi người có hơn mười cánh, ở cõi trời thì trăm cánh, ở cõi Tịnh Độ thì ngàn cánh).

Năm Vạn Tuế Thông Thiên thứ nhất, vua sai sứ ban cho Lục Tổ Tuệ Năng Thiền sư bát nước trong, Y ma nạp, trà thơm Bạch Diệp. Lại ra lệnh cho các quan thú ở Thiều Châu vỗ an các sơn môn.

Ở Lạc dương, Hoằng Đạo Quán Chủ là Đỗ Nghĩa xin làm Tăng, vua ban cho tên Huyền Nghi và ba mươi hạ lạp, lại mời ở chùa Phật thọ ký. Nghi có soạn bộ Chân Chánh Luận để tôn vinh Phật giáo.

Bàn rằng: Phật dạy người thọ giới cần nên lấy trước sau làm thứ bậc. Nay Huyền Nghi mới thọ giới mà ở trên bậc Tăng ba mươi hạ lạp. Dù nói là ân nước nhưng thật ra là trái luật Phật. Sau đó Lưu Tống lại ban cho năm mươi hạ lạp, Lương Lệnh Nhân tăng thêm ba mươi hạ lạp... đều gốc ở sự trái pháp ngày đó.

Sa-môn Tuệ Trừng ở chùa Phước Tiên, xin được ở trước miếu mà phá hủy Kinh Lão Tử Hóa Hồ. Vua ra lệnh cho Lưu Quan Thị Lãng Lưu Như Duệ... tám học sĩ bàn bạc thì họ đều bảo là các sách được ghi chép ở đời Hán Tùy không đáng dẹp bỏ.

Bàn rằng: Đường Nghệ Văn Chí có tám học sĩ và một quyển Nghị Trạng. Tuy căn cứ vào các sách đời Hán Tùy còn thuyết Hóa Hồ, mà không biết Vương Phù ngụy tạo là quấy (luận rõ trong năm Thần Long thứ nhất của vua Trung Tông).

Vua ban chiếu mời Tuệ An Thiền sư ở Tung Nhạc vào cung cấm để hỏi đạo (Dòng thứ của Ngũ Tổ). Vua ban chiếu mời Sa-di Pháp Tạng ở chùa Thái Nguyên khai giảng Tông Chỉ Kinh Hoa Nghiêm, cảm được ánh sáng từ miệng phóng ra, phút chốc thành cái lộng. Đô Giảng đem việc tâu vua, vua ban chỉ mời mười sáu vị Đại Đức ở kinh thành truyền cho giới cụ túc và ban hiệu là Hiền Thủ, rồi mời ở chùa Đại Biến Không giúp ngài Thật-xoa Nan-đà tham cứu dịch kinh Hoa Nghiêm.

Năm Thánh Lịch thứ nhất, tháng năm, ngài Tam tạng Nghĩa Tịnh từ Tây Trúc trở về. Vua xa giá ra Đông Môn đón rước ủy lạo. Vua ban chiếu rước tòa Kim Cang, chân dung Phật, Xá-lợi, Phạm Kinh về thờ ở đạo tràng chùa Phật Thọ Ký và tập chúng phiên dịch.

Năm Thánh Lịch thứ hai, tháng mười, vua ban sắc mời Pháp sư Pháp Tạng ở chùa Phật Thọ Ký giảng kinh Hoa Nghiêm mới dịch. Khi giảng đến Phẩm Hoa Tạng Thế Giới thì giảng đường và đất đai rúng động. Ngay hôm ấy dẫn ngài đến gặp vua ở điện Trường Sinh phô bày Huyền nghĩa. Ngài chỉ con sư tử vàng ở góc điện làm ví dụ thì Thái hậu hoát nhiên tỏ ngộ. Bèn phong cho Sư làm Hiền Thủ Bồ-tát Giới Sư, tóm tắt rằng: Chỉ bày Sư Tử vàng, Người học tôn xưng là Hiền Thủ Giáo.

Đặng Nguyên Anh ở Hoa Âm có người thân chết đột ngột, bảy

ngày sau thì sống lại bảo Nguyên Anh rằng: "Tôi nhác thấy Quan của Âm Phủ sai tướng bắt cha ông. Vậy phải gấp tu công đức để cầu nguyện." Nguyên Anh hỏi: Tu công đức gì để tránh được việc này? Người ấy bảo: Phải viết gấp một bộ kinh Hoa Nghiêm. Nguyên Anh liền vội mua giấy đến chùa gần đó mướn nhiều học sinh viết Kinh. Khoảng hơn tuần nhật thì Kinh viết xong và khỏi được nạn ấy. Lại ở phần mộ của mẹ ông mọc lên một cành hoa sen vào tháng mùa Đông, bên trong cành thì khô. Thái hậu lấy làm lạ bèn ban cho lập Hiếu Môn và cờ để biểu dương.

Năm Cửu Thị thứ nhất, tháng tư, Thái hậu ban chiếu các Tăng Ni khắp thiên hạ mỗi ngày thu góp một tiền để làm tượng Phật lớn ở sườn núi Bạch Ty Mã.

Thái hậu ban chiếu mời ngài Tam tạng Nghĩa Tịnh ở Đông Đô dịch kinh Kim Quang Minh Tối Thắng Vương, Thái hậu viết tựa Thánh Giáo.

Năm Đại Túc thứ nhất, ở Thành Châu đồn rằng thấy có dấu chân Phật rất to. Thái hậu ban chiếu đổi niên hiệu là Đại Túc.

Sau đây là phần chú thích ở trang ba sáu bốn.

[số 9] vua ban sắc tại Nhuận Châu lập Thái Bình Quán ở Mâu Sơn để thờ Chân Nhân Vương Viễn Tri. Xưa mẹ của Viễn Tri nằm mộng thấy chim Linh Phượng bay lượn tụ tập mà có thai. Chí Công nói: Đứa bé này sẽ là Tông Bá của Thần Tiên. Sau ông theo thờ Đạo Ẩn Cư được ban cho Tam Động Pháp. Cao Tổ lúc chưa làm vua, ông ngầm bảo Vương Phù sai Tần Vương và Phòng Huyền Linh lén đến yết kiến, ông bảo: Mới làm Thái Bình Thiên tử xin tự bảo trọng.

Tháng mười một, lúc đầu theo cựu chế của Võ Đức Thích điện ở Thái Học lấy Chu Công làm Tiên Thánh, Khổng Tử làm Tiên Sư bồi hưởng. Đến khi Phòng Nguyên Linh kiến nghị xin không cúng tế Chu Công. Cử Khổng Tử làm Tiên Thánh, Nhan Tử làm Tiên Sư bồi hưởng. Vua ban chiếu chấp nhận. Lại phong cho Khổng Tử sau làm Bao Thánh Hầu.

[Chú số 1]

Năm thứ mười bốn, vua đến Quốc Tử Giám xem Thích điện, sai Tế Tửu Khổng Dĩnh Đạt (hậu duệ của Khổng Tử) giảng Hiếu Kinh. Bèn gọi khắp các Danh Nho là Học Quan. Học sinh nào trình bày rõ một Kinh đều được Bổ thọ. Cất thêm một ngàn hai trăm gian học xá, có đến ba ngàn hai trăm sáu mươi học sinh. Các đồn trại phi kỵ cũng cung

cấp Bác Sĩ để truyền dạy Kinh này. Do đó học giả bốn phương như Cao Ly, Thổ Phồn đều cho con em đến học. Người lên tòa giảng đến tám ngàn người. Vua mời Sư nói nhiều môn, sai Khổng Dĩnh Đạt soạn định số Ngũ Kinh, khiến học trò đến học.

Bàn rằng: Hán Minh Đế đến Tiết Ung, các nhà Nho cầm Kinh đến vấn nạn, con cháu các quan đứng đầy trên cầu, cửa chợ mà xem. Người nghe có đến ức vạn. Vua Đường Thái Tông đến Quốc Tử Giám, sai Tế Tửu giảng kinh, cất thêm học xá, mời các danh Nho làm Học quan, bốn phương đều đến học. Người lên giảng đến tám ngàn. Lớn lao thay hai nhà Hán Đường, văn trị rất thạnh mà chỉ có hai vua.

Năm thứ hai mươi mốt, vua được bí sấm nói rằng: "Sau ba đời Đường, Nữ Chúa Võ Vương trị vì thiên hạ." Bèn mật mời Thái Sử Lệnh Lý Thuần Phong bàn việc. Thuần Phong tâu: Thần dùng thuật mà suy tìm thì điềm đã thành, nay ở trong cung của bệ hạ hơn ba mươi năm thì sẽ làm vua. Vua bảo: Nghi ai thì giết hết đi. Phong thưa: Mạng trời khó đổi, vả lại là Chân Vương thì không chết được. Giả sử giết hết kẻ nghi thì hại kẻ vô tội. Nên vua bèn thôi. Vua ban chiếu mời Tả Khâu Minh, Mạnh Kha, Cốc Lương, Xích Công Dương, Cao Phục Thắng, Mao Trành, Cao Đường Sinh, Khổng An Quốc, Đái Thánh, Lưu Hướng, Hà Hưu, Trịnh Chúng, Mã Dung, Lư Thực, Trịnh Huyền, Phục Kiền, Đỗ Tử Xuân, Phạm Nịnh, Đỗ Dự, Vương Túc, Vương Bật hai mươi mốt người đều theo tế cúng Tiên Thánh ở Sân Miếu.

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 40

PHẦN 7

Đời Trung Tông: (tên Hiển, con thứ bảy của Cao Tông)

Năm Thần Long thứ nhất, vua ban chiếu mời ngài Tuệ Năng Thiền sư ở Thiều Châu vào kinh nhưng ngài không đến. Vua ban chiếu khắp thiên hạ cho thi Kinh độ người. Ở Sơn Âm tại Linh Ẩn có Tăng Đồng Đại Nghĩa năm mươi hai tuổi đã tụng thông kinh Pháp Hoa, thi Kinh đậu hạng nhất. Ông Nghĩa học Chỉ Quán với ngài Tả Khê. Khi lâm chung ông ngồi mà hóa, có nhạc trời đến đón.

Vua ban sắc sai sứ đón ngài Tuệ Năng Thiền sư ở Thiều Châu vào kinh hành đạo. Ngài dâng biểu từ chối vì bệnh, vua ban cho Ca-sa và Bình Bát. Ngài khuyên Chúa Thượng nên hướng tâm mộ đạo.

Vua ban chiếu mời ngài Tam tạng Nghĩa Tịnh ở Nội đạo tràng dịch Khổng Tước Chú Vương Kinh, vua viết lời tựa Thánh Giáo đặt ở đầu Kinh. Lúc xưa vua ở Phòng Bộ, cầu cúng niệm Dược Sư Như Lai bèn mong giáng phúc. Nhân đó khiến Sư dịch kinh Dược Vương Thất Phật, vua tự bút thọ. Sư dịch tất cả là năm mươi sáu bộ kinh.

Môn hạ của Trung Thư là Bình Chương Sự Phòng Dung bị biếm ra Cao Châu, khi đến Nam Hải thì gặp Sa-môn Ấn Độ là Bát- lặc-mật-đế bèn ngăn lại mời ở chùa để dịch kinh Đại Phật Thủ-lăng-nghiêm, Dung làm bút thọ.

Tháng chín, cúng giỗ Minh Đường, vua ra lệnh đại xá, chiếu rằng: Như nghe các Đạo Quán đều vẽ hình Hóa Hồ thành Phật, các chùa cũng vẽ hình Lão Quân. Tôn dung của hai đạo đều bị hủy nhục quá mức. Từ nay trở đi đều phải dẹp bỏ. Kinh Hóa Hồ đã nhiều triều đại cấm đoán. Nếu từ nay về sau như còn Ngụy Kinh này và các Ký Lục có nói chuyện Hóa Hồ đều phải dẹp bỏ, ai làm trái sẽ căn cứ vào sắc lệnh mà luận tội. Người ở Hoằng Đạo Quán là Hoàn Ngạn Đạo dâng biểu xin giữ Kinh Hóa Hồ. Vua ban sắc rằng: Trẫm ý luôn nghĩ việc thuần lương dẹp bỏ

các giả trá. Khoảnh khắc được rảnh rang trong muôn thuở tìm xem Tam Giáo về hai thiên Đạo Đức hoặc hai đế Hữu Không, tất cả đều phô bày Huyền môn, mở lớn diệu lý. Đâu cần phải giả tạo thuyết Hóa Hồ mới làm thạnh Tông Lão Tử. Nghĩa đã sai trái thì việc cần dẹp bỏ.

Bàn rằng: Vĩnh gia Tạ Thủ Hạo soạn cuốn Lão Quân Thực Lục có dẫn lời các sách nói về các lần Lão Quân hạ sinh như:

1. Thời vua Cao Tông nhà Thương, sinh ở Hào Châu cỡi Lộc bay về trời.

2. Thời vua Trụ nhà Thương, giáng xuống ở Kỳ Sơn. Đến thời Chu Võ Vương thì làm Trụ Sử. Năm Chiêu Vương thứ hai mươi hai thì vượt qua ải trao Đạo Đức Kinh cho Doãn Lệnh, đi Tây Vức không trở lại.

3. Năm Chiêu Vương thứ hai mươi lăm lại giáng xuống ở nhà Lý Bản Quan tại nước Thục. Năm thứ hai mươi bảy thì gặp Doãn Tử tại cửa hàng Thanh Dương ở Thành Đô rồi đi Tây Vức hóa Hồ ở nước Vu-điền mà bay lên trời (các việc trên là do Thực Lục dẫn. Thủ Hạo là người thời Hiếu Tông, là học trò cũ của Lâm Linh Tố).

4. Theo Sử Ký nói năm Định Vương thứ ba thì Lão Tử sinh ở huyện Khổ nước Sở, làm Trụ Hạ Sử, được Khổng Tử ở Triều Chu đến hỏi lễ. Năm Kỉnh Vương thứ nhất thì ông vào quan ải nói đạo Đức Kinh năm ngàn lời cho Doãn Lệnh. Rồi cùng Doãn Tử đi về phía Tây đến Lưu Sa (sa mạc).

Các sự tích giáng sinh của Lão Tử trên không thể nói là không có. Cả hai thời Chiêu Vương và Định Vương đều nói là nói kinh Đạo Đức cho Doãn Lệnh. Nếu coi ông là đồng thời với Khổng Tử thì lấy đoạn văn sau là đúng.

Luận rằng: Nếu bác việc Hóa Hồ là ngụy tạo thì có đến chín thuyết. Theo Sử Ký nói về Lão Tử Truyện thì ông làm sách năm ngàn lời rồi đi, không biết chết ở đâu. Phần chú dẫn của Liệt Tiên Truyện thì nói: Doãn Hỷ và Lão Tử cùng đi Lưu Sa, không biết chết ở đâu. Nay xét theo bản Liệt Tiên Truyện đang lưu hành thì sau chữ Lưu Sa bèn thêm hai chữ Hóa Hồ, đây là lầm lỗi thứ nhất.

Doãn Tử soạn cuốn Lão Tử Tây Thăng Kinh nói: "Nghe ở Trúc Càn có Cổ Hoàng Tiên Sinh là thầy của ta." Nay trong Thực Lục không muốn Phật làm thầy bèn đổi là thân của ta, là lầm lỗi thứ hai.

Kinh Hóa Hồ nói: Lão Tử đến nước Kế Tân Hóa Hồ cạo tóc. Lúc đó là năm Chiêu Vương thứ hai mươi bảy, năm này Phật mới được hai tuổi. Thế gian lúc đó chưa nghe có Phật, chẳng lẽ nước Kế Tân lại có việc cạo tóc. Đây là điều lầm lỗi thứ ba.

Ngụy Kinh lại nói: Lão Quân bảo Doãn Tử hóa thân vàng trượng sáu gọi là Phật-đà truyền năm giới cho vua Hồ. Bản ấy nói dạy Hồ nay bèn nói dạy Doãn Tử thành Phật, là lầm lỗi thứ tư.

Ngụy Kinh (kinh Hóa Hồ) nói: "Phù Đồ vắng lặng thành hẳn âm linh, thần tiên bay lên trường sinh bất diệt." Bản văn ấy nói dạy người Hồ thành Phật chẳng lẽ khen Tiên mà chê Phật, là lầm lỗi thứ năm.

Ngụy Kinh nói: Lão Quân sai Phạm thiên Phiền Đà Vương vào thời Trang Vương thứ hai, hạ sinh làm Phật. Nhưng Phật giáng sinh từ cung trời Đâu-suất vào năm Giáp Dần thời Chiêu Vương thì không có tên Phiền Đà cũng không phải trời Phạm thiên giáng xuống, là lầm lỗi thứ sáu.

Ngụy Kinh nói: Doãn Tử dạy Xá-lợi-phất, Tân-đầu-lô, Thiện Nữ Thiên... chín mươi lăm thứ, thì đây là những đệ tử Phật Thích-ca không thể nói là do Doãn Tử hóa ra. Mà người tạo Ngụy Kinh cũng không biết Xá-lợi-phất là nghĩa gì, đây là lầm lỗi thứ bảy.

Thực Lục lầm gọi đệ tử giữ mộ Phật là Tang Môn. Ngài La-thập đổi là Tang Môn Sa-môn. Lão Quân sai Bắc Đẩu Hàng Ma nên gọi là Uế Tích Kim Cang. Lại bảo: Tiên đạo là giáo ngoại biệt truyền. Đây đều là lén mượn kinh Phật mà dối trá lập luận, là lầm lỗi thứ tám.

Thực Lục không biết thọ mạng của Phật lâu xa, chỉ thấy Kinh Quang Minh nói thọ mạng ngắn mới tám mươi tuổi, không biết là nghĩa gì, bèn lấy lời này chê Phật là chết sớm, là lầm lỗi thứ chín.

Lão Tử thì dưới là Pháp sư mà trên là Thiên Chủ, nhưng tất cả Chư Thiên không ai là không thờ Phật. Nay đạo gia dù muốn tôn đạo trọng trời nhưng lập luận sai lý, trở lại thành lỗi chê bai Phật, chẳng đáng sợ sao?

Thuở xưa Vương Phù ngụy tạo kinh này, khi chết đọa địa ngục Diêm Vương quở rằng: "Khi nào ngụy kinh ở thế gian tiêu hết thì tội ngươi mới thoát." Nay người soạn Thực Lục mạnh dạn trích dẫn văn ngụy tức cùng chịu tội như Vương Phù, chẳng đáng buồn ư? (các thuyết về Ngụy Kinh tóm tắt dẫn ra không có chép riêng).

Vua Hiếu Minh thời Ngụy Bắc Triều, hai vua Cao Tông và Trung Tông đời Đường nhiều triều đại đã dẹp bỏ, nói rõ đây là ngụy thuyết. Riêng có Triều Võ Hậu thì có tám học sĩ luận là không nên để riêng, cần phải bàn kỹ. Cho nên đời muốn giữ lại thuyết Lão Tử Hóa Hồ thì chia làm hai thuyết:

1. Xét về thời gian.

2. Căn cứ theo văn.

Thế nào là xét về thời gian? Cần biết Phật sinh vào thời Chiêu Vương, Lão Tử lại sinh vào thời Định Vương. Đến thời Cảnh Vương thì Khổng Tử ở triều nhà Chu hỏi lễ với Lão Tử. Thời gian này ở sau Phật ba trăm năm. Có thể nói là có Phật, có thể nói là có Hóa Hồ?

Thế nào là căn cứ theo văn? Liệt Tiên Truyện có nói: Lão Tử và Doãn Tử cùng đi Lưu Sa (bản xưa không có hai chữ Hóa Hồ). Hán Tương Giai Truyện nói: "Lão Tử vào Di Địch dạy làm Phù Đồ." Tấn Cao Sĩ Truyện, Ngụy Điển Lược, Tây Nhung Truyện đều nói Lão Tử dạy Nhung tục làm Phù Đồ Tùy Sử, Tây Vức Truyện, Ngụy Tống Vân Tây Hành Ký, Đường Thái tử Thực Lục... đều nói ở nước Vu-điền có chùa Tỳ Ma, là nơi Lão Tử dạy người Hồ. Thời Võ Tắc Thiên nhà Đường, có Sa-môn Tuệ Trừng xin được hủy bỏ kinh Hóa Hồ. Thái hậu ban sắc mời Lưu Như Duệ... tám học sĩ, mỗi người đều làm luận trạng, thì đều nói rằng các sách được ghi ở đời Hán - Tùy việc Hóa Hồ là thật không nên dẹp bỏ. Nay biết rõ các sách ấy nói Lão Tử vào Tây Vức dừng ở nước Vu-điền, ở phía Đông Thông Lãnh. Đây là quê hương của người Hồ không nghi ngờ gì. Nhưng nếu muốn đây là sự thực thì phải nói thế này: Lão Tử vốn là Tôn giả Ca-diếp, Đức Thích-ca-sai ngài đến hoằng hóa ở Đông độ, trước nói kinh Đạo Đức năm ngàn lời theo thế gian để thuần thục cơ duyên (nghĩa này thấy trong Đại Tạng Trũng Cơ Nhân Duyên Kinh và trong Phụ Hành). Sau mới trở về Tây Vức đem đạo Phật mà khuyến hóa Hồ Tục khiến thành đạo Phật. Như lời nói ấy thì mới hợp lý. Khi xưa Vương Phù căn cứ vào các sách mà tạo Kinh, nếu riêng dẫn nước Vu-điền là đất Hồ thì còn có thể tin được. Đến như rộng nói đến các nước Kế Tân, Duy-vệ thì không biết đây là giống Phạm, mà Hồ và Phạm thì cách nhau đến hai vạn dặm. Đâu thể lẫn lộn như đây chỉ càng lộ liễu cái giả trá ngụy tạo. Trước đã nêu ra chín lỗi lầm, nếu ai biện hộ được, tôi xin cắt lưỡi tạ tội!

Năm Thần Long thứ hai, Thái hậu ra sắc ban hiệu cho Vạn Hồi Thiền sư làm Pháp Vân Công Viên Thông Đại Sĩ.

Ngài Bắc Tông Thần Tư Quốc Sư thị tịch tại chùa Thiên Cung ở Đông Đô, vua thụy phong là Đại Thông Thiền Sư. Sư đắc pháp với Ngũ Tổ. Từ thời Võ Hậu Tắc Thiên thì mời ngài vào ở tại đạo tràng của Nội Cung, vua kính lễ ngài làm Quốc Sư, Tể Tướng Trương Thuyết đến hỏi Pháp, xin làm đệ tử.

Tháng hai, vua ra sắc lệnh tạo chùa Thánh Thiện. Sa-môn Tuệ Phạm được bổ làm Chánh Nghị Đại Phu, phong làm Thượng Dung Quận Công, các Sư Pháp Tạng, Tuệ Trân... chín vị được làm Triều Đại Phu

và phong là Huyện Công, hưởng lộc như viên quan chánh thức. Vua ra sắc mời ngài Bồ-đề-lưu-chí ở điện Phật Quang dịch kinh. Vua dự nghe giảng Pháp và đích thân làm bút thọ, bá quan cùng ngồi hầu, phi và hậu cùng chiêm lễ.

Tháng năm, vua ban Y Tử Ma Nạp cho ngài Tung Nhạc Tuệ An Quốc Sư. Ngài độ được mười bốn người đệ tử, ba năm sau ngài tịch, thọ một trăm hai mươi tám tuổi.

Vua ban chiếu cúng giỗ bảy Triều Đại đều tổ chức tại nội điện và có thiết trai hành hương. Chùa Thánh Thiện vừa xây cất xong, vua ra sắc ban thêm chức Như Ngân Thanh Quang Lộc Đại Phu cho ngài Thượng Dung Công Tuệ Phạm, sung làm chủ chùa. Ban cho Sa-môn Vạn Tuế chức Triều Tán Đại Phu, phong làm Huyện Công, sung làm Duy Na. Ban cho Sa-môn Quảng Thanh chức Kiểm Hiệu Điện Trung Giám, sung làm Công Đức Sứ.

Năm Thần Long thứ ba, vua ra sắc mời Cao An Lệnh Thôi Tư Lượng đến Tứ Châu đón ngài Tăng-già Đại sư, Sư là người Hà quốc ở Tây Vức đến Lạc dương vào thời Cao Tông, hành hóa đến Tứ Châu. Dân trong thành mừng vui sửa nhà làm chùa. Sư bảo đào đất thì được một tấm bia đề rằng: "Tề Lý Long bỏ nhà sửa làm chùa Hương Tích. Lại được tượng Phật bằng vàng." Sư bảo là Phật Phổ Chiếu Vương, nhân đó đặt là chùa Phổ Chiếu. Nhưng vì kỵ húy của Võ Hậu Tắc Thiên nên đổi thành Phổ Quang Vương. Khi Sư đến thì tôn làm Quốc Sư. Sư ra ở chùa Tiến Phước, vua và bá quan đều xưng là đệ tử. Ngài độ đệ tử là Tuệ Nghiễm, Tuệ Ngạn Mộc Xoa. Vua chính tay viết bảng Ngạch chùa.

Vua ra sắc mời Văn Cang Luật Sư vào Đại Nội an cư hành đạo

Vua lại mời ngài Bồ-đề-lưu-chí ở phía Tây chùa Sùng Phước dịch kinh Bảo Tích. Tu Văn Quán là Học sĩ Võ Bình Nhất được sung làm Phiên Kinh Sứ, Lô Tạng Dụng... nhuận văn.

Vua ban chiếu mời Luật Sư Đạo Ngạn vào Cung truyền quy giới cho Phi chủ. Vua đến các Sư đều nhường chiếu, chỉ riêng Ngạn vái dài. Vua quý trọng tiết tháo Sư bèn sai vẽ hình Sư ở Cung Lâm Quang, vua làm bài Tán khen ngợi.

Năm Thần Long thứ tư, ngày ba tháng ba, ngài Tăng-già Đại sư ngồi tịch. Vua ra sắc sơn thân ngài mà xây tháp ở chùa Tiến Phước. Bỗng mùi xú uế đầy thành. Vua ban chiếu đưa ngài về Tứ Châu thì mùi thơm ngào ngạt khắp làng. Vua hỏi ngài Vạn Hồi Tăng-già là ai? Ngài tâu: Là Quan Âm Bồ-tát hóa thân.

Tháng năm có đại hạn, vua ra sắc mời ngài Bồ-đề-lưu-chí ở chùa Sùng Phước lập Đàn cầu mưa, sau ba ngày có mưa rất to.

Vua ban chiếu thiết Đại hội Vô Già ở chùa Hóa Độ. Ngài Bồ-đề-lưu-chí dâng vua Kinh mới dịch. Vua đãi trai ở điện Quang Lâm và xem các Sa-môn luận đạo. Vua sai họa sĩ Trương Huấn vẽ hình các Đại Đức dịch kinh và các học sĩ trên vách điện. Vua đích thân viết bài tán.

Đời Duệ Tông: (tên Thả, con thứ tám của Cao Tông)

Năm Cảnh Vân thứ nhất, người em cũ của cao tổ ở Cung Hưng Thánh có cây thị đã khô héo nhiều năm, bấy giờ bỗng lại tươi tốt. Vua bèn ra lệnh đại xá thiên hạ và phong quan tước cho bá quan, khắp độ Tăng và Đạo sĩ ba vạn người. Vua lúc xưa học nội thiền và thỉnh ngài Pháp Tạng Pháp sư truyền cho Bồ-tát giới.

Năm Cảnh Vân thứ hai, vua ra sắc mời ngài Bồ-đề-lưu-chí cùng Pháp Tạng, Trần Ngoại... ở Đình Cam Lộ tại Bắc Uyển dịch kinh Đại Bảo Tích, các vị Tể Tướng Trương Thuyết, Hữu Thừa Lô Tạng Dụng, Bác Sĩ hạ Tri Chương, Trung Thư Thị Lang Lục Tượng Tiên, Thượng Thư Quách Nguyên Chấn, Thị Trung Ngụy Tri Cổ... nhuận văn và giám hộ.

Vua ra sắc cho các nhà Công Chúa Quý Phi bắt đầu lập Viện Công Đức.

Pháp Vân Công Vạn Hồi ngồi mà tịch. Vua tặng Tư Đồ Bưu Quốc Công, ra sắc bảo chôn Sư ở chùa Hương Tích tại Tây Kinh. Thời Triều Võ Tắc Thiên có mời Hồi vào Cung Cấm ban cho Cẩm Y, khiến cung nhân hầu hạ. Thái tử Trang Tuệ mới sinh, Tắc Thiên bồng ra xem. Ngài Vạn Hồi nói: “Đây là tinh túy ở Tây Vức, nuôi coi như anh em.” An Lạc Công Chúa cậy Vi Hậu mưu phản nghịch. Hồi gặp ở giữa đường bèn phun nước bọt xuống đất bảo rằng: “Mùi tanh quá không thể gần!” Sau quả nhiên An Lạc bị giết. Lúc Huyền Tông còn ở nước Phiên, đến yết kiến, ngài vỗ lưng bảo: “Năm mươi năm Thái Bình Thiên tử.” Còn Duệ Tông khi làm Tương Vương mỗi khi ra gặp, Hồi bảo người chợ rằng: “Thiên tử đến đó!”

Năm Thiên Tiên thứ nhất, Sa-môn Tây Thiên là Bà-la xin đốt đèn cúng Phật, vua ngự đến cửa Hy Môn để xem, thấy vầng đèn cao hai mươi trượng có điểm đèn vàng bạc năm trăm chén, xem như một cây Hoa.

Ngài Bồ-đề-lưu-chí... dâng lên Kinh Bảo Tích mới dịch một trăm hai mươi quyển, vua viết bài tựa Thánh Giáo đặt ở đầu kinh.

Tháng mười một, Hiền Thủ Pháp sư Pháp Tạng viên tịch, vua ban hiệu là Hồng Lô Khanh, chôn ở Thần Hòa Nguyên.

Năm Tiên Thiện thứ hai, vua ra sắc cho Thải Phỏng Sứ Vương Chí Âm ở các quận những tự viện nào không có sắc vua đều phá bỏ. Khi xưa, Sa-môn Tuệ Vân thấy phía Bắc sông Tùy có khí lạ, bèn vào Biện Châu đến ao vườn Tư Mã thấy trong nước có hình Cung Khuyết trên trời muốn lập chùa ở đấy. Bèn hóa duyên đúc tượng Phật Di-lặc trượng sáu, đem đổi lấy nhà Trịnh Cảnh làm viện. Khi đào đất thì được bia đề rằng: "Đời Bắc Tề, năm Thiên Bảo thứ sáu lập chùa Kiến Quốc", nhân đó đặt tên là Kiến Quốc. Chí Âm đến ngài Tuệ Vân lạy tượng khóc lóc báo cáo. Bỗng tượng phóng quang. Chí Âm đem việc tâu vua, vua trước đó cũng có điềm mộng lành phù hợp với việc tâu. Cho là chùa có từ lúc Tương Vương lên ngôi, nhân đó ban tên là chùa Đại Tướng Quốc.

Tháng tám, ngài Tuệ Năng Thiền sư ở chùa Quốc Ân tại Tân Châu ngồi mà tịch, bèn đem về chôn ở Tào Khê tại Thiều Châu và xây tháp ở đấy. Đời gọi là Lục Tổ.

Đời Huyền Tông: (tên Long Cơ, con thứ ba của Duệ Tông)

Năm Khai Nguyên thứ nhất, vua ra sắc lấy gỗ ở Tẩm điện để xây chùa An quốc và điện Phật Di-lặc.

Năm thứ hai, tháng giêng. Từ thời Trung Tông đến nay các hàng quý tộc thân thích tâu vua xin độ người làm Tăng. Các Phú Hộ bắt nhiều trai tráng cạo tóc để trốn sưu dịch. Tử Vi Lệnh Diệu Sùng dâng thư lên vua xin cấm việc độ Tăng, nói rằng: "Phật không ở ngoài, ngộ là do tâm, làm việc lợi ích khiến muôn dân được an ổn, đó là Phật lý." Vua chấp nhận sai quan Hữu Ty đuổi hết các Tăng Ni giả dạng, có đến một vạn hai ngàn người đều phải hoàn tục. Vua ra sắc lệnh cấm bá quan không được lập chùa, dân gian không được đúc tượng viết Kinh. Nếu ai cần thì đến chùa thỉnh lấy. Tháng hai, vua ban sắc Tăng và Đạo sĩ phải lạy cha mẹ. Đến tháng tư thì bỏ lệnh đó.

Bàn rằng: Từ đời Tấn Thành Đế đến đời Tùy Dạng Đế có bốn chiếu chỉ bắt Sa-môn phải lạy vua. Ngài Tuệ Viễn Pháp sư bảo rằng Ca-sa không phải là y phục của Triều tông. Chiêm Pháp sư nói: Tăng không có phép kính tục, bèn dẹp việc ấy. Từ đời Đường Thái Tông Minh Hoàng có hai chiếu chỉ bắt Tăng và Đạo sĩ phải lạy cha mẹ, cũng một lúc thì bỏ. Nhưng không nghe nói lúc đó luận trạng ra sao. Đâu không bảo rằng: Xét theo Luật Phật người xuất gia phải tôn trọng Tam bảo là phước điền trên đời, còn phải khiến cha mẹ lạy lại. Đâu nên trái

lời Phật dạy tùy một lúc mà lập Pháp. Việc luận nghị bãi bỏ tất không ngoài nghĩa này. Từ Minh Hoàng đến triều ta thì không còn bàn luận việc này nữa.

Năm thứ ba, vua ban chiếu mời Nhất Hạnh Thiền sư vào triều kiến. Vua hỏi về Đạo an dân trị quốc và pháp yếu xuất thế, tôn là Thiên Sư (thầy của Thiên tử). Vua hỏi: "Vận nước thế nào?" Sư đáp: "Xe loan đi vạn lý xã tắc cuối cùng được cát". Rồi dâng lên vua hộp vàng thưa rằng: "Đến Vạn Lý thì mở ra xem không bao lâu sẽ trở về". Khi có loạn An Lộc Sơn, vua đến Thành Đô tới cầu Vạn Lý chợt hiểu lời sấm "sẽ trở về", bèn thanh thản hết ưu phiền, "Cuối cùng được cát" là đến đời Đường Chiêu Tông thì chấm dứt, vì đã từng phong cho ống ấy làm Cát Vương vậy.

Năm thứ tư, ngài Tam tạng Vô Úy ở Tây Trúc đến. Trước đó Duệ Tông nghe tiếng Sư, bèn sai Tướng Quân Sử Hiến ra Ngọc Môn tiến đón. Lúc đó vua mộng thấy một vị Tăng lạ vào yết kiến, bèn sai vẽ hình dung vị Tăng ở trên vách. Khi Sư vào bệ kiến thì so với hình trên vách không khác chút nào. Vua mừng bảo trang hoàng Nội đạo tràng mời ngài đến ở và tôn làm Giáo Chủ. Sư dịch kinh Tỳ-lô-giá-na... Tông Mật Giáo do đây mà hưng thạnh. Nước Nhật Bản sai Sa-môn Nguyên Phưởng vào Trung Quốc cầu pháp.

Năm Khai Nguyên thứ bảy, ngài Tam tạng Kim Cang Trí ở Tây Thiên đi tuần du Nam Hải đến Quảng châu, vào kinh Sư, vua mời vào triều kiến, vua ra sắc mời Sư ở chùa Từ Ân. Sư truyền Du-già Mật Giáo củ tổ Long Thọ, đến đâu đều lập Đàn Quán Đảnh độ người và cầu mưa, cầu trừ tai ương có rất nhiều ứng nghiệm.

Tại chùa Võng Cực ở Trường an, Sa-môn Tuệ Nhật đi Tây Thiên trở về đem dâng lên vua hình tượng Phật và Phạm Kinh. Vua mời vào gặp ở Nội điện, Sư nói pháp khai ngộ được tâm vua, vua ban hiệu là Từ Mẫn Tam tạng. Pháp sư đã đi qua bảy mươi nước, đi và về hai mươi năm.

Tháng ba, có Trưởng giả Lý Thông Huyền vì Đại Kinh Hoa Nghiêm do các nhà chú sớ có nghĩa quá dông dài, ông bèn đem kinh mới dịch đến nhà Cao Sơn Nô ở Thái Nguyên đẻ viết Luận. Suốt ba năm, ngày ông chỉ ăn mười trái táo và bánh lá lách, nên đời gọi ông là Táo Bách Đại sĩ. Khi ông sắp mang kinh đến Hàn Trang bỗng có một con cọp ở giữa đường. Trưởng giả đem kinh để lên lưng cọp rồi dắt lên Phương Sơn vào trong một khám đất. Trong nhà không có đèn đuốc thì trong miệng ông phóng ra một luồng sáng trắng đủ để viết sách. Lại có hai cô gái mỗi ngày dâng

một mâm cơm và giấy mực. Ngày ông hóa có một luồng sáng trắng từ đỉnh ông phóng suốt lên Thái Vi. Ông viết Luận được bốn mươi quyển (trong Tạng có một quyển nói về sự tích của Trưởng giả).

Năm Khai Nguyên thứ tám, ngài Tam tạng Bất Không ở Bắc Thiên Trúc đi tuần du Nam Hải đến Kinh Sư ở chùa Từ ân truyền Du-già Đại Pháp cho ngài Kim Cang Trí.

Tháng năm, ở Kinh Sư có nhiều người bệnh. Y Vương là Vi Lão Sư cho thuốc cứu người tất cả đều hết bệnh. Mỗi lần ông chú tâm phát nguyện, có người gặp ông thì bệnh lành. Vua nghe tâu bèn mời vào triều kiến. Vua kính lễ là Dược Vương Bồ-tát. Lão Sư là người nước Sơ Lặc. Ở Tây Vức ông thường mặc áo lông mịn, lưng đeo mấy trăm cái hồ lô, đầu chích khăn lụa, chống gậy lê dắt một con chó đen cùng đi. Tự bảo rằng đã năm trăm năm rồi trải các đời Nghiêu Thuấn Ân Thang Chu Tần Hán Đường, tất cả có bảy lần hóa thân đến cứu kẻ bệnh nghèo. Một hôm con chó hóa thành rồng đen, lưng mang Lão Sư bay lên trời đi mất.

Năm Khai Nguyên thứ chín, vua ban chiếu mời ngài Nhất Hạnh Thiền sư soạn ra Đại Diễn Lịch, Hình Hòa Phác bảo Doãn Âm rằng: Lạc Hạ Hoằng đời Hán có nói: Sau tám trăm năm sẽ sai một ngày tất có Thánh nhân ra đời sửa đúng lại. Nay ngài Nhất Hạnh tạo Lịch sửa đúng việc sai lầm kia, thì lời của Lạc Hạ rất đáng tin. Sau đó sáu năm thì ngài tịch. Vua thụy phong là Đại Tuệ Thiền Sư.

Sa-môn Trí Nghiêm từ nước Vu-điền đến dịch bốn bộ kinh. Diêu Sùng chết, ông dặn lại con cháu rằng: Phật dùng thanh tịnh Từ bi làm gốc, mà nay người ngu viết Kinh tạo tượng, lấy đó mà cầu phước. Bọn ngươi chớ bắt chước, không biết đó là người ta cầu phước ở âm phủ.

Bàn rằng: Đạo Phật do đâu mà tồn tại? Tất phải có chùa chiền, Kinh Tượng, Sa-môn hành đạo... thấy đó mà biết có Đạo, rồi từ đó mới làm các điều thanh tịnh từ bi. Sùng không biết Đạo này mà chỉ riêng theo cái hư lý trang bị cho kiến thức hẹp hòi dốt nát, đó là chính quyền thời ấy đã ngăn cấm việc độ Tăng lập chùa đúc tượng viết Kinh, thì các quan lại thuộc hạ cũng răn con cháu không được làm Phật sự. Nếu ông ta thờ được một ông vua như Ngụy Thái Võ để thỏa chí hẹp hòi cứng chắc, lúc đó ông cũng là một Thôi Hạo không khiến cũng tàn đời!

Năm Khai Nguyên thứ mười bốn, Sa-môn nước Nhật Bản là Vinh Duệ Phổ Chiếu đến Dương châu, vâng lệnh quốc vương của họ cúng dường mười y Tăng-già-lê cho các Luật Sư Cao Hạnh ở Trung Quốc. Ngài Giám Chân nhận y, cảm kích ở ngoại quốc đã có Phật chủng bèn cùng Duệ... ngồi thuyền sang Nhật Bản. Đến nơi vua quan ra đón tiếp

ủy lạo, mời về ở điện Tỳ-lô-giá-na. Rồi thỉnh ngài truyền quy giới. Các quần thần và phu nhân cũng thứ lớp thọ giới. Luật giáo Nhật Bản bắt đầu lưu hành từ đây.

Năm thứ mười lăm, vua ra sắc lệnh các chùa Phật nhỏ ở các thôn phường trong thiên hạ đều phá bỏ, các thùng phước sương quỹ công đức đều dời nhập vào các chùa to ở gần đó và đều niêm phong. Cả công tư đều theo phong trào đó nên tất cả nhà to tượng lớn đều bị phá hủy. Sắc lệnh vừa ban xuống Dự Châu, có Tân Ức Lệnh là Lý Hư mới say rượu mà Châu Phù đến, bèn nổi giận cho là quan chức mà dám phá bỏ tượng Phật bèn đem chém. Lý Hư làm trái lệnh vua nhưng không phải có ý bảo toàn chùa Phật. Sau ông bệnh chết. Khi đã tẩm liệm xong thì nghe trong quan tài có tiếng móng tay cào. Bà mẹ bắt mở quan tài ra thì sống lại. Lúc đó gặp tháng nóng dữ mà khắp mình ghẻ lở nhầy nhụa, hơn tháng mới khỏi. Ông tự bảo rằng: Lúc đầu ta bị hai viên quan bắt ta đến trước sân vua, thấy có viên lại Tân Tức đã chết trước đó một năm, bảo Lý Hư rằng: “Trưởng quan cố ý giết hại nay phải chịu báo.” Hư nghe xong rất sợ sệt xin xứu mạng. Viên quan ấy nói: Năm rồi việc phá hủy chùa chiền thì riêng trong phạm vi cai trị của quan lớn vẫn còn nguyên vẹn, công đức sánh bằng trời nên không bị chỗ này truy cứu. Nếu vua có hỏi tội thì cứ trình bày như thế. Chốc lát được gọi ra gặp vua. Có một quan viên cầm một bản án đọc tiếp rằng: Lý Hư chuyên học cắt chân dê đã đánh một trăm trượng nhưng vẫn còn cắt xé thịt dê. Lý Hư thưa: Năm rồi vua ra lệnh phá hủy chùa chiền thì riêng trong vùng cai trị của tôi vẫn còn nguyên vẹn xin lấy công đức này để chuộc tội trước. Vua ngạc nhiên bảo: Hãy xét xem có việc này không? Quan tâu: Có một ít phước nhỏ ở Thiên Đường. Vua bảo kiểm tra kỹ. Quan tâu: Năm rồi chùa chiền bị phá hủy chỉ riêng huyện Tân Tức thì còn nguyên. Vậy so cân công đức này với vô số tội ác khác trong một đời thì y còn sống thêm được ba mươi năm. Nói xong liền đem sổ tội ra đốt hết. Vua bèn sai hai quan viên đưa về. Sau ba mươi năm Lý Hư không bệnh mà chết (Thái Bình Quảng Ký).

Ngài Bồ-đề-lưu-chí viên tịch, thọ một trăm năm mươi sáu tuổi, vua thụy phong là Nhất Thiết Biến Tri Tam tạng, tặng chức Hồng Lô Khanh.

Phòng Quản là quan của Lô Thị cùng Đạo sĩ Kinh Hòa Phác đi du ngoạn. Khi đi ngang qua Hạ Khẩu vào một ngôi chùa hoang ngồi dưới cội tòng xưa, Đạo sĩ cho người đào đất lên thì được một cái hủ đựng bản công đức của Lũ Sư và sách hình của Vĩnh Thiền Sư, bèn gọi Quản bảo

rằng: Có nhớ việc này chăng? Quản bỗng nhiên nhớ lại tiền thân mình là Vĩnh Thiền Sư.

Ở Toại Châu, có Nhậm Thiện bị bệnh chết, có một vị Tăng cùng với mấy kẻ tục đồng đến Diêm Đình. Vị Tăng nói: Tôi thường tụng kinh Kim Cang. Vua Diêm La liền chắp tay chào, bỗng có mây ngũ sắc đến đón Sư lên trời. Quan Âm Phủ bảo Thiện rằng: "Ông cũng từng tụng hai mươi mốt biến", liền sai người thả về. Lại có Liên Thủy Triệu Bích vào kinh thi tuyển, giữa đường gặp vợ đã chết bảo rằng: "Hiện đang ở Âm ty chịu khổ không tả xiết, tôi còn y trang để ở nhà xin lấy bán đi giúp tạo cho một bộ kinh Kim Cang." Bích làm đúng lời dặn. Mới viết được nửa bộ, nhân có việc đi ngang qua phần mộ vợ, thì thấy có một cụ già xưng là địa chủ bảo: "Hôm qua vợ ngươi đã được sinh lên trời" (Kim Cang Cảm Nghiệm Lục).

Năm Khai Nguyên thứ mười bảy, vua ra sắc lệnh cho Tăng Ni khắp thiên hạ cứ ba năm thì làm sổ bộ một lần.

Bàn rằng: Người xuất gia học đạo cốt yếu là theo thầy thọ giới mà làm quy luật, chứ xưa nay chưa từng ghi tên vào sổ quan. Từ thời Hán Minh Đế đến đầu nhà Đường đều thế cả. Nhưng đến năm Diên Tải thời Võ Tắc Thiên mới bắt hai chúng lệ thuộc Tự Bộ, rồi năm Chánh Quán đời Đường Minh Hoàng thì bắt ba năm lập sổ bộ một lần. Năm Chí Đức đời Đường Túc Tông lại bắt làm Chúc điệp, gọi là Hương Thủy Tiền. Kịp đến triều Tống ta, từ khi dời kinh đô về Nam thì lập ra thuế miễn đinh, gọi là Thanh Gian Tiền. Ôi Luật nói không phải luật của ta. Người xuất gia thanh tịnh ở các phương khác đều phải tuân theo. Há Như Lai dùng Phật Nhãn thấy học trò mình ở đời mạt pháp mà không phải theo luật nước ư?

Năm Khai Nguyên thứ mười tám, ngài Tả Khê Lãng Thiền sư truyền Chỉ Quán Pháp Môn cho ngài Kinh Khê Trạm Nhiên Thiền Sư.

Vua ban chiếu các tự và Quán khắp thiên hạ đều phải lập Chúc Thọ đạo tràng nhân tiết thiên trường.

Tại Tây Kinh, Sa-môn Trí Thăng ở chùa Sùng Phước dâng lên vua tác phẩm Khai Nguyên Thích Giáo Lục hai mươi quyển, lấy năm ngàn bốn mươi tám quyển làm định số. Vua ban sắc cho nhập vào Đại Tạng.

Võ Công Huyện Thừa là Tô Khuê, thường tụng kinh Kim Cang, cả nhà gồm năm mươi người đều ăn chay. Vợ là Thôi Thị vì gầy yếu lén ăn thịt, bị mắc xương, ngưng thở, khâm liệm đã mười ngày. Bỗng sống lại bảo: Bị Diêm Vương quở rằng: Chồng ngươi là nhục thân Bồ-tát, vì

sao lại lén ăn thịt, nhờ có công đức tụng kinh nên được sống thêm hai mươi năm, hãy trở về nói lại cho mọi người cùng biết. Lúc đó vua nghe tâu cũng phát tâm trì kinh, người làm theo việc đó rất đông.

Có Sa-môn Hải Thông ở trên bến sông lớn tại Gia Châu đục đá tạc tượng Phật Di-lặc cao ba trăm sáu mươi thước, làm gác chín từng che bên trên đề bảng là Lăng Vân Tự.

Năm Khai Nguyên thứ hai mươi, ngài Tam tạng Kim Cang Trí thị tịch, vua thụy phong là Quán Đảnh Quốc Sư, đệ tử là Tam tạng Bất Không theo lời dặn dò của thầy trở về Thiên Trúc đến nước Sư Tử gặp ngài Long Thọ được truyền cho Pháp Thập Bát Hội Quán Đảnh và hơn năm trăm bộ kinh Luận.

Trước thời Tây Tấn có Tăng Nghĩa Hưng ở trong hang núi cách ba mươi dặm về hướng Đông nam của Mậu Huyện đã lập một đền thờ Phật ở trên núi cao. Ngài Cao Tăng Pháp Duệ theo dấu cũ cất một tinh xá ở chân núi phía Đông của núi ấy. Bí Thư Vạn Tề Dung xây tháp Đa Bảo ở phía Tây nam. Sư ở đó hằng ngày tụng kinh Pháp Hoa, cảm được Sao Thái Bạch hóa làm Thiên Đồng đến dâng cúng, đêm đi quanh tháp hành đạo. Người ta thấy thân Sư to cao bằng tháp, nhân đó gọi ngài là Thái Bạch Thiền Sư, đặt tên núi là Thiên Đồng (đời nói Khải Thiền sư là người khai sơn là lầm).

Vua ban sắc rằng: Mạt nộ là tà kiến, dối mượn lời kinh Phật. Đó là pháp của các Sư ở Tây hồ, học trò tự tu không nên cấm phạt.

Bàn rằng: Phật nói có chín mươi sáu thứ ngoại đạo, chỉ có đạo Phật là chánh, còn các thứ khác đều là tà pháp không cần phải luận bàn. Mạt-ni là tà kiến, các triều đình đều cấm ngăn. Nay lại cho họ tự do hoạt động không hình phạt. Nhưng không nghĩ rằng khi phái này lập ra thì nhiều người sẽ tiêm nhiễm, lấy tà truyền nhau khiến Phật pháp hỗn tạp. Không biết vì sao các vua quan thời ấy lại không tách hẳn nó ra?

Năm Khai Nguyên thứ hai mươi mốt, ngài Nam Sơn Đạo Tuyên Luật Sư san định lại Tứ Phần Giới Bản, hàng xuất gia lấy đó tụng lập.

Năm thứ hai mươi ba, ngài Tam tạng Vô Úy viên tịch, Tháp ngài ở ngọn núi phía Tây của Long Môn.

Năm thứ hai mươi bốn, vua ra sắc ban phát khắp thiên hạ bộ kinh Kim Cang Bát-nhã do vua chú giải. Trung Thư tâu xin khiến Tăng Ni khắp thiên hạ lệ thuộc vào Hồng Lô Tự. Ngô Đạo Huyền tự là Đạo Tử, Diệu Cùng Đơn Thanh, Đại Lược Tông Trương Tăng Diêu... Vua mời vào cung để dâng cúng. Ở chùa Cảnh Công họa hình trị tội ở địa ngục. Người trong đô ấp đến xem đều sợ tội mà làm lành. Các quán rượu

thịt ở hai chợ đều nghỉ mua bán (nay có thạch bản tên là Đạo Tử Quan Âm).

Năm thứ hai mươi lăm, vua ban sắc Tăng Ni vẫn lệ thuộc Tự Bộ, Đạo sĩ thì lệ thuộc vào chùa Tông Chánh, vì Tông họ Lý nên thuộc sổ bộ Hoàng Tộc.

Năm thứ hai mươi sáu, vua ban sắc trong thiên hạ các Quận lập hai chùa Khai nguyên và Long Hưng. Sa-môn Pháp Tú mộng thấy một vị Tăng lạ bảo đem năm trăm y ca-sa đến chùa Hồi Hướng cúng thí. Khi tỉnh dậy Tú lấy làm lạ bèn nhờ người làm đúng số y ca-sa trên. Bỗng một hôm Tú gặp vị Tăng bảo: “Ta dắt ông đến chùa Hồi Hướng.” Tú đi theo vào núi Chung nam, thấy giữa chừng núi cao vót có cửa son bảng đề Hồi Hướng. Tú vội bước vào thì thấy ở phía trên có một cụ già, các Tăng đang hỏi han nhau. Tú đem y ca-sa dâng khắp mọi người trong chùa. Cụ già dẫn Tú vào một phòng trống bảo rằng: Đây là nhà ở cũ của vua Đường, bèn sai thị giả lấy ra ống tiêu ngọc rồi bảo: Vì ở đây ham nghe nhạc trời nên bị đày xuống làm vua cõi người, một thời gian lâu sẽ được về. Lại dặn Tú rằng: “Ông đem ngọc tiêu và y ca-sa về dâng lên vua Đường.” Tú trở về đến Cung Khuyết dâng biểu lên vua. Vua lấy tiêu thổi chơi như các tiên đế xưa (Cao Tăng Truyện).

Năm Khai Nguyên hai mươi bảy, vua ban sắc các Tăng và Đạo sĩ trong thiên hạ gặp ngày quốc kỵ thì cùng đến chùa Long hưng để hành đạo và thí trai, còn gặp tiết Thiên thu chúc thọ thì đến chùa Khai Nguyên.

Năm thứ hai mươi tám, Thanh Nguyên Hành Tư Thiền sư ở Cát Châu ngồi mà tịch. Ngài đắc pháp với Lục Tổ. Triều vua Hy Tông truy thụy phong cho ngài là Hoằng Tế Thiền Sư, tên tháp là Quy Chân.

Năm thứ hai mươi chín, Hà Nam Thái Phỏng Sứ là Tề Cán tâu rằng: “Bậc Chí Đạo đáng tôn quý ai cũng phục tùng còn chưa khỏi bị roi giọt nhục hình. Nay các Tăng và Đạo sĩ có tội tất phải y vào một luật Tăng Đạo mà phân xử, nhưng các châu huyện không được tự ý quyết đoán.” Vua chấp nhận lời tâu. Ngài Tam tạng Bất Không từ nước Sư Tử trở về Quảng châu. Thái Phỏng Sứ là Lưu Cự Tế thỉnh ngài lập Pháp Đàn Quán Đảnh, cảm được Đức Văn-thù hiện thân độ hơn vạn người.

Năm Thiên Bảo thứ nhất, năm nước Tây Vức Khang Cư Đại Thạch vào xâm chiếm An Tây (Nhà Đường đặt bốn phủ là An Đông, An Tây, An Nam, An Bắc). Vua mời ngài Tam tạng Bất Không vào nội cung trì tụng Nhân Vương Hộ Quốc Mật Ngữ, vua đích thân bưng lò hương mới tụng được hai mươi bảy biến thì vua thấy hơn năm trăm vị thần đứng ở

Sân điện. Sư bảo: Đây là Độc Kiện con thứ hai của vua Bắc Thiên Tỳ-sa-môn theo lời cầu nguyện của Bệ Hạ đến cứu An Tây. Xin đãi tiệc xuất quân. Đến tháng tư thì An Tây tâu rằng ngày mười một tháng hai, ở phía Đông bắc Thành, trong mây đen thấy có Thần Kim giáp hình người cao hơn trượng, từ không trung giống trống thổi ốc chấn động đất trời. Bên trướng giặc có chuột vàng ăn đứt dây cung. Cả năm nước liền rút chạy. Phút chốc thấy Thiên Vương hiện hình trên lầu thành. Vua bảo kiểm nghiệm, thì thấy đúng vào ngày tụng chú (nay ở trại quân đều thờ Thiên Vương ở lầu thành là do chuyện này).

Năm Thiên Bảo thứ hai, vua ban sắc rằng Núi La Phù mà kinh Phật có ghi là mơi ở của Hoa Thủ Bồ-tát, nay ở đó nên lập chùa Diên Tường, Đài Hoa Thủ và Giới Đàn Minh Nguyệt.

Thuở xưa, Sa-môn Sở Kim ở chùa Thiên Phước tại Kinh Sư, tụng kinh Pháp Hoa đến phẩm Bảo Tháp thì thân tâm lặng bặt, bảo tháp chợt hiện ra. Sư bèn ngồi tọa thiền sáu năm nguyện xây tháp này. Đến ngày đào móng thì mọi người đều nghe có tiếng nhạc trời và mùi hương lạ. Vua ở trong cung cấm cũng mộng thấy trên không trung có hai chữ Sở Kim. Đem việc hỏi quần thần thì đều bảo là Sư. Vua bèn đích thân viết bảng Ngạch Tháp Đa Bảo và ban tiền lụa để giúp thêm.

Năm Thiên Bảo thứ ba ở chùa Thiên Phước đã xây xong tháp Đa Bảo, cảm được mây ngũ sắc vần vũ trên tháp, muôn người cùng đến chiêm lễ. Sư Sở Kim lại tập họp các Đại Đức ỏ dưới tháp hành Pháp Hoa Tam-muội, cảm được ba ngàn bảy mươi hạt xá-lợi.

Vua ban sắc ở chùa Khai Nguyên các Quận đều đúc tượng Phật bằng vàng đồng to bằng thân của Hoàng Đế. Vua mời ngài Bản Tịnh Thiền sư ở núi Tư Không vào Cung Khuyết để hỏi về yếu chỉ Thiền Tông, rồi mời Sư đến ở chùa Bạch liên.

Ngài Nam Nhạc Hoài Nhượng Thiền sư viên tịch, vua thụy phong là Đại Tuệ Thiền Sư, tên tháp là Tối Thắng Luân. Sư đắc pháp với Lục Tổ.

Năm Thiên Bảo thứ tư, vua ra sắc rằng Kinh Giáo Ba Tư đều lấy từ Đại tần, vậy chùa ở hai kinh đô Ba Tư đều đổi là Đại Tần.

Vua mời Trung Nhạc Đạo sĩ Ngô Quân vào triều kiến để hỏi về yếu chỉ Đạo Lão. Quân tâu: "Sâu sắc của Đạo không gì bằng năm ngàn lời của Lão Tử". Vua lại hỏi về pháp Thần Tiên Trị Luyện. Quân tâu: "Đây là việc của người quê qua nhiều năm tháng mà cầu xin, không đáng cho hàng vua chúa để ý đến." Lúc đó quan nội thị là Cao Lực Sĩ vốn thờ Phật chê bai việc đó ở trước vua. Quân bèn cáo biệt vua trở về

Mâu Sơn. Vì bị bài bác, Quân bèn viết Luận để hủy báng Phật giáo. Quán Sát Sứ Trần Thiếu Du ở Triết Tây thỉnh Pháp sư Thần Ung quyết đoán. Ung hẹn gặp mặt để luận nghị Chánh tà. Khi vừa cờ trống đến nơi thì Quân đã thua bỏ chạy về Bắc. Ung liền làm bộ Phiên Tà Luận để công kích dư đảng. Thiếu Du tâu lên vua, vua mời Thần Ung làm Tăng Thống (Ung nối ngài Tả Khê).

Năm Thiên Bảo thứ năm, nước Sư Tử sai sứ đến triều dâng Kinh Lá Bối Đại Bát-nhã và Kinh Anh Lạc Bạch Diệp. Vua ban sắc mời ngài Tam tạng Bất Không ở chùa Hồng Lô vào nội điện hành pháp Quán Đảnh cho vua. Lúc đó đã lâu không mưa. Sư lập đàn hành Pháp thì mưa to thấm khắp. Lại cấm gió lớn thì gió liền ngừng thổi.

Năm thứ sáu, vua ban sắc các Tăng Ni trong thiên hạ thuộc Lưỡng Nhai Công Đức Sứ, bắt đầu khiến Tự Bộ cấp điệp phải làm bằng lụa mỏng. Lại sắc lệnh cho các tự viện trong thiên hạ phải chọn lựa Chân Hạnh Đồng Tử mỗi quận độ ba người.

Năm thứ mười bốn, vua cho rằng Bắc Phương bẩm khí cứng rắn có tính giết chóc nhiều nên cho luyện tập kỵ xạ. Vua ban chiếu mời Sa-môn Biện Tài làm Lâm Đàn Giáo Thọ dùng để huấn đạo.

Đời Túc Tông (tên Hưởng, con thứ ba của Huyền Tông)

Năm Chí Đức thứ nhất, tháng giêng, Phạm Dương Tiết Độ Sứ là An Lộc Sơn làm phản. Tháng năm, Huyền Tông, Thái tử và bá quan xuất phát từ Trường an sắp đến Thục, khi tới Mã Ngôi thì có mấy ngàn dân mời Thái tử vào ở nhà giặc An Lộc Sơn tại chân núi phía Đông. Sa-môn Đạo Bình ở Kim Thành cố gắng khuyên giải Binh Linh Vũ để mưu đồ việc khôi phục, vua bèn phong cho Đạo Bình làm Kim Ngô Đại Tướng Quân, đến Lâm Cao nhiều lần giao tranh với giặc và đại thắng. Việc yên, vua phong cho Bình nhưng Sư cố từ chối, bèn ban sắc mời Sư ở hai chùa Sùng Phước và Hưng Khánh, ban cho Tử Y và vàng lụa.

Tháng bảy, Thái tử lên ngôi ở Linh Vũ, tôn Huyền Tông là Thái Thượng Hoàng. Vua ở Linh Vũ vì quân phí không đủ dùng, nên Tể Tướng Bùi Miễn xin ban Độ Diệp cho Tăng và Đạo sĩ, gọi đó là Hương Thủy Tiền (bán điệp đầu tiên). Lúc giặc An Lộc Sơn mới phát khởi thế rất mạnh mẽ, có người khuyên vua nên cầu nguyện Phật. Vua bèn ra chiếu mời một trăm Sa-môn vào hành cung sớm chiều tán tụng. Một hôm vua nằm mộng thấy có vị Sa-môn thân sắc vàng ròng tụng Bảo Thắng Như Lai. Vua đem việc hỏi tả hữu, có người tâu: Hang Bạch Thảo ở Hạ lan có Tăng nước Tân la là Vô Lậu thường tụng danh hiệu này. Vua mời vào gặp ở hành cung, lúc đó có ngài Bất Không đến bèn

cùng giữ lại để nhờ cầu phước. Đỗ Hồng Tiệm tâu vua mời Biện Tài ở chùa Long hưng. Vua bèn ra chiếu phong thêm cho Sư chức Sóc Phương Quản Nội Giáo Thọ. Thượng Hoàng dừng ngựa ở Thành Đô, quan nội thị Cao Lực Sĩ tâu: Ở chợ phía Nam Thành có Tăng Anh Cán ở giữa đường rộng thí cháo cứu dân nghèo đói, cầu cho vận nước sớm phục hồi cương thổ, định lập chùa ở Phủ Đông để cầu phước cho nước. Thượng Hoàng nói lại với vua, vua tự tay viết bảng Ngạch Đại Thánh Từ Tự, ban cho một ngàn mẫu ruộng. Vua ra sắc mời Tân La Toàn Sư lập ra quy chế cho chín mươi sáu viện, tám ngàn năm trăm khu. Về sau Toàn Thiền sư đến Trì Châu ở núi Cửu Hoa ngồi mà tịch, toàn thân Sư không hư nát, xương như khóa vàng, thọ chín mươi chín tuổi.

Tháng mười hai, Thượng Hoàng từ Thành Đô trở về Kinh Sư. Vua ban chiếu mời Sa-môn Nguyên Kiểu ở chùa Phụng Tường Khai Nguyên lập Dược Sư đạo tràng. Bỗng trong hội trường mọc ra cây mận có bốn mươi chín nhánh. Sư Nguyên Kiểu dâng biểu lên mừng vua. Vua ra sắc đáp rằng: “Điềm lành cây lý sum xuê báo hiệu quốc gia hưng thịnh. Trong chốn Già-lam, cũng biết cây Giác xinh tươi, cảm điềm lành thù thắng này cùng Sư đồng mừng vui.”

Vua ban chiếu rước cốt Phật (xá-lợi Phật) ở chùa Phụng Tường Pháp Môn vào cung cấm để lập đạo tràng, khiến Sa-môn sớm chiều tán lễ. Vua ra sắc ở Ngũ Nhạc, mỗi nơi đều phải lập chùa, chọn kỹ các bậc cao đức mời về làm chủ. Kẻ bạch y cư sĩ tụng kinh một trăm trang thì ban cho chức Minh Kinh được làm Tăng. Lúc đó tuyển người đứng đầu trong các Tăng tiêu biểu, kẻ nào nạp một trăm quan tiền thì cho thỉnh Điệp Thế Độ. Sa-môn Tuệ Thường ở núi La Phù nhân hái trà đi vào sơn động thấy có bảng chữ vàng đề La-hán Thánh Tự, bèn ở trong đó ba ngày rồi ra Mâu Sơn, mới hay ở cõi nhân gian đã năm năm rồi.

Năm Càn Nguyên thứ nhất, vua ban sắc mời ngài Tam tạng Bất Không vào nội cung làm phép Quán Đảnh truyền giới cho vua, cảm được Đức Bồ-tát Đại Nhạo Thuyết phóng quang chứng giới.

Năm thứ hai, tháng ba, vua ban chiếu các Châu trong thiên hạ cách ngoài thành và bờ sông năm dặm đều đặt ao phóng sinh, có đến tám mươi mốt ao. Quan thứ sử Thăng Châu là Nhan Chân Khanh soạn bài bia rằng: “Động vật thực vật sống dưới nước hay trên bờ, nay khắp thiên hạ làm ao phóng sinh nuôi trong đó mà cầu phước. Nhờ sức Đà-la-ni gia trì, làm khô cạn biển phiền não mà vượt bờ sinh tử.”

Vua ban chiếu mời Tuệ Trung Thiền sư ở Nam Dương vào triều kiến. Vua ra sắc mời Sư ở chùa Thiên Phước tôn hệu là Quốc Sư. Vua

hỏi Sư ở Tào Khê được Pháp gì? Sư đáp: "Bệ hạ thấy một phiến mây ở không trung chăng?" Vua đáp: "Thấy". Sư nói: Đóng đinh dính thì treo máng cũng dính (Ngũ Tổ răn dạy Sư Đại rằng: Việc tốt không bằng vô sự). Vua hỏi: "Thế nào là mười thân Điều Ngự?" Sư đứng dậy bảo: Hiểu chăng? Vua đáp: "Không hiểu". Sư ngó tả hữu nói: "Đưa cho Lão Tăng cái Tịnh Bình!"

Năm Thượng Nguyên thứ nhất, vua ra sắc cho Trung Sứ đến Tào Khê ở Thiều Châu rước y bát của Lục Tổ vào nội cung cúng dường.

Sa-môn Bảo Ngọc ở Ngô Hưng vào kinh thọ giới. Vua mộng thấy Ngô Tăng tụng kinh Pháp Hoa miệng phóng ra ánh sáng ngũ sắc. Sáng hôm sau, Sư vào quan ải, vị quan coi ải hỏi: Từ đâu đến? Sư đáp: "Thích tụng kinh Pháp Hoa từ xa đến để thọ giới." Quan coi ải tâu vua, vua mời vào gặp, quả đúng người trong mộng. Vua cho phép Sư ngồi tụng kinh. Đến Phẩm Tùy Hỷ thì khóe miệng phóng ra ánh sáng ngũ sắc. Vua rất vui, sai người lập Đàn Thơm đặc biệt cho thọ giới, rồi ban cho Sư tên Đại Quang, phong chức Thiên Hạ Thượng Tọa.

Vua ra sắc lệnh Tăng Ni vào triều hội khỏi phải cần xưng "Thần."

Hồng Giác Phạm nói rằng: Tung Minh Giáo thường khen Sa-môn cao thượng, yết kiến Thiên tử mà không giữ lễ bầy tôi. Từ đời Đường đã khiến có ý tốt bỏ việc đó đầu tiên và các đời sau cũng theo đó (việc này chưa biết thấy ở đâu), do đó không lạ lùng gì kẻ ẩn dật ở núi rừng thì dầu Thiên tử cũng không được xưng "Thần", huống là Đạo Sa-môn là một trong Tam bảo được đời kính trọng quy y, cho nên Chánh Tông Ký dâng biểu trước sau vẫn xưng thần là... mỗ, để bảo tồn lệ cũ. Trong khoảng thời gian tự giới thiệu thường chỉ xưng tên, lúc đó hàng công khanh đều trọng sự cao thức đó.

Bàn rằng: Kinh Dịch nói: Không thờ Vương hầu đó là việc cao thượng. Ký nói: Nhà Nho, trên thì không xưng thần với Thiên tử, dưới thì không thờ chư hầu. Đời Hậu Hán có Vương Nho Xung bị bắt ra làm quan khi yết kiến Quang Võ thì xưng tên mà không xưng thần. Quan Hữu Ty hỏi duyên cớ, thì bảo rằng: "Thiên tử có lúc không cần xưng thần". Nhà Nho và Ẩn Sĩ còn biết lấy Đạo để tự cao, huống là kẻ học Phật xuất thế làm phước điền cho người, đâu thể làm bầy tôi thờ vua tự làm nhục mình. Như vua Túc Tông thì đáng gọi là người biết tôn kính Phật và hiểu sâu sắc về Đại Thể vậy.

Vua mời Sa-môn Tử Lân vào Cung Cấm giảng kinh. Vua ban cho Tử Y và sung vào hàng cung phụng. Xưa, Sư du học mà phải trở về để

tang mẹ ba năm. Sư đến đền Thái Sơn tụng kinh Pháp Hoa, nguyện thấy được vua Thiên Tề. Vua hiện hình cho thấy và bảo Sư rằng: Lúc còn sống bà mẹ Sư ăn nhiều trứng gà và lấy tròng trắng đắp ghẻ trên đầu, do đó bị ngồi trong ngục chịu khổ. Lân thương mẹ kêu gào cầu cứu. Vua nói: Ông hãy đến lễ tháp A-dục Vương ở Mậu Sơn thì mẹ có thể được thoát. Lân liền đến chùa trên núi, lễ đến bốn vạn lạy, thì nghe trên không trung có tiếng nói, ngước lên nhìn thấy mẹ đã mất cỡi đám mây cảm tạ: "Nhờ sức của ông nay tôi đã được sinh vào cõi trời Đao-lợi." Nay chùa ở ngọn núi sau Am Thúy Vi, tức nơi Sư tạm ở.

Thượng Thư Tả Thừa Vương Duy cùng em là Tấn đều dốc lòng thờ Phật, mặc áo vải ăn rau dưa. Có dinh thự ở Võng Xuyên, ông từng ngao du ngâm vịnh trong vùng. Khi mẹ mất rồi, ông dâng biểu xin đem dinh thự ở Võng Xuyên làm chùa Phật.

Năm Bảo Ứng thứ nhất, ở Hà Nam có Ni Sư Chân Như, vì tránh nạn An Lộc Sơn phải chạy tị nạn sang Sở Châu. Vào đêm trăng sáng có hai người áo đem dẫn cô đi về phía Đông rồi bay lên trời, đến một thành lớn vào yết kiến Thiên đế (tức vua trời Đế Thích) và các Thiên Vương (tức ba mươi hai Thiên Vương và Tứ Thiên Vương) cùng bảo nhau rằng: Cõi dưới tao loạn giết chóc quá nhiều, xin lấy Tạng Báu thứ hai để trấn giữ nước. Đế Thích bèn trao cho Ni Sư Chân Như Bảo vật và trấn pháp, rồi sai hai quan viên đưa Ni sư trở về.

Các báu vật gồm mười ba hạt đều là bạch ngọc bảo châu, để giữa ban ngày ánh sáng trắng lấp lánh như mặt trời, tối đến sáng như mặt trăng, có tên là Huyền Huỳnh Thiên Phù, cốc bích, như ý châu, ngọc ấn bích sắc bảo (ngọc ấn xanh biếc)... Quan thứ sử dâng biểu tâu vua. Vua bảo Thái tử rằng: Quyến thuộc trên trời che chở cho người có đức. Con xứng đáng được che chở. Con chức Sở Vương làm Thái tử. Nay Sở Châu đã dâng báu vật tức trời sẽ trao vận nước cho con. Vua bèn trao cho Thái tử tất cả báu vật ấy, rồi đổi niên hiệu là Bảo Ứng, ban cho Ni Sư Chân Như chức Bảo Hòa Thái Sư và ra sắc ở Trường an lập chùa Bảo Ứng Kim Luân.

Bàn rằng: Từ đời Đường Túc Tông đến Chiêu Tông có tất cả mười ba đời vua thì nhà Đường mất. Thế mới biết việc ban cho mười ba báu vật, do đó nói rõ việc trao vận nước cho Chiêu Vương. Sử tuy ghi chép các việc mà không biết đó là lời Sấm của trời báo trước.

Phần phụ chú ở trang ba bảy ba (Hán Tạng)

[Chú số 8] - Xưa, có Diệp Pháp Thiện, thuở nhỏ bị chết chìm, ba

năm sau thì lại trở về nhà. Ông ra đi có thanh đồng dẫn vào gặp Lão Quân. Đã lâu lắm có lần ở thạch thất ông gặp thần nhân bảo rằng: Ngươi vốn là Tử Vi Tả Tiên Khanh bị đày xuống trần. Vậy phải cứu người lập công. Ta vâng lệnh Lão Quân trao cho ngươi pháp một trăm ba mươi lăm. Vua Đường Cao Tông mời ông vào phong làm Thượng Khanh. Ông không đến, chỉ xin làm Đạo sĩ. Sau ông vào Tây Sơn tu Đạo. Trong năm Cảnh Long, thần nhân lại giáng xuống, truyền lệnh của Lão Quân rằng: Ông nên giúp vua Duệ Tông đến năm Khai Nguyên, chưa thể ẩn tích chốn sơn lâm được (Lúc đó hai vua lên ngôi thì miếu hiệu và niên hiệu đều đúng như đã dự cáo). Tháng tám năm ấy quả nhiên mời vào quan ải và lập Tương Vương làm Duệ Tông và Huyền Tông lại nối ngôi. Tất cả động tịnh kiết hung đều đã được dự tâu trước. Lúc đó gặp Thổ Phồn sai sứ cống hiến rương báu tâu rằng: “Xin bệ hạ tự mở không nên để người khác biết điều cơ mật.” Pháp Thiện tâu rằng: “Đó là hung khí xin khiến sứ Thổ Phồn tự mở.” Quả nhiên trong rương có tên bắn ra khiến Sứ Phiên chết tốt. Vua trọng thưởng ban cho ông chức Ngân Thanh Quang Lộc Đại Phu Việt Quốc Công. Về sau ông thoát xác mà đi mất.

[Chú số 1] - Năm thứ sáu, Lý Thuyên đến Lý Nham ở Tung Sơn được Huỳnh Đế Âm Phù Kinh đọc cả ngàn lượt mà không hiểu nghĩa. Có lần đi qua dưới Ly Sơn thì gặp Lão Mẫu. Bên vệ đường thấy cây cháy còn lửa than bèn tự bảo rằng: Lửa do cây sinh, họa phát do khắc. Thuyên kinh hãi đem hỏi, Lão Mẫu đáp: Ta nhận Kinh này vào năm Giáp Tý với Tam Nguyên năm thứ sáu, đời Nhà Chu. Thuyên trình bày đầy đủ sở đắc của mình. Lão Mẫu nói: “Nhà ngươi tuổi trẻ máu trên não chưa giảm, tâm ảnh không khắp, nhưng thật là đệ tử của ta.” Lão Mẫu bèn ngồi trên đá nói nghĩa của kinh ấy rằng: Âm Phù có ba trăm chữ: Một trăm chữ nói về đạo, một trăm chữ nói về pháp, một trăm chữ nói về thuật. Trên có đạo Thần tiên, giữa có pháp làm nước giàu dân an, dưới có thuật khiến binh mạnh chiến thắng đều do tâm cơ bên trong phát xuất, hiệp với nhân sự bên ngoài. Quán sát tinh vi thì tám cảnh Huỳnh Đình không có gì là huyền diệu, xét chỗ cốt yếu thì kinh truyện lịch sử diễn tả hết. Vận dụng trí xảo thì Tôn Ngô Hàn Bạch còn kém xa. Nếu không phải là Đạo sĩ thì không thể nghe hiểu được. Cho nên bậc chí nhân dùng nó thì được đạo, người quân tử dùng nó thì được thuật, còn hàng tiểu nhân dùng nó thì bị tai ương. Như muốn truyền lại cho ai thì nên chay tịnh mà trao cho họ. Riêng mình mỗi ngày tụng bảy biến thì có ích cho tâm cơ, thêm tuổi thọ.” Lão Mẫu lấy trong tay áo đưa cho Thuyên một cái hồ lô bảo đi lấy nước. Hồ lô bỗng nặng chìm

xuống nước. Khi trở lại thì Lão Mẫu đã biến mất chỉ để lại chén cơm tẻ. Thuyên ăn vào, từ đó tuyệt cốc. Đến khoảng năm Khai Nguyên, Thuyên làm chức Giang lăng Phó Sứ. Sau vào núi lớn học đạo không biết sống chết ra sao.

[Chú số 2] - Vua sai Trung Thư Thị Lang Từ Kiệu mang thư có ấn vua mời Phương Sĩ Trương Quả vào yết kiến. Lúc đó có Hình Hòa Phát rất giỏi bói toán, biết người thọ yểu, khi bói cho Quả thì không đoán được gì cả. Lại có Sư Dạ Quang giỏi xem quỷ. Vua cùng Quả núp vào thì Dạ Quang cũng không nhìn thấy được. Vua nghe nói ai uống nước sắc rau cần mà không đắng là bậc Kỳ sĩ, bèn cho Quả uống ba chén thì liền say. Vua bảo tả hữu rằng: Đây không phải là rượu mừng! Quả lấy cây gập sắt đập gãy hết răng thì thấy răng đều cháy đen, liền lấy thuốc tiên thoa vào lợi, trong khoảng giấc ngủ thì răng trắng đều như cũ. Sau Quả khẩn thiết cáo từ vua xin trở về núi. Vua ban chế rằng: “Trương Quả Tiên Sinh chí rất cao thượng, ẩn mình trong ánh sáng, giảng giải Đạo Mầu thông hiểu cùng cực. Đáng thăng chức Ngân Thanh Quang Lộc Đại Phu, hiệu là Thông Huyền Tiên Sinh.” Sau ông vào Hằng Sơn không biết sống chết ra sao (Quả ở đời Lương Trần xem tướng cho Trần Châm là anh của Sư Trí Giả).

[Chú số 3] - Quan Tư Mã Thừa Trinh tạ thế, vua ban sắc thụy phong là Trinh Nhất tiên sinh. Lúc Duệ Tông còn ở Thiên Thai mời ông vào để hỏi đạo, ông thưa: Phải quên mình vì đạo. Vua hỏi: Trị thân như thế, trị nước phải thế nào? Ông đáp: Nước cũng như thân. Thuận theo vật và vô tư mà trị vì thiên hạ. Vua khen: Lời nói cao cơ thay! Triều Huyền Tông có sai sứ đón ông vào kinh để học phép trị thiên hạ. Ông cáo từ, trở về Vương Ốc Sơn. Có đệ tử là Tiêu Tịnh gặp Tiên Nữ bảo rằng: Ông nên yết kiến Đông Hoa Thanh Đồng Quân để học Pháp Tam Hoàng. Hỏi tên họ thì bảo là Trinh Nhất. Người đệ tử trở về yết kiến thì tiên sinh vui vẻ truyền dạy cho.

[Chú số 4] - Tháng tám, vua ban chiếu thụy phong cho Khổng Tử làm Văn Tuyên Vương, đặt ngồi xây mặt về hướng Nam khi cúng rượu thì dùng Cung Huyền. Lại phong cho Nhan Tử làm Duyện Quốc Công và các đệ tử đều truy phong các chức Công, Hầu, Bá...

[Chú số 5] - Tháng tư, vua mộng thấy Lão Quân Huyền Nguyên Hoàng Đế bảo rằng: “Ta có tượng ở phía Tây nam Kinh Thành.” Vua bèn sai sứ đến Lầu Quán ở Huyện Chu Ốc thấy đám mây tía che ánh sáng trắng xông lên trời được tượng ngọc cao ba thước, rước về thờ ở Cung Hưng Khánh, sai quan hữu ty vẽ chân dung của Huyền Nguyên,

chia thờ ở Khai Nguyên Quán tại các Quận.

[Chú số 6] - Tháng giêng, vua ban chiếu các Châu lập miếu thờ Huyền Nguyên Hoàng Đế, khiến học sinh các Châu thường học tập Đạo Đức Kinh và Trang Tử, Liệt Tử, Văn Tử. Mỗi năm theo khóa Minh Kinh cử về triều đình. Đặt ra một người trợ giáo. Tháng chín, vua ngự ở Lầu Hưng Khánh Môn, đích thân khảo thí về giảng đạo Đức Kinh, Trang Tử, Liệt Tử. Khi đó Diêu Tử Ngạn... đối sách được trúng tuyển.

[Chú số 7] - Tháng giêng, Lão Tử lại giáng xuống ngoài cửa Đan Phụng, dừng ngựa trên mây, bảo Tham Quân Điền Đồng Tú rằng: "Ngày ta vào Lưu Sa để có Linh Phù trong rương vàng ở trong nhà cũ của Doãn Lệnh tại Đào Lâm. Nên tâu vua lấy đó mà trấn giữ nước." Đồng Tú tâu vua. Vua ra sắc đến tìm lấy, thì thấy có đám mây tía và thỏ trắng ở dưới Doãn Đài. Đào lên thì được rương vàng, bản ngọc, chu thư và triện nhỏ, bèn rước về thờ ở điện Linh Xương. Đêm ấy vua thấy lầu các trên hư không đều có đèn thần, bá quan dâng biểu tâu đó là điềm lành của Linh phù ngầm ứng hiện. Vua bèn ra chế đổi niên hiệu là Thiên Bảo. Tháng hai, vua ra sắc lệnh phong cho Trang Tử là Nam Hoa Chân Nhân, Văn Tử là Thông Huyền Chân nhân, Liệt Tử là Xung Hư Chân nhân, Canh Tang Tử là Đồng Linh Chân Nhân. Sách của bốn chân nhân tên là Chân Kinh. Đặt mỗi nơi một Bác Sĩ trợ giáo, Học sinh đến học cả trăm người.

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 41

PHẦN 8

Đời Đại Tông: (tên Dự, con cả của Túc Tông).

Năm Vĩnh Thái thứ nhất, tháng chín, việc đúc tượng Phật bằng vàng đồng đã xong. Ở tại cửa Quang Thuận, vua dẫn bá quan đến kính lễ.

Tháng mười, giặc Thổ Phồn vào bức bách Kinh sư, vua sai nội cung xuất ra hai xe Kinh Nhân Vương đưa về các chùa ở Tây Minh. Vua ban chiếu mời ngài Tam tạng Bất Không đặt một trăm cao tòa để giảng kinh. Vua đích thân ngự đến hành hương kính lễ thì giặc yên. Vua ban chiếu rằng: Nhân Vương Bảo Kinh nghĩa chuyên giữ nước, đời trước đã dịch nhưng lý chưa được viên dung. Nay bèn sắc lệnh cho Tam tạng Bất Không, Sa-môn Phi Tích, Lương Bí... ở vườn Đào phía Nam Cung Đại Minh dịch lại. Vua đích thân ngồi đọc, cho rằng lý kinh hai bản mới cũ dẫu phù hợp nhưng bản dịch mới văn nghĩa rất đầy đủ. Vua bèn đích thân viết lời tựa, đặc biệt thăng chức cho ngài Bất Không là Hồng Lô Khanh.

Vua ban chiếu các Sa-môn xuất gia là Tam bảo đáng kính, các Quan Ty thiên hạ không được nhục mạ Tăng Ni. Vua ban sắc thiết lập Giới Đàn Phương Đẳng tại chùa Đại Hưng Thiện, lập mười vị Đại đức lâm đàn.

Vua mộng thấy Lục Tổ xin đem y bát trở về núi, liền sai Lưu Sùng Cảnh mang y bát đưa về. Vua ra lệnh Thứ Sử Thiều Châu là Dương Hàm thiết lễ đặt thờ. Vua sắc lệnh mời một trăm Sa-môn ở nội cung hành pháp tụng niệm gọi là Nội đạo tràng ra vào cỡi ngựa, cung cấp cho mọi người ăn uống chi phí...

Ở Chương Kỉnh, Sa-môn Sùng Tuệ đấu pháp thắng Đạo sĩ, vua ban cho Tử y.

Vua ban sắc cho ngài Kim Cang Trí chọn hai mươi bảy Sa-môn ở

tại các Quán Đảnh đạo tràng luôn trì tụng Phật Đảnh Chú cầu nguyện cho nước. Ngài Trấn Quốc Thuần Đà Tam tạng thị tịch, thọ sáu trăm tuổi.

Năm Đại Lịch thứ nhất, vua ban sắc mời Sa-môn Lương Bí ở Đào Viên soạn sớ Nhân Vương Kinh dâng lên vua. Sa-môn Đạo Tuân ở núi Chi Hình tại Cô Tô (là đệ tử ngài Tả Khê) lập Pháp Hoa Kinh Viện, cử mười bốn vị cao hạnh luôn trì tụng kinh Pháp Hoa suốt ngày đêm (đêm vẫn đốt đuốc tụng) để phô bày tiếng từ bi của Đấng Đại Hùng. Quận Thứ Sử là Vi Nguyên Phủ, Thượng Thư Lưu Yến tâu vua ban cho tên Pháp Hoa đạo tràng. Do đó từ Giang nam lên Giang đông có cả thảy 17 Kinh Viện đều theo phép của Sư. Ở Vệ Châu có quan Biệt Giá Chú Bá Đạt thường trì tụng kinh Kim Cang. Bỗng thấy trong ánh sáng có vị Phạm Tăng tự xưng là Tu Bồ-đề bảo rằng: Ngươi tụng kinh đã nhiều năm tại sao không bỏ việc ăn cá thịt? Bá Đạt kính sợ liền ăn rau dưa và càng chuyên cần tụng niệm, nên thấy được điềm lành nhiều lần.

Năm Đại Lịch thứ hai, vua ban chiếu cho Phụ Tướng đại thần bắt đầu lập Công Đức Viện. Đỗ Hồng Tiệm lúc xưa cai trị Ba Thục, sai Sứ đến Cữu Nhai thỉnh ngài Vô Trụ Thiền sư vào thành để hỏi đạo. Ngài nói: "Thấy mọi việc đều như như." Hồng Tiệm do đó chú tâm vào Thiền Duyệt. Buổi vãng niên vua mời vào triều làm Tướng, ông cáo bệnh rút lui. Đến ngày lâm chung ông tắm gội sai người nhà mặc triều phục, lại đắp thêm y Tăng-già-lê, cạo bỏ râu tóc, cáo biệt mọi người mà hóa. Rồi theo phép Sa-môn mà thiêu thân.

Ngài Pháp sư Pháp Chiêu ở chùa Vân Phong tại Nam nhạc, khi ăn thấy trong bát có mây ngũ sắc. Lại thấy ở cửa đá bên khe núi có chùa, bảng đề Đại Thánh Trúc Lâm Tự. Sau Sư cùng bạn đồng chí đến yết kiến Ngũ Đài, thì thấy lầu các cửa vàng giống y như đã thấy trong bát. Sư vào chùa đến giảng đường thấy Đức Văn-thù đang phân tòa nói pháp, chúng Bồ-tát có đến số vạn. Sư đến trước đảnh lễ thưa rằng: Tu hành đời mạt pháp lấy gì làm cốt yếu? Đức Văn-thù đáp: "Trong các môn tu hành không gì bằng niệm Phật." Sư đảnh lễ cáo lui. Khi ngước đầu lên thì tất cả đều biến mất. Bèn ở nơi đó lập một ngôi chùa đặt hiệu là Trúc Lâm.

Năm Đại Lịch thứ ba, vua ban chiếu mời ngài Tuệ Trung Quốc Sư vào nội điện rồi cho dẫn Thái Cữu Sơn Nhân ra gặp. Sư hỏi: "Ông có tài năng gì?" Sơn Nhân đáp: "Tôi biết núi, biết đất, biết chữ, giỏi tính toán". Sư hỏi: "Chỗ Sơn Nhân ở là núi đực hay núi cái?" Sơn nhân bàng hoàng không biết đáp ra sao. Sư hỏi: "Điện vua đây đang ở trên

đất nào". Đáp: "Xin cho đệ tử tính". Sư hỏi: "Sư ở trên đất một ngày, đó là chữ gì?" Đáp: "Chữ Nhất". Sư nói: "Ở trên đất một ngày há không phải chữ Vương (王) sao?" Sư hỏi: "Ba bảy là nhiều ít?" Đáp: "Là hai mươi mốt. Sư nói: "Ba bảy há không phải là chữ 十 à? Sư thưa vua rằng: "Hỏi núi không biết núi, hỏi đất không biết đất, hỏi chữ không biết chữ, hỏi tính không biết tính. Bệ hạ còn dùng gì được với người ngu này?" Vua nhìn Sơn nhân nói: "Sư là quốc bảo". Nhân tiện vua chỉ Quan Ngư Triều Ân Sư bảo rằng: "Triều Ân cũng hiểu Phật pháp." Triều Ân tiến lên hỏi sư rằng: "Sao gọi là Vô minh, nó từ đâu khởi?" Sư nói: "Suy tướng đã hiện bày là kẻ nô tỳ mà hỏi Phật pháp!" Triều Ân cả giận. Sư nói: "Chính đây là Vô minh, Vô minh từ đây khởi." Sau triều đình có việc quyết đoán có thể ông không được dự vào. Ông nổi giận bảo: "Việc thiên hạ có việc nào chẳng do tôi đâu!" Vua nghe lời ấy không vui trách là có ý đồ khác bèn cho thắt cổ mà giết đi.

Vua ban chiếu mời Pháp Khâm Thiền sư ở Kính Sơn vào triều yết kiến, vua kính sư làm thầy. Có lần ở nội điện thấy vua đến Sư bèn đứng dậy. Vua bảo: "Sư cần gì phải đứng dậy". Sư nói: "Đàn Việt đâu nên vì bốn oai đức nghi mà thấy Bần Đạo!" Vua mừng rỡ. Tất cả đồ vua ban, Sư không nhận một món nào, chỉ áo vải thô một bình bát sành cùng đệ tử hằng ngày đi khất thực. Tướng Quốc Dương Oản khen rằng: "Đúng là Chân Phương Ngoại Sĩ". Bình Chương Thôi Hoán hỏi Sư: "Đệ tử có thể xuất gia được chăng?" Sư đáp: "Xuất gia là việc của bậc Đại Trượng phu, đâu phải là việc làm của Tướng quân?" Tấn Công Bùi Độ... hơn ba mươi người đều đến hỏi đạo làm học trò. Sau Sư xin trở về núi, vua ban hiệu là Quốc Nhất Thiền Sư. Vua ra sắc lệnh Quan Thú Hàng Châu xây cất lại các chùa chiền trong núi. Trưởng Quan là Nguyệt Chí Hầu đến hỏi: Ngày xưa Sư nương theo Tố Thiền Sư, Tố khuyên Sư rằng: "Ông nên theo dòng mà đi gặp đường tắt (kính) thì dừng." Sư bèn đi về hướng Nam đến Lâm An. Thấy một núi ở hướng Đông bắc gặp một tiều phu, Sư hỏi tên đất, đáp là Kính Sơn. Sư bèn dừng tích trượng ở đấy (Sư là đời thứ bảy dòng Tứ Tổ).

Tháng bảy, vua ban chiếu lập hội Vu Lan Bồn, thiết lập tòa Thất Miếu Thần ở dưới Cao Tổ. Từ Thái Miếu rước về Nội đạo tràng, đầy đủ hương hoa kèn trống, đi qua các đường phố. Bá quan đón rước kính lễ. Đó là lệ thường hàng năm. Sáng hôm sau có cỏ Linh chi mọc ra ở nhà thứ hai của Thái Miếu.

Vua ban chiếu mời Sa-môn Pháp Chiếu ở Nam nhạc làm Quốc Sư. Sư nói: "Ngài Nam Nhạc Thừa Viễn có đức lạ", Vua bèn quay về

hướng Nam kính lễ. Người được độ đông không kể xiết nên chỗ ở của ngài được gọi là Ban Chu đạo tràng để tôn vinh ngài (Liễu Văn).

Ngài Kinh Khê Thiền sư ở Phật lũng tại Thiên thai truyền Chỉ Quán Pháp Môn cho Đạo Thúy Pháp sư. Vua ra sắc lệnh nên lập chùa Đại Vân Quang Minh để thờ Mạt-ni của Hồi Hột dâng lên.

Năm Đại Lịch thứ tư, vua lập đạo tràng ở cung Đại Minh, cảm được Phật phóng quang chiếu sáng, các vương hầu công chúa, các quan hầu cận đều thấy ánh sáng từ giờ Tý nửa đêm đến gà gáy. Tể Tướng Bùi Thố dâng biểu mừng khen.

Năm thứ năm, thấy sao chổi ở phương Đông, vua ban chiếu mời ngài tam Tạng Bất Không hành pháp thì sao biến mất. Lúc đó từ mùa Xuân đến mùa hạ không mưa, vua ban chiếu lập Đàn cầu đảo, mới hai ngày thì mưa lớn khắp nơi. Vua ban chiếu cho Sa-môn Tự Giác ở Bình Sơn giảng kinh cho quỷ thần. Lúc đó Đương Dương Tiết Độ Sứ là Trương Chiêu đích thân vào núi thỉnh Sư rằng: Chiêu tôi vốn không có thuật cai trị, suốt ba năm ở Hàng Dương dẫn đến những lỗi lầm vô ích. Nay nghe Long Thần nghe Sư giảng kinh mà quên làm mưa. Xin Sư khởi lòng Đại Từ Bi." Sư đốt hương hướng về các đầm động xa mà chú nguyện. Khoảng khắc mây vần vũ rồi mưa ào xuống khắp nơi. Năm ấy trúng mùa.

Năm Đại Lịch thứ sáu, Thứ Sử Từ Châu là Lý Ấu Hương tâu vua Sa-môn Pháp Sâm ở núi Lang Gia lập chùa, rồi vẽ hình dâng lên vua. Trước đó một đêm vua nằm mộng thấy dạo chơi chùa trong núi. Khi xem hình vẽ thì đúng y ngôi chùa thấy trong mộng bèn ban tên là chùa Bảo Ứng.

Giống Hồi Hột xin ở các Châu Kinh Dương, Hồng Việt được lập chùa Đại Vân Quang Minh, tín đồ của họ mặc áo trắng, đội mũ trắng.

Năm thứ tám, vua ban sắc các chú tiểu trong thiên hạ phải khảo hạch ba thứ Kinh, Luật, Luận mới cấp cho Điệp độ.

Năm thứ chín, vua mộng thấy ở núi Ngưu Thủ tại Kiến Khang có Bích-chi-phật đến gặp. Bèn ban sắc cho Thái tử Chiêm Sự Cổ Tiên ở trong núi xây tháp bảy từng. Tháng sáu, ngài Tam tạng Bất Không cáo bệnh, vua ban chiếu thăng chức Khai Phủ Nghi Đồng Tam Tư, phong làm Túc Quốc Công và thực ấp là ba ngàn hộ. Khi ngài thị tịch vua bãi triều ba ngày, ban cho chức Tế Tặng Tư Không, thụy phong là Đại Biện Chánh Quảng Trí Tam tạng.

Năm thứ mười, vua ban sắc lập tháp ngài Bất Không Tam tạng tại chùa Đại Hưng Thiện.

Năm thứ mười một, vua ban sắc hỏi Tam Cang Lão Túc (Chủ Chùa, Tri Sự, Duy Na là Tam Cang): "Ở chùa Sùng Phước nghe Văn Cang Luật Sư đã thân truyền cho Tiên Sư Tuyên Luật Sư răng và xá-lợi Phật Thích-ca. Vậy phải đến Hữu Ngân Đài Môn dâng lên để thỏa lòng trẫm chiêm lễ".

Năm thứ mười hai, ở phía Tây sông Hoài có Binh Mã Sứ là Lý Trọng Tinh bỏ nhà sửa làm Phật Kinh Phường, vua ban cho tên là Bảo Ứng Nhất Thiết Kinh Phường.

Năm thứ mười ba, vua ban chiếu mời Lưỡng Nhai Lâm Đàn Đại Đức Viên Chiếu... mười bốn vị tập họp ở chùa An quốc định lại hai lời Sớ mới cũ Tứ Phần Luật, kiểm định sửa thành một bản.

Năm thứ mười bốn, ngài Tăng-già Đại sư ở Tứ Châu bỗng hiện hình ở Cấm Cung bảo vua rằng: Châu Tướng (tức Thái Thú kiêm luôn chức binh) khiến chùa Phổ Quang Vương xuất tiền cung cấp cho mười người Dịch Thừa Truyền xin miễn dịch này. Vua liền sai Sứ truyền chỉ. Rồi ban cho Sư lụa màu và gáo tấm bằng vàng và sắc lệnh vẽ chân dung Sư đưa vào nội cung để cúng dường.

Tháng năm vua băng hà. Thái tử lên nối ngôi và ban chiếu rằng từ nay không được lập Chùa, Quán và xin độ Tăng Ni nữa.

Đời Đức Tông: (tên Tạo, con của Đại Tông)

Năm Kiến Trung thứ nhất, Sa-môn Viên Chiếu dâng lên vua bản Tân Định Tứ Phần Luật Sớ. Vua ra sắc ban cho Sư Tử Y và sung làm Cung Phụng Kiểm Hiệu Hồng Lô Khanh, có thực ấp ba trăm hộ.

Năm Kiến Trung thứ hai, Rợ Thổ Phồn sai Sứ xin triều đình ban cho Sa-môn giảng nói giỏi Phật lý. Vua bèn sai Lương Tú Văn Tố đến thuyết pháp giáo hóa mỗi năm một lần.

Ở Tứ Minh, Vô Sinh Cư sĩ là Hồ U Trinh sửa Hoa Nghiêm Cảm Ứng Truyện một quyển, có chép đủ các niên đại về truyền Kinh nói ngài Long Thọ truyền bản Hạ ở Long cung có mười vạn bài kệ. Nay ở Đông độ dịch thành tám mươi quyển thì chỉ có bốn vạn rưỡi bài kệ, ngoài ra còn giấu ở Thiên Trúc. Nên nay phát nguyện cần cầu xin được bản kinh đó có đầy đủ các kệ để lưu truyền ở cõi này.

Nam Nghiêm Thảo Y Thiền sư ở Tín Châu, tọa thiền suốt ba mươi năm, chân không hề đạp đất, miệng chưa hề nếm vị, vạn hữu rộn rịp thân này không động. Quan Thị Lang Quyền Đức Dư ghi rằng: Xưa gọi là bỏ vật lánh người mà đứng riêng vậy. Lại đâu biết được hiện ngồi yên ở đây mà đang thuyết pháp ở phương khác ư?

Năm thứ ba, vua ban sắc lệnh cho Tăng Ni có việc thì ngưỡng cầu ở Tam cang xử đoán. Ở Châu Huyện thì nạp Độ Điệp cho Thân Châu, ở Kinh Thành thì nạp cáo trạng cho Tự Bộ.

Năm Hưng Nguyên thứ nhất, vua ra sắc lệnh tiền của Tăng Ni đã chết xưa thuộc trong chùa, sau khi lo việc tống táng xong lấy phần còn lại đem chia cho chúng. Gần đây nhân có việc quan thu lấy của cải đó và gây nhiễu hại, nên nay đình chỉ việc nộp cho quan mà chỉ thông báo cho Tam Cang biết, rồi căn cứ vào Luật mà phân chia tiền của (Nam Sơn Sư Sao Y Pháp Thiên - và Vong Ngũ Chúng Khinh Trọng Nghi thuật rõ về phép phân chia tiền của).

Ở Tinh Châu, Pháp sư Pháp Chiếu làm năm Hội dạy người niệm Phật. Vua ở trong cung thường nghe phía Đông bắc có tiếng niệm Phật, sai Sứ tìm đến Thái Nguyên, thì thấy Sư đang khuyến hóa rất đông đảo. Bèn đón Sư về cung cấm dạy người trong cung niệm Phật, cũng đủ năm Hội.

Năm Hưng Nguyên thứ ba, Hàn lâm học sĩ Lương Túc học giáo Thiên thai với ngài Tả Khê Thiền sư mà ngộ được tâm yếu. Vì văn nghĩa Chỉ Quán đem hoằng truyền quá dài khiến người xem phải tốn nhiều thì giờ, bèn san định lại còn sáu quyển để lưu hành trên đời. Lại Bộ Lang Trung Lý Hoa từng theo ngài Kinh Khê học Chỉ Quán. Ngài Kinh Khê đã soạn cho ông một thiên Chỉ Quán Đại ý bao quát hết Đại Bộ như chỉ trong bàn tay. Lúc đó các Sĩ Phu đồng học là Tán Kỵ Thường Thị Thôi Cung, Gián Nghị Đại Phu Điền Đôn... đều học Chỉ Quán với ngài Kinh Khê.

Lương Túc ghi rằng: Ở Tấn Lăng có hai người con gái họ Huỳnh, thuở nhỏ nghe người tụng Pháp Hoa. Khi nghe thì bảo: "Tôi hiểu nghĩa này". Khi khảo sát bảo nói, thì các cô nói được ý chỉ của thật tướng rất sâu sắc. Sau hai cô vào làm Ni ở chùa An quốc tại Kinh Sư. Cô chị tên Trì Pháp, cô em tên Tuệ Nhẫn, cùng tu Pháp Hoa Tam-muội. Bỗng có Ni Sư hiệu Không Cô, dáng mạo lời nói rất lạ đến cùng ở nhờ. Nửa đêm thì thân hình Ni Sư phát sáng rực rỡ. Như thế suốt ba năm rồi bỏ đi. Có người hỏi, hai ni cô chỉ cười không đáp. Người ta bảo Ni Sư kia là Đức Phổ Hiền.

Năm Trinh Nguyên thứ nhất, Vi Cao làm Tây Xuyên Tiết Độ Sứ. Khi xưa lúc Cao mới sinh được một tháng, có vị Phạm Tăng đến gặp bảo: Cách biệt đã lâu mà không sao chứ? Thì cậu bé cười. Chúng hỏi duyên cớ, vị Tăng đáp: "Đây là hậu thân của Gia Cát Võ Hầu. Ông ta sau này sẽ cai trị ở Thục, rồi sẽ có ứng nghiệm". Cao ở tại Thục hai

mươi mốt năm có công trạng oanh liệt nhất ở Tây nam.

Năm Trinh Nguyên thứ ba, Doãn Vũ Văn Huyễn ở Kinh Triệu tâu vua xin lấy đồ các chùa hư ở thôn xóm để cất các học xá. Vua ban sắc rằng: Cung thờ Phật đổi làm Quán Nho, đây sẽ dần dần xâm hủy Tam bảo, tội này khó thể tha thứ được. Huyễn sợ, ngay ngày ấy tự trả về.

Lý Bí được phong Trung Thư Thị Lang Đồng Bình Chương Sự. Khi xưa, Minh Thế Thiền sư ở Thượng Phong Nam nhạc, người gọi là Lại Tàn. Lý Bí đến gặp, nghe tiếng tụng kinh trước thì giọng bi thương sau thì vui vẽ, biết đó là là Bậc Ẩn Sĩ, đứng chờ hồi lâu. Sư Minh Thế cời lửa lấy khoai lùi ra ăn bảo rằng: "Ông làm việc mười năm đến chức Tể Tướng. Bí đem việc tâu vua đó là bậc Cao hạnh. Vua ban chiếu mời về làm quan. Sứ giả đến hang đá Tuyên Ma thì thấy Thế Sư đã ngồi tịch trên đá, hai giọt nước mắt còn đọng trên má. Nên Sứ giả bỏ qua việc trên trở về tâu, vua càng quý kính.

Năm thứ tư, ở Giang Tây ngài Mã Tổ Đạo Nhất Thiền sư viên tịch, Sư đắc pháp với ngài Nam Nhạc Hoài Nhượng Thiền Sư. Đến đời thứ năm sau Sư thì chia làm hai phái là Quy Ngưỡng và Lâm Tế.

Năm thứ tư, vua ban sắc lệnh: Phật Lão hai giáo giúp ích quần sinh Chùa Quán và nơi kinh hành đều là chốn tôn nghiêm sạch đẹp. Từ nay về sau Chùa Quán không được dung chứa khách ngoài đến trú ngụ, những chỗ hư dột tùy nghi sửa sang.

Năm thứ sáu, tháng giêng, vua ban chiếu đón cốt Phật Thích-ca (xá-lợi Phật) ở chùa Phụng tường Pháp Môn vào cung cấm cúng dường, rồi đem đến các chùa để mọi người chiêm lễ, tháng hai đón cốt Phật trở về chùa.

Ngài Thạch Đầu Hy Thiên Thiền sư ở Hành Sơn viên tịch, Sư đắc pháp với ngài Thanh Nguyên Tư Thiền Sư. Sau đó phái này chia làm ba chi, tức đời thứ năm là Động Sơn, đời thứ bảy là Vân Môn, đời thứ chín là Pháp Nhãn.

Năm Trinh Nguyên thứ mười, vua ra sắc cho Thứ Sử Vu Địch ở Hồ Châu dâng lên Trử Sơn Thi Tập của Sa-môn Kiểu Nhiên cất giữ ở Ngự Thư điện.

Ngài Thúy Pháp sư ở chùa Quốc Thanh truyền pháp Môn Chỉ Quán cho ngài Quảng Tu Pháp sư.

Năm Trinh Nguyên thứ mười một, tháng mười một, vua Sư Tử nước Ô Đồ ở Nam Thiên Trúc cống hiến Kinh Hoa Nghiêm và dâng biểu... Vua Sư Tử chính tay viết Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện "dâng lên Đại Cát Tường Thiên tử nước Ma-ha Chi Na Đại Đường, nguyện

sớm gặp Đức Từ Thị Như Lai trong hội Long Hoa, nhờ có trí Túc mạng khi vừa thấy liền biết, đồng được Phật thọ ký.” Tháng tư nhằm tiết Phật đản, vua ban chiếu mời ngài Trừng Quán Pháp sư vào nội điện giảng kinh. Sư dùng Diệu Pháp làm trong mát lòng vua nên được ban hiệu là Thanh Lương Pháp sư Giáo Thọ Hòa thượng.

Năm thứ mười hai, tháng giêng, vua sắc lệnh cho Hoàng Thái tử tập họp các Thiền sư ở Nội điện, định rõ về việc truyền pháp dòng chánh dòng phụ. Tháng tư nhân tiết Phật đản, vua ngự ở điện Lân Đức ra sắc cho Cấp Sự Trung Từ Đại... cùng Sa-môn Đàm Diên, Đạo sĩ Cát Tham Thành giảng luận về Tam Giáo. Vua ban chiếu mời Tam tạng Bát-nhã ở nước Kế Tân đến ở chùa Sùng Phước tại Trường an, dịch kinh Hoa Nghiêm do nước Ô Đồ dâng tặng. Các vị Viên Chiếu, Giám Hư, Linh Thúy, Trừng Quán... nhuận văn và chứng nghĩa. Vua đích thân vào Trường Dịch để sửa đúng văn nghĩa, khiến Tả Hữu Nhai Công Đức Sứ Hoắc Tiên Ô Đậu Văn Trường chuyên việc giám hộ.

Năm thứ mười ba, vua ra sắc mời Sa-môn Đoan Phủ vào nội điện cùng Nho và Lão luận nghị và ban Tử Y cho Sư, lại khiến chăm lo Hoàng Thái tử ở Đông Triều. Thuận Đế kính Sư như anh.

Tả Nhai Công Đức Sứ là Đậu Văn Trường tâu vua: Tiên Sư Sở Kim ở Thiên Bảo, khi xưa vì nước mà xây tháp, lập Pháp Hoa đạo tràng, khiến tiếng kinh dẫn chúng không dứt suốt hơn sáu mươi năm, nay xin được ban thêm cờ xí để tôn vinh. Vua sắc thụy phong là Đại Viên Pháp sư.

Năm thứ mười bốn, tháng hai, các ngài Tam tạng Bát-nhã, Pháp sư Trừng Quán... dâng lên vua bản kinh Hoa Nghiêm mới dịch bốn mươi quyển (kinh này có ba bản dịch: Một bản nhà Tấn dịch sáu mươi quyển, một bản Triều Đường Võ Tắc Thiên dịch tám mươi quyển, nay Tống Triều Đức Tông dịch bốn mươi quyển và một quyển Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện).

Năm thứ mười lăm, tháng bảy, vua đến chùa An quốc thiết lễ cúng Vu Lan Bồn, các quan Tể Phụ cùng theo.

Năm thứ hai mươi, nước Nhật Bản sai sứ đến triều cống, Học giả Quất Dật Thế, Sa-môn Không Hải vào Trung Quốc học Bí Mật Giáo với Tuệ Quả là đệ tử ngài Bất Không.

Năm thứ hai mươi mốt, ngày ba tháng mười, Sa-môn Thiếu Khang ở Tân Định phóng quang mà tịch. Khi xưa, sư đến chùa Bạch mã ở Lạc Hạ, thấy văn thư trong nội điện phóng quang bèn dở ra xem thì đó là quyển Tây phương Lễ Văn của Thiện Đạo Hòa thượng. Bèn đến chùa

Phóng Quang ở Trường an tại Ảnh Đường mà thiết đại trai cúng dường. Bỗng thấy di tượng của Hòa thượng Thiện Đạo bay lên hư không bảo rằng: "Ngươi thờ giáo ta đem lợi lạc quần sinh, do công lao đó chắc chắn ngươi sẽ sinh An Dưỡng." Khi Sư đi về phía Nam đến Giang lăng, giữa đường gặp một vị Tăng bảo rằng: "Ông muốn dạy người hãy đến Tân Định" (nay là Nghiêm Châu). Nói xong liền ẩn mất. Sư bèn đến Quận xin tiền, dụ trẻ con niệm Phật. Hơn một tháng, trẻ con niệm Phật xin tiền rất đông. Như thế một năm thì bất luận lớn bé sang hèn thấy Sư đều niệm A-di-đà Phật. Sư bèn lập đạo tràng tập họp chúng lên tòa lớn tiếng niệm một tiếng Phật thì chúng thấy trong miệng Sư phóng ra một Đức Phật. Niệm mười tiếng thì có mười vị Phật nối nhau như xâu chuỗi...

Đời Thuận Tông: (tên Tụng, con cả của Đức Tông)

Năm Vĩnh Trinh thứ nhất, vua ban chiếu mời Thiền sư Thi Lợi vào nội điện để hỏi về Thiền lý. Vua hỏi: "Chúng sinh ở đại địa vì sao được kiến tánh thành Phật?" Lợi thưa: "Phật pháp như vầng trăng trong nước, thấy mà không lấy được". Vua rất vui (Sư đắc pháp với Thạch Đầu Thiên Sư). Sa-môn Tối Trừng ở Nhật Bản đến học với ngài Thiên Thai Thúy Pháp sư, viết hết một Tông Luận Sớ đem về. Đây là người truyền Thiên Thai Giáo ở Nhật Bản đầu tiên.

Đời Hiến Tông: (tên Thuần, con cả của Thuận Tông)

Năm Nguyên Hòa thứ nhất, vua ra sắc lệnh: Sa-môn Đoan Phủ làm Lục Tả Nhai Tăng Sự và coi ngó Pháp nghi ở Nội điện, Sa-môn Linh Thúy làm Lục Hữu Nhai Tăng Sự (Tăng Lục bắt đầu từ Sư Pháp Khâm đời Diêu Tần).

Vua ban chiếu mời Sa-môn Tri Huyền vào điện để hỏi đạo và ban hiệu là Ngộ Đạt Quốc Sư. Hồi năm tuổi Huyền đã biết ngâm thi, xuất gia làm Sa-di, mới mười bốn tuổi giảng kinh Niết-bàn. Lý Thương Ẩn tặng thi rằng:

Sa-di mười bốn biết giảng kinh
Tiểu trạc tuổi Sư chỉ mang bình
Sa-di nói pháp Sa-môn học
Đâu nệ tuổi cao, chỉ tánh linh.

Rợ Hồi Hột sai Sứ cùng Ngụy Nhân Ma Ni Giáo đến triều cống.

Năm Nguyên Hòa thứ hai, vì Thổ Đột Thừa Thổi làm Tả Hữu Nhai Công Đức Sứ, nên Tăng Đạo đều lệ thuộc vào (họ là Thổ Đột, tên

Thổi).

Tháng ba, vua ban chiếu rằng: Nam đinh Nữ công, lấy việc cày cấy, dệt vải làm gốc. Muôn dân có kẻ trốn tránh sưu dịch giả làm Tăng Ni, Đạo sĩ mà không phải thật sự xuất gia tu đạo. Quan Hữu ty Sở tại trị tội tâu lên. Vua ban chiếu mời Nga Hồ Đại Nghĩa Thiền sư vào gặp ở điện Lân Đức, cùng các Pháp sư nghị luận, Pháp sư hỏi: "Thế nào là bốn Đế?" Sư đáp: "Thánh Thượng một đế, ba đế kia làm gì có!" Lại hỏi: "Thế nào là Thiền Đạo?" Sư lấy ngón tay điểm trên không trung. Các Pháp sư không hiểu. Vua nói: "Một điểm mà Pháp sư còn không biết thì làm sao?" Vua hỏi: "Thế nào là Phật tánh?" Sư đáp: "Không lìa điều hỏi của Bệ Hạ". Vua ngầm khế hội, Thượng Thư Lý Tường hỏi: "Đại Bi dùng ngàn tay ngàn mắt để làm gì?" Sư đáp: "Thế nay vua dùng ông làm gì?" (Sư đắc pháp với ngài Mã Tổ).

Sa-môn Tuệ Lâm ở Phủ Hà Trung có soạn bộ Nhất Thiết Kinh Âm Nghĩa một trăm lẻ ba quyển, đến Cung Khuyết dâng lên vua. Vua ban sắc cho nhập vào Đại Tạng và ban cho Tử Y, lụa tiền trà thuốc...

Năm thứ ba, vua ban chiếu mời Hoài Uẩn Thiền sư ở Chương Kỉnh đến Kinh Sư, mời vào nội điện để học hỏi Thiền Pháp.

Năm Nguyên Hòa thứ tư, vua ban chiếu mời Duy Khoan Thiền sư vào gặp để hỏi Thiền yếu. Vua mời Sư ở chùa An quốc. Bạch Cư Dị hỏi: "Đã là Thiền sư sao còn nói pháp?" Sư đáp: "Vô Thượng Bồ-đề nếu trang bị cho thân thì gọi là Luật, nếu nói ở miệng thì gọi là Pháp, nếu hành ở Tâm thì gọi là Thiền. Thiền tức là Pháp, Pháp không lìa Thiền."

Vợ của Mã Lang ra ở Thiểm Hữu (Thiểm Tây). Khi xưa, đất này là nơi quen việc cỡi ngựa bắn cung, chê bai nghe từ Tam bảo. Bỗng có một cô gái trẻ đến bảo mọi người rằng: "Người nào một đêm mà thuộc làu Phẩm Phổ Môn thì tôi xin làm vợ." Sáng hôm sau có đến hai mươi người thuộc làu. Nàng bèn đưa Kinh Bát-nhã, hôm sau chỉ còn mười người thuộc. Bèn đưa kinh Pháp Hoa hẹn ba ngày phải thuộc. Thì chỉ có một mình Mã Lang là thuộc. Bèn sắm đủ nghi lễ đón về. Cô vợ lấy cớ bệnh xin ở phòng khác. Khách chưa về hết thì nàng đã chết. Phút chốc thân thể sình rả bèn đem chôn. Mấy hôm sau có vị Lão Tăng đắp Tử Y đến mộ lấy tích trượng đào thi thể lên thì thấy xương là khóa vàng, bèn bảo chúng rằng: "Đây là Thánh Phổ Hiền thương xót bọn các ngươi chướng nặng, nên dùng phương tiện." Rồi bay lên không mà đi mất.

Ở Ngô Quận, có Tề Quân Tá siêng học nhưng nhà rất nghèo, định đến chùa Thiên trúc xin ăn. Đói quá không đi được nữa. Có vị Phạm

Tăng ở trước nhìn lại cười hỏi: "Pháp sư không nhớ đã giảng kinh Pháp Hoa ở chùa Đồng Đức à?" Tá nói: "Không nhớ" Vị Tăng liền lấy trong túi ra một trái táo đưa cho ăn. Tá liền sực nhớ tiền thân của mình là Tăng giảng kinh. Vị Tăng ấy bảo: "Chỉ có năm người được ta độ. Do vì ngươi ở trên tòa cao Sư Tử đã giảng nói điều dị đoan khiến người học sinh nghi, giới hạnh thiếu sót, tư chất thô lậu, nên bị báo rỡ ràng như thế." Nói xong ẩn mất. Quân Tá bèn theo ngài Linh Ẩn mà xuất gia, đổi tên là Giám Không, lập hạnh rất cao xa.

Năm thứ năm, vua hỏi ngài Trừng Quán Pháp sư: "Sao gọi là Hoa Nghiêm Pháp Giới?" Sư đáp: "Pháp Giới là Tánh Thể của chúng sinh. Đức Thế Tôn xứng Tánh Pháp Giới, nói kinh Hoa Nghiêm, Sự và Lý dung nhau không đâu không cùng khắp". Vua hoát nhiên liễu ngộ. Bèn ra lệnh Hữu Ty đúc ấn vàng, phong Sư làm Đại Thống Thanh Lương Quốc Sư.

Hàn lâm học sĩ Bạch Cư Dị hỏi Tâm Yếu với Ngưng Thiền sư được tám tiếng, lấy làm tám bài kệ. Đó là Giác, Quán, Định, Tuệ, Minh, Thông, Tế, Xả. Quán kệ rằng:

Lấy mắt trong tâm
Quán tướng ngoài tâm
Do đâu mà có
Do đâu mà mất
Quán rồi lại Quán
Tất rõ chân, vọng.

(Tám kệ thấy trong Trường Khánh tập) - Bạch Cư Dị thường ở chùa Bát Tháp đúng theo lời Phật dạy thọ giới bát quan trai chín lần.

Quy Thông Trí Thương Thiền sư đắc pháp với ngài Mã Tổ. Thứ Sử Giang châu là Lý Bột hỏi Sư rằng: "Núi Tu-di dung nạp hạt cải thì không hỏi, còn hạt cải dung nạp núi Tu-di là sao?" Sư nói: "Người ta đồn Sứ quân đọc muôn quyển sách phải không?" Bột đáp: "Đúng vậy". Sư nói: "Như từ đỉnh đầu đến gót chân của cây dừa to kia thì muôn quyển sách nằm ở đâu?" Sư dùng mắt có hai tròng, dùng tay thuốc xoa bóp thì cả hai mắt đều đỏ. Đời gọi là Quy Tông mắt đỏ.

Cư Sĩ Bàng Uẩn tham vấn ngài Mã Tổ rằng: "Không cùng muôn pháp làm bạn là người thế nào?" Tổ đáp: "Đợi ông hớp một ngụm mà hết cả nước Tây Giang thì ta sẽ nói cho ông nghe." Sau câu nói, cư sĩ liền liễu ngộ chỗ huyền yếu. Trong năm Nguyên Hòa, ông dạo chơi về phía Bắc Tương Hán ở trong một nhà nhỏ ở phía Tây thành. Ông có cô con gái nhỏ tên Linh Chiếu chuyên làm giỏ tre đem bán để độ nhật sớm

chiều. Khi sắp tịch, ông bảo cô con gái ra xem mặt trời sớm tối, hễ đúng ngọ thì vào báo. Cô con gái vội thưa: “Mặt trời đã đúng ngọ nhưng bị nhật thực”. Cư sĩ ra cửa xem. Cô gái liền lên ghế cha ngồi chắp tay mà hóa. Cư sĩ trở vào cười bảo: “Con gái ta quá lanh lợi.” Rồi ông nán lại bảy ngày. Quan Châu Mục Vu Địch đi thăm bệnh. Cư sĩ bảo: “Chỉ xin rỗng không các cái có, chứ đừng xem có các cái không!” Nói xong ngã đầu vào gối của ông mà hóa.

Vua ban sắc cho Gián Nghị Mạnh Giản và Bổ Khuyết Tiêu Dật cùng ở chùa Lễ Tuyền mà gíam hộ việc dịch kinh và nhuận văn.

Ngài Vô Trước Thiền sư vào núi Ngũ Đài xin gặp Đức Văn-thù. Khi đến Hang Kim Cang gặp một lão ông dắt trâu đến bên khe núi. Sư thưa: “Xin được gặp Đại sĩ” Ông lão dắt trâu trở về. Sư đi theo vào một ngôi chùa, ông Lão gọi Quân Đề, thì có một đồng tử ra đón. Ông Lão dẫn Sư vào ngồi ở nhà trên, đồng tử dâng chén đồi mồi hai người cùng đối ẩm tô lạc. Khoảnh khắc cảm thấy tâm thần sáng láng. Ông lão hỏi: “Gần đây từ đâu tới?” Sư đáp: “Ở phương Nam”. Ông lão nói: “Ở phương Nam Phật pháp trụ trì như thế nào?” Sư đáp: “Đời mạt pháp các Tỳ-kheo ít người giữ gìn giới luật”. Ông lão hỏi: “Chúng nhiều ít?” Sư thưa: “Hoặc ba trăm hoặc năm trăm”. Sư hỏi: “Ở đây Phật pháp trụ trì như thế nào?” Ông lão đáp: “Rồng rắn lẫn lộn, Phàm Thánh cùng ở chung”. Sư hỏi: Chúng bao nhiêu”. Ông lão đáp: “Trước ba mươi ba sau ba mươi ba”. Trời tối liền gọi đồng tử dắt Sư trở ra, Sư hỏi đồng tử: “Đây là chùa gì?” Đáp: “chùa Bát-nhã”. Sư Vô Trước bỗng tự cảm biết ông lão là Đức Văn-thù, liền cúi đầu dưới chân Đồng Tử xin dạy cho một lời. Đồng Tử ẩn mình mà ca rằng:

Trên mặt không sân: Chân cúng dường
Trong miệng không sân: Nhã diệu hương
Trong tâm không sân là trân bảo
Không cấu không nhiễm tức chân thường!

Nhân đó Sư Vô Trước tạm dừng tích trượng ở Ngũ Đài. Sau có nhiều lần hội ngộ với Đức Văn-thù (Trong Biệt Văn ghi ông lão nói kệ đại ý rằng: Một niệm tịnh tâm là Bồ-đề, hơn cả tạo hằng sa tháp bảy báu, bảo tháp cuối cùng sẽ hóa thành bụi, nhất niệm tịnh tâm thì thành Chánh giác).

Năm Nguyên Hòa thứ sáu, ngài Tam tạng Bát-nhã dịch kinh Bản Sinh Tâm Địa, Gián Nghị Đại Phu Mạnh Giản nhuận văn, vua đích thân viết lời tựa.

Năm thứ chín, ngài Bách Trượng Hoài Hải Thiền sư viên tịch,

ngài đắc pháp với Mã Tổ. Từ ngày Tổ Đạt-ma ở Thiếu Lâm đến nay đều ở chùa Luật mà nói pháp, Sư là người đầu tiên ở chùa Thiền mà nói pháp. Trưởng Lão lên nhà giảng thăng tòa, chủ khách hỏi đáp, hăng hái trình bày Tông yếu. Người học theo hạ lạp thứ lớp vào Tăng đường, bày các ghế dài, các giá máng mắc đạo cụ, lập mười vụ liêu xá để làm việc chúng. Đời sau theo đó mà mở rộng ra gọi là Thiền Viện Thanh Quy.

Pháp sư Trí Biện viết nhiều tác phẩm, nhưng người nghe quá ít, nhân đó bỏ giảng đường trở về chùa ở Hành Nhạc. Một hôm có bậc kỳ lão đến xem các trước thuật của Sư bảo rằng: "Những trước thuật của ông chỉ phù hợp ý Phật mà thiếu duyên Người. Nên đem thức ăn mà thí cho loài cầm thú. Khoảng hai mươi năm sau chúng sẽ tự tập họp đến." Biện bèn đem bán y phục đổi gạo, mỗi ngày nấu cơm rải ngoài đồng trống, chiêu dụ đám chim tụ tập. Biện khấn rằng: "Ăn cơm ta xin làm bạn Pháp với ta". Hai mươi năm sau Biện đến Nghiệp Thành khai giảng, dưới tòa có cả ngàn chúng đều còn trẻ tuổi.

Năm Nguyên Hòa thứ mười, Nam Hải Kinh Lược Sứ là Mã Tổng dâng sớ xin vua thụy phong cho Lục Tổ Tào Khê. Vua ban sắc thụy phong là Đại Giám Thiền sư đặt tên tháp là Linh Chiếu, Liễu Tông Nguyên soạn lời bia.

Năm thứ mười một, Ẩn Phong Thiền sư đến Hoài Hữu, dặn dò Ngô Nguyên Tế ngăn chặn binh giặc. Quan quân cùng giặc giao tranh nhau chưa phân thắng bại. Sư quăng tích trượng lên không trung, quân hai bên cùng ngước nhìn cho là lạ. Sau đó quan quân thắng nhanh chóng.

Năm thứ mười bốn, tháng giêng, vua ban sắc rước Phật cốt (xá-lợi) ở chùa Phụng Tường Pháp Môn vào cung cấm để kính lễ ba ngày, rồi rước đến mười chùa khắp kinh thành. Đời truyền ba mươi năm mới có một kỳ khai hội, khai hội thì năm đó trúng mùa và dân an vui. Cả Vương Công Sĩ Thứ đều đến chiêm lễ và bố thí. Bá tánh cạo tóc đốt liều cúng dường. Hình Bộ Thị Lang là Hàn Dũ dâng biểu lên vua tâu rằng: Từ Thượng Cổ không có Phật mà vẫn yên trị, đời Hán Minh Đế Phật pháp đến rồi mà sau vẫn loạn lạc mất nước. Đời Tấn Ngụy trở đi các triều đại càng rút ngắn, đời Lương Võ Đế thờ Phật mà bị Hầu Cảnh làm loạn bắt chết đói ở Đài Thành. Thờ Phật cầu phước mà trở lại thành họa. (Thượng cổ phong tục phúc hậu nên yên trị, đời sau này phong tục bạc bẽo nên phải loạn. Chu Khổng lấy nhân nghĩa để mở đường, đạo Phật dùng Chân Đạo mà cứu thế đều cốt thay đổi tục lệ xấu. Vận nước ngắn ngủi là do định mạng không phải là lỗi của Phật pháp. Lương Võ Đế là Thánh nhân bốn quả trụ thế, khi lâm chung còn tu trai giới, kẻ

viết Sử đương thời không biết được, cho nên ghi lời cuối của vua: "Ác, Ác lắm" mà băng, trở lại đặt điều việc chết đói ở Đài Thành, thật là cay nghiệt! (hàng quân tử đời sau chớ theo lập luận này). Phật vốn dòng mọi rợ, miệng không hề nói pháp ngôn của Tiên Vương, thân không hề mặc Pháp phục của Tiên Vương, không biết nghĩa quân thần và tình phụ tử (Phật là Đại Thánh nhân giáng xuống nước Trung Thiên Trúc. Như chỗ sinh là ở biên giới phía Đông Thiên Trúc thì đâu thể coi Trung Thiên là mọi rợ. Cả một Đại Tạng đây đều là Đạo của Phật trước đâu không phải là Pháp ngôn. Y hoại sắc Ca-sa tiêu biểu cho cách xuất thế đâu không phải là Pháp phục. Hành Pháp của một Pháp Vương nên không được xưng bề tôi với vua, làm người xuất gia nên không thể xưng con với cha mẹ. Song đạo trung hiếu do đó mà báo đáp được ân vua và cha mẹ. Không phải như thế tục hẹp hòi mà sánh được). Huống là thân đã chết rồi, xương khô mục là chất thừa hôi hám đâu nên đem vào cung cấm. Vậy nên giao mớ xương này cho nước lửa để dứt hết cội nguồn. Nếu Phật có linh thiêng thì hãy giáng họa phúc, tất cả tai ương xin đổ trên đầu thần." Khi biểu đưa vào cung thì vua giận dữ chỉ muốn đem giết. Sau nhờ Bùi Độ... khuyên vua biếm làm Thứ Sử Triều Châu (Phật thị hiện có sống chết, nhưng thật chưa từng diệt mất. Giữ lại xá-lợi là để phước cho đời. Còn chỗ thờ là đạo tràng, có hiềm gì cung cấm. Xá-lợi thì dù Kim cương cứng chắc tất cả mọi vật cũng không phá hủy được, huống là nước lửa mà phá được sao. Đạo Phật từ bi dung thứ tuy không xét tội kẻ hủy báng, song thiên thần hộ pháp tự họ có thể trừng phạt. Nay vua giận chỉ muốn giết chết kẻ xúc phạm, rõ ràng là bị quả báo trước mắt. Nhờ các đại thần khuyên vua tha mạng, ấy cũng là do từ lực của Phật cứu cho khỏi chết vậy).

Khi xưa, xá-lợi Phật đưa vào Đại nội thì đêm đến phóng ánh sáng. Sáng sớm hôm sau triều thần đều mừng rằng: "Ấy là do Thánh Đức của Bệ Hạ cảm được". Chỉ riêng Hàn Dũ không nói. Vua hỏi, Dũ thưa: "Vi thần từng thấy kinh Phật, ánh sáng Phật không phải là các màu xanh vàng đỏ trắng... , đây là ánh sáng của các Long Thần hộ vệ". Vua hỏi: "Vậy ánh sáng của Phật thì như thế nào?" Dũ không đáp được (Tuyết Đậu Đại nói rằng: Bệ Hạ ở trên cao lấy lượng trời soi xét. Cổ Đức nói rằng: để cho Dũ biết Phật Quang).

Tháng hai, vua ban sắc cho Hàn lâm học sĩ Trương Trọng Tố soạn lời bia cho Phật cốt (xá-lợi Phật), tóm tắt rằng: " Ở Kỳ Dương có chùa Pháp Môn, đồi Minh Nhạc có tháp A-dục Vương thờ xá-lợi Phật. Vua Thái Tông đặc biệt lập chùa chiền và xây nhiều tháp cao. Vua Cao

Tông dời về Lạc Ấp, Triều Tắc Thiên hiến cúng hộp báu, vua Trung Tông ghi vào Quốc sử, vua Túc Tông rước thờ ở nội điện, vua Đức Tông kính lễ ở Pháp Cung. Căn cứ vào lời truyền xưa cứ ba trăm năm mở Hội một lần thì đuốc ngọc soi gương vàng sáng rỡ, hung khí tan mất, lúa thóc bội thu... Ngày hai mươi bốn rước Phật cốt trở về tháp cũ ở Kỳ Dương.

Hàn Dũ đến Triều Châu nghe danh Sư Đại Điên, bèn mời vào Quận hỏi đạo, giữ lại cả mười ngày. Sau nhân đến Hải Thượng, Sư lên núi Linh sơn tạo chỗ ở (Ngài Đại Điên đắc pháp với Thạch Đầu Thiên Sư). Dũ hỏi Sư: "Thế nào là đạo?" Sư nín lặng rất lâu. Dũ không hiểu. Lúc đó có Tam Bình Nghĩa Trung làm Thị Giả gõ xuống thiền sàng ba tiếng. Sư hỏi: "Làm gì thế?" Tam Bình thưa: "Trước là định các loạn động, sau là để phát tuệ" Dũ cả mừng bảo: "Môn phong của Hòa thượng rất cao siêu". Dũ ở bên Thị Giả được liễu ngộ một phần, một hôm Dũ hỏi Sư: "Xuân thu bao nhiêu". Sư đưa xâu chuỗi lên lần mấy hạt hỏi: "Hiểu không?" Dũ thưa: "Không hiểu". Sư nói: "Ngày đêm một trăm lẻ tám". Dũ cũng ngẩn ngơ không hiểu. Sáng hôm sau lại đến trước cửa gặp Thủ Tọa, Dũ vẫn hỏi như trước. Thủ Tọa hỏi: "Thị Lang hiểu như thế nào?" Dũ nói: "Ngày đêm một trăm lẻ tám là ý chỉ như thế nào?" Thủ Tọa bập răng ba lần. Dũ đến Phương Trượng ra trước Sư hỏi: "Ngày đêm một trăm lẻ tám là ý chỉ như thế nào?" Sư bập răng ba lần. Dũ nói: "Tin biết Phật pháp sơ sơ". Sư nói: "Thấy Đạo lý gì? Dũ nói: "Vừa rồi Thủ Tọa cũng nói như thế". Sư gọi Thủ Tọa hỏi: "Vừa rồi ông chỉ Phật pháp cho Thị Lang phải không?" Thủ Tọa thưa: "Dạ phải". Sư đuổi Dũ ra khỏi viện (Bảo Khánh nói: "Thủ Tọa biết trước mà không biết sau". Sư Đại Điên khiến không làm một mình).

Tháng tám, Dũ được dời về làm Thứ Sử Viên Châu. Ông lại cất lều cỏ, mặc hai áo lót để khác người. Thượng Thư Mạnh Giản biết Dũ giao tiếp với Đại Điên bèn viết thư mừng. Dũ đáp thư khen ngợi Đại Điên thông minh và hiểu sâu đạo lý, chỉ vì xa xôi nên không chuyện vãng được. Bèn từ núi mời sư đến Thành Châu, lưu Sư lại mấy mươi ngày. Thật là người không để ý đến hình hài, không bị sự vật xâm phạm nhiễu loạn. Bèn cùng nhau giao tiếp qua lại. Kịp lễ tế thần Hải Thượng thì ông đến tận lều Sư. Khi trở về Viên Châu ông để lại y phục để cáo biệt. Ấy là chỉ vì tình người chứ không phải do kính tin Pháp của Sư mà cầu phước điền lợi ích. Phàm làm thiện làm ác thì tai ương hay phúc đức tùy loại nó đến, sao có Đạo đuổi Thánh nhân, bỏ Tiên Vương mà theo giáo Pháp của mọi rợ để cầu phước lợi ư? Mạnh Giản lại càng khâm

phục bảo: Đó chỉ là sách của Dương Mặc và Lão Tử có lý thiên lệch về hư vô, không phải là Trung Đạo thiết yếu. Phật giáo không phải như thế, biết rõ con đường thiện ác khác nhau, xét việc báo ứng rất vi diệu sáng suốt trong thiên hạ, để mở rộng đạo đức chứ không phải cầu thức ăn đồ cúng thí để nuôi sống vợ con. Làm sao mà Hàn quân lại lấy cái tình của ông già bà cả ở xóm nghèo mà đối đãi. Vả lại Pháp ấy ở đời khiến mọi người sợ ác tu thiện, đâu không phải là một cách giúp sức lớn lao để giáo hóa, phòng chống tội ác ư!...

Đông Pha nói: Xem các văn thư qua lại của Thoái Chi và Mạnh Giản thì biết Thoái Chi rất thích Đại Điên cũng như Văn Xướng rất thích ngài Trừng Quán. Nhưng người đời lại chọn nhầm là Thoái Chi viết thư cho Đại Điên lời văn rất quê mùa. Có một học trò đề ở cuối sách rằng: Âu Dương Tu cho đây không phải là văn của Thoái Chi, vì kém hơn nhiều. Lại cho là văn của Vĩnh Thúc. Đời gần đây có lưu truyền Thoái Chi Biệt Truyện thì trách cứ Thoái Chi, lại cho Vĩnh Thúc làm lời Bạt rằng: Giả sử Thoái Chi có sống lại tất cũng không thể tự biện giải được." Bạn ta là Ngô Nguyên Minh nói rằng: "Từ Quân lúc bình thời thấy Giới Phủ không thích Thoái Chi nên viết bài văn này mà thôi".

Bàn rằng: Thoái Chi viết cho Đại Điên có ba bức thư vẫn còn giữ ở Bản Tập. Việc Thoái Chi gặp Đại Điên là có thật, thì việc thư từ qua lại cũng không thể không có. Nay viết thư trong một lúc làm sao giữ được từng câu từng lời cho tinh đáo, nếu bảo là "chọn nhầm" thì e là luận quá mức. Còn như lời văn của Biệt Truyện bảo thật là quê mùa thì không thể nào qua mắt được Đông Pha. Phù Ông bảo rằng: Thoái Chi sau khi gặp được Đại Điên thì văn lý hay hơn, nhưng lời bài bác Phật thì cũng nhẹ nhàng hơn.

Hàn Thoái Chi Nguyên Đạo nói rằng: Người xưa bảo: Muốn bày cái đức sáng với thiên hạ thì trước phải trị nước, muốn trị nước thì trước phải tề gia, muốn tề gia thì trước phải tu thân, muốn tu thân thì trước phải chánh tâm, muốn chánh tâm thì trước phải thành ý. Song thời xưa nói về chánh tâm thành ý thì đều có thể đem ra làm. Nay muốn trị tâm mình mà bỏ ngoài thiên hạ quốc gia là dứt mất đạo thường của trời đất. Con sao không coi cha là cha, tôi sao không coi vua là vua, dân sao không thờ cái mình thờ. Nên Khổng Tử đã viết ra Xuân Thu. Chư hầu dùng lễ của Rợ Di thì là Rợ Di, Rợ Di mà tiến vào Trung Quốc thì thành Trung Quốc. Kinh nói: Di Địch có vua không bằng các nước Hạ không có. Kinh Thi nói: Nhung Địch phải đánh khi thua phải trừng. Nay ta đem cái Pháp của Nhung Địch để trên cái giáo của Tiên Vương. Có

bao nhiêu đó mà không biết xét thì là Di. Song như thế thì coi sao được. Nên nói đem Đạo người dạy họ làm người, dạy họ dùng lửa, dạy họ cất nhà để ở mà dẫn dắt họ thì cũng còn được.

Liễu Tông Nguyên tặng Sa-môn Hạo Sơ có lời tựa rằng: Về Nho thì Hàn Thoái Chi và tôi rất thân thiết. Có lần bị bệnh tôi thích lời Phù đồ thì ông chỉ trích là tôi giao du với Phù đồ (Thoái Chi cho là lời nói và giao du là hai thứ mà trách nhau. Về sau Tử Hậu có viết hai tiết để giải thích đều có quan hệ việc đó). Ở gần Lũng Tây có Lý Sinh từ Đông Đô đến. Thoái Chi lại mượn thư mà bắt tội tôi. Như nói: Thấy lời tựa gởi Nguyên Sinh không bài xích Phù đồ (thuật lại việc Thoái Chi trách ông không có ý bài xích Phù đồ). Thật ra Phù đồ có chỗ không thể bài xích (trước nêu câu nói này để làm gốc về lời Phù đồ) thường thường hợp với Dịch Luận Ngữ. Thật đáng mừng thay! Tánh chất tự nhiên không khác chi đạo của Khổng Tử (Kế giải thích lời nói cùng sách Nho hợp với Tiên Thánh không sai khác, đây có hai nghĩa) Thoái Chi thích Nho chưa hơn được Dương Tử. Sách của Dương Tử trình bày Trang Mặc thì Hàn đều nhận biết được cả, còn Phù đồ thì không bằng cái quái tích hiễm tặc của Hàn sao? (trở lại trách Thoái Chi không bằng Dương Tử, mà Dương Tử còn không bài xích cái quái hiểm của Trang Tử, Thoái Chi sao lại bài xích cái rộng lớn của Phù Đồ) nên nói vì nó là Rợ Di vậy (nhắc lời Thoái Chi nói Phật là Rợ Di) quả là do không tin Đạo mà bài xích. Vì Rợ Di thì làm bạn với Ác Lai Đạo Chích mà khinh thường Quý Trát và Do Dư (ở trước đời Tần, Phi Liêm sinh ra Ác Lai cha con đều lấy tiền của sức lực mà thờ vua Trụ nhà Ân. Thất trong Sử Ký. Đạo Chích là tên trộm đời Tấn, thấy ở Trang Tử. Cả hai đều là người Trung Quốc (không phải mọi rợ). Ngô Công Tử đón Lăng Quý Trát hiền thần. Còn Do Dư từ Tây Nhung vào nước Tần. Cả hai đều xuất thân từ Man Nhung) không phải cái gọi là bỏ danh mà cầu thật sao? (trách Thoái Chi quả nếu xem Pháp đó là mọi rợ thì Danh hay Thật đều lỗi). Còn cái ta nhận lấy đó thì cùng hợp với Dịch Luận Ngữ. Dù Thánh nhân có sống lại thì cũng không thể bài bác được vậy (nhắc lại là lời nói của Phù đồ cùng với sách Nho hợp nhau không nên bài xích). Cái mà Thoái Chi cho là xấu là căn cứ vào Tích (nói câu này là trách Thoái Chi chỉ xem Tích mà không biết tâm) nói rằng cạo bỏ râu tóc mặc nâu sòng không có vợ chồng cha con, không biết cày cấy nuôi tằm để nuôi sống người ư? (lấy từ ý Thoái Chi chỉ thấy về tích là muốn lấy việc tục của thế gian mà cốt trách người học xuất thế). Nếu thế thì chính ta cũng không vui. (Tạm đồng cái thấy và cái tích của Thoái Chi). Thoái Chi giận bên ngoài mà

trái trên trong, là biết đá mà không biết ngọc ẩn trong đá (chính thức trách Thoái Chi về thấy bề ngoài mà không biết tâm bên trong. Phàm là Sa-môn thì bỏ đi cái vui phù thế cho nên cạo đầu nhuộm áo, tu tập phạm hạnh nên không có liên lụy vợ chồng. Đến như xuất gia học đạo là để cứu độ Thần minh của cha mẹ để được sinh về Thiên Cung hay Tịnh Độ. Đó là sự báo ân cao tột nhất. Không phải đồng với kẻ tục sống thì thờ kính, chết thì chôn và cúng kiến mà thôi. Vả chăng người xuất gia thân ở trong Tam bảo được đời tôn kính, há lại trách là không biết cày ruộng, dệt vải. Không có người quê thì không ai nuôi quân tử, xin mượn nghĩa này. Thoái Chi không biết được tâm người xuất gia học đạo, là không biết được ngọc trong đá vậy). Ta sở dĩ thích lời Phù đồ nhờ đó (câu này là giải thích dữ phù đồ môn) giao du với các vị ấy (nói câu này để làm cơ bản cho tiếng dữ phù đồ du) bất tất phải thông suốt Đạo ấy (Nho thế tục không mong hiểu hết diệu ý của Phù đồ). Vả lại phàm người tu Đạo này thì không ham quan chức, không thích tranh tài, chỉ ưa sơn thủy, thích an nhàn (chỉ biết thích cái thanh nhàn thì đã khác kẻ tục rồi). Ta bị bệnh mãi theo đuổi cuộc đời chỉ vì ân tín dây thao nó trói buộc (chính nói kẻ tục luôn nghĩ đến danh lợi) thì bỏ phức nó đi còn đeo mang làm gì (không mến mộ Phù đồ thì còn mến mộ cái gì). Ta thích giao du cùng Phù đồ là vì thế (câu này giải thích nghĩa giao du với Phù đồ). Nay Hạo Sơ tánh nhàn tình an mà đọc sách ấy (nói chung về sách Phật) tất sẽ thông về Dịch Luận Ngữ (gần hợp với sách Nho). Dù thích sơn thủy nhưng có văn thì làm văn (tuy ở chỗ u nhàn vẫn vì đời mà lập ngôn). Lại cha con là đạo nuôi nhau, nay ở phiêu bạt thì không cần nữa (tin vào chỗ học có Pháp để nương tựa) thật là hiền hơn vì Trong Mặc mà trình bày lời của Hàn Dũ (Đây là Tử Hậu nói với Hàn Dũ) mãi đeo đuổi, ấn tín dây thao nó ràng buộc thì cũng không bì kịp được (đây là Tử Hậu nói về giao du).

Bàn rằng: Thoái Chi không biết Phật do đó mà bài xích Phật. Các sĩ phu đời sau thấy Hàn Nguyên Đạo đáp thư Mạnh Giản thì cho rằng người chống cự Dương Mặc còn hẹp hòi hơn Dương Mặc. Còn đạo Phật rộng lớn có thể bao trùm cả Cửu Lưu ở thế gian, chưa có một pháp nào ở ngoài đạo Phật, há nên lấy Dương Mặc mà so sánh ư? Có người hỏi: Ông Liễu Tông Nguyên bảo lời của Phù đồ hợp nhau với Dịch Luận Ngữ. Dịch Ngữ là giáo pháp thế gian đâu đủ hiểu được đạo Phật tột cùng. Nói rằng Hạo Sơ lấy lời của Nho Sinh Tử Hậu chưa phải là lời thâm diệu. Cho nên dùng yếu nghĩa của Dịch Luận Ngữ so sánh để cho dễ hiểu mà thôi. Liễu Tông Nguyên đã có chỗ phát ngộ nên lại

muốn lấy việc này để cảnh cáo Thoái Chi là không bằng, nếu không đem Dịch Luận Ngữ mà nói ra thì nhà Nho chưa dễ lãnh hội. Song Tử Hậu từ đây đâu thể dễ vào Tông này. Cho nên trong bài thơ tiễn đưa, Liễu Tông Nguyên nêu trong lời tựa rằng: "Đạo Phật rộng lớn lại nhiều bao dung." Vô Tánh Bi lại nói rằng: Nối tiếp bản thống để thuận với Trung Đạo". Bài tựa tiễn đưa Sư Trọng Tuyển lại nói: "Ta từ bé học Phật tìm cầu đạo này suốt ba mươi năm ta riêng có chỗ được." Đây chưa thể lấy Dịch Luận Ngữ mà suy lường được. Chao ôi, việc Thoái Chi bài bác Phật, nếu không phải Liễu Tông Nguyên thì khó thể chê trách ông được. Nay lấy Tựa Hạo Sơ mà nêu chương cú để giải thích, thì chỉ có Liễu Tông Nguyên mới rộng nói ra được.

Hàn Dũ vì bài Phật mà bị biếm ra Triều Châu, có người con gái thứ tư tên Noa mới mười hai tuổi bị chết dọc đường, bèn chôn dưới núi Thương Nam. Sau này khi ông làm quan ở Kinh Triệu, bèn đem hài cốt con về phần mộ họ Hàn ở Hà Dương. Khi chôn lại có làm bài văn rằng: Khi Dũ làm quan Thiếu Thu có nói Rợ Phật tinh quái nêu pháp loạn trị, Lương Võ Đế thờ Phật rốt cuộc bị Hầu Cảnh giết. Vậy nên quét đi một nhát đừng để nó tràn lan. Thiên tử cho là lời nói bất tường bèn đày ra đất Yết Dương ở Nam Hải.

Bàn rằng: Thoái Chi khinh Phật là Rợ, chuyên trách Lương Võ Đế thờ Phật mà gặp họa để cảnh tỉnh vua lúc đó, nhưng cuối cùng Thoái Chi lại bị đáp lại cái họa biếm trục sao nhanh chóng thế! Lương Võ Đế chính là bậc Ứng Chân thị hiện làm vua, cùng hành hóa với Chí Công Đại Sĩ hàng Nho Sĩ đâu thể lường biết được!

Hàn Dũ đọc sách Mặc Tử bảo rằng: Mặc Nho thì đồng với Nghiêu Thuấn mà không đồng với Kiệt Trụ, đồng việc tu thân chính tâm để trị quốc bình thiên hạ, đâu không nói như thế được ư? Tôi lấy đó mà luận thì thấy những kẻ hậu học đều theo thuyết của thầy mình, không phải là Đạo thờ hai thầy thì không đúng vậy. Khổng Tử ắt dùng Mặc Tử mà Mặc Tử cũng phải dùng Khổng Tử, nếu không dùng lẫn nhau thì không phải là Khổng Mặc.

Để ém nhẹm Lục Tổ, Thần Tú Thiền sư làm Âu Dương Ngoại Truyện ghi rằng: Tổ Ấn cùng Vĩnh Thúc luận đạo, nhân đó chép ra Cổ Nhân Phi Hàn, tóm tắt nêu ra Vương Kinh Công, Tô Đông Pha, Long Tiên Sinh và Tung Minh Giáo. Kinh Công nói: Có người ưa cái thuyết chống Dương Mặc của Mạnh Tử lấy đó làm công cụ để bài xích Phật Lão. Than ôi, Trang Tử gọi loài trùng mùa hạ chính là bọn này, Đạo là năm Thánh nhân là thời. Nay chấp một thời mà nghi cả năm thì là

người không biết Đạo vậy. Tô Đông Pha nói: Thoái Chi đối với Đạo của Thánh nhân đó, cũng biết mà chỉ vì ưa cái danh mà không ưa cái thực thì làm sao luận được việc xa được. Ông càng trọng Khổng Tử, Mạnh Tử mà lại đả kích dữ dội Phật Lão và Mặc Dương. Việc dụng công này cũng không thể bảo là không có kết quả. Nhưng luận lý không chuyên tinh, chi li mơ hồ thường thường tự mâu thuẫn với điều mình nói mà không biết... Long Tiên Sinh ở Tây Thục làm bộ Phi Hàn một trăm thiên, tóm tắt rằng: Manh Giao mất đứa con thứ ba, Thoái Chi gởi cho bài thơ đại ý rằng:

Mất con đâu gì quá!
Ta sắp mất trời cao
Ông là vua hạ giới
Cướp một đâu lệch nào
Với ông nó đâu có
Chỉ khiến thêm phiền hà
Riêng đây nào có lỗi
Sống chết chỉ mấy ngày.

Cả ba trăm bài Thi chỉ chọn bài làm tiêu biểu, một bài thật quá bất nhân. Ông có đáp từ mà không giận. Bởi kẻ dám khinh nhờn trời cao tất việc chê bai dữ dội Phật Lão là dễ thấy. Nay chép ra khoảng mười điều có nói rằng: Phật Lão là Thánh nhân mà chê là mọi rợ (Nguyên Đạo). Khổng Mặc khác Đạo, nay bảo là đồng Tông, phản bội Mạnh Tử làm điếm nhục Khổng Tử (đọc Mặc Tử), Đạo vốn đồng mà Giáo thường khác. Kinh của Nho giáo thuộc thế gian, còn kinh giáo của Phật Lão là xuất thế. Thoái Chi lấy thế tục mà dẹp bỏ xuất thế nên chưa đủ biết về Đạo (Nguyên Đạo) Tánh vốn là một. Nay nói ba phẩm năm tánh thì chưa đủ để biết về Tánh (Nguyên Tánh). Người là cao quý, nay lấy mọi rợ cầm thú coi đồng với người ư? (nguyên nhân). Các triều trước đón rước xá-lợi Phật mà có phúc họa xa gần (dâng biểu can vua) mong muốn dời đổi ánh nắng mặt trời mà khuyên vua dẹp bỏ Phật pháp, khác nào dâng lời dèm xiểm để làm vừa ý vua (dâng biểu mừng Tôn Hiệu), sợ cái họa sửa Sử mà mạnh mẽ bài bác Phật (đáp thư Lưu Tú Tài). Vì thuyết Bác tạp mà thích làm Bác Tắc (Bác Tạp như Mao Dĩnh Truyện cùng loại văn Dật Cùng. Bác Tắc thì thấy trong thư Trương Tịch). Tung Minh Giáo Phi Hàn gồm ba mươi thiên, nói rằng: Cựu Đường Sử cho là Hàn Tử có tánh thiên lệch hẹp hòi chuyên nói xấu Đạo mà không chịu tìm đọc kỹ các sách, nhìn việc làm của ông thật đúng là như thế. Muốn hàn như người xưa mà theo Trung Đạo chắc chắn là không kịp nữa rồi.

Phải vậy thôi! Kẻ thức giả bảo Hàn là người văn từ thi cử. Phàm văn là để truyền đạo, nếu Đạo không cao thì văn cho lắm cũng vô dụng. Kẻ học không biết suy xét bắt chước vô ích loại văn ấy chỉ dùng để chê bai Thánh nhân của hai giáo mà thôi. Cho nên viết thư này để biện biệt hầu sửa cho đúng những bọn ưa chê bai trong thiên hạ (v.v... ngoài ra lời công kích cũng đại để như của Long Tiên Sinh). Tô Đông Pha nói: Xưa có nhiều người luận về Tánh nhưng chưa nhất định theo một thuyết nào. Đầu tiên thì Mạnh Tử cho Tánh là Thiện, Tuân Tử thì cho là Ác, Dương Tử thì bảo là Thiện Ác lẫn lộn. Còn Hàn Dũ thì lấy cả thuyết của ba ông trên mà bắt bẻ, ông lấy luận của Khổng Tử tách lìa cái Tánh ra cho là có ba bậc, người ở giữa có thể lên cao hay xuống thấp, mà bậc thượng trí với kẻ hạ ngu thì không dời đổi. Cho là ba ông kia cũng từ bậc giữa mà có thượng hạ. Than ôi! Đó là chưa biết cái gọi là Tánh, mà lại lấy cái Tài để nói. Phàm Tánh và Tài gần nhau mà không đồng nhau. Thánh nhân có tánh riêng, Tiểu nhân thì có Tánh chung mà không trốn bỏ được. Đó mới thật gọi là Tánh. Nhưng vì do Tài nên chắc chắn có chỗ không đồng. Thiên hạ nói Tánh thường lẫn lộn với Tài. Đó là lấy cái hỗn tạp chung mà không có được cái riêng biệt. Khổng Tử bảo: Người là bậc trung có thể lên cao hay xuống thấp mà bậc thượng trí và kẻ hạ ngu thì không dời đổi, là luận về Tài vậy. Đến như nói về Tánh thì chưa từng nói hẳn là Thiện hay Ác, chỉ nói “Tánh tương cận, tập tương viễn” mà thôi. Còn nói về Hàn Dũ thì quá rõ ràng. Ông tách Tánh ra cho là Tình, mà hợp lại với Tài thì cho là Tánh, nên luận của ông rốt lại là không thông.

Giả Đảo thuở xưa làm vị Tăng tên Vô Bản, ông đến Đông Đô vào lúc cấm Tăng sau giờ ngọ không được ra khỏi chùa, ông làm thi tự than thở. Hàn Dũ nhân đó dạy ông làm văn, bèn bỏ Tăng mà thi Tiến Sĩ. Có ông Lý Động ngưỡng mộ thơ của Đảo, đúc tượng ông mà thờ, có lần gọi là Phật Giả Đảo.

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 42

PHẦN 9

Đời Mục Tông: (tên Hoàn, con thứ ba của Hiến Tông)

Năm Trường Khánh thứ nhất, vua đích thân viết lời khen Nam Sơn Luật Sư rằng: "Đời có bậc Giác là sứ giả của Như Lai, rồng quỷ thảy quy hàng, trời người đều thờ phụng, tiếng bay xa năm cõi, lời rúng động muôn dặm, trời Tây kim ô lặn, Đông phương Phật nhật lên, cúi đầu Kính quy y, kính dâng Luật Tông Chủ" (Đến nay vào ngày tu cúng Luật Tông thường dùng bài tán này).

Tiết Độ Sứ Lưu Tổng ở U Châu dâng biểu lên vua xin xuất gia, vua không cho. Tổng bèn giao ấn lại, sau đó tự xuống tóc làm Tăng, lấy dinh thự riêng làm chùa. Vua theo ý muốn của ông mà phong làm Đại Giác Sư và ban cho năm mươi Tăng lạp, chùa tên là Báo Ân.

Tiết Độ Sứ Bùi Độ ở Hà Đông tâu vua chùa Phật Quang tại Ngũ Đài thấy có mây lành và Đức Văn-thù Đại Sĩ cỡi sư tử ở trên không trung có vạn chúng theo sau. Vua sai Sứ cúng vạn Bồ-tát. Ngay hôm ấy lại thấy có mây lành ở trong chùa. Vua ban chiếu mời Sa-môn Duy Anh ở chùa Long hưng sung làm Hàn Lâm Đải Chiếu Lưỡng Nhai Tăng Thống.

Năm Trường Khánh thứ hai, Vô Nghiệp Thiền sư (thấy ở Mã Tổ) ở Phần Dương, phàm có người học đến hỏi thì Sư chỉ đáp: "Chớ vọng tưởng." Vua Hiến Tông nhiều lần sai Sứ mời vào cung nhưng Sư đều lấy cớ bệnh mà từ chối. Khi vua lên ngôi nghĩ là phải chiêm lễ Sư một lần. Khi sai Lưỡng Nhai Linh Phụ mang chiếu đến thỉnh thì Sư cười bảo chúng rằng: "Ta sắp đi đây!" Giữa đêm đó Sư họp chúng nói pháp rồi ngồi mà hóa. Vua ra sắc thụy phong cho Sư là Đại Đạt Quốc Sư.

Trung Thư Xá nhân Bạch Cư Dị cai trị Hàng Châu, đến hỏi đạo ngài Điểu Khoa Thiền sư thì Sư bảo: "Chớ làm các điều dữ, nên làm các điều lành". Bạch Cư Dị nói: "Đứa bé ba tuổi cũng biết nói thế". Sư

nói: "Đứa bé ba tuổi tuy nói được nhưng ông lão tám mươi không làm được". Bạch Cư Dị phục lời nói ấy đảnh lễ mà lui (Sư tên là Đạo Lâm, thấy trong Kính Sơn Khâm Thiền Sư).

Năm Trường Khánh thứ tư, Sa-môn Tuệ Kiểu ở Cô Sơn Tây hồ tại Hàng Châu đã khắc đá kinh Pháp Hoa. Thứ Sử Bạch Cư Dị... chín người cùng góp công. Tể Tướng Nguyên Chẩn làm bài Ký có câu: "Phật pháp rất áo diệu, Tăng giảng giải cho ta mà ta thì không thể giải thích cho Tăng được". Bạch Cư Dị đến Lô sơn tham kiến ngài Quy Tông Thường Thiền Sư. Sư đang đắp bùn cho vách, hỏi ông rằng: "Đó là Nho Quân Tử hay Nho Tiểu nhân?" Bạch Cư Dị đáp: "Nho Quân tử". Sư ném xuống một bay bùn. Cư Dị lấy bay múc bùn ném lên. Sư nhận bùn trét vào vách. Được một lúc lâu, Sư hỏi: "Chẳng thích làm Bạch Thị Lang tài giỏi đấy ư?" Bạch Cư Dị đáp: "Chẳng dám". Sư nói: "Chỉ mới được một phần bùn".

Trung Thư Lệnh Vương Trí Hưng xin vua cho lập Giới Đàn Phương Đẳng ở Tứ Châu để độ Tăng vào ngày Phật đản. Vua chấp thuận. Ở Triết Tây, Quan Sát Sứ Lý Đức Dụ dâng thư lên vua cho là đã độ Tăng nhiều vô kể, khiến ở Giang Hoài mất đi số dân đinh cả mấy mươi vạn. Vua bác lời tâu ấy.

Đời Kỉnh Tông: (tên Trạm, con cả của Mục Tông)

Năm Bảo Lịch thứ nhất, vua ban sắc lập Giới Đàn Phương Đẳng ở Lưỡng Nhai, Tả Nhai thì ở chùa An quốc, Hữu Nhai là ở chùa Hưng Phước. Sung Trung Hộ Quân Lưu Quy làm chức Tả Hữu Nhai Công Đức Sứ, chọn các bậc giới hạnh cho làm Đại Đức. Bày việc khảo thí các trẻ em Nam nào đọc thuộc lòng một trăm năm mươi tờ Kinh và các trẻ em Nữ đọc thuộc một trăm tờ thì cho thế độ.

Năm Bảo Lịch thứ hai, vua ban sắc mời hơn bốn trăm Sa-môn và Đạo sĩ vào Cung Đại Minh đàm luận và thiết trai đãi tiệc. Vua đến chùa Hưng Phước xem Sa-môn trình bày văn chương và giảng kinh, vua rất khen ngợi.

Bạch Cư Dị soạn bộ Hoa Nghiêm Kinh Xã có ghi rằng: Có Sa-môn Nam Tháo ở chùa Long Hưng tại Hàng Châu, nhân có Đạo Phong Pháp sư ở chùa Linh Ẩn giảng phẩm Thế Giới của kinh Hoa Nghiêm, bèn phát nguyện rằng: Gắng khuyên đạo tục mười vạn người, mỗi người trì tụng một bộ kinh Hoa Nghiêm. Và mười vạn người ấy mỗi người lại khuyên một ngàn người đọc một quyển kinh Hoa Nghiêm. Mỗi năm bốn mùa ở các lễ hội đều dùng chay. Sư Nam Tháo đốt hương quỳ bạch

Phật rằng: Nguyện cùng mười vạn người này, ở đời vị lai sẽ có mặt đầy đủ trước Phật Tỳ-lô-giá-na ở trong Bảo Liên Kim Luân trên biển Đại Hưng Thủy của Hoa Tạng thế giới. Rồi ở trong chúng, Sư góp tiền của mọi người mua một ngàn khoảnh ruộng để cung cấp việc trai soạn. Đến nhờ tôi ghi giúp và bảo rằng tôi là một trong số mười vạn người ấy.

Đời Văn Tông: (tên Ngang, con thứ của Mục Tông)

Năm Thái Hòa thứ nhất, tháng mười, nhân tiết Phật đản, vua ban chiếu cho Bí Thư Giám Bạch Cư Dị, Dẫn Giá Đại sư Nghĩa Lâm ở chùa An quốc cùng Đạo sĩ Dương Hoằng Nguyên ở Thượng Thanh Cung đến điện Lân Đức để Đàm Luận về Tam Giáo (có đủ vấn đáp ở Lạc Thiên Vân tập).

Sa-môn Thiện Tín Đại sư theo học với Mã Tổ ngộ được Đại ý Phật pháp. Sau Sư đến Ngũ Đài tu Vô ngại cúng. Khá lâu sau đó thấy cha già bảo rằng: “Sư rất có duyên ở Tùy Hồng.” Sư nghe theo lời dạy đến núi Đại Hồng. Vừa lúc đó nhân dân ở đấy đem tế con vật sống để cầu mưa ở ao Rồng tại núi. Sư bèn ngăn lại bảo: “Chớ nên giết vật mà tế cúng, ta sẽ cầu mưa cho các ông.” Rồi Sư lên núi tọa thiền thì mưa lớn ào xuống. Có cha con Trương Võ Lăng dẫn chúng đến tạ ân, rồi lập đạo tràng. Bỗng Sư dạy chúng rằng: “Trong các thứ cúng dường không gì bằng cúng dường thân.” Sư bèn lấy dao bén chặt đứt cả hai chân đem để trên ghế. Sữa trắng tuôn trào. Đám môn nhân thương khóc chạy đến giựt dao. Sư ngồi ngay trên tòa mà tịch. Cha con họ Trương đứng hầu hai bên đều cũng thần hóa. Mọi người kính phục điềm linh gọi là Đại Thánh và hai Thánh. Tiết Độ Sứ Thôi Công ở Sơn Nam sai quan tu cúng, dùng bột vàng đắp vào thân. Tâu lên vua, vua ban cho chỗ ở tên là U Tế Viện. Từ đó trong các Quận có cầu xin điều gì thì đều ứng nghiệm nhanh chóng.

Năm Thái Hòa thứ hai, Quan Sát Sứ Thẩm Truyền Sư ở Giang tây xin vua lập Giới Đàn Phương Đẳng ở Hồng Châu để độ Tăng vào mùa Phật đản. Vua ban chế đáp: Nhân có quốc sự nên tạm ngưng việc độ Tăng. Lại ra sắc từ nay việc độ Tăng là trái lệnh, ai xin đều bị phạt. Được khoảng một tháng thì làm lơ lệnh ấy.

Năm thứ ba, Sa-môn Thanh Quảng... ở Viện Pháp Hoa tại Cô Tô đã khắc vách đá kinh Pháp Hoa được tám bộ. Thứ Sử Bạch Cư dị làm bài ký.

Năm thứ tư, Tự Bộ xin vua cho Tăng Ni nào không được Chánh độ ở khắp thiên hạ được trình đủ tên tuổi lên để cấp Điệp độ. Lúc đó số

người được cấp điệp lên đến bảy mươi vạn.

Dẫn Giá Đại sư Nghĩa Lâm tâu vua xin được sửa tháp Từ Ân. Ngày khai phần mộ có mùi hương lạ ngào ngạt, chân thân của Tổ nằm nghiêng trên nền gạch, còn đủ bốn mươi răng, dung mạo như lúc còn sống. Trên nền gạch có lớp rêu sắc vàng dày hai tấc như nấm linh chi.

Tu Pháp sư ở chùa Thiền Lâm tại Thiên Thai truyền Chỉ Quán pháp môn cho Vật Ngoại Pháp sư.

Năm thứ năm, vua ban sắc ở khắp Châu, Quận trong thiên hạ lập Tăng Ni tịch.

Năm thứ tám, tháng mười hai, ngài Nam Tuyền Phổ Nguyện Thiền sư ở Trì Châu viên tịch (thấy trong Mã Tổ). Sư ở Ngọc Tuyền ba mươi năm. Quan Sát Sứ Lục Hoàn thỉnh Sư vào Quận xin làm đệ tử. Hoàn nói: "Đệ tử ít hiểu Phật pháp". Sư nói: "Suốt trong mười hai giờ Đại Phu sống như thế nào?" Hoàn Thưa: "Một tấc tơ cũng không mang". Sư nói: "Hãy còn là người bậc dưới". Lục Hoàn thấy có người gieo hai hạt súc sắc sáu mặt bảo rằng: "Thế là thế nào?" Chỉ biết khi dỡ lên là thế nào thôi! Sư mới dỡ lên và bảo rằng: "Khúc xương thúi có mười tám hoa (mười tám điểm)". Hoàn nói: "Triệu Pháp sư hiểu Đạo rất kỳ quái. Trời đất cùng gốc, muôn vật đồng một thể." Sư chỉ cây hoa mẫu đơn trước sân bảo: "Người thấy một cây hoa này giống như giấc mộng". Dược Sơn Hoài Nghiễm Thiền sư ở Lễ Châu viên tịch, vua thụy phong là Hoằng Đạo Đại sư (thấy ở Thạch Đầu).

Năm thứ chín, tháp xá-lợi (Phật cốt) ở chùa Pháp Môn tại Kỳ sơn thấy có mây lành. Tháng tư, Hàn lâm học sĩ Lý Huấn xin vua cho dẹp bỏ Nội đạo tràng trong điện Trường Sinh, sa thải các Tăng Ni là bọn giả dối lạm dụng. Ngay hôm ấy trừ linh tượng trong Đại Nội, đêm đến gió bão thổi sập điện Hàm Nguyên, bốn con cú lớn đều rơi xuống đất, bứng tung ba gốc cổ thụ ở trước điện, phá sập Kim Ngô Trượng Quán, nhà cửa quán xá, vọng gác trong ngoài cửa thành có đến mười nơi. Cửa thành Tây Quang Hóa cũng sụp đổ. Dân chúng kinh hoàng. Vua cho là lời xin của Lý Huấn đã ngược phạm ý trời, bèn gấp rút ban sắc đình chỉ việc sa thải Tăng Ni và xây lại nghi tượng ở nội điện thì gió liền dứt (Cựu Sử Ngũ Hành Chí).

Tháng bảy, Lý Huấn xin vua khiến Tăng Ni trong thiên hạ thi Kinh, nếu không trúng cách thì bãi Đạo. Tháng mười một, Lý Huấn đang ngồi tính việc giết hoạn quan nên bị bắt chém đầu ở ao Côn Minh. Vua ban sắc Tăng Ni khỏi thi Kinh. Tháng tám, vua ban chiếu mời Sa-môn Tông Mật (hiệu là Khuê Phong đời thứ sáu dòng phụ của Lục Tổ)

vào nội điện để hỏi Phật pháp và ban cho Tử y.

Năm Khai Thành thứ nhất, tháng giêng trong Tả Nhai Tăng Lục có cung phụng việc đàm luận về Tam Giáo. Dẫn Giá Đại sư là thầy của Ngộ Đạt Pháp sư nằm nghiêng hông phải mà tịch, khi trà-tỳ được ba trăm hạt xá-lợi. Sư dạy chúng rất nghiêm, mới mười một năm đã truyền nghiệp cho hơn ngàn đệ tử. Sử Quán Tu Soạn là Bùi Hưu soạn bài bi minh.

Vua ban sắc mời Sa-môn Vân Đoan sung làm Tả Hữu Nhai Tăng Lục.

Vua có lần bảo cận thần rằng: Việc giáo hóa vô bổ trong thiên hạ mà còn ăn bám quốc gia, các Khanh thử cho ý kiến. Có kẻ thưa rằng: “Tổ tiên từ xưa đến nay rộng thờ Phật giáo, Tăng Đồ càng đông nhưng chỉ là bọn ăn bám đục khoét mà thôi.” Vua liền ra sắc chỉ trong ngoài đều dẹp bỏ việc Tăng Đồ giảng nói kinh Phật. Còn đang hội họp thì trong nhà bếp nấu thức ăn cho vua có món gà con hầm. Bỗng nghe trong vạc có tiếng rất nhỏ, lắng nghe thì thấy số trứng gà ấy đều niệm Quan Thế Âm Bồ-tát rất là thảm thiết. Quan Đầu Bếp tâu vua. Vua bảo xét nghiệm kỹ thì quả đúng. Vua than rằng: “Ta không ngờ được thần lực của đạo Phật đến thế này!” Bèn ra sắc lệnh từ nay không được ăn gà nữa. Một hôm vua ăn nghêu, bỗng có một con to tách không ra. Vua đốt hương cầu nguyện, chợt con nghêu biến thành hình Đại sĩ. Vua mời ngài Chung Nam Duy Chánh Thiền sư đến hỏi. Sư thưa: “Phàm vật ứng hiện không phải vô cớ, đây là muốn làm rộng lớn tín tâm của Bệ Hạ mà thôi”. Kinh nói: “Đáng dùng thân này để độ thì liền hiện thân đó mà nói pháp.” Vua nói: “Đại sĩ đã hiện nhưng chưa nghe nói pháp”. Sư hỏi: “Bệ Hạ thấy việc này là thường hay phi thường, là đáng tin hay không đáng tin?” Vua nói: “Việc hy hữu này đâu thể không tin”. Sư nói: “Đã thuyết pháp rồi đó”. Vua rất vui mừng. Liền ban chiếu khắp các tự viện trong thiên hạ đều lập tượng Quan Âm và ra sắc mời Sư về ở chùa Thánh Thọ. Đến khi Võ Tông lên ngôi thì Sư về Chung Nam ẩn cư. Có người hỏi duyên cớ. Sư đáp: “Ta muốn tránh cừu địch vậy” (dòng phụ của Ngũ Tổ).

Năm Khai Thành thứ ba, tháng ba, ngài Thanh Lương Quốc Sư Trừng Quán thị tịch. Vua bãi triều ba ngày, các trọng thần đều mặc áo tang, vua ra lệnh táng Sư ở Thạch Thất tại Nam Sơn. Sư trải thờ chín triều làm thầy bảy vua, mình cao chín thước bốn tấc, tay dài quá gối, có tài viết hai tay, ngày viết cả vạn chữ. Đêm không rời y, trọn đời chỉ ăn một bữa. Tể Tướng Bùi Hưu vâng sắc vua soạn văn bia.

Năm thứ tư, Trung Thư tâu vua xin ngày Phật đản cho bá quan đến chùa thiết lễ trai đãi ngàn Tăng. Vua ban chiếu chấp thuận. Lúc đó các Danh Tăng đều cu hội, sĩ thứ đón nhìn đều kính trọng.

Năm thứ năm, tháng giêng, ngài Khuê Phong Thiền sư Tông Mật viên tịch, Tể Tướng Bùi Hưu soạn bài văn bia.

Đời Võ Tông: (tên Viêm, con thứ năm của Mục Tông)

Năm hội Xương thứ nhất, tháng chín, vua mời Đạo sĩ Triệu Quy Chân tám mươi mốt người vào cung cấm, vua học Pháp Lục. Năm thứ hai, tháng sáu, vua mời Đạo sĩ Lưu Nguyên Tịnh ở Hành Sơn vào gặp. Vua ban sắc trao cho ông chức Ngân Thanh Quang Lộc Đại Phu, cùng với Quy Chân ở trong cung Cấm tu Pháp Lục.

Năm thứ ba, vua muốn dẹp sạch rợ Phật, bèn ra chiếu khiến Lưỡng Nhai thuật lại việc hưng phế từ khi có Phật đến nay, có gì đều nêu ra đầy đủ. Ngài Pháp Bảo Đại Sư Huyền Sướng soạn tập Tam bảo Ngũ Vận Đồ trình lên vua. Vua ban sắc dẹp bỏ các chùa Mạt Ni trong khắp thiên hạ. Ở Kinh Thành có bảy mươi Nữ Mạt Ni đều chết. Ở nước Hồi Hột nơi truyền bá các Đạo, người chết hơn phân nữa.

Năm thứ tư, tháng giêng, vua lấy cớ vào các tháng chay dẹp việc giết mổ là do Phật giáo gây ra hiềm khích, nên vua ban sắc từ nay về sau chỉ cấm giết mổ vào ngày đầu năm, ba ngày rằm lớn và ngày Quốc Kỵ.

Năm thứ năm, tháng giêng, Triệu Quy Chân xin vua tranh luận cùng đạo Phật. Vua ban chiếu cho Tăng và Đạo sĩ họp tại điện Lân Đức. Thượng Thủ giao cho Lão Tử, luận việc trị một nước lớn như nấu một bữa ăn ngon. Tri Huyền Pháp sư lên Luận tòa trình bày rộng rãi về đạo lý của vua chúa giáo hóa là căn bản, biện luận rất tinh xác hùng hồn, các Đạo sĩ không khuất phục được. Nhân đó Sư tâu vua rằng: Thần tiên chỉ giáo hóa chốn sơn lâm chỉ riêng lợi ích cho đám dân thường, còn bậc vua chúa không nên để tinh thần vào đó. Vua sắc mặt bất bình bèn đuổi Sư về thôn quê. Vua lập Vọng Tiên Đài ở Nam Giao. Quy Chân thừa dịp được vua sủng ái bèn chê bai đạo Phật, không phải là nơi Trung Quốc tôn thờ, cần phải dẹp bỏ. Bá quan cùng nói Quy Chân là gian tà không nên thân tín. Quy Chân từ đó lấy Dĩ Thiệp Vật Luận mà tiến dẫn bọn La Phù Đặng Nguyên Siêu, cùng kết giao chặt chẽ để phá hoại Phật pháp. Tháng tư, vua ban chiếu kiểm tra gắt gao số tự viện và Tăng Ni trong thiên hạ. Tháng năm, vua ban sắc cho Lưỡng Đô Tả Hữu Nhai chỉ giữ lại bốn ngôi chùa, mỗi ngôi có ba mươi Tăng. Ở các

Châu Quận trong thiên hạ mỗi nơi chỉ giữ lại một ngôi chùa. Chùa lớn có hai mươi người, chùa trung bình có mười người và chùa nhỏ chỉ năm người. Tháng tám, vua ban sắc các chùa nên hẹn ngày phá hủy. Khắp thiên hạ có đến bốn ngàn sáu chùa và bốn vạn Lan-nhã, lấy vật liệu để tu bổ các công thự và dinh trạm. Các tượng bằng vàng bạc thì giao cho vua chi dụng, các tượng sắt thì dùng đúc nông cụ, các tượng đồng và chuông khánh thì đem đúc tiền. Thâu lại hơn mấy ngàn khoảnh ruộng tốt và mười lăm vạn nô tỳ. Số Tăng Ni cho hoàn tục là hai mươi sáu vạn năm trăm người. Hàng Mục Hộ Hỏa Phất đều bắt phải hoàn tục hơn hai ngàn người. Tể Tướng Lý Đức Dụ dẫn bá quan dâng biểu khen mừng. Các Tăng ở núi Ngũ Đài phần lớn đều chết hoặc chạy trốn. Ở U Châu Lý Đức Dụ bảo quan tâu vua rằng: Đuổi hết về làng và không cho du Tăng nhập cảnh. Tiết Độ Sứ Trương Trọng Võ lãnh lịnh thi hành. Quan Chủ Khách Lang Trung Vi Bác bảo Đức Dụ rằng: "Phép sa thải không nên thái quá! Đức Dụ nổi giận đuổi ông ra làm Phán Quan ở Võ Lăng.

Năm thứ sáu, ở Trường an có người đi đêm ngang qua lăng vua Chu Mục, thấy có người từ trên không hạ xuống, mặc áo đỏ cầm tấm bảng hỏi Trũng Úy (quan coi mộ) ở đâu? Có hai quan viên từ mộ chui lên thưa: Dạ ở đây. Người áo đỏ hỏi: Xét coi Tây Hải Quân Sứ chừng nào đến? Quan thưa: Tính ngày đi thì có thể mười tám ngày. Người áo đỏ hỏi: Sao giữ lâu vậy? Quan thưa: Lý Viêm ở ngôi hủy hoại Phật giáo đáng tội chết sớm bỏ ngôi vua, sẽ giao cho Tây Hải Quân tra xét hồn phách. Bỗng có tiếng chuông của khách buôn từ phía Đông đến, thì người áo đỏ và hai quan viên biến mất. Sau mấy ngày thì vua quả nhiên bị bệnh và băng hà (Thái Bình Quảng Ký).

Tân Khách của Thái tử là Lư Trinh có người con từng làm Tăng, nhân bị sa thải nên được giao cho chức Tham Quân ở Quan Vương Phủ. Một tối mộng thấy thầy cũ đến nhà. Lư thưa: Con không ham chi chức quan bé mọn này, nghĩ việc mặc lại áo ca-sa không biết chừng nào? Thầy bảo: Sẽ phục hưng liền đây, con nên vững chí. Bỗng thấy cờ xí binh mã ồn ào truyền rao: "Đón Quang Vương làm Thiên tử" (Thông Kỷ)

Tháng năm, vua ban sắc sung Dương Khâm Nghĩa làm Lưỡng Nhai Công Đức Sứ, khiến mỗi nhai đều thêm tám chùa, việc độ Tăng vẫn lệnh cho Tự Bộ cấp Điệp.

Vua ban sắc ngày giỗ kỵ Liệt Thánh đều đem đến chùa hành hương, tất cả đều theo phép cũ. Vì các Đạo sĩ mê hoặc làm loạn tiên Triều phá bỏ Phật giáo, nên ra lệnh cho Công Đức Sứ Dương Khâm

Nghĩa bắt Triệu Quy Chân, Lưu Nguyên Thanh, Đặng Nguyên Siêu... mười hai người tập họp tại triều rồi đem giết, bỏ mặc đầu và thi thể để làm gương.

Đời Tuyên Tông: (tên Thẩm, con thứ mười ba của Hiến Tông)

Năm Đại Trung thứ nhất, tháng ba, vua ra sắc trong năm cuối Hội Xương việc bớt các tự viện, thi hành quá đáng. Ở Linh sơn Thánh Cảnh, như có các bậc Túc Cựu Danh Tăng có thể sửa sang xây mới lại thì Hữu Ty không được cấm ngăn. Lý Đức Dụ chuyên quyền đã lâu ngày, vua ghét nên biếm làm Tư Mã ở Triều Châu, không bao lâu lại biếm làm Tư Hộ ở Nhai Châu. Rồi bị bệnh ngặt mà chết. Khi xưa có vị Tăng biết việc đời trước, bảo Đức Dụ rằng: “Ông sẽ đi muôn dặm về phương Nam, bình sinh ăn một vạn con dê, nay đã được chín ngàn năm trăm con rồi, nếu chưa hết dê thì còn có ngày trở về.” Đức Dụ nói: Có lần tôi nằm mộng thấy đến Tấn Sơn, thấy trên núi toàn là dê. Người chăn nói: Đây là số dê bình sinh ông đã ăn. Khoảng một tuần sau thì Chấn Võ Tiết Độ Sứ Lý Kỵ đem biếu tặng ông bốn trăm con dê. Tăng nói: Vạn con dê sắp đủ số, ông không trở lại được nữa. Sau quả nhiên ông chết ở Chu Nhai.

Bàn rằng: Từ xưa, hễ vua hủy báng Phật tất có bề tôi giúp sức việc ấy. Cho nên Ngụy Thái Võ thì dùng Thôi Hạo, Chu Võ thì dùng Trương Tân Vệ Nguyên Tung, Đường Võ thì dùng Đức Dụ, Triệu Quy Chân, rốt cục khiến Đại Pháp bị nhục, vua tôi đều cùng bị ác báo. Đâu phải đó đây đều bất hạnh ư! Đến như làm việc sa thải Tăng Ni như Hoàn Huyền Chi ở đời Tấn, Phó Dịch ở đời Đường, Diêu Sùng Chi ở thời Đường Minh Hoàng, Lý Huấn ở thời Văn Tông. Song đều chỉ làm trong một thời gian ngắn, tức làm rồi thì liền bị tai họa. Chỉ coi đó là nạn nhỏ nhất thời không bằng tai họa tàn khốc của ba vua Võ. Như vua Thế Tông thì đời Chu có bản tánh hủy Phật mà không được người giúp sức, còn Hàn Dũ, Âu Dương Tu có bản tánh bài Phật lại không gặp được loại vua hợp ý. Nếu như Thế Tông mà được Thôi Hạo thì cái án giết Sa-môn sẽ tàn khốc hơn Thái Võ nhiều. Giả sử Hàn Dũ, Âu Dương mà gặp ba vua Võ thì việc hủy tượng, giết Tăng sẽ không kém khốc liệt của Thôi Hạo, Lý Đức Dụ bao nhiêu. Thôi Hạo bị chém ngang lưng, Đức Dụ bị chết ở xó xỉnh... chết không trọn vẹn cũng đủ coi là trả báo. Lỗ Trực bảo rằng: Thoái Chi gặp Đại Điên mà việc bài Phật bị ngăn trở. Tổ Tú nói: Vĩnh Thúc gặp Viên Thông mà việc bài xích tự tiêu, chỉ có Hàn và Âu thì gặp may ở cuối đời là do biết Đạo Lực mà có hồi tâm hối cải.

Thống Tả Cấm Quân Dương Hán Công, dùng sách Định Công xin phục hưng Phật giáo, xin tìm ngài Tri Huyền Pháp sư nên lại phục hưng Tăng. Ngài vào ở chùa Bảo Ứng, nhầm Lễ Thọ Xương, ngài giảng kinh khen ngợi nên được đặt làm Thủ tọa Tam Giáo. Vua lấy dinh thự cũ sửa làm chùa Pháp Càn mời ngài đến ở.

Ông Bạch Cư Dị qua đời, vua ban chức Thượng Thư Tả Bộc Xạ. Lúc tuổi già Cư Dị chỉ chuộng kinh Phật, cả tháng không ăn mặn, dâng chỗ ở để làm chùa Hương Sơn, tự xưng là Hương Sơn Cư Sĩ. Từng soạn bài Tán rằng:

Mười phương thế giới
Trên trời dưới trời
Ta nay biết rõ
Không gì bằng Phật.
Vòi vọi nguy nga
Là thầy trời người
Nên con kính lễ
Khen ngợi quy y.

Khoảng đầu năm Hội Xương có khách đi thuyền bị gió thổi dạt vào Núi lớn. Một Đạo sĩ nói: Đây là núi Bồng Lai, chỉ một viện cửa khóa rất chắc chắn, bảo rằng: Đây là chỗ ở của Bạch Lạc Thiên. Ông còn ở Trung Quốc chưa đến. Lạc Thiên nghe nói bèn làm Thi đại ý rằng:

Ta học Chân không chẳng học Tiên
E lời ông nói vốn hư truyền
Hải Sơn không phải nơi ta đến
Nếu đến phải là Đâu-suất thiên.

Lạc Thiên từng lập nguyện rằng: “Ta khuyên một trăm bốn mươi tám người có cùng chí hướng kết hội Thượng Sinh luôn niệm danh hiệu Đức Từ Thị, ngồi tưởng chân dung Đức Từ Thị, nguyện ở đời sau đều sinh lên cõi Đâu-suất.” Khi tuổi già ông bị bệnh phong tê, mướn thợ viết một Bộ Tây phương Tịnh độ, ngày đêm cúng dường và làm bài Tán rằng: “Cực lạc thế giới cõi thanh tịnh, không có ác đạo và các khổ, nguyện ai như ta thân bệnh hoạn, cùng sinh cõi Phật Vô Lượng Thọ.” Một tối ông niệm Phật an nhiên mà hóa.

Năm Đại Trung thứ hai, vua ban sắc Thượng Đô, Đông Đô và Kinh, Dương, Biện, Ích các châu, đều xây chùa và lập giới đàn Phương Đẳng để độ các Tăng Ni thọ lại Giới pháp. Ở núi Ngũ Đài lập năm chùa, mỗi chùa độ được năm mươi người.

Bàn rằng: Tăng Sử Lược nói: Tu Đại thừa Phương Đẳng thì không câu nệ căn thiếu duyên sai, chỉ cần phát đại tâm thì đều được thọ. Năm Hội Xương, vua sa thải các Tăng Ni hoàn tục, ai mà không có các tội, nên trước khiến sám hối, sau thọ lại giới phẩm. Nếu không phải là Phương Đẳng đâu thể cho thọ lại?

Thứ Sử Tuyên Châu Bùi Hưu nói: Các chùa quán trong thiên hạ phần nhiều các quan gởi khách đến ở nhờ, từ nay về sau không cho vào chùa ở nữa, ai trái lệnh sẽ bị phạt nặng. Vua chấp thuận.

Sa-môn Tu Hội ở chùa An quốc hay làm thi ứng đáp với vua, có lần xin vua ban cho Tử y. Vua nói: Ta không tiếc chi với ông, nhưng ông còn có chỗ khiếm khuyết. Vừa ban y xong thì Sư chết đột ngột.

Năm Đại Trung thứ ba, tháng giêng ngày trai, ở Tứ Minh, tại chùa A-dục vương có tám ngàn đạo tục cúng dường tháp xá-lợi Phật, cảm được trời mưa hoa có thứ như tuyết chạm tay liền tan. Đến đêm thì phóng ra ánh sáng năm sắc, đại chúng rất mừng vui. Năm sau có vị Tăng nước Tân La lên trộm cái chóp tháp thì cứ đi loanh quanh mãi nên bị chúng bắt. Vua ban sắc cho Sa-môn Linh Yến làm Tả Hữu Nhai Tăng Lục. Nhân tiết Thọ Xương Khánh Đán, vua ban sắc cho Gián Nghị Lý Di Tôn, Pháp sư Tri Huyền cùng các Đạo sĩ ở điện Lân Đức đàm luận về Tam Giáo. Huyền tâu vua cần nên cho phục hồi lại hết các chùa trong thiên hạ. Vua vốn trọng đức Sư bèn sai người vẽ hình Sư để trong cung cấm.

Năm Đại Trung thứ tư, vua ra lệnh cho Diêm Quan ở Hàng Châu ban tên chùa là Tề Phong cho Viện của ngài Tề An Thiền Sư. Khi xưa, lúc vua còn làm Quang Vương, Võ Tông ganh ghét bắt câu lưu ở sau vườn định đem giết. Trung Quan Cừu Sĩ Lương nói dối là Quang Vương bị té ngựa mà chết, nhân đó thoát thân chạy trốn đến trong hội của ngài Hương Nghiêm Nhàn Thiền Sư. Sư cạo tóc cho làm Sa-di, rồi cùng lên Lô Sơn, Nhàn Sư vinh dòng thác đại ý rằng: Thấu đá xuyên mây chẳng nệ nào, càng xa mới rõ ngọn nguồn cao. Nhàn ngừng lại để suy nghĩ thì Sa-di liền đọc tiếp: Nước khe đâu thể dừng đây được, ra tận biển khơi tạo sóng trào. Nhàn mới biết đó là người phi thường. Sau đến Diêm Quan Hải Xương gặp ngài Tề An Thiền Sư, tự xưng là Hữu Quang. An lấy làm lạ bèn sai làm thư ký. Lúc đó Hoàng Bá Vận Thiền sư làm Thủ tọa. Một hôm lạy Phật, Quang hỏi rằng: "Con không làm Phật thì lạy làm chi?" Vận liền tát. Lại hỏi: "Không làm Phật cũng xin làm việc này ư?" Vận cũng tát. Quang nói: "Ông quá thô tháo!" Vận lại tát và bảo rằng: "Phải ăn nói cho đàng hoàng!" Một hôm An Sư gọi Quang

bảo rằng: "Đã đến lúc, không nên ẩn náu nữa!" Rồi đem Phật pháp ra dặn dò. Không bao lâu thì Võ Tông băng hà. Bá Quan đón Vương lên ngôi. Vua nhiều lần sai Sứ dùng lễ thầy trò mời Sư An, nhưng Sư cố từ chối. Khi Sư tịch bèn thụy phong là Ngộ Không Thiền Sư. Vua ban cho Hoàng Bá là Thô Hạnh Thiền Sư. Bùi Hưu tâu vua đổi thành Đoạn Tế (Tuyết Đậu ca tụng Hoàng Bá nói đại ý rằng: Từng coi thường Thiên tử, ba phen dám dùng vũ lực, là vậy). Nước Nhật Bản sai Sa-môn Thường Hiểu sang Trung Quốc để tìm học Phật giáo của Đức Thích-ca.

Năm thứ năm, vua ban sắc cho các Châu Quận trong thiên hạ ngày Quốc Kỵ có hành hương, không được mang rượu thịt vào chùa. Vua mời ngài Hoằng Biện ở chùa Tiến Phước tại Kinh Triệu vào gặp. Vua hỏi: "Thế nào là đốn kiến, thế nào là tiệm tu?" Sư thưa: "Nhanh chóng rõ biết tự tánh mình đồng với Phật. Song người có tập nhiễm từ vô thủy thì phải nhờ tiệm tu để đối trị, khiến cho thuận Tánh mà khởi Dụng. Như người ăn cơm đâu phải một miếng mà no". Vua mừng, bèn ban hiệu là Viên Trí Thiền Sư.

Tháng sáu, ở Kinh Thành, tiến sĩ Tôn Tiều dâng thư lên vua nói rằng: Trăm họ trai cày gái dệt mà không đủ no, nay bọn Tăng sĩ ngồi yên mà nhà đẹp, ăn ngon thừa mứa, đóng góp của mười hộ không đủ nuôi một Tăng. Võ Tông giận việc đó bắt hoàn tục hai mươi bảy vạn Tăng thì hai trăm bảy mươi vạn người trong thiên hạ mới được nghỉ ngơi. Bệ hạ không làm như Võ Tông để trừ cái tệ hại lâu ngày, nhưng sao lại phục hưng chi cái đã bỏ rồi. Xin Bệ Hạ ban chiếu rằng những Tăng nào chưa tu lại chớ tu, chùa nào chưa sửa lại đừng sửa...", vua giận không nghe.

Tháng chín, các Nữ Tử ở Vụ Châu đồng chí nguyện cùng mở Tháp của Song Lâm Đại sĩ thì thấy từ đỉnh đến chân còn nguyên vẹn, răng vẫn không hư, rước ra khỏi tháp cúng dường suốt bốn mươi chín ngày rồi táng lại ở tháp.

Năm thứ sáu, vua ban chiếu xây dựng lại chùa Đông Lâm ở Lô Sơn, truy thụy phong cho Viễn Sư là Biện Giác. Năm Hội Xương phá chùa, hai vị Tăng mang tượng Đức Văn-thù đem giấu vào hang Cẩm Tú ở đỉnh núi. Đến khi chùa hỏi thì tìm không có, hai vị Tăng nghi nhau đã giấu riêng. Bỗng thấy tướng lành Viên Quang hiện lên không trung. Từ đó trên đỉnh núi Phật Thủ và ao Nham Thiên thường thấy có ánh sáng. Nói Thiên Trì là chỗ rất cao và hiểm cách chùa Đông Lâm ba mươi dặm, ban đêm thấy trên không trung có đèn Thần từ xa đến, lúc đầu chỉ sáng bằng một ngọn đuốc, phút chốc có đến trăm ngàn vạn ngọn đèn.

Có người thấy trong mây có Đức Văn-thù hiện ra hoặc ẩn mất không chừng. Ai chí tâm khấn lễ thì thấy hình Bồ-tát.

Tể Thần tâu vua: Nếu độ Tăng không tinh thì giới pháp hư hoại, nếu tạo chùa không chừng mực thì sẽ hoang phí nhiều tiền. Vậy xin từ nay về sau chỉ nơi thắng địa danh sơn thì cho tu tạo chùa chiền. Khi phục hồi cựu cung thì độ cho độ Tăng Ni. Kính nhờ Bản Châu Luật Sư chọn kỹ những người có đạo đức. Vua chấp thuận.

Năm Đại Trung thứ bảy, ở Đàm Châu ngài Quy Sơn Linh Hựu Thiền sư thị tịch, vua thụy phong là Đại Viên Thiền sư (thấy ở Bá Trượng).

Năm thứ tám, vua ban sắc cho Tam Giáo Thủ Tọa Biện Chương làm Tả Nhai Tăng Lục, Sa-môn Tăng Triệt làm Hữu Nhai Tăng Lục.

Sa-môn Sơ Ngôn ở chùa Nhạc Lộc tại Đàm Châu đến Thái Nguyên tìm Đại Tạng Kinh. Ở Hà Đông Tiết Độ Sứ Tư Không Lô Quân, Phó Sứ Vi Trụ đem kinh cho mọi người. Tiết Độ Tuần Quan Lý Tiết làm bài ký rằng: Người học Nho ham bài bác Phật tất sẽ luận rằng: Các đời Vũ Thang Văn Võ Chu Khổng đều không có Phật. Phật giáo chỉ hưng thịnh bắt đầu từ đời Hán, lưu truyền đến đời Tấn, phát đạt mạnh mẽ ở các đời Tống, Ngụy, Tề, Lương, Trần, Tùy, Đường, các đời này suy vi nên mới thờ Phật. Vậy cần nên quét một nhát cho sạch hết đừng để nó phát triển. Lời luận đó thật là thô thiển. Nay ta xin tinh tế nói rằng: Xưa có một người mập béo hình sắc tươi tấn, tinh thần mạnh mẽ, vui vẻ hòa thuận, thuốc men cầu cúng đều không dùng đến. Lại có một người bị bệnh phong thấp, gù lưng, chân thọt, tai điếc, mắt mờ nên phải dụng công mà chườm đắp thuốc và cầu cúng mãi. Vậy hai người đó có khác nhau chăng? Vì có bệnh và không bệnh nên khác mà thôi. Than ôi, trước Tam Đại là đời mạnh, cuối Tam Đại là đời bệnh. Trước Tam Đại là các đời Vũ Thang Văn Võ, thì đức nghĩa gieo khắp, Châu Công Khổng Tử thì giáo điển luôn được giữ gìn. Đạo phong dẫu có suy vi cũng còn có nhiều thấm đượm. Vì xảo trá không hơn được tín thành nên ác vẫn biết tránh Thiện. Đến cuối Tam Đại thì phong tục suy đồi man trá nối nhau. Bỏ ruộng cày mà chuyên gồm muôn việc, tham đất đai nhà cửa thì ngày càng chiến tranh. Gian tà đã nung chí thì hiền sĩ khó dung thân. Bởi cho trên dưới cừu thù mà nảy sinh oán hận. Phật giáo chuộng sự thanh tịnh, dùng nhu hòa ép chế tất oán hận sẽ tiêu tan, nói bày nhân quả việc cùng thông đã thấy rõ thì sang hèn tất an phận, do đó mà vua tôi sĩ thứ đều phân biệt. Do đó mà đạo Phật cứu đời suy, không chuộng đạo Phật thì còn ai cứu được? Nay người luận không trách đời suy, không chịu

sửa đổi mà chỉ trách Phật đồ là vô dụng, thì đó là không thương xót bảo bọc người bệnh, mà lại mắng chê thuốc men cầu cúng cho ai? Không nghĩ rằng Phật giáo hoằng hóa cứu đời là lợi ích lớn mà chỉ ganh ghét chùa to chúng đông, chỉ trích đó là hèn kém mà không kiểm xem mình nói thật hay bậy, mà muốn quét sạch ngay một nhát, đó là thấy ngọn mà bỏ gốc vậy. Năm cuối Hội Xương, Võ Tông đuổi hết Đạo Chúng, dẹp sạch chùa chiền, các hình tượng gỗ đất đều quăng xuống nước, kinh sách giấy lụa đều ném vào lửa. Lại sai quan Ngự Sử rao truyền khắp thiên hạ ai cất giấu đều bị tội. Do đó mà danh lam thắng tích đều bị phá tan. Nay Thiên tử trước khi lập niên hiệu hãy sửa sai việc phế bỏ Phật giáo, gấp ban chiếu cho phục hưng mà từ Tây hồ cho đến Giang nam nơi xa xôi kính Pháp nhưng do cấm chỉ của triều đình quá nghiêm, mà đốt phá kinh tượng không xót mảy may. Cho nên dù lệnh sáng đã ban hành nhưng kinh sách không có, thì kẻ ở chùa Đạo Lâm đi Sương Tây thật kịp thời. Có Thích Sở Ngôn riêng bảo rằng: Phủ Thái Nguyên là Kinh đô cũ, chùa Phật rất nhiều, Đại Soái Tư Không Lô Công là bậc nhân từ trong thiên hạ, em ta tới tìm kinh sách cũ có thể được chăng? Rồi đến yết kiến ở quân môn, quả nhiên Lô Công sẵn lòng, bốn ngựa như bay đi tìm kinh sách thất lạc, chưa đầy tháng mà Kinh Luật Luận lên đến năm ngàn bốn mươi tám quyển, đem xe chở về. Ôi, đạo Phật cứu đời quả đúng thế! Nếu không phải đấng Minh Quân ta am tường đạo lý thì đâu cho phục hưng Đạo ấy, nếu không có ông Tư Không sùng kính đạo pháp thì số Kinh kia đâu thể đủ đầy, không được người như Sa-môn Sơ Ngôn thông hiểu vận Pháp, không nài xa xôi tìm kiếm thì sao được nhiều như thế. Nay vâng lệnh Thánh Thượng phục hưng đạo Phật, ơn đức khắp đời sau, công dụng kia đâu có lời lẽ bút mực nào tả hết được!

Bàn rằng: Bài văn này lập ngôn nêu lý đủ để dạy những kẻ ở đời không hiểu Phật pháp, khiến cho Thoái Chi thấy mà xấu hổ phục dài, bài tựa Tử Hậu Hạo Sơ nói là hợp với Dịch Luận Ngữ, nhưng không thể như bài văn này nói về công cứu đời, mà e lời ghi này có quá chăng? Về tên Lý Tiết không thấy ghi trong Đường Sử.

Năm Đại Trung thứ chín, ở Hồng Châu, Hoàng Bá Hy Vận Thiền sư thị tịch, vua thụy phong là Đoạn Tế Thiền Sư, Sư đắc pháp với ngài Bá Trượng. Khi Tướng Quốc Bùi Hưu trấn thủ Tân An có thỉnh Sư vào Quận để học hỏi Thiền Pháp, tôn ngài làm thầy, đem điều nghe hiểu soạn ra Truyền Tâm Pháp Yếu lưu hành trên đời (Sư là đời thứ tư dòng Nam nhạc).

Năm thứ mười, vua ban sắc mỗi năm khi độ Tăng nên căn cứ vào

giáo pháp Tam Học Giới Định Tuệ mà chọn độ những người có đạo đức, thông suốt pháp môn, còn các nghề mọn khác đều cấm chỉ.

Năm thứ mười hai, vua ra lệnh trong thiên hạ các chùa đều sửa chửa tháp mộ của các Tổ Sư. Sa-môn Tuệ Ngạc ở nước Nhật Bản đến lễ núi Ngũ Đài được tượng Đức Quan Âm, đi đường từ Tứ Minh, khi sắp về nước, thuyền qua núi Bổ Đà thì bị vướng đá không đi được nữa. Chúng trên thuyền nghi sợ cầu nguyện rằng: "Nếu Tôn Tượng về Đông hải (Nhật Bản) cơ duyên chưa chín xin thỉnh lưu lại núi này" thì thuyền liền nổi lên. Ngạc quá thương mến tượng không bỏ đi được, bèn cất chòi tranh trên biển mà thờ (nay bên núi có đá ngầm Tân La). Người đất Ngôn nghe thấy bèn đến thỉnh tượng về thờ ở chùa Khai Nguyên (nay người ta gọi là chùa Ngũ Đài hoặc Tượng Quan Âm không chịu đi). Sau đó có vị Tăng lạ mang gỗ quý đến chùa khắc giống tượng ấy, khóa cửa làm việc được một tháng thì khắc xong. Bỗng vị Tăng biến mất. Bèn rước tượng đến núi Bổ Đà. Núi ở giữa biển khơi cách phía Đông nam Ngân Thành khoảng sáu trăm dặm đường biển. Tức là nơi Kinh Hoa Nghiêm nói: "Ở Nam Hải nơi mịt mù bờ bến có núi tên là Bổ Đát Lạc Ca, có Bồ-tát Quan Âm ở trong ấy." Tức Kinh Đại Bi nói là cung điện của Đức Quan Âm ở núi Bổ Đà Lạc Ca, tức là nơi ngài đối trước Đức Thích-ca nói Đại Bi Tâm Ấn. Núi ấy có Động Triều Âm sóng vỗ ì ầm suốt ngày đêm. Trước động có cầu đá. Những người đến đây chí thành chiêm lễ khấn nguyện thì hoặc thấy hình Đại sĩ đang ngồi thiền hoặc thấy Thiện Tài đang đảnh lễ đón tiếp hoặc chỉ thấy được tịnh bình bằng ngọc bích, hoặc chỉ thấy chim Tần già bay múa. Cách động sáu, bảy dặm có một Lan-nhã lớn, đó là nơi các nước ở Đông hải vào chầu vua Trung Quốc, nơi các thuyền buôn thường tới lui. Nếu ai chí kính cần cầu thì được ngài cứu giúp (Thảo Am Lục).

Năm thứ mười ba, vua ăn bánh thuốc của Đạo sĩ thì mọc ung thư ở lưng, tháng tám thì băng hà.

Bàn rằng: Võ Tông hủy hoại Phật pháp, tin Đạo sĩ ăn bánh thuốc mọc nhọt sau lưng mà chết, đời mới lấy đây mà khuyên răn. Tuyên Tông lánh kẻ thù làm Tăng, cuối cùng thì lên ngôi báu. Giận việc sa thải Tăng Ni năm Hội Xương mà giết và đày bọn Lý, Triệu, lại lập Giới Đàn Phương Đẳng khiến Tăng Ni thọ lại giới pháp, thì vua thật đã hết lòng. Nhưng đến năm cuối đời lại mặc y phục Đạo sĩ, ăn bánh kim đơn để phải mọc nhọt ở sau lưng. Cái lỗi là do ham được trường sinh mà không thấu suốt cái nghĩa vô thường trên đời, nên cuối cùng phải bị họa, làm trò cười cho người đời sau.

Đời Ý Tông: (tên Thôi, con cả của Tuyên Tông)

Năm Hàm Thông thứ ba, vua ban sắc cho Lưỡng Nhai của bốn chùa, mỗi nơi đều lập Giới Đàn độ Tăng. Vua ở trong cung Cấm bày giảng tòa, tự mình lên nói đề Kinh, chính tay vua chép văn Phạm, nhiều lần đến các chùa bố thí.

Năm Hàm Thông thứ sáu, ở Lãng Châu, ngài Đức Sơn Tuyên Giám Thiền sư thị tịch, vua thụy phong là Kiến Tánh Thiền sư (thấy trong Long Nguyên, ngài thuộc đời thứ năm).

Năm Hàm Thông thứ bảy, ngài Lâm Tế Nghĩa Huyền Thiền sư viên tịch, vua thụy phong là Tuệ Chiếu Thiền Sư. Người học tôn là Tông Lâm Tế (thấy trong đời thứ tư dòng Hoàng Bá Nam nhạc).

Năm thứ tám, tháng giêng, ở Tương Sơn tại Vĩnh Châu, ngài Toàn Chân Thiền sư ngồi thẳng mà thị tịch. Sư là người đất Sâm đi du phương, đến Tương Sơn lập chùa Phạm Vũ gọi là Tịnh Độ. Thiền chúng bốn phương tựu về thọ giáo. Đầu năm Hội Xương, bỗng Sư bảo đồ chúng rằng: Tăng sẽ gặp ách nạn, phải đổi áo mão. Một hôm râu tóc rất dài, Sư khoác áo ráng tía bảo là áo Vô Lượng Thọ, đầu đội mão thanh không bào là mão Pháp Chân Không. Rồi thì quả nhiên Võ Tông dẹp Phật pháp. Khi Tuyên Tông phục hưng Phật pháp thì Sư lại không bỏ áo mão ấy. Đời gọi là Phật Vô Lượng Thọ hóa hiện đến đây.

Năm thứ mười, ở Thụy Châu, ngài Động Sơn Lương Giới Thiền sư thị tịch, vua thụy phong là Ngộ Bản Thiền sư (thấy ở Vân Thanh Nguyên, đời thứ năm). Vua ban sắc truy thụy phong cho ngài Nam Sơn Đạo Tuyên Luật Sư là Trừng Chiếu.

Năm thứ mười một, Tướng Quốc Bùi Hưu tạ thế. Hưu học với ngài Hoàng Bá được ý chỉ. Bình sinh ông không dùng rượu thịt, viết tập Khuyến Phát Bồ-đề Tâm Văn để kích phát người đời. Ông viết sách Phật như Kinh Viên Giác, Pháp Giới Quán Thiền Nguyên Thuyên Chư Tự. Đời cảm phục cho là rất tinh yếu.

Tháng mười một, nhân Lễ Khánh Đản, vua ban sắc cho Lưỡng Nhai vào điện Lân Đức giảng luận Phật pháp và ban chức Tả Nhai Tăng Lục cho ngài Thanh Lan Tuệ Chiếu Đại sư, chức Hữu Nhai Tăng Lục cho ngài Ngạn Sở Minh Triệt Đại sư. Vua vốn nghe danh ngài Tuyết Phong Nghĩa Tồn Thiền Sư, ra sắc ban hiệu là Chân Giác Đại sư. Sư ở núi bốn mươi năm, Pháp tòa của Sư đứng đầu thiên hạ, chúng đến nghe có đến một ngàn năm trăm người. Mân Vương Vương Thị kỉnh Sư làm thầy (xem Đức Sơn Thanh Nguyên đời thứ sáu).

Năm thứ mười hai, vua đến chùa An quốc ban bảo tòa trầm hương

cho ngài Tri Huyền Quốc Sư. Vua ở trong Cấm cung thiết lễ trai đãi vạn Tăng, tự lên tòa làm Tán Bái (bài Tán bằng tiếng Phạm), có vị Phạm Tăng lông mày dài đến ứng cúng. Khi thọ trai xong liền bay lên hư không mà đi (tức ngài Tân Đầu Lô).

Năm thứ mười bốn, tháng ba, sắm sửa các thứ màn trướng, phan lọng, bảo cái, tràng hoa báu cho tháp. Vua ban sắc cho Lưỡng Nhai đến chùa Phụng Tường đón rước xá-lợi Phật về cung Cấm, trải suốt ba trăm dặm ngựa xe không ngớt, Quần Thần khen ngợi hết lời. Vua Hiến Tông xuống xe đón rước xá-lợi Phật. Vua nói: "Trẫm còn sống được thấy xá-lợi Phật rồi chết cũng không hận tiếc gì." Đến ngày tám tháng tư thì xá-lợi Phật về đến, các cấm binh đã dùng âm nhạc nghi lễ đón rước rất long trọng. Khi đến Nam Giao vua ra cửa An Phước lên lầu kính lễ tiếp đón. Ban vàng lụa cấp bậc cho các Sa-môn và Kỳ Lão đã từng đón rước trong năm Nguyên Hòa. Xá-lợi Phật được để trong cung Cấm cúng dường suốt ba ngày. Rồi rước về hai chùa An Quốc và Sùng Hóa để các sĩ thứ đều được chiêm lễ. Đến tháng mười hai thì theo nghi lễ như trước mà rước về chùa Phụng Tường.

Đời Hy Tông: (tên Hoàng, con thứ năm của Ý Tông)

Năm Càn Phù thứ ba, Vật Ngoại Pháp sư truyền Chỉ Quán Pháp Môn cho ngài Nguyên Tú Pháp sư. Ở Tuyền Châu, ngài Quy Dương Vô Liễu Thiền sư đa được chôn toàn thân trong tháp suốt hai mươi năm, bị núi khe che khuất, môn nhân đào lên thấy thân xác vẫn còn nguyên vẹn. Mân Vương nghe tâu bèn sai sứ khiêng về Phủ Đình cúng dường. Bỗng mùi xú uế bay xa. Mân Vương đốt hương khấn nguyện xin đưa trả về nơi cũ ở Quy Dương và xây tháp, thì mùi hương lạ ngào ngạt khắp nơi. Cả thành cùng đến chiêm lễ. Bản Đạo tâu vua, vua thụy phong là Chân Tịch Đại sư, Tháp tên Linh Giác. Đệ tử ngài là Tuệ Trung gặp nạn sa thải nên mặc áo tục mà qua đời và được chôn ở phía Đông tháp của Sư. Nay là một chân thân ở Quy Dương, sĩ thứ đều kính quý, xem như di thể của một vị Tăng.

Năm Trung Hòa thứ nhất, giặc Hoàng Sào xâm phạm Trường An tự xưng là Đại Tề. Vua đến thành đô, bèn chiêu mời ngài Tri Huyền Quốc Sư đến Hành Cung bàn việc lớn. Vua ban cho ngài hiệu Ngộ Đạt Quốc Sư. Sư ở tại Hành Cung khá lâu, sau giã từ vua về Cửu Lũng. Sư nhập định thấy Bồ-tát xoa đảnh nói pháp, nói xong liền ẩn mất. Bỗng thấy một viên ngọc chui vào vế trái, nổi nhọt rất đau đớn. Trên mụt nhọt có hai chữ Triệu Thố. Huyền biết là nghiệp kiếp trước, liền nằm

nghiêng hông phải mà tịch. Đời cho tiền thân của Huyền chính là Tri Huyễn Pháp sư ở núi Tam Học tại Hán Xuyên, cũng bị bệnh mà lâm chung, cũng giống trường hợp này (theo Hán Thư: Thời Văn Đế, Thái tử nước Ngô vào triều kiến được cho hầu Hoàng Thái tử. Vì uống rượu say tranh đường đi nên vô lễ. Hoàng Thái tử dẫn Bác Cục Đề giết đi. Ngô Vương do đó cáo bệnh không về triều và bắt đầu mưu phản. Thái tử khiến Triệu Thố mấy lần dâng thư nói: Lỗi Ngô Vương đáng giết. Văn Đế khoan dung không nỡ phạt. Đến khi Cảnh Đế lên ngôi, Thố lại dâng thư nói: Ngô Vương trước đây có từ bỏ Thái tử. Vua dụ rằng: Những kẻ vong nhân trong thiên hạ mưu loạn thì khiến trị tội cũng phản mà không trị tội cũng phản. Đến khi Sở Triệu Giao Tây ba vua đều mắc tội bị phạt ở Quận Huyện, đình thần mới bàn việc nên phạt nước Ngô. Ngô Vương nhân đó hẹn bảy nước cùng làm phản, lấy cớ là giết Triệu Thố. Tướng Ngô là Viên Áng vào triều kiến. Vua cùng Thố đang bàn việc quân lương. Vua hỏi Áng có việc gì, Áng xin cho tả hữu lui ra. Triệu Thố lánh mặt ở Đông Sương lòng rất hận Áng. Áng tâu: “Hai nước Ngô Sở cùng đưa thư hẹn rằng: Tặc Thần Triệu Thố chuyên quyền cướp đất các nước Chư hầu, nên họ phải mưu phản. Nay muốn cùng giết Thố để lấy lại đất cũ, xin tính kế giết Thố rồi sai Sứ tha tội bảy nước và trả lại đất cũ cho họ, thì binh tướng khỏi hao chiến trận đều dẹp”. Vua suy nghĩ một lúc lâu rồi nói: “Ta không vì thương một người mà bỏ cả thiên hạ.” Vua ra lệnh cho Thừa Tướng hặc tội nêu trên mà bắt Thố chém ngang lưng ở phía Đông chợ. Long Hưng Tú Sư nói rằng: Đời gọi Tri Huyền là hậu thân của Viên Áng. Từ đời Hán Văn Đế đến đời Đường Hy Tông đã hơn bảy trăm năm, Áng đền nợ cho Thố cũng đã đủ. Nay còn bị ác báo mà chết là sao? Bởi Áng và Thố trước kia đã có tư thù. Đến khi Thố bàn việc cướp bảy nước mà bị bảy nước phản lại, thì nhân lúc đó Áng xin vua chém Thố. Cảnh Đế sợ mà phải theo trọn không có bản ý. Kịp khi Thố bị giết mà bảy nước lại không lui binh, thì Áng đã mượn tay người để trả thù riêng vậy. Đã trải qua mười đời mà báo xưa vẫn tìm mãi không thôi, không đáng kinh sợ sao?

Bàn rằng: Châu Võ dẹp Phật pháp mà Sư Tri Huyền kháng biện mạnh mẽ tinh vi, vua không bắt bẻ được. Đường Võ sa thải Pháp sư mà Tri Huyền cũng lên giảng tòa biện luận, hàng Đạo sĩ cũng không khuất phục được. Cả hai triều đều có tiếng của Tri Huyền, đều gặp phế Giáo, đều làm Pháp sư ở triều, đều lên biện luận... thì ý Sư đã có thề xưa nên phải khiến thế. Đến khi làm Tri Huyễn ở núi Tam Học thì tên cũng không khác mấy. Xem đã ba đời làm Sa-môn có đạo đức mà việc đền

trả báo xưa vẫn chưa thôi. Trong lúc Triệu Thố sang Đông Sương để tránh Áng, lúc đó lòng đầy oán hận, cho đến khi bị dẫn tới chợ Đông thì nỗi oán hận càng dữ dằn to lớn và khi bị hành hình thì tất phải khởi ác nguyện là đời đời kiếp kiếp báo thù. Cho nên khi Pháp sư sắp chết thì liền thấy tướng báo này, hoặc cũng do Đạo lực của Sư đã suy giảm nên phải thọ báo. Mà viên ngọc châu kia có âm giống chữ Tru là giết. Xưa Áng xin vua giết Thố thì nay Thố cũng giết lại Áng. Chữ Huyền cũng đọc giống chữ Viên, mượn tên để thấy rõ họ xưa, thật lạ thay!

Năm Trung Hòa thứ ba, Sa-môn Đại Hạnh ở Thái Sơn tụng kinh Di-đà đến ngày thứ hai mươi mốt thì nửa đêm bỗng thấy đất báu lưu ly, trên đó có bảo đài. Và trên bảo đài có Đức Phật, hai vị Đại sĩ và vô số hóa Phật cùng hiện ra trước. Vua nghe lấy làm lạ, bèn mời vào Cung hỏi việc nghe thấy, rồi ban hiệu là Thường Tinh Tấn Bồ-tát và tước là Khai Quốc.

Năm thứ tư, ở Tứ Châu, Thứ Sử Lưu Nhương tâu: Khi sửa tháp của Mộc Xoa của đệ tử Tăng-già thì được tám trăm hạt xá-lợi và dâng lên vua. Vua ban chiếu lấy xương đắp làm tượng va thụy phong là Chân Tướng.

Đời Chiêu Tông: (tên Hộ, con thứ bảy của Ý Tông)

Năm Long Kỷ thứ nhất, nhân lễ Phật đản, vua ban sắc cho Lưỡng Nhai Tăng Đạo vào nội điện để bàn luận. Ngài Tú Pháp sư ở chùa Quốc Thanh truyền Chỉ Quán Pháp Môn cho Thanh Tủng Pháp sư.

Năm Đại Thuận thứ hai, ngài Ngưỡng Sơn Tuệ Tĩnh Thiền sư ở Viên Châu thị tịch. Sư học đạo với ngài Quy Sơn, đời gọi là Tông Quy Ngưỡng. Khi xưa, Sư lãnh đồ chúng ở núi Vương Mãng. Một hôm từ Thiền Sàng Sư ra đi tìm đất. Sơn thần thưa là không đủ chỗ dung chứa. Ở phía Đông nam có ngọn Đại Ngưỡng là phước địa ở đời, Sư bèn dời đến ở đó. Lâu sau đồ chúng đông, nơi ở chật hẹp. Một tối, Sơn thần dời miếu đến Đổ Điền cách đó ba mươi dặm để lánh (Sư là đời thứ năm dòng Nam nhạc).

Năm Cảnh Phước thứ nhất, Ngô Việt Vương ở Tiền Lưu tại núi Thạch thành tại Viêm Huyện lập chùa Thụy Tướng để thờ tượng đá Di-lặc ba đời.

Năm Càn Ninh thứ hai, ngài Văn Cự Thiền sư yết kiến ngài Tây Viện Đại An Thiền Sư. Mới thấy từ xa, Sư cười bảo: Hãy nhập Niết-bàn đi! Sư Văn Cự dạ rồi thị tịch. Lúc đó có cả trăm Tăng bị bệnh thời khí (dịch tả), Sư lấy gậy mà điểm thứ tự, điểm ai đều ngồi dậy khỏi bệnh. Mân

Vương kính trọng sự kỳ dị ấy bèn lập Quốc Hoan Viện mời Sư đến ở.

Năm thứ ba, vua ban sắc cất lại chùa Thảo Đường nơi ngài La-thập dịch kinh.

Năm thứ tư, ở Viện Quan Âm tại Triệu Châu, ngài Tòng Thẩm Thiền sư thị tịch, thọ một trăm hai mươi tuổi. Vua thụy phong là Chân Tế Thiền sư (thấy ở Nam Tuyền. Sư thuộc đời thứ tư dòng Nam nhạc).

Triệu Soái Vương Công vào Viện chiêm lễ, ngài Triệu Châu ngồi mà hỏi rằng: "Đại Vương hiểu chăng?" Vương nói: "Không hiểu". Sư bảo: "Từ nhỏ trì trai, nay thân đã già gặp người mà không đủ sức xuống Thiền Sàng tiếp đón". Vương càng kính trọng. Sáng hôm sau khách truyền nhau lời nói ấy, thì Sư xuống Thiền sàng đón tiếp. Thị giả hỏi ý gì? Sư bảo: Loại người hạng nhất thì ngồi trên Thiền sàng mà tiếp, loại người hạng nhì thì xuống Thiền sàng mà tiếp, còn hàng thấp nhất thì ra ngoài cửa núi mà tiếp.

Vua ra sắc ban cho Sa-môn Giác Huy làm Tả Hữu Nhai Phó Tăng Lục (chức phó mới bắt đầu từ đây).

Năm Quang Hóa thứ hai, Phủ Châu nói rằng: Ở Tào Sơn có các vị Phạm Tăng tu tập trên đỉnh núi, người làng theo tìm thì đều bay đi hết chỉ để lại cái nón lá kiểu rất xưa. Vua ban sắc lập chùa Hà Ngọc Thiền ở nơi ấy.

Năm Thiên Phục thứ nhất, giặc núi Hứa Ân làm loạn, khi đến Kính sơn ở Hàng Châu đào một tháp cổ của một Thiền sư thì thấy có hai bình chôn chung, mà nhục thân Sư thì tóc dài phủ mặt. Binh giặc đều kinh sợ bỏ chạy. Ngô Việt Vương ra lệnh đem chôn lại.

Năm thứ hai, ở Hồng Châu, Vân Cư Đạo Ưng Thiền sư thị tịch, vua thụy phong là Hoằng Giác (thấy ở Động Sơn, đời thứ sáu của Thanh Nguyên).

Năm thứ ba, ở Phủ Châu, ngài Tào Sơn Bản Tịch Thiền sư thị tịch, vua thụy phong là Nguyên Chứng. Sư đắc pháp với ngài Động Sơn. Đời gọi là Tông Tào Động.

Ở Kinh Triệu có Hà Tử Hòa thượng, tự Ấn Tâm ở Động Sơn, sống lẫn lộn ở đất Mân (tỉnh Phúc Kiến), ngày thì đi dọc theo bờ sông nhặt lượm tôm ốc để ăn, đêm vào ngủ ở đống giấy tiền trong miếu Bạch Mã. Hoa Nghiêm Tĩnh Thiền sư đêm vào chỗ giấy tiền rình chờ. Sư đến, Tĩnh Thiền sư giữ lại hỏi: "Tổ Sư từ Tây Vức đến có ý gì?" Sư đáp: "Trước thần một mâm rượu đầy". Tĩnh Thiền sư lạy tạ lui ra. Sau, Sư vào kinh Triệu giả khùng trước mọi người, thần dị khó lường.

Ở Thiều Châu, ngài Vân Môn Văn Yển Thiền sư tụ họp đồ chúng

cả ngàn người. Vua Hán họ Lưu mời vào nội điện (Đô ở Quảng châu) để học hỏi pháp yếu, thờ Sư làm thầy. Sư đắc pháp với ngài Vân Phong, gọi là Tông Vân Môn (Sư thuộc đời thứ bảy của Thanh Nguyên).

Đời Cảnh Tông: (tên Cơ, con thứ chín của Chiêu Tông)

Năm Thiên Hựu thứ nhất, nhân lễ Phật đản, vua ban lệnh tại các chùa quán trong thiên hạ đều thiết trai, cấm dân gian câu cá mổ thịt vào ngày ấy. Lữ Động Tân dạo chơi Hoa Sơn gặp Chung Ly Quyền trao cho kim đơn và kiếm pháp. Sau đến Núi Huỳnh Long ở Ngạc Châu gặp ngài Cơ Thiền sư đang thượng Đường bèn nghiêm nghị đến hỏi rằng: “Thế giới giấu trong một hạt lúa, một nửa bay nằm trong chỏ để nấu núi sông đó là ý gì?” Sư đáp: “Giữ thây quỷ”. Đồng Tân hỏi: “Tại sao trong túi có thuốc trường sinh”. Sư nói: “Hiểu Kinh tám vạn kiếp lại rơi vào không vong”. Tân không phục, đêm đến Tân phóng kiếm uy hiếp. Sư đã biết trước, bèn lấy pháp y trùm kín đầu và ngồi ở Phương Trượng. Kiếm bay quanh mấy vòng. Sư chỉ tay thì kiếm rơi xuống đất. Động Tân liền đến tạ lỗi. Sư gạn hỏi: “Phân nửa bay lên chỏ thì không hỏi vậy như thế nào là thế giới giấu trong một hạt lúa?” Tân bỗng tỉnh ngộ, bèn đọc kệ tạ lỗi rằng: Từ khi gặp được Huỳnh Long, mới hay từ trước mình dùng Tâm sai (Tiên Uyển Di Sự).

NHÀ LƯƠNG NGŨ ĐẠI: (đóng Đô ở Lạc dương)

Đời Thái Tổ: (tên Chu Ôn, vua ban tên là Toàn Trung)

Năm Khai Nguyên thứ nhất, vua ban sắc Tăng Ni đổi thuộc Tự Bộ. Sa-môn Trí Tuyên ở Tuyền Châu đến Tây Trúc cầu kinh trở về đến Cung Khuyết dâng lên vua xá-lợi Bích-chi-phật và kinh lá bối chữ Phạm.

Năm thứ hai, tháng hai, ngài Tuyết Phong Nghĩa Tôn Thiền sư thị tịch. Tháng mười một, Huyền Sa Sư Bị Thiền sư thị tịch. Sư đắc pháp với ngài Tuyết Phong. Lúc tuổi già Sư đến ở Huyền Sa, đồ chúng có đến ngàn người, Sư ứng cơ hoằng hóa suốt hai mươi năm. Mân Vương kính Sư như thầy. Khi lâm chung vua ban cho Sư hiệu Tông Nhất.

Năm thứ ba, nhân tiết Đại Minh, bách quan cùng đến chùa hành hương chúc thọ.

Năm thứ tư, Ngô Vương Tiền Lưu có con nhỏ cho làm Tăng. Vua ra sắc ban cho Tử Y, hiệu là Vô Tướng Đại sư và thêm ba mươi lạp.

Đời Mạt Đế: (tên Trấn)

Năm Trinh Minh thứ nhất, Sa-môn Quy Tự ở Viện Đông Tháp

dâng lên vua Kinh Luận Hội Yếu. Vua ban chiếu ghi vào Đại Tạng và ban hiệu là Diễn Giáo Đại sư.

Năm thứ hai, Ngô Việt Vương Lưu sai Sa-môn Thanh Ngoại cùng em là Tiền Hoa đến núi A-dục Vương ở Tứ Minh rước xá-lợi Đức Thích-ca ở tháp, thuyền đến Tây Lăng, đêm đến tháp chiếu sáng Triết giang đẹp như một bức họa. Vua đích thân đón xá-lợi về chùa La-hán bày lễ cúng dường.

Ở Tứ Minh, có Phụng Hóa Bố Đại Hòa thượng ngồi trên tảng đá ở Đông Lang chùa Nhạc Lâm mà hóa, chôn ngài ở Phong Sơn. Chôn rồi nhưng lại có người gặp ngài đang ở trên đường đến Đông dương, ngài dặn rằng: "Ta cầm nhầm một chiếc giày đến đây, vậy xin mang về dùm." Khi đến nơi mới biết ngài đã tịch rồi. Đồ chúng xem lại huyệt thì thấy quả chỉ còn một chiếc giày mà thôi. Khi xưa ngài đến không ai biết ngài ở đâu, ngài chỉ tự xưng là Khế Thử, trán thấp bụng to, nói việc kiết hung cho người rất ứng nghiệm, thường lấy gậy quải một túi vải lớn khắp khuyến hóa chợ búa, thấy vật gì cũng xin, đem dồn hết vào túi vải. Có khoảng mười sáu trẻ nít ồn ào chạy theo tranh nhau giựt túi. Có khi ở giữa mọi người thì banh túi lấy ra nào chén bát gỗ đá giày dép cơm cá rau thịt... bày ra bảo: "Xem đi! Xem đi!" Rồi nhặt lên từng cái hỏi: "Cái này là cái gì?" Lại lấy gói phân dơ bảo: "Cái này để dưới đáy Di-lặc Nội Viện". Có lần đứng bên đường, có vị Tăng hỏi: "Làm gì đó?" Sư đáp: "Chờ một người", rồi bảo: "A, đến rồi!" Sư lấy ra một trái quýt đưa cho, vị Tăng định lấy thì Sư rụt tay lại, bảo: "Ông không phải là người đó!" Vị Tăng hỏi: "Thế nào là ý của Tổ Sư từ Tây Vức sang?" Sư bỏ túi vải xuống đất rồi đứng chắp tay. Vị Tăng nói: "Cái đó không có ở đây!" Sư liền lấy túi quẳng lên vai rôi đi. Có lúc đi sau một vị Tăng, Sư vỗ vào lưng. Vị Tăng quay lại, Sư bảo: "Cho tôi một tiền đi!" Có lần ở chỗ nhà xí Sư bảo chúng rằng: "Khi đi hóa duyên không được ở đây mà tiêu tiểu." Người trong Quận là Tưởng Ma-ha cùng đi với Sư. Một hôm cùng tắm ở bãi sông, Tưởng thấy ở lưng Sư có một con mắt bèn vỗ vào mà nói: "Ông là Phật". Sư ngăn lại bảo: "Chớ nói cho ai biết". Sư thường dạy Tưởng niệm Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật. Nên người đời gọi Tưởng là Ma-ha Cư Sĩ. Khi xưa, Sư dạo chơi đất Mân (tỉnh Phúc Kiến) có Trần Cư Sĩ cúng dường rất chuyên cần, hỏi Sư mấy tuổi. Sư nói ta và túi vải này bằng tuổi với hư không. Lại hỏi nguyên do. Sư nói: Ta vốn họ Lý sinh ngày tám tháng hai, năm Thiên Phước thứ nhất đời Tấn. Bồ Điền Lệnh là Vương Nhân gặp sư ở đất Mân, làm một bài kệ. Sư để lại một bài kệ rằng:

Di-lặc thật Di-lặc
Phân thân ngàn trăm ức
Lúc đó dạy người đời
Người thời ấy không biết.

Sau có người ở bên Tháp mộ của Sư được cái tịnh bình bằng gốm men xanh, sáu chiếc vòng của tích trượng bèn đem để vào chùa.

Năm Trinh Minh thứ tư, có Tam tạng Bát-đát-la từ Tây Thiên đến nước Thục, tự bảo là từ nước Ma-gia-đà đến Ích Châu, trải qua chín vạn chín ngàn ba trăm tám mươi dặm. Lúc đó là năm Quang Thiên thứ nhất, đời vua Vương Kiến nước Thục. Ngài Tam tạng tự nói là đã hai trăm bảy mươi tuổi.

Bàn rằng: Từ phương này đến Thiên Trúc có hai đường.

1. Đường Tây bắc, là từ Đôn Hoàng Dương Quan đi qua các nước Tây Vức, qua Thông Lãnh Tuyết Sơn rồi vào Cảnh giới Bắc Thiên Trúc. Từ đời Hán xa xưa, Ma-đằng, Trúc-pháp-lan từ Tây Vức sang và ngài Đường Huyền Trang từ Đông đến phải đi qua đường này.

2. Đường Tây nam, tức từ Nam Hải ngồi thuyền đến nước Phật Thệ, nước Yết Trà, đi về phía Tây bắc đến nước Đam Ma là ranh giới Đông Thiên Trúc (đây là ranh giới phía Nam của Đông Trúc, tức cửa biển nơi lên thuyền về Đường), từ đời Lương xưa, ngài Đạt-ma từ Tây Vức đến, ngài Nghĩa Tịnh Tam tạng và Hội Ninh từ Đông sang là đi đường này.

Nay Bát-đát-la đến nước Thục là hướng Chánh Tây, tức là nơi Trương Khiên nói là phía Đông nam nước Đại Hạ cách Thục không bao xa. So với hai đường này tất phải gần hơn. Mà nay nói phải đi qua khoảng mười vạn dặm, tất là phải quanh co sông núi, do phong tục tập quán không thông mà đường xá lòng vòng, cho nên phải hơn mười năm mới đến được Thục. Từ xưa đến nay chỉ có một mình Bát-đát-la, chứ người ở Phương này không có ai đi đường đó cả.

Năm Trinh Minh thứ sáu, nhóm Mạt Ni ở Trần Châu làm phản, lập Mẫu Khất lên làm vua. Triều đình ra quân bắt sống Mẫu Khất đem chém. Đám môn đồ này không ăn mặn uống rượu, ban đêm tập họp làm việc dâm dục, ngày ngồi xổm theo kiểu Ma vương rồi ngồi kiết già theo Phật cho phép rửa chân. Nói Phật là Đại thừa mà pháp của mình là Thượng thừa, hống hách coi Pháp luật không ra gì đến như thế.

Năm Long Đức thứ nhất, vua ban lệnh trong thiên hạ không ai được riêng độ Tăng Ni, người muốn xuất gia phải vào kinh thành tỉ thí Kinh sách.

NHÀ ĐƯỜNG: (đóng Đô ở Lạc dương)

Đời Trang Tông: (tên Lý Tồn Úc)

Năm Đông Quang thứ nhất, tiết Phật đản, vua ra sắc lệnh cho Tăng Lục Huệ Giang, Đạo sĩ Trình Tử Tiêu vào nội điện đàm đạo và thiết trai đãi ngàn Tăng. Sa-môn Đạo Hiền ở Phụng Tường mộng thấy đến Ngụ Thiên Trúc gặp Phật chỉ cho nước này, xóm này... Đến sáng lại biết rành tiếng nước Ngũ Thiên Trúc, bèn truyền Phấn Đàn Pháp ở đời, người ta gọi là Pháp của Phụng Tường A-xà-lê. Đầu năm Thanh Thái, Sư theo Mạt Đế vào Lạc dương thì qua đời, tháp ở Long Môn.

Năm thứ hai, vua ban sắc cho Tam Thánh Tuệ Nhiên Thiền sư vào nội điện để học hỏi Thiền Pháp. Vua nói: Trẫm đến Đại Lương nhặt được một hạt Vô Giá Bảo Châu chưa có ai trả giá. Tuệ Nhiên nói: Xin Bệ Hạ cho xem Bảo Châu. Vua chỉ tay vào khăn bịt đầu mình. Nhiên tâu: Bảo Châu của vua chúa ai dám trả giá. Vua rất vui. Bỗng Sư thị tịch. Vua thụy phong là Quảng Tế Đại sư và Tháp là Thông Tịch.

Năm thứ ba, Kỵ Tướng Sử Ngân Sang có chiến công, theo vua vào Lạc Dương, bỗng ngộ Thiền Đạo, xin vua được xuất gia tên là Khế Trừng, vua ban hiệu là Vô Học Đại sư, lấy nơi ở là Lập Đức Viện.

Đời Minh Tông: (tên Bẩm, em nuôi của Trang Tông)

Năm Thiện Thành thứ nhất, tiết Phật đản, vua ban sắc cho Tăng Lục Vân Biện cùng Đạo sĩ vào nội điện đàm đạo.

Năm thứ hai, tháng hai, vào mỗi chiều vua ở trong Cung đốt hương khấn trời rằng: Có người Hồ nào vì đời loạn mà được chúng tôn vinh, nguyện xin trời sớm sinh Thánh nhân để làm chúa dân sinh.

Năm thứ ba, Mân chúa là Vương Đình Quân vốn kính Phật, năm ấy độ Tăng được hai vạn người. Tại La-hán Viện ở Chương Châu, Quế Sâm Thiền sư thị tịch, Sư đắc pháp với ngài Huyền Diệu. Triều Mạt Đế thụy phong là Chân Ứng Thiền sư (đời thứ tám của Thanh Nguyên).

Đời Mạt Đế: (Tên A, con nuôi của Minh Tông)

Năm Thanh Thái thứ nhất, tháng hai, Công Đức Sứ tâu: Mỗi khi gặp lễ Phật đản xin vua cho các Châu Quận tiến cử các Tăng Ni lập viện giảng kinh, Thiền định, Trì niệm và Nghị luận văn chương làm bốn khoa để khảo thí được chăng? Vua chấp thuận (Hồng Dung Trai Tam Bút trích dẫn Ngũ Đại sử).

Ở Huyện Sùng An tại Kiến Châu có Khấu Băng Cổ Phật tên là Thám Tiên. Lúc đầu đến yết kiến ngài Tuyết Phong thì đem theo một

bịch củ năng và một lọ nước tương để biếu. Ngài Tuyết Phong hỏi: “Vật gì trong bịch?” “Dạ củ năng”. “Thứ này lấy ở đâu?” “Dạ trong bùn”. “Bùn sâu hay cạn?” “Dạ không tới mấy trượng”. “Còn có nữa không?” “Dạ càng sâu càng nhiều”. Lại hỏi: “Thứ gì trong lọ?” “Dạ tương”. “Thứ này làm sao có?’ “Dạ nấu rồi ủ”. “Đã chín chưa?” “Dạ chưa rục lắm”. Ngài Tuyết Phong bảo rằng: “Ngày sau ông sẽ là thầy của vua chúa.” Tháng mùa Hạ Sư thường mặc áo vỏ cây gió mà ngồi, tháng mùa Đông thường đập băng mà tắm, nhân đó gọi là Khấu Băng. Mân Vương Đình Quân thỉnh Sư ở Thụy Nham, rồi đến ở Kiến Châu. Thứ Sử Trần Hối đãi cơm ngàn Tăng hỏi Sư rằng: “Hôm nay trong hội này có người lạ chăng?” Sư đáp: “Không có, sáng mai sẽ có một vị Bồ-tát đến với ngài”. Sáng hôm sau Trần Hối thiết trai để đợi. Có một bà lão từ ngoài bước vào, bèn đón ngồi trên chiếu. Ăn xong thì bỏ đi. Sư nói: “Đó là Thụy Tạng Bồ-tát.” Bỗng bà cụ trở lại chỉ Sư bảo: “Bích Chi Cổ Phật vì sao lắm lời thế?” Nói xong biến mất.

Năm Thanh Thái thứ hai, Sa-môn Tử Lân ở Tứ Minh đến các nước Cao Ly, Bách Tế, Nhật Bản truyền trao giáo pháp Thiên Thai. Nước Cao Ly sai Sứ Lý Nhân Nhật đưa Tử Lân trở về. Ngô Việt Vương Tiền Lưu sai Quận Thành lập viện để chứa chúng Tăng.

NHÀ TẤN: (đóng đô ở Đất Biện)

Đời Cao Tổ: (tên Thạch Kỉnh Đường)

Năm Thiên Phước thứ hai, ở Lạc dương, Tuyên Huy Tướng Chu Sùng đào đất nhà được mười tượng Phật bằng đá rất lớn, có bia ghi rằng: “Đời Đường, năm Thùy Củng thứ sáu tạo ra ở chùa Cảnh Phước.” Sùng rất cảm ngộ, liền bỏ chỗ ở mà sửa làm chùa. Ngài Tủng Pháp sư ở chùa Quốc Thanh truyền Chỉ Quán Pháp Môn cho ngài Hy Tịch Pháp sư.

Năm thứ ba, vì Dương Quang Viễn làm Thiên Hạ Công Đức Sứ nên tất cả Tự Viện đều thuộc quyền ông.

Năm thứ tư, vua sắc lệnh vào Ngày Quốc Kỵ thì Tể Thần bá quan đều đến chùa hành hương cúng trai phạm, làm nghi thức vĩnh viễn. Sa-môn Khả Hồng ở Hán Trung dâng lên vua Đại Tạng Kinh Âm Nghĩa gồm bốn trăm tám mươi quyển, vua ban sắc cho nhập vào Đại Tạng.

Ở núi Thiên Trúc tại Hàng Châu, có Sa-môn Đạo Dực nhặt được một khúc gỗ quý đem khắc tượng Quan Âm Đại Sĩ. Có Sa-môn Tòng Huân từ Lạc Dương đem xá-lợi Cổ Phật đặt vào hào tướng của tượng. Sau đó thường thấy xá-lợi ở trên mão, từ nhục kế Phật lại phóng ra ánh sáng rực rỡ rất là linh thiêng.

Đời Thiếu Đế: (tên Hạp Quý, con họ của Cao Tổ)

Năm Khai Vận thứ nhất, vua ban sắc vì Cao Tổ viết Đại Tạng Kinh đem thờ ở chùa Minh Thánh để tạo Hồng Phúc. Tháng sáu, Ngô Việt Vương Tiền Hoằng Tá sai Tăng Tuệ Quy đến Song Lâm khai quật tháp của Thiện Tuệ Đại sĩ được mười sáu mảnh linh cốt, có vô số xá-lợi sắc vàng ròng. Cỏ linh chi màu tía mọc trên nền gạch, hai con hổ nằm phục bên mộ, mây lành che đỉnh núi, mưa cam lộ rưới đất. Bèn rước linh cốt xá-lợi cùng tịnh bình lò hương, gõ cửa khua chiêng, linh khánh cùng đưa về điện Quang Sách ở Tiền Đường để cúng dường. Rồi lập chùa Long Hoa, lấy hài cốt đó đắp thành tượng Đại sĩ để thờ.

Năm Khai Vận thứ ba, có người dân ở huyện Thượng Nguyên tại Kim Lăng, bỗng chết đột ngột do bị bắt lầm vào Minh Phủ, thấy Tiên chủ nhà Đường bị giam cầm rất nghiêm ngặt. Người ấy ngạc nhiên đến hỏi: Vì sao Chúa đến nỗi này? Vua nói: “Ta đánh nhau với hai nước Tống, Tề đã giết lầm cả ngàn người đến hàng ở Hòa Châu, nên bị số người chết oan tố cáo.” Người ấy bảo: “Thần bị bắt lầm tất phải trở về”. Vua khóc lóc bảo rằng: “Ta bị giam nhốt ở đây khi nghe tiếng chuông chùa các khổ mới tạm dừng”. Ngươi trở về tâu với vua con ta rằng: “Phàm các tự viện cần nên đóng chuông khiến tiếng ngân dài, lại tạo cho ta một hồng chung, đó là cách cứu khổ lớn nhất.” Người ấy nói: “Hạ thần lấy gì để làm chứng cớ?” Vua bảo: “Ta có nhận được tượng Thiên Vương bằng ngọc qúi ở nước Vu-điền, đã giấu trong bột hương để ở gối trái của tượng Phật tại chùa Ngõa Quan không ai biết cả.” Người ấy trở về tâu vua. Vua đích thân đến chùa Ngõa Quan vạch đầu gối tượng Phật thì quả tìm được tượng ngọc ấy, cảm động khóc thương, rồi liền tạo ra một hồng chung để ở chùa Thanh Lương, có khắc trên chuông rằng: “Kính dâng Liệt Tổ Hiếu Cao Hoàng Đế mau thoát nạn chốn u minh.” Lại xây tháp thờ Tượng Ngọc tại Tưởng Sơn.

NHÀ HÁN: (đóng Đô ở Tấn Dương)

Đời Cao Tổ: (tên Lưu Cảo, tên cũ là Tri Viễn)

Năm Thiên Phước thứ mười hai, Thượng Trụ Quốc là Quách Lệnh Oai, lập bia về Kinh Kim Cang Bát-nhã ở Thọ Xuân

Đời Ẩn Đế (tên Thừa Hựu, là cháu con chú bác của Cao Đế)

Năm Càn Hựu thứ nhất, Ngô Việt Vương Tiền Thục, thỉnh Sa-môn Đức Vận ở Thiên Thai làm Quốc Sư, kính lễ thầy trò. Năm thứ hai, ngài Vân Môn Văn Yển Thiền sư ngồi mà tịch, tháp táng toàn thân ở Phương trượng.

NHÀ CHU : (đóng Đô ở đất Biện)

Đời Thái Tổ: (tên Quách Lệnh Oai)

Năm Quảng Thuận thứ nhất, Lý Thủ Chánh làm phản ở Hà Trung, Thái Tổ đem quân thân chinh, đến Ma Y Đạo Giả nói với Triệu Phổ rằng: "Lý Thị Trung làm sao lâu được, dưới thành có khí tượng của cả ba Thiên tử." Không bao lâu thì thành bị vây hãm. Lúc đó Thế Tông và Thái Tổ triều ta cùng theo hầu. Năm thứ hai, nhân tiết Phật đản, vua ban sắc cho Tể Thần và bá quan đến chùa, Quán làm lễ chúc thọ ở đạo tràng.

Đời Thế Tông: (tên Sài Vinh, là con nuôi của Thái Tổ)

Năm Hiển Đức thứ nhất, ngài Nghĩa Sở Pháp sư ở chùa Khai nguyên tại Tề Châu dâng lên vua các kinh Phật mà mình đã tuyển soạn được sáu Thiếp. Vua ra sắc giao cho Sử Quán ban hành và ban cho Tử y.

Năm thứ hai, tháng tư, vua ban chiếu rằng: "Đạo Phật thật là một đạo giúp đời làm thiện, truyền bá giáo pháp cần nên luận rõ tốt xấu. Từ nay trở đi không cho lén độ Tăng Ni và những ai không hiếu kính nuôi nấng cha mẹ thì không cho xuất gia. Còn các Tự Viện không có sắc vua thì nên hủy bỏ".

Tháng chín, vì đã lâu không có đúc tiền, vua ra sắc lệnh trừ các loại như Pháp vật của Huyện Quan, các binh khí và những chuông khánh, não bạt chuông lắc của các Chùa, Quán thì để lại. Ngoài ra các vật bằng đồng kể cả tượng Phật trong dân gian, hạn trong năm mươi ngày đều phải nộp lên quan, nếu quá hạn mà ai còn giữ số lượng từ năm cân trở lên thì đều bị tội chết. Vua bảo các cận thần rằng: Các Khanh chớ nghi là ta hủy diệt Phật Pháp. Hễ Phật thì lấy Thiện đạo dạy người, muốn được chí Thiện tất phải thờ Phật, những tượng đồng kia mà gọi là Phật sao? Vả lại ta nghe rằng Phật cốt ở chỗ làm lợi ích cho người, dầu cả mắt cũng đem cho. Như Trẫm đây đem thân này ra cứu dân thì cũng không tiếc. Năm đó phá bỏ các chùa đến ba ngàn ba trăm ba mươi sáu ngôi để phá tượng đem đúc tiền Chu Thông.

Vua đã giảm bớt các tự viện, lại ban sắc Trai tuổi từ mười lăm trở lên tụng thuộc lòng một trăm tờ Kinh hoặc đọc được năm trăm tờ và Nữ tuổi từ mười ba, tụng thuộc lòng bảy mươi tờ hoặc đọc được ba trăm tờ kinh, mới nhận đơn cho xuất gia, được quan bản Quận khảo thí nghe đọc, được Từ Bộ cấp Điệp thì mới được thế độ (xuất gia) (Văn này thường thấy ở Đường Cựu Sử. Còn Tân Sử của Âu Dương đều cắt

bỏ hết).

Năm Hiển Đức thứ ba, vua mời Ẩn Sĩ Trần Bác ở Hoa Sơn để hỏi thuật Huỳnh Bạch bay lên trời. Đạo sĩ tâu: "Thiên tử lo việc trị an thiên hạ đâu cần làm việc này?" Vua bèn đuổi về núi và ban chiếu sai Châu Huyện luôn theo trông chừng.

Năm thứ tư, tháng bảy, ngài Thanh Lương Văn Ích Thiền sư ở Kim Lăng thị tịch. Giang Nam Đường Hậu Chủ kính ngài làm thầy. Khi ngài lâm chung, bèn thụy phong là Đại Pháp Nhãn Học Giả hiệu là Pháp Nhãn Tông (thấy ở La-hán Trân Sư, đời thứ chín của dòng Thanh Nguyên).

Ẩn Sĩ Đàm Cảnh Thăng lên ở núi Chung nam cùng làm bạn với Trần Bác soạn bộ Hóa Thư một trăm thiên, nói bao quát khắp nguồn gốc tạo hóa, lâu lắm thành tiên mà đi. Ông từng dạo chơi núi Tam Mâu, đến Kiến Nghiệp yết kiến Tống Tề Khâu, bảo nơi ấy có tiên thoát đạo cốt, rồi viết sách chỉ vẽ, dặn dò làm lời tựa để truyền ở đời. Tề Khâu bèn lén để tên mình viết sách, nhưng chưa biết đạo ấy là gì (Tề Khâu làm Tướng triều vua thứ hai của Hậu Đường).

Bàn rằng: Ông Tăng Tháo làm tập Tiên Truyện nói: Trần Hy Di là bè bạn, Đàm Cảnh Thăng làm Hóa Thư, lại bảo rằng Tề Khâu đã lén để tên mình, người đời không biết được sự dối trá đó. Đây gần với việc Hướng Tú chú thích về Trang Tử Quách Tượng đã lén để tên mình, hai việc này giống nhau không khác gì trộm cắp.

Năm Hiển Đức thứ sáu, khi xưa lúc vua phá tượng thì ở Trấn Châu có tượng Quan Âm rất linh ứng, lệnh vua ban xuống nhưng mọi người không dám đến gần. Vua nghe tâu bèn đích thân đến chùa cầm búa đập phá khoét lấy mặt mày và lồng ngực, người xem đều sợ run. Kịp khi vua bắc chinh thì nhọt độc nổi lên ở ngực, vội vả trở về đến Kinh Sư thì chết (theo Dương Văn Công Đàm Uyển).

Ở Biện Đô có Tướng Sĩ Chu Bá Thắng, tuổi già về ở nhà ăn rau dưa niệm Phật. Một tối mộng thấy Huỳnh Y Sứ bắt vào một thành lớn dẫn đến quan phủ. Vua bảo dẫn ông đến xem địa ngục, thì thấy một người mặt mày đen thui đang nằm trên giường sắt lớn. Ngục tốt lấy đục đục phá lồng ngực rồi chế nước đồng sôi vào, kêu la thất thanh không nghe được gì. Bá Thắng sợ quá niệm Phật thoái lui. Người bắt bảo: "Ông là đệ tử Phật không nên sợ". Bá Thắng hỏi: "Người tù này là ai?" Đáp: "Đây chính là vua Sài Vinh, do phá hủy tượng Phật nên bị hình phạt này". Bá Thắng nói: "Đây là vua cũ của tôi, khi nào được thoát?" Người bắt nói: "Mới xét án người này". Ngay lúc đó vua (Diêm Vương)

trách rằng: "Khi nào ở thế gian số tiền Chu Thông tiêu hết thì ngươi mới thoát tội khổ này". Người bắt bèn theo đường cũ dắt ông ra khỏi thành, khi nghe tiếng chuông chùa thì ông chợt thức giấc. Bá Thắng thường kể chuyện này với mọi người, ai nghe cũng hãi hùng thương xót (Thần Ứng Lục).

Bàn rằng: Từ xưa Phật pháp bị hủy diệt có bốn lúc: Lần thứ nhất, là Ngụy Thái Võ do Tư Đồ Thôi Hạo đốt phá Kinh Tượng, chôn giết Sa-môn. Rồi thì Thôi Hạo bị chém ngang lưng. Thái Võ bị bệnh cùi hủi, sau bị Quan Thường Thị Tông Ái giết chết. Văn Thành nối ngôi lại phục hưng Phật pháp. Lần thứ hai, là Chu Võ Nhân dùng Vệ Nguyên Tung, phá hủy Kinh Tượng, chùa tháp, đuổi Tăng Ni hoàn tục. Sau đó Đỗ Kỳ xuống Minh Phủ thấy Chu Võ chịu khổ ở địa ngục xin cứu mạng. Tuyên Đế nối ngôi thì Phật pháp liền được hưng thịnh. Lần thứ ba, là Đường Võ Tông nhân dùng Triệu Quy Chân đã phá tượng, dẹp chùa đuổi Tăng Ni hoàn tục. Sau vua bị nhọt ở sau lưng mà chết. Lúc đó Mục Lăng Quý nói Thiền Phù cho rằng: Lý Viêm đã hủy diệt Phật pháp nên bị quả báo chết yểu bỏ ngôi, Quy Chân... đều bị tru lục. Khi Tuyên Tông lên ngôi lại phục hưng Phật giáo. Lần thứ tư, là Chu Thế Tông đã phá tượng để đúc tiền và dẹp bỏ Tự Viện, Thế Tông lại nổi nhọt ở lồng ngực mà chết. Có người thấy ông chịu khổ ở địa ngục và có lời phán là khi nào tiền Chu Thông tiêu hết thì mới thoát tội.

Năm năm sau, Thái Tổ Hoàng Đế cỡi Rồng lên trời, lại hạ chiếu trong thiên hạ nên xây lại chùa tạo tượng và sai Sa-môn cầu pháp ở Tây Thiên. Làm Quán cho Phạm Tăng để phiên dịch kinh Phật, kiến lập chùa chiền để cứu độ vong linh tử sĩ, khắc in Kinh sách để lưu truyền Đại Tạng lâu dài. Lúc bấy giờ nước nhà lắm việc nhưng việc hoằng hóa hành đạo đều rạng rỡ khắp nơi.

Vua Thái Tông nối ngôi độ các người trẻ xuất gia được mười bảy vạn, lập Viện, dịch kinh, vua viết tựa Thánh Giáo, ban tặng Ngạch các Già-lam vô danh trong thiên hạ. Lập Tháp Đại Bảo để thờ xá-lợi. Đến triều Chân Tông thì Thánh đức xa khắp, Ngũ Thiên Trúc đều dâng kinh Phật, Ân vua rạng rỡ, độ Tăng được hai mươi bốn vạn.

Khi Nhân Tông lên ngôi, nối tiếp khen kính Đại thừa, cẩn thận công phu lo việc phiên dịch, mở rộng cung cấm chứa cất Kinh Tạng.

PHẦN PHỤ CHÚ *ở trang 389 (Hán Tạng)*

[Chú số 2] - Vua ban chiếu mời Hiên Viên Tập ở núi La Phù vào triều kiến. Vua hỏi: "Tiên sinh được trường sinh là do Đạo nào mà

được?" Ông tâu: "Tránh thanh sắc, bỏ tư vị, một mực thương xót, rộng mở ân đức, thì có thể cùng với trời đất họp thành một thể, cùng với Nhật Nguyệt sáng lâu dài. Đó là sự trường sinh không đợi phải riêng tìm". Khá lâu sau, ông xin được trở về núi, vua nói: "Việc trị thiên hạ của Trẫm được bao lâu?" Tập viết hàng ngang bốn mươi chữ. Sau quả nhiên vua ở ngôi bốn mươi năm.

[Chú số 3] - Chung Ly Quyền tự là Vân Phòng, tự khoe đời Hán có gặp ông Vương Huyền mà được đạo Trường sinh. Lánh loạn, ông vào ở núi Chung nam và được Linh Bảo Kinh trên vách đá. Ông ngộ lý: Trong Âm có Dương, trong Dương có Âm đó là cái nghi cách thăng giáng của đất trời. Trong khí có nước, trong nước có khí là lý tâm thận giao họp nhau. Bèn ngồi yên mà xét bên trong mới có thể biết ngoài thân có thân. Đời Đường, Lữ Nham tự là Đồng Tân, ba lần thi tiến sĩ đều không trúng tuyển. Ông gặp Vân Phòng ở quán rượu tại Trường an, bèn dắt Đồng Tân lên núi Chung Nam trao cho Linh bảo và mười hai Pháp Khoa bảo rằng: "Lời vàng, sách ngọc, chân nguyên, tỷ dụ, chân quyết, đạo yếu, nghĩa của nó có sáu thứ, là ý chỉ của Bao La Ngũ Tiên" rồi trao cho Đồng Tân và bảo: "Ta có ước hẹn ở Thiên đình, ông nên ở Động này." Liền đó có Tiên nhân giáng hạ tuyên đọc Thiên chiếu: "Phướn vàng, sáo ngọc đón rước về trời." Đồng Tân bèn làm khách dạo chơi khắp Giang Hoài, độ cho Hà Tiên Cô, Quách Thượng Táo Thi Kiên Ngô... (Lữ Đồng Tân du hành cõi nhân gian từ đời Đường đến đời Tống, không phải chỉ có một sự tích).

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 43

PHẦN 10

NHÀ TỐNG: (Đóng Đô ở Biện Kinh)

Đời Thái Tổ: (con thứ hai của Tuyên Tổ, mẹ là Đỗ Thị, sinh ngày mười sáu tháng hai là tiết Trường Xuân, chôn ở Vĩnh Xương Lăng).

Năm Kiến Long thứ nhất (Canh Thân), tháng giêng ngày Giáp Thìn, Chu Cung Đế nhường ngôi. Khi xưa vua nhận chiếu Bắc chinh, đêm ngủ tại quán dịch ở Trần Kiều thì được tướng sĩ suy cử ủng hộ kéo về kinh. Lúc đó Thái Phu nhân là Đỗ Thị (mẹ của Thái Tổ là Chiêu Hiến Hoàng hậu) cùng Vương phu nhân (vợ của Thái Tổ là Hiếu Minh Hoàng hậu) mới thiết Trai ở chùa Định Lực để cầu phước. Nghe có biến thì Vương phu nhân kinh sợ. Thái phu nhân nói: Con ta bình sinh có rất nhiều kỳ lạ, người ta nói sẽ là hàng cực quý, thì có gì lo! (Dương Văn Công Đàm Uyển). Trước đây vua Minh Tông nhà Hậu Đường, ở trong cung Cấm đã đốt hương khấn trời rằng: Thần vốn dòng Di Địch không đủ sức làm vua Trung Nguyên, xin sớm sinh Thánh nhân để trị yên thiên hạ. Ngày mười sáu tháng hai năm Thiên Thành thứ hai thì vua được sinh ra ở doanh Thái Nội Giáp Mã ở Lạc dương, có ánh sáng lạ đầy nhà, mùi hương lạ ngọt ngào không tan, thân có màu vàng ba ngày mới đổi. Người biết chuyện cho đó là ứng nghiệm theo lời khấn của Minh Tông (theo Hoàng Triều Cảnh Mạng Lục).

Khen rằng: Việc có ánh sáng lạ và thân có sắc vàng ròng là tướng lành của Phật Bồ-tát. Mở vận tốt vào thời Ngũ Quý, ngày lên ngôi thỏa nguyện bốn biển trông chờ. Mà lại biết hưng giáo hộ pháp, rải lòng từ khắp muôn nơi, vì xã tắc mà cầu phước linh trường. Nếu không phải là Phật Bồ-tát hiện thân thì còn ai nữa?

Khi vua chưa ra làm quan, đi qua chùa Trường Thọ Trấn ở Kính Châu, vị Sa-môn chủ chùa biết không phải là phàm nhân bèn ngầm cho

người vẽ hình vua để ở vách. Sau cho rằng chùa có hình vua mà được Quan bảo hộ. Đến khi ở Lạc dương, có lần đến chùa Trường Thọ, vua nằm trên tảng đá ngủ trưa. Vị Tăng là Thủ Nghiêm thấy có con rắn đỏ nhỏ thò ra thụt vào trên mũi. Khi ông tỉnh dậy, Nghiêm hỏi nơi đến, thì bảo muốn đến Đàm Châu để yết kiến Sài Thái Úy, nhưng không có gì để đi (Chu Thế Tông). Nghiêm thưa: "Bần Đạo có con lừa có thể cỡi mà đi", lại tặng cho ít tiền. Khi ra mắt, Thái Úy lấy làm lạ bèn giữ ông ở lại Mạc Phủ. Khi nhà Tấn trị vì ở Tống Thành có vị Tăng lạ giống như một bậc hào hiệp kẹp đạn đồng chạy trên cỏ, chỉ tay vào đất bảo: Không đầy hai mươi năm nữa sẽ có Đế Vương ở đây mà dựng nước (theo Dương Văn Công Đàm Uyển - Thái Tổ khi ở Triều nhà Chu là Quy Đức Quân Tiết Độ Sứ. Quy Đức ở nhà Đường là Tống Châu nên khi được nhường ngôi là đặt tên nước là Tống).

Trước đó trong dân gian có được tấm bảng đồng của Chí Công đời Lương ký rằng: "Có một chân nhân nổi lên từ Ký Châu, mở miệng giương cung ở bên trái, con con cháu cháu nối ngôi lâu". Ở Giang nam, Lý Chủ đặt tên con là Hoằng Ký, Ngô Việt Vương Tiền và các con đều nối nhau dùng chữ Hoằng (Hoằng Tông, Hoằng Thục, Hoằng Ức) mong đúng với Đồ sấm. Khi vua nhận ngôi đúng tên Húy là Tuyên Tổ (Hoàng Khảo của Thái Tổ là Hoằng Ân, truy thụy phong là Tuyên Tổ. Theo Triệu Phổ Hoàng Triều Long Phi Ký).

Chu Thế Tông phá hủy Phật tượng (Thế Tông tự cầm đục phá lồng ngực của tượng Đại Bi ở Trấn Châu) nên bị ung nhọt mọc lên ở lồng ngực mà chết. Lúc đó Thái Tổ, Thái Tông đều thấy tận mắt. Có lần hỏi Thần Tăng Ma Y Hòa thượng rằng: "Nay hủy diệt Phật pháp thì đâu phải là phước cho xã tắc?" Ma Y bảo: "Đâu không nghe cái họa của ba vua Võ ư?" Lại hỏi: "Khi nào thì thiên hạ được bình định?" Sư bảo: "Khí Đỏ đã ứng điềm, khoảng Thìn Thân sẽ có chân Chúa ra đời, Phật pháp cũng rất hưng thịnh" (sau đó Thái Tổ được nhường ngôi vào ngày Giáp Thìn, tháng giêng năm Canh Thân, ứng nghiệm đúng điềm này).

Xử sĩ Trần Bác ẩn cư ở Hoa Sơn, đóng cửa nằm suốt nhiều tháng không dậy. Cuối năm Hiển Đức, ông cởi loa trắng sắp vào Đông đô. Giữa đường nghe tin Thái Tổ lên ngôi, liền cười lớn bảo rằng: "Thiên hạ từ nay đã định."

Khi vua mới lên ngôi thầm nghĩ Phật là Đạo gì mà thiên hạ quý kính đông đảo thạnh hành như thế? Có lần vua vi hành đến chùa Tướng Quốc, thấy một vị Tăng say nằm ói mửa ngoài cửa chùa, mắng chưởi

thô tục khó nghe. Vua nổi giận vừa bước qua thì bị vị Tăng ôm lại bảo rằng: “Chớ ghét, chiều nay sẽ phát tướng, nên về gấp!” Vua lo lắng trở về rồi ngầm sai người đến theo dõi bảo lấy chất nôn ói đem về. Khi đến nơi thì vị Tăng say đã biến mất, Sứ bèn lấy chất nôn ói đem về. Vua nhìn kỹ thì đó là chất sữa rất thơm. Vua than thở không ngớt, càng tôn kính Phật pháp (bốn việc trên đều trích ở Thái Thị Tòng Đàm).

Vua ban chiếu lấy ngày mười sáu tháng hai là ngày sinh nhật vua làm Tiết Trường Xuân, ban yến tiệc cho bách quan ở chùa Tướng Quốc, Tể tướng Phạm Chất viết bài sớ chúc Thánh Trai rằng: Ráng đẹp hiện điềm lành báo việc Thánh Đế sinh (Đức Phật hạ sinh thì có Bạch tượng làm lóa mắt. Khi diệt độ thì có mười hai luồng ráng trắng. Nay việc Phạm Công dùng là lấy ở nơi khác). Ngựa linh xanh biếc báo điềm Luân vương ra đời (khi Kim Luân vương ra đời thì bảy báu tự đến, ngựa xanh báu cũng là một thứ trong đó). Nếu không phải là bậc oai linh kinh động tứ thiên thì đâu đủ sức cảm báu tự nhiên (Kim Luân vương thống trị cả Tứ Vương Thiên hạ không phải là bậc tôn quý trong ba cõi thì ai được điềm lành hy hữu (Phật là Đại sư của Tam giới), thọ mạng đồng với trăm ức núi Tu-di, đức trạch bao trùm cả tam thiên thế giới, cát sông Hằng còn tính được, phước lộc của Phật vô cùng, biển mực dẫu khô nhưng Hoàng Cơ càng vững chắc... Ngày ấy dùng Ân Khánh Đản, vua ban chiếu khắp độ người trẻ tuổi xuất gia được tám ngàn người (Quốc Triều Hội Yếu).

Khen rằng: Phạm Công vì là bậc danh Nho có thạnh đức mà làm Tá Mạng Thủ Tướng khi dùng lời chúc tán Khánh Đản, thì toàn dùng Phật Điển ngụ ý quý đẹp để kính Phật, trọng vua. Có người thấy luận này thì cho rằng: Rõ ràng là một Lễ Hội mừng bốn biển thống nhất, đều là điềm lành báo Phật và Bồ-tát ra đời.

Tháng sáu, vua ban chiếu cho tự viện các Lộ, nơi nào năm Hiển Đức thứ hai chưa phá bỏ thì được cho để nguyên. Còn chùa nào bị phá hủy thì bao nhiêu tượng Phật đã di dời đều cho giữ lại. Do đó các tượng đồng cất giấu trong nhân gian dần dần xuất hiện.

Khen rằng: Từ khi có Phật pháp đến nay, những nước có Đạo chưa từng không tôn kính Phật giáo để dạy dỗ thiên hạ. Vua Thái Tổ khi xưa thấy Chu Triều phá tượng, buồn thương than rằng: “Khiến hủy diệt Phật pháp rất không phải là phước của xã tắc.” Đến khi vua lên ngôi báu thì vội vàng ban chiếu phục hưng. Có thể nói ông vua có Đạo tất Phật pháp hưng thịnh.

Tháng mười, vua thân chinh phạt Lý Trọng Tấn ở Dương Châu.

Tháng mười hai thành bị hãm, vua lấy cớ chúng ngoan cố chống cự, muốn đem chôn sống tất cả. Bỗng có vị Tăng lạ đến trước cửa Hành Cung tự xưng là Thanh Phạm ở chùa Long Hưng dâng biểu xin tha thứ, vua chấp thuận. Sáng hôm sau vua xa giá đến chùa tìm hỏi thì thấy trên điện có một tượng La-hán tay cầm biểu chương. Vua chợt tỉnh, bèn ra sắc lệnh cất một điện riêng để thờ tượng ấy (Quảng Lăng Chí).

Ngô Việt Vương Tiền Thục có bẩm tính rất kính Phật, mộ việc tạo tháp A-dục vương, dùng vàng đồng và gang tốt đúc tám vạn bốn ngàn tháp, bên trong tháp để Ấn Tâm Chú Kinh trong một cái hộp báu nhỏ, công năng của chú này nói: "Người tạo tượng tạo tháp để thờ chú này liền thành bảy báu tức là kính thờ toàn thân xá-lợi của ba đời Như Lai" đem phân bố khắp trong nước, mười năm sau mới xong (nay các chùa Tăng nhà Tục đều có thờ tháp này).

Khi xưa, các giáo quyển Thiên Thai trải suốt năm đời loạn lạc bị hư hao mất mát khá nhiều. Ngô Việt Vương Thục liền sai sứ đến các nước Cao Ly, Nhật Bản tìm kiếm. Khi đó nước Cao Ly sai Sa-môn Đế Quán đem các văn Luận Sớ đến Loa Khê yết kiến ngài Tịch Pháp sư, thế là một Tông Giáo Văn lại trở về Trung Quốc. Ngài Loa Khê bèn trao lại cho ngài Bảo Vân, Bảo Vân trao lại cho ngài Pháp Trí, Pháp Trí bèn luận giảng rộng rãi và nổi danh là bậc Trung Hưng Giáo Quán (Ngô Việt Vương Truyện).

Năm Kiến Long thứ hai, vua ban chiếu những ai trước đây bị chết trong khi đánh Lý Trọng Tấn, nay lấy Hành Cung ở Dương châu lập chùa Kiến Long để cầu siêu độ, như sự việc của Đường Thái Tông đã làm trong năm Chánh Quán thứ tư (Năm Chí Đạo thứ ba, Quận Thú là Dương Võ Xưng đã soạn văn bia). Vua lại ban chiếu trong dân gian từ tháng hai đến tháng chín bắt cá bắn chim phải được lệnh.

Tháng tư, vua đến chùa Tướng Quốc cầu mưa, đưa người hầu đến thiết trai đãi ngàn Tăng, rồi thì có mưa to.

Ngô Việt Vương Thục thỉnh Diên Thọ Thiền sư làm chủ chùa Vĩnh Minh (nay là chùa Tịnh Từ ở Tiền Đường). Hằng ngày Sư lần chuỗi niệm Phật. Có người học đến tham vấn thì Sư lấy Tâm làm Tông, lấy ngộ làm phép tắc. Sáng chiều Sư lên một đỉnh núi riêng mà hành đạo niệm Phật. Chúng nghe trong núi có tiếng thiên nhạc. Ngô Việt Vương cảm kích chuyên chí của Sư bèn làm điện Tây phương Trang Nghiêm để Sư hoàn thành chí nguyện. Sư lấy những chỗ đồng dị của ba Tông Hiền Thủ, Từ Ân, Thiên Thai, rồi mời các môn đồ rành giáo Pháp của ba Tông ấy rộng xem xét các nghĩa và chất vấn lẫn nhau. Rồi

Sư lấy Tông Tâm cân nhắc phê phán. Lại tập hợp hơn sáu mươi bộ Đại thừa kinh luận và lời bình giảng của ba trăm nhà Thánh hiền hai nước để chứng minh cái ý chỉ Duy Tâm. Sư lại làm sách cả một trăm quyển đặt tên là Tông Cảnh để lưu truyền ở đời (Thọ Thiền sư Truyện).

Năm thứ ba, tháng năm, có hạn hán. Vua đến chùa Tướng Quốc cầu mưa. Vua ban chiếu cho Triệt Lạc Thái Quan dâng cơm chay thì trời mưa to.

Sa-môn Thiện Danh... bảy người ở nước Vu-điền tại Tây Vức đến, vua ban chiếu mời ở chùa Tướng Quốc.

Sở Vương Chu Hành Phùng chiếm cứ Đàm Châu cuối cùng bị giết. Song vua biết thờ Phật, độ Tăng, Trai sám không ngớt, thấy Sa-môn liền làm lễ, tự tay dọn ăn, gọi tả hữu nói rằng: "Ta có giết người nhiều lắm, nếu không nhờ Phật lực sao được giải oan?"

Tháng mười một, nước Cao Xương sai Tăng Pháp Uyên đến hiến răng Bích-chi-phật và đồ đựng bằng ngọc.

Năm Càn Đức thứ nhất, ngài Loa Khê Tịch Pháp sư truyền pháp môn Chỉ Quán cho ngài Nghĩa Thông Pháp sư.

Năm thứ ba, Sa-môn Đạo Viên ở Thương Châu đi du ngoạn Ngũ Thiên Trúc, đi và về mười tám năm. Khi trở về có sứ giả nước Vu-điền cùng đến Kinh châu, hiến tặng xá-lợi Phật và Kinh Phạm lá bối. Vua mời vào gặp, nhân tiện hỏi thăm phong tục Tây Vức, rồi ban cho Tử y, đồ dùng và tiền lụa.

Đặc Tấn Lý nhờ tâu rằng Hùng Võ Thôi Quan Nguyễn Thiệu Trang mộng thấy Vân Môn Thiền sư khiến dâng biểu lên vua xin mở tháp. Vua ra chỉ ưng thuận. Quan Thú Thiều Châu mở ra thấy nhục thân của Sư tươi nguyên như còn sống, bèn đón về Cung Khuyết cúng dường. Được một tháng liền sai Sứ đưa về núi và sắc thụy phong là Đại Từ Nguyên Chân Hoằng Minh Thiền sư (Sau đó không thấy ghi chú chỗ trích dẫn, phần lớn đều coi là ở Quốc Triều Hội Yếu).

Năm thứ 4, vua ban chiếu rằng Tần và Lương đã thông, có thể sai Tăng đến Tây Trúc cầu pháp. Khi đó Sa-môn Hành Cần một trăm năm mươi bảy người vâng chiếu vua đi qua các nước Yên Kỳ, Quy Tư, Ca Di La,... Vua ban chiếu thư khiến người đi tiền đạo và ban cho mỗi vị trang phục cùng ba ngàn vạn tiền (lời ghi là: Hành trang tiền tam thập quán).

Vua ban chiếu cho Tây Xuyên Chuyển Vận Sứ là Thẩm Nghĩa Luân ở Ích Châu dùng chữ vàng bạc để viết Kinh Kim Cang dâng lên vua. Khi ấy vua mời Sa-môn Sùng Uẩn ở chùa Thiên Thanh vào Nội

điện diễn giảng. Khu Mật Sứ Thẩm Nghĩa Luân thờ Phật ăn trường trai, mùa Hạ ngồi yên cho muỗi cắn. Có người cho là khổ. Ông nói thấy muỗi đói bu vào không nỡ đuổi đi. Lúc đó những kẻ làm quan phần lớn đều xin cất nhà, riêng Nghĩa Luân chỉ xin cất chùa cho mẹ tu, vua than thở khen rồi chấp thuận.

Vua ra sắc Nội Thị Trương Trọng Tấn đến chùa Phổ Hiền ở núi Nga Mi để sửa chữa trang nghiêm Phật tượng, nhân vì Gia Châu đã tâu nhiều lần là có thấy hình tướng Đức Phổ Hiền ở chùa Bạch Thủy. Nga Mi Chí nói rằng: Xưa có Bồ Ông nhân vào núi hái thuốc nhìn lên ngọn núi thấy có mây ngũ sắc và có ánh sáng trắng phóng ra. Bỗng có một con nai đi trước dẫn đường đưa ông lên ngọn núi rất cao thì thấy chân tướng của Đức Phổ Hiền Đại Sĩ, hiển tích từ đó.

Ở Phủ Hà Nam, Tiến Sĩ Lý Ái viết Diệt Tà Tập để hủy báng Phật giáo, trộm Tạng Kinh để làm chăn. Vua nghe tâu bèn cho là quấy đã hủy báng Thánh Đạo, dối gạt bá tánh, bèn ban sắc đày ra đảo Sa-môn (trong biển ở Đăng Châu - Theo Luật xưa để làm chỗ ở của tù nhân. Ở lâu có người nhảy xuống biển. Triều vua Thần Tông có Quận Thú Mã Mặc xin từ nay về sau những kẻ tù tội đó được dời về ở Đăng Châu, vua chấp thuận).

Bàn rằng: Nhà Nho có kẻ bài Phật vì chưa từng đọc kinh Phật mà thôi. Nếu bảo họ xem qua, biết chút ít, tất có thể khâm phục cái Đạo vi diệu ấy. Lý Ái viết Luận bảo Phật là tà, là bởi cái dư ba của Phó Dịch và Hàn Thoái Chi chê Phật là mọi rợ. Nếu không có Minh Quân thì ai có thể xét được điều lầm lẫn ấy, đày hắn ra hải đảo không phải là điều bất hạnh vậy.

Năm Kiến Long thứ năm, vua ban chiếu rằng: Từ ngày cấm chỉ đến nay nhiều người chở tượng Phật về kinh, mãng nghĩ đời tượng pháp nên để mọi người chiêm ngưỡng tôn kính, nhưng có kẻ phá khuôn đúc tượng rất trái việc quý kính. Nên nay cho các Quận nơi nào có tượng đồng thì được giữ nguyên như cũ, chỉ không cho đúc các tượng mới mà thôi.

Hữu Nhai Ứng Chế Sa-môn Văn Thắng vâng lệnh vua biên sửa Đại Tạng kinh, sắp xếp theo hòm gồm có sáu trăm sáu mươi quyển.

Vua ban sắc ở Lai Châu, Đạo sĩ Lưu Nhược Chuyết được làm Hữu Nhai Đạo Lục, tập họp các Đạo sĩ vào kinh Sư để thi đạo nghiệp nhưng các Đạo sĩ chưa đến thì đã bãi lệnh.

Năm Khai Bảo thứ hai, nhân Tiết Trường Xuân, vua ban chiếu cho Sa-môn trong thiên hạ vào điện khảo thí mười điều nghĩa Kinh Luận

Luật, ai trúng tuyển đủ các môn được ban cho Tử y.

Năm thứ tư tháng ba, vua thân chinh Thái Nguyên đánh Lưu Kế Nguyên, đi theo đường Lộ Châu, qua viện của Ma Y Hòa thượng. Vua đích thân khấn với Phật rằng: "Chuyến đi này để chinh phạt kẻ tàn bạo, nguyện xin không giết oan một người". Kế Nguyên nghe chuyện liền cực lực chống trả. Xa giá vua đến dưới thành, quân sĩ tiến công đánh phá. Lúc đó thành Thái Nguyên giữ rất chắc chắn. Bác Sĩ Lý Quang Tán khuyên vua hồi loan, Tể Tướng Triệu Phổ cũng cho là đúng, vua bèn rút quân về.

Xử Sĩ Trần Đoàn học môn Dịch với Ma Y Đạo Giả, được thuật Chánh Dịch Tâm Pháp bốn mươi hai chương, lý suốt cả trời người và đã chê trách lỗi các Tiên Nho. Trần Đào bắt đầu chú thích. Đến khi học được về Quyết Hà Đồ Lục Thư thì phát minh ra bí thuật của Dịch Đạo. Các Nho sĩ đời Hán, đời Tấn như Trịnh Khang Thành Kinh Phòng, Vương Bậc, Hàn Khang Bách... đều chưa biết được. Quyết đó nói rằng: Đội chín, đạp một, tả ba, hữu bảy, hai bốn là vai, sáu tám là gối, dọc ngang đều mười lăm, mà năm chỗ ở là nhà. Cái đồ hình này ngang dọc, ngay lệch, hồi họp cùng đắp đổi cho nhau, tùy ý tính toán, đều được mười lăm. Lưu Mục nói: Không phải là chỗ người trí có thể ngụy tạo. Trước hết Trần Đoàn truyền cho Trọng Phóng, Phóng truyền cho Lý Khái, Khái truyền cho Hứa Kiên, Kiên truyền cho Phạm Ngạc Xương, Ngạc Xương truyền cho Lưu Mục, mới làm Câu Ẩn Đồ mà thuật lại.

Bàn rằng: Hệ Từ có nói: Hà sinh ra Đồ để nêu cái tên của nó. Theo hàng để biến đổi lẫn lộn các số, là biểu hiện cái thể của nó. Đây là Phu Tử hiển bày văn Hà Đồ. Đời Hán có sách luận về Hà Đồ rằng: Lấy Thái Nhất để hành chín cung, bốn hướng chánh bốn hướng phụ và trên dưới là mười, đều có năm. Dịch Vĩ này nêu rõ cái số của Hà Đồ. Trong khoảng năm quý có Phương Phục thì Y Ma là hiểu rõ về Dịch Đạo hơn cả. Bèn đầu tiên phát minh ra bí thuật của Hà Đồ rồi đem truyền cho Hy Di. Hy Di mới viết ra Quyết để truyền trên đời. Song người đời phần đông đều thuật lại được lời của Hy Di mà không biết cái nghĩa gốc của nó là lấy ra từ Dịch Vĩ của Hệ Từ. Nay lấy đó làm Quyết thì trên họp với Văn về Dịch Vĩ Cửu Cung Thập Ngũ. Lại đem Dịch Vĩ mà tham cứu cái thuyết Hệ Từ theo hàng để biến đổi thì không thứ nào là không thuận họp. Về văn của Hệ Vĩ quá tóm lược và sâu kín nên người đời thường không hiểu được, chỉ riêng Ma Y là hiểu được cái kỳ diệu đó nên biết việc của hai ngàn năm sau và thay trời truyền trao (Văn Hà Lạc nay thấy ở phần trước của kinh Dịch).

Trần Đoàn ở Hoa Sơn. Tiền Nhược Thủy thi rớt bèn đến yết kiến Trần Đoàn. Đoàn đón vào núi đãi cơm chay, thấy có vị lão Tăng mặc áo nạp quạt lửa. Nhược Thủy vái chào, vị Tăng chỉ mở mắt nhìn không nói gì. Ngồi hồi lâu Đoàn hỏi: "Thế nào?" Vị Tăng đáp: "Không có pháp Tiên cốt. Nhược Thủy cáo lui". Đoàn dặn rằng: "Ba ngày sau thì trở lại". Đúng hẹn Nhược Thủy bèn đến. Đoàn bảo: "Ta mới thấy thần quan của ông trong sáng có thể học đạo Tiên được. Nên thỉnh Quyết với Lão Tăng". Vị Tăng nói: "Ông ấy không có Tiên cốt, chỉ có thể làm hàng Công Khanh sang trọng rồi cũng rút lui sớm mà thôi". Thủy hỏi : "Vị Tăng là ai?" Đoàn đáp: Đó là thầy ta, Ma Y Đạo Giả đấy (Tương Sơn Dã Lục - Trong Đồng Vi Chí nói: Tăng là Tông Duệ của Bạch Cáp Đạo Giả).

Sa-môn Kiến Thạnh từ Tây Vức trở về, đến Cung Khuyết dâng lên vua kinh Phạm lá bối, cùng đi có Phạm Tăng Mạn-thù-thất-lợi. Thất Lợi là con vua nước Trung Thiên Trúc. Vua ban chiếu mời ở tại chùa Tướng Quốc. Ông giữ Luật rất tinh nghiêm, người thành đô dâng cúng tiền của đầy tịnh thất nhưng ông không để ý đến.

Vua ban sắc cho Cao Phẩm Trương Tùng Tín đến Ích Châu khắc bản in Đại Tạng Kinh. Năm thứ năm, vua ban chiếu cho Tăng và Đạo sĩ mỗi khi tập họp ở triều đình thì Tăng trước Đạo sĩ sau. Khi cùng đứng ở điện Đình thì Tăng đứng ở phía Đông, Đạo sĩ ở phía Tây, trong đó các Phó chức đứng xen nhau. Nếu gặp lễ tế trời ở Nam Giao thì Đạo đứng bên Tả, Tăng đứng bên Hữu (Tăng Sử Lược).

				Tăng	Đạo tả	
Bắc	Vua	Tăng	rồi	Đông	Tế Giao	Nam
		Đạo		Điện đình		
				Đạo Tây	Tăng hữu	

Bàn rằng: Tả Hữu tức là Đông Tây vậy. Ngày tế trời thì Đạo sĩ ở bên trái, vì Đạo sĩ là nối sau ban triều tiện việc thiết lễ cúng lạy, cho nên tạm xếp ở bên trái, không phải là phép thường dùng. Đây là nói để nghe thôi. Ngoan Không nói chức sự là ở người, được là ở Lễ Bộ.

Vua ban chiếu mời các bậc Danh đức như Huyền Siêu... ở kinh thành vào đại nội tụng Đại Tạng Kinh chữ vàng. Vua xa giá đến dự và ban cho Tử y.

Vua ban chiếu rằng: Tăng Ni không gián cách nhau tất có rối loạn

giáo pháp. Từ nay khiến chùa ni lập Đàn truyền giới do Đại Đức Ni chủ trì.

Bàn rằng: Triều đình luận việc chỉ muốn phân biệt Tăng Ni mà không biết Nữ Ni khi thọ giới phải nương vào Đại Tăng, không có luật cho lập giới đàn tự thọ. Đây là cứu được cái tệ hại nhất thời mà không thể coi là phép tắc được. Nên nay không theo cách này nữa.

Vua ban chiếu rằng: Gốc của Phật vốn quý việc thanh vắng, trong chốn chùa chiền đâu nên uế tạp, muốn mở mang sùng kính phải rất tinh nghiêm. Như nay nghe trong chốn đạo tràng trai hội, đêm đến tập họp rất nhiều nữ sĩ rất tạp nhạp xô bồ không ích gì cho việc tu trì. Nên nay khiến Công Đức Ty Tự Bộ khuyến cáo các Lộ cần nên nghiêm cấm.

Vua ban sắc Tăng và Đạo sĩ đều lệ thuộc Công Đức Sứ. Người xuất gia cầu độ cần phải khảo thí kinh nghiệp, liên hệ với Từ Bộ để cấp Điệp.

Có ba Sa-môn ở Thiên Trúc là Khả Trí, Pháp Kiến và Chân Lý cùng đến Triều, vua ban cho Tử y. Sa-môn ở Tây Thiên Trúc là Tô-cát-đà đến cống hiến xá-lợi và hoa Văn thù, vua ban cho Tử y và tiền vàng.

Tháng sáu, ngài Thiên Thai Đức Thiều Quốc Sư viên tịch, thì có sao lớn sa xuống ở đỉnh núi, trời lại có tuyết lớn. Sư đắc pháp với ngài Thanh Lương Pháp Nhãn (đời thứ mười dòng Thanh Nguyên). Sa-môn ở Tây Thiên Trúc là Di-la... mười bốn vị đến triều, vua đều ban cho Tử y.

Năm Kiến Long thứ sáu, tháng tám, tại hang gió ở Nhữ Châu, ngài Thiền sư Diên Chiêu viên tịch, Sư đắc pháp với ngài Nam Viện (đời thứ tám dòng Nam Nhạc).

Tri Phu Châu là Vương Quy Tùng dâng biểu lên vua nói rằng ngài Tam tạng Pháp Thiên ở Trung Thiên Trúc đến, đã dịch Thánh Vô Lượng Thọ Kinh, Thất Phật Tán. Sa-môn Phạm Học Pháp Tấn ở Phủ Hà Trung chấp bút sửa văn, Quy Tùng nhuận sắc. Vua ban chiếu mời ngài Pháp Thiên đến cung Khuyết để thăm hỏi ủy lạo và ban cho Tử y.

Năm thứ bảy, tháng hai, ngài Vĩnh Minh Thọ Thiền sư thị tịch, vua thụy phong là Trí Giác, Sư đắc pháp với ngài Thiều Quốc Sư. Nước Cao Ly sai ba mươi sáu vị Tăng đến học đạo. Do đó Tông Pháp Nhãn rất thạnh hành ở hải ngoại mà Trung Quốc thì mất dấu.

Năm thứ tám, tháng ba, vua đến Lạc dương, đến chùa Quảng Hóa tại núi Long Môn, khai quật Tháp ngài Tam tạng Vô Úy, chiêm kính nhục thân. Tháng tư, vua sắp tế trời thì mưa không ngớt, bèn sai sứ khấn

cầu ở tháp ngài Vô Úy, đúng hẹn thì mưa ngưng (Ngài Tam tạng Vô Úy từ Tây Thiên đến vào năm Khai Nguyên bốn đời Đường, làm Giáo Chủ suốt hai mươi ba năm ở Trường An, khi tịch diệt tháp ở Long Môn tại Lạc Dương).

Từ Lạc Dương vua trở về kinh sư, chính tay viết kinh Kim Cang để thường đọc tụng. Tể Tướng Triệu Phổ nhân tâu các việc nghe thấy. Vua bảo: "Không muốn cho kẻ giáp trụ biết chỉ nên nói là ta thường đọc binh thư".

Bàn rằng: Hán Cao Tổ cùng Hàn Bành lấy thiên hạ, luận công trạng liền phong Vương và mấy mươi thành, nhân đó mà mưu phản, cuối cùng thì bị giết chết. Quang Võ phong công cho bầy tôi Đặng Vũ, người lớn nhất không quá mấy huyện để dễ chế phục, nên trên dưới không có ý khác, thật là người trí vậy. Đức Thái Tổ ta rất khéo chế phục anh hùng, khiến cho Thạch Thú Tín... cả mười anh em trong Nghĩa Xã chỉ trong khoảng tiệc rượu mà bỏ cả binh quyền. Ở nhà riêng hưởng lộc để sống nốt cuộc đời thừa. Trên không lỗi ân nước mà, dưới không mất lễ bầy tôi, hơn cả vua tôi hai đời Hán xa lắm. Đến như việc ở sâu trong cung cấm thường tụng kinh Phật mà chỉ muốn kẻ giáp sĩ biết rằng mình đọc binh thư. Đó lại càng dùng uy của nhân từ mà giữ nước. Thật là người trí vậy.

Đời Thái Tông: (con thứ ba của Tuyên Tổ, là em cùng mẹ với Thái Tổ. Bà mẹ nằm mộng thấy thần nhân bưng mặt trời để vào lòng, bèn có thai. Ngày mười bảy tháng mười là Tiết Càn Minh, chôn ở Lăng Vĩnh Hy).

Năm Thái Bình Hưng Quốc thứ nhất, vua ban chiếu phổ độ các người trẻ trong thiên hạ xuất gia cả thảy được mười bảy vạn người (Quốc Triều Hội Yếu).

Chân Quân truyền pháp, lập Đàn thì có chín Đàn, ba Đàn trên để cầu cho Quốc gia.

1. Đàn Thuận Thiên Hưng Quốc có ba ngàn sáu trăm Tinh Vị, để đại tế Phổ Thiên.

2. Đàn Diên Tộ Bảo Sinh có hai ngàn bốn trăm Tinh Vị, để đại tế chư Thiên.

3. Đàn Kỳ Cốc Phước Thời, có một ngàn hai trăm Tinh Vị để đại tế La Thiên.

Ba Đàn giữa là để cầu cho Bá Quan:

1. Đàn Huỳnh Lục Diên Thọ, có sáu trăm bốn mươi Tinh Vị.

2. Đàn Huỳnh Lục Trăn Khánh, có bốn trăm chín mươi Tinh Vị.

3. Đàn Huỳnh Lục Khử Tà, có ba trăm sáu mươi Tinh Vị.

- Còn ba Đàn dưới để cầu cho sĩ thứ:

1. Đàn Tục Mạng, có hai trăm bốn mươi Tinh Vị.

2. Đàn Tập Phước có một trăm hai mươi Tinh Vị.

3. Đàn Khước Tai có tám mươi mốt Tinh Vị.

Có các thứ cờ xí, gương kiếm, cung tên, pháp vật đều bày đủ nghi phạm, mỗi thứ đều có cao thấp... Chân Quân nói: Các trời, vạn Tiên, chúng Phạm, Phật đều đến chầu Thượng đế ở điện Thông minh. Lại nói: Phật ở trong Tam Thanh chỉ có ở trời Phạm thiên, đối với Thượng đế như Cửu Khanh thờ vua vậy.

Bàn rằng: Phàm Phật và Lão nói về trời thì tên không giống nhưng thể thì đồng. Như Lai là bậc Thánh nhân thấy đúng thực cùng tột cả ba cõi. Nhưng các sách của Đạo Gia thì cạn cợt không biết nên Tên và Thể đều không đồng. Như Kinh Độ Nhân và các sách Đạo thì có người bảo ba mươi sáu cõi trời, tức Dục giới có sáu, Sắc giới có mười tám và Vô sắc giới có bốn, hai mươi tám cõi trời này là ở trong Tam giới, còn bị sinh tử. Ở trên nữa thì có bốn cõi Phạm Thiên là ở ngoài Tam giới đã dứt hết nạn sinh tử. Lại trên nữa thì có ba cõi Tam thanh, cao tột nhất là trời Đại la. Những lời này dầu muốn so sánh tên Tam giới của kinh Phật, nhưng đâu biết rằng Tứ phạm và Tam thanh là ngôi vị không có thực. Bởi khi nói ở ngoài Tam giới đoạn dứt sinh tử thì tức là Tam thừa và Phật mà thôi. Đâu thể cho đó là nhóm người luân chuyển trong các trời Tam thanh. Trương Vô Tận làm bộ Tức Tránh Luận, dẫn Huỳnh Đế Nội Thư nói rằng: Thái nhất tức là cái khí đầu tiên duy nhất (khí Nguyên Nhất) sinh ra đầu tiên ở trên Thái Hư. Có núi Ngọc Kinh, bốn phương đều có tám trời, cả thảy là ba mươi hai vua. Trên Ngọc Kinh, lại có Ngọc Thanh, Thượng Thanh, Thái Thanh. Trên ba Thanh này thì có mười trời Hư Hoàng để các Nguyên Lão, Nguyên Quân, Nguyên Tôn, Nguyên Chân... chín vua ở đó. Thiên Hoàng Chân Nhân giáng xuống Thiên Chân chín khí, phân làm sáu Nguyên mà tạo ra hiện tượng hỗn độn... Vô Tận đoán rằng: Phàm nói ba mươi hai vua ở núi Ngọc Kinh tức kinh Phật gọi trời Đao-lợi ở đỉnh núi Tu-di. Còn trời Hư Hoàng tức kinh Phật gọi là trời Đại Phạm. Còn trời Tam Thanh tức kinh Phật nói về trời Không Cư. Trời Đại Phạm là chủ thế giới, không biết trên đó còn có các trời Quan Âm, mà nói rằng: Ta tạo ra các vật. Tạo ra các vật tức là có khí giáng xuống, đây là nguyên do Thiên Chân Cửu Hoàng giáng khí tạo ra thế giới này. Khí có âm dương thì người có nam nữ. Như

Đạo Gia tam Thanh đứng hầu có Kim Đồng, Ngọc Nữ. Cõi Không Cư Dục Giới này chính là Tam Thanh vậy. (Không Cư tức trời Dạ Mạ là Thái Thanh, Đâu-suất là Thượng Thanh, Lạc Biến Hóa là Ngọc Thanh, Tha Hóa Tự Tại là Đại La. Song sách Đạo nói là trời, thì tự có nhiều mâu thuẫn khó định). Lại Vương Khâm Nhược vâng chiếu vua soạn ra Dực Thánh Chân Quân Truyện, trong đó luận về Phật thì rất là sai trái. Như Dực Thánh nói rằng: "Các trời, vạn Tiên và chúng Phạm Phật đều đến chầu Thượng đế". Nhưng Phật là thầy của ba cõi, bậc tôn quý nhất trong hàng trời người, nơi Phật ở thì các Phạm Thiên, Đế Thích đều đến hộ vệ quy ngưỡng, thế mới biết Thiên đế phải thờ Phật. Nay truyện nói Phật đến chầu Thượng đế thì rất là không giống ai. Dực Thánh tự nói là Phật giúp vua ở ngôi vị khá cao, thật chưa có lời nói nào vô lý đến thế. Khâm Nhược tự khoe là hiểu biết Phật mà lời trong truyện cũng chưa có lời này. Đây e là các Đạo sĩ không biết ngôi vị trời mà bịa ra lời này đem vào truyện, dù muốn tôn trời chê Phật nhưng lại để lộ ra việc vu cáo trời khinh mạn Phật, thật đáng răn dè thay!

Khi xưa, Chu Thế Tông dẹp chùa Long Hưng để làm kho của quan, có vị Tăng ở chùa Quốc Sơ đánh trống cầu xin lại. Vua sai Sứ cầm kiếm đến hỏi: "Đó là kho lúa từ lâu do tiền triều lập nên tại sao lại cứ làm phiền triều đình?" Vua ngầm bảo Sứ là hỏi mà vị Tăng sợ thì đem chém. Vị Tăng từ tốn trình bày rằng: "Tiền triều vô đạo phá tượng dẹp chùa nên nay chính nhờ Minh Quân phục hưng mà thôi, Bần đạo có sợ gì cái chết". Sư giả đem tâu, vua cảm kích khen ngợi bèn ra sắc sửa lại làm chùa (Loại Uyển).

Năm thứ hai, vua cho sửa chùa Long Hưng thành chùa Thái Bình Hưng Quốc và lập điện Khai Tiên để thờ hình Thái Tổ. Sa-môn Tây Thiên là Cát Tường đến dâng kinh Phật lá bối.

Năm Thái Bình Hưng Quốc thứ ba, tháng ba, vua ban ngạch cho các chùa trong thiên hạ đề là Thái Bình Hưng Quốc và Càn Minh.

Ở chùa Khai Bảo, Sa-môn Kế Tùng... từ Tây Thiên trở về hiến vua kinh Phạn, tháp xá-lợi Phật, lá cây Bồ-đề, phất trần lông Khổng Tước, vua đều ban cho Tử y. Tháng tư, vua ban chiếu thụy phong cho ngài Lô Sơn Viễn Pháp sư hiệu là Viên Ngộ, tháp là Ngưng Tịch, ban cho ngài Vĩnh Pháp sư hiệu là Giác Tịch, tháp là Thật Trí.

Sa-môn Bát-nạp-ma ở Trung Thiên Trúc đến hiến vua tháp Xá-lợi Phật và phất trần bằng lông đuôi Mao ngưu. Con vua Tây Thiên là Mạn-thu-thất-lợi xin trở về nước. Vua ban chiếu: Tùy ý (Ông đến đây vào năm Khai Bảo thứ tư).

Hàn lâm học sĩ Lý Phưởng, Từ Huyễn... dâng lên vua bộ Thái Bình Quảng Ký, trong đó chép về Phật pháp đến ba mươi quyển, bắt đầu từ đời Hán Minh Đế và chấm dứt ở đời Ngũ Đại. Từ xưa nay các chúng ngộ tâm đắc đạo, Thần Tăng học Kinh Luận Định Tuệ, việc vua tôi tin tưởng hay hủy hoại nêu bày tốt xấu... đều ghi chép đầy đủ.

Vua ban sắc cho Cung Phụng quan Triệu Dung đến Ngô Việt đón rước xá-lợi Phật ở tháp A-dục vương tại Minh Châu.

Ngô Việt Vương Thục dâng bản đồ về Triều. Vua khiến Tăng Thống Tán Ninh rước tháp xá-lợi Phật Thích-ca vào triều kiến tại điện Tư Phước. Vua vốn nghe danh Sư đã lâu, ngày nhắc đến bảy lần, rồi ban cho hiệu là Thông Tuệ Đại sư (Tán Ninh ở trong nước làm Lưỡng Chiết Tăng Thống hiệu là Minh Nghĩa Tông Văn Đại sư).

Trừ Hàn Lâm cùng Học sĩ Đào Cốc đều trình bày: Có người chê trách rằng: Thanh Tỏa và Chu Doanh đâu thể dung hợp nhau được. Khi nói với Sư điều đó thì Sư viện dẫn căn cứ các kinh sử thao thao nói mãi không thôi. Người chê trách đó bèn sợ hãi kính phục. Học Sĩ Vương Võ Xưng Từ Huyễn, mỗi khi có nghi vấn đến hỏi Sư đều rất bái phục và thờ Sư như thầy. Tại điện Tư Phước, vua bèn thờ Phật và Kinh Tạng, lại cho đúc chuông chùa, liền thành Nội đạo tràng (Quốc Triều Hội Yếu).

Năm Thái Bình Hưng Quốc thứ năm, tháng giêng, vua ban sắc cho Nội Thị Trương Đình Huấn đến Ngũ Đài Sơn ở Đại Châu tạo Vạn Tượng Bồ-tát Văn-thù bằng vàng đồng để thờ tại Viện Chân Dung.

Vua ban chiếu trùng tu mười chùa ở Ngũ Đài, mời Sa-môn Phương Nhuận làm Thập Tự Tăng Chánh. Mười chùa đó là: Chân Dung, Hoa Nghiêm, Thọ Ninh, Hưng Quốc, Trúc Lâm, Kim Các, Pháp Hoa, Bí Mật, Linh Cảnh, Đại Hiền. Ngũ Đài Sơn Ký nói: Hình núi năm ngọn đều năm trăm dặm, chập chùng cao ngất, thác tuôn nước mịt mù, ngọn Trung Đài cao bốn mươi dặm, trên đỉnh bằng phẳng bốn bề đều sáu dặm. Ở phía Tây bắc có ao Thái Hoa và Thạch Tinh Xá thờ tượng đá Văn-thù và Di-lặc. Ở phía Đông nam có chùa Đại Phù do Nguỵ Văn Đế tạo ra có hai nhà Đông Tây để ở. Lại phía Đông bắc có chùa Vương Tử và tháp A-dục vương. Phía Đông bắc giữa ba Đài có Hang Kim Cang thờ Tam Thế Phật và Pháp Tạng. Phía Đông nam của Trung Đài có chùa Thanh Lương nơi sâu nhất là chỗ ở của Đức Văn-thù, người không dám đến gần. Ở ngọn núi cao phía Tây có hang Bí Ma. Ở phía Tây hang có chùa Phật Quang.

Vua ban sắc cho Nội Thị Trương Nhân Tán đến Thành Đô đúc tượng Phổ Hiền bằng đồng vàng, cao hai trượng, đem thờ ở chùa Bạch

Thủy Phổ Hiền, tại núi Nga Mi ở Gia Châu, xây gác cao mà che bên trên. Vua ra chiếu trùng tu năm chùa ở núi Nga Mi, tức các chùa Bạch Thủy Phổ Hiền, Hắc Thủy Hoa Nghiêm, Trung Phong, Càn Minh và Quang Tướng. Ba ngọn núi Nga Mi cao hơn Ngũ Nhạc, đẹp nhất chín châu. Tây Trúc Thiên Tuế Hòa thượng nói rằng đây là núi đẹp nhất của nước Chấn Đán.

Sa-môn Pháp Tấn ở Phủ Hà Trung thỉnh Tam tạng Pháp Thiên dịch kinh ở Bồ Tân (Phủ Hà Trung ở Bồ Châu). Quan Thú dâng biểu khen Pháp Tấn, vua xem biểu rất mừng bèn mời về kinh sư, từ đó việc dịch kinh bắt đầu hưng thịnh.

Tháng hai, ở Bắc Thiên Trúc, ngài Tam tạng Thiên Tức Tai nước Ca Thấp Di La và ngài Tam tạng Thi Hộ nước Ô Điền Nẳng đến, vua mời vào ban cho Tử y và sắc lệnh hai Sư cùng xem kinh Phạm. Lúc đó vua rất quan tâm đến việc phiên dịch, bèn ra chiếu cho Trung Sứ Trịnh Thủ Quân xây viện dịch kinh ở phía Tây chùa Thái Bình Hưng Quốc làm ba nhà. Dãy giữa để dịch kinh, dãy phía Đông để nhuận văn, dãy phía Tây để chứng nghĩa.

Tháng năm, Sa-môn Hộ La ở Trung Thiên Trúc đến, hiến kinh Phạm lá bối. Vua ban cho Tử y.

Sa-môn Tri Tắc dâng lên vua bộ Thánh Vô Lượng Thọ Kinh Sớ do mình soạn ra. Vua ban cho hiệu là Diễn Giáo Đại sư.

Vua ban chiếu lập chùa Khai Thánh Thiền ở đất Phật giáng sinh, thờ tượng Phật Chiên-đàn của vua Ưu-điền (là tượng Lương Võ Đế sai Hác Khiên đến Thiên Trúc thỉnh về) và răng Đức Thích-ca mà vua Thái Tổ đã tự tay bịt bạc để trong tháp (Tuyên Luật Sư đời Đường được trời người tặng) và các thứ nhục thân, tích trượng, dao gậy của Chí Công đời Lương.

Vua sắc lệnh cho Nội Thị Vệ Khâm đến Tứ Châu sửa Tháp Tăng-già Đại sư, tháp gồm mười ba tầng, đổi chùa Phổ Chiếu Vương thành chùa Thái Bình Hưng Quốc.

Năm thứ bảy, tháng giêng, Oai Lỗ Quân tâu rằng: Khi xây thành đào đất được năm hộp bằng đá, sắt, đồng, bạc, vàng đều rất nặng, trong đó có chứa bình lưu ly đựng đầy xá-lợi Phật. Có bảng đá khắc lời ký rằng: Năm Trinh Quán hai mươi mốt thờ xá-lợi Phật. Cẩn thận sai Nha lại tuân hành.

Ở Gia Châu, có Thông Phán Vương Cổn tâu rằng: Khi đi gần đến Nga Mi gặp chùa Bạch Thủy đang sửa chữa, thì thấy trong núi Ngõa Ốc đều biến thành sắc vàng ròng, trong đó có Kim Thân Đức Phổ Hiền

trượng sáu. Khoảng giờ ngọ hôm sau thì thấy có hai vị La-hán nương đám mây tím đi trên không trung.

Thâm Châu tâu vua rằng: Người ở Huyện Lục Trạch là Vương Chữ chăn bò trong ruộng, thấy một con thỏ trắng chạy xuống hang. Khi đến hang tìm thì được năm mươi tượng Phật bằng đá, kiểu cách rất xưa đều cao hơn một thước. Vua ra sắc lệnh đem về thờ ở chùa Ấp, các tượng thường phóng ánh sáng trắng.

Tháng sáu, viện dịch kinh đã xây xong, vua ban chiếu mời ngài Thiên Tức Tai đến ở và ban cho Thiên Tức Tai tên là Minh Giáo Đại sư ban cho ngài Pháp Thiên tên là Truyền Giáo Đại sư, ban cho ngài Thi Hộ tên là Hiển Giáo Đại sư. Khiến họ đem Phạm bản mỗi người dịch một Kinh. Lại chiếu cho Phạm Học Tăng là Pháp Tấn, Thường Cẩn, Thanh Chiêu... bút thọ chuyết văn. Quang Lộc Khanh Dương Thuyết, Binh Bộ Viên Ngoại Lang Trương Kịp nhuận văn; Điện Trực Lưu Tố giám hộ, Thiên Tức Tai soạn nghi thức dịch Kinh. Ở mặt Tây của Đông Đường thì bày ra Thánh Đàn (làm Đàn để trang sức cho Tạng Kinh), mở cả bốn cửa, mỗi cửa có một Phạm Tăng làm chủ trì Bí mật chú suốt bảy ngày đêm. Lại lập ra Mộc Đàn bày ra hình vành xe để tên họ Thánh hiền (Đàn có hình tròn rồi theo thứ tự bày ra danh tự ngôi vị của Phật, Bồ-tát, Thiên thần... vây quanh như hình vành xe) gọi là Đại Pháp Mạn-noa-la (Hán dịch là Đại hội), a-già của Thánh Hiền (Hán dịch là đồ đựng, tất cả đồ đựng cúng dường đều gọi là a-già. Nay nói a-già là đồ để tắm gội), bày đủ hương hoa, đèn nước và các thứ quả cúng, lễ bái nhiễu quanh, cầu xin ngầm phù hộ dứt hết ma chướng.

Vị thứ nhất là Dịch chủ ngồi chính giữa ngó mặt ra ngoài đọc Phạm văn, vị thứ hai là Chứng nghĩa ngồi bên trái cùng Dịch chủ bình luận cân nhắc tiếng Phạm. Vị thứ ba là chứng văn ngồi bên phải nghe Dịch chủ lớn tiếng đọc tiếng Phạm để biết đúng sai. Vị thứ tư là thư ký Phạm Học Tăng nghe xét tiếng Phạm viết thành chữ Hoa, cũng là tiếng Phạm (như dịch là Hột-rị-na-dã; dịch là Tố-đát-lãm). Vị thứ năm là Bút thọ thì phiên dịch âm Phạm thành tiếng Hoa (như Hột-rị-na-dã dịch là Tâm, Tố-đát-lãm dịch là Kinh). Vị thứ sáu là Chuyết văn xét lại văn tự khiến nó thành Cú nghĩa (câu có nghĩa) (như Bút thọ nói: “Chiếu kiến ngũ uẩn bỉ tự tánh không kiến dã” thì ghi là “Chiếu kiến ngũ uẩn giai không.” Phần lớn tiếng Phạm đều tiếng trước là mà tiếng sau là như niệm Phật là Phật niệm, đánh chuông là chuông đánh. Cho nên cần chuyển đổi câu chữ để thuận với văn ở cõi này). Vị thứ bảy là Tham dịch, là tham khảo văn tự của hai nước để khỏi lầm. Vị thứ tám là Phán

định, tức thiếu thừa, dài ngắn thì chọn lấy cú nghĩa (như Vô vô minh vô minh là thừa hai chữ, Thượng Chánh Biến Tri là trên chữ Thượng thiếu chữ Vô). Vị thứ chín là Nhuận văn. Do quan thay mặt vua mà chọn lập Tăng chúng để xem xét kỹ và nhuận sắc (như câu "Tâm kinh độ nhất thiết khổ ách" là không có trong bản tiếng Phạm, lại câu "Thị cố không trung" thì hai chữ "thị cố" không có trong bản tiếng Phạm). Tăng chúng mỗi ngày đều tắm gội sạch sẽ, đầy đủ ba y tọa cụ; oai nghi nghiêm chỉnh, mọi thứ ăn uống cần dùng đều do Quan cấp. Ngài Thiên Tức Tai tâu: "Dịch văn có những chữ đồng với tên húy của vua chúa miếu hiệu thì ở các triều trước đều cho dùng, nếu thay chữ đổi tiếng thì e phương hại đến ý Kinh. Nay muốn dựa vào Cửu Kinh, Quốc Học nhưng thiếu hình vẽ". Vua ban chiếu đáp lời rằng: "Dịch kinh Phật dùng chữ cần theo đúng Chánh văn, không cần tránh tên húy của vua chúa, miếu hiệu"...

Tháng bảy, ngài Thiên Tức Tai dâng lên vua bản dịch mới là Bộ Thánh Phật Mẫu Kinh, ngài Pháp Thiên dâng bộ Kiết Tường Trì Thế Kinh, ngài Thi Hộ dâng bộ Như Lai Trang Nghiêm Kinh, tất cả đều một quyển. Vua ban chiếu cho Lưỡng Nhai Tăng tuyển chọn các Sa-môn Nghĩa học một trăm người để xét đinh nghĩa Kinh. Lúc đó ngài Tả Nhai Tăng Lục Thần Diệu... nói rằng: Dịch trường đã bỏ hoang từ lâu nên sự truyền dịch rất khó. Ngài Thiên Tức Tai liền đem bản tiếng Phạm dịch ra nghĩa Phạm trước rồi dùng Hoa văn đối chiếu. Ngài Thần Diệu và chúng Tăng đều khen phục. Vua ban chiếu đem bản Kinh mới dịch cho nhập Tạng, lại khắc bản in để lưu hành. Vua xa giá đến Viện Dịch Kinh, mời họp Tăng chúng ban cho phép ngồi rồi ủy lạo phủ dụ, lại ban cho ngọa cụ, lụa là các vật... và độ cho những người trẻ tuổi ở Viện được mười người. Tất cả đều lấy Kinh trong Cung Cấm đưa cho phiên dịch.

Tháng mười hai, vua ban chiếu tuyển chọn Phạm học Sa-môn làm bút thọ. Nghĩa học Sa-môn có mười người để chứng nghĩa. Từ đó mỗi năm vào lễ Phật đản đều dâng lên vua Kinh mới dịch. Vua đều mời ngồi và ban tiệc trai và cho nhập Kinh vào Tạng.

Vua ban chiếu rằng: Trẫm làm hưng thạnh giáo pháp để cầu ước cho nước nhà và trong ngoài kinh thành khắp các Quận đều độ các người trẻ tuổi được thế độ.

Sa-môn Quang Viễn ở Thành Đô đi Tây Thiên trở về đến Cung Khuyết dâng lên vua tờ biểu của Vương tử Một-đồ-nẳng, Phật đảnh ấn, Kinh lá bối, lá Bồ-đề. Vua ra chiếu cho ngài Tam tạng Thi Hộ dịch

từ biểu ấy thấy nói rằng: Trộm nghe nước Chi-na (Tây Trúc gọi Đại Đường là Chi-na, nay gọi theo tiếng cũ) có Đại Thiên tử là bậc chí Thánh chí Thần giàu sang tự tại, tự thẹn mình phước bạc nên không đến triều yết. Xa nhờ ân đức Thánh Hoàng, nay có một tòa Kim Cang của Đức Thích-ca Như Lai và một áo Ca-sa liền đem cúng dường. Cầu mong Hoàng Đế Chi-na phước huệ viên mãn, thọ mạng dài lâu, tất cả hữu tình đều được độ thoát các trầm nịch. Nay giao xá-lợi Đức Thích-ca cho Sa-môn Quang Viễn đem dâng (việc thờ tòa Kim Cang và áo Ca-sa Phật cả hai triều đều chưa thấy báu vật đem cho. Nay rõ lại là năm Càn Đức thứ tư, có Hành Cần... vâng chiếu vua đi Tây Thiên cầu pháp. Các nước đều ban chiếu thư và dâng hiến hai thứ vào năm ấy).

Năm Thái Bình Hưng Quốc thứ tám, tháng sáu, vua ban chiếu sai hàn Lâm Tán Ninh sửa Truyện Đại Tống Cao Tăng. Ninh xin trở về Tiền Đường để soạn. Vua bằng lòng.

Vua ban chiếu tặng tên Truyền Pháp cho Viện Dịch Kinh. Ở lệch về phía Tây lại xây Ấn Kinh Viện (nay là Lâm An Truyền Pháp Viện, tức là Đông Đô Dịch Kinh Viện lúc trước. Nay vua quan chỉ cung phụng các Tăng làm Pháp sự ở trong Nội đạo tràng mà thôi).

Ở Thành Đô trước đây vâng lệnh Thái Tổ mà khắc bản Đại Tạng Kinh, nay đã khắc xong liền dâng lên vua. Vua ban sắc cho Thái Nguyên Thành Đô đúc chuông đồng để ban cho hai chùa danh sơn Ngũ Đài và Nga Mi. Ngày mang chuông đến thì ở hai chùa đều có hơn mười vị Phạm Tăng ở trên không trung nghinh rước chuông, tiếng chuông vang xa cả một trăm dặm.

Thiên Tức Tai... tâu rằng: Qua mấy Triều dịch kinh đều nhờ các Phạm Tăng, nếu vì cách trở xa xôi mà các vị ấy không đến thì việc dịch kinh phải phế bỏ. Nên nay muốn Lưỡng Nhai chọn khoảng năm mươi đồng tử cho học tiếng Phạm. Vua ban chiếu sai Cao Phẩm Vương Văn Thọ tuyển chọn Duy Tịnh... mười tám người dẫn vào điện gặp vua, nhân đó vua ban chiếu đưa ngay qua Viện Dịch Kinh để theo học. Duy Tịnh là cháu của Giang nam Lý Dục, khi nghe đọc tiếng Phạm liền hiểu ngay nghĩa. Hơn một năm liền độ cho làm Tăng được thăng làm Phạm Học Bút Thọ, vua ban cho Tử y và hiệu là Quang Phạm Đại sư.

Sa-môn Pháp Ngộ từ Tây Thiên đến, hiến xá-lợi Phật đảnh và kinh Phạm lá bối. Pháp Ngộ dạy chúng làm Long Bảo cái, chăn Ca-sa sợi vàng, lại sắp về Trung Thiên Trúc đem tòa Kim Cang để cúng dường. Bèn xin vua cấp cho thư gởi các nước sẽ đến. Vua ra chiếu ban cho thư gởi các nước Tam-Phật Tề Cát Cổ La Kha Lan... để họ thi hành.

Tứ Châu tâu rằng: Tháp Tăng-già giữa ban ngày phóng ánh sáng trắng. Các sĩ thứ đến đảnh lễ đốt liều trên đầu, trên cánh tay hàng ngày hơn cả ngàn người. Vua ra lệnh cho Nội Thị rước xá-lợi Phật đem chôn dưới tháp ấy.

Vua lấy Kinh mới dịch bảo các Tể Thần rằng: "Giáo pháp của Đạo Phật giúp việc cai trị lợi ích quần sinh. Người sáng tất hiểu được nguồn cội sâu xa, kẻ ngu thì lầm lẫn vu cáo chê bai. Trẫm hiểu biết chút ít tông chỉ của Đạo này. Phàm làm vua mà tâm ngay thẳng không riêng rẽ, tức là hạnh tự lợi. Phàm làm một điều Thiện để an ổn thiên hạ tức là hạnh lợi tha vậy. Còn như việc Lương Võ Đế xả thân làm nô tỳ cho chùa, thì đây thiên kiến của Tiểu thừa, không phải là phép tắc cho đời sau làm theo." Triệu Phổ thưa rằng: "Bệ Hạ lấy Đạo Nghiêu Thuấn để trị đời, lấy hạnh Như Lai để tu tâm là việc của hàng Thánh trí cao xa, thần không thể hiểu được."

Vua ban chiếu lấy các ngự chê như Liên Hoa Tâm Hồi Văn Kệ, Bí Tạng Thuyên, Tiêu Dao Vịnh... để chỉ dạy cho hàng cận thần.

Vua ban sắc cho Nội Thị Trương Thừa Quý đến núi Thiên Thai tạo lại chùa Thọ Xương theo lời xin của Sa-môn Tự Tuần.

Năm Ung Hy thứ nhất, tháng ba, Sa-môn nước Nhật Bản là Điêu Nhiên đến Triều, nói rằng: "Nước tôi truyền nối sáu mươi bốn đời gồm tám mươi lăm vua, đến đời Ứng Thần Thiên Hoàng mới được truyền văn tự của Trung Quốc. Đến đời Khâm Minh Thiên Hoàng năm Nhân Thân mới được truyền Phật giáo của Bách Tế. Ngay đời Nhà Lương khoảng năm đầu Thừa Thánh, thì đến thời Dụng Minh trị vì, có Thái tử tên là Thánh Đức mới bảy tuổi đã ngộ Phật pháp ở tại chùa Bồ-đề mà giảng kinh Thắng Man, cảm được trời mưa hoa, mới sai Sứ vào Trung Quốc để cầu kinh Pháp Hoa, đó là khoảng năm Khai Hoàng của Nhà Tùy. Đến thời Hiếu Đức trị vì thì vào năm Bạch Trĩ thứ tư đã sai Tăng Đạo Chiêu vào Trung Quốc theo học với ngài Huyền Trang vào năm Vĩnh Huy bốn đời Đường. Sau đó là đời vua Túc Cơ trị vì, sai Tăng là Trí Thông vào Trung Quốc cầu pháp Đại thừa đó là năm Hiển Khánh thứ ba. Kế đến đời Văn Võ trị vì vào năm Bảo Quy thứ hai, sai Tăng là huyền Phưởng vào Trung Quốc cầu pháp vào năm Khai Nguyên thứ tư. Khi Hiếu Minh trị vì vào năm Thiên Bình Thắng Bảo thứ tư, vua sai Sứ vào Trung Quốc cầu nội ngoại giáo điển, lúc đó là khoảng giữa năm Thiên Bảo. Kế đến thời Nguyên Võ trị vì, sai Tăng là Không Hải vào Trung Quốc học giáo với ngài Trí Giả đó là vào khoảng giữa năm Nguyên Hòa vậy (khoảng các năm Trinh Nguyên và Nguyên Hòa thì có

Tăng Nhật Bản là Tối Trừng thọ nhận một Tông Sớ Ký của ngài Kinh Khê mà đem về, được xem đây là cuộc truyền gíao đầu tiên. Nhưng Điêu Nhiên lại nói là Không Hải được truyền giáo mà không phải là ngài Tối Trừng là sao? Đường Thư cũng nói Không Hải tu học ở Trung Quốc suốt hai mươi năm, song Tông ta chưa thấy vết tích được truyền giáo của Không Hải. Nay căn cứ vào Thích Môn Chính Thống nói rằng: Khổng Hải vào Trung Quốc học Mật Giáo với đệ tử ngài Bất Không là Tuệ Quả. Mới biết Điêu Nhiên nói học giáo của ngài Trí Giả là sai). Kế đến đời Văn Đức trị vì, sai Tăng Thường Hiểu vào Trung Quốc cầu Thích-ca Mật Giáo vào khoảng năm Đại Trung. Vua nghe tâu việc một họ vua truyền nối nhau nhiều đời, còn bề tôi thì đời đời làm quan, liền bảo các Tể Thần rằng: Vua tôi rợ ở ngoài đảo xa mà còn có thể nối nhau lâu dài đến thế." Điêu Nhiên bèn xin vua cho đến thăm núi Ngũ Đài, khi trở về kinh sư lại xin cho bản Kinh Đại Tạng đã in. Vua ra chiếu sai Hữu Ty cấp cho.

Xét Đường Thư thì Nhật Bản là người Hán lùn. Cách Kinh Sư một vạn bốn ngàn dặm ở trên đảo giữa biển về phía Đông nam nước Tân La, có hơn năm mươi đảo nhỏ chung quanh đều tự lập nước nhưng điều thần phục. Tục ở đó thì nữ nhiều nam ít, có văn tự, trọng Phật pháp, vua ở đó hiệu A Mỗi. Vua đầu tiên lấy hiệu là Thiên Ngự, vua ở giữa hiệu là Ngạn Khâm. Cả năm mươi hai đời đều lấy hiệu là Tôn, ở tại Thành Trúc Tử. Khi con của Ngạn Khâm là Thần Võ lên ngôi bèn lấy hiệu là Thiên Hoàng và dời về cai trị ở Châu Đại Hòa. Lại mười sáu đời thì đến Ứng Thần, rồi mười bốn đời thì đến Khâm Minh và hai đời thì đến Dụng Minh. Vào khoảng cuối năm Khai Hoàng đời Tùy mới bắt đầu thông thương với Trung Quốc. Lại bốn đời thì đến Hoàng Cực. Khoảng năm Chánh Quán thứ năm, sai Sứ vào triều cống. Con của Cực là Hiếu Đức lên ngôi mới đổi niên hiệu là Bạch Trĩ, đem hiến hổ phách to bằng cái đấu, mã não thì đựng đầy cả năm thăng. Lại hai đời thì đến Thiên Trí có sai Sứ cùng với người Hà Di cùng đến Triều. Lại hai đời thì lấy hiệu là Tổng Trì, có sai Sứ mừng Trung Quốc đã bình được Cao Ly, đó là vào khoảng đầu năm Hàm Hưởng. Đến đó mới đổi hiệu là Nhật Bản, có ý nói là nước mình ở phía Đông gần mặt trời mọc và do nó sinh ra. Đầu năm Trường an thì con của Trì là Văn Võ lên ngôi, bèn đổi niên hiệu là Đại Bảo, lại sai Sứ là Túc Điềm đến triều cống thổ sản. Khi về nước Võ hậu trao cho chức Tư Thiện Khanh. Lại hai đời Thánh Võ lên ngôi và đổi niên hiệu là Bạch Quy. Đầu năm Khai Nguyên thì Túc Điền lại đến Triều xin được các nhà Nho trao cho các Kinh. Vua ban chiếu

cho Tứ Minh Trợ Giáo là Triệu Huyền Mặc tức xem chùa Hồng Lô làm thầy mà đổi vật trao Kinh đem về. Con gái của Thánh Võ là Hiếu Minh lên ngôi liền đổi niên hiệu là Thiên Bình Thắng Bảo, đến bốn đời thì Nguyên Võ lên ngôi. Vào khoảng cuối năm Trinh Nguyên, sai Sứ giả đến Triều ước hẹn với học giả Quất Miễn Thế, Phù Đồ Không Hải ở lại học đến hai mươi năm mới về. Lại năm đời thì Văn Đức lên ngôi, lại ba đời thì Quang Hiếu lên thay, đó là vào năm Quang Khải (vì Tổ nhà Đường là Cảnh Đế có tên húy là hổ, nên các tiếng Long Hổ, Hổ Khâu, Hổ Phách... đều dùng chữ Võ cả.

Vua ban sắc tạo năm trăm sáu mươi tượng La-hán rước về thờ ở chùa Thọ Xương tại Thiên thai.

Năm Ung Hy thứ hai, vua xem Kinh mới dịch, bảo các Tể Thần rằng: "Thiên Tức Tai... rất khéo được cái thể phiên dịch". Bèn chiếu ban cho ngài Thiên Tức Tai chức Trừ Triều Tán Đại Phu Thí Quang Lộc Khanh, cho hai ngài Pháp Thiên và Thi Hộ đều được chức Trừ Triều Phụng Đại Phu Thí Hồng Lô Khanh. Ngài Pháp Thiên đổi tên là Pháp Hiền, mỗi tháng đều được cấp cho tô lạc và tiền theo cấp bực. Các Kinh Luận mới dịch đều được khắc bản in cho lưu hành. Thiên Tức Tai... tâu rằng: Nghe đồn các Lộ Thiểm Tây các đạo tục có cất giữ các kinh Phạm, xin cho tìm về làm tư liệu để dịch kinh. Vua ban chiếu chấp thuận (Hán Thư chú: Giao miếu hành lễ chín khách lớn tiếng mà truyền rao - Giải thích Hồng Lô Tự).

Bàn rằng: Từ xưa vua trọng đức của Sa-môn tất là tôn vinh ngôi vị với các tên khác nhau như Tăng Lục, Tăng Thống, Pháp sư, Quốc Sư. Khi vào gặp vua thì không xưng thần, lên điện thì được vua ban cho tòa cao. Như thế là phải .Cho đến như phong thêm quan tước thì gọi là Khanh là Công, làm rối loạn giềng mối triều đình coi thường vật luận, trên thì mất lễ tôn Tăng, dưới thì để lại tiếng chê thất tiết. Thanh danh của Đức Phật cao tột là do không cạnh tranh cái biểu hiện của Quân Vương, làm kẻ ẩn sĩ không thiết đến Vương Hầu, bọn chúng ta không xấu hổ ư? Còn như ngài Bất Không có chức Khai Phủ ở Đường Triều, ngài Tức Tai với chức Quan Lộc ở triều Tống ta thì đều là do phiên dịch có công to nên được thừa hưởng ơn mưa móc, ấy chỉ là đáp lại lòng trọng Pháp của Chúa Thượng chứ không phải lấy đó làm vinh.

Vua ban chiếu cho Lưỡng Nhai Cung Phụng Tăng lập đạo tràng ở nội điện để cầu phước cho dân theo lệ thường niên. Vua lại ban chiếu các Tăng Tây Thiên tinh thông tiếng Phạm ai giúp việc phiên dịch đều mời đến ở Viện Truyền Pháp.

Vua ban chiếu về việc Thần Táo ở Lĩnh Nam có tục giết người để tế Quỷ, việc Tăng sĩ có vợ con... Quan lại ở nơi cần nên khuyên răn để thuận hợp với Chánh Giáo (Đông Đô Sự Lược).

Bàn rằng: Chí Bàn tôi lúc nhỏ dạo chơi ở Nam Hải, thấy các Tăng ở thôn quê có vợ con, đều có thể cầm não bạt chuông trống để dự các lễ lạc. Hỏi có Điệp Độ chăng, thì đáp là chỉ có Thiếp do Bản Quận cấp cho mà thôi. Đây đều do phép tắc của Quận Thú lỏng lẽo mà không biết đó là lỗi quấy rối Tam bảo. Nay chiếu này chỉ riêng khuyên răn các Trưởng Quan, đâu thể tỏ được cái tâm hộ pháp của vua. Từng nghe Tăng nước Thục ở thôn quê có vợ con, bình thời có thói quen xâm phạm công tư không cho là quấy. Nay người ở Tây Thục đến du học ở Đông nam lại là bậc xuất gia chân chính.

Năm thứ ba, vua ban chiếu trong thiên hạ, các người trẻ tuổi có khảo thì cho thế độ, từ nay trở đi phải đọc kinh được ba trăm tờ, đạo nghiệp tinh thục thì mới được khảo thí. Vua chiếu lấy bài Ngự Chế Tam Tạng Thánh Giáo Tự ban cho Thiên Tức Tai... bảo đặt ở đầu Kinh mới dịch.

Năm Ung Hy thứ tư, vua ra lệnh cho Quan Nội Thị đưa mão báu, chuỗi anh lạc, áo ca-sa đến chùa Phổ Hiền núi Nga Mi. Ngày hôm ấy chúng thấy Đức Phổ Hiền Đại Sĩ nương đám mây tía đi trên không trung giây lâu mới ẩn. Tháng mười một, ngày bốn năm ấy ngài Loa Khê Hy Tịch Pháp sư thị tịch.

Năm Đoan Củng thứ nhất, Hàn Lâm Thông Tuệ Đại sư Tấn Ninh dâng lên vua bộ Cao Tăng Truyện ba mươi quyển, được thư có ấn vua khen hay, cho nhập vào Đại Tạng. Vua ra sắc mời Sư ở chùa Thiên Thọ tại Kinh Sư. Việc làm Cao Tăng Truyện bắt đầu từ năm Gia Tường đời Nhà Lương do Tăng Tuệ Kiểu viết Cao Tăng Truyện mười bốn quyển bắt đầu từ Hán Minh Đế chấm dứt vào năm Thiên Giám mười tám đời Lương Võ Đế. Đời Đường có ngài Tây Minh Đạo Tuyên làm Tục Cao Tăng Truyện ba mươi quyển bắt đầu từ năm Thiên Giám nhà Lương, chấm dứt vào năm Chánh Quán mười chín nhà Đường. Nay Cao Tăng Truyện ở đời Tống bắt đầu từ năm Chánh Quán nhà Đường cho đến năm Đoan Củng thứ nhất đời Tống. Căn cứ vào hai truyện đời Lương và đời Đường phân làm mười khoa mục là: Dịch Kinh, Giải Nghĩa, Thiền Định, Giới Luật, Hộ Pháp, Cảm Thông. Di Thân, Đọc Tụng, Hưng Phước, Tạp Học.

Bàn rằng: Hồng Giác Phạm bảo Tuyên Luật Sư viết bộ Tăng Sử thì văn từ không phải sở trường. Viết về Thiền sư thì như trong phòng tối

mà ngồi kiểm tra. Còn Ninh Tăng Thống dầu là học rộng nhưng sự ghi chép của ngài ngầm nêu lên bậc tiêu biểu không đồng nhất. Giác Phạm luận việc đó sao mà đúng thế! Xưa Lỗ Trực thấy Tăng Truyện văn thô nghĩa cạn muốn cắt sửa lại nhưng không được, tiếc thay! Nếu dùng tôi ở trường hợp đó, tôi có thể hoàn thành chí của Lỗ Trực chăng?

Lưỡng Nhai Tăng Lục Khả Triều... dâng thư xin giải thích Ngự Chế Phật Thừa Văn Tập, vua ban chiếu chấp thuận.

Pháp Tế Đại sư Điêu Nhiên nước Nhật Bản sai đệ tử là Gia Nhân Kỳ Càn đến triều kiến. Ngày mười một tháng mười hai, ngài Bảo Vân Thông Pháp sư thị tịch.

Năm Đoan Củng thứ hai, tại chùa Khai Bảo đã xây xong bảo tháp, tám gác mười một tầng, cao ba mươi sáu trượng. Trên thờ ngàn Phật Bồ-tát. Dưới tháp tạo Thiên Cung để thờ tháp xá-lợi Phật của A-dục Vương. Đều do thợ xây tháp ở Hàng Châu là Dụ Hạo đứng xây dựng, tám năm mới xong. Vua ban tên cho tháp là Phước Thắng Pháp Viện. Ngày đặt thờ xá-lợi thì vua khiêng kiệu Phật và chính tay đặt xá-lợi vào tháp.

Có ánh sáng trắng phát ra từ một góc của tháp nhỏ, tháp lớn phóng ánh sáng chiếu khắp đất trời. Sĩ thứ đến đốt hương hiến cúng đầy đường. Cả mấy mươi Nội Thị xin xuất gia để quét tháp. Vua bảo cận thần rằng: “Kiếp trước ta từng ở bên tòa Đức Phật, nhưng chưa thông được túc mạng mà thôi.” Vua ban chiếu cho Trực Học Sĩ Viện là Chu Ngang soạn bài minh cho tháp và bảo rằng: “Nhà Nho ít kẻ biết Phật, chỉ hướng về Tăng Trung Thiên Trúc là Pháp Ngộ mà xin lập bia cho tòa Phật Kim Cang ở nước mình (tức Đài Kim Cang bằng đất ở dưới cội Bồ-đề). Học Sĩ Tô Dị Giản cho Phật là mọi rợ, Trẫm ghét hắn bất kính, nên đày ở riêng. Khanh nên thể theo ý này”.

Bàn rằng: Người không hiểu biết không đủ để hiểu Phật pháp, cho nên Hàn Dũ cũng như Âu Dương Tu đều nói Phật là mọi rợ. Thái Tông thấy Tô Dị Giản bảo Phật là mọi rợ mà ghét thì từ xưa nay chưa có vua chúa nào có hiểu biết như Thái Tông cả. Phật là Thánh nhân ở giữa cõi Ngũ Thiên. Cõi này là nước ở phía Đông của Ngũ Thiên. Nay xưng là Trung Quốc thì chỉ là tự tôn vinh mình mà thôi. Lại nói về Tứ Di thì cũng là chỉ cho bốn phía ngoài cõi này mà luận như thế. Nhà Nho mà thiếu hiểu biết thì chỉ nói những điều gần gũi trước mắt nên phần nhiều là lầm lỗi. Như các ông Tô Huỳnh kia biết được nên mới có thể nói.

Vua ra lệnh cho Nội Thị Tạ bảo Ý lãnh lệnh tìm thợ, ban cho ba trăm lượng vàng ròng đến Nga Mi để trang sức lại tượng Phổ Hiền và

sửa lại chùa chiền, đều ban cho Ngự Chế Văn Tập khiến Trực Viện là Từ Huyễn soạn lời ký.

Năm Thuần Hóa thứ nhất, vua ban chiếu cho Tham Chánh Tô Dị Giản soạn Tam Giáo Thánh Hiền Lục, xin ngài Thông Tuệ Tán Ninh, Thái Nhất Cung Đạo sĩ Hàn Đức Thuần chia nhau lãnh nhiệm vụ. Ngài Tán Ninh có soạn Thứu Lãnh Thánh Hiền Lục năm mươi quyển dâng lên vua. Vua ra sắc lệnh sung ngài làm Tả Nhai Giảng Kinh Thủ Tọa.

Thông Lợi Quân (sau bị phế lệ thuộc Chân Định Phủ) đào đất xây thành ở nền chùa cũ được mười tượng Phật bằng đá rất to. Vua ban chiếu cho lập chùa Thuần Hóa để thờ các tượng ấy.

Vua ban chiếu mời Sa-môn ở Liên Thủy Quân là Đạo Kiên vào gặp ở Cung Khuyết và ban cho Kệ. Đạo Kiên họ Lũ, thần dị khó lường, biết người tốt xấu. Lúc đó ở Nhuận Châu có Sa-môn hiệu là Tứ Thế Giới, giả khùng ở trong chợ nói việc họa phước rất đúng. Kẻ thương buôn ở Nhuận Châu muốn đến Liên Thủy. Tứ Thế Giới bảo: "Ở đấy có Lũ Đạo Giả là Đạo Bảo Hoa Phật hóa thân, các ông đến gặp tất được lời to". Khách buôn đến Liêm Thủy yết kiến đảnh lễ. Sư nói: "Tứ Thế Giới dạy ngươi đến đây phải không, ngươi không biết đó là Nhật Quang Bồ-tát, gặp ta làm gì?" Khách buôn ra về quả nhiên được lời lớn khác thường. Trở về tìm hỏi Tứ Thế Giới thì không thấy đâu nữa.

Vua ban chiếu cho Xích Khước Đạo Giả vào gặp. Vua hỏi: "Ở Nam Phương Thiền và Luật độ người như thế nào?"Sư thưa: "Một lý tột cùng!" Vua đứng dậy đi quanh long sàn một vòng, hỏi: "Đó là Thiền hay Luật?" Sư thưa: "Một lý tột cùng!" Vua rất vui. Vương Trị ở nước Cao Ly sai sứ đến xin vua ban cho Đại Tạng Kinh và Ngự Chế Phật Thừa Văn Tập, vua ra chiếu sai quan cấp cho.

Năm Thuần Hóa thứ hai, Sa-môn ở Thái Nguyên là Trọng Đạt từ Tây Thiên trở về, đi và về mười năm, dâng lên vua xá-lợi Phật và kinh Phạm lá bối. Vua ban cho Tử y và mời ở chùa Quảng Ái ở Tây Kinh.

Vua ra lệnh cho Hàn Lâm Tán Ninh làm Sử Quan Biên Tu.

Sa-môn Bổ Đà Ngật Đa ở chùa Na-lan-đà tại Trung Thiên Trúc đến Triều dâng lên vua xá-lợi Phật và kinh Phạm, vua ban cho Tử y.

Ở Tây hồ Hàng Châu, Sa-môn Tỉnh Thường ở chùa Chiêu Khánh đã chích máu viết phẩm Tịnh Hạnh Hoa Nghiêm, kết xã tu tịnh nghiệp Tây phương. Tể tướng Vương Đán đứng đầu và Tham Chánh Tô Dị Giản v.v... một trăm ba mươi hai người, cùng một lúc các sĩ phu đều xưng là đệ tử của Tịnh Hạnh Xã, số Tỳ-kheo tham dự cả ngàn người, bảo rằng: "Lô Sơn Liên Xã cũng không đông đảo hưng thịnh như ngày

nay”.

Thân Công Lữ Mông Chánh thuở hàn vi rất nghèo thường xin việc làm với mọi người. Có vị Tăng thường cấp cho ăn, được một tháng thì hết nhẫn, bèn bảo đến ở ngoài hành lang chùa theo chúng mà cháo rau. Nhờ đó mà an tâm đọc sách. Năm ấy được tiến cử đi thi, Sư cũng đem cho áo quần đầy đủ. Cuối cùng thì đậu trên nhiều người. Sau mười năm coi việc Tế Giao, ai dâng cúng gì cũng không nhận. Vua hỏi nguyên cớ thì tâu rằng: “Ân nặng chưa báo đền.” Vua khen rằng: “Tăng mà có người được như thế ư?” Bèn viết điệp cho Tây Kinh khiến Tăng trong chùa lấy tiền của cúng sửa chùa mà đền trả. Ông buổi sáng thường dậy lễ Phật khấn rằng: Xin đừng cho những kẻ không tin Tam bảo sinh vào nhà con, nguyện con cháu con đời đời ăn lộc biết hộ trì Phật pháp. Con ông là Công Trứ, lại có con là Di Giản đều được phong thân công, đều biết kính Phật. Mỗi năm vào Tiết Nguyên Đán thường nêu việc của các Thiền Lão viết thành lời khuyên dạy, rồi đảnh lễ mà đọc lên. Lúc Mông Chánh còn làm quan ở Phủ, đốt sớ thỉnh Ngôn Pháp Hoa đến thọ trai. Sáng hôm sau ngài đến ngồi ở nhà trên. Khi ông sắp ra chào tự nghĩ không biết nên lạy hay không nên lạy, thì ngài to tiếng gọi lớn rằng: “Này ông bạn già kia ra đây mau đi, lạy cũng được mà không lạy cũng được!” Ông cả kinh bèn ra đảnh lễ. Tiệc trai xong, ông hỏi việc tốt xấu. Ngài bảo ông đem bút ra và ngài viết hai chữ “Hào Châu”. Sau này ông bị bãi tướng ở Tri Hào thì mới nhận ra lời Sấm trước (Đại Tuệ Võ Khố).

Sa-môn Tịnh Giới ở nước Chiêm Thành tại Nam Hải đến Cung Khuyết hiến tặng vua cái linh Như Ý bằng đồng vàng và cây chày hương Long não. Vua ban chiếu ngày Quốc Kỵ từ Tể Tướng trở xuống đều đến Chùa hay Quán hành hương, cấm cúng rượu và thịt sống.

Năm Thuần Hóa thứ tư, vua ban chiếu các Quận ở biên giới phía Tây khi có các Phạm Tăng từ Tây Trúc đến hoặc các Tăng Trung Quốc Tây Du mà trở về thì các Kinh sách đem về đều phải báo cáo đầy đủ trước và đóng gói ghi rõ tên kinh rồi dâng lên vua.

Vua nước Cao Ly sai sứ đến tạ ơn vua đã ban cho Tạng Kinh và Ngự Chế Văn Tập. Vua đến Viện Tháp Khai Bảo hỏi Tăng: “Khanh là ai?” Tăng đáp: “Là chủ tháp”. Vua nói: ‘Tháp của Trẫm vì sao Khanh lại làm chủ?” Tăng không đáp được. Nhân có vị Tăng đến triều kiến. Vua hỏi: “Ở đâu đến?” Tăng thưa: “Ở Ngọa Vân Am tại Lô sơn”. Vua nói: “Ngọa Vân nơi sâu xa sao chẳng chầu trời?” Tăng không đáp được. Có lần vua mộng thấy người trời bảo: “Xin Bệ Hạ phát tâm Bồ-đề”.

Sáng hôm sau vua đem hỏi Tây Nhai: “Bồ-đề tâm như thế nào mà phát?” Không ai đáp được.

Năm thứ năm, Sa-môn nước Vu Điền là Cát Tường dâng vua bộ Đại Thừa Bí Tạng Kinh. Vua ban chiếu mời ngài Tam tạng Pháp Hiền giám định. Hiền tâu: “Kinh này là sách của nước Vu-điền không phải là Phạm Văn, trong đó không có người thỉnh hỏi và chúng nghe pháp, trước sau có sáu mươi lăm chỗ văn nghĩa không đúng”. Vua mời Pháp Hiền và bảo rằng: “Nếu để tà ngụy lưu hành là không sùng kính giáo pháp của Phật, nên đốt bỏ bản Kinh này cho tuyệt hết mê lầm về sau.”

Dân nước Thục là Lý Thuận làm phản vây hãm Thành Đô. Vua sai Chiêu Tuyên Sứ Vương Kế Ân đánh phá, lại sai Tham Tri Chánh Sự là Triệu Xương Ngôn làm Xuyên Thiểm Lộ Binh Mã Đô Sứ. Khi đi rồi, lúc bấy giờ có vị Cao Tăng ở núi Nga Mi là Mậu Trinh được mời đến, bảo vua rằng: “Xương Ngôn có tướng phản nghịch không nên ủy thác việc nước Thục”. Vua rất hối tiếc. Đến khi Xương Ngôn đến Phụng Tường, thì Khấu Chuẩn là Quan Thú ở đấy ngầm viết thư tâu vua rằng: “Xương Ngôn có danh chức cao mà không con cháu không thể trao cho quyền bính.” Vua được Sớ nhớ lại lời của Mậu Trinh cả kinh, bèn giao Xương Ngôn coi Phụng Tường và triệu Khâu Chuẩn về làm Tham Tri Chánh Sự.

Năm Chí Đạo thứ nhất, Sa-môn Ca-la-phiến-đế ở Trung Thiên Trúc đến Triều dâng lên vua xá-lợi đảnh của Phật và kinh Phạm lá bối.

Vua ban chiếu Lộ Phước Kiến ở Lưỡng Triết mỗi chùa có ba trăm Tăng thì mỗi năm độ một người, một trăm Ni thì độ một người, phải thuộc làu một trăm tờ Kinh và đọc thông năm trăm tờ Kinh mới hợp quy cách. Vua ban chiếu cho Lưỡng Nhai Tăng Lục Tỉnh Tài nộp lên vua Nghi Vu Lan Bồn.

Năm Chí Đạo thứ hai, vua ban chiếu đem Ngự Chế Bí Mật Tạng Thuyên hai mươi quyển, Duyên Thức năm quyển, Tiêu Dao Vịnh mười quyển sai Lưỡng Nhai chú giải và nhập vào Đại Tạng cho ban hành.

Tạng Lục Tú Sư nói: Tú tôi từng kính cẩn đọc kỹ Bí Tạng Thuyên v.v... ba thứ mà biết ý chỉ, nghĩa cùng Kinh tương hợp trong ngoài, gọi đó là Phật hiện tại dùng thân Phạm Vương Đế Thích xứng tánh mà thuyết pháp vậy.

Vua ban sắc cho lệnh cho Sử Quán Biên Tu là Tán Ninh coi việc Giáo Môn ở Tây Kinh.

Năm Chí Đạo thứ ba, tháng chín, Sa-môn La-hộ-la ở Tây Thiên Trúc đến triều dâng tặng kinh Phạm lá bối, vua ban cho Tử y.

PHẦN PHỤ CHÚ trang 396 - 397 - 393

[Chú số 17] - Xưa, trong nước có thiên thần giáng xuống nhà của Trương Thủ Chân ở Chu Ốc (ở Huyện Túc Chúc) tự nói rằng: "Ta là quan phụ tá cho Ngọc Đế, vâng lệnh Thượng đế hộ vệ Tống Triều." Ông nói việc họa phước đều ứng nghiệm. Lúc đó Thủ Chân làm Đạo sĩ. Vua nghe tâu bèn mời Thủ Chân vào gặp, rồi lập đàn bày phép cúng tế. Vua ra lệnh lập đàn ở vườn Quỳnh Lâm để cúng tế chư Thiên. Sai Ký Cư Xá Nhân Vương Quy Tùng đến núi Chung Nam xây Cung Thượng Thanh Thái Bình để thờ Thiên thần. Vua thân chinh Thái Nguyên, Thiên thần giáng cơ rằng: "Phải thiết lễ tế tạ thì đánh giặc thắng nhanh." Được một tuần đánh xong thì kéo quân về. Vua sai Sứ đến cung cúng tạ lễ. Chiều hôm đó giáng cơ rằng: "Thượng đế và Chư Thiên đều mừng cho vận nước dài lâu hơn cả nhà Đường." Vua bèn phong cho Thiên thần là Thánh Dực Bảo Đức Chân Quân, ban cho Thủ Chân hiệu Sùng Nguyên Đại sư. Từ đó Công Khanh Sĩ Thứ đều đến cung cầu khấn, đều giáng cơ khuyên dạy (Quốc Triều Hội Yếu).

[Chú số 18] - Vua ban chiếu mời Xử sĩ ở Hoa Sơn là Trần Đoàn vào triều kiến. Ông không đến. Vua lại sai Quan Trung Yết (đời Hán gọi quan Nội Sứ là Trung Yết) ban cho thi rằng:

Thuở tiền triều hiện trên mây cao
Từ bấy đến nay bặt âm hao
Trẫm nay muốn biết nên mời đến
Tặng hết cho khanh ba núi cao.

Bất đắc dĩ Đoàn phải đến cung Khuyết đội mão Hoa Dương, mặc áo lông, mang hài cỏ, vua dùng lễ tân đón tiếp, rồi ban hiệu là Hy Di Tiên Sinh khiến ông yết kiến Thọ Vương (Chân Tông xưa đã phong cho). Kịp khi ra cửa ông quay lại bảo: "Đám người đùa giỡn dưới cửa vua sau này đều là quan văn quan võ cả hà tất phải yết kiến vương". Do đó vua dặn dò ý muốn của Chân Tông. Tể Tướng Tống Kỳ thong dong hỏi Trần Đoàn rằng: "Tiên sinh đã được đạo Huyền Mặc có thể đem ra dạy người chăng?" Đoàn đáp: "Người sơn lâm không có Đạo để truyền. Thánh Thượng là biểu hiện cho mặt trời, làm đúng Đạo vua Tôi là cai trị hợp Đạo Đức".

[Chú số 19] - Thư Châu dâng vua hòn đá linh tâu rằng: Người ở Huyện Hoài Ninh là Kha Ngạc gặp một vị Tăng lạ bảo đến núi Vạn Tuế mà lấy báu vật. Vị Tăng cầm gậy chỉ vào một gốc Tòng cổ, Ngạc đào lên thì được một hòn đá sắc xanh đen, bên trên có khắc lời ký của ngài Chí Công đời Lương rằng: "Ta xem bốn, năm triều sau, đến năm Bính

Tý, Triều vua họ Triệu Thái Bình thứ hai mươi mốt, xã tắc bình an lâu dài.” Vị Tăng bỗng biến mất. Vua xem đá linh khen ngợi khôn cùng. Bỗng một hôm Chí Công hiện ra ở Cung Cấm, vua đích thân nghe ngài dạy bảo. Bèn sai Sứ đến Chung Sơn cúng Trai, lời văn tóm tắt rằng: Bậc Chí Chân giáng hiện, lời vàng ngọc xin kính nghe, xét nền móng cơ đồ, hiện điềm linh vĩnh cửu. Vua bèn ban chiếu cho ngài hiệu là Đạo Lâm Chân Giác Bồ-tát. Công và Tư không được chỉ trích tên ấy, nhân đó gọi là Bảo Công.

Bàn rằng: Trong triều đại vua Thái Tông hai lần nhặt được đá linh đều xưng Triệu hai mươi mốt vua. Hòn đá do Gia Châu dâng lên có thể bảo là do người làm ra, còn hòn đá do Thư Châu dâng tặng có lời ký của Chí Công, lại có vị Tăng lạ đích thân điềm chỉ thì không thể bảo là người làm ra được. Đến khi ngài Chí Công giáng xuống trong Cung Cấm, vua nghe lời khuyên dạy, lại sai Sứ đến Chung Sơn cúng trai tạ lễ, nếu không phải là bậc Thánh Thiên tử có lòng thành sao cảm được điềm linh đến thế.

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 44

PHẦN 11

Đời Chân Tông: (con thứ ba của Thái Tông, mẹ là Nguyên Đức Hoàng hậu, họ Lý, ngày hai tháng mười hai là Thừa Thiên Tiết, Vĩnh Đinh Lăng).

Năm Hàm Bình thứ nhất, vua viết bài tựa Tam tạng Thánh Giáo, ban cho Sư Pháp Hiền hiệu Minh Giáo Đại sư, khiến đặt sau tựa Thánh Giáo của Tiên Đế. Sa-môn Khả Thăng chú giải lời tựa dâng lên vua.

Vua ra chiếu cho Tri Chế Cáo Chu Ngang kiêm chức Dịch Kinh Nhuận Văn Quan. Vua viết Sùng Thích Luận tóm rất rằng: "Kính thờ Đấng Thập Lực (Phật có mười Lực), khắp giúp Ngũ Thường, trên vua theo Pháp mà thương dân, dưới dân tuân hành mà hướng thiện. Đem thành tín che chở lê thứ mà lên bậc Nhân Thọ". Lại nói: Sách giới Luật của Phật cùng với các thuyết Khổng Chu Tuân Mạnh, dù lời khác mà Đạo đồng, đại để là cùng khuyên người làm thiện mà cấm người làm ác, không sát sinh tức là Nhân, không trộm cắp tức là Liêm, không mê lầm tức là Tín, không dối quấy tức là Chánh, không say sưa tức là Trang vậy.

Sa-môn Nhĩ-vĩ-ni v.v... ở Trung Thiên Trúc đến Triều hiến dâng vua xá-lợi Phật, kinh Phạm, lá Bồ-đề và mấy hạt Bồ-đề, vua ban cho Tử y. Sa-môn Phật Hộ ở Tây Thiên Trúc đến Triều dâng hiến kinh Phạm, vua ban cho Tử y.

Vua ra lệnh cho Sử Quán Biên Tu Tán Ninh làm Hữu Nhai Tăng Lục.

Năm Hàm Bình thứ hai, Lễ Bộ Thị Lang là Trần Thứ Ngôn cho rằng Viện Dịch Kinh đã lâu làm hao phí tiền của cả ức, xin vua cho dẹp bỏ, vua cho là phép xưa của tiên triều coi trọng nên không chấp thuận.

Vua ra lệnh cho Sử Quán Biên Tu Tán Ninh làm Tả Nhai Tăng Lục.

Năm thứ ba, tháng tám, Thí Quan Lộc Khanh Thiên Tức Tai thị tịch, vua thụy phong là Tuệ Biện Pháp sư, lại ra lệnh cho Hữu Ty sắm đủ nghi lễ tống táng.

Từ Chiêu Thông Thiền sư (thấy ở Thủ Sơn) ở Thạch Môn tại Tương Châu bị Quận Thú gây sự đánh đòn. Khi Sư trở về Thủ Tọa đến thăm hỏi: "Quận Thú vô cớ làm nhục Hòa thượng?...." Sư chỉ tay xuống đất bảo: "Dạy cho ông ta từ đất bằng mà chất lên đống xương khô". Liền thấy theo tay chỉ của Sư nổi lên một đống đất. Cả nhà Quận Thú đều bị bệnh mà chết (Đại Tuệ Võ Khố).

Năm Hàm Bình thứ tư, tháng năm, ngài Thí Hồng Lô Khanh Pháp Hiền thị tịch. Vua thụy phong là Huyền Giác Pháp sư, vua ra lệnh tống táng ngài theo lễ của ngài Tuệ Biện.

Ngài Sử Quán Tu Soạn Tả Hữu Nhai Tăng Lục Tán Ninh viên tịch, Học Sĩ Vương Võ Xứng làm lời tựa, nói rằng: "Sư tuổi tám mươi hai tai mắt vẫn sáng tỏ, ở Kinh Sư trải mười bốn triều, ở Ngô Việt suốt bốn đời, trọn đời hưởng dụng phước hồng phạm, người đất Phù đồ đều quý kính, nên có thể bảo rằng cả tuổi thọ và ngôi vị của Sư đều xứng đáng". Sư từng làm Thông Luận có chỗ bài bác Đổng Trọng Thư vấn nạn Vương Sung bài xích Nhan Sư Cổ, nêu chứng cớ Thái Ấp là người không hiểu Sử. Võ Xứng xem luận xong rất thán phục, bèn viết thư cho Sư rằng: Nhờ có Thông Luận mà mặt nhật sáng gấp ba lần khiến cho Đạo của Thánh nhân không làm hại người sáng suốt ở nước mọi rợ. Khiến các người học Nho không đến nỗi mê lầm. Lại từ Chu Tần trở về sau các tác giả loại này thật nhiều. Đến như người bài bác Dương Mặc mà tôn vinh Cơ Khổng thì đều thuộc loại người ấy. Còn kẻ ưa chê bai mà rộng bày Thánh Đạo thì ta chưa hề thấy có ai cả. Sư tại sao lại đến đây? Phải chăng là do mệnh trời giúp cho Tố Vương mà mượn tay của thầy ta ư? Nếu không phải thế thì làm sao có kẻ đội mão Chương Phủ, mặc áo Phùng Dịch ư? (ở Lễ Ký, Khổng Tử nói: Ta thuở bé sống ở Lỗ thì mặc áo Phùng Dịch, lớn lên ở Tống thì đội mão Chương Phủ), kẻ nô bộc dù không nịnh cũng đã từng giúp việc ở đó. Thường khi muốn dùng đội binh chữ nghĩa để đánh bắt Bách Gia ở Nho Cung. Vả lấy Đạo nhỏ quá loạn thường mà đánh dẹp, khiến cho Tổ Thuật Hiến Chương được tôn kính bằng trời, sau đó mới biết tôn vinh Phu Tử. Ôm ấp nỗi niềm này thật đã lâu ngày, nay mới nhìn thấy Thông Luận của Sư viết ra, có thể bảo đó là mưa thật hợp thời, mặt trăng mặt trời cùng xuất hiện! Đang lúc mưa ướt đẫm thì đèn lửa có dùng chi (Trang Tử nói mặt trời, mặt trăng xuất hiện, đèn lửa không dứt). Sư có soạn Tăng Sử Lược ba

quyển. Phàm các Pháp Môn từ bắt đầu cho đến đổi mới đều chép đủ. Các bậc Đài Các muốn luyện nội ngoại điển đều nên đọc kỹ Thông Luận.

Bàn rằng: Đạo Pháp sư viết tựa khen tặng Tăng Sử Lược, Quan Nội Hàn Vương Công bài bác Đạo Phật hơn cả Hàn Dũ, mà chỉ riêng có Tán Ninh Thông Tuệ cảm phục được ông thôi, bởi vì học hạnh và tài trí cuả ngài rất đáng kính. Nay xem qua Tiểu Súc Tập thì việc sửa chữa Tăng Sử đáng tặng ngài bảy chữ, tuyển soạn Thánh hiền Lục đáng tặng ngài năm tiếng. Khi lâm chung thì táng ngài ở Tiền Đường và làm Chí ở mộ, lại làm lời tựa đặt trước các tác phẩm Nội Ngoại Điển của ngài, riêng Thông Luận thì viết thư khen ngợi.. Vả lại rất tán thán việc ngài chê Đổng Trọng Thư vấn nạn Vương Sung để bài bác Nhan Sư Cổ, cho là không phải lịch sử chê Bách Gia từ Chu Tần đến nay chưa hề thấy. Thế mới biết rằng Vương Công đối với Thông Tuệ không dám bài Phật, mà lại cho ngài là có học thức cao siêu, có thể nói rằng ông đã thành thật khâm phục. Đến như Đạo Đức của ngài thì Vương Công chưa học nên không đủ để hiểu xa, không phải như Lương Kỉnh Chi hiểu ngài Kinh Khê, Liểu Tử Hậu hiểu ông Trọng Tốn.

Năm Hàm Bình thứ sáu, Quan coi Khai Phong Phủ là Trần Thứ tâu vua rằng: "Các Tăng Đồ đến Thiên Trúc thỉnh kinh, thần từng mời hỏi thì thấy họ học tập kinh sách ít ỏi, tư chất tầm thường như thế mà đến các phiên trấn ắt bị khinh chê. Vậy từ nay phải thi Kinh, chọn xét người có tài mới cho đi". Vua ban chiếu chấp thuận.

Tháng hai, vua ban chiếu các sách vở, bài giảng của ngài Trí Giả Thiền sư đời Tùy nên sắp xếp phân loại san định và khắc bản lưu hành tất cả gồm một trăm năm mươi bốn bộ, ban tên là Thiên Thai Tổng Lục. Dịch Quán xin cho đính kèm Khai Nguyên Đông Độ Tập Truyện. Vua chấp thuận.

Năm Cảnh Đức thứ nhất, Sa-môn Tịch Chiếu ở nước Nhật Bản đến hiến tặng tượng Phật Vô Lượng Thọ, kinh Pháp Hoa chữ vàng và một số châu ngọc, thủy tinh, vua ban cho Tử y. Ngài Tam tạng Pháp Hộ ở Tây Thiên đến dâng tặng xá-lợi Phật và kinh Phạm, vua ban cho Tử y và xấp lụa, mời ở tại Viện Dịch Kinh. Sa-môn Giới Hiền ở Bắc Thiên Trúc đến dâng tặng kinh Phạm, vua ban cho Tử y.

Tháng bảy có hạn hán nặng, vua mời Phạm Tăng Tây Thiên đến lập đàn ở giữa ao Kim Minh để đọc chú khấn Rồng, bỗng có mây và sương mù từ ao bốc lên, phút chốc mưa xuống. Từ đó năm nào hạn hán đều làm phép đọc chú có nhiều linh nghiệm.

Sa-môn ở Đông Ngô là Đạo Nguyên đem dâng vua bộ Thiền Tông Truyền Đăng Lục ba mươi quyển. Vua ra chiếu sai Hàn lâm Học sĩ Dương Ức tài định và ban hành.

Năm Cảnh Đức thứ hai, tháng ba, Sa-môn nước Ca-thấp-di-la là Mục-la-thất-khê đến dâng kinh Phạm và lá Bồ-đề. Tháng bảy, Sa-môn Tây Thiên là Đạt-ma-ba đến dâng kinh Phạm. Vua ban cho Tử y. Tháng chín, vua đến Viện Truyền Kinh ban cho các vị Tam tạng và chư Tăng ngồi và ban cho trà, hương, lụa theo thứ bậc.

Vì các trụ trì trong các chùa trước đây do Tăng chức mà dời đi hoặc bổ nhậm người không có tài đức. Bấy giờ vua mời vào điện để khảo duyệt Kinh nghiệp.

Năm thứ ba, Quan Thị Độc các Vương Phủ là Tôn Thích tâu vua giảm bớt việc hao tốn về sửa chùa độ Tăng. Vua nói: Hai Đạo Phật và Lão đều có khuyên dạy giúp đời, có người vì thiên kiến nên thường chê trách. Giả sử như có Tăng hay Đạo sĩ nào có lúc không tự kiểm thúc thì đâu có thể dẹp bỏ liền được. Vua ra chiếu Phật và Lão mỗi năm độ mười người, đặc biệt có thể cho một người không thi Kinh.

Ở Vụ Châu có Sa-môn Chí Mông họ Từ, mặc áo gấm thích ăn đầu heo, nói việc tốt xấu của người đều ứng nghiệm, bảo mọi người kêu mình là "cậu nhỏ", tự bảo là "chồng chị Từ." Một hôm ngồi mà hóa ở ngã ba đường tại chùa Cát Tường, để lời di chúc rằng: "Ta là Phật Định Quang". Do đó thờ nhục thân ngài, cầu đảo đều luôn linh nghiệm. Đời gọi là ngài Hòa thượng Đầu Heo.

Năm thứ tư, vua ban chiếu những ai bán rượu thịt ở kinh thành đều phải ở cách ngoài Chùa và Quán một trăm bước, những ai bán đổi rượu thịt và ngũ tân cho Tăng và Đạo sĩ cho phép dân báo cáo, nếu tội nặng thì luận tội.

Bàn rằng: Chân Tông đáng gọi là một vì vua Nhân Thánh. Khi mới lên ngôi đã viết bài tựa Thánh Giáo (gọi các Tạng Kinh mới dịch là Thánh Giáo. Tục viết tựa Thánh Giáo bắt đầu từ đời Đường), viết Sùng Thích Luận. Trần Thứ bàn việc dẹp bỏ dịch kinh thì vua không chịu, Tôn Thích xin giảm việc độ Tăng, vua không nghe mà còn hạ chiếu cho phép luận tội những kẻ bán rượu thịt cho Tăng và Đạo sĩ, vì nghiệp nhớp nhơ này không được quấy rầy Thánh cảnh. Sau đó Sa-môn Giác Xứng từ Thiên Trúc đến bảo Học Sĩ Dương Ức rằng: "Vào nước này thấy việc giết mổ heo dê, chợ quán treo thịt, đau đớn không đành lòng nhìn. Ở Thiên Trúc ai ăn thịt và ngũ tân đều bị đuổi ra khỏi thành, cho nên không có ai bán. Thế mới biết ở các Quận Ấp cõi Đông Hoa quen

việc ăn thịt, nên thấy việc đó mà lòng vẫn dững dưng không biết xấu hổ!” Có lần cùng người nêu việc này để xin thanh minh, suy rộng phép tổ tông, không cho người nuôi giết súc vật ở trong thành, không cho treo bày thịt cá nơi phố xá chợ búa (phàm những người giết mổ phải ở ngoài thành không được ở chung trong xóm đông người. Người bán phải dùng giỏ tre đậy điệm kín đáo đem đóng thuế rồi mới bày ra đường phố mà bán) ngõ hầu chỗ người ở được sạch sẽ mắt không quen thấy, do đó mà bỏ đi tánh sát, nuôi lớn tâm nhân từ, đổi thói ác đi vào đường thiện, há không giúp ích lớn cho việc dạy dỗ cai trị của Quốc gia sao?

Xưa, Huyện Lệnh của Chư Kỵ là Phan Hoa dựa vào Phổ Hiền Sám Pháp không cho người dân bắt lưới cá trong sông hồ. Tháng mười năm ấy vâng chiếu vua trở về Cung Khuyết, đêm mộng thấy cá trong sông hồ đều là hình người có mấy vạn, gào khóc vang trời, cùng nói rằng: “Trưởng giả đi rồi, chúng tôi tất không khỏi bị chưng nấu.” Hoa lấy làm lạ bèn làm Mộng Ngư Ký để dặn dò các quan ấp sau này (Ngài Pháp Trí Pháp sư ở Tứ Minh làm lời Bạt, có ghi trong Giáo Hạnh Lục).

Các Quan tâu: “Ngu dân không biết nên nịnh Phật quá mức, cho rằng bỏ tiền của thì được phước, tu cúng thì được giảm tội, làm hại nền cai trị của Quốc Gia cần nên ngăn cấm.” Vua bảo các Tể Thần rằng: “Phật giáo khiến người làm thiện thật rất có ích đâu nên ngăn cấm. Vả lại Phật pháp rất rộng, tuy là các nước mới hoang phục nhưng đều biết tin tưởng phụng thờ. Chỉ có Trung Nguyên là có Đạo giáo nhưng không thạnh lắm”. Vương Đán tâu rằng: “Năm nay Lỗ Sứ lên mở bảo tháp chiêm lễ rất chí thành thì sẽ cấm giết hại, kịp khi đến Thượng Thanh Cung thì không chịu quỳ gối. Thế mới biết Tứ Di (bốn Rợ) chỉ trọng Phật mà không kính Đạo Lão”. Vua cho là phải.

Bàn rằng: Lão thờ trời, trời thờ Phật, cho nên kẻ vì nước tất phải cho cả hai giáo cùng sống còn, việc phân chia tôn ti lớn nhỏ lâu dần tất tự sáng tỏ. Chỉ có Hoàng Đế Chân Tông có Thánh tâm rộng dung cả pháp giới bao la, kính mạng trời tôn Phật Thừa là do chân tánh tự phát không đợi phải học, mà tránh được cái thiên lệch bỏ Đạo của Lương Võ Đế, cũng không vướng phải cái lỗi trọng Lão Đam của Đường Tông (Năm Thiên Giám hai Lương Võ Đế bỏ Đạo; Năm Chánh Quán thứ mười một Đường Thế Dân cho Lão trên Phật), vua đã chống cự mạnh mẽ việc quan liêu nói nịnh Phật được phước, gạt phăng lời Trần Thứ cho việc dịch kinh là tốn hao. Trên thì nối pháp tổ tông, dưới thì lập nên quy tắc. Nếu không phải là bậc chí thánh trong thiên hạ thì ai có thể làm được?

Vua ra chiếu sai Sứ đưa ca-sa Kim Lan đến chùa Trung Các ở núi La Phù tại Tuệ Châu để trang sức cho tượng Linh Thích-ca và vì nước mà lập đạo tràng Kỳ Phước, cảm được đám chim lành năm sắc tụ họp ở Đàn Trai. Tượng này cao tám thước từ Tây Thiên đưa về. Vào năm Khai Hoàng nhà Tùy ngài Thích Tuệ An thờ tại chùa Long Hoa. Đến năm Hội Xương gặp nạn phế bỏ kinh tượng, nhưng vì linh nên không phá bỏ được. Đạo sĩ giấu ở Đô Hư Quán. Đến năm Hàm Thông, Nam Hải Tiết Độ Sứ là Vi Trụ rước về thờ ở Trung Các Tự.

Tháng bảy, vua ra chiếu trên các thềm điện Chùa Quán, nhân dân không được ở trần ngồi nằm, ai trái thì sẽ bị tội bất kỉnh.

Tể Tướng Vương Đán dẫn văn võ bá quan năm người dâng biểu thỉnh vua phong Thiện. Tháng mười tại Kinh Đô, dân chúng nối nhau dâng biểu lên vua, vua chấp thuận. Tháng mười một, vua xa giá đến Khúc Phụ (Sung Châu, xưa là đất nước Lỗ) yết kiến Tiên Thánh Miếu. Hữu Ty định rõ nghi lễ đứng hầu nghiêm túc, vua lên lạy rồi ban định chế thụy phong thêm cho Khổng Tử là Huyền Thánh Văn Tuyên Vương. Đọc chúc văn dâng danh chức, phong cho cha ngài là Thúc Lương Hột làm Tề Quốc Công, cho mẹ ngài Nhan Thị làm Lỗ Quốc Phu Nhân, cho vợ ngài Quan Thị làm Vận Quốc Phu Nhân. Cung cấp mười hộ để thờ phần mộ, ban cho một trăm khoảnh ruộng và Ngự Chế Tán (lời vua khen), phong ngài là Tề Thái Công Chiêu Liệt Võ Thành Vương.

Bàn rằng: Từ xưa việc tôn vinh Tiên Thánh thì đầu tiên Hán Cao Tổ qua nước Lỗ làm Lễ Tế Phong. Sau đó Bình Đế mới phong làm Bao Thành Công. Lương Võ Đế bắt đầu khiến thiên hạ lập miếu thờ. Đến Bắc Ngụy Hiếu Văn thì đổi thụy phong là Văn Tuyên Công. Đến Đường Thái Tông thì dùng lời nghị bàn của Phòng Nguyên Linh, Thái Học Thích Điện mới bắt đầu tôn là Tiên Thánh và kính Nhan Tử làm Bồi Hưởng. Đến đời Đường Minh Hoàng bắt đầu dâng hiệu là Văn Tuyên Vương đặt ngồi quay mặt về hướng Nam, dùng âm nhạc bậc vương giả nơi Cung Huyện. Đến Hoàng Triều Tống Chân Tông lại thụy phong thêm là Chí Thánh Văn Tuyên mà đọc chúc văn, tiến cử danh chức, định nghi thức tiến lễ. Rõ là từ xưa việc tôn vinh Tiên thánh không bằng ngày nay vậy. Hàn Xương Lê bảo rằng cả thiên hạ đều cùng tế lễ Khổng Tử. Từ Thiên tử trở xuống đều quay mặt về hướng Bắc mà quỳ lạy. Việc thờ cúng rất linh đình chưa có ai được như Khổng Tử. Là bởi Khổng Tử có đức, dù không được ngôi vua nhưng luôn được cúng tế hằng năm (thấy trong bia của miếu Khổng Tử tại Xứ Châu). Thế mới biết từ Đường Minh Hoàng tôn vinh ngài bằng Vương Lễ, cho nên đời

đời Thiên tử đều lạy mà cúng tế. Nay Tống Chân Tông lạy riêng là hợp với đời xưa nhưng vì sao các Lễ Quan không biết định ra nghi thức mà chỉ đứng hầu nghiêm túc. Thất đáng xấu hổ!

Vua ra chiếu cho sửa sang lại các tượng Phật ở Thái Sơn, có tất cả ba mươi hai pho, chính vua viết bài Ký Trùng Tu Phật Tượng.

Nhạn Đãng Sơn từ xưa chưa có Đồ Điệp (sách bản đồ) nào nói đến. Trên đỉnh núi có một ao lớn tương truyền là Nhạn Đãng (bãi nhạn), dưới có hai đầm sâu là ao rồng. Phía Nam núi có ngọn Phù Dung, dưới có trạm dịch Phù Dung, quay mặt về biển cả. Theo sách của Tây Trúc thì Tôn giả Nặc-củ-la ở trên bờ biển lớn phía Đông nam nước Chấn Đán. Núi có tên chim, thôn có tên hoa. Đường Quán Hưu có bài Tán rằng: "Nhạn Đãng kinh hành mây mịt mịt, Ao rồng thiền tọa mưa bay bay". Trong năm Tường Phù, tiều phu mới phát giác từ đó mà nổi tiếng (Núi ở Lạc Thanh tại Ôn Châu – Nặc-củ-la là một trong mười sáu vị La-hán trụ thế - Chấn Đán là tiếng Phạm, Tàu gọi là nước Quân tử ở phương Đông). Ngài Thụy Lộc Bản Tiên Thiền sư ở Nhạn Sơn ngồi kiết ấn mà tịch. Nhiều tháng mà nhục thân không biến đổi thường nghe có mùi hương lạ. Vua ban chiếu lấy Tập Trúc Lâm của Sư viết đem cất trong gác kín (Sư nối Thiều Quốc Sư).

Năm Đại Trung Tường Phù thứ hai, tháng giêng, do Lễ Hội mừng Phong Thiện, vua ra chiếu các chùa quán trong thiên hạ mỗi nơi độ một người để hầu cận Thái Sơn. Các bồi vị Tăng và Đạo mỗi vị độ một đệ tử.

Vua ra chiếu ở chùa Sùng Thắng tại Thăng Châu ban cho tên Thừa Thiên Cam Lộ Giới Đàn. Vua ra sắc lệnh ngài Quang Phạm Đại sư Duy Tịnh Thí Quang Lộc Khanh cùng dự dịch kinh.

Tháng chín, Ngô Quốc Đại Tường Công Chúa xuất gia, Pháp danh là Thanh Dụ. Vua ban hiệu là Báo Từ Chánh Giác Đại sư, tức là con gái thứ bảy của Thái Tông, hồi còn bé không ăn cá thịt. Vua cha đến chùa Diên Thánh ẳm ra trước Phật nguyện cho làm Ni. Đến khi xuống tóc, vua ra chiếu xây Viện Tư Thánh cho bà ở, lại ra lệnh cho Thích Môn oai nghi (tức các thứ chuông trống não bạt cờ phướn...) dạy thêm bộ nhạc của Phường dùng để làm lễ đưa đón. Lúc đó con gái của Mật Vương, con gái của Tào Vương và hơn ba mươi người ở hậu cung đều cùng theo xuất gia. Vua ra chiếu ngày ấy trong thiên hạ cứ mười đồng tử thì độ một người. Vua lại ra chiếu ở Doanh Giáp Mã tại Lạc Dương là nơi Thái Tổ sinh ra nên lập chùa Ứng Thiên để thờ Thần Ngự.

Năm thứ ba, vua ra chiếu tại chùa Thái Bình Hưng Quốc ở Kinh

Sư lập Phụng Tiên Cam Lộ giới đàn. Các lộ trong thiên hạ đều lập giới đàn có tất cả bảy mươi hai đàn. Riêng ở chùa Từ Hiếu tại Kinh Sư thì lập Đại thừa giới đàn.

Bàn rằng: Tăng Sử Lược của Ninh Thông Tuệ nói rằng: Cam Lộ là dụ cho Niết-bàn. Giới là cửa đầu tiên vào Niết-bàn, cho nên từ Quả mà nêu tên. Nay nói riêng lập Đại thừa giới đàn, nghĩa là trước đây ở các nơi thọ Cụ túc giới Thanh Văn, sau đến đất này thọ thêm Bồ-tát giới để thuận với việc khai mở cái nghĩa kẻ xuất gia ở đời Mạt pháp sau này thì cả giới và thừa đều gấp vậy.

Vua ban chiếu các Châu Quận trong thiên hạ, nếu các Tăng và Đạo sĩ có phạm tội công thì cho được phép chuộc tội. Ra lệnh quan các cấp vô cớ hủy nhục Tăng Ni như gọi bọn trọc này nọ thì sẽ bãi quan chức, còn thường dân thì đày đi ngàn dặm.

Vua ban chiếu cho Tri Chế Ngữ Lý Duy lấy đề mục trong các kinh luận khảo thí các Sa-môn để bổ nhiệm theo thứ tự vào các chức Tả Hữu Nhai. Tả Nhai thì ở chùa Tướng Quốc, Hữu Nhai thì ở chùa Khai Bảo.

Vua ra chiếu mời ngài Tây Phong Vân Khoát Thiền sư tại Cát Châu đến ở tại Bắc Ngự Viên. Ngài nhập định hơn một tháng rồi xin vua được về núi cũ. Vua ban chiếu chấp thuận. Ngài mỗi khi nhập định có thể kéo dài suốt cả năm mới xuất định.

Sa-môn Chúng Đức ở Tây Thiên đến Triều dâng xá-lợi Phật, kinh Phạm và Ấn Bồ-đề. Sa-môn Giác Giới (Pháp Xứng) ở Trung Thiên Trúc đến Triều dâng xá-lợi Phật, kinh Phạm, chân dung Kim Cang Tòa và lá Bồ-đề, vua mời vào điện gặp hỏi han ủy lạo rất hậu, mời nghỉ ở Viện Dịch Kinh. Pháp Xứng dâng vua bài Tán Thánh Tụng. Vua chiếu cho ngài Duy Tịnh dịch ra. Pháp Xứng bảo học sĩ Dương Ức rằng: “Vào nước này trông thấy việc giết mổ heo dê, chợ quán treo thịt, đau đớn không nỡ nhìn. Ở Tây Trúc những ai ăn thịt và ngũ tân đều bị đuổi ra khỏi thành nên không có người bán. Ý không muốn ở đây lâu, nguyện đến núi Ngũ Đài lễ Đức Văn-thù rồi trở về nước”. Tấn Đinh Công hỏi: “Từ xa xôi mấy vạn dặm ngài đến đây làm gì?” Xứng đáp: “Chỉ muốn lễ Tháp Tuyên Luật Sư mà thôi”. Đến khi trở về vua ra chiếu ban cho Kim Lan Ca-sa để thờ tòa Kim Cang và ban cho Sư y trang tiền bạc trà quả...

Ở Tứ Minh, ngài Tri Lễ Pháp sư, lúc xưa đã cùng Sa-môn Dị Văn ở Bảo Ân tại Nam Hồ tụ họp chúng giảng đạo. Năm ấy vua ban cho Ngạch Diên Khánh bèn làm bài Thành Thệ Từ hai Thiên, khiến mãi mãi làm nơi giảng Thiên thai Giáo Tông. Lời nói ấy khiến Tông Thiên

Thai ta có năm đức, ta giao cho những người ở đấy mãi mãi sau này làm việc gì cũng đều tuân theo, năm Đức ấy là:

1. Những cựu học Thiên Thai không gồm giảng các môn khác.

2. Luôn nghiên cứu tinh vi nghĩa xa về các luận thuyết cạn cợt dối trá.

3. Luôn giữ giới đức, những người có danh phải "Chánh kỷ đãi vật."

4. Xa lánh người có tiếng tăm mà không làm nhục Đạo ta.

5. Lời văn biện luận đều hoa mỹ siêng năng dẫn dắt.

Năm Đại Trung Tường Phù thứ tư, tháng ba, vua đến chùa Quảng Hóa ở núi Long Môn tại Lạc Dương để chiêm lễ Tháp ngài Tam tạng Vô Úy và viết bài tán khắc đá để ở tháp. Lại đến chùa Bạch Mã chiêm lễ chân thân của ngài Tam tạng Ma-đằng. Vua bảo cận thần rằng: "Ngài Ma-đằng đến nay đã ngàn năm mà toàn thân không hư hoại thật đáng tôn kính. Nên nghiêm khắc khuyên Tăng trong chùa để ý giữ gìn". Nhân đó vua tự tay viết lời khen ngợi.

Vua ra chiếu ban ba ngàn lượng vàng ròng để sửa chữa thêm chùa Phổ Hiền ở núi Nga Mi, thiết lễ trai ba vạn Tăng, mỗi năm độ Tăng bốn vị.

Vua ra chiếu mời Quân Thủ Kiên Đạo Giả ở Liên Thủy vào gặp. Vua bảo các cung nữ đều đốt hương ra chào, mỗi cung nữ đến trước Sư, vua gạt bảo là Hoàng hậu. Sư đều bảo là không phải. Như thế đến mấy mươi người. Bỗng Sư đứng dậy bảo: "Bệ Hạ nên nuôi dưỡng kỹ người này, ngày sau tất sẽ làm gia chủ". Đó tức là Chương Hiến Thái Hậu vậy (Hoàng hậu của Chân Tông là Lưu Thị. Khi Chân Tông lên ngôi vì nhỏ tuổi nên tôn Lưu Thị làm Hoàng Thái Hậu, khi lâm triều xưng là Chế Thập Nhất Niên). Sư xin vua được về núi, vua ban chiếu chấp thuận. Ở trên núi Sư thường mặc áo giấy, đóng cửa không tiếp ai. Có người để cơm ở sân, khi người lui rồi Sư mới lấy ăn.

Tháng năm, Sa-môn Tịch Hiền nước Bát-ni đến triều, dâng hiến kinh Phạm và ấn Bồ-đề. Vua ban cho Tử y. Tháng mười một, Quan Thú Ích Châu là Lý Sĩ Hành dâng lên vua bộ Thích Thị Hội yếu bốn mươi quyển do Sa-môn Nhân Tán biên chép sửa chữa.

Năm thứ năm, tháng hai, vua ra chiếu mời Sa-môn Mậu Trinh ở núi Nga Mi tại Gia Châu vào gặp, vua ban cho Thi và mời ở tại chùa Cảnh Đức. Thư Vương Nguyên Tái mộng thấy trẻ thanh y cầm thư trao cho Trung Thư, rồi nương mây vàng mà đi mất. Vua đem việc hỏi Sư. Sư đáp: "Sắp có tin mừng Thiên tử giáng thai". Chưa bao lâu thì Nhân

Tông sinh. Thuở xưa, Lạc Sử bị đày ở Tây Kinh, mộng thấy Thiên đế mời vào bảo rằng: "Vua nhân gian cầu tự ta đã chọn cho một người", liền thấy một chàng trẻ tuổi đến. Thiên đế bảo: "Vua Trung Nguyên cầu con, vậy ngươi nên đi chớ từ chối". Người ấy bèn cúi đầu chào rồi đi. Người hầu bên bảo: "Đó là Nam nhạc Xích Khước Lý Tiên đấy!" Năm sau thì sinh Nhân Tông (Trương Sư Chánh Quát Dị Ký).

Nước Nhật Bản sai Sứ đến khen ngợi triều cống nói rằng: "Cõi Đông có ánh sáng lành. Thấy truyện xưa nói vua Trung Nguyên sáng suốt tất ứng với điềm lành này". Vua rất mừng. Ra chiếu ở Nhật Bản lập chùa, vua ban ngạch là Thần Quang. Quan coi việc cúng tế, soạn bài Tự Ký.

Năm thứ sáu, tháng hai, vua ra chiếu trong thiên hạ các quan lại phải cho các cậu bé thi Kinh rồi mới được thế độ. Tháng năm, ở chùa Khai Bảo, trên luân tướng tháp Phước Thắng thấy có ánh sáng màu vàng, lại có Thánh Tăng đi nhiễu tháp. Sáng hôm sau được xá-lợi ngũ sắc. Vua thân đến kính xem, thì thấy xá-lợi hiện bày ở tháp, to như mặt trăng, sắc trong như thủy tinh, động đậy bay qua lại trên các linh treo bên trên. Dân chúng cùng chiêm lễ trên nền gạch được xá-lợi hơn năm ngàn hạt. Vua ban hiệu là Linh Cảm tháp. Lúc đó ở Kinh sư tại chùa Thiên Thanh có tháp Hưng Từ cũng thấy xá-lợi trên luân tướng. Vua bảo: "Điềm lành báo hiệu phước của dân chúng thời Tượng pháp".

Tháng tám, Binh Bộ Thị Lang Dịch Kinh Nhuận Văn Quan là Triệu An Nhân vâng chiếu vua chép Biên Tu Đại Tạng Kinh Lục vừa xong, gồm hai mươi mốt quyển. Vua ban tên là Đại Trung Tường Phù Pháp Bảo Lục, rồi ban cho bài Tựa Ngự Chế. Nói rằng: Từ năm Thái Bình Hưng Quốc đến nay đã dịch xong kinh luật Luận được bốn trăm mười ba quyển. Bí Thư Giám Dương Ức, Quang Phạm Đại sư Duy Tịnh... lần lượt biên chép. Lại xin lấy Lưỡng Triều Ngự Chế Phật Thừa Văn Tập chép vào Đại Tạng, vua hạ chiếu khen ngợi.

Vua ra chiếu thụy phong cho ngài Tăng-già Đại Sĩ Phổ Chiêu ở Tứ Châu là Minh Giác Đại sư, công tư không được chỉ trích tên ấy.

Tháng chín, Sa-môn ở Tây Thiên Trúc là Tri Hiền... đến triều hiến xá-lợi và kinh Phạm. Vua ban cho Tử y.

Tháng mười một, thấy xá-lợi ở Cung Ngọc Thanh Chiêu Khánh và ở điện Thánh Tổ Minh Khánh. Có người cho rằng việc xá-lợi Đạo môn không có. Vua bảo Tể Tướng Vương Đán rằng: "Lập ra ba Giáo chứ về ý chỉ là một, đại để là khuyên người làm lành chỉ có kẻ sáng suốt thì mới có thể thấu suốt, kẻ câu nệ thiên chấp thì càng xa Đạo".

Bàn rằng: Pháp thân xá-lợi không đâu không có và sẽ cảm thông khắp nơi, dù kẻ ngoan không hủ bại còn có thể được, thì nơi Cung Quán của Đạo Gia sao chẳng có. Chỉ vì Tông ta kính trời thờ Phật, đức khắp u hiển. Thỉnh thoảng các nơi chùa tháp nhiều phen được xá-lợi, nhưng nay lại thấy có ở điện Thánh Tổ. Chí thành kính bày Phật Tiên để tỏ lòng kính thờ hai Đạo. Do tinh thành cảm cách mà được như thế.

Sa-môn Mãn Hiền ở Ba-la-nại tại Tây Thiên dâng lên vua kinh Phạm và lá cây Vô Ưu. Pháp sư Sùng Cự ở Phù Thạch (đệ tử ngài Tứ Minh Pháp Trí) đến Kinh Sư, vua nghe tiếng Sư bèn mời vào Nội điện giảng kinh Tứ Thập Nhị Chương, bèn luận nhiều về danh và lý. Vua rất mừng, ban cho Tử y, tiền, vàng và hương, thuốc.

Năm thứ tám, tháng giêng, các quan tâu: "Mỗi năm vua xa giá đến các Chùa Quán hơn ba mươi nơi, lạy cả trăm lạy trở lên. Mong từ nay ở các điện, khiến các cận thần chia nhau mà lạy như thế". Vua bảo Vương Đán rằng: "Trẫm cầu phước trong ngoài, chí thành kính lễ chưa từng biếng nhác. Nay các Khanh tâu xin giảm bớt không hợp ý Trẫm" (Quốc Triều Hội Yếu).

Bàn rằng: Theo Quy Điền Lục thì vua Thái Tổ vào chùa hỏi ngài Tán Ninh Thông Tuệ rằng: "Phật đáng lạy chăng?" Ngài đáp: "Phật hiện tại không lạy Phật quá khứ". Tán Ninh ở Triều Thái Tông theo Ngô Việt Vương lúc mới về kinh sư, chưa từng kịp gặp Thái Tổ. Đây là Âu Dương ghi dối. Nay thấy Chân Tông trăm lạy trở lên không muốn chia trách nhiệm cho cận thần là bởi đã quen nhiều gia pháp của Tổ Tông. Về sau như Huy Tông lạy răng Phật, Nam Độ Lịch Triều (các Triều từ khi dời Đô về phương Nam) lạy Đại sĩ, thì biết cái lý từ khi có nước đến nay không ai chẳng lạy Phật. Âu Dương khinh Phật, không muốn vua Chúa phải lạy cho nên đặt láo việc này, nói chuyện hiện tại quá khứ vô nghĩa. Do đó mà trên thì vu cáo Chúa Quân, dưới lại cáo Ninh Sư. Thật quá lắm!

Vua ban chiếu ở đất Bính trong đại nội xây cung Cảnh Linh để thờ Thánh Tổ. Vua ra lệnh ở núi Nam An ở Đinh Châu gọi là Quân Khánh Viện, lại ban cho Thái Tông Ngự Thư một trăm hai mươi cuốn. Trước đó Sư Thích Tự Thành ở trên núi, thần dị khôn lường, nói đó là Định Quang Phật hóa thân, thấy sông Hoài Nhân có con Giao Long hại người, bèn viết kệ ném xuống đầm thì nước ứ lại cát nổi lên lấp đầm thành Châu, việc quái vật liền dứt mất. Sư đến mõm núi Huỳnh Dương ở Mai Châu, dân thiếu nước uống. Sư liền lấy gậy chỉ vào khe nước dời nó ra gần bên đường. Mỗi năm khi có hạn hán, Sư viết kệ ném xuống thì gió mưa kéo

đến. Sau mỗi kệ đều có bốn chữ “Tặng dĩ chi trung”, người đời không hiểu là ý gì.

Vua ban chiếu đem Thái Tông Ngự Chế Diệu Giác tập năm quyển, giao cho Viện Truyền Pháp ghi vào Đại Tạng.

Bàn rằng: Việc học của Đạo Gia là Đạo đức âm phù, đó là gốc của việc tự tâm tu thân. Đến như nói về nội đơn, ngoại đơn, hỏa hầu, khẩu quyết thì không bao giờ truyền cho người thường. Còn như Bàng Môn, như phép Thai Tức, các toa thuốc bằng cây cỏ đều là trên thì Tiên Thánh, dưới là Đạo giáo dùng để độ người đời. Không thể gọi đó là hư vô được. Còn như việc bày Đàn truyền lục bắt đầu từ Thiên Sư thì đó là Pháp của Thiên đế giúp nước giúp người, trị giữ nhiếp tà... đều có thể giúp việc giáo hóa trong thiên hạ. Thế nên Đạo này ở trong một quốc gia cùng góp mặt với Nho Thích mà thành Tam Giáo, còn việc lớn nhỏ hơn kém trong ngoài thì xét so sánh tất sẽ thấy rõ. Cho nên Hám Trạch đã nói với Ngô Vương rằng: “Đạo thờ trời, trời thờ Phật.” Còn Lý Sĩ Khiêm thì luận về Tam Giáo rằng: Nho là năm sao, Đạo lão là mặt trăng, Phật là mặt trời. Thấu suốt ý này thì ngôi vị của tam Giáo đã xác định. Đời nói Phậ, Đạo, Nho là bởi gốc này vậy. Cho nên Nho sinh, Đạo sĩ không phân biệt gốc ngọn mà muốn hủy báng Đạo, Phật thì đều là lỗi của kẻ học ngọn vậy. Như trong Đạo Lão có việc thêm lời dối trá nói rằng Lão Tử hóa Hồ dùng Phật làm thị giả đó là hủy báng Lão Tử, khinh thường Thế Tôn thì lỗi biết dường nào!

Nước Chú Liễn ở Nam Hải sai Sứ đến Triều cống dâng lên vua kinh Phạm ở Thiên Trúc, Sứ tâu rằng: “Từ suốt bốn mươi năm đến nay biển cả không sóng gió.” Ý nói là ở Trung Quốc có Thánh nhân ra đời.

Năm Đại Trung Tường Phù thứ chín, tháng hai, Sa-môn Thiên Giác nước Ưu-điền-nẳng ở Bắc Thiên Trúc, Sa-môn Diệu Đức nước Sư Tử ở Nam Thiên Trúc, các Sa-môn ở nước Ca-tha ở Tây Thiên Trúc đến, mỗi vị đều dâng tặng vua xá-lợi và kinh Phạm, vua cũng đều ban cho Tử y và tiền vàng.

Tháng tư, Sa-môn Đồng Thọ nước Tát-phược-la ở Trung Thiên Trúc dâng tặng kinh Phạm, vua ban cho Tử y. Tháng năm, Sa-môn Phổ Tích nước Phược-lân-nại ở Đông Thiên Trúc đến dâng tặng kinh Phạm. Vua ban cho Tử y.

Bàn rằng: Các Phạm Tăng ở Tây Trúc nối nhau đến Trung Quốc rất đông. Đến như Sa-môn ở Ngũ Thiên Trúc tranh nhau tập họp dưới Cung Khuyết thì đông đảo không thời nào bằng, đó là hưng thịnh của

Pháp vận mà cũng do đức độ của vua cùng chiêu cảm được. Tên các nước của Ngũ Trúc trong Tây Vức thì chỉ tìm thấy có nước Sư Tử, còn các nước khác không tìm được. Ấy là do việc xưa và nay luôn biến đổi. Cũng như xưa là Hán Đường mà nay là Tống nhưng thật ra chỉ là một vùng đất nước.

Sa-môn Kế Toàn từ Tây Trúc trở về thỉnh được xá-lợi Phật bèn xây tháp thờ ở Dương châu. Khám đá Phật ở núi Long Môn tại Tây Kinh lâu năm đã hư phế nhiều. Vua sai Sa-môn Thê Diễn tìm thợ để sửa chữa, có tất cả một vạn bảy ngàn ba trăm ba mươi chín tượng Phật và Thánh Tổ.

Tháng chín không mưa, vua ra chiếu mời Sa-môn Trí Ngộ ở Quy Sơn tại Tứ Châu vào kinh, nghỉ ở chùa Khai Bảo để cầu mưa. Ngài Trí Ngộ trước đây ở Tứ Châu đã cầu mưa có linh nghiệm. Ngài đã từng chặt một cánh tay. Khi đó ngài lại bảo: Nếu bảy ngày mà trời mưa thì chặt bỏ thêm một cánh tay nữa. Đến ngày thứ năm thì trời mưa to. Ngài bèn chặt một cánh tay. Vua sai Sứ ban cho thuốc, ngài nói: Không cần. Người ta thấy chỗ chặt tay không chảy máu, thật quái lạ. Quan Thú Tứ Châu cùng người trong Quận đều mộng thấy có vị Tăng bảo rằng: Trí Ngộ là một trong năm trăm vị La-hán đến đây để cứu đời.

Năm Thiên Hy thứ nhất, tháng tư, vua ban chiếu rằng: Kim Tiên dạy bảo làm lợi ích cho hàm linh. Kinh Văn lá bối phải nên truyền dịch. Nếu thầy trò làm đổi khác thì ắt là tà chánh cùng xen nhau, đã mất tinh tường lại thành sai trái. Mà cúng tế đồ huyết nhục thêm quấy rối chân thừa, dùng bùa chú ếm trừ càng trái với diệu lý. Nay Kinh mới dịch là Tần-na-da-ca bốn quyển không cho nhập Tạng. Từ nay về sau giống thứ Kinh Văn này không được phiên dịch.

Tháng bảy, vua ban chiếu các giáo văn của ngài Trí Giả ở núi Đông dịch tại Thai Châu được khắc bản in, gồm bốn ngàn sáu trăm hai mươi quyển. Trụ Sơn là Bản Như khuyên người trong Quận xây Giáo Tàng Các để kính thờ.

Tháng chín, Tể Tướng Vương Đán qua đời. Trước đó một ngày ông dặn dò Hàn Học Dương Ức rằng: Ta rất chán cõi đời trần lao này, mong đời sau được làm Tăng ngồi yên bên rừng quán tâm mà vui thú. Nay xin vì ta mà thỉnh các Đại Đức đến thí giới rồi cạo bỏ râu tóc, mặc ba y cho ta rồi đem hỏa táng, chớ bỏ vàng bạc bảo vật trong quan tài. Dương Ức cùng bàn với các Quan Cô nói: Thật đáng bậc Công của Tam Công. Khi liệm vua ban cho áo Cổn Công nhưng đâu thể mặc cho Tăng thể, nên chỉ đắp ba y rồi để vào quan, không để thêm bảo vật (Tương

Sơn Dã Lục).

Tể Tướng Vương Khâm Nhược gồm chức Dịch Kinh Nhuận Văn Sứ.

Tháng mười một, vua ban chiếu trong thiên hạ các Châu Quận làm lại ao phóng sinh. Nơi nào không có ao thì dọc bờ sông Hoài qua các Châu Quận những bờ nước cách thành khoảng năm dặm đều cấm bắt cá (Đời Đường Túc Tông lập ao phóng sinh đến tám mươi mốt chỗ, Nhan Chân Khanh làm bia ghi công đức).

Ngài Diên Khánh Lễ Pháp sư ở Tứ Minh kết hạn với mười Tăng tu Pháp Hoa Sám trong ba năm rồi thiêu thân cúng dường Pháp. Bí Thư Giám là Dương Ức vốn ngưỡng mộ Đạo phong của Sư, gửi thư khuyến thỉnh Sư trụ thế, nói rằng: Khi Thiên Thai Giáo mới được trung hưng, rất cần người truyền trì vì đời dắt dẫn. Rồi Tu Thư Quận Thú là Lý Di Canh cùng ngài Từ Vân ở Thiên Trúc cũng khuyên ngăn. Cả Phò Mã Lý Tuân Úc cũng dâng thư khuyên giải. Sư bèn thể theo ý Công Tư mà cuối cùng đành bỏ ý định trước. Rồi lại kết hẹn với mười Tăng tu Đại Bi Sám Pháp ba năm để đáp lại chí nguyện trước.

Năm Thiên Hy thứ hai, vua ra lệnh cho chùa Trường Can ở Phủ Giang Ninh (ở Thăng Châu) đổi tên là Thiên Hy, tháp tên là Thánh Cảm, tức là một trong mười chín chỗ chôn tháp xá-lợi A-dục Vương tại Đông độ này vậy (tháp ở ngoại thành).

Năm thứ ba, tháng tám, nhân tạ ân Thánh Tổ có đại xá thiên hạ. Tiết Văn nói rằng: Diệu Đạo của Hư Hoàng được chân truyền từ Tây Trúc đều là nguồn giáo hóa sáng suốt nào dám quên thờ kính. Nên nay khắp trong thiên hạ Tăng Ni, Đạo sĩ, Nữ Quan và các đồng tử thi Kinh đều cho phổ độ. Thượng Thư Hữu Thừa Lâm, đặc biệt đề cử làm Tự Bộ Văn Điệp, năm ấy độ được hai mươi ba vạn một trăm hai mươi bảy vị Tăng, một vạn năm ngàn sáu trăm bốn mươi ba vị Ni, bảy ngàn tám mươi mốt vị Đạo sĩ, tám mươi chín vị Nữ Quan.

Vua ban chiếu lập đạo tràng ở điện Thiên An để đáp tạ trời đất. Đại hội Sa-môn, Đạo sĩ được một vạn ba ngàn tám mươi sáu vị, vua đích thân ban tận mặt thuốc bạc và tiền lớn (thuốc bạc tức thủy ngân. Còn Bạc thì đời gọi là Càn Cùng. Sa-môn Đạo Thành ở núi Nguyệt Luân tại Tiền Đường do được độ trong lễ lên ngôi vua soạn bộ Thích Thị Yếu Lãm ba quyển, nói về các Pháp người xuất gia cần biết để lưu hành ở đời. Dịch kinh Tam tạng Pháp Hộ... xin vua đem Ngự Chú Tứ Thập Nhị Chương Kinh và Ngự Chú Di Giáo Kinh cho nhập Tạng để ban hành. Vua đồng ý. Tể Tướng Vương Khâm Nhược ra trấn thủ Tiền Đường đã

dẫn các liêu thuộc đến Thiên Trúc Linh sơn yết kiến ngài Từ Vân Pháp sư Tuân Thức, thỉnh ngài giảng Pháp Hoa, ông khen rằng: "Đạo này chưa từng nghe, người này chưa từng thấy." Rồi liền tâu vua, vua ban cho tên cũ ở Thiên Trúc. Sư lại tâu xin vua cho lấy Tây hồ làm ao phóng sinh. Mỗi năm vào ngày tám tháng tư thì người trong Quận hội họp trên hồ mặc tình thả chim cá để chúc thọ cho Chúa Thượng.

Tháng mười một, nước Đông Nữ Chân vào triều cống xin vua ban cho Đại Tạng Kinh. Vua ra chiếu cấp cho.

Năm Thiên Hy thứ tư, tháng giêng, Hữu Nhai Giảng Kinh Bí Diễn... xin đem Ngự Chế Thích Điển Pháp Âm Tập sai Tăng Tiên chú giải gồm ba mươi quyển, cho phụ vào Đại Tạng. Vua ra chiếu chấp thuận. Trước đó Dương Ức đề cử việc này. Trong tập có tiếng "sáu thứ chấn động", một vị Tăng chú thích: Đem ba trăm chữ xét kỹ không hiểu được gì cả. Ức bỏ lời chú ấy và tự chú giải rằng: Thể của đất vốn là tĩnh, nay động tất có biến. Người đều phục sự giải thích này.

Sa-môn Phổ Thiện ở Tây Thiên đến Triều dâng tặng kinh Phạm. Vua ban cho Tử y.

Phò Mã Lý Tuân Úc tâu vua ngài Tri Lễ Pháp sư ở Tứ Minh là bậc cao hạnh muốn bỏ di thể. Vua mừng vui khen mãi không thôi, riêng ban tặng cho hiệu Pháp Trí và tuyên chỉ khiến Sư phải trụ thế để giảng kinh, không được bỏ mình. Lúc đó Viện Dịch Kinh chọn được những bậc chứng nghĩa giảng luận giỏi đến hai mươi ba vị, mỗi vị đều làm thi khen ngợi Đạo đức của Sư (Thi thấy trong Tứ Minh Giáo Hạnh Lục và có khắc đá tại Nam Hồ).

Tháng mười hai, Hàn lâm học sĩ Dương Ức tạ thế, ông rất lưu tâm đến Thiền Quán. Khi có bệnh liền lánh mọi người và ăn chay. Ngày lâm chung ông làm Kệ Không Môn để tỏ bày chí hướng. Kẻ thức giả biết ông là người có học Phật.

Năm thứ năm, vua ban chiếu sai Nội Thị Du Nguyên Thanh đến chùa Diên Khánh ở Tứ Minh thỉnh ngài Pháp Trí Pháp sư lãnh chúng tu Pháp Hoa Sám để cầu phước cho nước nhà. Sư nhân đó soạn bài Tu Sám Yếu Chỉ dâng lên vua.

Vua ban chiếu ở Tinh Châu lập Tứ Thánh Thiền Viện cầu phước cho các Tướng sĩ trận vong. Môn hạ của Thị Lang Bình Chương Sự là Đinh Vị kiêm chức Dịch Kinh Nhuận Văn Sứ, Hàn lâm học sĩ Triều Huỳnh Lý Duy kiêm chức Nhuận Văn Quan.

Bàn rằng: Chân Triều được tồn tại là do các vua biết phát triển cả Tam Giáo, mà kính Phật trọng Pháp hơn cả triều trước cho nên đã

dùng bút thần mà soạn thuật ra các tác phẩm như Thánh Giáo Tự, Sùng Thích Luận, Pháp Âm Tập, Chú Sớ hai Kinh Tứ Thập Nhị Chương và Di Giáo đều đạt đến chỗ tận cùng. Một năm độ đến hai mươi ba vạn Tăng, mà Tăng chúng có lỗi thì cho được phép chuộc. Lễ Thượng Ngươn, vua đến các chùa lễ Tượng hơn trăm lạy không nề hà. Lại cho lập lại ao phóng sinh của Đường Triều để mở rộng lòng hiếu sinh. Đây đều là do nguyện xưa mà phát ra ở Thánh tánh không đợi ai khuyên bảo. Đến như kế tiếp việc dịch kinh, mở mang việc học Phạm. Các Tam tạng ở Ngũ Thiên Trúc họp nhau đến Đền vua như mây đùn mà dùng các Tể phụ Từ thần đều kiêm chức Nhuận Văn. Vua dốc lòng trọng việc dịch kinh đến như thế. Các Nho Hiền thời đó như Vương Đán, Vương Khâm Nhược, Dương Ức, Triều Huýnh... đều có thể tán trợ ý vua và chung sức đem lại thái bình cho thiên hạ. Vua tôi chí hướng cùng gặp nhau chính vào lúc ấy, tìm khảo các thời xa xưa chưa thể sánh được.

Năm ấy trong thiên hạ số Tăng Ni gồm có ba mươi chín vạn bảy ngàn sáu trăm năm mươi vị Tăng và sáu vạn một ngàn hai trăm bốn mươi vị Ni.

Năm Càn Hưng thứ nhất, Chương Ý Thái Hậu (tức Lý Thị, mẹ vua Nhân Tông) sai Sứ đến chùa Thiên Trúc ở Tiền Đường thỉnh ngài Tuân Thức Pháp sư hành Sám Pháp cầu nguyện cho nước nhà. Sư có soạn bài Kim Quang Minh Hộ Quốc Đạo Tràng Nghi dâng lên vua. Nhân đó Sư tâu xin vua cho nhập Tạng tất cả sách vở của Thiên Thai Giáo.

Tăng Hoa Nghiêm ở nước Quy Tư đến hiến tặng xá-lợi Phật và kinh Phạm, vua ban cho Tử y.

PHẦN CÁC PHỤ CHÚ (trang 403b)

[Chú số 7] - Ở Đinh Châu, Phương Sĩ Vương Trung Lập gặp một Đạo sĩ họ Triệu trao cho Thần thuật. Trung Lập đến Kinh Sư nói ra điều gì đều ứng nghiệm cả. Vua ra lệnh cho Tham Quân Hứa Châu giữ lại ở dinh thự tại Thành Thượng Hoàng. Nhưng sau đó lại thường thấy ông ở ngoài chợ và tự bảo là Tư Mạng Chân Quân. Tháng năm năm ấy giáng xuống tại nhà của Trung Lập, đội mão đeo kiếm mặc y phục toàn màu xanh. Phàm có điềm lạ đều báo trước và nhờ Trung Lập giải thích lại cho mọi người.

Năm Đại Trung Tường Phù thứ nhất, ngày ba tháng giêng có Thiên thần giáng xuống ở Tẩm điện, đội mũ sao mặc áo ráng, bảo vua rằng: “Sắp có thư trời giáng xuống, hãy trai giới lập đàn mà nhận.” Được một tháng thì Hoàng Thành Ty tâu rằng: Ở phía Hữu Thiên Môn

có bức thư bằng lụa vàng giắt trong miệng con cú. Vua đi bộ đến cửa trông lên mà lạy. Quan Nội Thị bưng xuống để thờ trong điện Triều Nguyên, thấy trên đó có chữ rằng: Triệu vâng lệnh làm hưng thịnh nhà Tống giao cho vật này giữ đúng bảy trăm bảy mươi chín đời, tên là Đại Trung Tường Phù, gồm có ba Thiên như sách của Hồng Phạm Lão Tử. Ngày ấy Từ Thiên Giám tâu rằng: "Thấy có vầng mây tía to như cái lọng hạ xuống che mát cả sân điện." Bá Quan cùng mừng vui khen ngợi. Vua ban chiếu đổi niên hiệu Phùng Chửng xin vua lấy Đại Trung Tường Phù trong Thiên Thư (thư trời) làm hiệu. Vua mừng khen là tên đẹp (Quốc Triều Hội Yếu).

Bàn rằng: Nhà Chu bói vận nước của mình được ba mươi đời vua, trải bảy trăm năm (sau đó truyền thế là ba mươi bảy đời trải tám trăm năm, gọi là Chú quá kỳ hạn). Nhà Hán lấy Sấm để đoán biết thì Xích Phục Phù nói: Đời là bốn bảy, lửa là vua (từ đời Hán Cao Tổ đến Quang Võ kể từ ngày mới khởi lên được hai trăm hai mươi tám năm. Nên nói là bốn bảy. Hán chủ về lửa nên gọi là vua). Nhà Tấn từ hồi qua sông bói thì được một trăm lẻ hai (Nguyên Đế khiến Quách Phác bói nói rằng: Hưởng được hai trăm năm, một trăm lẻ hai năm sau Tống thay Tấn. Mới biết họ Quách lấy hạn một trăm lẻ hai, dùng lời đẹp nói về khuynh đảo). Nhà Đường vua Thái Tông lúc Nguyên Châu dâng đá linh có chữ ghi rằng: Bảy Phật tám Bồ-tát (lời trên đá rằng: Thái Bình Thiên tử Lý Thế Dân, Thái tử Ký trị bảy Phật tám Bồ-tát, sau đó đến hai mươi mốt đời, như đời Võ Tông diệt Pháp, đến Cao tổ nhẹ tin. Năm cuối của các Chúa không đúng số Phật và Bồ-tát). Lại ngài Vạn Hồi bảo Đường Minh Hoàng năm mươi năm Thái Bình Thiên Tử. Ngài Nhất Hạnh Ký là xã tắc chung cát (Vua Đường Minh Hoàng hỏi ngài Nhất Hạnh Thiền sư về vận nước. Ngài đáp: Xã tắc chung cát, về sau đến đời Chiêu Tông thì mất, bởi đã từng phong cho Chiêu Tông là Cát Vương). Bắc Triều Lục Cư sĩ bảo tề Văn Tuyên mười năm Thiên tử cũng còn khá, một trăm ngày Thiên tử gấp như lửa (Cư sĩ Lục Pháp Hòa đề trên vách rằng: Mười năm Thiên tử cũng còn khá, trăm ngày Thiên tử gấp như lửa, tròn năm Thiên tử vội thay ngôi. Mười năm là chỉ cho Tề Văn Tuyên, trăm ngày là Phế Đế, tròn năm là Hiếu Chiêu, sau đều ứng nghiệm). Đây đều là Thiên mệnh và Nhân Sự xen nhau đã ngầm định trước mà không thể gạn hỏi. Quốc gia ta rất ứng với với vận tốt. Khi Thái Tông mới lên ngôi đã cảm được Dực Thánh Chân Quân giáng hạ bảo rằng vận nước hơn cả nhà Đường. Mà văn ghi trong đá Gia Châu và lời ký trong đá Chí Công đều có lời văn "Triệu hiệu hai mươi mốt vua" (năm Thái

Tông thứ tư, Gia Châu dâng đá có chữ son đề rằng: “Triệu hai mươi mốt vua.” Năm thứ bảy thì Thơ Châu dâng đá có lời ký của Chí Công rằng: ”Triệu hiệu hai mươi mốt vua.” Rồi Chí Công giáng xuống Cung Cấm, vua nghe lời dạy bảo. Đầu năm Tường Phù của vua Chân Tông, Thiên Thư (thư trời) giáng xuống nói rằng: Triệu nhận mạng trời bảy trăm bảy mươi chín năm. Nay mới rõ vận nước Dực Thánh hơn nhà Đường. Chí Công nói hai mươi mốt vua thì hai nghĩa này chắc chắn hiểu được. Chỉ có Thiên Thư nói bảy trăm bảy mươi chín thì chưa sáng tỏ. Giả sử quả có kịp đến số này sẽ không ngừng ở hai mươi mốt đời vua, đâu không biết mười bốn Triều trước đã ba trăm năm rồi. Nay từ đời Hoàng Đế ta trở đi truyền đến bảy đời, mỗi vua cai trị bảy mươi năm thì mới có thể đủ số năm trăm năm vậy. Kính xem các Thánh nối nhau đức khắp bốn biển, thâu tóm vạn khu mà lấy dân làm trọng giúp phát triển cả ba Giáo, nhưng biết Phật là cao quý nhất, tất sẽ có Thánh hiền giúp nước đời đời ngự trị, quá kỳ hạn của lời dự báo. Lại thấy Thanh Triều mong thực số bảy trăm bảy mươi chín năm cho phù hợp với lời Thiên Thư báo trước để càng tin tưởng. Phật trời Tiên Thánh vì có Túc Mạng Thông nên dự báo việc vị lai dù ngàn vạn ức kiếp cũng đều biết trước, ở đây chỉ là việc trong ngàn năm gần gủi báo cho biết trước, nào có lạ lùng gì.

[Chú số 1] (trang 403 c) - Tháng mười một, vua đến núi Thái Sơn dâng ngọc và ba con vật sống, cúng tế Thượng đế cao xanh tại Viên Đài trong núi. Thái Tổ, Thái Tông đều bồi vị ở Đông Tây, y theo phép mà tế lễ Nam Giao.

Khoảng năm Nguyên Phong, Quan Hữu Ty cùng họp tế, tế trời đất ở Viên khâu, viện lẽ phép nhà Chu không theo nghi lễ thời xưa, vua ban chiếu quy định đích thân vua tế lễ Bắc giao.

Đầu năm Nguyên Hựu, vua ra chiếu căn cứ vào chỉ trước tập họp các quan để nghị bàn; Tô Thức dâng lên nghị tóm tắt rằng: Thần trộm nghĩ bàn luận là muốn thay đổi phép xưa của Tổ Tông. Viên khâu (đồi tròn) thì để tế trời mà không tế đất, chẳng qua cho rằng tiết Đông chí thì tế trời ở Nam giao, thời Dương thì ở vị Dương vậy. Còn tiết Hạ chí thì tế đất ở Bắc giao, đó là thời Âm thì ở vị Âm vậy. Cho rằng cầu Thần thì phải dùng thời Dương vị, Dương mà không thể dùng Âm được,việc đó rất không đúng. Bởi Đông chí thì ở Nam giao tế Thượng đế, vậy cả trời đất trăm Thần đều phải cùng theo đến. Bài tựa Kinh Thi có nói: “Trời xanh đã có lệnh, Nam giao tế trời đất.” Kinh Thư cũng nói: Loại Tứ thì ở Thượng đế, loại Nhân thì ở Lục Tông, loại Vọng thì ở núi sông, loại Biến thì tế khắp. Sách Xuân Thu nói không tế giao thì cũng phải

tam vọng (vọng núi sông biển). Truyện Tả Thị nói: Tinh tế nhất là vọng giao. Thuyết đó nói: Tam vọng tức là khấn vọng với Thái sơn, sông và biển vậy. Hoặc nói: Các sao phân bố khắp sông núi. Đem cả Thi Thư Xuân Thu mà khảo, thì trời đất cùng họp tế (tế chung) đã lâu. Các đời Hán Ngụy Đường đều dùng Viên khâu (Đồi tròn) mà họp tế, có chép trong Sử.

Ở Triều Tống ta, khi xưa vua Thái Tổ tế Giao thì trước đó dâng lễ Tông miếu và tế cả trời đất. Từ vua Chân Tông đến nay cứ ba năm tế Giao một lần, tất trước đó có việc linh ứng, nên khắp cúng tế Thái miếu rồi mới tế trời đất. Nay bàn luận muốn nói Đông chí tế trời. Hạ chí tế đất, đó là dùng theo Chu lễ. Thời xưa thì một năm tế trời ba lần, Minh Đường tế Thượng đế một lần, bốn mùa đón khí tiết năm lần, tế đất hai lần, tế Tông miếu bốn lần. Tất cả mười lăm lễ này Thiên tử đích thân cúng tế. Nay ba năm một lần tế Giao, trước khi tế Giao thì tế Đại miếu, tế Giao thì ban ân đại xá, ban thưởng các Quân, Văn Võ, các Quan đều được ân thưởng, thân thuộc của Tể Tướng bách Quan cũng được ban tặng. Đây đều là không phải Chu lễ. Đây không đổi mới mà chỉ riêng khi tế Đất thì bảo rằng: Không phải Chu Lễ nên không hợp tế là sao? Tổ Tông triều ta rất kính trọng việc tế tự, từ Nho thần đến Lễ quan giảng về Tổn ích đều biết Viên khâu Phương trạch (đồi tròn chầm vuông) đều do Thiên tử đích thân tế lễ là đúng, chỉ vì thời thế không thể làm được nên phải châm chước cổ kim, sao cho trên hợp với điển lễ, dưới hợp với thời nghi. Nếu mỗi năm lại tế Giao thì e nước nhà thêm tốn phí.

[Chú số 2] (trang 403c) - Khi đã phong thưởng cõi Đông xong, thì vua ban chiếu thêm Tư Mạng Chân Quân làm Cửu Thiên Tư Mạng Bảo Sinh Thiên Tôn. Vua ra lệnh cho Lưỡng Nhai Đạo sĩ nên sửa Trai Tiếu Khoa Nghi (nghi lễ trai giới cúng tế), sai Tri Khu Mật Viện là Vương Khâm Nhược định ra "La Thiên Tiếu Nghi" mười quyển, chọn mười vị Đạo sĩ sửa chữa Tạng Kinh của Lão Giáo, Cựu Lục ba ngàn ba trăm ba mươi bảy quyển. Khâm Nhược định rõ có thêm sáu trăm hai mươi quyển, vua ban tên là Bảo Văn Thống Lục, vua viết bài tựa để ở trước. Đầu tiên là vâng chiếu vua đem gạn bỏ các phần chê bai lẫn nhau trong các Tạng Kinh của cả Đạo và Phật (nay trong Lão Quân Bảo Lục ghi Vương Khâm Nhược nói rằng: "Kinh Lão Tử Hóa Hồ là di tích của Thánh xưa không nên dẹp bỏ." Vương Công có kiến thức sáng suốt chưa chắc đã tự nói lời ấy)

[Chú số 1] (trang 404c) - Vua ra chiếu lấy đá linh có lời Ký của Chí Công ở Thư Châu bảo cận thần và Tể Tướng Vương Đán rằng:

Quốc gia mở vận sau bốn triều Lương, Trần, Tùy, Đường và đời Ngũ Đại. Thái Tông lên ngôi vào năm Bính Tý. Nay Thiên Tôn giáng sự việc đều phù hợp với chuyện trước năm trăm năm (Văn ở đá Chí Công ghi rằng: Ta thấy bốn, năm triều vào năm Bính Tý triệu hiệu Thái Bình thứ hai mươi mốt năm) mới biết là số trời nước Tống về sau rất dài lâu." Vua rất mừng, sai Trần Nghiêu Tứ đến Thăng Châu vào Núi Tưởng mà khấn cáo.

Bàn rằng: Sách đời gọi là lời Sấm, sách Phật gọi là lời Ký, nghĩa là báo cho biết trước sự việc. Ở Phật thì nói Thanh văn đó sẽ làm Phật ở nước... tên kiếp là... (thấy trong kinh Pháp Hoa). Việc họa phước xấu tốt của phàm phu do tục đời trước bói về Đồ-thư, Cỏ- thi, Mai-rùa, xem sao, đoán mộng... đều do đó mà báo biết trước mọi việc. Hoàn Đàm không phải là Sấm mà cũng như Sấm. Chỉ sợ Quang Võ vào buổi trung hưng nhiều bận rộn, tất cả mọi việc dều nhờ Sấm quyết. Nhưng việc của người thì có cái sức người không thể hiểu hết, cho nên không bằng không nói còn hơn. Song việc hưng thịnh của Thánh nhân chưa từng không có Sấm. Nhất là việc vua chúa trên đời thì Sấm có khá nhiều, chắc chắn không thể kể hết. Chuyện gần đây nhất như lời đời Đường Đại Tông có điềm lành dự ký của ao Hồng trì và đá linh. Đời Đường Túc Tông thì có điềm trời ban cho Bảo Trấn Quốc (vật báu giữ nước) những việc này đều có ghi chép trong Đường Sử, ứng nghiệm sau này đều đúng cả. Chỉ có vua Thái Tông triều Tống ta thì hai lần được đá linh đều có lời ghi hai mươi mốt vua. Thời Chân Tông thì có Dực Thánh giáng lâm và có câu: "Vận nước hơn cả nhà Đường." Thời Thánh Tổ có Thiên Thư ghi lời Sấm là bảy trăm chín mươi chín, đâu không phải là báo việc trước ư? Người không biết mà muốn bảo Sấm là không đúng, ấy là do lòng thành chưa đạt. Phật Thánh nhân báo cho biết việc sắp đến, chắc chắn là không phải điều người thế tục biết được. Đến như việc bói cỏ thi, mai rùa, xem sao, đoán mộng cùng với việc biết trước của kinh sử Thánh hiền há không nói được ư? Vả như điềm bói cỏ thi, mai rùa, xem sao, đoán mộng cùng lời nói của kinh sử Thánh hiền mà còn tin được, thì đối với lời Ký của Phật Thánh nhân lại chẳng tin sao? Song các thứ đá ký thiên thư ở triều ta lúc đó không phải là không có thực, chỉ riêng nhà Nho không tin Sấm Ký tranh nhau bảo đó là sai quấy, nhưng người hiếu sự gặp thì đều chấp thuận. Giả sử lời văn trong đá có thể là ngụy tạo, nhưng việc Chí Công giáng xuống Cung Cấm, vua Đại Tông sai Sứ đến tạ lễ, bảo đó là không thực được ư? Giả sử Thiên Thư cón nghi ngờ thì Ngô Hội Trung Hưng được số dài lâu mà bảo đó là không thực được

ư? Kinh Dịch có nói: “Thần minh biết việc vị lai, là ý chỉ lời Sấm của Trọng Ni, há chẳng tin sao?”

Tháng mười, ngày tám, Thiên thần giáng xuống điện Diên Ân trong cung cấm, đội mão, mặc áo như Nguyên Thủy Thiên Tôn. Tức là Thiên thần xưa ở trước năm Tường Phù, bảo vua ngồi dạy rằng: “Ta là một trong chín vua là Thủy Tổ của họ Triệu, tái giáng sinh làm Hiên Viên Hoàng Đế. Ta ở thời Hậu Đường giáng xuống thống trị cõi dưới, sinh vào nhà họ Triệu đến nay đã trăm năm rồi. Hoàng Đế khéo vỗ về nuôi dạy quần sinh.” Rồi nương mây vàng mà đi. Tháng đó vua ra lệnh đại xá, tôn hiệu là Thánh Tổ Thượng Linh Cao Đạo Cửu Thiên Tư Mạng Bảo Sinh Thiên Tôn. Gọi mẹ Thánh Tổ là Nguyên Thiên Đại Thánh Mẫu. Thánh Tổ tên húy là Huyền Lãng. Vua ra chiếu trong ngoài không được chỉ trích. Đổi tên Huyền Thánh Văn Tuyên Vương thành Chí Thánh Văn Tuyên Vương, Huyền Võ gọi là Chân Võ. Vua ra lệnh cho các Quận ở Thiên Khánh Quán lại lập thêm Thánh Tổ điện.

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 45

PHẦN 12

Đời Nhân Tông (Con thứ sáu của Chân Tông - Mẹ là Thần phi Lý thị mộng thấy hai mặt trời ở trên không, một mặt trời bỗng nương vào vạt áo mà rơi xuống, thị thọ thai. Ngày mười bốn tháng tư là tiết Càn Nguyên - Chôn ở Lăng Vĩnh Châu).

Năm Thiên Thánh thứ nhất, vua thường đội mũ Ngọc Quan. Vua mài ngọc làm tượng Quan Âm. Các quan tả hữu đem ngọc xin đổi. Vua nói: "Tam công bá quan tập họp dưới đây đều là bậc anh tài trong thiên hạ. Trẫm đâu dám sánh, chỉ vì đạo vua tôi nên không thể không phân biệt. Trẫm đội mão này là để trả lễ cho Đại sĩ" (Trịnh Thị Gia Tập).

Vua ra lệnh cho quan Nội Thị Dương Hoài Cổ mang hương vào chùa Linh Sơn ở Thiên Trúc cầu phước cho nước. Ngài Từ Vân Thức Pháp sư xin vua cho giáo văn Thiên Thai được nhập Tạng, Hoài Cổ bèn tâu vua.

Nước Chú Liễn ở Nam Hải sai Sứ đến triều dâng kinh Phạm Kim Diệp Thiên Trúc, vua ra chiếu mời ngài Tam tạng Pháp Hộ dịch bộ ấy.

Ngài Diên Khánh Pháp Trí Pháp sư ở Tứ Minh đem giáo nghĩa khảo thí đồ chúng gọi là Mở Túi Thơm Kinh Tứ Thập Nhị Chương, đến nay vẫn dùng định pháp ấy.

Năm Thiên Thánh thứ hai, vua ra chiếu cho Giáo văn Thiên Thai nhập Tạng và ban một trăm lượng bạch kim, cúng trai phạm ngàn chúng ở Linh sơn. Ngài Từ Vân soạn Giáo Tạng Tùy Hàm Mục Lục, soạn thuật trước tác về Đại Nghĩa các bộ.

Ở Tứ Minh có Danh Nho Vệ Khai đến Lạc Dương du học gặp Đạo sĩ Lý Sĩ Ninh đi ngược lại, gọi ông bảo rằng: "Ở thành Giới Hương, quê ông có cô gái câm, quá khứ là Phật Duy-vệ, khi trở về nhớ đến lễ bái". Ông hỏi hình dạng, thì đáp: "Rút tay quét đất là đó." Khi trở về, Khai

liền đến chùa hỏi thăm, có vị Lão Ni nói: "Thánh Cô đã ngồi hóa hơn một năm rồi". Nhân đó ông đến trước hình tượng của Ni Sư đốt hương đảnh lễ, lấy làm hối tiếc không được thấy tôn dung. Năm sau, Vệ Khai sang Tiền Đường ngủ trọ tại nhà của Thư lại Trần Thức, bỗng thấy một đứa bé khoảng mười tuổi ẳm một bé Ni vào cửa, kêu lớn rằng: "Bé gái câm, bé gái câm". Vệ Khai kinh hãi nhìn lại, cô bé liền đòi giấy viết kệ rằng:

Đại địa sơn hà là những gì?
Hiểu không một pháp để tư duy
Đêm nghe mọi chỗ khua chuông trống
Địch phá đầu lâu chẳng liễu tri.

Sau bài kệ lại viết "Vô khứ lai." Vệ Khai đến lễ dưới chân, kể qua việc ở Giới Hương được chiêm lễ di tượng. Cô bé lại viết kệ rằng:

Trên Tu-di gõ mõ
Đáy đại dương lắc chuông
Bé câm hỏi tên họ
Tiện đây liền biết rõ.

Rồi bước ra cửa mà đi. Khai vội chạy theo hỏi đứa bé: "Cô gái câm là ai?" Đứa bé nói: "Là Phật Duy-vệ". Lại hỏi đứa bé là ai, bé bảo: "Hãy hỏi cô gái câm, rồi biến mất".

Chí Bàn tôi có lúc đến Dũng Đông. Sư Thê Tâm Nguyên Diệu được một bản văn xưa trong hòm sách, bèn nhớ lại cô gái câm Cổ Phật mà không ai biết. Nhân đó soạn bài ký Giới Hương Duy-vệ Cổ Phật. Rồi Sư Nguyên Diệu đem bài ấy về chùa. Vương Sư Lượng khiến khắc đá bài Ký để trong chùa có đề tên là Danh Thắng. Xét Kinh Tạng thì Duy-vệ cũng gọi là Tỳ-bà-thi, Hán dịch là Thắng Quan, để gọi về Tam Quán thắng diệu nhất, tức quán tất cả pháp đều là lý tam đế.

Lý Sĩ Ninh ở đất Thục là người có Đạo đức, được cái gương xưa của Hiên Viên trong động đá mà thấy được gần xa. Học sĩ Thái Quân Mô nghe nói mà ghét. Một tối nọ mộng thấy bị hổ đuổi bắt có người đến cứu, bảo Quân Mô rằng: "Ông là người sang trọng chỉ có xương đầu chưa ngay". Bèn lấy tay nắn lại. Khi tỉnh giấc thì đầu còn đau. Sáng hôm sau thì Lý Sĩ Ninh đến yết kiến, liền thấy đúng là người trong mộng đã cứu mình. Sau ra làm Quan Thú ở Mân Trung, Sĩ Ninh lại đến gặp, Quân Mô bảo rằng: "Từ lâu bị bệnh mắt, đêm mộng thấy Đức Long Thọ Bồ-tát là sao?" Sĩ Ninh liền lấy trong tay áo ra bức tượng thì thấy đúng là người trong mộng, hai mắt liền sáng ra, thấy được như cũ (thấy trong Lý Bích Chú Kinh Công Thi. Sĩ Ninh có rất nhiều thần dị,

Kinh Công và Âu Dương Công đều có thi ca ngợi.

Sa-môn Ái Hiền Hộ Hiền ở Tây Thiên đến Triều dâng tặng kinh Phạm lá bối. Vua ban cho Tử y.

Năm Thiên Thánh thứ ba, trước đó đầu năm Thiên Hy, vua ra chiếu trong thiên hạ nên lập lại ao phóng sinh, ngài Nam Hồ Pháp Trí Pháp sư ở Tứ Minh, mỗi khi vào ngày Phật đản, ngài thường tập chúng hành pháp, thả chim cá để chúc Thánh. Năm đó Quận đem việc tâu, vua ra lệnh cho Khu Mật Lưu Quân soạn văn để làm ghi nhớ. Quận Thú Tăng Hội lập bia ở cửa chùa (Văn thấy trong Quang Giáo Chí). Một hôm Sư mộng thấy Thần Già-lam đến bảo rằng: "Sáng mai Tướng Công đến". Rồi Tăng Hội dắt con là Công Lượng vào chùa. Sư bèn đem mộng thuật lại. Bà mẹ tạ ân rằng: "Sau này được tôn quý không dám quên". Đến khi Công Lượng vào làm Thừa Tướng bèn mua ruộng đất mở mang nhà cửa để hằng năm độ Tăng Đồ (có người nói Tăng Tướng Công bỏ ruộng đất để chép Giáo Hạnh Lục).

Hàn lâm học sĩ Hạ Tủng Đồng, Tam tạng Duy Tịnh... dâng lên vua Kinh mới dịch cả âm nghĩa được bảy mươi quyển. Phán Đô Tỉnh Mã Lượng nói rằng Đạo Phật cao quý là thầy của hàng trời người, xin không được thu độ những kẻ đã từng xúc phạm chân hình cho đến kẻ văn thân, vua ban chiếu chấp thuận.

Năm thứ năm, ngài Tam tạng Duy Tịnh dâng lên vua hai bao Mục Lục Đại Tạng Kinh, vua đặt tên là Thiên Thánh Thích Giáo Lục, gồm sáu ngàn một trăm chín mươi bảy quyển.

Ở chùa Thiên trúc tại Hàng Châu, đêm rằm tháng bảy tháng tám, trời mưa hạt quế, ngài Từ Vân Pháp sư đem gieo trồng trên đất và làm thi để ghi việc.

Năm thứ sáu, vua viết bài Tam bảo Tán ban cho quan Tể Tướng và Dịch Kinh Viện.

Ngài Nam Hồ Pháp Trí Pháp sư ở Tứ Minh vào Tiết Nguyên Đán tu Quang Minh Sám kỳ hạn năm ngày ngồi kiết già mà thuyết pháp. Bỗng niệm A-di-đà Phật mấy trăm tiếng rồi an nhiên mà hóa. Để trần khám của ngài bảy ngày mà nhan sắc vẫn như còn sống, móng và tóc mọc dài ra. Đến ngày trà-tỳ thì mùi hương lạ ngào ngạt, xá-lợi nhiều vô số, cuống lưỡi vẫn còn nguyên như hoa sen.

Năm thứ bảy, vua ra lệnh ở Kinh sư cất lớn chùa Từ Hóa, gọi Tể Tướng bảo rằng: "Đây là vì Tiên Đế mà dốc hết sức làm phước. Từ nay về sau vô cớ không được lập Đàn khiến tốn hao sức người sức của".

Năm thứ chín, vua ban sắc khiến quan thú Thiều Châu đến chùa

Nam Hoa ở núi Bảo Lâm đón rước y bát của Lục Tổ vào Cung Khuyết ở Kinh sư để cúng dường và rước thờ tại Thanh Tịnh đường trong Đại nội. Lại ban sắc cho Binh Bộ Thị Lang Yến Thù soạn bài ký Lục Tổ Y Bát.

Viện Truyền Pháp tâu vua rằng Sa-môn Hoài Vấn có lần đến Thiên Trúc vì Chân Tông Hoàng Đế xây tháp ở bên tòa Kim Cang của Phật, nay lại muốn đến vì Hoàng Thái Hậu của Kim Thượng xây thêm hai Tháp. Lại xin vua ban cho Thánh Giáo của Tiên Triều, Thái Hậu phát nguyện khắc đá văn và bài Tam Bảo Tán của Thánh Thượng để khắc đá đặt dưới Tháp và may Y Ca-sa để thờ tượng Đức Thích-ca. Vua ban chiếu chấp thuận. Lại khiến Từ Thần soạn bài ký "Sa-môn Hoài Vấn ba lần đến Tây Thiên."

Thuở xưa, vua Thái Tổ nghi răng Phật của Tuyên Luật Sư dâng tặng không phải răng thật, bèn sai Sứ lấy lửa dữ ở Lạc Dương đem nung thì sắc vẫn không đổi, vua kính sự thần dị bèn làm bài Phát Nguyện Văn. Đến triều vua Thái Tông lại đem lửa thử nghiệm, rồi cũng viết bài kệ tán để bày tỏ lòng kính thành (thấy trong Tam Triều Ngự Chế Bi). Nhân đó rước răng Phật vào thờ tại Viện Pháp Hoa ở chùa Tướng Quốc. Vua Chân Tông có lần rước răng cúng tại tháp Linh Cảm ở chùa Khai Bảo. Buổi tối chiêm lễ thì có ánh sáng lạ chiếu sáng lòa, bèn viết bài kệ tán (thấy trong Tam Triều Ngự Chế Bi). Vua nhân việc đáng kính của ba Triều đại mà rước răng Phật vào thờ tại Cung Cấm, dùng nước hoa Tường vi mà rửa (trích từ ba Đức Phật ở Nam Hải của nước Tề hương thơm ngào ngạt dị thường). Bỗng được một hạt xá-lợi ngũ sắc chói ngời từ trong hang rơi ra, vua bèn viết bài tán. Dùng chén vàng hai lớp mà đựng, rồi rước răng trả về chùa cũ. Trong bài tán có câu rằng:

Tam Hoàng thân thể đều về đất
Ngũ Đế hình hài cũng bụi trần
Khổng Tử trong mộ khoe là Thánh
Lão Quân trên đời vẫn gọi chân.
Thân rồi tan rã nơi mồ trống
Còn đâu để chỉ đám hậu nhân
Chỉ có thầy ta xương vàng rắn
Nung đốt bao phen vẫn mới nguyên.

Bàn rằng: Đạo Phật là Đại đạo, thân Phật là Chân thân. Nói Đại đạo thì trùm khắp pháp giới không giống như Khổng Lão chỉ có ở một cõi một vùng. Nói Chân thân thì thường trụ bất diệt, không giống như Khổng Lão vẫn còn sinh tử. Nói về xá-lợi răng Phật là Chân thân ứng

hiện nơi vật để chỉ bày giáo hóa, há nước lửa thế gian mà hủy hoại được sao? Vua Nhân Tông đem sự quý kính của ba Triều mà riêng làm bài tán văn, nhưng khắp chê các Đế Hoàng và Tổ Tông của Nho và Lão Giáo vì họ chỉ dùng đạo Nhân nghĩa và pháp Thanh tĩnh để dạy cho người trong nước tạo phước Nhân Thiên mà thôi. Không phải như đạo Phật có khả năng dạy người xuất thế. Song ở đạo Nho, đạo Lão chẳng rời thân này nên có thể làm theo việc ấy. Còn Đạo Phật lấy việc xuất thế ở vị lai làm gốc. Xem lời vua nói thì biết lời gần mà ý xa.

Năm Minh Đạo thứ nhất, ngày một tháng mười, ngài Thiên Trúc Từ Vân Pháp sư ngồi nói pháp mà hóa. Người thấy có sao lớn sa trên ngọn Thứu Phong, ánh sáng đỏ rực. Sư là người ở triều trước đã dâng vua Kim Quang Minh Hộ Quốc Nghi. Vua nhân xem đến Phát Nguyện Văn có câu “Chư Thiên oai thần hộ trì nước ta, vua chúa nhân từ vô bờ bến”, bèn vỗ ghế than rằng: “Trẫm có được người này mà dùng để cai trị nhân dân”, bèn gấp triệu vào kinh thì Sư đã nhập diệt.

Năm thứ hai, tháng bảy, ở Nam Hồ Tứ Minh, rước xá-lợi ngài Pháp Trí Pháp sư chôn ở Tổ Quan tại viện Sùng Pháp ở Nam Thành.

Năm Cảnh Hựu thứ nhất, Tham Tri Chánh Sự Vương Tùy san định Cảnh Đức Truyền Đăng Lục còn mười lăm quyển, Viện Truyền Pháp biên chép cho nhập Tạng.

Vua ra chiếu trong thiên hạ cho các cô cậu bé thi tụng kinh Pháp Hoa ai trúng tuyển thì được độ. Lại sai Tham Chánh Tông Thụ và Hạ Tủng cùng giám sát. Khi thi Kinh có cậu bé không qua được kỳ thi Kinh, hỏi đã học tập được mấy năm? Đáp là đã mười năm. Hai ông cùng cười bảo là đáng tiếc! Hai ông cùng hẹn về lấy Kinh ra học thuộc lòng, thì Thụ trong mười ngày, Tủng chỉ bảy ngày là đọc thuộc lòng không sót một chữ (Quy Điền Lục). Năm ấy trong thiên hạ có ba mươi tám vạn năm ngàn năm trăm hai mươi vị Tăng và bốn vạn tám ngàn bảy trăm bốn mươi vị Ni.

Năm thứ hai, vua viết tựa Thiên Trúc Tự Nguyên ban cho Viện Dịch Kinh. Sách ấy là ngài Pháp Hộ Duy Tịnh dùng hai thứ tiếng Hoa và Phạm đối nhau dịch làm bảy quyển (tự điển Hoa Phạm). Việc học đọc tiếng Phạm thực sự bắt đầu từ đây. Bài tựa ấy nói rằng: Phiên dịch trình bày thì có Thiên Tức Tai... năm vị Tam tạng (có bốn vị người Tây Vức là Thiên Tức Tai, Thi Hộ, Pháp Hiền, Pháp Hộ và một vị người Trung Quốc là Duy Tịnh), còn bút thọ chuyết văn và chứng nghĩa thì từ ngài Pháp Tấn đến ngài Tuệ Đăng có bảy mươi chín vị. Ngũ Thiên Trúc cống hiến kinh Phạm và Phạn Tăng từ ngài Pháp Quân đến ngài

Pháp Xứng có tám mươi vị. Các Tăng ở cõi này đi thỉnh kinh trở về từ Từ Hàn đến Thế Bí có đến một trăm ba mươi tám vị, kinh Phạm có đến một ngàn bốn trăm hai mươi tám bản dịch thành năm trăm sáu mươi bốn quyển.

Tháng mười một, vua ban chiếu cho Khổng Tông Nguyện được tập phong chức Văn Tuyên Công.

Năm thứ ba, Phò Mã Đô Úy Lý Tuân Úc mở rộng Truyền Đăng Lục thành ba mươi quyển dâng lên vua, vua đặt tên là Thiên Thánh Quảng Đăng Lục, chính vua viết lời tựa.

Hữu Bộc Xạ Dịch Kinh Nhuận Văn sứ Lữ Di Giản, Tham Tri Chánh Sự Nhuận Văn quan Tông Thụ tâu vua rằng: Dâng chiếu vua tiếp tục sửa Pháp Bảo Lục, từ năm Tường Phù thứ tư đến nay là năm Cảnh Hựu thứ ba, biên chép thành một trăm sáu mươi mốt quyển, xin căn cứ vào quy chế cũ, xin vua viết cho bài Tựa. Năm thứ tư, vua viết bài tựa Cảnh Hựu Tân Tu Pháp Bảo Lục và cho nhập Tạng.

Năm Bảo Nguyên thứ hai, tháng năm, ngài Hoài Vấn ba lần đi Tây Thiên cùng các Sa-môn Đắc Tế, Vĩnh Định, Đắc An từ nước Ma-kiệt-đà ở Trung Thiên Trúc trở về, dâng lên vua xá-lợi Phật, kinh Phạm và nhiều hạt cùng lá các cây Bồ-đề, Vô Ưu, hạt chuỗi Bồ-đề và mười chín tấm bia ở Thiên Trúc. Vua triệu vào ủy lạo, ban cho hiệu là Hiển Giáo Đại sư cùng Tử y và vàng lụa...

Năm Khánh Lịch thứ nhất, ngài Tam tạng Pháp sư Duy Tịnh tâu vua rằng: Ở Tây Vức đã dâng Kinh mới cũ có cả vạn cuốn, Hồng Lô được lập ra đều có bổng lộc sở phí (Hồng Lô Khanh cốt đón khách bốn phương, đời sau lại chuyên để các Phạm Tăng Tây Vức đến ở) nay muốn xin triều đình cho bỏ việc dịch kinh. Vua nói: “Đây là việc của cả ba Triều vua trước đâu dám dẹp bỏ liền. Vả lại các Kinh Sách quý báu được hiến tặng, ngoài Hồng Lô ra ai có thể biết được”. Không bao lâu thì Trung Thừa Khổng Phụ Đạo dâng sớ xin vua bỏ việc dịch kinh, vua ra Tịnh sớ dạy rằng: “Đây là phép lớn của Tiên Triều không nên dẹp vội” (Tương Sơn Dã Lục).

Phạm Trọng Yêm cai trị Hà Đông, nghỉ đêm ở nhà Bảo Đức Truyền tìm được một quyển kinh cũ tên là Thập Lục La-hán Nhân Quả Thức Kiến Tụng, trong Tạng Kinh chưa ghi. Trọng Yêm bèn làm lời tựa rằng: “Trong Tụng văn này có nói một Tôn giả có bảy đầu đều ngộ được lời nói vốn đã thành Phật. Tôi đọc một bài tụng thì ngộ được một điều, mới biết ở trần thế có vô biên Thánh Pháp mà Đại Tạng còn sót mất các chân văn.” Nhân đó đem truyền đến Giang Lăng. Sa-môn Tuệ

Triết cho đem lưu hành ở đời (Gia Tập).

Gián Nghị Đại Phu Âu Dương Tu rất thích việc Hàn Dũ chê bai Phật Lão, bèn viết ra Bản Luận ba thiên, trong đó tóm tắt rằng: Phật pháp làm hại Trung Quốc hơn một ngàn năm. Những kẻ vững vàng ở đời không bị mê hoặc mà có sức mạnh thì không ai không muốn dẹp bỏ Đạo ấy. Đã dẹp rồi nay lại cố gắng phục hưng thật chẳng biết làm sao... Từ đời Nghiêu Thuấn đến Tam Đại việc cai trị sáng suốt dạy dỗ lễ nghĩa đầy khắp thiên hạ. Do đó đời tuy có Phật nhưng không do đâu thâm nhập vào được. Cho đến thời Tam Đại suy vi thì nền Vương Chính thiếu sót, lễ nghĩa bị phế bỏ, đó là hơn 200 năm Đạo Phật đã vào Trung Quốc. Do đó có thể nói Phật là tai nạn của chúng ta, vì nó thừa lúc thiếu sót phế bỏ mà đến. Đây là cái gốc để chịu tai nạn ấy... Lễ nghĩa là gốc để thắng Phật. Các lễ đi săn mùa Xuân và mùa Thu, lễ hôn nhân, tang tế, lễ hương tạ, phàm dạy cho dân đầy đủ thì Phật không do đâu mà xâm nhập được (Âu Dương Tu lấy lễ nghĩa làm gốc để thắng được Phật nên gọi là Bản Luận). Ông lại nói: Nay Pháp của Phật có thể gọi là gian tà. Lại nói: Ngàn năm Phật Lão vẫn là giặc của Trung Quốc (đều thấy trong tập sáu mươi mốt cư sĩ).

Năm Khánh Lịch thứ hai, thuở xưa ở núi Đông dịch, ngài Bản Như Pháp sư đã kết hẹn với một trăm Tăng cùng Tu Pháp Hoa Sám suốt một năm. Tháng bảy năm ấy Phò Mã Đô Úy Lý Tuân Úc tâu lên triều đình, vua ban cho Sư hiệu Thần Chiếu và Tử y. Có lần ở phía Tây nam thấy có một con hổ đang nằm, sư lấy gậy khẻ nhẹ vào hổ nói: "Không phải chỗ của mầy ở đây!" Con hổ cúi đầu bỏ đi. Sau cất lên một am ở chỗ hổ nằm và năm ấy Sư đến đó để ẩn cư. Sư mến mộ đạo phong của ngài Lô Sơn, đã cùng Tuân Công Chương Đắc Tượng và các hiền sĩ kết Bạch Liên Xã, sau sáu, bảy năm dần thành một ngôi chùa to. Chúa Thượng vốn nghe đạo phong của Sư nhân đó ban cho ngạch Bạch Liên.

Năm thứ ba, tháng sáu, hạn hán đã lâu, vua ban chiếu rước răng Phật ở chùa Tướng Quốc vào Nội điện để vua đích thân cầu đảo. Phút chốc mưa lớn ào xuống, bèn làm điện vàng bốn cửa giống như cung trời để thờ răng Phật. Lại viết Phát Nguyện Văn để tỏ lòng quy kính. Tể Tướng Chương Đắc Tượng kiêm chức Dịch Kinh Nhuận Văn Sứ.

Năm Khánh Lịch thứ tư, tháng sáu, tháp Linh Cảm ở chùa Khai Bảo bị cháy. Vua ra lệnh cho Trung Sứ lấy tháp xá-lợi để dưới nền tháp Linh Cảm đem vào nội điện để cúng dường. Khi sắp xây lại tháp cũ, Gián quan là Dư Tĩnh cố sức can ngăn. Vua không vui.

Gián Nghị Âu Dương Tu nói việc đó là đúng. Vua xuống chiếu

hạ ngục ông để phạt nặng, rồi đày ra Trừ Châu. Năm sau khi ông sắp trở về Lô Lăng, thuyền tới Cửu Giang, nhân đó ông mượn cớ dạo chơi Lô Sơn, vào Viên Thông ở Đông Lâm yết kiến Tổ Ấn Thiền sư Cư Nạp và cùng luận đạo. Sư phê phán Bách Gia nhưng lại chiết trung với Phật pháp (Sử Ký Khổng Tử Thế Gia - Chiết Trung với Phu Tử, thì chiết là cắt đứt, trung là phê phán). Ông bỗng nghiêm trang tâm phục, chí thành lắng nghe Sư nói quên cả mệt mỏi, mãi nửa đêm vẫn không nghỉ. Ông đều trầm ngâm cúi đầu chấp nhận. Lòng bài bác Phật thường ngày bỗng tiêu tan. Ông cứ lần lữa mãi hơn tuần nhật không đành lòng bỏ đi. Có người bảo ông giống y trường hợp Thoái Chi gặp Sư Đại Điên. Lúc đầu khi ông mới đến chào Sư, ngồi trên tòa Sư hỏi: “Túc hạ từ xa lại há vì Đạo của Thánh nhân Tây Trúc đã hợp ý mình ư?” Tu mạnh dạn đáp: “Tôi học đạo Khổng Mạnh. Tôi trộm ngưỡng mộ việc Hàn Dũ bài xích Phật Lão. Pháp ở Tây Trúc thì có dùng được gì?” Sư nghiêm sắc mặt gạn lại rằng: “Thoái Chi bài xích Phật Lão, tự ví mình với Mạnh Tử bài xích Mặc Dương. Nhưng Phật Lão là Đại Thánh, Dương Mặc nào dám bì, mà Thoái Chi còn không thể chê bai được, huống chi lại là người mến mộ ông ấy. Xưa Văn Trung Tử nói Phật là Thánh nhân, mà Thoái Chi chê là Rợ Quỷ, đây thật là lời của kẻ quá xấc láo!” Dương Tu nói: “Học giả bỏ lời nói đúng, Sử gia cũng không viết truyện truyền lại nên Thoái Chi tâm hoàn toàn không ca ngợi Phật. Nay Sư viện dẫn nói Phật là Thánh nhân thì trong thiên hạ có ai theo chăng?” Sư nói: “Văn Trung Tử là kẻ thuần Nho, ông giúp sức vua Thái Tông cai trị không hổ thẹn với Tam Đại, chức ông là Tu Sử, tất có thể nêu Phật Lão là Thánh nhân. Xưa Trần Thúc Đạt soạn ra Tùy Sử một cách tỵ hiềm ở đương đời, mà Tư Mã Quân thật phải viết truyện để bổ túc thêm. Còn Thoái Chi đã che giấu bậc hiền không khen ngợi đâu phải là công tâm trong thiên hạ? Bì Nhật Hưu nói là Mạnh Tử, Tuân Khanh giúp truyền đạo Khổng. Đến như Văn Trung Tử thì Tư Không Đô bảo đó là trời sinh Văn Trung Tử dùng để giúp rập Thánh nhân. Cho nên đám học trò của Phòng Đỗ mở rộng văn võ để giúp nền cai trị của năm Chánh Quán. Điều này đủ để biết Văn Trung Tử. Đám học trò của Tuân Khanh như Hàn Phi, chuộng hình danh mà hại đời, Lý Tư đốt thi thư mà làm mất nước Tần. Cái họa của Dương Mặc chưa đến nổi như thế. Đám học trò của Văn Trung Tử hay dùng đạo nhân nghĩa mà giúp dựng nên nhà Đường được bình trị. Như bọn Tử Vân, Thoái Chi nói suông vô ích không ai nghe tiếng bọn này đã có công phò Hán giúp Đường được hưng thịnh. Vậy Đạo của Văn Trung Tử há là không hơn được nhóm Tuân - Dương - Hàn

- Tử mà kẻ học ở hậu thế chấp nê mà chẳng biết ư?" Âu Dương Tu nói: "Bọn Hàn Tử không hợp với đạo của Văn Trung Tử là điều ít có, nếu gặp được vua Thái Tông tất sẽ phát huy hết hoài bảo của họ". Sư nói: Hiến Tông là vua thời trung hưng, nhưng bọn Thoái Chi không nghe nói là có giúp ích lại dùng việc bài xích Phật Lão mà lập công, tự ví mình với Mạnh Tử chê bai Dương Mặc, thật là một kẻ hiếu thắng hám danh quá lắm! Vả lại việc Thoái Chi chê Phật là Rợ Quỷ, xin luận tóm tắt rằng: Phật là bậc Thánh nhân từ cõi trời Đâu-suất giáng thần thác sinh vào Cung vua ở Thiên Trúc thì sao gọi là Rợ được. Phật là bậc Thánh nhân bất sinh bất diệt còn mãi trong nhiều kiếp, được hàng trời người kính ngưỡng thì sao gọi là Quỷ được? Đây không phải là Thoái Chi quá xấc láo ư? Tổ bảy đời của Thoái Chi là Hàn Kỳ vào năm Vĩnh Hưng thời Hậu Ngụy từ Hách Liên đến đầu hàng Thạch Bạt (họ Hách Liên là Tả Hiền Vương của Hung Nô, sau dựa vào Sóc Phương mà xưng là Đại Hạ. Đạo Võ của Hậu Ngụy họ Thạch Bạt khởi lên từ Bắc Địch). Do từ Tây Nhung về với Bắc Địch đâu phải chỉ riêng có Tổ của Hàn Thoái Chi, mà lại dám chê bai Phật Thánh nhân ư? Thoái Chi sợ cái lỗi sửa Sử để khen chê này nọ (đáp thư Lưu Tú Tài ông nói: Phàm người làm Sử nếu không bị người hại tất cũng bị trời phạt) mà không nghĩ rằng việc bài bác Phật lại là cái lỗi càng đáng sợ hơn. Cho mình có nhiệm vụ bài Lão mà anh mình lại thờ. Mao Tiên và uống linh đơn, cuối cùng bị ung thư mà chết (Thoái Chi nói Hàn và Mao cùng họ). Tử Sưởng sửa thư không có tài liệu chứng cứ (sửa Hán thư đổi Kim Căn Xa thành Kim Ngân Xa), cuối cùng bị truất bỏ phải lui về, chưa được mấy đời thì tuyệt tự. Đây cũng là không tránh khỏi bị người hại trời phạt. Thoái Chi đề xướng việc bài bác Phật Lão, nay túc hạ lại hùa theo, định khiến cho đời sau những kẻ hiếu danh lấy Hàn Dũ và Âu Dương làm mẫu mực há chẳng bị cái lụy về thạnh đức sao? Ngạn ngữ có câu: "Kẻ giỏi chửi người tất bị người chửi lại". Túc hạ xưa có làm Bản Luận chăm chăm lo việc hủy báng Phật, đâu khỏi được miệng đời không chê cười trước khi trời nghe thấy ư? Túc hạ bảo các Lễ Sưu Thú, Tang Tế Hương Tạ là gốc để thắng Phật, khác nào Thoái Chi nói Nguyên Đạo mà không thật biết "Đạo là gì". Dương Tu cả kinh thẹn đỏ mặt tạ lỗi rằng: "Nay Tu tôi trong lòng đã rõ ra, xin được dạy dỗ cho". Sư nói: "Đạo Phật lấy ngộ tâm làm gốc, túc hạ nhiều đời ở trong thể Đạo, chỉ vì mất Chánh niệm mà sinh vào Đông Hoa làm danh Nho, riêng chấp tục giáo mà quên mất gốc Đạo, hãy chí thành vận tâm Thánh phàm bình đẳng lắng lòng hội nhập, nhanh chóng bỏ tính ngã mạn xấc láo, hết sức hối lỗi đã

qua, xem vinh nhục vốn không, hiểu sinh tử như nhau thì tịnh niệm sáng trong tính Thiên chân hiển lộ mới có thể tìm về bến Đạo được". Từ đó Tu nhiều lần được tỉnh phát. Về sau khi ra làm quan lớn thường được khen ngợi trước hàng công khanh nhưng luôn luôn vẫn đọc sách hỏi đạo mãi không thôi (Sa-môn Tổ Tú nước Thục chép chuyện Âu Dương gặp Nạp Thiền sư làm Âu Dương Ngoại Truyện. Sau có Triều Cư sĩ Tô Tường Dưỡng, Trực Công Trương Lăng viết tựa. Tú ở Thượng Phong tại Đàm Châu đắc pháp với ngài Huỳnh Long Tôn Thiền Sư, tự hiệu là Tàng Lục Am).

Bàn rằng: Khổng Tử và Văn Trung Tử đều gọi Phật là Thánh nhân, còn Hàn Dũ gọi Phật là mọi rợ. Âu Dương làm Bản Luận nói Phật pháp là tai nạn của Trung Quốc. Cả hai người không biết Phật là Thánh. Vì không biết cái to rộng của trời đất nên không biết đâu là Rợ đâu là Trung Quốc. Vì không biết cái Diệu của Phật pháp nên không biết đâu là gốc, đâu là tai họa. Nho giáo có kẻ muốn bài bác Phật mà chưa xem kỹ kinh sách, chưa hỏi han các bậc học giả thì đâu thể phục nghĩa lý mà quay về, thế nên dễ dàng mặc tình xấc láo, như lời lầm lỗi nhất thời của Hàn Âu. Song Thoái Chi thì hỏi đạo với ngài Đại Điên, tự bảo là được chỗ thâm nhập. Cho nên Lỗ Trực có nói: Sau khi gặp được Đại Điên thì Thoái Chi làm Văn có nghĩa lý cao hơn mà việc bài Phật cũng ít đi nhiều. Còn Âu Dương gặp ngài Tổ Ấn thì nghiêm túc tâm phục, nên Tô Đông Pha nói rằng: Vĩnh Thúc không ưa Phật song sự thông minh của ông nó chiếu sáng, lại nhờ đạo đức hun đúc nên thành người thật có Phật pháp. Nay nhiều người chỉ đọc được các lời chê bai lúc trước mà không xét việc tin phục của họ sau này. Nên cả hai ông trọn đời mang tiếng là bài bác Phật, thật bất hạnh thay cho họ!

Vua sắc phong cho cháu bốn mươi sáu đời của Khổng Tử là Tông Nguyện làm Diễn Thánh Công. Huyện Tiên Nguyên sai sung năm mươi người Miếu Hộ đến quét dọn.

Năm Khánh Lịch thứ năm, Tổ Tuân ở Mi Sơn đến Biện Kinh thi Tiến sĩ không đậu, bèn từ Triết giang đến Tầm Dương, lên Lô Sơn yết kiến Tổ Ấn Nạp Thiền sư mà hỏi đạo Pháp (Đông Pha nói: Năm Khánh Lịch Bính Tuất, Tiên Quân đến hỏi Pháp ngài Viện Thông Nạp Sư mà được ý chỉ).

Năm thứ sáu (Đinh Hợi), Trụ Trì Thủ Xiêm ở Chánh Giác Thiền Viện tại Giang Ninh Phủ xây lại tháp Phật bằng gạch nung ở Tứ Châu. Trụ trì Phổ Trang ở chùa Thiên Hy soạn bài Táng Xá-lợi Ký.

Năm thứ bảy, mùa Xuân không mưa. Vua sai Sứ đến núi Đại

Hồng ở Tùy Châu cầu mưa. Sứ sai người đến khấn cầu ở điện, thấy thần Tăng Tử y nhướng mắt nhìn, thì sáng hôm sau có mưa to. Vua ban chiếu phong làm Từ Nhẫn Linh Tế Đại sư.

Thái tử Thái Bảo Trương Phương Bình, có lần ở Trừ Châu đến một Tăng xá gặp quyển kinh Lăng-già, đưa tay cầm Kinh chợt thấy như vật rất quen thuộc. Mở quyển đọc chưa hết thì túc chướng đều dứt sạch. Xem kỹ thì nét bút đời trước của mình còn rõ ràng. Từ đó mà ngộ nhập. Ông thường lấy bốn bài kệ ở đầu Kinh để phát minh tâm yếu. Tô Thức làm Đề Kinh phần sau có nói rằng: "Những điều Phật nói trước đây đều vi diệu bậc nhất, chân thật liễu nghĩa, nên gọi đó là Phẩm Phật nói về Tâm" Tổ Sư Đạt-ma truyền Pháp cho Nhị Tổ bảo rằng: "Ta xem bao nhiêu Kinh sách của nước Chấn Đán chỉ có bốn quyển kinh Lăng Già có thể dùng để ấn tâm, các Tổ dùng làm Tâm pháp truyền nhau". Như trong y học có Nạn Kinh thì câu câu đều là lý, chữ chữ đều là pháp. Kẻ thấu đạt đời sau sẽ sáng suốt mà minh phát, như hạt châu lăn chạy trên mâm hay mâm lăn chạy trên ngọc châu đều không đâu là không được... Tô Thức giao du với ông hồi ba mươi tuổi. Năm nay đến Nam đô yết kiến ông ở nhà riêng. Ông lúc đó đã bảy mươi chín tuổi, huyễn diệt đều mất, huệ quang tròn sáng. Thức tôi cũng già đi với mọi lo nghĩ, trăm niệm đều như tro lạnh. Ông cho đó là lúc có thể truyền dạy. Bèn trao cho Kinh này chỉ lấy ba mươi vạn tiền để sai người đem ấn thì trong vùng sông Hoài. Ngài Kim sơn Phật Ấn Nguyên Thiền sư cho rằng ấn thí có giới hạn. Không bằng viết rồi đem khắc bản in ra thì vô cùng. Bèn viết mà khắc bản để làm vật thường trụ ở Kim sơn. Vua viết Tụng Dịch Kinh ban cho ngài Tam tạng Pháp Hộ.

Năm Khánh Lịch thứ tám, Gián Thần Tư Mã Quang nhiều lần dâng sớ xin lập Trữ Tự. Vua nghe nói ở chùa Khai Bảo ngài Pháp Hoa có hạnh lạ. Đêm đến vua thắp hương ngầm khấn mời ngài Pháp Hoa Đại sĩ sáng hôm sau đến điện Hóa Thành thọ trai. Sáng ra vua mặc Đạo y ngồi nghiêm mà đợi. Bỗng Nội Thị tâu rằng: ngài Pháp Hoa từ cửa hông bước vào đi thẳng đến Tẩm điện, la ngăn cũng không dừng! Vua cười bảo: Trẫm mời ngài đến đấy! Ngài đến liền lên thẳng ghế ngồi của vua mà thọ trai. Vua hỏi về việc Trữ Tự, ngài xin giấy bút và viết liền chữ mười ba, mười ba. Sau đến đời Anh Tông nối ngôi thì chính là con thứ mười ba của Bộc Vương (Bộc Vương là anh của Nhân Tông).

Quan Tri Chế bảo Tăng Công Lượng vì để tang mẹ nên cáo quan về quê. Tăng ở quê là Nguyên Đạt ngồi thuyền đến Tiền Đường vào chùa Thiên Trúc lễ Đại sĩ (Pháp Hoa). Khi vào cửa có cô gái áo lụa

trắng bảo rằng: "Tăng xá nhân năm mươi bảy tuổi vào Trung Thư ngồi cao, cũng năm ấy Sư được hiệu" rồi biến mất. Quả nhiên đến năm ấy Công Lượng được làm Thừa Tướng và ông nhớ ân Nguyên Đạt nên bổ làm Đại sư. Công Lượng có tiền thân là Thanh Thảo đường. Năm hơn 90 tuổi, nhân vợ của Tăng thị vào chùa thiết trai cúng dường, đã cúng cho ông y vật, ông cảm kích tình ý ấy. Khi người vợ sinh con thì ngay lúc ấy ông ngồi mà hóa.

Tham Tri Chánh Sự Âu Dương Tu coi Dương châu. Ở Lô Sơn, Tổ Ấn Nạp Thiền sư sai Tăng đến hỏi thăm. Âu Dương Tu cùng đối mặt ngồi ăn bỗng ông bảo: Nước Cao Ly sai Sứ đến hỏi Ngụy Võ chú thích Tôn Tử, có ba chỗ yếu nghĩa mà không chú thích. Các hiền thần trong triều đình không ai đáp được. Có chiếu vua hỏi Tu tôi nhưng cũng chưa biết đáp thế nào? Vị Tăng nói: "Lão Sư trong núi tất biết được nghĩa này". Dương Tu mừng rỡ đốc suất Quận sắm sửa nghi lễ triều đình cho Sứ đến gấp mời Sư. Sư bảo Sứ rằng: "Trong binh có việc cơ mật không thể trình bày cùng mọi người." Sứ trở về trình, ông liền đem lời nói ấy vào tâu vua (Đông lâm Lục). Sau Dương Tu viết tựa cho Bộ Chú Tôn Tử, nói rằng: "Tôn Võ lấy việc vô cùng làm kỳ lạ. Lời văn tóm tắt mà ý rất sâu xa". Sau ông lại vì Tiền Trung Ý Vương mà khen rằng: "Trong đó có Láng Xư không thể đem chỉ cho người được" đều là ý của Sư Tổ Ấn cả.

Bàn rằng: Bàn tôi lúc còn bé đứng hầu Sư Viên Tiên Sinh (tên là Cơ, cháu của Quận Học Lục Khiết Trai Chánh Hiến Công) thấy Dữ Hương Sĩ xem Tôn Ngô Binh Thư nghe ông bình luận rằng: Binh của Nho hợp với Đạo Thường: Thương yêu sĩ tốt không giết lầm một người đó là Nhân. Cứu người lúc gặp nạn không quên vua chúa, đó là Nghĩa. Hai bên cùng đánh nhau vẫn sai Sứ qua lại, đó là Lễ. Bảo vệ đất nước che chở nhân dân, mỗi bên đều giữ lời giao ước đó là Tín. Đến như người thì lừa đảo, còn ta ngay thẳng mà chính nghĩa xuất binh, lấy sự kỳ dị mà thủ thắng, đó là Trí. Phàm Trí thì không vướng vào một góc. Có việc do biết dự đoán trước mà thắng, có việc do lâm sự lại biết ứng biến mà thắng. Dùng trí một cách bất định sáng suốt như Thần Minh. Chí thân như cha con cũng không thể bảo nhau. Nhưng nói với nhau bằng chữ viết đâu thể hết ý được. Ta nghe câu nói này đã bốn mươi lăm năm, nay xem điều ghi trong Đông lâm Lục càng tin lời của Viên Công cùng Tổ Ấn có ý nghĩa giống nhau (Âu Dương Ngoại Truyện nói: Ông đến Viên Thông. Phạm Văn Chánh dùng thư để xúc phạm Vĩnh Thúc, hỏi việc Ngụy Võ không chú thích Tôn Tử để quyết nghi, Sư đến xem xong

bèn lấy một pho mà chú thích. Ông kinh hãi xuất hạn suốt đêm).

Năm Khánh Lịch thứ chín, Âu Dương Tu coi Dĩnh Châu, có cô ca kỹ Lô Mị nói khéo hay cười, mở miệng thì có hương sen tỏa ra. Có Sa-môn nước Thục biết việc đời trước của người. Dương Tu đem việc ra hỏi, vị Tăng đáp: "Cô gái ấy kiếp trước làm Ni tụng kinh Pháp Hoa ba mươi năm, do một niệm sai lầm mà đến như thế". Tu hỏi cô gái: "Có tiếp tục tụng kinh Pháp Hoa chăng?" Cô gái thưa: "Mất thân thế này đâu thể tiếp tục tụng được". Tu sai tả hữu dạy cô". Chỉ mới dạy qua một lần, cô gái liền tụng được nhưng chỉ tụng kinh Pháp Hoa, các kinh khác không tụng được (Độn Trai Nhàn Lãm).

Năm Hoàng Hựu thứ nhất, vua ban chiếu xây lại Tháp Linh Cảm để thờ xá-lợi (Năm Khánh Lịch thứ tư, Tháp bị cháy tiêu nên phải xây lại).

Vua ra lệnh cho Trung Sứ đến Trần Lưu vào Quan Tự rước xá-lợi xương ngón tay Phật. Có người cho là giả. Vua bảo đem lửa dữ nung đốt và giả bằng chày vàng thì vẫn còn nguyên vẹn. Bỗng xá-lợi chiếu sáng về phương Tây. Vua nói: Công đức muốn về Xiển Giáo ư? Bèn dùng hộp báu thủy tinh mà đựng, vua viết bài văn Phát Nguyện rồi rước trở về chùa cũ. Khi xưa, người ở ấp Trần Lưu lập chùa cho Sa-môn Nghĩa Tân, xin biển ngạch đề là Xiển Giáo. Bỗng có vị Phạm Tăng đến bảo rằng: "Ta từ Thiên Trúc đem xá-lợi ngón tay Phật đến đây tìm chỗ tốt đẹp mà thờ, ngoài Sư ra thì không ai được". Rồi dâng cho Sư mà bỏ đi. Sau đó xá-lợi phóng ra ánh sáng nhiều lần, cầu đảo đều rất ứng nghiệm (Dương Kiệt soạn bia).

Từ Triều Nhà Chu phá chùa nên cất lại chùa Long hưng, Lưỡng Nhai ở Kinh Sư chỉ có Nam Sơn Luật Bộ, các Tông Hiền Thủ, Từ Ân chỉ là nghĩa học mà thôi. Những hàng sĩ phu thông minh vượt bậc đều chán nghe việc nói về danh tướng, mà chỉ quán của Thiên Thai, Thiền Tông của Đạt-ma chưa thể lưu hành. Từ năm Thuần Hóa đến nay chỉ có Thiên Trúc ở Tứ Minh hành đạo Quán Tâm Tông Nhãn ở Đông nam, chiếu sáng khắp thiên hạ. Dương Ức, Triệu Huýnh nhờ đó mà phát lên. Vua Chân Tông lại ban thưởng thêm cho hiệu là Pháp Trí Từ Vân. Cả một thời trong Triều, trong ngoài đều cùng ngưỡng mộ. Nhưng rốt cục vẫn chưa thể lưu hành cái thuyết ấy ở chốn kinh ấp. Bấy giờ Nội Thị Lý Duẫn Ninh tâu vua lấy dinh thự ở Biện Kinh mà lập ra Hưng Thần Tịch (nơi giảng thiền) nhân đó vua ban Ngạch đề Thập Phương Tịnh Nhân. Vua mới lưu ý đến Không Tông ban chiếu tìm người có Đạo Hạnh đến ở đó. Âu Dương Tu... xin mời ngài Viên Thông Cư Nạp, nhưng Nạp Sư

lấy cớ bệnh mà từ chối. Do đó cử ngài Hoài Liễn lên thay (Âu Dương Ngoại Truyện).

Năm thứ hai, Tể Tướng Văn Ngạn Bác kiêm chức Dịch Kinh Nhuận Văn Sứ. Ngạn Bác cùng Tịnh Nghiêm Thiền sư ở Kinh Sư kết hẹn Tăng Tục mười vạn người niệm Phật để cầu nguyện Vãng Sinh Tịnh Độ. Vua ban chiếu mời Tả Nhai Tịnh Nhân Tự là Hoài Liễn Thiền sư vào điện Hóa Thành thăng tòa, còn Hữu Nhai Tăng Lục là Trí Lâm... vấn nạn. Cả hai đối đáp nhau đúng ý chỉ Phật, vua ban chiếu cho hiệu là Đại Giác.

Khi xưa, Thuấn Lão Phu ở chùa Thê Hiền tại Lô sơn. Quận Thú Nam Khang có tư thù nên bắt ông mặc áo tục không cho tu nữa. Ngài Đại Giác đón ông về chùa Tịnh Nhân mời ông ở nhà trên. Mỗi khi vua mời Sư vào nội điện không hề nhắc đến. Một hôm Gia Vương đến chùa, thấy ngài Đại Giác đứng hầu bên ông rất cung kính. Vua lấy làm lạ hỏi Tả Hữu thì mới biết là ngài Đại Giác đã từng vào học với Thuấn, bèn về tâu vua. Vua mời Thuấn vào điện hỏi thăm thì Đạo Mạo ông rất kỳ vĩ. Vua kính cẩn nói: "Đây là bậc cao nhân ở Sơn lâm", vua lấy quạt đề thơ ban tặng hiểu dụ Thuấn. Rồi cho ông làm Tăng như cũ, cho về ở lại chùa Thê Hiền và ban cho Tử y, bát bằng bạc.

Năm Hoàng Hựu thứ năm, Sa-môn Trí Cát Tường... ở Tây Thiên đến Triều dâng lên vua kinh Phạm. Vua ban cho Tử Y. Vua ban chiếu sai Âu Dương Tu cùng Tông Kỳ Phạm Trấn sửa lại Đường Thư, như Cao Tăng Huyền Trang, Thần Tú các truyện và Phương Kỷ Truyện... cho đến bài văn đọc trong lễ lập chùa Tiến Phước kỳ siêu cho các Tướng sĩ trận vong trong năm Chánh Quán... đều bỏ hết. Có vị Tăng Tịnh Nhân theo Giác Thiền Sư, xưa có theo học với Tư Mã Quang, có lần nghe lời nói ấy bảo rằng: Vĩnh Thúc không ưa Phật. Nên trong Đường Sử xưa, những gì có liên can đến việc ấy đều bỏ đi. Có lần lấy hai bản cũ mới so nhau thì thấy đã bỏ đi hơn cả ngàn điều. Nhân nói: "Chuyển đổi tánh mạng và đạo đức của người bằng lời dối trá là văn của Hàn Dũ, dẹp bỏ sự thật về các việc trị loạn thành bại là Tân Thư." Phạm Tổ Vũ nghe lời nói của Tư Mã Quang: Bèn viết Đường Giám để ngầm bổ khuyết cho bộ Tân Thư (Âu Dương Ngoại Truyện).

Có lần Tư Mã Quang đọc Văn Trung Tử thấy bảo Phật là Thánh nhân, ông nói: Xét như thế thì tâm Phật có thể thấy được. Bèn làm sáu bài Thiền Kệ, đoạn chót trình bày rằng:

Ngôn làm Thầy trăm đời
Hạnh làm Pháp Nhân Thiên

Là Hiền, là Đại Thánh
Gọi là Phật, Bồ-tát.

Nhân lúc rảnh rang ông dạo chơi đến các chùa ở Lạc Dương, trong các dãy hành lang vắng ngắt bỗng nghe chuông trống nổi lên. Ông lên trai đường thì thấy một vị Sa-môn ngồi thẳng yên lặng mới đến dâng lên bảy chiếc đũa. Quan vui mừng gọi tả hữu bảo rằng: “Đừng nói rằng Lễ Nhạc của Tam Đại không ở trong áo nhà Tu”.

Năm Chí Hòa thứ nhất, vua ra sắc lệnh rằng: Ngài Tam tạng Pháp Hộ giới đức cao trội, có thể đặc cách phong cho Sư hiệu sáu chữ là Phổ Minh Từ Giác Truyền Phạm Đại Sư.

Vua mộng thấy đến trước cửa chùa Cảnh Đức thấy một con rồng nằm cuộn khúc trên đất, sợ quá tỉnh dậy. Bèn sai Sứ đến chùa xem thì thấy có một vị Tăng đang nằm ngoài cửa chùa tên là Đạo Long. Sáng hôm sau vua triệu vào gặp thì Sư ứng đối thông minh rõ ràng bèn ban hiệu là Minh Ngộ Thiền Sư. Vua sắc lệnh cho bên ngoài Tào Môn lập Viện Hoa Nghiêm mời Sư đến ở.

Năm Chí Hòa thứ hai, Tịnh Nhân Đại Giác Thiền sư Hoài Liễn dâng thư về Lão Sơn. Vua nói: Sơn tức là cái thể Như Như sao lại về? Sư bèn dâng Tụng rằng: “Mây núi suối nguồn tiếng nhạc reo, thân nhàn ở ngọn núi cheo leo, ân cần nguyện sống bằng trời đất, một nén hương thơm ngát núi đèo.” Vua có lần ban cho Sư bát gỗ long não. Sư đem đốt bát trước Sứ giả nói rằng: “Pháp ta chỉ dùng y hoại sắc và bát bằng sành bằng thiếc để ăn, bát này là phi pháp”. Sứ giả về tâu, vua càng khen kính Sư.

Năm Gia Hựu thứ nhất, nhân Tiết Càn Nguyên (đầu năm), vua ra lệnh tại Tháp Viện Phước Thánh ở chùa Khai Bảo thiết lễ trai dâng cúng chư Tăng Y Ca-sa.

Thái Thú Tương châu là Lý Phục Khuê đào nền tháp ở chùa Long Hưng được xá-lợi tóc Phật cuộn xoắn ốc kéo ra rất dài. Người tới lui kính lễ không dứt. Tể Tướng Hàn Kỳ liền xây điện trên đất ấy mà thờ.

Năm Gia Hựu thứ ba, ngài Dịch Kinh Tam tạng Ngân Thanh Quang Lộc Đại Phu Thí Quang Lộc Khanh Phổ Minh Từ Giác Truyền Phạn Đại sư Pháp Hộ đã thị tịch, thọ chín mươi sáu tuổi.

Nước Tây Hạ tâu vua rằng: Trong nước có Già-lam mới xây xong xin vua ban cho Đại Tạng Kinh Điển. Vua chấp thuận.

Năm thứ năm, môn hạ của Đồng Trung Thư là Chương Sự Phú Bậc Kiệm chức Dịch Kinh Nhuận Văn Sứ.

Phú Trịnh Công thỉnh ngài Hoa Nghiêm ở Chiêu Đề tại Lạc Dương

có mời Tư Mã Ôn Công cùng đón rước. Bỗng thấy mấy mươi gánh đi qua. Ôn Công hỏi thì đáp rằng: "Đây là hành lý của Chiêu Đề Trưởng Lão". Ôn Công bèn bảo ra về. Trịnh Công nói: Đã thấy rồi đấy.

Bàn rằng: Người học đạo tất giữ phận nghèo làm đức, người thời nay nếu biết được đều tôn kính. Nhưng mấy mươi gánh hành lý của Chiêu Đề rốt cuộc khiến Ôn Công thấy đức quá mỏng, chỉ vì một sai sót nhỏ mà xóa hết đức to, không răn dè ư?

Năm Gia Hựu thứ sáu, Văn Ngạn Bác làm Sứ Tướng Trấn Ngụy Phủ thỉnh ngài Văn Tuệ Thiền sư ngày đầu năm về ở chùa Thiên Bát. Một hôm ngài đến từ biệt nói là sẽ nhập diệt. Ngạn Bác sai con đến hầu, quả nhiên ngài ngồi mà hóa. Trong mùa nắng dữ mà hương thơm ngào ngạt. Khi thiêu khám thì có khói trắng bốc lên, xá-lợi như mưa. Ngạn Bác thân đến xem, tay cầm bình lưu ly khấn nguyện thì khói trắng chui vào bình và xá-lợi đầy ắp.

Ở Hàng Châu ngài Trí Viên Luật Sư Duẫn Kham thị tịch, tháp ngài ở chùa Bồ-đề tại Tây hồ. Ngài có soạn bộ Hội Chánh Ký giải thích các văn của Nam Sơn Luật Tông lưu hành ở đời.

Năm thứ bảy, ở Đằng Châu có Sa-môn Khế Tung. Lúc xưa Sư đắc pháp với ngài Động Sơn Thông Thiền Sư. Sư đến chùa Linh Ẩn ở Tiền Đường đóng cửa viết sách. Viết xong Sư vào kinh Sư yết kiến Nội Hàn Vương Tố dâng lên vua Phụ Giáo Biên, Định Tổ Đồ, Chánh Tông Ký... Vua đọc sách biết Sư là kẻ vì Pháp chứ không phải vì mình, mừng khen sự chân thành của Sư. Vua ra lệnh cho các sách được nhập vào Đại Tạng và ban cho Sư hiệu là Minh Giáo Đại sư. Đến khi đưa sách cho Trung Thư Tể Tướng Hàn Kỳ, Kỳ đưa cho Âu Dương Tu. Tu xem văn khen rằng: Không ngờ trong Tăng lại có người như thế. Sáng hôm sau cùng Hàn Kỳ đến chùa Tịnh Nhân gặp Sư thì cùng chuyện vãn trọn ngày. Từ Tể Tướng trở xuống đều tranh nhau mời đón Sư, danh tiếng lừng lẫy cả nước. Khi Sư đi về phía Đông đến Ngô Môn thì Đại Giác Liễn Thiền sư làm bài Bạch Vân Dao để tặng Sư (Thạch Môn Văn Tự Thiền).

Bàn rằng: Triều Dĩ Đạo nói: Ta từng quái lạ về văn của Hàn Dũ và sức của Âu Dương Tu về bài bác Phật pháp, nhưng trong số đó lại có nhiều người rất giỏi Phật pháp như nhóm Trừng Quán, Khế Tung... tuy tự mình có thể truyền đến hậu thế, nhưng hàng sĩ phu đời nay ưa khen tặng là người có Đạo đức thì hai ông này là mạnh hơn cả.

Ở Lạc dương có Sa-môn Giám Duật có soạn bộ Vận Tổng năm Thiên rất giản dị mà sâu sắc. Âu Dương Tu làm lời tựa cho bộ sách ấy nói rằng: Nêu phép cân nhắc tiếng chánh phụ, nặng nhẹ mà định rõ bốn

thanh, tìm xét các lỗi trước của các nhà Nho, luận bàn sửa lại các sai trái khắp nơi, các kẻ Nho học không thể bắt bẻ.

Bàn rằng: Phàm người lúc bé tất phải học chữ, thầy lại không biết chữ nên việc học có nhiều sai trái, khi lớn lên lại dạy người sai trái. Sai trái cứ truyền nhau nên không nghi ngờ gì. Không biết chữ mà làm văn, văn muốn học theo xưa mà không biết chữ xưa thì làm sao làm văn được?

Đời Hán Tiên Quân là Trung Lang Thượng Thư (đời Hậu Hán tên là Lô Trực tự Tử Hàn, đến Chí Bàn tôi là mười hai đời, thấy rõ trong gia điệp) từng dâng thư lên vua xin cho sửa đúng lại văn tự của Ngũ Kinh, có nói rằng: Cổ Văn thật gần với tiếng tục, lại giáng xuống bậc tiểu học thật đáng hại vậy (Ban Cố trong Hán Thư cho là tiểu học). Bàn tôi thuở bé theo học với thầy, đến năm mươi tuổi mới biết chữ nhiều sai quấy. Nhân bực dọc viết quyển Tự Thư để đính chính. Mới hay người đời còn viết sai và lầm lẫn rất nhiều, như các chữ Trần Trận (陳 陣), Hoa Hoa (花 華), Lịch Lịch (厯 曆), Phụng Bổng (奉 俸) dùng tiếng tục ngược chủ đề mà làm sai trái cái đúng của Kinh Sử (như Luận Ngữ nói "chiến trận", các sách đều viết Trần (陳). Nay vận lược lại đưa ra chữ Trận (陣), ở dưới có chú rằng: cũng viết như Trần (陳). Lễ Ký nói: "Cúc Hữu Huỳnh Hoa", Kinh Thi nói "Thấp Hữu Hà Hoa." Ngụy Tào Trực làm Thi có câu "Chu Hoa mạo duyên trì." Nay Vận Lược viết chữ Hoa sau chú: Cũng viết chữ Hoa. Hán thư nói Luật Lịch Chí đều viết Lịch, nay Vận Lược đều viết cả (厯) ra (曆). Hán thư viết "Xan Tiền Phụng Ấp và viết: Quang Võ chiếu, Tăng bách Quang Phụng" đều viết chữ Phụng (奉). Nay Vận Lược trước nêu chữ rồi dưới lại chú: Cũng viết là phụng. Đây đều dùng tiếng tục làm chủ). Lại nhầm lẫn giữa các chữ (Việc viết các chữ này không theo phép sách vở nào mà chính là theo thói tục thông thường có ba điều không chấp nhận. Lại lầm giữa các chữ ... đó là núi núi lửa lửa càng thêm lầm lẫn (đọc là bộc, như câu "Mạnh Tử nhất nhật bộc chi", "bộc kỳ sở trường ư yên, hựu bộc lộ ư dã" đều đọc là bộc, phải đọc theo âm vận đó, không phải là chữ tiếng tục). Lại như các chữ đó là thêm bớt chấm vạch mà không thành chữ. Đến như chữ Chính Nguyệt (正 月) thì đọc thành (征) chinh còn Chiêu mục thì đọc là (thiều) khác đời vua thì không kỵ húy nhưng nói về âm nghĩa thì kiêng húy là sao? Trên viết Chánh ( ) Nguyệt lại đọc là Chính cũng đọc là Chinh ( ) Kinh thi lại viết đúng chữ Chánh nguyệt. Đời cho Tần Thủy Hoàng tên húy là Chính nên đọc tránh là Chinh. Đây là do kiêng tên huý của Tấn Văn Đế là Chiêu mà đọc là Thiều. Song Chiêu Mục chính

là lấy cái nghĩa Chiêu Minh. Chu Hối Am khi giải thích kinh đều dùng đúng chữ, hai chữ Chinh Thiều này đều do Lục Đức Minh giải thích văn không biết nên có cái lỗi sửa đổi cắt bớt. Với tên húy của các vua đã mất hoặc không ra lệnh bắt kiêng húy thì lại kiêng húy, còn Đức Thánh Khổng là thầy muôn đời thì lại không biết kiêng húy. Nho giáo từ xưa nay không biết xấu hổ! Phật và Thiền cũng lấy từ sách Phật mà không rút ngắn lại, còn Tăng và Phạm cũng từ sách Phật mà đặt ra Thiên vận là sao? (Tiếng Phạm nói Phật-đà, Hán dịch là Giác Giả. Tiếng Phạm nói là Thiền-na, Hán dịch là Tịnh Lự, hai chữ này không rút ngắn lại (thu). Tiếng Phạm nói Tăng-già, Hán dịch là chúng. Phạm là Thanh Tịnh ly dục. Nay trong vận thì hai chữ này rút ngắn). Thế mới biết việc thêm về Ngọc Thiên của Tôn Cường (đời Lương, Cố Dã Vương soạn bộ Ngọc Thiên, đời Đường, Tôn Cường thêm chữ, phần nhiều lấy ở sách tục). Việc thêm về Quảng Vận của Tôn Miếu (đời Đường, Tôn Miếu soạn bộ Quảng Vận phần nhiều thâu nhặt chữ Tục. Cùng với Đinh Độ ở Triều Tống ta soạn bộ Tập Vận đều trích dẫn rộng các sách Tục, bẻ cong chánh thể khiến ý xưa của kinh sử tối tăm khó hiểu. Mối nguy lớn của các Tự Thư này phải đợi các chí sĩ sửa đúng lại không? Nay xem Âu Dương Tu làm lời tựa cho Bộ Vận Tổng, bảo là có thể sửa đúng sự lầm lạc mọi nơi, nhà Nho không thể bắt bẻ nên tôi thầm cảm kích, tiếc rằng không gặp được sách ấy (thấy ở Lục Nhất Cư Sĩ Tập). Huỳnh Thái Sử nói: Người Ngụy Tấn chỉ biết dùng chữ dễ viết mà không cần biết căn nguyên của chữ ấy. Như các chữ đều không thành chữ. Trong Tư Lăng Hàn Mặc Chí có nói: Cách viết chữ không thời nào tệ như thời triều Tống ta, thật đúng thay! Rõ là bậc Thánh học có nhận thức sâu xa vậy! (Cao Tông lăng hiệu là Vĩnh Tư).

Đời Anh Tông: (anh của Nhân Tông, con thứ mười ba của Vương, ngày hai tháng giêng là tiết Thọ Thánh), chôn ở Vĩnh Nguyên Lăng.

Năm Trị Bình thứ hai, vua ra lệnh ở chùa Đại Tướng Quốc tạo bia ghi về Tam Triều Ngự Chế Phật Nha Tán. Hàn Văn Học Sĩ Thần Vương Khuê soạn lời văn bia, Tả Bộc Xạ Ngụy Quốc Công Thần Giá Xương Triều viết chữ, Hữu Bộc Xạ kiêm Dịch Kinh Nhuận Văn Sứ Vệ Quốc Công Thần Hàn Kỳ lập bia đá. Vua Thái Tông ngự chế rằng:

Nhiều kiếp công thành nét chữ in
Không là tai nạn ở Nam Sơn
Thân vàng rực rỡ bao phen thấy
Một mảnh ngọc linh sáng tay nâng.

Lúc luyện tinh thần trăm lửa sáng
Ngàn năm dấu cất ngọc còn nguyên
Định quả huân tu đầy bí mật
Chánh tâm dâng hiến chớ coi thường.

Vua Chân Tông ngự chế rằng:

Ở cõi Tây phương Phật Thích-ca
Từ bi tế độ đời tôn kính
Con luôn tiến tu thêm diệu quả
Ngõ hầu lợi ích khắp quần sinh.
Vua Nhân Tông ngự chế rằng:
Tam Hoàng thân xác tan trong đất
Ngũ Đế hình hài hóa bụi trần
Khổng Tử trong mồ khoe là Thánh
Lạo Đam thoát tục gọi quy chân.
Thân chôn chỉ thấy trong huyệt trống
Lấy gì để chỉ hậu sinh tin
Chỉ có Phật ta còn xá-lợi
Trải ngàn năm sắc vẫn còn tinh.

Năm Trị Bình thứ ba, ngài Tịnh Nhân Liễu Thiền sư xin vua được về núi A-dục Vương ở Tứ Minh, vua ban cho tờ chiếu chính tay vua viết rằng: "Khắp các tự viện trong thiên hạ Sư muốn ở đâu tùy ý." Sư bèn lập Thần Khuê Các để thờ Thánh Chế của Tiên triều (Thi Tụng của vua Nhân Tông có đến mười bảy thiên). Học Sĩ Tô Thức làm bài Ký, nhân gởi thư hỏi Sư lời vua ghi trong chiếu viết tay đó. Sư nói không có. Sau khi Sư thị tịch mới tìm thấy tờ chiếu ấy trong cái sọt vuông. Tô Thức nghe việc bảo rằng: Thật là một bậc đạo đức.

Năm thứ tư, vua ra lệnh các Tự Viện trong thiên hạ có đến ba mươi ngôi đều được ban Ngạch đề chữ "Thọ Thánh."

Đời Thần Tông: (con cả của Anh Tông, mẹ là Tuyên Nhân Thánh Liệt Hoàng hậu, họ Cao. Vua sinh ngày mười tháng tư là tiết Đồng Thiên, chôn ở Vĩnh Dụ Lăng).

Năm Hy Ninh thứ nhất, tháng bảy, Quan Tư Gián Tiền Công Phụ tâu vua: Tự Bộ gặp năm đói kém vì vỡ đê, xin vua cho cấp Chúc Điệp Độ (có lệ phí) để cứu nạn gấp nhất thời. Từ nay trở đi các ban tặng trong các Thánh Tiết đều giảm bớt. Chúc Điệp có bắt đầu từ đây.

Bàn rằng: Từ xưa các hàng xuất gia từ đời Hán Minh Đế đến nay đều do ân nước mà được độ. Như đời Tùy Văn Đế, một năm độ đến

năm mươi vạn người. Đời Đường, vua Thái Tông cảm được lời nói cần người hoằng pháp của ngài Tam tạng Huyền Trang liền độ đến một vạn bảy ngàn Tăng. Vua Duệ Tông cũng độ được ba vạn người. Vua Thái Tông triều Tống ta cũng phổ độ đến mười bảy vạn đến hai mươi bốn vạn người. Đây là đại lược về nhờ ân vua mà được độ. Đến đời Đường Trung Tông mới ban chiếu khắp thiên hạ phải thi Kinh để độ Tăng, cũng như nhà Hán mở khoa thi lấy học trò rất đáng chuộng vậy. Các vua Thái Tông, Chân Tông, Nhân Tông nhà Tống ta đều mở khoa thi Kinh. Do đó rất hưng thịnh, chưa nghe nói nhờ tiền đổi lấy được bậc cao thượng ở chốn sơn lâm. Từ đời Đường Túc Tông thì theo lời tâu xin của Tể Tướng Bùi Miện: Vì lúc mới dùng binh nên phải có Chúc Độ Điệp, cũng như đời Hán Minh Đế nộp lúa thóc giúp biên giới để được ban tước. Theo ân vua nhưng cũng có thể chọn lựa người. Vì ai thi Kinh đều là người có tài. Đến như việc thâu của lót để cho làm Tăng thì kẻ giàu có thể mặc tình thỏa ý, gây ô tạp cho kẻ tinh tấn thật là bất hạnh cho pháp môn ta! Công Phụ vì thời buổi khó khăn mới khuyên vua cắt giảm ân tứ gây nên việc mua bán mở đầu là một nguồn lợi mà đến nay chưa thể dẹp bỏ được. Luật nói: Các phương khác có việc Thanh tịnh dù không thuộc pháp chế của ta nhưng không được không làm, bởi là nghĩa này vậy.

Năm ấy trong thiên hạ có hai mươi hai vạn sáu trăm sáu mươi vị Tăng và ba vạn bốn ngàn ba mươi vị Ni.

Năm Trị Bình thứ tư, ngài Minh Giáo Đại sư Khế Trung viên tịch tại chùa Linh Ẩn ở Tiền Đường, khi hỏa thiêu thì mũi, lưỡi, mắt, tai và xâu chuỗi, năm thứ ấy không hư hỏng. Lúc đó chúng muốn thử nghiệm, bèn đem lửa dữ đốt lại, năm vật ấy càng rắn.

Năm thứ năm, vua ra lệnh cho Quan Âm Viện ở chùa Thiên Trúc tại Tiền Đường, mỗi năm độ một Tăng để phụng thờ hương lửa (Thượng Trúc Kỷ Thắng).

Tháng bảy, Âu Dương Vĩnh Thúc từ khi làm quan ở Dĩnh Thượng hằng ngày cùng Sa-môn giao du, nhân đó tự gọi là Lục Nhất Cư sĩ, gọi văn ông viết là Cư Sĩ Tập (Âu Công tự làm truyện rằng: Nhà ta chứa sách một vạn quyển, các tập Lục từ Tam Đại trở đi, các di văn Kim Thạch có cả một ngàn quyển và cờ một bàn, đàn một cây, lại thường có rượu một bầu và ta một thân cùng già đi với năm thứ ấy). Rồi ông tĩnh tâm ngồi sững, bỏ cả rượu thịt. Trước ngày lâm chung mấy hôm, ông bảo đem ông đến ngôi chùa gần đó, nhờ đọc kinh Hoa Nghiêm đến tám quyển, rồi an nhiên mà hóa (thấy trong Ngoại Truyện). Vĩnh Thúc thuở

xưa khi mới ra làm quan rất khổ vì có nhiều bệnh. Có lần ông mộng thấy đến một nơi có mười người đội mũ miện mà ngồi. Một người bảo: “Tham Chánh sao được đến đây?” Vĩnh Thúc hỏi: “Các vị có phải là mười vua Thập điện ở Âm Phủ của Nhà Phật đó chăng?” Đáp: “Đúng là chúng ta đây”. Nhân đó Tu hỏi: “Ở đời người ta cúng dường chư Tăng và tạo kinh có lợi ích chăng?” Đáp: “Sao không lợi ích”. Rồi ông thức dậy thì bệnh liền hết. Từ đó ông càng tôn kính Phật (Khu Mật Phó Sứ là Ngô Sung viết về hành trạng của Dương Tu nói rằng: Việc này do cháu ông nói lại).

Bàn rằng: Cư sĩ là tiếng gọi người học đạo Phật ở Tây Trúc. Vĩnh Thúc đã gặp được Sư Tổ Ấn mà tâm bài Phật tiêu tan nên tâm hiểu được ý chỉ, do đó ông thường tự gọi là Cư sĩ, cũng lấy tên ấy mà đặt cho Tập Văn của mình. Dốc lòng tin Đạo đến thế là cùng! Song kể truyện về Lục Nhất mà bảo một thân cùng già đi với năm vật, thì năm vật kia là vật ở ngoài thân há đủ để ngụ cho các Đạo. Thế thì biết tiếng gọi Cư sĩ kia có thể là lạm dụng, bởi do hám danh mà mất đi thật chất. Lương Chữ nói: Âu Dương Tu tự xưng là Đại Nho mà không có thông thức. Lấy cớ là khi lập luận có sai trái mà bị các kẻ quân tử đương thời công kích. Như luận sai lầm về việc truy tôn vinh Bộc Vương là Hoàng Khảo. Vua Anh Tông lên nối ngôi không theo lễ Nhân Tử (Anh Tông vốn là cha đẻ của Bộc Vương lên nối ngôi Nhân Tông, Vương Khuê luận rằng nên gọi đó là Hoàng Bá. Âu Dương Tu xin như Hán Tuyên Đế Quang Võ được xưng là Hoàng Khảo. Phạm Trấn tâu vua rằng: Đã là Khảo (cha đã chết) của Nhân Tông, lại là Khảo của Bộc Vương thì không hợp lý, vậy nên theo lời nghị luận của Vương Khuê. Tư Mã Quang tâu vua rằng: Âu Dương Tu xảo thuyết nên vua lầm nghe, vậy phải theo lời nghị của Vương Khuê. Lã Hối Thập Nhất tâu vua rằng: Xin y theo Vương Khuê. Vua không trả lời. Bèn cùng với Phạm Thuần Thần Lã Đại Phưởng cùng tâu rằng: Âu Dương Tu là kẻ đứng đầu luận sai trái. Hàn Kỳ càng làm sai thêm. Vậy xin vua hạ chiếu cho Dương Tu phải sửa lỗi. Nhưng cuối cùng vua nghe theo lời luận của Dương Tu. Sau đó vua Thần Tông truy tôn vinh khác với Hán Tuyên Đế. Đem việc hỏi Ngô Khuê, Khuê thưa: Đây là cho phát xuất từ ân riêng. Thần Tông nói: Lúc đó ta bị Âu Dương Tu làm cho hiểu lầm. Ngô Khuê thưa: Hàn Kỳ đối với việc này cũng làm mất lòng mọi người). Bảo rằng thấy Phật hiện tại không lạy Phật quá khứ là vu cáo Thái Tổ và Chân Tông không tôn kính Phật pháp (trong Âu Dương Quy Điền Lục có chép: Vua Thái Tổ vào chùa hỏi Sư Tán Ninh rằng: Phật đáng lạy chăng? Ninh đáp: thấy Phật hiện

tại không lạy Phật quá khứ. Nay rõ lại là Sư Tán Ninh theo Ngô Việt Vương về kinh sư, ở triều vua Thái Tông mà chưa từng gặp Thái Tổ. Việc chép dối trá trong Quy Điền lại được chép trong hội Yếu Quốc Sử. Việc khen vua Chân Tông mỗi khi tiết Thượng Ngươn thường đến khoảng ba mươi Tự Quán và lạy cả trăm lạy trở lên há Âu Dương Tu không biết sao mà lại chép bậy trong Quy Điền Lục để trên thì vu cáo cho hai vua dưới thì vua cáo cho Tán Ninh. Lỗi này không phải nhỏ vậy). Cắt bỏ việc Đường Thái Tông ban chiếu cất chùa cầu siêu độ cho Tướng Sĩ, bỏ đi sự thực mà các Sử Quan đã ghi chép (năm Chánh Quán thứ ba, vua Đường Thái Tông ban chiếu: "Từ khi khởi nghĩa đến nay các người đánh trận đã mạng vong thì vì họ mà xây chùa để cầu phước siêu độ." Năm thứ tư, việc xây chùa ở bảy nơi chiến trận đã xong, vua liền sai Lỗ Thế Nam, Sầm Văn Bản... bảy người soạn văn bia cho bảy chùa. Việc này có chép trong cựu sử, nhưng Âu Dương Tu đều cắt bỏ đi. Năm Kiến Long thứ hai Triều Tống ta, vua ban chiếu ở Dương châu cũng xây chùa Kiến Long để cầu siêu độ cho các Tướng sĩ đã hy sinh giống như việc xưa của Đường Triều. Sau đó Vương Vũ Xứng soạn văn bia. Chiếu vua năm Kiến Long là chỉ cho việc xưa của Đường Triều. Nay tìm khảo ở Tần Thư (Sử do Dương Tu sửa lại) thì không có gì để căn cứ. Khiến người đời sau nếu có bộ Tống Sử của Âu Dương Tu thì tất bỏ đi lời chiếu năm Kiến Long vậy. Ông (Dương Tu) cho rằng Hà Đồ Lạc Thư là quái dị dối trá không đáng tin, nó trái nhau với Dịch của Hệ Từ Luận Ngữ (thấy trong Cư Sĩ Tập, Luận Dịch Thiền). Đến như việc ông làm bộ Bản Luận bài xích Phật pháp cho là tai nạn của Trung Quốc, nhưng lúc tuổi già thì ông lại kính ngài Minh Giáo, phục ngài Viên Thông, xưng là Cư Sĩ, đọc kinh Hoa Nghiêm. Cuối cùng là tự phản lại với lời nói trước kia của mình. Cũng giống như Hàn Thoái Chi trước thì bài bác Phật mà sau lại tin phục. Thật đạt thay lời của Tử Chiêm luận rằng: "Hàn Dũ đối với Đạo của Thánh nhân bởi cũng do hám danh mà không ưa sự thực, lời luận của ông về lý lại không tinh tường, luôn luôn tự phản bội với lời nói của mình mà không biết." Nay xem sự việc trước sau của Âu Dương Tu tất không trốn được lời luận bình của Tử Chiêm trên.

Vua ban chiếu Hành Châu đón rước tháp ngọc ở chùa Tư Phước tại Thường Ninh vào kinh Sư. Tháp cao một tầm làm bằng ngọc thạch là tháp thứ chín do A-dục vương tạo ra. Ban đêm có người thấy phóng lên ánh sáng. Nếu ai đến chiêm lễ tất được xá-lợi. Có Sa-môn Thành Tầm từ nước Nhật Bản đến triều cống.

Năm Hy Ninh thứ sáu, ở chùa Linh Sơn tại Thiên Trúc, ngài Hải

Nguyệt Đại sư Tuệ Biện chấp tay ngồi mà tịch. Trong di chúc đòi Tô Đông Pha phải đến đậy nắp khám, bốn ngày sau Đông Pha đến thì thấy ngài ngồi kiết già như còn sống, bèn làm ba bài thi để điếu (muốn tìm dấu cũ mượn y trang. Đã vốn vô sinh sao tử vong. Đêm nay trăng sáng Sư vẫn giảng, Sân xưa sương lạnh trăng mơ màng. Chỉ chọn một bài trong tập). Trước đó Học sĩ Thẩm Ngộ cai trị đất Hàng vì trọng tài đức của Sư nên bổ ngài làm Đô Tăng Chánh. Thông Thú Tô Thức viết lời tựa nói rằng: Ở Tiền Đường Phật Tăng thạnh hành nhất thiên hạ, nhưng bậc Đạo đức tài trí cùng sống lẫn lộn ở một nơi với kẻ tầm thường dối lừa xảo trá, thật là khó độ. Cho nên ngoài Tăng Chánh Phó ra nay riêng bổ nhiệm một vị Đô-Tăng Chánh để coi về sổ sách xét Điệp Độ chuyên trách tới lui đưa đón. Và các việc dưới quyền Chánh Phó Tăng Thống thì vị Đô Sư này coi tổng quát, đem hạnh giải để làm gương cho chúng mà thôi. Khi Sư đã nhậm chức, phàm các Tự Viện thuộc quyền quản lý của mình thiếu người giảng kinh thì Sư chọn ngày hội các chùa và các bậc hạ tọa tài giỏi, mở khoa sát hạch nghĩa lý kinh điển. Trong mười câu hỏi ai đáp đúng năm câu thì được trúng tuyển, ai không đáp được ba câu thì giáng cấp, sau đó tùy tự viện mà thứ tự bổ nhiệm cấp bậc khác nhau. Do đây mà Chư Sơn đều ngưỡng mộ lấy đó làm quy tắc.

Năm Hy Ninh thứ tám, tháng bảy, các Công Khanh ở Triều lập Hội Vu Lan Bồn ở chùa Khai Bảo từ ngày mùng năm đến ngày rằm tháng bảy thì xong. Chủ Khách Dương Kiệt có làm bài Ký.

Năm thứ chín, vua ra lệnh ở tháp Linh Cảm tại chùa Khai Bảo xây cất gác Khánh Thọ Sùng Nhân, ở giữa dựng tháp gỗ. Vua viết chữ Triện đề ở tháp là “Hồng Phước Viên Thành.”

Năm thứ mười, mùa Hạ có hạn hán, vua ở trong cung cấm thiết trai cầu đảo rất chí thành. Đêm đến mộng thấy Thần tăng cỡi ngựa chạy trên không miệng phun ra mây mù. Khi thức dậy thì trời mưa to. Vua ra lệnh tìm hình tượng vị Tăng ấy thì đúng là vị La-hán thứ mười ba ở trên gác chùa Tướng Quốc. Vua ban chiếu đón rước Tượng vào Nội Cung để cúng dường. Tể Tướng Vương Khuê làm thi để mừng có câu rằng: Nhìn sao tôi hiền luôn trông mưa, làm mây Thần Tăng đáp thỉnh cầu (Đông Hiền Bút Lục).

Năm Nguyên Phong thứ nhất, tháng ba ở Hàng Châu, ngài Lôi Phong Tuệ Tài Pháp sư vì một ngàn người đạo tục ở Linh Chi Nguyên Chiếu mà truyền cho giới Bồ-tát. Trong lúc Yết-ma thấy tượng Đức Quan Âm phóng quang cả giảng đường sáng trưng. Ngài Tịnh Từ Pháp Chân Thiền sư đứng hàng thứ nhất làm bài Giới Quang Ký Mễ Phất

Thư. Ngài Biện Tài Pháp sư lập bia đá ở Long Tỉnh.

Năm thứ hai, khi xưa Giá Bộ Lang Trung Chu Thọ Xương, lúc bảy tuổi không biết mẹ ở đâu, bèn chích máu viết kinh Phật rồi đi tìm khắp bốn phương. Đến năm mươi tuổi thì bỏ quan vào nước Tần, gặp được mẹ ở Đồng Châu, khi ấy tuổi đã bảy mươi. Tô Thức lúc đó bị trích giáng ra ở Huỳnh Châu gửi thi mừng. Người thời ấy cho rằng Thọ Xương có hiếu mà được như thế.

Năm thứ 3, tháng giêng, vua ra lệnh cho đại nội thiết trai đãi ngàn Tăng, cúng thí Y Ca-sa và Kinh Kim Cang để cầu siêu độ cho Từ Thánh Thái Hậu. Vua ban chiếu nên định rõ lại quan chế triều nghi từ đời Đường cho đến Triều Tống ta, hễ Tăng hay Quan Dịch Kinh thì đều trao cho chức Thí Quang Lộc Khanh hoặc Hồng Lô Khanh. Từ nay về sau đổi ban là Dịch Kinh Tam tạng Pháp sư, còn hàng Thí Thiếu Khanh thì ban tên là Tam tạng Pháp sư (theo Hồng Dung Trai Tam Bút).

Vua ban chiếu đổi Đông lâm Luật Viện ở Giang Châu làm Thiền Tịch (nơi giảng thiền) mời Thường Tổng Thiền sư đến ở. Người trong chùa bảo nhau rằng: ngài Tuệ Viễn có Sấm Ký rằng: Sau khi ta diệt độ bảy trăm năm sẽ có Nhục Thân Đại sĩ đến ở đổi đạo tràng này. Nay Tổng Công đến thật là linh ứng. Tô Đông Pha đến Đông Lâm làm thi tặng rằng:

Trong khe nghe tiếng lưỡi rộng dài
Sắc núi há không phải thân Như Lai.
Đêm giảng tám muôn bốn ngàn kệ.
Được giống như ngài nay có ai?

Kinh Công Vương An Thạch hỏi Văn Định Trương Phương Bình rằng: Khổng Tử qua đời một trăm năm mới sinh Mạnh Tử, sau đó thì tuyệt không có ai nữa, hoặc nếu có thì không phải là hạng Thuần Nho. Phương Bình nói: Đâu phải không có người, lại còn hơn cả Mạnh Tử nữa! Thạch hỏi: Ai vậy? Phương Bình đáp: Đó là Mã Tổ ở Phần Dương, Tuyết Phong ở Nham Đầu, Đơn Hà ở Vân Môn... An Thạch chưa hiểu ý. Phương Bình nói: Nho Môn đối xử lạnh nhạt nên không ở và đều trở về với Đạo Phật. An Thạch mừng rỡ thán phục. Về sau tìm việc nói lại với Trương Thương Anh, Trương vỗ ghế khen rằng: Chí lý thay lời luận ấy!

Kỳ Công Đỗ Diễn cho rằng Trương Phương Bình nịnh Phật nên thường cười trách. Có ông thầy thuốc Chu Sinh cùng chơi với hai ông (Diễn và Bình). Một hôm Kỳ Công cho gọi Chu Sinh đến bắt mạch. Sinh nói với Sứ giả hãy về thưa với ông là “Chỉ nói xem Lăng-nghiêm

chưa xong." Đến khi Sinh đến vái chào mời ngồi, Kỳ gọi bảo: Lão phu vì mới quen ông nên không để ý, gần đây cũng lờ mờ. Lời nói kín nhiệm của Thánh nhân tất không ngoài Khổng Mạnh, còn Kinh Lăng-nghiêm thì nói những gì? Chu Sinh đáp: Ông chưa đọc kinh này sao biết không bằng Khổng Mạnh? Nhân đó rút trong tay áo ra đưa cho ông quyển kinh ấy. Kỳ Công dỡ xem bất giác đọc hết quyển, cả kinh nói rằng: An Đạo biết mà sao không bảo cho ta? Rồi lên xe đến gặp (Phương Bình tự là An Đạo). An Đạo nói: "Cũng như mất vật bỗng tìm lại được, chỉ nên mừng đã tìm lại được đừng tiếc là quá muộn!"

Trương Thương Anh thuở xưa làm quan, nhân vào chùa Tăng thấy Tạng Kinh xếp ngay thẳng liền bực tức bảo rằng: Giáo của Thánh Khổng ta không bằng sách của người Hồ chăng? Rồi suốt đêm ngồi suy nghĩ mãi với bút giấy ở trên gác. Người vợ họ Hướng hỏi: "Ông sao không đi ngủ?" Thương Anh bảo: "Ngay bây giờ ta sẽ làm Vô Phật Luận". Vợ bảo: "Đã nói không Phật còn luận gì nữa? Vậy nên viết Hữu Phật Luận có được không?" Thương Anh làm thinh rồi thôi. Sau đến Đồng Liệt thấy trước Khám Phật có quyển kinh Duy-ma-cật thuận tay mở xem thấy có câu: "Bệnh này không phải địa đại mà cũng không lìa địa đại" thì bỗng nhiên tâm đắc. Nhân đó mượn về xem kỹ. Bà vợ bảo: "Đọc Kinh này mới có thể làm Luận Vô Phật". Thương Anh nghe nói mà đại ngộ. Do đó càng tin Đạo hơn. Sau ông làm vận lương thực ở Giang Tây, bèn đến yết kiến Đông Lâm Tổng Thiền sư rồi nhờ Sư ấn khả. Nhân ông tra xét bộ phải đến Phần Ninh, các Thiền sư ra đón rước. Cuối cùng ông gặp được Đâu-suất Duyệt Công. Thương Anh thấy Sư người thấp bé dễ gần gũi bèn hỏi: "Nghe đồn Sư thông minh và giỏi văn chương?" Duyệt cười to bảo: "Vận Sứ sao nói quá lời. Tùng Duyệt là cháu chín đời của ngài Lâm Tế đối với Vận Sứ mà luận văn chương khác nào Vận Sứ đối với Tùng Duyệt tôi mà luận về Thiền đâu!" Thương Anh ngầm xấu hổ, nhưng giả bộ như không hiểu mà hỏi rằng: "Sư là Lâm tế chín đời ư?" Đêm đó ông nghỉ tạm ở thất của Đâu-suất cùng nói chuyện về Tông môn. Đến nửa đêm Duyệt đốt hương thỉnh mười phương chư Phật chứng minh, rồi bảo Thương Anh rằng: "Ngài Đông Lâm đã ấn khả cho Minh Công rồi đấy. Minh Công đối với ngôn giáo Phật Tổ có nghi ngờ gì chăng?" Thương Anh nói: "Hương Lâm Cước Tụng, Đức Sơn Thát Bát Thoại chưa thể không nghi" Duyệt nói: "Chỉ như câu cuối là có hay không?" Thương Anh đáp: "Đâu chẳng phải có". Duyệt cười to trở về Trượng thất đóng cửa mà ngủ. Thương Anh trằn trọc mãi không ngủ được. Đến canh năm bước xuống giường rồi lại bước lên giường chợt có

tỉnh ngộ, bèn làm Tụng rằng:

Trống yên chuông lặng nâng bát lên
Đầu non một tiếng nói sấm rền
Quả nhiên chỉ được "Tam niên thoại"
Thọ ký đây rồi thật cũng nên!

Bèn đến gõ cửa Duyệt bảo rằng: "Thương Anh đã bắt được giặc rồi". Duyệt hỏi: "Giặc ở đâu?" Thương Anh không đáp. Sáng hôm sau lại đọc bài Tụng ấy. Duyệt nói: "Bệnh Tham Thiền là mạng căn không dứt nương vào lời nói mà sinh hiểu biết. Nói như thế thì ông đã thâm ngộ. Song đến chỗ cực vi tế thì khiến người không hay không biết mà rơi vào một khu vực". Sau Duyệt làm Tụng để chứng rằng (dịch nghĩa rằng):

Nhàn rồi đi đâu bước bước như
Dù chỗ thanh sắc mặc hữu vô
Một tâm không đổi, vật không khác
Không phân thể dụng, không tinh thô.
Gặp Cơ không ngại, vật không chấp
Hết tình thị phi, phàm Thánh bỏ
Ai đắc ai thất đâu thân sơ
Lấy đầu làm đuôi, thật là hư.
Quay mình là ma, trở gót thuận tà
Hiểu không nghịch thuận, thuận công phu.

Thương Anh mời Duyệt đến Kiến Xương, giữa đường mỗi mỗi đều xem xét kỹ. Có mười Tụng nêu thứ tự các việc. Duyệt cũng đáp lại bằng mười Tụng. Truyền chỉ nhau về Pháp môn cho là việc quan trọng (từ trên là ba việc, thấy trong Tông Môn Võ Khố). Thương Anh đã thấu đạt được Thiền Đạo có lần bảo người rằng: Ta học sau đó mới biết Nho.

Ở Hàng Châu, Tịnh Từ Tông Bản Thiền Sư, mùa Hạ xuất định. Có Đạo Nhân mặc áo cỏ đến nhà trên. Bản nhìn rồi bảo: "Chuyện cũ Huỳnh Long đâu chẳng giống ư?" Người ấy cười bảo: "Tiền Đại sao lắm lời thế!" Rồi cỡi gió mà đi nhanh. Người mặc áo cỏ là Lữ Động Tân, còn Tiền Đại là tiền thân của Tông Bản vậy (Phổ Đăng Lục).

Tháng tám, Quán Chức là Văn Đồng (tự là Dữ Khả) tắm gội, đội mão thắt đai lưng ngồi ngay mà hóa. Người đồng Quán là Thôi Công Độ nghe đồn kinh dị bảo người rằng: Mới hôm qua tôi từ biệt Dữ Khả ở Châu Nam, ông ấy bảo rằng: "Sáng mai lại đến mà!" Khi trở lại thì Dữ Khả từ rằng: "Kinh nói người nào không nói dối thì lưỡi sẽ trùm mặt",

rồi ông lè lưỡi ra thì lưỡi dài đến chân mày, có ba lớp như cái bánh. Công Độ kinh hãi. Nay nghe nói ông chết thì lại càng kinh dị tin chắc là người đã đắc đạo. Dữ Khả là người ở Tử Đồng, văn hạnh rất cao khiết, ông vẽ trúc đạt đến mức diệu thú (theo Đông Đo Sự Lược và Văn Nghệ Truyện).

Năm Nguyên Phong thứ tư, Tô Thức ở tại Hoàng Châu làm bài Ký về xá-lợi. Triệu Tiên Sinh nói rằng: Ở Nam Hải có Phan Miện khùng khịu không chừng, người thường gọi là Phan Áng. Bởi người quê gọi Tâm Phong (khùng điên) là Áng. Áng cùng Kinh Sư nói kệ tụng Pháp Hoa qua lại với nhau, bảo rằng: Áng là Đức Phật Nhật Quang vậy.

Có người Triệu Thường xưa là Mạc Quan, nhân bỏ Quan theo Áng đi chơi. Áng bảo: "Ông đã được hết Đạo của ta", rồi biến mất. Triệu Thường cũng ngồi mà hóa. Khi hỏa thiêu thì được xá-lợi mấy thăng. Tô Thức cùng chơi với con của Triệu Thường là Xưởng được bốn mươi tám hạt xá-lợi.

Năm thứ năm, vua ban chiếu ở chùa Tướng Quốc mở rộng sáu mươi bốn Viện làm tám Thiền và hai Luật theo thứ tự Đông Tây thì Tuệ Lâm và Trí Hải là hai chùa lớn nhất. Vua ban chiếu mời ngài Tịnh Từ Tông Bản Thiền sư đến ở chùa Tuệ Lâm mà mời ngài Đông Lâm Thường Tổng Thiền sư đến ở chùa Trí Hải. Ngài Thường Tổng từ chối, vua chấp nhận. Khi ngài Tông Bản vào đối ứng với vua ở điện Diên Hòa thì ngài gọi to một tiếng Núi, rồi đến giường ngồi kiết già. Thị vệ cả kinh nhìn lại thì Sư vẫn tự nhiên như cũ. Vua ban cho trà thì Sư nâng chén lắc mạnh. Vua hỏi Sư thọ nghiệp với ai. Sư thưa: Thừa Thiên Vĩnh An (Viện Vĩnh An ở chùa Thừa Thiên tại Cô Tô) Vua rất mừng. Chuyện vãng hồi lâu rồi Sư lui về. Vua nhìn bảo: Đây là vật báu trong Tăng. Thị giả hỏi Sư: Chúa Thượng nói gì? Sư nói: Cùng uống trà nhàn đàm mà thôi.

Năm Nguyên Phong thứ bảy, Thái tử Thiếu Sư Triệu Biện khi xưa là bạn phương xa với ngài Pháp Tuyền Thiền Sư. Khi ông coi Thanh Châu thì theo học tâm yếu với Trọng Nguyên Thiền sư (Sư ở chùa Thiên Bát nối ngài Thiên Y Hoài Thiền Sư), có lần ngồi dựa ghế ở Công đường tâm ngưng lắng như nước đọng () chợt nghe tiếng sấm nổ vang thì khoát nhiên tỉnh ngộ, ngước đầu nhìn lên hư không thì thấy rõ các cõi nước ở khắp nơi. Sau ông từ quan về quê, cất một trai đường để ở, cùng giao du với Cao Tăng Dật Dân. Tháng tám năm ấy có sao lớn sa xuống ở trước sân nhà. Sáng hôm sau ông thức dậy cùng với con nói năng bình thường, bỗng ông ngồi kiết già mà hóa (Tô Đông Pha kính

trọng ông làm bài bia Thần Đạo, thấy ở Phổ Đăng Lục).

Kinh Công Vương An Thạch xin vua lấy vườn nhà ở Phủ Giang Ninh làm chùa Tăng, vua ban Ngạch là Báo Ninh Thiền Viện. Khi xưa con của Vương An Thạch là Phương Bản tánh hiểm ác. Khi cha còn đương quyền, tất cả những chính sách khắc nghiệt trong nước giết hại người đều do Phương xui khiến. Khi chết rồi Vương An Thạch trong lúc mơ màng thấy Phương bị đóng gông sắt rất khổ sở, đến báo cha xin cầu Phật cứu. Vương An Thạch cả kinh bèn gấp xây chùa để cầu cho vong thoát khổ.

PHẦN PHỤ CHÚ ***ở các trang 408 - 409 - 410 (Hán văn)***

[Chú số 6] - Vua mời Đạo sĩ Chu Tụ Anh ở núi Cú Khúc vào Cung Khuyết ban cho hiệu là Quán Diệu Tiên Sinh. Khi xưa vua Chân Tông thấy việc Thừa Tự bỏ trống đã lâu bàn sai Chu Tự Anh thăng thần dâng tấu chương lên Thượng đế, thì thấy Tam Mâu Chân Quân ngồi xe báu giáng hạ. Vua hỏi Tự Anh: Đến đây làm gì? Anh tâu: Thần cầu tự cho nhà Đại Tống thì thấy Mâu Quân gật đầu, bèn dâng tấu chương lên Thái Thượng. Thái Thượng ban sắc rằng Mâu Doanh lo nước thương dân, vậy nên nối dòng nhà Tống. Năm sau thì Nhân Tông sinh (Cú Khúc Động Thiên ở huyện Cú Dung tại Nhuận Châu. Tam Mâu làm vua cai trị ở núi này anh cả là Mâu Doanh, hai em là Cố và Hoài. Thấy rõ trong Thông Tắc Chí, quyển một).

Có Khảo Dị bảo rằng: Trịnh Cảnh Vọng Gia Tập nói: Mâu Quân hạ sinh vào nhà Trương Sư Chánh.

[Chú số 7] - Vua ban chiếu cho Tự Thiên Sư Trương Càn Diệu đến Cung Khuyết, vua ban hiệu là Trừng Tố Tiên Sinh. Vua hỏi việc bay đi trên không. Ông tâu rằng: "Đó là việc làm của các bậc chí sĩ ở sơn lâm, nó không giúp ích gì cho việc chính trị giáo hóa". Vua rất mừng, bèn ra chiếu từ nay một đời chỉ có một người được ban hiệu Tiên Sinh được miễn thuế dịch...

Vua nghe Lam Nguyên Đạo có người biết Đạo Thuật. Vua mời vào gặp và mời nghỉ ở vườn Phương Lâm, ban hiệu là Dưỡng Tố Tiên Sinh. Chưa bao lâu thì bỏ đi đến Nam nhạc. Nơi ông ở, ban đêm có ánh sáng đỏ và nghe có tiếng luận bàn đối đáp. Sáng hôm sau Thị Giả đem việc hỏi, Ông đáp: Thầy ta là Lưu Đạo Quân ở Hải Thiền Tử làm mưa đi ngang qua đây mà thôi.

Có người tên Lưu Trung Minh dạo chơi về Phương Nam ở Hành Sơn đến yết kiến Dưỡng Tố Tiên Sinh và học được thuật của ông, sau

ở trong một ngôi chùa mà thoát xác. Lệnh Ấp đến lạy ở huyệt thì nghe trong quan tài có tiếng nói: “Dứt tàn hại dẹp cầu mong, không mạo tài không lụy hình”. Quan lệnh sợ hãi rút lui. Người cùng làng thỉnh thoảng thấy ông ở Đông Đô, hỏi rằng: “Tôi cùng tiên sinh là người đồng làng không nhớ nhau ư?” Trung Minh nói: “Người năm mươi tuổi giống như cái nhà hư, nếu hay hết lòng với Đạo may ra có thể sống lâu, ông nay đã bảy mươi rồi. Bình sinh ông rất ưa việc pháp luật thường giúp người kiện cáo tranh tụng sao còn nói thế?” Ông bèn bỏ đi luôn, không ngó lại.

[Chú số 8] - Hà Tiên Cô ở Linh Lăng. Lúc nhỏ vào núi gặp Lữ Động Tân đưa cho ăn trái đào tiên bèn không biết đói. Cả nhà lấy làm lạ bèn cất lầu cho ở. Lữ Tiên thường đến thăm chơi. Tiên Cô biết rõ chuyện lạ đời trước của người đời. Tướng Địch Thanh đi Nam Chinh đánh thắng Trí Cao, đến hỏi Tiên Cô: “Đánh thắng chăng?” Tiên Cô đáp: “Rôm sảy vỡ thì mủ chảy ra.” Đến khi Tả Hiệu Tôn Tiết bị vây hãm. Trần Tái ra đánh mới phá được. Trứ Tác Tá Lang là Tiêu Lăng Minh vì hoạn lộ không đạt nên làm tấu chương xin mách bảo. Một hôm được tờ giấy có mười sáu chữ không biết nói gì, đem hỏi Tiên Cô. Cô đáp: “Đó là dấu ấn Nhà trời, hãy mau về nhà đi”. Lăng Minh vái chào Tiên Cô bảo: “Nhận năm lượng, mất bớt mười năm tuổi, giết oan hai người, chết rồi mới phân xử”. Lăng Minh khi về đến nhà thì chết. Có ông sĩ phu đến Linh Lăng, một hôm đến cửa hỏi chuyện tốt xấu. Tiên Cô lánh mặt. Ông mặc y phục trang trọng rồi ngồi mà hóa. Ông có làm bộ Linh Nguyên Chí nói về việc tu dưỡng lưu hành ở đời (Hồ nam Vĩnh Châu).

[Chú số 1] - Trương Bình Thúc ở Thiên Thai, lúc nhỏ học đạo Hỗn Nguyên, Long Đồ Lục Tiên Thủ Thành Đô nương đó mà dạo chơi ở nước Thục gặp một dị nhân trao cho Quyết Kim Đơn Hỏa Hầu. Khi luyện Đạo thành rồi thì ông làm bộ Ngộ Chân Thiên truyền ở đời. Ông từng đi khắp tham vấn Thiền môn được đại ngộ. Sau ông đọc bộ Tuyết Đậu Tổ Anh Tập thì tâm địa phát sáng nhanh chóng. Ông làm Ca Kệ để bày ý chỉ, lại nói: “Những kẻ riêng tu Kim Đơn mà không ngộ Phật lý thì đồng với mười Tiên nhân bị báo đi vào các thú như Kinh Hoa Nghiêm đã kể”. Quan Thị Lang Mã Mặc lo việc vận chuyển đường sông ở Quảng Nam cùng theo ông dạo chơi. Chưa bao lâu thì ngồi kiết già mà hóa. Khi đem thiêu xác thì được xá-lợi rất nhiều, màu xanh biếc như đầu gà. Rồi lại thấy ông còn sống. Bình Thúc lấy pháp luyện Kim đơn truyền cho Thạch Thái, Thái truyền cho Tiết Đạo Nguyên... đều là những người đã luyện

được đạo Kim đơn.

Bàn rằng: Người học đạo Tiên chấp chặt những điều mình có được. Kẻ biết Đạo Phật là rốt ráo thì rất ít. Như Trương Bình Thúc rõ về Phật tánh, Lữ Động Tân ngộ được Thiền lý, đương thời chỉ có một. Đời nay các Đạo sĩ không biết, bảo Tiên là Dương Hồn, Phật là Âm Hồn. Nếu thuyết này để khiến người đời sau lầm lẫn, đều là lỗi không biết về Phật tánh và Thiền lý vậy.

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 46

PHẦN 13

Đời Triết Tông (là con thứ sáu của Thần Tông, mẹ là Khâm Thành Hoàng hậu, họ Chu. Sinh ngày bảy tháng mười hai là Tiết Long Hưng. Lăng gọi là Vĩnh Thái).

Năm Nguyên Hựu thứ nhất, con vua nước Cao Ly là Hựu Thế Tăng Thống Nghĩa Thiên đến triều bái. Vua ra lệnh cho Lễ Bộ Tô Thức đón rước làm bạn. Quan Hữu Ty cúng rất nhiều màn trướng. Nghĩa Thiên bốn phen dâng biểu tâu vua xin được truyền Hoa Nghiêm Giáo. Vua bèn ra lệnh cho Chủ Khách Dương Kiệt đưa ông đến Tiền Đường thọ giáo với ngài Tuệ Nhân Tịnh Nguyên Pháp sư. Rồi ông lại đến chùa Thiên Trúc yết kiến ngài Từ Biện Giản Pháp sư được truyền cho Thiên Thai Giáo, lại gặp ngài Linh Chi Chiếu Luật Sư xin thọ Giới Pháp và Tư Trì Ký. Ông lại đến Kim sơn yết kiến Phật Ấn Nguyên Thiền Sư, Sư đã ngồi nhận Nghĩa Thiên đảnh lễ. Dương Kiệt sợ hãi hỏi nguyên do. Nguyên Sư bảo: “Nghĩa Thiên là Tăng xứ lạ, nếu Đạo cúi phục mà theo thói tục thì lấy gì để bày phép làm thầy ở Hoa Hạ”. Triều đình nghe nói cho là Sư biết đại thể. Khi Nghĩa Thiên trở về nước bèn cất chùa truyền giáo thờ ngài Từ Biện làm Thủy Tổ. Lại gởi đến ngài Tuệ Nhân kinh Pháp Hoa viết chữ vàng và ba bản dịch mới. Ngài liền xây gác lớn để thờ (nay tục gọi là chùa Cao Ly).

Năm thứ hai, tháng bảy, Trương Thượng Anh dạo chơi Ngũ Đài, nửa đêm ở tại ngọn Bí Ma thấy Đức Văn-thù Đại sĩ hiện thân trong ánh sáng vàng ròng. Tháng chín, ông từ Thái Nguyên ra xử án ở Thọ Dương đến viện Chiêu Hóa ở Phương Sơn tức nơi Lý Trưởng giả viết luận, được bộ Hoa Nghiêm Quyết Nghi Luận ở dưới ngôi nhà hư đọc lướt qua thì tất cả nghi tình đều mở hết. Liền dời Huyện làm tượng Trưởng giả có viên quang màu trắng thấy ở Sơn Nam. Do đó phụ lão cùng xin sửa mới Viện Chiêu Hóa, Thương Anh làm bài Ký.

Năm thứ ba, vua ra lệnh cho Nội Thị mang vàng ròng đến Đông Lâm để trang sức cho tượng Phật ở Thần Vận Ngũ điện. Chủ Khách Dương Kiệt đến Song Lâm đảnh lễ Luân tạng của Đại sĩ, trong khi kính cẩn chiêm lễ thì Luân tạng bổng tự quay, đại chúng đều khen lạ. Dương Kiệt bàn làm bài Tán để ghi nhớ sự việc, Dương Kiệt từng vì Đạo Tịnh Độ làm bài Tự Tín và vẽ hình tượng Đức Phật A-di-đà trượng 6, mang theo bên mình mà quán niệm. Khi lâm chung, ông cảm biết Phật đến đón, bèn ngồi ngay mà hóa.

Năm thứ tư, Hàn lâm học sĩ Tô Thức coi Hàng Châu, đi đường ngang qua Kim Sơn bèn đến yết kiến Phật Ấn Thiền Sư, gặp lúc Sư đang tập chúng nhập thất. Cuối cùng Thức đến gặp. Sư nói: "Đây không có chỗ ngồi, Quan Nội Hàn đến đây làm chi?" Thức nói: "Xin tạm mượn tứ đại của Hòa thượng làm thiền sàng". Sư nói: "Có một chuyển ngữ nếu đáp được thì sẽ làm đúng theo yêu cầu, nếu còn đắn đo nghị luận thì xin để ngọc đái lại đây". Tô Thức bằng lòng, bèn để ngọc đái trên ghế. Sư nói: "Sơn Tăng tứ đại vốn không, ngũ uẩn không có, Nội Hàn muốn ngồi ở đâu?" Thức quả nhiên đắn đo nghĩ ngợi. Sư liền hô lớn: "Thị Giả, mau lấy ngọc đái để trấn sơn môn." Rồi đưa lại cho Thức cái quần vá (Sư có bài kệ, Tô Thức hòa vận rằng: "Xương bệnh tất cần ngọc đái vây, Độn căn làm rớt mũi tên bay, Muốn dạy ca nhi đi khất thực, Vân Sơn áo cũ phải trao tay!)". Tử Đãi đã bốn tuổi mà không đi được. Khi đến đất Hàng, Tô Thức thỉnh ngài Biện Tài Pháp sư xuống tóc và xoa đảnh cho, mấy hôm sau Đãi đi giỏi. Tô Thức làm thi phú để tạ ơn, có câu rằng: "Có Sư đến xoa đảnh liền đứng dậy chạy nhanh như nai!"

Năm thứ năm, ngài Thần Trí Thăng Pháp sư (nối ngài Từ Vân) đến ở chùa Hưng Phước tại Việt Chi, lúc đó Thanh Hiến Triệu Công Biện làm Soái, vừa có hạn hán lớn và dịch bệnh, cầu đảo đã lâu mà không ứng nghiệm, bèn xin Sư rước tượng Đại sĩ vào Phủ trị, khẩn cầu chỉ một đêm thì mưa to trút xuống dịch bệnh đều hết. Biện tâu về Triều, vua ban cho chỗ ở của Sư là Viên Thông và Sư hiệu là Thần Trí. Trước đó Ngô Việt Vương là Tiền Lưu trấn ở đất Việt bị bệnh mắt có màng. Sư mộng thấy có một Tiên nhân mặc áo lụa trắng nói: "Ta đến từ Vĩnh gia." Sáng hôm sau có vị Tăng ở Vĩnh gia đến dâng điệp đem hiến cho tượng Đại sĩ nói là được tượng trên biển. Tượng hiện trong mộng bảo là muốn về Việt Thành. Võ Túc liền sắm đủ nghi lễ đón tượng về. Việt Vương mới gặp tượng thì mắt liền sáng. Bèn lập am tên là Hưng Phước để thờ tượng.

Năm thứ bảy, Quan Thú ở Dĩnh Xuyên là Tô Thức tâu vua rằng: Ở tháp viện của ngài Phật-đà Ba-lợi cầu nguyện có rất nhiều linh nghiệm, xin vua giáng sắc ban cho Ngạch. Vua liền ban chữ "Quang Phạm Chi Viện." Ngài Ba Lợi đến nhà Đường vào đầu năm Nghi Phụng, rồi trở về Tây Vức lấy Kinh Tôn Thắng Chú đem qua dịch ra và lưu truyền. Sau ngài đến Dịnh Châu mà hóa. Người làng đem sơn nhục thân ngài rồi xây tháp để thờ kính trang nghiêm (quyển Chí trước nói ngài Ba Lợi đem bản Kinh Chú Tôn Thắng bằng tiếng Phạm vào Ngũ Đài rồi không thấy trở lại nữa).

Em của Tô Thức là Triệt bị trích ra ở Cao An (Thụy Châu). Lúc đó ngài động Sơn Vân Am và ngài Thông Thiền sư trong một đêm đều mộng thấy cùng Tử Do ra thành đón rước Ngũ Tổ Giới Thiền Sư. Thì sau đó Tử Chiêm (Tô Thức) đến, cả ba người cùng ra thành đón ông và thuật lại giấc mộng. Tô Thức nói: Lúc tôi tám, chín tuổi thường mộng thấy mình là Tăng hay tới lui vùng Thiểm Tây. Lại bà mẹ ông khi có thai ông mộng thấy có vị Tăng chột một mắt đến xin nghỉ đêm. Vân Am kinh ngạc nói Giới Công người Thiểm Hữu chột một mắt. Tính ra ngài tịch đến nay đã năm mươi năm mà Tử Chiêm hiện giờ đã bốn mươi chín tuổi, nên từ đó thường tự xưng là Giới Hòa thượng.

Ở Tứ Minh, ngài Diên Khánh Trung Lập Pháp sư khiến môn nhân là Giới Nhiên (Sư thọ nghiệp với ngài Phước Tuyền Diên Thọ ở đất Cận), lập Thập Lục Quán Đường để đón tiếp những người chuyên tu nghiệp Tịnh độ. Ông Diên Bình Trần Quyền làm bài Ký (Quyền tự là Oánh Trung, cùng với Triều Thuyết Chi theo học với Lập Pháp sư).

Năm Nguyên Hựu thứ tám, Tô Thức cai trị Định Châu vẽ tranh Thủy Lục Pháp Tượng, làm bài Tán mười sáu thiên. Đời cho lời và lý đều tuyệt diệu (Người thời nay thường gọi là Nga My Sơn Thủy Lục là do đây vậy).

Năm Thiệu Thánh thứ hai, Tô Thức bị trích ra ở Tuệ Châu. Trùng Biện ở chùa Nam Hoa tại Thiều Châu xin Thức viết cho văn bia Lục Tổ của Liễu Tông Nguyên đề phía sau rằng: Đức Thích-ca dùng văn để lập giáo. Muốn dịch ra văn Trung Quốc tất phải nhờ lời hay của Nho sau đó mới có thể truyền xa. Cho nên các Kinh Giáo Đại thừa đến Kinh Lăng-nghiêm thì là một tác phẩm rất tinh tế tuyệt diệu hơn hết, đó là nhờ Phòng Dung bút thọ vậy. Sau Liễu Tử Hậu dời về Nam, khi mới tham cứu Phật pháp đã làm các văn bia Tào Khê và Nam nhạc là những tác phẩm tuyệt diệu cổ kim, nhưng ở Nam Hoa đến nay chưa hề khắc đá. Ngài Trùng Biện bảo rằng: Từ đời Đường trở đi, các bài Tụng Thuật

về Sư Tổ rất nhiều nhưng chưa có bài nào thanh cao thông suốt như của Tử Hậu, bởi suy cái gốc của lời văn thì rất hợp với Mạnh Tử. Điều này khiến người học không phải chỉ đọc qua một lần mà phải thường đọc đến thuộc làu.

Tử Chiêm cai trị ở Tuệ Châu bị trích đổi ra ở Nam Nhĩ (Hải Ngoại Đam Châu) Quan Thú Tuệ Châu là Phương Tử Dung đến điếu rằng: Vợ tôi là Thẩm Thị thờ Tăng rất cẩn trọng. Một hôm mộng thấy vợ đến từ biệt, hỏi đi đâu? Bà vợ nói: "Sẽ cùng đi với Tô Tử Chiêm", sau bảy mươi hai ngày thì ông có lệnh đi đày, nay vừa đúng ngày ấy, há không phải mọi việc đều do tiền định ư? Ngày Tử Chiêm đi về Nam có đem theo cuốn sổ A-di-đà Phật. Người hỏi nguyên do thì đáp: "Đây là sổ công cứ vãng sinh Tây phương của Thức tôi". Kịp khi ở Đam thì được người nước Thục là Trương Thị vẽ hình mười tám A La-hán, bèn làm bài Tán để khen, ở sau có đề rằng: "Sau khi Phật diệt độ thì chúng sinh ở Diêm-phù-đề dữ dằn không tin tưởng, nên các Thánh hiền đều ẩn mất không hiện, riêng chỉ bày hình tượng và di ngôn để dẫn dắt kẻ chưa ngộ. Mà ở các nơi Nga Mi, Ngũ Đài, Lô Sơn, Thiên Thai... cũng hiện ra ánh sáng lạ lùng khiến người sáng suốt thấy rõ". Nhà của Tô Thức thờ mười tám tượng La-hán, mỗi khi thiết cúng nước trà thì đều hóa thành sữa trắng, hoặc ngưng kết lại thành các thứ hoa đào, lý, thược dược... chỉ nói vài tên. Hoặc nói xin La-hán từ bi sâu nặng gấp tiếp độ mọi loài nên hiện nhiều thần biến, nếu được như thế thì nay trao cho Tử Do khiến luôn luôn tu kính.

Năm Thiệu Thánh thứ ba, ở Ngưỡng Sơn tại Viên Châu có tháp đá Xá-lợi tự nhiên xuất hiện cao hai mươi trượng. Huỳnh Đình Kiên bị trích ở phía Nam đất Kiềm, ông bỏ rượu, tuyệt dục đọc Đại Tạng Kinh suốt ba năm. Thường nói: Lợi, suy, hủy, dự, xưng, cơ, khổ, lạc đây là tám gió ở trong bốn nghi chưa từng lìa nhau. Dù xưa kia Nguyên Thánh Đại Trí có lập những gì ngoài tám gió này, nếu không phải những kẻ học đạo tất không biết được (kinh Đại Bát-nhã có nói: Việc làm của Bồ-tát đối với lợi, suy, hủy, dự, xưng, cơ, khổ, lạc bình đẳng không thay đổi).

Pháp Vân Tú Thiền sư bảo Lỗ Trực rằng: "Ông làm Diễm Ca quấy động lòng dâm của người khiến họ bỏ lễ, vượt cấm, tội đó không phải chỉ đọa vào ác đạo mà thôi!" Từ đó Lỗ Trực không làm nữa. Lý Bá giỏi vẽ ngựa. Sư răn dạy rằng: "Là sĩ phu vẽ vời đã thẹn huống lại vẽ ngựa". Bá Thời thưa: "Nhưng không đến nổi bị đọa vào ác đạo". Sư nói: "Ông luôn nghĩ đến ngựa thần nhớ mãi không quên, thì một ngày

nọ tất sẽ vào bụng ngựa”. Bá Thời sợ hãi, bèn vẽ nhiều hình Đức Quan Âm để chuộc lỗi trước.

Năm thứ tư, tại núi Đại Mai ở Tứ Minh, Anh Thiền sư... mười tám vị được Quận khen công đức. Ở Hàng Châu có Tăng Nguyên Chiếu đến Quận được phân phát Tập Tịnh Độ nói là của ngài Tam tạng Từ Mẫn đời Đường viết ra. Tuy lấy tên là Khuyến Tu Tịnh Nghiệp nhưng thật ý là chê bai Thiền Tông cho đó là “Dị Kiến Chấp Không.” Ngài Pháp Anh xem xét lại Tạng Kinh thì thấy không có tập văn đó. Bèn làm bài Giải Báng Nhất Thông để cật vấn, xin hỏi Nguyên Chiếu đã xét thật kỹ nó là chân hay ngụy chưa? Nguyên Chiếu không đáp được bèn nói có bản trong Tạng xưa. Ty Châu biết lý ông đã cùng nhưng vì kính ông là người trì Luật nghiêm túc nên chỉ thu nguyên bản mà hủy đi để hòa giải (Giải Báng Thư có khắc bản ở Mai Sơn, nói nghĩa lập lý rất chánh đáng).

Bàn rằng: Bậc Đại Trí dùng tài năng xuất chúng của mình để lãnh nhiệm vụ hoằng truyền Luật nghi, giữ việc tu trì và sửa lại cho đúng đều cùng làm mà thịnh hành đến ngày nay, tiếng tăm được trọng vọng. Đến khi thấy chỉ khen riêng Tịnh Độ thì ông bèn soạn Lời Sớ mới để đả kích Trí Giả, mượn văn của Từ Mẫn để phản bội Lục Tổ sao có việc như thế được? Đại để là vì Sư này trì luật khá nghiêm mà Đạo minh tâm lại chưa thật giỏi. Văn Tập của ngài Từ Mẫn bị hủy đi mà Tân Sớ của Luật Gia vẫn còn nguyên đó. Kẻ thức giả tất biết rõ.

Năm thứ năm, tháng hai. Luật Sư Nguyên Chiếu ở Tiền Đường đến chùa Khai Nguyên ở Tứ Minh lập Giới Đàn, căn cứ theo luật cho rằng thọ giới của Đông nam là hơn hết.

Năm Nguyên Phù thứ nhất, ở núi Mộc Bình tại Viên Châu có tháp đá xá-lợi tự nhiên xuất hiện, đêm có ráng ngũ sắc, có hình Phật trượng sáu hiện trong vầng trăng, Quan Âm La-hán đứng hầu chung quanh.

Năm thứ hai, ở Viên Châu tại ven núi đá Đông Sơn có tượng La-hán xuất hiện. Mùa hạ tháng tư không mưa, quan thú Viên Châu là Vương Cổ đến cầu đảo ở Tháp Phật tại Mộc Bình Sơn thì trên ngọn núi phóng ánh sáng, Bạch Y Đại sĩ hiện thân vàng ròng đeo chuỗi anh lạc, lại nhặt được nhiều hạt xá-lợi ngũ sắc to bằng quả táo, bên trong có hình Đài Các. Ông lại đến tháp ở Ngưỡng Sơn thì thấy Đại sĩ Tứ Châu và La-hán Duy-ma đứng hai bên. Rồi thì mưa to trút xuống. Quận tâu về Triều, vua ban cho tháp ở Mộc Bình tên là Hội Khánh và tháp ở Ngưỡng Sơn tên là Thụy Khánh.

Năm thứ ba, vua ban chiếu cho Trị Thái Lăng (là Thọ Lăng của

Triết Tông) là Đặng Phong Lệnh (Tây Kinh ở Lạc Dương), Lâu Dị (Lâu Công Quý ở Tứ Minh có Tổ Phụ làm quan đến Thượng Thư) nhân thỉnh cùng góp sức sửa chữa đạo tràng Thiếu Lâm ở Tung Cao. Cả quan dân cùng làm việc trong một buổi sáng thì xong, tên là Diện Bích Lan Nhã. Rồi thì trong rừng mọc lên mười hai gốc Linh Chi, mưa Cam Lộ xuống ao, ban đêm có ánh sáng từ trên trời chiếu xuống. Hậu Sơn Trần Vô Dĩ làm bài Ký.

Đời Huy Tông (Con thứ mười của Thần Tông, em khác mẹ với Triết Tông, mẹ là Khâm Từ Thái Hậu, họ Trần - Chôn ở Vĩnh Hựu lăng).

Năm Kiến Trung Tĩnh Quốc thứ nhất, ngài Phật Quốc Thiền sư Duy Bạch ở chùa Pháp Vân soạn bộ Tục Đăng Lục ba mươi quyển dâng lên vua, vua viết bài tựa ban cho. Tháng bảy, Đông Pha Tô Thức qua đời ở Tỳ Lăng. Lúc đó có Tiền Tế Minh đứng hầu một bên hỏi: "Bình sinh ông học Phật hôm nay, như thế nào?" Thức nói: "Lời này cũng không nhận, rồi hóa".

Năm Sùng Ninh thứ nhất, vua ra lệnh đại xá viết Tiết Văn rằng: Các bậc danh đức Tăng và Đạo sĩ là thầy mọi người nhưng chưa được ban tên hiệu, mong Sở thuộc xét biết mà tâu lên vua.

Năm thứ hai, vua thụy phong tên Pháp Tuệ Đại sư cho ngài Trừng Chiếu Luật Sư Đạo Tuyên ở núi Chung Nam thuộc đời Đường, thụy phong tên Pháp Bảo Đại sư cho ngài Từ Vân Đại sư Tuân Thức ở núi Thiên Trúc; thụy phong tên Thật Tướng Đại sư cho ngài Phạm Trăn ở Nam Bình và thụy phong tên Pháp Hải Đại sư cho ngài Trí Viên ở Côn Sơn.

Năm thứ ba, vua ra lệnh rước răng Phật Thích-ca và Tam Triều Ngự Tán ở chùa Tướng Quốc vào Nội điện để cúng dường. Cách hộp thủy tinh mà xá-lợi tươm ra như hạt mưa. Nhân đó vua viết bài Tán rằng:

Đức Phật Thích-ca Văn
Hư không bằng hạt trần
Ai cầu đều cảm ứng
Mọi cõi đều phân thân.
Ở trong ngàn xe ngọc
Kim cang luyện vẫn nguyên
Con nay cung kính lễ
Nguyện khắp cứu quần sinh.

Vua ban chiếu thụy phong tên Khải Đạo Viên Thông Pháp sư cho

ngài Tam tạng Ma-đằng ở chùa Bạch Mã, thụy phong tên Khai Giáo Tổng Trì Pháp sư cho ngài Trúc Pháp Lan, thụy phong tên Đẳng Không Thiệu Giác Đại sĩ cho ngài Song Lâm Phó Đại sĩ và thụy phong tên Hiển Giáo Diệu Nghiêm Trưởng giả cho Phương Sơn Lý Trưởng giả.

Dương Châu tâu vua rằng Tứ Châu Đại Thánh nhiều lần hiện ra ở tháp Phổ Tuệ.

Năm thứ tư, Kim Châu tâu vua ở Thanh Sương có hào quang đến tìm thì được Tượng đá La-hán, vua ban tên là Cảm Ứng Thụy Tượng và rước về tinh xá thì lại phóng ra ánh sáng rất lớn.

Quan Thượng Thư Vương Cổ nhân xem Đại Tạng đã soạn bộ Pháp Bảo Tiêu Mục tám quyển. Cách thức trình bày là dưới mỗi Kinh thì chép ra nhân duyên, sự tích nói về pháp môn ấy, khiến người xem tên thì biết được ý chỉ. Sa-môn Phạm Chân đem ra đối chứng kiểm tra lại rồi khắc bản để ở Vĩnh gia.

Năm thứ năm, tháng mười, vua ban chiếu rằng: Trong thiên hạ có những kẻ thờ kính Thượng đế mà dám coi nhẹ Phật giáo, lấy nơi thờ Thiên đế mà thờ quỷ thần và chỉ lo cúng tế xin điều họa phước. Để tránh nạn này lan tràn, quan Hữu Ty cần dẹp bỏ. Lại ra lệnh về việc trong Thủy Lục đạo tràng bày thờ Tam Thanh các vị Nguyên Phong. Vua hạ chiếu ngăn cấm, lại ra lệnh phải thi hành chặt chẽ. Và từ xưa các chùa phần nhiều đều bày thờ Tượng Tam Giáo, bèn lập tên Viện Ngạch điện thờ Đức Thích-ca ở giữa, thờ Lão Quân bên trái, thờ Khổng Thánh bên phải. Nếu nơi nào không có ý phụng thờ Thiên Chân và Nho giáo thì cho rước các tượng ấy về Đạo Quán, Học xá cho đúng chức danh.

Ở Lạc Kinh, Sa-môn Vĩnh Đạo đọc chiếu vua khóc rằng: “Khổng Lão trong cõi nước theo pháp trời mà chế giáo nên không thể trái trời. Còn Phật là pháp xuất thế là thầy của trời người nên không thể trái Phật. Từ xưa các Minh Quân đã thờ Phật và thờ Thượng đế, là biết rõ lý này. Phật pháp bình đẳng, cho nên việc thuyết giáo thì Thánh Phàm cùng hội, nhưng tôn ti của vua tôi tất không thể không khác. Từ Tổ Tông ta đến nay tuân hành pháp luật đã định, nay một sáng dẹp bỏ thì ta e đây là điềm hủy Pháp”, người nghe mà bùi ngùi.

Năm Đại Quán thứ nhất, vua ban chiếu sắp làm chùa, Lý Ngộ đến Khải Thánh Viện dời tượng Đức Thích-ca bằng gỗ chiên-đàn về Ngự Dung điện. Khi xe chở tượng đến thì cây đà ngang có khắc hình đẹp quá thấp, tượng không đi qua được. Mọi người đều lo lắng, bỗng tượng tự rút vai cúi đầu. Cuối cùng xe chở tượng đi qua dễ dàng, ai nấy đều mừng rỡ khen ngợi. Vua từng nghe Thái Hậu đến lễ tượng thì kéo ngang được

một sợi chỉ dưới chân tượng. Sáng hôm sau, vua đến chùa đốt hương rồi sai hoạn quan trẻ tuổi cầm tờ giấy kéo dưới chân tượng, mọi người đều lớn tiếng hô to: "Kéo qua rồi!" Vua càng mừng!

Vua ra lệnh cho Đạo sĩ đứng trên Tăng sĩ. Vua ra lệnh cho Tả Nhai ở chùa Tịnh Nhân là Đạo Giai dời về làm chủ chùa Pháp Vân và ban cho Tử y và hiệu là Định Chiếu Thiền Sư. Nhưng Đạo Giai dâng biểu từ chối rằng: "Bần Đạo thuở bé từ biệt cha mẹ thề rằng: Sau khi suất gia không cầu mong danh lợi, quyết một lòng học đạo để báo ân cha mẹ trời đất, độ sinh linh và đền ân Quân Vương, nếu có thay lòng đổi dạ thì nguyện từ bỏ thân mạng này. Nay ham ân sủng hiển vinh thì e rằng trên ngược với ước muốn của song thân, dưới trái với bản thệ, nên dám xin từ chối". Vua sai Khai Quái Duẫn là Lý Hiếu Thọ mang sắc thư đến khuyến dụ, nhưng Giai nhất quyết không theo. Vua nổi giận bắt bỏ ngục. Quan Hữu Ty hỏi: "Nếu Trưởng Lão có bệnh thì theo phép được miễn tội?" Sư nói: "Bình sinh tôi không biết nói dối, đâu dám nói bệnh mà dối vua", bèn nhận hình phạt. Rồi mặc áo tù mà bị đày đến Truy Châu. Cả thành đô đạo tục đều không cầm được nước mắt.

Năm thứ hai, tháng giêng, vua nhận được tám bảo vật bèn đại xá thiên hạ. Ra lệnh cho Đạo Giai ở Truy Châu được tự do. Sư về ẩn cư ở am tại Hồ Phù Dung. Người học đến càng đông, triều đình tâu vua, bèn ban cho Ngạch là Hoa Nghiêm.

Ở Tây Kinh, có Tăng Khổng Thanh Giác chùa Bảo Ứng đến ở Am Bạch Vân tại đất Hàng, phỏng theo kinh Phật lập ra Tứ Quả Thập Địa, phân làm hai Thừa Đại Tiểu, viết mấy thiên luận truyền cho thế tục. Người theo thì gọi ông là Bạch Vân Hòa thượng, ông gọi lại học trò là Bạch Vân Thái. Thuyết của ông chuyên bài bác Thiền Tông. Ngài Giác Hải Ngu Thiền sư cực lực luận đó là ngụy thuyết và ông ấy bị đày ra Ân Châu.

Luận rằng: Đám Bạch Vân dễ lẫn lộn với đám Bạch Liên, chỉ khác là không có vợ con mà thôi. Người ta thấy họ sớm tối trì tụng rồi tự cày cấy mà sống, hình như đáng kính. Nhưng xét kỹ thì họ ngu si, đặt điều nói bậy về Chánh Đạo. Hàng thức giả thời ấy rất ghét nên cố sức bài bác.

Năm thứ ba, vua ra lệnh rằng các quan có công lớn lập chùa công đức phần, tự cất nhà làm vườn ruộng thì cấm ban tên ngạch nhưng được miễn tô thuế. Tự nhà mình phải thỉnh Tăng đến ở, không cho chiếm lấy các tự viện có ngạch để sung làm chùa Công Đức Phần. Ch Ngự Sử Đài Nội Thị xét luận tội mà thi hành.

Năm Chí Hòa thứ nhất, vua ra lệnh miếu Tiên Thánh được dùng hai mươi bốn kích, Tăng Tham... đã phong hầu tước phạm tên húy của Tiên Thánh rất thất lễ đệ tử và tôn sư, định phong riêng cho bảy người (Tăng Tử trước đã được phong là Hà Khâu Bá; Tư Mã Ngưu là Sở Khâu, Tử Trương là Uyển Khâu, Thạch Xứ là Doanh Khâu, Cầm Khai là Đốn Khâu, Nam Cung Tử Dung là Cung Khâu. Ở trên là sáu người trong số bảy mươi đệ tử - Tả Khâu Minh là Hà Khâu, Cốc Lương là Xích Cung Khâu, Đái Thánh là Sở Khâu. Ba người trên là ở trong số Tòng Tự.

Bàn rằng: Nhà Nho ở đời biết tôn vinh phu tử là Tiên Thánh mà không biết kiêng kỵ tên húy. Như thi nhân đời Đường Tống ưa lấy tên Tiên Thánh để vui đùa, thật vô lễ đến như thế. Thoái Chi làm thi có câu: Ngồi bè rượt đuổi Thánh Khâu. Âu Dương làm thi có câu: Nhân nghĩa là Khâu với Kha. Lại Khâu môn đâu dám luận về thi: Hai nhà Nho đó bài Phật Lão mà tôn Khổng Mạnh tha thiết đến thế mà trở lại khinh thường tên Thánh nhân. Hàn Dũ và Dương Tu còn vô lễ đến thế, kẻ khác sao tránh được. Thật lớn lao thay nhà vua là người biết kính Tiên Thánh! Bảo Tăng Tử... đã phong ấp phạm húy là thất lễ đệ tử, mà còn phong riêng cho họ thay, thì nhà Nho đời sau có ai suy được ý này thấu suốt cả triều đình mà xin bỏ điều đó, há không phải là phép làm thầy của nhà Nho ư?

Ở Quận Châu Sa-môn Tuệ Hồng (tự Giác Phạm) ngồi mà tiếp Tể Tướng Trương Thương Anh, nên bị Tiết Sứ Quách Thiên Tín đày ra Nhai Châu. Linh Nguyên Thanh Thiền sư nghe việc đó than rằng: Lan mọc trong bùn tất không có lúc nào xanh, quế trong hang tối tất trọn năm thấm đỏ. Người xưa nói như thế. Người thông minh xét kỷ thì đã đến gần cái chết, đó là việc kẻ hiếu nghị. Điều này có ở Giác Phạm.

Năm thứ hai, Thị Lang Biên Tri Bạch từ Kinh sư đến Lâm Xuyên gặp nắng bị bệnh. Bỗng mộng thấy người trời Bạch Y rải nước thì thấy mát lạnh từ đầu đến chân. Khi tỉnh dậy liền sảng khoái. Do đó ông sưu tập các chuyện linh nghiệm cổ kim viết thành tập Quan Âm Cảm Ứng bốn quyển lưu truyền trên đời (khắc bản ở Thượng Trúc).

Gia Châu tâu vua gió bão có sấm chớp làm đổ cây, bên trong có vị Tăng đang ngồi nhập định, tóc và móng bao phủ cả thân thể. Vua ra chiếu đem xe chở đến Cung cấm. Ngài Tam tạng Kim Tổng Trì cho người đánh khánh vàng để thức tỉnh Sư. Vua hỏi tên hiệu, đáp: “Tôi là Tuệ Trì em ngài Tuệ Viễn Pháp sư nhân dạo chơi núi Nga My đến đây”. Hỏi: “Nay muốn về đâu?” Sư đáp: “Xin cứ để thân trần trong cây”. Vua ban chiếu dùng lễ tiễn đưa. Nhân đó vẽ hình Sư và làm bài

Tán rằng:

Suốt bảy trăm năm cho đến nay
Ngồi định trong cây chẳng ai hay
Cũng giống chiếc hài về Tây Trúc
Tử sinh nào ngại áo da cây.

(Có ba bài kệ, nay chỉ chép ở đây một bài)

Bàn rằng: Theo Bản Truyện thì nói Sư Tuệ Trì thuận tịch ở Long Uyên tại Bì Huyện. Khi lâm chung có dặn dò. Nay nói dạo chơi Nga My mà đến đây. Ý nói là Thánh Sư thần hóa, không bị dấu vết sinh tử câu thúc.

Năm Đại Quán thứ ba, ngài Dịch Kinh Tam tạng Minh Nhân Diệu Thiện Phổ Tế Đại sư Kim Tổng Trì, đồng dịch lời là Sư Nhân Nghĩa, Bút thọ là Sư Tông Chánh cùng đi về phía Nam Triết giang đến Xa Khê ở Tú Châu. Sa-môn Trừng Giám ở chùa Mật Ấn hỏi: "Có phải ba y thì vòng bên tay phải còn đi nhiễu thì từ trái sang phải?" Ngài Tổng Trì đáp: "Lời Phật dạy chỉ nói dùng y che thân mà không từng nói máng trên vai. Còn ở Tây Thiên đi nhiễu thì từ Bắc đến Đông".

Bàn rằng: Từ xưa luận về đi nhiễu là theo tay phải. Như theo ngài Thảo Am lập ngôn thì có hai câu là "bên phải của Phật hay bên phải của mình", chỉ nói thế thôi. Nhưng ngài Thảo Am thì lầm chấp là "bên phải của mình" và cho là Hữu Đản (để tiện làm việc), Hữu Hiếp (tức cách nằm Cát Tường. Kinh Niết-bàn nói: Đầu xây về Bắc, chân xây về Nam, mặt quay về Tây, lưng quay về Đông). Quay về bên phải để chứng tỏ điều thiện (Văn Cú Ký nói rằng: Quay về bên trái thiên lệch hẹp hòi tiêu biểu cho điều xấu ác, quay về bên phải là thuận tiện giản dị tiêu biểu cho điều tốt lành. Quay về bên trái như bậc Tổ khảo, còn quay về bên phải như bậc trưởng thượng). Râu Phật xoắn về bên phải (râu người phàm đều xoắn về bên trái chỉ có Phật xoắn về bên phải)... thì đều là nghĩa "từ ta." Nên khi Phật nhập Niết-bàn thì đi nhiễu quanh Kim quan là từ Đông sang Nam. Và cho đó là người dịch sai. Phàm về bên phải của mình thì chính là dùng cho mình. Còn bên phải của Phật là đi nhiễu Phật. Nay theo ý nghĩa đi nhiễu Phật để tỏ lòng kính mến thì có liên quan chi đến dùng cho mình? Chính là nghĩa này. Nay người đi nhiễu về bên phải, phần lớn đều dùng theo phía của Phật, việc này đã xác định. Vì sợ nhiều người còn lầm với lời nói của ngài Thảo Am nên phải luận rõ hơn. Ngài Kim Tổng Trì nói đi theo chiều từ Bắc đến Đông thì chính là bên phải của Phật vậy. Còn ngài Nam Sơn nói Đông hồi Bắc chuyển. Từ đó là nghĩa tập chúng để nói Giới, thì đây mới chính là bên

phải của ta, không còn nghi ngờ gì nữa. Ở Nhai Châu, ngài Tuệ Hồng có chỉ vua cho được tự do.

Năm Đại Quán thứ tư, Phương Sĩ tâu vua xương ngón tay Phật để trong chùa Bát Quan chỉ là ngón chân loài Hải Cẩu. Vua ra chiếu đem thử nghiệm. Bèn đem lửa đốt và giả bằng chày sắt hơn mười ngày mà sắc vẫn không biến đổi. Vua bèn ra lệnh dùng nghi lễ trong thể rước đưa trả về.

Năm thứ sáu, ngày một tháng chín, ở Hàng Châu, ngài Linh Chi Nguyên Chiếu Luật Sư ngồi kiết già mà hóa, vua thụy phong hiệu là Đại Trí. Môn Luật Tỳ-ni do chính Đức Phật nói ra, từ ngài Văn-thù trở đi không bỏ một lời, cũng như Lễ Nhạc và lịnh chinh phạt do chính Thiên tử ban ra. Nhưng từ khi Pháp Phật truyền đến Đông độ thì Luật học chưa sáng tỏ. Đến năm Chánh Quán đời Đường, ngài Nam Sơn Luật Sư đầu tiên làm việc sao chép và soạn các Giới Sớ, Nghiệp Sớ và Sự Sao để dạy Luật Tứ Phần, lưu truyền đã bốn trăm năm, có sáu mươi nhà giải thích. Nhưng chỉ có bộ Hội Chánh Ký của Sư Duẫn Kham là nói rốt lý. Đến ngài Chiêu Luật Sư căn cứ theo sự Khai hiển của Pháp Hoa mà soạn ra Tư Trì Ký để làm sáng Tông Nam Sơn. Do đó mà Hội Chánh và Tư Trì Sớ làm hai Phái.

Năm thứ bảy, khi xưa ở Vĩnh Gia, Đạo sĩ Lâm Linh Tố mang yêu thuật đi dạo chơi vùng sông Hoài sông Tứ, vào xin ăn ở chùa Tăng. Năm ấy đến Sở Châu, cãi và đánh nhau với Tăng Tuệ Thế. Việc đem đến quan, Quận Tốt là Thạch Trọng ưa sự biện thuyết của ông bèn thả ra. Rồi ông vào kinh Sư đến yết kiến Thái Sư Thái Kinh, Kinh cho là dị nhân bèn dẫn vào gặp vua. Ông liền tâu dối rằng: Vua tức là Thiên Thượng Trường Sinh Đế Quân ở Thần Tiêu Ngọc Thanh Phủ, có em là Thanh Hoa Đế Quân, đều là con của Ngọc Đế. Còn Thái Kinh tức là Ngọc Thanh Tả Tướng Tiên Bá. Lâm Linh Tố chính là Tiên Chữ Tuệ bị phạt. Vua rất mừng, ban cho ông hiệu Kim Môn Vũ Khách, xây cung Thông Chân mời ông ở. Nhân đó ông tự gọi là Giáo Chủ Đạo Quân Hoàng Đế, lập Bảo Lục Cung bày hai tượng vua Trường Sinh và Thanh Hoa. Vua ra chiếu trong thiên hạ đổi Thiên Ninh Quán thành Thần Tiêu Ngọc Thanh Cung. Lâm Linh Tố được vua sủng ái rồi thì nhớ lại lúc mình bị nhục ở Sở Châu nên ngày đêm cố tình hủy báng Phật pháp. Lại hướng dẫn Phương Sĩ Lưu Đống để trợ giúp mình. Vua càng tin chắc thuyết ông ta nói... Trước đó vua có lần mộng thấy mình phó hội, được Thanh Hoa Đế Quân mời dạo chơi Thần Tiêu Cung, khi tỉnh dậy lấy làm lạ. Bèn ra lệnh co Đạo Lục Từ Tri Thường hỏi việc Thần Tiêu. Có

người bảo rằng: Lâm Đạo sĩ ở Thái Nhất Cung Đạo Đường đã nói nhiều về Thần Tiêu, có lần ông làm thi đề trên vách. Tri Thường đem việc ấy tâu vua, vua mời vào gặp. Vua hỏi thuở xưa Trẫm gặp Đông Hoa Đế Quân được nghe nói: "Đổi dẹp ma trọc" là thế nào? Lâm Linh Tố bèn tâu bừa rằng: Phật giáo đã hại Đạo Lão lâu rồi, nay dù không diệt được cũng cần nên sửa lại: như lấy chùa Phật làm Cung Quán, Thích-ca đổi làm Thiên Tôn, Bồ-tát đổi làm Đại sĩ, Tăng sĩ làm Đức sĩ, bắt phải để tóc, đội mão, cầm hốt. Vua ra chiếu chấp thuận (Cảnh Diên Hy làm Lâm Linh Tố Truyện).

Tân Thoái Lục của Triệu Thị nói rằng: Khi Đông Pha làm Quan Thú Dương Châu mộng thấy mình đi vào núi bị một con hổ đến chụp cắn, có một Đạo sĩ thét đuổi đi. Sáng hôm sau có một Đạo sĩ đến yết kiến hỏi: "Đêm qua ngài không sợ lắm chứ?" Đông Pha quát rằng: "Đồ chuột nhắt, ta chưa đánh đòn ngươi đó, ngươi cho là ta không biết rằng đêm qua ngươi đã dùng yêu thuật đấy à?" Đạo sĩ kinh hãi rút lui. Vua Huy Tông mộng thấy Thần Tiêu cũng thuộc loại đó.

Bàn rằng: Vua Đường Minh Hoàng mộng thấy hai chữ "Sở Kim" trên không trung rồi viết biển tháp Đa Bảo, vua Túc Tông mộng thấy có vị Tăng tụng danh hiệu Bảo Thắng Như Lai, vua Đại Tông mộng thấy dạo chơi chùa trong núi. Đến Triều Tống ta, vua Nhân Tông mộng thấy rồng nằm khoanh trước cửa chùa Cảnh Đức, vua Thần Tông mộng thấy Thần Tăng cỡi ngựa chạy trên không trung... Đây đều là do sức Phật, sức Pháp và sức từ Thiện căn của các Sư, tự nhiên cảm hóa mà được như thế, không nên so sánh với việc Thần Tiêu do làm yêu thuật trong đêm. Chỉ lo người ngu nhầm lấy đó tự dẫn chứng nên không thể phân biệt rõ.

Vua ban chiếu mời Đăng Thiền sư đến ở Tương Dương. Lộc Môn Quận Tướng nói xa gần mong các chư sơn đem vàng lụa đến Kinh sư thiết lễ trai đãi ngàn Đạo sĩ. Sư bảo: "Lòng tinh anh thờ Phật nào phải đám cuống dại, đâu thể đem của đàn thí mười phương đi ngàn dặm để nịnh nọt Đạo sĩ". Quận Tướng xấu hổ bèn thôi. Các Tòng Lâm nghe chuyện đều rất phấn khởi. Ở Tây Thục có ngài Bảo Phạm Đại sư Chiêu Phù, Lỗ Trực khen rằng: "Đó là bậc Tăng Sĩ biết cả văn võ đáng là Thừa Tướng Tướng Quân". Sư nối ngài Viên Minh Đại sư Mẫn Hành. Tử Chiêm khen rằng: "Đọc đủ nội ngoại giáo điển, làu thông các nghĩa, lấy Như Huyễn Tam-muội đứng đầu một cõi". Cha của Sư Pháp Đăng thờ ngài Viên Minh, còn ông nội thì thờ ngài Bảo Phạm, có từ xưa nay vậy (theo Thạch Môn Văn Tự Thiền).

Năm Trọng Hòa thứ nhất, tháng bảy, vua ban chiếu cho lập Thọ Sơn Cấn Nhạc. Bấy giờ có hạn hán, Lâm Linh Tố cầu mưa mãi không linh nghiệm. Thái Sư Thái Kinh mới tâu vua ông là kẻ gian trá nhưng vua không nghe. Thông Chân Cung là một tịnh thất luôn khóa kín cửa. Thái Kinh sai người rình xét thì thấy trong đó màn là trướng lụa đều màu vàng, bàn ghế đều sơn son đỏ. Kinh tâu hết mọi chuyện cho vua. Vua xa giá đến xem thì chỉ thấy vách phấn song trống mà thôi. Thái Kinh kinh hồn chịu tội.

Năm Tuyên Hòa thứ nhất, tháng giêng, vua ban chiếu rằng: “Từ khi ân trạch các Tiên Vương khô cạn mà Hồ Giáo (Phật giáo) mới được lưu hành ở Trung Quốc. Dầu giáo pháp nói năng không đồng nhưng chỗ rốt ráo thì cùng với Lão Giáo là một mối. Tuy không thể dẹp được nhưng cũng làm hại lễ nghĩa trong nước, cho nên không thể không sửa đổi. Nên nay cho Phật là Đại Giác Kim Tiên, cho mặc áo Thiên Tôn, đổi Bồ-tát làm Đại sĩ, Tăng làm Đức sĩ, Ni làm Nữ Đức sĩ và bịt khăn đội mão cầm hốt gỗ. Sửa chùa làm Cung, sửa Viện làm Quán, Trụ Trì là Tri Cung Quán Sự. Cấm không cho lưu trữ các tháp, tượng và não bạt bằng đồng.” Khi mới phế bỏ Đạo Phật thì ngoài triều đình không ai hưởng ứng, chỉ có Doãn Thạch Chương ở phủ Khai Phong là kẻ gian tà, do lợi hại kích thích mới nghe theo. Bèn dùng chỉ vua đến khuyến dụ Thái Kinh. Kinh nói: “Quốc gia an bình đã lâu ngày, anh hùng không có chỗ dùng, nhiều ẩn sĩ mới dời đến đây, một sáng phá chỗ ở cướp cơm áo thì còn biết về đâu, tất sẽ nổi oán thù tập họp lại gây biến nghịch. Vua chúa một ngày nọ tất phải lĩnh lấy lỗi này?” Vua nghe liền nổi giận bảo: “Bọn bây muốn doạ ta đấy à?” Người nhà khuyên Kinh rằng vua đã giận. Kinh nói: “Ta lấy thân này để báo ân Phật”, rồi hội họp Tăng đồ sắp dâng Điệp lên Kinh Sư xin biện luận. Thạnh Chương rình xét biết được, liền bắt ngay các Cao Tăng đứng đầu là hai Luật Sư Hoa Nghiêm và Minh Giác, tất cả có bảy người, dùng gậy đánh mà giết đi. Ngài Tả Nhai Bảo Giác Đại sư Vĩnh Đạo dâng thư lên vua thưa rằng: “Từ xưa Phật pháp luôn luôn thịnh suy cùng vận nước. Mà như Thôi Hạo đời Ngụy Thái Võ đã diệt Phật pháp chưa quá ba, bốn năm thì Hạo đã bị chết không còn con đỏ, rồi Văn Thành lại phục hưng Phật pháp. Và Vệ Nguyên Tung đời Chu Võ diệt Phật pháp không đầy năm, sáu năm thì Nguyên Tung cũng bị biếm mà chết, rồi Tùy Văn Đế lại phục hưng. Đến Triệu Quy Chân và Lý Đức Dụ cũng diệt Phật pháp thì không đầy một năm sau Quy Chân bị giết, Đức Dụ chết chui nhủi, rồi Tuyên Tông lại phục hưng. Nước nhà ta các vua Thái Tổ, Thái Tông đều nối nhau

dịch kinh, thi Tăng, phục hưng Phật pháp tạo nên khuôn phép vững chắc để muôn đời noi theo. Nay Bệ Hạ sao một sớm lại nghe lời kẻ gian tà mà gây kinh động cả thế gian. Bệ Hạ cũng không nghĩ đến việc Thái Võ bị chết bởi tay hoạn quan, Châu Võ bị nhốt trong ngục sắt, Đường Võ bị báo yểu mạng mất ngôi. Đây đều là những cái gương trước đáng soi. Vì sao Bệ Hạ lại đạp vào cái họa Ác Quân mà trái với phép tắc của Tổ Tông? Kính tấu thư". Vua quá giận bèn đày Sư ra Đạo Châu. Vua cho rằng Thái Kinh không thi hành lệnh vua bèn bãi quyền thảo nghị của Quan Phụ Tướng, chỉ cần Tả Hữu quyết đoán. Thạnh Chương bắt ép Tăng Lục Hồng Bỉnh dâng biểu lên vua thi hành Thánh Chỉ. Do đó đổi hết các Tăng làm Đức sĩ, bắt tất cả phải đội mão mặc áo, ai không theo đều giết. Thái Kinh nhiều lần khẩn thiết tâu vua rằng: "Phật tượng trong thiên hạ không phải do các Tăng tự làm mà đều là con vì cha, tôi vì vua làm ra để cầu phước báo ân. Nay phá hủy hết tất làm kinh động lòng người không lợi cho xã tắc". Vua hơi có ý chùn bước.

Bàn rằng: Thái Kinh lúc đầu mới thấy Linh Tố cho là dị nhân, bèn tiến cử lên vua, giúp cho hai bên biết nhau là cốt để củng cố sự yêu thương của vua mà thôi. Đến khi Linh Tố được vua yêu bèn dẹp Phật mà phục hưng Đạo Lão, thì Kinh mới sợ Vật Luận, lật đật tâu vua sự dối trá của ông ta nhưng không còn kịp nữa. Cũng như trước kia Kinh tiến cử Đồng Quán lên vua, cho là người giỏi việc. Đến khi ông này tự chuyên bắt phạt mà không cần báo bẩm về triều đình, thì Kinh mới ghét dữ, nhiều lần hạch tội ông ta nhưng cũng không kịp. Đại để Thái Kinh muốn dùng người gian tà để giúp mình lo việc trị nước. Nhưng Đồng Quán và Linh Tố đều thuộc hàng gian tà, cho nên không chịu được mà trở lại rất ghét thù nhau. Song việc Thái Kinh tiến cử hai kẻ gian không thể nói là vô tội. Có người cho rằng Thái Kinh đã hài tội hai kẻ gian kia thì là một cử chỉ biết hối lỗi rồi. Nhưng cũng có thể bảo rằng dù Thái Kinh không dùng hai tên gian tà lộng hành kia giúp sức cho mình mà việc hạch tội và ghét thù kia tất không giống với lời thanh nghị của người Quân Tử Trung Chánh.

Ở Tứ Châu, khi sắp đội mão thêm cho tượng Phật Tổ thì bỗng gió mưa mịt mù xé rách mão ấy quăng ngoài cửa. Quan Thái Thú nghe việc cả kinh bèn chạy đến trước tượng tạ tội rằng: Phật pháp có linh thiêng xin yên lòng, con không dám quấy rầy nữa (Độc Tinh Chí).

Vua ra lệnh phá bỏ chùa Càn Minh, cứ năm chùa thì để lại ba ngôi. Giám Dương Tiễn bàn là nên phá bỏ chùa Thái Bình Hưng Quốc sửa làm dinh thự, quán xá hay nhà dân. Lúc đầu đập phá Chánh điện,

chôn tượng Phật dưới nền điện cũ, thân thể tay chân bị phá nát. Rồi thì tiễn bị bệnh, lồng ngực và bụng bị vỡ nát mà chết (theo Di Kiên Chí).

Vua ban chiếu trong thiên hạ xây dựng Thần Tiêu Cung. Châu Quận sợ hao tốn, phần nhiều đều lấy các chùa lớn rồi đổi bảng hiệu. Châu Tướng Thái Bình phá chùa Thừa Thiên, ngày thứ nhất thì quan Đổng Dịch Binh bị té ngựa mà chết, ngày thứ hai các thợ làm nhà bị té chết, ngày thứ ba thì quan binh bị té ngựa gãy tay. Người chủ trương bàn việc phá chùa là Thạch Nghi Tào có đứa con mười tuổi bị thần Kim giáp lột mất áo, đem bỏ trong lò lửa bên nhà tắm, thì nghe các thần bảo nhau là Thạch gì đó bị tuyệt tự. Quả nhiên năm ấy thì con chết, còn Thạch thì làm khách lữ hành chết ở Kinh Sư.

Sư Vĩnh Đạo đến Đạo Châu, Quận Thú và các thuộc hạ đồng thời mộng thấy tượng Phật mang gông vào thành. Sáng hôm sau thì Sư đến. Quan Thú biết là việc lạ bèn khiến thuộc hạ tiếp đãi tử tế. Trong thành khi đó các quân dân đều bị bệnh thương hàn. Có người đến cầu cứu với Sư. Sư vốn có học Pháp Chân Ngôn ở Tây Thiên. Người bệnh chỉ uống nước do Sư chú nguyện và xoa đầu thì đều khỏi bệnh. Khi người xin nước quá đông thì Sư đến đọc chú ở ao nước trong doanh trại.

Tháng ba, ở Kinh Sư có nước lụt, ba ba và cá sấu xuất hiện ở các Viện xá, Cung miếu rất nguy hiểm. Vua ra chiếu cho Linh Tố đốc thúc Đạo sĩ trị nước. Nhưng đã nhiều ngày mà không linh nghiệm, cả mấy ngàn phu dịch tranh nhau định dùng gậy đánh chết, nhưng Linh Tố chạy thoát. Vua nghe chuyện không vui. Bỗng ở Tứ Châu có Đại Thánh (Quan Âm) xuất hiện trên không trong Đại Nội, đứng hầu một bên có Tuệ Ngạn Mộc Xoa. Vua đốt hương đảnh lễ khấn cầu. Đại Thánh chống tích trượng trên thành và đọc mật chú. Khoảnh khắc có một người áo trắng bịt khăn quỳ trước như đang nghe răn dạy. Muôn người đều nhìn thấy nghi rằng người mặc áo trắng ấy là do Long Thần biến ra. Rồi thì nước rút, vua ban chiếu thêm Tăng-già Đại Thánh sáu chữ vào hiệu của Sư. Linh Tố lại khuyến vua nên dẹp bỏ. Vì Xá Nhân Hứa Hàn làm bài Từ để khen ngợi nên bãi chức ông ta.

Tháng chín, Đài Thần dẫn thuộc hạ tâu vua rằng Lâm Linh Tố là kẻ gian tà tiểu nhân, dối bàn việc dời Kinh Đô và đổi dẹp Phật giáo tội đáng tru lục. Vua không trả lời.

Tháng mười, Lâm Linh Tố cùng hoạn quan chia phe cãi nhau, lại giả mạo cờ hiệu của Thái tử, vua mới bắt đầu ghét ông ta, có bảng đề ở Thần Tiêu Cung rằng: Chữ Tuệ tội ác không chừa vua khiến dẹp bỏ Tiên Tịch giáng làm hạ quỷ suốt đời. Đến tháng mười một thả Linh Tố

cho về Ôn Châu, bắt phải chết ở ngoài đường. Ông dặn môn nhân đem về chôn thì lập nhiều mộ giả (Cao Tông đến Giang Tâm đổi nhà cũ sửa làm chùa, sai người phá mộ của ông ta, định giết thêm lần nữa nhưng không biết mã thật của Linh Tố ở đâu bèn thôi). Do đó cả trong ngoài đều do tội dẹp bỏ Phật giáo mà bị đuổi về.

Pháp Tánh Hành Trì Thiền sư ở Dư Diêu, khi xưa nhận lời mời đến Thượng Ngu. Ấp Lệnh là Vương Quân thỉnh ngài nói pháp yếu. Sư thăng tòa nói rằng: "Đầu đội khăn mỏ quạ, mình mặc áo lông hạc rõ ràng một thần tiên mà mở dạy nghề khéo Tào Khê", khiến cùng đại chúng đều gõ nhịp than dài. Lúc đó trong hội có người khóc mãi không thôi (Sư hiệu là Mục Am, đắc pháp với ngài Tượng Điền Khanh Hòa thượng. Gia đình Sư họ Lô ở Tứ Minh, là ông bác nội của Chí Bàn tôi. Vào năm Ung Hy, Sư trải học các nơi Vân Môn Tuyết Đậu Hộ Thánh, có tên trong Tổ đồ).

Ngài Thạch Môn Tuệ Hồng Thiền sư ngụ trong hang núi ở Sương Tây lấy tám mươi mốt vị trong hai Tông Vân Môn và Lâm Tế từ năm Gia Hựu đến năm Chánh Hòa để làm Thiền Lâm Tăng Bảo Truyện ba mươi quyển. Từ sau ngài Tán Ninh Thông Tuệ thì Truyền Tăng Sử chỉ có mình Sư.

Xưa có ngài Vân Cư Hựu Thiền Sư, ở phía Đông tháp của Hoằng Giác Thiền Sư, xây một noãn tháp, ngài nói: "Phàm các Trụ Trì mà nhục thân bị hư hoại, khi hỏa thiêu lại không có xá-lợi thì nên nhặt xương tàn để vào đây". Ở phía Tây lại xây một noãn tháp khác, ngài nói: "Các chúng Tăng khi tịch thì để xương tàn vào đây". Và gọi đó là ba tháp. Ngài Bạch Vân Đoan Thiền sư nói: Các Tòng Lâm trong thiên hạ hưng thạnh là do sức của ngài Đại Trí (Ngài Bách Trượng được thụy phong là Đại Trí). Trong Tổ Đường phải thờ tượng Đạt-ma ở giữa, tượng ngài Đại Trí ở hướng Tây, tượng Tổ Khai Sơn ở hướng Đông. Không phải chỉ riêng thờ Tổ Khai Sơn mà phải lược bày các Tổ Tông của ngài nữa. Ngài Giác Phạm luận việc đó bảo rằng: "ngài Bạch Vân Vân Cư kiến thức cao xa, việc này có thể làm phép tắc cho cả thiên hạ".

Tháng tám, vua hạ chiếu rằng: Về việc của kẻ gian tà kiến nghị sửa đổi các danh xưng của Phật giáo đã lâu nhưng chưa được chấp thuận. Theo chỉ trước phải đổi Đức sĩ và Nữ Đức sĩ, thì nay vẫn theo lệ cũ mà gọi là Tăng Ni.

Tháng chín, vua ban chiếu cho phục hồi khắp các Tăng Ni trong thiên hạ. Ở Đạo Châu, Sư Vĩnh Đạo dời về ở gần Quận (các việc trên thấy trong Quốc Triều Hội Yếu, Bản Triều Thông Giám, Đạo Pháp sư

Truyện, Lâm Linh Tố Truyện).

Bàn rằng: Phật pháp gặp vận nguy nên có kẻ gian tà gây rối, mà Chúa Thượng cuối cùng phải mang tiếng xấu do mình gây ra. Khi vận hội được hanh thông thịnh đạt thì thiên hạ sẽ khen công. Một khi Chúa Thượng đã tỉnh ngộ liền giáng chiếu tự sửa lỗi trước, kết tội Linh Tố là kẻ gian tà và phục hưng lớn Phật pháp. Trước tệ sau sáng đều do Pháp vận khiến như thế.

Năm Đại Quán thứ bảy, tháng tư, ở Đông Hồ Tứ Minh, ngài Nhị Linh Sơn Tri Hòa Am Chủ viên tịch. Sư lúc tuổi già thờ ngài Nam Nhạc Biện Sư (nối ngài Đông Lâm Tổng Thiền Sư), nhân đi du phương đến Quận Tứ Minh, quan lệnh mời Sư ở chùa lớn, nhưng Sư cực lực chối từ. Hỏi nguyên do, Sư nói đời gần đây những người ở chùa danh tiếng phần nhiều đều do hối lộ mà được, tôi thẹn nên không làm. Có Chánh Ngôn Trần Hòa cùng theo Sư dạo chơi. Từ khi ngài Tuyết Đậu mời Sư ở Kim Lam Am tại Nhị Linh Sơn thì ba mươi năm Sư không hề xuống núi. Có ai hỏi đạo thì Sư bảo vì chưa đạt đến nơi nên thẹn giảng đạo. Từng có một con hổ theo hầu. Khi Sư tịch rồi thì con hổ nằm chết trên đất nơi thiêu sư, ba năm sau có vị Tăng từ nước Thục đến hỏi: “Hải Tôn giả ở đâu?” Người nói ở đây chỉ có Hòa Công mà thôi. Vị Tăng nước Thục bảo: “Chính người ấy”. Khi thấy tháp Sư, vị Tăng nói: “Đây không phải là cát địa”. Hơn năm sau khuyên người địa phương chất khám đá mà chôn lại, thì thấy hài cốt Sư có nhiều xá-lợi chiếu sáng lấp lánh.

Tháng sáu, Sư Vĩnh Đạo ở Đạo Châu được chỉ vua thả về, lại sắc lệnh cho Sư đến ở Chiêu Tiên Thiền Viện và ban tên là Pháp Đạo để tôn vinh là người Hộ Pháp.

Tháng tám, vua ban chiếu bãi bỏ việc học Hoàng Lão.

Năm thứ tám, tháng bảy, Ngô Quốc Công Chúa kính trọng Không Môn. Vua ra lệnh các quan chức sắc hoặc thường dân có ai hủy nhục Tăng Ni hoặc mắng là “bọn trọc” thì trị tội đúng theo chỉ thị năm Tường Phù thứ ba.

Tháng mười hai, vua nhường ngôi cho Hoàng Thái tử, rồi đến ở Cung Long Đức và xưng là Thái Thượng Hoàng.

Bàn rằng: Đáng quý thay bậc Minh Quân đạo đức! Thiên tư thông minh thần võ, đương lúc thiên hạ vô sự thì ngài đối với việc Tổ Tông sùng kính Phật pháp có thể nói là đạt hết mức! Như ban lời tựa cho Bộ Tục Đăng Lục, truy thụy phong danh hiệu cho các Tổ Sư đời Hán Đường, kính lễ răng Phật Thích-ca và làm bài Tán. Đây là tâm lành trong mười sáu năm. Việc một sáng dùng kẻ gian tà tôn Lão dẹp Phật.

Do đó lòng vua bị mê hoặc lần đầu mà cho thi hành chiếu Tuyên Hòa dẹp Phật. Rồi thì trời giáng cho một trận hồng thủy, các dịch phu cử người đuổi Linh Tố. Vì chia bè phái với bọn hoạn quan ngỗ ngược, mạo cờ hiệu của Thái tử nên vua mới ghét bỏ, yết bảng ở cửa bắt chết dọc đường, gấp hạ chiếu hài tội. Rồi phục hưng Phật pháp, dẹp học Hoàng Lão, ấy là tâm lành cũ của vua vẫn chưa mất. Chỉ vì vận nguy của Đại Pháp mà bọn ngoại ma được dịp thi thố gian ngoa, đâu làm thương tổn được sự thông minh thần võ của vua ta!

Đời Khâm Tông: (là anh cả của Huy Tông, mẹ là Cung Hiển Hoàng hậu họ Vương, ngày mười ba tháng tư là Tiết Càn Long, lăng là Vĩnh Minh).

Năm Tĩnh Khang thứ nhất, tháng giêng, giặc Kim xâm phạm quan ải, tháng hai giặc Kim rút lui. Vua ban chiếu rằng: "So với các năm đầu Đại Quán, khi có Thánh Tiết đều có hành hương, cho đến các Đạo Quán. Nay sau thời Đạo Quán thì trong các Thánh Tiết vẫn cho đến các Đạo Quán. Còn tiết Càn Long năm nay thì vẫn đến các chùa Phật kiến lập đạo tràng. Từ ngày đầu năm đều y theo pháp xưa của Tổ Tông, còn các Đạo sĩ Quan Giai thì đều dẹp bỏ.

Tháng mười một, giặc Kim lại xâm phạm quan ải, vua ban chiếu cho Hoàng Đệ là Khang Vương làm Binh Mã Đại Nguyên Soái.

Năm thứ hai, tháng giêng, vua đến doanh trại giặc. Tháng tư thì giặc lui binh, hai vua cùng đi săn mùa Đông ở phía Bắc Hàn Châu. Tháng năm, Khang Vương lên ngôi Hoàng Đế ở Tống Châu.

Bàn rằng: Thái Tổ lúc đầu được phong đất Tống, sau đó bèn dựng nước. Đến khi Biện Kinh thất thủ thì Cao Tông lên ngôi ở Tống. Cho nên trên thì hợp với phù hiệu Kiến Quốc dưới thì hạ chiếu trung hưng.

Tháng mười, vua đến Dương châu, sai Sứ Bát Bối mời ngài Kim sơn Khắc Cần Thiền sư đến hành cung diễn nói Thiền Pháp, vua ban hiệu là Viên Ngộ.

Lưu Thú Đông Kinh là Tông Dịch (Vua thụy phong là Trung Mẫn Công, người đất Vụ) tuân chế vua, mời Pháp Đạo Pháp sư đến ở Tả Nhai Thiên Thanh Tự, bổ chức Tuyên Giáo Lang Tổng Quản Ty làm Tham Mưu Quân Sự vì nước hành Pháp giúp đỡ quân đội. Sư đến Hoài Dĩnh khuyến hóa các kẻ có thế lực xuất lương thực ra giúp nước. Quân đội nhờ đó mà được cứu.

PHẦN PHỤ CHÚ ***ở trang 417 - 419 (Hán Tạng)***

[Chú số 11] - Năm Nguyên Hựu thứ sáu, tháng sáu, Thượng Thanh Chữ Tường Cung đã xây xong. Vua ban chiếu cho Tô Thức làm bài bia, tóm tắt rằng: Chỉ có vua Thái Tông giúp vua Thái Tổ định an thiên hạ. Khi đã lên ngôi liền đem hết vàng lụa để ban thưởng mà xây dựng Thượng Thanh Cung ở trong cửa Triêu Dương, vì để tôn vinh công hưng Vương. Vả lại sau cuộc binh lửa của Ngũ Đại, dân đỏ lại thờ Thượng đế, năm Khánh Lịch thứ ba bị hỏa thiêu. Năm Nguyên Phong thứ hai, sai Đạo sĩ Vương Thái Sơ sửa lại đền miếu. Người lấy ngày nói chỗ ở của Cung là đất đai của con cháu quốc gia. Vua bèn ban tên là Thượng Thanh Chữ Tường Cung đến năm Thượng Thái mới xong phần đầu. Thái Hoàng Thái Hậu từ nội cung đưa ra bạch kim khiến Đạo sĩ Kiếm Ứng Chân nối tiếp xây dựng năm ấy xong việc.

Tháng mười, vua đến Quốc Tử Giám, đến điện Chí Thánh Văn Tuyên Vương làm lễ Thích điện, một lần hiến cúng thì lạy lại. Vua lại đến miếu Võ Thành Vương đều vái chào nghiêm túc. Trọng Du vào ứng đối với vua, nhân đó luận về miếu Khổng Tử. Từ Nhan Uyên trở đi đều có chức tước với triều đình, mặc pháp phục đội mũ miện, Lý Ngư dạy thi lễ, rồi truyền Thánh Đạo lại cho Mạnh Tử. Nay đều mặc áo quê bịt khăn để cúng tế là chưa tiện. Vua mừng rỡ chấp thuận, phong cho Lý Ngư là Tứ Thủy Hầu, phong cho Tử Tư là Nghi Thủy Hầu.

[Chú số 12] - Tháng sáu, đặt ra Nguyên Hựu Đảng Tịch, Tư Mã Quang... ba trăm chín người, khắc đá để ở cửa điện Văn Đức. Tháng mười một, Vương An Thạch bồi hưởng miếu Văn Tuyên Vương. Vua cho mời Hải Lăng Từ Thần Ông vào triều kiến, rồi ông khẩn thiết xin được về quê. Vua ra chiếu ở Quận xây ngay Tiên Nguyên Vạn Thọ Cung mời ông đến ở. Khi xưa Thần Ông làm thuê ở Quán Thiên Khánh cầm chổi quét dọn, miệng tụng Kinh Độ Nhân không ngớt. Người bốn phương đến hỏi việc tốt xấu đều xưng là Thần Ông. Lữ Tuệ Khanh đi vòng qua Cung Khuyết. Ông bảo: “Khéo giữ! Khéo giữ! Đã về Triều.” Bỗng vì có việc ông ra coi Đơn Châu. Vua Triết Tông không vui, sai Tuệ Khanh đến chỗ Thần Ông. Ông viết hai chữ Cát Nhân (). Không bao lâu thì Huy Tông lên nối ngôi. Bởi đã dự trước tên vua là Huy (chữ), sau ông thoát xác mà hóa.

[Chú số 1] - Vua cùng Linh Tố giảng đạo ở Tiện điện. Có người áo rách khăn xanh đi tất lên điện không vái chào ai. Linh Tố biết người ấy, hỏi rằng: Lữ Đại lại đến đấy à? Người ấy vội chạy vào góc điện ẩn mất, chỉ để lại một bài thi viết bằng phấn rằng:

Luận cao nói rộng như không ai
Khá tiếc Minh Quân chẳng gặp tài
Muốn hỏi xưa nay việc tốt xấu
Bính Đình Mùi Ngọ phải phòng tai.

Vua biết đó là Lữ Đồng Tân đến than tiếc. Sau quả đúng lời thư nói.

[Chú số 2] - Năm Tuyên Hòa thứ hai, tháng giêng, nhân tiết Thượng Ngươn, vua lên lầu xem đèn, bỏ rèm kín đáo để không ai biết. Bỗng có một người từ đám đông nhảy ra, da đen, mặc áo vải như Tăng đồng (chú điệu), dơ tay chỉ rèm gọi bảo vua rằng: "Ông có phép thần gì mà phá hoại Đạo ta. Nay ta nói cho ông biết là quả báo của ông sắp tới rồi!" Vua nổi giận sai Trung Sứ truyền chỉ bắt trị tội, đánh đập tơi bời, đem thiêu sống, rồi xẻo từng miếng thịt, nhưng anh ta vẫn nín thinh cũng không có dáng đau đớn. Vua càng không vui bèn cho dẹp lễ hội và bắt giam vào ngục mà giết đi (Bản Triều Thông Giám).

Tháng tám, có người bán rau đến dưới cửa Tuyên Đức chỉ tay mắng rằng: "Ông phá xã tắc của ta, Thái Tổ sai ta đến nói ông phải mau sửa đổi, bắt hạ ngục đứa ở phủ Khai Phong!" Một tối nọ không biết từ đâu có tiếng nói rằng đó là thần dựa vào mà nói ra đấy (Thông Giám).

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 47

PHẦN 14

Đời Cao Tông *(*là con thứ chín của Huy Tông, mẹ là Hiền Phi họ Vi, thụy phong là Hiển Nhân Hoàng hậu. Ngày hai mươi mốt tháng năm là Thiên Khôn Tiết, chôn ở Vĩnh Tư Lăng).

Năm Kiến Viêm thứ nhất, vua trú ngụ ở Duy Dương. Thuở xưa Long Hựu Thái Hậu là Manh Thị lúc sắp bỏ nước đi về phương Nam thì xin Pháp Hộ Thân ở đạo tràng Đại Đức. Có người dạy nên thờ Ma-lợi-chi Thiên Mẫu. Khi định đô ở Ngô Môn thì luôn tưởng niệm cầu Thiên Mẫu ngầm cứu hộ. Rồi thờ tượng Thiên Mẫu ở Trung Thiên Trúc tại Tây hồ, khắc đá để ghi việc. Theo bản dịch kinh Ma-lợi-chi Thiên của ngài Tam tạng Bất Không thì cách tụng niệm như sau: "Nam-mô Thích-ca Mâu-ni Phật (10 tiếng), Nam-mô Ma-lợi-chi Thiên Bồ-tát (10 tiếng). Con đệ tử tên là... kính lễ Tam bảo Ma-lợi-chi Thiên Bồ-tát, xin cứu hộ thân con không cho ai thấy được thân con, không ai biết được thân con, không ai có thể bắt bớ trói cột gia hại con, không ai khi dễ dối lừa trách phạt con, không ai giựt nợ tài vật của con, không bị kẻ oán thù tự do hành hạ. Rồi liền đọc Chân Ngôn Tối Thượng Tâm: Án Ma-lợi-chi Sa phạ hạ (100 tiếng hoặc 1000 tiếng). Xin cứu hộ con nạn vua Quan, xin cứu hộ con nạn giặc cướp, xin cứu hộ con nạn lạc đường nơi hoang vắng, xin xứu hộ con nạn nước lửa binh đao, xin cứu hộ con nạn quỷ thần thuốc độc, xin cứu hộ con nạn ác thú độc trùng, xin xứu hộ con khỏi nạn oan gia người ác, Chân Ngôn Phật cứu hộ con, Chân Ngôn Pháp cứu hộ con, Chân Ngôn Tăng cứu hộ con, Chân Ngôn Thiên cứu hộ con, Chân Ngôn Tiên cứu hộ con, mọi lúc mọi nơi luôn cứu hộ con. Đệ tử tên là... sa phạ hạ." Khi tụng thì tưởng niệm Bồ-tát hóa hình Thiên nữ đeo chuỗi ngọc ngồi tòa sen, tay trái cầm quạt thần, tay phải duỗi ngữa tay ra thành thế Dữ Nguyện Ấn. Nếu muốn thấy chân thân của Thiên Mẫu để đạt thắng nguyện thì phải tụng đủ mười vạn biến. Đức Phật nói

trời này thường đi trước Nhật Nguyệt, mà Nhật Nguyệt không nhìn thấy được. Ta nhân biết tên trời này mà thoát khỏi tất cả ách nạn.

Năm thứ hai, tháng ba, ở Đường Châu, Bí Dương Úy là Lý Quyết gặp giặc phương Bắc vào cướp phá, liền cùng một người hầu lên ngựa mà chạy. Đêm trốn trong một nhà hoang bên đường. Nghe có tiếng xe đi qua bèn sai người hầu đi hỏi giặc Đường Châu hiện ở đâu? Người hầu thấy người trong xe cao hơn một trượng, mặt xanh sợ quá bỏ chạy về. Quyết liền cỡi ngựa đuổi theo đến trước kính cẩn hỏi: “Quyết tôi trốn giặc chạy đến đây, dám hỏi trong xe chở ai?” Người trong xe đáp: “Tên tuổi số người bị giặc cướp giết chết ở Kinh Tây này, Thiên Tào đã định sổ, ngươi là Lý Quyết cũng ở trong số ấy.” Quyết cả kinh hỏi: “Làm sao khỏi được, xin ngài chỉ giáo?” Người ấy bảo “Sáng sáng phải niệm Ma-lợi-chi Thiên Bồ-tát bảy trăm biến, ngó lên hư không hướng về Thiên Tào Hiền Thánh thì sổ chết có thể tự xoá, mà thoát được ách nạn binh đao.” Quyết lạy tạ thì xe ấy vụt chạy đi mất. Từ đó ông trì tụng không ngớt, truyền dạy ai cũng đều thoát nạn (Cổ Đức Nhân khắc bản in lưu hành).

Bàn rằng: Kinh Ma-lợi-chi Thiên, ở trong Tạng có ba bản dịch, chỉ có Bản Chú Pháp của ngài Thiên Tức Tai triều Tống ta dịch là dài nhất. Vua Nhân Tông viết lời tựa Thánh Giáo để ở đầu. Tuy chưa làm pháp đó nhưng đã kết duyên với Bồ-tát trước đó rồi, tức lúc vua Cao Tông dời về Nam. Thái Hậu Long Hựu thọ giáo với Đại Đức mà được thờ tượng linh ứng. Lý Quyết cầu sống ở thần nhân mà có công xưng niệm, thật oai đức bi nguyện hết mức, so cùng Viên Thông Đại sĩ đều bất tư nghì. Đức Thích-ca tự nói rằng: Ta nhân biết tên trời này mà thoát được tất cả ách nạn. Tin rằng Bồ-tát này có nguồn gốc rất xa, có từ trước Đức Thích-ca. Nay ở Trung Nguyên còn nhiều binh đao chưa dứt, các sĩ phu thứ dân ai cũng có thể trọn đời hoặc cả nhà dùng pháp này để cứu giải ách nạn rất giản dị. Tôi đã thấy rõ Thiên Mẫu có khả năng cứu độ khắp mọi người.

Tháng mười một, vua ra lịnh bán bốn chữ Sư hiệu giá hai trăm ngàn.

Năm Kiến Viêm thứ ba, tháng giêng, giặc Kim vào sông Hoài, vua chạy về Kiến khang. Tháng tám, vua ra quân ở Kiến khang. Tháng mười một, Tướng giặc là Ngột Truật Tông Bậc vây hãm Hàng Châu. Tiền Đường sai Chu Tất đem binh cung nỏ cùng giao chiến, nhưng sức địch không nổi bèn bỏ chạy về núi Thiên Trúc, bỗng giặc kéo đến nên bị giết. Trước đó có ngài Viên Ứng Pháp sư Đức Hiền (đời thứ tư dòng ngài Từ Vân). Khi ngài còn bé có thầy tướng đoán rằng: “Ngày sau sẽ

bị nạn quan binh, chỉ có xuất gia mới khỏi". Ngài bèn xuống tóc đến ở chùa Linh sơn, tham học với ngài Tuệ Tịnh. Sau ngài nối nghiệp thầy. Khi lâm chung ngài bảo môn nhân rằng: "Sinh tiền ta nhờ Đạo lực mà thoát nạn, sau khi chết tất còn dư nghiệp." Môn nhân tạo tượng ngài thờ trong Tổ Đường bèn lấy sắt bọc quanh cổ tượng. Khi giặc đến, Tù Trưởng là Chân Châu Vương đến Tổ Đường chùa Linh Sơn, các tượng khác đều đứng dậy, chỉ có tượng ngài là không đứng. Tướng giặc giận dữ bảo đem chém tượng, vì cổ tượng có sắt nên không hề hấn gì. Giặc bèn chất củi đầy cửa đốt chùa, củi tàn mà chùa vẫn còn nguyên. Có người thấy mấy ngàn Thần Tăng cầm bình tưới nước, rồi ẩn mất trên không. Binh giặc thấy vậy cả kinh rút lui. Khi xưa ngài Như Tĩnh Pháp sư làm chủ chùa Thượng Trúc. Khi Ngột Truật vào nước thì Sư nằm mộng biết trước, nói núi này không khỏi được ách nạn, liền bảo đệ tử hãy lánh đi. Khi giặc đến có người bảo Sư nên dùng lễ đón tiếp Sư liền đánh chuông tập chúng, giặc nghi làm dấu hiệu kháng cự, bèn kéo binh tàn sát đốt chùa cháy tan.

Ngày mồng sáu, tháng mười hai, vua chạy đến Minh Châu. Ngày chín, vua đến Định Hải ngồi trên gác thuyền. Ngày hai mươi, giặc vây hãm Việt Châu, ngày ba mươi vua đến Triết Đông sai Sứ Trương Tuấn ra đánh nhau với giặc ở cửa Tây Minh Chi. Tuấn thấy trong dân có nhiều chiếu cói, liền sai quân nhặt lấy trải nhiều lớp trên đường. Giặc cỡi ngựa chạy qua đạp trên chiếu đều trượt chân té ngã, nhân đó đánh gấp chém được rất nhiều giặc (đây là tương truyền của các kỳ lão, Quốc Sử thì ghi khác).

Năm Kiến Viêm thứ tư, mồng một tháng giêng vua đến Kỳ Đầu vào Am Bạch Phong. Có vị Tăng hành lễ sám đầu năm, vua đứng bên nghe lời nguyện "Bảo Quốc An Dân" thì rất vui và bồi hồi, uống trà xong rồi đi (nay ở trong am bên ngự tòa có tấm đá khắc chiếu chỉ của vua đặc biệt miễn thuế). Ngày mồng ba tết, vua đến Trấn Chương An ở Đài Châu vào Kim Ngao Sơn Tự thấy có vị Lão Tăng cầu nguyện trước Phật đều là lời ưu thời bảo quốc. Vua hỏi đọc kinh gì. Sư đáp: "Đó là Hộ Quốc Kim Quang Minh Sám". Vua nhân đó nghỉ đêm tại chùa. Sau dừng chân ở Lâm An, năm đó ban vàng lụa cho các chùa ở Kinh Sư cử hành pháp này. Khi xưa vua ở Kinh Để có một người lạ đến trao cho một bài thi rằng:

Con hàu đầu thác chiếc thuyền tên
Chiều đến nhiều nơi đợi sóng lên
Dám đâu phụ ước Đăng Lâm nọ

Cùng đến Kim Ngao bước mình lên.

Khi vua đến Kim Ngao ở Hải Đăng ngồi lên ghế thấy trên vách có bài thi đó, mới biết người khách lạ đưa trước lời Sấm.

Ngày mồng bảy, giặc vây hãm Minh Châu. Tướng giặc chợt đến chùa Nam Hồ. Chúng Tăng đã chạy lánh giặc cả, chỉ riêng ngài Giới Nhiên không chịu đi. Tướng giặc đến quát: "Không sợ chết sao?" Ngài nói: "Bần Đạo cả đời nguyện gắng tạo lập Thập Lục Quán đường, nay đã già không đành bỏ đi để cầu sự sống". Tướng giặc ra vẻ nghĩa khí bảo: "Sư hãy vì ta về Bắc Triều tạo lập một Quán Đường đúng y quy cách này", rồi bắt Sư đi theo. Binh giặc đến Hồ Tâm bắt ép Luật Chủ Nguyên Triệu cùng đi. Sư vẫn vui vẻ tự nhiên. Khi đến Kinh thì Sư bảo tả hữu: "Ta sắp về Tây phương." Liền nghe có tiếng nhạc sáo. Lúc đó cả quân dân cùng thấy Sư niệm Phật quay mặt về hướng Tây mà hóa (Sư tức là cháu của Tham Chánh Lục Điền).

Khi xưa Hoằng Trí Thiền sư Chánh Giác làm chủ Thiên Đồng mở mang nhiều nhà cửa, tụ họp chúng đến một ngàn hai trăm người. Khi giặc vào nước, Tăng chúng định lánh chạy. Sư ngăn lại bảo rằng: "Giặc không đến đây đâu, không cần lánh nạn". Đến khi giặc lên ngọn tháp thì thấy binh thần đầy các hang núi, bèn cả kinh mà rút lui.

Ở núi A-dục Vương, ngài Nguyệt Đường Thiền sư Đạo Xương nghe giặc lại đến liền lên sau núi đào một hầm rồi bưng tháp có xá-lợi Đức Thích-ca ngồi trong ấy, chất ngói gạch lên trên. Khi Tướng giặc đến không lấy được tháp bèn giận dữ sắp đốt nhà. Bỗng bức tượng vẽ Đức Quan Âm trên vách phóng quang và phun nước đầy đất, luân tạng lại tự quay. Tướng giặc cả kinh khấn lạy rút lui. Đến bảy ngày sau Tăng chúng đào hầm để lấy tháp, nước lên đến tận cổ mà Sư không chết.

Ngày hai mươi ba, vua đến Quán Đầu ở Ôn Châu (ở đó mười ngày).

Tháng hai, ngày mồng ba, vua đến chùa Giang Tâm, ra chỉ làm Tư Phước Giáo Viện tại chỗ ở cũ của Lâm Linh Tố. Thừa Tướng Lữ Cơ Hạo cử ngài Viên Biện Pháp sư Đạo Sâm đến ở đó.

Ngày mồng bốn, binh giặc rút lui. Khi xưa người đất Hàng nói rằng lúc có binh lửa hạn hán, thì rước tượng Đại sĩ ở Thượng Trúc đến ở chùa Phước Tuệ trong Quận. Người lo hương khói là Đạo Nguyên lo lắng đến đòi tượng, bèn đem giấu dưới giếng, lấy tượng khác đem lên điện thờ thay. Giặc từ Tứ Minh trở về lại đánh Hàng Châu, quả nhiên hỏi tượng Đại sĩ ở đâu, bèn lấy tượng ấy đi và bắt theo Đạo Nguyên. Nguyên làm thinh khấn nguyện. Đêm ấy đến thôn Hứa thì như có người

dẫn đường, Nguyên bèn trốn thoát giặc mà trở về báo với Quận. Lúc đó giặc đốt thành nên không biết giếng ở đâu, liền nghe có tiếng vàng đá khua bèn đến tìm thì lấy được tượng từ giếng lên.

Tháng ba, ngày mười bảy, vua phát binh ở Giang Tâm (Chúa Thượng ở trong chùa nửa tháng. Triệu Nhữ có câu thi rằng: Từ Lăng đóng đô nửa tháng. Người đời lấy đó làm thực Lục). Vua ban chiếu cho ngài Pháp Đạo Pháp sư cùng đi theo vua luận bàn việc nước, vua định bắt ngài ra làm quan nhưng ngài cố từ chối, bèn ra chiếu ban cho hiệu là Viên Thông Pháp Tế Đại sư.

Tháng tư, vua dừng chân ở Cối kê, trời hạn hán. Vua ban chiếu cho Đạo Pháp sư cầu mưa ở Viên Thông (chùa ở trong thành) trong ngày liền có mưa, vua rất mừng. Tháng bảy, Đạo Quân thứ hai vua từ Hàn Châu dời về thành Ngũ Quốc (Tục Kê Cổ Lục).

Năm Thiệu Hưng 2, tháng giêng, vua dừng chân ở Tiền Đường Thăng làm Lâm An Phủ. Vua khi ở Cấm cung thường viết các Kinh Kim cang, Viên Giác, Phổ Môn Phẩm, Tâm Kinh và Thất Phật Kệ. Ngày rảnh rang vua thường mở đọc để phát Thánh giải. Vua lại tự viết chữ Phật Đảnh Quang Minh Chi Tháp để ở tháp Xá-lợi Phật của vua A-dục. Tháng hai, vua ra chiếu cất lại điện Quan Âm Đại sĩ ở Thiên Trúc. Tháng tư, vua ra chiếu cho cháu bốn mươi chín đời của Khổng Tử là Giới Tập Phong làm Diễn Thánh Công (con của Khổng Đoan Hữu). Vua mời Pháp Đạo Pháp sư vào gặp. Vua thong dong bảo rằng: “Thượng Hoàng bị yêu tinh mê hoặc đã hủy diệt hình hài của Sư, Trẫm đã vì Sư mà trừ bỏ bọn tội đồ ấy rồi”. Pháp Đạo đáp: “Thượng Hoàng ở trong mực không đành dẹp bỏ”. Vua cười nói: “Tăng đến già cũng còn cứng cõi.” Bèn ra lệnh cho Sư đến ở Thái Bình Thiền Tự tại Lô sơn.

Năm thứ ba, ở Lô Sơn có ngài Đạo Pháp sư gọi tắt là Thân Cáp Đô Từ sau các năm Sùng Ninh và Đại Quán các Đạo sĩ đã tham lam của cải và chức tước như bọn Lâm Linh Tố, Vương Xung Đạo thấy người hai phủ quá đông bèn khiến Đạo sĩ giả mạo đứng trên Tăng. Các năm Tĩnh Khang và Kiến Viêm các Đạo sĩ thấy các chức quan đã làm đều dẹp bỏ mà lễ Quốc Kỵ thì hành hương tụ hội ở các Tự Viện, còn dám kiêu ngạo đứng trên Tăng, họ miệt thị quốc pháp đến như thế. Nay muốn phục hồi phép xưa của Tổ Tông. Tăng Sử Lược đều có ghi chép đầy đủ: “Mỗi khi lâm triều thì tập họp Tăng trước Đạo sau, khi cùng đứng ở sân điện thì Tăng ở hướng Đông, Đạo ở hướng Tây. Phàm khi tế trời (Nam Giao) thì Đạo ở bên trái, Tăng bên phải”, liền đưa bản trang đến Lễ Bộ đem tới chùa Thái Thường, nhân đó sửa nghi lễ.

Năm Càn Đức thứ nhất, ở cửa Tuyên Đức, vua xoá bỏ việc cũ và sắp Đạo ở bên trái Tăng ở bên phải, lại kiểm xét kỹ các sắc lệnh trong biên niên của năm Gia Hựu và trong Tân Thư năm Thiệu Hưng đều ghi thành văn thứ tự chỗ đứng của Tăng, Đạo. Và quy điều năm Chánh Hòa nói về Nội đạo tràng của Tăng, Quán, Tăng và Đạo sĩ thì Đạo sĩ ở trên Tăng, điều này cắt bỏ không thi hành. Liền mong nhờ chỉ vua căn cứ vào quy điều mà cải chánh để Tăng ở trên. Tháng mười một, chùa Thái Thường gởi Lệnh phù đi khắp các Lộ bảo nên lập Ban Hành Hương, các nơi đều tụ hội cùng y theo Tổ Tông mà lập quy tắc để Tăng ở bên trái (đây là căn cứ theo chiếu chỉ năm Khai Bảo thứ năm).

Tháng tám, từ cuối năm Trị Bình mới có Chúc Điệp Độ. Xưa dùng giấy vàng mà in kẻ làm giả rất nhiều, Hộ Bộ là Chu Dị mới tâu vua khiến Tăng Đạo dùng Điệp bằng lụa có hoa.

Bàn rằng: Đời Đường Minh Hoàng trong năm Thiên Bảo thì Độ Điệp được dùng bằng lụa trắng. Đến triều Tống ta thì vua Thái Tông năm xưa đã phổ độ được mười bảy vạn Tăng Ni. Vua Chân Tông năm Thiên Hy phổ độ được hai mươi ba vạn Tăng Ni. Trong thời gian đó chỉ dùng Điệp giấy để công việc dễ làm. Nay đã bán ra Độ Điệp muốn làm tăng giá trị nên phải dùng lụa, suy ra thì cũng đồng như bản bổ nhiệm của Quan. Điều này cho thấy triều đình có trọng Tăng.

Ở Ngô Quận, tại Viện Diên Tường có Tăng Mâu Tử Nguyên khi xưa học với Phạm Pháp Chủ, rồi phỏng Thiên Thai Giáo mà đặt ra Viên Dung Tứ Độ Đồ, Triêu Sám Lễ Văn, Kệ Ca Tứ Cú, Niệm Phật Ngũ Thinh. Ông khuyên các nam nữ đồng tu nghiệp Tịnh độ và tự xưng là Bạch Liên Đạo Sư, ông ngồi nhận chúng lạy, giữ kỹ không ăn hành tỏi, không uống sữa, không sát sinh, không uống rượu, gọi học trò là Bạch Liên Thái. Trao cho Tà Giáo thì gọi là truyền đạo. Cùng người thông dâm thì gọi là Phật pháp. Gặp nhau thì ngạo Tăng, khinh người không ai bằng. Kẻ ngu phu ngu phụ truyền nhau các lời dạy dỗ bậy bạ của ông khắp các vùng quê thôn xóm đều vui vẻ ham thích. Có người luận ở Hữu Ty tội chính của ông ta là thờ Ma mà lưu đày ra Giang châu. Song các dư đảng thì bắt chước nhau đến nay rất thạnh hành (Thích Môn Chánh Thống).

Luận rằng: Than ôi việc thiên hạ chưa từng không lầm lỗi, như vua trong thiên hạ thì có Vũ Thang tất có Kiệt Trụ, Tướng trong thiên hạ có Chu Triệu tất có Tư Bôn. Đạo vốn có Lão Trang thì cũng có Quy Chân, Linh Tố. Đạo Phật đã có Năng Nhân thì cũng có Thanh Giác Tử Nguyên, nên tin chắc ba Giáo cũng có những lỗi lầm tệ hại. Cái gọi là

Tứ Độ Đồ là lén lấy Giáo Thiên Thai rồi sửa lời thêm kệ, lời lẽ đều kém cỏi. Về Thần Triêu Sám là tóm tắt Thất Sám của ngài Từ Vân, viết thành một bản. Không biết nương vào đâu mà hành pháp. Riêng Kệ Ngâm Tứ Cú thì thuộc loại Tiều Ca (bài ca của Tiều phu), còn niệm Phật Ngũ Thinh thì không dính líu gì đến Thập Niệm Phật cả. Tự đặt hiệu Bạch Liên giả làm tổ, tự xưng là Đạo Sư để tranh đồng với Phật. Giả danh Tịnh Nghiệp mà chuyên làm hạnh gian tà uế tạp, đã bỉ ổi bất lương thì đâu thể có đủ đạo đức, than ôi!

Năm Thiệu Hưng thứ tư, Ngụy Tề là Lưu Dự cùng giặc Kim đã vào cướp phá, vua hạ chiếu thân chinh. Tháng chín, vua thân đến điện Quan Âm ở Thiên Trúc đốt hương khấn cầu sớm bình được giặc phương Bắc. Rồi đi về phía Đông sông Hoài, phủ dụ Hàn Thế Trung đánh bại người Kim và người Tề ở Thừa Châu, Thể trung bắt sống được giặc dâng lên vua ở Hành Cung, rồi nhân người chết trận mà xin vua tăng thêm ban thưởng. Vua kính cẩn nói: “Người chết nơi đầu ngọn giáo thật đáng thương”. Liền ra lệnh cho Trực Học Sĩ Viện là Hồ Tòng Niên soạn Từ đầy đủ, lập Đại trai đàn Thủy Lục để cầu siêu độ. Chiều tối đó có người thấy quỷ thần đến hội rất đông. Có người mộng thấy các người chết trận đều mừng rỡ cho rằng từ nay sẽ được sinh vào cõi lành. Vua nghe nói rất mừng.

Năm thứ năm có đại hạn suốt nhiều tháng. Vua ra chiếu mời Đạo Pháp sư vào nội cung cầu mưa. Sư bàn lập Đàn hành phép, dùng bốn bình vàng đựng đầy cá giếc sống, phun nước thầm đọc chú rồi sai chạy ngựa đem bỏ xuống các sông. Sứ thả cá chưa về thì trời đã mưa to. Vua rất mừng, liền ban cho Sư bát bằng vàng.

Tháng chín, vua đến điện Đại sĩ ở Thiên Trúc đốt hương khấn nguyện, Trụ Sơn là Ứng Như đối đáp lưu loát, vua mừng liền ban cho Vạn Tuế Hương Sơn để cúng dường Đại sĩ và ban cho Điệp Độ cùng tiền, vải.

Năm thứ bảy, Tả Ty Gián là Trần Công Phủ dâng sớ lên vua xin chiếu theo phép Tổ tông không cho người có quyền chức kiếm lợi ở các tự viện có biển ngạch. Thể theo việc các quan trước đây đã từng xin cho các tự viện có biển ngạch được phần mộ công đức, nay đều sửa lại cho cả các viện nhỏ không có ngạch, vua ban chiếu chấp thuận. Trước đây Tri Viện Lý Cang đã chiếm lấy Phổ Lợi ở Thường Châu và Hưng Thánh ở Thiệu Võ. Các Đài Thần luận việc tâu vua vì hai nơi ấy đều có ngạch, có chỗ sai trái. Vua ban chiếu khiến chỉ được chiếm lấy các viện nhỏ không ngạch. Quan luận việc đó ai cũng vui. Lại Quan Khu

Mật Thẩm Dữ cầu tâu vua nói đất chùa của viện Diệu Nghiêm tuy xưa là nhà sửa thành chùa nhưng trước đây đã có lệnh ban ngạch, vậy không nên bỏ lệnh ban ấy. Vua cho rằng vì là nhà tự làm không cần phải cải chánh. Lúc đó Gián Thần bảo rằng Dữ cầu có thể thể theo ý pháp điển của Tổ Tông mà sửa đổi cái tệ hại ngày nay, thì phải theo lời thỉnh cầu ấy. Vua có chỉ chấp thuận.

Năm thứ chín, vua ra lệnh cho các Châu Quân trong thiên hạ lập Báo Ân Quang Hiếu Thiền Tự để làm chỗ thờ kính vua Huy Tông.

Năm thứ mười một, tháng năm, Tể Tướng Tần Cối cho rằng Kính Sơn Tông Cảo đã vì Trương Cửu thành lập bè đảng, vậy nên hủy bỏ y điệp bắt về sống ở Hành Châu (bài minh ở tháp).

Vua bảo Phụ Thần rằng: Từ khi Phật pháp truyền vào Trung Quốc thì các Sĩ đại phu không theo. Nhưng người trên thì tin theo thuyết Thanh Tịnh, kẻ dưới thì tin điều báo ứng họa phước. Đâu chẳng biết sáu Kinh rất rộng lớn bao trùm khắp tất cả: Như Kinh Dịch nói vê vô tư, vô vi, tịch nhiên bất động, cảm mà bèn thông. Kinh Lễ nói về Chánh tâm thành ý, đâu không phải là giáo hóa về thanh tịnh của Phật ư?. Nhà làm điều thiện tất có các điều vui, làm điều bất thiện tất có những tai ương. Cùng với Kinh Thư nói: Làm điều thiện ban cho một trăm phước lành, làm điều bất thiện giáng cho một trăm tai họa, đâu không giống với việc họa phước báo ứng của Phật giáo ư?

Năm thứ mười hai, Tả Tu Chức Lang là Chiêm Thục Nghĩa dâng lên vua biểu tiền thuế xin cho bán Độ điệp, triều đình liền theo. Lúc đó phủ Lâm An xin Độ điệp để sửa chữa điện Đại sĩ ở Thiên Trúc. Vua bèn ra lệnh cấp cho năm vạn quan tiền, bảo thị thần rằng: Trẫm thấy các vua xưa muốn dẹp bỏ hai Đạo Thích Lão hoặc phá tượng hoặc đuổi dẹp đồ chúng của họ thì không bao lâu thường thường lại càng hưng thạnh hơn. Nay không bỏ Độ điệp thì tự nó có thể tiêu dần hơn là ban chế.

Năm thứ mười ba, Hữu Ty Gián Chiêm Đại Phương tâu vua rằng: Vừa rồi Cổ Xương Phù nói: "Thật ra Trương Cửu Thành là đầu đảng còn Kính Sơn Tông Cảo chỉ phụ họa theo. Nay Tông Cảo đã bị lưu đày, mà kẻ đứng đầu đâu không hỏi đến". Vua ra chiếu cho Trương Cửu Thành về ở trong Quận tại Nam An.

Ở Phủ Lâm An, Đạo Chánh Lưu Nhược Khiêm trình bày lên vua xin cho Đạo sĩ có thứ tự trên Tăng, rồi dối bảo là đã được vua chấp thuận. Tăng Chánh là Thiện Đạt dâng biểu trạng xin vua cho xét kỹ các tiêu chuẩn Đô Tỉnh thuộc chiếu chỉ năm Thiệu Hưng thứ ba. Vua phê chuẩn.

Ngài Pháp Đạo Pháp sư xin hồi phục lại Pháp cũ của Tổ Tông nối

tiếp chế chỉ của triều đình. Vua phê đều căn cứ vào quy điều mà cải chính. Phải lập Ban Hành Hương. Các nơi hội họp thì sắp Tăng đứng trên Đạo sĩ. Bảo cho Lưu Khâm Nhược nhận lấy bản tường trình đầy đủ để sau này có kẻ đặt lời dối trá thì lấy đó mà luận tội là trái sắc chế của vua.

Vua ra lịnh ở Bắc Sơn Tây Hồ xây dựng Thiên Thân Vạn Thọ Viên Giác Tự. Vua lại ra lệnh sửa sang Viện Thọ Tinh ở Tây Hồ. Người Chủ sự tâu vua xin bỏ việc Điệp độ. Vua nói: “Ai cũng tâu là bán Điệp độ để lấy tiền chi dụng cho Quốc khố. Trẫm cho là không phải thế, vì bán một Điệp độ thì chỉ thu được hai quan tiền mà mất đi một người làm ruộng. Nếu ngưng lại khoảng mười năm thì số người ấy tự giảm xuống”.

Năm thứ mười lăm, vua mới ra lệnh cho Tăng và Đạo sĩ đóng tiền thuế Đinh từ một vạn đến một ngàn ba gồm có chín bậc gọi là Tiền Thanh Nhàn. Những ai sáu mươi tuổi trở lên và những người tàn tật thì được miễn đóng. Ngài Đạo Pháp sư gởi thư cho Tỉnh Bộ nói rằng: “Đại Pháp từ khi truyền sang Đông độ đã hơn một ngàn năm. Khoảng năm Ô Long có lúc bị suy yếu nhưng cuối cùng được hưng thịnh lên, đặc biệt chưa có lúc nào bị đè xuống thấp nhiều như ngày nay. Từ giữa năm Thiệu Hưng thì Tăng và Đạo sĩ chính thức được miễn thuế đinh, người nhiều nhất là một vạn và thấp nhất là một ngàn ba, bốn loại dân trong nước là Sĩ, Nông, Công, Thương thì Tăng và Đạo sĩ được coi ngang hàng quan chức, cùng với Nho giáo lập thành thế chân vạc. Không có cách trị nước an dân nào khác hơn là theo các bậc Thánh nhân Tổ Tiên xưa mà dạy người làm lành đến khi có các tai trời ách nước, mưa gió bất thường thì bảo các học trò của họ cầu khấn thì trời đất cảm ứng, quỷ thần thuận họp. Có lẽ xưa nay mọi người đều nghe thấy. Dẫu có vì quốc gia chống tai họa cầu phước đến thì cũng khác với người bình thường chút ít, đâu bằng thu thuế dân hoặc tăng thuế gấp nhiều lần. Nay trong thiên hạ thuế đinh của dân người nhiều nhất chỉ ba trăm quan tiền, còn như nơi đất xấu, dân lắm cực nhọc thì được miễn nộp thuế. Làm Tăng lại không bớt ăn để cứu dân, vì họ không làm ruộng, không nuôi tầm mà vẫn có cái ăn mặc ở đời. Phàm làm ruộng mới ăn, nuôi tầm mới mặc thì ngoài Tăng và Đạo sĩ vị tất mọi người đều cày ruộng nuôi tầm?”

Bàn rằng: Xem Tăng và Đạo sĩ như các trai tráng mà không được miễn thuế thì đâu phải chỉ Tăng Đạo xấu hổ mà cũng là một cái nhục chung của quốc gia không biết tôn trọng hai Đạo. Nay Châu Gia bắt người đáng được miễn thuế phải đóng thuế, nêu việc thuế hàng năm

còn thiếu nhiều mà không xét đến việc còn mất đi ở của các Tăng, lại muốn đem tiền thuế thiếu kia bắt các chùa phải đóng góp. Tệ hại này bắt đầu từ đó. Có lần tôi xem trong Quận Chí thấy có nói: "Đinh số miễn thuế cho Tăng và Đạo mỗi năm bao nhiêu không nhất định, quan lại có lần không xét." Nay Vương Khinh Công lập pháp mới, từ đó cho đến đời sau ai không biết đó là ách nạn của dân. Song nay người làm chánh trị bảo An Thạch xem Tăng Đạo là tiểu nhân rồi lập phép truy thuế như nhân dân. Bởi khi mở ra một nguồn lợi thì dù Thánh nhân trị vì cũng khó thay đổi, bởi lòng người hiếu lợi thì ai cũng thế thôi. Song vì lợi mà lập pháp thì chưa có lúc nào không gây hại cho đời sau. Thật đáng buồn thay!

Năm Thiệu Hưng thứ mười bảy, tháng bảy, ngài Bảo Giác Viên Thông Pháp Tế Đại sư Pháp Đạo ngồi kiết già nói pháp, chắp tay mà hóa, lập tháp ngài ở Cửu Lý Tòng tại phía Bắc núi.

Năm thứ hai mươi mốt, khi xưa Thái hậu Vi Thị ngày trở về phương Bắc vì có thần trợ cho bốn Thánh Đạo Gia nên đổi chùa Cô Sơn làm Quán Diên Tường để thờ Lão giáo và dời toàn thân Pháp sư về Mã Não Pha thì thấy trong quách sành có rất nhiều xá-lợi.

Tháng mười một, vua trích đày Tông Cảo Lượng Di Mai Châu ra ở Hành Châu.

Bàn rằng: Từ xưa các Công Khanh giao du với Đạo Phật thì đều trọng Đạo kính người. Đến Triều Tống ta, Công Khanh giao du với Đạo Phật càng nhiều nhưng chưa từng nghe nói vì lỗi lời ăn tiếng nói hoặc việc giao tiếp mà bị lụy thân. Hồng Giác Phạm bị đày ở Chu Nhai vì ngồi mà tiếp Trương Vô Tận, Cảo Đại Tuệ bì đày đi Hành Dương cũng vì ngồi tiếp Trương Tử Thiều... cũng đều là do nói rằng giao tiếp mà bị tội. Phàm Nho Phật giao du nhau chẳng qua là xướng họa thi văn luận đàm đạo lý, nếu không thì cũng như Lô Sơn Kết Xã mà thôi, đâu phải như kẻ gian nịnh kia hãm hại hiền tài mà câu kết bè đảng với kẻ núi rừng ư! Đó là bất hạnh của Pháp Môn, đến nỗi có hai vị Hồng Giác Phạm và Cảo Đại Tuệ có lỗi vì giao tiếp là do sự không xét đoán của Cửu Trùng.

Năm thứ hai mươi ba, tháng mười, Cấp Sự Trung Tri Lô Châu là Phùng Tập (tự là Tế Xuyên, hiệu Bất Động Cư Sĩ) ủy thác cho Tào Sử coi việc trong Quận, ông từ biệt các thuộc hạ, mặc triều phục đội mão quan hướng về Cung Khuyết lạy tạ, rồi đắp y lên tòa, đặt tích trượng nằm ngang gối, nói kệ mà hóa. Khi xưa ông tập học đạo với ngài Cảo Phật Nhật, được đốn ngộ Tâm chỉ. Sau cuộc Nam Độ, các Kinh Tạng

bị hư mất, ông đem tiền của tạo bốn mươi tám nơi chứa cất Tạng Kinh, bổ túc đủ số bốn Đại Bộ (Đời cho Hoa Nghiêm, Niết-bàn, Bảo Tích và Châu Lâm là bốn Đại Bộ), ông cùng Cao tăng Dật Dân tiếp nối Liên Xã, lúc đó các hiền nhân đều theo sự hướng dẫn của ông.

Năm Thiệu Hưng thứ hai mươi bốn, vua ra lệnh lấy Thượng Thiên Trúc làm Ngự Tiền đạo tràng đặc biệt miễn hết các việc khoa phu (luận tội).

Diễn Thánh Công là Khổng Giới ngụ ở Cù Châu qua đời, vua ra chiếu tập phong cho con ông là Tấn làm Diễn Thánh Công đời thứ năm mươi.

Năm thứ hai mươi lăm, trước đó khoảng đầu năm Trị Bình, ở Phi Sơn ngài Giới Châu Thiền sư căn cứ vào ba Truyện Cao Tăng nhặt lấy các việc tu tịnh nghiệp khi lâm chung được vãng sinh viết thành Tịnh Độ Truyện ba quyển. Năm Nguyên Phong, Thượng Thư Vương Cổ bổ túc thêm các việc mới, chung làm bốn quyển. Năm đó ở Tiền Đường, ngài Lục Sư Thọ viết tập Vãng Sinh Tịnh Độ thành tám quyển, đổi tên là Bảo Châu Tập.

Năm thứ hai mươi sáu, Trương Cửu Thành coi Ôn Châu. Ông bị trích ra ở Nam An Quận mười bốn năm, ngụ tại Hoằng Phố Tăng Xá, hằng ngày luận kinh viết sách làm vui. Ông từng nói sáu Kinh đều là Diệu Pháp.

Tháng 9, Lễ Bộ Thị Lang Ngô Bỉnh Tín qua đời. Khoảng đầu năm Thiệu Hưng, ông tâu vua về việc binh bị tố là người lập bè đảng, nên ông lui về Tứ Minh ở phía Nam thành cất một cái am để tọa thiền. Ông làm một quan tài, tối chui vào đó mà ngủ. Sai trẻ con đến canh năm thì gõ quan tài hát rằng: “Chú Ngô Tín ơi, về đi thôi! Ba cõi đâu thể ở yên, Tây phương tịnh độ có thai sen, về đi thôi!” Khi nghe hát thì ông thức dậy tụng Thiền. Lâu sau khi Thừa Tướng Tấn Cối mất, vua cho mời ông về làm Lễ Bộ Thị Lang. Lúc đó quốc khố thiếu hụt, Bĩnh Tín tâu vua xin bán Độ điệp để giúp nước. Khi bè đảng Tần Cối được luận rõ cho là ông nịnh Phật cầu phước nên đưa ông ra cai trị Thường Châu. Rồi bị triệu về. Khi đến trạm xá ở Túc Sơn thì ông bảo người nhà lắng nghe, ai nấy đều nghe có tiếng nhạc trời. Ông liền bảo: “Ở cõi Thanh Tịnh vì mất Chánh Niệm mà đến nỗi này. Kim tòa đã đến ta phải đi đây.” Nói xong thì hóa.

Tháng mười, vua ra sắc cho ngài Lương Di Mai Châu Tông Cảo được mặc lại áo Tăng và thả về. Tháng mười một, vua ra chiếu mời ngài ở núi A-dục Vương tại Minh Châu.

Năm Thiệu Hưng thứ hai mươi bảy, tháng tám, Lễ Bộ Thị Lang Hạ Duẫn Trung lên điện, vua hỏi: “Trong thiên hạ các Tăng và Đạo sĩ được bao nhiêu?” Ông đáp: “Tăng được hai mươi vạn, một vạn Đạo sĩ”. Vua nói: “Trẫm thấy Sĩ Đại phu thờ kính Phật phần đông đều tâu xin cho Độ điệp. Nay ruộng vườn phần lớn đều bỏ hoang, kẻ không làm ruộng mà ăn thì có đến hai mươi vạn người, nếu lại cho Độ điệp thì sẽ bỏ nghề nông mà đi làm Tăng. Phật pháp vào Trung Quốc từ thời Hán Minh, Đạo rất to lớn trọn không thể dẹp bỏ được. Trẫm không phải có ý dẹp Đạo nhưng chính là sợ Tăng đồ quá đông thì kẻ không cày cấy sẽ tăng lên, nên tạm ngưng cho độ Tăng vậy (Thánh Chánh Lục).

Bàn rằng: Vua Cao Tông rất thông minh thấu suốt Quyền Đạo, nên không cho Độ điệp là cốt hạn chế bớt Tăng sĩ để có thêm nhiều kẻ làm ruộng. Cũng như người xưa bài Phật là lấy cớ kẻ không làm ruộng sẽ ăn bám đục khoét đất nước, có thể gọi đó là biết cái gốc của việc cai trị. Song đã từng luận rằng: Thời nay người làm Tăng là vì chưa rảnh rỗi để học đạo hoặc do anh em nghèo khó quá đông hoặc do không có ruộng mà không thể cày cấy... thì đều trở thành là nhân dân trong thiên hạ. Thâm sơn là quê hương của hổ rắn, ven biển là đất phèn mặn không phải là ruộng vườn. Người xuất gia phải dốc hết ý chí và sức lực may ra mới khai khẩn đực một mẫu ruộng nhỏ, đó đều là nhàn điền của thiên hạ, đem nhàn dân để ăn nhàn điền thì tất không gây hại cho nghề nông. Như hiện nay người làm nông quá nhiều nên rất khó khăn vì ruộng vườn ít ỏi, lại việc sản xuất ở Tự Viện có mức độ, mà không cho nhàn dân làm Tăng tất người làm nông sẽ tăng nhiều, người làm nông tăng nhiều mà ruộng vườn ít thì tất gây khốn cho ngành nông. Tất họ phải bỏ đi buôn bán, làm trăm nghề, đi ăn xin, làm con hát, bao nhiêu người rối rít đổ xô vào những cách sống hèn hạ. Không biết làm gì thì tất sẽ giặc núi cướp biển, không gì là không làm. Nhưng nếu cho nhân dân làm Tăng thì lại là một cách hay của việc cai trị, đâu thể không nói rõ ư!

Ngày sáu tháng mười, ngài Trụ Thiên Đồng Sơn Chánh Giác Thiền sư tắm gội thay áo, ngồi thẳng mà tịch. Răng tóc và đạo cụ tự nhiên sinh ra xá-lợi, chôn toàn thân ngài ở hang núi phía Đông, vua thụy phong là Hoằng Trí Thiền Sư, tên tháp là Diệu Quang. Có người lễ tháp cầu xin xá-lợi đều được vừa ý (đời thứ chín dòng ngài Đông Sơn).

Năm Thiệu Hưng thứ hai mươi tám, tháng hai, vua ra chiếu mời ngài Phật Nhật Thiền sư Tông Cảo về ở lại Kính Sơn.

Tháng bảy, Khởi Cư Xá Nhân Hồng Tuân luận việc đúc tiền chưa đủ số, vua ra dụ các đại thần khiến dân gian tìm những vật khác mà thay

đồ bằng đồng. Rồi đem tất cả đồ đồng trong Ngự phủ đưa sang Ty Đúc Tiền và quy định trong dân gian các đồ đồng trong các Tự Quán, các tượng Phật, chuông khánh đều ghi sổ mỗi cân tính hai mươi tiền.

Bàn rằng: Trong khoảng năm Thiệu Hưng đã ngưng việc bán Điệp không cho đó là lợi mà miễn thuế cho Tăng Đạo. Tính ra các chuông khánh trong các Tự Quán thâu vào không bao nhiêu mà luống công bắt kẻ sau làm theo người trước. Bởi một quan chức nhỏ là Chiêm Thục Nghĩa lấy tiền thuế để làm vui lòng vua Chúa mà các Phụ Tướng đương thời không thể trình bày về việc khinh trọng của nguồn lợi.

Năm Thiệu Hưng thứ ba mươi, tháng mười một, ngài Đạo Xương Thiền sư ở chùa Linh Ẩn dâng biểu lên vua xin cho ban hành Điệp độ, vua không trả lời.

Năm thứ ba mươi mốt, Lễ Bộ Thị Lang Ngô Tử Tài tâu vua ban hành Độ điệp. Vì việc làm đó bị coi là nịnh Phật nên bị chê trách và bị đuổi về vườn.

Tháng bảy, Chúa giặc Kim là Nguyên Nhan Lượng dời về ở Biện Kinh. Tháng chín tự đem quân vào cướp phá, Binh hiệu là Bách Vạn.

Ở chùa Trung Trúc, Sa-môn Đàm Oánh học Thiền mà biết Dịch số, nhiều phen đối ứng với vua nơi Cung cấm. Khi đó vua hỏi về dịch số thì ông bảo Nguyên Lượng tất chết ở Giang Bắc. Tháng mười, vua hạ chiếu thân chinh ở Triết Tây. Tổng Quản Lý Bảo đem thuyền đánh bại. Ở Mật Châu, Trung Thư Lệnh Ngu Duẫn Văn bắt Đô Thống Vương Quyền và đánh tan quân ở Biện Thạch. Nguyên Lượng muốn sang bến Qua Châu bèn hạ lệnh chúng Tướng rằng: Nếu ba ngày không qua sông được sẽ giết hết các Tướng. Binh tướng bị khổ về sự bạo ngược, nửa đêm các Tướng bắn tên vào Trướng giết chết Nguyên Lượng rồi trốn đi.

Năm thứ ba mươi hai, tháng giêng, vua từ Kiến khang trở về. Tháng năm vua ban chiếu truyền ngôi cho Hoàng Thái tử. Tháng mười, mưa dầm không ngớt. Vua sai Nội Thị cầu khấn ở Thượng Trúc. Khi đốt lửa khói mới bốc lên thì mây mù tan trời sáng tỏ. Vua vui mừng đưa ra ba món đồ bằng ngọc trong Nội Phủ để cúng vào điện Đại sĩ, Thái Hậu Thọ Thành dâng cúng mũ bảy báu. Vua ban cho ngài Kính Sơn Tông Cảo tên Đại Tuệ Thiền Sư.

Đời Hiếu Tông (ngày hai mươi hai tháng mười là tiết Hội Khánh - Vĩnh Phụ Lăng)

Năm Long Hưng thứ nhất, con bảy đời của Thái Tổ, xưng là Gia Hưng Thừa, vợ là Trương Thị mộng thấy Thần nhân xưng là Thôi Phủ

Quân đem cho một con dê, bèn thọ thai, trước phong là An Quận Vương. Vua lúc còn ở tại Vương Để, sai Nội Đô Giám đến Kính Sơn hỏi đạo ngài Cảo Thiền Sư, Sư dùng Kệ đáp rằng:

Đại Căn, Đại Khí, Đại Lực Lượng
Gánh vác Đại sự không tầm thường.

Sau vua ở tại Kiến Để sai Nội Tri Khách đến núi ban cho Sư ba chữ Diệu Hỷ Am và bài Chân Tán. Khi đó mới biết vật ban tặng của vua đều là Ngự Bảo. Ngày mười tháng tám năm đó Sư thị tịch. Vua thương tiếc mãi không thôi, bèn thụy phong là Phổ Giác, tên tháp là Bảo Quang, cho Ngữ Lục của Sư nhập Tạng. Hữu Thừa Tướng Thang Tư Thoái, Tham Chánh Lý Bính, Nội Hàm Uông Tảo, Lễ Bộ Thị Lang Trương Cửu Thành, Cấp Sự Trung Bằng Tiếp đều đến hỏi đạo với Sư và có ngộ nhập (theo bài minh ở tháp Sư của Ngụy Công Trương Lăng).

Năm Càn Đạo thứ nhất, tháng hai, vua mời ngài Linh Sơn Tử Lâm Pháp sư vào gặp. Vua hỏi: "Trẫm muốn đọc kinh vậy thứ nào là cốt yếu?" Sư đáp: "Kim Cang, Viên Giác là yếu Đạo". Vua lại hỏi pháp Tham Thiền. Sư nói: "Trực Tu Tự Ngộ", Vua rất vui bèn hiệu là Từ Thọ. Tháng hai, vì Công Chúa Trịnh Quốc xuất gia nên vua ra sắc lệnh các quan chức và thứ dân nếu ai hủy nhục Tăng Ni, mắng là bọn trọc nọ kia thì sẽ căn cứ vào sắc chỉ Tường Phù và Tuyên Hòa trị tội, nếu quan chức thì cách chức, còn thứ dân thì đày đi ngàn dặm. Mong các quan trấn Châu Quận trong thiên hạ khắp yết bảng hiểu dụ, vẫn cho ghi số các Tăng Ni, Bạch Chỉ Huy và Độ điệp luôn mang theo mình và có giá trị mãi mãi. Nếu Tăng Ni có phạm tội, các Quan Ty không được xét xử riêng mà phải tâu vua và thi hành theo chiếu chỉ.

Năm Càn Đạo thứ ba, tháng hai, vua xa giá đến Thượng Thiên Trúc kính lễ Đại sĩ (Bồ-tát Quan Âm), hỏi Trụ Sơn Nhược Nạp rằng: "Có nên cùng lạy trước Đại sĩ chăng?" Sư đáp: "Nếu không lạy thì mỗi người chỉ tôn kính riêng, còn lạy thì họp nhau cùng tôn kính". Vua vui mừng đến kính lễ. Vua lại hỏi ý nghĩa của Quang Minh Sám vào sáng đầu năm. Sư nói: "Đức Phật nói đạo Kim Quang Minh Tam-muội cho bốn vua Phạm Thích, dặn dò họ hộ trì Nước và Người. Các Tổ Sư đời sau lập thành Sám Nghi, phụng hành Pháp ấy vào sáng đầu năm để cầu phước cho đất nước, đây là phép tắc rất thạnh hành ở đời". Vua rất vui, bèn trao cho chức Hữu Nhai Tăng Lục, ban cho tiền. Và tại nơi ở cũ của ngài Đạo Dực Pháp sư xây lên Thập Lục Quán đường, lại sai quan Nội Hàn Lâu Thược làm bài Ký. Tháng ba, vua ra lệnh ở Cung cấm lập ra Nội Quán đường đúng quy cách như ở Thượng Trúc.

Nhật Bản viết thư sai Sứ đến Quận Đình ở Tứ Minh để hỏi về đại ý Phật pháp, xin tập họp các bậc danh Tăng ở trước Sứ giả mở rương Kinh mà đọc giảng. Quận sắp điều động tập họp thì các Tăng đều e ngại từ chối không dám lãnh lệnh. Bỗng có Duy Na Thê Tâm ung dung đứng ra thưa rằng: “Sách của Nhật Bản với Trung Quốc đồng văn tự có gì mà ngại”. Rồi vái chào quan Thái Thú và vội mở phong thư lấy móng tay ấn vào bảy chỗ. Khi đọc xong nói với Sứ giả rằng: “Nhật Bản dù muốn học văn cũng không nên sơ suất lầm lẫn”. Rồi giải thích cặn kẽ mọi điều. Sứ Nhật Bản thẹn thùng sợ sệt rút lui. Quan Thú mừng rỡ nói lớn: “Ngài là Duy Na của Thiên Hạ!”

Năm Long Hưng thứ tư, ngày tám tháng tư, vua mời ngài Thượng Trúc Nạp Sư dẫn năm mươi Tăng vào Nội Quán đường để hành Hộ Quốc Kim Quang Minh Tam-muội. Khi thọ trai xong thì thuyết pháp. Vua hỏi: “Phật pháp rất thâm diệu, có được đúng các điều trong Kinh nói chăng?” Sư đáp: “Có bản nói đúng như thế”. Vua rất vui, bèn trao cho chức Tả Nhai Tăng Lục, ban hiệu là Tuệ Quang Pháp sư. Từ đó hàng năm vào lễ Phật đản thì ban năm mươi xấp lụa cho các Tăng ở trong Nội Quán đường tu Sám làm Phật sự (Tống Chi Thoại soạn Văn Minh cho Tháp). Tháng chín, vua bảo Lễ Bộ Thượng Thư Lý Đảo rằng: “Văn khoa cử không thể sử dụng lời của Đạo Phật và Đạo Lão được. Nếu tự mình tu nơi rừng núi thì Đạo ấy không gây hại gì, nhưng đem dùng trong các khoa thi, e có hại cho chính sự” (Trung Hưng Sự Giám).

Bàn rằng: Nho gia dùng lời của Lão Trang đến nay đã lâu cho nên không thể dẹp bỏ ngay trong một sớm. Đến như cái cùng lý vi diệu, cái tận tánh thâm áo cao tột nhất trên đời mà gồm chứa tất cả thì không thứ nào hơn được sách Phật. Song nhà Nho muốn hiểu rõ lý trong khoảng trời người thì chỉ cần xem qua Dịch, Hồng Phạm, Trung Dung, Đại Học, Luận Ngữ, Mạnh Tử là đủ. Còn như muốn bước sang ý lời của kinh Phật thì trái với Tông mình mà mênh mang không có chỗ đến. Lớn lao thay lời răn của Hiếu Miếu rất có nghĩa.

Năm thứ sáu, tháng tư, vua cùng quần thần luận số mấy lần loạn trị lâu mau ở Đông Đô, vua nói: “Trẫm mỗi khi nhớ lại việc trị bình, thì trước đây nước nhà bình yên vô sự, nhưng kể từ khi Vương An Thạch lập Pháp thì bắt đầu có loạn lạc, kế đến bọn Chương Tử Hậu, Thái Kinh đến các Phụ Thần ở năm Tỉnh Khang thì đều là hạng tầm thường lầm lẫn mà gây nên đổ vỡ lớn.” Thái Kinh bị trích biếm chết ở Hồ Tương đã bốn mươi hai năm, ngày cải táng thì da thịt đều tiêu mất, riêng ở trên ngực lại hiện ra chữ Vạn như khắc dấu rõ ràng. Xét kinh Phật thì Như

Lai có ba mươi hai tướng tốt, mà chữ Vạn ở trên ngực là một, do Tu Giới Định Tuệ tích lũy mà thành, tướng ấy rất rõ ràng. Ma cũng có ba mươi hai tướng nhưng các tướng mờ nhạt. Nay Thái Kinh có tướng này đâu không phải là ma ư? Lại đây không phải là đại số của trời đất sinh ra vật ma này làm tai họa cho nhân dân ư? (Lưỡng Triều Sự Giám, Dung Tế Tam Bút). Tháng mười một, vua đích thân sái tịnh các bảng ngạch đề "Linh Cảm Quan Âm Chi Tự" và "Linh Cảm Quan Âm Bảo Điện" rồi ban cho Thượng Trúc.

Năm Hưng Long thứ bảy, tháng hai, ngài Linh Ẩn Tuệ Viễn Thiền sư vào Cung ứng đối với vua tại điện Tuyển Đức. Vua hỏi: "Làm sao thoát được sinh tử?" Sư đáp: "Nếu không ngộ Đại thừa thì trọn không thể khỏi được". Vua hỏi: "Làm sao ngộ được?" Sứ đáp: "Tánh sẵn có (bản tánh) dồi mài qua năm tháng tự nhiên được ngộ". Vua hỏi: "Sau khi ngộ thì như thế nào?" Sư đáp: "Sau khi ngộ mới biết việc hỏi đáp hôm nay đều quấy". Vua lại hỏi: "Không phải tất cả chỗ thì sau đó như thế nào?" Sư đáp: "Thoát thể hiện tiền tướng càng không thể thấy được". Vua như có chỗ tỉnh giác, gật đầu chấp nhận.

Năm thứ tám, tháng giêng, vua xa giá đến chùa Linh Ẩn tăng thêm ban thưởng. Tháng tám, vua triệu mời các ngài Thiên Trúc Nạp Pháp sư, Kính Sơn Ấn Thiền sư (ở riêng trên ngọn Bảo Ấn), Linh Ẩn Viên Thiền sư cùng các học sĩ của ba Giáo tập họp ở Nội Quán Đường, vua đãi tiệc chay. Rồi bảo ngài Viễn Thiền sư đến Đông Các đối ứng. Vua ban cho ngồi hỏi rằng: "Trước đây trong giấc ngủ Trẫm nghe tiếng chuông, vậy không biết đó là mơ hay tỉnh, đồng hay khác?" Sư đáp: "Mơ hay tỉnh không khác, xin nói cho biết ai phân biệt?" Vua nói: "Tiếng chuông từ đâu mà có?" Sư đáp: "Từ chỗ tôi hỏi Bệ Hạ mà có".

Tháng mười, vua ban cho ngài Tuệ Viễn hiệu Phật Hải Thiền sư (hiệu Hạt Đường).

Năm thứ chín, tháng giêng, vua triệu ngài Thượng Trúc Nạp Thiền sư đến ứng đối ở Tuyển Đức Viện, ban cho ngồi rồi hỏi về các việc linh ứng của Đại sĩ và ý chỉ kinh Pháp Hoa. Ngụy Công Sử Hạo ẩn dật tuổi già ở Tứ Minh, tự gọi là Chân Ẩn Cư Sĩ, thường theo hỏi học pháp yếu với ngài Nam Hồ Trí Liên Pháp sư (hiệu là Giác Vân Pháp sư) có lần hỏi: "Sư đối với Thiền Luật cũng thông suốt ư?" Sư nói: "Tuyết tan băng chảy đều là nước cả". Lại hỏi: "Hoa Nghiêm Bát-nhã vì sao quá chi li?" Sư đáp: "Chi li để mà giản dị". Ông như có điều tỉnh giác. Đến khi làm Soái ở đất Mân rồi về quê, ông ở Đông Hồ bèn lập ra Nguyệt Ba Sơn, mở rộng núi Bổ Đà, xây động thất mà thờ Đại sĩ. Lập Đức Thọ

điện viết ba chữ “Triều Âm Động” làm biển ngạch. Trước đón Giác Vân Cao Đệ hẹn làm Pháp sư chuyên giảng Giáo Văn của ngài Trí Giả (hiệu là Nguyên Am, vua ban tên là Trí Hải Đại sư). Trước đó ông nhiếp phục Xương Quốc Diên Giám cùng Trình Hựu Phủ ở Phan Vương dong thuyền đến yết kiến Bổ Đà Sơn. Bỗng có một vị Tăng chỉ đỉnh núi bảo: “Bên dưới có báu vật hãy nhìn xem”, mới nhìn kỹ thì ông cùng mọi người cùng thấy thân Đại sĩ sắc vàng ròng, lại thấy có hai chiếc răng ở khóe môi trắng như ngọc, ông vui mừng sụp lạy rồi lui về. Khi trở về chùa thì đã chiều tối. Có một vị Tăng cao lớn đến thăm nói: “Ông làm quan đến chức Thái Sư.” Lại nói: “Ông cuối cùng rất tốt, chính là Văn Lộ Công đấy. Ngày nọ khi vào làm Tướng Quốc Chúa Thượng có dùng binh thì phải cố sức can ngăn, hai mươi năm sau sẽ gặp lại ông ở Đất Việt.” Nói xong bèn bỏ đi. Khoảng đầu năm Càn Đạo, khi ông làm Tướng trấn giữ đất Việt, có một Đạo Nhân tự xưng là Dương Tố Tiên Sinh nói cùng ông có quen xưa. Ông gấp cho mời vào thì xin giấy bút viết chữ lớn rằng: “Lộ Tướng đầu đen càng thêm sáng rỡ muôn dặm, Hồ Tăng mắt biếc đã cùng chuyện vãn một đêm.” Rồi ném bút bỏ đi. Ông cả kinh nhân nhớ lại chuyện ở Bổ Đà mới biết vị Tăng cao lớn và Đạo sĩ này đều do Đại sĩ thị hiện ra. Cách nay đúng hai mươi năm (theo Di Kiên Chí - Bổ Đà Bích Ký - Nay có cuốn Nguyệt Ba Hành Đường Hữu Thái Sư Sơ Kiến Bổ Đà Hiện Tướng).

Bàn rằng: Việt Vương khi mới ra làm quan có lên Bổ Đà kính lạy Đại sĩ, nghe chuyện vị Tăng thân cao lớn, bèn tự hứa ngày sau khi làm Tướng Súy sẽ khuyên vua chớ dùng binh. Về sau Trương Ngụy Công (Tuấn) quả có khuyên vua Hiếu Tông Bắc chinh, Việt Vương liền khuyên can xin vua đừng nghe. Kịp khi bị Binh Phù Li đánh bại, Tuấn trở về gặp vua, vua đón Tuấn bảo: Chuyến đi này rất vui lòng Sử Hạo, bởi Đại sĩ đã dự trước thời cơ, biết Nam Bắc thế còn phân chia chưa thể họp nhau được, nên có dặn ông cố gắng khuyên ngăn để tránh việc đồ thán cho sinh linh.

Sử Ngụy Công đến Kim sơn thấy nghi lễ Thủy Lục của Lương Võ Đế rất thạnh hành, liền bảo: “Đạo báo ân độ đời là ở đó”. Bèn ở Nguyệt Ba Sơn mà xây cất điện bày thờ tượng mười cõi, cùng các danh Tăng giảng cứu làm ra nghi văn bốn quyển, để tu cúng cả bốn mùa mà phổ độ cùng khắp (đến nay đã một trăm năm). Đồ cúng nhiều ít chọn vừa phải, giọng tán tụng cao thấp có chừng mực từ các chùa quê đến thành thị đều lấy đó làm phép tắc.

Quốc học sinh là Vương Nhật Hưu, người ở Long Thơ, làm Lục

Kinh Huấn Truyện mấy mươi vạn lời. Một hôm bỗng bỏ đi bảo rằng đây chỉ là nghề mọn không phải pháp rốt ráo, việc của tôi là về Tây phương. Từ đó ông một lòng niệm Phật, ngày lạy ngàn lạy. Một đêm ông lớn tiếng niệm Phật, bỗng nói: "Phật đến đón ta", rồi đứng sửng mà hóa. Có người nằm mộng thấy hai thanh y dẫn ông về Tây phương. Nhật Hưu có làm Tịnh Độ Văn lưu hành ở đời, có đoạn bảo rằng: Nhà Nho có khi vì gặp phải Tăng đồ không có giới hạnh nên coi khinh Đạo Phật, vậy đâu thể vì hàng Đạo sĩ chẳng ra gì kia mà khinh Lão Tử, vì Nho sĩ bất tiếu nọ mà chê bai Khổng Tử. giáo pháp của Phật có pháp Thế gian và pháp Xuất thế gian. Pháp thế gian là cấm Sát Đạo Dâm thì Nho Phật chưa từng không giống nhau. Cái khác nhau là Đạo Phật có pháp xuất thế gian, còn Nho giáo chỉ là Pháp thế gian, cho nên nói: Chết rồi thì trở về thiên đình. Riêng Phật giáo biết có nhiều đời mà có thể thấy rõ nghiệp duyên trước sau của quần sinh, đây là điều khác nhau vậy.

Bàn rằng: Vương Long Thư là nhà Nho chắc chắn có làm sáu Kinh để truyền dạy đời. Có dụng tâm sâu xa để học theo xưa không phải là hạng Nho sĩ tầm thường. Đến khi bỏ hết cái học đó mà học Phật tất là có cái thấy nhất định. Người nay làm nhà Nho chưa bằng Long Thơ mà nói năng huênh hoang bắt chước theo lời lẽ vô lễ bài Phật của Hàn, Âu. Đây là đều chưa biết cái Đạo của hai ông vốn không trái nhau. Đến như nói về pháp thế gian và xuất thế gian dù chưa rõ hết cái lý tột cùng mà bảo rằng Phật biết rõ các nghiệp duyên trước sau của quần sinh, là cái được của ông. Các ông Tô - Hoàng thật biết điều này. Đám học trò của Y Lạc Tiên Bối có thể vì Đạo Lão mà tự đảm trách việc chê bai Phật giáo lấy cớ là xưa kia từng chê bai, nhưng thật ra không hiểu được nghĩa này.

Năm Thuần Hy thứ nhất, tháng hai, vua ban cho vợ con ở Thượng Trúc xây Tạng điện, đến khi ban cho Tạng Kinh thì Hoàng Thái tử viết bảng hiệu của điện.

Tháng tư, vua triệu ngài Nhạn Sơn Linh Phong Trung Nhân Thiền sư vào cung ứng đối (nối ngài Viên Độ, theo Phổ Đăng Lục).

Tháng năm, vua triệu ngài Linh Ẩn Viễn Thiền sư vào Tiện điện ứng đối.

Năm thứ hai, tháng ba, vua xa giá đến Thượng Trúc đốt hương kính lễ Đại sĩ, ban chiếu lập Hộ Quốc Kim Quang Minh đạo tràng và ban cho ấn Bạch Vân Đường, khiến trong thiên hạ các Tông Tam Học cùng đến Bạch Vân Đường và đem ấn trình bày cùng Hữu Ty. Tháng sáu, vua triệu ngài Thượng Trúc Nạp Thiền sư vào ứng đối, ở Nội Quán

đường. Tháng mười hai, vua sai Trung Sứ đến núi A-dục Vương rước tháp xá-lợi Phật. Trong lúc vua chiêm lễ thì thấy trên tháp có Nguyệt luân (vầng sáng như mặt trăng), hôm khác thì thấy ánh ra như thủy tinh. Vua ra lệnh rước tháp đến Đông Cung thì Hoàng Thái tử thấy trên Luân tướng quấn xỏ vào nhau như xâu chuỗi thủy tinh.

Năm Thuần Hy thứ ba, tháng giêng, rước xá-lợi Phật ở Bích Lân Đường, vua thấy trên góc tháp có ánh sáng như châu vàng, rồi ra lệnh cho Nội Thị rước tháp trả về núi và sắm đủ trai phạm để tạ điềm linh dị.

Vua ra lệnh cho Phước Châu căn cứ vào Thánh Chỉ năm Thiên Thánh thứ hai toàn thể Kinh sách của Tông Thiên Thai giao cho Khai Nguyên Đông Thiền khắc bản cho nhập Tạng. Trước đó ngài Từ Vân Thức Pháp sư tâu vua xin cho giáo văn Thiên Thai được nhập Tạng, vua chấp thuận.

Tháng hai, vua ban chiếu cho ngài Báo Ân Đức Quang Thiền sư ở Thai Châu đến ở chùa Linh Ẩn. Tháng mười một Sư vào ứng đối ở Tuyển Đức điện, vua hỏi: "Đức Thích-ca sáu năm ở Tuyết Sơn đã làm xong việc gì?" Sư đáp: "Định nói với Bệ Hạ thì quên mất". Vua rất vui, bèn ban hiệu là Phật Chiếu Thiền sư (Sư hiệu Chiết Am).

Năm Thuần Hy thứ tư, tháng tám, Tham Chánh Tiền Đoan Lễ bị bệnh nhẹ, thỉnh ngài Bình Điền Hành Cơ Thiền sư vào phòng, ông ngồi kiết già nói cười, bỗng bảo Hành Cơ rằng: "Đất nước gió lửa tạm thời hợp nhau, kẻ mê muội nhận là mình. Từ trước các Thánh nhân đi ở tự tại, nay tôi cũng thế đâu không thích ư?" Rồi ông nhắm mắt mà hóa. Ông và Hành Cơ cùng tham học với ngài Hộ Quốc Nguyên Thiền Sư, đời biết là họ có ngộ nhập (Phổ Đăng Lục). Vua triệu ngài Linh Ẩn Quang Thiền sư vào Nội điện ứng đối. Sư dâng lên vua bộ Tông Môn Trực Chỉ. Vua hỏi: "Các danh sơn ở Triết Đông ngoài Thái Bạch Ngọc Kỷ ra có gì hơn hết?" Sư đáp: "Bảo Quốc Hộ Thánh, Quốc Thanh Vạn Niên". Vua rất vui. Các Thị Thần lúc đó đều khen là câu đối hay.

Ngài Tam tạng Đường Huyền Trang dịch kinh Đại Bát-nhã xong có sáu trăm quyển, có Tuyết Nguyệt Đại sư Đại Ẩn ở Phụng Thành dùng phẩm Nan Tín Giải một trăm lẻ ba quyển làm pháp Thông Quan để truyền lại người đời sau. Khoảng năm Thuần Hy triều Tống ta, có Sa-môn không biết từ đâu đến, trên xe có chở Kinh này đến Dũng Đông ở Tứ Minh. Khi đi giữa đường miệng đọc làu làu không ngớt. Người trong làng là Ốc Thừa Chương thấy nhiều quyển dính bùn đất hỏi thì vị Sa-môn đáp: "Các kinh trên xe này đều đọc thuộc lòng được cả". Thừa

Chương lúc đầu không tin bèn lấy mấy quyển đọc thử, phút chốc đều thuộc, vô cùng kinh dị. Dần dà hỏi nguyên do. Sa-môn đáp: "Trong đó có quan pháp, ai thông qua quan này thì văn trong một trăm lẻ ba quyển này đều đọc thuộc được cả". Thừa Chương mừng rỡ xin học. Khi đã thông, bèn đem dạy lại cho vợ con, nô tỳ... thì đều tụng thông cả. Bèn khắc bản quan pháp đem lưu hành để độ người đời (ấn bản cũ có từ năm Thuần Hy Đinh Dậu được ấn thí là đó).

Bàn rằng: Đã từng khảo hết Kinh Quan một trăm lẻ ba quyển, gồm tám mươi bốn khoa. Nay các quyển Giáo Văn nói là tám mươi mốt khoa, danh sắc phải có sự lầm ngang nhau. Ốc Thừa Chương vốn là nhà giàu, lúc đầu không tin pháp, được Sa-môn dạy cho một lần thì có thể đọc thuộc lòng Kinh Bát-nhã. Nhưng không biết hồi hướng về Tịnh độ. Nên khi ông chết rồi thì sinh làm vua nước Nhật Bản, trên lưng ông có chữ ghi là Nhà Đại Tống Ốc Thừa Chương. Người Nhật Bản nói như thế (Ngu Khách Nguyệt Ba cùng Trụ Như Tập có thể biết Kinh Quan Thông này. Lúc đó chúng có người muốn học bèn dùng bản của Ốc Thừa Chương khắc bản Kinh Quan một quyển để khuyến hóa người đời. Trong bài tựa có nói về sự tích của Thừa Chương).

Năm Thuần Hy thứ năm, vua viết Thái Bạch Danh Sơn ban cho Trụ Sơn Liễu Phác Thiền sư (Sư hiệu Từ Hàng).

Năm thứ bảy, vua triệu ngài Minh Châu Tuyết Đậu Bảo Ấn Thiền sư vào triều kiến, vua hỏi: "Thánh nhân của Tam Giáo vốn đồng một lý này ư?" Sư đáp: "Cũng như hư không xưa không có Nam Bắc". Vua nói: "Chỉ do lập cửa nẽo mà có khác, nên Khổng Tử lấy Trung Dung mà lập giáo". Sư đáp: "Không có Trung Dung thì do đâu mà lập thế gian". Kinh Hoa Nghiêm có nói: "Không phá tướng thế gian mà thành pháp xuất thế gian". Vua nói: "Người học thời nay chỉ xem văn tự mà không biết được lòng của Phu Tử". Sư nói: Không phải riêng người học thời nay, kẻ đương thời như Nhan Tử là cụ thể, chỉ nói cái được thấy ở trước mắt mà không thấy được cái sau lưng, như có các bậc tài giỏi thì cũng chưa biết được lòng của Phu Tử". Phu Tử cũng nói: Các ông cho ta có ẩn giấu hay không ẩn giấu ư? Ông do đó mà biết các đệ tử đương thời còn không hiểu được lòng của ông huống là người thời nay? Trương Thương Anh có nói: "Ta chỉ học Phật sau đó mới biết Nho".Vua nói: "Ta cũng thấy điều đó". Vua lại hỏi: "Đạo Giáo của Lão Trang như thế nào?" Sư đáp: "Có thể sánh họ với hàng Trung Thừa, Tiểu thừa của Đạo Phật mà thôi". Tiểu thừa chán thân như gông cùm, bỏ trí coi như các thứ độc hại, hóa lửa đốt thân để vào cõi vô vi. Chính như ở Trang

Tử về hình thể phải cố khiến như cây khô, về tâm phải cố khiến như tro lạnh. Lão Tử nói: “Ta có nạn lớn là do ta có thân.” Hàng Đại thừa thì không như thế, họ độ hết chúng sinh rồi mới chứng Bồ-đề. Chính như Y Doãn gọi là: Phải tỉnh giác trước dân chúng, phải đem đạo này mà tỉnh giác cho dân này. Như có một người không bị ướt nếu đã từ chối không bước vào khe nước. Vua rất vui. Ngay trong ngày ấy vua ra chiếu mời Sư ở Kính Sơn. Vua lại ra chiếu cho Phật Chiếu Thiền sư Đức Quang đến ở núi A-dục Vương. Tháng mười một, vua triệu Sư vào Nội điện ứng đối và ban cho bốn chữ “Diệu Thắng Chi Điện” để làm biển ngạch ở điện Thích-ca Xá-lợi.

Năm thứ tám, vua viết bộ Nguyên Đạo Luận nói rằng: Trẫm xem nguyên Đạo Luận của Hàn Dũ có nói: Phật pháp hỗn tạp, Tam Giáo vá víu, chưa ai có thể biện biệt được, uổng cho văn rườm mà lý lòng vòng. Nếu xét về sự dụng tâm của Thánh nhân thì không gì là không rõ ràng. Vì sao Đạo Phật cho rằng: Cùng tánh mạng ngoại hình hài, đối với thế sự rốt lại không liên quan gì, huống lại là với lễ nhạc nhân nghĩa ư? Vậy mà còn đặt ra các giới cấm như không sát sinh, không trộm cắp, không dâm dục, không nói dối, không uống rượu. Mà không sát sinh tức là nhân, không dâm dục là lễ, không trộm cắp là nghĩa, không nói dối là tín, không uống rượu là trí. Đây cùng với Trọng Ni nào có xa xôi gì? Ung dung là Thánh nhân trung đạo. Việc làm của Thánh nhân có gì không phải là lễ nhạc, không phải là nhân nghĩa đâu được nổi tếng. Ví như trời đất vận hành âm dương, như sự tuần hoàn không có đầu mối, thì đâu có thể có sự khác biệt của Xuân Hạ Thu Đông, chỉ người đời nay cưỡng gọi mà thôi. Nhưng cũng còn sự khác biệt nhau về Nhân Nghĩa và Lễ Nhạc. Do đó Thánh nhân lập giáo để trị đời, không như thế không được. Nhân xét cưỡng danh mà cầu cho có được thì đó là Đạo. Nhân nghĩa lễ nhạc là gốc đạo mà nhân nghĩa lễ nhạc cũng là cái dụng để giữ bền Đạo đó. Dương Hùng nói Lão Tử bỏ nhân nghĩa dẹp lễ nhạc. Trong các sách ngày nay về Lão Tử nói ông chủ trương ba điều rất quý đó là Từ, là Kiệm, là không dám làm trước thiên hạ. Khổng Tử nói: Tiêu xài có chừng mực và thương người thì Lão Tử gọi đó là Kiệm, há không phải thương người là việc lớn đó sao. Khổng Tử nói: Ôn Lương Cung Kiệm Nhượng, thì Lão Tử gọi đó là không dám làm trước thiên hạ, đâu không phải nhường nhịn là việc lớn sao? Khổng Tử nói chỉ có nhân là to lớn thì Lão Tử gọi là Từ, đâu chẳng phải Nhân là to lớn đấy sao? Đến chỗ Chí Đạo thì thấy đồng mà việc nêu ra có khác. Cái được quý chuộng đó là Thanh Tịnh Như Nhất quả có trái nhau với Khổng Tử chăng? Vả

lại hàng con cháu của Tam Giáo chỉ kẻ mê muội mới cho mình là khác mà thôi. Phàm Phật và Lão thì dứt niệm để vô vi tu thân, còn Khổng Tử thì dạy trị thiên hạ, chỉ riêng ở chỗ ra làm là không giống nhau. Cũng như lưỡi cày để cày, khung cửi để dệt. Người đời sau rối rấm mê lầm mà mất hết lý. Có người hỏi làm sao dẹp bỏ mê lầm ấy? Xin thưa rằng: Dùng Đạo Phật để tu tâm, dùng Đạo Lão để dưỡng sinh, dùng Đạo Nho để trị đời. Như thế mới tốt được. Chỉ có bậc Thánh nhân mới đồng nhau mà thôi, nên không thể luận vậy (Thánh Chánh Lục).

Năm Thuần Hy thứ mười, vua đích thân chú giải Kinh Viên Giác, ban cho ngài Kính Sơn Bảo Ấn Thiền sư khắc bản lưu hành ở đời.

Năm thứ mười một, ngài Thượng Trúc Tả Nhai Tăng Lục Nhã Nạp dâng sớ tâu mong Thánh Triều theo chế nhà Đường mà lập khoa thi Kinh độ Tăng. Trộm nghĩ rằng các Đại Tống Cao Đăng Truyện, Hồng Giác Phạm Tăng Bảo Truyện có ghi chép rằng từ năm Kiến Long mở nước cho đến lúc Nam Độ (dời về phương Nam), các bậc danh đức cao hạnh trước hết đều đòi hỏi thi kinh Pháp Hoa sau mới được độ. Bởi Kinh này là giáo pháp mầu nhiệm của cả một đời xuất thế giáo hóa của Như Lai, là Tông Thú của Quần sinh, chỉ có bảy quyển mà rộng hẹp vừa phải. Cho nên người học Phật đọc tụng thì không có nạn thái quá và bất cập. Từ đời Đường đến nay đã năm trăm năm, việc thi Kinh được coi là phép tắc mẫu mực dầu xuống đến muôn đời cũng có thể làm theo phép thi Kinh của đời Đường này mãi mãi. Kịp đến triều Tống ta càng rõ hơn như Văn Oánh Tương Sơn Lục có ghi. Lúc nước mới lập thì ở Đàm Châu có các Tăng Đồng thi Kinh, đây là sự tỉ thí ở Châu Quận. Trong Âu Dương Quy Điền Lục có ghi: Quan Chấp Chánh Tống Thụ và Hạ Tủng cùng khảo thí các người trẻ tuổi, đây là triều đình mở khoa thi. Như Tăng Sử Lược có ghi: Thời Chu Lương không cho độ riêng, người xin xuất gia phải vào kinh tỉ thí. Trộm biết ý của ba sách trên đều nói những người trẻ tuổi khắp thiên hạ trước phải thi ở Châu Quận, trúng tuyển rồi mới vào kinh. Quan Chấp Chánh mở khoa thi giám sát phúc khảo, trình tên và thứ tự lên vua, vua mới hạ lệnh cho Tự Bộ cấp Điệp. Như có đặc chiếu hay sớ tâu xin ban ân thì như như năm Kiến Long có tám ngàn Tăng được độ, năm Thái Bình phổ độ được mười bảy vạn người. Đó là không hạn định phải thi Kinh. Hoặc cho rằng Quốc dụng thiếu hụt thì Quan Võ tâu xin mỗi năm lấy một ngàn Điệp thi Kinh, liền lấy tiền một ngàn Điệp mà chia đều cho các Điệp khác. Khiến nhiều kẻ không đọc được Kinh mà có nhiều tiền thì vẫn được độ. Nay quyết như thế là việc những lạm về độ Tăng. Thi Kinh là để hành truyền đạo xưa,

trọng Điệp là để hạn chế kẻ tầm thường. Thật ra là lập lại phép tắc của Tổ Tông mà cứu lấy cái những tệ của đời mạt Pháp." Vua chấp thuận lời tâu, giao cho Quan Chấp Chánh, xuống lịnh cho Tăng Ty soạn đủ cách thức... nhưng việc trình bày không rõ ràng nên cuối cùng bị Trung Thư ngăn cản. Xây cất viện Hưng Phước đã xong. Trước đó Thượng Trúc Nạp Pháp sư nhiều lần lấy cớ bệnh xin về ẩn cư. Vua nói: "Như ban cho đất cất nhà, một, hai năm sau, đó đây làm kẻ nhàn cư, ngồi trên gộp đá bên bờ nước cùng nói chuyện vô sinh". Lúc đó bèn ban cho Sư làm Lão Nhàn và trao cho chức Lưỡng Nhai Đô Tăng Lục, Đông Cung Thái tử viết hai chữ Quy Ẩn để làm bảng ở trước thất.

Năm Thuần Hy thứ mười sáu, vua nhường ngôi cho Hoàng Thái tử, lui về an dưỡng tại Trùng Hoa Cung xưng là Thọ Hoàng. Thọ Hoàng triệu vời ngài Tuệ Quang Nhã Nạp Pháp sư vào Nội điện chú giải Kinh Kim Cang Bát-nhã. Kinh soạn xong, vua nhiều ngày mở xem càng được nhiều tỉnh giác.

Đời Quang Tông: (con của em thứ ba Hiếu Tông, ngày 04 tháng chín là Trùng Minh Tiết. Chôn ở Vĩnh Hiến Lăng).

Năm Thiệu Hy thứ hai, tháng mười, ngài Tuệ Quang Pháp sư viên tịch. Vua thụy phong là Tôn Giáo Quảng Từ Pháp sư, tháp đề Phổ Chiếu.

Năm thứ năm, tháng tư, Hình Bộ Đô Quan Lục Nguyên tắm gội mặc áo đội mũ lên nằm mà hóa. Khi sắp khâm liệm, chợt nghe có mùi hương sen từ miệng mũi ông tuôn ra. Ông hiệu là Tỉnh Am ở Hoành Khê thuộc Ngân Chi tại Tứ Minh. Mỗi sáng thức dậy đều tụng kinh Pháp Hoa suốt ba mươi năm không lỗi một ngày. Năm ông lên tám mươi thì tăng đến ba bộ. Ông làm thi để bày chí hướng trong đó có câu "Thanh thần tam độ đáo Linh sơn" (mỗi sáng ba lần đến Linh sơn). Ông xem Đại Tạng, tụng danh hiệu Phật. Phàm giáo môn của Thiên thai, Tông Chỉ của Thiếu Lâm ông đều nghiên cứu sâu rộng.

PHẦN PHỤ CHÚ ***ở trang 427***

[Chú số 7] - Vua sắp lập Tạ Phi làm Hoàng hậu, sai Giám Nội Thị đến am của Hà Nhương Y mà không bảo hỏi gì, chỉ ra lệnh nói một, hai câu rồi về. Nội Thị ở lại mấy hôm, kính cẩn khấn cầu rằng "Hoàng Đế sai đến, xin ban cho một lời để về phục mạng." Hà Nhương Y nổi giận vén áo bỏ đi. Quan Thái Giám chạy theo, đến Thiên Khánh Quán Môn thì bà quay lại bảo: "Làm mẹ thiên hạ." Ngay ngày ấy Giám Quan trở

về tâu vua. Quý Phi bèn được phong Vương Vị ở trong Cung.

[Chú số 8] - Ở Nghiêm Lăng có Đường Tiên Cô, thuở nhỏ chán trần tục đến Cô Tô yết kiến Hà Nhương Y, cung phụng củi nước suốt mười hai năm. Sau gặp được Lữ Chân Nhân cho linh đơn. Đại Thượng Hoàng nghe danh tiếng bèn triệu vào Đức Thọ Cung để xin nước phép và hỏi: "Nước phép của Tiên Sinh là hành theo pháp nào?" Bà đáp: "Không cần hành pháp, chỉ dùng tâm là pháp, dùng thần làm bùa, dùng khí làm nước mà thôi". Vua rất mừng bèn viết chữ "Tịch Tịnh Tiên Sinh" ban cho.

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 48

PHẦN 15

Đời Ninh Tông: (Con của Quang Tông - Mẹ là Từ Ý Hoàng hậu, họ Lý. Ngày mười chín tháng mười là Tiết Thụy Khánh - Chôn ở Vĩnh Mậu Lăng).

Năm Khánh Nguyên thứ ba, Kinh Môn Quân Thân Trung Dực Lang là Triệu Thiện Oánh dâng biểu trạng nói rằng ở Huyện Đơn Dương, tại Cảnh Đức Thiền Tự ở núi Ngọc Tuyền, ngài Trí Giả Thiền sư đời Tùy là người khai sơn đạo tràng, có Tướng nước Thục là Quan Vương thờ ngài Trí Giả làm thầy, khấn cầu được nhiều linh ứng. Xin vua thụy phong cho. Vua tuyên sắc ban cho tên là Linh Tuệ Đại sư.

Năm Gia Thái thứ hai, tại Nam Sơn Dư Hàng, ở Bạch Vân Am có Đạo Dân Thẩm Trí Nguyên xin vua ban ngạch. Các quan tâu rằng: Đạo Dân không thích chơi bời trụy lạc vô độ, ăn rau thờ ma, đáng gọi là gian dân. Ông ta tự lập bè đảng có từ mười đến một trăm người tập họp đông đảo, lại dùng yêu pháp mê hoặc người ngu, hoặc lấy việc sửa đường xây cầu mà đặt tên, hoặc bắt chước tụng Kinh đốt hương mà lập hội, đêm họp ngày tan, trai gái không phân biệt, tới đâu đều có những kẻ cừ khôi thống lĩnh, gặp việc tranh cãi tất cùng họp mưu góp sức, hậu đãi các quan lại để được thắng. Giả danh xây dựng để làm đầy túi riêng, cất am riêng để chứa chấp tội đồ. Trí Nguyên là kẻ đứng đầu dối dân mê hoặc quần chúng. Xét theo phép nước tội đáng tru di. Trương Cẩu lúc còn làm soái ở Kinh nhiều lần cùng với chùa gần bên đã luận xét tội trạng là đạo nhân mà cất am riêng, họp chiếu theo các Luật trước thì phải dẹp trừ. Nay Trí Nguyên lại dám dối gõ cửa trời, khinh nhờn triều đình, như thế là quá lắm. Xưa còn truyền kể việc Đạo năm đấu gạo, lúc đầu nhờ Hoàng Lão sai các đệ tử dạo khắp bốn phương đổi hình dạng dụ dỗ lừa dối, về sau đông dần đến mấy mươi vạn người, cùng một ngày khởi loạn nhà Hán bèn suy vi. Nay gặp bọn này nếu không đề phòng

thì việc gì lại không xảy ra. Bèn muốn định tội đày bọn Trí Nguyên ra Lâm An Phủ, tịch thu hết các vật dùng để gây thành Ma đạo để răn đe những kẻ coi thường luật pháp. Ở nhờ tại các nhà quyền thế tự nhận là tài sản của mình tạo ra để che chở và chiếm đoạt. Quan Ngự Sử chỉ tên tâu vua. Vua chấp thuận.

Bàn rằng: Tôi từng khảo cứu Di Kiên Chí thì đám ăn rau thờ ma ở Tam Sơn rất đông. Người đứng đầu đội mão tía mặc áo thụng rộng. Phụ nữ thì đội mão đen mặc áo trắng họ tự xưng là Minh Giáo Hội. Họ thờ Phật áo trắng do dẫn lời kinh "Bạch Phật ngôn Thế Tôn." Lại chọn lấy một vị Phật rồi hai, ba, bốn, năm vị Phật trong Kinh Kim Cang thì bảo mình là vị Phật thứ năm. Lại tự gọi là Mạt Ma Ni. Biện luận Kinh Hóa Hồ, theo ánh sáng tự nhiên, Đạo khí bay vào Tây Bang Ngọc Giới nước Tô Lân, giáng sinh xuống Ngọc Cung làm Thái tử xuất gia xưng là Mạt Ma ni. Để làm chứng cớ, Kinh ấy gọi là Nhị Tông Tam Thế. Nhị tông là sáng và tối, Tam thế là quá khứ, hiện tại và vị lai. Trong năm Đại Tung Tường Phù viết thành đạo Tạng, có kẻ giàu là Lâm Thế Trường hối lộ cho Chúa Thượng khiến ghi vào Đại Tạng và đem thờ ở Minh Đạo Cung tại Hào Châu. Lại giả danh là thơ Bạch Lạc Thiện nói rằng:

Thần xem Tô Lân Truyện
Đạo Ma Ni đáng kính
Nhị Tông bày vắng lặng
Năm Phật nối quang minh
Nhật nguyệt là của báu
Càn khôn do mình sinh
Nếu luận chí trai khiết
Ngang hàng đệ tử Phật.

Đem tám câu này đặt ở đầu Kinh. Họ tu trì thì đúng ngọ chỉ ăn một bữa, để thây trần mà chôn, ngày lễ tụng bảy thời do tập tục sót lại của giặc Huỳnh Cân (Từng kiểm lại Tập Trường Khánh của Bạch Lạc Thiên nhưng không thấy có Thi Tô Lân. Ngài Lạc Thiên biết Đạo Phật đâu thể nói những điều không sách vở).

Năm Gia Định thứ tư, tháng hai nhuận, Thừa Tướng Tiền Tượng Tổ qua đời ở Thiên Thai, chôn ở nhà riêng. Khi Tượng Tổ đi trấn thủ ở Kim Lăng từng hỏi đạo với Bảo Ninh Toàn Vô Dụng. Sau ở Hương Châu, ông lập ra mười chỗ tiếp đãi đều lấy tên là Tịnh Độ Cực Lạc. Ông lập am nghỉ ngơi có phòng cho Cao Tăng làm nơi đàm đạo. Từ khi từ chức Tả Thừa Tướng về quê, ông càng tu tịnh nghiệp. Tháng đó ông bị bệnh nhẹ, có vị Tăng đến hỏi muốn về đâu? Ông đáp: "Không ham

sống, không sợ chết, không muốn sinh lên cõi trời hay cõi Người, chỉ muốn vãng sinh Tịnh độ mà thôi". Nói xong thì ngồi kiết già mà hóa. Khi đó có trống trời rền vang, mùi hương lạ ngào ngạt. Trước ngày ông lâm chung cả trai gái trong Quận đều mộng thấy trên không trung có tiếng nói: "Tiền Thừa Tướng sẽ vãng sinh trong Liên Cung ở Tây phương, làm Từ Tế Bồ-tát".

Đời Lý Tông: (năm Gia Định thứ mười bốn, do chiếu vua Thái Tổ, đời thứ mười một ở đất Cử, vua ban tên là Quý Thành, lập làm Hoàng Đệ Nghi Tĩnh Tuệ Vương, mười bảy năm sau phong làm Thành Quốc Công, nhận di chiếu lên ngôi. Ngày năm tháng giêng là Thiên Cơ Tiết).

Năm Bảo Khánh thứ hai, vua ra lệnh cho Thiên Thân Vạn Thọ Viên Giác tự đổi làm Thiên Thai Giáo, mời ngài Sư Tán Pháp sư làm chủ.

Năm Thuần Hựu thứ sáu, tháng mười một, ngài Lâm An Minh Khánh Văn Tư Luật Sư tâu vua: ngài Nam Sơn Trừng Chiếu Luật Sư có Giới Sớ, Sự Sớ, Nghiệp Sao... cùng ngài Đại Trí Luật Sư có soạn thuật ba bộ Ký cộng gồm bảy mươi ba quyển, xin cho nhập Tạng. Vua chấp nhận. Căn cứ vào Tỉnh Bộ ban xuống các Kinh Phường ở các Quận cho khắc bản lưu hành.

Năm Thuần Hựu thứ mười, tháng ba, các quan tâu vua trong các trọng lễ của quốc gia, các đại thần có công đầu, các hàng giàu sang thân thích hoàng tộc xin cho được chôn ở các chùa có ngạch. Bởi cho rằng những chùa tự tạo tự có điền sản, vì muốn dùng của tiến cúng Tổ phụ, nhân đó mà xin ngạch, nên năm Đại Quán đã giáng chỉ không cho các cận thần nhắm vào các tự viện có ngạch lấy làm đất công đức. Kịp đến Tân Thư năm Thiệu Hưng không cho nhắm vào các tự viện có ngạch, ghi ở điều một rằng phàm các đại thần có công và các thân thích hoàng tộc có Viện Công Đức chỉ là ban ngạch để đư ợc miễn các thuế má dịch vụ. Nay chấp thuận cho tại nhà được thỉnh Tăng trụ trì, mà xưa kia không phải là các Tự Viện do quốc gia đã ban ngạch. Năm gần đây các sĩ phu một khi lên làm quan lớn thì âm thầm trục lợi nhắm vào các chùa danh tiếng sung lấy đất công đức chiếm đoạt điền sản như lập ra một trang trại của mình. Hàng con cháu vô cớ nhận của hối lộ của các Tăng tầm thường mà cho làm trụ trì. Các thứ gạo muối củi than tùy lúc dâng nạp, lấy của một chùa mà nuôi cả một nhà, thật là nhục nhã cho Tổ tông lắm vậy. Huống chi các nhà quan lớn sở tại rất đông, nếu một

người chiếm vài chùa thì danh tiếng của quốc gia không còn bao nhiêu. Trong quan nếu có một người bị tội thì chia đều cho các hộ, đâu không phải càng hại dân ư? Ngu thần chi mong chiếu chỉ sáng suốt thể hiện cựu chế rất nghiêm phải chỉ rõ các Tự Viện có sắc ngạch bị chiếm cứ rồi cho sửa đúng lại tất cả, nhưng vẫn theo lời tâu các Quan Ty mà thỉnh Tăng trụ trì. Ngõ hầu dẹp hết cái tệ nạn nhà riêng lấy dùng của cải Tự Viện. Vua chấp thuận.

Sa-môn Thiên Thai Tư Liêm gởi thư cho Đổ Thanh Hiến Công nói rằng: Đức Phật có phú chúc cho các vua chúa đại thần phải hộ trì Phật pháp, mà có người lại phá hoại Phật pháp. Có một điều rất thiết yếu là triều đình lập pháp cho các đại thần vì Tổ Phụ dùng tiền của nhà riêng tạo chùa xin ngạch để cầu phước cho Tiên Vong. Nay kẻ ngu muội không theo phép đó, vì quý trọng ngọc thể của Tổ Phụ mà không quyên tiền mua đất núi, lại chiếm đất của chùa Tăng để làm phần mộ, mà lại gây ảnh hưởng đến việc chiếm đoạt mấy chùa gọi đó là công đức. Tính ra bao nhiêu vật trong chùa thì đều chiếm lấy. Như hôm nay thì lấy gạo, mai thì trả lấy măng, bữa khác thì lấy củi than, hôm khác nữa thì lấy tre gỗ... cho đến các vật quý để cúng thủy lục hằng tháng. Nếu có một vị Tăng nào qua đời thì tất cả đồ vật của cải của vị ấy đều lén lấy đưa về cho vợ con. Tôi từng nghe một người sang trọng nói rằng: Tính qua của công đức thì từ cây kim ngọn cỏ cũng đều là vật ở nhà tôi. Than ôi! Vị đó thật không biết rằng vật của thường trụ hay đồ vật của một vị Tăng đã mất đi thì đều thuộc về Tam bảo. Kẻ nào chiếm đoạt thì chủ hay tớ đều phải chịu báo khổ. Nay lấy đất mà để thể phách của Tổ Phụ đâu không tặng cho họ ác báo ở Tam Đồ ư? Than ôi, chiếm đoạt của Già-lam lại là tội khi quân, mà chôn Tổ Phụ ở đất Tăng là hại cha. Tự làm việc sai trái là hại mình, đem việc sai trái mà dạy lại cho con em là lụy đến người. Khi quân là bất trung, hại cha là bất hiếu, hại mình là bất trí, lụy người là bất nhân. Làm người như thế thật không biết là người gì? Nay các danh thắng đạo tràng nhiều người bắt chước nhau mà chiếm đoạt, thì không bao lâu khắp các Quận, những nơi Công Đức đều sai đám dung tục đến ở, cung phụng không ngớt. Lại đâu thể cúng dường thanh tịnh để Tăng chúng được yên ổn ư? Kẻ lấy cớ tầm Sư học đạo đôn đáo Bắc Nam chỉ biết than thở cho chuyện đời sao không phải thế mà thôi. Chỉ vỏn vẹn một tấm lòng thành thực mong Đại thừa Tướng minh xét các tệ cũ mà chuẩn theo phép xưa: Phàm nhà của các quan lớn, trừ Đại Từ Thất Sơn ở Tứ Minh mà họ Sử đã tạo chùa thỉnh ngạch hợp cách, còn các tự viện có ngạch bị chiếm đoạt khác thì xin chuyển cho

Đài Bộ tra xét khắp các Quận, tách riêng các chùa thật cúng ra, còn tất cả đều lấy lại và tùy thuộc Châu Quận mà cấp thiếp trụ trì. Nhưng vẫn sửa sang lại các nhà cửa trong sơn lâm đã bị xâm chiếm trước đây, đem trả về mỗi chùa. Nếu con em còn dám tiếp giao với trụ trì như lúc lạm chiếm trước thì cho phép mọi người mật báo với Đài Bộ truy bắt các quan viên để phân xử, bãi chức các Trụ Trì đó, chỉnh đốn Pháp môn, làm sáng tỏ phép nước.

Phép tắc triều đình. Đây thật là do sự tuân hành luật pháp của Thừa Tướng chứ không phải do luận bàn mà lung lạc được.

Năm Đoan Bình thứ nhất, ngài Linh sơn Thủ Ngu Pháp sư tâu vua rằng: Ngài Diên Khánh Pháp Trí Đại sư ở Tứ Minh là một nhà Trung Hưng Giáo Quán Thiên Thai, đã soạn thuật các Ký Sao hơn hai trăm quyển xin cho nhập Đại Tạng để ban hành. Vua chấp thuận.

Năm Đoan Bình thứ ba, Sa-môn Hải Ấn ở Tứ Minh đã san định Bảo Châu Tập của Lục Sư Thọ, viết tiếp các chuyện linh ứng về người tu nghiệp Tịnh độ gọi là Tịnh Độ Vãng Sinh Truyện gồm mười hai quyển (Chí Bàn tôi sửa làm bộ “Tịnh Độ Lập Giáo Chí” gồm ba quyển để vào Thống Kỷ rất tóm tắt.

PHẦN PHỤ CHÚ ***số 2 (xem số mười một trang 4316)***

Nhận Sư Tán Pháp sư làm Tổ Khai Sơn (Trụ trì) để hoằng truyền Thiên Thai Giáo Quán.

Ngài Pháp Trí là Tổ Sư Trung Hưng Thiên Thai Giáo Quán có viết Ký và Sao hơn hai trăm quyển xin được nhập Tạng ban hành. Vua chấp thuận.

Năm Bảo Khánh thứ ba, ngài Tứ Minh Sa-môn Hải Ấn san định lại bộ Bảo Châu Tập của Lục Sư Thọ viết tiếp về những người tu tịnh nghiệp có linh nghiệm đặt tên là Tịnh Độ Vãng Sinh Truyện mười hai quyển (Chí Bàn sửa lại là Tịnh Độ Lập Giáo Chí ba quyển cho vào Thống Kỷ, rất rõ ràng vắn tắt).

Năm Gia Hy thứ nhất, Thái Hậu Vương Thị tạ thế, vua ra chiếu mời ngài Kính Sơn Phạm Thiền sư vào ứng đối ở điện Tu Chánh, vua ban cho Kim Lan Ca-sa, mời ngài đến điện Từ Minh thăng tòa thuyết pháp. Vua buông rèm lắng nghe, ban cho Sư hiệu Phật Giám. Cung Thánh nhân Liệt Hoàng Đế băng hà, nhưng vua vẫn chiếu mời ngài Sư Phạm thăng tòa thuyết pháp. Rồi ngài xin vua được về rừng núi. Vua lại ban cho ngài hiệu Viên Chiếu. Năm Thuần Hựu thứ nhất, vua mộng thấy Đức Quan Âm Đại sĩ ngồi trên tảng đá phía sau là rừng trúc, kịp

khi thức giấc liền sai người vẽ hình khắc đá. Vua viết lời Tán rằng:

Thần thông vi diệu, ẩn hiện khó lường
Công đức vô biên, ứng cảm nhanh chóng
Gió mưa trúng mùa, phù hộ nhân dân
Binh tan hình giảm, nước nhà hưng thịnh.

Rồi vua viết bốn chữ lớn: "Quảng Đại Linh Cảm" để trên chữ Quan Âm Thánh Hiệu. Vua lại viết một quyển Tâm Kinh, viết bài Tựa Thánh Giáo đem Ngọc Thủ Lư ban cho Đồng Am Hiến Pháp sư ở Thượng Thiên Trúc, bổ ngài làm Tả Hữu Nhai Đô Tăng Lục. Làm mới gác thờ năm trăm vị La-hán ở Thượng Thiên Trúc, vua viết ban cho bốn chữ lớn "Siêu Chư Hữu Hải."

Năm Thiệu Định thứ hai, vì lễ cầu phước, vua ban chiếu mời ngài Thượng Thiên Trúc đến làm chủ. Tăng đến cửa Nam Thủy được dẫn đến gặp ngài Bách Đình tại nơi ngài Trí Giác làm thủ tọa được lệnh vua để thay thế chức vụ. Vua khen tốt và được ban thưởng rất nhiều. Vua ra chiếu mời ngài Pháp Chiếu Pháp sư ở Hạ Thiên Trúc. Rồi dời Sư về ở Thượng Thiên Trúc bổ làm Hữu Nhai Giám Nghĩa, ban hiệu là Phật Quang Pháp sư, thăng chức Tả Nhai Tăng Lục, ban cho Kim Lan Ca-sa. Vua mời Sư vào gặp ở Ỷ Quế Các đối đáp với vua rất hợp ý. Lúc đó chùa Tập Khánh mới xây xong có chỉ vua mời ngài Pháp Trí đến khai sơn, Sư cố sức từ chối, bèn cử Bạch Liên Quán Chủ là Nam Phong Thành Pháp sư thay thế. Năm sau thì Pháp sư Thành viên tịch, vua ra chiếu cho ngài Phật Quang kiêm chức trụ trì, chuyển đổi làm Tả Hữu Nhai Đô Tăng Lục. Vua viết ban cho hai chữ to là "Hối Nham." Lại vào Tiết Thiên Cơ, vua triệu Sư vào điện Diên Hòa để giảng kinh Hoa Nghiêm và viết ban cho chữ lớn "Linh sơn Đường." Khi Đông Cung đã lập xong liền dẫn Sư đến điện Phục Cổ giảng kinh Bát-nhã và ban cho tử y Kim Lan đãi tiệc trai ở điện Minh Hoa.

Năm Thiệu Định thứ năm, vua ra chiếu mời ngài Vân Gian Văn Quả đến ở chùa Hạ Thiên Trúc, sai Trung Sứ mang Ngự Liêm (hộp ấn vua) ban cho để lập gác thờ tượng Phật Vô Lượng Thọ, Nghiêm Phụng Khuê Chương viết bốn chữ lớn "Chiêu Hồi Vân Hán" để làm biển. Lúc đó Thượng Trúc thiếu chủ giảng, Đoan Minh Triệu Công ở Kinh Triệu dự quyền, Nghiêm Phụng không được thay Văn Quả. Vua ban chiếu chấp thuận. Năm ấy trời hạn hán. Vua thỉnh Đức Quan Âm Đại sĩ đến chùa Minh Khánh, Sư vào tạ ơn. Vua ngự giá đến chùa xin cầu mưa. Sư lên khấn khấn nguyện lời ý rất khẩn thiết vua cũng hết sức chí thành. Khi vua ra về thì có mưa to, bèn ban cho Sư chức Tả Nhai Tăng Lục và

hiệu là Phật Tuệ Đại sư.

Năm Thuần Hựu thứ sáu, tháng mười một, ở Lâm An, chùa Minh Khánh ngài Văn Tư Luật Sư tâu vua: Ngài Nam Sơn Trừng Chiếu Luật Sư có các thứ Giới Sớ Nghiệp Sớ Sự Sao... cùng ngài Đại Trí Luật Sư soạn thuật ba bộ Ký cộng có bảy mươi ba quyển, xin cho nhập Tạng, vua chấp thuận. Nối tiếp Tỉnh Bộ ban xuống các Kinh Phường ở các Quận cho khắc bản ban hành.

Năm Thuần Hựu thứ bảy, vua ban Tử y cho ngài Pháp Chiếu và các hạ tọa gồm sáu người ở chùa Thượng Thiên Trúc, độ Tăng hai người và sửa chữa các Tự Điệp mười bản.

Năm thứ tám, chôn quý phi Cổ Thị ở ngọn Tiểu Mạch tại Tích Khánh Sơn Nam, lập chùa tên là Sùng Ân Diễn Phước. Tiếu Ông Thiền sư ở núi Dục Vương vâng chiếu vua đến ở tại Cảnh Đức Linh Ẩn Thiền Tự. Vua lại ra chiếu dời ngài Tịnh Từ, nhưng Sư không đến và thị tịch.

Năm thứ chín, vua cho sơn vẽ lại tượng Đức Quan Âm Đại sĩ ở Thượng Trúc, trang sức chuỗi anh lạc bảy báu và ban thêm vàng, tiền.

Năm thứ mười, các quan tâu: Trong các trọng lễ của Quốc Gia, các quan có công đầu và những họ hàng nhân sĩ... được vua cho xin giữ đất phần mộ trong chùa có ngạch. Bởi cho đó là nhà chùa tự tạo có điền sản nay muốn dùng để hiến cúng Tổ phụ, nhân đó bèn ban cho ngạch. Nên năm Đại Quang vua giáng chỉ không cho các đại thần họ hàng nhắm vào các tự viện có ngạch mà xin đất đặt phần mộ. Phàm các đại thần thân tộc có tự viện Công Đức chỉ là thuộc loại được ban ngạch để miễn thuế dịch thì cho ở nhà mà thỉnh Tăng trụ trì, vì trước kia không phải là các tự viện do quốc gia đã ban ngạch. Năm gần đây các sĩ phu được thăng chức, ngấm ngầm chiếm các chùa danh tiếng đổi sung làm viện Công Đức, xâm phạm điền sản coi như một trang trại riêng. Con cháu không công trạng gì phần nhiều nhận của hối lộ của Tăng tầm thường cho họ làm trụ trì, gạo muối, củi than tùy lúc mà cung nạp, lấy của một chùa mà nuôi cả một nhà. Việc này làm ô nhục Tổ tông quá lắm. Huống lại số quan lớn sở tại rất đông, nếu mỗi nhà chiếm cứ vài chùa thì chùa danh tiếng của Quốc gia không còn bao nhiêu. Trong quan có một bị tội thì tất chia đều số người ở các hộ đâu không phải là thứ hại dân nặng nề. Ngu thần chỉ trông vào chiếu chỉ sáng suốt mà theo cựu chế nghiêm khắc đối với các tự viện có ngạch bị chiếm cứ thì sửa lại cho đúng và vẫn theo các quan Ty thỉnh Tăng. Ngõ hầu chấm dứt các tệ nạn nhà riêng giao thông với tự viện lấy của cải mà xài phí. Vua chấp thuận.

Sa-môn Tư Liêm ở Thiên Thai gởi thư cho Đỗ Thanh Hiến Công nói rằng: Đức Phật dặn dò hàng vua Chúa đại thần phải hộ trì Phật pháp mà nay có người lại phá hoại Phật pháp. Có một việc rất thiết yếu là triều đình lập pháp cho đại thần vì Tổ phụ mà lấy gia tài để tạo tự viện rồi xin ngạch để cầu phước cho tiên vong. Nay người ngu muội không làm đúng thế, vì quý trọng ngọc thể của Tổ phụ mà không bỏ tiền mua đất núi lại chiếm đoạt đất Già-lam để làm phần mộ, lại muốn chiếm cứ mấy chùa gọi là công đức. Bao nhiêu vật trong chùa thì đều chiếm lấy. Hôm nay thì lấy gạo, ngày mai lấy trà, lấy măng, hôm khác thì lấy củi than, lấy gỗ trúc, thậm chí đến cả các vật quý để cúng thủy lục hàng tháng. Một vị Tăng mất đi thì tất cả đồ đạc đều lén lấy đem về cho vợ con. Tôi từng nghe lời người quyền quý thời ấy bảo rằng: "Nói về phần công đức từ cây kim ngọn cỏ đều là vật của nhà tôi." Than ôi! Người này thật không biết vật nghiệp của thường trụ, tiền của của Tăng đã qua đời đều thuộc về Tam bảo, kẻ chiếm đoạt dù chủ hay tớ đều bị khổ báo. Nay lại đem quàng chôn thể phách Tổ phụ đâu không phải là tặng họ ác báo ở tam đồ ư? Than ôi, chiếm đoạt của Già-lam là khi quân, chôn Tổ phụ ở đất Tăng là hãm hại Tổ phụ. Tự mình làm việc phi pháp là hại mình, đem việc phi pháp mà dạy cho con em là làm lụy đến người. Khi quân là bất trung, hại Tổ phụ là bất hiếu, tự hại mình là bất trí, làm lụy người là bất nhân. Gọi đó là người thật không biết là loại người gì? Nay các danh thắng đạo tràng bị nhiều người bắt chước nhau mà chiếm đoạt, không bao lâu khắp các Quận một loạt các chùa Công Đức đều khiến đám Tăng tầm thường đến ở, cung phụng không ngớt, thì đâu thể cúng dường thanh tịnh mà an ổn chúng Tăng. Chỉ những kẻ lấy cớ tầm sư học đạo đôn đáo Bắc Nam, nhưng hay than thở về thời sự không phải thế mà thôi. Mỏn mọn ngu ý chỉ mong Đại Thừa Tướng minh xét cái tệ hại nhiều đời, kiểm tra căn cứ theo Cựu pháp, phàm các quan lớn, trừ Đại Từ bảy núi ở Tứ Minh là các chùa do Sử Thị tạo ra và xin ngạch hợp cách, ngoài ra là các chùa cũ có ngạch bị chiếm cứ, xin ra lệnh cho Đài Bộ tra xét đến các Quận, tách riêng những chùa thật cúng ra còn tất cả đều thâu hồi lại, kể cả những chùa do Châu Quận cấp thiếp trụ trì. Đâu phải sửa sang lại các chùa viện nhà cửa núi rừng bị chiếm cứ, trước đây đều trả lại cho mỗi chùa. Có đám con em nào còn dám giao thông với trụ trì như lúc xâm chiếm trước thì cho mọi người mật báo với Đài Bộ, truy bắt các quan viên để xét xử, ra lệnh bắt ép bãi đạo chức trụ trì, chỉnh đốn lại Pháp môn, làm sáng tỏ Luật Pháp của triều đình. Thật là do sức tuân hành Pháp Luật của Thừa Tướng chứ không phải do

luận bàn mà xiêu lòng.

Năm thứ mười một, vua ra chiếu cho ngài Phật Quang Pháp sư Pháp Chiếu vào gặp ở Ỷ Quế Các, người hầu theo có cả ngàn. Ngài Thượng Thủ Tuệ Giám cử hành Xí Thạnh Quang Sám Pháp để cầu phước cho Hoàng Nữ là Diêm Xương Công Chúa, vua ban cho tiệc trai, tiền và thuốc men.

Năm Bảo Hựu thứ nhất, chùa Công Đức của hoàng hậu Tạ Thị xây xong, sai chọn ngạch để là Gia Đức Vĩnh Thọ. Ngài Thủ Tọa Bảo Giám Đại sư lúc đó được cử ra tuân chiếu vua bổ làm Hữu Nhai Giám Nghĩa và làm Khai Sơn để hoằng truyền Thiên Thai Giáo Quán. Tháng ba, vua ban cho Độ điệp hai mươi bản, bốn trăm thạch gạo và sửa lại Quan Âm Đường ở Thượng Thiên Trúc.

Năm thứ hai, nhân Tiết Thiên Cơ, vua đến điện Diên Hòa mời ngài Phật Quang Pháp sư giảng kinh Hoa Nghiêm. Vua rất vui bảo rằng: Từ đây không giống trước. Vua hỏi về Vô Tránh Tam-muội. Sư đáp: Ngài Thiên Thân luận giải rằng: Vô Tránh là Vô Dục (không ham muốn), có Dục tất có tranh cãi. Ngài Tu-bồ-đề không chỉ chứng được Vô tránh Tam-muội, mà còn là Đệ Nhất Thượng Thủ hơn tất cả những người có Vô tránh Tam-muội, vua đích thân viết bài Quan Âm Điện Ký và viết chữ để khắc.

Năm Cảnh Định thứ tư, vua chiếu mời ngài Tổ Ấn Pháp sư đến ở Thượng Thiên Trúc, bổ làm Hữu Nhai Giám Nghĩa, Sư lui về ở chùa Tinh Đức Giáo. Vua lại chiếu mời ngài Diệu Tiêm Pháp sư đến ở Thượng Thiên Trúc, bổ làm Tả Hữu Nhai Tăng Lục.

Năm thứ năm, vua chiếu mời ngài Cổ Nguyên Thanh Pháp sư vào Nội Đại Tràng sám lễ cầu phước, có nhiều linh nghiệm, vua ban cho Sư hiệu Tường Ứng Đại sư. Sư lại giảng kinh Pháp Hoa ở điện Phước Ninh, vua ban cho Tử y.

Năm thứ sáu, vua chiếu xây hai lầu Kinh và lầu chuông ở Thượng Thiên Trúc.

Đời Độ Tông: (trước tên là Mãnh Khải, là con của Phước Vương Dữ Bính. Lý Tông có nhiều con nhưng không nuôi được. Mãnh Khải làm quan đổi tên là Vụ, lại tên là Cơ được lập làm Hoàng Tử phong là Trung Vương. Khi nối dòng tên là Duệ lên nối ngôi).

Năm Hàm Thuần thứ nhất, vua chiếu mời ngài Ngu Thiền sư ở Tịnh Từ Hư Đường đến ở Kính Sơn. Tháng chín, vua chiếu mời ngài Phật Quang Chiếu Pháp sư đến ở Thượng Thiên Trúc. Việc tô vẽ trang

trí Pháp Đường mới xong, vua ra chiếu nêu rõ Bạch Vân Ngự Thư Lục của Tiên Đế để nghe tâu lời luận bàn. Vua ban chiếu mời ngài Hư Chu Phổ Độ Thiền sư người Trung Thiên Trúc đến ở Cảnh Đức Linh Ẩn Tự. Ngày rằm tháng tám năm Hàm Thuần Quý Dậu, ngài Phật Quang Chiếu Pháp sư thị tịch. Vua sắc ban cho tên là Thiên Nham Pháp Viện, thụy phong hiệu là Phổ Thông Đại sư, tháp đề Từ Ứng.

Đời Thiếu Đế: (tên Hiển, con của Độ Tông, mẹ là Toàn Hậu Tạ Thái Hậu lâm triều).

Năm Đức Hựu Bính Tý, binh của nhà Đại Nguyên bức hãm Lâm An, vua cùng Tam Cung phải chạy về phương Bắc. Tạ Thái Hậu đến Yên Kinh, bảy năm sau thì băng, được phong làm Thọ Xuân Quận Phu Nhân. Toàn Hậu làm Ni ở chùa Chánh Trí. Thiếu Đế được phong làm Doanh Quốc Công đem nước giao cho.

NHÀ NGUYÊN:

Đời Thế Tổ Thánh Đức Thần Công Văn Võ Hoàng Đế (tên Hốt Đô Tất Liệt, họ là Kỳ Ác Ôn Chi, người Mông Cổ, con thứ tư của Duệ Tông, lên ngôi năm Canh Thân).

Năm Trung Thống thứ nhất, có đại xá và phổ độ Tăng Ni. Tháng mười hai có Phạm Tăng là Bát-hạp-tư-bát là thầy của vua, được trao cho ngọc ấn để thống lãnh Phật Sự. Năm thứ hai, ở Hoàn Châu, tại Long Cang thuộc Đông Lương Hà Bắc có lập Phủ Khai Bình. Trước hết ở hai góc Càn và Cấn có xây hai chùa Phật, một tên là Đại Càn Nguyên Tự, một tên là Long Hoa Quang Nghiêm Tự.

Năm thứ ba tháng mười một, làm Đại Phật Sự bảy ngày đêm ở chùa Mân Thiên.

Năm Nguyên Chí thứ nhất, Giáp Tý, đóng đô ở đất Yên, lập Hội Độ Tăng. Vua ra chiếu mời Quốc sư là Phẫn Di Nhiễu Phát Tư Bát thăng tòa truyền trao cho Bí Mật Giới. Tháng tám, vua sai Tăng là Tử Thông cùng bàn việc ở Xu Mật Viện, lại chiếu cho Tử Thông lấy lại họ Lưu, đổi tên là Bỉnh Trung, phong chức là Đại Bảo Tham Dự Trung Thư Tỉnh Sự, vua nói về Trường sinh Thiên khí lực trong Thánh chỉ của Hoàng Đế, bàn rằng: Ông, Lưu Bỉnh, tính khí cang cường thẳng thắn, học nhiều, giỏi văn chương, tuy ẩn giấu nơi Không môn, thường khi lắng lòng với Thánh đạo, Trẫm như khách nước nhỏ ở quán dịch còn khanh là quan lớn trong triều đứng một bên nghe lời cao nghị hơn hai mươi năm, ra dạo chốn phương xa vừa mấy vạn dặm. Kịp khi ta nối ngôi

cần khanh tính việc trị an, trước không chính danh làm sao trị chúng, nên từ Sư vị mà kiêm cả việc thống lãnh chánh cơ, nên đặc biệt đáng ban cho chức Quang Lộc Đại Phu Thái Bảo Tham Dự Trung Thư Tỉnh Sự. Khanh đã cố gắng giúp Trẫm, thống suất mọi người quy phục, xét việc siêng lười sớm tối, thẩm định luận bàn phải trái. Phàm có sự việc nghe rõ rồi mới phán quyết, xét kỹ thành tích từ lâu nay tỏ bày lòng yêu mến. Hãy Chuẩn theo đây!

Năm Trung Thống thứ hai, vua chiếu dụ những người thống lãnh chư Tăng phải thông suốt năm Bộ Kinh lớn thì mới được trúng tuyển. Lại chọn những vị có Đức làm các chức vụ Tăng Lục ở Quận, các chức Quan Chánh Phó Đô Cang... Vẫn cho các Lộ lập Hội Tam Học, giảng Tam Thiền.

Năm thứ ba, tháng giêng, vua ra lệnh các Tăng và Đạo sĩ cầu phước ở các Tự Quán tại Kinh Đô. Lập chức Tăng Cơ để thống lãnh chung ở chùa Khánh Thọ.

Năm thứ tư, vua chiếu dùng chữ Mông Cổ mới chế ban hành trong thiên hạ. Khi xưa, vua sai Đế Sư là Bát Hạp Tư Bát chế ra chữ mới Mông Cổ. Chữ ấy chỉ có hơn một ngàn chữ, có bốn mươi mốt chữ cái, hình dáng như thắt nút 關紐 mà thành chữ, có phép về Tự Vận dùng cách nhị họp, tam họp, tứ họp mà thành chữ, có phép về âm vận, nhưng đại yếu chỉ dùng hài thanh, bèn chiếu chỉ ban hành.

Năm thứ sáu tháng mười một, làm Phật Sự ở Thái Miếu bảy ngày đêm.

Năm thứ bảy, vua chiếu mời ngài Chiêm Ba Kim Cang Thượng Sư đến trụ trì ở chùa Nhân Vương. Tháng mười hai, lập chùa Đại Hộ Quốc Nhân Vương ở Sông Cao Lương. Vua ra lệnh định lại sắc phục của Chư Tăng.

Năm thứ tám tháng năm, làm Phật Sự ở tại Đảo Quỳnh Hoa. Tháng mười một, đặt Quốc hiệu là Đại Nguyên, lấy nghĩa của "Đại Tai Càn Nguyên" trong Chu Dịch, nhằm làm sáng tỏ công mở đầu.

Năm thứ chín, tập họp Chư Tăng ở Đô Thành tụng Đại Tạng Kinh chín hội.

Năm thứ mười bốn, lập chùa Đại Thánh Vạn An. Tháng hai, vua ra chiếu dùng Tăng Nguyên Cát Tường Lân Chân Gia Gia Ngõa Tịnh làm Giang nam Thống Nhiếp Chưởng Thích Giáo. Miễn trừ các tô thuế cho Tăng, cấm chỉ kẻ nhiễu hoại chùa chiền.

Năm thứ mười lăm, sáng ngày đầu năm vua thiết lễ hội trai Tăng và đại xá, năm vị Trưởng Lão ở Ngọc tuyền... mong ân được độ.

Năm thứ mười bảy, Đại Nguyên Đế Sư (thầy vua Đại Nguyên) là Bát Tư Bát thị tịch. Hàn lâm học sĩ Vương Bàn... vâng sắc vua soạn Hành Trạng của Sư rằng: "Dưới Hoàng Thiên mà trên một vua, Khai Giáo Tuyên Văn giúp trị nước, Bậc Đại Thánh Chí Đức Giác Trí Phổ Chân, Hựu Quốc Như Ý Đại Bảo Pháp Vương Tây Thiên Phật Tử Đại Nguyên Đế Sư là Ban Di Đát Bạt Tư Bát Đế Sư. Ngài người nước Độ Ba. Lúc mới sinh ra có đủ các điềm lành ứng hiện, việc này chép rõ ràng trong gia phả. Xưa nước Độ Ba có Quốc sư là Thiền Đát Thấp Khất Đáp, đầy đủ Đại Oai Thần, nhiều đời nối nhau làm bậc Sư tôn của vua nước ấy suốt mười bảy đời thì đến Tát Sư Gia Oa là bá phụ của ngài, ngài lễ Bá Phụ mà làm Tăng. Bí-mật Già-đà một, hai ngàn lời, chỉ một lần xem qua liền thuộc. Bảy tuổi đã biết giảng pháp, biện bác dọc ngang mà chưa cho là đủ. Ngài lại theo học khắp các bậc danh túc về những điều sâu xa ẩn kín mà lầu thông ba tạng. Năm Quý Mão, ngài mới mười lăm tuổi. Khi ấy Thế Tổ Hoàng Đế còn đợi thời mà ngài đã biết là chân mạng Đế Vương bèn cỡi ngựa đến thẳng Vương Phủ. Thế Tổ Đông Cung đều thọ giới pháp, rất mực tôn kính. Năm Mậu Ngọ, ngài mới hai mươi, hai Đạo Phật Lão cùng tranh luận đính chánh Kinh Hóa Hồ mà Đạo sĩ không đáp được, từ đó bèn bỏ Đạo Lão luôn, vua rất mừng. Năm Canh Thân tuổi ngài hai mươi hai, Đức Thế Tổ lên ngôi, năm Nguyên Trung Thống tôn ngài làm Quốc Sư trao cho ngọc ấn lãnh chức Trung Nguyên Pháp Vương thống lãnh giáo môn trong thiên hạ. Rồi ngài từ giã vua về Tây Trúc. Chưa được một tháng vua đã triệu về. Năm Canh Ngọ ngài được ba mươi hai tuổi, lúc đó là năm Chí Nguyên thứ bảy, vua ra chiếu nhờ ngài soạn ra chữ viết của Đại Nguyên, ngài tuân chỉ tìm cách soạn thành, liền ban hành khắp Triều Tỉnh Quận Huyện tuân dụng cho tất cả điển chương. Vua thăng hiệu cho ngài là Đế Sư Đại Bảo Pháp Vương và ban cho ngọc ấn để thống lãnh Phật giáo cả nước. Ngài lại quay về Tây Trúc. Năm Giáp Tuất ngài được ba mươi sáu tuổi, lúc đó là năm Chí Nguyên thứ mười sáu. Hoàng Thượng lại sai Sứ mời ngài về. Cuối năm ấy ngài đến Kinh, Vương Công Tể Phụ sĩ thứ ra khỏi thành ba mươi dặm, kết Đàn hương lớn, thiết tiệc trai lớn, hương hoa cờ lộng, kèn trống vang dậy đón rước khắp đường phố ngài sẽ đi qua đều kết lụa năm màu chực sẵn hai bên. Muôn người chiêm lễ như một Đức Phật mới ra đời. Lúc đó Đại Bình mới vượt Trường Giang mà thành nhất thống. Dù chúa thánh tôi hiền đến mức cũng là do âm đức của ngài phù trợ. Ngài vì chân Kim Hoàng Thái tử nói về Khí thế gian, trình bày các luận thuyết. Rồi cố từ biệt trở về Tây Vức. Hoàng Thượng cố giữ

mà không được. Lúc đó năm Canh Thìn ngài được bốn mươi hai tuổi, là năm Nguyên Chí thứ mười bảy, ngày hai mươi hai tháng mười một thì ngài thị tịch. Vua nghe tin không ngăn được xúc động, nhớ thương Thánh đức xưa bèn xây Đại tháp ở Kinh Sư để thờ toàn thân xá-lợi luân tướng vàng ngọc chói ngời.

Năm Trung Thống thứ mười tám, tuân lệnh Thánh chỉ, Tăng và Đạo cùng tranh biện cho rằng chỉ Đạo Đức Kinh mới thật là của Lão Tử, ngoài ra đều do người đời sau tạo ra, đặt điều nói xấu Phật giáo, lén lấy lời kinh Phật, thâu thập các sách nói về âm dương, y dược của mọi thuyết, rồi đổi bỏ tên tác giả, truyện chú bậy bạ không đúng với bản gốc. Lại ngụy tạo bùa chú, dối bảo ai đem về tất buôn bán có nhiều lời, vợ chồng quấn quít như đôi uyên ương, cầu tự có nhiều con cháu, nam sống lâu nữ trinh tiết, lừa dối muôn dân đủ mọi trò. Muốn tham tiền của dụ dỗ đàn bà con gái. Những điều đem ra dạy người đều cho là có thật. Ai đeo bùa này vào cánh tay, nam sẽ làm vua làm tướng, gái sẽ làm hậu, làm phi, vào nước không chìm, vào lửa không cháy, dao kiếm không hại được. Đến khi khiến Trương Thiên Sư, Kỳ Chân Nhân, Lý Chân Nhân, Đỗ Chân Nhân... đem lửa ra thử thì đều khẩn thiết cầu xin tha mạng, tự bảo là mình nói dối không dám thử nghiệm. Nay do tranh luận mới đi đến kết luận là trừ Đạo Đức Kinh là của Lão Tử, ngoài ra đều ngụy tạo. Chỉ có Đạo Tạng đặt dối Kinh văn đã khắc bản in ra thì đều phải đem đốt hết. Như có người thích kinh Phật thì cho làm Hòa Thượng, người không muốn làm Tăng đi cưới vợ thì cho làm dân. Nếu các quan ty sở tại không thi hành tất bị bắt giữ, người cất giấu cũng đồng tội với người làm.

Năm thứ hai mươi hai, vua ra sắc lệnh lập bia ghi việc đốt bỏ các Ngụy Đạo Tạng Kinh ở các Lộ. Hàn Lâm Viện Thần Đường Phương, Dương Văn Úc, Vương Cấu, Lý Khiêm, Diêm Phục, Lý Chú, Vương Bàn tuân lệnh vua soạn ra. Tháng mười năm Nhâm Tý, vua tụ họp bách quan ở chùa Mẫn Trung đốt bỏ Đạo Tạng Ngụy Kinh các sách tạp, sai Sứ đến các Lộ bắt phải tuân hành, lại sai Hàn Lâm Trực Học Sĩ tri chế cật vấn Đồng Tu Quốc Sử Thần là Trương Bá Thuần soạn bài tựa Chí Nguyên Biện Ngụy Lục Hàm. Lúc đó ngài Giang Nam Thích Giáo Đô Tổng Thống Vĩnh Phước Đại sư Dương Liễn Chân Giai hoằng truyền Thánh giáo đã ba năm, khôi phục được ba mươi sáu chùa Phật.

Năm thứ hai mươi lăm ngày mười chín tháng giêng, ngài Giang Hoài Thích Giáo Đô Tổng Thống Dương Liễn Chân Giai tụ họp chư sơn ba Tông gồm Giáo Thiền Luật ở Giang Nam đến Yên Kinh hỏi Pháp.

Thiền Tông cử ngài Vận Môn Công Án, vua không vui, ngài Vân Mộng Trạch Pháp sư nói pháp xứng ý vua. Vua ra lệnh giảng, Tăng đắp y ca-sa đỏ đứng bên phải. Do đó vua ban cho tiệc trai ở Hưng điện, lại trao cho Pháp Y Hồng Kim Lan, ban hiệu là Phật Tuệ Huyền Biện Đại sư, khiến Giáo đứng trên Thiền từ đó. Vua có lần hỏi Đế Sư rằng: "Tạo chùa xây tháp có công đức gì?" Sư đáp: "Phước che mát cả đại thiên". Do đó vua lập chùa Nhân Vương. Một hôm Đế Sư thọ trai xong thì trời mưa hoa vàng. Vua hỏi: "Vì sao có điềm lành này?" Sư đáp: "Hoa trong tâm của Bệ hạ đã phát nên trời mưa hoa vàng để ca ngợi." Vua hỏi vị Tăng ở nước Thục là Nguyên Nhất rằng: "Vì sao đồ chúng của Khổng và Lão lại ít mà của Phật lại nhiều?" Sư nói: "Giàu dù trăm miệng ăn vẫn ít, nghèo dù chỉ một mình cũng đã nhiều". Vua bèn thiết hội Tư Giới tùy chỗ có phóng quang. Vua hỏi Đế Sư: "Ánh sáng từ đâu đến?" Sư đáp: "Cảm ứng đạo giao nên ánh sáng Phật ứng hiện." Vua triệu vời mười vị Cao Tăng vào Nội điện cúng dường. Vua ngồi thẳng bất động, các Đại Đức cũng im lặng. Vua nói: "Đây là chân thật công đức". Lại nhân lúc rảnh rỗi ít cơ, vua lần chuỗi tụng niệm thí thực, gọi quần thần bảo rằng: "Trẫm lấy Chân tâm bản giác vô nhị mà trị thiên hạ như quán màu xanh biển đông bằng tâm thiên nga không hai. Cho nên từ khi có thiên hạ đến nay các điền sản của tự viện đều không đánh thuế để các Tăng lữ an tâm hành đạo. Thực Lục của vua Thế Tổ có hơn trăm thiên, chữ chữ câu câu đều lấy việc hoằng giáo làm bản phận.

Năm thứ hai mươi tám, vua tuyên cáo ở Chánh Viện trong thiên hạ có: Bốn vạn hai ngàn ba trăm mươi tám tự viện, có hai mươi mốt vạn ba ngàn một trăm bốn mươi tám Tăng Ni. Vua ở ngôi được ba mươi lăm năm. Tiếng nước ta gọi là Tiết Thiền Hoàng Đế.

Đời Thành Tông Khâm Minh Quảng Hiếu Hoàng Đế: (tên Thiết Mộc Nhĩ, cháu của Thế Tổ, con thứ ba của Dụ Tông Chân Kim. Lên ngôi ngày rằm tháng tư năm Giáp Ngọ. Tiếng nước ta là Hoàn Giả Đốc Hoàng Đế).

Năm Nguyên Trinh thứ nhất, có lịnh đại xá. Năm đó vua chiếu mời Duyệt Đường Ngân Công đến Cung Khuyết, vào đối ứng hợp ý vua, bèn ban hiệu là Thông Tuệ Thiền sư và Kim Lan Pháp Y. Ngài Trạm Đường Trừng Pháp sư ở Thượng Thiên Trúc vào hầu vua ở Kinh Sư, vua đãi cơm ở Cung Cấm. Nhớ lời xin khôi phục Thiên Thai Quốc Thanh, Tuyên Chánh Viện làm lời tấu xin, vua giáng tỷ thư gia hộ, mời Hoằng Pháp sư đến đó làm chủ, luận rõ về Tông Phái.

Năm Đại Đức thứ nhất, vua dựng chùa Lâm Thao. Đức Thế Tổ từng muốn lập chùa Phật ở cảnh đẹp Ngũ Đài nhưng không thành, vua bèn nối chí cha lập chùa đặt tên là Vạn Thọ Hựu Quốc Tự, mời ngài Chân Giác Quốc Sư Văn Tài làm chủ.

Năm thứ ba, vua sai ngài Hoằng Tế Thiền sư là Giang Triết Thích Giáo Tổng Thống Bổ Đà Tăng Ninh Nhất mang chiếu đi sứ Nhật Bản. Tháng năm mùa Hạ năm ấy vua bãi chức Giang Nam Thích Giáo Tổng Thống ở các Lộ.

Năm thứ chín, ngài Liễn Chân Giám Tạng thị tịch, vua phúng tặng năm trăm lượng vàng, một ngàn lượng bạc, một vạn xấp vải lụa, giấy bạc ba ngàn đính nhưng vẫn xây dựng chùa tháp.

Năm thứ mười, mùa Xuân năm Bính Ngọ, vua bãi chức Giang Nam Bạch Vân Tông Đô Tăng Lục Ty, đuổi dân về Châu Huyện, Tăng về các chùa.

Đời Võ Tông Nhân Tuệ Tuyên Hiếu Hoàng Đế: (tên Hải Sơn, con lớn của Thuận Tông Đáp Thích Ma Bát Khẩu - Tiếng nước ta gọi là Khúc Luật Hoàng Đế).

Năm Chí Đại thứ nhất, vua cho một ngàn năm trăm lính đến sửa chùa Phật ở Ngũ đài sơn. Vua đến Thượng đô xây cất chùa Phật Đại Đô. Lại lấy bảy trăm năm mươi lượng bạc, giấy bạc hai ngàn hai trăm đính, ba trăm xấp vải lụa làm chùa Hạo Thiên, lập đại hội Thủy Lục, đặc biệt chỉ thị ban cho Nguyên Tẩu Đoan Thiền sư hiệu Tuệ Văn Chánh Biện Đại sư và Kim Lan Ca-sa. Ngài Phụng Sơn Nghi Pháp sư vào hầu vua. Thầm Vương và Chương Vương của Cao Ly vì đạo hạnh cao cả nên hướng dẫn vào yết kiến vua ở điện Đại Minh. Vua đặc phong cho ngài làm chức Giảng Kinh Tam tạng Thí Hồng Lô Khanh và ban hiệu là Phật Trí, được ban cho áo Nạp Vàng và Thất Thất Già Lê, nối thờ Thanh Cung Lệnh Chỉ, soạn hạnh nghiệp của ngài Chiêm-ba Kim Cang Thượng Sư, viết truyện thành Kinh dâng lên vua cùng Cao Tăng Truyện để nhập Tạng, vua ban thưởng rất trọng hậu, lại sắc lệnh cho ngài đến ở Linh Sơn tại Thiên Trúc đốt hương đưa đi suốt cả đoạn đường. Vua ban hiệu là Vô Hư Nguyệt, lại giáng tỷ thư ban tên là Bộc Bố Giáo Tự.

Năm Chí Đại thứ hai, Hoàng Thái tử tâu: Tuyên Chánh Viện trước đây theo chỉ vua rằng hễ ai đánh đập các Tăng Tây Trúc thì bị chặt đầu, ai mắng chửi thì bị cắt lưỡi. Luật này xưa chưa từng nghe, trái phép nước lại vô ích với Tăng. Vì Tăng Tục có xâm phạm nhau tất có luật pháp phán xử sáng suốt, xin đổi lại lệnh ấy. Vua chấp thuận. Năm đó

vua cấm Bạch Liên Xã, phá bỏ nơi thờ phượng, đuổi tất cả về làm dân. Trung Thư Tỉnh Thần tâu: Tuyên Chánh Viện xin miễn thuế cho Tăng và Đạo. Lý Khả Ôn đáp: Việc đó sẽ làm mất tô thuế của nhà nước. Các quan bàn rằng ruộng đất phải nộp tô, buôn bán phải đóng thuế đó là pháp lệnh từ Tổ Tông ta. Tuyên Chánh Viện vẫn một mực xin cho miễn giảm không cần pháp chế. Có chỉ vua: Cứ y lệ mà trưng dụng.

Đời Nhân Tông Văn Anh Võ Chương Hoàng Đế: (tên là Ái Dục Lê Bạt Lực Bát Đạt, con thứ của Thuận Tông, em của Võ Tông, tiếng nước ta gọi là Phổ Nhan Hoàng Đế).

Năm Hoàng Khánh thứ nhất, mời Phạm Tăng là Tang Bất Ban Bát làm Quốc Sư, ban cho ngọc ấn. Lại ban cho chùa Đại Phổ Khánh hai ngàn lượng vàng, năm ngàn lượng bạc, năm vạn đính bạc giấy, vải bông lụa là gấm vóc một vạn xấp, tám vạn mẫu ruộng, bốn trăm dinh thự nhà cửa, lại cấp cho bạc giấy một vạn đính để sửa chùa Phổ An ở Hương Sơn.

Năm Diên Hựu thứ nhất, vua ra sắc lập điện thờ Chiên-đàn Thụy Tượng và phong hiệu cho ngài Phổ Am Thiền Sư. Vua chiếu rằng: "Trẫm nghe đạo Phật lấy không tịch làm gốc, phàm kẻ học đạo của ngài đâu muốn lập danh hiệu rạng rỡ để phô bày cùng đời sau trong thiên hạ ư?" Nhưng nếu không làm thế thì lấy đâu để làm sáng tỏ ý Lạc Đạo của bậc Tôn Đức. Từ khi lên ngôi đến nay Trẫm nghe biết ngài Phổ Am đã thị tịch tại chùa Từ Hóa Thiền, núi Nam Tuyền thuộc Viên Châu Lộ, cảm kích sự diệu tế chân giác rực sáng của ngài mà ban hiệu là Đại Đức Tuệ Khánh Thiền Sư, nối dòng Lâm Tế hơn cảnh Hoa Nghiêm, đức sáng đương đời ân trạch cùng khắp, đạo đức hiển vinh, tâm càng ngưỡng mộ mà phong cho tháp Định Quang gọi Định Quang Linh Thụy Tháp. Năm đó ngài Phổ Giác Pháp sư viên tịch ở Tần Châu.

Năm thứ ba lập đại hội Thủy Lục ở Kim Sơn, ra lệnh ở Giang Nam các Sư thuộc ba tông Giáo, Thiền, Luật thuyết pháp.

Năm thứ sáu, vua ban cho chùa Đại Hưng Giáo bạc giấy hai vạn đính để đãi trai chư Tăng và ban cho chùa Càn Nguyên giấy bạc một vạn đính. Khiến doanh tử tiền cúng vào phí sửa chữa chùa chiền. Vua nghe đạo phong của ngài Thiên Mục Trung Phong Minh Bảo bèn mời mà không đến, bèn ban cho Sư Y Ca-sa vân vàng, hiệu là Phật Từ Viên Chiếu Quảng Tuệ Thiền sư và ban ngạch cho Viện Sư Tử đề là "Chánh Tông Thiền Tự." Vua ra lệnh cho Hàn Lâm Thừa Chỉ Ngô Hưng Triệu Công soạn văn bia. Ban cho ngài Kính Sơn Nguyên Tẩu Đoan Thiền

sư hiệu là Phật Nhật Phổ Chiếu. Ngự Sử Đài Thần tâu rằng: Bạch Vân Tông Tổng Nhiếp thống lãnh số Tăng để tóc Giang Nam, không nuôi dưỡng cha mẹ, trốn sưu thuế, làm hại dân xin vua cho thu lại Tỷ thư và ấn bạc, đuổi về làm dân, bãi bỏ Tổng Thống Sở và các chức Tăng Lục Tăng Chánh Đô Cang Ty ở các nơi. Khi các Tăng có tố tụng thì giao cho Hữu Ty.

Năm thứ bảy, Trung Thư Tỉnh Thần tâu rằng: Bạch Vân Tông Tổng Nhiếp là Thẩm Minh Nhân đã cưỡng đoạt ruộng dân hai vạn khoảnh, dụ dỗ dối gạt kẻ ngu tục mười vạn người, hối lộ các cận thị dối nhận danh tước đã vâng chỉ vua lấy lại chức danh và của cải. Nay xin vua cho giải tán các môn đồ, trả lại ruộng bị cướp đoạt cho dân. Những kẻ phạm pháp phải tra xét lại. Vua có chỉ rằng: Trẫm biết Thẩm Minh Nhân là gian ác, cần phải nghiêm trị.

Đời Anh Tông: (tên là Thạc Đức Bát Thích, con của Nhân Tông, tiếng nước ta gọi là Cách Kiên Hoàng Đế).

Năm Chí Trị thứ nhất, vua ban chiếu cho các Lộ lập Đế Sư điện. Lại ra lệnh lập bia cho điện Đế Sư và làm đại Phật sự ở điện Bảo Từ. Cử Phạm Tăng là Nha Bát Thích Lý làm Nguyên Vĩnh Diên Giáo Tam tạng Pháp sư và trao cho ấn vàng. Lại sai Bái Trụ tạo chùa Thọ An Sơn. Vua lại làm Phật sự ở điện Quang Thiên, đúc đồng làm tượng Phật thờ ở điện Ngọc Đức. Lại tu Phật sự ở điện Văn Đức. Cử Tăng Hồng làm Thích Nguyên Tông Chủ, trao cho chức Vinh Lộc Đại Phu. Vua đến Thượng Đô, sai Sứ ban cho Tăng Tả Tư Gia Địa hai trăm năm mươi lượng vàng, hai ngàn hai trăm lượng bạc, hai vạn y ca-sa, lụa là trà phướng theo cấp bậc. Lại sai Chú Sư là Đóa Nhi Chỉ đến hai nước Nha Tế và Ban Bốc thỉnh kinh Phật và làm tháp vàng ở Thượng Đô để thờ xá-lợi Phật. Vua ra lệnh cho các Ty trong thiên hạ mời Tăng tụng Kinh mười vạn bộ. Lại ra lệnh cho các chùa Vạn An, Khánh Thọ, Thánh An, Phổ Khánh ở Kinh Sư, chùa Kim sơn ở sông Dương Tử, chùa Vạn Thánh Hựu Quốc ở núi Ngũ Đài làm Thủy Lục Thắng Hội suốt bảy ngày đêm.

Năm thứ ba, vua chiếu cho Tăng sĩ và Nho sĩ viết Tạng Kinh chữ vàng. Năm đó, vua triệu ngài Phật Hải Tánh Trừng Pháp sư Đế Kinh vào ứng đối ở điện Minh Nhân, vua chỉ thị ngài ở chùa Thanh Tháp mà hiệu chính ba tạng Kinh, Luật, Luận. Hữu Ty cung cấp đầy đủ. Năm ấy vua ban lễ trọng hậu, xa giá đến Văn-thù các, mời Sư vào ủy lạo đãi tiệc chay. Vào ngày đầu năm và tiết Thiên Thọ vua lại thiết triều ở điện Đại Minh, ban cho Kinh Vô Lượng Thọ. Việc đính chính Kinh Luật Luận đã

xong, vua riêng thưởng Y Đại Hồng Kim Lan. Lại ban thêm mấy xấp vải áo vua và cấp cho dịch trạm để đưa trở về Nam. Bỗng có chỉ vua lập ngay Thủy Lục đại hội ở chùa Bạch Tháp. Thừa Tướng Đông Bình Trung Hiến Vương giữ Sư lại mời thăng tòa thuyết pháp, người nghe đều thán phục. Vua nghe việc lại càng yêu mến ban thưởng. Nhưng vẫn ban Tỷ thư, lại phong hiệu là Phật Hải Đại Pháp sư. Vua chiếu mời ngài Phụng Sơn Tử Nghi Pháp sư lại đến ở tại Hạ Trúc Linh Sơn. Vua nghe đạo phong của ngài Thiên Mục Trung Phong, phong cho hương và y ca-sa, sai Sứ kính trọng sửa sang chỗ ngài ở.

Đời Tấn Vương Sử xưng là Tần Định Đế: (tên Dã Tôn Thiếp Mộc Nhi. Con lớn của Hiển Tông Cam Ma Thích Chi, cháu họ của Dụ Tông).

Năm Thái Định thứ nhất, vua lần lượt đến Trung Đô làm Phật sự ở điện Côn Cang, khiến chư Tăng làm Phật sự ở Đại Nội. Sai Yểm Lôi đắp tượng Phật ở Mã Cáp Khất Lợi, ở Huy Thanh Đình tại Diên Xuân các, làm Phật sự ở chùa An Sơn. Tháng sáu năm Quý Hợi làm chùa Lễ Bái ở Thượng Đô, làm Phật sự ở điện Thủy Tinh tại Hắc Nha Man Ca. Vua thọ giới Phật với Đế Sư, vẽ hình Đế Sư Bát Tư Ba ban hành ở các tỉnh, khiến đắp tượng mà thờ.

Năm Thái Định thứ hai, vua ra lệnh cho Phạm Tăng lập đàn Thiêu Hương làm Phật sự ở Diên Hoa Các.

Giám sát Ngự Sử Tông Bản, Lý Gia Tân, Truyền Khởi Nham tâu rằng Thái Úy Tư Đồ Tư Không chức đến Tam Công đã lạm bày việc các Tăng ở hai viện Hội Phước và Thù Tường mà làm nhục tước danh họ, xin cho bãi chức. Vua không đáp lời.

Trung Thư Tỉnh Thần tâu: Ở Giang Nam dân nghèo mà Tăng giàu, ruộng đất của các Quán Tự không phải do cựu chế của triều Tống ban cho mà do nhiều Triều đại trước đã ban tặng, thì nay y theo phép cũ chia đều cho dân cày cấy. Vua chấp thuận.

Năm thứ ba, vua lập chùa Thù Tường ở núi Ngũ Đài, ban cho ba trăm thửa ruộng, mời Phạm Tăng là Công Kha làm Đế Sư, ban cho ngọc ấn. Mời Đế Sư làm Phật sự ở chùa Thiên Nguyên Diên Thọ, ban cho bạc giấy hai vạn đính, một ngàn thửa ruộng. Trung Thư Tỉnh Thần tâu: Cấp dưỡng cho quân dân tất phải lập sổ địa lợi. Vua Thế Tổ lập chùa Tuyên Văn Hoằng Giáo ban cho Vĩnh Nghiệp, người đương thời cho là hao tốn vô ích mà vua Thành Tông lại xây chùa Thiên Thọ Vạn Ninh để sánh với Thế Tổ thì tốn hao gấp rưỡi. Đến như Võ Tông xây Sùng

Ân Phước Nguyên, Nhân Tông xây Thừa Hoa Phổ Khánh thì tô thuế thu vào lại càng nhiều hơn. Vua Anh Tông phá núi mở chùa làm hao tốn của dân mà rốt lại là vô ích. Phàm đất đai của cha ông có được, con cháu phải thương tiếc giữ gìn. Thần sợ rằng sau này việc ăn thật mà làm giả chỉ cốt cầu phước lợi cho vừa lòng ham muốn. Cúi mong Bệ Hạ soi xét. Vua rất vui chuẩn thuận lời tâu.

Năm thứ tư, Hoàng Tử Duẫn Đơn Tang Bốc thọ giới Phật tại chùa Trí Huyền.

Năm Chí Hòa thứ nhất, vua mời Đế Sư tu Phật sự ở Cung cấm. Vua ngự đến điện Hưng Thánh, thọ giới Vô Lượng Thọ Phật với Đế Sư và khiến một ngàn Tăng tu Thắng Hội ở chùa Vu-điền Quốc. Vua chiếu cho Đế Sư khiến Tăng tu Phật sự tại Diêm Quan Châu. Và vẫn tạo ba trăm mười sáu ngôi tháp để trấn áp nạn lụt của nước biển. Lúc đó Thừa Tướng Thoát Hoan Công đi tra xét Triết Giang đã lo lắng khiến cầu ở Thượng Thiên Trúc, rộng mở Phật sự, khiến Thiên Ngạn Tế Pháp sư đến ngay chỗ đất ấy. Lại khiến Hữu Ty tu Thủy Lục đại hội suốt bảy ngày đêm. Pháp sư đọc chú đi trên cát, bước đến đâu thì đất cát lắng đọng lại. Tháng mười, Hoàng hậu Diệc Lân Chân Bát Thích thọ giới Phật với Đế Sư. Có lệnh cấm Tăng và Đạo sĩ mua bán ruộng đất, ai trái lệnh sẽ bị tội.

Đời Văn Tông: (tên Thoát Thoát Thiếp Lục Nhĩ, là con thứ của Võ Tông)

Năm Thiên Lịch thứ nhất, vua đổi Hành Tuyên Chánh Viện cho lập mười sáu chỗ Quảng Giáo Tổng Quan Phủ, khiến Cao Xương làm Phật Sự ở Diên Xuân Các.

Năm thứ hai, vua lập chùa Thừa Thiên Hộ Thánh. Vua nghe ngài Trung Phong cao hạnh bèn thụy phong hiệu là Trí Giác, tháp đề là Pháp Vân. Vua triệu Khuê Chương Các Học Sĩ là Ngu Tập khiến soạn bài minh ở tháp ngài Trung Phong. Lại sắc đổi Tập Khánh Tiền Để lập nên chùa Long Tường Tập Khánh khéo tuyển bậc Thạc Đức làm trụ trì. Ngài Phật Hải Trừng Pháp sư ở Thượng Thiên Trúc chọn ngài Tiểu Ấn Tố Thiền sư là kẻ đứng đầu trong số đó mà thăng lên ba phẩm văn giai. Năm sau vua cho Dịch trạm mời gấp ngài đến cung Khuyết vào gặp vua ở Khuê Chương các. Vua ban cho ngồi và hỏi Pháp Yếu, ngài đối đáp vừa ý vua. Vua ra chiếu lấy một trăm năm mươi thửa ruộng Quan ở Bình Giang ban cho hai chùa Long Tường và Sùng Hy.

Vua ban chiếu các ruộng đất của chùa Tăng trong thiên hạ có

được từ đời Kim Tống và được các triều trước ban cho thì đều được miễn tô, nếu ai đã nộp rồi thì được miễn sưu dịch. Những Tăng hoàn tục được cho trở lại làm Tăng. Ngày giỗ kỵ vua Võ Đế thì khiến các Hán Tăng ở Cao Ly ba trăm bốn mươi người tụng hai Tạng Kinh ở chùa Sùng Ân Phước Nguyên.

Năm Chí Thuận thứ nhất, vua và hoàng hậu Yên Vương thọ giới Phật, cử Tăng Tây Tạng là Húc Nhĩ Dật Bát Đáp Thích ban cho làm Tam Tạng Quốc Sư và ban cho ấn vàng. Vua đến Thượng Đô, các Tây Tăng làm Phật Sự ở Thừa Dư, lại khiến các Tây Tăng ở núi Ngũ Đài và Vụ Linh Sơn làm Phật sự mỗi nơi đều một tháng để cầu phước cho Hoàng Thái tử. Vua sai Sứ mời ngài Triệu Thế Diên ở Tập Khánh lấy bột vàng viết Kinh Vô Lượng Thọ một ngàn bộ, lại lấy bột vàng viết kinh Phật một tạng. Lại khiến Tây Tăng ở núi Vạn Tuế làm Phật sự tại Mẫn Trung các.

Đời Thuận Đế: (tên Thỏa Hoan Thiếp Lục Nhĩ, con lớn của Minh Tông).

Năm Nguyên Thống thứ nhất, vua cấm lập các chùa Quán am viện riêng. Tăng và Đạo sĩ phải nộp năm mươi xâu tiền cấp Điệp độ mới cho xuất gia.

Năm thứ hai, dẹp bỏ Quảng Giáo Tổng Quan Phủ lập Hành Tuyên Chánh Viện. Năm đó, ở chùa Đại Phổ Khánh, Sư trụ trì là Thiện Đạt Mật Đích Lý dâng biểu tâu vua xin cho bộ Minh Bản Quảng Lục của thầy mình được nhập Tạng, vua chấp thuận lại ban cho hiệu là Phổ Ứng Quốc Sư.

Năm Chí Nguyên thứ ba, trưng tập Tăng là Ca Thích Ma đến Kinh, ban hiệu là Quán Đảnh Quốc Sư và ban cho ngọc ấn.

Năm Chí Chánh thứ nhất, vua khiến chùa Vĩnh Minh viết một tạng Kinh bằng chữ Kim, miễn tô thuế khắp thiên hạ.

Năm thứ ba, vua ban chiếu viết một tạng Kinh bằng chữ Kim.

Năm thứ tư, Hữu Thừa Tướng Thoát Thoát lãnh việc Tuyên Chánh Viện. Các Tăng chủ các tự viện xin cho lập lại Tăng Ty, họ cho rằng dưới quyền các Huyện Sở thì bị khổ như ở Địa Ngục vậy. Thoát Thoát nói nếu lập lại Tăng Ty thì khác nào lập Địa Ngục trong Địa Ngục bèn không cho.

Năm thứ sáu, tháng mười hai. Vua lập lại chùa Hộ Quốc Nhân Vương.

Năm thứ bảy, tháng hai, làm Phật sự ở Hưng Thánh Cung, bèn ban

cho bạc giấy hai ngàn đính.

Năm thứ mười bảy, Cáp Ma và Khương Lỗ Thiết Mộc Nhi âm thầm tiến cử vị Tăng ở Tây Thiên lên vua, làm thuật vận khí ở trong phòng gọi là Diễn Điệp Nhi Pháp... Điệp Nhi Pháp tiếng Hoa gọi là Đại Hỷ Lạc. Tiến cử lên vua vị Tăng ở Tây Thiên giỏi pháp Bí Mật, vua đều học tập. Vua trị vì đã lâu lười việc triều chính, hoang phí chơi bời yến tiệc. Lấy mười sáu Cung Nữ tập múa gọi là múa Thiên Ma, đầu bện tóc đội mũ ngà voi, mình đeo chuỗi ngọc, giây chuyền vàng kiểu Đại Giang, áo quần dài ngắn, áo Thiên Y vai bồng tay thắt dây lưng lụa, hài có vớ, mỗi người đều cầm Gia-ba-thích ban trong đó có một người cầm gậy chuông tấu nhạc. Lại có mười một Cung Nữ buộc lụa lên tóc, bỏ khăn mặc thường phục, hoặc mặc áo bó sát mình đội mão kiểu đời Đường. Khi tấu nhạc thì dùng gậy ống tiêu, ống sáo, trống nhỏ, đàn tranh, tì bà, sênh, hồ cầm, loa ốc và nhịp phách, do hoạn quan Trường An Dật Bất Hoa lãnh đạo. Khi trong Cung có Lễ Tán Phật thì đội múa ấy múa và tấu nhạc. Các Quan trong Cung ai có thọ giới bí mật thì được vào, ngoài ra đều không được tham dự. Ông trị vì hai mươi tám năm thì mất.

Đại Minh Hoàng Đế đã biết thuận mệnh trời mà rút lui, được thụy phong là Thuận Đế.

NHÀ LIÊU:

Liêu Thái Tổ họ là Da Luật, tên A Bảo Cơ, Quốc hiệu là Khiết Đơn, đóng đô ở Thượng Kinh. Thái Tông dời đô vào đời Tấn năm nước thứ hai thì Liêu Chúa là Da Luật Đức Nguyên vào Tấn. Không đầy một năm thì Thế Tông lên ngôi, tên là Nguyên Phiên, gọi là Ngột Dục, đổi niên hiệu là Nguyên Thiên Lộc trị vì năm năm, bị Yên Vương Thiên Phạm... giết hại tại Chầm Hỏa Thần ở Tân Châu.

Mục Tông Cảnh lên ngôi tên là Ngột Luật, đổi niên hiệu là Nguyên Ứng Lịch trị vì mười tám năm bị người Bào giết ở Hắc Sơn.

Thánh Tông lên ngôi tên là Long Chử đổi niên hiệu là Nguyên Thống Hòa, lại đổi là Khai Thái, lại đặt Quốc hiệu là Đại Khiết Đơn. Kế đó Hồng Cơ Đạo Tông lên ngôi, là con của Hưng Tông. Đổi niên hiệu là Nguyên Thanh Ninh, trị vì bốn mươi sáu năm. Rồi Thiên Tộ Diên Hy lên ngôi, là cháu của Đạo Tông đổi niên hiệu là Nguyên Đại Khánh, lại đổi là Bảo Đại. Tống Đồng Quán phản Liêu, đem binh mưu với nước Chân Nữ mà đánh phá. Liêu Thiên Tộ trốn chạy về Giáp Sơn, bị bắt rồi phong làm Hải Tân Vương đưa ra Trường Bạch Sơn, xây thành

mà ở rồi mất. Nhà Liêu từ A Bảo Cơ vào năm Trinh Minh thứ hai (Bính Tý) nhà Lương lập nước từ Nguyên Thần Sách đến Diên Hy Bảo Thái (Ất Tỵ) gồm chín vua, trị vì hai trăm mười năm.

NHÀ KIM:

Kim Thái Tổ họ Hoàn Nhan, tên A Cốt Đả, con lớn của Dương Cát Thái Sư, Quốc hiệu là Nữ Chân, mười sáu năm xưng Đế đổi Quốc hiệu là Kim, đóng đô ở Thượng Kinh. Đến đời Thế Tôn thì dời đô về đất Yên. Vua Thái Tông tên Thịnh, con thứ của Dương Cát, đổi niên hiệu là Nguyên Thiên Hội, vua cho rước thỉnh tượng Chiên-đàn đến Yên Kinh, lập đại hội Thủy Lục bảy ngày đêm, thờ tượng tại chùa Mẫn Trung để cúng dường. Vua Hy Tông tên là Đàn, cháu đích tôn của Thái Tổ, đổi niên hiệu là Nguyên Thiên Quyến. Vua ban chiếu cho ngài Hải Tuệ Đại sư ở bên Thượng Kinh Quan xây chùa Chữ Khánh, phổ độ Tăng cả trăm vạn, đại xá thiên hạ. Lại chiếu cho hai Thiền sư Hải Tuệ và Thanh Tuệ đến ở chùa Chư Khánh, rước tượng Chiên-đàn ở Bản Tự về Tích Khánh Các để cúng dường. Khi ngài Hải Tuệ viên tịch, vua cho đem xá-lợi ngài xây tháp ở năm nơi mà thờ, thụy phong là Phật Giác Hựu Quốc Đại Thiền Sư. Lại ban cho ngài Thành Tuệ hiệu là Phật Trí Hộ quốc Đại sư và Y Kim Lan. Vua Thế Tông tên Ung, cháu của Thái Tổ, đổi niên hiệu là Đại Định, dời đô về đất Yên. Sắc lệnh cho Sư ở chùa Đại Khánh Thọ, chiếu cho ngài Huyền Minh Khải Thiền sư là Khai Sơn, Hoàng Thái tử đến dâng hương, ban cho hai vạn tiền và hai mươi thửa ruộng tốt. Lại ra chiếu cho Khải Thiền sư lập chùa Thanh An ở Đông Kinh, độ tăng năm trăm vị, lập Hội Bát Sắc Tra. Năm thứ hai mươi, vua ra sắc lập Ngưỡng Sơn Thê Ẩn Thiền Tự tại Tây Sơn ở Yên Kinh. Vẫn ban chiếu cho ngài Khai Sơn Khải Thiền sư lập Hội độ Tăng. Vua Chương Tông tên Cảnh, là con của Hiển Tông Duẩn Cung, đổi niên hiệu là Nguyên Minh Xương. Vua ra chiếu cho ngài Vạn Tòng Thiền sư ở Cấm Đình thăng tòa thuyết pháp. Vua đích thân đến rước lễ, bưng đại y tăng già lê bằng gấm thêu đến tòa dâng lên, các quý thích trong nội cung đều quỳ mọp, ai nấy đều cúng dường đồ trân bảo. Vua lập Hội Sám Lễ và phổ độ mấy ngày liền đều có mây lành lỡn vỡn khắp trời. Từ năm đó trúng mùa luôn, thiên hạ mừng vui ca múa đầy đường. Mỗi năm đều thiết lễ Trai, có rất nhiều điềm lành. Vua xa giá đến Ngưỡng Sơn ở đất Yên, có câu rằng: “Trong cõi Kim Sắc có nước Đâu-suất, trong Hoa Sen Xanh có Cung Phạm Vương.”

Năm Thừa An thứ tư, theo di chiếu của Thái Hậu tại Phủ Hòa

Long, xây chùa Đại Minh, dựng tháp chín tầng, độ Tăng ba vạn, cấp Điệp độ đến năm vạn người. Đông hải Hầu tên Duẩn Tế là con thứ chín của vua Thế Tông, vì Chương Tông không có con nối ngôi nên quần thần theo di chiếu mà lập. Đổi niên hiệu là Nguyên Đại An, ở ngôi bốn năm. tượng Phật Chiên-đàn đến nước Kim đã mười hai năm bèn rước về ở Cấm Đình tại Thượng Kinh để cúng dường. Nhà Kim gồm chín vua trị vì một trăm mười chín năm.

Kim Quốc Chí nói rằng: Theo giáo pháp của Phật dù hàng quý thích vọng tộc phần lớn bỏ trai gái để làm Tăng Ni. Nếu ở tại Kinh Đô thì gọi là Quốc Sư, ở tại Soái Phủ thì gọi là Tăng, ở tại Châu Quận thì gọi là Đô Cang, ở tại Huyện thì gọi là Duy Na, cạo đầu mặc áo có oai nghi giống như Nam Tống, được ban cho hiệu là Đại sư hay Đại Đức, cùng ban cho Tử y. Quốc Sư thì đắp y ca-sa màu đỏ thẫm. Đô Cang giữ chức vụ trong ba năm, có Sư hiệu và được ban cho Tử y không như Tăng thường. Duy Na có quyền giải quyết khiển trách đánh trượng các Tăng Ni tranh cãi thưa gởi nhau. Những tội nặng phải đánh trượng trở lên đều phải trình bày xử đoán trước Ty Đô Cang và Tăng Lục.

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 49

XVIII : DANH VĂN QUANG GIÁO CHÍ

PHẦN 1

Nhờ ngài Trí Giả mà đạo này được thạnh hành ở đương thời. Xưa nay có các bài văn khen ngợi hiền đức như bài bia ở chùa Quốc Thanh của Liễu Cố Ngôn, bài bia ở Ngọc Tuyền của Hoàng Phủ Tỳ (hai bài văn này thấy trong Quốc Thanh Bách Lục), bài Ngọc Tuyền Thật Lục mất tên, bia này được khắc lại theo bản ráp mực.

Bài bia về ngài Kinh Khê Đại sư của Lương Túc đời Đường, bài ký về Quan Vương Từ Đường của Trương Thương Anh đời Tống, bài bia về ngài Pháp Trí Pháp sư của Hồ Phưởng, bài bia về ngài Minh Trí Pháp sư của Triều Thuyết Chi... đều lấy việc cốt yếu đem vào Kỷ Truyện Tích mà không phải là toàn văn Biệt Lục. Đến như từ cuối đời Đường đến nay, các bài Ký Luận Tự nói về Phật giáo sao mà nhiều quá. Nay xin chép các bài nổi tiếng để làm Danh Văn Quang Giáo Chí.

1. Bài bia ở chùa Thiền lâm ở Thiên thai (của Hàn lâm học sĩ Lương Túc, đời Đường).

Một ngọn Phật Lũng ở phía Tây nam núi Thiên thai là nơi ngài Trí Giả Đại sư đắc đạo, là nơi trước khi Đại giáo của Phật được trùng hưng, thì đời Lương, đời Trần đã cất chùa ở đó đặt tên là tu thiền. Đến khi đời Tùy cất chùa Quốc Thanh bèn bỏ hiệu tu thiền mà đổi gọi là đạo tràng. Từ khi Đại sư nhập diệt trải hơn một trăm tám mươi năm, có Trưởng lão Đại Tỳ-kheo (Nhiên Công) theo di huấn của Quang Chiếu Đại sư mở mang cho kẻ hậu học. An Định Lương Túc tâu vua đổi tên là thiền lâm, bèn khắc các ngôn hạnh của Sư để chỉ bày hậu thế rằng: Đại sư tên Khải (tự Đức An) hiệu Trí Giả. Tổ Tiên ngài họ Trần ở Dĩnh Xuyên, nhiều đời ở Hoa Dung tại Kinh Châu, các cảm duyên ứng tích

đều chép ở Biệt Truyện. Phàm Kinh trị đời nếu không phải là Khổng Tử thì chế chỉ của ba vua bốn đời đều không hiện bày và Đạo xuất thế nếu không phải là Đại sư thì Ba thừa Bốn giáo đều không sáng rõ. Xưa Như Lai vì một Đại sự nhân duyên mà Bồ-tát đem Phổ Môn thị hiện, từ lúc nói kinh Hoa Nghiêm mở đầu cho đến cao hội ở Song Lâm thì không có Tiểu hay Đại thừa mà đồng quy về Phật giới. Đến khi Đấng Đại Hùng thị diệt thì người học chia thành nhiều Tông phái riêng biệt, đời đã suy thì giáo pháp càng manh mún. Nên Long Thọ Bồ-tát lo lắng, bèn dùng quyền chế phục ngoại đạo, làm Trí Độ Luận để phát minh chỗ cùng cực của Tông môn. Từ khi Phật pháp truyền sang Đông độ, ngài Tuệ Văn Thiền sư nhận được, do văn tự mà vào được Pháp môn Bất Nhị rồi đem truyền lại cho ngài Nam Nhạc Thiền Sư. Lúc đó giáo pháp hãy còn giản yếu sâu kín không thể khắp truyền, mà các tông Không Hữu lại làm rối rấm cả một vùng Đông Hạ. Kịp khi Đại sư nhận được pháp ấy mở làm Pháp Môn Chỉ Quán. Pháp này đại khái là từ thân tâm mà chỉ Định Tuệ, tức ngôn thuyết mà nói giải thoát, thì được cái tông thú Đại Trung Nhất Thực và cái diệu chỉ Vô Chứng Chân Đắc. Từ phát tâm cho đến thành đạo thì hạnh vị sáng suốt vô tướng chứng đắc. Sau đó mới nói Khế Kinh, mà bày chỗ đồng quy. Bấy giờ giải thích rõ ràng chỉ rõ Phật tri kiến. Người thấy được giáo lý tất tu đó mà dứt đó, bởi vô nhập nên cũng không tự được. Đại sư lập giáo như thế. Đến như nắm buông, dùng bỏ, mở đóng, nói im. Ngài bước lên đài cao làm bậc Tông Sư hai nước, là vầng Thái dương chiếu sáng bốn bể, là đám mây lành mưa khắp sinh linh. Do đó nói Phật pháp thì lấy Thiên Thai làm kim chỉ nam mà các thứ dị luận Phù đồ đều biến mất. Khi duyên Hóa Thành đã hết, ngài thị tịch ở núi này vào năm Khai Hoàng thứ mười bảy. Phàm về danh thì khách là thực, còn về Giáo thì pháp môn là đạo. Mà Đại sư thì nhốt khách và mở cửa tự nói địa vị chỉ bày có chứng nhập. Cho nên việc cảm mà ứng thì có thể được biết ngay. Người theo học với Đại sư kể có số ngàn, mà người chứng được thâm ý của ba mươi hai vị, biên soạn ngôn hạnh ngài để cho hậu thế là ngài Chương An Thiền sư Quán Đảnh, Đảnh truyền cho Tấn Vân Oai, Oai truyền cho Đông Dương. Mà Đông Dương và Tấn Vân đồng một hiệu, người thời ấy gọi là Tiểu Oai. Tiểu Oai truyền cho Tả Khê Lãng Thiền Sư. Từ Tấn Vân đến Tả Khê lấy Huyền Châu mà trao nhau, chuyên dứt bặt những tối tâm mà thôi. Học trò Thượng Thủ của Tả Khê nay là Trạm Nhiên, hạnh cao biết xa ngộ siêu luận suốt. Phàm Giáo của Tổ Sư là ở chương cú, trích dẫn để làm tin, kẻ hậu lai học hỏi đã kính đức giải mê số đông không kể xiết.

Bởi có lần ngài bảo Túc tôi rằng: Núi Phật Lũng này cũng như dòng Thù Tứ của Khổng Mạnh, ánh sáng của Diệu Pháp, di thể của Tiên Sư đều tập họp ở đây. Từ đời Thương Nguyên Bảo Lịch giặc giả nhiễu nhương, chúng Tăng tan tác. Vậy nên đổi tên mà cất chùa sửa chữa giữ gìn tháp miếu, trang nghiêm Phật độ, chúng hồi hướng có chỗ nương về mọi người nhờ cậy, ông là học trò của ta hãy nên ghi các văn ngôn khắc vào vàng đá, khiến ngàn năm sau biết rõ Đạo ta nguyên cớ như thế. Đệ tử cúi đầu nhận lệnh. Cho nên Bản Tích của Đại sư, sự nối sáng Giáo Môn, việc trụ trì đàn hậu duệ... thì đều thấy trong lời văn, văn ấy là:

Chư Phật ra đời
Chỉ một đại sự
Giáo nguyên Thiên Thai
Cùng đồng với Phật.
Rỡ rỡ Đại sư
Mở bày bí áo
Hoằng khai yếu đạo
An trụ viên vị.
Bạch nhật sáng trời
Văn sáng thiên hạ
Đại sư ra đời
Hóa thành quốc độ.
Không sinh mà sinh
Sinh hóa đều dứt
Củi hết lửa tàn
Sơn không đạo hạnh.
Sau đó năm đời
Sinh làm thượng đức
Lời diệu là đây
Đức âm dứt mất.
Rỡ ràng sau ta
Đổi thành cõi tịnh
Núi này có tan
Pháp này vô cùng.

2. Thiên Thai Chỉ Quán Thống Liệt:

Của Hàn lâm học sĩ Lương Túc, đời Đường.

Chỉ Quán là gì? Là chỉ dẫn lý vạn vật trở về với thực tế. Thực tế là gì? Đó là Bản tánh. Vạn vật sở dĩ không trở về được với bản tánh là

do mê muội và vọng động khiến như thế. Chiếu sáng cái mê muội thì gọi là Minh, giữ yên cái vọng động thì gọi là Tịnh. Minh và Tịnh là cái thể của Chỉ Quán. Ở Nhân thì gọi là Chỉ Quán, ở Quả thì gọi là Trí Định. Ở Nhân thì gọi là Hành, ở Quả thì gọi là Thành. Hành là thực hiện nó, Thành là chứng được nó. Thánh nhân có người cho do thấy mà cảm xúc nên gây tai hại, do chí động mà có lỗi lầm nên mới như thế. Chỉ mà Quán, Tịnh mà Minh nên khiến cho cái Động kia có thể Tịnh và do Tịnh mà được Minh. Do nhân đối đãi nhau mà thành Pháp, liền dứt đối đãi mà chiếu sáng cái gốc. Tạo ra xe lớn để ngồi đến Chính Thừa. Đại sự có nhiều mà tóm lại chỉ là quyền biến tới lui ở chỗ không hai. Cổ võ cho thuyết ba pháp rất tinh vi để nhập Tánh, rất sâu kín để thể thần. Nói gần thì một mảy may điều Thiện cũng đều thông, nói xa thì dù mấy lớp huyền môn vẫn thấy rõ. Dùng cái "Viên rốt ráo" để viên thì vật không thiên lệch, dùng cái "Thật rốt ráo" để thật thì vật không còn giả dối. Thánh nhân nêu lời nói để chỉ, mở rộng mắt để dạy. Ưu mà nhu hòa khiến tự tìm cầu, đặt ra mà luận khiến tự đạt đến, đây là nguyên do của Chỉ Quán này vậy. Về Tam Đế là sao? Tức gọi đó là Một, Không Giả Trung là gì? Cũng chỉ đó là Một. Không Giả là cái nghĩa tương đối, còn Trung Đạo thì được gọi là Một. Đây là nói về có nghĩ ngợi luận bàn chứ không phải là ý chỉ của cái "Một rốt ráo." "Một rốt ráo" tức là ba, "Ba rốt ráo" tức là Một. Không phải là bao gồm nhau không phải tương sinh nhau, không phải nghĩa số, cũng không phải cưỡng danh mà chính là lý tự nhiên như thế, nói năng mà truyền nhau gọi đó là Tích. Lý thì gọi là Bản, mà Tích thì gọi là Mạt. Bản là nơi mà Thánh nhân đạt đến, mạt là giáo pháp mà Thánh nhân chỉ bày. Do Bản mà hiện Tích thì là Tiểu là Đại, là Thông là Biệt, là Đốn là Tiệm, là Hiển là Bí, là Quyền là Thực, là Định là Bất định. Nếu theo Tích để trở về Bản thì là Nhất là Đại, là Viên là Thật, là Vô Trụ, là Trung, là Diệu, là Đệ nhất nghĩa, là ba và một chứa nhau. Nói về Không là nói chung cả vạn pháp, nói về Giả là lập vạn pháp, nói về Trung là Diệu của vạn pháp. Phá tất cả hoặc đâu có thêm cái Không, lập tất cả Pháp thì đâu có thêm cái Giả, rốt ráo tất cả Tánh thì đâu làm lớn thêm cái Trung. Nói cái Trung thì không Pháp nào không phải là Trung, chỉ cái Giả thì không Pháp nào không phải là Giả, đề cập cái Không thì không pháp nào không phải là không. Thành nó thì gọi là ba Đức, Tu nó thì gọi đó là ba Quán, nêu cốt yếu thì Thánh nhân phải nghiên cứu thật sâu sắc mói nói được cùng lý hết tánh. Mê mờ thì khiến cho sáng, tất lấp thì khiến cho thông, thông thì ngộ, ngộ thì đạt đến, đạt đến thì thường, thường thì dứt mất. Sáng thì chiếu, chiếu thì

hóa, hóa thì thành, thành thì là Một vậy. Thánh nhân có làm việc mà muôn pháp không sai, lẫn lộn mà vạn kiếp không sót, che trùm cả hằng sa mà không có, trở về thì không vật nào chẳng không. Ngụ ý thì gọi là Phật, cưỡng danh thì nói là Giác. Ý chỉ rốt ráo là giải thoát tự tại, không có gì lớn bằng Đức cực diệu. Phàm Tam quán mà thành công như đây thị gọi là Viên đốn. Không phải là Tiệm thứ, không phải là Bất định, chỉ luận rõ ra nghĩa mười chương. Mười chương là diễn lại cái cửa ải trước sau của Thông đạo. Năm Lược là nêu ra cái bến giềng mới lớn của Tiệt lưu. Mười cảnh là nói về cơ năng phát động cái Diệu để lập Quán. Mười thừa là cái phép phát khởi cái Diệu dụng đã tu. Dừng ở Chánh quán mà kết cục ở cảnh thấy, vì là nghĩa đã hoàn bị. Các thứ còn thiếu khác không phải là cốt yếu của chỗ tu. Thừa là sao? Là mang vật đem đi. Những gì là mười? Là việc mang đi đã xong. Biết cái diệu của cảnh ấy thì không đi mà đến, là phần trên của Đức, thừa cái Một mà thôi, đâu cần nhờ đến chín. Còn chín là nói không tương sinh với các khác, là bước đi của người chưa đến cho nên phát tâm là phát cái không chỗ phát; an tâm là an cái chỗ an; phá biến là biến cái không chỗ phá. Còn như các thừa khác thì đều bất đắc dĩ mà nói vậy. Đến như phân biệt cái nghĩa đó để phán quyết là chương mục, suy rộng ra thì chẳng cho là nhiều, thống lãnh mà giản lược lại thì không bảo là ít. Như thế liên hoàn không rời ra, như chuỗi xâu không thể lẫn lộn, như gương treo không thể che trùm, như sông chảy không thể ngăn cản. Người giải nghĩa có nhiều cách không hề tranh luận. Xét Kinh chứng nghĩa không lời dối trá. Luật sự sâu cạn của Tứ Giáo có nguồn gốc để lập thành một sự nhân duyên lý không sai sót. Ôi, Chỉ Quán là sách làm sáng Đạo cứu đời ư? Nếu không phải là bậc Thánh Trí siêu tuyệt riêng rẽ cao tột thì còn ai làm được? Nếu không phải là bậc thông minh thấu suốt đắc ý quên hình thì còn ai biết được. Người thời nay chuyên theo chương cú văn tự mà giải thích sao chẳng sơ sót? Có người nói cảnh bất tư nghì và việc bất tư nghì đều là cõi của Cực Thánh. Bậc Đẳng Giác chí nhân còn chưa dứt hết. Như kẻ phàm phu còn sinh diệt tâm hành còn ba hoặc rõ ràng, thì trong ngôn thuyết mà sinh ra lý thượng diệu. Ấy cũng như gà nhép mà nói là đại bàng, luận bàn trùng mùa hạ từng bị đóng băng là kẻ không sáng suốt. Nay nói về Chỉ Quán thì văn tự có số vạn, luận rộng về quả vị thì chỉ là vô ích với kẻ mới học, đâu bằng ngầm tự tu và công đến thì tự đến, hà tất phải sớm kể là sự việc ư? Thật rất không phải thế. Phàm gọi là cõi Thượng Thánh đâu cách biệt xa xôi gì như giữa phàm cảnh với trời cao ư? Đó chỉ là một Tánh mà thôi. Được thì gọi là

ngộ, mất thì gọi là mê chỉ cùng một lý mà thôi. Mê là phàm mà ngộ là Thánh. Kẻ mê thì tự cách biệt, chứ lý không cách. Kẻ mất là tự mất chứ Tánh không mất. Làm ra Chỉ Quán, biện biệt chỗ dị đồng mà tột Thánh thần khiến quần sinh Chánh tánh mà thuận lý. Chánh tánh thuận lý do đó mà đi trên đường Giác để đến Diệu cảnh. Kẻ không biết Giáo này thì học gì để vào, công nào để làm, trí nào để phát. Ví như kẻ mù không thấy ánh sáng mặt trời, mặt trăng mà đi vào chỗ hiểm yếu tất sẽ bị vấp té. Hãy nên ghi nhớ. Ôi, cách Phật đã lâu, bậc Hiền nhân không ra đời, đám hôn mê tầm thường chỉ là hàm thức mà thôi, đến nổi khiến đám ma tà lừa dối. Các phe nhóm rêu rao Hữu Vô... Đào hầm đặt bẩy, câu nệ văn cú chẳng dám tự động, như có dòng nước mênh mông sóng cả chẳng thể dừng yên. Có cái rất xa mà cam tâm không đến được, có cái rất gần thì cho thân mình là đó. Có cái như cây khô mà gọi là Định, có cái thông suốt thì gọi là Tuệ. Có cái bay nhảy không đúng đường thì gọi là Quyền. Có cái mượn ở Quỷ Thần thì gọi là Thông, có cái phóng tâm thì cho là rộng, có cái ít lời thì bảo đó là Bí, có cái miệng lưỡi ngầm truyền thì cho là khẩu quyết. Phàm các loại như thế thì tự lập làm Tổ, nối Tổ là Gia, trái Kinh điển, không Thánh Phật, kẻ mê muội không biết gì. Khổng Tử có nói: “Đạo mà không sáng, ta biết việc đó, do vật mà bị lụy.” Than ôi! Năm Khai Hoàng mười bảy đời Tùy, Đại sư thị tịch. Các triều vua nối nhau suốt hai trăm năm đều lấy văn này mà truyền trao cho nhau. Gồm có năm Gia Sư. Người đầu tiên là Quán Đảnh, vị kế là Tấn Vân Oai, tiếp đó là Đông Dương Oai. Kế theo là Tả Khê Lãng Công và vị thứ năm là Kinh Khê Nhiên Công. Trong số đồng môn thì ngài Quán Đảnh là tuệ giải bậc nhất, đem lời thầy dạy tập họp thành sách này. Bởi không dùng văn từ làm gốc nên người mất rất đông, hoặc có được thì cũng quê mùa. Đến hai ngài Vân Oai và Dương Oai thì im tiếng ngầm trao nên Đạo không lưu hành rộng khắp. Trong năm Thiên Bảo ngài Tả Khê bắt đầu rộng nói nhưng người biết còn quá ít. Kịp đến ngài Kinh Khê mới rộng truyền các Truyện Ký mấy mươi vạn lời để giữ gìn di pháp. Sau khi ngài Kinh Khê diệt độ rồi thì người biết thuyết này chỉ có ba, bốn người. Cổ nhân có nói rằng: Sinh ra mà biết là bậc thượng, học mà biết là bậc trung, khốn khổ mà học thì là bậc thấp. Phàm người sinh ra mà biết là bậc Tánh đức, kẻ học mà biết là người có Thiên cơ sâu. Còn kẻ ham muốn nhiều thì tai mắt lấp kín, dù học cũng không hiểu, đây là bậc hạ. Phàm kẻ học ngày nay thì bên trong chấp chặt, bên ngoài phiền não, cả một đời cũng không thông được văn ấy, dù bao nhiêu năm cũng không ích gì. Tất là văn nghiệp nó

xiềng xích tay chân, câu văn rườm rà rối bung như lượm thóc mà mắt mờ. Vì thầy không dạy nổi, trò không học được. Lúc ấy Chỉ Quán sở dĩ chưa được sáng rỡ rộng rãi là vì thế. Ta luôn lo lắng, do đó mà chỉnh đốn Hoằng Cang, tóm tắt Cơ Yếu. Cái còn lại của nguyên lý, sự cấp thiết của giáo môn thì hoặc thay đổi vị trí, hoặc kéo dài ra. Còn những nghĩa lòng vòng, những lời thô vụn thì hoặc cắt bỏ hoặc sửa lại. Phàm những chỗ sơ lược cạn cợt thì mười điều bỏ hết chín, những nơi quá rộng hay tóm tắt thì ba việc chỉ giữ một. Đó là tóm tắt một cách vụng về để dạy đám trẻ, nào dám làm tặng vật cho ai. Mong những người có cùng kiến thức cùng hạnh nghiệp chớ đem Chỉ Quán mà bắt bẻ cũng xin đừng dấu diếm. Ngày Giáp Tý, Tiết Thượng Ngươn năm Kiến Trung. Người chủ việc sửa văn, suốt ba năm ở tại Bến Chiết Mộc mới làm xong.

3. Trí Giả Đại sư Truyện Luận

Của An Định Lương Túc đời Đường, kính viết.

Luận rằng: Tu lời Phật dạy cốt ở ba thứ, đó là Giới Định Tuệ là Đạo này vậy. Từ khi mới phát tâm đến khi thành bậc Diệu Giác, phải trải suốt ba thừa qua khắp vạn hạnh mới được đầy đủ. Xưa Đức Pháp Vương ra đời do một Đạo thanh tịnh dùng một thứ tiếng mà giảng nói, nhưng do cơ cảm không đồng nên chỗ nghe có khác. Cho nên năm thời năm vị, nghĩa của Bán, Mãn, Quyền, Thật, Thiên, Viên, Tiểu, Đại... có mặt khắp các Bộ, rực rỡ khác dòng, cốt yếu là chỗ về không vượt qua một Thật. Nên Kinh nói: Tuy nói nhiều Đạo nhưng kỳ thực chỉ có một Phật Thừa. Lại nói: Mở cửa Phương tiện chỉ bày Thật tướng, dụ như trăm sông đều chảy về biển, tiêu biểu cho Pháp môn Bất nhị, mình người đều được cùng đến chỗ Bí mật, đó là nguyên do của Giáo này vậy. Kịp khi Đức Phật diệt độ mà lưới pháp rã tan, thần túc ẩn dấu mà Tông đồ đổi khác, mỗi người đều căn cứ vào quyền biến mà mâu thuẫn càng tăng. Trong đó hoặc chỉ dạy Tam-muội hoặc trình bày Bốn y. Ứng cơ không đồng, trì Luận cũng khác. Cho nên các loại Nhiếp Luận, Địa Trì, Thành Thật, Duy Thức... càng chia thành nhiều ngã mà luận về phi hữu phi không không nhất quán. Rồi cách Phật càng xa thì phong cách ấy càng mạnh. Người nói pháp bị văn tự trói buộc mà không biết tự mở. Kẻ tập Thiền luống hư vô tánh tướng mà không thể kéo lại được, vì thứ này khác thứ kia. Kẻ chưa được thì cho là đã chứng, chỉ lo Tuệ giải mà quên trở về Tâm. Việc thân khẩu mênh mông không bày rõ. Do đó mà Đại thống pháp môn cơ hồ dứt mất. Rồi thì giáo pháp chẳng rốt

ráo làm cho người chỉ toàn thấy lợi. Tuệ Văn Tuệ Tư nối nhau ra đời. Vì sấm pháp rền vang chưa khắp nên việc truyền dạy được giao cho Thiên Thai Đại sư. Đại Sư giống như các bậc siêu tuyệt Xá-lợi-phất và Tu Bồ-đề, đủ cốt cách của Đế Nghiêu Đại Thuấn, giúp di luận của ngài Long Thọ theo diệu giải của Nam Nhạc. Sau đó mói dùng ba thứ Chỉ Quán lập thành một sự nhân duyên, bao quát vạn vật ở một tâm, mở to Mười thừa ở Tám giáo, nói Giới Định Tuệ, quán Không Giả Trung, an nhiên rõ ràng theo đó mà làm. Do đó mà dạy không sót pháp nào, pháp không bỏ người, người không quên tâm, tâm không chọn hạnh, hạnh có chỗ chứng, chứng đúng tông chỉ. Giáo môn của Đại sư do đó mà thạnh hành truyền mãi trên đời, mà chiếu sáng khắp thiên hạ là sư phạm cho hàng vua chúa. Khi tịch rồi ngài vẫn qua lại ở thượng giới trợ giúp đức Từ Thị cuốn mở Phổ môn thị hiện, giáng đức làm sứ giả Như Lai, giai vị Cảnh trí đáng gọi là bậc Vô Đắc. Than ôi! Ứng tích dầu qua mà Vi ngôn không mất. Người học ngài còn đủ sức khuất phục Bách Gia huống lại là kẻ nghe rồi suy nghĩ, nghĩ kỹ mà tu, tu có tiến bộ và tiến mãi không thôi ư? Người này dù bảo là chưa chứng, nhưng ta cho là đã gần kề. Ngày nay người chánh tín rất hiếm, người giảng Thiền Pháp hoặc dùng cách không Phật không Pháp, nào tội, nào thiện mà hóa độ người ta. Những người bậc trung trở xuống là những bọn mãi đuổi theo ái dục hoặc là loại ra vào chốn quan trường tất cho lời này là chí lý. Vả không trái tai mà riêng muốn không bỏ thì theo cửa đó khác nào loài phù du bay vào đuốc sáng, đá vụn rơi vào hang trống. Đâu không biết rằng đến lúc bị cháy bỏng mà không thể tự thoát, tuy muốn ích mình trái lại bị tổn thương, cùng bị hại như các ma ngoại đạo. Do đó mà thấy đại huấn của Tông này và cách cứu độ của Giáo này không giống như của thiên hạ. Từ ngài Trí Giả truyền pháp năm đời đến ngài Trạm Nhiên Đại sư hôm nay trung hưng Đạo này đúng như lời tôi nói. Nên nay chép thành một thiên (bài này lại có tên là Thiên Thai Pháp Môn Nghị).

4. Thánh An Tự Vô Thánh Hòa thượng Bi (Bài Bia về Vô Tánh Hòa thượng ở chùa Thánh An).

Của Lễ Bộ Viên Ngoại Lang Liễu Tông Nguyên Đời Đường. Ngày tháng năm ấy... ở Nhạc Châu, Đại Hòa thượng đã thị tịch tại chùa Thánh An. Phàm làm Tăng bao nhiêu năm thì chừng ấy năm ngài đều có tên là Vô Tánh. Đời chẳng hề biết dòng họ làng mạc. Khi có ai hỏi đến thì ngài bảo rằng họ tôi là năm họ, truy nguyên thì không đầu, nối dõi thì không cuối, nương theo dòng giống Phật, ta mà lại không họ ư?

Pháp Kiếm là tên ta, thật không có tên ư? Ta mà có tên ư? Tánh hải là quê hương ta, Pháp giới là nhà ta, Giới là tường rào, Tuệ là cửa nẽo, giữ thì chắc chắn, ở thì yên ổn, làng mạc ta đó không đầy đủ ư? Độ môn Đạo phẩm số nhiều vô cùng, Bồ-tát Đại sĩ chúng đông không kể xiết, ta đã cùng họ thân thích mà chẳng khác gì ta. Dòng họ như thế không to lớn ư? Đạo của ngài được nghe nói như thế. Mà ngài chỉ tụng kinh Pháp Hoa, Kinh Kim Cang, Bát-nhã số hơn ngàn vạn Bộ. Có kẻ chê là hữu vi thì ngài đáp: "Ta chưa từng làm". Than ôi, Đạo Phật càng xa thì dị đoan tranh nhau nổi lên. Chỉ có thuyết của ngài Thiên Thai Đại sư được ưa chuộng. Hòa thượng nối tiếp Bản thống để thuận theo Trung đạo. Phàm người học giáo tất không làm mất Tông ấy. Sinh vật lưu động theo hướng hỗn loạn, chỉ có đường thẳng Cực Lạc là đáng trở về. Hòa thượng cần cầu rất thành thực để hoàn thành chí nguyện. Phàm những người tin nghe tất không nghi ngờ Đạo mình. Có kẻ cho đó là có dấu vết thì ngài bảo: Tôi chưa từng làm. Lúc đầu ngài ở chùa Long Hưng tại Phòng Châu. Sau đó ngài dời về ở Châu này xây dựng đạo tràng ở Lăng Già Bắc Phong, không ra khỏi cổng thành suốt năm mươi năm. Các việc trang nghiêm của Hòa Thượng nhằm về cao đức ở đời. Đầu tiên là việc xuất gia. Người mà Hòa Thượng y chỉ là Sư Trác Nhiên. Sư ở Lập Sơn tại Nam Dương, được chôn ở Nhạc Châu. Hòa Thượng đến thọ giới với Sư Đạo Dĩnh ở Kinh Châu. Người đệ tử đứng đầu là Sư Hoài Viễn ở chùa An Quốc tại Trường Sa trợ giúp Giới Pháp của Nam Nhạc, năm đó đến hầu thầy. Khi thầy viên tịch bèn chọn ngày táng ở phía Đông tháp ngài Trác Nhiên cách khoảng mấy bước. Có khắc bài minh rằng:

Đạo vốn là một
Lìa là Dị môn
Lấy Tánh làm họ
Bèn trở về gốc
Không tên là tên
Sư Giáo là Tôn
Mượn đó bày vật
Không phải có ta
Quê lớn không ở
Họ lớn chẳng thân
Vực tốt trong sáng
Ngoài Nhân trống không
Thánh có di ngôn
Là xét là cần

Chỉ động chỉ im
Chết như phù vân
Dạy lâu càng tinh
Đời hiếm xét bày
Bèn có Đại trí
Nêu bày chân môn
Sự đem hiển thị
Khiến dân đổi mới
Tình động sinh biến
Vật do chìm đắm
Bèn trao Lạc quốc
Tham khảo Hóa nguyên
Sư đem dẫn dụ
Khiến dân sáng suốt
Đạo vốn không làm
Thần hành không dấu
Sáng tối đều như
Sinh tử đều vắng
Pháp giao hậu học
Tu hoài không chán
Chôn bên thầy ta
Không quên chân trạch
Viết bài minh sáng
Khắc vào chân thạch.

5. Vô Tánh Bi Âm Ký - Của Long Thành Liễu Tông Nguyên:

Ngài Vô Tánh Hòa thượng đã ở núi này. Ngài thường bảo: “Việc ta tìm cầu không phải ở ngoài, vì ta bất động”. Hoằng Nông Dương Công Viêm từ khi ở Đạo Châu do có chút lỗi của Tể Tướng, Ngài cho là nên ở Kinh Sư không nên gắng gượng đi. Ngài bảo rằng: “Năm nào rảnh rang sẽ đi.” Năm sau Dương Công bỏ chức Tể Tướng và bị trích đuổi về Nam Hải. Do đó mà được tròn chí nguyện.

Ở Triệu Quân, Lý Ngạc là người biện bác giỏi. Những người khí khái ở Nhạc Châu muốn khuất phục đạo ta, chỉ nghe qua một lời biện luận của Lý Ngạc thì đều xin làm đệ tử. Ở Hà Đông có Bùi Tàng Chi đem cả họ đến xin thọ giáo. Quan Doãn Kinh Triệu cùng Hoằng Nông Dương Công Mổ đã lập đạo tràng ở một nơi ẩn địa để thờ kính. Thứ Sử Hòa Châu là Trương Duy Kiệm mua ngọn Tây Phong để mở rộng chỗ ở

cho Hòa Thượng, tất cả tài vật giao cho Hòa thượng cất giữ đều không ghi chép mà người nhận cũng không nói đến. Khi sắp lâm chung thì sai đệ tử lớn là Hoài Viễn trao cho Diệu Đạo, nhưng Hòa Thượng trọn không nói họ tên hoặc chỉ nói là người Chu. Thứ Sử Tín Châu là Lý Mổ viết truyện ngài Tạ Sở ở Trường Sa viết về hành trạng ngài, Bác Lăng Thôi Hành Kiệm thì viết "Tánh Thủ" một thiên. Phàm các văn từ nói về công đức của Hòa Thượng nhiều vô kể. Hoằng Nông Công từ Dư Hàng sai người mang hành trạng đến, Sư Hoài Viễn từ Trường Sa đem truyện lại, khiến tôi làm bia, đã viết lời cho nên lại mượn sự tôn quý to lớn của ngài mà ghi.

6. Long Hưng Tự Tịnh Độ Viện Ký - Của Long Thành Liễu Tông Nguyên.

Phía Tây Trung Châu cách mấy vạn dặm có nước tên là Thân Độc (Hán Thư đọc là Càn Đốc, tức Thiên Trúc vậy) là nơi Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai thị hiện ra đời. Đức Phật ấy nói rằng ở Tây phương cách mười vạn ức cõi Phật có thế giới tên là Cực Lạc, Phật hiệu là Vô Lượng Thọ. Nước ấy không có Ba độc, Tám nạn, dùng các châu báu để trang sức. Người ở đó không có Mười triền, Chín não, cùng làm bạn với các Thánh hiền. Nếu ai có tâm chí thành nguyện lớn muốn về cõi ấy, nếu niệm lực đầy đủ thì liền vãng sinh về cõi nước ấy. Sau đó ra ngoài ba cõi. Người này không hề thoái chuyển Phật đạo, lời nói này không lừa dối. Thời Tấn, ngài Lô Sơn Viễn Pháp sư viết bộ Niệm Phật Tam-muội Vịnh để khuyên dạy người đương thời. Sau đó ngài Thiên Thai Đại sư làm bộ Thích Tịnh Độ Thập Nghi Luận, rộng bày giáo ấy sâu kín vi diệu, kẻ ngu tối đều nhờ cậy, bởi có rất đông người khi lâm chung có nhiều điềm lạ. Ở Vĩnh Châu tại chùa Long Hưng, trước đó Thứ Sử Lý Thừa Chất cùng Tăng Pháp Lâm lập Tịnh Độ đường, ở phía Đông chùa ấy, thường thờ kính Đạo này, đến nay đã ba mươi năm góc nhà sụp đổ, hình tượng vỡ nát,; gặp lúc Tốn Thượng Nhân đang ở dưới nhà (Liễu Tập tôi học với Linh Lăng Trọng Tốn cầu đạo ông suốt ba mươi năm chỉ riêng tôi là được) mới bắt đầu sửa lại. Thượng Nhân tu Tối Thượng Thừa hiểu Đệ nhất nghĩa. Không có dấu vết Thể không Tích sắc mà đến với Chân nguyên, thông suốt tên Giả hữu Tá không mà vào Thật tướng, cảnh hợp với trí, sự và lý đồng nhau, cho nên tuy tạo nhân vãng sinh mà tướng, dụng không rời. Bèn nguyện sửa lợp nhà cửa để mở mang kẻ hậu học. Có tín sĩ vẽ hình tượng Phật, pháp tướng đầy đủ. Nay Thứ sử Bằng Công làm cổng lớn để tiêu biểu đạo vị, tôi bèn đưa cả bốn

a hoàn để hầu hạ nơi Lang Vũ, vẽ hình tượng hai vị Đại sĩ, thêu tràng phan bảo cái để trang nghiêm. Than ôi, có ai cần cầu sinh Vô Sinh thì biết còn thuyền bè để nương gá. Bèn đem Thiên Thai Thập Nghi Luận mà viết lên sách để người xem càng tin tưởng.

7. Pháp Trí Đại sư Hạnh Nghiệp Bi - Của Thanh Hiến Công Triệu Biện đời Tống.

Pháp Trí Đại sư, tên Tri Lễ, tự Ước Ngôn, họ Kim, nhiều đời là người Minh. Ngài phạm tướng kỳ vĩ, tánh điềm đạm mà rộng lớn. Khi xưa cha mẹ lạy Phật cầu tự. Đêm mộng thấy Thần Tăng trao cho một đứa bé dặn rằng: “Đây là La-hầu-la con Phật.” Khi sinh ra bèn đặt tên ấy. Vừa mới lớn đã xuất gia, mười lăm tuổi xuống tóc thọ giới Cụ túc, hai mươi tuổi từ Quận nhà theo ngài Bảo Vân Thông Thiền sư được truyền cho Giáo Quán Thiên Thai. Mới ba ngày Thủ Tọa gọi Sư bảo rằng: “Pháp giới phải theo thứ lớp như thế mà thọ trì”. Sư hỏi: “Thế nào là Pháp giới?” Thủ Tọa đáp: “Đó là Đại tổng tướng pháp môn viên dung vô ngại”. Sư nói: “Đã viên dung vô ngại sao còn có thứ lớp?” Mới được một tháng thì Sư tự giảng được Tâm Kinh, người nghe giảng đều kinh sợ bảo rằng giáo pháp đã có người được nhờ rồi đấy! Ở được ba năm Sư thường thay Thông Sư thuyết giảng. Khi đọc văn thì hiểu nghĩa, càng mở rộng chỗ học. Sư ra ở Thừa Thiên, lại dời về Diên Khánh. Đạo pháp càng thạnh, học chúng càng đông. Quốc Sư nước Nhật Bản sai học trò đem hai mươi câu đến hỏi Pháp yếu. Lời Sư đáp đều khiến họ đạt chỗ thâm diệu. Hoàng Đế Chân Tông biết tiếng Sư đã lâu, sai Trung Sứ giả đến chùa Sư tu Pháp sám và ban thưởng rất hậu. Một năm có hạn hán lớn, Sư cùng hai Pháp sư Tuân Thức và Dị Văn cùng tu Quang Minh sám để cầu mưa. Đã ba ngày mà chưa có mưa. Sư dẹp chiếu, nằm lăn ra đất tự thề rằng: “Nay gặp Phật sự nếu chưa ứng điềm cầu nguyện thì xin thiêu một cánh tay để cúng Phật”. Rồi thì mưa to ào xuống khắp nơi. Sư đã từng cùng các sư Thanh Nguyên ở Phụng Tiên, sư Khánh Chiêu ở Phạm Thiên, sư Trí Viên ở Cô Sơn làm sách đặt vấn đề hỏi đáp biện luận, vua lại sai môn nhân là Bản Như cùng ngài Thần Chiếu Đại sư giảng luận, cuối cùng thì Bản Như toàn thắng. Sư có soạn hai bản sao về Chỉ Yếu Diệu Tông, Quan Âm Phẩm Biệt Hạnh, Kim Quang Minh Chư Ký, Đại Bi Sám Nghi... đều truyền trên đời. Có lần Sư cùng mười vị Tăng nguyện tu Pháp Hoa sám trong ba năm rồi hẹn cùng thiêu thân để nêu gương tinh tấn. Hàn lâm học sĩ Dương Ức, Phò Mã Đô Úy Lý Tuân Úc cùng dâng Tử y và Sư hiệu lòng rất kính ngưỡng. Biết Sư muốn

tự thiêu bèn viết thư khuyên ngăn. Lại nhờ ngài Thiên Trúc Thức sư từ đất Hàng đến gặp tận mặt để ngăn cản. Nhưng Sư đều không nghe. Quận Thú Lý Di Canh ngầm sai các Liên Xã gần bên luôn theo dõi Sư. Sư không toại nguyện bèn lại tập họp mười vị Sư để tu Đại Bi sám. Ba năm sau, vào Tết Nguyên Đán, sư kết hẹn tu Quang Minh sám trong bảy ngày rồi thuận tịch. Nhưng mới năm ngày thì Sư ngồi kiết già mà tịch, đó là ngày năm tháng giêng năm Thiên Thánh thứ sáu, thọ sáu mươi chín tuổi, hạ lạp năm mươi bốn. Sau khi Sư tịch khoảng một tháng mở khám ra xem thì nhan sắc da dẻ Sư như lúc còn sống, râu móng đều mọc dài ra. Khi trà-tỳ xong thì cuống lưỡi còn nguyên, xá-lợi nhiều vô số. Sư làm chủ giảng suốt ba đời vua, chuyên việc Sám Giảng, hơn bốn mươi năm lưng không dính chiếu. Số người được Sư truyền giáo như Tắc Toán, Giác Tông, Thượng Hiền, Bản Như, Sùng Cự, Nhân Nhạc, Tuệ Tài, Phạm Trăn... hơn ba mươi người. Người đương thời được giáo hóa kể hơn số ngàn. Trong vùng Triết giang số người thuyết giảng nổi tiếng không ai không truyền đạo của Sư, kẻ có công truyền giảng cũng rất đông đảo. Năm Nguyên Phong thứ ba, tháng mười mùa Đông tôi nghỉ việc nên rất rảnh rang từ Cù đi về Ôn. Ngài Trung Pháp sư ở Viện Pháp Minh có lần dạo chơi ở đất Cù mà lúc đó tôi chưa được dịp tiếp xúc, bỗng mặc áo tang đứng trước tôi bảo rằng: "Ngài Tứ Minh Pháp Trí Đại sư là bậc thầy trong Đạo Phật, Kế Trung là cháu của ngài, ngài đã thị tịch sáu mươi ba năm rồi. Tôi trộm nghĩ ngài là bậc hiển đạt có uy tín đáng tin trên đời, nếu không thuật lại đáng xấu hổ." Rồi kể lại hành trạng của Sư, nhờ tôi soạn bài bia. Tôi bèn than rằng thuở sơ khai của đời người ta là yên tĩnh trống vắng, vốn không phân biệt Phàm Thánh, kịp khi giao tiếp với sự vật thì không thể trở ngược lại được. Nay Phật Tổ đến Chấn Đán bất đắc dĩ phải dùng nhiều danh tướng để giáo hóa, đâu thể cẩu thả được ư? Nên đã đặt ra pháp mà tu, bày ra giới mà không phạm, như mắt thấy hoa mà người khác không thấy, tai được nghe mà người khác không nghe, muốn hàng phục tâm mình mà tìm về gốc xưa. Về sau các Đạo Sư nối nhau hưng thịnh. Dùng trí tuệ biện bác, giảng nói lý chân thật, không lìa đương niệm mà đạt đến Tối Thượng Thừa, không lìa văn tự mà bày tướng Giải Thoát. Và cuối cùng thì không một pháp nào có thể nói, không một chữ nào có thể trao cho người. Ngài Pháp Trí đã đạt đến chỗ này thì sao còn mượn lời người mà truyền cho người sau ư? Xem những điều ngài ghi chép cùng các điều chúng biết về ngài, tôi làm Thành Thật Lục để đáp lại sự khẩn cầu của Trung Sư. Lại làm lời Tán rằng:

Đại Hùng nói pháp giác ngộ đời
Bàng bạc trời trăng khắp càn khôn
Trí Giả biện tài hiểu cùng tột
Đương thời nói pháp độ quần mê.
Hà sa Phật pháp tuy rối rấm
Đều vào Thiên Thai Chỉ Quán Môn
Pháp Trí vang xa mùi hương lạ
Chí vững khí đầy dáng ung dung.
Nhỏ thì thông minh, lớn chuyên cần
Hoặc sám hoặc giảng quên trưa sớm
Trung hưng Giáo Quán hơn mọi người
Biện luận dọc ngang càng nhập thần.
Di văn tinh vi cần thảo luận
Lời êm lý đúng Đạo không phiền
Xa gần học trò ngày càng giỏi
Mong Chánh Giác này diệt Ba-tuần.
Đạo mầu Phật Tổ càng tôn quý
Dòng nước muốn trong phải khơi nguồn
Lá muốm sum suê cần bồi gốc
Hạnh cao danh trọng vua biết tiếng.
Thiên tử sai sứ mời vào cung
Bá Quan quốc thích đều mừng vui
Ban y, gậy, hiệu tạ thiên ân
Biết thân biến diệt như phù vân.
Quyết tự thiêu thân báo ân Phật
Nguyện cao chưa thỏa càng huân tu
Chúng sinh ham thích các tham sân
Xoay chuyển tạm đồ như bánh lăn.
Như ai đốn ngộ tạo thiện nhân
Tội phước khổ lạc đã phân rành
Nói vốn không nói ai người ấy
Tâm Sư hiểu rõ các mê xưa.
Nói năng thấy vọng nào phải chân
Thân này dù mất đâu thể còn
Triết Giang đông vầy bao con cháu
Muôn ức đời sau xem văn này.

8***. Chỉ Quán Tọa Thiền Pháp Yếu Ký - Của Trung Túc Công Trần***

Quán Oánh Trung, đời Tống.

Bản đã tự bất động thì cần gì có Chỉ, Bản tự không che sao lại cần Quán? Vì chúng sinh mê muội nên cách Bản ngày càng xa mà Động Tịnh đều mất, không mê tối tức tan. Cả hai bệnh này vốn gây ra biết bao điều khổ. Nay muốn khiến cho lìa khổ mà được an ổn nên thường dùng Chỉ Quán để làm thuốc. Nhưng bệnh lành thì thuốc dẹp, cả thầy thuốc cũng không cần, thì Chỉ Quán chỉ là giả danh, tức Giả tức Không nói năng đều dứt. Vì Đại Bi nên không nói mà nói, đó là nguyên nhân có Ma-ha Chỉ Quán này. Song văn nghĩa của nó sâu rộng mênh mông không bờ bến, cũng như biển khơi thì đâu có bến bờ. Vì Đại Bi nên lại làm phương tiện khiến cho chỉ nếm một giọt mà biết mùi vị cả trăm sông, chỉ từ một bọt nước mà thấy cả thể của dòng nước. Nên ở ngoài Đại Kinh lại có sách này. Lời lẽ giản dị mà ý chỉ sâu xa, đọc đến dễ hiểu đúng bệnh cho thuốc tất cả là đây vậy. Người khéo dùng thuốc không trị được bệnh mình. Chỉ những cái chưa tán loạn, quán những cái chưa mê tối mới Chỉ mới Quán mà chưa từng Tối chưa từng Tán, như chim có hai cánh, xe có hai bánh dầu cao xa thế mấy đâu thể không đến được. Khi đến rồi thì không ngoài đây. Than ôi, không biết thì Chỉ, biết thì Quán rồi có thể vào được, mà sao chẳng cố gắng ư? Sách này do ngài Trí Giả viết ra nhưng chưa được lưu hành trên đời. Ngài Minh Trí Đại sư Trung Lập cho khắc bản nói về Cao hạnh của Sư được mọi người tôn kính, mà sách này được lưu truyền rộng rãi.

9. Tam Thiên Hữu Môn Tụng - Của Trần Quán:

Giả Bất Tư Nghì không phải là giả thiên lệch. Giả này đầy đủ tất cả các pháp. Chân không chẳng không nào phải là đản không. Viên Trung tròn đủ không phải là đản trung, thế nên môn đầu của bốn môn, tức là Giả Bất Khả Tư Nghì. Môn đầu ba, ba tức một, không một không ba lại không phải bốn, một hai ba bốn chỉ là một mặt trăng, bốn điểm dường khác chỉ là một Không, tất cả các môn là Pháp giới, nhiếp tất cả pháp đều không sót. Không vì diệu Giả mà có môn quán. Ai biết Pháp giới đầy đủ các pháp: Văn, Tư, Tu, Chứng đều vi diệu, Tâm hay Quán thể này đầy đủ, nếu chỉ quán tâm không quán đủ, thì liền một quán chia thành hai nhà, một nhà Quán môn khác các thuyết, các thuyết tuy khác Quán vẫn một, kia mê một tâm đủ các pháp, đọa vào chung riêng có thứ lớp, thứ lớp sinh ra thứ lớp dứt, đâu biết mười cõi xưa nay một, tam thiên vốn một cũng như thế, không phải số đời phân biệt được, Diệu Cảnh vốn chẳng Không, Giả, Trung mà cũng không lìa Không, Giả, Trung.

Không tức là Tâm, Giả là Sắc, Không Sắc Không Tâm gọi là Trung, Sắc Tâm dứt mất thể Trung hiện, với tất cả Pháp thể đều đủ, Tâm phàm phu đủ tức Phật đủ, vướng Chấp không Viên thì không đủ, chỉ một chữ đủ rõ tông này, người vào Tông này rất hy hữu.

10. Thư viết cho Minh Trí Pháp sư - Của Trần Quán:

Con là Trần Quán cúi đầu kính bái trình ngài Nam Hồ Diên Khánh Đường Thượng Giảng Chủ Minh Trí Pháp sư, người đã hồi phục thờ kính Giáo thư giúp Đạo thể an ổn không thương tổn. Lòng luôn nghĩ nhớ trân trọng kính bày Quan Âm Huyền Nghĩa và lời Ký và như nghiêm khắc gắng phát diệu chỉ để vén bỏ ngu mê, lòng luôn khắc sâu quý kính cảm kích đức độ khôn cùng. Có môn tụng nói: Chỉ tùy thuận ý xưa, mong nhờ ngài xem đọc. Cúi xin Pháp sư lấy bỏ tự tại. Lại được ngài dặn rằng nếu có đặt đề thì e kẻ ngu độn không hiểu đúng như điều ngài lo lắng. Ngài Trí Giả lấy Hữu môn làm tướng Viên môn. Lại bảo tướng này bốn môn đều vi diệu không thô tạp. Nếu Hữu môn là Pháp giới nhiếp giữ tất cả pháp, thì pháp tướng của ba môn đều bình đẳng không có hơn kém. Thế nên nếu luận về Phật pháp đầy đủ thì kiến tư giả có tức là Pháp giới. Nếu luận về Pháp tánh nhân duyên thì Đệ nhất nghĩa cũng là nhân duyên. Cho nên Diệu môn này do Hữu mà chiêu cảm thì liền có Hữu sinh tử, là Hữu thật tướng, tất cả các Pháp là Hữu, Hữu tức là Pháp giới, ra ngoài Pháp giới không còn gì để luận nữa. Đây tức là ý lớn của Hữu môn Chỉ Quán mà là ý của cái Giả huyền diệu của sách trước. Nếu có người chưa hiểu thì cũng phải lấy cái nghĩa Giả huyền diệu này để khai thông. Ngài Trí Giả giải nghĩa Đại Kinh có nói: Nhân diệt hết vô minh thì liền được cái đèn sáng rực Tam Bồ-đề tức Hữu môn vậy. Hữu môn tức là cái Giả huyền diệu. Cái Giả huyền diệu tức là Hữu môn. Nếu có người chưa lãnh hội thì đối với Hữu môn này chẳng thể không nghi ngờ. Song bệnh trước thì thuốc sau không thể có hai thứ cùng lúc. Nếu bệnh hết thì mê hoặc dứt và Hữu môn thông suốt. Một lần chỉ, hai lần chỉ, ba lần chỉ không đợi phải nói, vậy thì có một môn thuần diệu không thô tạp, đầy đủ muôn thánh thiện, đâu không phải là tánh của tam thiên ư? Cái gọi là tánh tam thiên đó là Trung lý, sẽ không Hữu Vô, Hữu Vô là do mình. Đây là vi ngôn của Tổ xưa nói đầy đủ, nếu mình chưa hiểu sâu ý chỉ đó tất chưa dễ hiểu được điều này. Phàm tam thiên là số thế gian, nếu tánh tam thiên thì lìa Thế gian, lìa mà lại tức, tức mà lại lìa, không một không khác, không Hữu không Vô, tam thiên mà một, một mà tam thiên. Đây là số không thể nghĩ bàn tức là cảnh không thể nghĩ

bàn, hoặc Quán hoặc Trí đều không thể nghĩ bàn, số này tức là Chỉ Quán. Cho nên nói tánh tam thiên tức Trung lý, Cảnh này tức là số này, cho nên Trung lý tức là tánh tam thiên. Nếu chỉ có tam thiên thì là tất cả pháp. Tất cả pháp chỉ có danh tự thì sao đầy đủ được? Nếu là tánh tất cả pháp thì vốn đầy đủ vậy. Cho nên tam thiên tức là tất cả pháp. Tánh tất cả pháp tức là tánh tam thiên. Tánh này không đáng có Hữu Vô, Hữu Vô là tự mình. Phàm không đáng có Hữu Vô thì tiêu mất cái chấp Diệu ở ngoài, Hữu Vô tự mình tức là cái Diệu lìa chấp. Đối với Hữu vi là Diệu hữu, đối với Vô vi là Chân không. Chân không thì không mà chẳng không, Diệu hữu thì hữu mà chẳng hữu. Hữu Vô tự mình tức không phải Hữu Vô vậy. Ở Giả thì Giả đầy đủ, ở Không thì Không đầy đủ, ở Trung thì Trung đầy đủ, chẳng thứ nào chẳng ở, chẳng thứ nào chẳng đầy đủ. Song Hữu của cái Giả huyền diệu há là Hữu của tình. Giả chẳng đối đãi Không, dứt hết Không còn đối đãi. Nói Hữu nói Vô đều không còn đối đãi. Nay bèn lập tiếng Hữu đối đãi mà khen ngợi cái thuyết Giả huyền diệu, đâu tránh khỏi bị trách cứ là quá xảo độ. Vả một niệm tâm khởi thì liền có tướng tam thiên thế gian, một thiên quốc độ thì sơn hà đại địa là đó. Một thiên Ngũ ấm thế gian thì tất cả sắc tâm nhiễm tịnh là đó. Một thiên chúng sinh thế gian thì Lục phàm Tứ Thánh giả gọi là đó. Một niệm tâm khởi thì cả tánh tướng tam thiên một lúc cùng khởi, một niệm tâm diệt thì tánh tướng tam thiên một lúc cùng diệt. Ngoài niệm, không có một mảy may pháp nào có được, ngoài pháp, không có một mảy may niệm nào có được. Đây bèn là bản trụ không dời đổi. Không dời đổi là thể của lý Trung viên minh. Thể này đúng lý là niệm, có thọ mạng vô lượng, mạng căn phi đắc cũng không giữ gìn liên tục, vốn không danh tự mà không mất các tên. Tên cõi là nước Cực Lạc, tên thân là A-di-đà. Thân và cõi giao nhau dung hòa một diệu. Nên có thể khiến tiếng nói pháp không rời cõi ấy, mà tướng lưỡi rộng dài đầy đủ biến khắp. Đầy đủ như thế là thể đầy đủ hay tánh đầy đủ, là Phật đầy đủ hay chúng sinh đầy đủ? Đâu có ai biết được cái vui đầy đủ đó mà không nguyện vãng sinh ư? Hướng về thực tế cốt ở chỗ không vãng sinh mà vãng sinh, đối trong phương tiện thì đâu hại gì đi rồi lại về. Khi cơ đã chín duyên đã sâu thì nhất định phải hoàn thành. Đây là Quán tôi đã được ý Tổ vậy. Quán tôi ẩn tích nơi Đan Khâu bệnh già đợi chết, ngàn dặm mong nhau nguyện Tịnh Độ không gián cách, lại cầu bóng Từ Pháp sư nhiếp thọ mà dạy dỗ cho. Chỉ chưa thể tận mặt để trình bày hết ý này. Kính gởi đến ngài lòng ngưỡng vọng thiết tha. Quán con cúi đầu kính lạy. Kính thư.

Xưa Lâu Thược đọc Liễu Ông Tập, thấy có một thiên Hữu Môn Tụng, không biết được ý chỉ gì. Bỗng có hai vị Sa-môn đến gõ cửa, lấy trong tay áo ra hai bản “Hữu Môn Tụng” và Minh Trí Giảng Chủ luận về Tụng này. Tôi đọc xong thì bỗng sáng tỏ. Nhân đó hỏi về thuyết Giáo Quán Thiên Thai mới biết Đại sư Trí Giả đã nói về bốn môn là Hữu, Không Môn, Diệc Không, Diệc Hữu Môn và Phi Không, Phi Hữu Môn. Thật ra một có thể xuyên suốt cả bốn, bốn thật trở về một. Ngài làm ra Hữu Môn Tụng chính là đây vậy. Các đại sĩ phu đời nay dụng lực không bằng các bậc tiền bối, như việc học Phật thì chỉ có các Kinh Lăng-Nghiêm, Viên Giác, Tịnh Danh... và Truyền Đăng Ngữ Lục, dùng đó để luận bàn biện giải. Như đời Đường đến đời Lương có nhiều người bổ khuyết. Ở Triều Tống có Dương Văn Công, Dương Vô Vi, Trương Vô Tận và nhóm Liễu Ông... đều lưu tâm đến Giáo Quán, thâm nhập vào thú chỉ. Chỉ cần đọc bài tụng này và các sách tất biết được thật sự thuyết ấy. Chỉ ngài Trung nói về Đại tiết chiếu sáng ngàn năm, thân gặp trăm khốn, xem sinh tử như buổi sớm. Bình thời chỗ học đều được công hiệu, bền bĩ tự ứng phó. Lúc ở gò Đan Khâu gặp rất nhiều nghịch cảnh mà tâm vẫn thư thái thâm nhập vào Pháp Môn Bất Nhị. Ông đã học Phật đắc lực đâu thể lường được. Hai vị Sa-môn muốn khắc đá in ra để truyền cho mọi người, kính cẩn viết cho người đời sau được chỗ về. Diệu Tuần và Liễu Di là tên gọi của hai vị Sa-môn. Tiết Trung Thu năm Khánh Nguyên thứ hai, Tứ Minh Lâu Thược kính đề.

Các Sĩ đại phu khi gặp hoạn nạn thường hay học Phật. Khi đắc chí thì có người luôn dùng thuyết Hạ Biến Di (mọi rợ hóa người nhà Hạ) do không hiểu gì về Phật pháp. Hữu Môn Tụng của Liễu Ông có chỗ sở đắc với Phật pháp chăng? Hay thẹn vì chỗ hiểu biết kém cõi của mình chăng? Ngày hai mươi tám tháng giêng năm Cảnh Định thứ hai, dưới đỉnh Nguyệt Quế, Thiên thai Pháp Chiếu viết cho đệ tử Khả Đăng ở Tứ Minh.

11. Nam Hồ Tịnh Độ Viện Ký - Của Trần Quán:

Ở Minh Châu tại chùa Diên Khánh có tòa giảng pháp lấy Thiên Thai Quán Hạnh làm Tông. Từ ngài Pháp Trí Đại sư học hạnh đều cao, người học đều ngưỡng trọng. Những người nối sau cũng đều là bậc thành đạt, đến nay đã hơn trăm năm. Khoảng năm Nguyên Phong, trong số người tịnh tu khổ hạnh đến nương đạo tràng có Tỳ-kheo Giới Nhiên. Ngài tu Pháp Tây phương tịnh độ, thường ngồi không nằm suốt trong ba năm làm hạn kỳ. Khi mãn kỳ hạn ngài bảo các vị đồng tu là

Tuệ Quán, Trọng Chương và Tông Duyệt rằng: "Bọn ta nên mỗi người ở một thất để hoàn thành thắng duyên Tịnh độ này. Về sau người đến càng đông mà am thất không thể thêm nhiều. Nay ở góc Tây chùa còn khoảng đất trống, nếu có được hơn hai ngàn tiền sẽ xây thêm hơn sáu mươi gian nhà. Ở giữa lập Bảo Các thờ thân Di Đà trượng sáu cùng tượng Quan Âm Thế Chí. Bao quanh có mười sáu thất, mỗi thất rộng hai gian. Ngoài thờ tượng Tam Thánh, trong lập nơi Thiền Quán. Điện day mặt về ao nước, trong có hoa sen không lìa trần nhiễm. Lập nên một cảnh bao la thoát tục, nơi tu niệm thật yên vắng không còn chút duyên lạ, dùng tâm rất kiên định để hiển bày cõi nước An Lạc, do đó mà thuận theo lòng Từ của Phật để báo đền ân nước, thì đâu chỉ riêng bốn người chúng ta mà thôi sao, tất nguyện ấy sẽ thành tựu!" Các vị Tuệ Quán... đồng lời đáp rằng: "Lấy tâm vô tác nhậm vận để làm việc lợi ích hữu vi, Tứ Minh có nhiều thí chủ lo chi nguyện không thành!" Từ đó trải bao ngày tháng tiết kiệm dựng xây, qua bảy mùa lạnh nóng, những việc ngài Giới Nhiên ra làm đều cốt hoàn thành chí nguyện. Đầu tiên ngài đốt hai lóng tay để cầu việc được thành. Đến tháng ba năm Nguyên Phù thứ hai là ngày khánh thành, ngài thiết Trai đàn cúng Ngàn Phật, lại đốt thêm ba lóng tay nữa để tăng thêm Tịnh thệ: Làm thành việc khó thành, bỏ được cái khó bỏ, mà chỉ dụng tâm bắt nguồn từ ý vô tư kỷ. Do đó những ai thấy nghe thảy đều tùy hỷ, những người tu tịnh nghiệp hết sức mừng vui, nên mười sáu quán thất không hề trống chỗ, người vừa xong nguyện ra đi thì kẻ phát tâm lại đến. Số người nương thắng cảnh này mà được nhiều thiện lợi đông không biết cơ man nào kể hết. Giáo Môn Tịnh Độ Phật xưa đã nói: Người thành tâm tin chắc không nghi thì Như Lai đã bày ra thứ bậc chín phẩm sen vàng và lấy việc chí thành cho là thượng thượng. Ngài Trí Giả tạo ra Thập Luận để phá nghi tâm của hàng phàm phu. Khi trói cột đã mở, tình quên, thức tan thì trí hiện, bấy giờ Di Đà Tịnh cảnh đâu cần tìm ở ai khác. Như khi đến trước gương sáng tất tự thấy rõ mặt mình, thì người được nào phải do thức mà nhận còn kẻ mê nào phải do tình mà hiểu? Kẻ vượt thức tập mà không lầm, thoát tình trần mà riêng đến thì chỉ là do chí thành vậy. Nên nói: Chí thành tất thành công, thành cho mình thành cho người chỉ do đây mà thôi! Cũng như mặt trăng tròn trong sáng khắp hiện trên các mặt nước thì hình bóng nó không phải là một mặt trăng mà thể nó không hai. Bất các dòng chảy cùng về, gặp hội họp mười phương ở một chỗ, cũng như đốt một ngọn đèn sáng giữa mười phương lồng chiếu vào nhau, thì thể sáng của ngọn đèn giao nhau khắp Đông Tây khó đếm. Nhưng phương

định vị thì không phải là không có Tây phương, tên Gương do tùy tướng mà lập ra thì Tây sẽ không còn là Tây nữa. Trí và Lý đã dung hòa nhau cảnh kia đâu ai còn chấp, thì sao lại lấy cái thấy về phương hướng bị chấp chặt nọ mà đo lường cái cảnh vô ngại của Như Lai? Ngài Từ Ân có nói: "Phàm phu nghiệp nặng, mọi chỗ đều tham sinh, nếu không chỉ một phương nhất định, lấy gì để cột cái tâm chuyên chú." Đây là Thiện Tri Thức tùy Phương giúp Giáo, cốt gìn giữ tướng Tông. Song luận về An Dưỡng mà biết rõ sự hơn kém thì lời khuyên vãng sinh thiên lệch này quả là tốt nhất. Bèn biết người thông suốt thì không luyến tiếc, bởi luyến tiếc thì có nhiều riêng tư. Cảnh mạnh mẽ, tập khí nặng nề đó là bởi quán cạn tâm nhẹ; nơi dễ về mà không ai đi ấy là vì nghi sâu chướng nặng. Nếu muốn dẹp hết các chướng cấu thì phải dùng quyết Định làm Tâm. Chất củi ướt như núi cao chỉ cần ngọn lửa bằng hạt đậu cũng đốt cháy, nhà tối ngàn năm mặt trời chiếu vào liền rực sáng. Đức Thích-ca dùng phương tiện rất sâu, Đức Vô Lượng Thọ nói pháp không gián đoạn, Đức Quan Thế Âm như mẹ nhớ con, Đức Đại Thế Chí như con nhớ mẹ. Dấu vết Thánh xưa đâu thể không tuân, cõi đời hư ảo tiếc gì mà không bỏ. Trưởng giả giải thoát không cần về nước An Lạc, Đại sĩ Phổ Hiền chính mắt thấy Vô Lượng Quang. Người chính mắt thấy thì từ xưa chưa hề động, kẻ không cần về cứ thế mà vãng sinh. Khắp dung vô ngại thì tự nhiên không Giả đều Trung, phân biệt chưa quên sau khỏi Quyền Thật tranh cãi. Như thế tâm không một ngày an ổn thì Vô sinh nhẫn có mong gì? Mới biết niệm niệm hiện tiền sau đó mới quyết định là không thoái chuyển. Cho nên nói: Nếu không quyết định thành bậc Đẳng Chánh Giác thì ta thệ không chứng quả Bồ-đề. Đối với Tâm Bồ-đề còn có người thoái chuyển thì ta thề không thành bậc Chánh Giác. Đây chính là bản nguyện của Pháp Tạng Tỳ-kheo mà các bậc Thượng Thiện Nhân đều theo học. Phát cái tâm như thế, làm cái hạnh như thế, khởi cái nguyện như thế, chứng đạo quả như thế nhưng không trái với Đại thệ của ngài Pháp Tạng thì những kẻ ẩn dấu ở cõi này, gá tâm nơi thất này đều là Đấng A-bệ-bạt trí cả, sự lợi ích to lớn này đâu thể cùng tận? Ngài Tỳ-kheo Giới Nhiên xướng lên một thiện niệm thì cả Tín sĩ vùng Tứ Minh ứng đáp như tiếng vang mà gây lợi ích lớn cho cả một phương rộng khắp, đâu không ghi lại việc ấy sao? Nay Giáo Chủ Minh Trí Đại sư là cháu cố của ngài Pháp Trí, hạnh nghiệp đôn hậu mọi người đều tin phục. Lại ngài Giới Nhiên thành tâm tu Tịnh độ quán cũng giúp ích rất nhiều, nên cũng xin ghi đủ. Ngày một tháng tám năm Đại Quán thứ nhất. Diên Bình Trần Quán ghi.

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 50

PHẦN 2

1. Nhân Vương Kinh Bát-nhã Kinh Sớ Tự - Của Đãi Chế Triều Thuyết Chi.

Khoảng đời Trần Tùy, ngài Thiên Thai Trí Giả nối xa Tổ Long Thọ mà lập ra một Đại Giáo, truyền chín đời thì đến ngài Kinh Khê. Đời ngài Kinh Khê có người nước Tân La đến học là Pháp Dung, Lý Ứng, Thuần Anh. Cho nên Giáo này truyền ra các nước ở hải ngoại cũng được thạnh hành như ở Trung nguyên. Đời Đường tán loạn sách vở bị mất mát tản lạc. Tuy Giáo này là loại không thể mất nhưng cũng khó còn. Song vầng dương sắp mọc tất bình minh rạng trước nên các Chân nhân ứng vận mà văn sáng hiển hiên. Vào đầu đời Tống ta Giáo này được thuyền biển đưa vào Ngô Việt. Nay Tam Đại Bộ truyền ở đời chính nhờ đó. Song có một số bản Kinh còn lưu giữ nhưng không đưa đến, có một số đưa đến thì lại không phải thứ thật. Nhân Vương Kinh Sớ đến trước đây có hai bản nhưng xét thấy đều là ngụy tạo. Khi xưa ngài Pháp Trí đã được Tín Thiền sư người Nhật Bản hiến tặng bộ ria của một Bích-chi-phật và ngài đã giải đáp thư hỏi hai mươi điều. Ngài bèn nhờ tìm cho Bộ Nhân Vương Kinh sớ. Tín Sư bèn tìm trao cho những người đi thuyền buôn đem về. Bỗng giữa đường có bão lớn sóng to kinh khiếp, người trên thuyền khấn cầu mãi rồi đoán ý Long Thần bèn ném quyển kinh này xuống biển để cầu bình an. Sau đó ngài Pháp Trí tìm được hai vị Tăng nhớ dai sai Sứ đến Tín Thiền sư đọc thuộc văn rồi đem về. Nhưng cả hai vị Tăng này lại qua đời ở Nhật Bản. Đến đầu năm Nguyên Phong các nhà buôn trên biển mới đem về bản Sớ này gồm hai quyển. Ở Tứ Minh có Sa-môn Như Tuân có nhân duyên được bản này... Ngài Trí Giả đem lòng từ thấm toàn Pháp tánh ra làm Chỉ Quán để giữ Đạo gốc của Đức Thích-ca, nay chỉ mới hưng thạnh ở Việt Trung. Một ngày nào đó sẽ khắp cùng thiên hạ há sách này có thể giữ riêng sao? Đại để

Tông ta sở dĩ khác hẳn với các nhà khác là không thể coi ngang hàng với các thuyết đồng thời, ấy chỉ vì tam thiên hay là chỉ vì Quán cụ?

2. Minh Trí Pháp sư Bi Luận - Của Triều Thuyết Chi:

Đức Thế Tôn khi nhập diệt đã truyền pháp lại cho ngài Ca-diếp truyền đến ngài Sư Tử là hai mươi bốn Tổ, truyền đến ngài Đạt-ma là Tổ thứ hai mươi tám. Vào thời Lương, Tổ Đạt-ma mới đến Đông độ. Trong Lục Độ thì ngài riêng tu về Thiền Pháp. Tuy gọi là Đốn Ngộ nhưng đâu không dùng phương tiện, dầu mới biết lập danh tự nhưng lúc đầu vẫn truyền kinh Lăng-già. Sau năm đời sáu phái vẫn còn chuộng Kinh Bát-nhã, xem Giáo chiếu sáng tâm đâu chẳng ở đây ư? Từ Tổ Ca-diếp truyền đến Tổ thứ mười ba là Long Thọ. Ngài viết ra Đại Trí Độ Luận dịch truyền sang Chấn Đán thì có ngài Bắc Tề Văn Thiền sư một khi xem đến liền ngộ ý chỉ Trung Quán rồi đem truyền lại cho ngài Nam Nhạc, Nhạc truyền lại cho Thiên Thai. Ngài Thiên Thai ngộ Pháp Hoa Tam-muội mới bắt đầu khai thác Nghĩa môn, Định có ba Chỉ, Tuệ có ba Quán thì gọi là Cụ, là Tức, là một niệm tam thiên. Tông nó là Pháp Hoa còn Hoa Nghiêm, A-hàm, Phương Đẳng, Bát-nhã nhiếp giữ Lục Độ, bao gồm muôn hạnh. Khai mà Hiển thì không đâu không phải là Đạo Pháp Hoa Phật Tuệ. Kịp khi truyền cho các ngài Chương An, Tấn Vân, Đông Dương, Tả Khê rồi đến ngài Kinh Khê, thì giáo của ngài Trí Giả đều được chép thành sách mà quy về một mối chánh thống. Ngài Kinh Khê truyền cho Mãn, Mãn truyền cho Tu (phải nói là Kinh Khê truyền cho Thúy, Thúy truyền cho Tu), Tu truyền cho Ngoại, Ngoại truyền cho Tú, Tú truyền cho Tủng, Tủng truyền cho Tịch, Tịch truyền cho Thông, Thông truyền cho Lễ. Đó là Tứ Minh. Lúc đó riêng Giáo này rất thạnh hành, nhưng dị đồng cũng lắm, các bậc tài trí đối nhau chưa dễ nhu phục, một lời nói ra có năm, mười thuyết đối lại như: “Không quán Chân Tâm thì chỉ là quán Âm Vọng”, đến nay vẫn được cho là đúng, thì người đời sau làm thế nào có thể làm khác được thuyết ấy ư? Ngài Trí Giả quả là bậc Đại Trí biết bao! Ý chỉ của Tam Quán đơn giản hay phức tạp đều được nói ở Kinh Viên Giác, Luận về Mười cảnh cùng phát thì thấy ở Kinh Lăng-nghiêm. Lời ngài Trí Giả trước nói ra ở đời Tùy, Kinh này sau mới được dịch ra ở đời Đường, dầu muốn không tin nào có được! (theo Oánh Công Thanh Thoại Kinh Lăng-nghiêm vốn ở Tây Vức, ngài Trí Giả nghe biết nán chết mà đợi, nhưng hạn kỳ nhập diệt bức ép nên để lời ký lại nói rằng: Kinh này vào đất Hán, ta không thấy được nhưng sẽ có Tể Quan Thân Bồ-tát dùng văn chương phiên dịch lời

Phật. Lại mấy trăm năm sau sẽ có nhục thân Tỳ-kheo dùng Giáo ta xét đoán Kinh này quy về Trung Đạo). Nói là "Người đích thân dự hội Linh sơn" phải chăng đây cũng là dấu vết của ngài? Cho nên Giáo của ngài truyền sang Nhật Bản phía Đông, trở về Tây Vức phía Tây đều không gặp ai phản kháng. Có người bảo "Giáo Ngoại Biệt Truyền" mà không biết rằng giáo pháp Vô Thượng đâu có gì ngoài? Hoặc bảo "Bất lập văn tự" nhưng không biết văn tự vốn không chân không vọng, thì lấy điều gì đó làm văn tự, cho người tìm học. Trước kia ngài Trí Giả đứng đầu, các vị truyền Giáo ngài kế tiếp là: Phó Đại sĩ đời Lương, Trù Thiền sư đời Bắc Tề; về sau các người được suy tôn tán trợ Đạo ngài là Nam Sơn Luật Sư và Chiêu, Thọ các Sư (Chiêu Quốc Sư và Thọ Thiền Sư). Người ngầm hoằng Đạo mà chứng quả là ngài Vĩnh Gia Chân Giác; Người tuy có chủ trương đường lối khác nhưng không dám không khen là Hiền Thủ Tạng Sư, hoặc có phản bác nhưng âm thầm sử dụng nghĩa Giáo môn ta là ngài Thanh Lương Quán Sư. Người lấy chỗ dị đồng chung lập thành ý riêng của mình là ngài Từ Ân Khuy Cơ. Chỉ có ngài Khuê Phong ngầm dùng Giáo Thiên Thai làm cái học thứ lớp về Tứ Thiền Bát Định, khác nào đứa trẻ con đùa bỡn các bậc kỳ đức. Khéo thay lời của Lương Kỉnh Chi: Phật pháp lấy Thiên Thai làm kim chỉ Nam. Liễu Hậu Tuệ nói: "Cách Phật càng xa các dị thuyết tranh nhau khởi xướng, chỉ có Thiên Thai là được chân truyền." Lại nói: "Truyền Đạo dùng nhiều lời là bệnh nặng của Thiền, nay thì rỗng không, kẻ ngu phóng túng kiêu ngạo đều vu cho Thiền Tông làm loạn Giáo Thiên Thai, giả dối ngông nghênh buông thả vô độ. Tôi cho hợp với Đạo của Mã Minh, Long Thọ thì chỉ có ngài Minh Trí. Đời ngài về già dị thuyết càng đông đảo. Nhưng ngài chỉ tự mình tu tỉnh không luận việc người chỉ trị khuất phục. Lời ta nói là sáng suốt ai có nghĩ đến hãy sử dụng lời ấy. Trộm nghe ngài Viên Chiếu Thiền sư nói về Đại Đạo rằng: Ngày kia gắng đọc kinh Giáo, ba mươi năm sau quả gặp ngài Minh Trí được nghe ý chỉ "nhất gia tánh cụ", nhìn thấy các Thiền sư chấp trước, Pháp sư văn tự ngồi xe lừa hư, không cách nào sửa lại cho đúng nữa, tất không dám không tự cố gắng.

3. Nam Hồ Pháp Trí Đại sư Tượng Tán - Của Chân Ẩn Cư Sĩ Sử Hạo.

Tòa giảng Linh Sơn nghiễm nhiên ở tại Thiên Thai, sau mười ba đời lại sinh bậc kỳ tài, đem Đạo Tứ Minh diễn giảng hoằng khai, biển khơi nghe tiếng núi non sấm vang, giảng Pháp ở cung vua, Trung Sứ

đến nghe, được đại pháp chỉ bàng hoàng kinh sợ. Vua ban hiệu là Pháp Trí mời ngự cung vua. Đến nay đàn hậu học đều kính ngưỡng là bậc Cao tột, lan cúc thơm tho vốn là một gốc. Than ôi, ấy là trụ đá của Pháp vũ, mơ muối trong Giáo Đảnh, xem đó là huyễn ảnh, trải muôn đời vẫn không chút trần ai!

4. Vĩnh gia Tây hồ Pháp Minh Tự Sớ - Của Băng Tâm Tiên Sinh Diệp Thích.

Chùa này khi xưa là nơi ở của ngài Trung Pháp sư. Ngài hạnh nghiệp cao sâu, nguyện lực mạnh mẽ nói năng đều là chỗ chí Đạo. Cho nên đốt tan cỏ rậm đứng đầu suốt cả trăm năm ảnh hưởng khắp nơi trong Quận. Khi đến Sư Tử Chân lãnh chức Lưỡng Tự. Sư Sưởng xây cất điện đường, lúc đó Viện mới xây xong. Sư Sưởng càng tinh tấn khổ hạnh. Áo giày rách thủng ăn uống đơn sơ, nhưng học chúng đến càng đông, Sư càng ứng đáp như suối chảy. Đông dịch, Thiên Trúc rất thạnh hành, đủ cả người tài tướng Văn tướng Võ. Xưa Thiên Thai lập ra hai nghĩa Chỉ Quán. Người kế thừa mà diễn giải càng lớn rộng hơn là hai Sư Trung, Sưởng, có rất nhiều Luận thuật. Nay như học trò của người là Diệu Chân, Phổ Tế muốn tập họp các nhà học làm Giáo Tạng nên ở tại Viện đốc suất đạo tục tu niệm Phật Tam-muội, vì muốn biểu dương công nghiệp của Sư Sưởng mà nối nghiệp vô cùng của Sư Trung, thật chí hướng rất cao xa vậy. Phàm Phật pháp coi thân là tạm bợ mà xây chùa cất viện mãi không thôi, coi lời nói là bướu nhọt mà hoằng truyền văn tự rất nhiều. Cố nhiên là tôi không hiểu nổi. Có lần đem hỏi Sưởng, Sưởng cũng không biết vì sao như thế!

5. Bài Tựa Chỉ Quán đã được san định lại - Của Khải Am Ngô Khắc Kỷ:

Lạ lùng thay, sách sáng Đạo cứu đời không cố ý mà vẫn được lưu truyền đến ngày nay. Khiến cho bậc Vương công Đại nhân biết có sách này tất không tin lời sàm tấu mà phế bỏ. Khiến cho hàng con cháu các quan viên biết có sách này mà không lập luận để bài bác. Khiến người mở cửa thiền hay đọc được sách này mà cho rằng “Giáo Ngoại Biệt Truyền” là tự lừa dối. Khiến cho kẻ tìm hiểu kinh luận đọc được sách này sẽ cho rằng phân biệt danh, tướng là tự làm khốn mình. Khiến cho kẻ cõi trong nước ngoài tàng trữ sách này dần dà sẽ mở mang thấu suốt nghĩa này, lại ai còn ham hố ngũ dục nạn to mà không sớm tìm cầu giải thoát ư? Đây đều là lời răn dạy đệ tử đại lược về cách hộ trì giáo pháp.

Tử Cống ưa biện luận mà Đạo Khổng sáng rỡ. Mạnh Tử ngất cao công sức nối được vua Võ. Lời nói này khẳng khái, có ai dám bảo chẳng tin?

6. Thư Khuyến Dụ Cống Nguyên - Của Khải Am Ngô Khắc Kỷ:

Đạo Phật truyền đến Đông Hoa đã hơn hai ngàn năm. Nhà Nho ta kẻ bài bác dữ dội nhất không ai bằng Hàn Dũ và Âu Dương Tu. Song đó đều là lời cạn nghĩ đối với Đạo Phật, chỉ vì họ cố chấp vào Giáo nghĩa của Chu Khổng mà chê bai. Cho nên càng công kích thì Đạo càng vững chắc, trọn không thể thu phục được lòng thiên hạ, không liên hệ chi đến các Thánh hiền cùng thầy trò Ông Phật cả. Vả đã nhiều lần ra vào cửa Phật mà chẳng tin. Song khảo xét chỗ đã biện minh mà kẻ gọi đó là Bí - Dâm - Tà - Độn thì cũng chẳng qua là chỉ cho cái học của Thiền Tông mật truyền mà thôi. Phàm Phật có Thiền Tông cũng như Đạo Nho ta có Lão Trang vậy. Dẫu lấy cách đánh chùy dựng phất trần khoe khoang dối lừa mà nói thì cũng chỉ là mối nghi cả một đời Chánh giáo của Phật. Cũng như vì phép học phù hư của Vương Hà mà nghi ngờ Lục Kinh, Luận Ngữ Mạnh Tử và Đạo tu thân tề gia trị quốc bình thiên hạ. Sao có thể như thế được ư? Cách Phật càng xa các dị thuyết càng đua nhau nổi lên, chỉ có Thiên Thai Đại sư là được chính truyền. Đó là Đường Chi, Lương Kính Chi, Liễu Tử Hậu. Triều Tống ta có các Ông Triều Dĩ Đạo, Trần Oánh Trung đã tin phục mà được thâm nhập. Kẻ bề tôi này tuy không sáng suốt nhưng nghiên cứu nhiều năm tháng quán về một tánh phát huy phạm vi Pháp Giới khiến cho Lục Phàm Tứ Thánh mỗi người dẫn đến việc thiếu khuyết đức hạnh mà phải đọa lạc. Thật chưa thể nói ngay với túc hạ, chỉ mong túc hạ một ngày nào đó khảo xét sách ấy mà biết rõ về Đạo nọ. Mới biết trước đây kẻ bề tôi dùng lời thơ quê mùa gọi đó là đại đạo thì không thể riêng cùng Phật Khổng đều cứu đời, quả không phải dối mình mà dối cả thiên hạ. Song Đạo của Phật Khổng thật là Đồng hay Dị? Nếu Dị thì không thể có chỗ đồng quy, nếu Đồng thì không thể khác nhau ở việc làm. Đã nói có pháp thế và pháp xuất thế. Nếu lấy pháp thế mà nghi hoặc pháp xuất thế thì chắc chắn là không thể được, còn lấy pháp xuất thế mà bỏ ngoài pháp thế thì cũng không xong. Cho nên giáo pháp của Thiên Thai truyền lại cũng có Đế về Chân Tục Tương Tức, nếu xét về Đạo cùng việc ra làm mà không trái nhau thì cũng đáng lắm vậy. Ở đời có người chưa bước đến chân núi Thái Sơn mà vội nói việc rộng hẹp cao thấp toan lừa người chưa biết núi Thái Sơn còn chẳng được thay huống là người đã thấy ư? Nay túc hạ chưa đọc

sách Phật mà vội luận bàn về Đạo Phật. Lạ lùng thay lời khuyên nhắc nhiều lần mà xa quá tôi chẳng nghe được gì!

7. Thủy Chung Tâm Yếu - Của Kinh Khê Đại sư Trạm Nhiên:

(Vĩnh Gia Sa-môn Tùng Nghĩa chú thích)

(Ở Nhân nên gọi là thủy, ở Quả nên gọi là chung. Nhân Quả tuy khác nhưng Đế đức không khác. Ý chỉ Viên dung Đại thừa quy về đây, do đó ngài Kinh Khê lập làm tâm yếu).

Phàm Tam đế là tánh đức thiên nhiên (câu trên là nêu ý chỉ, câu dưới là khen ngợi - Thiên nhiên tức bằng trời. Cũng gọi là tự nhiên. Hỏi: “Đây cùng với chỗ chấp của ngoại đạo có gì khác biệt?” Đáp: “Chỗ chấp của ngoại đạo đã bị phá ở trong Ba tạng. Sao bỗng gọi là đồng với Viên đốn Đế lý”. Lại nên biết: Nếu từ phá chấp thì phải rộng lớn tự nhiên. Phá chấp dù thế nhưng lý ắt tự nhiên, nên khi tự làm bèn trừ bỏ chấp chặt mà tùy duyên vô ngại làm nên thuyết này. Đến Văn sau thì nói các hàm sinh vốn đủ Bí tạng nhưng không hiển bày là do ba hoặc che lấp, cũng nên chuẩn theo khoa này mà chọn ra để trình bày, nêu một để tiêu biểu cho các thứ khác không nhọc công phải kể tường tận). Về Trung đế thì thống nhiếp tất cả pháp, Chân đế là dứt mất tất cả pháp, Tục đế là kiến lập ra tất cả pháp (nêu riêng để giải thích về tướng Tam đế. Trung là không lệch ở hai bên. Đế là chắc thật không hư dối. Thống là gồm chung tất cả pháp, là pháp ở hai bên. Chân là không dối vọng. Dứt mất là mất hết. Tất cả pháp là pháp tam thiên. Tục là thế tục, đời thường. Lập là tạo ra tất cả pháp là pháp trăm cõi. Nên biết đây là ước về ba Đế mà nói riêng. Nếu nói chung thì phải nói: Một trung thì tất cả đều trung, không chân không tục mà không trung, thì ba Đế chung một lý mà dứt tuyệt đối đãi. Một Chân tất cả đều chân, không trung không tục mà cũng không chân, thì ba Đế đều dứt mất cả mà vô tướng. Một Tục tất cả đều tục, không trung không chân mà không tục thì ba Đế đều lập ra mà rõ ràng vậy). Nêu một tức ba, không có trước sau, tất cả hàm sinh vốn đủ không phải do tạo tác mà có được (hai câu trên là nói về “dung tức” của ba Đế chỉ rõ không phải ngang dọc khác nhau. Còn hai câu dưới nói về Bản Cụ của ba Đế, chỉ rõ cái Diệu pháp của Vô tác. Nêu một tức ba nghĩa là nêu cái Trung đế đó không Chân không Tục. Mà đương thể là pháp dứt mất nên lại gọi là Chân đế và thường tự kiến lập, nên lại gọi là Tục đế. Một cái Trung đế tức ba như thế, thì hai thứ Chân và Tục đế tức ba cũng vậy. Căn cứ theo lời các Tổ nói thì cũng nên nhắc lại rằng: Tức ba mà một thì có thể lìa xa nhau, tức một mà ba

thì có thể trộn vào nhau. Không phải ba không phải một thì ba và một rõ ràng. Gặp nhau thì càng phân chia, chia ra thì luôn hợp lại. Ngang lại là cao, dọc lại là rộng, các ví dụ rất rõ ràng, thật nên nghiên cứu kỹ lưỡng, chớ nên thấy tướng ba, một tức nhau bèn không cho Tục đế là Thế pháp, Chân đế là dứt mất, Trung đế là thống tuyệt lời tục mênh mang, há có thể vu khống được ư?). Than ôi, Bí tạng không lộ rõ bởi do ba hoặc đã che lấp (ba Đế vi diệu chúng sinh không hiểu nên gọi là Bí. Pháp Giới bao la dùng không hết nên nói là Tạng. Tánh tuy vi diệu, nhưng vẩn đục mà thành Bản hữu, ví như trời trong có mây bụi nay đều đã trong sáng. Lời văn dưới là riêng nói việc này). Cho nên Vô minh che mờ pháp tánh, trần sa ngăn chướng hóa đạo, kiến tư cản trở không tịch (Vô minh là không hiểu pháp giới, không hiểu gì hết. Trần ca là ví cho sự ngu mê quá nhiều. Kiến tư là đặt tên theo sự hiểu biết. Nên biết ba hoặc đều là tánh cụ đồng thể với cái bị ngăn che nên khó biết rõ. Các tiếng che mờ, ngăn chướng, cản trở là khác lời văn mà thôi). Song ba hoặc này thể nó là hư vọng (kết luận cho rằng hoặc chướng đều không chân thực. Ở đây nó ví như không hoa vậy). Do đó đấng Đại Giác Từ Tôn bùi ngùi than rằng (Đại Giác tức bậc Diệu Giác, bùi ngùi tức lời than) trong cõi Chân Như tuyệt không có giả danh Chúng sinh và Phật, trong Tuệ bình đẳng không có hình tướng mình và người (chỉ chung ba Đế là Chân Như và Bình Đẳng Tuệ dứt lìa Danh Tướng) chỉ vì chúng sinh vọng tưởng không thể tự chứng mà không thể trở lại được. Do đó mà lập ra ba Quán để phá ba Hoặc, mà chứng đắc ba Trí và thành tựu ba Đức (chúng sinh vì mê nên chưa thể phục hồi Bản tánh. Thế nên cần nói rõ về Hoặc, Quán...). Toàn tánh khởi tu thì tánh không dời đổi, toàn tu ở tánh thì tu luôn rõ ràng. Một tác gia lập ra ba Đế lời văn ghi trong hai Kinh Anh Lạc và Nhân Vương. Ba quán thì rút trong Kinh Anh Lạc quyển hạ. Còn Ba hoặc là căn cứ vào Đại Phẩm Đại Luận mà trích ra. Ba trí thì có đầy đủ trong phẩm Tam Trí của Đại Phẩm. Về Tam đức thì thấy đủ trong Kinh Đại Niết-bàn. Không quán là phá Kiến tư hoặc, chứng Nhất thiết trí, thành Đức Bát-nhã. Giả quán là phá Trần sa hoặc, chứng Đạo chủng trí thành Đức Giải thoát. Trung quán là phá Vô minh hoặc, chứng Nhất thiết chủng trí thành Đức Pháp thân (một niệm Vô Tướng thì gọi là Không, không một pháp nào không đầy đủ nên gọi là Giả, không một không khác nên gọi là Trung. Biết tất cả pháp là một tướng vắng lặng nên gọi là Nhất thiết trí. Biết các thứ sai khác của Thập pháp giới nên gọi là Đạo chủng trí. Biết ở hai bên không phải là Trung đạo nên gọi là Nhất thiết chủng trí. Chiếu sáng là Bát-nhã. Cởi mở các

trói buộc gọi là Giải thoát, Thanh tịnh thì gọi là Pháp thân. Đều đầy đủ Thường, Lạc, Ngã, Tịnh nên gọi là Đức) Song Ba hoặc, Ba quán, Ba trí, Ba đức này không phải mỗi thứ đều riêng biệt, không phải dị thời, vì là lý thiên nhiên đầy đủ các pháp vậy (Văn trên trình bày riêng e cho là có dọc có ngang, nên ở đây phải nói "dung tức" để chỉ rõ là không riêng khác. Thế nên cần biết rằng: Ba hoặc trong một niệm mà phá, Ba quán trong một tâm mà tu, Ba trí trong một niệm mà chứng, Ba đức trong một tâm mà thành. Hoặc và Quán nhất như, Trí và Đức không khác. Nếu không phải Tánh cụ sao khỏi khác biệt. Giáo quán của Sơn môn ta khác hẳn với các nhà khác, vượt hơn các thuyết, chính là điều này vậy). Song ba Đế này Tánh nó tự như thế (khen lại lần nữa là Ba đế này không ai tạo ra), mê thì Ba đế này chuyển thành Ba hoặc. Phá hoặc phải nhờ Ba quán, quán thành thì chứng Ba trí, Trí thành thì thành tựu Ba đức (tự mình mê ngộ lần lượt làm nguyên do. Lời văn nói: Năm, ba chỉ là một, ba, không trước không sau, Nhân Quả lý đồng). Từ Nhân đến Quả không cần tiệm tu (hạnh của Tánh đức khác với thứ lớp). Nói là thứ lớp lý không phải thứ lớp (nói không phải Đốn Hiển nên có trước sau. Nếu luận về lý ấy thì nó ở từng sát na. Lý ấy là gì? Tức tam thiên Tam đế). Đại cương như thế, nên tìm ở cương mục (Đế đức lớn sâu nên gọi là Đại cương. Các pháp rộng nhiều nên gọi là cương mục. Hoa Nghiêm gọi đó là Pháp giới, Phương Đẳng gọi là Thật tướng, Bát-nhã gọi là Phật mẫu, Pháp Hoa gọi là Kế châu, Niết-bàn gọi là Phật sư. Tam đế chỉ là một pháp mà Phật nói có nhiều tên. Ngài Long Mãnh ngộ nó mà viết Luận, ngài Trí Giả được nó mà khai thác. Ngài Kinh Khê truyền nó mà làm tâm yếu. Ấy là chỗ truyền nhau của mười phương Đại Giác và các Tổ, không thứ nào không quy về Đế đức Bí tạng. Đời Tượng Mạt nhiều biếng lười, tín tâm mỏng ít. Như pháp môn này không tôn trọng ở gốc mà lại riêng cầu thuật tâm yếu, thật do đời gần đây người tu tập Đại thừa quá lộn xộn hà lạm vậy).

8. Tứ Thập Nhị Chương Kinh Sớ Tự - Của Cô Sơn Pháp sư Trí Viên:

Xưa họ Năng Nhân là vua thiên hạ, tượng cái hình tượng không hình tượng, nói lời không lời để phục hồi Bản tánh của quần sinh do đó mà có Phật pháp. Giáo pháp có cao thấp, nhằm vào căn lợi độn, thế nên có Đốn có Tiệm. Sau đó trộn lại làm một nên gọi là Khai Hiển thật ngây ngô lộn xộn, dẫn dắt dạy dỗ để họ phục hồi lại Bản tánh thật hành bằng đại phương tiện giữ an họ bằng Bí tạng, thật khó nói hết được.

Đến đời Hậu Hán, Đạo Phật được truyền đến Đông độ. Bấy giờ vua kính ngưỡng sự oai linh của ngài mà khép nép vâng lời dạy bảo bèn cùng thuyết của Trọng Ni Bá Ni lập nên ba Đạo. Nguyên giáo nghĩa của Trọng Ni là nêu cao Đạo của ba vua Đường Ngu, tôn trọng nhân nghĩa khiến phục hồi nghiệp Vương Đế. Chủ trương của Bá Dương là trình bày Đạo ba vua giản dị mà dứt Thánh bỏ Trí, khiến trở lại đời vua thuở hoang sơ còn viết chữ bằng cách thắt nút. Về hai cách sống này nói về tánh mạng thì chưa rốt ráo là Duy tâm, nói về báo ứng thì chưa suốt ba đời. Song đối với việc trị thiên hạ an quốc gia thì dù một ngày cũng không thể thiếu được. Thật đẹp thay! Nếu lấy giáo nghĩa đó để đem dạy người trong nước rất là sáng suốt. Còn chủ thuyết của Đạo Phật là chỉ cho hư không và thế giới đều do tâm mình thì không chỉ nói Thái Cực sinh Lưỡng Nghi, Huyền Tẩn là gốc của trời đất mà thôi. Xét về thiện ác báo ứng thì cho tất cả là do nghiệp của ta không chỉ nói Thượng đế có vô thường lưới trời lồng lộng mà thôi. Có người thấy sự nhận thức của Bá Dương, Trọng Ni thì cho đó là rộng lớn đầy đủ. Đến như giúp thần minh nghiên cứu chỗ chế lý, thì cũng chỉ tóm tắt sơ lược cái chỉ thú ấy mà thôi. Còn như thông suốt điều kỳ diệu phải chăng chỉ có lời dạy của Đức Phật. Nó có thể dùng để giáo hóa người ở nước ngoài lại càng sáng tỏ. Đạo trong nước thì rõ là trị thân mà còn sơ lược trị tâm nên bảo là ngoại giáo. Còn Đạo nước ngoài thì rất khéo trị thân mà cốt lại trị tâm, nên gọi là nội giáo. Xưa, Nguyễn Hiếu Chữ chính vì dùng tên nội ngoại nên không phải dối lừa. Người đời có kẻ gọi ba thứ đó đều đồng chung nhau, hoặc cơ hồ như mất hoặc gọi là ba thứ khác nhiều, cũng chưa là được. Là vì sao? Vì phục hồi toàn tánh có cạn sâu, lời nói và việc làm có xa gần thì không thể khác được. Đến như đời Thiện mà xa tội ác, thấy tàn bạo mà bỏ giết hại thì không thể giống nhau được. (Đây chỉ là lời văn tóm tắt, trong Trinh Giác Hoàn Nguyên Ký có giải thích kỹ).

9. Thư gửi cho Lạc Ngự Sử (tên Yển) - của Cô Sơn Pháp sư

Phật pháp không xưa lắm vì mới truyền sang Đông độ này từ đời Hán. Thể nó thanh tịnh, dụng nó chuộng nhân từ dung thứ. Do đó mà có bảy sáu nhà, mười chín phái làm lợi ích cho cả trên dưới, cứu cái tệ hại của Khổng Lão, thì cũng nhiều lắm vậy. Phàm nhà Tần đốt hết Lục Kinh, nhà Hán mưu đồ bá chủ mà sinh thói kiêu mạn bạc bẽo, sự tranh đoạt càng mạnh, nhường nhịn lễ nghĩa càng suy vi, thì Nhân nghĩa của Trọng Ni, đạo đức của Bá Dương cơ hồ dứt mất. Phải nhờ giáo nghĩa Phật pháp dạy dỗ, Phật pháp dùng việc báo ứng ba đời mà chế phục.

Lại nói Nhất Tâm không tịch để tột lý nghĩa. Người dân nghe thuyết báo ứng, dù kẻ tham tàn bỉ lận cũng rộng lòng cứu giúp kẻ nghèo đói nạn tai. Người dân nghe thuyết không tịch thì dẫu kẻ thích đấm đá cũng khéo giữ phận yếu hèn. Hay chu cấp cứu giúp thì thực hiện đạo cứu đời rộng khắp. Khéo giữ phận mình thì trở lại đời sống mộc mạc. Làm hạnh cứu đời thì lễ nhưng được chuộng. Sống mộc mạc thì hình phạt dẹp bỏ (làm lợi cho dân là Đạo của Trọng Ni và Bá Dương không bao lâu sẽ được phục hồi. Cho nên nói làm lợi cho cả trên dưới, cứu cái tệ hại cho Khổng Lão. Đến khi vua luông tuồng, người tu giúp vua tất trái đạo mình). Vì đây mà mất ý chỉ thì tiết chế không làm, trái với Đạo thì Tịch mặc không giữ. Bèn sống xa hoa phung phí chỉ lo việc ăn no mặc ấm khoe khoang. Những mong được nhiều là quý... thì kẻ phá đạo ấy khá nhiều. Lời nói quái dị cho là đẹp thì mê hoặc lừa dối người nghe hẳn đông. Dù noi dấu cũ thấm đẫm thành tục khiến cho phong cách thanh tịnh nhân thứ do đó tiêu mất. Tệ nạn ăn bám đục khoét từ đấy sinh ra. Đó là những kẻ ham thích và phụng thờ điều bất thiện. Giáo pháp nào có tội gì mà vua và dân xưa không chịu xét nguyên do thấy môn đồ là kẻ bất tiếu trở lại giận ghét giáo pháp của bậc Thiện nhân, thường tạo luật lệ để hủy hoại Phật pháp, áp bức giết chóc Phật tử. Có khác nào vì Đơn Chu mà bắt lỗi vua Nghiêu, nhân Thương Quân mà làm tội vua Thuấn, uống thuốc quá liều lại đổ tội cho Thần Nông, chơi lửa cháy nhà mà oán người gầy lửa?!

10. Nam nhạc Chỉ Quán Hậu Tự - của Từ Vân Đại sư Tuân Thức:

Dụng của Chỉ Quán vốn là minh tịnh. Đức của minh tịnh vốn là một tánh. Thể của tánh vốn là giác nên gọi là minh, thể của giác vốn vắng lặng nên gọi là tịnh. Minh tịnh không hai nên gọi là thể, thể không phân chia thì minh tịnh được ở yên. Thể được đầy đủ thì có minh tịnh. Nói về thể thì không phải một mà thường một, nói về đức thì chẳng hai mà luôn hai. Chỉ phân chia mà không chia, chỉ một mà không phải một đó thôi. Thể và đức không biến đổi, cưỡng gọi là tánh của vạn pháp. Thể và đức không trụ, cưỡng gọi là gốc của vạn pháp, vạn pháp còn gọi là gì? Là sự thể hiện của toàn thể minh tịnh. Vì sao như thế? Bởi do cái Bản giác sáng suốt từ vô thủy cưỡng chiếu thì chiếu sinh, mà tự lầm thì gọi là mê tối. Gốc vô trụ từ vô thủy tùy duyên duyên khởi mà tự loạn nên gọi là động. Vì mê tối loạn động mà khiến vạn pháp sinh ra. Ấn vào mắt thì thấy hoa đốm há phải là vật khác. Cho nên nói bất biến

tùy duyên thì gọi đó là Tâm, còn tùy duyên bất biến thì gọi đó là Tánh. Tâm thì hôn tối loạn động, Tánh thì minh tịnh. Nếu biết từ vô thủy ngay nơi minh mà bị hôn tối cho nên có thể hiểu nay ngay nơi động mà là tịnh. Do đó Thánh nhân thấy hôn tối loạn động có thể thì ngay khi ấy cái minh tinh có thể phục hồi. Cho nên nhân tịnh mà dạy về Chỉ để ngăn dứt sự loạn động, nhân minh mà dạy Quán để quán chiếu cái mê tối. Khiến cho tột cùng một niệm, tức động mà tịnh, tức hôn mà minh. Hôn mê loạn động đã dứt rồi thì vạn pháp tự mất chỉ còn lại cái thể minh tịnh vậy. Ấy là Viên Đốn, ấy là Vô Tác, là Hạnh Như Lai, là chiếu Tánh thành Tu, Tu thành thì bỏ Dụng. Ai còn luận đến Chỉ Quán làm chi. Bởi khi thể hiển thì tánh mất, cũng không còn minh tịnh, rỗng suốt không còn gì, không biết gọi là chi, vì muốn nêu vật để chỉ chỗ về. "Chỉ" thành thì gọi đó là Giải thoát, "Quán" thành thì gọi đó là Bát-nhã, thể hiển bày thì gọi đó là Pháp thân. Là ba tức một, là một tức ba, như ba điểm của chữ "Y", như ba mắt của trời. Không phải là ngang hay dọc, không phải là một hay khác. Đó gọi là hai đức không thể nghĩ bàn. Đó là Đại Bát-niết bàn vậy. Than ôi, pháp này từ khi Đức Phật ở Hạc Lâm mất trao Đạo sáng cho ngài Đại Ca-diếp, Ca-diếp trao lại cho A-nan, từ A-nan trở đi đèn sáng nối nhau đến Tổ thứ mười một là Mã Minh, Mã Minh trao lại cho Long Thọ. Thọ đem pháp này diễn bày trong Trung Quán Luận. Khi Luận này truyền sang Đông Hạ thì riêng vùng sông Hoài có ngài Tuệ Văn Thiền sư hiểu rõ, rồi trao lại cho Nam Nhạc Đại sư. Ngài Nam Nhạc từ đó mà chiếu tâm liền phục hồi được tánh, được Sáu căn thanh tịnh, quả vị gần với bực Thánh đó là hiệu nghiệm do dụng của Chỉ Quán này. Đại sư ta thương người đời sau không được nghe pháp bèn phát Đại Bi tâm nói ra mấy vạn lời tên là Đại thừa Chỉ Quán, cũng gọi là Nhất thừa, cũng gọi là Chỉ Rành Tâm Yếu phân làm hai quyển. Quyển đầu giải thích về Chỉ Quán, quyển sau chỉ việc thực hành Chỉ Quán. Hiểu và làm đều đủ cũng như mắt và chân vậy. Khiến ta an nhiên không chuyển dời mà đến được ao Thanh Lương. Ôi, văn này, năm tháng xa xôi ẩn tàng nơi hải ngoại. Khi Đạo sắp phục hưng, thì vào năm Hàm Bình thứ ba, ở tại Nhật Bản có ngài Viên Thông Đại sư Tịch Chiếu vượt thuyền sang Trung Quốc, đã lên núi Mậu bèn hiến tặng sách này. Ngài Sa-môn Tuân Thức đứng đầu ở Thiên Trúc tiếp nhận. Độ Chi Ngoại Lạng Chu Công nhanh chóng viết bài tựa đầu, ra tiền khắc bản lưu hành rộng khắp. Lớn lao thay bản văn này! Bắt đầu từ Tây Vức truyền đi, như mặt trăng mọc trở về hướng Đông, như mặt trời lên cao trong suốt tròn sáng rồi trở về nước ta. Nhân đây viết lời tựa

đại lược để làm sáng những chỗ tối tăm.

Lời răn viết trên dãi áo - của Pháp Sư Từ Vân

Các con nên biết, việc làm hằng ngày của Tri Bạch ta (sư tự Tri Bạch):

Pháp nào hại thiện, luôn phải tránh xa (Chư Ác mạc tác)[1] ,

Đạo nào phá ác, càng phải luôn dùng (Chúng thiện phụng hành),

Miệng không tự khoe, tâm không tự dối

Chớ ôm gỗ mọt (cất giữ không tốt như gỗ có mọt)

Chớ giả hình dung (giả hiện oai nghi , tăng thêm ngã mạn)

Muốn người khen chuộng , tự lo hàm dưỡng

Việc sát đầu tiên - Hãm vào hố họa (cầu lời khen hư dối dính vào nghĩa chết, cất dấu tư lợi bị rơi vào đất Họa)

Tự giữ đức độ, tất có chê khác

Tự chuộng thấu suốt, tất có quấy khác (khả năng chưa đủ mà tự cáng đáng nên có nhiều người chê bai). Hiểu biết chưa thông mà tự đảm trách nên người cho là nhiều lỗi).

Quyến thuộc nhóm đông, các con nên bỏ.

Lợi dưỡng buộc ràng, các con nên sợ (gần gũi quyến thuộc tất có nhiều buồn phiền phải dùng một thuật bảo toàn thân lánh xa độc hại. Lợi do cúng dường gây nhiều ham hố như dây lông trói mình lôi xuống nước càng gấp).

Các việc ra làm, chọn lựa xét kỹ.

Các thứ trừng ác, pháp nào phải theo (các việc ra làm đều phải chọn xét kỹ vì sợ rơi vào Nhị Thừa. Đã biết việc trừng ác vậy phải dùng pháp nào để về với Đại thừa. Lập lời hỏi này sẽ thấy rõ ở văn sau).

Hương thêm một nén, sen hồng vài cành.

Miệng đừng đọc sai, ý chớ nghĩ khác (luôn đọc kinh Tịnh Độ chỉ giữ một cảnh Tịnh Độ)

Tọa Thiền lễ tượng, chớ nên thiếu sót (chuyên tu Quán Phật Tam-muội, chuyên lễ Phật A-di-đà).

Lường cơm kiệm áo, chí ấy không dời

Viết sách cho đời, đúng lời Phật dạy

Nói lỗi phải quấy, cẩn thận đúng pháp

Đối ứng khách bạn, chớ nên nhiều lời

Tiếc từng phút giây, ngồi không luống uổng (giành từng tấc bóng)

Thân chuối hư huyễn, đâu có lâu gì? (Thân thật nguy cấp)

1 Nguyên văn có hai câu bốn chữ, nhưng phải dịch thành ba câu bốn chữ như trên mới đủ ý (hoặc: Con biết Tri Bạch, Việc làm hằng ngày

Liên hoa Tịnh độ, là nơi con về (do công sức lễ niệm thiền tụng trước đây liền được vãng sinh về cõi An Lạc)

Lấy đêm làm ngày, tu hành siêng năng! (Tâm tâm không gián đoạn, niệm niệm cầu vãng sinh. Đó gọi là chớ ham ngủ nghỉ uống phí một đời).

Quán Tâm Thập Pháp Giới đồ
Như người muốn biết rõ tất cả Phật ba đời
Nên quán tánh Pháp giới, tất cả do tâm tạo.

Về phép tu Quán gồm có Tùng hành, Phó pháp và Thác sự chỉ ba thứ này mà thôi. Nay Quán tâm đồ thì Tùng hành là quy tắc chính thức. Phàm về Chỉ Quán thì dùng hai mươi lăm pháp làm phương tiện và Mười thừa, Mười cảnh làm Chánh tu, chắc chắn là những thứ này không thể đầy đủ được, nhưng nếu hằng ngày đem những đức tốt lỗi xấu lên xuống trong mười cõi để quán sát rõ ràng tâm ta dù tơ hào không bỏ sót, ấy là cốt yếu của việc cải Ác tu Thiện vậy. Ngài Từ Vân Pháp sư chỉ ta dùng Quán tâm đồ để tìm xét tâm ưa thích vị pháp mãi không quên. Tôi đem bản văn này đặt bên các tòa giảng để tự cảnh giác mình, nhưng thấy chưa giúp ích gì cho mọi người nhiều, bèn cho thợ khắc bản in ra lưu hành rộng khắp ngõ hầu phần nào nối chí cả của Đại sư.

Triều Tống, ngày rằm tháng chín năm Thiên Thánh thứ nhất.

Thái Nguyên Vương Khâm Nhược làm lời tựa.

Rộng không bờ bến, cao không gì trùm, dài không thể tìm, sắp đầy thì trống rỗng, sắp tối thì lại sáng, tuy hai bên mà ở giữa, vi diệu tuyệt vời không thể nghĩ nghì được, đó chính là Tâm. Ngài Thiên Thai nghe Phật nói tâm này ở hội Linh Sơn mà chứng được Tam-muội. Biết nó vắng lặng không thể dùng số đếm mà tìm được, mà gượng lấy số để đếm thì nó không tính đếm được. Căn cứ theo Pháp Hoa mà lập ra Thập giới Bách giới, Tam thiên quyền thật... để nói về các Tánh thì không phải hợp, không phải tan, tự nhiên nhi nhiên nên gọi đó là thật tướng các pháp để giúp người dễ hiểu. Sau đó mới chỉ rõ rằng một niệm không thì tam thiên đều không, một niệm giả thì tam thiên đều giả, một niệm trung thì tam thiên đều trung. Thành trọn Ba quán, Quán trọn Ba đế để nói về các pháp tu. Đó là Đại trí, là Đại hạnh. Không đi mà đến nhanh nên gọi là "xe trâu trắng lớn khiến người đốn nhập". Cho nên được thì từ nhân đến quả không dời một niệm, ngồi tòa Bồ-đề thành Chánh giác, hàng ma thyết pháp, độ chúng sinh, nhập Niết-bàn... mà làm xong

tất cả mọi việc. Ngài dùng kệ của ngài Long Thọ về Nhân duyên, tức Không, tức Giả, tức Trung hợp lại mà làm đồng nhau. Thập pháp giới là gì? Thập là thống nhiếp các pháp, Ba đế là giới. Vì sao? Vì Phật dùng Trung làm pháp giới. Bồ-tát thì dùng Tục làm pháp giới, Duyên giác, Thanh văn thì cùng lấy không làm pháp giới, địa ngục, quỷ súc, tu-la, người trời thì cùng lấy pháp Nhân duyên sinh làm pháp giới. Không Giả Trung tuy ba mà một, Thập giới cũng một mà mười. Cho nên khiến hợp nhau làm một mà lại đủ cả chín. Như chuỗi ngọc Đế Thích chiếu nhau thành trăm pháp giới vậy. Một nhân duyên thì tất cả đều nhân duyên, một không thì tất cả không, một giả thì tất cả giả, một trung thì tất cả trung, đều do đây cả. Tam thiên lại là sao? Là pháp thành cõi giới vậy. Có mười thứ, tức là tướng như thế, tánh như thế, thể như thế, lực như thế, tác như thế, nhân như thế, duyên như thế, quả như thế, báo như thế, bản mạt cứu cánh... như thế. Đây là nói chung. Mười pháp ở Phật là trung, là thật, là thường, là Ba trí, là Năm nhãn, là Mười lực, là Vô úy, là Bất cộng pháp; ở Bồ-tát là giả, là quyền, là vĩnh, là thường, là vạn hạnh, là Bốn nhiếp; ở hàng Nhị thừa là không, là quyền, là Ba thoát, là Bốn khô, là vô lậu, là Niết-bàn; ở phàm phu là điên đảo, là hoặc, là lậu, là cái, là triền, là tập não, là sinh tử... Đây là nói riêng. Gồm cả bách giới kia thành thiên pháp. Lại phân rộng bách giới đó làm hai thế gian mà thành pháp tam thiên. Bách giới và tam thiên là một, phàm cùng một niệm không có trước sau, không phải hợp nhau. Gồm chung mà có tông, hội lại mà có nguyên, tất phải quy về Ba đế bất tư nghì, ba Pháp vô lượng, Ba đức mật tạng. Ôi, một niệm tâm pháp đã như thế, dẫn các thứ khác đều đồng, bao nhiêu pháp Phật bao nhiêu pháp chúng sinh... đều như thế cả. Kinh nói: “Như tâm và Phật cũng vậy, Phật và chúng sinh cũng thế, tâm, Phật và chúng sinh, là ba thứ không khác.” Đây cũng bảo như thế. Đã biết như thế rồi thì phải quán hằng ngày, phàm khởi một niệm, tất thuộc một cõi giới, tức chiếu giới này, là chín là Phật. Nếu chín thì tùy tình mà riêng khởi gọi đó là Vô minh. Còn Phật thì xứng lý viên quán, gọi đó là Đại tuệ. Chín giới đều niệm (đều tục) thì không phải tâm của Phật giới, đó là cái nhìn phải quấy. Quấy thì quán chiếu khiến nó thành phải, phải thì giữ gìn khiến nó thành hạnh. Kinh nói: Chư Phật giải thoát phải từ tâm hạnh của chúng sinh mà tìm. Hành nơi phi đạo mà thấu suốt Phật đạo, là nói đây vậy. Vậy thì mắt ở trên mặt mà xem lại chính sắc diện mình. Tâm thật ở bên trong, cần mượn duyên mà huân tập phân biệt. Thần linh thầm kín, chiếu đó không dễ thức tưởng lăng xăng, kiểm tra thật khó. Cho nên nay dẫn tâm bên ngoài, vẽ các biểu

hiện lên xuống, giữ chí ở Trung quán mà biến đổi sự phải quấy của ta. Sau đó mới đòi hỏi phải quán chiếu nội tâm Chánh đạo do đó mà được sáng rỡ, gọi là Viên Đốn Quán Tâm Thập Pháp Giới Đồ. Đối với chữ tâm mà chia ra Mười giới. Lại dẫn Mặc Điệt Quán Thầm liên tục cũng như Liên Châu biểu hiện một Pháp giới lần lượt đủ cả chín thành Bách pháp giới nhưng lấy hình tướng khởi đầu viết thư cho tả hữu. Người xem muốn thâm nhập vào tánh xin xem rõ ở các tựa. Ai muốn thực tu nên xem các Đồ trạng.

1. Cảnh giới Phật:

Nếu người có nhân đọc Viên Mãn Tu-đa-la và nghe các Thiện tri thức khuyên nói mà khởi lòng tin thanh tịnh. Tin rồi một niệm nghĩ nhớ tánh ba đạo tức tánh ba đức, Khổ đạo tức Pháp thân, Phiền não tức Bát-nhã, Kết tập tức Giải thoát. Pháp thân rốt ráo, Bát-nhã thanh tịnh, Giải thoát tự tại. Một rốt ráo thì tất cả đều rốt ráo, Bát-nhã giải thoát cũng rốt ráo, một thanh tịnh thì tất cả thanh tịnh. Pháp thân giải thoát cũng thanh tịnh. Một tự tại thì tất cả đều tự tại, Pháp thân Bát-nhã cũng tự tại, tức một mà ba, tức ba mà một. Không phải dọc không phải ngang cũng không phải khác và một. Pháp thân thường trú thì các thứ khác cũng thường trú. Lạc, Ngã, Tịnh cũng thế. Thế thì Thường, Lạc Bốn đức bí mật tạng biến khắp tất cả chỗ. Tất cả các pháp đều là Phật pháp. Đã tin như thế rồi thì đem cảnh cột tâm, lấy tâm cột vào cảnh. Tâm cảnh niệm niệm tiếp nối mãi không gián đoạn thì tất thấy được pháp tánh tạo lập ra các thứ chưa tương ưng. Phải nương vào một thật tướng của Bốn đế vô tác mà khởi Bốn thệ nguyện lớn. Trong chỗ không thể tìm cầu mà ta cố tìm cầu. Nương vào khổ đạo trước tức khổ đế mà phát thệ nguyện rằng những ai chưa được độ khiến được độ. Nương phiền não và nghiệp, tức Tập đế mà phát thệ nguyện rằng những ai chưa dứt khiến được dứt. Nương Khổ đạo tức Pháp thân, tức là Diệt đế thì phát thệ nguyện rằng những ai chưa Niết-bàn thì khiến được Niết-bàn. Nương phiền não tức Bồ-đề, tức Đạo đế thì phát thệ nguyện rằng những ai chưa an thì khiến được an. Nếu bốn hoằng nguyện ấy không nhập vào thì phải khéo an tâm, thứ lớp như thế mà tu đủ mười pháp, tất sẽ nhập vào phẩm Ngũ Lục căn và phần chứng vị thì gọi là cảnh giới Phật.

2. Cảnh giới Bồ-tát

Nếu quán căn trần một niệm bị mê mà bỏ gốc. Mê thì có Mười giới Khổ Tập, ngộ thì có Bốn Thánh đạo diệt. Duyên đây mà khởi vô lượng Tứ đế, khởi vô lượng thệ nguyện. Người chưa được độ khiến được độ, người chưa dứt thì khiến được dứt, người chưa an thì khiến được an,

người chưa Niết-bàn thì khiến được Niết-bàn. Khéo léo độ sinh, dùng con mắt thương yêu nhìn thấy mọi vật, các phước nghiệp tạo ra đều cùng chung với chúng sinh. Như thế mà khởi một niệm nên gọi là cảnh giới Bồ-tát.

3. Cảnh giới Duyên Giác

Nếu căn trần khởi niệm thì hiểu rõ nó từ Vô minh sinh ra.Do đó sinh nên có Hành, Hành chiêu vời Danh sắc cho đến Lão Tử, ba đời tiếp nối nhau như múa vòng lửa. Nhân duyên vốn không, huyễn hóa không thật. Cầu tìm Tuệ Lạc tự nhiên riêng khó vắng lặng, quán chiếu nhiều về không tâm, vui trụ vào Tịnh định. Tuy chứng được đạo quả nhưng không thích hóa độ người. Lại có người quán các vật xinh tươi rồi héo rụng, ngộ đời vô thường, nghe không mà đắc đạo nên gọi là Độc Giác. Hành giả như thế thì gọi là cảnh giới Duyên giác.

4. Cảnh giới Thanh văn

Nếu căn trần do nhân duyên mà tùy đó có một niệm. Nương vào sắc tâm nên có Khổ, do phiền não nên có Tập. Chán Khổ đoạn Tập không biết phải đối trị như thế nào. Bèn nương vào Tứ đế mà tu Mười sáu quán, Ba mươi bảy phẩm trợ đạo như cứu lửa cháy đầu. Do Bốn thiện căn mà được nhập vào Bốn quả Sa-môn vô lậu, chứng hai thứ Niết-bàn. Vì hiểu lệch chân lý nên không được Phật pháp, không thích độ người. Như chú nai chỉ biết phóng chạy một mình về trước không đoái hoài gì đến cả bầy chạy theo sau. Một niệm như thế gọi là Thanh Văn Pháp giới.

5. Cảnh giới Trời

Nếu người luôn khởi niệm ham thích cảnh vui thiên giới nên dốc chí làm việc thiện mong được quả báo đời sau, trai giới thuần tịnh cúng dường trai phạm Sa-môn, xây dựng chùa tháp và hình tượng Phật, sao chép kinh sách Đại thừa, cứu giúp kẻ nghèo bệnh. Với pháp Thập Thiện Chỉ và Tác đều tu đầy đủ tự nhiên thành tánh. Hoặc cấm giữ sáu căn khiến sáu thức không buông lung, sáu trần không xâm nhập, được các Thiền Định ở Dục, Sắc và Vô Sắc Giới. Thân tâm vắng lặng ba nghiệp đều lương. Một niệm như thế gọi là Cảnh giới Trời.

6. Cảnh giới Người

Nếu người luôn luôn nghĩ nhớ lấy Ngũ thường để lập đức, Ngũ giới tu thân, trung với nước, hiếu với nhà, khiêm tốn trung chánh, ca tụng đức người, nhận lỗi về mình, kính trên nhường dưới, cứu giúp kẻ cô bần, luôn biết hổ thẹn, tánh luôn từ hòa, tin sâu nhân quả, sùng kính Tam bảo, chuyên tu trai giới, xây dựng chùa tháp, chỉ ham vui sướng ở

cõi Người không mong ra khỏi, tham tiếc thân mình yêu thương quyến thuộc. Một niệm như thế gọi là Cảnh giới Người.

7. Cảnh giới A-tu-la

Nếu người niệm niệm tuy thích tu thiện, bố thí trai giới nhưng luôn hiềm nghi. Khi tu phước nghiệp thường muốn hơn người. Thấy người tu thiện thì thường ghen ghét, cống cao ngã mạn trọng mình khinh người, muốn người khác quy phục mình, không hề khiêm tốn, như loài chim cắt bay lên cao mà nhìn xuống. Bên ngoài giả bày nhân nghĩa mà trong không có thật đức. Trước mọi người luôn khoe tốt về mình, không theo chánh lý, không thẹn với bậc hiền tài. Người có tâm như thế là Cảnh giới A-tu-la.

8. Cảnh giới Ngạ quỷ

Như người luôn luôn không biết hổ thẹn, ham hố mãi không hề biết đủ, hẹp hòi keo kiệt, mảy may không bố thí tước đoạt của người bòn rút về mình. Thấy người bố thí tìm cách cản ngăn, thấy người được lợi tâm sinh phiền não, tánh ưa siểm nịnh, luôn khởi tà kiến. Trước người thì giả bộ đàng hoàng, chỗ vắng người mặc tình buông lung, phá trai phạm giới, ham ăn háo uống, không tin lợi phước nhân quả, không tin Tam bảo, không biết hiếu để, đó gọi là Cảnh giới Ngạ quỷ.

9. Cảnh giới Súc sinh

Nếu người niệm niệm đắm mê ngũ dục, ham có nhiều bà con, càng ngày càng thêm không hề biết chán, thủ đoạn lắt léo, xử đoán bất công trái phép cướp của người không cần theo lễ nghĩa, chỉ mưu đồ tư lợi, không thương kẻ cô bần. Nếu giữ tài sản người khác thì luôn ngang bướng xâm phạm, mua bán đổi chác đều ngang nhiên cướp đoạt, không biết trung hiếu, không kể hiền ngu, không tin nhân quả, không kính Tam bảo. Nhân nhân trân tráo không biết xấu hổ giống như loài súc sinh, thì gọi là Cảnh giới Súc Sinh.

10. Cảnh giới Địa ngục

Nếu người luôn gần gũi bọn tà ác và tánh luôn làm ác, khởi tâm tăng thượng, niệm niệm nối nhau tạo mười điều ác cực nặng là giết, trộm, dâm, vọng, nói thêu dệt, hai lưỡi, mắng chửi, tham sân, tà kiến và tội ngũ nghịch, phạm tứ trọng cấm, làm nhơ người phạm hạnh, mua bán rượu, say sưa phá phách, không nghĩ đến ân đức của vua chúa ông cha sư trưởng, ngang ngược luôn giận hờn, hiếp đáp kẻ hiền tài, kết bè với đám vô lại, đập phá chùa tháp, đốt bỏ kinh tượng, hủy báng Đại thừa, đoạn học Bát-nhã, làm dứt mất giống trí tuệ, bác bỏ không có chư Phật, phá giới vẫn nhận cúng thí, dùng vật Tam bảo, trộm của Tăng kỳ. Khởi

các Kiến, Đoạn, Thường của ngoại đạo, phá pháp chánh Nhân Quả ba đời, học quen mười hai pháp ác luật nghi (mổ giết, làm đao phủ thủ, nuôi heo, nuôi gà, bắt cá, săn bắn, lưới bẫy chim, bắt rắn, đọc chú ếm rồng, làm chúa ngục, trộm cướp, vì vua bắt giặc cướp và nuôi tằm... các việc). Như các nhóm người trên khi chết rồi bị đọa vào các đại địa ngục Đại nhiệt, Đại hàn. Đó gọi là Cảnh giới Địa ngục.

13. Tông Mông Tôn Tổ Nghị - của Sa-môn Chí Bàn

Như Lai Thánh nhân người dùng đạo khai Quyền hiển Thật, khai Tích hiển Bản để giáo hóa người thiên hạ đời sau, gọi là Phật. Các đệ tử Phật tiếp nối ra truyền đạo làm Tông Chủ ở đời thì gọi là Tổ. Kỳ thật chỉ một Đạo mà thôi. Nên Đức Như Lai khi sắp nhập Niết-bàn, đem Đạo pháp vô thượng trao lại cho Ẩm Quang. Ngài Ẩm Quang giữ lấy suốt hai mươi năm và trao lại cho Khánh Hỷ. Ngài Khánh Hỷ giữ pháp và truyền đạo cũng hai mươi năm rồi giao truyền lại cho Thương Na. Từ đó trở đi đến đời thứ mười ba là Tổ Long Thọ. Ngài là người đầu tiên dùng văn tự Bát-nhã đem sở chứng viết ra đạo Tam Quán gọi là Trung Quán Luận. Đến khi truyền sang Đông độ và dịch ra thì ngài Bắc Tề do ngộ xưa đã chứng đem lập Quán Pháp và trao cho ngài Nam Nhạc. Nam Nhạc kế thừa ý chỉ ấy mà ngộ Pháp Hoa tịnh Sáu căn, rồi trao lại cho Thiên Thai. Ngài Thiên Thai là người đầu tiên lập ra năm thời bày đủ tám giáo để làm sáng tỏ cái vi diệu của Pháp Hoa khai hiển để mở rộng cái ý chỉ Cảnh Quán. Lúc đó ngài Chương An ghi chép làm Sớ Luận mà Đạo ấy bèn thịnh sáng. Ngài Pháp Hoa Thiên Cung nối đời diễn giảng. Kế thừa pháp ấy chỉ có ngài Tả Khê. Còn học trò ngài Tả Khê thì riêng có ngài Kinh Khê là kế thừa chánh thống, viết ra các ký thuật để tán trợ việc hoằng truyền của Tổ Sư, thì ngài Thanh Lương luận khác để chấm dứt. Việc dùng văn tự để diễn rộng Đệ nhất nghĩa đế không đâu hưng thịnh bằng lúc ấy. Theo các học giả thời xưa kể từ ngài Long Thọ đến ngài Kinh Khê lập làm chín Tổ để thừa tự là có nguyên do. Từ ngài Kinh Khê đến nay đem Đạo này để truyền trao thì có Hưng Đạo (Thúy Sư), Chí Hành (Tú Sư) giảng đạo không dứt. Năm Hội Xương nhiều tai ương, kinh sách tản lạc mất mát. Suốt ba đời (Ngoại - Tú - Tủng có hai vị là pháp sư) tu Định giảng hay luận giỏi chỉ truyền Luận Chỉ Quán. Đến ngài Loa Khê pháp vận sắp phục hưng (Tịch Sư) thì trời nhờ Ngô Việt (Tiền Trung Ý Vương) tìm lại được kinh sách thất lạc ở Hải Đông. Do đó mà Giáo tịch lại trở về. Ngài Bảo Vân nối nghiệp phục hưng truyền đạo suốt 24 năm mà ngài Pháp Trí ở Tứ Minh lấy danh nghĩa là

ngài La-hầu-la tái sinh mà hiện tích khắp biển khơi một bộ Gia Giáo Tỳ Lăng Sư những gì chưa ghi chép đều ghi chép. Bốn hạng người Tam-muội, cái khó làm đều làm. Đây là lời cực khen của ngài Từ Vân. Lúc bấy giờ cũng có chủ trương thuyết khác như hai Sư Chiêu và Viên, đời cho là phái Sơn Ngoại. Mà chỉ riêng ngài Pháp Trí nổi danh là người trung hưng Giáo Quán. Từ cuối đời ngài Hưng Đạo thì Tứ Minh gồm có tám đời do đó mà nối thạnh dòng Thánh hiển bày Đại Giáo. Có người theo đây mà sắp thứ bậc lập làm chín Tổ để tôn vinh Đạo này. Song thời nay nói về Tông Môn của những người Giảng Đạo Thiên Thai và Tứ Minh thì có thể bắt đầu kể từ ngài Long Thọ đến ngài Pháp Trí nối chung là mười bảy Tổ đúng vị thứ. Chân thành mong thấy được lòng tôn Tổ trọng Đạo của hàng hậu học lắm thay. Cẩn nghị (kính cẩn luận đôi điều).

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 51

XIX : LỊCH ĐẠI HỘI YẾU CHÍ

PHẦN 1

Từ khi có Phật pháp đến nay, sở dĩ ta biết được ba Giáo cùng hưng thịnh, các tông phái được truyền lập và việc đời biến đổi bất thường cố nhiên đều căn cứ vào Biên Niên. Đến như muốn khảo xét ngọn nguồn một sự việc thì năm tháng tản mạn rất khó tìm ra. Nên nay xin trình bày các mục, nêu vắn tắt sự việc để giúp người muốn thảo luận các điển cố biết được sự việc gì vào năm nào thuộc triều đại nào...

Đây xin nêu các mục tóm tắt sẽ nói rộng ở sau:

1. Quân thượng phụng Pháp.
2. Lũ triều bái Phật.
3. Thiên thư ngự chế.
4. Thánh quân hộ pháp.
5. Thi Kinh độ Tăng.
6. Đặc ân độ Tăng.
7. Tấn nạp độ Tăng.
8. Sĩ phu xuất gia.
9. Sa-môn được phong tước.
10. Tăng chức. Sư hiệu.
11. Bất bái quân phụ.
12. Bất xưng thần Tăng.
13. Sùng lễ cao hạnh.
14. Sa-môn trước thư.

1. QUÂN THƯỢNG PHỤNG PHÁP (các vua chúa tin Phật)

1. Nhà Hán

Vua Hán Minh Đế hỏi ngài Ma-đằng Pháp sư rằng vì sao Phật ra đời mà không đến đây? Ngài đáp: Đức Phật tuy không đến nhưng ánh sáng của ngài đến khắp nơi. Một ngàn hay năm trăm năm đều có Thánh nhân truyền Phật pháp đến giáo hóa.

2. Nhà Ngô

Chúa nước Ngô là Tôn Hạo hỏi Phật pháp với ngài Hám Trạch. Ngài đáp: Đạo Khổng Đạo Lão theo phép trời, mà Chư Thiên thì thờ Phật.

3. Nhà Tấn

Vua Tấn Nguyên Đế mời ngài Tiềm Pháp sư đến giảng kinh, được mang dép lên điện vua. Vua Tấn Minh Đế đến chùa Hưng Hoàng tập họp các Sa-môn nghĩa học giảng đạo. Vua Thành Đế mời ngài Nghĩa Pháp sư vào cung truyền năm giới. Mời ngài Tiềm Pháp sư giảng kinh Bát-nhã. Mời ngài Chi Độn Pháp sư vào cung cấm giảng kinh. Vua Tấn Giản Văn đến Ngõa quan cung nghe ngài Thải Pháp sư giảng kinh Phóng Quang Bát-nhã.

4. Nhà Tống

Vua Tống Cao Tổ thiết trai ở Nội điện, Sa-môn Đạo Chiếu trình bày lời Từ, vua khen hay. Vua Tống Văn Đế dẫn các công khanh hàng ngày tập họp đến chùa Kỳ hoàn nghe ngài Cầu-na-bạt-ma giảng Phẩm Thập Địa Kinh Hoa Nghiêm. Vua cùng quan Thị Trung Hà Thượng Chi luận về Phật lý. Vua nghe nghĩa Phật tánh của Sinh Pháp sư, bèn ra chiếu tìm Sa-môn đến thuật lại về nghĩa Đốn ngộ của Sinh Pháp sư. Vua Tống Hiếu Võ triệu ngài Hiến Pháp sư vào Nội điện thuyết pháp. Ngày tám tháng tư trong Nội điện có tổ chức lễ tắm Phật và trai Tăng.

5. Nhà Tề

Vua Tề Cao Đế đến chùa Trang Nghiêm nghe ngài Đạt Pháp sư giảng kinh Duy-ma-cật. Vua Tề Võ Đế tại Hoa lâm viên thọ Bát quan trai giới. Vua có bệnh ra chiếu mời các Sa-môn cầu nguyện Phật suốt bảy ngày, hương trời đầy điện.

6. Nhà Lương

Vua Lương Võ Đế giảng kinh ở Trùng Vân điện, ngài Sa-môn Pháp Bưu làm Đô Giảng. Vua triệu ngài Mân Pháp sư vào điện Giảng Thắng Man Kinh, các Công Khanh đều tập họp đông đủ, vua tập họp các Sa-môn để làm bài văn “Quyết bỏ rượu thịt.” Vua đấp y lạy ngài Lũ Ước Pháp sư thọ giới Cụ túc. Các hàng Công Khanh và đạo tục cũng

thọ giới được bốn vạn tám ngàn người. Vua triệu ngài Vân Quang Pháp sư vào Nội điện giảng kinh, trời mưa hoa báu. Vua đến chùa Đồng thái hành pháp xả thân. Ở kinh thành có nạn dịch lớn, vua vì bá tánh tổ chức Đàn Trai cứu khổ và đến chùa Đồng Thái hành pháp Thanh Tịnh Đại Xá, khai đề kinh Niết-bàn, thiết lễ Trai đãi đạo tục cả năm vạn người. Vua đến chùa Đồng Thái giảng kinh Niết-bàn. Vua đến chùa Đồng Thái giảng đề Kinh Bát-nhã chữ vàng, người nghe pháp có đến ba mươi vạn người. Vua đến chùa Đồng Thái thiết lễ Trai Vu-lan-bồn. Vua Lương Giản Văn Đế ngày tám tháng tư thiết trai lễ độ Tăng. Vua đích thân làm Nguyện văn trình bày việc Võ Đế cung nghinh răng Phật tại Đỗ Mụ Trạch và tổ chức đại hội Tứ Bộ Vô Già. Vua đến chùa Đại Trang Nghiêm hành pháp xả thân. Quần thần dâng biểu rước vua trở về cung. Vua đến chùa Trang Nghiêm giảng đề Kinh Kim Quang Minh. Vua ra sắc ở đại nội thiết lễ Nhân Vương Trai. Vua triệu ngài Quỳnh Pháp sư giảng Đại Phẩm Bát-nhã Kinh ở Trùng Vân điện. Ở điện Thái Cực vua tổ chức Vô Ngại đại hội và hành pháp xả thân. Vua tập họp Sa-môn tu Phương Đẳng Sám, Pháp Hoa Sám và Kim Quang Minh Sám. Vua Lương Tuyên Đế triệu ngài Hằng Pháp sư vì Thất Miếu giảng kinh Đại Phẩm Bát-nhã. Lương Hậu Chủ triệu ngài Tụ Pháp sư đến Thái Cực điện giảng kinh Kim Quang Minh. Vua chiếu mời ngài Khải Thiền sư đến Thái Cực điện giảng Đề Đại Trí Độ Luận, Đề Bát-nhã Kinh. Vua chiếu triệu ngài Khải Thiền sư ở chùa Quang Trạch. Vua đến chùa nghe giảng kinh Nhân Vương, đích thân lễ ba lạy. Vua chiếu mời ngài Khải Pháp sư đến Sùng Chánh điện truyền giới Bồ-tát cho Hoàng Thái tử.

7. Nhà Bắc Ngụy

Vua Bắc Ngụy Hiếu Văn ban chiếu mời ngài Đức Pháp sư mỗi tháng ba lần vào điện nói pháp. Vua nhiều lần đến chùa Vương Viên cùng các Sa-môn đàm luận về Phật pháp. Vua đến chùa Bạch Tháp nghe ngài Đăng Pháp sư giảng luận Thành Thật. Vua ban chiếu ngày tám tháng tư cung nghinh tượng Phật ở các chùa tại Lạc Kinh vào cung Xương Hạp để tán hoa kính lễ. Vua Tuyên Võ Ngự đến điện Thức Càn giảng kinh Duy-ma. Tính ra Sa-môn Tây Vức đến Trung Quốc được ba ngàn người.

8. Nhà Bắc Tề

Vua Bắc Tề Văn Tuyên đến chùa Cam Lộ ở Liêu Dương để tọa thiền Tham Quán. Vua ra sắc nếu không phải việc quốc gia đại sự không được tâu rỗi. Vua Võ Thành đến Thái Cực điện giảng kinh Pháp Hoa.

9. Nhà Tùy

Vua Tùy Văn Đế chiếu mời ngài Hưng Pháp sư đến điện Thái Hưng truyền giới Bồ-tát. Tấn Vương đón ngài Khải Thiền sư đến Dương Châu, thiết lễ Trai đãi ngàn Tăng và thọ Bồ-tát giới.

10. Nhà Đường

Vua Đường Thái Tông chiếu mời ngài Thường Pháp sư vào Nội điện truyền giới Bồ-tát cho Hoàng hậu và Thái tử. Ngài Huyền Trang Pháp sư dịch xong Du-già sư Địa Luận. Vua ra sắc viết các kinh luận mới dịch để ban cho chín Đạo thống quản. Đường Võ Hậu chiếu mời ngài Tạng Pháp sư giảng kinh Hoa Nghiêm mới dịch. Sư chỉ tay vào sư tử vàng ở góc điện làm ví dụ, rồi gom lấy những lời giảng đó làm Kim Sư Tử Chương. Vua Trung Tông ban chiếu ở chùa Hóa Độ thiết lễ Vô Già đại hội. Vua mời ngài Tạng Pháp sư vào điện truyền giới Bồ-tát. Vua triệu ngài Bắc Tông Tú Thiền sư vào Nội đạo tràng kính lễ làm Quốc Sư. Vua Đường Huyền Tông triệu ngài Tịnh Thiền sư đến cung khuyết hỏi đạo. Vua Đường Túc Tông triệu ngài Tam tạng Bất Không làm lễ quán đảnh và truyền giới cho. Vua chiếu mời ngài Nam Dương Trung Thiền sư vào hỏi đạo. Vua triệu ngài Lân Pháp sư vào cấm cung giảng kinh. Vua Đường Đại Tông ban chiếu lập hội Vu Lan Bồn. Thiết lập Thất Miếu thần tòa rước đi khắp đường phố. Vua chiếu mời ngài Kính Sơn Khâm Thiền sư vào triều kiến rồi ban hiệu là Quốc Nhất Thiền Sư. Vua Đức Tông đến chùa An Quốc thiết lễ cúng Vu Lan Bồn. Vua Thuận Tông chiếu mời ngài Thi Lợi Thiền sư để học hỏi Thiền lý. Vua Đường Hiến Tông hỏi ngài Quán Pháp sư về Hoa Nghiêm Pháp Giới và hoát nhiên có sở đắc liền phong cho Sư là Đại Thống Thanh Lương Quốc Sư. Vua triệu ngài Nga Hồ Nghĩa Thiền sư vào hỏi về Phật tánh. Vua triệu ngài Chương Kính Đạn Thiền sư vào học hỏi về Thiền pháp. Vua triệu ngài Khoan Thiền sư để học hỏi về Thiền yếu. Vua Đường Mục Tông sai Lưỡng Nhai đón ngài Phần Dương Nghiệp Thiền Sư. Giữa đêm ngài nói pháp rồi ngồi thẳng mà tịch. Vua Kỉnh Tông đến chùa Hưng Phước xem ngài Tự Pháp sư giảng kinh. Vua Văn Tông chiếu mời ngài Khuê Phong Mật Thiền sư vào hỏi Phật pháp. Vua Đường Tuyên Tông sai Sứ lấy lễ thầy trò mời ngài Giám Quan An Thiền Sư, nhưng ngài cố sức từ chối. Vua bèn ra sắc mời ngài ở chùa Tề Phong. Vua triệu ngài Biện Thiền sư vào triều để hỏi đạo. Vua Ý Tông ở cấm cung đón mời các danh Tăng, bày giảng tòa, tự mình đọc kinh Đề tay viết chữ Phạm. Vua thiết lễ Trai đãi vạn Tăng, tự mình lên tòa làm Tán Bái. Có vị Tăng mày dài đến thọ trai rồi bay lên không mà đi.

11. Đời Ngũ Đại

Vua Đường Trang Tông triệu mời ngài Tam Thánh Nhiên Thiền sư vào hỏi Pháp. Vua Đại Tống Thái Tổ ban chiếu cho Thẩm Nghĩa Luân lấy bột vàng và bột bạc viết kinh Kim Cang. Lại triệu ngài Uẩn Pháp sư diễn giảng. Vua chiếu mời ngài Siêu Pháp sư... vào nội điện tụng Đại Tạng Kinh chữ vàng. Vua thường ngày luôn cầm kinh Kim Cang đọc tụng, gọi Triệu Phổ bảo rằng: “Ta không muốn các giáp sĩ biết việc này, chỉ nói là ta luôn đọc Binh thư.” Vua Tống Thái Tông triệu ngài Xích Khước Đạo Giả vào gặp, hỏi ở Nam phương, Thiền và Luật hóa vật như thế nào... Vua đến tháp Khai Bảo hỏi Tăng là ai? Tăng đáp: Là chủ tháp. Vua nói: Tháp của trẫm vì sao khanh được làm chủ. Vua lại hỏi: Tăng từ đâu đến? Tăng đáp: Từ Lư Sơn Ngọa Vân Am. Vua nói: Ngọa Vân sâu thẳm chẳng chầu trời. Vua ban chiếu cho Lưỡng Nhai Tăng Lục Tỉnh Tài dâng vua Vu Lan Bồn Nghi. Vua Tống Chân Tông chiếu mời ngài Phù Thạch Cụ Pháp sư Giảng Kinh Tứ Thập Nhị Chương. Vua Tống Nhân Tông đội mão ngọc như tượng Quan Âm ra thiết triều với bá quan. Vua ra sắc ở Thiều Châu đón rước y bát của Lục Tổ vào kinh cúng dường. Vua chiếu mời ngài Tả Nhai Liễn Thiền sư vào ứng đối tại điện Hóa Thành. Lại triệu ngài Thuấn Thiền sư vào Tiện điện ứng đối, ban cho Tử y và bát bằng bạc. Nhân Tiết Càn Nguyên, vua ra sắc ở Tháp Viện Phước Thánh thiết đại trai và cúng thí y Ca-sa. Vua Tống Thần Tông ra sắc ở đại nội thiết trai đãi ngàn Tăng, cúng thí y ca-sa và kinh Kim Cang. Vua chiếu mời ngài Tịnh Từ Bản Thiền sư ở Tuệ Lâm tại Kinh Sư vào đối ứng ở điện Diên Hòa. Đời Tống Huy Tông, ở Gia Châu tâu vua có Tăng nhập định trong thân cây cổ thụ. Vua ban chiếu chở đến cung cấm. Mở ra Sư nói: “Ta là Tuệ Trì, em của Viễn Pháp sư.” Vua cho người vẽ hình Sư và viết bài Tán khen ngợi. Vua Tống Khâm Tông và Cao Tông cùng lên ngôi sai đem xe vua mời ngài Kim Sơn Cần Thiền sư đến hành cung thuyết pháp. Vua Tống Cao Tông đến điện Đại sĩ ở Thượng Trúc đốt hương và ban Vạn Tuế Hương Sơn để cúng dường Đại sĩ. Vua Tống Hiếu Tông sai Nội Đô Gián đến Kính Sơn hỏi đạo ngài Cảo Thiền Sư. Ngài Linh sơn Lâm Thiền sư vào triều kiến, vua hỏi đạo. Vua đến Thượng Trúc hỏi ngài Nạp Pháp sư ý nghĩa về Sám Lễ Quang Minh vào mỗi sáng đầu năm. Vua ban tiền để lập Thập Lục Quán Đường, quan Nội Hàn là Lâu Thược làm bài ký. Vua ra sắc ở Cấm cung lập Nội Quán Đường đúng theo quy cách như ở Thượng Trúc. Ngày Phật đản, vua triệu mời ngài Thượng Trúc Nạp Pháp sư hướng dẫn năm mươi Tăng vào Nội Quán Đường tu Hộ Quốc Kim Quang Minh

Tam-muội và ban cho năm mươi xấp lụa, hàng năm cứ theo lệ này. Vua chiếu mời ngài Linh Ẩn Viễn Thiền sư vào ứng đối ở Tuyển Đức điện. Vua chiếu triệu các ngài Thượng Trúc, Linh Ẩn, Kính Sơn cùng các vị trong Tam Giáo tập họp ở Nội Quán Đường và đãi tiệc chay. Vua triệu ngài Thượng Trúc Nạp Pháp sư một mình ứng đối ở Tuyển Đức điện, vua hỏi về những việc linh ứng của Đại sĩ (Đức Quan Âm) và ý nghĩa kinh Pháp Hoa. Vua triệu ngài Nhạn Sơn Trung Nhân Thiền sư vào Cung Ứng đối. Vua đến chùa Thượng Trúc đảnh lễ Đại sĩ và ban cho ấn Bạch Vân Đường, khiến hàng Tam Học các Tông cùng đến Bạch Vân Đường và công cử việc sử dụng ấn ấy. Vua triệu ngài Linh Ẩn Quang Thiền sư vào ứng đối và ban hiệu là Phật Chiếu. Vua triệu ngài Linh Ẩn Quang Thiền sư vào ứng đối, Sư dâng vua bộ Tông Môn Trực Chỉ. Vua triệu ngài Tuyết Đậu Ấn Thiền sư vào triều kiến. Sư tâu và ứng đối Đại Thuyết và ngay trong ngày Sư trở về Kính Sơn, Vua xưng là Thọ Hoàng, triệu ngài Nạp Pháp sư vào Nội điện chú giải kinh Kim Cang.

2. LŨ TRIỀU BÁI PHẬT (nhiều Triều Đại Kính Phật)

Vua Hán Võ Đế đến Cam Tuyền cung tế lễ trời và Người Vàng (vì người Hán lúc đó chưa biết Phật nên gọi là Người Vàng).

Vua Hán Minh Đế lạy tháp Xá-lợi Phất ở Thánh Trũng tại Lạc dương.

Ngô Vương Tôn Hạo lạy Sa-môn Khương Tăng Hội xin thọ giới.

Vua Lương Võ Đế quay mặt về hướng Bắc lạy ngài Lũ Ước Pháp sư xin thọ giới.

Vua Trần Võ Đế hướng dẫn quần thần lạy răng Phật.

Vua Trần Hậu Chủ ba phen mời ngài Trí Giả giảng kinh Nhân Vương.

Vua Bắc Ngụy Thái Tổ khi đi ngang Quận Quốc thấy Sa-môn đều kính lễ.

Vua Bắc Ngụy Hiếu Văn rước các tượng Phật ở Lạc Kinh vào cung kính lễ.

Vua Bắc Tề Văn Tuyên mời Tam tạng dịch kinh, vua đích thân lạy Phạm Văn.

Vua Tùy Văn Đế chiếu mời ngài Diên Pháp sư lên ngự tòa (ngồi ở ghế vua), vua quỳ lạy xin thọ giới.

Vua Đường Cao Tông cung nghinh Xá-lợi xương Phật ở Phụng Tường vào Nội điện kính lễ - Vua Đường Túc Tông lập đạo tràng trong cung Cấm kính lễ, diễn giảng và khen ngợi - Vua Đường Đại Tông đúc

tượng Phật vàng xong, hướng dẫn bá quan đến lạy - Vua Đường Đức Tông rước Xá-lợi Phật ở Phụng Tường vào cung Cấm kính lễ.

Vua Đường Ý Tông rước Xá-lợi Phật vào cung Cấm kính lễ. Vua Ý Tông nghinh đón và lạy Xá-lợi Phật.

Vua Đại Tống Chân Tông, vào lễ Thượng Nguyên đến các chùa, quán lạy trăm lạy trở lên. Vua Tống Huy Tông đón rước răng Phật vào Nội điện kính lễ và viết bài tán. Vua Tống Hiếu Tông đến điện Đại sĩ ở Thượng Trúc hỏi ngài Nạp Pháp sư có nên đông người cùng lạy chăng? Sư đáp: Nếu không cùng lạy thì mỗi người phải tự tôn xưng, nếu cùng lạy thì xúm xít đông vui kính lễ. Vua vui mừng bèn cùng lạy.

3. THIÊN THƯ NGỰ CHẾ: (Văn thơ về Phật pháp của các vua)

Vua Lương Võ Đế viết bài "Thủy Lục Nghi" ở Kim sơn mà tu cúng. Ngài Lượng Pháp sư soạn "Niết-bàn Sớ" vua thân viết lời tựa. Vua thân viết Nghĩa Ký cho các Kinh Tam Tuệ là Niết-bàn, Đại Phẩm và Tịnh Danh.

Đời Đường Thái Tông, ngài Huyền Trang Pháp sư mới dịch xong kinh luận, vua viết lời tựa Thánh Giáo. Vua Đường Cao Tông viết bài Văn bia ở chùa Từ Ân - Đường Võ Hậu viết lời tựa kinh Hoa Nghiêm - Đời Đường Trung Tông, ngài Nghĩa Tinh Tam tạng dịch kinh xong, vua viết lời tựa Thánh Giáo - Đời Đường Duệ Tông, ngài Bồ-đề Lưu Chí dịch kinh Bảo Tích, vua viết "Lời tựa Thánh Giáo" - Vua Đường Huyền Tông đích thân chú giải kinh Kim Cang Bát-nhã - Đời Đường Đại Tông, ngài Bất Không Tam tạng dịch lại Kinh Nhân Vương, vua viết lời tựa- Đời Đường Hiến Tông, ngài Tam tạng Bát-nhã dịch kinh Bản Sinh Tâm Địa, vua viết lời tựa - Vua Đường Mục Tông đích thân viết bài Nam Sơn Luật Sư Tán (đến nay khi cúng Trai đều dùng bài Tán này).

Đời Tống Thái Tông, ngài Thiên Tức Tai Tam tạng dịch kinh, vua viết lời tựa Thánh Giáo - Vua ban chiếu lấy Ngự Chế Bí Mật Tạng Thuyên, Duyên Thức Luận, Tiêu Dao Vịnh... sai Lưỡng Nhai chú giải rồi cho nhập tạng và ban hành - Đời Tống Chân Tông, ngài Pháp Hiền Tam tạng dịch kinh, vua viết lời tựa Thánh Giáo - Vua viết bộ Sùng Thích Luận - Vua lên thăm và phong núi Thái Sơn bèn viết bài Trùng Tu Phật Tượng Ký - Vua chiếu cho Triệu An Nhân biên tập sửa chữa bộ Thái Bình Tường Phù Pháp Bảo Lục, vua viết lời tựa - Vua chiếu lấy Thái Tông Ngự Chế Diệu Giác Tập cho nhập Tạng - Vua thân chú giải Kinh Tứ Thập Nhị Chương và Kinh Di Giáo - Hữu Nhai Bí Diễn

xin cho Ngự Chế Pháp Âm Tập Tiên Chú được nhập tạng - Vua Đường Nhân Tông viết bài Tam bảo Tán ban cho Tể Phụ và Dịch Kinh Viện - Vua viết bài tựa Thiên Trúc Tự Nguyên, ban cho viện dịch kinh - Vua viết lời tựa Cảnh Hựu Pháp Bảo Lục - Vua Đường Cao Tông đến Thái Học viết bài Văn Tuyên Vương Cập Thất Thập Nhị Đệ Tử Tán - Vua Đường Hiếu Tông viết Bảng Linh Cảm Quan Âm Chi Tự ban cho núi Thượng Trúc - Vua viết Thái Bạch Danh Sơn ban cho ngài Thiên Đồng Phát Thiền sư - Ngài Phật Chiếu Quang Thiền sư ở núi A-dục Vương, vua viết chữ Diệu Thắng Chi Điện để làm ngạch ở điện Xá-lợi - Vua viết bộ Nguyên Đạo Luận- Vua viết chú giải Viên Giác Kinh ban cho Kính Sơn Ấn Thiền Sư.

4. THÁNH QUÂN HỘ PHÁP:

Vua Tùy Văn Đế ra sắc lệnh người nào phá hủy tượng Phật Thiên Tôn sẽ luận về tội Đại Nghịch Bất Đạo - Vua ra chiếu ở nơi nào có các tượng Phật hư nát hoặc các di ảnh, quan thu nhặt đưa đến các chùa để sửa sang lại (đây là lúc sau khi Chu Võ hủy diệt Phật pháp).

Đời Đường Đức Tông, ở Kinh Triệu có Doãn Vũ Văn Huyễn xin cho lấy các chùa bị bỏ phế đem xây cất học xá, vua ra sắc không chấp nhận. Vua ra sắc các chùa quán phải sạch sẽ trang nghiêm, không được chứa các khách ngoài đến ở. Đời Tuyên Tông, Bùi Hưu tâu vua: Các chùa quán phần nhiều bị các quan liêu chiếm ngụ tới lui. Vua ra chiếu từ nay về sau cấm không được nghỉ tại các chùa.

Vua Tống Thái Tổ ban chiếu các tự viện trải nhiều triều đại chưa bị phá hủy thì cho giữ nguyên, nếu các chùa đã bị phá hủy thì cho di dời các tượng để bảo tồn. Vua ra chiếu cho các tượng bằng đồng ở các Châu Quận theo phép cũ được giữ nguyên. Nghe nói có các đạo tràng ban đêm tụ tập nam nữ tu trì vô ích, nay Vua bah chiếu đều cấm chỉ. Vua Tống Thái Tông bảo cận thần rằng: Các nhà Nho phần nhiều đều khinh bạc Phật, trước đây khi làm tòa Phật Kim Cang ở Trung Trúc khiến Tô Dị Giản làm bài bia, ông cho Phật là mọi rợ, bèn bắt đi đày. Tăng ở Lĩnh Nam có vợ con vua ra chiếu, quan lại sở tại cần nên tra xét và răn phạt. Đời Tống Chân Tông, có Thị Độc Tôn Thích xin vua cho giảm bớt việc sửa chùa và độ Tăng. Vua nói: Phật và Lão đều giúp dạy đời sao dẹp bỏ ngay được. Vua ban chiếu ở kinh thành có người nấu bán rượu thịt phải ở cách Chùa Quán một trăm bước. Ai bán rượu cho Tăng ở chợ sẽ bị luận tội nặng. Các Quan tâu vua dân ngu mới nịnh Phật, đó là nhóm ăn bám hại nước. Vua nói: Phật giáo khiến người đổi ác làm

thiện sao lại cấm? Vua ban chiếu: Trên các thềm của Chùa, Quán, điện không cho nhân dân ở trần ngồi nằm - Vua ban chiếu rằng Kinh Tần na-da- ca mới dịch cho cúng tế đồ mặn nên không cho nhập Tạng. Vua ra sắc: Luật Tường Phù quy định các quan chức hủy nhục Tăng Ni như gọi "bọn trọc" thì bãi chức, còn thường dân thì đày đi ngàn dặm. Vua Tống Huy Tông ra sắc luật Tuyên Hòa, vì Ngô Quốc Công Chúa kính trọng Không môn (xuất gia) nay quy định các quan chức và thường dân, ai hủy nhục Tăng Ni thì chiếu luật Tường Phù năm thứ ba mà xét xử. Đời Tống Hiếu Tông, Trịnh Quốc Công Chúa xuất gia, vua ra sắc nếu các quan chức và thường dân ai hủy nhục Tăng Ni thì chiếu theo luật Tường Phù và Tuyên Hòa xử phạt. Còn Tăng Ni phạm tội thì các quan ty không được xử lý, phải tâu lên vua và tuân chỉ thi hành.

5. THÍ KINH ĐỘ TĂNG:

Đời Đường Trung Tông, khoảng đầu năm Cảnh Long, vua ban chiếu thiên hạ thi Kinh độ Tăng. Ở chùa Linh Ẩn tại Sơn Âm có vị Tăng nhỏ tên Đại Nghĩa tụng Pháp Hoa thi kinh trúng tuyển hạng nhất. Vua Đường Túc Tông ra sắc lệnh: Cư sĩ tụng kinh năm trăm tờ được ban cho Minh Kinh xuất gia làm Tăng. Lúc đó có Tăng Tiêu Thí trúng tuyển hạng nhất. Vua Đường Đại Tông ra sắc lệnh: Các người trẻ tuổi cần phải thi ba môn: Kinh - Luật - Luận mới cấp Điệp cho độ - Vua Đường Kính Tông ra sắc Tăng phải đọc thuộc lòng một trăm năm mươi tờ kinh, Ni một trăm tờ mới cho thế độ - Vua Đường Tuyên Tông ra sắc lệnh mỗi năm độ Tăng phải căn cứ vào ba học giới, định, tuệ, chọn những người có Đạo tánh, thông suốt Kinh Luận pháp môn.

Vua Lương Mạt Đế ra sắc: Trong thiên hạ, các Tăng Ni phải vào kinh thành tỷ thí Kinh Nghiệp.

Vua Đường Mạt Đế khi có quốc lễ thì cho độ Tăng, lập ra bốn khoa thi về giảng kinh, Thiền định, Trì niệm và Nghị luận Văn chương.

Vua Chu Thế Tông ra sắc chỉ: Trai mười lăm tuổi đọc thuộc lòng một trăm tờ kinh, gái bảy mươi tờ. Quận khảo thí tâu lên vua, Tự Bộ cấp Điệp.

Vua Tống Thái Tổ ban chiếu cho các Sa-môn vào điện thi Kinh Luật Luận mười nghĩa, vị nào trúng tuyển cả mười được ban cho Tử y - Vua Tống Thái Tông năm Ung Hy ra chiếu trong thiên hạ các người trẻ tuổi đều cho thế độ. Từ nay về sau phải đọc kinh đến ba trăm tờ mới cho ghi vào sổ bộ. Năm Chí Đạo, vua ban chiếu vùng Lưỡng Triết, Phúc Kiến Lộ mỗi chùa có ba trăm Tăng thì mỗi năm được độ một người, có

một trăm Ni thì được độ một người. Và phải đọc kinh thuộc lòng một trăm tờ, đọc mặt chữ năm trăm tờ mới hợp cách. Vua Tống Chân Tông ra chiếu cho Phật và Lão mỗi năm được độ mười người, riêng cho một người khỏi thi Kinh. Vua ban chiếu trong thiên hạ những người nhỏ tuổi phải thi Kinh mới cho thế độ - Vua Tống Nhân Tông ban chiếu cho trong thiên hạ các người trẻ tuổi phải thi tụng kinh Pháp Hoa, ai trúng tuyển sẽ được độ. Các quan Tham Chánh là Tống Thụ và Hạ Tủng làm giám thí.

Đời Hiếu Tông, ngài Nạp Tăng Lục ở Thượng Trúc, xin vua cho thi Kinh để độ Tăng.

6. ĐẶC ÂN ĐỘ TĂNG:

Đời Hán Minh Đế, có Ngũ Nhạc Đạo sĩ đấu pháp bị thua Ty Không là Lưu Tuấn. Sĩ thứ Trương Tử Thượng, Hậu Cung là Âm phu nhân, Đạo sĩ Lữ Tuệ Thông... đều xin xuất gia. Năm ấy độ Tăng được năm mươi vạn người - Vua Tùy Dạng Đế ra chiếu chỉ hành đạo suốt bảy ngày, độ được một ngàn Tăng.

Vua Đường Thái Tông, năm Chánh Quán 1, độ Tăng Ni trong thiên hạ được ba ngàn người. Đến năm Chánh Quán thứ chín, vua ra chiếu lại độ được ba ngàn người, chỉ cốt lấy người có đạo đức và tài trí - Vào năm hai mươi hai do lời ngài Huyền Trang nói: Cần người hoằng pháp, việc độ Tăng là quan trọng, nên vua ra chiếu mỗi chùa được độ Tăng năm người. Tính ra độ được một vạn bảy ngàn người - Đời Đường Huyền Tông, ngài Bất Không Tam tạng lập Đàn Quán Đảnh độ hàng ngàn vạn người. Vua lại ra sắc chỉ mỗi Quận độ được ba người trẻ tuổi chân hạnh - Vua Đường Duệ Tông phổ độ Tăng và Đạo sĩ được ba vạn người - Vua Đường Văn Tông ra sắc chỉ các Tăng Ni nào không phải chánh độ được trình tên họ đầy đủ xét cấp Điệp độ. Lúc đó xét cấp đến bảy vạn người - Đời Hậu Đường, Minh Tông Mân Vương độ Tăng được hai vạn người - Vua Tống Thái Tổ, tiết Trường Xuân phổ độ những người trẻ tuổi được tám ngàn người - Vua Tống Thái Tông phổ độ các người trẻ tuổi được mười bảy vạn người - Vua Tống Chân Tông lên phong núi Thái Sơn, ban chiếu các Tự Quán trong thiên hạ mỗi nơi được độ một người. Các phó chức Tăng và Đạo, mỗi người được độ một đệ tử. Vì Ngô Quốc Đại Trưởng Công Chúa xuất gia, vua ban chiếu cứ mười người trẻ tuổi cho độ một người - Vua lại ra chiếu các "Hệ Trướng Đồng Hành" của Tăng và Đạo sĩ đều cho thế độ cả. Năm ấy độ Tăng Ni được hai mươi bảy vạn năm ngàn bảy trăm bảy mươi người, các Đạo sĩ và Nữ quan được bảy ngàn một trăm bảy mươi người - Đời Tống Nhân Tông, Phán

Đô Tỉnh Mã Lượng xin vua không cho độ kẻ bị tội nặng có khắc dấu - Vua Tống Thần Tông ra sắc chỉ ở Tiền Đường, Thiên Trúc Quan Âm Viện mỗi năm được độ một người để lo việc hương hỏa.

7. TẤN NẠP ĐỘ TĂNG:

Vua Đường Túc Tông, vào đầu năm Chí Đức, Tể Tướng Bùi Oan xin vua cho lập Chúc Điệp Độ gọi là tiền Hương thủy cho phép Cư Sĩ tụng thuộc Kinh được xuất gia hoặc nộp trăm quan tiền thì cấp cho Điệp Thế Độ.

Đời Tống Thần Tông, quan Ty Gián là Tiền Công Phụ tâu vua: Gặp năm đói kém vỡ đê xin cho lập Chúc Độ Điệp - Vua Tống Cao Tông ra sắc chỉ bán bốn chữ Sư Hiệu - Từ cuối năm Trị Bình mới bắt đầu bán Độ Điệp. Xưa dùng Điệp bằng giấy vàng nên giấy giả rất nhiều, khi đó quan Hộ Bộ là Chu Dị tâu vua xin cho Tăng và Đạo sĩ dùng Điệp bằng lụa - Chiêm Thúc Nghĩa tâu vua xin ngưng việc bán Độ Điệp - Vua sắc chỉ khiến Tăng và Đạo sĩ bắt đầu nộp “Miễn Đinh Tiền” gọi là tiền thanh nhàn.

8. SĨ PHU XUẤT GIA:

Đời Hán Minh Đế, Ty Không Lưu Tuấn và Âm phu nhân đều xuất gia.

Đời Lương Võ Đế, Thông Sự Xá Nhân là Lưu Hiệp dâng biểu lên vua xin xuất gia. Vua ban tên là Tuệ Địa.

Đời Lương Kỉnh Đế, Bổ Khuyết Tông Đãi bỏ quan đi xuất gia, hiệu là Vô Danh, có bài minh “Tức Tâm” lưu hành ở đời.

Đời Bắc Ngụy, vua Hiếu Văn, Kinh Triệu Vương Thái tử là Hưng dâng biểu xin xuất gia, vua ban hiệu là Tăng Ý.

Thái Hậu Phùng Thị bỏ tục làm Ni đến ở chùa Dao Quang.

Tuyên Võ Thái Hậu là Cao Thị xuất gia làm Ni ở chùa Dao Quang.

Độ Chi Thượng Thư là Bùi Thực có mẹ họ Hạ Hầu, năm bảy mươi tuổi xuất gia làm Ni, rồi vào ở núi Tung Cao.

Hiếu Trang Thái Hậu họ Hồ xuất gia làm Ni, ở chùa Dao Quang.

Đời Đường Cao Tổ, Thích Trí Nham lúc đầu làm Trung Lang Tướng, bỏ quan làm Tăng. Có vị Tăng lạ gọi bảo rằng: Ông đã tám mươi mốt đời xuất gia.

Đời Đường Cao Tông, Võ Hậu sinh Hoàng Tử, vua ban hiệu là Phật Quang Vương, vừa đầy tháng, vua chiếu cho đến ở chùa của Huyền

Trang Pháp sư cạo tóc xuất gia.

Đường Võ Hậu, lúc xưa làm Cung Nhân. Khi vua băng hà bèn ra Chùa Nghiệp Cảm làm Ni. Sau vua Cao Tông gặp bèn nạp làm Hậu Cung.

Đời Đường Đại Tông, Tể Tướng Đỗ Hồng Tiệm sắp lâm chung, sai người nhà cho mặc triều phục đắp thêm Y Tăng-già-lê và cạo tóc rồi từ biệt chúng mà hóa, theo phép Sa-môn mà thiêu thân.

Đời Đường Mục Tông, Quan U Châu Tiết Độ là Lưu Tổng cạo tóc làm Tăng, vua phong hiệu là Đại Giác Sư, ban cho năm mươi lạp.

Đời Đường Tuyên Tông, lúc xưa được phong làm Quang Vương vì tránh Võ Tông nên trốn làm Sa-di, đến làm thư ký cho Diêm Quan. Khi Võ Tông băng hà, bá quan rước Vương về lên ngôi.

Đời Lương Thái Tổ, Ngô Việt Vương có con còn bé cho làm Tăng, ban thêm cho ba mươi lạp - Đời Đường Trang Tông, có Kỵ Tướng Sử Ngân Thương đã ngộ Thiền Đạo, xuất gia tên là Khiết Trừng.

Đời Tống Chân Tông, có Ngô Quốc Trường Công Chúa xuất gia, pháp danh là Thanh Dụ - Tể Tướng Vương Đán qua đời, có dặn con cháu thỉnh Đại Đức đến thí giới, cạo đầu, mặc cho ba y và hỏa táng. Dương Ức bèn bàn với người con của ông chỉ nên đặt ba y vào quan tài mà thôi.

Đời Tống Cao Tông, có Cấp Sự Trung coi Lư Châu là Phùng Tập, từ biệt các thuộc quan rồi đắp y lên tòa nói kệ mà hóa.

9. SA MÔN ĐƯỢC PHONG CHỨC TƯỚC:

Vua Lương Võ Đế ra sắc chỉ cho Sa-môn Tuệ Siêu làm Thọ Quang điện Học Sĩ.

Đời Bắc Ngụy Minh Nguyên phong cho Sa-môn Pháp Quả làm Nghi Thành Tử, lại phong là An Thành Công, thụy phong là Linh Công.

Đời Đường Thái Tông, vua ra sắc chỉ cho Sa-môn Trí Oai làm Tứ Đại sư, phong làm Triêu Tán Đại Phu.

Đời Đường Cao Tông, vua sắc chỉ cho Sa-môn Tuệ Oai làm Tứ Đại sư phong làm Triêu Tán Đại Phu (tức hai Oai Pháp sư ở Pháp Hoa Thiên Cung).

Đường Võ Hậu phong cho Pháp Lãng... chín người là Huyện Công, lại ban cho y ca sa, bạc và quy đãi.

Vua Đường Trung Tông phong cho ngài Vạn Hồi là Pháp Vân Công - Vua ra sắc chỉ phong cho Tuệ Phạm làm Chánh Nghị Đại Phu,

Thượng Dung Quận Công - Cho Tuệ Trân... chín người đều là Triêu Tán Đại Phu và phong làm Huyện Công - Vua ra sắc chỉ phong thêm cho Tuệ Phạm làm Ngân Thanh Quan Lộc Đại Phu, Vạn Tuế Tiêu Tán Đại Phu, phong làm Huyện Công, làm Quảng Thanh điện Trung Giám Sung Công Đức Sứ.

Đời Đường Duệ Tông, ngài Vạn Hồi thị tịch, vua tặng chức Tư Đồ Quắc Quốc Công - Ngài Pháp Tạng Pháp sư tịch vua tặng chức Hồng Lô Khanh.

Đời Đường Huyền Tông, ngài Bồ-đề Lưu Chí viên tịch vua tặng chức Hồng Lô Khanh.

Đời Đường Túc Tông, Sa-môn Đạo Bình làm Kim Ngô Đại Tướng Quân phá phản tặc An Lộc Sơn.

Đời Đường Đại Tông, có Sa-môn Bất Không được phong làm Đặc Tấn Hồng Lô Khanh và thêm Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty, tấn phong làm Túc Quốc Công, có thực ấp là ba ngàn hộ, khi tịch được tặng chức Tư Không.

Đời Đường Đức Tông, có Sa-môn Viên Chiếu được sung làm Nội Cúng Phụng Hồng Lô Khanh.

Đời Đường Huy Tông, có Sa-môn Diệu Hạnh tụng kinh thấy được Phật và Đại sĩ. Vua ban cho hiệu Thường Tinh Tấn Bồ-tát, tước là Khai Quốc Công.

Đời Tống Thái Tông, có ngài Dịch Kinh Tam tạng Thiên Tức Tai Thí Quang Lộc Khanh và ngài Pháp Thiên Thi Hộ đều được phong thí Hồng Lô Khanh, mỗi tháng được cấp cho tiền và tô lạc.

Đời Đường Nhân Tông, ngài Dịch Kinh Ngân Thanh Quang Lộc Đại Phu Thi Quang Lộc Khanh Pháp Hộ viên tịch.

Đời Đường Khâm Tông, Đông Kinh Lưu Thú Tông Trạch theo chế vua khiến Sa-môn Pháp Đạo được bổ làm Tuyên Giáo Lang tham mưu Quân Sự.

10. TĂNG CHỨC VÀ SƯ HIỆU:

Đời Tấn An Đế, Tần chúa dùng ngài Tăng Bích làm Quốc Tăng Chánh, còn ngài Pháp Khâm làm Tăng Lục.

Vua Tống Văn Đế ra sắc chỉ cho Ni Bảo Hiền làm Kinh Ấp Ni Tăng Chánh.

Vua Tống Hiếu Võ ban sắc cử ngài Đạo Du làm Pháp Chủ chùa Tân An. Lại ban sắc cử ngài Đạo Ôn làm Đô Ấp Tăng Chánh - Vua Tống Thuận Đế ban sắc cử ngài Pháp Trì làm Thiên Hạ Tăng Chánh.

Vua Tề Cao Đế ban chiếu cho ngài Pháp Dĩnh làm Kinh Ấp Tăng Chủ. Vua Tề Võ Đế ban sắc cử ngài Huyền Sướng Pháp Hiến làm Tăng chủ phân nhiệm Giang nam Bắc Sự.

Vua Lương Võ Đế ban chiếu cho ngài Vân Quang Pháp sư làm Đại Tăng Chánh.

Vua Trần Văn Đế ban sắc cho ngài Bảo Quỳnh làm Kinh Ấp Đại Tăng Thống.

Vua Trần Tuyên Đế ban sắc cho ngài Đàm Viên làm Quốc Tăng Chánh.

Trần Hậu Chủ ban sắc cho ngài Tuệ Hằng làm Kinh Ấp Đại Tăng Chánh.

Vua Bắc Ngụy Văn Thành ban sắc cho ngài Sư Hiền làm Sa-môn Thống. Lại ban sắc cho ngài Đàm Diệu làm Chiêu Huyền Sa-môn Đô Thống.

Vua Bắc Tề Văn Tuyên ban chiếu cử Cao Tăng Pháp Thường làm Quốc Sư. Lại ban sắc cử Đàm Diên Pháp sư làm Chiêu Huyền Thượng Thống - Lại lặp chức Chiêu Huyền có mười Thống, cử Sa-môn Pháp Thượng làm Đại Thống và tôn làm Quốc Sư.

Vua Tùy Văn Đế ban sắc cử ngài Tăng Mãnh làm Tùy Quốc Đại Thống. Ban chiếu cử ngài Đàm Thiên làm Chiêu Huyền Đại Sa-môn Thống.

Vua Đường Thái Tông ra chiếu mời ngài Đỗ Thuận Hòa Thượng vào gặp, ban hiệu là Đế Tâm.

Đường Võ Hậu sắc ban Thần Tú Thiền sư vào kinh Hành Đạo, trải suốt ba Triều, đều kính lễ làm Quốc Sư.

Vua Đường Huyền Tông ban cho Sa-môn Nhất Hạnh hiệu Xứng Thiên Sư. Lại ban sắc cử ngài Biện Tài làm Sóc Phương Quản Nội Giáo Thọ.

Vua Đường Túc Tông triệu ngài Nam Dương Tuệ Trung Thiền sư vào triều kiến, ban hiệu là Xứng Quốc Sư.

Vua Đường Đại Tông ban chiếu cử ngài Nam Nhạc Pháp Chiếu làm Quốc Sư.

Vua Đường Đức Tông ban cho ngài Trừng Quán Thanh Lương Pháp sư chức Giáo Thọ Hòa thượng.

Vua Đường Hiến Tông ban cho Sa-môn Tri Huyền làm Ngộ Đạt Quốc Sư. Lại phong cho ngài Trừng Quán chức Đại Thống Thanh Lương Quốc Sư. Vua sắc ban cho Sa-môn Đoan Phủ làm Lục Nhai Tả Tăng Sự, ngài Linh Thúy làm Lục Hữu Nhai Tăng Sự.

Vua Đường Mục Tông ban sắc cử Sa-môn Duy Anh sung làm Lưỡng Nhai Tăng Thống.

Vua Đường Văn Tông ban chức Tả Nhai Tăng Lục Nội Cúng Phụng Tam Giáo Đàm Luận Dẫn Giá Đại sư cho ngài Đại Đạt Pháp sư Đoan Phủ, ngài nằm nghiêng hông phải mà tịch. Vua sắc phong cho Sa-môn Vân Đoan sung làm Tả Hữu Nhai Tăng Lục.

Vua Đường Tuyên Tông sắc phong cho ngài Linh Yến sung làm Tả Hữu Nhai Tăng Lục - Lại sắc phong cho ngài Tri Huyền Pháp sư sung làm Tam Giáo Thủ Tòa - Lại sắc phong ngài Tam Giáo Thủ Tòa Biện Chương sung làm Tả Nhai Tăng Lục, ngài Tăng Triệt sung làm Hữu Nhai Tăng Lục.

Vua Đường Ý Tông nhân tiết Diên Khánh, sắc phong chức Tả Nhai Tăng Lục cho ngài Tuệ Chiếu Đại sư Thanh Lan, chức Hữu Nhai Tăng Lục cho ngài Minh Triệt Đại sư Ngạn Sở, Giảng Luận Phật pháp. Sắc phong Sa-môn Giác Huy sung làm Tả Hữu Nhai Phó Tăng Lục.

Hán Ngô Việt Vương Tiền Thục kính Sa-môn Đức Thiều làm Quốc Sư.

Vua Thái Tông mời ngài Ngô Việt Quốc Tăng Thống Tán Ninh vào triều kiến, ban hiệu là Thông Tuệ Đại sư.

Vua Tống Nhân Tông chuyển ngài Sử Quán Biên Tu Tán Ninh sang làm Tả Nhai Tăng Lục, ban hiệu Pháp Trí Đại sư cho ngài Tứ Minh Diên Khánh Tri Lễ - Vua ban hiệu Thần Chiếu Đại sư cho ngài Thiên Thai Đông Sơn Bản Như.

Vua Tống Chân Tông ban cho ngài Tam tạng Pháp Hộ hiệu Phổ Minh Tứ Giác Truyền Phạm Đại sư.

Vua Tống Thần Tông ban hiệu Tuệ Biện Bổ Đô Sư cho ngài Thiên Trúc Hải Nguyệt Đại sư. Vua Tống Cao Tông ban hiệu Pháp Tế Đại sư cho ngài Đạo Bảo Giác Viên Thông, ban hiệu Đại Tuệ Thiền sư cho ngài Kính Sơn Tông Cảo.

Vua Tống Hiếu Tông ban hiệu Từ Thọ Đại sư cho ngài Linh Sơn Tử Lâm ban chức Tả Nhai Tăng Lục cho ngài Thượng Trúc Nhã Nạp, lại ban hiệu Tuệ Quang Pháp sư cho ngài Thượng Trúc Nhã Nạp Tả Nhai Tăng Lục. Lại ban hiệu Phật Hải Thiền sư cho ngài Linh Ẩn Tuệ Viễn. Và ban hiệu Phật Chiếu Thiền sư cho ngài Linh Ẩn Đức Quang.

11. BẤT BÁI QUÂN PHỤ: (Không lạy vua và cha mẹ)

Đời Tấn Thành Đế, quan Tướng Quốc Dữu Băng luận Sa-môn phải lạy vua Chúa, có Sư Hà Sung chống lại không theo - Đời Tấn An

Đế, Hoàn Huyền cũng luận khiến Sa-môn phải kính lạy vua Chúa, ngài Lư Sơn Tuệ Viễn Pháp sư chống lại không theo.

Vua Tông Hiếu Võ ra chế bắt Sa-môn phải kính lạy vua, vua Tiền Phế Đế ra chế đình chỉ việc đó.

Vua Tùy Dạng Đế ban chiếu bắt Sa-môn và Đạo sĩ phải kính lạy vua, có Sa-môn Minh Chiêm kháng chiếu bảo rằng Tăng không có phép kính lạy người tục. Bèn thôi.

Vua Đường Thái Tông ban chiếu bắt Tăng và Đạo sĩ phải kính lạy cha mẹ, hơn một năm thì đình chỉ chiếu ấy.

Vua Đường Cao Tông ban sắc Tăng và Đạo không được nhận cha mẹ và bậc tôn trưởng kính lạy - Vua Đường Huyền Tông ban sắc bắt Tăng và Đạo phải kính lạy cha mẹ được hơn tháng thì bỏ lệnh ấy.

12. BẤT XƯNG THẦN TĂNG: (Tăng không xưng Thần)

Đời Tề Võ Đế, Sa-môn Tăng Chung yết kiến vua xưng là Bần Đạo. Vua đem việc hỏi Vương Kiệm, Ông tâu: Từ các triều Tấn và Tống đến nay phần nhiều đều xưng là Bần Đạo và cho phép ngồi.

Vua Đường Túc Tông ban sắc cho các Tăng Ni khi vào chầu để dâng biểu tấu không được xưng Thần (Lễ Ký - Nhà Nho có người đối với bậc trên không xưng Thần. Thiên tử đối với dưới không thờ Chư Hầu. Đời Hán, Vương Nho Xung yết kiến vua Quang Võ xưng tên là Bất Thần).

13. SÙNG LỄ CAO HẠNH (kính lễ bậc Cao Hạnh)

Vua Tống Minh Đế ban chiếu mỗi tháng cung cấp cho ngài Mãnh Pháp sư ba vạn tiền, xe đi và người giúp việc. Ban cho Tăng Cẩn một bộ Pháp Kỷ.

Đời vua Lương Võ Đế, ngài Tuệ Ước Pháp sư mỗi khi vào triều kiến thì vua đặt một ghế riêng cho ngài ngồi, vua ngồi một bên - Vua ban sắc cử ngài Pháp Vân Pháp sư làm Đại Tăng Chánh, quan cung cấp cho người giúp việc.

Vua Trần Tuyên Đế ban chiếu cắt một phần tiền thuế ở Huyện Thủy Phong để cấp cho ngài Khải Thiền Sư.

Đời vua Tùy Văn Đế, có Linh Tạng Luật Sư ở chùa Đại Hưng Thiện, vua ban sắc cho Tả Hữu Bộc Xạ cứ hai ngày thì đến hỏi thăm sức khỏe của ngài. Ngài Đàm Diên Pháp sư lên Ngự tòa ngồi quay mặt về hướng Nam mà truyền giới pháp.

Đời vua Đường Thái Tông, Đức Tổ là Đạo Tín Thiền sư bốn phen

vua mời đều không đi. Sau vua ban cho vàng lụa để tôn vinh đạo ngài.

Vua Đường Đại Tông ban chiếu triệu ngài Kính Sơn Khâm Thiền sư vào triều kiến, ban hiệu là Quốc Nhất. Lại sai các quan lại ở Hàng Châu mỗi tháng đến thăm hỏi.

Đời Tống Thái Tổ. Ngài Ngô Việt Tăng Thống Tán Ninh vào triều kiến, một ngày tuyên nói pháp bảy lần, vua ban hiệu là Thông Tuệ.

14. SA MÔN TRỨ THƯ (Sa-môn viết sách)

Đời Lương Võ Đế, Sa-môn Tuệ Cảo soạn bộ Cao Tăng Truyện mười bốn quyển, gồm mười mục nói về đức nghiệp của các Sư, bắt đầu từ năm Vĩnh Bình nhà Hán chấm dứt vào năm Thiên Giám nhà Lương.

Đời Tùy Văn Đế, Phiên Kinh Học Sĩ Phí Trường Phòng dâng vua bộ Khai Hoàng Tam bảo Lục.

Đời Đường Cao Tông, Sa-môn Đạo Tuyên soạn bộ Tục Cao Tăng truyện ba mươi quyển, bắt đầu từ năm Thiên Giám Nhà Lương chấm hết ở năm Chánh Quán Nhà Đường. Sa-môn Đạo Thế soạn bộ Pháp Uyển Châu Lâm một trăm quyển, nói tổng quát về Đại Tạng, phân ra các Môn, Loại, Sự...

Đời Đường Đức Tông, ở Hồ Châu có Thứ Sử Vu Dịch dâng lên vua quyển Trữ Sơn Thi Tập của Sa-môn Kiểu Nhiên được cất giữ ở Ngự Thư điện.

Đời Lương Mạt Đế, có Sa-môn Quy Tự dâng lên vua bộ Kinh Luận Hội Yếu, vua chiếu cho nhập tạng, ban hiệu là Diễn Giáo Đại sư.

Đời Tấn Thiên Phước, có Sa-môn Khả Hồng dâng lên vua bộ Đại Tạng Kinh Âm Nghĩa bốn trăm tám mươi quyển.

Đời Chu Thế Tông, Sa-môn Nghĩa Sở dâng lên vua bộ Thích Thị Lục Thiếp. Vua ban sắc giao cho Sử Quán, ban cho Tử y và tiền lụa...

Đời Tống Thái Tổ, ngài Ngô Việt Thọ Thiền sư làm bộ Tông Cảnh Lục một trăm quyển - Sa-môn Văn Thắng vâng sắc vua sửa bộ Đại Tạng Tùy Hàm Sách Ẩn sáu trăm sáu mươi quyển - Đời Tống Thái Tông có Hàn Lâm Lý Phương... dâng lên vua bộ Thái Bình Quảng Ký, ghi chép về Phật pháp khoảng ba mươi quyển - Ngài Thông Tuệ Đại sư Tán Ninh dâng lên vua bộ Tục Cao Tăng Truyện ba mươi quyển bắt đầu từ năm Chánh Quán nhà Đường, vua ban sắc cho nhập Đại Tạng. Sư lại có soạn bộ Thứu Lãnh Thánh Hiền Lục năm mươi quyển và bộ Tăng Sử Lược ba quyển.

Đời Tống Chân Tông, Sa-môn Đạo Nguyên dâng vua bộ Cảnh Đức Truyền Đăng Lục ba mươi quyển - Dịch Kinh Nhuận Văn Quan

Triệu An Nhân sửa bộ Tạng Kinh Lục hai mươi mốt quyển. Vua ban tên bộ ấy là Đại Trung Tường Phù Pháp Bảo Lục - Sa-môn Đạo Thành viết bộ Thích Thị Yếu Lãm ba quyển - Ở Ích Châu có Sa-môn Nhân Tán dâng lên vua bộ Thích Thị Hội Yếu bốn mươi quyển.

Đời Tống Nhân Tông, Tam tạng Duy Tịnh dâng lên vua bộ Tân Dịch Kinh Âm Nghĩa bảy mươi quyển. Ngài Tam tạng Duy Tịnh lại dâng lên bộ Tân Dịch Đại Tạng Mục Lục hai pho. Vua ban tên bộ ấy là Thiên Thánh Dịch Giáo Lục, ban hiệu cho Sư là Quang Phạm Đại sư và Tử Y - Quan Tham Chánh Vương Tùy dâng lên vua bộ San Tu Cảnh Đức Truyền Đăng Lục mười lăm quyển - Phò Mã Đô Úy Lý Tuân Úc mở rộng bộ ấy thành “Quảng Truyền Đăng” ba mươi quyển. Vua ban cho tên bộ ấy là Thiên Thánh Quảng Đăng Lục - Sa-môn Khế Tung dâng lên vua bộ “Phụ Giáo Biên Định Tổ Đồ Chánh Tông Ký”, vua ban sắc cho nhập vào Đại Tạng và ban hiệu là Minh Giáo Đại sư cùng Tử y, tiền, lụa.

Đời Tống Huy Tông, Sa-môn Duy Bạnh dâng lên vua bộ Tục Đăng Lục, vua ban sắc cho nhập Đại Tạng, vua ban cho hiệu là Phật Quốc Thiền sư và Y Kim Lan - Thượng Thư Vương Cổ xem Đại Tạng soạn ra bộ Pháp Bảo Tiêu Mục tám quyển - Ngài Thạch Môn Tuệ Hồng soạn bộ Thiền Lâm Tăng Bảo Truyện ba mươi quyển.

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 52

PHẦN 2

Gồm các mục sau:
1. Túc mạng tiền thân.
2. Phóng sinh cấm sát.
3. Kỳ đảo tai dị.
4. Quốc triều điển cố.
5. Chư quốc triều cống.

1. TÚC MẠNG TIỀN THÂN (Tiền thân đời trước)

Đời Tấn Võ Đế, tiền thân của Dương Hựu đã xây cất Võ Đang Sơn Tự nên nay cung cấp chùa ấy có phần thiên nặng hơn...

Đời Lương Võ Đế, Nhạc Dương Vương Túc thị sát Trấn Việt thì biết tiền thân của mình là Hứa Tuân đã cùng với Đàm Ngạn xây tháp...

Vua Bắc Tề Văn Tuyên sai người cỡi lạc đà ra khỏi thành rồi mơ màng như trong mộng, cứ thế đi đến một chùa trong núi lấy rương kinh. Có đám Sa-di gọi lớn: A, Cao Dương cỡi lạc đà đến! Rồi dẫn vào gặp một vị lão Tăng hỏi: Cao Dương làm vua như thế nào?...

Đời Đường Thái Tông, Tiền thân của Oai Thiền sư là Trần Từ Lăng nghe ngài Trí Giả giảng kinh bèn lập năm nguyện. Sau sinh vào nhà quan quyền họ Chu bèn kính ngài Chương An làm thầy - Tài Công Đạo Giả thác sinh vào nhà bà họ Chu. Sau gặp Tứ Tổ xuất gia, chính là Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn.

Đời Đường Huyền Tông. Phòng Quan cùng Đạo sĩ Na Hòa Phác qua đất Hạ, vào một ngôi chùa hoang, sai người đào đất tìm được một cái bình lớn bên trong có chứa bài viết về Đạo Đức của Lũ Sư và sách của Vĩnh Thiền Sư, bỗng nhiên ông biết rõ tiền thân mình là Vĩnh Thiền sư - Sa-môn Pháp Tú được một vị Tăng lạ dẫn vào núi Chung nam thấy một cửa son có bảng đề tên hồi hướng. Có ông lão chỉ cung điện đó bảo

rằng đây là nhà ở cũ của vua Đường. Rồi sai người hầu đưa cho ống sáo ngọc (ngọc tiêu) bảo rằng: Hương trước ở đây vì ham nghe nhạc nên bị đày về làm vua ở cõi người.

Đời Đường Túc Tông. Ở Tây Xuyên, Tiết Độ Vỹ Cao mới sinh, có vị Phạm Tăng đến bảo rằng: Đây là hậu thân của Gia Cát Võ Hầu.

Đời Đường Hiến Tông - Tề Quân Tá được một Phạm Tăng cho ăn một trái táo liền biết được tiền thân mình xưa là Tăng giảng kinh, bèn nương ngài Linh Ẩn mà xuất gia, tên là Giám Không.

Đời Đường Hy Tông - Ngài Tri Huyền Quốc Sư thấy một hạt châu rơi vào đùi trái rất đau nhức, lại thấy trên mục nhọt ấy có hai chữ "Triệu Thố." Huyền biết đó là nghiệp đời trước của mình, bèn nằm nghiêng hông phải mà tịch. Đời cho Huyền là hậu thân của Viên Áng...

Đời Tống Nhân Tông - Tham Chánh Trương Phương Bình ra coi Dư Châu, đến Tăng xá thấy có quyển kinh Lăng Già vẫn còn dấu tay rõ ràng, bèn biết tiền thân mình là Tăng viết kinh - Tể Tướng Tăng Công Lượng có tiền thân là Thiền Môn Thanh Thảo đường - Ở Dĩnh Châu có một ca kỹ miệng có mùi hương sen. Có vị Tăng nước Thục nói: Cô gái này đời trước là Ni tụng kinh Pháp Hoa ba mươi năm - Đời Đường Triết Tông, Tô Thức có tiền thân là Ngũ Tổ Giới Thiền Sư.

2. PHÓNG SINH CẤM SÁT

Vua Tùy Văn Đế ban chiếu: Trong thiên hạ trong các tháng giêng, năm, chín và các ngày Lục Trai không được giết hại sinh mạng - Ngài Trí Giả Thiền sư đến Nhạc Châu giảng kinh Kim Quang Minh, giáo hóa một Quận năm Huyện, có hơn một ngàn chỗ đều bỏ bắt cá.

Vua Lương Võ Đế ra sắc cho Thái Y không được dùng các con vật còn sống để làm thuốc. Việc cúng tế con vật sống ở Giao Miếu đều thay bằng bột mì. Cúng tế tông miếu thì dùng rau quả.

Vua Bắc Ngụy Hiến Văn ra sắc chỉ Tế Thiên Địa Tông Xã không được dùng con vật còn sống. Năm đó cứu sống được bảy vạn năm ngàn con vật.

Vua Bắc Tề Văn Tuyên thọ giới không ăn thịt, cấm trong nước giết mổ...

Vua Đường Cao Tổ ban chiếu các tháng: Một, năm, chín và các ngày Thập trai không được hành hình, mổ giết, câu lưới...

Đường Võ Hậu ra sắc cấm hẳn việc giết mổ, câu lưới... trong thiên hạ.

Vua Đường Túc Tông ra chiếu trong thiên hạ lập ao phóng sinh

gồm đến tám mươi mốt chỗ, Nhan Chân Khanh soạn bài bia.

Vua Tống Thái Tổ ban chiếu từ tháng hai đến tháng chín trong thiên hạ dân chúng không được lưới rập săn bắt, giết chết. Vua Tống Chân Tông ra chiếu trong thiên hạ khắp các Châu Quận đều phục hồi lại ao phóng sinh. Nơi nào không có ao phóng sinh thì dọc ven bờ sông Hoài qua các Quận cách thành năm dặm đều cấm bắt cá. Quan lệnh chư kỵ là Phan Hoa theo Phổ Hiền Sám Pháp không cho bắt cá trong các ao hồ sông suối và dâng chiếu vua trở về kinh thì mộng thấy cá biến thành hình người cả mấy vạn gào khóc vang trời rằng: Trưởng giả đi rồi bọn chúng tôi đâu khỏi bị chưng nấu... Ngài Thiên Trúc Từ Vân Pháp sư tâu vua xin cho lấy Tây hồ làm ao phóng sinh. Mỗi năm vào ngày tám tháng tư (lễ Phật đản), người trong Quận hội họp trên ao mặc tình thả chim cá để cầu cho Chúa Thượng trường thọ.

Đời vua Tống Nhân Tông, Ngài Diên Khánh Pháp Trí Pháp sư ở Tứ Minh, mỗi năm vào lễ Phật đản thường phóng sinh chim cá để chúc Thánh Thọ (cầu vua sống lâu). Quận biết tâu lên, vua ra sắc cho Khu Mật Lưu Quân soạn bia đặt ở cửa chùa.

3. KỲ ĐẢO TAI DỊ (Cầu đảo hết tai ương)

Đời Tấn Giản Văn, có quạ làm tổ trên Thái Cực điện. Vua triệu Ni Sư Đạo Dung vào truyền giới Bát quan trai, bầy quạ liền dời tổ đi nơi khác.

Có yêu tinh gây biến, vua triệu Sa-môn Pháp Khoáng vào hành Sám lễ, yêu tinh liền tan.

Đời Tấn Hiếu Võ, Tây Thiên Thiệp Công đến Trường An thường đọc chú khiến Rồng làm mưa. Tần chúa rất tôn thờ.

Vua Tề Võ Đế bị bệnh, triệu các Sa-môn cầu Phật, cảm được mùi hương trời đầy điện, các Thánh Tăng khua tích trượng.

Đời Bắc Ngụy Mân Quốc Tử Bác Sĩ Lư Cảnh Hựu thông suốt Phật pháp. Vì anh ruột làm loạn nên bị liên lụy, ông chí tâm tụng kinh thì gông xiềng đều tự mở.

Đời Tùy Văn Đế, có hạn hán, ngài Đàm Diên Pháp sư lên ngồi ở ghế vua, vua và Quần thần quỳ thọ giới Bát quan trai bỗng có mưa lớn.

Vua Đường Thái Tông ban chiếu tất cả Tăng và Đạo sĩ trong kinh thành và các Quận đều chuyển kinh hành đạo suốt bảy ngày đêm để cầu an trúng mùa. Tháng giêng tháng bảy mỗi năm phải theo lệ này. Vua lại ban chiếu các Sa-môn ở kinh thành, ngày hai mươi bảy mỗi

tháng thì hành đạo chuyển Kinh Nhân Vương cầu phước cho nước nhà. Vua ban chiếu mời Tịnh Thiền sư đến kinh cầu mưa, cảm được ráng trắng thấy giữa ban ngày và mưa to khắp nơi.

Đời Đường Trung Tông, vua chiếu mời ngài Bồ-đề-lưu-chí lập đàn cầu mưa, ba ngày thì mưa to.

Đời Đường Huyền Tông, Giặc Khương Cư vào cướp phá An Tây, vua chiếu mời ngài Bất Không tụng chú Nhân Vương cảm được Bắc Thiên Vương tử và binh thần xuất hiện, binh Ngũ quốc vỡ chạy.

Đời Đường Đại Tông, giặc Thổ Phồn vây bức Kinh sư, Nội điện đưa ra kinh Nhân Vương chiếu cho ngài Bất Không lập một trăm cao tòa để giảng kinh, giặc bèn yên. Vua ra sắc chỉ ở Quán Đảnh đạo tràng chọn hai mươi bảy Sa-môn vì nước luôn tụng Phật Đảnh Chú.

Sao chổi xuất hiện ở Phương Đông. Vua chiếu triệu ngài Bất Không hành pháp thì sao biến mất. Mùa Xuân đến Hạ không mưa, Sư lập Đàn cầu đảo thì mưa to khắp nơi - Ở Đương Dương có Tiết Độ Trương Chiêu thưa cùng Sa-môn Tự Giác rằng: “Nghe nói Thần Long nương ngài nghe kinh mà quên làm mưa. Xin ngài khởi lòng Đại Bi...” Sư bèn đốt hương hướng về phương xa khấn nguyện thì mây giăng mưa lớn...

Vua Tống Thái Tổ đến chùa Tướng Quốc cầu mưa thiết Trai đãi ngàn Tăng - Vua lại đến chùa Tướng Quốc cầu mưa dâng cúng lễ chay, mưa rất to. Sắp Tế Giao thì mưa hoài không ngớt, bèn sai Sứ cầu khấn ở Tháp Vô Úy Chân Thân, đúng kỳ hạn thì trời tạnh hẳn.

Đời vua Chân Tông, có đại hạn, có vị Phạm Tăng ở Ao Kim Minh lập Đàn trì chú ếm Rồng, phút chốc mưa xuống.

Đời Đường Thần Tông, mùa hạ bị hạn hán lớn, vua ở trong cung cấm ăn chay khấn nguyện thì mộng thấy có vị thần Tăng ở trên không trung phun sương mù. Khi thức dậy thì mưa rất to. Vua ra sắc tìm tượng có hình giống trong mộng, thì tìm thấy tượng vị La-hán thứ mười ba thờ trong gác chùa Tướng Quốc.

Đời Đường Triết Tông. Ngài Thăng Pháp sư ở Hưng Phước đúng là lúc Triệu Thanh Hiến Công làm soái ở đất Việt bị dịch bệnh và hạn hán, bèn rước tượng Đại sĩ Quan Âm khẩn thiết khấn nguyện. Một tối nọ mưa ào xuống và dịch bệnh cũng tan mất. Bèn tâu vua, vua ban tên chỗ ở của Sư là Viên Thông.

Đời Đường Cao Tông, Mạnh Hậu bỏ nước đi về phương Nam, thỉnh thờ tượng Ma Lê Chi Thiên để hộ thân. Lý Giác trốn giặc gặp người ngồi trên xe dạy ông đọc tôn hiệu Ma-lợi-chi Thiên mà khỏi nạn

binh lửa. Giặc Kim vào phá đất Hàng. Vua đích thân đến điện Đại sĩ ở Thượng Trúc cung kính khấn cầu khi yên giặc sẽ tu cúng thủy lục. Vua nằm mộng thấy các tử sĩ vui mừng vì được sinh vào cõi lành. Có đại hạn, vua chiếu mời ngài Đạo Pháp sư cầu mưa. Ngài đọc chú họa bùa vào bốn con cá giếc rồi đem thả xuống các sông thì mưa to ào xuống - Nước lũ lụt không rút, vua sai Nội Thị đến cầu đảo ở tượng Đại sĩ tại Thượng Trúc. Việc xong vua cúng mũ ngọc bảy báu cho tượng.

4. QUỐC TRIỀU ĐIỂN CỐ

(Gồm: Thánh tiết, Nội đạo tràng, Công đức viện, Quốc húy)

Đời Bắc Ngụy Thái Võ, nhân lễ Phật đản, đầu tiên hạ chiếu các chùa Phật trong thiên hạ lập Chúc Thọ đạo tràng.

Đời Đường Huyền Tông, vua chiếu các tự quán trong thiên hạ lập Trường Thiên Tiết Chúc Thọ đạo tràng - Vua ban sắc cho Tăng và Đạo sĩ vào Tiết Thiên Thu (sinh nhật vua) thì đến chùa Khai Nguyên hành đạo thí trai.

Đời Đường Đức Tông, nhân tiết Phật đản vua chiếu mời ngài Trừng Quán Pháp sư vào Nội điện giảng kinh.

Đời Đường Văn Tông, vua ban chiếu vào lễ Phật đản, bá quan cùng đến chùa thiết trai lễ một ngàn Tăng.

Đời Đường Chiêu Tông, nhân lễ Phật đản, vua ra sắc mời Lưỡng Nhai Tăng và Đạo sĩ vào điện đàm luận.

Đời Đường Cảnh Tông, lễ Phật đản, vua ra sắc cho các tự quán thiết lễ trai và cấm giết mổ, câu, bắt cá.

Đời Lương Thái Tổ, nhân tiết Đại Minh, vua ra sắc cho bá quan đến chùa hành hương chúc thọ.

Đời Đường Trang Tông, nhân tiết Phật đản, vua ra sắc mời ngài Tăng Lục Vân Biện cùng Đạo sĩ vào cung đàm luận.

Đời Chu Thái Tổ, nhân lễ Phật đản, Tể thần và bá quan cùng đến tự quán lập Chúc Thọ đạo tràng.

Đời Tống Thái Tổ, tiết Trường Xuân, Tể Tướng Phạm Chất viết bài Chúc Thọ Trai Sớ... - Vào tiết Trường Xuân, vua ra chiếu cho các Sa-môn thi Kinh Luật Luận mười nghĩa điều.

Đời Tống Khâm Tông, vua chiếu vào tiết Đạo Quân Thánh thì đến các đạo quán, còn tiết Càn Long thì đến các chùa Phật, một mực cứ vào phép cũ của Tổ Tông.

Vua Tấn Hiếu Võ thờ Phật trong Nội điện, triệu các Sa-môn đến ở đó hành đạo.

Vua Đường Đại Tông ra sắc triệu một trăm Sa-môn ở trong cung cấm tụng niệm, gọi đó là Nội đạo tràng - Vua ra sắc ở cung Đại Minh lập đạo tràng, cảm được ánh sáng Phật xuất hiện.

Đời Tống Thái Tông, ngài Tán Ninh Tăng Thống vào yết kiến vua ở Từ Phước điện, nơi ấy thờ tượng Phật và để Kinh tụng lại có chuông chùa, tức là Nội đạo tràng. Vua lại ra chiếu cho Lưỡng Nhai Cúng Phụng Tăng ở Nội điện lập ra đạo tràng để cầu phước cho nhân dân.

Đời Tống Hiếu Tông, vua lập Nội Quán Đường, chiếu mời ngài Thượng Trúc Nạp Pháp sư lãnh đạo năm mươi Tăng vào đó tu Kim Quang Minh Sám. Mỗi năm luôn theo lệ đó.

Đời Đường Duệ Tông, vua chiếu lệnh cho các quý phi công chúa bắt đầu lập viện Công Đức.

Đời Đường Đại Tông, vua chiếu lệnh cho các Tể phụ đại thần bắt đầu lập viện Công Đức.

Đời Tống Huy Tông, vua sắc lệnh: Chiếu theo phép xưa của Tổ Tông, các chùa Công Đức phần của các quan có công lớn và những họ hàng vua tự tạo nhà cửa ruộng đất, chỉ là ban ngạch để miễn trừ khoa phu (thuế mã và luận tội) nay cho ở nhà tự thỉnh trụ trì không cho chiếm cứ các tự viện có ngạch.

Đời Tống Cao Tông, quan Tư Gián Trần Công Phụ dâng sớ tâu vua; ứng theo việc các quan trước đây có xin tự viện có ngạch để sung làm chùa Công Đức Phần, nay xin vua chiếu theo Luật cũ Tổ Tông đều cho cải chính lại.

Đời Tống Lý Tông, các quan tâu xin Tể Tướng chấp nhận cho các chùa có ngạch bị chiếm hữu đều phải trở lại như cũ.

Đời Tống Hiếu Võ, vua ra sắc: Ngày kỵ giỗ của Đức Văn Đế thì ở chùa Trung Hưng thiết lễ Bát quan trai. Quan hầu là Viên Mai Tôn lại dâng vua cá thịt, vua nổi giận bèn bãi quan.

Đời Đường Thái Tông, vua ra sắc lệnh: ngày giỗ kỵ các Tiên Triều đều tổ chức ở chùa Chương Kính mà hành hương thiết lễ trai.

Đời Đường Trung Tông, vua ra lệnh ngày giỗ kỵ Thất Miếu nên ở Nội điện mà hành hương thiết lễ trai.

Đời Đường Tuyên Tông, vua ra lệnh cho các Tăng và Đạo sĩ vào ngày Quốc kỵ đều đến chùa Long Hưng hành đạo thiết lễ trai.

Đời Đường Huyền Tông, vua ra lệnh các ngày kỵ giỗ liệt Thánh đều phải đến chùa Tăng hành hương theo phép cũ (Lúc này là sau thời Võ Tông sa thải Tăng Ni) - Vua ra lệnh vào ngày Quốc kỵ, các Châu

Quận đều phải hành hương, không được mang rượu thịt vào chùa.

Đời Tấn Thiên Phước, vua ra lệnh vào ngày Quốc kỵ các Tể Thần và bá quan đều đến chùa hành hương, cúng Trai Tăng.

Đời Tống Thái Tông, vua ban chiếu các ngày Quốc kỵ từ Tể Tướng trở xuống phải đến tự quán hành hương và cấm rượu thịt.

5. CHƯ QUỐC TRIỀU CỐNG (các nước triều cống)

Đời Tấn Võ Đế, nước Phù Nam sai Sứ tiến dâng tượng Phật vàng, tháp bằng ngà voi - Đời Tấn An Đế, nước Sư Tử hiến tặng tượng Phật bằng ngọc cao bốn thước hai tấc.

Đời Tống Văn Đế, nước Ca-tỳ-la, nước Sư Tử, nước Ha-la-đơn, nước Ha-la-đà, nước Xà-bà, cả năm nước đều sai Sứ vào triều cống.

Đời Tề Đông Hôn Hầu, có Tăng Tuệ Thâm nước Phù Tang đến Kinh sư.

Đời Lương Võ Đế, nước vua Đà Lợi vào triều cống nói rằng Đông độ có Thánh nhân ra đời - Nước Phù Nam có Sa-môn dâng tặng tượng Phật bằng san hô - Nước Bàn Bàn sai Sứ tặng răng Phật - Nước Đơn Đơn sai Sứ tặng tượng Phật - Nước Phù Nam sai Sứ triều cống, xin thỉnh kinh luận và tượng Phật - Nước Bách Tế sai Sứ triều cống và thỉnh kinh luận - Nước Vu-điền sai Sứ triều cống tượng Phật bằng ngọc.

Đời Đường Thái Tông, Sa-môn ba nước Cao Ly là Tăng Nguyện vào Trung Quốc học Phật pháp.

Đời Đường Đức Tông, Thổ Phồn sai Sứ đến xin ban cho Sa-môn giảng giỏi về Phật lý, vua sai ngài Lương Tú sang phó nhậm.

Đời Tống Thái Tổ, Sa-môn Đế Quán nước Cao Ly đem Thiên Thai Luận Sớ sang Trung Quốc đến yết kiến ngài Loa Khê Pháp sư - Vua nước Cao Ly sai ba mươi sáu vị Tăng đến Trung Quốc học với ngài Vĩnh Minh Thọ Thiền Sư, lúc đó một Tông Pháp Nhãn Tạng rất thịnh hành ở hải ngoại - Sa-môn Khả Trí ở Tây Thiên đến triều kiến.

Sa-môn Tô-cát-đà ở Tây Thiên đến hiến xá-lợi Phật và hoa Văn-thù. Sa-môn Di-la ở Tây Thiên dến triều cống kinh Phạm - Sa-môn Thiện Danh, bảy người ở nước Vu-điền đến triều cống - Nước Cao Xương sai Tăng Pháp Uyên đến tặng răng Bích-chi-phật.

Đời Tống Thái Tông, Sa-môn Tây Thiên là Cát Tường đến tặng kinh Phạm - Sa-môn Kế Tung từ Tây Thiên trở về dâng Phạm Kinh và tháp xá-lợi, Sa-môn Trung Thiên Trúc là Bát-nạp-ma đến tặng tháp xá-lợi - Sa-môn Thiên Trúc là Hộ La đến tặng kinh Phạm - Sa-môn Quang Viễn đi Tây Thiên trở về dâng lên vua biểu của con vua nước

Tây Trúc, hiến tặng xá-lợi Đức Thích-ca - Sa-môn Pháp Ngộ từ Tây Thiên trở về dâng xá-lợi sọ Phật và kinh Phạm - Sa-môn Trọng Đạt từ Tây Thiên trở về hiến tặng xá-lợi Phật và kinh Phạm Bổ Đà ở Trung Thiên Trúc đến hiến Xá-lợi và kinh Phạm - Sa-môn nước Chiêm Thành là Tịnh Giới đến cung khuyết hiến tặng các chày bằng vàng, đồng và chuông lắc - Nước Cao Ly sai Sứ xin thỉnh Đại Tạng Kinh và Ngự Chế Phật Thừa Văn Tập, vua ra chiếu ban cho - Sa-môn Điên Nhiên nước Nhật Bản đến triều nói nước ấy truyền ngôi nhau suốt sáu mươi bốn đời. Trong năm Khai Hoàng đời Tùy sai Sứ vào Trung Quốc thỉnh kinh Pháp Hoa. Năm Vĩnh Huy bốn Nhà Đường, sai Tăng là Đạo Chiếu vào Trung Quốc theo học với ngài Huyền Trang Pháp sư (v.v... đầy đủ trong Thông Tắc Chí). Sư Điên Nhiên trở về nước xin ban cho Tạng Kinh. Vua cấp cho - Ngài Pháp Tế Đại sư Điên Nhiên sai đệ tử là Gia Nhân Kỳ Càn đến triều kiến.

Đời Tống Chân Tông, năm Tường Phù thứ chín, Sa-môn Bắc Thiên Trúc là Thiên Giác, Sa-môn Nam Thiên Trúc là Diệu Đức, các Sa-môn Tây Thiên Trúc... ai nấy đều hiến tặng xá-lợi và kinh Phạm. Sa-môn Trung Thiên Trúc Đồng Thọ đến dâng kinh Phạm - Sa-môn Đông Thiên Trúc Phổ Tích đến triều hiến kinh Phạm. Trong một năm mà có đủ Ngũ Trúc cùng hiến tặng - Sa-môn Tịch Chiếu nước Nhật Bản đến tặng tượng Phật Vô Lượng Thọ và kinh Pháp Hoa chữ vàng - Sa-môn Trung Thiên Trúc Nhĩ-vĩ-nĩ đến triều hiến xá-lợi và kinh Phạm - Sa-môn Tây Thiên Trúc Phật Hộ đến tặng kinh Phạm - Ngài Tây Thiên Tam tạng Pháp Hộ đến tặng xá-lợi và kinh Phạm - Sa-môn Bắc Thiên Trúc Giới Hiền đến tặng xá-lợi và kinh Phạm - Sa-môn Mục La Thất Khê nước Ca-thấp-di-la đến tặng kinh Phạm - Sa-môn Tây Thiên Đạt-ma-ba đến tặng kinh Phạm - Sa-môn Tây Thiên Chúng Đức đến triều kiến tặng xá-lợi và kinh Phạm - Sa-môn Trung Thiên Trúc Giác Xứng Pháp Giới đến tặng xá-lợi, kinh Phạm và chân dung Kim Cang tòa - Sa-môn Tịnh Hiền nước Bát-ni đến tặng kinh Phạm. Sa-môn Tây Thiên Tri Hiền đến tặng xá-lợi và kinh Phạm - Nước Đông Nữ Chân vào triều cống, xin ban cho Tạng Kinh - Sa-môn Tây Thiên Ái Hiền tặng xá-lợi và kinh Phạm - Sa-môn Tây Thiên Trí Cát Tường đến hiến kinh Phạm - Nước Tây Hạ tâu vua trong nước mới xây cất Già-lam xin ban cho Kinh Tạng.

Đời Tống Thần Tông, Sa-môn nước Nhật Bản là Thành Tầm đến triều kiến.

Đời Tống Triết Tông, con vua nước Cao Ly là Tăng Thống Nghĩa Thiên đến triều cống, Tô Thức tiếp đãi ở quán xá. Vua ra lệnh cho Dương

Kiệt đưa ngài đến Tiền Đường học Pháp với ngài Nguyên Pháp sư, được truyền Thiên Thai Giáo bởi ngài Thiên Trúc Giản Pháp sư, được truyền Luật bởi ngài Linh Chi Chiêu Luật Sư.

Đời Tống Hiếu Tông, nước Nhật Bản sai Sứ đem thư đến hỏi đạo, ngài Thê Tâm ở Tứ Minh Quận Đình ra trước Sứ giả tuyên đọc và bắt bẻ văn nghĩa đó còn nhiều thô thiển lầm lẫn có đến bảy chỗ.

PHẦN PHỤ CHÚ: Ở đầu quyển năm mươi hai có một số mục bị bỏ đi và để phụ chú ở cuối quyển - Xem chú số một ở trang 455.

1. Thánh Tổ Khai Tiên:

Đời Tống năm Đại Tông có thiên thần giáng xuống nhà của Trương Thủ Chân nói rằng: "Vận mệnh nhà Tống lâu hơn nhà Đường", vua bèn phong hiệu là Dực Thánh Bảo Đức Chân Quân.

Đời Tống Chân Tông, có Phương Sĩ Vương Trung Lập gặp một Đạo Nhân họ Triệu tự xưng là Tư Mạng Chân Quân có chín điều lạ đem nói ở trước với Trung Lập - Thiên thần giáng xuống ở Tẩm điện gọi vua bảo rằng: "Thiên thư sắp giáng xuống, hãy trai giới để nhận." Hoàng Thành Ty tâu vua: "Ngoài cửa Hữu Thừa Thiên Môn có một bức thư lụa nhét trong miệng con cú". Nội Thị bưng vào thì thấy thư đề rằng: Triệu nhận lệnh làm Hưng nhà Tống, đời bảy trăm chín mươi chín, Khải Phong Tuyên Văn gọi nó là Đại Trung Tường Phù, gồm có ba Thiên - Vua lên phong núi Thái Sơn xong liền ra chiếu phong cho Tư Mạng Chân Quân làm Cửu Thiên Tư Mạng Bảo Sinh Thiên Tôn - Vua ban chiếu cho Tam Tư Sử Đinh bảo rằng: Khởi xây Ứng Cung Ngọc Thanh Chiêu, điện trước gọi là Thái Sơ để thờ Ngọc Hoàng, lập gác để thờ Thiên thư. Điện sau gọi là Minh Khánh để thờ Thánh Tổ (tức Cửu Thiên Tư Mạng Thiên Tôn) - Vua ban chiếu trong thiên hạ nên xây dựng Thiên Khánh quán để thờ Tam Thanh Ngọc Hoàng và lập thêm Thánh Tổ điện - Thiên thần giáng vào cung cấm bảo vua rằng: "Người của ta là một trong chín vua, họ Triệu giáng làm Thủy Tổ, chính là Hiên Viên Huỳnh Đế. Ta sẽ giáng hạ vào đời Hậu Đường, thống trị hạ phương, sinh vào nhà họ Triệu dòng dõi nay đã một trăm năm. Làm Hoàng Đế khéo vỗ về nuôi dưỡng quần sinh." Rồi nương mây vàng mà đi... Tháng ấy có đại xá, vua tôn kính phong hiệu là Thánh Tổ Thượng Linh Cao Đạo Cửu Thiên Tư Mệnh Bảo Sinh Thiên Tôn, phong Thánh Tổ Hậu là Nguyên Thiên Đại Thánh Hậu - Thánh Tổ tên húy là Huyền Lãng. Vua ra chiếu trong ngoài không được xúc phạm. Lại ra sắc là trong các Châu Quận, Thiên Khánh quán xây thêm điện Thánh Tổ -

Vua sai Lý Phổ ở Kiến An Quân đúc hai tượng Ngọc Hoàng và Thánh Tổ. Vua chiếu cho Đinh Vị rước tượng về kinh thờ ở Ngọc Thanh Chiêu Ứng Cung - Người ta thấy có xá-lợi ở Ngọc Thanh Chiêu Ứng Cung và ở Thánh Tổ Minh Khánh điện - Vua lại ban chiếu ở tại Bính Địa trong Đại nội nên xây Cảnh Linh Cung để thờ Thánh Tổ.

2. Lịch Triều Sấm Thụy:

Đời Bắc Triều, Cư sĩ Lục Pháp Hòa đã đề trên vách rằng:

Mười năm Thiên tử cũng còn được (Văn Tuyên làm vua mười năm)

Trăm ngày Thiên tử gấp như lửa (Phế Đế làm vua trăm ngày)

Trọn năm Thiên tử tiếp nhau ngồi (Hiếu Chiêu và Khẩu Cập hai vua)

Người ta sợ bôi đi mà không mất.

Đời Tùy Văn Đế, có người ở Tây Thiên là Xà-đề-tư-na đến ra mắt tâu vua: Ở Tây Thiên vừa tìm thấy một bia đá ghi rằng: "Ở Đông Phương Chấn Đán có nước tên Đại Tùy, Thành tên Đại Hưng, vua tên Kiên Ý xây dựng Tam bảo."

Đời Đường Đại Tông, Nguyên Châu tâu vua trong hang Hồng Trì có năm hòn đá màu xanh chữ trắng ghi rằng: "Thái Bình Thiên tử Lý Thế Dân, Thái tử Lý Trị bảy Phật tám Bồ-tát", vua sai Sứ đến cúng tạ ơn.

Vua được lời bí sấm rằng: Sau ba đời sau nhà Đường, Nữ Chúa Võ Vương thay trị thiên hạ." Thái Sử Lệnh là Lý Thuần Phong tâu rằng: "Điềm ấy đã thành nay đang ở trong cung." Vua bảo: "Thấy ai đang nghi thì giết đi." Ông tâu: "Mạng trời không thể đổi", bèn thôi.

Vua Đường Túc Tông chiếu cho Sa-môn Nguyên Kiểu lập Dược Sư đạo tràng, bỗng mọc ra một cây mận có bốn mươi chín nhánh - Ni Sư Chân Như lên trời yết kiến Thiên đế được trao cho mười ba món Thiên Bảo để trấn giữ cõi dưới. Vua bèn đổi niên hiệu là Bảo Ứng (từ Túc Tông đến Chiêu Tông là mười ba đời).

Đường Duệ Tông khi còn làm Tương Vương mỗi khi ra thăm thì ngài Vạn Hồi bảo người: "Thiên tử đến!" Đường Huyền Tông lúc còn ở Phiên đến yết kiến, ngài vỗ lưng bảo: "Năm mươi năm Thái Bình Thiên tử."

Tống Thái Tổ sinh ra ở Lạc Dương có ánh sáng lạ đầy nhà, màu vàng ròng bao bọc thân thể. Vua có lần đến chùa Trường Thọ nằm ngũ trên nền gạch. Tăng Thủ Nghiêm thấy có con rắn đỏ bò ra chui vào ở mũi vua. Ở Tống Thành có vị Tăng lạ chỉ đất bảo rằng: "Không đến hai

mươi năm nữa sẽ có Đế Vương lấy đất này làm hiệu.

Nhà Đại Tống năm Thái Bình thứ tư, ở Huyện Giáp Giang tại Gia Châu, dân tìm được hai hòn đá đen trên có chữ đỏ; một hòn ghi: Quân Vương vạn tuế, một hòn ghi: "Triệu hai mươi mốt vua." Dân phong kín hai hòn đá đem dâng vua (theo Bản Triều Thông Giám).

Năm Thái Bình thứ bảy, Thư Châu tâu vua dâng đá linh có khắc lời ký của Lương Chí Công rằng: "Ta thấy sau bốn, năm triều, kế năm Bính Tý, triệu hiệu Thái Bình hai mươi mốt vua." Bỗng một hôm Chí Công giáng xuống cung cấm, vua đích thân nghe lời khuyên bảo, rồi sai Sứ đến Chung Sơn dâng Trai Phạn, ban hiệu ngài là Đạo Lâm Chân Giác Bồ-tát.

Vua Tống Chân Tông lấy đá linh có ký của Chí Công đem chỉ cho cận thần. Tể Tướng Vương Đán tâu: Nước ta mở vận sau các đời Lương - Trần - Tùy - Đường và Ngũ Đại. Đức Thế Tông lên ngôi vào năm Bính Tý. Nay Thiên Tôn giáng lâm, sự việc đều phù hợp thì biết mệnh trời nhà Tống ta về sau còn lâu dài. Vua rất vui.

Nước Nhật Bản vào triều cống khen ngợi rằng: "Ở phía Đông nước tôi thấy có ánh sáng lạ. Trung Quốc có Thiên tử thánh minh tất ứng với điềm này." Vua ban chiếu lập chùa Thần Quang ở Nhật Bản - Nước Trú Liễn đến triều cống tâu rằng: "Bốn mươi năm biển không sóng gió", ý nói Trung Quốc có Thánh nhân ra đời.

3. Tiên Thánh Xuất Gia:

Vua Hán Cao Tổ qua nước Lỗ tế Khổng Tử, phong cho cháu chín đời là Đằng làm Phụng Từ Quân - Vua Nguyên Đế phong cho cháu Khổng Tử là Bá Chức Bao Thành Quân - Vua Bình Đế phong cho cháu Khổng Tử là Quân Chức Bao Thành Hầu - Vua Quang Võ đến nước Lỗ tế Khổng Tử phong cho cháu ngài là Chí làm Bao Thành Hầu - Vua Minh Đế đến Quan Lý tế Khổng Tử phong cho cháu mười chín đời là Hy làm Bao Thành Hầu - Vua đến nước Lỗ tế Khổng Tử phong Khổng Hy làm Lang Trung.

Vua Ngụy Văn Đế phong cho cháu hai mươi mốt đời của Khổng Tử là Tiện làm Sùng Thánh Hầu.

Vua Đường Thái Tông kính Khổng Tử là Tiên Thánh, phong cho cháu ngài làm Bao Thành Hầu.

Vua Tống Thái Tông ban chiếu phong cho cháu bốn mươi bốn đời của Khổng Tử là Tuyên được tập phong là Văn Tuyên Công - Vua Tống Chân Tông ban chiếu Khổng Thánh Hựu được tập phong làm Văn Tuyên Công. Vua Nhân Tông ra lệnh ban chiếu cho Khổng Tông Nguyên được

tập phong làm Văn Tuyên Công, sắc phong cho Tông Nguyện là cháu bốn mươi sáu đời (của Khổng Tử) làm Khiên Thánh Công - Vua Thần Tông chiếu phong cho cháu bốn mươi bảy đời là Nhược Mông làm Khiên Thánh Công - Vua Tống Huy Tông chiếu phong cháu bốn mươi tám đời là Đoan Hữu làm Khiên Thánh Công - Vua Tống Cao Tông ban chiếu phong cháu bốn mươi chín đời ngụ ở Cù Châu là Khiên Thánh Công. Cân chết con là Tấn được tập phong làm Khiên Thánh Công là cháu năm mươi đời.

4. Đại Nho Danh Thế:

Nhà Chu

Tăng Tử, tên Sâm, học với Khổng Tử, làm bộ Hiếu Kinh.

Tử Tư, là cháu của Khổng Tử, tên Cấp học với Tăng Tử, làm bộ Trung Dung.

Mạnh Tử, tên Kha, học với Tử Tư, làm bảy thiên sách, soạn thuật Đạo của Nghiêu Thuấn. Chống thuyết của Dương Mặc nói người vốn tánh lành.

Tuân Khanh, tên Huống, làm sách tên là Tuân Tử, tôn Vương Đạo chống Bá Đạo, nói người vốn tính Ác.

Đời Hán Ai Đế

Dương Hùng, phỏng theo Dịch viết bộ Thái Huyền, phỏng theo Luận Ngữ làm bộ Pháp Ngôn - Nói tánh người vốn thiện ác lẫn lộn.

Đời Tùy Văn Đế

Vương Thông, viết tiếp Lục Kinh, được môn nhân thụy phong là Văn Trung Tử. Đệ tử tập họp các lời vấn đáp của ông làm thành bộ Trung Thuyết.

Đời Đường Thái Tông, năm Chánh Quán thứ hai mươi mốt, vua ban chiếu hai mươi hai người sau đây đều được cúng tế theo ở miếu Tiên Thánh.

1. Mạnh Kha (năm Nguyên Phong thứ bảy được phong làm Trâu Quốc Công bồi hưởng Tiên Thánh Miếu nên không liệt vào Tòng Kỵ).

2. Tả Khâu Minh (là Thái Sử nước Lỗ cùng thời với Khổng Tử. Ông dùng Lỗ Sử làm bộ Xuân Thu, làm Truyện và làm Quốc ngữ).

3. Cốc Lương Xích (người Chu Lỗ, truyền Xuân Thu).

4. Công Dương Cao (người Chu Tề, truyền Xuân Thu. Xích và Cao đều là môn nhân của Tử Hạ).

5. Phục Thắng (làm Bác Sĩ đời Tấn Nhị Thế - Thời Hán Văn Đế tuổi đã chín mươi truyền miệng Thượng Thư cho Triều Thố. Khi xưa ông gặp lúc Tần đốt sách bèn đem Thượng Thư giấu trong vách. Khi

nhà Hán đã định thì bộ ấy có hai mươi chín thiên, dùng dạy cho Trương Sinh và Âu Dương Sinh ở Tế Nam).

6. Mao Lang (ở vùng Sông Hán, làm Hiến Vương Bác sĩ, thầy của Tử Hạ, có làm tập Mao Thí Cố Huấn).

7. Cao Đường Sinh (làm Bác Sĩ thời Hán Sơ, người Lỗ, truyền Sĩ Lễ bảy thiên).

8. Khổng An Quốc (Thời Hán Võ Đế, là Thái Thú Lâm Hoài, cháu mười một đời của Khổng Tử, làm Thượng Thư Truyện, Cổ Văn Hiếu Kinh Truyện, Luận Ngữ Huấn Giải).

9. Đái Thánh (thời Hán, là Thái Thú Cửu Giang, học Lễ với Hậu Thương.

10. Lưu Hướng (thời Hán Thành Đế làm Trung Điệp Hiệu Úy, có viết bộ: Biệt Lục Tân Tự Thiết Uyển).

11. Hà Hưu (đời Hiến Đế thời Hậu Hán, ông sửa truyện Công Dương, làm bộ Công Dương Mặc Thủ, Tả Thị hết tật, Cốc Lương lành bệnh.

12. Trịnh Chúng (thời Hậu Hán, làm Tư Nông Khanh, nối hưng nghiệp cha. Trịnh Khang Thành chú Chu Lễ, có dẫn Tư Nông tức là Trịnh Chúng.

13. Mã Dung (ở thời Hậu Hán, là Thái Thú Nam Quận, chú giải sách Hiếu Kinh, Luận Ngữ, Thi Dịch và Thượng Thư Tam Lễ).

14. Lư Thực (ở thời Hậu Hán, làm Trung Lang Thượng Thư, thầy của Mã Dung, làm bộ Thượng Thư Chương Cú, Tam Lễ Giải Cổ).

15. Trịnh Khang Thành (thời Hậu Hán, làm Tư Nông Khanh, là thầy của Mã Dung, chú giải Dịch Thượng Thư Tam Lễ Luận Ngữ Thượng Thư Đại Truyện Ngũ Kinh Vỹ Hầu Tiên Mao Thi phá việc thương tiếc Ngũ Kinh khác nghĩa, châm chích cái bệnh lớn của Hà Lưu, Tả Thị bỏ Công Dương Mặc Thủ để khởi các phế tật của Cốc Lương).

16. Phục Kiền (thời Hậu Hán, là Thái Thú Cửu Giang, làm truyện Xuân Thu).

17. Giả Đạt (thời Hậu Hán, làm Thị Trung, nói rõ về truyện Tả Thị làm Nghĩa Cổ. Thời Túc Tông chiếu triệu ông vào giảng sách, ông tâu rằng: Tả Truyện, nghĩa cốt ở Quân Phụ, Công Dương phần nhiều là quyền biến. Lại các nhà giải Ngũ Kinh đều không có chứng cớ).

18. Đỗ Tử Xuân (thời Hậu Hán, Trịnh Khang Thành Chú Chu Lễ có dẫn Trịnh Đại Phu, tức là Đỗ Tử Xuân vậy).

19. Phạm Ninh (thời Tấn, là Thái Thú Dự Chương, chú giải Cốc Lương Truyện).

20. Đỗ Dự (thời Tấn, là Đại Tướng Quân Trấn Nam, Phú Dương Hầu chú giải Tả Thị Truyện).

21. Vương Túc (thời Ngụy, là Vệ Tướng Quân Lan Đình Hầu, chú giải Thư Lễ Tang Phục Luận Ngữ, Khổng Tử Gia Ngữ, Thuật Thi Chú, làm Thánh Chứng Luận, vấn nạn Trịnh Khang Thành).

22. Vương Bậc (thời Ngụy, Thượng Thư Lang, chú giải Chu Dịch).

Đời Tống Thần Tông, năm Nguyên Phong thứ sáu, vua ban chiếu phong Mạnh Tử làm Châu Quốc Công, năm thứ bảy lại chiếu phong làm Châu Quốc Công Bồi Hưởng Chí Thánh Văn Tuyên Vương, ngôi vị ở tiếp sau Duyện Quốc Công. Tuân Huống, Dương Hùng, Hàn Dũ đều là người làm sáng tỏ Đạo của Tiên Thánh, được Đời cúng tế theo với hai mươi hai hiền nhân trên.

5. Hưng Kiến Nho Học:

Đời Hán Võ Đế nghị bàn lập ra Minh Đường, sai sứ giả An Xa Bồ Luân trưng dụng Lỗ Thần Công làm Ngũ Kinh Bác Sĩ. Lỗ cùng vua khi phá nhà cũ của Khổng Tử tìm được trong vách nhà còn giấu cất các sách cổ văn các đời Ngu Hạ Thương Chu, Luận Ngữ, Hiếu Kinh đều là loại chữ nghĩa Khoa đẩu - Vua Hán Tuyên Đế ra chiếu mời các nhà Nho luận bàn về sự đồng dị của Ngũ Kinh - Vua Hán Thành Đế sai người yết kiến Trần Nông tìm các sách còn sót lại trong thiên hạ. Vua ra chiếu cho Lưu Hâm chịu trách nhiệm lãnh Ngũ Kinh, xếp thứ tự các Đại Nho thành Cửu Lưu (chín phái) - Đời Hán Minh Đế thì vua đến Tích Ung, kính dưỡng Tam Lão Ngũ Canh - Vua tự giảng nói, các nhà Nho cầm Kinh vấn nạn. Người đến xem nghe có đến ức vạn. Hoàng Thái tử, con em họ hàng các Chư Hầu Vương Công Thần Tử đều đến học. Hàng học giả đều thông suốt Hiếu Kinh Hung, Nô cũng cho con vào học - Đời Hán Chương Đế, vua ra chiếu sửa định lại Đông Quán Ngũ Kinh và Truyện Ký của các nhà. Đời Hán Linh Đế, vua ra chiếu cho các nhà Nho đính chính lại văn tự của Ngũ Kinh, khắc bản Thái Học.

Vua Đường Thái Tông đến Quốc Tử Giám, sai Khổng Dĩnh Đạt giảng Hiếu Kinh, trưng dụng khắp các Danh Nho, xây thêm Học Xá. Học sinh đến học tới ba ngàn hai trăm sáu mươi người. Ở các đồn trại phi kỵ cũng cung cấp Bác Sĩ để dạy Kinh. Các nước Cao Ly, Thổ Phồn đều cho con em đến theo học. Người lên chiếu giảng có đến tám ngàn người. Lại sai Dĩnh Đạt soạn Định Ngũ Kinh Sớ - Vua Tống Nhân Tông ban chiếu lập Quận Học trong thiên hạ.

6. Thiên Sư Thế Tử:

Đời Hậu Hán, năm Vĩnh Thọ thứ hai, có Thiên Sư Trương Đạo Lăng ở núi Vân Đài tại Lãng Châu. Lão Quân sai Sứ trao cho ông chức Chánh Nhất Chân Nhân và phu nhân là Ung Thị, đệ tử là Vương Trường Triệu Thặng cùng lên trời. Đạo Lăng vốn ở núi Thiên Mục tại Dư Hàng, mới bảy tuổi tụng được đạo Đức Kinh. Sau vào Tung Sơn được Kinh Cửu Đảnh Sơn. Bèn vào đất Thục ẩn cư ở Hạc Minh Sơn, luyện đơn được ba năm, đơn thành bèn nhiếp phục ma quỷ, đoạt được hai mươi bốn phép hóa làm Phước Đình. Lão Quân trao cho Thiên Thư Ấn Thụ (dây và ấn) hai kiếm Thư Hùng, Chánh Nhất Minh Oai Bí Lục, các Kinh Phù Đồ. Có người học đạo ấy ra làm Đạo năm đấu gạo. Đạo Lăng truyền lại cho Tử Hành, Hành truyền cho Tử Lỗ, vua phong làm Trấn Di Trung Lang Tướng. Thái Thú Hán Minh phong ông làm Lãng Trung Hầu, khi chết có con là Phú nối nghiệp. Thời Hán Hiến đế, có Trương Thạnh, nối Thiên Sư đời thứ tư, đến hồ Bà Dương luyện đơn rồi thoát xác. Người gọi nơi ấy là Long Hổ Sơn.

Đời Tống Chân Tông. Vua triệu người nối Thiên Sư đời thứ hai mươi lăm là Trương Càn Diệu đến Kinh Sư, truyền Lục độ người.

Vua Tống Nhân Tông triệu người nối Thiên Sư là Trương Càn Diệu vào cung ban hiệu là Trừng Tố Tiên Sinh. Vua ra chiếu ban hiệu Xung Tịnh Tiên Sinh cho Trương Tự Tông là người nối Thiên Sư đời thứ hai mươi sáu. Vua Tống Huy Tông ra chiếu cho người nối Thiên Sư đời thứ ba mươi là Trương Kế Tiên đến Cung ban hiệu là Hư Tịnh Tiên Sinh. Vua ra lệnh phong cho Hán Thiên Sư chức Chánh Nhất Tịnh Ứng Chân Quân. Vua Tống Cao Tông ra lệnh ban hiệu Chánh Ứng Tiên Sinh cho Trương Thủ Chân là người nối Thiên Sư đời thứ ba mươi hai.

7. Tiên Chân Hiển Tích:

Chu Mục Vương ngồi xe tám ngựa lên núi Côn Luân, Tây Vương Mẫu tiếp rượu trên ao Diêu Trì. Linh sơn Thái tử Vương Tử Kiêu thổi sáo làm khúc Phượng hót. Đạo sĩ Phù Khâu Công tiếp vua ở Tung Sơn. Tống Đại Phu Mặc Địch uống linh đơn của Chu Anh mà làm Địa Tiên viết sách được mười thiên. Hiển Thánh vương Trang Chu làm sách hơn mười vạn lời, uống hỏa đơn của Bắc Dục giữa ban ngày bay lên trời.

Đời Tần Thủy Hoàng, Mâu Danh đắc đạo, cai trị ở núi Cú Điển tại Giang nam. Hai em là Cố và Trung theo anh cũng đắc đạo. Lão Quân sai Sứ phong cho Doanh làm Tư Mạng Chân Quân, cho Cố làm Định Lục Quân, cho Trung làm Bảo Mạng Quân. Đời gọi là Tam Mâu Quân. Tần Thủy Hoàng nghe Quỷ Cốc Tiên Sinh nói: Tổ Châu ở Biển Đông có cỏ Bất Tử, bèn sai Khiển Trừ Phước đem đồng nam đồng nữ ba ngàn

người ra biển tìm Tổ Châu, nhưng không thấy trở về.

Đời Hán Cao Tổ Thương Sơn Tứ Hạo theo Thái tử dạo chơi.

Vua Hán Văn Đế học được đạo Đức Kinh của Lão Tử với Hà Thượng Công. Thời Hán Võ Đế, Hoài Nam Dương Lưu An làm sách tên là Hoài Nam Tử cùng tám người lên núi, giữa ban ngày bay lên trời. Vua lên núi Tung Cao xây Đạo Cung. Tây Vương Mẫu đến ban cho Ngũ Nhạc Chân Hình Đồ, Lục Giáp Linh Phi Phù đem về thờ ở Bách Lương Đài để luôn triều bái. Đông Phương Sóc đến đầm Cát Vân được nước Cam lồ Ngũ Sắc, đem về dâng tặng Võ Đế, vua ban cho khắp quần thần.

Đời Chiêu Đế, người đất Xâm là Tô Chẩm được đạo Tiên. Ông từ giả mẹ thưa rằng: Sang năm trong Quận có dịch bệnh, xin lấy nước giếng ở trước sân và lá quýt mà cứu người. Nói xong thì bay lên trời. Đời gọi là Tô Tiên Quân. Đời An Đế, có chàng Âm Trường Sinh và Sư Mã Minh Sinh cùng học đạo, đã nấu đất vàng thành vàng, có đến mấy mươi vạn cân vàng tốt, đem cho những kẻ nghèo thiếu rồi giữa ban ngày mà bay lên trời.

Đời Thuận Đế, Thượng Ngu Ngụy Bá Dương soạn bộ Tham Đồng Khế Ngũ Tướng Loại Luận và làm linh đơn. Sau uống linh đơn mà hóa.

Đời Hoàn Đế, Vương Viễn qua đất Ngô triệu Ma Cô dâng lên vua bếp mâm vàng chén ngọc cho bữa ăn trưa, cô nói thấy biển đông ba lần biến thành ruộng dâu.

Đời Hiến Đế, Tả Từ vào núi Thiên Trụ học đạo, rồi cùng đệ tử là Cát Huyền vào Hoắc Sơn hòa hợp thuốc tiên mà hóa.

Đời Ngụy Minh Đế, có Cát Huyền bỏ áo trên giường thoát xác mà đi. Lão Quân ban cho thẻ vàng sai làm Thái Cực Tả Tiên Công.

Đời Tấn Thành Đế, Cát Hồng ở tại núi La Phù luyện linh đơn, viết sách hiệu là Bào Phó Tử, thoát xác làm Tiên.

Đời Mục Đế, có Hứa Mại vào Tây Sơn ở Dư Hàng cùng em là Mật Nam Ngọc Phủ đều chứng đạo lên trời.

Đời Ai Đế, có Nam nhạc Ngụy Phu Nhân trao cho Dương Hy Thượng Thanh Chân Kinh, Thái Động Huỳnh Đình hơn mười thiên.

Đời Hiếu Võ Đế, có Tây Sơn Hứa Chân Quân nhận chiếu trời bốn mươi hai lời, bỏ nhà bay lên trời.

Đời Lương Võ Đế, có Đào Hoằng Cảnh cáo biệt mọi người hóa thần thì mùi hương thơm ngát không tan. Ông có viết sách tên là Chân Cáo.

Hoàn Khải ngầm tu phép chầu Thượng đế được Thái Thượng triệu lên trời.

Đời Bắc Ngụy Thái Võ, có Đạo sĩ Quán Khiêm Chi gặp Thái Thượng Lão Quân, khiến nối Trương Lăng làm Thiên Sư. Lại gặp Lý Phổ Văn trao cho Đồ Lục.

Đời Đường Huyền Tông, có Khí Pháp Thiện Kiến Lão Quân vào Tây Sơn tu đạo, thoát xác lên Tiên. Lý Thuyên gặp Li Sơn Lão Mẫu nói cho nghe nghĩa Âm Phù Kinh. Sau Ông vào Danh Sơn học đạo.

Vua mời Phương Sĩ Trương Quả vào triều kiến, cho uống ba chung nước Đổng (rượu phụ tử) liền như say rượu nói rằng: “Đây không phải là rượu lành.” Sau ông trở về Hằng Sơn.

Có Tư Mã Thừa Trinh, vua sai Sứ đón về kinh để học Pháp Lục. Có Tiên Nữ bảo Tiêu Tịnh rằng: “Ông nên đến yết kiến Đông Hoa Thanh Đồng Quân để học pháp Tam Hoàng.” Ông trỏ về yết kiến thì Tiên sinh vui vẻ trao cho pháp ấy.

Đời Kỉnh Tông. Có Thôi Nguyên Lượng Tu Hoàng Lục đạo tràng, có ba trăm sáu mươi lăm chim Hạc bay lượn tụ tập trên đàn, có một con đầu đỏ tỏa ánh sáng trắng đậu chót vót trên Hư Hoàng tòa. Sau Nguyên Lượng nhập thất tụng Kinh Huỳnh Đình mà hóa.

Vua Đường Huyền Tông triệu ông La Phù Hiên Viên Tập vào gặp. Vua hỏi số năm trị vì. Tập v iết ngày “Tứ Thập”, đúng là mười bốn năm!

Đời Tống, Chung Ly Quyền tự khoe rằng: “Thời Hán ta gặp Vương Huyền mà được đạo Trường Sinh.” Lữ Nham Giả gặp Quyền trao cho Lộ Bảo Tất Pháp bảo rằng “Ta có hẹn trên Thiên Đình”, liền đó có Tiên Cô đến đón lên trời. Động Tân làm khách dạo chơi Giang Hoài độ cho Hà Tiên Cô, Quách Thượng Táo và Thi Kiên Ngô.

Đời Đường Cảnh Tông. Lữ Động Tân qua núi Huỳnh Long ở Ngạc Châu yết kiến ngài Cơ Thiền sư thuật kệ...

Vua Chu Thế Tông triệu Hoa Sơn Ẩn Sĩ Trần Đoàn hỏi thuật bay lên trời...

Ẩn Sĩ Đàm Cảnh Thăng là bạn của Trần Đoàn. Ông có làm Hóa thư cả trăm thiên, lâu sau về Tiên Cảnh (Tống Tề Khâu lén dùng sách này tự để tên mình lưu hành ở đời).

Đời Tống Thái Tổ. Trần Đoàn nghe Thái Tổ lên ngôi bèn cười lớn bảo rằng: “Thiên Hạ từ nay đã định.” Trần Đoàn học Dịch với Ma Y Đạo Giả được Chánh Dịch Tâm Pháp và Bí Quyết Hà Đồ Lạc Thư.

Tiền Nhược Thủy yết kiến Trần Đoàn gặp một vị Lão Tăng bảo

rằng: Chỉ được làm Công Khanh sang quý, cần nên rút lui gấp mà thôi.

Vua Đại Tông chiếu triệu Trần Đoàn vào gặp...

Vua Nhân Tông triệu Lam Nguyên Đạo Quán vào Phương Lâm Viên ban hiệu là Dưỡng Tố Tiên Sinh Lam Sư Lưu Hải Thiền.

Hà Tiên Cô gặp Động Tân... Tiêu Tuấn Minh đến gặp Tiên Cô. Cô nói: Nhận vàng cho việc giết oan.

Đời Thần Tông. Trương Bình Thúc ở Thiên Thai gặp một dị nhân mà được Quyết Kim Đơn, ông làm bộ Ngô Chân Thiên truyền ở đời. Sau đọc được Tuyết Đậu Tổ Anh Tập thì tâm địa chợt sáng. Sau ông ngồi mà hóa. Khi thiêu thân thì có xá-lợi rất nhiều. Bình Thúc truyền pháp làm Kim Đơn cho Thạch Thái, Thái truyền cho Tiết Đạo Nguyên.

Lữ Động Tân yết kiến ngài Tịch Từ Bản Thiền Sư. Sư nói: Huỳnh Long chuyện cũ vì sao không nói giống...

Vua Huy Tông triệu Hải Lăng Trừ Thần Ông vào gặp - Vua cùng Lâm Linh Tố giảng đạo. Có người bịt khăn xanh lên điện để lại bài thơ, vua biết đó là Lữ Động Tân đến than thở.

Vua Hiếu Tông ban cho Hà Nhương Y làm Thông Thần Tiên Sinh. Vua sắp lập Phi làm Hoàng hậu sai nội thị đến xin một lời dạy bảo. Hà cô nói: "Làm mẹ thiên hạ." Phi bèn được ngôi vị trong cung.

Đời Đường, Tiên cô gặp Lữ Tiên cho Linh đơn, Thượng Hoàng triệu vào ban hiệu là Tịch Tịnh Tiên Sinh.

8. Các Đạo sĩ nổi tiếng:

Đời Chu Linh Vương, Đạo sĩ Phù Khâu của Thái tử Tấn Công tiếp vua ở Tung Sơn (đây là xưng Đạo sĩ đầu tiên).

Đời Hán Minh Đế, có Ngũ Nhạc Bát Sơn Đạo sĩ là Chữ Thiện Tín...

Đời Tống Minh Đế, vua triệu Lư Sơn Đạo sĩ Lục Tu Tịnh vào hỏi đạo.

Đời Bắc Ngụy Thái Võ, có Đạo sĩ Khấu Khiêm Chi...

Đời Đường Cao Tông, có Đạo sĩ Phan Sư Chánh, vua hỏi chỗ tu hành, đáp rằng: Tùng xinh tươi suối trong, ở núi không thiếu gì...

Đời Huyền Tông, Bí Thư Giám là Hạ Tri Chương xin vua vì các Đạo sĩ lấy nhà làm Thiên Thu Quán.

Đời Tống Thái Tổ, vua ra lệnh cho Đạo sĩ Lưu Nhược chuyết sung làm Hữu Nhai Đạo Lục, thi về sự nghiệp Đạo sĩ. Ông chưa đến thì vua đã bỏ.

Vua Tống Nhân Tông triệu Đạo sĩ Chu Tự Anh đến Cung ban hiệu là Quán Diệu Tiên Sinh.

Đời vua Huy Tông có Đạo sĩ Lâm Linh Tố vào triều kiến...

9. Tu học Đạo khoa:

Đời Đường Huyền Tông, Vua chiếu các Châu phải học tập về Đạo Đức Kinh, Liệt Tử, Trang Tử, Văn Tử và đặt ra một người trợ giáo. Lúc đó Diêu Tử Ngạn thi sách được trúng tuyển. Vua ban chiếu phong cho Trang Tử làm Nam Hoa Chân Nhân, Liệt Tử, Văn Tử, Canh Tang Tử là bốn Chân Nhân. Sách của bốn ông gọi là Chân Kinh. Đặt Bác Sĩ Trợ Giáo mỗi vị một người. Học sinh có đến một trăm người.

Đời Tống Thái Tông. Vua khiến Từ Huyễn Vương Võ Xứng hiệu chính lại Đạo Kinh, cắt bỏ bớt các chỗ trùng lấp làm ba ngàn ba trăm ba mươi bảy quyển. Đời Tống Chân Tông. Vua sai Vương Khâm Nhược định nghi Tiến Tế La Thiên, tuyển chọn mười vị Đạo sĩ, hiệu chính và chép lại Đạo Tạng Kinh, vua viết lời tựa. Vua Tống Thần Tông ban chiếu các chức sự của Đạo môn phải thi ba Kinh là Đạo Đức, Nam hoa và Độ Nhân. Vua Tống Huy Tông ra chiếu về tên Lão Quân, cả sĩ thứ không được xúc phạm. Vua chiếu phong Liệt Tử, Trang Tử làm Bổi Hưởng Thái Thượng. Vua lại ban chiếu lập khoa Đạo Học, sửa lại sách của Lão Trang, Liệt Tử, lập ra mười cấp bậc cho Đạo sĩ. Vua lại ban chiếu phong cho Trang Tử, Liệt Tử làm Chân Quân. Vua lại ban chiếu bãi bỏ việc học Hoàng Lão.

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 53

PHẦN 3

Gồm các mục sau:

1) Bắc Thiên Phật Nha.
2) Mậu Sơn Xá-lợi.
3) Phụng Tường Phật Cốt.
4) Trần Lưu Phật Chỉ.
5) Thụy Tượng Ứng Thế.
6) Thánh Hiền Xuất Hóa.
7) Lập Đàn Thọ Giới.
8) Thiết Tượng Trí Kinh.
9) Kiến Tự Tạo Tháp.
10) Tây Thiên Cầu Pháp.
11) Đông Độ Dịch Kinh.
12) Kinh Mục Tăng Số.
13) Thiên Thai Truyền Giáo.
14) Thiền Uyển Truyền Đăng.
15) Luật Tông Thùy Phạm.
16) Thần Ni Dị Hạnh.
17) Danh Sơn Thắng Tích.
18) Thánh Giáo Cảm Thông.
19) Trì Tụng Công Thâm.
20) Tây Du Lạc Quốc.

----

1. BẮC THIÊN PHẬT NHA

(Chuyện về răng Phật của Bắc Thiên Vương)

Đời Đường Cao Tông, khi ngài Tuyên Luật Sư hành đạo ở chùa Tây Minh thì Thái tử Bắc Thiên Vương đem dâng Sư răng Phật.

Đời Đường Đại Tông, vua ra sắc cho ngài Văn Cang Luật Sư: "Hãy đem chiếc răng Đức Phật Thích-ca của Thầy là Tuyên Luật Sư truyền lại dâng lên ở Hữu Môn để Trẫm cùng chiêm lễ".

Đời Tống Thái Tông, vua cho xây cất chùa Khải Thánh Thiền Tự để thờ Linh tượng Thích-ca của vua Ưu-điền và răng Phật. Vua Thái Tổ đích thân để răng Phật vào tháp bằng bạc. Xưa vua Thái Tổ nghi răng Phật là giả nên tự dùng lửa dữ nung đốt nhưng vẫn không đổi sắc, bèn viết Phát Nguyện Văn. Vua Thái Tông lại dùng lửa thí nghiệm bèn viết bài kệ tán. Vua Chân Tông cung nghinh và chiêm lễ thì có ánh sáng lạ chiếu rực rỡ, bèn viết Lời Tán. Vua Nhân Tông lấy việc ba triều tôn kính mà rước răng Phật vào cung thì nhặt được một viên xá-lợi, bèn làm bài Tán khen ngợi. Năm Khánh Lịch thứ ba bị hạn hán lâu ngày, vua cung nghinh răng Phật vào nội điện để cầu đảo thì phút chốc mưa to ào xuống. Vua lại viết Phát Nguyện Văn.

Đời Tống Anh Tông, vua ra sắc ở chùa Đại Tướng Quốc lập bia Tam Triều Ngự Chế Phật Nha Tán (Bia về việc ba triều khen ngợi răng Phật) do Học Sĩ Vương Khuê soạn văn.

Đời Tống Huy Tông, vua ra sắc cung nghinh răng Phật và Tam Triều Ngự Tán (các bài tán của ba vua) vào nội điện cúng dường thì cách bên ngoài hộp thủy tinh xá-lợi hiện ra rất nhiều. Vua bèn làm bài Tán khen ngợi.

2. MẬU SƠN XÁ LỢI (Xá-lợi ở Mậu sơn)

Đời Chu Lệ Vương, sau Đức Phật diệt độ một trăm năm, ở Trung Thiên Trúc, vua A-dục lấy Xá-lợi Đức Thích-ca làm tám vạn bốn ngàn bảo tháp. Rồi sai Quỷ Thần ở khắp thành ấp cõi Diêm-phù-đề cứ đủ một ức nhà thì đặt một tháp.

Đời Hán Minh Đế, vua hỏi ngài Ma-đằng rằng: Phía Đông chùa Bạch Mã có ánh sáng lạ, dân gọi đó là Mã Phật (Thánh Trũng). Ngài đáp: Xưa vua A-dục để xá-lợi Phật trong tám vạn bốn ngàn tháp, ở nước Chấn Đán có mười chín nơi, thì đây là một. Vua cùng đến lễ bái và cho xây tháp chín tầng cao hai trăm thước trên đó.

Đời Tấn Võ Đế, Lưu-tát-ha vào Địa Ngục thấy Quan Âm Đại sĩ bảo rằng "Con có thể đến Lạc Dương (nơi Thánh Trũng có xá-lợi), Lâm

Truy, Kiến Nghiệp (tháp Trường Can ở Kiến Khương), Mậu Âm (nay là tháp Xá-lợi ở A-dục Vương Sơn), Thành Đô là năm nơi có tháp của A-dục Vương mà đảnh lễ hối lỗi." Khi sống lại, ông bèn xuất gia tên là Tuệ Đạt. Khi ông đến núi Ô Thạch ở Mậu Huyện nghe có tiếng chuông bèn đào đất lên thì tìm được bảo tháp Xá-lợi bay đến một núi, bèn trên đất ấy cất chùa để thờ tháp (nay điện Xá-lợi ở núi A-dục Vương tức nơi ấy) - Vua Tấn An Đế ra lệnh cho Mậu Sơn tạo tháp đình và Thiền thất độ mười bốn Tăng trụ trì giữ gìn.

Đời Tống Văn Đế, vua sai Tăng Đạo Hựu mở rộng xây cất. Khi đào nền thì được một hộp đá lớn, chuông pha lê, bình vàng và bạc có thờ ba Pháp thân xá-lợi.

Đời Lương Võ Đế, vua ra lệnh tạo tháp gỗ, điện thờ và nhà cửa, ban ngạch cho chùa A-dục Vương - Ở Nhạc Dương có Vương Túc Sát sửa tháp gỗ lại còn năm tầng, đúc tượng vàng đồng năm trăm pho.

Đời Trần Tuyên Đế, vua ở xa kính lạy bảo tháp, độ mười bốn Tăng.

Đời Đường Trung Tông, vua rất kính ngưỡng bảo tháp sai người mang vật cúng dường đến ủy thác cho Sa-môn Lâu Khoáng lo việc hương lửa đúng nghi thức - Ngài Quốc Thanh Trí Huy đến chùa kính lễ đến tám vạn bốn ngàn lạy, bỗng cảm được dấu ấn màu tím ở cánh tay trái suốt đời không phai.

Đời Đường Túc Tông, Nội Cung Phụng Tử Lân mẹ mất. Nhạc Thần khiến ông đến Mậu Sơn lễ tháp để cầu cho mẹ thoát tội. Tử Lân đến chùa lạy đến lạy bốn vạn thì mẹ hiện ra trước tháp bảo rằng ta nhờ sức con đã được sinh lên Đao-lợi.

Đời Đường Tuyên Tông, ở Tứ Minh có tám ngàn đạo tục đến chùa Dục Vương cúng tháp Xá-lợi trời mưa hoa và phóng quang năm sắc.

Đời Đường Ý Tông, quán Sát Sứ là Dương Nghiêm tâu vua: Xá-lợi bảo tháp rất linh dị. Vua ra sắc độ ba mươi bảy tăng để lo việc hương lửa.

Đời Lương Mạt Đế, Ngô Việt Vương Tiền Giao sai em là Hoa đến đón rước tháp Xá-lợi ở núi A-dục đêm phóng ánh sáng cả vùng Triết giang.

Đời Chu Thế Tông, vua ra lệnh cho Hàn Lâm Thừa Chỉ Đào Cốc vào chùa kính lễ thấy xá-lợi ánh sắc đỏ.

Đời Tống Thái Tông, Ngô Việt Vương vào triều. Ngài Tăng Thống Tán Ninh bưng tháp Xá-lợi Đức Thích-ca vào gặp ở điện Tư Phước.

Vua Tống Cao Tông đích thân mài mực viết chữ Phật Đảnh Quang

Minh Chi Tháp ban cho.

Vua Tống Hiếu Tông sai Nội thị Lý Dụ Văn đến núi Dục vương đón tháp xá-lợi Phật đến Hành cung thờ tại Quán Đường, vua đốt hương kính lễ thì thấy trên tháp có tướng mặt trăng và ngọc châu thủy tinh. Hoàng Thái tử rước về Đông cung chiêm lễ thì thấy nhiều mặt trăng xâu vào nhau như chuỗi thủy tinh. Vua viết chữ “Diệu Thắng Chi Điện” để ở tháp.

Hoàng Tử Ngụy Vương ra trấn giữ Tứ Minh, đến chùa chiêm lễ bảo tháp thì thấy hào quang xanh đỏ giao nhau lóa mắt. Nhân đó tạo tháp vàng mà đựng tháp xá-lợi, có làm bốn bài Tán khắc vào bốn mặt tháp - Cách phía Đông chùa một dặm ở giếng Thánh có một con lươn linh, khi xuất hiện thì có hai con cua hồng đi trước như tiền khu. Tiền Võ Túc Vương cung nghinh tháp về Tiền Đường thì mộng thấy một Bồ-tát đầu đội mão kết hoa lụa, tay xách hai con cua bảo rằng: “Đây là cua linh ở giếng Thánh Dục Vương đến để giữ tháp.” (Từ trên đều thấy ở Ninh Tăng Thống Sở Tác Xá-lợi tháp truyện, Linh Man truyện)

3. PHỤNG TƯỜNG PHẬT CỐT (Xá-lợi ở Phụng Tường)

Đời Đường Cao Tông, vua ban chiếu nghinh rước xương ngón tay-xá lợi của Phật Thích Ca ở tháp Hộ Quốc Chân Thân tại chùa Pháp Môn Kỳ Châu đến đại nội ở Lạc Dương để cúng dường. Hoàng hậu làm hộp vàng chín lớp khiến Tuyên Luật Sư đưa xá-lợi trả về Kỳ Sơn.

Đời Đường Túc Tông, vua ban chiếu cung nghinh xương Phật ở chùa Pháp Môn vào Cấm cung chiêm lễ, rồi truyền đến các chùa cùng kính lễ.

Đời Đường Đức Tông, vua ban chiếu đón rước xương Phật ở chùa Pháp Môn vào cung kính lễ và rước qua khắp mười chùa trong kinh thành. Đời truyền rằng ba mươi năm mới một lần mở hội cung nghinh tất được trúng mùa, dân bình an. Hàn Dũ tâu vua can ngăn liền bị biếm ra Triều Châu - Đời Đường Văn Tông, tháp Xương Phật tại chùa Pháp Môn ở Kỳ Châu thấy có mây lành.

Đời Đường Ý Tông, vua ban chiếu đón rước xương Phật, suốt ba trăm dặm mà ngựa xe đông vầy không ngớt, nhạc công nhạc tư rình rang đón tiếp trọng thể hơn lễ Nam Giao. Vua xuống lầu đón lạy.

4. TRẦN LƯU PHẬT CHỈ (Xương ngón tay Phật ở Trần Lưu)

Đời Tống Nhân Tông, vua ra lệnh cung nghinh xương ngón tay của Phật ở Trần Lưu (Trần Lưu Phật Chỉ) vào Nội điện dùng lửa dữ nung

đốt và giả đập bằng chày vàng nhưng xương vẫn nguyên vẹn, bỗng nhiên xá-lợi hiện ra. Vua bèn viết bài Phát Nguyện Văn đưa xương trở về chùa cũ. Khi xưa có một vị Phạm Tăng đến chùa Xiển Giáo ở Trần Lưu cho ngài Thiên Trúc đốt xương của Phật, có ánh sáng lạ phóng ra nhiều lần - Đời Tống Huy Tông, các phương sĩ đồn nhau cho rằng đốt xương Phật ở Trần Lưu chỉ là xương của hải cẩu. Vua ban chiếu lấy lửa nung và giả đập bằng chày sắt hơn mười ngày mà màu sắc vẫn không đổi bèn càng kính lễ đưa về.

5. THỤY TƯỢNG ỨNG THẾ (Tượng thiêng ra đời)

Đời Tấn Mẫn Đế, Ngô Chu Ưng ở Tòng Giang được hai tượng đá có khắc chữ Duy-vệ Phật và Ca-diếp Phật, bèn rước đến Thông Huyền. Sau ngư dân tìm được hai bát bằng đá, thấy bát và tượng cùng loại bèn đưa cả vào chùa.

Đời Tấn Minh Đế, người lưới trên biển được tượng Đức Văn-thù bằng vàng. Đào Khảng rước tượng đến Giang Châu thì chìm trong nước. Sau ngài Viễn Pháp sư xây Đông Lâm Thần Vận Các đến sông cầu khấn liền được tượng ấy.

Đời Tấn Thành Đế, Cao Lý thấy ở bến sông có ánh sáng năm sắc liền được tượng vàng đem thờ ở chùa Trường Can. Sau lưới được tòa sen bằng đồng có đề chữ Phạm: Con gái thứ tư của A-dục Vương tạo.

Đời Tấn Hiếu Võ, Sa-môn Đàm Dực thấy ở phía Bắc thành Giang Lăng có ánh sáng năm sắc bèn được một tượng bằng đồng có đề chữ A-dục Vương tạo.

Đời Tống Cao Tổ, Tư Đồ Vương Mật thấy trên đất ở cửa Đông dịch có ánh sáng, liền đào được tượng Phật vàng cao bảy thước hai tấc.

Đời Tống Văn Đế, người ở Đô là Tôn Ngạn Tăng có người thiếp là Vương Tuệ Xưng thấy ở bên sông có ánh sáng liền mò được một pho tượng Phật vàng.

Đời Tống Hiếu Võ, Thái Thú Lư Lăng là Chu Trạm dâng vua một tượng Phật vàng cao chín thước ba tấc nói là Tăng Pháp Quân đến sông Tam Khúc thấy có ánh sáng trên mặt nước, liền mò được tượng này.

Đời Lương Võ Đế, Vua mộng thấy tượng Chiên-đàn Thích-ca vào nước bèn sai Hác Khiên... đi Tây Trúc tìm tượng ở nước Xá-vệ, năm Thiên Giám thứ mười, thì đem tượng về Đông độ. Vua dẫn bá quan ra đón rước vào Thái cực điện.

Sa-môn Tây Thiên tự vẽ hình Phật thờ ở chùa Linh Nham tại

đất Ngô Trung, ban đêm tượng đứng dậy hành đạo. Vị Phạm Tăng nói: “Đấy là Bồ-tát Trí Tích”.

Đời Đường Nguyên Tông, năm Hội Xương phá chùa, có hai vị Tăng khiêng tượng Văn-thù ở Đông Lâm đem giấu trong hang Cẩm Tú trên đỉnh núi gần chùa. Sau lại tìm tượng không được. Bỗng có viên quang phóng hiện trên không trung. Từ đó trên đỉnh núi Thiên Trì thường thấy trăm ngàn ngọn đèn và Đức Văn-thù hiện ra và ẩn đi.

Đời Tống Thái Tông, có người ở Lục Trạch là Vương Chữ thấy có con thỏ trắng bèn đuổi theo và chạy vào một hang nọ thì thấy có năm mươi tượng Phật bằng đá. Vua ra lệnh đem về chùa Ấp mà thờ.

Thông Lợi Quân xây thành, đào đất được mười tượng Phật bằng đá rất lớn. Vua ban chiếu lập chùa Thuần Hóa để thờ.

Vua Tống Chân Tông ban chiếu đem y ca sa Kim Lan đến La Phù Trung Các Tự cúng cho linh tượng Thích-ca, tượng này từ Tây Thiên đến.

Vua Tống Thần Tông ban chiếu đón rước tháp ngọc ở Hành Châu vào kinh sư, đó là tháp thứ chín do vua A-dục tạo ra.

Đời Tống Triết Tông, ở Ngưỡng Sơn tại Viên Châu có tháp đá Xá-lợi tự nhiên xuất hiện. Ở Viên Châu tại núi Mộc Bình có Tháp đá Xá-lợi xuất hiện. Mùa hạ có hạn hán, Thái Thú Vương Cổ đến tháp Mộc Bình cầu đảo có Bạch Y Đại sĩ xuất hiện. Lại đến tháp Ngưỡng Sơn thì có Tứ Châu Đại sĩ, Duy-ma Cư sĩ xuất hiện. Ở Đông Sơn tạo Viên Châu có tượng La-hán xuất hiện.

Đời Tống Huy Tông, Kim Châu tâu vua được tượng La-hán bằng đá phóng ánh sáng rất lớn.

6. THÁNH HIỀN XUẤT HÓA (Thánh hiền ra đời hóa độ)

Thất Lợi Phòng, vào thời điểm Tần Thủy Hoàng, từ Tây Vức mang kinh Phật đến giáo hóa. Vua cho là kỳ dị bèn bắt cầm tù...

Ma-đằng Trúc Pháp Lan, thời Hán Minh Đế, dùng ngựa trắng chở Kinh từ Tây Trúc đến (người sau có câu Kinh đến chùa Bạch mã). Vua Tống Chân Tông chiêm ngưỡng Chân thân ngài Ma-đằng viết lời tán.

Khương Tăng Hội, thời vua Ngụy Tề, từ Tây Vức đến nước Ngô (người sau có câu Tăng đến năm Xích Ô) thời Đường Cao Tông...

Kỳ Vực, thời Tấn Võ Đế, từ Tây Trúc đến Lạc Dương.

Phật Đồ Trừng, thời Tấn Hoài Đế, từ Tây Trúc đến Lạc Dương được Thạch Lặc thờ kính.

Đơn Đạo Khai, thời Tấn Mục Đế.

Bôi Độ, thời Tống Văn Đế.

Chí Công, là hóa thân của Đức Quan Âm. Bắt đầu từ đời Tống Minh Đế năm thứ mười một, chấm dứt vào năm Thiên Giám thứ mười ba đời Lương Võ Đế.

Đạt-ma, hóa thân của Đức Quan Âm. Năm Đại Thông thứ nhất đời Lương Võ Đế từ Nam Thiên Trúc đến năm Đại Thống một đời Bắc Ngụy Văn Đế, ngài Từ Lương vào Ngụy.

Phó Đại sĩ, là hóa thân của Đức Di-lặc, xuất hiện ở Huyện Ô Thương Vụ Châu, vào đời Lương Võ Đế năm Đại Thông thứ sáu. vào năm Đại Đồng thứ nhất, vào đời Trần Văn Đế, năm Thiên Gia thứ hai, vào đời Tuyên Đế khoảng năm Đại Kiến.

Lục Pháp Hòa, vào năm Thái Thanh đời Lương Võ Đế, năm Thiên Bảo đời Bắc Tề.

Trù Thiền Sư, vào năm Thiên Bảo đời Bắc Tề.

Pháp Hy, vào thời Tùy Dạng Đế.

Phong Can do Di Đà hóa hiện, Hàn Sơn do Văn-thù hóa hiện, Thập Đắc do Phổ Hiền hóa hiện vào năm Chánh Quán bảy đời Đường Thái Tông.

Đỗ Thuận do Văn-thù hóa hiện vào năm Chánh Quán đời Đường...

Bảo Chưởng, vào năm Hiển Khánh đời Cao Tông.

Vạn Hồi do Quan Âm hóa thân, vào năm Hàm Tưởng đời Cao Tông, vào năm Thần Long đời Trung Tông, vào năm Cảnh Vân đời Duệ Tông.

Tứ Châu Quan Âm hóa thân vào năm Thần Long đời Trung Tông, vào năm Đại Lịch đời Đại Tông, vào năm thứ tư đời Hy Tông.

Đời Tống Thái Tông, tháp Tăng-già phóng quang - Đời Chân Tông, thụy phong là Phổ Chiếu Minh Giác Đại sư - Đời Huy Tông, ở Kinh Sư có nạn lụt lớn. Ngài Tăng-già đứng trên không trung, bên cạnh có Tuệ Ngạn Mộc Xoa đứng hầu, có một kẻ bạch y quỳ ở trước, rồi thì nước rút.

Nhất Hạnh, đời Huyền Tông, năm Khai Nguyên thứ ba và thứ chín.

Vạn Sơn Lý Trưởng giả, đời Huyền Tông, năm Khai Nguyên thứ bảy. Đời Tống Triết Tông, Trương Thương Anh đến Viện Chiêu Hóa ở Vạn Sơn được bộ Hoa Nghiêm Quyết Nghi Luận.

Vô Úy, đời Huyền Tông năm Khai Nguyên thứ tư - Vua Tống Chân Tông chiêm ngưỡng tháp ngài Vô Úy có viết bài tán.

Kim Cang Trí, đời Huyền Tông, năm Khai Nguyên thứ bảy.

Bất Không, đời Huyền Tông, năm Khai Nguyên thứ tám.

Vy Lão Sư, đời Huyền Tông, năm Khai Nguyên thứ tám.

Vợ Mã Lang, đời Hiến Tông năm Nguyên Hòa, do Phổ Hiền hóa thân.

Tùy Hồng Đại Thánh, đời Văn Tông năm Thái Hòa.

Vua Tống Nhân Tông cầu mưa và gia phong.

Thảo Y, đời Đức Tông, năm Kiến Trung.

Lãn Tàn, đời Đức Tông, năm Trinh Nguyên.

Phó Đại sĩ, đời Tuyên Tông, từng có chí nguyện mở tháp.

Đời Tấn Hiếu Đế, Ngô Việt Vương hỏi tháp.

Tương Sơn Vô Lượng Thọ, đời Ý Tông năm thứ tám - Tương Sơn Toàn Chân Thiền sư do Phật A-di-đà hóa thân.

Quy Chương hai chân thân, đời Hy Tông năm thứ ba - Tuyền Châu Vô Liễu Thiền sư và đệ tử là Tuệ Trung hai tháp.

Hà Tử, vào đời Chiêu Tông, năm Thiên Phục.

Nhạc Lâm Bố Đải, do Di-lặc hóa hiện, đời Lương Ngũ Đại.

Đạo Hiền, vào đời Đường Ngũ Đại.

Khấu Băng Cổ Phật, vào đời Đường Ngũ Đại.

Ma Y, đời Chu Thái Tổ, năm Quảng Thuận; đời Tống Thái Tổ năm Kiến Long.

Lũ Đạo Giả, đời Tống Thái Tông, là Thuần Hóa Đạo Bảo Hoa Phật hóa thân. Vua Chân Tông có triệu vào gặp.

Tứ Thế Giới, Lũ Đạo Giả nói đó là Nhật Quang Bồ-tát hóa thân nói Pháp Hoa cho Tống Thái Tông - Vua Nhân Tông thầm khấn thỉnh thọ trai.

Nga Mi Mậu Trinh, vua Chân Tông triệu vào gặp.

Nam An Nham Chủ, thời Chân Tông, là Định Quang Phật hóa thân.

Quy Sơn Trí Ngộ, thời Chân Tông, cầu mưa chặt cánh tay. Nói đó là một trong năm trăm vị La-hán.

Cô gái câm ở Giới Hương, thời Nhân Tông, là Duy-vệ Cổ Phật ở Giới Hương tại Tứ Minh - Lý Sĩ Ninh thời Nhân Tông, ở Lạc Dương bảo Vệ Khai rằng: Cô gái câm ở Giới Hương là Phật Duy-vệ.

Thái Quân Mô, bị bệnh, mộng thấy ngài Long Thọ.

Phán Áng, thời Thần Tông, nói Pháp Hoa, đó là Phật Nhật Quang.

Triệu Đường, thời Thần Tông, theo Phan Áng dạo chơi.

Phật-đa-ba-lợi, thời Triết Tông. Thái Thú Dĩnh Châu là Tô Thức xin vua ban ngạch cho tháp viện là Quang Phạm.

7. LẬP ĐÀN THỌ GIỚI:

Đời Hán Minh Đế, Tư Không Lưu Tuấn... cùng xin xuất gia (lúc đó chỉ thọ Tam Quy) - Đời Ngụy Tề Vương, ngài Đàm-ma-ca-la ở Tây Thiên đến Lạc Dương, dịch Tăng-kỳ Luật, lập ra Đại Tăng Yết-ma thọ giới - Thời Cao Quý Hương Công, ngài Đàm-ma-ca-la xin làm Pháp Thọ Giới Sa-môn, Chu Sĩ Hành được thọ giới đầu tiên (đây là người thọ giới Cụ Túc đầu tiên).

Đời Tấn Khang Đế, Ni sư Tịnh Kiểm từ bản pháp này được giới. (đây chỉ từ chúng Tỳ-kheo-ni mà thọ giới).

Đời Tống Văn Đế, ngài Tăng-già Bạt-ma đến Kiến Khang, vì Sa-môn Tuệ Chiếu... . ở trên thuyền mà tái thọ Cụ Giới (đây là mở cho Thọ giới lại).

Ngài Cầu-na-bạt-ma, ở chùa Nam Lâm, lập Giới Đàn truyền giới cho Tăng Ni. Ni Tuệ Quả... ở Giới Đàn nương hai chúng mà thọ lại Cụ Giới (mười Tăng, mười Ni làm hai chúng).

Ninh Tăng Thống, trong Tăng Sử Lược có nói: Đời Hán, độ cho A Phan thọ Tam Quy. Đời Tấn độ cho Tịnh Kiểm từ một chúng, từ hai chúng mà được giới thì Tuệ Quả là người đầu tiên.

Đời Lương Võ Đế, vua thọ giới Cụ Túc với ngài Ước Pháp sư, Thái tử, Công Khanh, đạo tục người thọ giới với Sư đến bốn vạn tám ngàn người (đây là thọ giới Bồ-tát). Sa-môn Kỳ Ngãi cũng thọ lại Giới pháp (đây là thọ giới Cụ Túc).

Đời Đường Cao Tông. Ngài Tuyên Luật Sư ở chùa Tịnh Nghiệp lập Thạch Giới Đàn, vì Sa-môn Nhạc Độc thọ giới Cụ túc lại mà soạn ra Đàn Kinh.

Vua Đại Tông ra sắc tại chùa Đại Hưng Thiện lập ra Phương Đẳng Giới Đàn.

Đời Mục Tông, Trung Thư Lệnh Vương Trí Hưng, ở Tứ Châu lập ra Phương Đẳng Giới Đàn xin gặp Lễ Thánh Đản thì cho độ Tăng - Vua Kỉnh Tông ra sắc cho Lưỡng Nhai lập Phương Đẳng Giới Đàn, Tả Nhai ở An Quốc Tự, Hữu Nhai ở Phước Tự.

Đời Tuyên Tông vì nạn Hội Xương sa thải Tăng Ni. Vua ra lệnh cho Thượng Đô Kinh Dương Biện Ích lập Phương Đẳng Giới Đàn vì Tăng Ni thọ lại mà truyền lại Giới Pháp.

Đời Ý Tông, vua ra sắc cho Lưỡng Nhai bốn chùa, mỗi nơi nên lập

Giới Đàn để độ Tăng.

Đời Tống Thái Tổ, vì Tăng Ni không phân biệt nên vua ra sắc chùa Ni phải lập Đàn Thọ Giới và do Đại Đức Ni chủ trì.

Đời Chân Tông, tại Thăng Châu, chùa Sùng Thắng, vua ban cho tên Cam Lộ Giới Đàn - Vua ban chiếu ở Kinh Sư lập ra Phụng Tiên Cam Lộ Giới Đàn. Các lộ trong thiên hạ đều lập giới đàn, tất cả gồm bảy mươi hai nơi. Riêng ở Kinh Sư thì lập Đại thừa Giới Đàn.

8. THIẾT TƯỢNG TRÍ KINH (tạo tượng in kinh)

Chu Mục Vương tử ở nơi hang đá Thấm Thủy đã tạo tượng Phật Ca-diếp.

Vua Tần Mục Công có tạo tượng Phật bằng đồng.

Vua Hán Hằng Đế có đúc tháp Phật và tượng Lão Tử bằng vàng.

Đời Tấn Võ Đế, quan Thị Trung Tuân Úc đã tạo mười hai tượng Phật bằng vàng ở Lạc Dương.

Đời Tấn Hiếu Võ, ngài An Pháp sư ở chùa Đàn Khê đã tạo ra tượng Phật đồng có thể đứng dậy đi lại và phóng ra ánh sáng như đuốc trời - Có Xử Sĩ Đái Quỳ tự tạo tượng Phật Vô Lượng Thọ đặt thờ ở chùa Linh Bảo. Khích Siêu đến nhúm hương đảnh lễ, bỗng nhiên hương bốc khói.

Đời Tấn An Đế, Giang Di nhờ Đái Ngung tạo tượng Quan Âm. Đêm mộng thấy có người khiến nên đổi làm tượng Di-lặc. Khi vừa bắt tay thì thành công một cách tuyệt diệu.

Đời Tấn Cung Đế, vua ra chiếu ở chùa Ngõa Quan đúc tượng Phật vàng một trượng sáu, tượng phóng quang đầy chùa.

Đời Tống Văn Đế, ở Từ Châu có tạo tượng Phật vàng trượng sáu. Khi gặp giặc nạn thì thân tượng toát đầy mồ hôi.

Đời Tống Hiếu Võ, Lộ Thái Hậu tạo tượng Phổ Hiền ở chùa Trung Hưng.

Vua Lương Võ Đế đến chùa Đồng Thái đúc tượng mười phương Phật bằng đồng vàng.

Đời Bắc Ngụy Hiến Văn, vua ra sắc vì đức Thái Tổ trở xuống năm vua đúc năm tượng Phật Thích-ca trượng sáu.

Vua Tống Hiếu Minh vì Thái Hậu Hồ Thị đã xây chùa Vĩnh Ninh, tạo tượng Phật vàng trượng sáu và tháp Phù đồ chín tầng cao chín mươi trượng. Vua ra chiếu các Quận đều lập tháp năm tầng.

Đời vua Hiếu Trang, có Mạnh Trọng Huy tạo tượng Phật bằng vải gai, mỗi đêm tượng đi nhiễu quanh tòa hành đạo - Đời Hiếu Võ ở chùa

Bình Đẳng đã xây tháp Phật và thiết trai đãi vạn Tăng, có tượng Phật đá cúi đầu suốt ngày.

Vua Đường Cao Tổ, vì các vua từ vua Thái Tổ trở xuống mỗi đời vua tạo ba tượng Phật.

Vua Thái Tông mộng thấy Ngu Thế Nam, bèn ra lệnh tạo một tượng Phật để cầu minh phước sau này.

Vua Cao Tông ra lệnh cho Lạc Dương ở núi Long Môn nên tạc khám đá thờ tượng Phật Lô-xá-na cao tám mươi lăm thước. Sa-môn Trí Vận ở núi Long Môn tạc đá làm một vạn năm ngàn tượng Phật.

Đường Võ Hậu thu góp của Tăng Ni trong thiên hạ mỗi ngày một tiền để làm tượng Phật to ở sườn núi Bạch Tư Mã.

Đường Huyền Tông ra lệnh chùa Khai Nguyên ở các Quận đúc tượng Hoàng Đế và tượng Phật bằng đồng vàng - Sa-môn Hải Thông ở Đại Giang tại Gia Châu đã tạc đá làm tượng Phật Di-lặc cao ba trăm sáu mươi thước, bên trên lại làm gác chín tầng.

Năm Thiên Phước đời Tấn, có Sa-môn Thiên Trúc là Đạo Dực có được khúc gỗ lạ bèn tạo ra tượng Quan Âm, rồi đem xá-lợi Cổ Phật đặt vào điểm giữa chặn mày thì phóng quang sáng rỡ.

Tuyên Huy Tướng Chu Sùng đào đất được tượng Phật đá rất lớn bèn sửa nhà làm chùa.

Lúc mới mở nước, vua ra lệnh vì các Cao Tổ viết Đại Tạng Kinh đem thờ ở chùa Minh Thánh.

Đời Hán Cao Tổ, Thượng Trụ Quốc là Quách Lệnh Oai lập bia đá viết Kinh Kim Cang ở Thọ Xuân.

Vua Tống Thái Tổ ra lệnh ở Ích Châu khắc bản Đại Tạng Kinh. Vua lại ra lệnh đến núi Nga Mi trang sức tượng Phật.

Vua Tống Chân Tông lên thăm núi Thái Sơn, ra lệnh sửa chữa lại ba mươi hai tượng Phật. Vua viết bài ký Tu Tượng - Vua ra lệnh cho Sa-môn Thê Diễn sửa lại ở Khám Đá Phật tại núi Long Môn được một vạn bảy ngàn tượng Phật.

Vua Tống Triết Tông ra lệnh đến Đông Lâm làm đẹp năm điện tượng Phật ở Thần Vận - Tô Thức vẽ tượng Thủy Lục và làm bài tán gồm mười sáu thiên - Tô Thức được bức họa mười tám vị La-hán của Trương Thị, bèn làm bài tán trao cho em là Triệt.

Đời Tống Cao Tông, quan Cấp Sự Trung Phùng Tập tạo bốn mươi tám nơi chứa Đại Tạng Kinh.

9. KIẾN TỰ TẠO THÁP (lập chùa tạo tháp)

Chu Mục Vương Tử cất chùa Trúc Lâm ở Cổ Sơn.

Vua Hán Minh Đế đầu tiên lập chùa Bạch Mã và xây mười chùa trong ngoài kinh thành Lạc Dương. Ở phía Đông chùa Bạch Mã thì xây tháp xá-lợi Phật.

Nhà Ngụy thời Ngô Vương Tôn Quyền. Võ Xương xây cất chùa Xương Lạc, Phan phu nhân cất chùa Tuệ Bảo. Thượng Thư Lệnh là Hám Trạch sửa nhà làm chùa Đức Nhuận (nay là chùa Phổ Tế).

Đời Tấn Tuệ Đế, ở Cối kê, họ Gia Cát tạo chùa Linh Bảo.

Đời Thành Đế, Thượng Thư Lệnh là Lý Mạc lấy nhà ở Cú Dung sửa làm chùa Linh Diệu. Vương Hy Chi sửa chùa Lô Sơn làm chùa Quy Tông.

Hứa Tuân xây tháp bốn tầng mà thiếu tướng Luân, một sáng nọ gió mưa vần vũ thì Luân Bàn bỗng có đầy đủ.

Đời Khang Đế, Trung Thư Lệnh là Hà Sung sửa nhà làm chùa Kiến Phước.

Vua Ai Đế ra chiếu lập chùa Ngõa Quan - Vua Phế Đế ra chiếu vì Chi Độn Pháp sư lập chùa Ốc Châu.

Giản Văn Đế ra chiếu Ni Sư Đạo Dung lập chùa Tân Lâm. Lại ra lệnh chùa Trường Can tạo tháp ba tầng.

Đời Hiếu Võ, Thứ sử Tầm Dương là Đào Phạm, sửa nhà vì Vĩnh Pháp sư lập chùa Tây Lâm - Thứ sử Cửu Giang là Hoàn Y vì Viễn Pháp sư lập chùa Đông Lâm – Kinh châu Mục là Hoàn Xung khiến ngài Đàm Dực Pháp sư lập hai chùa Đông Tây chư Tăng thường ở đến số ngàn.

Đời Tống Cao Tổ. Phạm Tần lập chùa Kỳ Hoàn, Tạ Linh Vận lập chùa Chiêu Đề – Vua Tống Văn Đế vì Cao Tổ lập chùa Báo Ân. Lại ra lệnh cho Sa-môn Đạo Hựu đến Mậu Huyện xây tháp Phật ba tầng - Sa-môn Đàm-ma-mật-đa ở Mậu Huyện xây tháp A-dục vương.

Đời Tề Cao Đế, Sa-môn Huyền Sướng lập chùa Tề Long, cảm được hàng thanh y thần nhân đi quanh núi bảo vệ.

Đời Võ Đế, Cư Sĩ Minh Tăng Thiệu lấy nhà ở Nhiếp Sơn sửa làm chùa Thê Hà.

Đời Lương Võ Đế, nhà cũ của vua suốt bảy đêm phóng ánh sáng. Vua ra lệnh sửa nơi ấy làm chùa Quang Trạch - Vua lại ra chiếu sửa tháp Trường Can thì được bình lưu ly đựng đầy xá-lợi tóc móng Phật.

Tháp Chùa Đồng Thái bị cháy bèn lạm lại tháp mười hai tầng.

Hoa Dương Chân Nhân là Đào Hoằng Cảnh ở núi Tam Mâu lập tháp Phật màu trắng - Nhạc Châu Vương Túc Sát trấn giữ Việt Châu, trùng tu lại hai tháp gạch và gỗ và biết tiền thân mình là Hứa Tuân.

Vua Bắc Ngụy Văn Thành phục hưng lại Phật giáo, vua ra chiếu ở các Quận Huyện mỗi nơi lập một tháp Phật - Lại ra lệnh lập chùa Lộc Dã để các Thiền Tăng học Thiền định cả mấy trăm vị.

Vua Hiếu Văn vì Thái Hậu lập chùa Báo Đức, vì ngài La Thập Pháp sư tại nơi ở cũ Thảo Đường mà xây tháp Phật ba tầng.

Đời Tuyên Võ, Lạc Dương Đoạn Huy nghe dưới đất có tiếng chuông bèn đào được một tượng Phật vàng và hai tượng Bồ-tát, liền sửa nhà làm chùa.

Đời Bắc Chu, chùa Thường Niệm có thờ xá-lợi, có ánh sáng từ bình phóng ra, bèn xây tháp để thờ.

Đời Tùy Văn Đế, vua ban chiếu nơi chiến địa ở Tương Châu lập chùa để cầu siêu độ cho các chiến sĩ trận vong - Tân Ngạn Chi xây tháp mười lăm tầng. Trương Nguyên Thần dạo chơi Thiên Cung thấy có một ngôi nhà, người trời bảo đây là nhà của Tân Thứ sử sẽ đến ở - Vua ban chiếu các Danh Phiên trong thiên hạ đều lập Linh tháp để thờ xá-lợi, gồm đến một trăm mười một tháp. Các điềm linh đều chép đủ trong Tăng truyện.

Đường Công Lý Uyên sửa nhà làm chùa Thanh Thiền. Vua ra chiếu lập chùa Thiền Định, triệu ngài Đàm Thiên Pháp sư tập họp một trăm hai mươi bậc danh đức đến ở đấy - Ngài Trí Giả Thiền sư đến Ngọc tuyền cảm được Quan Đế sai binh thần làm chùa.

Ngài Chân Quán Thiền sư ở núi Hổ Lâu lập chùa Thiên Trúc.

Đời Tùy Dạng Đế, ngài Trí Giả di chúc lập chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai.

Vua Đường Cao Tổ, vì Sa-môn Cảnh Huy lập chùa Thắng Nghiệp, vì Sa-môn Đàm Hiếu lập chùa Từ Bi, vì việc Tinh Châu Khởi Nghĩa mà lập chùa Nghĩa Hưng.

Vua Đường Thái Tông ra chiếu lấy nhà cũ của Hoàng gia sửa làm chùa Hưng Thánh - Vua lại ban chiếu ở những nơi giao chiến để dựng nước, mỗi nơi đều lập chùa. Như phá Lưu Võ Chu ở Phần Châu thì lập chùa Hoằng Tế và Lý Bách Dược soạn bia (hai mươi bảy chùa v.v...) - Vua ban chiếu lấy cung Khánh Thiện vì Mục Thái Hậu xây chùa Từ Đức, vì Hoàng Thái tử Thừa Càn lập chùa Phổ Quang - Vua lại ra chiếu lấy nhà cũ ở Lạc Dương sửa làm chùa Thiên Cung. Vua ra chiếu vì Mục Thái Hậu xây chùa Hoằng Phước - Hoàng Thái tử vì Văn Đức hoàng hậu lập chùa Từ Ân.

Vua Đường Cao Tông ra lệnh xây chùa Tây Minh và mười ba Đại điện.

Vua Đường Duệ Tông ra chiếu lấy chùa Kiến Quốc mà Sa-môn Tuệ Vân đã tạo ở Biện Châu sửa làm chùa Đại Tướng Quốc (Vua theo Tương Vương Long Phi nên đặt tên ấy).

Vua Đường Huyền Tông ra lệnh lấy đồ vật của Tẩm điện để làm Di-lặc điện ở chùa An Quốc. Vua ra lệnh ở các Quận trong thiên hạ lập hai chùa Khai Nguyên và Long Hưng.

Đời vua Túc Tông, Thượng hoàng đến Thành Đô, Sa-môn Anh Cán thí cháo cứu kẻ nghèo đói, cầu vận nước yên định. Vua ra lệnh lập chùa Đại Thánh Từ, chín mươi sáu viện, tám ngàn năm trăm khu – Thượng Thư Hữu Thừa Vương Duy cùng em là Tấn thờ Phật, mẹ chết bèn lấy dinh thự ở Võng Xuyên sửa làm chùa.

Vua Đường Đại Tông mộng thấy đi dạo chùa trong núi, sáng hôm sau núi Lang Tà xây chùa Phật dâng lên vua bản đồ. Vua ban tên là Bảo Ứng Tự - Vua mộng thấy ở núi Ngưu Thủ có Bích-chi-phật đến gặp, bèn ra lệnh ở trong núi xây tháp bảy tầng. Ở Hoài Tây, Binh Mã Sứ là Lý Trọng Thiến sửa nhà làm phường chứa kinh Phật, vua ban tên là Bảo Ứng.

Vua Tuyên Tông ra sắc các chùa trong thiên hạ cần nên sửa chữa lại các tháp của Tổ Sư - Vua Chiêu Tông lại ban sắc nơi ở của ngài dịch kinh La-Thập xây lại chùa Thảo Đường.

Đời Tấn, ở Tào Sơn có các Phạm Tăng tụ tập trên đỉnh núi bay tới lui. Vua ra lệnh xây Hà Ngọc Thiền Tự.

Đời Tống Thái Tổ, Ngô Việt Vương Thục đã tạo tám vạn bốn ngàn tháp bằng vàng đồng phân bố khắp nước.

Thời vua Tống Thái Tông, trong đời nhà Chu phá chùa Long Hưng để làm kho tàng, Tăng trong chùa đánh trống xin vua cho phục hồi lại. Vua bèn ra lệnh cho sửa lại làm chùa - Vua ban ngạch cho các chùa vô danh đề là Thái Bình Hưng Quốc hoặc đề là Càn Minh. Vua lại ra lệnh đến Ngũ Đài tạo cả vạn tượng Bồ-tát Văn-thù bằng đồng. Vua ban chiếu ở Khai Thánh Thiền Tự rước thờ linh tượng Đức Thích-ca bằng gỗ Chiên-đàn ở Thiên Trúc và thờ răng Phật cùng chân thân ngài Chí Công. Vua lại ra lệnh đến núi Thiên Thai xây lại chùa Thọ Xương và tạo năm trăm mười sáu tượng La-hán. Còn ở chùa Khai Bảo thì xây tháp mười một tầng cao ba mươi sáu trượng. Vua đích thân đặt thờ tháp xá-lợi, tháp phóng quang chiếu sáng cả trời đất.

Vua Chân Tông ra chiếu ban vàng để sửa chùa Phổ Hiền ở núi Nga Mi, Sa-môn Kế Toàn từ Tây Thiên trở về được xá-lợi Phật bèn xây tháp thờ ở Dương Châu - Vua ra lệnh ban tên Thánh Cảm ở tháp chùa

Trường Can tại Giang Ninh. Vua ban chiếu ở Tinh Châu lập viện Tư Thánh để cầu siêu độ cho các tướng sĩ trận vong.

Vua Nhân Tông ra sắc ở Kinh sư lập chùa Từ Hóa để cầu siêu độ cho Tiên Đế. Lại ra lệnh xây lại tháp Linh Cảm. Quan Nội Thị Lý Duẫn Ninh tâu vua lấy dinh thự cất chùa Thập Phương Tịnh Nhân, mời Chiêu Liễn Thiền sư đến ở.

Vua Anh Tông ra lệnh khắp thiên hạ các tự viện riêng đều được ban cho ngạch Thọ Thánh. Vua Thần Tông ra sắc: Ở tháp Linh Cảm, chùa Khai Bảo, vua viết chữ triện "Hồng Phước Viên Thành Chi Tháp" ban cho tháp.

Đời Triết Tông. ở Tứ Minh, ngài Diên Khánh Sa-môn Giới Nhiên lập Thập Lục Quán Đường, Trần Quyền làm bài ký.

Đời Huy Tông, ngài Vân Cư Hựu Thiền sư xây ba tháp, ngài Bạch Vân Đoan Thiền sư lập Tổ Đường. Ngài Hồng Giác Phạm luận rằng hai ngài Vân Cư và Bạch Vân kiến thức cao xa đáng làm khuôn phép cho thiên hạ.

Vua Cao Tông ban sắc các Châu Quận trong thiên hạ lập chùa Báo Ân để truy niệm (thờ) vua Huy Tông. Vua lại ban sắc ở Bắc Sơn Tây Hồ lập chùa Thiên Thân Vạn Thọ Viên Giác .

Vua Hiếu Tông ban của kho để xây Tạng điện Thượng Trúc. Lại ban cho tiền mà xây Thập Lục Quán Đường ở Thượng Trúc. Quan Nội Hàn là Lâu Thược làm bài ký. Vua ra lệnh ở Cung Cấm xây Nội Quán Đường đúng theo quy thức như ở Thượng Trúc.

10. TÂY THIÊN CẦU PHÁP (cầu kinh ở Tây Thiên)

Đời Ngụy Cao Quý Hương Công, Sa-môn Chu Sĩ Hành Tây du nước Vu-điền được Kinh Bát-nhã Phóng Quang.

Đời Tấn An Đế, Sa-môn Pháp Hiển, từ Tây Vức đến Ngũ Thiên Trúc được nhiều Kinh tượng, đi thuyền buồm từ Nam Hải trở về.

Đời Tống Cao Tổ, Đàm-Vô-Kiệt đi Tây Trúc hai mươi năm trở về, đến ở Dương Đô dịch kinh. Đời Hậu Phế Đế, Sa-môn Pháp Hiến tây du nước Vu-điền được phẩm Đề Bà - Đời Lương, Sa-môn Trí Tuyên đến Tây Trúc được kinh Phạm trở về.

Đời Trần Tuyên Đế, Sa-môn Trí Viên đến Tây Trúc, vào thời Tùy Văn Đế, tìm được Phạm Kinh trở về.

Vua Bắc Ngụy Hiếu Minh sai sứ giả Tống Vân Sa-môn Pháp Lực đến Tây Thiên được một trăm bảy mươi bộ Phạm Kinh trở về.

Đời Bắc Tề Hậu Chủ, Sa-môn Bảo Tiêm v.v... đến Tây Thiên

được Phạm kinh trở về - Triều Nhà Trần, Sa-môn Trí Châu v.v... cũng đến Tây Thiên tìm được Kinh đem về.

Vua Đường Thái Tông, ra sắc cho Lý Nghĩa Biểu Vương Nguyên Sách đi sứ Tây Trúc lên Kỳ Sơn khắc bia ghi oai đức của nhà Đường.

Ngài Tam tạng Huyền Trang từ Tây Thiên thỉnh kinh trở về, vua triệu vào gặp, ra chiếu cho ngài soạn Tây Vức Ký.

Đời Đường Võ Hậu, khi xưa, ngài Nghĩa Tịnh Tam tạng từ Nam Hải ngồi thuyền buồm đến Tây Trúc cầu pháp. Khi đó mới đem kinh Phạn gởi cho nước Phật Thệ rồi soạn bộ Nam Hải Ký Quy Truyện và bộ Cầu Pháp Cao Tăng Truyện.

Đời Huyền Tông, Sa-môn Tuệ Nhật đi Tây Thiên trở về, vua triệu vào nói pháp, ban hiệu là Từ Mẫn Tam tạng Pháp sư.

Đời Lương Thái Tổ, Sa-môn Trí Tuyên sang Tây Trúc thỉnh kinh trở về dâng lên vua xương Phật và kinh Phạm.

Đời Tống Thái Tổ, Sa-môn Đạo Viên sang Ngũ Thiên Trúc trở về dâng lên vua xá-lợi và kinh Phạm. Sa-môn Hành Cần... vâng chiếu sang Tây Trúc cầu pháp, đi qua các nước đều ban cho chiếu thư khiến người dắt đường. Sa-môn Kiến Thạnh từ Tây Trúc trở về dâng lên vua kinh Phạm lá bối.

Đời vua Chân Tông, Khai Phong Phủ Trần Thứ tâu vua: Các Sa-môn đi sang Tây Thiên thỉnh kinh cần phải xét chọn người tài giỏi.

Đời Nhân Tông, Sa-môn Hoài Vấn xin đến Tây Thiên, vì Kim Thượng lập tháp ở bên tòa Kim Cang của Phật - Sa-môn Hoài Vấn được Tế Vĩnh Định... từ Trung Thiên Trúc trở về dâng xá-lợi xương Phật, kinh Phạm lá bối và mười chín tấm bia ở Tây Thiên.

11. ĐÔNG ĐỘ DỊCH KINH (dịch kinh ở Đông độ)

Đời Hán Minh Đế, ngài Ma-đằng Trúc Pháp Lan đến, đầu tiên dịch kinh Tứ Thập Nhị Chương - Ngài Pháp Lan lại dịch kinh Phật Bản Hạnh năm bộ.

Đời Hoàn Đế, ngài Chi Sấm dịch kinh Ban Chu Tam-muội... hai mươi mốt bộ.

Đời Linh Đế, ngài Trúc Phật Sóc dịch kinh Đạo Hạnh Bát-nhã, trọn triều Hán ngài dịch hơn ba trăm bộ kinh - Tiến sĩ Nghiêm Phật Điều dịch kinh Cổ Duy-ma.

Đời Ngụy Tề Vương, ngài Đàm-ma-ca-la dịch Luật Tăng-kỳ, ngài Đàm Vô Đức dịch Tứ Phần Giới Bản - Ngài Khương Tăng Khải dịch kinh Vô Lượng Thọ.

Đời Cao Quý Hương Công, Sa-môn Bạch Diên đến Lạc Dương dịch kinh Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác - Sa-môn Chu Sĩ Hành đến Vu-điền được Kinh Phóng Quang Bát-nhã.

Đời Tấn Võ Đế, ngài Trúc Pháp Hộ dịch kinh Chánh Pháp Hoa Niết-bàn...

Đời Hiếu Võ, ngài Cưu-ma-la-thập đến Tần dịch kinh Đại Phẩm Bát-nhã.

Đời An Đế, ngài La-thập ở Tần dịch kinh Diệu Pháp Hoa, kinh Di Giáo, kinh Duy-ma và Đại Trí Độ luận - Ngài Đàm-vô-sấm đến Lương dịch kinh Bi Hoa, kinh Đại Bát-niết-bàn (bốn mươi quyển) - Ngài Phật-đà Gia-xá ở Tần dịch luật Tứ Phần - Ngài Phật-đà Bạt-đà-la ở Kiến Khang dịch kinh Hoa Nghiêm (sáu mươi quyển), các Sư Tuệ Nghiêm, Tuệ Quan làm bút thọ. Đời Tống Thiếu Đế, ngài Phật-đa- thích dịch luật Ngũ Phần.

Đời Văn Đế, ngài Đàm-ma-mật-đa dịch kinh Phổ Hiền Hạnh Pháp. Ngài Cương Lương Gia-xá dịch kinh Vô Lượng Thọ Phật.

Đời Tề Cao Đế, ngài Đàm-ma-gia-xá dịch kinh Vô Lượng Nghĩa.

Đời Lương Võ Đế, Sa-môn Chúng Thiện dịch kinh Văn-thù Bát-nhã, vua đích thân làm bút thọ.

Ngài Chân Đế dịch kinh Kim Quang Minh.

Đời Giản Văn Đế, ngài Chân Đế dịch luận Khởi Tín và luận Câu-xá.

Đời Bắc Ngụy Tuyên Võ, ngài Bồ-đề-lưu-chi ở điện Tử Cực dịch kinh, vua đích thân bút thọ.

Đời Trần Văn Đế, ngài Xà-na-quật-đa dịch kinh Phật Bản Hạnh ba mươi hai bộ, Học sĩ Phí Trường Phòng bút thọ.

Đời Tùy Văn Đế, ngài Cấp-đa-quật-đa dịch lại kinh Pháp Hoa (8 quyển gọi là Thiêm Phẩm).

Đời Đường Thái Tông, ngài Huyền Trang Tam tạng dâng lên vua phần mới dịch là kinh Bồ-tát Tạng và luận Hiển Dương Thánh Giáo ...

Ngài Huyền Trang Pháp sư dịch luận Du-già Sư Địa, vua ra lệnh ban cho Tổng Quản ở chín Đạo, vua viết bài tựa Thánh Giáo.

Đời Đường Cao Tông, ngài Phật-đà-đa-la dịch Viên Giác kinh, vua ban sắc cho Tả Bộc Xạ Chí Ninh và Lại Bộ Thượng Thư đến giúp gồm việc dịch kinh và nhuận văn. Vua ra chiếu cho ngài Huyền Trang Tam tạng dịch kinh Đại Bát-nhã sáu trăm quyển. Sa-môn Hội Ninh ngồi thuyền buồm đến nước Ha lăng gặp ngài Trí Hiền bèn đối dịch kinh Niết-bàn Hậu Phần hai quyển. Vua ra sắc cho ngài Tam tạng Nhật

Chiếu Đỗ Hạnh Khải cùng dịch chú Phật Đảnh Tôn Thắng Chú và ra sắc không kỵ tên húy.

Đường Võ Hậu sai Sứ đến nước Vu-điền đón ngài Thật-xoa Nan-đà đến Đông Đô dịch lại kinh Hoa Nghiêm tám mươi quyển (đây là dịch lần hai).

Đời Đường Trung Tông, Tể Tướng Phòng Dung đến Nam Hải gặp ngài Bát-thích Mật-đế dịch kinh Thủ Lăng-nghiêm, Dung đích thân bút thọ. Vua lại ra chiếu cho ngài Tam tạng Nghĩa Tịnh dịch kinh Dược Sư Thất Phật, vua đích thân bút thọ. Vua lại ra chiếu cho ngài Bồ-đề Lưu Chi ở điện Phật Quang dịch kinh, vua đích thân bút thọ, bá quan cùng ngồi hầu. Ngài Bồ-đề Lưu Chí dịch kinh Bảo Tích, Tu Văn Quán Học sĩ là Võ Bình Nhất được sung làm Phiên Kinh sứ, Lô Tạng Dụng... nhuận văn. Ngài Bồ-đề Lưu Chí dâng vua kinh mới dịch, vua ban tiệc chay ở điện Lâm Quang và sai họa sĩ vẽ hình Phiên Kinh Đại Đức ở trên vách điện.

Đời Đường Duệ Tông, ngài Bồ-đề Lưu Chí dịch kinh Bảo Tích, Tể tướng Trương Thuyết, Thị Lang Lục Tượng Tiên, Bác sĩ Hạ Trí Chương... nhuận văn.

Đời Đường Đức Tông, ngài Bồ-đề Lưu Chí dâng lên vua kinh Bảo Tích một trăm hai mươi quyển, vua viết bài tựa Thánh Giáo - Ngài Tam tạng Bát-nhã dịch phẩm Tịnh Hạnh trong bộ Hoa Nghiêm do nước Ô Trà dâng tặng. Vua đích thân tham dự Dịch Trường, đọc văn cắt sửa cho đúng – Ngài Tam tạng Bát-nhã Trừng Quán Pháp sư dâng vua kinh Hoa Nghiêm mới dịch bốn mươi quyển (đây là dịch lần thứ ba).

Đời Đường Hiến Tông, vua ban sắc cho Gián Nghị Mạnh Giản... ở Cung Lễ Tuyền giám hộ việc dịch kinh, nhuận văn...

Đời Tống Thái Tổ, Sa-môn Thiên Trúc Pháp Thiên dịch kinh Thánh Vô Lượng Thọ, Vương Quy Tùng nhuận văn.

Vua Tống Thái Tông triệu ngài Pháp Thiên vào kinh sư, việc dịch kinh mới bắt đầu phồn thịnh - Ngài Tam tạng Thiên Tức Tai Thi Hộ đến, vua ban sắc mời vào triều kiến. Vua ban chiếu lập viện Dịch Kinh mời Thiên Tức Tai... đến ở, soạn ra Nghi Thức Dịch Kinh từ Dịch chủ đến Nhuận văn gồm chín vị, vua xa giá đến thăm, ban cho ngồi và ủy dụ.

Đời Tống Chân Tông, vua đến viện Dịch Kinh xem dịch kinh. Quan Tri Chế Cáo là Chu Tử Ngang kiêm chức quan Dịch Kinh Nhuận Văn - Quan Thị Lang Trần Thứ tâu vua: “Viện Dịch Kinh đã lâu tốn phí cả ức nay xin dẹp bỏ.” Vua cho là phép tắc các Triều trước rất tôn trọng

bèn không cho - Tể tướng Vương Khâm Nhược kiêm chức sứ Dịch Kinh Nhuận Văn - Tể Tướng Đinh Vị kiêm chức Dịch Kinh Nhuận Văn Sứ, Hàn lâm học sĩ Triều Quýnh Lý Duy kiêm chức quan Nhuận Văn.

Đời Tống Nhân Tông, ngài Tam tạng Duy Tịnh xin vua bỏ việc dịch kinh. Vua nói: Phép cũ của ba Triều trước đâu dám bỏ liền. Vả lại là vật cống lễ quý báu nếu không có Hồng Lô thì không ai biết được - Tể tướng Chương Đắc Tượng kiêm chức sứ Dịch Kinh Nhuận Văn. Tể tướng Văn Ngạn Bác kiêm chức sứ Dịch Kinh Nhuận Văn. Hàn Lâm Hạ Tủng... dâng vua bộ Tân Dịch Kinh Ân Nghĩa bảy mươi quyển - Các quan Hữu Bộc Xạ Dịch Kinh Nhuận Văn Sứ Lữ Di Giản, Tham Tri Chánh Sự Nhuận Văn Quan Tống Thụ... vâng chiếu vua sửa lại Pháp Bảo Lục - Tể Tướng Phú Bậc kiêm chức sứ Dịch Kinh Nhuận Văn .

Đời Tống Huy Tông, ngài Dịch Kinh Tam tạng Kim Tổng Trì nam du Giang Triết.

12. KINH MỤC TĂNG SỐ:

Đời Đường Mục Tông, Sa-môn Trí Thăng soạn bộ Khai Nguyên Thính Giáo Lục kể được năm ngàn bốn mươi tám quyển.

Đời Tống Nhân Tông, ngài Tam tạng Duy Tịnh dâng vua bộ Thiên Thánh Thích Giáo Lục ghi được sáu ngàn một trăm chín mươi bảy quyển.

Đời Bắc Ngụy Hiếu Tịnh, Tăng Ni có hai trăm vạn người, chùa có ba vạn ngôi.

Đời Bắc Tề Văn Tuyên, Tăng Ni có bốn trăm vạn người, chùa có bốn vạn ngôi.

Đời Tống Chân Tông có: Ba mươi chín vạn bảy ngàn sáu trăm năm mươi vị Tăng và sáu vạn một ngàn hai trăm bốn mươi vị Ni.

Đời Tống Nhân Tông có: Ba mươi tám vạn năm ngàn năm trăm hai mươi vị Tăng và bốn vạn tám ngàn bảy trăm bốn mươi vị Ni.

Đời Tống Thần Tông có: Hai mươi hai vạn sáu trăm sáu mươi vị Tăng và ba vạn bốn ngàn ba mươi vị Ni.

Đời Tống Cao Tông có: Hai mươi vạn vị Tăng.

13. THIÊN THAI TRUYỀN GIÁO:

Đời Bắc Tề, ở Hà Nam, ngài Văn Thiền sư ngộ được ý chỉ Nhất Tâm Tam Trí của ngài Long Thọ rồi nói Tam Quán Khẩu quyết cho Tư Thiền Sư.

Đời Trần Văn Đế, ngài Tư Thiền sư ở núi Đại Tô vì ngài Khải

Thiền sư nói Tứ An Lạc Hạnh chỉ bày Phổ Hiền đạo tràng.

Đời Trần Phế Đế, ngài Tư Thiền sư đến Nam nhạc truyền trao Giới pháp cho Nhạc Quân.

Đời Tuyên Đế, ngài Khải Thiền sư ở chùa Ngõa Quan tại Kim lăng vì Nghi Đồng Thẩm Quân Lý... khai Pháp Hoa kinh đề.

Đời Thiếu Đế, vua ra chiếu mời ngài Ngõa Quan Thiền sư đến điện Thái Cực khai Đại Trí Độ luận đề và Nhân Vương Bát-nhã kinh đề - Vua ra chiếu mời ngài Ngõa Quan Thiền sư ở chùa Quang Trạch, vua đến chùa nghe ngài giảng kinh Nhân Vương - Ngài Quang Trạch Thiền sư giảng kinh Pháp Hoa, ngài Chương An Đảnh Thiền sư dự nghe.

Đời Tùy Văn Đế, Tấn Vương Quảng ở Dương Châu đón Thiền sư truyền cho giới Bồ-tát, dâng hiệu Sư là Trí Giả - Ngài Trí Giả Thiền sư ở núi Ngọc Tuyền truyền giới Bồ-tát cho cha con Quan Đế - Ngài Trí Giả ở núi Ngọc Tuyền nói Pháp Hoa huyền nghĩa, ngài Chương An dự nghe. Ngài Trí Giả ở núi Ngọc Tuyền nói Ma-ha Chỉ Quán, ngài Chương An dự nghe.

Đời Cung Đế, ngài Chương An ở chùa Quốc Thanh tại Thiên Thai nói Chỉ Quán cho ngài Pháp Hoa Oai Thiền Sư.

Đời Đường Cao Tông, ngài Pháp Hoa nói Chỉ Quán cho Thiên Cung Oai Thiền Sư.

Đời Đường Võ Hậu, ngài Thiên Cung nói Chỉ Quán cho Tả Khê Lãng Thiền Sư.

Đời Đường Huyền Tông, ngài Tả Khê nói Chỉ Quán cho Kinh Khê Nhiên Thiền Sư.

Đời Đường Đại Tông, ngài Kinh Khê ở Phật Lũng nói Chỉ Quán cho Thúy Pháp Sư.

Đời Đường Đức Tông, ngài Thúy Pháp sư ở Quốc Thanh nói Chỉ Quán cho Tu Pháp Sư.

Đời Đường Văn Tông, ngài Tu Pháp sư ở Thiền Lâm nói Chỉ Quán cho Ngoại Pháp Sư.

Đời Đường Hy Tông, ngài Ngoại Pháp sư ở Quốc Thanh nói Chỉ Quán cho Tú Pháp Sư.

Đời Đường Chiêu Tông, ngài Tú Pháp sư ở Quốc Thanh nói Chỉ Quán cho Tủng Pháp Sư.

Đời Tống Cao Tổ, ngài Tủng Pháp sư ở Quốc Thanh nói Chỉ Quán cho Tịch Pháp Sư.

Đời Tống Thái Tổ, ngài Tịch Pháp sư ở Loa Khê nói Chỉ Quán và các pháp môn cho Thông Pháp Sư.

Đời Tống Thái Tông, ngài Thông Pháp sư ở Bảo Vân nói Chỉ Quán và các pháp môn cho Lễ Pháp sư.

Đời Tống Chân Tông, ngài Lễ Pháp sư ở chùa Bảo Ân tại Nam Hồ đáp lời ngài Nguyên Tín Pháp sư người Nhật Bản đến hỏi các đề mục, vua ban cho ngạch Bảo Ân sửa làm Diên Khánh. Ngài cùng Sư Dị Văn làm Giới Thệ từ gồm hai thiên, khiến đất ấy làm nơi giảng mãi giáo pháp Thiên Thai.

Ngài Lễ Pháp sư kết ước với mười Tăng tu Pháp Hoa Sám ba năm rồi thiêu thân cúng dường pháp. Quan Hàn Lâm Dương Ức gởi thư khuyến thỉnh ngài trụ thế. Vua ra chiếu ban cho Giáo Văn của ngài Trí Giả ở Đông Dịch Sơn được in ra bốn ngàn sáu trăm hai mươi quyển. Đô Úy Lý Tuân Úc tâu vua ngài Lễ Pháp sư ở Tứ Minh cao hạnh quên thân. Vua rất khen ngợi bèn ban cho hiệu Pháp Trí. Vua ban chiếu sai Nội thị Du Nguyên Thanh đến chùa Diên Khánh ở Tứ Minh thỉnh ngài Pháp Trí lãnh chúng tu Sám cầu phước và soạn ra "Tu Sám Yếu Chỉ."

Thái Hậu Chương Ý sai Sứ đến Thiên Trúc thỉnh ngài Thức Pháp sư về nước tu Sám Pháp. Sư dâng lên vua bộ Quang Minh Hộ Quốc Nghi, nhân đó tâu vua xin cho Giáo Quyển của Thiên Thai được nhập Tạng.

Vua Tống Nhân Tông ra sắc sai Nội thị Dương Hoài Cổ đến Thiên Trúc cầu phúc cho nước, Thức Pháp sư lại xin vua cho Thiên Thai Giáo Văn được nhập Tạng.

Ngài Diên Khánh Pháp Trí vào lễ Phật đản đã thả chim cá, soạn Phóng Sinh Văn. Quận Thú Tăng Hội tâu vua việc đó, vua bèn ra lệnh cho Khu Mật Lưu Quân soạn văn lập bia ở cổng chùa.

Ngài Diên Khánh Pháp Trí lập cách khảo thí các sinh đồ gọi là "Mở túi thơm" gồm bốn mươi hai chương đến nay vẫn theo phép ấy. Vua ra chiếu ban cho Giáo Văn Thiên Thai được nhập Tạng, đãi cơm ngàn Tăng ở Linh sơn. Ở núi Đông Dịch, ngài Như Pháp sư tập họp một trăm Tăng tu Trường sám. Đô Úy Mã Tuân Úc tâu lên vua, bèn ban hiệu là Thần Chiếu, cùng Quận Thú Chương Đắc Tượng và các hiền nhân kết làm Bạch Liên Xã.

Đời Tống Thần Tông, ngài Hải Nguyệt Đại sư Tuệ Biện ở Linh Sơn Thiên Trúc được Quận bổ làm Đô Tăng Chánh, phàm quản lý thấy trong các Tự Viện thiếu người giảng thì tập họp các bậc anh tuấn ở các chùa để mở khoa trường hỏi nghĩa lý gọi đó là khảo hạch.

Đời Tống Hiếu Tông, vua ra lệnh ở chùa Đông Thiền tại Phước Châu căn cứ vào chiếu chỉ năm Thiên Thánh thứ hai cho Giáo Bộ Thiên

Thai được khắc bản nhập Tạng.

Đời Tống Ninh Tông, Kinh Môn Quân xin vua gia phong cho ngài Ngọc Tuyền Trí Giả, vua bèn ban là Linh Tuệ Đại sư.

Đời Tống Lý Tông, Linh Sơn Thủ Ngu tâu vua: Ngài Pháp Trí Đại sư đã trước tác các Ký sao hơn hai trăm quyển xin cho được nhập Tạng. Vua chấp thuận.

14. THIỀN UYỂN TRUYỀN ĐĂNG (nối sáng vườn Thiền)

Đời Lương Võ Đế, vào năm Đại Thông thứ nhất, ngài Bồ-đề Đạt-ma ngồi thuyền buồm đến Quảng châu. Vua mời vào gặp và hỏi: "Thế nào là Thánh Đế đệ nhất nghĩa?" Sư đáp: "Rỗng không không Thánh." Vua hỏi: "Người đang đứng trước Trẫm là ai?" Sư đáp: "Không biết". Vua không hiểu. Sư bèn qua sông vào đất Ngụy.

Đời Bắc Ngụy Hiếu Minh, năm Võ Thái thứ nhất, ngài Đạt-ma từ Lương vào Ngụy, ngài đến ở chùa Thiếu Lâm tại núi Tung Cao ngồi xây mặt vào vách. Vua ba lần chiếu triệu ngài không đến.

Đời Văn Đế, năm Đại Thống thứ nhất, ngài Đạt-ma truyền pháp và y ca-sa cho ngài Tuệ Khả rồi ngồi thẳng mà thị tịch, táng ngài ở chùa Định Lâm tại núi Hùng Nhĩ.

Đời Tùy Văn Đế, Đức Nhị Tổ Tuệ Khả truyền pháp cho ngài Tăng Xáng rồi đến chùa Chánh Sắc thuyết pháp và bị pháp sư Hòa vu cáo với quan ấp nên bị tội chết. Trước đó ngài bảo Tăng Xáng rằng: "Ta có nghiệp đời trước nay phải đền mạng."

Đời Tùy Dạng Đế, Đức Tam Tổ Tăng Xáng đến ở núi Hoãn Công truyền pháp cho Sa-di Đạo Tín rồi ngồi nghiêm mà tịch.

Đời Đường Thái Tông. Đức Tứ Tổ Đạo Tín ở núi Huỳnh Mai, vua bốn phen chiếu triệu ngài vẫn không đến - Tứ Tổ ở núi Phá Đầu có một lão Tăng hiệu là Tài Tòng Đạo Giả đến thác sinh vào nhà cô gái họ Chu, khi gặp Tứ Tổ thì ngài bảo xuất gia, đó là ngài Hoằng Nhẫn. Đức Tứ Tổ nhìn về Phá Đầu Sơn thấy có vầng khí tía như hình cái lọng, dưới có khí trắng vắt ngang chia làm sáu nhánh. Ngài Hoằng Nhẫn thưa: "Phải chăng sau Hòa thượng sẽ sinh ra một chi phái Phật giáo khác?" Tổ đáp: "Đúng vậy!"

Đời Đường Cao Tông, Đức Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn thấy bài kệ viết trên vách của Hành giả Tuệ Năng, đêm đến gọi Năng vào phòng bảo rằng: "Đức Phật lấy Chánh Pháp Nhãn Tạng lần lượt truyền trao. Nay ta trao Pháp ấy cho ông cùng y Ca-sa này để làm tin." Suốt đêm ấy Tuệ Năng vội đi về phương Nam. Minh Thượng Tòa đuổi theo đến Dữu

Lãnh. Ngài Tuệ Năng bỏ lại y bát trên tảng đá nhưng Minh Thượng Tòa dở lên không nổi...

Đời Đường Cao Tông, ngài Ngưu Đầu Dung Thiền sư đắc pháp với Đức Ngũ Tổ đúng với lời ký "sinh ra một chi phái Phật pháp khác."

Ngài Tuệ Năng đến Quảng châu gặp Ấn Tông Thiền sư xuống tóc và truyền Cụ giới cho ngài, mở lớn Pháp môn ở Đông Sơn. Năm sau ngài trở về Tào Khê.

Đời Đường Trung Tông, vua sai sứ đến đón rước Đức Lục Tổ vào kinh hành đạo, ngài dâng biểu lấy cớ bệnh mà từ chối.

Đời Đường Túc Tông, vua sai sứ đến Thiều Châu rước y bát của Lục Tổ vào Nội điện để cúng dường.

Đời Đường Đại Tông, vua mộng thấy Đức Lục Tổ xin Y bát được trở về Núi. Vua ra sắc sai Lưu Cảnh đầu đội rước trả về. Vua chiếu triệu ngài Trung Quốc Sư vào gặp và hỏi việc Thái Bạch Sơn Nhân, biết núi, biết đất, biết chữ tính toán giỏi...

Đời Đường Hiến Tông, Thứ Sử Giang Châu Lý Bột hỏi ngài Quy Tông Thường Thiền Sư: "Thế nào là hạt cải chứa núi Tu-di..."

Cư Sĩ Bàng Uẩn hỏi ngài Mã Tổ rằng: "Không cùng vạn pháp làm bạn là người thế nào?"... Bàng Công bảo Châu Mục Vu Địch rằng: "Chỉ nên coi không tất cả có, chứ đừng coi thật tất cả không." Ngài Bách Trượng Hải Thiền sư sáng lập ra Thiền Cư, tự xưng là Trưởng Lão Thượng Đường, lên tòa chủ khách đối đáp... về sau rất thông dụng và gọi đó là Thiền Uyển Thanh Quy.

Đời Đường Mục Tông, quan Thị Lang Bạch Cư Dị gặp ngài Quy Tông đang đắp bùn lên vách... Bạch Cư Dị coi Hàng Châu hỏi đạo ngài Ô Sào Thiền sư...

Đời Đường Văn Tông, quan Sát Sứ Lục Hoàn mời ngài Nam Thiền Tuyền vào Quận hỏi đạo...

Đời Đường Tuyên Tông, vua ra sắc mời Diêm Quan Tề An Thiền sư vào Cung theo lễ thầy trò. Nhưng ngài cố từ chối. Vua lại triệu ngài Hoằng Biện Thiền sư vào cung để hỏi đạo.

Đời Đường Ý Tông, ngài Tuyết Phong Tồn Thiền sư ở trên núi bốn mươi năm có số người đến nghe diễn giảng đông nhất thời ấy.

Đời Đường Chiêu Tông, ngài Ngưỡng Sơn Tịch Thiền sư đắc pháp với ngài Vị Sơn. Đời gọi là Tông Quy Ngưỡng - Triệu Vương yết kiến ngài Triệu Châu Thẩm Thiền sư...

Đời Lương Thái Tổ, ngài Huyền Sa Bị Thiền sư được Mân Vương đãi như thầy.

Vua Đường Trang Tông triệu ngài Tam Thánh Tuệ Nhiên Thiền sư vào Nội điện hỏi Thiền pháp...

Đời Chu Thế Tông, Giang nam Đường Hậu Chủ lấy lễ thầy trò đãi ngài Ích Thiền sư và thụy phong là Đại Pháp Nhãn.

Vua Tống Thái Tổ ra sắc ở Thiều Châu mở tháp ngài Vân Môn thì thấy chân thân ngài như lúc còn sống bèn rước về Cung cúng dường.

Đời Tống Nhân Tông, Mi Sơn Tô Tuân yết kiến ngài Tổ Ấn Nạp Thiền sư hỏi pháp. Ngài Đại Giác Liễn Thiền sư xin vua được trở về Lão Sơn và dâng vua bài Tụng...

Đời Tống Anh Tông, ngài Liễn Thiền sư xin vua được trở về A-dục Vương sơn, lập Thần Khuê Các để thờ các Thánh Chế của Tiên Triều. Tô Thức soạn bài Ký.

Đời Tống Thần Tông, vua ban chiếu đổi chùa Đông Lâm ở Lư Sơn thành Thiền Tịch, khiến Tổng Thiền sư đến ở, đúng với lời Sấm của Viễn Công cách đó bảy trăm năm.

Đời Tống Triết Tông,Thiều Dương Nam Hoa Trạng Biện mời Tô Thức viết bài bia của Liễu Tông Nguyên nói về Lục Tổ... Ở núi Đại Mai tại Tứ Minh, có Pháp Anh Thiền sư trình bày việc Chiếu Luật Sư đem phân phát tập văn của Từ Mẫn Tam tạng, có ý chê Thiền Tông là dị kiến vướng không, bèn làm lời giải báng để cật vấn.

Đời Tống Huy Tông, ngài Tri Hòa Thiền sư đến Tư Minh. Chánh Ngôn Trần Hòa mời ngài ở núi Nhị Linh tại Đông Hồ, có một con hổ đến hầu ngài...

15. LUẬT TÔNG THÙY PHẠM:

Đời Lương Võ Đế, Độ Luật Sư với Chúng Thánh Điểm Ký.

Đời Trần Tuyên Đế, ngài Văn Luật Sư dâng thư lên vua xin miễn việc các Tăng lữ phải đẩy xe vận binh lương. Ngài Hoãn Luật Sư được sắc vua làm Tổng Trì Quốc Nội. Người mới thọ giới phải học Luật trong năm hạ.

Đời Bắc Ngụy Hiếu Văn, ngài Pháp Thông Luật Sư chuyên giảng Tứ phần Luật. Học trò là Đạo Phúc chép làm nghĩa sớ.

Đời Tùy Văn Đế, ngài Linh Tạng Luật Sư được vua đích thân viết sắc rằng “Đệ tử là vua kẻ tục, Luật Sư là vua người Đạo.” Do đó ngài độ người đến mấy vạn.

Đời Đường Cao Tông, có ngài Tuyên Luật sư ở chùa Tây Minh đi đường bị trượt té. Có thần đỡ chân ngài nói rằng: “Con là Bắc Thiên Vương Thái tử Na Tra vâng lệnh đến đây hộ vệ và hiến tặng răng

Phật". Ngài hỏi Thiên Nhân về Luật tướng và thắng tích ở Tây Thiên. Ngài có làm bộ Thiên Nhân Cảm Thông Truyện.

Ngài Trí Quang Luật sư ở Quảng châu đã truyền cho hành giả Tuệ Năng mãn phần giới.

Đời Đường Trung Tông, vua ban sắc mời ngài Văn Cang Luật sư vào đại nội an cư hành đạo. Vua ban chiếu mời ngài Đạo Ngạn Luật sư vào cung truyền quy giới cho Phi chủ. Lại sai vẽ hình ngài để ở Lâm Quang cung, vua viết bài tán.

Đời Đường Huyền Tông, Sa-môn nước Nhật Bản là Vinh Duệ đến Dương Châu. Luật sư Giám Chân cùng Duệ ngồi thuyền đến, vua Nhật đón rước hỏi han mời vào ở điện Tỳ Lô, xin ngài truyền cho quy giới. Nhật Bản học Luật bắt đầu từ đấy.

Đời Tống Nhân Tông, ngài Hàng Châu Duẩn Kham Luật sư soạn bộ Hội Chánh Ký, giải thích luật văn của Nam Sơn.

Đời Tống Huy Tông, ngài Hàng Châu Nguyên Chiếu Luật sư căn cứ vào Pháp Hoa Khai Hiển mà làm bộ Từ Trì Ký để giải thích Luật văn Nam Sơn.

Đời Tống Lý Tông, ngài Minh Khánh Tư Luật sư tâu vua xin cho luật văn của ngài Nam Sơn Đại Trí được nhập Tạng. Vua chấp thuận.

16. THẦN NI DI HẠNH

Đời Tấn Khang Đế, Tỳ-kheo Ni Tịnh Kiểm ở Bản Pháp mà đắc giới. Có Thiên nữ giáng xuống sân vui vẻ dắt tay nhau rồi theo ánh sáng mà lên trời.

Đời Phế Đế, ở chùa Đông tại Lạc Dương có Ni sư Đạo Hinh nói kinh Pháp Hoa, Duy-ma, người nghe đông như chợ.

Đời Giản Văn Đế, vua triệu Ni sư Đạo Dung ở chùa Ô Giang truyền cho giới Bát quan trai.

Đời Hiếu Võ Đế, Hoàn Ôn ở Cô Thục có vị Ni-la đến gặp và xin được tắm rửa rồi lấy dao tự mổ bụng và chặt tay chân, bảo Ôn rằng: "Nếu ngươi làm vua thì cũng phải như thế..."

Đời Tống Văn Đế, Ni Đạo Thọ tụng kinh Pháp Hoa có bảo cái che bên trên.

Đời Tống Minh Đế, có Ni Tinh Tú cảm được Long vương và chư Thiên đến hầu hạ.

Đời Lương Võ Đế, ở Viêm Xuyên có Ni sư Pháp Tuyên tụng kinh Pháp Hoa thấy có màn trướng phủ bên trên. Quận thú bèn thỉnh Ni sư làm Mẫu sư ở Việt Thành.

Đời Trần Võ Đế, Ni sư ở Cao Bửu tụng kinh Pháp Hoa mười móng tay đều mọc ra hoa sen, nên gọi là Hoa Thủ Ni.

Vua Tùy Văn Đế lúc mới sinh ra, có Ni sư Trí Tiên ở chùa Bát-nhã nhìn thấy đem về nuôi. Đến khi lớn lên Ni sư bảo nhỏ rằng: Con sẽ làm bậc đại quý, Phật pháp tạm thời bị dẹp bỏ sẽ nhờ con mà lại hưng thịnh.

Đời Đường Võ Hậu, ở Giáng Châu có hai cô gái mất mẹ, sáng hôm sau đến phần mộ gào khóc thì ở mã mọc lên năm cành hoa sen. Võ Hậu nghe tâu bèn gọi một cô vào, bà đích thân cạo tóc cho.

Đời Đường Đức Tông, ở chùa An Quốc có hai cô Ni Trì Pháp và Tuệ Nhẫn đồng tu Pháp Hoa Tam-muội. Bỗng có Ni hiệu Không Cô đến xin nghỉ qua đêm. Nửa đêm thì toàn thân Ni cô chiếu sáng rực rỡ. Người cho đó là Đức Phổ Hiền thị hiện.

17. DANH SƠN THẮNG TÍCH:

Núi A-dục Vương: Thời Tấn Võ Đế, có Lưu Tát Ha đến Mậu Sơn tìm tháp xá-lợi mới lập Tinh xá, nhân đó gọi là núi A-dục Vương.

Núi Thái Bạch: Thời Tấn Tuệ Đế, Sa-môn Nghĩa Hưng cất lều tranh ở trong núi, Thái Bạch hóa làm đồng tử đến hầu hạ, nhân đó gọi là núi Thiên Đồng Thái Bạch. – Đời Đường Huyền Tông, có Cao Tăng Pháp Duệ theo dấu xưa mà lập tinh xá và tụng Pháp Hoa. Thái Bạch hóa làm Đồng tử đến hầu hạ, nhân đó gọi là Thái Bạch Thiền Sư, gọi núi là Thiên Đồng.

Núi Thiên Trúc: Đời Tấn Thành Đế, Sa-môn Trúc Tuệ Lý đến núi Hổ Lâm (đời Đường kỵ húy đổi làm Võ Lâm) kinh ngạc bảo rằng: “Ôi ngọn Tiểu linh Thứu ở Trung Thiên Trúc đã bay đến đây năm nào?” Nhân đó gọi là núi Thiên Trúc, có chùa Linh Ẩn trên ngọn Phi Lai.

Núi Thạch Thành: Đời Tề Võ Đế, Sa-môn Tăng Hộ ở núi Thạch Thành tại Diệm Huyện, tạc đá tạo tượng Phật Di-lặc. Sau có Tăng Thục và Tăng Hựu nối nhau mới tạc xong, cao mười một trượng. Thiên thần bảo Tuyên Luật sư là hậu thân của Hộ, Thục và Hựu. Đời gọi là tượng Phật Đá ba đời. - Đời Đường Chiêu Tông, Ngô Việt Vương lập chùa Đoan Tướng để thờ tượng đá ấy.

Núi La Phù: Vua Đường Huyền Tông ra sắc: “Núi La Phù là nơi ở của Bồ-tát Hoa Thủ, riêng lập ở đấy chùa Diên Tường.

Núi Ngũ Đài: Lời Ký rằng: Hình núi có năm ngọn đều năm trăm dặm, ngọn Trung Đài cao bốn mươi dặm, trên có tượng đá Đức Văn-thù và Di-lặc. Phía Đông nam có chùa Thanh Lương là nơi ở của Đức Văn-thù (đời Tống Thái Tông năm Thái Bình năm đã dẫn). Vua Đường Cao

Tông ra sắc mời Sa-môn Hội Trách đến Ngũ Đài thì thấy có ánh sáng vàng đầy nhà, nghe trên không có tiếng khen "Lành thay"! Sa-môn nước Kế Tân là Phật-đà Ba lợi đến núi Ngũ Đài gặp một cụ già khiến trở về Tây Vức lấy chú Phật Đảnh Tôn Thắng...

Đời Đường Đại Tông, Sa-môn Pháp Chiếu đến thăm núi Ngũ Đài thấy có lầu quán cửa vàng ròng. Có Đức Văn-thù và Phổ Hiền phân tòa thuyết pháp. Nhân đó Sư lập chùa Trúc Lâm.

Đời Đường Hiến Tông, ngài Vô Trước Thiền sư vào núi Ngũ Đài gặp một tiên ông dắt trâu dẫn vào một chùa, gọi Quân Đề, thì có đồng tử dâng lên chén đồi mồi mời ngồi đối ẩm chất tô lạc...

Đời Đường Mục Tông, Bùi Độ tâu vua ở núi Ngũ Đài có Đức Văn-thù hiện ra, cả vạn chúng đều nhìn thấy.

Đời Tống Thái Tông, vua ra sắc sai Nội thị đến Ngũ Đài tạo một vạn tượng Bồ-tát Văn-thù bằng đồng, trùng tu lại chân dung mười chùa Hoa Nghiêm.

Núi Thái Hồng: Đời Đường Văn Tông, ngài Thiện Tín Đại sư chặt chân mà hóa. Cha con Trương Võ Lăng đứng hầu cũng hóa theo. Người đời sau gọi đó là Đại Thánh và hai Thánh.

Núi Nga Mi: Chí nói: Xưa có Bồ Ông vào núi thấy được chân tướng Đức Phổ Hiền Đại sĩ hiện ra từ đây. Vua Tống Thái Tổ ra sắc đến núi Nga Mi trang nghiêm Phật tượng, nhân việc Gia Châu tâu vua có Đức Phổ Hiền hiện tướng. Vua Thái Tông ra lệnh đến Thành Đô đúc tượng đồng Đức Phổ Hiền và để thờ tại chùa Bạch Thủy núi Nga Mi. Ba núi Nga Mi cao hơn Ngụ Nhạc, đẹp nhất chín châu, là núi bậc nhất của Chấn Đán - Thông Phán Vương Duệ qua Nga Mi thấy ngọn Ngõa Thất đều biến thành màu vàng ròng trong đó có Đức Phổ Hiền hiện ra. Vua ban sắc đưa mão báu và y ca-sa đến chùa Phổ Hiền ở núi Nga Mi thì thấy Đại sĩ cỡi mây tía mà đi trên không trung.

Núi Nhạn Đãng: Ao lớn trên đỉnh núi tương truyền là Nhạn Đãng còn hai đầm phía dưới là ao rồng là nơi ở của Tôn giả Mặc-cự-la (thấy ở đời Chân Tông đầu năm Tường Phù).

Núi Bổ Đà: Đời Đường Tuyên Tông, núi Bổ Đà ở giữa biển khơi cách Ngân Thành về phía Đông nam đường thủy sáu trăm dặm. Chính là núi Bổ-đà-lạc-ca có cung điện Đức Quán Thế Âm đã nói trong kinh Đại Bi. Núi có động Triều Âm, trước động có cầu đá. Người đến chiêm lễ hoặc nhìn thấy Đại sĩ, Thiện Tài có tịnh bình và chim Tần Già... (Danh sơn trong thiên hạ không phải chỉ là bấy nhiêu. Nay chỉ lấy những núi mà Thông Tắc Chí đã dẫn...)

18. THÁNH GIÁO CẢM THÔNG:

Đời Ngụy năm Chánh Thủy, ngài Sa-môn Khương Tăng Hội người Khang Cư vào Ngô. Chúa Ngô khiến ngài tìm xá-lợi. Bèn chay tịnh khẩn cầu suốt ba mươi bảy ngày thì nghe có tiếng khua leng keng...

Đời Tấn Thành Đế, loạn Tô Tuấn đốt tan hết các cung thất, riêng Lạc Hiền đường có họa tượng Đức Thích-ca thì không sao cả.

Đời Tống Văn Đế, tướng Quân Vương Huyền Mô sắp bị hành hình, mộng thấy có người dạy niệm mười câu Kinh Quan Âm bèn được khỏi.

Đời Bắc Tề năm Võ Thành, Tôn Kính Đức có tội đáng chết. mộng thấy có vị Tăng dạy tụng Kinh ngàn biến, khi bị hành hình dao chém ba lần đều gãy.

Đời Tống, năm Gia Hựu, Long Học Mai có vợ bị mù hai mắt, mộng thấy Thần Bạch Y dạy tụng mười câu Kinh Quan Âm thì hai mắt sáng lại (kinh này trước sau có ba lần linh nghiệm).

Đời Tề Võ Đế, Lưu Hà có mẹ bệnh, tụng Quan Âm mấy vạn biến, mộng thấy có vị Tăng bảo: "Phu nhân số đã hết, chỉ sống thêm được sáu mươi ngày".

Cánh Lăng Vương mộng thấy mình làm một bài vịnh về kinh Duy-ma thì có bầy hạc bay múa - Tấn An Vương bảy tuổi có mẹ bệnh, ông thỉnh Tăng hành đạo thì trong bình đồng hoa sen tươi suốt bảy ngày.

Đời Minh Đế, Tất Đàm Cung năm tuổi, mẹ bệnh muốn ăn dưa. Bỗng có vị Tăng đến cho một quả dưa to.

Đời Bắc Ngụy Văn Thành, nước Sơ Lặc dâng vua Y Ca-sa của Phật dài hai trượng. Vua sai đốt thí nghiệm thì trọn ngày không cháy.

Đời Hiếu Trang, tháp Phật ở chùa Vĩnh Ninh bị cháy. Người ở Đông Lai lại thấy tháp ấy đang ở ngoài biển.

Đời Tùy Dạng Đế, vì ngài Trí Giả mà cúng trai ngàn Tăng. Khi ăn thì thấy thừa ra một vị. Ai nấy đều bảo là ngài Trí Giả hóa thân đến thọ quốc cúng. Bèn mở Linh tháp ngài Trí Giả ra xem thì thấy giường không màn trống.

Đời Đường Cao Tổ, Lý Lục Sự chết rồi đến chỗ ngài Dư Pháp sư nghe pháp, bảo mọi người rằng: "Từ đầu người trở lên tôi thấy toàn là quỷ thần chư thiên cùng khắp đều đến nghe pháp".

Đời Đường Cao Tông, ngài Anh Thiền sư tu cúng nghi Thủy Lục của Lương Võ Đế mà cảm được Tần Trang Vương, Trương Nghi... đến tạ ân...

Đời Đường Hiến Tông, ngài Pháp sư Trí Biện nấu cơm đem rải

ngoài đồng trống, khấn rằng: "Ai ăn cơm ta thì xin làm pháp lữ với ta." Sau hai mươi năm Sư đến Nghiệp Thành giảng kinh thì ngàn chúng dưới tòa đều là người trẻ tuổi - Quan quân cùng Ngô Nguyên Tế đánh nhau, ngài Đặng Ẩn Phong chống tích trượng bay lên không trung thì quân hai bên cùng nhìn lên trời khen là lạ.

Đời Đường Ý Tông, trong Cung cấm, vua thiết trai đãi vạn Tăng. Có vị Tăng lông mày dài đến thọ cúng, thọ trai xong bèn bay lên không mà đi.

Đời Đường Chiêu Tông, ngài Văn Cử Thiền sư khi đến gặp yết kiến Tây Viện, có năm trăm vị Tăng đều bị bệnh dịch. Ngài lấy gậy chỉ ai người ấy ngồi dậy khỏi bệnh.

Vua Tống Thái Tổ đến chùa Tướng Quốc thấy có vị Tăng say nôn ói. Vua ngầm sai trẻ hầu lấy chất ói đem về thì thấy có mùi thơm sữa. Vua thân chinh Dương Châu, cho là ngoan cố chống cự muốn bắt chôn sống tất cả. Bỗng có vị Sa-môn xưng là Thanh Phạm đến xin vua ban ân tha tội. Sáng hôm sau vua đến chùa Long Hưng thì thấy trên điện có một tượng La-hán trên tay còn cầm tờ biểu.

Đời Tống Chân Tông, chùa Khai Bảo hiện ra ánh sáng vàng ròng. Vua đến kính cẩn xem nền đất thì nhặt được năm ngàn hạt xá-lợi.

Vua Tống Nhân Tông mộng thấy rồng nằm khoanh trên nền đất của chùa Cảnh Đức, bèn sai Sứ đến xem thì thấy Tăng Đạo Long đang nằm ngoài cửa chùa, bèn mời vào và xây cất Viện cho...

Ở Tương châu đào nền tháp thì tìm được xá-lợi tóc Phật, kéo ra rất dài. Người đến xem tới lui không dứt.

Đời Tống Thần Tông, ngài Lôi Phong Tài Pháp sư truyền giới Bồ-tát cho ngài Linh Chi Nguyên Chiếu... thì thấy tượng Đức Quan Âm phóng quang - Chu Thọ Xương chích máu viết kinh suốt năm mươi năm để tìm mẹ và gặp được ở Đồng Châu.

Đời Tống Triết Tông, Trương Thương Anh dạo chơi đến Ngũ Đài thấy Đức Văn-thù hiện ra trong ánh sáng vàng ròng - Dương Kiệt đến Song Lâm kính lễ Đại sĩ thì Luân Tạng tự quay.

Đăng Phong Lệnh Lâu Dị tu Thiếu Lâm đạo tràng thì mọc lên mười hai gốc linh chi, trời mưa cam lồ, đêm thấy có ánh sáng phóng lên trời.

Đời Huy Tông, Dương Châu tâu vua thấy ngài Tứ Châu Đại Thánh hiện ra ở tháp Phổ Tuệ - Vua ban chiếu dời tượng Đức Thích-ca đến điện Ngự Dung thì tượng cúi đầu để tránh cây đà ngang và kéo tờ giấy ngang qua dưới chân tượng thì liền được.

Ngài Đạo Pháp sư bị lưu đày ở Đạo Châu. Quận Thú mộng thấy có tượng Phật mang gông vào thành. Quận Thú biết là bậc kỳ dị bèn đối xử rất tốt.

Đời Tống Hiếu Tông, Ngụy Công Sử Hạo, xưa làm Nhiếp Xương Quốc Diêm Giám đến thăm núi Bổ Đà thấy Đại sĩ có đôi răng sắc vàng ròng. Có vị Tăng thân cao đến gặp bảo ông làm quan sẽ lên đến chức Thái Sư.

19. TRÌ TỤNG CÔNG THÂM:

Đời Tấn An Đế, Sa-môn Đàm Dực tụng kinh Pháp Hoa cảm được Đức Phổ Hiền đến thử nghiệm... Sa-môn Pháp Trang tụng kinh Pháp Hoa, cửa phòng sư có binh thần hộ vệ. Sa-môn Đàm Thúy đến đền Thần Nhật Ổ thì được thỉnh giảng kinh Pháp Hoa chín mươi ngày.

Đời Tống Võ Đế, Sa-môn Tăng Du thường trì tụng kinh Pháp Hoa. Năm đó Sư vào khám củi tự thiêu thân, nơi ở cũ của sư mọc lên hai cây đồng.

Sa-môn Tuệ Ích tụng kinh Pháp Hoa nguyện thiêu thân. Vua xa giá đến khuyên ngăn nhưng Sư không nghe. Vua bèn ra chiếu lập chùa Dược vương nơi Sư thiêu thân.

Đời Lương Võ Đế, Dữu Tiên tụng kinh Pháp Hoa. Cả nhà nghe trên không có tiếng nói "Thượng Hành tiên sinh đã sinh Tịnh độ."

Đời Nguyên Đế, ngài Diễm Pháp sư tụng Kinh Bát-nhã được kéo dài thêm tuổi thọ.

Đời Bắc Ngụy, bác sĩ Lư Cảnh Hựu bị hạ ngục, chí tâm tụng Kinh thì gông cùm tự tháo.

Đời Tùy Văn Đế, Sa-môn Tuệ Doanh giảng kinh Pháp Hoa, năm Đạo đại thần thỉnh ngài truyền giới pháp.

Đời Đường Cao Tổ, có thư sinh Cẩu Thiến viết lên không trung Kinh Kim Cang, ông nói là để chư thiên đọc tụng. Sau có mưa to thì nơi đất ấy hơn một trượng không thấm nước. Có vị Tăng lạ bảo nơi đất này trên không trung có kinh, Chư Thiên lấy bảo cái che lại.

Đời Đường Thái Tông, Sầm Văn Bản thường tụng Phẩm Phổ Môn. Ông ngồi thuyền đi Ngô Giang, thuyền lật, ông theo sóng mà giạt vào bờ. Sau ở nhà có thiết trai, có vị Tăng bảo: "Thiên hạ đang loạn lạc ông may mắn không dự vào, hết nạn thì tất được phú quý." Sau ở Triều Thái Tông, ông làm đến chức Trung Thư Lệnh.

Đời Đường Huyền Tông, Sa-môn Sở Kim tụng kinh Pháp Hoa, đến phẩm Bảo Tháp thì tháp bỗng hiện ra - Ở Toại Châu có Nhậm Thiện

bị bệnh chết, cùng một vị Tăng đến đến chỗ Diêm Vương. Vị Tăng nói mình thường tụng Kinh Kim Cang, bỗng có mây ngũ sắc đón vị Tăng lên trời. Quan Âm phủ bảo Thiện rằng: "Ông cũng đã thường tụng kinh ấy", bèn thả cho sống lại. Ở Liên Thủy, có Triệu Bích đi đường gặp người vợ đã chết bảo: "Tôi đang chịu khổ, vậy nên lấy y trang của tôi bán đi mà viết cho Kinh Kim Cang." Khi viết vừa xong một bộ, nhân có việc đi ngang qua phần mộ của vợ thì gặp một cụ già bảo: "Vợ ông đã được sinh lên trời rồi!"

Tô Khuê và cả nhà thường tụng Kinh Kim Cang. Vợ là Khương Thôi lấy cớ gầy ốm lén ăn thịt, bị mắc xương mà ngất đi. Đến gặp Diêm Vương bị quở rằng: "Chồng ngươi là nhục thân của Bồ-tát cớ sao ngươi lại ăn thịt, nhờ có công tụng Kinh nên được sống thêm hai mươi năm nữa", rồi được sống lại.

Đời Đường Túc Tông, có Sa-môn Bảo Ngọc vào kinh thọ giới. Vua mộng thấy có vị Tăng ở nước Ngô tụng kinh Pháp Hoa miệng phóng ra ánh sáng ngũ sắc...

Đời Đường Đại Tông, có Sa-môn Đạo Tuân lập ra Pháp Hoa Kinh Viện, cử mười bốn vị Tăng cao hạnh thường trì tụng Pháp Hoa, đêm đến đốt đuốc làm ngày để tụng Kinh không dứt. Quan Biệt Giá Chu Bách Đạt thường trì tụng Kinh Kim Cang. Bỗng thấy một vị Phạm Tăng tự xưng là Tu Bồ-đề bảo rằng: "Ngươi đã tụng Kinh cớ sao lại không bỏ thịt?" Bách Đạt hoảng kinh bèn ăn rau dưa thì thấy được điềm linh nhiều lần.

Đời Đường Văn Tông, trong lúc nhà bếp đang nấu trứng thì nghe trong đám trứng có tiếng niệm Quan Âm Bồ-tát. Vua bèn ra lệnh không dùng trứng nữa. Lại có hôm vua ăn sò nghêu thì có một con nghêu lớn không tách miệng ra được. Bỗng nó biến thành hình Đại sĩ. Nhân đó vua ban chiếu khắp các tự viện trong thiên hạ đều lập tượng Đức Quan Âm.

Đời Tống Thái Tổ, vua ban chiếu cho Thẩm Nghĩa Luân lấy bột vàng bạc mà viết Kinh Kim Cang. Vua triệu Sa-môn Sùng Uẩn vào nội điện diễn giảng.

Đời Tống Hiếu Tông, ở Tứ Minh có Ốc Thừa Chương tu Bát-nhã Kinh Quan của ngài Tuyết Nguyệt Đại sư...

Đời Tống Quan Tông, Đô quan là Lục Nguyên mỗi ngày tụng ba bộ kinh Pháp Hoa. Đến lúc chết, khi liệm xác ông thì thấy ở miệng mũi ông tỏa ra mùi thơm hoa sen.

20. TÂY DU LẠC QUỐC:

Đời Tấn, ở Lô Sơn, ngài Viễn Pháp sư ở chùa Đông Lâm và ngài Vĩnh Pháp sư ở chùa Tây Lâm cùng với các vị như Lưu Di Dân, Tông Bính, Lôi Thứ Tông... mười tám người cùng kết xã niệm Phật.

Đời Lương Võ Đế, người nhà của Dữu Tiên nghe trên không trung có tiếng nói rằng: "Thượng Hành tiên sinh đã vãng sinh Tịnh độ."

Đời Bắc Ngụy Thái Võ, vua cho thắt cổ Sa-môn Huyền Cao và Tuệ Sùng mà giết đi. Đệ tử ngài là Pháp Tấn gào khóc thì thấy ngài Huyền Cao hiện lên không trung, bèn hỏi: "Hòa thượng và Sùng Công sinh về đâu?" Ngài đáp: "Ta đến ác đạo để độ sinh, còn Sùng Công thì đã sinh Tịnh độ."

Đời Đường Thái Tông, ngài Thiện Đạo Pháp sư đến Kinh sư tạo Kinh Di Đà hơn mười vạn quyển, họa hình Tịnh Độ biến tướng hơn ba trăm bức trên vách. Khắp Trường An đều được ngài hóa độ...

Đời Đường Đức Tông, có ngài Pháp Chiếu Pháp sư ở Tinh Châu đã hành năm hội để dạy người niệm Phật. Vua nghe ở hướng Đông bắc có tiếng niệm Phật, bèn sai Sứ đến Thái Nguyên rồi đón Sư vào cung, Sư dạy các cung nhân niệm Phật cũng đủ năm hội.

Sa-môn Thiếu Khang đến Tân Định dạy người trong quận niệm Phật. Mỗi khi ngài thăng tòa niệm Phật, mọi người đều thấy có một vị Phật từ trong miệng phóng ra, niệm liên tiếp mười tiếng thì thấy có mười vị Phật. Sau ngài phóng ra nhiều luồng ánh sáng lạ mà hóa.

Đời Đường Tuyên Tông, Bạch Cư Dị vẽ hình Tây phương tịnh độ một bộ, cúng dường ngày đêm. Một đêm ông ngồi niệm Phật mà hóa.

Đời Đường Ý Tông, ở Tương Sơn, ngài Toàn Chân Thiền sư ngồi mà tịch. Đời cho ngài là Đức Phật Vô Lượng Thọ hóa thân.

Đời Tống Thái Tổ, Ngô Việt Vương Tiền Thị thỉnh ngài Thọ Thiền sư đến ở Vĩnh Minh, sớm tối ngài lên đỉnh núi riêng mà niệm Phật. Sau ngài đốt hương từ biệt chúng ngồi kiết già mà tịch.

Đời Tống Nhân Tông, Văn Ngạn Bác ở Kinh sư cùng ngài Nghiêm Thiền sư kết bạn, Tăng tục hơn mười vạn người cùng niệm Phật.

Đời Tống Triết Tông, Dương Kiệt vẽ hình Đức Phật A-di-đà trượng sáu luôn đem theo mình để quán niệm và cảm được Phật đến rước.

Tô Thức có lần vắt trong tay áo một cuốn A-di-đà Phật và bảo rằng: Đây là công cứ vãng sinh Tây phương của Thức tôi."

Đời Tống Cao Tông, giặc Kim đánh phá Tứ Minh bức hiếp ngài Hồ Tâm Triệu Luật sư phải đi về đất Bắc. Khi đến Kinh Khẩu, ngài bảo mọi người rằng: "Không chừng ta về Tây phương đây!" Rồi nghe

có tiếng đờn sáo. Cùng lúc ấy quân dân đều thấy ngài ngồi xây mặt về hướng Tây niệm Phật mà hóa.

Quan Thị Lang Ngô Bỉnh Tín bị triệu về kinh, khi đến trạm xá ở Túc Sơn thì nghe có tiếng nhạc trời. Ông bảo: “Kim đài đã đến.” Nói xong thì hóa.

Đời Tống Hiếu Tông. Long Thư Vương Nhật Hưu Niệm Phật, ngày lạy ngàn lạy. Một chiều nọ ông bảo: “Đức Phật đến đón ta”, rồi đứng sững mà hóa. Ông có làm Văn Tịnh Độ lưu hành ở đời (Nếu muốn biết sự tích vãng sinh xưa nay thì nên tìm đọc bộ Tịnh Độ Lập Giáo Chí bốn quyển).

■

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 54

PHẦN 4

Gồm các mục:
1. Tam Giáo Xuất Hưng.
2. Tam Giáo Ách Vận.
3. Tam Giáo Yêu Ngụy.
4. Tam Giáo Đàm Luận.
5. Tăng Đạo Giác Pháp.
6. Tăng Tiên Đạo Hậu.
7. Nội Luật Phân Tài.
8. Tăng Chế Trị Phạt.
9. Tăng Tịch Miễn Đinh.
10. Tứ Thụy Phong Tháp.
11. Bao Tuất Chung Vong.
12. Lâm Chung Thụy Tướng.
13. Quân Thần Mạn Pháp.
14. Hàn Âu Bài Phật.
15. Hóa Hồ Ngụy Kinh.
16. Sự Ma Tà Đãng.
17. Hủy Pháp Ác Báo.

1. TAM GIÁO XUẤT HƯNG - Thích Đạo Nho:

Đời Chu Chiêu Vương năm thứ hai mươi sáu (Giáp Dần) ngày tám tháng tư Đức Phật từ hông phải của mẹ chui ra, tự đi bảy bước, đưa tay phải lên mà nói rằng: “Trên trời dưới trời chỉ có ta là cao quý.” Ngày tám tháng tư khí sáng năm sắc xuyên suốt Tử Vi. Quan thái sử Tô Do nói rằng: Có Bậc Đại thánh nhân sinh ra ở phương Tây (Đức Phật sinh trước ngài Lão Tử ba trăm bốn mươi lăm năm).

Đời Chu Mục Vương, năm thứ năm mươi ba (Nhâm Thân) ngày

mười lăm tháng hai Đức Phật ở rừng Ta-la Song thọ tại thành Câu-thi-na mà nhập Niết-bàn.

Ngày rằm tháng hai ở phương Tây có cầu vòng trắng mười hai đường từ Nam phóng sang Bắc, núi sông đều chấn động. Quan thái sử Hổ Đa nói: Đây là điềm bậc Thánh nhân ở phương Tây tạ thế.

Thời Chu Mục Vương, Đức Văn-thù và Mục-liên từ phương Tây đến hóa độ vua, lập ra ba Hội đạo tràng ở núi Chung Nam, con vua tạo tượng Phật Ca-diếp.

Đời Chu Tương Vương năm thứ ba, Tần Mục Công được tượng đá, Do Dư tâu vua đó là tượng thần Phật.

Đời Tần Thủy Hoàng năm thứ tư, Sa-môn Tây Vức là Thất Lợi Phòng... mười tám người đem kinh đến. Vua bắt cầm tù. Có thần Kim giáp một trượng sáu phá cửa thả ra.

Đời Hán Võ Đế, năm Nguyên Thú thứ tư, Hoắc Khứ Bệnh thảo phạt Hung Nô được tượng người vàng Tế Thiên cao hơn một trượng. Vua đem để ở Cung Cam Tuyền, đốt hương kính lễ.

Đời Thành Đế, năm Hồng Gia thứ hai. Lưu Hướng hiệu chính các sách ở Thiên Lộc các, thường thường thấy có kinh Phật.

Đời Ai Đế, năm Nguyên Thọ thứ nhất, Cảnh Hiến đi sứ nước Nguyệt Chi được kinh Phật đem về.

Đời Hán Minh Đế, năm Vĩnh Bình thứ bảy, vua mộng thấy người vàng trượng sáu bay xuống sân điện. Truyền Nghị tâu: “Đó là Thánh nhân ở phương Tây tên gọi là Phật.” Vua bèn sai Thái Âm... đi Sứ sang Tây Vức đến nước Nguyệt Chi gặp các ngài Ma-đằng Trúc Pháp Lan được tượng Phật và kinh Phạm bèn dùng ngựa trắng chở về đến tận Lạc Dương (bấy giờ Tam bảo có được đầy đủ).

Liệt Tử viết sách nói: Khổng Tử đáp lời Thương Thái Tể bảo rằng: “Người ở phương Tây có Thánh nhân thì không cần trị mà không loạn, không nói mà tự tin, không dạy mà tự làm.”

Văn Trung Tử viết: Có người hỏi Phật, bèn đáp đó là Thánh nhân. Hỏi: Giáo ngài ra sao? Đáp: Là Giáo ở phương Tây (từ trên là nói về Phật giáo ra đời truyền bá).

Đời Chu Định Vương năm thứ ba, ngày mười bốn tháng chín, Lão Tử sinh ra ở Quận Trần nước Sở (sinh trước Khổng Tử năm mươi bốn năm).

Đời Giản Vương năm thứ tư, Lão Tử làm Quan Thủ Tàng của Nhà Chu, năm Giản Vương mười ba thì làm Trụ Hạ Sử.

Đời Kỉnh Vương năm đầu, Ông vào Hàn Cốc Quan vì Doãn Lệnh

soạn Đạo Đức Kinh, rồi đi về phía Tây đến Lưu Sa.

Đời Hán Linh Đế năm Quang Hòa thứ hai, Lão Quân giáng xuống núi Thiên Thai, đem Đại Động Linh Bảo Kinh và Tam Lục Cảm Ứng Thiên trao cho Tiên nhân Cát Huyền.

Đời Bắc Ngụy Thái Võ, năm Diên Hòa thứ hai, Tung Sơn Đạo sĩ Khấu Khiêm gặp Thái Thượng Lão Quân, khiến làm Thiên Sư, lại gặp cháu cố của Lão Tử là Lý Phổ Văn mà trao cho Đồ Lục Chân Kinh.

Đời Đường Cao Tông, năm Càn Phong thứ nhất, vua đến đất Hào, yết kiến Lão Quân, vua dâng hiệu là Huyền Nguyên Hoàng Đế, tôn Thánh Mẫu là Tiên Thiên Thái Hậu.

Đời Đường Huyền Tông, năm Khai Nguyên thứ hai mươi chín, vua mộng thấy Huyền Nguyên Hoàng Đế, bèn sai Sứ tìm được tượng ngài đem thờ ở Cung Hưng Khánh. Sai người vẽ chân dung ngài thờ ở Khai Nguyên Quán tại khắp các Quận. Lại chiếu khắp các Quận lập miếu Huyền Nguyên Hoàng Đế. Năm Thiên Bảo thứ nhất, Lão Quân giáng xuống Đơn Phụng Môn khiến Điền Đồng Tú tâu vua đến nhà cũ của Doãn Lệnh đào lấy rương vàng có Linh Phù đem trấn giữ nước và đổi niên hiệu là Thiên Bảo.

Năm Thiên Bảo thứ hai, vua tặng phong hiệu Lão Quân là Đại Thánh Tổ Huyền Nguyên Hoàng Đế - Năm thứ bảy vua lại phong thêm cho Lão Quân là Thánh Tổ Đại Đạo Huyền Nguyên Hoàng Đế - Năm thứ mười ba, vua lại tăng phong hiệu Lão Quân là Đại Thánh Tổ Cao Thượng Đại Đạo Kim Khuyết Huyền Nguyên Thiên Hoàng Đại Đế.

Đời Đường Hy Tông, vua ban chiếu ở Thành Đô Lão Quân Huyền Trung quán đổi tên là Thanh Dương cung. Ruộng đất ở gần cung phần nhiều trồng hành tỏi mùi hôi hám nồng nặc, vua ban cho tiền mua Quy Tĩnh Lư (từ trên nói về truyền bá của Đạo Lão).

Đời Chu Linh Vương, năm thứ hai mươi mốt, ngày Canh Tý tháng mười một Khổng Tử sinh ra ở ấp Tưu nước Lỗ.

Đời Cảnh Vương năm thứ mười, Khổng Tử ở Triều nhà Chu hỏi Lễ ngài Lão Tử.

Đời Kỉnh Vương năm thứ mười chín, ông làm Lỗ Trung Đô Tể, năm thứ hai mươi mốt làm Tư Không, năm thứ hai mươi hai làm Đại Tư Khấu, ông giết Thiếu Chánh Mão nên bị giáng làm Tam Đô. Vua Lỗ Định Công nhận đám nữ nhạc nước Tề, ba ngày không thiết Triều, nên Khổng Tử bỏ sang nước Vệ. Được ba mươi sáu năm thì từ Vệ ông trở về Lỗ, san định lại Thi Thư, căn cứ vào Chu Dịch mà làm bộ Xuân Thu, vì Tăng Sâm hiếu kính mà viết bộ Hiếu Kinh vào thứ ba mươi chín của

Kính Vương. Khi Ai Công đi săn miền Tây bắt được Kỳ Lân, Khổng Tử buồn thương cho Kỳ Lân xuất hiện không đúng lúc bèn tuyệt bút ở bộ Xuân Thu. Ngày Ất Sửu tháng tư năm thứ bốn mươi mốt đời Ai Công, Khổng Tử tạ thế, táng ở Tứ Thủy, đệ tử ba ngàn người, gồm thông Lục nghệ thì có bảy mươi hai vị. Đời Hán Bình Đế năm Thủy Nguyên thứ nhất, vua thụy phong cho Khổng Tử là Bao Thành Tuyên Ni Công.

Đời Tống Hiếu Võ, năm Hiếu Kiến thứ nhất, vua ra chiếu lập miếu Khổng Tử.

Đời Lương Võ Đế năm Thiên Giám thứ tư, vua ban chiếu khắp thiên hạ đều lập miếu Khổng Tử.

Đời Bắc Ngụy Hiếu Văn năm Thái Hòa thứ ba, vua thụy phong cho Khổng Tử làm Văn Tuyên Công.

Đời Đường Thái Tông năm Chánh Quán thứ mười một, theo Cựu Chế Thích Điện lấy Chu Công làm Tiên Thánh, Khổng Tử làm Tiên Sư. Khi đó Phòng Huyền Linh Nghị bàn xin lấy Khổng Tử làm Tiên Thánh, lấy Nhan Tử làm Tiên Sư Bồi Hưởng. Vua chấp thuận.

Đời Đường Cao Tông, vua đến Lỗ tế Khổng Tử, truy phong là Thái Sư.

Đường Võ Hậu truy thụy phong cho Khổng Tử là Long Đạo Công.

Đời Đường Huyền Tông, năm Khai Nguyên thứ hai mươi bảy, vua truy thụy phong cho Khổng Tử là Văn Tuyên Vương đặt ngồi quay mặt về hướng Nam, các đệ tử đều được phong Công, Hầu, Bá...

Đời Tống Chân Tông, năm Tường Phù thứ nhất, vua đến Khúc Phụ yết kiến miếu Khổng Tử, đặc biệt kính phong làm Huyền Thánh Văn Tuyên Vương. Đến năm Tường Phù thứ năm, vì kỵ húy Thánh Tổ, nên đổi là Chí Thánh Văn Tuyên Vương.

Đời Tống Nhân Tông, vua sắc ban cho Tiên Thánh miếu ở Duệ Châu các thứ: Phi bạch Ngự thư, Điện ngạch, Tế văn...

Vua Tống Thần Tông phong cho Mạnh Tử là Châu Quốc Công Bồi Hưởng Văn Tuyên Vương miếu.

Vua Tống Triết Tông ban cho Tiên Thánh miếu cả trăm khoảnh ruộng. Vua đến Quốc Tử Giám và tới Văn Tuyên Vương điện làm lễ Thích điện một lần hiến trà rượu rồi lạy hai lạy...

Đời Huy Tông năm Sùng Ninh thứ ba, dùng Vương An Thạch Bồi Hưởng Văn Tuyên Vương miếu - Năm Sùng Ninh thứ năm, vua ban chiếu mũ của Văn Tuyên Vương có mười hai viên ngọc và mặc áo Cửu Chương. Năm Chánh Hòa thứ nhất, vua ra sắc ở miếu Tiên Thánh được

dùng hai mươi bốn kích và ban cho đồ cúng lễ ăn mừng miếu mới.

Đời Khâm Tông, vua ra lệnh hủy bỏ việc Vương An Thạch Bồi Hưởng (từ trên là việc Khổng Giáo ra đời truyền bá).

Đời Đường Huyền Tông, năm Khai Nguyên thứ mười tám, vua ra lệnh cho hai Kinh và các Quận lập miếu Tề Thái Công.

Đời Đường Túc Tông, năm Thượng Nguyên thứ nhất, vua truy thụy phong Thái Công là Võ Thành Vương phép tế tự dùng văn tế đồng với Văn Tuyên Vương.

Đời Tống Chân Tông, năm Tường Phù thứ nhất, vua phong cho Thái Công là Chiêu Liệt Võ Thành Vương - Đời Tống Triết Tông, vua đến miếu Võ Thành Vương vái chào nghiêm túc (phụ phần Nho giáo).

2. TAM GIÁO ÁCH VẬN, Nho, Đạo, Thích:

Đời Tần Thủy Hoàng năm thứ ba mươi bốn, Thừa Tướng Lý Tư xin vua cho lấy Thi thư của Bách Gia và các Tạp Ngữ đem đốt cả. Nếu ai ngụ ý nói về Thi thư đều bị giết bỏ ở chợ. Năm thứ ba mươi lăm vì có nhiều Nho sinh chê bai, có đến bốn trăm sáu mươi người bị giết và chôn ở Hàm Dương.

Đời Hán Hoàn Đế, năm Diên Hy thứ tám, hoạn quan báo cáo với vua là Tư Lệ Hiệu Úy Lý Ưng giao kết với các nho sinh. Vua ra chiếu bắt người a dua, dẹp bỏ luôn hai trăm người đều là bậc danh hiền trong thiên hạ. Lâu sau bèn tha chết cho các người a dua mà chỉ cấm cố chung thân.

Đời Linh Đế, năm Kiến Ninh thứ nhất, hoạn quan giết Thái Phó Trần Phan, Đại tướng quân Đậu Võ, bắt Tông thân tân khách đều đem giết. Lý Ưng đến ngục tìm xét các đảng nhân đã chết có hơn một trăm người. Các nho học trong thiên hạ có người chết hoặc dời chỗ hay bị cầm tù, dẹp bỏ... có đến sáu, bảy trăm người.

Đời Đường Cảnh Tông, năm Thiên Hựu thứ hai, Chu Toàn Trung vào Trường an, tụ tập Tể Tướng Bùi Kha và các quan trong triều hơn ba mươi người giết đi rồi ném thây xuống sông.

Đời Tống Triết Tông, năm Thiệu Thánh thứ ba, vua ban chiếu cho Văn Ngạn Bác ba mươi bảy người là người thuộc phe Nguyên Hựu.

Đời Tống Huy Tông, năm Sùng Ninh thứ ba lập đảng tịch Nguyên Hựu thì phe Tư Mã Quang có ba trăm chín người khắc bia để ở cửa điện Văn Đức. Năm Sùng Ninh thứ năm, có sao chổi hiện ra ở phương Tây. Vua ra chiếu dẹp bỏ đảng tịch ở điện Văn Đức (từ trên là nói về ách vận của Nho giáo).

Đời Hán Minh Đế, năm Vĩnh Bình thứ mười bốn, Đạo sĩ Chử Thiện Tín... xin đấu pháp cùng ngài Ma-đằng nhưng không thắng, Phí Thục Tài tự uất ức mà chết, Lữ Tuệ Thông... sáu trăm hai mươi người cùng xin xuất gia.

Đời Lương Võ Đế, năm Thiên Giám thứ hai, vua dẫn đầu quần thần sĩ thứ phát tâm Bồ-đề bỏ hẳn Đạo Lão. Năm thứ mười sáu, vua ra sắc lệnh dẹp bỏ Đạo Quán trong thiên hạ, các Đạo sĩ đều hoàn tục.

Đời Bắc Tề Văn Tuyên, năm Thiên Bảo thứ sáu, Đạo sĩ xin đấu pháp cùng Phật giáo nhưng không thắng. Vua ban chiếu các Đạo sĩ đều phải thế độ theo Phật. Từ đó nước Tề không có Đạo sĩ.

Đời Bắc Chu Võ Đế, năm Kiến Đức thứ ba, vua bãi bỏ cả hai Giáo Phật và Lão (từ trên là Lão Giáo bị tai ách).

Đời Tấn An Đế, năm Long An thứ hai, Hoàn Huyền Phụ Chánh ra chiếu sa thải Tăng Ni. Ngài Lô Sơn Viễn Pháp sư dâng thư cố sức biện giải, bèn thôi.

Đời Trần Hậu Chủ, năm Chí Đức thứ ba, triều đình nghị bàn khiến Tăng Ni nào không đủ Đạo nghiệp đều cho thôi tu. Ngài Trí Thiền sư liền xin ngừng sưu giảng.

Đời Bắc Ngụy Thái Võ, năm Thái Bình Chân Quân thứ bảy, vua tin thuyết của Tư Đồ Thôi Hạo bèn xử án giết các Sa-môn trong thiên hạ, đốt phá kinh tượng. Sau Thôi Hạo vì tội ấy bị chém ngang lưng, cả thân tộc đều bị giết, còn vua thì bị Thường Thị Tông Ái giết chết. Khi Văn Thành lên ngôi thì phục hưng lại Phật pháp.

Đời Bắc Chu Võ Đế, năm Kiến Đức thứ ba, vua tin thuyết của Vệ Nguyên Tung dẹp bỏ hai giáo Phật Lão và đều khiến hoàn tục. Khi vua Tuyên Đế lên ngôi liền phục hưng Phật pháp.

Đời Tĩnh Đế, năm Đại Định thứ nhất, vua ban chiếu lập lại hai giáo Phật và Lão. Đỗ Kỳ xuống âm phủ thấy Chu Võ đang chịu khổ trong ngục sắt.

Đời Tùy Văn Đế, vua ra chiếu nhà Chu phá bỏ chùa chiền nay đều cho sửa chữa xây cất lại, các hộ khẩu góp tiền tạo Kinh tượng - Đời Tùy Dạng Đế, năm Đại Nghiệp thứ năm, vua ban chiếu các Tăng đồ không có đức nghiệp, đều khiến bãi Đạo, có sư Đại Chí là đệ tử ngài Trí Giả dâng biểu đốt cánh tay xin được hưng thịnh Tam bảo. Vua ra chiếu không được thi hành.

Đời Đường Cao Tổ năm Võ Đức thứ chín, Thái Sư Lệnh Phó Dịch xin vua phế bỏ Phật pháp, dâng sớ cả bảy lần. Vua bèn ra chiếu cho các Tăng và Đạo sĩ nào giới hạnh thiếu sót, đều khiến bãi Đạo. Hơn tháng

thì cho đình lại việc sa thải ấy. Phó Dịch bị ác bệnh mà chết. Có người xuống âm phủ thì nghe nói đã giao Dịch cho Địa ngục ở Việt Châu.

Đời Đường Huyền Tông, năm Khai Nguyên thứ hai, Tể tướng Diêu Sùng tâu vua xin sa thải Tăng Ni là những kẻ dối trá lạm dụng có đến một vạn hai ngàn người, đều khiến phải hoàn tục. Lại cấm việc độ Tăng, xây cất chùa tháp, đúc tượng viết kinh... Năm Khai Nguyên thứ mười lăm, vua ra sắc trong thiên hạ: Các chùa nhỏ ở thôn phường đều dẹp bỏ, các phần công đức đều phải sát nhập vào các chùa gần hoặc các tự viện công tư danh tiếng, nhân đó các chùa lớn tượng to cũng đều bị phá hủy.

Đời Đường Văn Tông, năm Thái Hòa thứ chín, Hàn lâm Lý Huấn tâu vua sa thải Tăng Ni, dẹp bỏ Linh tượng trong Đại nội. Đêm đến có gió bão thổi sập các đền miếu nhà cửa ở cửa thành. Vua hoảng kinh cho đình chỉ việc sa thải.

Đời Võ Tông, năm Hội Xương thứ năm, vua dùng mưu lược của Đạo sĩ Triệu Quy Chân cùng Tể tướng Lý Đức Dụ đã phá hủy tất cả tự, viện trong thiên hạ, bắt Tăng Ni phải hoàn tục có đến hai mươi sáu vạn người. Người ở Trường An đêm đến mộng thấy các quan giữ lăng Mục Vương bảo nhau rằng Lý Diêm (Đường Võ Tông) bị giảm thọ và mất ngôi. Khi Tuyên Tông lên ngôi liền bắt Triệu Quy Chân... mười ba người đem giết, Lý Đức Dụ thì bị đi đày chết ở Nhai Châu.

Đời Chu Thế Tông, năm Hiển Đức thứ bảy, vua ra sắc lệnh trong dân gian đem các tượng đồng đều chở về quan đúc tiền, dẹp bỏ tự, viện đến ba ngàn ba trăm ngôi, không cho hoằng độ Tăng Ni. Có Võ tướng Chu Bá Thắng xuống âm phủ thấy vua Chu Thế Tông đang ngồi trên giường sắt chịu tội khổ. Đến triều Tống Thái Tổ liền phục hưng Phật pháp.

Đời Tống Huy Tông, vua ban chiếu trong đạo tràng Thủy Lục của Phật giáo không cần phải lập thờ vị Tam Thanh... Thiên đế không được thờ chung với quỷ thần. Ngài Đạo Pháp sư nói các họa hủy hoại Phật là ở đây vậy - Năm Tuyên Hòa thứ nhất, vua nghe lời Đạo sĩ Lâm Linh Tố đổi cho Phật mặc áo Thiên Tôn, Tăng Ni bịt khăn đội mão cầm hốt gọi là Đức sĩ. Các Cao Tăng một hôm ở Hoa Nghiêm không tuân chiếu. Quan Khai Phủ Doãn Thạnh Chương bắt bảy vị đánh đập giết chết. Ngài Tả Nhai Vĩnh Đạo Pháp sư dâng thư lên vua can ngăn. Vua nổi giận bắt đày ngài ra Đạo Châu. Đài Thần Quan Ngự Sử tâu vua: Lâm Linh Tố là kẻ dối luận dời Đô, đổi dẹp Phật giáo. Vua tỉnh ngộ bèn bắt Linh Tố tự chết ở Ôn Châu. Năm Tuyên Hòa thứ hai thì cho phục hưng

lại Tăng Ni.

Đời Tống Cao Tông, năm Thiệu Hưng thứ mười hai, Chiêm Thúc Nghĩa dâng biểu tâu vua xin bán Độ Điệp. Năm Thiệu Hưng thứ mười lăm, vua ra lệnh các Tăng và Đạo sĩ phải nộp tiền miễn đinh. Quan Thị Lang Ngô Bỉnh Tín xin vua cho bán Độ Điệp nên bị luận tội mà đuổi đi. Ngài Linh Ẩn Đạo Xương xin vua cho ban hành Độ Điệp thì vua không trả lời. Quan Thị Lang Ngô Tử Tài xin vua cho ban hành Độ Điệp thì bị bãi chức đuổi về quê. Năm Thiệu Hưng hai mươi, vua cho lệnh đại kiểm tra trong dân gian các đồ đồng trong chùa quán, các thứ chuông khánh Phật tượng đều khiến phải ghi sổ, cứ mỗi cân thu vào thì tính là hai mươi tiền.

Văn Trung Tử nói rằng: Thi thư thạnh hành mà nhà Tần mất thì không phải là tội của Khổng Tử. Hư Huyền lớn mà nhà Tấn mất thì không phải tội của Lão Trang, Trai giới tu hành mà nước Lương tiêu thì không phải tội của Thích-ca vậy. (từ trên là nói Phật giáo bị tai ách).

3. YÊU NGỤY CỦA TAM GIÁO: Nho - Đạo - Thích:

Đời Tần, Lý Tư xưa học với Tuân Khanh, khi làm Thừa Tướng nhà Tần bèn xin vua cho đem Thi Thư và luận thuyết của Bách Gia nộp cho các quan thiêu đốt hết.

Đời Hán Linh Đế, đầu năm Trung Bình, Cự Lộc Trương Giác thờ Hoàng Lão, dùng nước bùa trị bệnh gọi là Đạo Thái Bình. Hơn mười năm số người theo đến mấy mươi vạn. Lúc đó gọi là giặc Huỳnh Cân. Hoàng Phủ Tung đánh phá dẹp yên - Đến thời Bắc Ngụy Hiếu Trang Vương, ở Ký Châu có Sa-môn Pháp Khánh và Lý Quy Bá ở Bột Hải đã dẫn đầu người làng làm loạn, tự gọi là Đại thừa Phật, giết hại Tăng Ni đốt hết Kinh sách. Sau có Nguyên Diêu dẹp tan.

Đời Đường Võ Hậu có người nữ tự xưng là Thánh Bồ-tát, vua triệu vào gặp. Lúc đó ngài Đại An Thiền sư vừa đến, ngài hỏi : “ Nghe nói ngươi khéo quán biết tâm người, vậy hiện tâm ta đang ở đâu?” Hỏi cả ba lần đều nói đúng. Ngài lại hỏi tiếp, cô gái không đáp được, bèn biến thành con chồn cái phóng xuống thềm chạy mất.

4. TAM GIÁO ĐÀM LUẬN:

Vua Hán Minh Đế đến chùa Trang nghiêm xem Tam Giáo đàm luận.

Vua Đường Cao Tổ đến Quốc Học, mời Bác sĩ Từ Khoáng, Sa-môn Tuệ Thừa, Đạo sĩ Lưu Tấn Thiện cùng giảng nói.

Vua Đường Thái Tông ban chiếu cho Tế Tửu Khổng Dĩnh Đạt, Sa-môn Tuệ Tịnh, Đạo sĩ Thái Hoảng vào Hoằng Văn điện đàm luận Tam Giáo.

Vua Đường Đức Tông, nhân lễ Phật đản, vua ban sắc cho Cấp Sự Trung Từ Nhạc, Sa-môn Đàm Diên, Đạo sĩ Cát Tham Thành giảng luận về Tam Giáo. Vua lại ra sắc mời Sa-môn Đoan Phủ vào Nội điện cùng Nho giáo và Lão Giáo luận nghị.

Vua Đường Kỉnh Tông ra sắc cho Sa-môn và Đạo sĩ bốn trăm người ở Cung Đại Minh mà đàm luận và thiết trai.

Vua Đường Nhân Tông nhân thánh lễ đã ban chiếu cho Bí Thư Giám Bạch Cư Dị, Sa-môn Nghĩa Lâm và Đạo sĩ Dương Hoằng Nguyên đàm luận về Tam Giáo.

Vua Đường Tuyên Tông ra sắc mời Gián Nghị Lý Di Tôn cùng Quốc sư Tri Huyền cùng với Đạo sĩ đàm luận Tam Giáo.

5. TĂNG ĐẠO GIÁC PHÁP: (Tăng Đạo tranh luận)

Đời Hán Minh Đế, Ngũ Nhạc Bát Sơn Đạo sĩ xin cùng Tây Trúc Ma-đằng Trúc Pháp Lan đốt Kinh so tài nhưng không thắng nổi. Lữ Tuệ Thông... đều xin xuất gia.

Đời Tống Minh Đế, dật sĩ Cố Hoan làm Di Hạ Luận có ý dua nịnh Đạo Giáo. Kẻ đồng môn là Viên Sáng làm luận bác bỏ cho rằng “Khổng Lão là dạy người tục còn Phật giáo thì xuất thế.” Quan Thường Thị Hà Trấn Chi cũng viết thư chỉ trích bảo rằng: Kinh sách của Đạo Gia giản dị hẹp hòi.

Đời Trần Tuyên Đế, ngài Nam Nhạc Từ Thiền sư hàng phục được đạo sĩ Âu Dương Chánh... mười bốn người. Vua ban chiếu cho chuộc tội bằng cách phục dịch cho Tăng chúng...

Đời Bắc Tề Văn Tuyên, Đạo sĩ Lục Tu Tịnh... xin so tài cùng Phật giáo nhưng không thắng, tất cả đều khiến phải thế độ, những kẻ không theo đều bị giết, có bốn người.

Đời Bắc Chu Võ Đế, vua ban chiếu quần thần, Sa-môn và Đạo sĩ ở Nội điện tranh luận về Tam Giáo. Ngài Pháp Mãnh Pháp sư lập luận nghĩa cao nhất. Tư Lệ Đại Phu Chân Loan dâng vua “Tiếu Đạo Luận” ba mươi sáu thiên - Tùy Khách hỏi việc Tam Giáo hơn kém. Lý Sĩ Khiêm đáp rằng: “Phật là mặt trời, Lão là mặt trăng còn Nho là năm ngôi sao.”

Vua Đường Cao Tông ban chiếu cho Sa-môn Nghĩa Bao... vào Cung đàm luận, Đạo sĩ Lý Vinh hết lý tắt lời. Vua khiến Huỳnh Môn dẫn Lý Vinh rút lui khỏi tòa giảng.

Đời Đường Huyền Tông, có Đạo sĩ Ngô Quân viết luận chê bai Phật giáo. Triết Tây Quán Sát Sứ là Trần Thiếu Du thỉnh ngài Thần Ung Pháp sư đối mặt để pháp quyết tà chánh, cuối cùng Ngô Quân bị đánh bại ở phía Bắc.

Đời Đường Đại Tông, Sa-môn Sùng Tuệ cùng Đạo sĩ so tài, tâu vua thắng, được ban cho Tử y.

6. TĂNG TRƯỚC ĐẠO SĨ SAU:

Đời Tống Minh Đế, Cố Hoan làm luận xem hai Đạo Phật và Lão mục đích giáo hóa như nhau.

Đời Bắc Tề, Ngụy Thâu có soạn Ngụy Thư, làm Phật Lão Chí.

Vua Đường Thái Tông ban chiếu: Lão Tử họ Lý là tổ tiên của Trẫm nên danh vị phải đứng trước Phật. Sa-môn Trí Thật đến cửa Khuyết trình bày lý lẽ, vua không nghe - Vua bảo Sư Đạo Ý chủ chùa Hoằng phước rằng: Phật và Lão cao hay thấp mọi người tự xét, về Tổ tông của Trẫm, theo dòng dõi nên phải để Lão Tử trước Phật, phàm có công đức gì đều hướng về cửa Phật. Dinh thự cũ ở Thái Nguyên cũng dùng thờ Phật mà chưa từng lập ra Đạo Quán...

Đời Đường Cao Tông, vua ban sắc các Đạo sĩ thuộc chùa Tông Chánh, cấp bậc ở sau các Vương. Đường Võ Hậu ban sắc Tăng Ni theo ngôi vị cũ thì ở trên Đạo sĩ.

Vua Tống Thái Tổ ban chiếu rằng: Các Tăng và Đạo sĩ mỗi khi tập họp tại triều thì Tăng trước Đạo sĩ sau, cùng đứng ở sân điện thì Tăng bên Đông, Đạo bên Tây. Nếu gặp Lễ Tế Giao thì Đạo ở bên trái, Tăng bên phải (theo Tăng Sử Lược của Ninh Tăng Thống).

Vua Tống Huy Tông ban sắc vị thứ của Đạo sĩ trên Tăng.

Đời Tống Cao Tông, Ngài Lô Sơn Đạo Pháp gởi trát trình bày cùng Đô Tỉnh là sau năm Sùng Quán, Đạo sĩ đã nài xin của cải phẩm trật, bọn Lâm Linh Tố thấy hai phủ quá đông người bèn khiến Đạo sĩ được ở trên Tăng. Lại các năm Tĩnh Khang và Kiến Viêm (Nam Tống) Đạo sĩ thấy các chức quan đã làm đều bị truy bỏ, mà khi có quốc kỵ, triều đình hành hương hội họp ở các tự viện đông đảo, mà còn dám kiêu ngạo là ở trên Tăng. Nay muốn phục hồi sửa đúng theo phép cũ của tổ tông... tiếp tục căn cứ ở chùa Thái Thường, nhân đó đổi lễ, tha tội các việc cũ, cho Đạo ở bên trái Tăng bên phải. Về Gia Hưu Biên Sắc và Thiệu Hưng Tân Thư đều lấy Tăng Đạo, tự quán mà lập văn. Các quy điều trong năm Chánh Hòa về việc Đạo ở trên Tăng thì đều đã cắt bỏ. Liền nhờ chiếu chỉ của triều đình mà việc hành hương hay lập ban chức

ở các nơi tụ họp đều căn cứ theo phép cũ của Tổ Tông để Tăng ở bên trái.

Năm Thiệu Hưng thứ mười ba, Lâm An Phủ Đạo Chánh là lưu Nhã Khiêm trình vua xét cho Đạo sĩ có ngôi vị ở trên Tăng. Đô Tăng Chánh là Thiện Quỳ xin vua cho kiểm tra căn cứ vào chiếu chỉ năm Thiệu Hưng thứ ba. Đô Tỉnh phê duyệt đưa luận trạng của Pháp Đạo Pháp sư tiếp theo nhờ chiếu chỉ của triều đình căn cứ vào phép cũ của Tổ Tông mà để Tăng ở trên Đạo sĩ. Vua ban cáo thị để Lưu Nhã Khiêm biết rõ.

7. NỘI LUẬT PHAN TÀI (phân tiền của theo luật Phật)

Vua Đường Đức Tông ban sắc tiền của Tăng đã mất theo lệ cũ là phần còn dư sau khi đã tống táng. Đến lúc có một người phân bì nên việc đưa đến quan và bị thu giữ. Nhân đó luôn bị nhiễu hại. Nay rất mong căn cứ theo phép cũ lập ra điều lệ về phân chia tài sản. Nếu quan viên nào còn thu giữ như trước thì luận tội là trái chế vua.

8. TĂNG CHẾ TRỊ PHẠT (Trị phạt theo luật Tăng)

Đời Lương Võ Đế, vua ra chế Tăng Ni nào phạm lỗi thì căn cứ theo luật Phật mà xử phạt.

Đời Bắc Ngụy, nếu Tăng phạm tội giết người, căn cứ theo luật tục mà xử đoán, còn phạm các tội khác thì giao cho Chiêu Huyền Đô Thống theo nội luật mà phán quyết.

Vua Đường Thái Tông ban chiếu: Tăng đồ có phạm tội thì căn cứ theo luật Phật mà đặt ra các quy điều. Vua ra chiếu ban bố Kinh Di Giáo, giao cho các quan ở Kinh Đô và các Thứ Sử khi Tăng Ni có nghiệp hạnh trái với Kinh, thì công tư cùng khuyên răn.

Đời Đường Cao Tông, Ngài Huyền Trang Pháp sư tâu xin hai việc:

1. Năm Chánh Quán để Lão Tử đứng trên Phật.

2. Tăng và Đạo sĩ có lỗi cứ theo luật tục mà tra xét làm nhục Pháp môn.

Vua nói: Tăng dùng luật tục xử đoán là sai, liền bỏ.

Vua Đường Huyền Tông ra chiếu: Tăng Ni có tội cứ một mực căn cứ theo Luật Phật mà phân xử. Các chân huyện không được chuyên quyền xử phạt - Vua Đường Đại Tông ban chiếu: Các Quan Ty trong thiên hạ không được hủy nhục Tăng Ni.

Vua Tống Chân Tông ban chiếu: Tăng và Đạo sĩ có phạm tội công

thì cho được dùng phép chuộc tội. Sắc cho các quan viên không được vô cớ hủy nhục Tăng Ni. Ai mắng là "bọc trọc" sẽ bị bãi chức, thứ dân thì bị đày đi ngàn dặm.

Năm Tuyên Hòa thứ tám, Ngô Quốc công chúa kính trọng Không môn (xuất gia) nên vua ban sắc từ các quan chức đến thứ dân nếu ai hủy nhục Tăng Ni mắng là "bọn trọc" thì căn cứ theo sắc chỉ các năm Tường Phù và Tuyên Hòa, nếu các phẩm quan thì bãi chức còn các thứ dân thì lưu đày ngàn dặm. Mong các Châu Quận trong thiên hạ khắp yết bảng hiểu dụ. Nếu có Tăng Ni phạm tội thì các quan ty không được chuyên quyền xử lý, cần phải tâu lên triều đình và theo chỉ dụ mà thi hành.

9. TĂNG TỊCH MIỄN ĐINH:

Đời Đường Võ Hậu, năm Diên Tái thứ nhất, ban sắc các Tăng Ni xưa thuộc Ty Tân (tức Hồng Lô Tự) nay đổi lại thuộc Tự Bộ.

Đời Đường Huyền Tông, năm Khai Nguyên thứ mười bảy, vua ban chiếu các Tăng Ni trong thiên hạ, cứ ba năm thì lập Tăng tịch một lần - Năm Khai Nguyên thứ hai mươi bốn, vua ra sắc các Tăng Ni lại thuộc Hồng Lô Tự, năm sau vẫn theo lệ cũ mà cho thuộc Tự Bộ. Đạo sĩ thì thuộc Tông Chánh Tự vì gốc họ Lý vậy - Năm Thiên Bảo thứ sáu, vua ban sắc: Tăng Ni thuộc Lưỡng Nhai Công Đức Sứ, đầu tiên khiến Tự Bộ cấp Độ Điệp làm bằng lụa nỏn.

Đời Đường Đức Tông, năm Kiến Trung thứ ba, vua ban sắc về việc cũ Tăng Ni, Tam Cang trình Châu Quốc nộp lịnh phù để xin hủy bỏ, ở Kinh thì nộp cáo trạng cho Tự Bộ.

Đời Đường Hiến Tông, năm Nguyên Hòa thứ hai, vua ban chiếu Tăng Đạo thuộc Tả Hữu Nhai Công Đức Sứ - Đời Đường Văn Tông năm Thái Hòa thứ năm, vua ban sắc ở các Châu Quận đều lập Sổ Tăng Ni.

Đời Lương Thái Tổ, năm Khai Bình thứ nhất, vua ban sắc Tăng Ni đổi lại thuộc Tự Bộ.

Đời Tấn, năm Thiên Phước thứ hai, vua dùng Dương Quang Viễn làm Thiên Hạ Công Đức Sứ nên tất cả Tự Viện đều lệ thuộc vào ông.

Đời Tống Thái Tổ, vua ra sắc cho Tăng và Đạo đều thuộc Công Đức Sứ. Ai muốn xuất gia cầu độ đều phải thi Kinh Nghiệp do Tự Bộ cấp Điệp - Đời Tống Cao Tông năm Thiệu Hưng thứ mười lăm, vua ban sắc Tăng và Đạo trong thiên hạ bắt đầu khiến nộp Đinh Tiền từ một vạn đến một ngàn ba, tất cả có chín bậc gọi là Thanh Nhàn tiền. Ai tuổi từ sáu mươi trở đi và kẻ tàn tật thì miễn nộp.

10. TỨ THỤY PHONG THÁP (Ban tên Thụy, phong Tháp)

Đời Tấn Hiếu Võ, ngài Tiềm Pháp sư tịch, vua ra chiếu ban tiền xây tháp.

Đời Đường Thái Tông, ngài Tăng Ung ở chùa Hóa Độ tịch, vua kính thương ban cho lụa, lại ra lệnh cho Lý Bá Dược soạn bia và Âu Dương Tuân viết chữ.

Đời Đường Trung Tông, ngài Thần Tú Quốc Sư tịch, vua thụy phong là Đại Thông - Đời Đường Huyền Tông, ngài Kim Cang Trí Tam tạng viên tịch vua thụy phong là Quán Đảnh. Ngài Thanh Nguyên Tư Thiền sư được truy phong là Hoằng Tế Thiền Sư, tháp đề Quy Chân - Ngài Nam Nhạc Nhượng Thiền sư tịch, được thụy phong là Đại Tuệ Thiền Sư, tháp đề Tối Thắng Luân.

Đời Đường Hiến Tông, vua ra sắc thụy phong cho ngài Tào Khê Lục Tổ hiệu là Đại Giám Thiền Sư, tháp đề Linh Chiếu. Liễu Tông Nguyên soạn bia.

Đời Đường Mục Tông, ngài Phần Dương Nghiệp Thiền sư được vua thụy phong là Đại Đạt Quốc Sư.

Đời Đường Tuyên Tông, vua ra sắc xây cất lại chùa Đông Lâm, truy thụy phong ngài Viễn Pháp sư là Biện Giác - Ngài Quy Sơn Hựu Thiền sư tịch, vua thụy phong là Đại Viên - Ngài Huỳnh Bá Vận Thiền sư tịch, vua thụy phong là Đoạn Tế.

Đời Đường Ý Tông, ngài Đức Sơn Giám Thiền sư tịch, vua thụy phong là Kiến Tánh - Ngài Lâm Tế Huyền Thiền sư tịch, vua thụy phong là Tuệ Chiếu - Ngài Động Sơn Giới Thiền sư tịch, vua thụy phong là Ngộ Bản - Vua lại truy thụy phong ngài Nam Sơn Tuyên Luật Sư hiệu là Trừng Chiếu - Ngài Triệu Châu Thẩm Thiền Sư tịch, vua thụy phong là Chân Tế - Ngài Vân Cư Ung Thiền sư tịch, vua thụy phong là Hoằng Giác - Ngài Tào Sơn Tịch Thiền sư tịch, vua thụy phong là Nguyên Chứng.

Đời Đường Trang Tông, vua hỏi đạo với ngài Tam Thánh Tuệ Nhiên, khi ngài tịch thì thụy phong là Quảng Tế Thái Sư, tháp đề Thông Tịch.

Đời Tống Thái Tổ, ngài Vĩnh Minh Thọ Thiền sư tịch, vua thụy phong là Trí Giác.

Đời Tống Thái Tông, vua truy thụy phong cho ngài Đông Lâm Viễn Pháp sư là Viên Ngộ, ngài Tây Lâm Vĩnh Pháp sư là Giác Tịch - Ngài Minh Giáo Đại sư Thiên Tức Tai tịch, được thụy phong là Tuệ Biện - Ngài Truyền Giáo Đại sư Pháp Hiền tịch, vua thụy phong là

Huyền Giác.

Đời Tống Huy Tông, năm Sùng Ninh thứ nhất, vua đại xá và viết Tiết Văn, trong thiên hạ các bậc danh đức nào chưa được thụy phong thì mong Sở thuộc hãy tâu lên. Ngài Đường Tuyên Luật Sư được thụy phong là Pháp Hải, ngài Từ Vân Thức Pháp sư được thụy phong là Pháp Bảo - Ngài Nam Bình Trăn Pháp sư được thụy phong là Thật Tướng - Ngài Cô Sơn Viên Pháp sư được thụy phong là Pháp Tuệ - Ngài Ma-đằng Tam tạng được thụy phong là Khải Đạo Viên Thông Pháp sư - Ngài Trúc Pháp Lan được thụy phong là Khai Giáo Tổng Trì Pháp sư - Ngài Phó Đại sĩ được thụy phong là Đẳng Không Thiệu Giác Đại sĩ - Lý Trưởng giả được thụy phong là Hiển Giáo Diệu Trang Nghiêm Trưởng giả.

Đời Tống Cao Tông, ngài Thiên Đồng Giác Thiền sư tịch, được thụy phong là Hoằng Trí, tháp đề Diệu Quang - Ngài Kính Sơn Cảo Thiền sư tịch, được thụy phong là Phổ Giác, tháp đề Bảo Quang và cho Ngũ Lục của ngài được nhập Tạng.

Đời Tống Quang Tông, ngài Tuệ Quang Nột Pháp sư tịch, được thụy phong là Tông Quảng Từ, tháp đề Phổ Chiếu.

11. BAO TUẤT CHUNG VONG:

Đời Tống Văn Đế, ngài Tuệ Nghiêm Pháp sư tịch, vua ra chiếu ban tiền năm vạn và năm mươi xấp vải - Đời Tề Võ Đế, ngài Tăng Viễn Pháp sư tịch, vua viết thư an ủi đệ tử ngài là Pháp Hiến.

Đời Tùy Văn Đế, ngài Đàm Diên Pháp sư tịch, vua liền bãi triều, sắc lệnh cho Vương Công đến tham dự lễ tang.

Đời Đường Thái Tông, ngài Tăng Ung Pháp sư tịch, vua ban cho lụa, sai Lý Bá Dược soạn văn bia, Âu Dương Tuân viết chữ - Ngài Huyền Uyển Pháp sư tịch để lại di biểu xin vua cho Tăng có lỗi được dùng Luật Phật để trị tội. Vua vui vẻ chấp thuận, sai Hoàng Thái tử đến phúng điếu, lại ra sắc cung cấp việc chôn cất.

Vua Đường Cao Tông, ngài Huyền Trang Pháp sư tịch, vua khóc lóc thương cảm, bãi triều năm ngày, ra sắc dùng kim quan ngân quách, năm lần ban chiếu khen thưởng.

Đời Đường Văn Tông, ngài Thanh Lương Quốc Sư Trừng Quán tịch, vua bãi triều ba ngày, các trọng thần mặc áo lụa trắng, vua ra sắc đem chôn trong động đá ở núi Chung Nam, sai Tể Tướng Bùi Hưu soạn bia.

Đời Tống Chân Tông, ngài Thiên Tức Tai Tam tạng tịch, vua ra

sắc Hữu ty sắm sửa đủ lễ tống táng - Ngài Pháp Hiền Tam tạng tịch, vua ra sắc tống táng giống như lễ tang ngài Thiên Tức Tai.

12. LÂM CHUNG THỤY TƯỚNG:

Đời Tống Nhân Tông, ngài Thiên Bát Nguyên Thiền sư cáo biệt với Văn Ngạn Bác là nhập diệt, khi đốt khám có làn khói trắng bay lên. Ngạn Bác bưng bình lưu ly thì khói trắng chui vào bình, xá-lợi đầy ắp.

Đời Tống Thần Tông, ngài Minh Giáo Tung Thiền sư tịch, khi hỏa thiêu thí mắt, tai, mũi, lưỡi và xâu chuỗi là năm thứ vẫn còn nguyên.

Âu Dương Tu lúc ở Dĩnh Thượng bỏ rượu thịt, khi lâm chung nhờ tụng kinh Hoa Nghiêm đến quyển thứ tám thì hóa.

Văn Dữ Khả bảo Thôi Công Độ rằng: "Kinh nói không nói vọng ngữ thì lưỡi trùm kín mắt", rồi lè lưỡi ra thì phủ đến lông mày. Sau khi ông le lưỡi ba lần, ông đi tắm gội, đội mão, thắt đai lưng ngồi ngay mà hóa.

Triệu Biện theo ngài Trọng Nguyên Thiền sư hỏi tâm yếu thì nghe tiếng nổ lốp bốp bỗng nhiên tỉnh ngộ. Năm đó có sao lớn sa xuống sân nhà bèn ngồi kiết già mà hóa.

Đời Tống Huy Tông, Tô Thức chết ở Tỳ Lăng, Tiền Tế Minh hỏi: "Bình sinh ông học Phật như thế nào?" Thức nói: "Lời nói này cũng không nhận", rồi hóa.

Đời Tống Cao Tông, Vi Thái Hậu lập chùa Diên Tường, dời mộ ngài Viên Pháp sư đến dốc núi Mã Não, thấy trong quách sành ngài có vô số xá-lợi.

Đời Tống Hiếu Tông, Tham Chánh Tiền Đoạn Lễ hỏi đạo với ngài Nguyên Thiền Sư. Ông bị bệnh nhẹ, nói với Cơ Thiền sư rằng: "Đất nước lửa gió tạm thời họp lại..." rồi nhắm mắt mà hóa.

13. QUÂN THẦN MẠN PHÁP (Vua tôi khinh pháp)

Đời Chu Tương Vương, Tần Mục Công được tượng đá đem bỏ trong chuồng ngựa. Mộng thấy Thiên đế quở mắng. Đem việc hỏi Do Dư. Dư đến xem tượng bảo đó là Thần Phật.

Đời Ngụy, Ngô chúa là Tôn Hạo được tượng vàng, đem nước dơ tưới vào. Bỗng bị bệnh thủng, bèn thỉnh ngài Khương Tăng Hội truyền giới cho thì bệnh lành.

Đời Tề, Đông Hôn Hầu lấy tượng ngọc ở Ngõa Quan đem làm thoa xuyến cho Phan Quý Phi.

Đời Đường Cao Tông, ngài Huyền Trang Pháp sư dịch Nhân Minh

Luận, Thượng Dược Lữ Tài làm lời giải hủy báng. Vua ra chỉ khiến các Công Khanh dẫn Tài đến ngài Pháp sư mà đảnh lễ xin hối lỗi.

Đời Đường Huyền Tông, kinh thành Tiến sĩ Tôn Triều dâng thư tâu vua rằng: "Võ Tông bắt để tóc (hoàn tục) hai mươi bảy vạn Tăng, cớ sao Bệ hạ phục hồi chi cái mà người ta đã dẹp bỏ." Vua giận không nghe.

Đời Tống Thái Tổ - Hà Nam Tiến sĩ Lý Ái làm "Diệt Tà Tập" để hủy báng Phật, lấy Kinh Tạng làm đồ liệm. Vua nghe tâu bèn đày ra ở đảo Sa-môn.

Đời Tống Huy Tông, vua ra sắc ban Tử y và Sư hiệu cho ngài Tả Nhai Đạo Giai. Ngài dâng biểu từ chối, vua giận đày ra ở Trung Châu.

Ngài Quân Châu Tuệ Hồng ngồi mà tiếp kiến Trương Thương Anh (Tể Tướng) bèn bị đày ra Nhai Châu. Vua ra chiếu sửa đổi lại Phật pháp. Ngài Vĩnh Đạo dâng thư can ngăn, vua nổi giận đày ngài ra Đạo Châu.

Đời Tống Cao Tông, Tể tướng Tần Cối, cho là ngài Kính Sơn Tông Cảo lập Đảng với Trương Cửu Thành mà đày ngài ra Hành Châu.

14. HÀN ÂU BÀI PHẬT:

Đời Đường Hiến Tông - Vua nghinh đón xương Phật ở Phụng Tường vào Cung cấm. Quan Hình Bộ Thị Lang Hàn Dũ dâng biểu can rằng: "Phật vốn người mọi rợ, thân chết đã lâu, xương khô mục là vật dơ bẩn độc hại đâu có thể đưa vào Cung cấm. Xin Bệ Hạ giao xương này cho lửa nước để tuyệt hẳn cội nguồn...." Vua giận dữ biếm ông ra làm Thứ Sử Triều Châu. Ông đến Triều Châu nghe tiếng Đại Điên Thiền Sư, thỉnh ngài vào Quận hỏi đạo, lưu ngài lại cả tuần nhật. Quan Thượng Thư Mạnh Giản nghe ông giao du cùng Đại Điên bèn viết thư mừng. Ông đáp thư giải thích: Đại Điên rất thông minh hiểu biết Đạo lý, vì xa xôi nên không cùng chuyện vãng được, nên mời ngài ấy từ núi về quận, lưu lại mấy mươi hôm. Ngài thật là người vật ngoài hình hài không xâm loạn được. Không phải kính tin Pháp của ngài ấy, chỉ cốt cầu lợi ích phước điền mà thôi." Mạnh Giản lại viết thư trả lời: "Giáo pháp của Phật phân rõ về thiện ác khác nẽo, khảo xét kỹ Thần đạo trong thiên hạ, trưng bày báo ứng để phát triển đạo mình. Vì sao Hàn quân lại đem tính ông già bà cả quê mùa mà đối xử ư?..." - Liễu Tông Nguyên gởi bài tựa Phật pháp đầu tiên có nói: Thoái Chi thích Nho nhưng chưa bằng sách của Dương Tử, đối với điều trình bày của Trang Mặc thì Hàn Dũ có sở đắc. Phật pháp trái lại đâu quái dị hiểm ác bằng

Trang Mặc mà Hàn Dũ lại bêu rếu. Nói Phật là mọi rợ thì quả là do không tin Đạo mà bài bác. Vì mọi rợ thì sẽ làm bạn với Ác Lai, Đạo Chích hay cùng hèn hạ như Lý Trát, Do Dư ư? Không phải cái gọi là bỏ danh mà cầu thực vậy?...

Hàn Thoái Chi làm Nguyên Đạo có nói rằng: Nêu cái pháp của mọi rợ mà thêm vào lời dạy cao quý của Tiên Vương. Có bao nhiêu điều trong đó của quan mà không phải mọi rợ. Vậy thì nói thế nào cho đúng? Nói rằng: "Gặp loại người ấy đốt sách vở mà ở lều cỏ đem Đạo Tiên Thánh để hướng dẫn mọi người cũng có thể được".

Nữ Noa Khoáng có văn ghi: Dũ đã nói với Thiếu Thu Quan rằng Phật là quỷ là mọi, nó làm loạn chánh trị, hãy quét một nhát cho xong...

Vương Kinh Công bắt tội Hàn Dũ rằng có người thích việc Mạnh Tử chống Dương Mặc mà đem việc bài xích Phật giáo làm công của mình. Cái mà Trang Tử gọi là "trùng mùa Hạ" phải chăng là chỉ cho loại người này...

Tô Tử Chiêm bắt tội Hàn Dũ rằng: Thoái Chi đối với Đạo của Thánh nhân chỉ thích cái danh mà chưa ưa cái thật, cho nên luận bàn thì lý chưa tinh, thường tự mâu thuẫn với mình mà không biết...

Có Tây Thục Long Tiên Sinh luận về lỗi của Hàn Dũ có đến một trăm thiên...

Ngài Minh Giáo Tung Thiền sư nói lỗi của Hàn Vũ cũng có ba mươi thiên...

Ngài Tổ Ấn Nột Thiền sư cùng Âu Dương Công cũng luận về lỗi của Thoái Chi bài bác Phật Lão (thấy trong Thông Tắc Chí quyển mười hai)

Đời Tống Nhân Tông, Gián Nghị Âu Dương Tu làm Bản Luận, nói "Phật pháp là tai họa của Trung Quốc." Lại nói: "Nay có thể nói pháp của Phật là gian tà." Lại bảo: "Ngàn năm Phật Lão là giặc của Trung Quốc... "

Khi Âu Dương Tu dời về phía Bắc Trừ Châu, lúc sắp về Lô Lăng thì đến dạo chơi Lô Sơn, bèn yết kiến ngài Tổ Ấn Nột Thiền sư và cùng ngài luận đạo rồi kính cẩn tâm phục. Bình thời ông lấy việc bài Phật tự trói buộc mình. Ngài Tổ Ấn bảo rằng: "Thoái Chi đã xướng lên việc bài bác Phật Lão, túc hạ nay lại họa theo, khiến kẻ hậu thế háo danh lấy họ Hàn, họ Âu Dương ra làm khuôn phép, đâu khỏi bị cái lụy về thạnh đức. Túc hạ đã làm Bản Luận, chăm chăm lo việc bài bác Phật, lấy các Lễ Sưu Thú, Tang Tế, Hương Ẩm... cho là cái gốc thắng Phật,

đó cũng là cùng loại Nguyên Đạo của Thoái Chi thật ra chưa biết gì về Đạo". Dương Tu thẹn thùng kinh sợ. Ngài lại nói cho ông về ý chỉ Ngộ Tâm, từ đó ông có nhiều tỉnh phát. Đến khi ông ra làm quan lớn thường được khen ngợi trước các công khanh, hằng năm đều thư từ thăm hỏi chưa từng gián đoạn. Khi ông ra trấn thủ Dương Châu thì nước Cao Ly sai Sứ đến hỏi triều đình về việc Ngụy Võ chú thích Tôn Tử có ba chỗ yếu nghĩa không chú thích. Vua ra chiếu hỏi Dương Tu. Tu không biết đáp sao bèn đốc Sứ giả đến Sư Tổ Ấn. Ngài bảo: "Trong binh có việc cơ mật không thể trình bày cho người." Sứ trở về phục mạng, bèn đem lời nói ấy ra ứng chiếu.

Âu Dương Ngoại Truyện có nói: "Ông Âu Dương soạn bộ Tân Đường Thư, các đoạn nói về các truyện Cao Tăng Huyền Trang, Thần Tú cùng việc vì chiến sĩ trận vong xây chùa trong năm Chánh Quán... đều cắt bỏ cả." Tư Mã Quân Thật nói: "Ngài Vĩnh Thúc không ưa Phật nên các việc trong Cựu Đường Sử có liên quan đến Phật đều cắt bỏ." Nhân đó bảo rằng: Cho tánh mạng đạo đức là lời nói suông là lời văn của Hàn Dũ, làm mất đi sự thực về trị loạn thành bại là Tân Thư (của Âu Dương Tu) vậy.

Đời Hiếu Tông, vua viết Nguyên Đạo Luận có nói: Ta thấy Nguyên Đạo Luận của hàn Dũ thì văn rườm rà vô ích mà lý lòng vòng...

15. HÓA HỒ NGỤY KINH:

Đời Tấn Thành Đế, Đạo sĩ Vương Phù đã ngụy tạo ra "Lão Tử Hóa Hồ Kinh" phải đọa địa ngục chịu khổ.

Đời Bắc Ngụy Hiếu Chiêu, có Đạo sĩ Khương Bân dẫn lời của Khai Thiên Kinh nói rằng: "Lão Tử vào Tây Vức hóa Hồ, dùng Phật làm thị giả." Sa-môn Đàm Mô Tối nói Đức Phật sinh ra ở thời Chiêu Vương. Sau ba trăm bốn mươi lăm năm vào thời Định Vương Lão Tử mới sinh - Thái Úy Tiêu Tông hặc tội tâu rằng Khai Thiên là ngụy Kinh có tội mê hoặc người. Vua ra chiếu đày Bân ra Mã Ấp.

Đời Đường Cao Tông, vua ban chiếu nghị quyết về Lão Tử Hóa Hồ Kinh. Sa-môn Pháp Minh luận rằng: "Kinh ấy không có triều đại phiên dịch đâu không phải là ngụy tạo." Vua bèn ra lệnh lục tìm tập hợp kinh ấy vào một nơi mà đốt bỏ hết.

Đời Đường Võ Hậu, có Sa-môn Tuệ Trừng xin theo triều trước mà đốt bỏ kinh Hóa Hồ. Hậu sai tám học sĩ luận nghị (không cho đốt).

Đời Đường Trung Tông, vua ra sắc đốt bỏ kinh Hóa Hồ và vẽ Biến Tướng trên vách. Ai trái lệnh sẽ bị trị tội.

16. SỰ MA TÀ ĐẢNG (Tà đảng thờ ma)

Mạt-ni thờ Thần Lửa: Xưa ở nước Ba Tư có Tô Lỗ Chi làm Hỏa Yêu Giáo, đệ tử đến Trung Quốc truyền bá. Đời Đường năm Chánh Quán thứ năm, học trò là Mục Hộ Hà Lộc đến Cung Khuyết dâng lên vua yêu giáo, vua ban sắc ở Kinh sư lập chùa Đại Tần.

Đời Đường Võ Hậu, năm Diên Tái thứ nhất, Phất Đa Đản ở nước Ba Tư đem Nhị Tông Kinh Ngụy Giáo sang triều cống.

Đời Đường Huyền Tông, năm Khai Nguyên thứ hai mươi, vua ra sắc rằng: Mạt-ni vốn là tà kiến dối xưng là Phật giáo, là pháp của người Hồ Tây Vức, tín đồ họ tự làm không cấm phạt - Năm Thiên Bảo thứ tư, vua ra sắc ở hai Kinh và các Quận có chùa Ba Tư đều đổi tên là Đại Tần. Năm Đại Lịch thứ ba, vua ban sắc cho Hồi Hột và Kinh Dương các châu có thờ Đạo Mạt-ni thì mỗi nơi đều lập Đại Vân Quang Minh Tự - Năm Đại Lịch thứ sáu, nước Hồi Hột xin cho Kinh Dương, Hồng Việt... các Châu được lập Ma Tà Tự, người theo đạo ấy mặc áo trắng, đội mũ trắng...

Năm Hội Xương thứ ba, vua ra lệnh trong thiên hạ các chùa Mạt-ni đều dẹp bỏ, ở kinh thành có bảy mươi hai nữ Mạt-ni đều chết, còn những người ở Hồi Hột thì bị đày đến các Đạo - Năm Hội Xương thứ năm, vua ra sắc Đại Đạo Tần Mục Hộ thờ lửa... cả thảy hai ngàn người đều bắt phải hoàn tục.

Đời Lương, năm Trinh Minh thứ sáu, ở Trần Châu, Mạt-ni làm phản lập Mẫu Ất làm Thiên tử, triều đình ra quân đánh dẹp bắt được đem chém. Tín đồ của họ không ăn mặn, không uống rượu, đêm đêm tụ họp làm việc dâm dục, họa hình Ma vương ngồi cho Phật rửa chân, bảo rằng Phật chỉ là Đại thừa, còn ta là Thượng Thượng Thừa.

Nhóm Bạch Vân Lai: Đời vua Huy Tông khoảng năm Đại Quán, có Tăng Khổng Thanh Giác ở chùa Bảo Ứng tại Tây Kinh đến ở Am Bạch Cân tại Hàng Chi, đã lập ra Tứ Quả Thập Địa, làm Luận đến mấy thiên, giáo pháp được lưu hành ở đời. Cũng gọi là Thập Địa Lại. Ngài Giác Hải Ngu Thiền sư biện biệt, Hữu Ty đày ra Ân Châu - Năm Gia Thái thứ hai, Thẩm Trí Nguyên ở Bạch Vân Am tự xưng là Đạo Dân, dâng trạng lên vua xin ngạch. Triều Thần tâu rằng Đạo Dân ăn rau thờ ma, nên gọi đó là gian dân, không phải là Tăng đạo hay đồng hành, tự lập bè đảng đến cả trăm ngàn người đem Đạo thờ Lửa làm mù mắt điếc tai kẻ ngu tục, hoặc lấy việc sửa cầu đắp đường mà thu góp tiền dân rồi lập am riêng chứa chấp kẻ tội đồ trốn chạy. Nay xin đem Trí Nguyên lưu đày vĩnh viễn chốn xa xôi, phá bỏ am viện, để răn kẻ dám truyền

bá ma pháp. Vua chấp thuận.

Nhóm Bạch Liên Thái - Đời vua Cao Tông, đầu năm Thiệu Hưng. Nguyên do các Tăng đệ tử ở viện Diên Tường tại Ngô Quận phỏng theo Thiên Thai mà lập ra Viên Dung Tứ Độ Đồ, Thần Triều Lễ Sám Văn, Kệ Ca Tứ Cú, Phật Niệm Ngũ Thinh... mà khuyên dạy Nam Nữ tu tịnh nghiệp, giữ giới hộ sinh rất cẩn trọng, xưng là Bạch Liên Đạo Sư. Có người luận việc ông thờ ma lên Hữu Ty, bèn bị lưu đày ra Giang Châu. Nhóm tín đồ lần lượt truyền dạy nhau nay rất thịnh hành.

Lương Chữ nói rằng: Ba nhóm này đều giả danh Phật giáo dối lừa kẻ ngu tục, cũng do Ngũ Hành có khi xấu. Nay Ma-ni thạnh hành ở ba núi, Bạch Liên, Bạch Vân nơi nơi đều có người theo. Đại để là không ăn thịt uống rượu nên dễ thành phúc hậu, không giết hại sinh vật nên gần với việc làm Thiện, ngu dân không biết rõ nên vui thích đổ xô vào, nên nhóm đảng ấy không cần khuyến dụ mà càng thạnh hành đông đảo. Đến nổi các bà quý phái chốn đài các bị ma nữ khuyến dụ mà gia nhập theo chúng. Lấy Tu Sám Niệm Phật làm tên mà thật ra là chung chạ với bọn gian tà uế tiện. Người trí thức cần nên rất để tâm nghiêm cấm.

17. HỦY PHÁP ÁC BÁO:

Đời Ngụy, Cao Quý Hương Công, quốc vương nước Kế Tân giết hại Tôn giả Sư Tử, một làn sữa trắng phun cao đến mấy thước, cánh tay vua bỗng đứt rời ra, bảy ngày thì chết.

Đời Tấn An Đế, ngài Đàm-vô-sấm ở nước Lương dịch kinh. Sau ngài xin về Tây Vức. Vua Lương sai người lén theo giết chết ở dọc đường. Vua thấy thần nhân cầm kiếm đâm vào mình, mà chết.

Đời Tống, Sa-môn Tuệ Lâm làm “Hắc Bạch Luận” trái với lý Phật. Sau bị bệnh da thịt lở loét nhầy nhụa mà chết. Người bấy giờ cho là quả báo của kẻ phản Đạo.

Chùa Giản Tịnh có Cô Ni lấy lụa viết Kinh làm áo cho con mặc nên thân thể bị bệnh lở loét có dòi, gào khóc mà chết.

Đời Lương Võ Đế, Sa-môn Trí Lăng gặp giặc phải hoàn tục. Đạo sĩ Mạnh Tấn Đạt khuyên ông làm bộ Huỳnh Quan, dẫn sách Phật nhuận sắc lại các Kinh của Đạo Lão. Lúc về già ông làm Đạo sĩ giảng kinh Tây Thăng bỗng bị tắt tiếng rụt lưỡi mà ngồi chết ngay giữa tòa.

Vọng Thái Lệnh giết bò ăn nhậu rồi nằm ngũ giữa điện Phật liền bị bệnh phong cùi mà chết.

Đời Tống Chân Tông, ngài Từ Chiếu Thông Thiền sư bị Quận Thú đánh đòn. Sư nói: “Dạy cho người ta biết giữa đất bằng nổi lên

đống xương.” Rồi cả nhà Quận Thú đều chết.

Đời Tống Thần Tông, con của Vương An Thạch là Bàng, bẩm tánh hiểm ác. Khi chết rồi thì bị gông cùm, hiện về báo cha. Vương An Thạch bèn xin lấy vườn nhà ở Giang Ninh sửa làm chùa Tăng (tức chùa Bán Sơn).

Đời Tống Huy Tông, năm Tuyên Hòa phế bỏ Phật pháp. Dương Tiễn bàn và đập phá chùa Thái Bình Hưng Quốc, chôn tượng Phật ở nền điện. Rồi thì Tiễn bị vỡ bụng ngực mà chết - Vua ban chiếu trong thiên hạ lập Cung Thần Tiêu, Thái Bình Châu Tướng phá hủy chùa Thừa Thiên. Người chủ trương bàn việc đó là Thạch Nghi Tào có đứa con trai bị thần Kim giáp bắt bỏ vào lửa và bảo rằng: “Thạch Mổ bị tuyệt tự.”

LỜI GHI SAU KHI KHẮC BẢN:

Năm Hàm Thuần thứ nhất (Ất Sửu) tôi ở núi Nguyệt Ba tại Đông Hồ bắt đầu cho thợ khắc bản in Bộ Thống Kỷ, đến năm Hàm Thuần thứ sáu mùa Đông (Canh Ngọ). Bỗng bị bệnh ho, Gia lâm Pháp quyến đưa thuyền đến đón. Bèn ngày hai mươi mốt tháng mười hai trở về lều tranh cũ ở Phước Tuyền. Bấy giờ hãy còn Bộ Hội Yếu Chí bốn quyển chưa khắc bản kịp. Bèn gượng bệnh ngồi viết, khiến người khắc bản hoàn tất công việc. Đến tháng bảy mùa Thu thì xong. Định lo giấy mực in khoảng vạn bộ để lưu hành trước. Có lần tính chi phí khắc bản chỉ khoảng vạn khoán nhưng khi in ra tất phải vượt hơn hai mươi vạn khoán, nếu không phải là bậc cao minh và có tài lực lớn tất khó giúp được. Cúi mong Phật Tổ Thánh hiền ngầm khuyến hóa các bậc đương chức trong triều đình, Vương Công Đại nhân, biết có pháp môn này mà cùng phát tâm, hoặc tự mình ra sức, hoặc chuyển hóa mọi người, bớt chút tiêu vặt ủng hộ giấy mực giúp một bộ Thống Kỷ lưu hành khắp hoàn vũ, đó cũng là giúp giềng mối lớn cho việc giáo hóa cai trị quốc gia. Bàn tôi ngã bệnh đã lâu ngày e một sớm hóa thần mà ý này không kịp bày tỏ. Cho nên tóm tắt ngọn ngành, chỉ mong kẻ hậu hiền nối sáng nghiệp lớn.

Ngưỡng mong chư Phật chư Tổ thùy từ hộ đạo.
Ngày Đoan Ngọ năm Hàm Thuần (Tân Mùi)
Chí Bàn, kính bút.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 180

PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI THÔNG TẢI

SỐ 2036
(QUYỂN 1 → 2)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2036

PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI THÔNG TẢI

BÀI TỰA

Đạo Phật luận về niên đại thời thế thường dùng Đại kiếp, Tiểu kiếp. Do văn tự của người Trung Quốc chưa phổ cập, nên ai nấy đều chưa biết đến niên đại của Phật. Sau khi Ma-đằng và Trúc Pháp Lan đến Trung Hoa vào đời Hán, thì năm sinh năm diệt của Phật Thích-ca phải tính ngược trở lại mới biết được là năm nào. Từ đó người Trung Quốc bắt đầu dùng Hán tự để ghi chép niên đại.

Từ Thiên Trúc đến các nước lân cận ở phía Đông, không nước nào hưng thịnh bằng Tây Tấn. Đến các nước khác như Diêu Tần, Thạch Triệu có các Đại sư Cưu-ma-la-thập, Phật Đồ Trừng, Ma-liên-da-xá, Đàm-vô-sấm đều là những bậc vĩ nhân anh tài trác tuyệt của Đông Độ. Bên cạnh đó có các ngài như Đạo Sinh, Tăng Triệu, Đạo Dung, Tăng Duệ sát cánh bên nhau hỗ trợ cho việc phiên dịch. Dù phiên dịch nghĩa kinh bằng Hán tự, nhưng yếu lý tinh túy của đạo Phật thảy đều thông thấu triệt để.

Muốn biết các vị Tiên Đức trước nữa thì phải tính ngược lên. Do chưa thấu đạt đến lý tận cùng của Phật đạo, nên thời bấy giờ Phật pháp không mấy thịnh hành.

Từ Di Thiên Đạo An đến ngài Viễn Công là những người khai mở Thánh địa ở Đông nam. Phật-đà-da-xá là người từ phương xa vân du đến mở mang thời thế. Người quân tử dựa vào nhau trong thời buổi ly loạn là vậy. Cho đến khi các ngài như Bảo Công, Song Lâm đứng ra diễn thuyết chánh pháp, thì Phật pháp mới hưng thịnh ở Đông nam. Đến như ngài Trí Giả khai diễn Pháp Hoa ở Thiên Thai , Tam Tạng hoằng

dương Bát-nhã thời Sơ Đường, Thanh Lương mở rộng Hoa Nghiêm ở Ngũ Đài , Mật Công diễn thuyết Viên Giác ở Thảo đường, Tuyên Công nghiêm trì luật giáo ở Nam sơn, Kim Cang xiển dương Bí mật ở Thiên Bảo , thì các bộ luận của Đại thừa, Tiểu thừa, Tam thừa, Duy thức được các danh gia chuyên môn ra sức phân tích tận tường, cố gắng lập rường cột. Người học có đến ngàn trăm, nhưng chỉ hưng thịnh lúc ban đầu chứ càng về sau thì càng bị mai một.

Đến khi ngài Đạt-ma sang, thì có năm đời được truyền trao y bát, năm tông được dựng lên. Những dị phái nhưng đồng dòng này trải suốt từ Lương tới Tống và được gọi là Truyền pháp chánh tông.

Triều đình ta, Bí mật thì hưng thịnh, nghĩa học thì rộng sâu, đó là những gì mà trước đây chưa từng có, hoặc chỉ nêu đại khái. Những bộ sách có ghi chép, chẳng hạn như Bảo Lâm truyện v.v... nhưng từ lâu đã bị thất truyền, chỉ còn Truyền Đăng Lục, Tăng Bảo Sử và một ít tác phẩm Thiền tông. Còn như Kinh sư, Luận sư thì mỗi vị đều hoằng truyền giáo môn của mình mà thôi. Những vị tể tướng đại thần ngoại hộ có công cũng được ghi chép trong đây, vậy làm sao tránh khỏi thiếu sót!

Gần đây có bộ Phật Tổ Thống Kỷ, nhưng bộ này phỏng theo các bộ sử ký ghi chép việc Tông môn mà không có phương pháp, đó là lỗi của người ghi chép.

Bấy giờ có ngài Hoa Đình Niệm Thường trụ trì Tường Phù thiền tự ở Gia hưng là người liễu đạt diệu chỉ Tông Lâm Tế với Thiền sư Hối Cơ. Ngoài việc tham thiền, ngài đọc khắp cả kinh sách khác rồi ghi lại niên đại trụ thế của Phật tổ; nhân duyên thuyết pháp, các vị dịch kinh hoằng giáo; các vị được thân truyền y pháp, các vị kỳ Thánh, dị Tăng của các Tông phái. Bộ sách đó được Thiên tử đương thời quý trọng, Vương , thần, văn, võ đều cùng nhau giữ gìn. Bộ sách này được vua, quan thời bấy giờ cùng nhau bàn bạc, khảo cứu, chỉnh sửa đến hơn hai mươi năm mới hoàn thành và lấy tên là Phật Tổ Lịch Đại Thông Tải. Sách gồm hai mươi hai quyển. Quyển đầu tiên trình bày năm phẩm trong Chương Sở Tri Luận, đó là phẩm Khí Thế giới, phẩm Tình Thế giới, phẩm Đạo Pháp, phẩm Quả Pháp, phẩm Vô Vi Pháp. Như vậy đây là phần trình bày về thế giới quan của Đế Sư Phát Tư Bát với Thế Tổ hoàng đế, do đó phần này được ghi chép trước nhất. Kế đến từ năm Giáp Tý niên hiệu Thiên Nguyên ghi chép niên đại của Đế Vương. Trong niên đại Đế Vương, ghi chép việc của giáo môn. Đây là những dấu mốc đáng tin chứ không nhầm lẫn rối bời như trước đó, mà sự thịnh

suy, hưng phế của Phật đạo, thế đạo đều có cả ở đây.

Than ôi! Mười đời xưa nay chẳng lìa đương niệm, trần ảnh sinh diệt đâu đủ để ghi! Từng thấy Quy Sơn có lần hỏi Ngưỡng Sơn: “Mỗi năm, niên đại càng cách xa hơn, ta lại càng ngậm ngùi với bậc Tiên đức mà ta chưa nghe đến không? Nhưng một bộ kinh Pháp Hoa, kiếp trước kiếp sau có đến mười tên gọi nhưng nào có khác”. Lại nói: “Ta xem số kiếp lâu xa ấy đâu khác ngày nay”. Như vậy thì bộ sách này nên giữ gìn cẩn thận không?

Ngày mười một tháng sáu, niên hiệu Chí Chánh năm đầu (1341)

Vi Tiếu Am, Đạo nhân hiệu Ngu Công viết lời tựa.

HOA ĐÌNH MAI ỐC THƯỜNG THIỀN SƯ BẢN TRUYỆN THÔNG TẢI

BÀI TỰA

Phàm ngữ ngôn văn tự là công cụ để chuyển tải đạo, là vận dụng để truyền đi xa. Tự ngàn xưa cổ nhân chỉ dùng thẻ tre, thì lấy gì để ghi chép sự việc, khảo cưu sự thật?

Bậc Đại thành chí thánh làm ra Xuân Thu thì giặc loạn khiếp sợ. Bậc Đại Giác Thế Tôn kết tập kinh luật thì hiền triết hưng khởi. Những bộ như Ngũ Kinh, Lục Nghệ, Bách Gia Chư Tử dựng lập ngôn từ buông lời giáo huấn khiến cho hậu học ngày nay thấy cổ thông kim, đặt mình trong nhân nghĩa, thế chẳng phải là nhờ lợi ích của sách vở lưu truyền đó ư?

Phật Tổ Lịch Đại Thông Tải là bộ sách do Thiền sư Mai Ốc trước tác. Bộ sách này văn chương uyên bác, nghĩa lý rõ ràng ghi chép muôn việc không ngoài kinh điển, khảo cứu sự thật đúng với Tông truyện, chỉ có khác là phụ lục thêm phần danh số.

Năm Tân Tỵ niên hiệu Chí Thành (1341) Hàn lâm Đạo Viên Ngu Công viết lời tựa ở đầu sách càng chứng tỏ bộ sách này rất quý hiếm.

Thiền sư họ Hoàng người đất Hoa Đình, cha là Văn Hựu, mẹ là Dương thị. Hồi ấy, cha mẹ ngài cầu khẩn Quán Thế Âm, bỗng một đêm nằm mộng thấy một vị Tăng mày to, tóc như tuyết, xưng là Đại trưởng lão xin vào ngủ nhờ, nhân đó mẹ ngài mang thai. Ngài sinh vào đêm 12 tháng 03 năm Nhâm Ngọ, niên hiệu Chí Nguyên (1282). Đêm ấy Quang Minh sáng rực cả thất, hương thơm xông ngát khắp nhà, đến mấy ngày vẫn còn. Lớn lên ngài thường thích đốt hương ngồi một mình. Cốt cách của ngài rất phi phàm, diện mạo rất tuấn tú. Năm mười hai tuổi ngài khẩn cầu cha mẹ đi xuất gia. Vì cha mẹ ngài rất yêu quý ngài, nên dùng công danh phú quý thế gian dụ ngài nhưng cuối cùng chẳng làm ngài thoái chí, bèn cho ngài xuất gia. Ngài theo Đại sư Thể Chí ở viện Viên Minh huyện Bình Giang học tập kinh thư. Ngài học tập xuất chúng, bên cạnh lại để tâm vào học kinh luật . Năm Ất Mùi, niên hiệu Nguyên Trinh (1295), Sở tổng thống Giang Hoài trao văn bằng cho ngài. Lúc này ngài mới xuống tóc thọ giới.

Thuở nhỏ ngài chu du khắp đại Tùng lâm trong vùng Giang hoài, Chiết giang, đọc khắp kinh sách, lễ những bậc Danh Tăng, Thạc đức làm thầy. Những vị ấy đều muốn thâu nhận, nhưng ngài khiêm tốn chối từ. Năm Mậu Thân niên hiệu Chí Đại (1308) Hòa Thượng Phật Trí Hối Cơ từ pháp hội của Bá Trượng ở Giang Tây đến chùa Tịnh Từ ở huyện Hàng. Ngài muốn đến tham học, nhằm lúc Hòa Thượng thượng đường,

Phật Trí cử thượng tọa Thái Nguyên Phu nghe nhân duyên của tiếng nhạc, rồi tụng rằng:

Cầm sinh vào biển xanh
Thái sử dạo núi thẳm
Từ đây đến ngoài thành Dương châu
Nghiêm cấm không cho mở cửa sớm.

Ngay đó ngài tỉnh ngộ, bèn vào trượng thất trình kiến giải. Phật Trì hứa khả, rồi dẫn ngài vào trong phòng dành cho những người trông coi việc ghi chép sổ sách và khen: Ông quả thật là người kỳ vĩ trong giáo pháp của ta, là bậc kỳ tài ngoại hộ trong vườn văn chương. Thế rồi ngài ở lại hầu hạ bảy năm. Năm Ất Mão niên hiệu Diên Hựu (1315), Phật Trí trở về Kính sơn. Từ đó ngài kế thế giữ chức vụ này (chức trưởng ký).

Triều đình ban lệnh sang năm cho ngài làm quan Chỉnh lý giáo môn, nhân đó tuyển lựa những việc tốt đẹp trong niên hiệu Gia Hưng, Tường Phù.

Mùa hạ năm Quý Hợi niên hiệu Chí Trị (1323) Ngài đi ngựa đến Kinh đô để ghi chép kinh Phật bằng vàng ròng. Những ngày rảnh rỗi, ngài được tham quan khắp ba Kinh đô lớn, dạo xem khắp thắng cảnh, lễ Bồ-tát Văn-thù trên Ngũ Đài , tìm di tích của những ngôi mộ cổ thời Yên, Kim. Nhờ đó danh tiếng của ngài lọt đến tai quan Tư mã tuyển chọn sách sử. Ngài được ra vào nhà của Hàn lâm học sĩ thảo luận về kinh điển, đệ trình lên nhà vua những vị danh sư có tài để giảng giải kinh luận. Bấy giờ những vị quan như Tư đồ Vân Lộc Hồng Công, Biệt Phong Ấn Công đều rất tôn kính ngưỡng mộ ngài.

Đế sư mời ngài ngồi, dâng thức ăn, nghe ngài diễn thuyết yếu chỉ của Mật thừa. Đế sư vô cùng hoan hỷ. Ngài từ kinh đô trở về Cô Tô, tòa chủ Vạn Thọ phân nửa tòa thỉnh ngài thăng tòa thuyết pháp. Chúng Tăng đều kính phục đức độ của ngài. Nếu một con người không có tư chất thông minh sáng suốt từ nhiều đời trước thì làm sao có được trí tuệ tuyệt vời như hôm nay. Ngài trước thuật Tông phong chư Tổ, mở bày chánh giáo, khiến cho công khanh, đại thần càng thêm kính phục. Trong khoảng niên hiệu Chí Đại, ngài tận tâm hầu hạ Phật Trí, được thọ giáo từ Thiền sư, biết rõ ngọn ngành mà viết bài tựa như thế. Ngài húy là Niệm Thường, hiệu là Mai Ốc.

Tháng 3 niên hiệu Chí Chánh thứ tư (1344)

Tỳ-kheo Giác Ngạn trụ trì chùa Chiêu Khánh, Dư sơn, Tùng giang kính cẩn viết lời tựa.

PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI THÔNG TẢI

PHÀM LỆ

1. Những lời giáo huấn vàng ngọc của Thế Tổ hoàng đế, gồm Một trăm đoạn rút ra từ Hoằng Giáo Tập, được Đế sư, Đại thần kính cẩn thừa hành như chiếu chỉ, được cẩn thận ghi chép trong đây.

2. Đế sư diễn thuyết Chương Sở Tri Luận, được ghi chép ở thiên đầu tiên nhằm tỏ ý cung kính.

3. Thời đại trước khi Đức Phật của chúng ta Đản sinh, đúng ra không ghi chép, nhưng để tiện lợi cho hàng Sơ học, nên chép phần này trong đầu quyển hai, đoạn các vị trong thời cổ xưa.

4. Những vị Đế Vương trong thời xưa, lên ngôi năm nào, đổi hiệu năm nào, mất vào năm nào, cùng những vị vua tiếm ngôi, quần thần, bá quan hộ trì tôn trọng chánh pháp chỉ nêu sơ lược, còn lại không ghi.

5. Việc Đế Vương soạn những bài tựa, bài tán trong Thánh giáo và những tác phẩm do Đại thần, danh Nho soạn thuật, trong đó có những gì liên quan đến giáo pháp đều ghi chép lại đủ.

6. Tăng sĩ và Đạo giáo biện luận về giáo pháp đều ghi rõ từ đầu đến cuối để đủ tư liệu cho việc tham cứu.

7. Sau khi Thế Tôn tịch, những gì xảy ra trong một trăm năm ấy đều ghi chép đầy đủ. Trong đó, niên đại bắt đầu có tượng Phật bằng chiên-đàn và quá trình Phật pháp được truyền sang Đông độ cũng chép đủ như vậy.

8. Có kệ truyền pháp của Phật tổ được phiên dịch có ghi chép rõ trong niên hiệu Đại Đồng thứ sáu đời Lương.

9. Sự hưng phế của giáo môn đều dựa vào sách sử ghi lại để người học biết được nguồn gốc.

10. Việc thật của chư Tổ được ghi đủ trong năm tịch, dựa trên kinh luận.

11. Tác phẩm Minh Đạo Tập Thuyết của Cư sĩ Bình Sơn gồm Hai trăm mười bảy thiên, nay chỉ ghi lại mười chín thiên để thấy được học vấn uyên bác của ông ta mà thôi.

12. Những việc trọng yếu của giáo môn, những điểm dị đồng, đúng, sai, đã được chỉnh sửa, khảo cứu sơ lược. Ở điểm này đều nhặt góp từ những bộ truyện ký chứ không phải tự ý luận càn. Bởi vì nếu luận bàn nhiều thì sợ rằng bị lạm dụng thừa thải, nếu giản đơn quá thì sợ rằng bị rơi vào hạn hẹp thiếu sót, cho nên phần này xin nhờ những vị tài cao học rộng chỉnh sửa cho.

13. Trong bộ Sử ký của Thái sử Công cho rằng: Hoàng đế năm thứ ba mươi tám, ban sắc lệnh cho Phong Hậu ấn định năm này là năm Giáp Tý và bắt đầu ghi chép từ năm này. Những năm kế tiếp được ghi đủ cả như phần trên đã trình bày.

PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI THÔNG TẢI
MỤC LỤC

17. Hạ Hậu Thị.
18. Ân Thang.
19. Chu Văn Vương.
20. Chu Vũ Vương .
21. Chu Thành Vưng (Lập ra bảy miếu).
22. Tắc Thần.
23. Bốn nước Chư Hầu.
24. Khương Vượng.

QUYỂN 3

1. Chu Chiêu Vương.
2. Thế Tôn giáng sinh.
3. Thế Tôn xuất gia.
4. Mục Vương.
5. Thế Tôn thành đạo.
6. Nguồn gốc của tượng Chiên-đàn.
7. Thế Tôn thuyết pháp.
8. Thế Tôn nhập Niết-bàn.
9. Hiếu Vương .

Tổ thứ nhất: Ma-ha Ca-diếp.
Tần Phi Tử.
Lệ Vương.
Tổ thứ hai: A-nan.
Thượng tọa Bộ.
Đại chúng Bộ.
Tuyên Vương.
Tổ thứ ba: Thương-na-hòa-tu.
Vua giết Đỗ Bá bị báo ứng.
Bình Vương.
Tổ thứ tư: Ưu-ba-cúc-đa.
Trang Vương.
Tổ thứ năm: Đề-đa-ca.
Tương Vương.
Tổ thứ sáu: Di-già-ca.
Định Vương .
Lão Đam sinh ở nước Sở.
Tổ thứ bảy: Bà-tu-mật.
Linh Vương.

Khổng Tử sinh ở nước Lỗ.
Cảnh Vương.
Tổ thứ tám: Phật-đà-nan-đề.
Kính Vương .
Tổ thứ chín: Phục-đà-mật-đa.
Trinh Định Vương.
Tổ thứ mười: Hiếp Tôn Giả.

QUYỂN 4

Chu An Vương.
Tổ thứ mười một: Phú-na-dạ-xa.
Hiển Vương.
Tổ thứ mười hai: Mã Minh Đại Sĩ.
Noãn Vương.
Tổ thứ mười ba: Ca-tỳ-ma-la.
Tần Thỉ Hoàng.
Thất Lợi Phòng v.v... Mười tám Hóa Nhân.
Tổ thứ mười bốn: Long Thọ Tôn giả.
Tây Hán Văn Đế.
Tổ thứ mười lăm: Ca-na-đề-bà.
Vũ Đế.
Tổ thứ mười sáu: La-hầu-la-đa.
Chiêu Đế.
Tổ thứ mười bảy: Tăng -già-nan-đề.
Tuyên Đế.
Luận sư Vô Trước Thiên Thân.
Thành Đế.
Tổ thứ mười tám: Già-da-xá-đa.
Tân Thất Vương Mãn.
Tổ thứ mười chín: Cưu-ma-la-đa.
Đông Hán Minh Đế.
Vua nằm mộng thấy người bằng vàng.
Giáo pháp truyền sang Đông Độ.
Ma-đằng, Trúc Pháp Lan.
Thích, Đạo so tài đốt kinh.
Tổ thứ hai mươi: Xà-dạ-đa.

QUYỂN 5
An Đế.
Tổ thứ hai mươi mốt: Bà-tu-bàn-đầu.
Hoàn Đế.
An Thế Cao đến Lạc dương.
Tổ thứ hai mươi hai: Ma-noa-la.
Linh Đế.
Trúc Phật Sóc đến Lạc dương.
Giặc khăn vàng làm phản.
Hiến Đế.
Mâu Tử và Lý Hoặc Luận.
Sử quan Phạm Hoa luận về họ Thích (Trong Hán thư).
Viên Hoằng luận về Phật.
Khương Mãnh Trúc Đại Lực đến Kinh đô.
Tổ thứ hai mươi ba: Hạc Lặc-na.
Đạo giáo bắt đầu làm ra Linh Bảo, Tiếu Chương.
Tam quốc Ngụy Văn Đế.
Thục Tiên Chủ.
Ngô Đại Đế.
Sa-môn Duy-kỳ-nan và Ưu-bà-tắc Chi Khiêm.
Minh Đế.
Truyện về Tào Thực.
Tề Vương Phương.
Khương Tăng Hội đến đất Ngô.
Hám Trạch nước Ngô luận về Phật.
Tổ thứ hai mươi bốn: Sư Tử Tôn giả.
Đàm-ma-ca-la v.v...truyền bá Luật tạng.
Cao Quý Hương Công.
Giặc loạn ở Kế Tân liên lụy đến Phật giáo.
Trần Lưu Vương.
Sa-môn Châu Sĩ Hành bắt đầu giảng kinh.

QUYỂN 6:
Tây Tấn Vũ Đế.
Tôn Hạo nước Ngô phá đền thần và chùa tháp.
Trúc Pháp Hộ đến Kinh đô.
Duyên khởi về tháp của A-dục Vương .
Tuệ Đế.

Báo Tĩnh tự soạn ra Tam Hoàng kinh của Đạo gia.

Sa-môn Kỳ Vực người Thiên Trúc đến Lạc dương.

Mẫn Đế.

Hai tượng Phật bằng đá là Duy-vệ và Ca-diếp xuất hiện ở đất Ngô.

Nguyên Đế.

Sa-môn Kiết Hữu đến Kiến Khương.

Minh Đế.

Tổ thứ hai mươi lăm: Bà-xá-tư-đa.

Thành Đế.

Tam Tạng Tuệ Lý đến Hàng Châu.

Dữu Băng ra lệnh Tăng phải lạy tục.

Hà Sung bàn không nên Lạy tục.

Mục Đế.

Phật Đồ Trừng tịch.

Thích Thiệp Công tịch.

Y Thuật của Sa-môn Vu Pháp Khai.

Ai Đế.

Vua xuống chiếu mời Trúc Tiềm giảng kinh.

Vua xuống chiếu mời Chi Độn giảng kinh tiếp.

Khích Siêu mến mộ đạo Phật.

Phế Đế.

Pháp Sư Thích Đạo An.

Tôn Xước.

Hứa Tuân.

Hoàn Ôn vâng lời Ni.

Giản Văn Đế.

Vua xuống chiếu mời Trúc Pháp Khoáng nhương Tinh giải hạn.

QUYỂN 7

Đông Tấn Vũ Đế.

Pháp Sư Huệ Viễn ở Đông Lâm.

Lưu Di Dân mất.

Thời Vua Tần là Phù Kiên đức tinh xuất hiện có được Đạo An, La-thập.

Tần Chủ là Diêu Trành bị báo ứng.

Bắc Ngụy Đạo Vũ Hoàng Đế.

Tổ thứ hai mươi sáu: Bất-như-mật-đa.

An Đế.
Trúc Tăng Lãng ở Thái sơn.
Vua Bắc Ngụy xuống chiếu chấn hưng Phật giáo.
Pháp Sư La-thập.
Đạo Xước Tăng Chánh.
Đạo Dung Biện luận với Bà-la-môn.
Đạo Hằng, Đạo Tiêu dâng biểu kháng chỉ xin tiếp tục hành đạo.
Tăng Duệ-Người mà Tăng trong bốn biển đều ngưỡng vọng.
Tăng Triệu -Là người san định kinh luận.
Tôn giả Phất-đa-la người Thiên Trúc.
Tôn giả Phật-đà-da-xá.
Bá Huyền xuống thư khiến Tăng lạy tục.
Luận về Sa-môn chẳng kính Vương giả.
Phật-đà-bạt-đà bị đuổi.
Mời Uyên Minh vào Liên xã.
Pháp Quả người đầu tiên được phong tước.
Pháp Hiển người đầu tiên sang Tây Thiên thỉnh kinh.
Tam tạng Đàm-vô-sấm đến Cô Tạng.
Pháp sư Đạo Sinh dựng đá làm đồ chúng.
Cung Đế.
Đời Bắc Ngụy, Thôi Hạo tiến cử Khấu Khiêm Chi.
Thiền sư Huyền Cao bị dèm pha.
Tề trước tác bộ Ngụy Thư Phật Lão Chí.

QUYỂN 8

Tống Văn Đế.
Thần Tăng Bôi Độ.
Cầu-na Bạt-đà-la vào triều.
Vua xa giá đến chùa Đại Trang Nghiêm .
Tạ Linh Vận làm loạn.
Tam tạng Cầu-na-bạt-ma.
Tiêu Kinh Duẫn xin vua dựng chùa đúc tượng.
Vua xa giá đến Khúc Thủy.
Tuệ Lâm hủy báng Phật giáo bị quả báo.
Vua xuống chiếu thỉnh Pháp Viên trụ trì chùa Thiên Bảo .
Thôi Hạo dèm pha Thái Tử và Tăng Huyền Cao.
Thời Ngụy, Khấu Khiêm Chi tu theo thuật của Trương Lỗ
Ngụy Thái Vũ xuống chiếu giết Sa-môn.

Ngụy Thái Vũ nhận Phù lục cho xây Tịnh Luân cung.
Ngụy, Thôi Hạo bị tru di.
Sa-môn Đàm Thỉ đến Ngụy cứu pháp nạn.
Ngụy lại xuống chiếu phục hưng Phật giáo.
Vũ Đế.
Tổ thứ hai mươi bảy: Bát-nhã-đa-la.
Vua xuống chiếu cầu thỉnh Cầu-na Bạt-đà-la.
Vua xuống chiếu mời Đạo Dù làm Pháp chủ chùa Tân an.
Pháp sư Bảo Lượng ở chùa Trung Hưng.
Rợ Khương là Cao Xà làm phản liên lụy đến Phật giáo.
Quan Hữu tư trần tấu với vua cho Tăng phải lạy tục.
Chu Linh Kỳ gặp Thánh Tăng.
Diêu Hưng kính trọng Thích Tăng Đạo.
Phế Đế.
Quốc Vương nước Sơ Lặc tặng y ca-sa của Phật.
Minh Đế.
Đại sĩ Bảo Chí.
Thiệu Thạc Công người nước Khương Cư.
Vua xuống chiếu mời Tăng Cẩn làm chức Tăng Chánh.
Ngụy Sử Thích Lão Chí.
Tề Thái Tổ.
Vua xa giá đến trụ xứ của Tăng Viễn.
Vũ Đế.
Vua ban sắc chỉ mời Pháp Hiến làm Tăng chủ.
Huyền Sướng người đầu tiên thuật Hoa Nghiêm Sớ.
Bảo Chí hiển hóa trong ngục.
Đàm Siêu thuyết pháp cho rồng nghe.
Cố Hoan trước tác Di Hạ Luận.
Tư Đồ là Viên Sán phản bác Di Hạ Luận.
Mạnh Cảnh Dực viết Chánh Nhất Luận.
Trương Dung trước tác môn Luật.
Ngụy xuống chiếu độ Tăng Ni.
Đông Hôn Hầu.
Trần Hiển Minh trước tác bộ Hư kinh.
Hòa Đế.
Luật Tạng của Tăng -già Bạt-đà-la.

QUYỂN 9

Lương Vũ Đế.
Đào Hoằng Cảnh viết Thái Thanh Kinh.
Vua ban chiếu cho Bảo Chí tùy tiện giáo hóa.
Phu nhân Hy thị cầu sám.
Bài văn phát nguyện bỏ tà quy chánh của vua.
Hà Điểm, Hà Dận không làm quan.
Vua chú giải Đại phẩm mời Pháp sư Pháp Vân giảng.
Ngụy chủ ưa chuộng Phật giáo.
Vua xuống chiếu mời Tăng Mân giảng kinh Thắng Man.
Vua viết bài tựa trong Niết-bàn sớ.
Tế tự Tông miếu không được sát sinh.
Trung Thực Luận của Thẩm Hưu Văn.
Ngụy Hồ Thái hậu dựng chùa.
Tuệ Kiểu soạn Cao Tăng truyện.
Hai vị Tăng thần dị: Tăng Lãng, Đạo Anh.
Vua thọ Tam quy, Ngũ giới.
Thiền sư Đạt chứng đắc Thủy Quán Tam-muội.
Pháp sư Tạng can gián vua dùng luật của Tăng .
Tạng leo lên ngự tòa.
Ngụy luận bàn về Phật giáo, Đạo giáo.
Ngụy thư Phật Lão Chí.
Sơ tổ Đạt-ma Đại sư.
Thái tử Chiêu Minh.
Lưu Hiệp xuất gia.
Song Lâm Phó Đại sĩ.
Pháp sư Huệ Ước.
Duyên Khởi của Cao Vương Kinh.
Những người dịch Có kệ của Phật, Tổ đầu tiên.
Ẩn sĩ Nguyễn Hiếu Tự.
Số lượng thư tịch xưa nay.
Nghịch Tặc Hầu Cảnh làm phản.
Sử quan đời Lương: Ngụy Trưng.
Giản Văn Đế.
Thiền sư Huệ Văn người Bắc Tề, tổ của Thiên Thai tông.
Nguyên Đế.
Tam tạng Chân Đế.
Cư sĩ Lục Pháp Hòa ở Kinh sơn.

Vua Bắc Tề xuống chiếu mời Thiền sư Tăng Trù vào cung.

Kính Đế.

Vua Bắc Tề ban sắc lệnh cho Lục Tu Tĩnh và Pháp sư Đàm Hiển so tài.

Đỗ Bật thời Bắc Tề.

Tề Thư trước tác Vương Thiệu Thuật Phật.

Chu Vũ Đế ghét phái Hắc Y phá diệt Phật giáo.

QUYỂN 10

Trần Cao Tổ.

Thiền sư Tăng Trù ở chùa Bá Nham.

Pháp sư Hồng Yển.

Pháp sư Bảo Quỳnh.

Vệ Nguyên Tung dâng sớ đòi vua giảm bớt Tăng .

Phế Đế.

Thiền Sư Huệ Tư -Tổ của Thiên Thai tông.

Tuyên Đế.

Chu Vũ Đế ra lệnh Tam giáo trình bày rõ sự lợi hại.

Chu Vũ Đế hủy diệt Phật Pháp.

Châu Loan dâng Tiếu Đạo Luận.

Đạo An trước tác Nhị Giáo luận.

Chu Vũ Đế lên tòa bàn chuyện phế, lập Phật, Đạo.

Tĩnh Ái xã thân vì nạn vua hủy diệt Phật pháp.

Nhậm Đạo Lâm xin vua khôi phục Phật giáo.

Tùy Văn Đế.

Vua xuống chiếu phục hưng Phật giáo.

Pháp sư Đàm Diên truyền tám giới cho vua.

Truyện Thích Nữ Trí Tiên.

Luật sư Linh Tạng hộ giá.

Lý Sĩ Khiêm ví dụ về thuyết Báo ứng.

Tổ thứ hai: Đại sư Huệ Khả.

Thiền sư Trí Giả của Thiên Thai tông.

Vua xuống chiếu cho ba mươi châu dựng tháp.

Văn Trung Tử giảng đạo.

Xà-na-cấp-đa dịch kinh Pháp Hoa.

Vua xuống chiếu thăm hỏi Thiền sư Hồng Sơn Trí Thuấn.

Dạng Đế.

Vua xuống chiếu lệnh Tăng Đạo phải lễ lạy Vua như những người

thế tục, Pháp sư Minh Chiêm biện luận, vua liền bãi bỏ.

Tổ thứ ba: Đại sư Tăng Xán.

Dương Hoằng thống lãnh Đạo sĩ, danh Tăng nghị luận đạo pháp.

Cung Đế.

Truyện về Thần Tăng Pháp Hỷ.

QUYỂN 11

Đường Cao Tổ.

Vua xuống chiếu cho Tăng, Đạo luận nghị để phân định hơn kém.

Phó Dịch dâng sớ xin vua hủy diệt Phật giáo.

Lý Sư Chánh trước tác Nội Đức Luận.

Vua xuống chiếu sa thải Phật giáo, Đạo giáo.

Thái Tông.

Vua hỏi quần thần điểm khó dễ trong việc cai trị.

Vua ra sắc lệnh dựng chùa để siêu độ những kẻ chết trận.

Huyền Trang sang Tây Thiên cầu pháp.

Vua ban sắc lệnh để tang Pháp sư Huyền Uyển.

Vua xuống chiếu độ Tăng Ni, dựng chùa.

Thái tử hỏi Trương Sĩ Hành về việc thờ Phật.

Vua xuống chiếu cho Đạo giáo đứng trước, Phật giáo đứng sau.

Vua ban sắc lệnh bảo Ngụy Vương Thái Tế Ngu Thế Nam.

Vua xuống chiếu cho nghị luận về điểm tinh hoa của Tam Học.

Tuệ Lâm bị dèm pha.

Pháp sư Đỗ Thuận của Hoa Nghiêm tông.

Phó Dịch bị báo ứng.

Truyện về thừa tướng Tiêu Vũ.

Vua xa giá đến chùa Hoằng Phước.

Quốc chủ nước Kỳ La ngưỡng mộ Thanh giáo của vua Đường.

Nguyên Châu xuất hiện đá quý, được ghi vào điềm lành của nước.

Huyền Trang mang kinh về triều.

Huyền Trang dâng vua những bộ kinh mới dịch, mời vua viết lời tựa.

Lời Sấm ký nữ chúa thay vua trị vì thiên hạ.

Vua khuyên Huyền Trang bỏ đạo ra làm quan.

Huyền Trang dâng biểu từ chối, nguyện trọn đời hành đạo.

Vua viết lời tựa cho Tam tạng Thánh giáo.

Thái Tử viết lời tựa cho Thánh giáo.

Vua ban cho Huyền Trang một trăm y ca-sa có đính vàng.

Vua xuống chiếu sáng lập viện Hoằng Pháp để ngài Huyền Trang ở đó phiên dịch.

Vua xuống chiếu cho xây chùa Đại Từ Ân.

Vua xuống chiếu cho Huyền Trang hộ giá.

Bài tán và luận trong sử sách đời Đường.

QUYỂN 12

Đường Cao Tông.

Tổ thứ tư: Đại sư Đạo Tín

Vua ban sắc lệnh dựng tháp Đại Từ Ân .

Thiền sư Huệ Khoan và Chị là Tín Tương.

Tăng ở Thiên Trúc gởi thư cho ngài Huyền Trang.

Pháp sư Huệ Lập bác bỏ luận của Lã Tài.

Lập ra Quan Giám hộ cho việc phiên dịch kinh điển.

Vua viết văn bia trong chùa Đại Từ Ân.

Pháp sư Huyền Trang cáo bệnh.

Vua xuống chiếu phân định giáo nào trước giáo nào sau.

Thiền sư Pháp Dung ở núi Ngưu Đầu.

Tiến cử Tăng, Đạo để cùng nghị luận.

Pháp sư Huyền Trang dâng biểu xin về núi.

Lại tiến cử Tăng, Đạo cùng nghị luận.

Vua xuống chiếu buộc Tăng phải lạy tục, Sa-môn Đạo tuyên dâng sớ.

Pháp sư Huyền Trang tịch.

Pháp sư Đạo Thế biện luận rõ chân ngụy trong đạo kinh.

Luật sư Đạo Tuyên ở Nam sơn.

Vua xuống chiếu cho Tăng, Đạo định đoạt Hóa Hồ Kinh.

Tổ thứ năm: Đại sư Hoằng Nhẫn.

Tôn giả Phật-đà-ba-lợi.

Pháp sư Khuy Cơ ở Từ Ân.

Pháp sư Đạo Thế soạn Pháp Uyển Châu Lâm.

Vũ Hậu Tắc Thiên.

Bắt đầu chế định ra Mẫu phục và dựng Minh Đường.

Khánh Sơn bắt đầu xuất hiện.

Dịch đại kinh Hoa Nghiêm.

Vua xuống chiếu cho Khương Pháp Tạng làm Tăng.

Vua xuống chiếu mời Thiền sư Huệ An ở Tung sơn vào triều hỏi đạo.

Tam tạng Nghĩa Tịnh từ Ấn Độ trở về.

Vua xuống chiếu thâu tiền của chư Tăng để đúc tượng Phật.

Vua xuống chiếu mời Hiền Thủ Pháp Tạng giảng kinh mới dịch.

Đúc tượng hoàn thành, vua dẫn cả trăm quan đến lễ lạy tế tự.

Trung Tông.

Phòng Dung nhuận văn, dịch Lăng-nghiêm.

Vua xuống chiếu mời Lục tổ vào triều, Tổ không đi.

Thiền sư Đại Thông Thần Tú.

Thần Tăng Vạn Hồi Pháp Vân Công.

Vua xuống chiếu cho Tăng, Đạo cùng ngang hàng.

Quốc sư Huệ An tịch.

Vua xuống chiếu thỉnh Thật-xoa-nan-đề vào cung.

Đại Thánh ở Tứ châu.

Vua triệu Luật sư Đạo Ngạn vào cung truyền giới.

Bồ-đề-lưu-chi dịch kinh Bảo Tích.

Vua xuống chiếu mời Nhất Hành vào cung nhưng ngài không đi.

QUYỂN 13

Đường Duệ Tông.

Tổ thứ sáu: Đại sư Huệ Năng.

Huyền Tông.

Thiền sư Vĩnh Gia Huyền Giác.

Vua xuống chiếu mời Thiền sư Nhất Hành vào cung.

Thiền sư Nguyên Khuê ở Tung Nhạc.

Tam tạng Vô Úy người Thiên Trúc đến Kinh sư.

Tống Cảnh lễ tháp của Lục tổ.

Vua xuống chiếu mời Nhất Hành sửa và soạn Đại Diễn Lịch.

Sa-môn Trí Thăng dâng mục lục Tạng kinh cho vua.

Nhất Hành chế tác hoàn thành Hoàng Đạo Nghi.

Con gái Quách Hành từng thiết trai cúng dường nên chiêu cảm phước báo.

Ngưu Vân cầu thông minh được cảm ứng.

Nhật Bản bắt đầu có luật giáo.

Tam tạng Bồ-đề-lưu-chi tịch.

Hòa Thượng Phá Táo Đọa ở Tung sơn.

Nhất Hành tịch.

Bài tựa Bát-nhã tâm kinh.
Ấn định lại Ngũ Phục Chế.
Tam tạng Kim Cang Trí tịch.
Thiền sư Nghĩa Phước tịch.
Trương Quả Tiên sinh ở Hàng Châu.
Tam tạng Vô Úy tịch.
Tam tạng Bất Không hàng phục voi điên.
Sa-môn Pháp Tú hiến ngọc châu cho chùa Hồi Hướng.
Lý Trưởng giả soạn Hoa Nghiêm Hợp Luận.
Thiền sư Thanh Nguyên Hành Tư.
Thiền sư Phổ Tịch trụ trì chùa Hưng Đường tịch .
Quan Chiêm Sự của thái tử là Nghiêm Đỉnh Chi.
Vua xuống chiếu mời Thiền sư Bản Tịnh vào cung.
Thiền sư Nam Nhạc Hoài Nhượng.
Vua xuống chiếu mời Đạo sĩ Ngô Quân đến hỏi đạo.
Bắt đầu định chế Cấp Từ Bộ cho Tăng Ni.
Vua xuống chiếu mời Bất Không tỉ thí pháp thuật vớ La Tư Viễn.
Thiền sư Huyền Tố trụ trì chùa Hạc Lâm tịch.
Vua xuống chiếu lập đền thờ Tỳ-sa-môn Thiên Vương.
Thiền sư Tả Khê Huyền Lãng của Thiên Thai tông.
Tác phẩm Pháp Môn Nghị của Thiên Thai tông.
Huyện lệnh Lỗ Sơn là Nguyên Đức Tú mất.
Túc Tông.
Thái thú Lãng Châu chém đầu tượng vẽ.
Bắt đầu thu tiền độ Tăng, Đạo.
Sa-môn Vô Lậu người Tân La bay bổng đứng trên không mà tịch.
Vua xuống chiếu mời Thiền sư Huệ Trung ở Nam dương vào cung.
Vua xuống chiếu lập văn bia ở những nơi có ao phóng sinh.
Thượng thư Vương Ma Cật mất.
Châu Như lên Thiên cung, Thiên đế trao cho mười ba bảo vật.

QUYỂN 14

Đường Đại Tông.
Lương Bí Tạo Nhân Vương Kinh sớ (bản dịch mới)
Thiền sư Đạo Nghĩa bắt đầu dựng pháp hội Vu-lan-bồn.

Đỗ Hồng Tiệm hỏi pháp với Thiền sư Vô Trụ.

Quốc sư Thanh Lương Trừng Quán.

Vua xuống chiếu mời Quốc sư Huệ Trung so tài với Thái Bạch Sơn Nhân.

Vua xuống chiếu mời Thiền sư Kính Sơn Quốc Nhất vào triều.

Thiền sư Huệ Trung ở Ngưu Đầu.

Quốc sư Huệ Trung so tài với Tam tạng Đại Nhĩ.

Văn bia Tam tạng Bất Không.

Văn bia Luật sư Đàm Nhất.

Văn bia Tam tổ Cảnh Trí Thiền sư.

Bài ký về Giới Đàn tại chùa Bảo ứng ở Phủ Châu.

Đạo sĩ Sử Hoa tranh biện đạo lý với Sa-môn Sùng Huệ.

Lý Nguyên hỏi đạo với Sa-môn Viên Trạch.

Vua xuống chiếu cho Đam Nguyên hỏi về ý chỉ Vô Phùng tháp.

Thiền sư Sùng Tuệ ở núi Thiên trụ.

Đức Tông.

Bài tựa kinh Thiên Tý Thiên Bát Văn-thù

Thiền sư Nam Nhạc Minh Toản.

Thiền sư Kinh Khê Trạm Nhiên.

Chỉ Quán Thống Lệ.

Vua viết lời tựa trong kinh Đại thừa Lục Ba-la-mật.

Thiền sư Mã Tổ Đạo Nhất.

Thiền sư Đại Châu Tuệ Hải.

Thiền sư Thạch Đầu Hy Thiên.

Vua xuống chiếu mời Quốc sư Thanh Lương giảng đề kinh Hoa Nghiêm .

Vua xuống chiếu mời Quốc sư Thanh Lương giảng Tông chỉ của Hoa Nghiêm.

Văn bia Luật sư Hy Di ở Đông Lâm.

Bài ký Hoàng Thạch Nham.

Luật Sư Vân Phong Pháp Chứng.

Truyện về Lục Vũ.

Đại sư Ngưng Công trụ trì chùa Thánh Thiện ở Đông đô.

Thiền sư Bàn Sơn Bảo tích ở U châu.

Bài tựa noi về Tuấn Thượng Nhân trở về Hoài nam.

Văn bia nói về công trạng của Hòa Thượng Nam Nhạc Ban Châu.

Thuận Tông.

Bài Ký về chim Anh vũ, xá-lợi.
Vua hỏi pháp với Thiền sư Phật Quang Như Mãn.

QUYỂN 15

Đường Hiến Tông.
Thiền sư Nga Hồ Đại Nghĩa.
Hàn Sơn, Thập Đắc, Phong Can.
Thiền sư Thiên Hoàng Đạo Ngộ ở Kinh châu.
Thiền sư Thiên Vương Đạo Ngộ ở Kinh châu.
Thiền sư Lan Nhượng ở Giang Tây bắc.
Hoàng Thượng hỏi quần thần việc chánh sự nên dùng khoan dung trước hay hà khắc trước.
Bài ký của Thiền sư Thảo Y.
Hoàng Thượng hỏi Quốc sư Trừng Quán về pháp giới Hoa Nghiêm.
Thiền Giả Vô Trước vào Ngũ Đài sơn.
Vua xuống chiếu mời Thiền sư Hoài Uẩn vào trụ trì chùa Cư thượng.
Cư sĩ Bàng Uẩn.
Văn bia nói về Hòa Thượng Di-đà.
Bài ký nói về Tịnh Độ Viện ở Vĩnh châu.
Pháp sư Trí Biện thí thực được báo ứng.
Pháp sư Đạo Thọ hàng phục yêu thuật.
Thiền sư Bách Trượng Hoài Hải.
Văn bia nói về Luật sư Đại Minh.
Văn bia nói về việc Mã Tổng xin vua ban tên thụy cho Lục Tổ.
Đặng Ẩn Phong ở Ngũ Đài .
Thiền sư Quy Tông Trí Thường.
Thị giả Bố Mao Hội Thông.
Bài tựa nói về Pháp sư Trọng Tốn được Trung Thừa mời đến.
Mã Lang Phụ ở Thiểm Hữu.
Văn bia nói về công trạng của Luật sư Thượng Hoằng.
Thiền sư Nguyên Hạo của Thiên Thai tông.
Vua xuống chiếu nghinh đón xương Phật, Hàn Dũ dâng biểu bài xích Phật.
Thứ sử Triều Châu Hàn Dũ gặp Thiền sư Đại Điên và biện luận.
Thiền sư Đại Điên ở Triều Dương.
Thứ sử Liễu Châu Liễu Tử Hậu.
Pháp sư Thần Thanh ở Bắc Châu.

Mục Tông.

Thiền sư Điểu Khòa

Vua xuống chiếu mời Thiền sư Vô Nghiệp vào cung nhưng ngài không đi.

Thiền sư Long Đàm Sùng Tín.

Bài ký nói về việc khắc kinh trên vách đá tại chùa Vĩnh Phước ở Hàng Châu .

Vương Trí Hưng lợi dụng việc xin đi lập giới đàn để thu tiền.

Thiền sư Cổ Linh Thần Tán ở Phước Châu.

QUYỂN 16

Đường Kính Tông.

Vua xuống chiếu mời Đạo sĩ Lưu Tùng Chánh vào cung đảm trách việc tu tiên.

Văn Tông.

Văn bia nói về Thiền sư Dược Sơn Duy Nghiễm.

Lý Cao soạn Phục Tánh thư.

Văn bia nói về việc khắc kinh trên vách đá tại chùa Trùng huyền ở Tô châu.

Thiền sư Đơn Hà Thiên Nhiên.

Lăng Hành Bà.

Trong con sò hiện tượng Bồ-tát.

Lý Huấn dâng sớ đòi sa thải Tăng Ni.

Thiền sư Nam Tuyền Phổ Nguyện.

Văn bia nói về Pháp sư Đại Đạt.

Bài Minh trong văn bia của Quốc sư Thanh Lương.

Thiền sư Khuê Phong Tông Mật.

Vũ Tông.

Thiền sư Vân Nham Đàm Thạnh ở Đàm châu.

Vua xuống chiếu muốn cầu phép tiên.

Dựng Vọng Tiên Đài trong cung cấm.

Vua ra sắc lệnh đập bớt chùa chiền trong thiên hạ.

Vua xuống chiếu bỏ đạo Phật.

Tuyên Tông.

Vua xuống chiếu phục hưng Phật giáo.

Cư sĩ Bạch Cư Dị ở Hương sơn.

Vua xuống chiếu giáng chức Lý Đức Dụ.

Thiền sư Hoa Lâm Thiện Giác.

Thiền sư Hoàng Bá Hy Vận.

Vua xuống chiếu mời Thiền sư Hoằng Biện vào cung để hỏi về Tông chỉ của Nam tông, Bắc tông.

Văn bia khôi phục chùa Đông Lâm ở Lô sơn.

Thiền sư Quy Sơn Linh Hựu.

Lý Tiết đề tặng bài tựa trong sớ của Đạo Lâm.

Vua xuống chiếu mời La Phù Hiên Viên hỏi thuật Trường Sinh bất lão.

Thị hiện sự tích ở Bổ Đà.

QUYỂN 17

Đường Ý Tông.

Thiền sư Đại Từ Hoàn Trung.

Thiền sư Đức Sơn Tuyên Giám.

Thiền sư Lâm Tế Nghĩa Huyền.

Thiền sư Trường Sa Cảnh Sầm.

Thiền sư Động Sơn Lương Giới.

Truyện về Quốc sư Ngô Đạt Tri Huyền.

Bài tựa trong Thiền Nguyên Thuyên của tướng quốc Bùi Hưu.

Vua xuống chiếu nghinh đón xá-lợi Phật.

Hy Tông.

Thiền sư Giáp Sơn Thiện Hội.

Thiền sư Nham Đầu Toàn Khoát.

Chiêu Tông.

Thiền sư Ngưỡng Sơn Tuệ Tịch .

Thiền sư Triệu Châu Tùng Thẩm.

Thiền sư Vân Cư Đạo Ưng.

Ngũ Đại.

Lương Thái Tổ Chu Ôn.

Thiền sư Tuyết Phong Nghĩa Tồn.

Thiền sư Huyền Sa Sư Bị.

Duy Kính soạn Bảo Lâm truyện.

Mạt Đế.

Hòa Thượng Bố Đại ở Minh châu.

Đường Trang Tông Lý Tồn Úc.

Thiền sư Hưng Hóa Tồn Tưởng.

Minh Tông.

Thiền sư Huệ Lăng ở Trường Khánh.

Mở khoa khảo thí chư Tăng .
Tấn Thạnh Kính Đường.
Duyên khởi của việc đánh chuông để dứt khổ.
Vua nước Liêu là Đức Quang ngự ở Biện cung.
Hán Lưu Tri Viễn.
Thiền sư Văn Môn Văn Yển.
Châu Quách Uy.
Thiền sư Huệ Ngung ở Nam Viện.
Thế Tông.
Vua xuống chiếu phế bỏ Phật giáo, định chế Tăng tràng.
Thiền sư Thanh Lương Văn Ích

QUYỂN 18
Tống Thái Tổ.
Vua xuống chiếu khắc một tạng kinh Phật.
Quốc sư Đức Thiều tịch .
Thiền sư Diên Chiểu ở Phong Huyệt.
Thiền sư Vĩnh Minh Trí Giác.
Ngô Việt Vương soạn bài tựa trong Tông Cảnh Lục.
Hậu tự (Lời bạt) trong Tông Cảnh Lục.
Thái Tông.
Vua soạn bài tựa cho Tam tạng Thánh giáo.
Tán Minh San Định Đại Tống Tăng Truyện.
Vua xuống chiếu lập ra viện dịch kinh.
Triệu Phổ bị báo ứng.
Thiền sư Trừng Viễn ở viện Hương Lâm.
Tôn giả Tự Nghiêm ở Nam An.
Thiền sư Tỉnh Niệm ở Thủ sơn.
Chân Tông.
Vua soạn bài tựa trong Kế Thánh Giáo.
Đạo Nguyên soạn Truyền Đăng Lục.
Vua xuống chiếu cho các Châu Huyện dựng Thiên Khánh Quán.
Pháp sư Trí Viễn ở Cô sơn.
Thiền sư Thiện Chiêu ở Phần dương.
Vua sắc cho Giáo bộ của Thiên Thai được nhập Tạng.
Thiền sư Cảnh Huyền ở Đại Dương.
Giảng sư Tứ Minh Pháp Trí.
Pháp sư Trường Thủy Tử Tuyền.

Sám Chủ Từ Vân Tuân Thức.
Vua soạn bài tựa trong Quảng Đăng Lục.
28.Thiền sư Từ Minh Sở Viên.
Thiền sư Dương Kỳ Phương Hội.
Thiền sư Ngôn Pháp Hoa.
Lý Cấu để tâm đến sách Phật.
Thiền sư Pháp Viễn ở Phù sơn.
Vua xuống chiếu mời Thiền sư Hoài Liên trụ trì Tịnh Nhân viện.
Thiền sư Trùng Hiển ở Tuyết Đậu.
Thiền sư Đạo Long ở Hoa Nghiêm .
Thiền sư Đàm Dĩnh ở Đạt Quán.
Thiền sư Thiên Y Nghĩa Hoài.
Âu Dương Tu hỏi việc lâm chung.
Thiền sư Thiên Bát Trùng Nguyên.
Anh Tông.
Thiền sư Vân Phong Văn Duyệt.
Vua xuống chiếu quy định số lượng chùa trong dân gian.

QUYỂN 19
Tống Thần Tông.
Thiền sư Viên Thông Cư Nột.
Thiền sư Minh Giáo Khế Tung.
Thiền sư Thủ Đoan ở Bạch Vân.
Pháp sư Hoa Đình Tuệ Biện.
Thiền sư Khánh Nhàn ở Kiết châu.
Thiền sư Nghĩa Thanh ở Thư châu.
Bài ký nói về pháp đường Chân Như ở Gia Hưng.
Lý Bình Sơn nước Kim luận về Phật pháp.
Minh Đạo lập luận ghét khoa cử.
Lý Bình Sơn nước Kim biện luận.
Triết Tông.
Bài tựa tiễn Kiển Củng Thần đi tham học với Thiền sư Chiếu Giác.
Tăng Thống Nghĩa Thiên ở Cao Ly.
Thiền sư Tịnh Nguyên ở Tấn Thủy.
Thiền sư Tán Nguyên ở Tưởng Sơn.
Tô Lão Tuyền viết bài ký về viện Viên Giác.
Ma Nạp Tán của Tô Đông Pha.

Thiền sư Viên Thông Pháp Tú.
Thiền sư Thường Tổng ở Đông Lâm .
Thiền sư Ngọc Tuyền Thừa Hạo.
Pháp sư Biện Tài Nguyên Tịnh.
Thiền sư Tịnh Nhân Đạo Trăn.
Thiền sư Trí Hải Mộ Triết.
Thiền sư Vân Cư Nguyên Hựu.
Thiền sư Phật Ấn Liễu Nguyên.
Thiền sư Thụy Quang Tông Bản.
Thiền sư Hoàng Long Tổ Tâm.
Huy Tông.
Vua soạn bài tựa trong Tục Truyền Đăng.
Thiền sư Ngũ Tổ Pháp Diễn ở Kỳ Sơn.
Thiền sư Pháp Vân Thiện Bản.
Sái Kinh ăn thịt chim Thuần bị báo mộng.
Tuệ Trì nhập định trong Đại Thọ.
Vua xa giá đến Ngọc Thanh Chiêu Dương Cung.
Nhữ Chân phản Liêu.
Thiền sư Tử Tâm Ngộ Tân.
Luật Sư Linh Chi Nguyên Chiếu.
Đạo Sĩ Lâm Linh Tố dùng yêu thuật yêu sách vua.
Thiền sư Hoàng Long Duy Thanh.
Thiền sư Phật Giám Tuệ Cần.
Vua nghe Lâm Linh Tố giảng kinh.
Đại Kim Lập Quốc.
Vua xuống chiếu sửa Danh hiệu Phật, phá chùa Tăng.
Truyện về Trương Vô Tận.
Thiền sư Giác Phạm Đức Hồng.
Vua xuống chiếu mời Pháp sư Vĩnh Đạo về kinh phục chế lại Tăng phục.

QUYỂN 20

Nam Tống Cao Tông.
Pháp sư Tô-đà-thất-lợi người Tây Trúc.
Thiền sư Viên Ngộ Khắc Cần.
Thiền sư Thiệu Long ở Hổ Khâu.
Thiền sư Phật Trí Đoạn Dụ.
Thiền sư Mục Am Pháp Trung.

Thiền sư Chân Hiết Thanh Liễu.
Thiền sư Cảm Sơn Hiểu Oánh.
Thiền sư Hoằng Trí Chánh Giác.
Hiếu Tông.
Thiền sư Ứng Am Đàm Hoa.
Thiền sư Kính Sơn Tông Cảo.
Thiền sư Đại Thiền Liễu Minh.
Thiền sư Thạch Thất Tổ Tú.
Thiền sư Phổ Am Ấn Túc.
Thiền sư Khánh Thọ Giáo Hanh.
Thiền sư Hạt Đường Tuệ Viễn.
Vua soạn Nguyên Đạo Luận.
Vua xuống chiếu cho Giáo Tông Thiên Thai nhập Tạng.
Pháp sư Đức Tạng Khả Quán.
Vua chú giải Kinh Viên Giác, ban tặng Kính Sơn.
Vua Tống sai Vũ Văn Hư Trung đi sứ nước Kim.
Quang Tông.
Vương Hiếu Lễ nói về ảnh biểu, đồng biểu.
Thiền sư Ngạn Sung ở Tịnh Từ.
Ninh Tông.
Thiền sư Linh Ẩn Sùng Nhạc.
Thiền sư Phật Chiếu Đức Quang.
Bài ký nói về Tử Vi Quán.
Minh Đạo Tập Thuyết của cư sĩ Lý Bình Sơn.
Bài ký nói về Sa-môn Hồng Cáp La Tất Lợi.
Thiền sư Phổ Chiếu Đạo Ngộ ở Trịnh Châu.
Thiền sư Tư Thọ Ni Vô Trước.

QUYỂN 21

Đại Nguyên Thái Tổ hoàng đế.
Giảng sư Bắc Phong Tông Ấn người Thiên Trúc.
Hiến Tông.
Đại sư Hải Vân Ấn Giản ở Khánh Thọ.
Thế Tổ .
Vua bái phong Lưu Bỉnh Trung chức Thái bảo Tham Lãnh Trung Thư Tỉnh Sự.
Bài tựa nói về Đế sư thuyết Yết-ma Nghi Quỹ.
Văn bia nói về Lưu Thái Bảo Thần Đạo.

Vua có chiếu ban Lưu Thái Bảo thụy là Văn Trinh.

Hành trạng của Đế sư Phát Tư Bát.

Thánh chỉ cho Tăng Đạo biện luận.

Văn bia nói về việc đốt các Tạng kinh trái đạo ở các châu huyện.

Bài tựa trong biện ngụy Lục Tùy Hàm.

Mười bốn chương trong Biện Ngụy Lục.(1=>8)

QUYỂN 22

Thế Tổ.

Biện Ngụy Lục. (9=>14)

Vua xuống chiếu cấm những phẩm kinh trong đạo Tạng.

Đốt Tạng kinh của Đạo giáo.

Những vị Tăng Đạo trì luận.

Giang Nam Thiền Giáo Đăng Đối Lục.

Thiền sư Vân Phong Diệu Cao ở Kính sơn.

Thế Tổ hoằng truyền giáo pháp (Một trăm đoạn)

Thành Tông.

Quốc sư Chân Giác Văn Tài ở Ngũ Đài.

Đảm Ba Kim Cang Thượng sư.

Vũ Tông.

Vua ban sắc lệnh soạn bài ký nói về Lâm Tế Chánh Tông.

Văn bia nói về Khất Đài Tát Lý.

Thiền sư Hoa Nghiêm Chí Ôn ở Thượng Đô.

Luận về việc cách bãi Tăng Đạo nha môn.

Nhân Tông.

Tam tạng Pháp sư Sa La Ba.

Luận sư Phổ Giác Anh Biện ở Tần Châu.

Bài ký nói về vua ban sắc lệnh dựng Thụy tượng Điện.

Chiếu nói về Gia Phong hiệu cho Thiền sư Phổ Am.

Giảng sư Đức Khiêm ở Sùng Ân kinh đô.

Luật sư Phổ Khánh Pháp Văn ở kinh thành.

Tam tạng Quốc sư Đạt Ích Ba.

Giảng Sư Bảo tập Diệu Văn ở Kinh sư.

Anh Tông.

Văn bia nói về chiếu của vua cho các châu huyện kiến lập điện thờ Đế sư.

Giảng sư Phổ Minh Liễu Tánh ở Ngũ Đài .

Giảng sư Phổ An Bảo Nghiêm ở Ngọc Sơn.
Quốc sư Thiên Mục Trung Phong Minh Bản.
Tỳ-kheo ni Xá Lam Lam ở chùa Diệu Thiện, Đại Đô.
Luật sư Đại Đức Tuệ Văn ở Lâm Đàn.

■

PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI THÔNG TẢI

QUYỂN 1

Trụ trì Đại Trung Tường Phù Thiền tự,
Gia Hưng lộ [hiệu Hoa Đình Niệm Thường soạn.

1. Có kệ của bảy Phật:

Đức Phật Tỳ-bà-thi: (Đức Phật thứ chín trăm chín mươi tám của Quá khứ Trang Nghiêm kiếp)

Có kệ :

Thân từ trong vô tướng thọ sinh
Giống như huyễn tạo các tượng hình
Tâm thức người huyễn xưa nay chẳng
Tội phước đều không không chỗ nương.

Trong kinh Trường A-hàm chép: Khi con người sống thọ tám vạn tuổi thì Đức Phật này xuất thế. Ngài họ Câu-lợi-nhã, thuộc dòng Sát-lợi, cha là Bàn-đầu, mẹ là Bàn-đầu-bà-đề, ở tại thành Bàn-đầu-bà-đề, ngồi dưới cây Bà-la thuyết pháp. Trong ba hội độ được ba mươi bốn vạn tám ngàn người. Thần túc có hai vị là Kiền-trà và Đề-xá. Thị giả là Vô Ưu, con là Phòng Ưng.

Đức Phật Thi-khí (Đức Phật thứ chín trăm chín mươi chín trong Quá khứ Trang Nghiêm kiếp)

Có kệ.

Khởi các thiện pháp vốn là huyễn
Tạo các ác nghiệp cũng là huyễn
Thân như bọt tụ, tâm như gió
Huyễn tạo không căn, không thật tánh.

Kinh Trường A-hàm chép: Khi con người sống thọ bảy vạn tuổi (70.000) thì Đức Phật này xuất thế. Ngài họ Câu-lợi-nhã, thuộc dòng dõi Sát-lợi, cha là Minh Tướng, mẹ là Quang Diệu, ở tại thành Quang tướng, ngồi dưới cây Phân-đà-lợi thuyết pháp. Trong ba hội, độ được hai mươi lăm vạn người. Thần túc có hai vị là A-tỳ-phù và Bà-bà. Thị giả là Nhẫn Hạnh, con là Vô Lượng.

Đức Phật Tỳ-xá-phù (Đức Phật thứ một ngàn trong Quá khứ Trang Nghiêm kiếp

Có kệ :

Vay mượn bốn đại để làm thân
Tâm vốn không sinh sinh do cảnh
Cảnh trước nếu không, tâm cũng không
Tội phước như huyễn khởi cũng diệt.

Kinh trường A-hàm chép: Khi con người sống thọ sáu vạn tuổi (60.000) thì Đức Phật này ra đời. Ngài Họ Câu-lợi-nhã, thuộc dòng Sát-lợi, cha là Thiện Đăng, mẹ là Xứng Giới, ở tại thành Vô dụ, ngồi dưới cây Bác-lạc-xoa thuyết pháp. Trong hai hội độ được mười ba vạn người. Thần túc có hai vị là Phù-du và Uất-đa-ma. Thị giả là Tịch Diệt, con là Diệu Giác.

Đức Phật Câu-lưu-tôn (Đức Phật đầu tiên trong Hiền kiếp)

Có kệ:

Thấy thân không thật là Phật thân
Biết tâm như huyễn là Phật huyễn
Thấu được thân tâm vốn tánh không
Người này cũng Phật đâu sai khác.

Kinh Trường A-hàm chép: Khi con người sống thọ bốn vạn tuổi (40.000) thì Đức Phật này xuất thế. Ngài họ là Ca-diếp, thuộc dòng dõi Bà-la-môn, cha là Lễ Đức, mẹ là Thiện Chi. Ở tại thành An hòa, ngồi dưới cây Thi-lợi-sa thuyết pháp. Trong một hội độ được bốn vạn người. Thần túc có hai vị là Tát-ni và Tỳ-lâu. Thị giả là Thiện Giác, con là Thượng Thắng.

Đức Phật Câu-na-hàm Mâu-ni (Đức Phật thứ hai trong Hiền kiếp)

Có kệ :

Phật chẳng thấy Phật biết là Phật
Nếu thật biết rằng không Phật khác
Người trí hay biết tội tánh không
Thản nhiên chẳng sợ gì sinh tử.

Kinh Trường A-hàm chép: Khi con người sống thọ ba vạn tuổi thì Đức Phật này xuất thế. Ngài họ là Ca-diếp, thuộc dòng dõi Bà-la-môn, cha là Đại Đức, mẹ là Thiện Thắng, ở tại thành Thanh Tịnh , ngồi dưới cây Ưu-đàm-bà-la thuyết pháp. Trong một hội độ được Ba vạn người. Thần túc có hai vị là Thư-bàn-na và Uất-đa-lâu. Thị giả là An Hòa, con là Đạo Sư.

Đức Phật Ca-diếp (Đức Phật thứ ba trong Hiền kiếp)

Có kệ :

Tất cả chúng sinh tánh Thanh Tịnh
Vốn từ vô sinh nên không diệt
Tức thân tâm này là huyễn sinh
Ngay trong huyễn hóa không tội phước.

Kinh Trường A-hàm chép: Khi con người sống thọ hai vạn tuổi thì Đức Phật này xuất thế. Ngài họ là Ca-diếp, thuộc dòng dõi Bà-la-môn, cha là Phạm Đức, mẹ là Tài Chủ, ở tại thành Ba-la-nại, ngồi dưới cây Ni-câu-loại thuyết pháp. Trong một hội độ được hai vạn người. Thần túc có hai vị là Đề-xá và Bà-la-bà. Thị giả là Thiện Hữu, con là Tiến Quân.

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni (Đức Phật thứ tư trong Hiền kiếp)

Có kệ :

Pháp vốn là pháp là vô pháp
Pháp vô pháp thảy đều là pháp
Ngày nay trao phó vô pháp này
Pháp pháp đâu từng chỉ là pháp.

Ngài thuộc dòng dõi Sát-lợi, cha là Tịnh Phạn Thiên, mẹ là Đại Thanh Tịnh , ở tại thành Xá-vệ, ngồi dưới cây Bồ-đề thuyết pháp. Trong một hội độ được một ngàn hai trăm năm mươi đệ tử, độ người vô lượng. Thần túc có hai vị là Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên. Thị giả là A-nan, con là La-hầu-la.

Phật xưa ứng thế nối nhau không cùng, đâu thể đếm biết hết số lượng được. Thế Tôn từng nói: Ta dùng sức tri kiến của Như Lai xem nhiều kiếp lâu xa ấy giống như ngày nay. Thế nên căn cứ trong kinh Phật Danh, thì ghi đủ một ngàn Đức Phật trong hai kiếp quá khứ và hiện tại. Đến Đức Thích-ca thì nêu tiêu biểu bảy vị mà thôi.

Kinh A-hàm chép:

Sức tinh tấn bảy Phật
Phóng quang diệt ám tối
Mỗi vị ngồi đạo tràng
Thành tựu quả Chánh giác.

Người phiên dịch Có kệ của Phật, Tổ chính là cao Tăng Vân Khải Nhất Đồng, Tam tạng Na-liên-da-xá người Thiên Trúc, phiên dịch tại nước Quy Tư. Việc này có ghi lại trong niên hiệu Lương Đại Đồng thứ sáu (540).

Đại Nguyên, Đế sư Phát Hợp Tư Ba thuyết: Chương Sở Tri Luận.

(Tuyên Thọ Giang Hoài Phước Kiến Đẳng Xứ Thích Giáo Tổng Thống Pháp Tánh, Tam tạng hoằng giáo Phật Trí Đại sư Sa-la-ba dịch).

2. Phẩm Khí Thế giới:

Thể do Khí thế giới tạo thành tức là vô số những thứ mà tứ đại hình thành nên. Vì vậy đất thì cứng, nước thì ướt, lửa thì nóng, gió thì động. Đại chủng ấy nếu vô cùng nhỏ nhiệm thì gọi là cực vi trần hay Lân hư trần. Thể trạng của nó không thể nào chia chẻ được nữa. Bảy Lân hư như vậy là một cực vi. Bảy cực vi là một vi trần. Bảy vi trần là một Thấu kim trần. Bảy Thấu kim trần là một Thấu thủy trần. Bảy Thấu thủy trần là một Thố mao trần (bụi bằng đầu lông thỏ). Bảy thố mao trần là một Dương mao trần (bụi bằng đầu lông dê). Bảy Dương mao trần là một Ngưu mao trần (bụi bằng đầu lông trâu). Bảy Ngưu mao trần là một Du khích trần (bụi chui qua kẻ hở). Bảy Du khích trần là một Kỷ lượng (con rận con). Bảy Kỷ lượng là một Sắt lượng (con chấy, con rận). Bảy Sắt lượng là một mạch lượng (bụi bằng hạt lúa). Bảy mạch lượng là một đốt ngón tay. Ba đốt là một ngón tay. Hai mươi bốn ngón tay đo ngang là một khuỷu tay. Bốn khuỷu tay là một cung. Năm trăm cung là một câu-lô-xá. Tám câu-lô-xá là một do-tuần. Đó là độ lượng thân tướng của thế giới . Nguyên nhân hình thành thế giới là do cộng nghiệp của tất cả hữu tình chiêu cảm nên. Vậy thế nào gọi là thành? Đó là gió từ mười phương trong hư không nổi lên xô xát nhau hình thành một lớp cứng chắc bất động là Diệu phong luân. Nó có màu xanh, trắng vô cùng cứng chắc, dày mười sáu Lạc-xoa do-tuần, rộng thì vô số. Nhờ hơi nóng nên sinh ra mây và gọi đó là Kim tạng. Mây tuôn mưa lớn, nương gió mà trụ, và gọi là đáy biển. Nó dày mười một lạc-xoa ba vạn do-tuần, rộng mười hai lạc-xoa ba ngàn bốn trăm năm mươi do-tuần. Nước từ đáy biển đẩy lên phía trên kết thành vàng, giống như sữa chín đóng một lớp mô trên bề mặt. Đây gọi là Kim địa luân. Thế nên thủy luân mỏng hơn, chỉ dày có tám lạc-xoa, phần còn lại đều chuyển thành vàng, dày ba lạc-xoa hai vạn do-tuần. Kim luân rộng ngang bằng Thủy luân. Chu vi của nó thành ba lần như vậy, tổng cộng gồm ba mươi sáu lạc-xoa, Một vạn ba trăm năm mươi do-tuần. Nó ở trên lớp phong luân của đáy thế giới Ta-bà. Địa luân Thủy luân ở dưới đáy của tứ châu. Trên lớp Địa luân lại do mưa lớn nên thành ra biển lớn. Chúng bị gió, đánh bạt cả ra những phần tinh diệu kết tụ lại thành Diệu Cao sơn, những phần kế đó kết tụ lại thành bảy núi vàng, những phần dưới nữa kết tụ lại thành Luân vi sơn. Những phần tạp khác kết tụ thành tứ châu... Thể của Diệu

Cao sơn, phía Đông có bạc, phía Nam có lưu ly, phía Tây có pha lê, phía Bắc có vàng kết tụ lại với nhau làm thành. Còn bảy núi vàng, tứ châu v.v... do những phần tạp tạo thành. Riêng Luân vi sơn chỉ có sắt làm thành. Thân lượng của Diệu Cao sơn chìm sâu trong nước đến tám vạn du-thiện-na. So với những núi khác nó cao hơn cả, nên gọi là Diệu Cao . Sau đó là đến thứ lớp của bảy núi vàng:

1. Du-càn-đà-la: Cao bốn vạn do-tuần (40.000)

2. Y-sa-đà-la: Cao hai vạn do-tuần. (20.000)

3. Khư-đắc-la-kha: Cao một vạn do-tuần. (10.000)

4. Tu-đằng-sa-la: Cao năm ngàn do-tuần. (5.000)

5. A-thâu-cát-na: Cao hai ngàn Năm trăm do-tuần. (2.500)

6. Tỳ-ni-đát-ca-na: Cao một ngàn hai trăm năm mươi do-tuần. (1.250)

7. Ni-dân-đà-la: Cao sáu trăm hai mươi lăm do-tuần. (625)

(Trong Tạng luận sớ thì nói: 1. Trì song sơn; 2. Trì trục sơn; 3. Diêm mộc sơn; 4. Thiện kiến sơn; 5. Mã nhĩ sơn; 6. Tượng tỵ sơn; 7. Ngư chủng sơn.)

Bên ngoài bốn đại châu có Luân vi sơn. Núi này cao hai trăm mười hai (212,5) do-tuần. Những núi ấy phần ăn sâu trong nước và phần nhô khỏi mặt nước bằng nhau. Khoảng giữa bảy núi vàng là nơi mà các Long Vương dạo chơi, nên gọi đây là Hý hải. Giữa tám núi có bảy biển rất gần với núi Diệu Cao là:

1. Biển Du-càn-đà-la: Rộng tám mươi ngàn do-tuần.

2. Biển Y-sa-đà-la: Rộng bốn mươi ngàn do-tuần.

3. Biển Khư-đắc-la-kha: Rộng hai mươi ngàn do-tuần.

4. Biển Tu-đằng-sa-la: Rộng mười ngàn do-tuần.

5. Biển A-thâu-cát-na: Rộng năm ngàn do-tuần.

6. Biển Tỳ-ni-đát-ca-na: Rộng hai ngàn năm trăm do-tuần.

7. Biển Ni-dân-đà-la: Rộng một ngàn hai trăm năm mươi do-tuần.

Trong biển chứa đầy nước tám công đức. Tám núi bảy biển đều có hình vuông. Biển bên ngoài có vị mặn. Từ Ni-dân-đà-la lên đến Luân vi sơn, hai núi này cách nhau ba lạc-xoa, hai mươi hai ngàn do-tuần. Biển bên ngoài tuy nước không phân giới hạn, nhưng do màu sắc của Núi Diệu Cao , nên biển phía Đông có màu trắng, biển phía Nam có màu xanh, biển phía Tây có màu hồng, biển phía Bắc có màu vàng, do đó mà gọi là tứ hải. Chu vi của nó rộng đến ba mươi sáu lạc-xoa bảy trăm năm mươi do-tuần. Bên ngoài có Luân vi sơn, chu vi rộng ba mươi sáu lạc-xoa hai ngàn sáu trăm hai mươi lăm do-tuần. Bên ngoài biển

này là Nam Thiệm-bộ châu. Hình dáng của hai châu này như hai mái xe hẹp dần lên và cách núi Thiết vi ba do-tuần (3,5). Ba mặt còn lại, mỗi mặt cao hai ngàn do-tuần, chu vi rộng sáu ngàn ba trăm năm mươi do-tuần. Có hai Trung châu là Đông Giá-ma-la (Hán dịch là Miêu Ngưu) và Tây Bà-la-ma-la (Hán dịch là Thắng Miêu Ngưu). Chính giữa Nam Thiệm-bộ châu là nước Ma-kiệt-đà. Đây là nơi đản sinh của ba đời chư Phật. Kế đến, từ đó đi thẳng qua hướng bắc qua khỏi chín ngọn Hắc sơn có một núi Tuyết lớn, tên là Cụ kiết tường. Phía Bắc núi này có núi Hương túy. Giữa hai núi này có vị đại Long Vương tên là Vô Nhiệt. Ao mà Long Vương này cư ngụ tên là A-nậu-đạt (Hán dịch là Vô Nhiệt). Hình dáng ao này bốn mặt đều vuông, mỗi mặt dài năm mươi do-tuần, chu vi rộng hai trăm do-tuần. Trong ao chứa đầy nước tám công đức. Từ trong ao này lưu xuất ra bốn con sông lớn. Phía Đông là sông Khắc-già. Sông này từ miệng voi lưu xuất cát bạc tổng cộng có năm trăm sông ngòi đổ về biển Đông. Phía Nam là sông Tân độ, từ miệng trâu lưu xuất cát bằng lưu ly, tổng cộng có năm trăm sông ngòi đổ về biển Nam. Phía Tây là sông Phược sô, từ trong miệng ngựa lưu xuất ra cát như pha lê, tổng cộng có năm trăm sông ngòi đổ về biển Tây. Phía Bắc là sông Tất đát, từ miệng Sư tử lưu xuất ra cát vàng, tổng cộng có năm trăm sông ngòi đổ về biển Bắc. Bốn sông lớn ấy từ trong ao Vô nhiệt xoay vòng qua phải bảy vòng theo hướng mà lưu chuyển. Từ Hương sơn đi thẳng về hướng Bắc hai mươi do-tuần, ở đó có nham thạch tên là Nan-đà. Bề mặt nham thạch mỗi mặt rộng năm mươi do-tuần, chu vi là hai trăm do-tuần, cao ba do-tuần. Lại có tám ngàn tiểu nham thạch khác. Cách nham thạch này hai mươi do-tuần về hướng Bắc có cây Sa-la Thọ Vương tên là Thiên trụ. Rễ của nó ăn sâu trong đất đến bốn mươi Cung lượng, cao tám mươi Cung lượng, có bảy hàng cây làm lưới bao bọc chung quanh. Cách hai mươi do-tuần về phía Đông có ao Hoãn lưu. Hình dáng của nó hình tròn, rộng năm mươi do-tuần, chu vi là một trăm năm mươi do-tuần. Lại có tám ngàn ao nhỏ khác, ao chứa đầy nước tám công đức, trong đó lại có hoa sen. Lá sen giống như da trâu, thân sen như ống cuốn tròn, hoa lớn tựa bánh xe, vị của hoa ngọt như mật. Ở đó lại có Đế Thích thường lâm chiến. Người cỡi Tượng Vương tên là Thiện trụ, có tám ngàn tượng Vương. Bốn tháng lạnh ở tại Kim nham, bốn tháng nóng ở tại Thiện trụ, bốn tháng mưa ở tại ao Hoãn lưu. Bên cạnh ao Vô nhiệt có cây Thiệm-bộ, trái lớn như cái vò, mùi vị rất ngon ngọt. Khi chín rơi xuống nước phát ra âm thanh Thiệm-bộ, loài rồng biến thành cá ăn những trái này. Những trái héo, trôi theo dòng nước chuyển

thành vàng Thiệm-bộ. Do đó tên cây cây này xưa gọi là Thiệm-bộ.

Phía Tây của châu này có nước Ô Điền, Đại Kim Cang Cung Trì Chủng ở đó. Pháp Kim Cang Thừa được truyền từ đây. Trong biển Nam có núi tên là Trì Thuyền, Bồ-tát Quán Thế Âm ở trên đỉnh của núi này, Thánh Đa-la Mẫu ở tại chân núi. Phía Đông có Ngũ phong. Bồ-tát Văn-thù ở tại đó. Ở đó còn có mười sáu nước lớn và hơn một ngàn nước nhỏ. Lại có ba trăm sáu mươi chủng loại người, bảy trăm hai mươi loại dị âm. Ở bên ngoài cùng về phía Đông có một châu tên là Thắng thân, hình dáng của châu này giống như nửa mặt trăng. Bề mặt đối diện với núi Diệu Cao rộng ba trăm năm mươi do-tuần, các mặt còn lại rộng sáu mươi do-tuần. Chu vi của nó là sáu ngàn ba trăm năm mươi do-tuần. Hai bên châu này có hai Trung châu là Bắc Đề-ha (Hán dịch là Thân) và Nam Tỳ-đề-ha (Hán dịch là Thắng Thân). Ba châu đó hơn các châu khác bằng bảy cây Đa-la. Có thuyết cho rằng, con người ở đây tướng mạo rất đoan nghiêm, thân tướng rất thù thắng nên gọi là Thắng thân. Ở biển ngoài cùng về phía Bắc có một châu tên là Cưu-lâu, hình dáng châu này có bốn góc, hơi nghiêng. Mỗi mặt rộng hai ngàn do-tuần, chu vi là tám ngàn do-tuần. Hai bên châu này có hai Trung châu, một châu tên là Cưu-lâu (Hán dịch là Hữu Thắng), một châu tên là Cao-la-sa (Hán dịch là Hữu Thắng Biên). Sự thọ dụng của người trong các châu này từ cây Như ý lưu xuất ra. Trước khi họ chết bảy ngày, cây Như ý phát ra âm thanh rất buồn, báo trước rằng trong bảy ngày nữa thì họ chết. Có thuyết cho rằng người trong châu này lưỡi của họ phát ra Quỷ âm, cắn đứt thịt để ăn, nên gọi là Cưu-lâu. Đó là những âm thanh không hay ho gì.

Ở bên ngoài cùng về phía Tây có một châu tên là Ngưu Hóa. Hình dáng của nó giống như mặt trăng tròn đầy, dài hai ngàn năm trăm do-tuần, chu vi bảy ngàn năm trăm do-tuần. Hai bên có hai Trung châu là Nam Xá-hô (Hán dịch là Cụ Xiểm) và Bắc Ôn-đát-la Mạn-đát-rị-noa (Hán dịch là Nghi Thượng). Người trong các châu này hầu hết dùng trâu quý để trao đổi buốn bán, nên gọi là Ngưu hóa, núi, biển v.v... của châu này đều hướng xuống dưới, đều dài tám mươi ngàn do-tuần. Nó ở gần phần đất vàng nên gọi gần Nam Thiệm-bộ châu. Tinh cát tức châu, Kim châu, Nguyệt châu v.v...đều thuộc Thiệm-bộ châu. Các đại châu khác, tiểu châu cũng như vậy.

Cách châu này bốn mươi ngàn do-tuần trên không trung, thì hoàn toàn sạch sẽ, không ngăn ngại. Đây được gọi là Thắng kiên phong luân. Nó xoay vần qua bên phải. Mặt trời, mặt trăng, tinh tú, không cư thiên

v.v... đều nương lớp phong luân này mà trụ.

3. Mặt trời:

Do Hỏa châu hình thành, đường kính năm mươi mốt do-tuần, chu vi một trăm năm mươi ba do-tuần, dày sáu do-tuần mười tám phân. Phía trên có viền vàng. Trên lại có vàng, bạc, lưu ly, pha lê v.v... đan kết thành bốn phía. Cung điện Sở cư của Nhật Thiên tử vận hành nhờ gió. Một ngày một đêm mặt trời xoay vần khắp bốn đại châu. Khi mặt trời xoay sang hướng Bắc thì ngày dài hơn, khi xoay vần qua Nam thì ngày ngắn hơn. Trong lúc xoay vần Nam bắc như vậy phân định thành ngày đêm. Những nơi nó ngang qua, do có tiếp nhận ánh sáng nên có nóng lạnh, đó là mùa đông, mùa hạ. Nó vận hành qua Bắc sáu tháng, vận hành sang Nam sáu tháng. Vận hành đến ngay giữa thì gọi mặt trời, mặt trăng xoay vòng trở lại. Quay giáp một vòng thì gọi là một năm.

4. Mặt Trăng:

Do Thủy châu hình thành, đường kính năm chục do-tuần, chu vi một trăm năm chục do-tuần, dày sáu do-tuần mười tám phân. Phía trên lại có vàng, bạc, lưu ly, pha lê... đan kết thành bốn hướng, là cung điện mà Nguyệt Thiên tử... cư trú. Mặt trời, mặt trăng cách nhau xa hay gần thì bóng của nó giảm hay Tăng . Do Tăng một phần thì một nửa phía trên đủ cả mười lăm phần và gọi là trăng tròn, do giảm một phần thì nửa phần dưới bị che khuất cả mười lăm phần nên gọi là trăng khuyết. Do Tăng giảm nên gọi là Túc không, do một ngày đêm nên gọi là Túc địa. Như vậy ba mươi ngày thì gọi là một tháng.

5. Các Vì Sao:

Các vì sao do các thứ báu trong cung của Không Cư thiên hình thành nên. Hình dáng của nó đều tròn. Sao nhỏ nhất bằng một giọt sữa bò, sao hạng trung bằng ba giọt sữa bò, và sao lớn nhất bằng sáu giọt sữa bò. Chu vi của nó gấp ba lần, nối liền với Tứ Vương Chúng.

6. Núi Diệu Cao:

Núi Diệu Cao có bốn tầng. Từ mặt nước lên đến mười ngàn do-tuần là tầng đầu tiên. Tầng này từ núi Diệu Cao nhô ra mười sáu ngàn do-tuần. Lên đến mười ngàn do-tuần nữa là tầng thứ hai, tầng này nhô ra tám ngàn do-tuần. Lên đến mười ngàn do-tuần nữa là tầng thứ ba, tầng này nhô ra bốn ngàn do-tuần. Lên đến mười ngàn do-tuần nữa là

tầng thứ tư, tầng này nhô ra hai ngàn do-tuần. Đỉnh của Diệu Cao này có bốn góc, mỗi góc có một ngọn núi cao bốn do-tuần, rộng một trăm hai mươi lăm do-tuần, chu vi là năm trăm do-tuần. Thần Dược-xoa ở ngay trong đó. Trên đỉnh Diệu Cao là cõi trời thứ ba mươi ba. Thành ở ngay chính giữa tên là Thiện kiến. Thành này toàn do vàng làm thành, một do-tuần , mỗi mặt rộng hai ngàn năm trăm do-tuần, chu vi là mười ngàn do-tuần. Thể chất của thành bằng vàng, lại dùng đủ cả trăm thứ vật quý khác trang sức. Đất trong thành mịn màng như vải lục Đâu-la. Bốn mặt thành đều có mười sáu ngàn trụ báu, xà báu, đòn tay báu, mái che báu. Bốn mặt có bốn cửa, lại có một ngàn lầu nhỏ, mỗi lầu có một cửa nhỏ. Bốn ngả đường lớn có các đường nhỏ. Bên cạnh bốn cửa thành, năm trăm Thiên tử đều mặc giáp cứng giữ cửa thành. Trong thành có cung điện của Đế Thích tên là Tối Thắng Xứ, hay còn gọi là Thù thắng điện. Hình trạng của cung, bốn mặt vuông vức cao bốn trăm năm mươi do-tuần, mỗi mặt rộng hai trăm năm mươi do-tuần, chu vi là một ngàn do-tuần. Có một trăm lẻ một lầu trong cung điện. Mỗi một lầu lại có bảy lầu báu, mỗi một lầu báu có bảy lầu nhỏ. Mỗi một lầu nhỏ có bảy ao đầm, mỗi một ao đầm có bảy ao sen. Trên mỗi hoa sen có bảy đồng nam đồng nữ tấu vô số âm nhạc ca múa làm vui. Phía Đông của thành Thiện kiến là nơi để xe ngựa, còn gọi là vườn Chúng Xa, cao một ngàn do-tuần, phía Nam là nơi Lâm chiến được gọi là vườn Thô ác Phía Tây là nơi để đi lại được gọi là vườnTương Tạp Phía Bắc là nơi dạo chơi được gọi là vườn Hoan Hỷ. Những vườn này ngang rộng bằng thành trước. Phía ngoài những khu vườn này khoảng hai mươi do-tuần có một nơi tên là Thiện Địa, được gọi là Chúng Xa Thô Ác Tương Tạp Hoan Hỷ. Chu vi bằng những vườn kia. Phía Đông bắc của thành Thiện Kiến có cây Như ý tên là Ba-lợi-xà-đa, hay còn gọi là cây Viên Sinh. Rễ ăn sâu trong đất năm mươi do-tuần, cao một trăm do-tuần, cành nhánh tỏa rộng năm mươi do-tuần. Nó hay lưu xuất các loại dục lạc. Bên dưới có một bàn đá tên là A-lật-ma-lệ-ca, màu sắc trắng như lông cừu, mặt bàn rộng năm mươi do-tuần, chu vi hai trăm do-tuần. Phía Tây nam thành Thiện kiến là nơi chư Thiên tụ hội, tên là Thiện pháp đường, rộng chín trăm do-tuần. Thiện Pháp đường có hình tròn, ngay chính giữa pháp đường là tòa của Đế Thích. Tòa này toàn do vàng làm thành. Chu vi của tòa có ba mươi hai chỗ ngồi của phụ thần, được bày biện xung quanh. Cõi trời thứ Ba Mươi Ba cao tám mươi ngàn do-tuần, ở trong hư không, nương gió mà trụ. Cõi này đều do những món báu làm thành.

Ly Tránh: Thân lượng của cung này gấp hai lần đỉnh núi Diệu

Cao, cao đến một trăm sáu mươi ngàn do-tuần, ở trong hư không nương gió mà trụ, do các món báu làm thành.

Đâu-suất: Kích thước bằng Ly Tránh , ngang rộng gấp hai lần, cao đến ba lạc-xoa, hai vạn do-tuần, ở trong hư không nương gió mà trụ, do các món báu làm thành.

Hóa Lạc: Kích thước bằng Đâu-suất, ngang rộng gấp hai lần, cao đến sáu lạc-xoa bốn vạn do-tuần. Ở trong hư không nương gió mà trụ, do các món báu làm thành.

Tha Hóa Tự Tại thiên cung: Kích thước bằng Hóa Lạc, ngang rộng gấp hai lần. Đây là Dục giới, phía trên có Sơ thiền. Như vậy: Bốn châu, bảy núi, Diệu Cao , Luân vi, Lục thiên của Dục giới và Sơ thiền... là một Tứ thiên hạ. Một ngàn Tứ thiên hạ là một Tiểu thiên giới, có một Tiểu thiết vi bao bọc xung quanh. Một ngàn Tiểu thiên giới như vậy là một Trung thiên giới, có một Trung thiết vi sơn bao bọc. Một ngàn trung thiên giới như vậy là tam thiên đại thiên thế giới, có một Đại thiết vi sơn bao bọc chung quanh. Như vậy có tất cả trăm ức Tứ thiên hạ rải rác khắp cả. Giữa các núi như Thiết vi... là nơi tăm tối, không có ngày đêm, ngửa tay trước mặt còn không thấy.

Sơ thiền thiên: Kích thước bằng Tứ thiên hạ.

Nhị thiền thiên: Lích thước bằng Tiểu thiên giới.

Tam thiền thiên: Kích thước bằng Trung thiên giới.

Tứ thiền thiên: Kích thước bằng tam thiên đại thiên thế giới .

Vô sắc giới: Không có xứ sở riêng biệt. Vậy nếu người sinh lên đây thì mệnh chung ở đâu? Đó là trụ trong Vô sắc định ở ngay trong xứ ấy. Thế nên gọi là Vô sắc.

7. Phẩm Tình Thế giới:

Tình thế giới tổng cộng có sáu loại:

1. Địa ngục.
2. Ngạ quỷ.
3. Bàng sinh.
4. Người.
5. Phi thiên.
6. Trời.

Tên gọi và ý nghĩa của sáu loại này như thế nào? Đó là: Chặt róc thân thể tay chân nên gọi là Địa ngục. Đói khát bức bách nên gọi là ngạ quỷ. Loài đi bụng nằm ngang nên gọi là bàng sinh. Tâm ý quá nhiều phân biệt, nên gọi là Người (Đây là ý nghĩa của Ma-nâu-sa). Thân và

sự thọ dụng giống như trời, nhưng nhỏ liệt, kém cõi, thô xấu hơn, hoặc do không có rượu, nên gọi là Phi thiên (Đây là nghĩa của A-tu-la). Từ thân Phạm thiên sinh ra, chỉ dạo chơi làm vui, hoặc đáng được cúng dường, nên gọi là Trời (Đây là nghĩa của Đề-bà).

- Địa ngục: Từ Thiệm-bộ châu xuống sâu hai mươi ngàn do-tuần, thành quách bốn bên rộng hai mươi ngàn do-tuần, thành toàn bằng sắt, lửa cháy hừng hực. Có tám địa ngục nóng:

Địa ngục Cánh hoạt: Loài hữu tình sinh ở đây, do nghiệp lực đã tác tạo từ trước chiêu cảm quả báo, oán ghét nổi lên, cầm các thứ khí cụ, xáp vô chặt bửa thân mình đứt thành muôn đoạn, ngất đi tạm chết. Ngay trong âm cảnh ấy nghe âm thanh liền sống trở lại và tiếp tục chém giết nhau. Một đời của họ bằng một ngày một đêm ở Tứ thiên Vương thiên, như vậy tính ra họ phải trải qua năm trăm năm để chịu sự thống khổ đó.

Địa ngục Hắc Thằng: Ngục tốt của ngục này lấy dây đen quấn chặt thân hữu tình từ đầu đến chân, dùng cưa lửa cưa nát thân thể tay chân hữu tình. Do nghiệp lực đã tạo chiêu cảm, nên thân nát ấy lại sống trở lại. Một đời của họ bằng một ngày đêm trên Đao-lợi thiên, như vậy tính ra họ phải trải qua một ngàn năm để chịu sự khổ sở ấy.

Địa ngục Chúng Hợp: Hữu tình sinh ở đây, ngục tốt dùng hai trái chùy bằng sắt đánh, hoặc dùng hai trái núi bằng sắt như đầu con dê, hai núi này xô ép lại nghiền nát thân thể hữu tình, khi hai trái núi giãn ra, liền tự nhiên có lửa nổi lên thiêu đốt. Cứ thế lại tiếp tục nghiền ép đến nát thân. Một đời của họ bằng một ngày đêm trên Ly Tránh thiên, như vậy tính ra họ phải trải qua hai ngàn năm để chịu khổ báo.

Địa ngục Hào khiếu (Kêu gào): Hữu tình sinh sang đây, do sợ ao sắt nóng nên chạy vào trong rừng rậm, bị lửa cháy bừng bừng nổi lên thiêu đốt mãi cả năm như vậy. Nhưng do nghiệp lực trong đời trước, lưỡi của họ dài rộng đến một ngàn do-tuần, có một con trâu lớn sừng sắt, móng sắt, kéo cày bằng sắt, lửa cháy đỏ rực, cày bừa trên lưỡi. Một đời của họ bằng một ngày đêm trên Đâu-suất thiên. Như vậy tính ra họ phải trải qua bốn ngàn năm để chịu khổ báo.

Địa ngục Đại hào khiếu: Cũng như trong ngục trước nhưng sự thống khổ gấp bội lần. Thọ mạng của họ một đời bằng một ngày đêm trên cõi Hóa lạc thiên. Như vậy tính ra họ phải trải qua tám ngàn năm để chịu khổ sở.

Địa ngục Viêm Nhiệt (Nóng bức): Thành ngục bằng sắt dày ba lớp, lửa cháy ngùn ngụt, tội nhân ở trong ấy gánh chịu khổ báo. Một đời

của họ bằng một ngày đêm trên cõi Tha Hóa Tự Tại. Như vậy tính ra họ phải trải qua mười sáu ngàn năm để chịu quả khổ.

Địa ngục Cực Viêm Nhiệt: Giống như ở ngục trên nhưng sự thống khổ gấp bội lần. Họ phải trải qua nửa Trung kiếp để chịu khổ báo ở đây.

Địa ngục Vô Gián: Thân trong ngục sắt này bị một đám lửa lớn thiêu đốt, khổ sở vô cùng. Họ phải trải qua một Trung kiếp để chịu khổ báo ở đây.

Mười sáu Ngục Tăng: Bên cạnh tám ngục nóng lại có bốn sở ngục nữa là:

Đường Ổi Tăng (Than nướng): Sâu lút đầu gối, hữu tình thác sinh ở đây, vừa mới bước chân xuống thì da, thịt, máu, mỡ đều cháy tiêu hết cả, chỉ còn lại bộ xương. Nhấc chân lên thì da thịt bình phục như cũ.

Hộ Phẩn Tăng (Nhà xí): Các thứ bất tịnh cao đến lưng của tội nhân. Trong ấy có vô số côn trùng đeo bám cắn rỉa. Miệng của nó bén như kim, châm vào da thịt tội nhân thấu đến tận xương tủy để rỉa cắn thân thể tội nhân.

Phong Đao Tăng (Núi dao): Lại có ba ngục:

Đao nhận lộ: Trong ngục này dùng dao nhọn chỉa ngược lên làm đường đi. Tội nhân sinh sang đây vừa mới đặt chân xuống thì da, thịt, máu, mủ đều bị nát nhừ, nhấc chân lên thì lại bình phục như cũ.

Kiếm Diệp Lâm : Trong rừng cây này, là cây toàn là dao kiếm bén nhọn. Tội nhân thác sinh ở đây, bị gió thổi lá cây ấy rơi xuống chém nát thân thể, xương thịt rã rời. Lại có quạ chó đến tranh nhau ăn thịt.

Thiết Thích Lâm (Còn gọi là Tiêm-ma-lợi): Trong rừng cây này có những dùi sắt bén nhọn dài mười sáu ngón tay. Lúc tội nhân bị ép phải leo lên leo xuống, dùi sắt bén nhọn ấy đâm từ dưới lên, chích từ trên xuống. Cứ như vậy da thịt, máu mủ của họ treo đầy trên đầu dùi sắt nhọn, chỉ còn trơ lại gân xương. Lại có loài chim mỏ sắt bay đến mổ mắt, óc, não tội nhân, chúng tranh nhau giành thịt mà ăn. Ba loại ngục trên tuy khác nhau, nhưng cùng dùng khí cụ bằng sắt, nên nó chỉ là thuộc trong một ngục.

Liệt Hà Tăng (Sông sôi): Còn gọi là Vô độ: Trong sông chứa đầy nước nóng bỏng vô cùng, tội nhân ở trong ấy khi bị chìm, lúc bị nổi, hoặc trôi xuôi dòng, hoặc trôi ngược dòng hoặc trôi ngang hoặc trôi dọc, bị nấu bị luộc, xương thịt nát nhừ. Chẳng khác nào trong chảo lớn chứa đầy nước tro rồi đổ thóc gạo vào đó. Dù ngọn lửa đã tắt nhưng hạt gạo cứ theo dòng xoáy của nước mà trôi mãi cho đến nát nhừ. Tội nhân

cũng bị như vậy. Giả sử muốn chạy trốn, thì hai bên bờ đã có ngục tốt, tay cầm dao thương cản đường buộc phải quay lại, nên không bao giờ thoát được. Sông này như cái hào, ba ngục trước giống như khu vườn. Những ngục này gọi là Cận biên địa ngục.

Tám địa ngục lạnh:

Ngục Thủy Bào: Sinh trong băng giá lạnh rét vô cùng, toàn thân là bọng nước, nên gọi Thủy bào ngục. Thọ mạng của họ bằng số hạt mè trong tám mươi hộc của nước Ma-già-đà, cứ một trăm năm thì vơi đi một hạt, khi mè hết thì thọ mạng của tội nhân mới hết.

Ngục Bào Liệt: Do vì quá lạnh nên những bọng nước ấy đều vỡ ra, rỉ chảy ra thứ nước vàng hôi. Thọ mạng của họ gấp hai mươi lần trong ngục trước.

Ngục A-tra-tra: Do vì quá lạnh phải cắn răng chịu đựng. Thọ mạng của họ gấp hai mươi lần trong ngục trước.

Ngục A-ba-ba: Phát ra những âm thanh nhẫn chịu lạnh cóng. Thọ mạng ở đây gấp hai mươi lần trong ngục trước.

Ngục Ẩu hầu hầu: Do lạnh cóng nên gào khóc thảm thiết, rên la vì khổ. Thọ mạng ở đây gấp hai mươi lần ngục trên.

Ngục Liệt như Uất-bát-la hoa: Do vì lạnh cóng nên thân thể nứt nẻ như lá của hoa Uất-bát-la. Thọ mạng ở đây gấp hai mươi lần ngục trên.

Ngục Liệt như Liên hoa: Do vì lạnh cóng, nên thân thể nứt nẻ như hoa sen nở ra. Thọ mạng ở đây gấp hai mươi lần ngục trên.

Ngục Liệt như Đại liên hoa: Thân nứt nẻ hơn trong ngục trước, như hoa sen lớn nở ra, phơi bày nhiều cánh. Thọ mạng ở đây gấp hai mươi lần ngục trước.

Còn ngục Cô Độc, ở những nơi đồng hoang núi thẳm trong Thiệm-bộ châu. Trong ngục này mỗi một ngày đêm phải chịu khổ được vui, cứ xen nhau chịu đủ như vậy. Tám địa ngục nóng, tám địa ngục lạnh, Cận biên ngục và Cô độc ngục, đó gọi là mười tám địa ngục.

- Ngạ quỷ: Từ thành Vương xá xuống đến năm trăm do-tuần có một thành quỷ đói tên là Hoàng Bạch, hay còn gọi là Thảm Đạm. Quỷ Vương thành ấy tên là Diêm-la Pháp Vương, cùng ba mươi sáu quyến thuộc đồng ở trong ấy. Trong đó có bốn loại ngạ quỷ:

Ngoại chướng: Tên cơm nước còn không được nghe đến.

Nội chướng: Được chút thức ăn nhưng miệng đau như kim châm nên không thể ăn được. Giả sử đưa được vào miệng nhưng cổ họng nhỏ như lông đuôi ngựa nên nuốt không trôi. Giả sử nuốt qua cổ họng,

nhưng bụng to như trái núi, nên không thể no được. Dù được no bụng nhưng do cẳng chân như cỏ rỗng ruột nên không thể cử động được. Tội nhân phải chịu những sự thống khổ như vậy.

Ẩm thực chướng: Khi thấy cơm nước, thì bị vô số ngục tốt cầm các khí cụ ngăn cản không cho ăn.

Chướng ẩm thực: Lúc ăn uống do nghiệp lực chiêu cảm, cơm nước biến thành hòn sắt nóng, nước đồng sôi từ trong miệng trào ra.

Bốn loại ấy đều là quỷ đói. Một ngày đêm của họ bằng một tháng của dương gian, như vậy tính ra họ phải trải qua năm trăm năm để chịu thống khổ, tức bằng mười lăm ngàn năm của dương gian. Hoặc trên dân gian, những nơi rừng sâu lạnh rét, chúng sinh uống máu ăn thịt đều thuộc về quỷ đói.

- Bàng sinh:

Phần nhiều sống ở bờ sông bờ biển, tụ tập đông đúc tạp nhạp, loài lớn ăn thịt loài nhỏ, loài nhỏ ăn thịt loài lớn. Chúng đàn áp lẫn nhau. Do sóng biển đẩy xô không cố định, nên có khi chúng ở trong trời người. Thọ mạng của chúng là nửa trung kiếp, dài bằng Long Vương, hoặc ngắn ngủi như con ve chỉ trong sát-na rồi liền biến mất mạng, thọ mạng ngắn dài không nhất định.

- Người:

Ở trong bốn đại châu, tám Trung châu và các Tiểu châu khác. Thọ mạng của họ, chẳng hạn như người trong Thiệm-bộ châu lúc sơ kiếp thì vô lượng, lần hồi giảm dần, như nay chỉ còn sáu mươi tuổi. Sau đó dần dần giảm tiếp đến còn mười tuổi, rồi lại Tăng dần đến mức vô lượng. Người ở Bắc Câu-lô châu thọ mạng thọ mạng nhất định là một ngàn năm; Đông Thắng thân là năm trăm năm, Tây Ngưu hóa châu là hai trăm năm mươi năm; trừ Bắc Câu-lô châu, người trong các châu khác đều có chết yểu. Sự thọ dụng của họ thì, ở Bắc Câu-lô châu thức ăn tự nhiên sẵn có, y phục, anh lạc, đều từ cây Như ý lưu xuất ra. Còn ba châu kia thì ăn ngũ cốc, rau, thịt, dùng của báu để trang sức. Thân lượng của họ thì người trong Thiệm-bộ châu cao bốn Khuỷu tay, ở Đông Thắng thân cao tám khuỷu tay, ở Tây Ngưu hóa cao mười sáu khuỷu tay, ở Bắc Câu-lô cao ba mươi hai khuỷu tay. Mặt mũi của họ giống hình dáng của châu đó. Người ở tiểu châu cũng giống như đại châu, nhưng thân lượng chỉ bằng một nửa.

- Phi thiên:

Từ mặt nước của Diệu Cao xuống mười một ngàn do-tuần, trong thành Quang Minh ở nơi núi rộng thông thoáng có A-tu-la Vương tên là

La-hầu-la (Hán dịch là nhiếp não) cùng chư quyến thuộc ở trong thành ấy. Lại xuống mười một ngàn do-tuần nữa, trong thành Tinh Man có A-tu-la Vương trên là Hạng Man cùng quyến thuộc ở trong ấy. Lại xuống mười một ngàn do-tuần nữa, trong thành Kiên Lao có A-tu-la Vương tên là Diệu Trấn, hay còn gọi là Đại Lực cùng chư quyến thuộc ở trong thành ấy. Lại xuống mười một ngàn do-tuần nữa trong thành Thậm thâm có A-tu-la Vương tên là Tỳ-ma-chất-đa-la (Hán dịch là Ty Chủng chủng hay Văn Thân) cùng chư quyến thuộc ở trong thành ấy. Loài này thường hay đánh nhau với trời Đế Thích. Thành của chúng tên là Cụ kim, cung điện tên là Tấu Nhạc, cây Như ý thọ Vương tên là Tức đát bát lật, nơi hội họp tên là Hiền Tài, bàn đá tên là Thiện hiền, vườn tên là Phổ Hỷ. Thiện địa tên là Diệu Hỷ Tối Hỷ Thậm Hỷ, hay còn gọi là Phổ hỷ diệu Hỷ Tối Hỷ Thậm Hỷ. Lúc lâm chiến cỡi con voi tên là Vô năng địch; lúc dạo chơi cỡi con voi tên là Lũy Tuyết, ngựa tên là Tiểu bột. Những loài Phi thiên này thường đánh nhau với vua trời Tam Thập Tam để tranh giành hương vị Tu-đà và con gái Tu-la. Chúng thường xuất binh từ những vách núi, thân mặt áo giáp cứng chắc bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê... tay cầm kiếm giáo, tiêu, thương, cung tên thống lãnh bốn bộ chúng tham chiến. La-hầu-la, Hạng Man, Diệu Trấn, Tỳ-ma-chất-đa-la... những A-tu-la Vương ấy có khi ba vị trước đi đánh, có khi cả bốn người cùng đi. Bấy giờ năm chúng thủ hộ của Đế Thích tham chiến. Vị thứ nhất tên là Nguyện Nhạo Bạch Pháp Long Vương trụ ở bờ biển dẫn quân đi đánh Phi thiên. Nếu Long Vương này không thắng thì đến thành Kiên thủ dẫn thủ hộ thứ hai cùng đi đánh Phi thiên. Nếu cũng không thắng thì đến thành Trì man dẫn thêm thủ hộ thứ ba cùng đi đánh Tu-la. Nếu lại không thắng thì đến thành Hằng Kiều dẫn thủ hộ thứ tư cùng đi đánh. Nếu cũng không thắng thì đi đến thành của Tứ Vương cùng thủ hộ thứ năm đi đánh. Tứ Đại Thiên Vương thống lãnh bốn đoàn quân đó mặc áo giáp báu cứng chắc tay cầm các khí cụ như giáo, trượng, đánh nhau với Tu-la. Hầu hết thì Tứ Thiên Vương đều thắng. Nếu không thắng nổi thì đến Đao-lợi thiên, trước tiên thưa Đế Thích rằng: Bọn thủ hộ chúng tôi không thắng nổi A-tu-la Vương kia, mong nhà vua đứng ra chống địch. Thưa xong, Thiên chủ Đế Thích cỡi con voi Thiện trụ, bảo với chúng trong cõi trời thứ ba mươi ba rằng: Các ngươi nên biết, nay quân của Tu-la đã đến tới đỉnh Diệu Cao, các ngươi phải mặc áo giáp cứng chắc, cỡi những chiến xa giao chiến với Tu-la. Nói xong, các vị Thiên tử đều mặc áo giáp báu, tay cầm gươm giáo, đao, trượng đến vườn Chúng Xa Uyển lấy những cỗ xe, vào Thô

Ác để thân tâm chuyển thành ác, ra khỏi thành Thiện kiến giao chiến với Tu-la. Nếu Tu-la thắng thì họ xâm nhập đến nội thành. Nếu Thiên Vương thắng thì đuổi Tu-la về lại từng biển thứ nhất. Lúc đánh nhau, quân binh của Thiên Vương và Tu-la nếu bị chém cổ chém lưng thì liền chết ngay, nếu bị chém đứt tay chân thì lại bình phục như cũ. Nếu gặp lúc Bạt-già-phạm, Bích-chi-phật, Chuyển luân thánh Vương trụ thế, thì A-tu-la không khởi tâm tranh giành, giao chiến. Nếu có đánh nhau, chư Thiên tất thắng. Những việc phước thiện trong thế gian Tăng thịnh thì chư Thiên cũng thắng. Nếu việc bất thiện Tăng thì Tu-la thắng. Vì vậy chư Thiên thường hay hộ trì việc thiện.

- Trời:

Tức sáu cõi trong Dục giới, mười bảy cõi trong Sắc giới và bốn cõi trong Vô sắc giới.

Sáu cõi trong Dục giới: Tầng thứ nhất của Tô-mê-lô sơn chúng Kiên Thủ ở. Tầng thứ hai là chúng Trì Man ở. Tầng thứ ba là chúng Hằng Kiều ở. Phía Bắc trên ngọn Trì Song sơn có thành tên là A-na-ca phược đế, có đại Thiên Vương tên là Đa Văn Thiên Vương cùng chúng Dược-xoa ở đó. Phía Đông có thành tên là Hiền Thượng, có đại Thiên Vương tên là Trì Quốc cùng chúng Càn-thát-bà ở đó. Phía Tây có thành tên là Chúng Sắc, có đại Thiên Vương tên là Quảng Mục cùng chúng Long thần ở đó. Phía Nam có thành tên là Tăng Trưởng, có đại Thiên Vương tên là Tăng Trưởng cùng chúng Diễm Man ở đó. Ngoài bốn tầng đó, thì bảy núi vàng, mặt trời, mặt trăng, các vì sao, Thiết vi, Luân sơn, các núi ở Thiệm-bộ châu, dưới cây Đa-la, bộ chúng của Tứ Thiên Vươngcùng ở trong ấy. Những nơi này đều thuộc quyền cai quản của Tứ thiên Vương và được gọi là một bộ. Thọ mạng của họ trong một ngày đêm bằng năm mươi năm của loài người. Như vậy tính ra họ sống đến năm trăm năm. Còn như thân lượng của họ thì bằng một câu-lô-xá và một phần tư. Cõi trời Tam Thập Tam ở trên đỉnh Diệu Cao là nơi thù thắng nhất dành cho Đế chủ, Đế Thích và cung nữ loài Phi thiên tên là Diệu An. Vua cùng chúng Thiên nữ thọ hưởng dục lạc chẳng hề nhàm chán. Khi lâm chiến vua cỡi tượng Vương tên là Thiện trụ, lúc dạo chơi trong vườn, vua cỡi tượng Vương tên là Ái-la-phiệt-noa (Hán dịch là Trì địa tử). Thân hình của hai con voi này mỗi con dài bảy do-tuần cùng ở chung với tám ngàn voi nhỏ khác. Lại có Mã Vương tên là Tốc tật phong cùng ở chung với tám ngàn con ngựa khác. Phụ thần của Thiên chủ gồm ba mươi hai người, nên gọi là trời Tam thập tam. Các vị Thiên tử đều mê đắm năm món dục lạc. Nếu lúc phóng dật có trống đại thiên

phát ra âm thanh cảnh cáo chư Thiên rằng: Các hành đều vô thường, hữu lậu đều là khổ, các pháp đều vô ngã, tịch diệt là an vui. Lúc đánh nhau với Tu-la, nó phát ra âm thanh trừ khổ mà cảnh báo rằng: Mong trời thắng trận, Tu-la bại trận. Cung điện, thành trì, cây cối, nơi tập hợp, bàn đá... cũng đều như vậy. Thọ mạng của chư thiên một ngày đêm bằng một trăm năm ở nhân gian. Như vậy tính ra họ sống đến một ngàn năm. Thân lượng của họ bằng nữa du-xà-na.

Trời Diệm-ma: Trời Tam thập tam đánh nhau với Tu-la, còn trời này rời xa sự đấu tranh nên gọi là Ly Tránh thiên. Thọ mạng của họ một ngày đêm bằng hai trăm năm của loài người. Như vậy họ sống đến hai ngàn năm. Thân lượng của họ bằng hai du-xà-na.

Trời Đâu-suất-đà: Có Bồ-tát Từ Thị nối tiếp xuất thế. Ở ngôi vị Pháp Vương thọ hưởng Đại pháp lạc, nên gọi là Đâu-suất (Đây là nghĩa của Câu Lạc). Một ngày đêm ở đây bằng bốn trăm năm ở nhân gian. Như vậy họ sống đến bốn ngàn năm. Thân lượng là bốn du-xà-na.

Trời Hóa lạc: Tự biến hóa ra sự thọ dụng, nên gọi là Hóa lạc. Một ngày một đêm ở đây bằng tám trăm năm ở nhân gian. Như vậy họ sống đến tám ngàn năm. Thân lượng của họ là tám du-xà-na.

Trời Tha Hóa Tự Tại: Thọ dụng do sự biến hóa của người khác, nên gọi là Tha Hóa Tự Tại. Vua trong cõi trời này uy đức rất tự tại, đây là chúa của Ma quân. Một ngày đêm ở đây bằng một ngàn sáu trăm năm ở nhân gian. Như vậy họ sống đến mười sáu ngàn năm, thân lượng là mười sáu du-xà-na.

Dưới từ ngục Vô Gián lên đến cõi trời Tha Hóa Tự Tại là phạm vi của Dục giới. Chúng sinh trong cõi này đắm trước dục lạc, nên gọi là Dục giới.

Mười bảy cõi trời thuộc Sắc giới nằm trong Tứ tĩnh lự (Tứ thiền).

Ba cõi thuộc Sơ thiền: Là Phạm chúng, Phạm phụ, Đại phạm, thọ mạng của các cõi này như sau: Phạm chúng là nửa kiếp, Phạm phụ là một kiếp, Đại phạm là một kiếp rưỡi. Thân lượng theo thứ tự sau: Nửa do-tuần, một do-tuần, một do-tuần .

Ba cõi thuộc Nhị thiền là: Thiểu quang, Vô lượng quang, Cực quang. Thọ lượng của Thiểu quang là hai kiếp (Từ đây lên đến Tứ thiền thiên cứ bốn mươi trung kiếp là một đại kiếp. Từ đây xuống các cõi trời dưới, cứ tám mươi trung kiếp là một đại kiếp). Vô lượng quang là bốn kiếp, Cực quang là tám kiếp. Thân lượng trong Thiểu quang là hai do-tuần, Vô lượng quang là bốn do-tuần, Cực quang là tám do-tuần.

Ba cõi thuộc Tam thiền là: Tiểu thiện, Vô lượng thiện, Quảng

thiện. Thọ mạng trong Tiểu thiện là mười sáu kiếp, Vô lượng thiện ba mươi hai kiếp, Quảng thiện là sáu mươi bốn kiếp. Thân lượng chư Thiên trong Tiểu thiện mười sáu do-tuần, Vô lượng thiện là ba mươi hai do-tuần, Quảng thiện là sáu mươi bốn do-tuần.

Tám cõi thuộc Tứ thiền là: Vô vân, Phước sinh, Quảng quả. (Ba cõi này phàm phu ở). Vô phiền, Vô nhiệt, Thiện hiện, Thiện kiến, Sắc cứu cánh, năm cõi này Thánh nhân ở. Đây còn gọi là Ngũ tịnh cư thiên. Thọ mạng của chư Thiên trong Vô vân là một trăm hai mươi lăm kiếp, Phước sinh là hai trăm năm mươi kiếp, Quảng quả là năm trăm kiếp, Vô phiền là một ngàn kiếp, Vô nhiệt là hai ngàn kiếp, Thiện hiện là bốn ngàn kiếp, Thiện kiến là tám ngàn kiếp, Sắc cứu cánh là mười sáu ngàn kiếp. Thân lượng của chư Thiên trong Vô vân là một trăm hai mươi lăm do-tuần, Phước sinh là hai trăm năm mươi do-tuần, Quảng quả là năm trăm do-tuần, Vô phiền là một ngàn do-tuần, Vô nhiệt là hai ngàn do-tuần, Thiện hiện là bốn ngàn do-tuần, Thiện kiến là tám ngàn do-tuần, Sắc cứu cánh là mười sáu ngàn do-tuần. Bắt đầu từ Phạm chúng lên đến Sắc cứu cánh là địa phận của Sắc giới. Chúng sinh ở đây lìa được dục lạc nhưng chưa lìa sắc uẩn nên gọi là Sắc giới.

Bốn cõi thuộc Vô sắc giới: Chúng sinh cõi này không có sắc thân, không có xứ sở, từ trong định mà phân ra làm bốn cõi đó là: Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ và Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Thọ mạng chúng sinh trong Không vô biên xứ là hai mươi ngàn đại kiếp, Thức vô biên xứ là bốn mươi ngàn đại kiếp, Vô sở hữu xứ là sáu mươi ngàn đại kiếp, Phi tưởng phi phi tưởng xứ là tám mươi ngàn đại kiếp. Bốn cõi này thuộc Vô sắc giới. Do chưa lìa được sắc định mà chỉ lìa được sắc thô, nên gọi là Vô sắc. Thọ mạng của bốn cõi này là năm, kiếp, thời. Số lượng ấy như thế nào? Thời gian nhỏ nhất gọi là sát-na. Một trăm hai mươi sát-na là một đát-sát-na, sáu mươi đát-sát-na là một la-bà, ba mươi la-bà là một mâu-hữu-đa (Hán dịch là Tu du), ba mươi mâu-hữu-đa là một ngày đêm, ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm. Kiếp có sáu loại:

1. Trung kiếp (hay gọi là kiếp giảm).
2. Thành kiếp.
3. Trụ kiếp.
4. Hoại kiếp.
5. Không kiếp.
6. Đại kiếp.

Trung kiếp nghĩa là người ở Thiệm-bộ châu từ vô lượng năm giảm

dần xuống đến còn tám mươi ngàn năm, đây thuộc về thành kiếp. Từ tám mươi ngàn năm giảm dần xuống còn mười năm, đây là thời kỳ đầu của trung kiếp. Sau đó lại Tăng đến tám mươi ngàn năm, rồi giảm xuống còn mười năm là một vòng. Cứ như vậy mười tám lần Tăng giảm là mười tám trung kiếp. Sau đó từ mười năm Tăng lại đến tám mươi ngàn năm là kiếp sau cùng, cộng với kiếp đầu tiên và mười tám vòng kiếp giữa thì thành hai mươi trung kiếp.

Thành kiếp thì bắt đầu từ Phong luân lên đến địa ngục Vô Gián, sinh một hữu tình thì Khí thế giới thành, tồn tại trong một trung kiếp như đã nói ở trước.

8. Tình thế giới:

Ba ngàn thế giới ấy bị lửa thiêu đốt sau đó hình thành thế giới. Người Trời từ Cực quang thiên mạng chung, thác sinh vào xứ sở của Đại phạm. Họ ở trong ấy một mình nên sinh tâm mỏi mệt thở than. Nếu có người cùng cộng nghiệp sinh trong thế giới này thì cũng sẽ phát cái tâm như thế, dù không phải nhờ sức nhớ nghĩ người trời ở Cực quang thiên mạng chung, nhưng liền thác sinh trong xứ ấy. Cái tâm trước khi thác sinh suy nghĩ như vầy: "Do tôi tham sống". Thế nên người ta nói rằng Đại phạm là thỉ tổ loài người.

Kế đó Phạm Phụ, Phạm Chúng, Tha Hóa Tự Tại cho đến Tứ Vương thiên lần lượt sinh trong Bắc Câu-lô châu, Tây Ngưu hóa châu, Đông Thắng thần châu, Nam Thiệm-bộ châu. Cứ thế lần lượt thác sinh. Bấy giờ người trong Nam Thiệm-bộ châu thọ mạng vô lượng, những thứ thức ăn thức uống, vui chơi có hình sắc đều do ý khởi tưởng mà thành. Thân họ mang đầy ánh sáng, tự tại bay nhảy giữa hư không, giống như chư Thiên trong Sắc giới cũng có loại này. Mùi vị của đất dần dần phát sinh vị ngọt, có màu trắng như mật, hương vị thơm ngát. Lúc bấy giờ có một người vốn bẩm tánh tham đắm mùi vị, khởi tâm phân biệt thối thơm, liền bốc đất ăn, lại bảo mọi người làm theo như mình. Do bốc ăn như vậy nên ánh sáng trên thân tắt hết. Do nghiệp lực chiêu cảm nên mặt trời, mặt trăng liền chiếu rọi bốn châu. Sau đó hương vị của đất cũng mất và phát sinh thành bánh bằng đất. Mùi vị của nó cũng ngọt nhưng có màu hồng như mật. Do họ tranh nhau lấy ăn, nên bánh đất này cũng mất. Thế là họ tranh nhau giành lấy dây leo trong rừng mà ăn, nên dây leo cũng hết. Rồi chẳng cần cày cấy mà lúa thóc tự mọc và mọi người cùng lấy lúa này để ăn. Do thức ăn này thô dở, nên họ phải bỏ cặn bả rễ gốc. Bấy giờ, chư Thiên hằng ngày lấy lúa thơm mà ăn. Sau đó có một

người vốn bẩm tánh lười biếng cứ lấy hoài lúa thóc dự trữ ra ăn, những người khác cũng bắt chước anh ta, nên lúa thóc ngày càng vơi cạn. Từ đó họ cùng chia ruộng để phòng bị đến khi lúa hết sạch, cái tâm bảo thủ giữ gìn cũng bắt đầu phát sinh. Đối với những phần ruộng của kẻ khác họ cũng muốn rắp tâm chiếm đoạt, thế là nổi lên sự tranh giành. Bấy giờ mọi người bàn bạc nên cử một người có đức phong làm chúa để đứng ra chia ruộng đất, ý kiến này ai nấy đều đồng ý và người được cử là Đại Tam-mạt-đa Vương (Hán dịch là Chúng Sở Hứa). Vị vua này có rất nhiều con nối nhau làm vua. Con trai trưởng tên là Quang Diệu, con của Quang Diệu là Thiện Đế, con của Thiện Đế là Tối Thiện, con của Tối Thiện là Tĩnh Trai. Năm vị vua này là Ngũ Vương trong thời kỳ thành kiếp. Con của Tĩnh Trai Vương tên là Đảnh Sinh, con của Đảnh Sinh là Diệu Đế, con của Diệu Đế là Cận Diệu, con của Cận Diệu là Cụ Diệu, con của Cụ Diệu là Nghiêm Diệu. Năm vị vua này được gọi là ngũ Chuyển luân Vương. Con của Nghiêm Diệu Vương tên là Xả Đế. Con Xả Đế là Xả Song, con Xả Song là Xả Cố Ni, con Xả Cố Ni là Cố Thất, con của Cố Thất là Thiện Kiến, con của Thiện Kiến là Đại Thiện Kiến, con của Đại Thiện Kiến là Trừ Ngại. Con của Trừ Ngại là Kim Sắc, con của Kim Sắc là Cụ Phần, con của Cụ Phần là Ly Ác, con của Ly Ác là Diệu Cao, con của Diệu Cao là Định Hạnh, con của Định Hạnh là Thậm Hống Âm, con Thậm Hống Âm là Đại Thậm Hống Âm, con Đại Thậm Hống Âm là Năng An, con Năng An là Phương Chủ, con của Phương Chủ là Hiền Trần, con của Hiền Trần là Năng Quảng, con của Năng Quảng là Đại Thiên. Chủng tộc của vua này có năm ngàn người kế vị. Con út của vua này có tên là A-tư-ma-ca Vương có bảy ngàn người con kế vị. Người con sau cùng tên là Cưu-lâu Vương có tám ngàn người con kế vị. Người con sau cùng tên là Cụ Đầu Vương có chín ngàn người con kế vị. Người con sau cùng là Long Âm có mười ngàn người con kế vị. Người con sau cùng tên là Đát-di-lâu-đát, có mười lăm người con kế vị. Người con sau cùng tên là Cù-đàm Thị, tức dòng họ Cam Giá, con cháu họ nối tiếp nhau. Dòng Cam Giá Vương có một ngàn một trăm người kế vị. Người con sau cùng của dòng họ này tên là Tăng Trưởng, tức là Ý Sư Ma Vương. Nhà vua này có bốn người con:

1. Diện Quang.
2. Tượng Thực.
3. Điều Phục Tượng.
4. Nghiêm Trạc.

Đây gọi là họ Thích-ca.

Nghiêm Trạc có người con tên là Nghiêm Trạc Túc, con Nghiêm Trạc Túc là Trí Sở, con của Trí Sở là Ngưu Cư, con của Ngưu Cư là Sư Tử Giáp Vương. Sư Tử Giáp Vương có bốn người con:

1. Tịnh Phạn.
2. Bạch Phạn.
3. Hộc Phạn.
4. Cam Lộ Phạn.

Con của Tịnh Phạn Vương tức là Bà-già-phạm, con thứ của ông ta là Nan-đà. Bạch Phạn Vương có hai người con:

1. Đế-sa tức Điều-đạt.
2. Nan-đề-ca.

Hộc Phạn Vương có hai người con:

1. A-ni-lâu-đà.
2. Bạt-đề-la-ca.

Cam Lộ Phạn Vương có hai người con:

1. A-nan.
2. Đề-bà-đạt-đa.

Con của Bạt-già-phạm tên là La-hầu-la. Chủng tộc Thích-ca đến đây là hết.

Lại nữa các dòng vua khác theo giáo pháp mà chấn hưng Phật giáo. Hai trăm năm sau khi Như Lai diệt độ, quốc Vương của Trung Ấn Độ là Vô Ư làm quốc Vương ở Nam Thiệm-bộ châu, thường làm Đại thí chủ chấn hưng Phật giáo trong những lần kết tập. Sau đó ba trăm năm, phía Tây Bắc Thiệm-bộ châu có vị vua tên là Cát-cư-thi-cát làm Đại thí chủ chấn hưng Phật pháp trong ba lần kết tập. Trong các nước khác như Phạm Thiên Trúc, Ca-thấp-di-la, Lăc Quốc, Quy Tư, Niết-ba-lạt, Chấn Đán, Đại Lý, Tây Hạ... Các vị quốc Vương ấy đều chấn hưng Phật pháp ở ngay đất nước của mình. Hơn một ngàn năm sau khi Như Lai diệt độ, trong nước Tây Phiên mới bắt đầu có vua tên là Nha Khất Lật Tán Phổ. Đến đời vua thứ hai mươi sáu tên là Hợp đà đóa lật tư nhan tán. Lúc bấy giờ Phật pháp mới lưu nhập trong nước này. Về sau đời thứ năm có vua tên là Song tán tư nhan phổ, bấy giờ có Ban-di-đạt tên là A-đạt-đà, dịch chủ tên là Đoan Mỹ Tam-ba-la cùng phiên dịch giáo pháp, sửa sang xây dựng tinh xá ở các nơi như Hợp tát... để lưu truyền giáo pháp. Sau đó đến đời vua thứ năm tên là Khất lật song đề tán, vị vua này thỉnh Đại sư Thiện Hải, Thượng sư Liên Hoa Sinh, Ca-ma La-thập-la, thế là chúng Ban-di-đạt được thành lập. Những người ấy cùng với Tỳ-lô-giá-na-la-khư-đát và Khương Long Tôn Hộ... cả thảy bảy người cùng phiên dịch

giáo pháp. Ngoài ra Ban-di-đạt còn cùng với các dịch chủ truyền bá rộng những giáo pháp đã dịch ra. Ba giới cấm được hoằng truyền trong quốc gia này. Sau này đến đời vua thứ ba là Khất-lật-lai-ba-đảm, vị vua này mở mang thêm bờ cõi. Bấy giờ có những người như Na-di-đa tinh thấp, Liên-đát-la Bồ-đề, Ban-di-đạt... cùng Tư-cát-cán, Kiết Tường, Tích-chước-la Long Tràng... hiệu đính những bản đã dịch, phiên dịch những bản chưa phiên dịch, hoằng truyền giáo pháp. Dòng Tây phiên Vương đến nay có những người phiên dịch như Ban-di-đạt... dịch chủ, chúng Thiện tri thức rất nhiều, cho nên giáo pháp rất hưng thịnh.

Quốc gia Mông cổ phía Bắc: Do phước duyên đời trước chín muồi nên sinh ra vua Thành Cát Tư. Ban đầu Thành Cát Tư làm vua ở phương Bắc, một nước đa âm như Thiết luân Vương. Con ông ta tên là Quản Quả Đới, thời bấy giờ gọi là Khả Hãn, kế thừa ngôi vua mở mang bờ cõi. Con ông là Cỗ Vĩ thừa kế ngôi vua. Con thứ của Thành Cát Hãn Hoàng đế là Dựng La, con trưởng của Dựng La tên là Mông Kha, cũng lên nối ngôi vua. Em trai của vua này là Hốt Tất Liệt kế thừa ngôi vua, chinh phục các nước láng giềng mở mang lãnh thổ, quy y Phật pháp, dùng Phật pháp cai trị muôn dân. Phật giáo ở thời kỳ này hưng thịnh lẫy lừng gấp bội lần thời kỳ trước đó. Vua có ba người con. Con trưởng tên là Chân Kim, thân tướng tuấn tú như Thiên Pháp Bảo Trang Nghiêm. Con thứ hai tên là Mang Các Lạt. Con thứ ba là Nạp-ma-ha. Người nào cũng có đức độ, cai trị muôn dân chẳng khác cha mình. Đây là thời kỳ sơ khai.

9. Thỉ Tổ Đế Vương Tam Mạt Đa Vương:

Lúc bấy giờ ruộng đất đã được phân chia, người ta nổi lên xâm lấn trộm cắp lẫn nhau. Ban đầu phát sinh trộm cắp bị vua bắt tra hỏi, người này liền chối: "Tôi chưa từng ăn cắp", thế là bắt đầu sinh ra nói dối, bị pháp vua hành hình, tức là có việc sát hại, pháp bất thiện từ đó phát sinh. Lúc ấy chúng sinh tạo nghiệp bất thiện, sau khi chết sinh trong loài bàng sinh, kế đến sinh trong loài ngạ quỷ, lần hồi sinh trong địa ngục. Kế đến trong ngục Vô Gián nếu có một hữu tình thác sinh thì lúc bấy giờ thành kiếp hết. Như vậy, hữu tình tạo tác các nghiệp bất thiện, thì thọ mạng của họ giảm dần, sự thọ dụng cũng ngày một thiếu thốn. Người trong Diêm-phù-đề thọ tám mươi ngàn tuổi, địa ngục Vô Gián sinh một hữu tình, hai việc này cùng xảy ra một lúc. Thế là tình thế giới hình thành một trung kiếp, thì Khí thế giới là mười chín trung kiếp. Như vậy thời hạn của thành kiếp là hai mươi trung kiếp. Lúc con người trong

Diêm-phù-đề thọ tám mươi ngàn tuổi mới là thời kỳ trụ kiếp. Trụ kiếp cũng tồn tại trải qua hai mươi trung kiếp. Đến khi con người chỉ sống được mười tuổi, xảy ra nạn đao binh trong bảy ngày đêm, tật bệnh nổi lên đến bảy năm bảy tháng, bảy ngày; nạn đói khát xảy ra cũng bảy năm bảy tháng bảy ngày. Phần đông ai nấy đều chết cả. Số ít còn lại thấy mình may mắn sống sót, nên khởi tâm kính trọng lẫn nhau, xa lìa nghiệp sát hại, dần dần sinh thiện tâm. Từ đó thọ mạng và thọ dụng của họ cũng dần dần Tăng lên. Tăng đến lúc con người sống thọ tám mươi ngàn tuổi thì Chuyển luân thánh Vương xuất thế, dùng chánh pháp giáo hóa muôn dân. Lúc tuổi thọ giảm xuống thì Bà-già-phạm xuất thế để cứu độ chúng sinh. Trong khoảng giữa của lúc Tăng giảm có Độc giác xuất thế làm phước điền cho tất cả chúng sinh. Trụ kiếp tồn tại hai mươi trung kiếp mới đến thời kỳ của hoại kiếp.

Ban đầu tình thế giới hư hoại, trong ngục Vô Gián không có hữu tình thác sinh, nghiệp đời trước hết, thác sinh ở trong đường khác. Nếu hữu tình chưa đoạn sạch nghiệp thì sinh trong địa ngục trên (trên Vô Gián) hay sinh trong địa ngục Vô Gián của thế giới khác. Như vậy những địa ngục từ Vô Gián trở lên dần dần hoại hết, thì họ thác sinh trong loài ngạ quỷ, kế đến ngạ quỷ, bàng sinh cũng trống không thì họ sinh trong loài người, ngoại trừ Bắc Câu-lô châu. Ngoài ra họ còn được sinh trong Lục dục thiên, dù không có Đạo sư, Phật pháp, nhưng vẫn đạt được Sơ tĩnh lự sinh vào Sơ thiền thiên. Người ở Bắc Câu-lô châu sinh trong cõi trời thuộc Dục giới, đạt được Sơ tĩnh lự sinh trong Sơ thiền thiên. Dù không có đạo sư, không gặp chánh pháp nhưng họ đạt được Nhị tĩnh lự sinh vào Nhị thiền thiên. Từ ngục Vô Gián lên đến Phạm thế đều không còn, như vậy Hoại kiếp đã qua mười chín trung kiếp. Sau đó trong bốn châu có bảy mặt trời xuất hiện. Đầu tiên là không có mưa, rừng rậm cỏ cây đều bị khô héo. Lúc hai mặt trời xuất hiện thì ao rãnh đều bị khô cạn. Lúc ba mặt trời xuất hiện thì những con sông như hằng hà... đều cạn nước. Lúc bốn mặt trời xuất hiện thì ao Vô nhiệt khô cạn. Lúc năm mặt trời xuất hiện thì nước trong biển chỉ còn đến đầu gối. Lúc sáu mặt trời xuất hiện thì nước trong biển cả đều khô cạn. Lúc bảy mặt trời xuất hiện thì khí thế giới ấy bị lửa thiêu đốt. Từ ngục Vô Gián lên đến Phạm thế đều bị thiêu cháy cả, trong một trung kiếp như vậy. Tổng cộng hoại kiếp đã trải qua hai mươi trung kiếp. Không kiếp cũng như thế. Như vậy thành, trụ, hoại, không, cả thảy tám mươi kiếp. Gọi chung tám mươi kiếp này là một đại kiếp, bằng thọ lượng của chúng sinh trong Phạm chúng...

10. Khí Thế giới Hư Hoại:

Khí thế giới hư hoại có ba loại. Hỏa hoại, thủy hoại, phong hoại cũng giống như đã nói ở trên. Như vậy sau bảy lần ấy thế giới mới khôi phục trở lại. Lại bị nạn thủy tai phá hoại lên đến Nhị thiền thiên. Từ Cực quang thiên, liền có mây to mưa lớn trút xuống. Khí thế giới ấy ngập chìm trong biển nước mênh mông, rồi nước ấy rút hết, là một lần thủy tai. Kế đến lại bị bảy lần hỏa tai. Cứ bảy lần hỏa tai lại có một lần thủy tai. Cứ thế mà xảy ra bảy lần thủy tai như vậy. Lại nữa sau bảy lần thủy tai thì thế giới lại hình thành, lại bị phong tai phá hoại lên đến Tam thiền thiên. Sức mạnh của gió này thổi tung cả Diệu Cao huống gì là những thứ khác. Đệ Tứ thiền thiên không bị ảnh hưởng. Những loài hữu tình ấy sinh, thì cung điện xuất hiện, mạng chung thì cung điện ẩn mất. Như vậy Khí thế giới , tình thế giới thành hoại đã trình bày xong.

Ngài Niệm Thường nói: Kha Thư cho rằng: Trong năm trăm năm tất có Vương giả xuất thế, trong thời đó lại có kẻ nổi danh ở đời. Lời nói đó quả thật đúng thay! Như Hoàng Nguyên ta, lừng lẫy một nơi, vạn bang điều phục, tôn kính Phật thừa, lạy thỉnh pháp Vương Thượng sư Tát-tư-ca, Đại Ban-di-đạt, Phát-tư-ba, Tuệ tràng, Kiết Tường Hiền làm Đế sư, nêu cao việc tốt đẹp. Nhà vua xuống chiếu lấy tên nước là Đại Nguyên. Đế sư vận dụng bút văn, phỏng theo sử truyện, lại được vua ban chiếu chỉ, tỉnh, quân, châu, huyện trong triều đều tuân thủ, nên trước tác bộ điển chương cho thời thế, đó là Chương Sở Tri Luận.

Khi Dụ Tông chưa lên ngôi, đã thỉnh Sư diễn thuyết luận này. Nội dung bộ luận trình bày về năm phẩm là Khí Thế giới, Tình Thế giới, Đạo Pháp, Quả Pháp và Vô vi pháp. Năm phần này tóm thâu tất cả những điều thấy biết, nên lấy tên là Chương Sở Tri Luận. Phần lớn sư dựa trên công phu tu tập hằng ngày, cùng những kinh luận trong đời mà viết ra. Đối với nghĩa lý thì thật tương ưng, hệ thống lại những điểm nhầm lẫn cũng không phải ít. Nếu chẳng phải là bậc đại trí luận biện đến chỗ tột cùng của thật tướng thì làm sao có thể liễu đạt những pháp lớn như không kiếp, những pháp nhỏ như Lân hư trần rõ ràng như trái Am-ma-lặc trong lòng bàn tay như vậy được!

Thánh đức Thần công của Thế Tổ làm hoàng đế cả văn võ. Đạo thì khế với Phật tâm, đức thì vượt xa muôn Thánh, giữ gìn đại giáo, đáng là người ở dưới Hoàng thiên ở trên mọi người.

Phật tử của Tây Thiên là bậc Đế sư của Đại Nguyên, được vua ân sủng. Là người tôn sư trọng đạo, đâu chỉ làm ra điển chương cho Đế vương muôn đời mà còn là ngọn đèn chân chính cho những kẻ ngu mê

lạc đường trong đêm tối.

Ở đây tôi chỉ sao lục lại hai chương Khí Thế Giới và Tình Thế Giới, đặt nó ở thiên đầu tiên. Còn lại ba chương Đạo pháp, Quả pháp và Vô vi Pháp có nói đủ trong Chương Sở Tri Luận.

■

PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI THÔNG TẢI

QUYỂN 2

CÁC VỊ VUA THỜI THÁI CỔ

(Thái nghĩa là rất, lắm. Cổ đối lại với Kim. Vua là Chủ)

1. Bàn Cổ:

Vị vua đầu tiên, cai trị được mười tám ngàn năm. (Liệt Tử nói: Vận chính là Bàn Cổ. Bắc Sơn lại nói: Trời cao một trượng, đất dày một trượng. Bàn Cổ thì nói: Dài một trượng, đầu ở cực Đông, chân ở cực Tây, tay trái dang đến cực Nam, tay phải dang đến cực Bắc, mở mắt là ngày, nhắm mắt là đêm. Thở ra là nóng, hít vào là lạnh, thổi hơi thì thành gió, mây, hắt hơi thì thành sấm, sét. Bốn mùa vận hành, vạn vật sinh trưởng. Lớn đến Tám phương chín hướng thử hỏi còn gì nhiều hơn. So với Tam Hoàng, Ngũ Kỷ thì ai trước nhất. Trong Cổ Kim ký cho rằng: Sau khi Bàn Cổ chết, thân hình ông ta chia thành muôn vật).

2. Thiên Hoàng Thị:

Một thân có mười ba đầu. Vi Chiếu nói: Có mười ba anh em, chia lãnh thổ ra cai trị. Mỗi người trị vì mười tám ngàn năm. Trong Cổ Kim ký thì nói: Một thân Thiên hoàng có mười ba đầu.

3. Địa Hoàng Thị:

Một thân có mười một đầu. Vi Chiêu nói: Anh em gồm mười một người, trị vì tổng cộng mười một ngàn năm. Đế vương Giáp Tý nói: Chín ngàn năm. Có thuyết cho rằng: Tam Hoàng ai nấy đều trị vì mười tám ngàn năm.

4. Nhân Hoàng Thị:

Một thân có chín đầu. Vi Chiêu nói: Anh em gồm chín người, chia đất thành chín châu để cai trị. Đế vương Giáp Tý nói: Bốn ngàn năm trăm năm. Nhân Hoàng gồm sáu mươi lăm đời, trị vì bốn mươi lăm ngàn

sáu trăm năm.

5. Ngũ Kỷ:

Ngũ Long Kỷ: Có năm họ, trị vì hai trăm bảy mươi ba ngàn sáu trăm năm. Thời bấy giờ con người ăn lá cây, ở hang ổ.

Nhiếp Đề Kỷ: Có bảy mươi hai họ, trị vì Sáu trăm bốn mươi chín ngàn, năm trăm hai mươi năm. Bấy giờ bắt đầu chia ra ban ngày, ban đêm, ngày, tháng, mặt trăng (ngọc thố), sao (hà mô), mặt trời (kim ô) nhô ra từ Phù tang, lặn mất ở Hàm trì.

Hợp Hùng Kỷ: Có ba họ, trị vì sáu mươi ba ngàn năm.

Liên Kính Kỷ: Có sáu họ, trị vì sáu mươi chín ngàn năm. Vi Chiêu nói: Ba mươi hai ngàn năm.

Tự Mạng Kỷ: Có bốn họ, trị vì bốn mươi ngàn năm.

6. Hữu Sào Thị:

Có trăm đời không ghi năm tháng. Kinh Lễ nói: Ngày xưa Tiên vương chưa có cung thất, mùa đông thì ở trong hang mả, mùa hạ thì ở trong gốc cây, tổ chim. Bấy giờ chưa có lửa, ăn trái cây sống, thịt thú sống, uống máu, mặc lông thú.

7. Toại Nhân Thị:

Bắt đầu mài cây lấy lửa. Kinh Lễ nói: Biết nướng lúa nướng thịt. Lời chú: Thời Trung cổ chưa có nồi niêu, gạo thịt chỉ để trên đá thiêu chín rồi ăn. Trong Cổ Kim ký nói: Vua Mộc Đức trị vì tám mươi ngàn năm.

Từ Thái cổ trở về đây, bốn mùa đều có thứ lớp, ngày đêm ngắn dài được phân chia từ đây. Kinh Thư nói: Một năm có ba trăm lẻ sáu tuần hoàn, sáu ngày (ba trăm sáu mươi sáu ngày), lấy tháng nhuần ấn định bốn mùa là một năm. (Mặt trời rất tròn, chu vi là ba trăm sáu mươi lăm độ, một phần tư, quay quanh bên trái trái đất. Thường một ngày một vòng lệch một độ. Mặt trời chiếu sáng bầu trời nhưng chậm ít hơn, cho nên mặt trời vận hành một ngày cũng quay quanh trái đất một vòng, nhưng ở trên trời thì chưa đến một độ. Đến ba trăm sáu mươi lăm ngày (235/940 phần của ngày) thì hết vòng quay. Đó là thời gian mặt trời vận hành trong một năm. Mặt trăng cũng chiếu sáng bầu trời, nhưng chậm hơn. Một ngày thường không bằng mười ba độ bảy phần mười chín của bầu trời. Đến 29 ngày 499/940 phần của Ngày thì bằng với mặt trời. Mười hai lần gặp như vậy thì hơn ba trăm bốn mươi tám-

phần của ngày. Lại nữa năm ngàn chín trăm tám mươi tám lần thì bằng số của mặt trời. Chín trăm bốn mươi lần thì chưa tới ba trăm bốn mươi tám phần của ngày. Nhưng nói chung là được ba trăm năm mươi bốn ngày ba trăm bốn mươi tám phần chín trăm bốn mươi của ngày. Đó là thời gian mà mặt trăng vận hành trong một năm. Một năm có mười hai tháng. Một tháng có ba mươi ngày. Ba trăm sáu mươi là thường số của một năm. Cho nên mặt trời giáp vòng bầu trời nhiều hơn năm ngày hai trăm ba mươi lăm phần chín trăm bốn mươi của ngày. Mặt trăng giáp vòng mặt trời thì ít hơn năm ngày năm trăm chín mươi hai phần chín trăm bốn mươi của ngày, do đó có nhuần. Thế nên một năm nhuần thì dư ra mười ngày tám trăm hai mươi bảy phần chín trăm bốn mươi của ngày. Ba năm có một năm nhuần thì thành ba mươi hai ngày sáu trăm lẻ một phần chín trăm bốn mươi của ngày. Năm năm lại có một năm nhuần thì thành năm mươi bốn ngày ba trăm bảy mươi lăm phần chín trăm bốn mươi của ngày. Mười chín năm có bảy năm nhuần thì khí tượng bằng nhau. Đó là một chương. Thế nên ba năm không để nhuần thì tháng một của mùa xuân lấn sang mùa hạ, nhưng thời gian chậm nên không ấn định được. Tháng một của Tý lấn sang Sửu, nhưng năm chậm lại nên không thành. Qua nhiều năm tháng như vậy đến khi ba lần mất nhuần thì mùa xuân đều lấn sang hạ, nên thời gian hoàn toàn không xác định. Mười hai lần mất nhuần thì Tý đều lấn sang Sư u và năm hoàn toàn không ấn định được.

Thời Tam Hoàng: Trung Dung Tử nói: Hoàng nghĩa là to lớn, trong ngoài đều vô vi, dùng đạo giáo hóa nhân dân, Lôi Thị nói: Thời Hồng Hoang trong thượng cổ bắt đầu từ Tam Hoàng là Phục Hy, Thần Nông và Hiên Viên.

8.Thái Hạo Phục Hy Thị:

(Họ Phong, hiệu là Thái Hạo, mẹ là Hoa Tư, nhân đạp vết chân của người khổng lồ mà sinh ra ông. Hình ông là thân rắn đầu người. Ông nuôi muôn thú để ăn thịt, nên còn gọi là Bào Hy. Ông là vua đầu tiên an định đất nước.)

Mộc Đức đóng đô ở Trần Lưu (nay là địa phận huyện Tiểu hoàng, Duyên châu). Ở ngôi được một trăm mười năm, bắt đầu họa ra bát quái, làm ra thư, khế (để thay gút dây và từ đây bắt đầu có sách vở), đặt ra việc dựng vợ gã chồng (Con gái đi lấy chồng gọi là giá, con trai cưới vợ gọi là thú), làm ra lưới để bắt cá (Cương nghĩa là lưới. Trong sách Nhĩ Nhã nói: Lưới bắt chim thì gọi là La. Lưới bắt cá thì gọi là Thuyên (cái

nơm), lưới bắt thỏ thì gọi là Trí (đặt bẫy), làm ra loại đàn sắc hai mươi lăm dây (dài bảy thước hai tấc, rộng một thước tám tấc).

Nữ Oa Thị: Họ Phong, em gái của Phục Hy, có tài biến hóa ra muôn vật, chế tạo ra sinh, hoàng (Sinh là cái Sênh, ngày xưa làm bằng quả bầu khoét mười ba lỗ, trong có lưỡi gà bằng đồng, khi thổi phát ra tiếng rất hay. Hoàng là cái vè đồng. Lấy đồng dát mỏng làm mạng, để trong lỗ tiêu hay sáo mà thổi cho kêu. Loại khí cụ này dài bốn thước. Hình dáng như quả bầu, bên trong có lá đồng để thổi. Loại lớn có mười chín là đồng, nhỏ có mười ba lá đồng, cán dài ba mươi bảy thước, lá đồng dài bốn thước hai tấc. Hoàng được làm bằng trúc, hình dáng gần giống như cánh chim). Bà luyện đá ngũ sắc để vá trời, chặt chân con ngao (ba ba) để dựng thành bốn cực. Ở ngôi được một trăm bốn mươi năm.

Còn các họ khác như Cung Công, Đại Đình, Bá Hoàng, Trung Ương, Lục Lật, Ly Liên, Tư, Tôn Lô, Hỗn Độn, Hạo Anh, Cát Thiên, Châu Tương, Âm Khương, Vô Hoài, gồm có mười lăm đời, ở ngôi tổng cộng mười bảy ngàn bảy trăm tám mươi bảy năm. Phần này kinh Sử không thấy ghi chép.

9. Xã Thần:

Xưa Cung Công Thị có tên là Hậu Thổ, có tài bình định được chín châu, được tôn thờ làm vua của Xã thần, Ngũ thổ. Ngũ thổ là: Núi sông, ao đầm, gò đồi, triền núi, bình nguyên. Đất đai của ông rộng lớn bao la và màu mỡ, nên được phong đất và tế tự để báo đáp công lao. Chẳng biết Hậu thổ ở vào thời đại niên kỷ nào. Việc này đợi bậc trí giả sau này định liệu.

10. Viêm Đế Thần Nông Thị:

Họ Khương, hiệu là Viêm Đế, mẹ là họ Nữ Đăng, cảm Thần Long mà sinh ra ông. Hình dáng ông mình người đầu trâu. Lớn lên cư ngụ ở Khương Thủy, do đó mà có họ Khương.

Vương Hỏa Đức đóng đô ở Trần Thiên Khúc Ốc ở ngôi được một trăm bốn mươi năm, mất ở Trường sa. Trong Kinh Dịch nói: Thần nông thị đẻo cây làm bừa, gọt cây làm cày, bắt đầu dạy thiên hạ gieo trồng ngũ cốc, lại từng dùng trăm vị cỏ cây để làm thuốc, diễn giải bát quái thành sáu mươi bốn quẻ, lập ra chợ búa buôn bán, đặt ra lễ tế cuối năm (Lễ chạp), chế ra loại đàn năm dây, tượng trưng ngũ hành. Từ đó các vị Đế vương sau này như Hạ Đế, Thừa Đế, Khôi Đế, Minh Đế, Trực Đế,

Lai Đế, Ai Đế, Du Cương nối nhau kế thừa. Tổng cộng được tám đời, năm trăm bốn mươi năm.

11. Hoàng Đế Hữu Hùng Thị: (Đinh Hợi)

Họ là Công Tôn, tên là Hiên Viên, con thứ của Thiếu Điển. Vừa mới sinh ra đã là bậc Thần dị, còn nhỏ nhưng đã biết nói. Hơi lớn một chút đã ngang bằng tài năng trẻ khác. Vừa lớn đã minh mẫn, khi trưởng thành thì vô cùng thông minh. Cuối năm của vua Du Cương, các nước chư hầu nổi lên đánh nhau. Ông chế ra cung tên và chinh phục họ. Các nước trong thiên hạ đều quy phục ông. Ông lại hàng phục được các giống thú dữ ở Ngô bản như cọp, beo, gấu, báo.

Bấy giờ anh em Xi Vưu cả thảy tám mươi mốt người, đều là người đầu đồng trán sắt, ăn cát nuốt đá, là loài yêu tinh của núi biển, làm loạn thiên hạ. Ông đánh với họ ở đồng hoang Trác Lộc, bị chém chết ở Trung đế. Nhờ đúc đỉnh nên thành Phi Tiên, bám theo rồng mà đi, thọ hai trăm mười tuổi, an táng tại Kiều sơn. Ông ở ngôi được một trăm năm. Có Đại thần Tả Triệt (khắc cây làm hình người thống lãnh chư hầu, nắm chánh Sự mười năm) tạo dựng cung thất, chế ra y phục, sai Lỗ Ban làm ra ghe thuyền, xe cộ (ghe thuyền dùng để đi trên nước. Xe cộ giống như cái nhà, có thể dùng để đi hoặc ở), tạo dựng nhà cửa, làm ra quan quách để tống táng người chết. Thế là tang lễ phát xuất từ đó.

(Kinh Lễ nói: Thiên tử bảy ngày thì liệm, bảy tháng thì chôn. Chư hầu năm ngày thì liệm, năm tháng thì chôn. Quan đại phu đến sĩ thứ, nhân dân ba ngày thì liệm, ba tháng thì chôn. Phần mộ của Thiên tử cao ba nhận, được trồng Tùng. Mộ chư hầu cao bằng nửa và được trồng Bách. Mộ đại phu cao tám thước được trồng Lật. Đến mộ của sĩ quan cao bốn thước, được trồng Hòe. Mộ của nhân dân không đắp cao và được trồng Dương liễu. Lại làm ra nhạc Hàm trì, bái Thiên lão lực Mục Thái Sơn làm tướng.

Năm Giáp Tý thứ nhất: Phong Hậu ấn định Giáp Tý (có thuyết cho là Đại Nhiêu ấn định). (Hoàng Đế lên ngôi được ba mươi tám năm mới sai Đại Nhiêu ấn định Giáp Tý. Thế nên năm thứ ba mươi tám là Giáp Tý thứ nhất. Tính ngược lên thì năm đầu tiên là Định Hợi). Dung Thành làm ra lịch, từ đây mới có toán số. Vua hỏi đạo với Quảng Thành Tử. Thương Hiệt làm Sử quan. Kỳ Bá phân định cỏ cây. Du Phụ ấn định mạch kinh. Linh Luân làm ra luật lữ (dùng để điều hòa âm nhạc, ống dài chín tấc làm bằng trúc, có khi dài hơn hoặc ngắn hơn dùng để phân định ngũ âm), đặt ra chín châu (Lịch Đế Kỷ nói: Hoàng Đế có hai mươi

lăm người con, mười hai người có họ, đó là: Cơ, Dậu, Kỳ, Dĩ, Đằng, Châm, Nhậm, Tuân, Hy, Thỉ, Huyền, Hưu. Chia trị chín châu là Ký, Thanh, Từ, Dự, Ung, Lương, Sở, Dương, Yên. Từ lớn tới nhỏ, theo thứ tự mà phong. Con cháu sau này như Tam Hoàng, Ngũ Đế đều là dòng dõi của ông. Đế lấy vợ là Đại Đình thị sinh hai người con. Con lớn là Huyền Hiêu, con thứ là Xương Ý. Cả thảy là mười tám đời, trị vì một ngàn năm trăm hai mươi năm.

Thời Ngũ Đế : (Trung Dung Tử nói: Đế có nghĩa là thể, bên trong tuy vô vi nhưng biểu hiện bên ngoài là hữu vi, dùng đức giáo hóa nhân dân. Đức biểu trưng cho trời đất, nên gọi là đế). Lôi thị nói: Thiếu Hiệu, Chuyên Húc, Đế Khốc, Đường Nghiêu, Ngu Thuấn truyền đến nhà Hạ.

12. Thiếu Hạo, Kim Thiên Thị: (Giáp Tý hai)

Họ Dĩ tên Chí, tự là Thanh Dương, mẹ là Nữ Tiết. Lúc ấy xuất hiện ngôi sao như cầu vồng chẳng tan, nhân đó sinh ra ông. Lớn lên ông đi chân không, chẳng đội mủ nón, là con của Hoàng Đế, sống một trăm tuổi. Lên ngôi năm Đinh Mão, ở ngôi được tám mươi bốn năm.

Vương Kim Đức đóng đô ở Cùng Tang, sau dời về Khúc Phụ, lập ra phường chợ, dùng phép tắc làm nhạc, đặt thành một trăm hai mươi hàng, dùng chim Kỷ quan nhử Phượng Hoàng Đến. Tổng cộng gồm mười đời, ở ngôi bốn trăm chín chục năm.

13. Chuyên Húc, Cao Dương Thị. (Giáp Tý Ba).

Họ Cơ tên Chuyên Húc, cháu của Hoàng Đế , con của Xương Ý. Bấy giờ xuất hiện ngôi sao như cầu vồng, họ Cơ nhân đó mà sinh ra ông. Ông thọ chín mươi tám tuổi, mất ở Đốn khâu, việc này sách Sử có ghi. Ông lên ngôi năm Tân Mão, ở ngôi bảy mươi tám năm.

Vương Thủy Đức đóng đô ở Đế Khâu (nay là huyện Bộc dương). Ông làm ra lịch, lấy đầu mùa Xuân làm tháng khởi đầu, tạo mũ miện Bình Quang (Rộng tám tấc, dài một thước sáu tấc. Đến nhà Châu mới chế thêm dải mũ. Mặt trước mặt sau đều có đính mười hai viên ngọc), lập ra Tam công, Cửu nghi và hai mươi bốn Quan tư, biết bảo dưỡng tài nguyên giữ gìn đất đai. Lúc đội mũ lên tượng trưng cho trời không hề lẫn lộn với Thần nhân. Vạn vật đều có thứ tự. Ông sinh tám người con tài giỏi và gọi là Bát Khải. Bình định mối loạn của Cửu Lê, tiết chế thói hư để giáo hóa nhân dân, trong sạch chân thành trong tế tự, phân biệt rõ đạo vua tôi, làm ra nhạc Ngũ hành (Kết hợp làm nền tảng cho Ngũ

hành). Tổng cộng gồm tám đời, trị vì năm trăm hai mươi năm.

14. Đế Khốc, Cao Tân Thị. (Giáp Tý bốn)

Họ Cơ, tên Kỳ, tằng tôn của Hoàng Đế, cháu nội của Huyền Hiêu, con của Kiều Huyền, thọ một trăm lẻ năm tuổi, chôn ở Nghi dương. Ông lên ngôi năm Kỷ Dậu, ở ngôi bảy mươi chín năm.

Vương Mộc Đức đóng đô ở Bạc Sư Xích (nay là huyện Yển Sư). Tùng Tử đặt ra Ngũ hành quan, dùng Câu Mang làm Mộc Chánh (con của Thiếu Hạo), Chúc Dung làm Hỏa Chánh (con của Chuyên Húc), Nhục Thâu làm Kim Chánh (con của Thiếu Hạo), Huyền Minh làm Thủy Chánh (con của Thiếu Hạo), Hậu Thổ làm Thổ Chánh (con của Cao Dương). Ông sinh tám người con tài giỏi và gọi là Bát Nguyên. Ông chế tạo ra chõ, vạc, dao, trống, chuộng, khánh, huân, trì (trống làm bằng da và gỗ, đánh thì kêu. Chuông làm bằng khuôn vàng và đất, hình dáng tựa như cái linh nhưng không tròn, cao hai thước hai tấc rưỡi, dày tám phân, gọi là chuông treo. Khánh thì trước dài ba luật hai thước bảy tấc, sau dài hai luật một thước tám tấc và gọi là hoàng chung. Huân (huyên) làm bằng đất rồi nung, lớn bằng trứng nhạn, phần trên nhọn, đáy bằng phẳng, lại có năm lỗ. Trong Bạch Hổ Thông cho rằng: Hình giống trái cân, trái chùy có sáu lỗ. So ra hơi khác với Châu Lễ. Trì: Làm bằng trúc dài một thước bốn tấc, ống rộng ba tấc. Loại nhỏ thì dài một thước hai tấc, phía trên có sáu lỗ). Tổng cộng gồm chín đời, trị vì ba trăm năm mươi năm (Tả truyện nói: Thương Thư, Đồi Ngải, Đào Diễn, Đại Lâm, Mang Giáng, Đình Kiên, Trọng Dung, Thúc Đạt gọi là Bát Khải. Bá Phấn, Trọng Kham, Thúc Hiến, Thúc Báo, Quý Trọng, Bá Hổ, Trọng Hùng, Lý ly, được gọi là Bát Nguyên).

15. Đế Nghiêu, Đào Đường Thị. (Giáp Tý năm).

Họ Y Kỳ, tên Phóng Huân, huyền tôn của Hoàng Đế, con thứ của Đế Khốc, ở trong thai mười bốn tháng, lông mày phân thành tám màu. Ông đắp đất dựng nhà tranh. Ông lên ngôi năm Giáp Thìn ở ngôi chín mươi tám năm.

Vương Hỏa Đức đóng đô ở Bình dương (nay là Tấn châu), sau dời về An ấp, cùng Thuấn làm chánh Sự trong một trăm mười tám năm. (Bắt đầu từ Bính Dần, kết thúc năm Quý Mão, Thuấn mất ông để tang hai năm, đến Ất Tỵ thì ông mất, thọ một trăm tám mươi tuổi, an táng ở Cốc lâm.

Gọi năm là Tải (thay vì niên). Cụ Anh tiên sinh sai Hy Hòa làm ra

lịch để ấn định ngày tháng thời khắc, trao cho dân dùng. Trời thả xuống một con voi cái (tên là Xúc Tà, chết chôn bên phải điện. Ngay nơi ấy sinh ra một loại cỏ tên là Minh giáp, cao tám thước. Đầu tháng sinh ra một lá, đến ngày rằm thì đủ mười lăm lá. Sau ngày rằm bắt đầu rụng một lá, đến cuối tháng thì rụng hết cả. Có một con dê con tên là Giải Trại, chết chôn bên trái điện. Ngay nơi ấy sản sinh một thứ cỏ màu đỏ, dài một trượng, tên là Chỉ Nịnh). Ông chế ra hành thất (nhà ngang), làm ra cờ vây (ba trăm sáu mươi đường tượng trưng cho ba mươi sáu tuần [360 ngày], bày Đan Chu chơi cờ). Lúa thóc trù phú, có phương hoàng bay đến. Lại có cả thảy ba mươi hai người hiền tài (chưa rõ họ tên). Ông lập ra trống Cảm Gián (dám đến đánh trống can gián vua). Ông trị nạn hồng thủy trong chín năm (Sai ông Cổn và ông Vũ trông coi). Bấy giờ có mười mặt trời cùng xuất hiện (ông sai ông Nghệ bắn chín cái rơi xuống đất. Nhà Nho nói: Phía Đông nam có nước Hy Hòa, trong nước có người con gái tên là Hy Hòa, sinh ra mười mặt trời, thường tắm trong biển lớn. Vào thời của vua này, mười mặt trời cùng xuất hiện, ông Nghệ bắn rơi chín cái chỉ còn một cái mà thôi). (Trương Nghệ là người có tài bắn cung rất giỏi. Ông từng được Tây Vương mẫu cho thuốc bất tử. Đó là thuốc Thú chi. Người vợ ông lấy trộm thuốc rồi trốn vào cung trăng. Vợ tên là Hằng Nga. Nhân đó mặt trăng được gọi là Thiềm Thừ).

16. Đế Thuấn, Hữu Ngu Thị (Giáp Tý sáu)

Ông họ Diêu, tên là Trùng Hoa, tự là Đô Quân, là cháu sáu đời của Hiên Viên. Người ông mặt rồng, miệng to, mắt có hai đồng tử. năm hai mươi tuổi, lòng hiếu kính của ông vang khắp thiên hạ. năm ba mươi tuổi đi tuần thú trong vùng Dung nam, mất ở Thương ngô, thọ một trăm năm mươi tuổi.

Vương Thổ Đức đóng đô ở Bồ phản (nay là phủ Hà Trung). Trong thời vua Nghiêu, ông nắm chính Sự trong hai mươi tám năm. Cả thảy trị vì được năm mươi năm. (Năm Bính Ngọ lên ngôi, mất năm Ất Mùi, an táng ở Cửu nghi sơn).

Ông ngâm vịnh Nam phong thi, cử mười sáu tướng (Bát khải và Bát nguyên) đánh đuổi bốn kẻ hung bạo. (Tả truyện nói: Hoan Hung con của Hoàng Đế là kẻ bất tài, che nghĩa giấu đức, thích làm những chuyện hung bạo, đời gọi ông là kẻ hồn độn (u mê). Thiếu Hạo con của Cung Công, là kẻ bất tài hủy kẻ tín, phế người trung, ưa chuộng những lời nói xấu, đời gọi ông là kẻ "Cùng Kỳ" (xấu xa). Hiên Viên con của ông Cổn, là kẻ bất tài, nhạo báng người hiền đức, làm loạn phép

thường, đời gọi ông là kẻ "đảo cơ" tam miêu (gây loạn). Họ Tấn Vân là bề tôi của Hoàng Đế , là kẻ bất tài, hấu ăn hám lợi, đời gọi ông là kẻ thao thiết (tham ăn tham uống).

Bề tôi là ông Thi chế ra chất nhựa dùng để sơn, sai Cao Đào xử đoán ngục tù, định ra ngũ hình. (Trong kinh thư nói: Ngũ hình có từ đời vua Thuấn, Trịnh chú. Trong kinh lễ nói:

1. Thích chữ lên trán rồi đày đi, không cho ra vào kinh. Hình phạt này dành cho những kẻ không có đạo nghĩa.

2. Cắt mũi, dành cho những kẻ muốn thay đổi chế độ.

3. Chặt chân, dành cho những kẻ muốn chui hào vượt thành.

4. Nhốt trong ngục, nam nhốt trong lao, nữ nhốt trong nhà tối. Hình phạt này dành cho những kẻ nam người nữ quan hệ không đúng lễ nghĩa.

5. Tội chết, dành cho những kẻ thảo khấu, giặt cướp.

Ông lại làm ra nhạc Thiều, chế ra tổng chương (nhạc thiều có chín số, mười một thứ. Nhạc Đường thượng có sáu thứ, đó là:

1. Chúc: Giống như cái thùng sơn, vuông hai thước bốn tấc, sâu một thước tám tấc. Bên trong có cái chày có tay cầm dùng để trỗi nhạc.

2. Ngữ: Hình trạng giống như con hổ nằm phía trên lưng là hai mươi bốn răng cưa lồi lõm, khắc bằng gỗ, dài hơn một thước, được làm theo phép ba mươi chín dương số, dùng để dừng nhạc.

3. Cầm: Dài ba thước sáu tấc, biểu trưng cho ba trăm sáu mươi ngày; rộng sáu tấc, biểu trưng cho sáu thời. Lỗ trên gọi là Trì, lỗ dưới gọi là Tân; trước rộng sau hẹp, biểu trưng cho tôn ti. Trên tròn dưới vuông, làm theo phép thiên địa thất huyền. bảy dây này lấy lụa đỏ bện thành, dài bảy thước hai tấc, làm theo phép bảy mươi hai hầu. Có thuyết nói: Chu Văn Vương, Chu Vũ Vương từ Ngũ Huyền cầm chế thành Thất huyền cầm. hai dây lớn và nhỏ là để hợp với ý vua tôi. Trong bộ Phong Tục Thông nói rằng: Cầm là loại đứng đầu trong nhạc cụ, người quân tử thường mang theo bên mình. Nó không giống như chuông trống bày biện ở cung miếu, treo trên xà nhà. Dù nó có lớn nhỏ nhưng âm thanh rất hòa nhã. Lớn nhưng không ầm ĩ mà lại mênh mang, nhỏ nhưng không tắt tiếng đến nỗi không nghe, âm vận của nó vừa đủ để chuyển tải ý khí của con người.

4. Sắc: Như đã chú giải trong phần trước.

5. Đoàn phụ: Hình giống cái trống, được làm bằng da, lấy cơm làm trầm tiếng, đánh để giữ nhịp.

6. Nhạc: Là cái khánh bằng ngọc, đánh thì nó kêu.

Nhạc Đường Hạ có năm thứ, đó là: Tiêu: Hình giống cánh Phượng hoàng, kết trúc làm thành, dài một thước năm tấc. Loại lớn có hai mươi ba ống và được gọi là Đỗng tiêu. Loại nhỏ có mười sáu ống và được gọi là Nhã tiêu. Trong châu lễ nói: Có hai loại Nhã tiêu: Loại dài một thước bốn tấc, gồm hai mươi bốn ống gọi là Phiền tiêu. Loại hai mươi ba ống thì gọi là Đỗng Tiêu, nó dài một thước hai tấc, khi đánh thì cầm chùy gõ vào một bên ống, giống như đánh chuông lớn. Sinh: Giống đoạn trước đã chú giải, cũng làm bằng ống trúc, nhưng có bảy lỗ.)

Vua Thuấn lập ra mười hai châu, chôn người chết bằng áo quan bằng đất nung (Từ Thiếu Hạo trở về trước, thiên hạ gọi vua để biểu trưng cho đức độ của nhà vua, từ Hiên Viên đến nay thiên hạ gọi vua bằng tên của nhà vua. Còn như vua Cao Tân, Cao Dương là gọi theo tên đất mà ông khai phá. Trong Lưu Thị Ngoại Kỷ lấy tên của Tam Hoàng, Ngũ Đế làm tục truyện.)

Tam Hoàng: Đó là ba nhà: Hạ, Thương, Chu.

Nhà Hạ: Lôi thị nói: Vũ, Khải, Tam Khương, Tương, Trữ, Hòe, Mang, Tiết, Bất Giáng, Quynh, Cần, Giáp, Cao, Phát, Kiệt, cả thảy mười bảy đời vua, trị vì tổng cộng bốn trăm ba mươi hai năm.

17. Hạ Hậu Thị: (Giáp Tý bảy)

Ông họ Tự tên là Văn Mạng, tự là Cao Mật, là cháu tám đời của Hoàng Đế, con ông Cổn hiệu là Vũ Vương. Hồi ấy vua Thuấn cử vua Vũ trị thủy, ông không coi trọng tiền tài mà rất quý trọng thời gian, ba lần ngang qua cửa mà không ghé vào nhà.

Vương Kim Đức đóng đô ở An Ấp (nay là quân Châu Thiên Dương Địch), làm quan Tư đồ dưới thời vua Nghiêu (quan coi về đất đai). Trịnh chú:

1. Lại bộ thượng thư, hay còn gọi là Thiên quan tức là Trủng tể, thái tể (tể tướng).

2. Binh bộ thượng thư, tức là Hạ quan (quan coi về mùa Hạ) hay còn gọi là Đại tư mã.

3. Hộ bộ, tức Địa quan, hay còn gọi là Đại tư đồ.

4. Hình bộ, tức Thu quan, hay còn gọi là Đại tư khấu.

5. Lễ bộ, tức Xuân quan, hay còn gọi là Thuyên trưởng.

6. Công bộ, tức Đông quan, hay còn gọi là Đại tư không.

Vua Vũ chính là chức quan thứ ba.

Ông trị thủy mười hai năm, khi đi dùng bốn loại phương tiện (trên đất liền đi bằng xe, dưới nước thì đi bằng thuyền, đất bùn đi bằng khiêu,

leo núi thì bằng liễn). Ông mở ra chín châu (Ký châu: Phía Đông giáp đến Hà tây, phía Tây tiếp giáp Hà nam, phía Nam kéo đến Hà bắc. Duyên châu: Đông nam tiếp giáp sông Tể, Tây bắc tiếp giáp Hoàng hà. Thanh châu: Đông bắc là biển, Tây nam là Thái sơn. Từ châu: Đông dài đến biển, Bắc tiếp giáp Thái sơn, Nam dài đến sông Hoài. Dương châu: Phía Bắc cách sông Hoài, Phía Nam cũng cách sông Hoài. Kinh châu: Phía Bắc là núi, phía Nam dài đến Hoành dương. Dự châu: Tây nam tiếp giáp đất kinh, phía Bắc tiếp giáp Hoàng hà. Lương châu: Phía Đông cách Hoa sơn, phía Tây giáp Hắc thủy. Ung châu: Phía Tây giáp Hắc thủy, phía Đông đến Long môn. Tây hà thông cả chín đường, chín gò, chín núi, chín sông.)

Ông trị vì mười sáu năm (lên ngôi năm Giáp Tuất, mất năm Kỷ Dậu, ông đông chinh đến Cối kê thì mất, thọ một trăm tuổi, thụy là Thọ Thiền, do thành công nên gọi là Vũ). Ông gọi năm là Tuế, lấy tháng Dần làm tháng giêng, ông làm ra nhạc Đại hạ, chôn người chết thì dùng áo Tức (áo quan) (làm bằng đất nung, bấy giờ có họ Phòng Phong cao bốn mươi thước.)

Giáp Tý tám: Ông Khải, con ông Vũ (mẹ hóa thành đá, có thuyết nói là sinh trong đá). Ông lên ngôi năm Quý Mùi, trị vì được chín năm (có thuyết nói là mười năm). Ông tổ chức các thứ lễ tế như: Tế Giao , tế đế, tế Tổ , tế Tông (tế đế có Hoàng Đế , Văn Tổ . Tế Giao có ông Cổn được tế ngang hàng với Thiên tổ. Tế Tổ có Hiên Viên được tế ngang hàng với Văn Tổ . Tế Tông có cha ông là ông Vũ). Ông lập ra miếu, diêu, đàn để tế tự. Thái Tổ là ông Vũ (cùng Nhị Chiêu, Nhị Mục) thành Ngũ miếu.

Giáp Tý chín: Thái Khương: Con ông Khải, làm ruộng ở đất Lạc đến mười tuần (một trăm ngày) vẫn không về. Năm người con làm những bài ca ca ngợi ông, nhân đó ông mất ngôi. Ông lên ngôi năm Nhâm thìn, trị vì được hai mươi chín năm.

Trọng Khương: Em của Thái Khương, lên ngôi năm Tân Dậu.

Đế Tương: Con của Trọng Khương, dời đô về Thương khâu. Sau bị Hậu Nghệ giết và soán ngôi, ông trị vì hai mươi tám năm. Nghệ lên ngôi được hai năm thì bị bề tôi là Hàn Trác giết. Trác giết Nghệ rồi tự lên làm vua, được mười năm thì bị bề tôi nhà Hạ là Phỉ giết. Ba ông vua trên trị vì cả thảy là bốn mươi năm.

Giáp Tý mười: Thiếu Khương: Con của Đế Tương, mẹ họ Hữu Nhưng, có đất ruộng là một thành, chúng nhân là một lữ, giết Nhiêu Hỷ, dời về đất cũ của vua Vũ, đó là Trung hưng. Ông lên ngôi năm Quý

Mùi, trị vì được bốn mươi chín năm.

Ông Trữ: Con của Thiếu Khương, lên ngôi năm Quý Mão trị vì được mười bảy năm.

Ông Hòe: Con ông Trữ, lên ngôi năm Canh Thân, trị vì được hai mươi sáu năm.

Ông Mang: Con ông Hòe, lên ngôi năm Bính Tuất, trị vì được mười tám năm.

Giáp Tý mười một: Ông Tiết, con ông Mang lên ngôi năm Giáp Thìn, trị vì được mười sáu năm.

Bất Giáng: Con ông Tiết, lên ngôi năm Canh Thân, trị vì được năm mươi chín năm.

Ông Quynh: Em của Bất Giáng, lên ngôi năm Kỷ Mùi, trị vì được hai mươi mốt năm.

Giáp Tý mười hai: Ông Cần con ông Quynh, lên ngôi năm Canh Thìn, trị vì được hai mươi năm.

Khổng Giáp: Con của Bất Giáng, thích thờ quỷ thần, dâm loạn, đức nhà Hạ suy kiệt, chư hầu nổi lên làm phản. Ông lên ngôi năm Tân Sử u, trị vì được ba mươi mốt năm (Lúc này vua Thang mới sinh).

Giáp Tý mười ba: Ông Cao, con của Khổng Giáp, lên ngôi năm Nhâm Thân, trị vì được mười một năm.

Ông Phát: Con ông Cao, lên ngôi năm Quý Mùi, trị vì được mười năm (có thuyết nói là mười một năm).

Ông Kiệt: Con ông Phát, tên là Lũ Quý, sủng ái con gái họ Hữu Thi tên là Muội Hỷ. Ông dâm loạn bạo ngược, đam mê tửu sắc, làm nước nhà điêu đứng, muôn dân lầm than, cho những lời can gián là yêu mị, giết Quan Long, Phùng Sở, Hoàng Đồ.

Giáp Tý mười bốn: Hai bề tôi nổi lên phế truất nhà Hạ. Bấy giờ có hai vầng mặt trời che khuất nhau. Vua Thang đánh đuổi Kiệt đến Sào nam và Kiệt chết ở đó. Kiệt thụy là Tặc Nhân, do giết người nhiều nên gọi là Kiệt. Ông lên ngôi năm Nhâm Dần, đóng đô ở An ấp, trị vì được năm mươi hai năm. Cả mười bảy đời vua trên, trị vì cả thảy bốn trăm ba mươi hai năm.

18. Ân Thang:

Lôi thị nói: Ân Thang, Ngoại Bính, Trọng Nhâm, Thái Giáp, Ốc Đinh, Thái Canh, Tiểu Giáp, Ung Kỷ, Thái Tuất, Trọng Đinh, Ngoại Nhâm, Hà Đản Giáp, Tổ Ất, Tổ Tân, Ốc Giáp, Tổ Đinh, Nam Canh, Dương Giáp, Bàn Canh, Tiểu Tân, Tiểu Ất, Vũ Đinh, Tổ Canh, Tổ

Giáp, Lẫm Tân, Canh Đinh, Vũ Ất, Thái Đinh, Đế Ất, Đế Tân, cả thảy ba mươi chín đời vua, trị vì tổng cộng sáu trăm hai mươi chín năm.

Giáp Tý mười lăm. Vua Thang: Ông họ Tử, tiên tổ là con của Cao Tân. là cháu mười bốn đời của ông Khế. Thỉ tổ họ Cao làm quan Tư đồ dưới thời vua Nghiêu.

Vương Hỏa Đức đóng đô ở đất Bạc (Nay là huyện Yển Sư, tức Nghị Thục).

- Chiêu Minh.
- Tương Thổ.
- Xương Sinh.
- Tào Vi.
- Minh.
- Chấn.
- Vi.
- Báo Đinh.
- Báo Ất.
- Báo Bính.
- Chủ Nhâm.
- Chủ Quý. (Sinh ra ông Lý)

Lý: Tự là Thiên Ất, vì ông sinh vào ngày Ất, là cháu hai mươi đời của Hoàng Đế . Cha là ông Khế, mẹ là Giản Địch, do bà ăn phải trứng chim đen, nên phải mổ trên lưng mới sinh được ông. Ông Khế cho rằng nhờ trứng chim đen ấy mà mình có con, nên đặt cho ông là họ Tử. Có thuyết Sư a lại là họ Chúc Đức và Cầm thú.

Vua Kiệt nhà Hạ vô đạo, ông Thang cử Y Doãn làm tướng đem binh phạt Trụ. Đánh Đông thì Tây oán, đánh Nam thì Bắc oán, hồi ấy bị đại hạn đến bảy năm. Ông tự trách mình có sáu tội nên thiêu thân, lúc ấy trời liền đổ mưa. Ông lên ngôi năm Ất Mùi, trị vì được mười ba năm, thọ một trăm tuổi. Ông lấy tháng Sư u làm tháng giêng, gọi năm là Tự. Thời bấy giờ có Bành Tổ, ông họ Tiên tên Khanh, là Hiền đại phu sống đến tám trăm tuổi. Ông rất thích thuật lại việc xưa, húy là Bành Tổ.

Ngoại Bính: Con thứ của vua Thang, trị vì ba năm.

Trọng Nhâm: Em của Ngoại Bính, trị vì được bốn năm.

Thái Giáp: Trưởng tôn của vua Thang, con của Thái Đinh. Ông lên làm vua, do không sáng suốt nên Y Doãn phóng thích ông ở Đồng cung ba năm để hối lỗi. Sau đón ông về đất Bạc, trao quyền Chánh cho ông. Ông trị vì được ba mươi ba năm, ông lập sáu miếu để tế tự (Cao là Nhị Chiêu, Thang là Nhị Mục). Thái Giáp cũng Tế Giao, tế tự, tế Tổ,

tế Tông. (Tế Đế có Đế Khốc, Văn Tổ. Tế Giao có ông Minh, tế ngang với Thiên tổ. Tế Tổ có ông Khế được tế ngang hàng với Văn Tổ, Thái Tổ . Tế Tông có cha ông là vua Thang).

Giáp Tý mười sáu. Ốc Đinh: con của Thái Giáp, lên ngôi năm Tân Tỵ, trị vì được ba mươi năm (được tám năm thì Y Doãn mất).

Thái Canh: Em của Ốc Đinh, trị vì được ba mươi năm (có thuyết nói là hai mươi lăm năm. Trong Cổ Kim ký thì nói là ba mươi lăm năm).

Giáp Tý mười bảy. Tiểu Giáp: Con của Thái Canh, trị vì được mười bảy năm.

Ung Kỷ: Em của Tiểu Giáp (Đạo nhà Ân suy thoái) trị vì được mười hai năm.

Giáp Tý mười tám. Thái Tuất: Em của Ung Kỷ, ban đầu lập ông làm vua, nhưng do vô đạo nên chư hầu nổi lên làm phản. Sau đó cử con của Y Doãn là Trắc lên làm tướng, từ đó đạo nhà Ân hưng thịnh trở lại. Ông trị vì được bảy mươi lăm năm.

Trọng Đinh: con của Thái Tuất. Từ đất Bạc dời đô về Khai Phong, Trần Lưu, trị vì được mười bảy năm (có thuyết nói mười một năm).

Giáp Tý mười chín. Ngoại Nhâm: Em của Trọng Đinh, trị vì được mười lăm năm.

Hà Đản Giáp: Em của Ngoại Nhâm, lại dời đô về đất Tương, nhà Ân lại suy yếu, ông trị vì được chín năm.

Tổ Ất: Con của Đản Giáp, lại dời về đất Đam, nay là huyện Ba thị, tỉnh Hà Đông. Vu Hiền nhậm chức, nhà Ân hưng thịnh, ông trị vì được mười chín năm.

Giáp Tý hai mươi. Tổ Tân, con của Ất, trị vì mười sáu năm.

Ốc Giáp: Em của Tổ Tân, trị vì được hai mươi lăm năm.

Nam Canh: Con của Ốc Giáp, trị vì được hai mươi chín năm.

Dương Giáp: Con của Tổ Đinh, trị vì được mười bảy năm.

Giáp Tý hai mươi mốt. Bàn Canh: Em của Dương Giáp, đổi nhà Ân thành nhà Thương, lại dời đô về đất Bạc, ông trị vì được mười tám năm.

Tiểu Tân: Em của Bàn Canh, trị vì được hai mươi mốt năm. Đạo nhà Ân suy, muôn dân nhớ đến Tiên đế, nên làm ra ba thiên sách nói về Bàn canh.

Giáp Tý hai mươi hai: Tiểu Ất: Em của Tiểu Tân, trị vì hai mươi hai năm.

Vũ Đinh: Con của Tiểu Ất, dùng Truyện Thuyết là tướng; tu đức,

ban bố chánh Sự , thiên hạ đều vui mừng. Kinh thư nói: Cao Tông tự giam mình ba năm, vua chẳng nói một lời. Kinh lễ nói: Để tang ba năm, vua chẳng nói một lời, trăm quan đều nghe lệnh của Trủng Tể Ông trị vì được năm mươi chín năm, thọ một trăm năm, Miếu tên là Cao Tông.

Giáp Tý hai mươi ba: Tổ Canh: Con của Vũ Đinh, trị vì bảy năm.

Tổ Giáp: Em của Tổ Canh. Đạo nhà Thương suy, ông trị vì được mười sáu năm.

Lẫm Tân: Con của Tổ Giáp, trì vì được sáu năm.

Canh Đinh: Em của Lẫm Tân, dời đô về Triều ca, nay là địa phận của Vệ châu. Ông trị vì được hai mươi mốt năm.

Vũ Ất: Con của Canh Đinh, là kẻ vô đạo, khinh mạn thần linh, bạo ngược với dân, đi săn ở đoạn sông Vị bị sét đánh chết. Ông trị vì được bốn năm.

Giáp Tý hai mươi bốn: Thái Đinh, con của Vũ Ất, trị vì được ba năm.

Đế Ất: Con của Thái Đinh, đạo nhà Thương suy, ông trị vì được ba mươi bảy năm.

Giáp Tý hai mươi lăm: Trụ Tân, còn có tên là Thọ. Con út của Đế Ất, em của Khải. Mẹ của Khải nghèo hèn nên Khải không được kế ngôi. Mẹ của Tân là chánh hậu. Vua Trụ lên ngôi, bên trong thì sủng ái Đát Kỷ, bên ngoài thì dùng những kẻ xấu ác, lập ra ao rượu, núi thịt, sai nam nữ trần truồng rượt đuổi nhau trong ấy. Ông lại dựng cung Trường Dạ, tính một trăm hai mươi ngày là một ngày đêm, chế ra hình cụ Bào lạc, moi tim người hiền, chặt chân Triều Thiệp. Chư hầu nổi loạn. Vũ vương đánh Trụ, Trụ nhảy vào hầm lửa mà chết. Ông trị vì ba mươi mốt năm. Nhà Ân có ba người nhân đức là Cơ Tử, Triệt Tử và Thúc Tử Can. Ông lên ngôi năm Đinh Mùi. Ba mươi đời vua trên trị vì tổng cộng sáu trăm hai mươi chín năm.

19. Nhà Chu:

Lôi thị nói: Dưới thì có nhà Chu, từ Văn, Vũ, Thành, Khương, Chiêu, Mục, Cung, Ý, Hiếu, Di Lệ, Tuyên, U, Huề, Bình, Hoàn, Trang, Hy, Tuệ, Tương, Khoảnh, Khuông, Định, Giản, Linh, Cảnh, Điệu, Kính, Nguyên, Trinh, Ai, Khảo, Uy Liệt, An, Di, Hiển, Thánh, Thân Tịnh, Noãn đến Tần Vương gồm ba mươi bảy đời vua, trị vì tám trăm sáu mươi tám năm.

Giáp Tý hai mươi sáu. Văn vương: Họ Cơ, đến Vũ vương thì dời đô về đất Cảo, nay là Kinh Triệu. Vương Mộc Đức, tiên tổ khởi nguyên

từ Hậu Tắc. (Người Phi của Đế Khốc là Khương Nguyên đạp phải dấu chân người khổng lồ mà sinh ra ông. Do ông có nhiều dị tướng, nên bà bỏ ông ở trong hẻm núi, nhưng trâu ngựa chẳng đạp chết mà nó tha về núi cho thú nuôi. Thú tha ông ra bờ sông cho chim mớm ăn. Sau đó bà lại nhặt ông về nuôi, do đó mà ông mang họ Khí (Vứt bỏ). Ông thích những việc trồng trọt. Dưới thời vua Nghiêu ông làm tắc quan, có công lao và được phong ở đất Thai, hiệu là Hậu Tắc.

- Bất Truất.
- Cúc.
- Công Lưu.
- Khánh Tiết.
- Hoàng Bộc.
- Sai Phất.
- Hủy Du.
- Công Phi.
- Cao Ngữ.
- Á Ngữ.
- Công Tổ Loại.

Thái Vương Đản Phụ (còn có tên là Cổ Công). Ông sinh ba người con: Thái Bá, Ngũ Trọng, Quý Lịch. Ông là cha của Văn vương. Ban đầu kinh đô nước này ở đất U, sau Cổ Công dời đô về đất Kỳ. Bá và Trọng biết Cổ Công muốn lập Quý Lịch làm vua, nên chạy trốn đến Kinh Man. Về sau ông quả nhiên truyền ngôi cho Lịch. Trong Cổ Kim ký Thế Kỷ có một vài chỗ khác với Sư Ký.

Xương: Con của Quý Lịch, còn có tên là Đại Vương. Đóng đô ở đất Phong, là Tây Bá của vua Trụ. Ông là người rất mực hiền đức, trị vì được năm mươi năm, thọ chín mươi bảy tuổi, thụy là Trung Tín. Ông rất coi trọng quẻ hào trong bát quái, làm ra Chu dịch:

Càn: Có sáu cung chín số ba mươi sáu lão dương.

Khảm: Có một cung bảy số hai mươi hai thiếu dương.

Cấn: Có tám cung bảy số hai mươi tám thiếu dương.

Chấn: Có ba cung bảy số hai mươi tám thiếu dương.

Tốn: Có bốn cung tám số ba mươi hai thiếu âm.

Ly: Có chín cung tám số ba mươi hai thiếu âm.

Khôn: Có hai cung sáu số hai mươi bốn lão dương.

Đoài: Có bảy cung tám số ba mươi hai thiếu âm.

Mỗi một quái có sáu hào sáu tên thần làm chủ các việc kiết hung, đó là thanh long, chu tước, bạch hổ, huyền vũ, đằng xà, câu trần.

Giáp Tý hai mươi bảy. Bá Di, Thúc tề: Họ Mặc, con của Cô Trúc Quân. Hai ông nghe Tây Bá là người hay nuôi dưỡng người già, nên đến ở với ông. (Ngu Nhuế tranh với Tây Bá, lại xin vua Trụ bãi bỏ cực hình Bào lạc.)

20. Vũ Vương

Vũ Vương là Phát, con của Văn Vương, anh của Chu Công. Khi đã lên ngôi ông thờ Thái Công Vọng làm thầy, Chu Công Đán là phụ thần, bọn Triệu Tất làm kẻ tả hữu, họ cùng bàn mưu đánh Trụ, khởi binh ở Vị Thủy, có đến tám trăm chư hầu không hẹn mà đến, họ đều nói: Trụ thật đáng đánh. Ngày Mậu Ngọ binh đến Mạnh tân. Đêm Quý Hợi bày binh ở Thương Giao. Ngày Giáp Tý lâm chiến ở Mục Dã, quân tiên phong thất trận, giáo vứt đầy đồng, máu chảy thành sông. Cuối cùng ông diệt được nhà Ân bình định thiên hạ, xếp giáo cất gươm, trị vì được bảy năm, thọ chín mươi ba tuổi, an táng ở đất Cảo.

Kinh Lễ nói: Thiên hạ đều có vua, đều chia đất, dựng nước, lập đồ, đặt ấp (Pháp chế ngày xưa, kinh kỳ của vua rộng một ngàn dặm; công là một trăm dặm, hầu là bảy chục dặm, bá, tử, nam là năm mươi dặm, nếu không đủ số dặm ấy chỉ là thành phụ. Nhà Chu đặt ra Pháp chế kinh kỳ của vua là một ngàn dặm, công là năm trăm dặm, hầu là bốn trăm dặm, bá là ba trăm dặm, tử là hai trăm dặm. Nam là một trăm dặm. Nếu không đủ số dặm ấy thì chỉ gọi là Thành phụ. Tống táng người chết thì dùng áo sáp. Trong Thế Bản ghi rằng: Vũ Vương chế ra áo sáp, hình giống cái quạt, đặt bên ngoài quan tài để cho đẹp). Ông lên ngôi năm Ất Mão, lấy tháng Tý làm tháng giêng.

Mười bốn nước chư hầu: Theo thứ lớp được phong tùy theo đời vua. Lôi thị nói: Mười bốn chư hầu là; Trịnh, Tống, Tấn, Ngô, Vệ, Tần, Tề, Lỗ, Trần, Kỷ, Tào, Sái, Yên Triệu, Sở Man.

Ngô Thái Bá: Con của Thái Vương, cùng em là Ngu Trọng chạy đến Kinh Man, cắt tóc rạch thân, làm như mình là kẻ vô dụng để trốn Quý Lịch. Người đất Kinh lập ông làm vua với hiệu là Câu Ngô. Vũ Vương diệt nhà Ân, phong cho Chương làm Ngô Chương, mãi đến con cháu đời thứ mười chín là Thọ Mộng mới xưng vương. Mộng sinh được bốn người con, con thứ là Quý Trát, là người rất mực hiền đức. Mộng muốn lập Trát làm vua, nhưng ông nhường lại cho anh là Chư Phàn, nhưng người nước Ngô một lòng muốn lập Trát, nhưng Trát lại bỏ đi. Sau cùng Sái lập Phong Trát ở Diên lăng. Từ Thái Bá đến Phù Sai tổng cộng được hai mươi lăm đời, cuối cùng bị Việt Vương Câu Tiễn diệt. Từ

Ngô Chương đến Phù Sai là hai mươi mốt đời vua, trị vì được sáu trăm năm mươi lăm năm. Bấy giờ nhằm đời Chu Kính Vương.

Liệt Tử nói: Xưa Ngô Thái Tể hỏi Khổng Tử rằng: Phu Tử là Thánh nhân phải không?

Khổng Tử đáp: Khâu tôi là kẻ học rộng nhớ dai, chứ không phải là Thánh nhân.

Hỏi: Tam vương là Thánh nhân chăng?

Đáp: Tam vương là những người khéo dùng trí và dũng, có phải Thánh nhân hay không thì Khâu này không biết.

Hỏi: Ngũ Đế là Thánh nhân chăng?

Đáp: Ngũ Đế là những người khéo dùng nhân và tín, phải Thánh nhân hay không thì Khâu này không biết.

Hỏi: Tam Hoàng là Thánh nhân chăng?

Đáp: Tam Hoàng là những người khéo dùng chánh Sự hợp thời, phải Thánh nhân hay không thì Khâu này không biết.

Thái Tể thất kinh hỏi: Vậy ai là Thánh nhân?

Phu Tử im lặng giây lát rồi đổi vẻ mặt và nói: Bậc ở phương Tây là Thánh nhân, ông ấy chẳng cần cai trị mà dân chẳng loạn, chẳng nói nhưng ai nấy đều tự tin, chẳng dạy mà ai nấy tự làm theo. Vòi vọi thay! Dân không thể lường biết người ấy được.

Tề Thái Công Vọng: Còn có tên là Lã Thượng, người Đông hải. Ông vốn là họ Khương. Tổ tiên ông phụ giúp vua Vũ trị thủy, do có công nên được phong ở đất Lã. Văn Vương bói toán, quẻ bói hiện điềm tốt gấu bay. Vua đi săn bắn ở sông Vị và gặp ông. Vua thốt lên: Ta đợi ông đã lâu lắm rồi! Nhân đó vua gọi ông là Lã Vọng (đợi người họ Lã). Ông còn có tên là Vũ Sư . Sau khi đánh Trụ, ông được gọi là Thượng Phụ, được phong đất ở Doanh châu (nay là Thanh châu, Lâm truy). Đến khi Tiểu Bạch xưng Hoàn Công, ông mới được xưng Bá. Từ Thái Công xuống đến Đinh Công, Lã Hấp, Ất Công, Quý Công, Ai Công, Hồ Công, Hiến Công, Vũ Công, Lệ Công, Văn Công, Thành Công, Trang Công, Ly Công, Tương Công, Hoàn Công, Hiếu Công, Chiêu Công, Ý Công, Tuệ Công, Khoảnh Công, Linh Công, Trang Công, Cảnh Công, Nhu Tử, Điệu Công, Giản Công, Bình Công, Tuyên Công và Khương thì bị Điền Hòa diệt. Tổng cộng ba mươi đời vua, trị vì bảy trăm bốn mươi bảy năm. Bấy giờ nhằm đời Chu An Vương thứ mười bảy.

Những người như: Quản Trọng, Bào Thúc, Dung Thúc, Án Tử là những người sống trước và sau thời Cảnh Công.

Trần Hồ Công Mãn: Họ Quy, là hậu duệ của Hữu Ngu. Xưa khi

vua Thuấn còn làm thứ dân, vua Nghiêu gả hai người con gái đến đất Quy Nhuế, nhân đó mà lấy họ Quy. Sau khi Vũ Vương diệt nhà Ân, vua bèn đi tìm con cháu của vua Thuấn, cuối cùng tìm được ông Mãn, phong cho ông ở đất Trần để thờ tự Vua Thuấn, đó là Hồ Công. Từ Hồ Công xuống đến Thân, Hoàn, Hiếu, Thận, U, Ly, Vũ, Anh, Bình, Văn, Hoàn, Lệ, Trang, Tuyên, Mục, Cung, Linh, Thành, Ai, Tuệ, Hoài, Mẫn, cả thảy hai mươi ba đời vua, trị vì được sáu trăm năm mươi ba năm. Đời Chu Kính Vương thứ bốn mươi mốt bị Sở diệt.

Tự Đông Lâu Công: Là con cháu của vua Vũ nhà Hạ. Thời nhà Ân có họ được phong, có họ bị diệt. Vũ Vương diệt nhà Ân xong, phong ông ở đất Tự, Trần Lưu (nay là huyện Ung châu). Từ Đông Lâu Công đến Giản Công Xuân, tổng cộng có mười chín đời vua, trị vì năm trăm ba mươi chín năm. Chu Định Vương năm thứ hai mươi bốn bị Sở Tuệ diệt.

Tào Thúc Chấn Đạc: Con thứ sáu của Văn Vương, em của Vũ Vương, được phong ở đất Tào (Nay là huyện Định Đào, Tế Dương). Đến Bá Dương thì ông chỉ thích làm ruộng, săn bắn, bỏ bê chánh Sự . Sau đó thì Tào Bá bội ước với Tấn theo Tống. Từ Chấn Đạc xuống đến Thái Bá, Trọng Quân, Cung Bá, Hiếu Bá, Di Bá, U Công, Dực Bá, Cố Bá, Mục Công, Hoàn, Trang, Hy, Chiêu, Cung, Văn, Tuyên, Thành, Vũ, Bình, Điệu, Tương, Ẩn, Tĩnh, Bá, Dương, tổng cộng hai mươi sáu đời vua, trị vì sáu trăm bốn mươi lăm năm. Chu Kính Vương năm thứ ba mươi ba bị Tống Cảnh Công diệt.

Sái Thúc Độ: Con thứ năm của Văn Vương, em của Vũ Vương. Sau khi diệt nhà Ân, vua phong cho Thúc Tiên ở đất Quản, phong cho Độ ở đất Sái. Vua sai hai ông cùng con vua Trụ là Vũ Canh (còn có tên là Lộc Phụ) cai trị số dân còn lại của nhà Ân. Từ Thúc Độ đến Hầu Tề có tổng cộng hai mươi bảy đời vua, trị vì được năm trăm hai mươi bảy năm. Đến đời của Chu Định Vương thì bị Sở tiêu diệt.

Lỗ Chu Công Đán: Con thứ tư của Văn Vương. Sau khi Vũ Vương diệt nhà Ân, ông được vua phong đất ở nơi mộ của Thiếu Hạo (nay là huyện Tiên Nguyên, Duyên châu), nhưng ông không đến đó mà ở lại phụ giúp Vũ Vương. Sau khi Vũ Vương mất, ông phụ chánh cho Thành Vương. Ông sai con là Bá Cầm thay mình đến đất Lỗ. Ông thành thật bảo Cầm rằng: Ta là con của Văn Vương, em của Vũ Vương, chú của Thành Vương, đối với thiên hạ cũng đâu phải là hạng tiện dân, nhưng một lần tắm chỉ ba lần vuốt tóc, một bữa ăn chỉ ba lần nhai cơm, thức dậy là chờ kẻ sĩ vì sợ mất những người hiền trong thiên hạ. Con đi qua

đất Lỗ chớ có làm kẻ kiêu mạn của đất nước. Bá Cầm nghe dạy xong vâng lời cha đi qua đất Lỗ. Từ Bá Cầm xuống đến Khảo, Dương, U, Ngụy, Lệ, Hiến, Chân, Vũ, Ý, Bá, Ngự, Hiếu, Tuệ, Ẩn, Hoàn, Trang, Mẫn, Hy, Văn, Tuyên, Thành, Tương, Chiêu, Định, Ai, Điệu, Nguyên, Mục, Cung, Khương, Cảnh, Bình, Văn, Khoảnh, cả thảy ba mươi bốn đời vua trị vì chín trăm mười lăm năm. Đến Tần Trang Tương Vương năm đầu, bị Sở là Khảo Liệt Vương diệt.

Thời Ẩn Công - Xuân Thu thì Ai Công mất, Ai Công năm thứ mười sáu thì Khổng Tử mất.

Yên Triệu Công Thích: Cùng họ với nhà Chu, Vũ Vương diệt xong nhà Ân, ông được phong ở đất Yên. Thời Thành Vương, ông làm chức tam công, làm chủ vùng Thiểm tây, rất được lòng dân. Ông đi tuần thú đến Hương ấp, xỉa chân rơi xuống vực thẳm dưới cây Cam đường mà chết. Triệu chết, nhân dân thương nhớ ông không dám chặt cây Cam đường, mà làm Cam đường thi để tưởng nhớ ông. Từ Triệu Công xuống đến Chiêu, Tuệ, Vũ, Thành, Hiếu tổng cộng ba mươi bảy đời vua, trị vì được tám trăm chín mươi bốn năm, cuối cùng bị Tần Thủy Hoàng diệt.

21. Thành Vương

Tên là Tụng, con của Vũ Vương, đóng đô ở đất Lạc. Ông lên ngôi năm mười ba tuổi, quyền chính do Chu Công nắm giữ. Chu Công chế lễ làm ra nhạc, thiên hạ rất thái bình. Bảy năm sau ông trao quyền chánh lại cho vua. Ông bói xem thấy quẻ ứng đến ba mươi đời và bảy trăm năm, vua trị vì được bốn mươi bảy năm. Chu Công định lại lễ nhạc của vua tôi, được Thành Vương hết lời khen ngợi. Ông đặt ra Tam Công (Thái Sư , Thái phó, Thái bảo), Cữu Khanh (1. Thái thường: Coi về âm nhạc; 2. Quang lộc: Coi về bàn soạn, tiệc tùng; 3. Đại lý: Coi về hình luật; 4. Tông chánh: Coi về những người trong hoàng thân; 5. Thái phủ: Coi về kho, đụn; 6. Tư nông: Coi về việc trồng trọt; 7. Hồng lô: Coi về khách khứa; 8. Thái bộc: Coi về xe, ngực; 9. Vệ úy: Coi về việc sắp đặt.). Hai mươi bảy đại phu (có chín phẩm, mỗi phẩm có ba người), tám mươi mốt Nguyên sĩ, định lại ngũ hình, lập ra thất miếu (bảy miếu). Kinh Lễ nói: Vua đặt ra Thiên tử thất miếu gồm Tam Chiêu , Tam Mục và Thái Tổ thì thành Thất miếu.

Lời chú rằng: Đó là nhà Chu đặt ra. Thất miếu, gồm: Thái Tổ, Văn Diêu, Vũ Diêu cùng bốn thanh miếu. Thái Tổ tức là Xã tắc. Chiêu nghĩa là sáng suốt, chỉ cho người giám sát những kẻ dưới. Mục nghĩa là cung kính, chỉ cho người kính trọng người trên. Thái Tổ thì miếu ở

hướng Tây, quay mặt về Đông. Tam Chiêu thì quay mặt về Nam. Tam Mục thì quay mặt về Bắc. Mục là đứng đầu trong tàng văn miếu. Chiêu đứng đầu trong tàng võ miếu. Lúc có cúng tế thì thỉnh ra để trên đàn mà tế. Văn Diêu, Vũ Diêu được tế trong triều. Thường thì được tế vào tháng đầu tiên của bốn mùa. Thời Ngũ đại thì Tổ là người lớn nhất được thờ trong Diêu, khi có cúng tế mới thỉnh ra để cúng, không cúng tế thì không thỉnh ra.

Trong phép cúng tế có nói: Cúng tế có bốn mùa, tế vào mùa Xuân thì gọi là Thược bạc. Tế vào mùa Hạ thì gọi là Đế đệ. Tế vào mùa Thu thì gọi là Thường (nếm mùi vị của trăm thứ trái, hạt). Tế vào mùa Đông thì gọi là Chưng tiến (tiến dâng phẩm vật). Thiên tử thì tế trời đất, mỗi năm chín lần tế, trong đó có ba lần tế Trời, sáu lần tế Ngũ phương, Đại đế. Chư hầu thì tế Xã tắc. Đại phu thì tế Ngũ tự. Chư hầu có Ngũ miếu (Thái Tổ cùng Nhị chiêu và Nhị Mục). Đại phu có Tam miếu (Thái Tổ cùng Nhất Chiêu và Nhất Mục). Thích sĩ, Quan, Sư có hai miếu. Thứ sĩ có một miếu. Thứ dân không có miếu chỉ tế ở trong nhà. Tế Giao, tế Đế, tế Tổ, tế Tông (Tế Đế có Đế Khốc, Văn Tổ, Tế Văn Tổ ngang với Thái Tổ. Tế Giao có ông Tắc tế ngang với trời, tế Tổ là tế Văn Vương, tế Tông là cha ông tức Vũ Vương). Thành Vương tế ba lễ. (Tế trời gọi là tế, tế đất gọi là tự, tế người tế quỷ thần gọi là hưởng). Ông lập ra Minh đường (là cung để ban bố chánh Sự, ngoài rộng ba dặm, trong rộng bảy dặm. Đông Tây có chín chỗ ngồi, Nam bắc có bảy chỗ, Đông tây có chín gian, nam bắc cũng như vậy. Phần trên tròn biểu trưng cho trời, phần dưới vuông tượng trưng cho đất, tám cửa tượng trưng cho tám thứ gió, bốn cửa chính tượng trưng cho bốn mùa, chín gian tượng trưng cho chín châu, mười hai bậc thềm tượng trưng cho mười hai tháng, ba mươi sáu gian nhỏ tượng trưng cho ba trăm sáu mươi ngày, bảy mươi hai cửa sổ tượng trưng cho bảy mươi hai khí. bốn miếu chín gian, tổng cộng có mười ba vị trí).

Ông chế ra các thứ trang phục như: Mũ miện, tua mũ, áo Cổn (áo lễ phục của vua). Mặt trời, mặt trăng, sao tượng trưng cho Sự sáng suốt. Rồng tượng trưng cho Sự biến hóa, biểu trưng cho Thánh đức. Hoa trùng (giống như con chim Trĩ) tượng trưng cho văn. Rau tảo (một loại cỏ sống dưới nước) tượng trưng cho Sự thanh khiết. Bột gạo tượng trưng cho Sự nuôi dưỡng người khác. Núi, quý trọng tính lặng yên mà không quý thế đứng. Lửa, quý trọng đến cái thần mà không quý cái tính lanh lợi. Hổ, vị, tượng trưng cho đức hiếu. Phủ (hình như cái búa thêu hoa nửa đen nửa trắng) biểu trưng cho Sự quyết đoán. Phát (hình giống hai chữ Dĩ

áp lưng nhau thêu hoa nửa đen nửa xanh, biểu trưng cho khả năng biện bác. mười hai biểu tượng ấy được thêu trên lễ phục của vua. Ông lên ngôi năm Bính Tuất.

22. Tắc Thần:

Xưa con của họ Lệ Sơn tên là Quế rất giỏi trong việc trồng ngũ cốc. Trước thời vua Vũ nhà Hạ, các vua đều tế tự ông ngang hàng với Tắc thần. Từ đời Chu Công thì Hậu Tắc thay.

Dọn đất làm thành, đắp đất làm thành, quỷ có nghĩa là quy.

Thỉ Thái Tổ Nguyên Khương Tiên Mẫn Phi Cung.

Dời Tông chư tế hợp tế với để ở tiên Hậu đây vương Tắc

Mục Văn Vương Là Thế Tổ thứ 14 của nhà Chu Chiêu Vũ Vương là Thế Tổ thứ 15 của nhà Chu.

Cha của Mục Hoàng cũng gọi là Tằng Tổ Cha của Chiêu cũng gọi là Cao Tổ.

Cha của Mục Thân gọi là Nỉ Bia Đình Cha của Chiêu Vương cũng gọi là Tổ.

23. Bình Phong

Từ nhà Chu trở về sau đều có tế tự. Tế tự người đầu tiên gieo trồng ngũ cốc để báo đáp công lao của ông. Ngũ cốc là đạo, lương, thúc, mạ, mạch. Từ đó mà phân thành trăm thứ lúa đậu.

24. Bốn nước chư hầu:

Tống, Tấn, Vệ, Sở, bốn nước được Thành Vương phong. Nước cùng họ với vua, người lớn nhất là Bá phụ, nhỏ nhất là Thúc phụ. Nước khác họ với vua, người lớn nhất là Bá cửu, người nhỏ nhất là Thúc cửu.

Tống Vi Tử Khải: Anh thứ của vua Trụ, khi Vũ Vương diệt nhà Ân, Khải bèn đem đồ tế lễ bày ở trước cửa quân, cởi trần, cúi mặt, tay trái dẫn con dê, tay phải cầm cỏ tranh, quỳ lê tới trước, vì vậy Vũ Vương tha cho Vi Tử, phong cho con vua Trụ là Vũ Canh tế tự nhà Ân. Vũ vương sai Quản Thúc, Sái Thúc dạy dỗ Canh. Vũ Vương mất, Chu Công phụ giúp Thành Vương, nhà Ân trái lệnh vua giết chết Vũ Canh, rồi phong cho Khải thay Canh, đối nước nhà Tống (nay là Tuy Dương). Về sau đến Tương Công mới xưng bá. Từ Khải xuống đến Vi, Trọng,

Khể, Đinh, Mẫn, Thang, Lệ, Ly, Tuệ, Tương, Đái, Vũ, Tuyên, Mục, Thương, Trang, Mẫn, Cô, Hoàn, Tương, Thành, Chiêu, Văn, Cung, Bình, Nguyên, Cảnh, Chiêu, Điệu, Phục, Tích, Biệt, Thành. Yển Công xưng vương dâm loạn vô đạo, chư hầu, cùng Tề, Ngụy, Sở đánh phạt và chia ba đất nước. Nhà Tống gồm ba mươi ba đời vua, trị vì tám trăm ba mươi năm. Bấy giờ là đời Chu Noãn Vương năm thứ ba mươi chín.

Tấn Thúc Ngu: Tự là Tử Can, con của Vũ Vương, em của Thành Vương. Thành Vương thuở nhỏ cùng Thúc Ngu chơi đùa, Thành lấy lá ngô đồng làm Ngọc Khuê đưa chu Ngu và nói: Ta phong Vương cho mày đấy! Lại hầu nhân đó mới xin Vũ chọn ngày lập Thúc Ngu làm vua. Vũ nói: Ta chỉ nói đùa mà thôi! Hầu nói: Vua đâu có nói chơi! Do đó bèn phong Ngu ở đất Đường. (Nay là họ Bì ở Hà Đông). Cao Thúc Ngu là Tiếp (đó là Tấn Hầu) đến khi Hiến Công diệt được nước Quắc thì mới lập đô. Sau này đến Văn Công Trùng Nhĩ mới xưng Bá. Từ Thúc Ngu xuống đến Tiếp, Vũ, Thành, Lệ, Tĩnh, Ly, Hiến, Mục, Thương, Văn, Chiêu, Hiếu, Ngạc, Ai, Mẫn, Hiến, Tuệ, Hoài, Văn, Tương, Linh, Thành, Cảnh, Lệ, Điệu, Bình, Chiêu, Khoảnh, Định, Xuất, Ai, U, Liệt, Hiếu, Tĩnh Công, cả thảy ba mươi sáu đời vua trị vì bảy trăm bốn mươi chín năm. Thời Chu An Vương bị Hàn, Ngụy, Triệu diệt.

Vệ Khương Thúc: Con thứ chín của Văn Vương, em cùng mẹ với Vũ Vương. Thành Vương giao ông số dân thừa của nhà Ân cho ông nắm giữ, phong Khương Thúc làm vệ công, trú tại Hà kỳ (xưa là Thương khâu). Đến đời Nguyên Công thì dời qua huyện Dã vương (nay là Hà nội). Từ Khương Thúc xuống đến Khương, Bá, Hiếu, Tự, Khương, Tĩnh, Chân, Khoảnh, Ly, Cung, Vũ, Trang, Hoàn, Tuyên, Tuệ, Tân, Ý, Văn, Thành, Cung, Mục, Định, Hiến, Thương, Tương, Linh, Xuất, Trang, Ban, Khởi, Điệu, Kính, Chiêu, Hoài, Thận, Thanh, Thành, Bình, Công, Tự, Hoài, Nguyên, Quân, Giác cả thảy bốn mươi ba đời vua, trị vì chín trăm năm. Cuối cùng bị Tần Nhị Thế phế ngôi, Giác bị phế làm dân thường.

Sở Hùng Dịch: Con cháu của Hiên Viên. Đến Quý Liên lấy họ Lao, thì con cháu sau này là Hùng Dịch. Thành Vương tiến cử những hậu duệ văn võ giỏi, nên Dịch được phong ở Sở man (nay là huyện Chi giang, Giang lăng).

Đến đời Thân Quân thì dời đô về Thọ xuân. Từ Dịch đến Phụ Sô, cả thảy hai mươi lăm đời vua, trị vì bảy trăm tám mươi chín năm. Cuối cùng đất nước về tay nhà Tần.

24. Khương Vương:

Tên là Chiêu, con của Thành Vương, Triệu Công, Tất Công nhận di lệnh của Thành Vương phải giúp đỡ ông. Hai đời vua trước, đất nước thái bình, không dùng hình hơn bốn mươi năm. Ông lên ngôi năm Quý Hợi, trị vì được năm mươi hai năm.

■